A DI ĐÀ KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA

QUYỂN IX

Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa

阿彌陀經疏鈔演義

卷九

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講
越文版

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

(blank page)

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Quyển IX

阿彌陀經疏鈔演義

卷九

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講
Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán
Thời gian: Tháng 12 năm 1984
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Tập 253

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm:

(Sao) Bát tùng liên sanh giả.
(鈔)八從蓮生者。
*(**Sao**: "Tám phẩm sanh từ hoa sen").*

Tiếp đó, giải thích: Có những kẻ chấp trước văn tự trong kinh điển, thấy trong chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh chẳng nói đến hoa sen, từ thượng trung phẩm cho đến hạ hạ phẩm đều nói có hoa sen. Do vậy bèn chấp trước: Trong chín phẩm chỉ có tám phẩm là hóa sanh trong hoa sen, thượng thượng phẩm chẳng có hoa sen. Ở đây, Liên Trì đại sư trích dẫn khá nhiều kinh văn để chứng tỏ Thượng Phẩm Thượng Sanh cũng có hoa sen.

(Sao) Cứ Quán Kinh thượng phẩm thượng sanh văn vân: "Tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài", độc vô "liên hoa" nhị tự, cố ngôn

"hạ chi bát phẩm, nãi tùng liên sanh".

(鈔)據觀經上品上生文云：自見其身，乘金剛臺。獨無蓮華二字，故言下之八品，乃從蓮生。

*(**Sao**: Căn cứ theo kinh văn trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh có nói: "Tự thấy thân mình ngồi đài kim cang", chỉ riêng phẩm này chẳng có hai chữ "hoa sen"; vì thế nói: Tám phẩm dưới đó mới là sanh từ trong hoa sen).*

Nghi vấn phát xuất từ chỗ này. Thật ra, đây chính là đã trái nghịch giáo huấn Tứ Y của đức Phật. Trong Tứ Y Pháp đã nói rất rõ ràng, dạy chúng ta hãy *"y nghĩa, đừng y ngữ".*

(Sao) Nhiên kinh luận sở minh, lịch lịch giai thuyết sanh Tây Phương giả, câu tùng liên sanh.

(鈔)然經論所明，歷歷皆說生西方者，俱從蓮生。

*(**Sao**: Nhưng kinh luận đã nói rõ, đều bảo rành rành: Người sanh về Tây Phương đều sanh từ hoa sen).*

"Câu" (俱) có nghĩa là nói: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận phẩm vị cao hay thấp, cho đến vãng sanh trong Biên Địa, đều là hóa sanh trong hoa sen.

(Sao) Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân.

(鈔)大本法藏願云。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng).*

Trích dẫn phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Vô ương số thế giới, chư thiên nhân dân, dĩ chí quyên nhuyễn.

(鈔)無央數世界，諸天人民，以至蜎蝡。

*(**Sao**: Vô ương số thế giới, chư thiên, nhân dân, cho đến loài côn trùng ngọ nguậy).*

"Quyên nhuyễn" (蜎蝡) chỉ tiểu động vật, chúng ta hay nói chúng là nhuyễn thể tiểu động vật (軟體小動物: động vật nhỏ thân mềm), là một

loại côn trùng.

(Sao) Sanh ngã sát giả, giai ư thất bảo trì nội, liên hoa trung hóa sanh, ngôn "giai", tắc khái cử cửu phẩm.

(鈔)生我剎者，皆於七寶池內，蓮華中化生，言皆，則概舉九品。

*(**Sao**: Sanh về cõi ta, đều ở trong ao bảy báu, hóa sanh trong hoa sen. Nói là "đều" tức là nói chung cả chín phẩm).*

Nếu trong đó có một loại chẳng phải là hóa sanh trong hoa sen, sẽ chẳng thể dùng chữ Giai (皆: đều). Đã dùng chữ Giai thì toàn bộ đều được bao gồm, trong ấy chẳng có sai biệt. Từ trong bổn nguyện của Phật Di Đà, chẳng nói loại vãng sanh nào không có hoa sen!

(Sao) Hựu vân: "Tha phương chư đại Bồ Tát, dục kiến A Di Đà Phật giả, kính ư bỉ quốc thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh". Ngôn "đại Bồ Tát", tắc tất phi trung hạ hỹ.

(鈔)又云。他方諸大菩薩，欲見阿彌陀佛者，徑於彼國七寶池內，蓮華化生。言大菩薩，則必非中下矣。

*(**Sao**: Lại nói: "Các vị đại Bồ Tát từ phương khác muốn thấy A Di Đà Phật, bèn nhanh chóng hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu của cõi đó". Nói là "đại Bồ Tát", ắt chẳng phải là trung hạ căn).*

Đoạn văn này nêu thêm một chứng cứ phụ. *"Tha phương chư đại Bồ Tát"* (Các vị đại Bồ Tát ở phương khác). Trong kinh luận có thói quen là nếu thêm chữ Đại vào trước Bồ Tát, chắc chắn vị ấy là Địa Thượng Bồ Tát thì mới gọi là Đại. Đó là một thông lệ trong Phật môn. Chúng ta thường gọi các Ngài là Bồ Tát Ma Ha Tát. Ma Ha (Mahā) là Đại, đại Bồ Tát được nói ở đây chính là Ma Ha Tát (Mahāsattva). Nói Bồ Tát tức là nói tới [các Bồ Tát thuộc những địa vị] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, đó là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền. Lên cao hơn, từ Sơ Địa trở lên, chúng ta đều gọi [các Ngài] là Đại Bồ Tát. Đăng Địa Bồ Tát (Bồ Tát kể từ Sơ Địa trở lên) vãng sanh, tuyệt đối chẳng phải là bậc trung hay bậc hạ, quyết định là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì thế, phần kinh văn này nói *"cũng là hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu"*, có thể cung cấp cho chúng ta thêm một bằng chứng:

Thượng Phẩm Thượng Sanh cũng là hóa sanh trong hoa sen.

(Sao) Hựu vân: "Kỳ thượng bối giả, mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, tất lai nghênh trí, tức ư thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh". Ngôn "thượng bối", tức chánh đối thượng phẩm hỹ, tịnh vô tối thượng bất liên chi ý.

(鈔)又云：其上輩者，命欲終時，佛與聖眾，悉來迎致，即於七寶池內，蓮華化生。言上輩，即正對上品矣，並無最上不蓮之意。

*(**Sao**: Lại nói: "Bậc thượng là khi mạng sắp chấm dứt, Phật và thánh chúng đều đến đón, liền ở trong ao bảy báu, hóa sanh trong hoa sen". Đã nói là "bậc thượng", tức là tương ứng khít khao với thượng phẩm [trong Quán Kinh], trọn chẳng có ý nghĩa "phẩm bậc vãng sanh tối thượng chẳng có hoa sen").*

Nhìn từ kinh văn, chúng ta chẳng thấy "thượng thượng phẩm vãng sanh không có hoa sen", chẳng thấy ý nghĩa ấy! Những điều đã dẫn chứng trên đây đều trích từ kinh Vô Lượng Thọ. Ba đoạn dưới đây trích dẫn từ các kinh điển khác để chứng minh.

(Sao) Hựu Pháp Hoa vân: "Văn thử kinh điển, như thuyết tu hành, mạng chung tức vãng Cực Lạc thế giới. A Di Đà Phật, đại Bồ Tát vi nhiễu trụ xứ, sanh liên hoa trung, đắc Bồ Tát thần thông, Vô Sanh Pháp Nhẫn". Phù đắc Vô Sanh Nhẫn, phi thượng thượng phẩm hồ?

(鈔)又法華云：聞此經典，如說修行，命終即往極樂世界，阿彌陀佛大菩薩圍繞住處，生蓮華中，得菩薩神通，無生法忍。夫得無生忍，非上上品乎？

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Pháp Hoa nói: "Nghe kinh điển này, tu hành đúng như lời dạy, mạng chung liền về thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở, sanh trong hoa sen, đắc thần thông của Bồ Tát và Vô Sanh Pháp Nhẫn". Phàm là người đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, há chẳng phải là thượng thượng phẩm ư?)*

Kinh Pháp Hoa nói như vậy. Chúng ta đọc kinh điển, từng câu, từng chữ phải đọc cho kỹ, muôn vàn chớ nên sơ sót! Thường là sai lầm

một chữ, hay một câu, chúng ta sẽ hiểu sai be bét ý nghĩa, tạo thành sai lầm rất lớn. Có những kẻ thấy kinh văn nói như thế đó, vì đọc kinh [thấy nói] kinh Pháp Hoa có công đức rất lớn, bèn niệm kinh Pháp Hoa. Còn có cái thói được truyền từ ngoại quốc sang, chẳng niệm toàn bộ bản kinh, chỉ niệm tựa đề kinh *"Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh"*[1], có được hay không? Đối với chỗ này, chư vị nhất định phải biết, quý vị thấy kinh nói rõ ràng: *"Như thuyết tu hành"* (Tu hành đúng như lời dạy). Nghe kinh điển này mà nếu chẳng thể tu hành đúng theo lời dạy, vô dụng! Cho dù hằng ngày nghiêm túc đọc tụng, giống như các vị đại đức thời cổ có rất nhiều vị mỗi ngày niệm một bộ kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa niệm rất nhuần nhuyễn, có thể niệm thuộc lòng, đại khái là niệm một bộ cũng phải mất ba, bốn tiếng đồng hồ, kinh văn của kinh này có phân lượng nhiều. Điều khẩn yếu là tu hành! Không chiếu theo giáo huấn trong kinh điển ấy để tu hành, [chỉ niệm suông] chẳng có tác dụng! [Niệm tụng suông thì chỉ] tốt lành nơi cái miệng mà thôi! Chúng ta ắt cần phải thấy rõ ràng chuyện này. Tôi khuyên mọi người "kẻ sơ học phải đọc kinh, phải niệm kinh cho nhuần nhuyễn", đó là giai đoạn thứ nhất. Vì nếu chẳng thông thuộc kinh, chẳng ghi nhớ, nói đến chuyện tu hành sao được! Ắt cần phải nhớ rất thuần thục giáo huấn trong kinh điển, [để rồi] trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta gặp sự, gặp người, gặp vật, khởi tâm động niệm, ngay lập tức có thể nghĩ xem trong kinh đức Phật đã dạy

---

[1] Đây là chủ trương của Nhật Liên, sáng tổ Nhật Liên Tông (Tân Pháp Hoa Tông) của Nhật Bản. Nhật Liên Tông chủ trương niệm tựa đề kinh (Namu-Myoho-Renge-Kyo), không niệm Phật (trong Lập Chánh Hộ Quốc Luận, Nhật Liên cực lực đả kích Thiền, Chân Ngôn, Tịnh Độ và Thiên Thai, kết án các pháp môn ấy là những cách tu hành vô ích, khiến cho hành nhân đọa lạc, dẫn đến tình trạng suy vong của Nhật Bản vào thời ấy), không thờ tượng Phật, chỉ niệm đề mục kinh là đủ. Họ thờ Gohonzon Daimoku (Ngự Bổn Tôn Đề Mục), tức là một bản viết tay của chính Nhật Liên, viết bằng chữ Hán, chính giữa đề Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, chung quanh đề danh hiệu của chư Phật, như Đa Bảo Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật, Thập Phương Chư Phật, Thượng Hạnh Bồ Tát, Tịnh Hạnh Bồ Tát, Vô Biên Hạnh Bồ Tát, An Lạc Hạnh Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát… các vị hộ pháp như A Tu La Vương, Nhật Thiên, Đại Phạm Thiên, tứ long vương, các vị Thanh Văn như Xá Lợi Phất, Ca Diếp… các vị tổ sư như Thiên Thai Trí Giả đại sư, Long Thọ Bồ Tát.., các vị minh vương như Ái Nhiễm Minh Vương, Bất Động Minh Vương… Cách hành trì trong Nhật Liên Tông (cũng như trong các chi phái về sau như Nhật Liên Chân Tông, Sáng Giá Học Hội v.v…) chủ yếu là trì niệm đề mục kinh, hiếm khi trì nguyên vẹn bộ kinh Pháp Hoa như Thiên Thai Tông của Nhật Bản. Thông thường, trong thời khóa, họ chỉ đọc hai phẩm là phẩm Phương Tiện và Như Lai Thọ Lượng.

chúng ta làm như thế nào. Nương theo giáo huấn trong kinh điển để làm tiêu chuẩn hòng tu chỉnh cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm sai lầm của chính mình, đó là *"như thuyết tu hành"* (tu hành đúng theo lời dạy). Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có nói tới cúng dường; trong ấy cũng nói: *"Chư cúng dường trung, pháp cúng dường vi tối"* (Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là cao tột nhất). Pháp cúng dường có tất cả bảy điều, điều đầu tiên là *"như thuyết tu hành cúng dường"* (cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy). Có thể thấy là: Chẳng thể thật sự làm, sẽ chẳng có tác dụng! Nếu thật sự làm, dùng tiêu chuẩn trong kinh điển để uốn nắn tư tưởng và hành vi của chúng ta, khi mạng chung, hy vọng đến thế giới Cực Lạc, hy vọng thấy A Di Đà Phật, nguyện ấy nhất định chẳng xôi hỏng bỏng không! Không chỉ là học Pháp Hoa, học bất cứ kinh luận gì cũng đều có thể, vì những điều được nói trong hết thảy kinh luận Đại Thừa đều là tiêu chuẩn của chư Phật Như Lai. Do vậy, nương theo kinh luận Đại Thừa để tu học, chính là *"thường tùy Phật học"*, tức là học theo Phật. Chúng ta nương theo kinh Vô Lượng Thọ, hoặc nương theo Tịnh Độ Tam Kinh, hoặc Ngũ Kinh để tu học, sẽ là trực tiếp học tập với A Di Đà Phật, mà cũng là chúng ta học theo A Di Đà Phật, lấy A Di Đà Phật làm tiêu chuẩn cho tâm hạnh của chính mình. Do vậy, đây là một câu nói hết sức quan trọng trong đoạn này.

(Sao) Hựu Hạnh Nguyện phẩm, Phổ Hiền Bồ Tát dĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, nhi viết: "Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh".

(鈔)又行願品，普賢菩薩以十大願王導歸極樂，而曰：彼佛眾會咸清淨，我時於勝蓮華生。

*(**Sao**: Lại trong phẩm Hạnh Nguyện, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đã nói: "Chúng hội Phật ấy đều thanh tịnh, lúc ấy, ta sanh trong hoa sen thù thắng").*

"Bỉ Phật" là A Di Đà Phật, *"chúng hội"* là Liên Trì hải hội, Phật và Bồ Tát đều thanh tịnh. *"Ngã thời ư thắng liên hoa sanh"* (Khi ấy, ta sanh trong hoa sen thù thắng): Phổ Hiền Bồ Tát vãng sanh bèn hóa sanh trong hoa sen. Phổ Hiền là Hậu Bổ Phật của Tỳ Lô Giá Na Phật trong hội Hoa Tạng, là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo. Xin hỏi Ngài sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì là phẩm vị gì? Đương nhiên là

thượng thượng phẩm, còn có gì tranh cãi nữa chăng? Đấy là do Phổ Hiền Bồ Tát đích thân nói ra: Ngài sanh về thế giới Cực Lạc, hóa sanh trong hoa sen. Đó là trực tiếp chứng minh: Tuy Quán Kinh chẳng nói thượng thượng phẩm hóa sanh trong hoa sen, nhưng Phổ Hiền Bồ Tát đã bảo: Thượng phẩm thượng sanh là hóa sanh trong hoa sen.

(Sao) Phù Phổ Hiền vãng sanh, phi thượng thượng phẩm hồ?

(鈔)夫普賢往生，非上上品乎？

*(**Sao**: Ngài Phổ Hiền vãng sanh, há chẳng phải là thượng thượng phẩm ư?)*

Đấy là đạo lý nhất định.

(Sao) Hựu Bảo Tích minh thập tâm hồi hướng, hậu đắc liên hoa hóa sanh. Phù thập tâm Bồ Tát, phi thượng thượng phẩm hồ? Dĩ thị tham khảo, xác hữu minh chứng.

(鈔)又寶積明十心回向，後得蓮華化生。夫十心菩薩，非上上品乎？以是參考，確有明證。

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Bảo Tích nói mười tâm hồi hướng; sau đấy, sẽ được hóa sanh trong hoa sen. Hàng Bồ Tát viên mãn mười tâm ấy há chẳng phải là thượng thượng phẩm ư? Dùng những điều ấy để tham khảo, đích xác là có chứng cứ rõ rệt).*

Vì thế, những vị Bồ Tát ấy xác thực là đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là thượng thượng phẩm.

(Sao) Vấn: Quả nhĩ, tắc thượng thượng văn trung, hà dĩ viết kim cang đài, bất viết liên hoa?

(鈔)問：果爾，則上上文中，何以曰金剛臺，不曰蓮華。

*(**Sao**: Hỏi: Nếu đúng là như vậy, cớ sao kinh văn giảng về thượng thượng phẩm lại nói là đài kim cang, chẳng nói là hoa sen?)*

"Quả nhĩ" (果爾) [nghĩa là] quả nhiên là như thế. Vì sao kinh văn của phần thượng thượng phẩm trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chẳng nói hoa sen, mà nói là đài kim cang? Đại sư giả lập một đoạn vấn

đáp nhằm giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Sao) Đáp: Văn hỗ hữu vô, bất túc nệ cố.

(鈔)答：文互有無，不足泥故。

*(**Sao**: Đáp: Văn lần lượt có nói hoặc không, chẳng đáng để câu nệ).*

Hai câu này chính là *"y nghĩa, bất y ngữ"* trong Tứ Y Pháp; chớ nên chấp trước văn tự! Trong văn tự có tỉnh lược, nhưng ý nghĩa viên mãn, phải hiểu đạo lý này.

(Sao) Hà dĩ tri chi? Thượng phẩm trung sanh, diệc viết thừa tử kim đài.

(鈔)何以知之？上品中生，亦曰乘紫金臺。

*(**Sao**: Vì đâu mà biết? Trong [phần kinh văn nói về] thượng phẩm trung sanh cũng nói là "ngồi đài tử kim").*

Có thể thấy: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hóa sanh trong hoa sen. Trong hoa sen, nhất định có đài sen. Vì thế, [kinh nói hành nhân thượng phẩm trung sanh] ngồi trên đài tử kim.

(Sao) Hựu tương viết thất tùng liên sanh hồ? Huống trung phẩm chi hạ, diệc đản vân "thử nhân mạng chung, thí như tráng sĩ khuất thân tý khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới", văn trung tịnh vô "liên hoa" nhị tự, hựu tương viết lục tùng liên sanh hồ?

(鈔)又將曰七從蓮生乎？況中品之下，亦但云此人命終，譬如壯士屈伸臂頃，即生西方極樂世界，文中並無蓮華二字，又將曰六從蓮生乎？

*(**Sao**: [Cứ câu nệ theo văn tự như vậy] sẽ lại nói [chỉ có] "bảy phẩm sanh từ liên hoa" ư? Huống chi trong phần trung phẩm hạ sanh cũng chỉ nói: "Người ấy mạng chung, ví như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới". Do kinh văn trọn chẳng nói đến hai chữ "hoa sen", bèn bảo là [chỉ có] "sáu phẩm sanh từ hoa sen" ư?)*

Cứ [câu nệ] theo văn tự để nói, vấn đề trong ấy sẽ khá nhiều! Vì thế, có chỗ nói rõ, có chỗ tỉnh lược, nhất định phải hiểu ý nghĩa này.

(Sao) Phù ký dĩ bất liên vi thắng, tắc trung hạ liệt phẩm, hà dĩ bất liên?

(鈔)夫既以不蓮為勝，則中下劣品，何以不蓮？

*(**Sao**: Nếu đã coi "chẳng có hoa sen là thù thắng", cớ sao trung phẩm hạ sanh[2] là phẩm vị kém cỏi lại chẳng có hoa sen?)*

"Bất liên" (不蓮) là chẳng có hoa sen. Nếu coi chẳng có hoa sen là tối thắng, [do viện cớ] thượng thượng phẩm chỉ có kim cang đài, chẳng có hoa sen; [cứ cho rằng] "chẳng có hoa sen là tối thắng", nếu quý vị nghĩ kiểu đó, ở đây, đại sư liền chất vấn: Cớ sao trung phẩm hạ sanh là phẩm vị kém cỏi lại chẳng có hoa sen?

(Sao) Hựu trung phẩm chi thượng, độc viết "liên hoa đài", kỳ kim cang đài, tử kim đài chi loại hồ? Kỳ liên hoa chi loại hồ? Thác tạp bất luân, tấn thoái vô cứ.

(鈔)又中品之上，獨曰蓮華臺，其金剛臺紫金臺之類乎？其蓮華之類乎？錯雜不倫，進退無據。

*(**Sao**: Lại nữa, đối với trung phẩm thượng sanh, chỉ nói là "liên hoa đài", vậy là cùng loại với kim cang đài và tử kim đài, hay là thuộc loại liên hoa? [Nếu cứ khăng khăng câu nệ văn tự để rồi tranh cãi "chín phẩm đều có sanh trong hoa sen hay không", lập luận] sẽ trở thành lộn xộn, không có lớp lang, biện định tới lui đều chẳng có căn cứ).*

Nói hoa sen, chẳng nói đến đài; nói đài kim cang, chẳng nói đến hoa sen, đều là tỉnh lược từ ngữ. Ở đây, đại sư dạy chúng ta *"bất túc nệ cố"* (chẳng đáng để câu nệ). Nay ta nói *"nệ"* (泥) là chấp trước tướng văn tự. Chớ nên chấp trước tướng văn tự, biết lời Phật thuyết pháp về sau được kết tập thành kinh bổn, trong chín câu ấy có sự tỉnh lược lẫn nhau. Trong phẩm này, chuyện này đã nói rất tường tận, phẩm kia bèn

---

[2] Ở đây, chữ *"trung hạ"* chỉ trung phẩm hạ sanh vì theo Quán Kinh, cả chín phẩm chỉ riêng hạ phẩm trung sanh là không nói đến hoa sen, nguyên văn chỉ chép: *"Văn thử sự dĩ, tầm tức mạng chung, thí như tráng sĩ khuất thân tý khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh thất nhật dĩ, ngộ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, quá nhất tiểu kiếp, thành A La Hán"* (Nghe chuyện ấy rồi, ngay đó mạng chung, ví như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, qua bảy ngày, gặp Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, sau một tiểu kiếp, thành A La Hán).

tỉnh lược đôi chút. Trong phẩm kia, chuyện kia đã được nói tường tận, thì trong phẩm này bèn tỉnh lược đôi chút; thật ra đều là như nhau, phải hiểu rõ sự thật này!

(Sao) Chước tri văn hỗ khuyết nhi nghĩa tất châu dã.

(鈔)灼知文互缺而義必周也。

*(**Sao**: Biết rành rành là lời văn do tỉnh lược lẫn nhau mà có chỗ chẳng nói, nhưng ý nghĩa ắt trọn đủ).*

Trong văn tự có chỗ khiếm khuyết, nhưng ý nghĩa nhất định là viên mãn, phải hiểu đạo lý này. Đó cũng là chân tướng sự thật.

(Sao) Ngu ý các hữu liên hoa, hoa các hữu đài, đài các bất đồng, nhi kim cang vi đài chi tối thắng nhĩ.

(鈔)愚意各有蓮華，華各有臺，臺各不同，而金剛為臺之最勝耳。

*(**Sao**: Theo ngu ý, mỗi phẩm vãng sanh đều có hoa sen, mỗi hoa đều có đài, đài hoa trong mỗi phẩm khác nhau, nhưng kim cang làm đài là tối thắng).*

Liên Trì đại sư nói kiểu này, ý nghĩa rất viên mãn. Tôi vừa mới nói, bất luận là phẩm vị gì, đều là hóa sanh trong hoa sen, cho tới trong Biên Địa cũng chẳng phải là ngoại lệ. Trong hoa sen nhất định có đài, hoa sen và đài sen xác thực là khác nhau, vì sao khác nhau? Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, chỉ riêng có chuyện này là bất bình đẳng. Thế giới bình đẳng là do hưởng phước báo của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ban cho chúng ta bình đẳng, nhưng hoa sen và đài sen do Tịnh nghiệp của chính mình biến hiện, sẽ chẳng giống nhau. Mỗi cá nhân chúng ta có công phu tu hành sâu hay cạn khác nhau. Sâu hay cạn là nói như thế nào? Là mức độ tinh thuần trong cái tâm thanh tịnh, là tầng cấp đoạn phiền não. Công phu sâu, phá mấy phẩm vô minh, đắc Lý nhất tâm bất loạn. Công phu nông cạn, giống như bọn chúng ta trong tương lai có thể vãng sanh, tuyệt đại đa số là chưa đoạn phiền não, chỉ chế phục, khống chế mà thôi. Đó là công phu nông cạn nhất! Người có công phu sâu, hoa sen to, quang minh và màu sắc [của hoa sen] cũng thù thắng, đài sen đương nhiên sẽ khác hẳn. Công phu kém hơn một bậc, hoa sen sẽ nhỏ, quang minh và màu sắc thua kém người công phu sâu, đài

hoa trong ấy đương nhiên cũng chẳng bằng người ta. Chúng ta biết sự thật này, quý vị hãy nên biết hiện tại phải nên làm như thế nào? Pháp thế gian là giả, chẳng có gì là thật! *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Tục ngữ thường nói: *"Sanh chẳng mang gì đến, chết không mang gì theo"*. Huống hồ trong thế gian hiện tiền, tai nạn dồn dập, chúng ta lắng lòng quan sát xã hội này sẽ biết: Hiện tượng trong xã hội là quả, quả ắt có nhân. Nhìn vào quả sẽ biết nhân, nhìn vào nhân bèn biết quả báo trong tương lai. Nay chúng ta đã hiểu: Chân thật nhất, thù thắng nhất trong hết thảy các pháp, không gì hơn Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay chúng ta tranh thủ điều gì? Xác thực là người thông minh nhất sẽ nhất tâm nhất ý giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ khác đều chẳng màng! Đó là người thật sự triệt để giác ngộ. Chúng ta hãy xem thí dụ dưới đây.

(Sao) Như Hoài Ngọc ngân đài sơ lai, kim đài kế chí, khả nghiệm dã.

(鈔)如懷玉銀臺初來，金臺繼至，可驗也。

*(**Sao**: Như ngài Hoài Ngọc thoạt đầu thấy đài bạc, kế đó thấy đài vàng hiện đến. [Chuyện này] có thể chứng nghiệm [đài hoa trong mỗi phẩm vị khác nhau]).*

Trong chuyện vãng sanh của Hoài Ngọc đại sư, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có [ghi chép chuyện này], Vãng Sanh Truyện cũng có. Có thể coi vị này là người rất có chí khí, suốt đời niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Khi lâm chung A Di Đà Phật hiện đến, cầm hoa sen đến tiếp dẫn Sư. Sư vừa thấy hoa sen ấy là đài bạc, tự nghĩ chính mình suốt đời tinh tấn nỗ lực niệm Phật như vậy mà chẳng thể đạt tới phẩm vị lý tưởng. Do vậy, đối trước đức Phật phát phẫn: "Con tiếp tục nỗ lực, hy vọng Phật có thể cầm đài vàng đến tiếp dẫn con". Đức Phật hết sức từ bi, cho Sư mãn nguyện. Phật ra đi, Sư lại tiếp tục tinh tấn nỗ lực chẳng ngừng, lại niệm thêm một tuần, đức Phật lại tới. Sư thấy hoa sen quả nhiên là đài vàng, bèn theo Phật ra đi. Có phải là A Di Đà Phật niệm tình đổi đài vàng cho Sư hay không? Chẳng phải vậy! Hoa sen và đài hoa là do công phu của chính mình biến hiện, chẳng liên quan gì đến A Di Đà Phật. Đến khi quý vị lâm chung, kinh đã giảng rất rõ ràng: Chúng sanh trong mười phương thế giới vừa phát nguyện, tâm tưởng cầu sanh thế giới Tây Phương, trong ao bảy báu của A Di Đà Phật liền trổ một đóa sen. Trên hoa sen

còn có tên họ của chính mình, làm sao có thể lầm lẫn cho được? Công phu niệm Phật của quý vị càng sâu, hoa sen ấy càng ngày càng to. Từ kinh văn, chúng ta thấy: Hoa sen trong ao bảy báu có hoa to một do-tuần, có hoa to mười do-tuần, trăm do-tuần, ngàn do-tuần. Có thể thấy là lớn nhỏ không giống nhau, quang minh và màu sắc cũng khác. Nếu chúng ta muốn hoa sen rất lớn, rất thù thắng, nếu muốn kim đài hay kim cang đài, phải thật sự tu thì mới được! Chẳng phải do A Di Đà Phật tặng cho quý vị, mà là do tịnh nghiệp của chính quý vị tự nhiên biến hiện. A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta, khi chúng ta lâm chung, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn. Hoa sen chẳng phải do A Di Đà Phật tự trồng, mà do tịnh nghiệp của chính chúng ta biến hiện, nhưng A Di Đà Phật đã ban cho chúng ta một hoàn cảnh rất tốt: Ao sen bảy báu, nước tám công đức là do A Di Đà Phật trao cho, nhất định phải biết điều này. Vì thế, người thật sự thông minh, thật sự triệt để giác ngộ, hãy nên buông xuống hết thảy, nghiêm túc niệm Phật.

Kinh giáo, nói thật thà, không trọng yếu! Chẳng cần phải lãng phí thời gian nơi kinh giáo. Ấn Quang đại sư là tấm gương tốt nhất cho chúng ta trong thời cận đại. Đạo tràng của lão nhân gia là Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, hiện thời chúng ta du lịch vãn cảnh hết sức thuận tiện, các đồng tu học Phật gần như đều có thể đến viếng núi Linh Nham. Niệm Phật Đường của Ngài hiện thời vẫn niệm Phật y hệt, mỗi ngày [niệm Phật] sáu cây hương, giống hệt như đả Phật Thất thông thường, nhưng buổi tối có nghỉ ngơi. Đạo tràng chẳng giảng kinh, mà cũng chẳng có pháp hội, chẳng có Phật sự, chuyên nhất niệm Phật, rất có lý. Đặc biệt là trong thời đại này, thưa cùng chư vị, pháp môn này khế hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh nhất. Kiến lập một đạo tràng như vậy, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần gia hộ, quý vị niệm một câu Phật hiệu đến cùng, quyết định chẳng sai! Nếu muốn học kinh giáo để trong tương lai phát nguyện hoằng pháp lợi sanh, cũng ắt phải niệm Phật cho vững vàng rồi sau đấy mới học. Niệm Phật vững vàng, chính mình nắm chắc vãng sanh, bèn dành thời gian nơi kinh giáo, đấy là không màng đến chính mình, ta nguyện thà hy sinh phẩm vị của chính mình, học làm Bồ Tát phổ độ chúng sanh. Nếu nói độ chúng sanh mà chính mình trong tương lai chẳng thể vãng sanh, hỏng bét! Độ chúng sanh kiểu đó chỉ sợ vẫn là tạo tội nghiệp. Vì sao nói là tạo tội nghiệp? Cổ nhân nói: Đối với kinh điển, *"nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa thân chồn hoang năm trăm đời"*, giảng sai một chữ đấy nhé! Quý vị có thể giảng sai kinh điển hay

chăng? Nhất định là giảng sai! Vì sao nói nhất định sẽ bị giảng sai? Vì quý vị chưa đoạn phiền não, tâm chưa thanh tịnh, còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn, dùng cái tâm như vậy để nhập Đại Thừa của Như Lai, Thanh Lương đại sư nói là *"hữu giải vô hạnh"*, Giải (解) là nghiên cứu kinh luận, Hạnh (行) là tu trì. Chẳng có tu trì, chẳng đoạn phiền não, kết quả là *"tăng trưởng tà kiến"*. Quý vị dùng tà tri tà kiến để giáo hóa chúng sanh, có phải đọa trong tam đồ hay không? Quý vị có phải gánh trách nhiệm hay không? Ấn Quang đại sư từ bi, chẳng để cho quý vị làm chuyện sai quấy, không để cho quý vị đọa lạc. Vì thế, lão nhân gia thẳng thừng chẳng giảng kinh, mà cũng chẳng cổ vũ, khích lệ kẻ khác giảng kinh, chỉ khuyên quý vị niệm A Di Đà Phật, quyết định chẳng có lầm lỗi!

Do vậy, tại Trung Hoa từ xưa tới nay, trong đạo tràng, tổ sư đại đức bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp chẳng giống như mở Phật Học Viện chiêu sinh trong hiện thời, mà là từ trong tứ chúng đệ tử, trải qua quan sát kỹ lưỡng một thời gian dài, [thấy kẻ nào] xác thực là có căn tánh, có năng lực, bèn chọn ra để đặc biệt bồi dưỡng. Vào thời cổ, bồi dưỡng người hoằng pháp gọi là *"giảng tiểu tòa"* (講小座), nghĩa là: Trong buổi giảng kinh của pháp sư, quý vị ở đó nghe. Sau khi nghe xong, quý vị lên đài giảng một lượt, nhắc lại lời giảng của pháp sư trước đó một lượt. Có thể giảng được bảy mươi, tám mươi phần trăm thì người ấy có thể bồi dưỡng. Nếu chẳng có năng lực ấy, sẽ chẳng khuyên quý vị [học giảng kinh, hoằng pháp], khuyên quý vị vô dụng! Vì thế, nhân tài hoằng pháp rất ít, xác thực là phải có khả năng thiên phú ấy. Lại còn thật sự chịu tiếp nhận sự chỉ dạy thì mới có thể ra [hoằng pháp]. Không tiếp nhận sự chỉ dạy, chẳng có cách nào hết! Rất dễ lọt vào phường cuồng huệ, tự cho là đúng! Nhất định là phải tiếp nhận sự chỉ dạy, phải được rèn giũa, thì mới có thể trở thành đại khí. Vì thế, chuyện này chẳng phải là ai cũng có thể làm được. Bản thân chúng ta có nguyện vọng ấy, nhưng có năng lực ấy hay chăng? Chẳng có năng lực ấy thì có thể bồi dưỡng, bồi dưỡng như thế nào? Đoạn phiền não. Phiền não đã đoạn hết, trí huệ bèn mở mang, hễ quý vị có nguyện vọng ấy bèn đạt được. Nhất định là phải đoạn phiền não, mở mang trí huệ thì mới được. Nói cách khác, tâm địa đã thanh tịnh. Tâm thanh tịnh đối với cảnh giới bên ngoài là Chiếu Kiến, lục căn tự nhiên thông minh, vừa nghe, vừa thấy bèn khai ngộ, bèn hiểu rõ. Khi đó, phát nguyện hoằng pháp lợi sanh chẳng khó! Do vậy có thể biết, công tác cơ sở là đoạn phiền não, cũng là phải tu Định. Trước hết là định cái

tâm, do Giới sanh Định, do Định khai Huệ. Vì thế, Giới là cội gốc của Vô Thượng Bồ Đề. Giới luật là tuân thủ quy củ. Quý vị chẳng tuân thủ quy củ, sẽ không thể đắc Định. Trong Niệm Phật Đường, dạy quý vị trong mười hai thời hãy thật thà niệm Phật, đấy là giới luật, quý vị phải tuân thủ. Niệm mấy năm, phiền não nhẹ nhàng, tâm thanh tịnh, quý vị đắc Định, đắc Niệm Phật tam-muội, cũng gọi là nhất tâm bất loạn. Sau khi đã đắc nhất tâm, có năng lực, có hứng thú, có chí nguyện, có thể học Giáo để hoằng pháp lợi sanh, lại làm chuyện ấy. Đi theo con đường ấy là đúng, trình tự ấy chẳng sai, mới có thể thành công. *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"* (Trong cửa nhà Phật, có cầu, ắt ứng), sư Hoài Ngọc cầu đài vàng, đến cuối cùng, quả nhiên đài vàng hiện tiền, mãn nguyện vãng sanh. Đài vàng hiện tiền là thượng phẩm thượng sanh.

(Sao) Thả đài chi nghĩa nhị.

(鈔)且臺之義二。

*(**Sao**: Đài lại có hai nghĩa).*

Đài có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả cơ đài chi đài, tắc đài tại hoa hạ, như thế khắc tượng, hạ tác bảo đài, đài thượng an hoa, hoa thượng an Phật, thị dã.

(鈔)一者基臺之臺，則臺在華下，如世刻像，下作寶臺，臺上安華，華上安佛，是也。

*(**Sao**: Một là cái đài làm bệ nâng đỡ, tức là cái đài ở dưới hoa, như trong cõi đời khắc tượng: Phía dưới tạo đài báu, trên đài đặt hoa, trên hoa đặt tượng Phật, là như thế đó).*

Mọi người thấy rất nhiều tượng Phật, bất luận là tượng đắp nặn hay tranh vẽ, phía dưới đều có một cái đài, hoa sen ở trên đài.

(Sao) Nhị giả, phòng đài chi đài, tắc đài tại hoa nội.

(鈔)二者房臺之臺，則臺在華內。

*(**Sao**: Hai là đài ở trong búp hoa, tức là đài ở trong hoa).*

Đó là đài ở trong hoa sen. Chúng ta gọi thông tục là *"gương sen"*, đấy chính là đài sen, nó ở trong hoa, Phật ngồi nơi đâu? Phật ngồi trên đài sen.

(Sao) Như Pháp Hoa Huyền Nghĩa, dĩ liên biểu Thập Như. Chí Như Thị Báo văn vân: "Thí như liên thật vi nhiễu phòng đài".

(鈔)如法華玄義，以蓮表十如；至如是報文云：譬如蓮實圍繞房臺。

*(**Sao**: Như sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa dùng hoa sen để biểu thị mười món Như Thị, đến phần giảng về Như Thị Báo bèn nói: "Ví như hạt sen vây quanh cái gương sen").*

"Liên thật" (蓮實) là hạt sen, *"phòng đài"* (房臺) là gương sen. Hạt sen vây quanh gương sen, đó là đài hiểu theo nghĩa *"phòng đài"*. *"Liên biểu Thập Như"* (Hoa sen biểu thị mười món Như Thị). Đối với tông Thiên Thai, Thập Như cũng là tinh nghĩa (精義) của kinh Pháp Hoa, [tinh nghĩa] chính là nghĩa lý tinh hoa. Vì sao nói nó là tinh hoa? Chỉ dùng mười câu để nói đơn giản mà rành mạch, rõ rệt về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đúng là chẳng dễ dàng! Vì thế, chúng ta phải nhớ kỹ Thập Như Thị.

(Diễn) Thập Như, tức như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bổn mạt cứu cánh.

(演)十如，即如是相，如是性，如是體，如是力，如是作，如是因，如是緣，如是果，如是報，如是本末究竟。

*(**Diễn**: Thập Như là tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, gốc ngọn rốt ráo như thế).*

Quý vị thấy đó, đơn giản lắm! Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh đã được giãi bày trọn hết. Hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm nói chuyện này. Vì thế, kinh điển mở đầu bằng *"như thị ngã văn"*. Điều gì *"như thị"*? Chính là những điều này!

(Diễn) Nhất thiết chư pháp, bất ly ư thử.

(演)一切諸法，不離於此。

*(**Diễn**: Hết thảy các pháp chẳng lìa những điều ấy).*

"Nhất thiết chư pháp" là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Không chỉ là Phật pháp, mà pháp thế gian cũng được bao gồm trong ấy, lớn như hư không, thế giới, nhỏ như vi trần, lỗ chân lông, mỗi một pháp đều trọn đủ mười chuyện này. Vì thế, từ mười chuyện ấy mà quan sát hết thảy các pháp, quý vị mới thấy chân tướng. Chúng ta thường chẳng nói cặn kẽ như thế, thông thường để giới thiệu hết thảy các pháp bèn dùng Thể, Tướng, Dụng. Thông thường nói là Thể, Tướng, Dụng, tức là Thể và Tánh được gộp trong Thể, những thứ khác đều bao gồm trong Dụng hoặc Tướng. Nói cách khác, Thể, Tướng và Dụng triển khai thành Thập Như Thị, Thập Như Thị quy nạp thành Thể, Tướng, Dụng. Thể, Tướng, Dụng là nói đại lược, Thập Như Thị là nói chi tiết.

(Diễn) Như thị giả, chỉ pháp chi từ, vị chư pháp hữu như thị chi tướng, như thị chi tánh, nãi chí như thị nhi cùng tận, vô phi Thật Tướng dã.

(演)如是者，指法之辭。謂諸法有如是之相，如是之性，乃至如是而窮盡，無非實相也。

*(**Diễn**: "Như thị" là từ ngữ biểu thị pháp, ý nói: Các pháp có tướng như thế, có tánh như thế, cho đến cùng tận như thế, không gì chẳng phải là Thật Tướng).*

"Như thị tướng" là gì? Tướng là hiện tượng, Tướng là hình tướng. Hình tướng thì mắt chúng ta có thể thấy, tay chúng ta có thể sờ. Nó có màu sắc, có hình trạng, có tướng trạng. Động vật, thực vật, và khoáng vật có hình trạng và sắc tướng riêng của chúng. Hiện tượng thì có tướng, nhưng chẳng có hình thể, giống như chúng ta thấy mây trong không trung, bóng trăng trong nước. Chúng có hình tướng, nhưng chẳng có thật thể. Quý vị có thể trông thấy, nhưng chẳng thể sờ mó được, đó là hiện tượng. [Chữ Tướng] bao gồm hết thảy các tướng (hình tướng và hiện tượng) ở trong ấy. Vì sao nói là Như Thị? Trong ấy có ý nghĩa sâu xa, tướng do đâu mà có? Tướng là cái được hiện (sở hiện), nhất định là phải có một cái có thể hiện (năng hiện). Chẳng có một cái có thể hiện, làm sao có tướng được hiện cho được? Cái có thể hiện là Tánh, là Thể. Tánh Thể là gì? Là chân tâm của chúng ta, còn gọi là Chân Như. Những tướng được biến hiện bởi chân tâm có phải là thật hay không? Đương nhiên là thật; một thứ là thật thì hết thảy đều thật! Cổ nhân dùng một tỷ dụ để nói, ví như *"dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng"*. Vàng là cái có

thể hiện, Tướng là cái được hiện. Chúng ta thích tượng Phật, đem vàng đúc thành một tượng Phật, tượng ấy có phải là vàng hay không? Tượng là vàng, vàng là tượng. Đối với người khai ngộ, người minh tâm kiến tánh, thầy của kẻ ấy hỏi: "Tánh ở chỗ nào?" Người ấy bèn nhặt một mẩu lá cỏ ở bên ngoài để sánh ví, người đã hiểu rõ bèn gật gù: "Chẳng sai!" Chẳng có một pháp nào không phải, pháp nào cũng đều là [Tánh]. Phải rất chú tâm lãnh hội điều này, chẳng có một pháp nào không phải là Tánh; đó gọi là Như Thị. Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng. Lìa Tánh chẳng có Tướng, lìa Tướng chẳng có Tánh, giống hệt như vàng. Lìa vàng chẳng có tượng này, lìa tượng cũng chẳng có vàng. Vàng và tượng là một, chẳng hai!

Nếu thật sự hiểu rõ, Tánh ở chỗ nào? Núi, sông, đại địa, chẳng có một pháp nào không phải là Tánh, đều là Chân Như bản tánh của chính mình. Nếu quý vị hiểu tận hư không khắp pháp giới là một chân tánh, tâm quý vị bèn bình đẳng, vì sao? Tận hư không khắp pháp giới và chính mình vốn là một. Chính mình và chính mình mà còn có phân biệt ư? Chính mình và chính mình còn có kèn cựa nữa ư? Chẳng có! Đạo lý này quá ư là rất sâu, nhưng nó xác thực là chân tướng sự thật. Đã mê thì mới có phân biệt, do mê mới có chấp trước, mới có thị phi, nhân ngã. Chuyện này đích xác là hết sức khó hiểu; vì thế, trong kinh luận thường sử dụng tỷ dụ. Tỷ dụ thường sử dụng nhất là *"mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Chúng ta ai nấy đều có kinh nghiệm nằm mộng. Trong mộng có núi, sông, đại địa, trong mộng có chính mình, mà cũng có người khác, trong mộng có hết thảy các pháp. Ngay trong lúc chúng ta tỉnh mộng, hãy lắng lòng suy nghĩ, tất cả hết thảy cảnh giới trong mộng, có gì chẳng phải do tự tánh biến hiện? Chẳng sai! Chẳng phải là bên ngoài tiến vào giấc mộng của ta, đều do tự tánh của chính mình biến hiện. Lại hỏi thêm nữa, cảnh giới nào trong mộng chẳng phải là chính quý vị? Bản thân ta trong mộng là chính mình, người khác trong mộng vẫn là chính mình! Trừ chính mình ra, chẳng có ai khác. Núi, sông, đại địa trong mộng cũng là chính mình! Chẳng có gì không phải là chính mình, toàn thể cái tâm biến thành mộng, toàn thể mộng là tâm. Mộng là tướng, do tự tánh biến hiện. Hỏi quý vị, tâm quý vị có hình dạng như thế nào ư? Khi nằm mộng, mộng cảnh chính là hình dạng ấy (hình dạng của cái tâm). Nó biến thành một tướng, quý vị liễu giải rất dễ dàng! Vì sao nói tướng là hư vọng? Vì tướng thường biến đổi, nó chẳng cố định; do vậy, tướng được gọi là vọng tướng (妄相: tướng hư vọng). Tánh là thật, vì tánh bất biến. Ví như

chúng ta dùng vàng, vàng bất biến, [dùng vàng] tạo thành thứ gì đó, [thứ gì đó] thường biến đổi [chứ vàng bất biến]. Thích tượng Phật, bèn dùng vàng làm thành tượng Phật. Chẳng thích tượng Phật nữa, nung chảy, lại tạo thành một hình tượng khác! Thích gì có thể tạo nấy, vàng chẳng biến đổi, tướng thời thời khắc khắc biến đổi. Cái có thể biến thì chúng ta gọi nó là hư vọng. Cái bất biến, ta gọi nó là chân thường. Nói là chân hay vọng là như thế đó, là nói tương đối. Nếu lìa khỏi tương đối, chân và vọng là một, không hai. Chân là vọng, vọng là chân. Ví như tượng Phật, tượng là vọng, vàng là thật. Tượng chính là vàng, vàng chính là tượng, chân và vọng chẳng hai, chân và vọng như một. Như vậy thì quý vị mới thật sự thấy chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ. *"Như thị tướng"*: Tướng là như thế đó.

Thứ hai, *"như thị tánh"*. *"Tánh"* là nói tới bản tánh. *"Như thị Thể"*, *"Thể"* là nói tới bản thể. Nếu chẳng nói theo kiểu Thập Như, có lúc Thể và Tánh có thể hợp thành một. Thể là Tánh, Tánh là Thể, thường ghép Thể Tánh hoặc Tánh Thể cùng một chỗ, có cùng một ý nghĩa. Ở đây, tách rời chúng ra, đương nhiên sẽ chẳng phải là cùng một ý nghĩa. [Nếu là cùng] một ý nghĩa, sẽ chẳng thể nói thành hai chuyện. Tánh là bản tánh. Tánh là cội nguồn của hết thảy vạn pháp, là chân tâm, là bản tánh. Thể là đã biến, Tánh biến thành Thể. Thể có hai loại: Một loại là bản thể tinh thần, loại kia là bản thể vật chất. Chúng tôi dùng Pháp Tướng Duy Thức để giải thích, mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Thể là Kiến Phần và Tướng Phần của A Lại Da Thức. Kiến Phần (見分) của A Lại Da là bản thể tinh thần, người Hoa gọi nó là *"linh hồn"*. Mỗi người chúng ta, sau khi đã chết bèn đi đầu thai, cái gì đi đầu thai? Linh hồn đi đầu thai, chẳng phải là cái thân xác thịt đi đầu thai. Cái thân xác thịt là vật chất. Kiến Phần là bản thể của tinh thần. Trong Phật pháp, chẳng gọi nó là *"linh hồn"*, mà gọi là *"thần thức"*. Đối với bản thể vật chất, các khoa học hiện thời đã quan sát đến mức có thể nói là khá tinh vi; có phải là đã quan sát được nó [chân xác] hay không? Chúng tôi vẫn chẳng dám nói lời này! Bất quá chúng tôi có thể nói là "khá tiếp cận", đó là khả năng của khoa học. Nhưng khoa học chẳng có một tí biện pháp nào đối với bản thể của tinh thần, bó tay, chẳng có cách nào thăm dò. Nói cách khác, mãi cho đến nay, chẳng hề có mảy may tiến bộ nào đáng nói! Nhưng đối với việc khảo sát bản thể của vật chất, trong những năm qua, xác thực là [khoa học] đột nhiên tiến bộ nhanh chóng, chứng minh điều kinh Kim Cang đã dạy: Hết thảy các sắc tướng và vật chất là Nhất Hiệp Tướng.

Điều này đã được khoa học chứng minh. Kinh Kim Cang nói thế giới này là Nhất Hiệp Tướng. *"Nhất"* (一) là một loại vật chất, Hiệp (合) là kết hợp lại. Các nhà khoa học hiện thời hiểu rõ: Vật chất cơ bản, xác thực là cùng một thứ, chỉ là công thức cấu tạo khác nhau, phương thức kết cấu khác nhau. Do như vậy mà kết hợp thành điện tử, kết hợp thành nguyên tử, kết hợp thành phân tử. Từ phân tử, kết hợp thành động vật, thực vật, hoặc khoáng vật. Đem những thứ ấy phân tích, xác thực đúng là Nhất Hiệp Tướng. Đích xác là khoa học đã chứng thực Nhất Hiệp Tướng của kinh Kim Cang. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rõ chân tướng của vật chất, cho tới nay mới được các nhà khoa học chứng minh, chẳng sai tí nào! Xác thực là do một loại [vật chất cơ bản] kết hợp. *"Nhất"* chính là bản thể của vật chất, mà cũng chính là Tướng Phần (相分) được nói trong Pháp Tướng Tông.

"Như thị lực": Lực (力) là năng lực, nay chúng ta nói là "động lực", hoặc hiện thời nói là "vận động". Lực ấy là vận động. Ai thúc đẩy nó? Chư vị phải hiểu, tâm là thanh tịnh. Chân tâm, bản tánh là thanh tịnh, là tịch diệt, là bất động. Trong đại vũ trụ, nhỏ đến mức như vi trần, vi trần cũng là một tiểu thế giới. Dưới kính hiển vi có độ phóng đại thật lớn, [sẽ thấy] giống như là trong ấy cũng có một thứ giống như tinh cầu, quanh đó là điện tử di chuyển vòng quanh, cũng giống như một tiểu vũ trụ, là đại vũ trụ được thu nhỏ, nó cũng đang chuyển động. Lực lượng nào thúc đẩy nó? Các nhà khoa học hiện thời tưởng là do điện Âm và điện Dương thúc đẩy nó. Điện Âm và điện Dương do đâu mà có? Nói thật ra, Phật pháp đã nói vấn đề này rất thấu triệt! Đức Phật dạy: *"Vô minh bất giác sanh tam tế"*, động do đâu mà có? Vô minh. Vô minh là động tướng (動相: tướng biến động, di động). Minh là bất động, vô minh mới là động. Vô minh còn tồn tại trước khi có ba tế tướng. Tâm đã bị động, hễ tâm động, vô minh bèn dấy lên. Do động nên mới sanh ra tam tế (三細: ba tế tướng). Ba tế tướng của A Lại Da Thức là Vô Minh Nghiệp Tướng, Kiến Tướng, và Cảnh Giới Tướng. Kiến Tướng là Kiến Phần, Cảnh Giới Tướng là Tướng Phần. Hễ động, [chân tánh] liền biến thành A Lại Da. Do vậy, A Lại Da là Thể. Tánh [được nói] trong phần trước là Chân Như bản tánh. Do một niệm bất giác, Chân Như bản tánh bèn biến thành Thể, biến thành A Lại Da. Trong A Lại Da có sức mạnh, sức mạnh ấy chính là sức mạnh của vô minh, ở trong ấy thúc đẩy nó. *"Như thị tác"*: Tác (作) là tạo tác (造作), mới có tạo tác, hễ tạo tác bèn có nghiệp. Bất luận là vật nào có hình tướng lớn hay nhỏ, hết thảy các pháp,

mỗi pháp đều trọn đủ mười chuyện này, chẳng thiếu một điều nào!

"Như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo", quả và báo đôi khi được gộp thành một. Chia làm hai thì quả là quả, báo là báo. Đời trước chúng ta đã tu thiện nghiệp, đời này được làm thân người; đó là Quả. Được làm thân người thì hết thảy các thứ hưởng thụ trong một đời này gọi là Báo. Có người được làm thân người, đời này sống rất hạnh phúc; có người tuy được làm thân người, đời này sống rất vất vả, báo bất đồng mà! Quả đồng, quả là đều được làm thân người, nhưng báo bất đồng. Các nhà Duy Thức gọi chúng là Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Dẫn (引) là dẫn dắt, hướng dẫn quý vị đi đầu thai, đó là Quả. Mãn Nghiệp (滿業) là sau khi đầu thai, những gì quý vị được hưởng thụ chính là Báo, khác nhau! Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, hiểu minh bạch chân tướng sự thật này, trong đại vũ trụ, bản thân chúng ta không chỉ có thể làm chủ trong một đời này, mà đời đời kiếp kiếp chính mình đều có thể làm chủ tể! Chính mình có thể làm chủ tể, quý vị chẳng còn gọi là chúng sanh nữa, mà gọi là Phật, hoặc Bồ Tát. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai"*. Ai có thể chuyển cảnh? Hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, bèn có thể chuyển cảnh. Chuyển cảnh chẳng khó! Khó ở chỗ nhận thức, khó ở chỗ hiểu rõ. Nhận thức và hiểu rõ được kinh Phật gọi là ngộ, tức giác ngộ, khó ở chỗ giác ngộ. Sau khi đã ngộ, sẽ dễ thực hiện chuyện ấy. Vì sao? Quý vị hiểu rành mạch nhân duyên quả báo: Nhân duyên như thế nào sẽ có quả báo như thế nấy. Quý vị có thể khống chế, nắm giữ, sáng tạo nhân duyên, quả báo sẽ đúng như chính mình mong mỏi, chẳng có điều gì không đạt được!

"Nhân" là chủng tử được chứa đựng trong A Lại Da Thức; đó là Nhân, đời đời kiếp kiếp tích lũy. Nhân của mười pháp giới, chúng ta đều trọn đủ. Chúng ta có cái nhân làm Phật, có cái nhân làm Bồ Tát, cũng có cái nhân đọa địa ngục A Tỳ, thứ gì cũng đều có, chẳng thiếu một thứ nào! Chúng ta muốn hưởng quả báo như thế nào, mấu chốt là Duyên. Vì thế, Phật pháp hết sức coi trọng Duyên. Vì sao Phật chẳng nói "nhân sanh", mà phải nói là "duyên sanh"? Duyên thì chính mình có thể khống chế, chứ tự mình chẳng thể khống chế nhân. Nhân là cái đã có, chẳng có cách nào, chẳng thể nào thay đổi được. Duyên thì chính mình có thể khống chế. Ví như trong quá khứ, chúng ta tạo tác cái nhân ác, nhân đã có; từ nay trở đi, ta đoạn hết các ác duyên, nhân mà chẳng có duyên sẽ chẳng thể kết quả, sẽ chẳng thọ báo, cắt đứt cái duyên! Trong đời quá khứ ta có thiện nhân, nay ta thêm thiện duyên vào. Quả báo sau đấy sẽ là thiện quả

lý tưởng. Kinh luận thường chỉ dạy chúng ta: *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*, hai câu ấy nói lên điều gì? Nhân! Nhân như thế đó! Tây Phương Cực Lạc thế giới và A Di Đà Phật đều do cái nhân của chính chúng ta biến hiện. Chúng ta có cái nhân ấy, nay chỉ cần thêm duyên vào. Chúng ta đến thế giới Tây Phương để làm Phật. Vì thế, kinh Di Đà dạy: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ là nhân; nay chúng ta nhất tâm nhất ý nương tựa A Di Đà Phật, tín nguyện trì danh, đó là duyên. Hễ nhân và duyên kết hợp, quả báo sau đó là thế giới Tây Phương, sẽ thấy A Di Đà Phật, quả báo là như thế đó. Nếu chúng ta quên bẵng chuyện này, chúng ta có rất nhiều "nhân": Tham tài, tham danh, tham sắc, tham ngũ dục, lục trần. Trong A Lại Da Thức có chứa đựng chủng tử của ba ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Duyên của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là gì? Chính là tham, sân, si. Nay chúng ta tiếp tục gây tham, sân, si chẳng ngừng, về sau quả báo hiện tiền, quả báo gì vậy? Ba ác đạo. Do tham làm duyên, đi vào ngạ quỷ đạo. Do cái duyên nóng giận, đi vào địa ngục đạo. Do cái duyên ngu si, đi vào súc sanh đạo. Ngu si là "chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác" đều điên đảo, chẳng có năng lực phân biệt. Phật pháp ở Đài Loan dường như rất hưng thịnh. Trong Phật pháp có chánh pháp, có tà pháp, có chân Phật, có giả Phật, ai có thể phân biệt? Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Thời kỳ Mạt Pháp"*, tức là nói đến thời đại hiện tại này, *"tà sư thuyết pháp, như cát sông Hằng"*. Quý vị có năng lực phân biệt tà chánh hay không? Chẳng thể phân biệt thì học Phật cuối cùng quả báo là ở trong súc sanh đạo. Thiện tâm học Phật, hưởng phước trong súc sanh đạo! Giống như hiện thời có khá nhiều kẻ nuôi các con vật cưng (pet), chúng có phước báo rất lớn. Chúng tôi ở ngoại quốc trông thấy: Con vật cưng ấy đúng là chủ nhân trong một nhà! Cả nhà đều phải hầu hạ nó, quý vị thấy nó có phước báo lớn lắm! Chẳng phải con người là chủ nhân, mà con vật cưng là chủ nhân. Vì con vật cưng đâu có hầu hạ chủ nhân, chủ nhân phải tận tụy hầu hạ, chăm sóc nó, đó là điên đảo! Trong kinh, đức Phật nói là "mê hoặc, điên đảo". Tại Đài Loan và Trung Quốc hiện thời cũng dần dần lưu hành [thói quen cưng chiều thú vật nuôi]. Tôi thấy cũng có kẻ nuôi con vật cưng, chăm sóc cẩn thận, không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm, còn chu đáo hơn hiếu thuận cha mẹ! Đó là gì? Do thiện tâm mà ngu si, cho nên hứng chịu quả báo ấy. Vì thế, chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, nhất định phải hiểu rành mạch, rõ ràng, thì trong một đời này, chúng ta mới có thể vượt thoát tam giới,

mới không đến nỗi luống uổng! Do vậy, nhất định phải biết khống chế duyên, duyên thật sự do bản thân chúng ta nắm quyền thao túng. Xa lìa hết thảy các ác duyên, phải thân cận hết thảy thiện duyên. Trong hết thảy các duyên, duyên chí thiện viên mãn là A Di Đà Phật. Nói thật ra, người biết điều này chẳng nhiều lắm! Quý vị thật sự đã biết, sẽ khăng khăng một mực, không chỉ là buông pháp thế gian xuống, mà tất cả hết thảy Phật pháp cũng buông xuống, nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, đó là hoàn toàn đúng.

Câu cuối cùng là *"như thị bổn mạt cứu cánh"* (gốc ngọn rốt ráo như thế). Câu này nhằm tổng kết chín câu trước, có gốc, có ngọn, có đầu, có cuối thì mới là rốt ráo. Mỗi một pháp đều chẳng ra ngoài Thập Như. Thiên Thai đại sư giải thích tựa đề kinh Pháp Hoa, vì trong tựa đề kinh có một chữ Hoa (華), Hoa là hoa sen, để giải thích hoa sen, Ngài đã dùng Thập Như để giải thích. Nói cách khác, dùng Liên làm đại biểu hòng giảng rõ Thập Như. Sau đấy lại bảo quý vị: Hết thảy vạn pháp, pháp nào cũng đều có đủ Thập Như, chẳng có pháp nào là ngoại lệ.

Giảng đến câu *"như thị báo"*, đại sư có một tỷ dụ: *"Thí như liên thật vi nhiễu phòng đài"* (Ví như hạt sen vây quanh gương sen). *"Liên thật"* (蓮實) là hạt sen, hạt sen vây kín trong gương sen. Gương sen chính là đài sen. Gương sen sanh trưởng trong hoa. Chúng ta đắp tạc tượng Phật, bất luận là tượng Phật ngồi hay đứng, chân đứng trên gương sen, mà ngồi cũng là ngồi trên gương sen. Gương sen chính là *"phòng đài"* (房臺). Do vậy, đài có hai loại sai khác như vậy.

(Sao) Hựu vân: Thật y ư đài.

(鈔)又云：實依於臺。

*(**Sao**: Lại nói: "Hạt nương vào đài").*

"Thật" (實) là hạt sen. Hạt sen nương náu gương sen.

(Sao) Thật tắc liên tử, tử tàng đài trung, tắc thế sở vị liên phòng thị dã.

(鈔)實則蓮子，子藏臺中，則世所謂蓮房是也。

*(**Sao**: "Hạt" chính là hạt sen, hạt ẩn trong đài, đài chính là cái được cõi đời gọi là gương sen vậy).*

Nói văn nhã đôi chút về *"liên phòng"* (蓮房), chúng ta gọi nó

thông tục là *"gương sen"*, chính là ý nghĩa này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 254

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm lẻ hai:

(Sao) Hựu Hoa Nghiêm Thập Địa liên hoa văn vân: "Lưu ly vi hành, chiên đàn vi đài, mã não vi tu, Diêm Phù Đàn kim vi diệp", tịnh xưng hành, đài, tu, diệp. Nhi Niết Bàn diệc vân: "Thí như hành, diệp, tu, đài, hợp vi liên hoa". Thử sở vị đài, giai phòng đài dã.

(鈔)又華嚴十地蓮華文云：琉璃為莖，栴檀為臺，瑪瑙為鬚，閻浮檀金為葉。並稱莖臺鬚葉。而涅槃亦云：譬如莖葉鬚臺，合為蓮華。此所謂臺，皆房臺也。

*(**Sao**:Lại nữa, phần nói về hoa sen trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm có nói: "Lưu ly làm cuống, chiên đàn làm đài, mã não làm tua (nhị sen), vàng Diêm Phù Đàn làm cánh hoa", cùng nói đến cuống, gương, tua, cánh. Mà kinh Niết Bàn cũng nói: "Ví như cuống, cánh, tua, đài hợp thành hoa sen". Đài được nói [trong các đoạn kinh văn ấy] đều là gương sen vậy).*

Đại sư trích dẫn kinh văn từ kinh Hoa Nghiêm và Niết Bàn để chứng minh. Đức Phật nói tới *"liên đài"* rất nhiều, trong các kinh đều có nói. Đối với *"đài"* được nói ở đây, ta gọi là *"gương sen"* hoặc *"đài sen"*; chữ *"phòng đài"* [trong Sớ Sao] có ý nghĩa ấy.

(Sao) Tức Pháp Hoa "Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài" chi ý dã.

(鈔)即法華甄叔迦寶以為其臺之意也。

*(**Sao**: Chính là ý nghĩa của [chữ Đài] trong câu "dùng báu Chân Thúc Ca để làm đài" trong kinh Pháp Hoa).*

Trích từ kinh Pháp Hoa. "*Chân Thúc Ca (Kiṃśuka) bảo"* là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là *"hồng bảo thạch"*.

(Sao) Quán thị, tắc tri Quán Kinh hoa tòa quán trung, tiên ngôn

tác liên hoa tưởng, thứ vân Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo dĩ vi kỳ đài, tắc hoa nội chi đài dã.

(鈔)觀是，則知觀經華座觀中，先言作蓮華想，次云釋迦毗楞伽寶以為其臺，則華內之臺也。

*(**Sao**: Xem đó bèn biết trong phần Hoa Tòa Quán của Quán Kinh, trước hết nói quán tưởng hoa sen, kế đó nói "báu Thích Ca Tỳ Lăng Già để làm đài" chính là [nói tới] cái đài ở bên trong hoa vậy).*

Những điều được nói trong các kinh đủ để chứng minh kim cang đài hay tử kim đài đều nhằm chỉ gương sen trong hoa sen. *"Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo"* (Śakrābhilagna-maṇi-ratna) là danh xưng của một loại bảo châu, cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là Năng Thắng. Loại bảo châu này vô cùng trân quý, hết sức hiếm có, thù thắng.

(Sao) Hựu vân: "Nhất nhất kim sắc, xứ xứ biến hóa, hoặc tác kim cang đài, hoặc tác trân châu võng đẳng", tắc hoa hạ chi đài dã.

(鈔)又云：一一金色，處處變化，或作金剛臺，或作珍珠網等，則華下之臺也。

*(**Sao**: Lại nói: "Mỗi một sắc vàng, biến hóa khắp nơi, hoặc biến ra đài kim cang, hoặc là lưới trân châu v.v..." chính là [nói tới] cái đài ở dưới hoa vậy).*

Hoa ở trên đài, trong hoa cũng có đài.

(Sao) Cố thượng phẩm trung sanh, tiên ngôn tử kim đài, thứ vân túc hạ diệc hữu thất bảo liên hoa, tắc tử kim đài tại hoa hạ, minh hỹ.

(鈔)故上品中生，先言紫金臺，次云足下亦有七寶蓮華，則紫金臺在華下明矣。

*(**Sao**: Vì thế, trong phần thượng phẩm trung sanh [của Quán Kinh], trước hết nói đến đài tử kim, sau đó nói "dưới chân cũng có hoa sen bảy báu", rõ ràng là nói tới đài vàng ở dưới hoa).*

Nói theo kiểu này là nói tới cái đài [nâng đỡ] ở phía dưới hoa.

(Sao) Hoa tất hữu đài, đài tất hữu hoa, ngôn kim cang đài, bất

ngôn hoa, dữ ngôn hoa bất ngôn đài, văn tiền hậu hỗ hiển nhĩ.

(鈔)華必有臺，臺必有華，言金剛臺，不言華，與言華不言臺，文前後互顯耳。

*(**Sao**: Hoa ắt có đài, có đài ắt phải có hoa. Nói "đài kim cang, chẳng nói hoa", và "nói hoa, chẳng nói đài", kinh văn trước sau soi tỏ lẫn nhau vậy).*

Chúng ta đọc kinh Phật hãy nên biết điều này. Đức Phật thuyết pháp, rồi người đời sau kết tập, ghi chép thành văn tự. Trong văn tự, chẳng tránh khỏi có chuyện tu từ[3], tức là tại Trung Hoa, vào thuở phiên dịch, sau khi hoàn thành một bộ kinh, vẫn phải tìm những bậc đại văn học gia làm công tác tu từ, [tức là] giữ cho ý nghĩa chẳng thay đổi, nhưng [điểm xuyết] từ ngữ, câu văn cho đẹp. Người Hoa làm công tác này. Chúng tôi nghĩ: Khi tôn giả A Nan kết tập, thoạt ban sơ cũng phải nên có công tác tô điểm này. Vì thế, văn tự có chỗ nói rõ hoặc tỉnh lược lẫn nhau: Ở nơi đây đã nói rất rõ rệt thì ở chỗ kia bèn nói đơn giản, ở chỗ kia nói rất rõ rệt thì ở nơi đây bèn nói đơn giản. Vì thế, phải gộp lại để xem thì mới có thể thấy ý nghĩa hoàn chỉnh!

(Sao) Đản thượng thượng phẩm nhất sanh liên trung, tức thời hoa khai, tức thời kiến Phật, tức thời chứng đạo. Kỳ dư tắc hoa khai tiệm vãn, kiến Phật tiệm trì, chứng đạo tiệm viễn. Dĩ thị phân biệt, tri thượng thượng độc thắng, phi vị vô liên dã!

(鈔) 但上上品一生蓮中 ，即時華開，即時見佛，即時

---

[3] Tu từ (修辭) hoặc nói đầy đủ là *"tu sức văn từ"* (修飾文辭: sửa chữa, gọt giũa sao cho văn chương bóng bẩy, đẹp đẽ), tức là các biện pháp mỹ hóa văn chương nhằm tăng cường tác dụng truyền đạt, nhấn mạnh những điều muốn biểu đạt, tăng cường mỹ cảm hòng tạo ấn tượng sâu đậm cho người đọc, gây ấn tượng lôi cuốn, thu hút người đọc. Các biện pháp tu từ thường sử dụng nhất là tỷ dụ, ẩn dụ, chuyển hóa (tức là nhân cách hóa sự vật hoặc hình tượng hóa một vấn đề), khoa sức (nói khoa trương), phúng thích (châm biếm), chiết tự, đối ngẫu. Thể loại đối ngẫu tạo ấn tượng rất mạnh, như trong Bình Ngô Đại Cáo có những cặp đối ngẫu thật hùng hồn như: *"Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có… Nướng dân đen trên lửa hung tàn, vùi con đỏ dưới hầm tai vạ. Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo", "voi uống nước, nước sông phải cạn; gươm mài đá, đá núi cũng mòn… ngẫm thù lớn, há đội trời chung; căm giặc nước, thề không cùng sống…"*

證道；其餘則華開漸晚，見佛漸遲，證道漸遠。以是分別，知上上獨勝，非為無蓮也。

*(**Sao**: Chỉ cần sanh vào hoa sen thuộc thượng thượng phẩm, ngay lập tức hoa nở, ngay lập tức thấy Phật, ngay lập tức chứng đạo. Trong những phẩm khác thì hoa nở chậm dần, thấy Phật trễ dần, chứng đạo xa dần, dùng những điều ấy để phân biệt bèn biết thượng phẩm thượng sanh thù thắng độc đáo, chứ không phải là do chẳng có hoa sen vậy).*

Đây là đại sư nói rõ sự sai biệt hơn kém trong chín phẩm. Trong chín phẩm, chỉ có thượng thượng phẩm vãng sanh về nơi ấy, hoa liền nở, thấy Phật. Trong bài kệ Hồi Hướng chúng ta thường niệm [có câu]: *"Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh"*. *"Ngộ Vô Sanh"* là chứng đạo. Quả vị Vô Sanh Pháp Nhẫn cũng có cạn hay sâu khác biệt. Theo như kinh Nhân Vương đã nói, sở chứng của Thất Địa Bồ Tát là hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa là thượng phẩm. Nếu chúng ta nới lỏng tiêu chuẩn một chút, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cũng có thể nói là *"hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh"*. Sử dụng cách nói theo Lục Tức Phật của tông Thiên Thai thì Vô Sanh thuộc về Phần Chứng, tức là chứng đắc vài phần, chẳng chứng đắc viên mãn. Tông Thiên Thai nói Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là Phần Chứng Phật. Đó là nói về sự chứng đạo. Chúng ta phải hiểu: Cùng là thượng thượng phẩm vãng sanh như nhau, nhưng địa vị trong ấy vẫn có bất đồng, vẫn là có phân chia cao thấp. Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, chia nhỏ sẽ thành bốn mươi mốt giai cấp, đều là thật sự chứng quả. Bồ Tát thuộc các địa vị ấy, dẫu chẳng cần bổn nguyện và oai thần A Di Đà Phật gia trì, vị ấy cũng có năng lực và cũng có thần thông đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh, đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn có thể hiện thân Phật để thuyết pháp. Trong khá nhiều kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói chuyện này. Đấy là Pháp Thân đại sĩ, thượng thượng phẩm vãng sanh. Nếu là phàm phu vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm phu có phần trong thượng thượng phẩm hay không? Cũng có! Thiện Đạo đại sư nói chúng ta gặp duyên bất đồng. Nếu gặp duyên thù thắng, xác thực là cũng có thể đạt đến thượng thượng phẩm vãng sanh. Dẫu phẩm vị vãng sanh của chúng ta chẳng cao như vậy, nghiệp chướng tập khí của chúng ta rất nặng, đới nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương thế giới, vãng sanh trong ba phẩm hạ. Sau khi đã tới thế giới Cực Lạc, chúng ta có năng lực gần giống như thượng thượng phẩm, tức là: Hạ hạ phẩm

vãng sanh hễ đã tới thế giới Tây Phương, cũng có thể tùy loại hóa thân đến phổ độ chúng sanh trong các thế giới phương khác. Do đâu mà có năng lực ấy? Năng lực ấy chẳng phải là của chính mình! Chính mình chưa kiến tánh, chẳng phá vô minh, chẳng thấy Pháp Thân. Năng lực ấy do A Di Đà Phật gia trì. Chư vị phải ghi nhớ: Trong các thế giới phương khác chẳng có [chuyện kỳ đặc này], chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có, tức là người trong thế giới Cực Lạc chẳng phá vô minh, chẳng chứng đắc Pháp Thân, cũng giống như Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong mười phương các cõi Phật. Tây Phương được gọi là thù thắng bậc nhất là do chỗ này.

"Kỳ dư" là nói những phẩm vị khác kể từ thượng trung phẩm trở xuống, thời gian hoa nở chậm hơn. *"Kiến Phật"*: Thấy Phật ở đây là thấy Báo Thân Phật. Nếu nói tới Ứng Hóa Phật thì gặp mặt mỗi ngày. Chư vị phải biết: Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh trong thế giới này, từng vì chúng sanh thuyết pháp bốn mươi chín năm, tám mươi tuổi mới nhập Bát Niết Bàn. Thân tướng của vị Phật này được gọi là Ứng Thân Phật, chẳng phải là Báo Thân. Nếu Báo Thân Phật có đến [thế giới này], chúng ta cũng chẳng trông thấy. Đầu của Báo Thân Phật đại khái còn to hơn địa cầu, làm sao quý vị có thể thấy được? Chúng ta chẳng thấy Báo Thân Phật! Trong thế giới Tây Phương, *"hoa khai kiến Phật"* là thấy Báo Thân Phật. Trong bài kệ Tán Phật mà chúng ta hay niệm, thân tướng của Báo Thân Phật rất lớn: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di"* (Lông trắng giữa hai chân mày cuộn tròn to bằng năm quả núi Tu Di); đó là cổ đại đức ca ngợi Phật. Tu Di (Sumeru) nghĩa là Diệu Cao, [hiểu theo nghĩa rộng sẽ] là một quả núi cao nhất trong khu vực của chúng ta, đấy chính là núi Tu Di ở nơi đây. Núi cao nhất trên địa cầu là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himālaya)[4], Thích Ca Mâu Ni Phật sanh đúng ngay phía Nam núi Hỷ Mã Lạp Nhã, nay là xứ Nê Bạc Nhĩ (Nepal), là một tiểu quốc, bèn lấy núi Hỷ Mã Lạp Nhã làm thí dụ [để nói về Diệu Cao]. Giữa hai chân mày của đức Phật có hai sợi bạch

[4] Tên gọi này ghép từ hai chữ Hima (tuyết) và Ālaya (chỗ trú ẩn), có nghĩa là "vùng tuyết đọng". Đỉnh cao nhất trong rặng núi là đỉnh Everest (tên gọi vinh danh nhà quan trắc địa chất George Everest của Anh, nhưng công trình đo đạc thật sự được tiến hành dưới sự hướng dẫn của Andrew Waugh). Andrew Waugh đã đề nghị chọn tên này vì có quá nhiều tên gọi địa phương đối với đỉnh núi này như Chomolungma (thánh mẫu) trong tiếng Tây Tạng, người Nepal gọi là Deodungha hoặc Sagarmāthā.

hào[5], hai sợi bạch hào ấy cuộn tròn to cỡ nào? To bằng năm rặng núi Hỷ Mã Lạp Nhã. Quý vị hãy tưởng tượng xem, đầu đức Phật há chẳng phải là to như quả địa cầu, làm sao chúng ta có thể thấy được? Chẳng nhìn thấy! Chúng ta có thể thấy, có thể tiếp xúc, đều là Ứng Thân hoặc Hóa Thân của Phật. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ứng Hóa Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức nhiều, thời thời khắc khắc, nơi nơi chốn chốn đều trông thấy, hầu như Phật chẳng hề lìa khỏi chúng ta. Suốt ngày từ sáng đến tối đều ở chung một chỗ với Phật; đó là Ứng Hóa Phật. Chúng ta hiểu rõ sự thật này, nói thật ra, đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị vãng sanh chẳng quan trọng cho lắm. Thấy Báo Thân sớm hay trễ chẳng khẩn yếu. Ứng Hóa Phật cũng là chân Phật, chẳng giả, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt hằng ngày. Huống hồ lại được bổn nguyện và oai thần của Phật gia trì mỗi ngày, trí huệ, thần thông, đạo lực gần như chẳng khác bậc Đẳng Giác Bồ Tát, thế mà vẫn chưa thỏa mãn ư? Hãy nên khăng khăng một mực thật thà niệm Phật, đó là đúng.

"Dĩ thị phân biệt, tri thượng thượng độc thắng, phi vị vô liên dã" (Dùng những điều ấy để phân biệt bèn biết thượng phẩm thượng sanh thù thắng độc đáo, chứ không phải là do chẳng có hoa sen vậy). Phần thượng phẩm thượng sanh trong Quán Kinh chỉ nói kim cang đài, chẳng nhắc tới hoa sen. Từ kinh văn nhiều ngần ấy, chúng ta có thể suy đoán: Thượng phẩm thượng sanh nhất định là cũng có hoa sen, kinh văn nói tỉnh lược đó thôi!

(Sao) Nhược dĩ vô liên vi thắng, hữu liên vi liệt, thị bạc liên dã, hà thủ ư liên bang?

---

[5] Bạch Hào gọi đầy đủ là Mi Gian Bạch Hào Tướng (Ūrna-lakṣana) là sợi lông trắng, cuộn tròn, trong suốt, tỏa sáng như viên ngọc nằm giữa hai chân mày đức Phật, ngay phía trên sống mũi. Khi kéo thẳng ra, Bạch Hào dài đến tám thước (có thuyết nói lúc sơ sanh, Bạch Hào dài năm thước, đến khi thành đạo, dài một trượng năm thước). Do vậy, để biểu thị tướng này, người ta thường cẩn một viên ngọc tròn hoặc thủy tinh lóng lánh vào giữa hai chân mày các tượng Phật. Kinh Ưu Bà Tắc Giới cho biết: *"Lúc còn là Bồ Tát, Ngài đã từng trong vô lượng đời tuyên thuyết chánh pháp, thuyết pháp chân thật bất hư, nên có được tướng bạch hào"*. Mỗi khi thuyết đại pháp, đức Phật thường phóng quang từ tướng Bạch Hào, kinh chép là *"phóng bạch hào quang"*, nên chúng ta thường lẫn lộn *"hào quang"* với *"viên quang"* (vầng quang minh bao quanh đầu đức Phật).

(鈔)若以無蓮為勝，有蓮為劣，是薄蓮也，何取於蓮邦。

*(**Sao**: Nếu nghĩ "chẳng có hoa sen là thù thắng, có hoa sen là kém cỏi", tức là khinh thường hoa sen, sao còn cầu sanh Liên Bang?)*

Nếu nói "chẳng có hoa sen là thù thắng nhất, có hoa sen đâm ra thua kém một bậc", *"thị bạc liên dã"* [nghĩa là] chúng ta khinh thường hoa sen!

(Sao) Nhi hoa tòa quán, minh Phật tọa liên hoa, tắc Phật diệc liệt hỹ, lý vân hà thông?

(鈔)而華座觀，明佛坐蓮華，則佛亦劣矣，理云何通？

*(**Sao**: Nhưng trong phần Hoa Tòa Quán, kinh nói Phật ngồi trên hoa sen, vậy thì Phật cũng kém cỏi, lý ấy nói sao cho suông?)*

Trong mười sáu phép Quán, phép Quán thứ bảy là Hoa Tòa Quán, quán tòa hoa sen của Phật, quán hoa sen, Phật ngự trên hoa sen. [Nếu hiểu] là trong phần thượng phẩm thượng sanh chẳng có hoa sen, chỉ ngồi trên đài kim cang, chẳng có hoa sen là thù thắng, vậy thì Phật cũng chẳng sánh bằng người [vãng sanh] ấy, há có lẽ đó? Nói theo Lý chẳng suông! Những lời này không gì chẳng nhằm phá trừ nỗi nghi hoặc của chúng ta, chỉ rõ chín phẩm đều có hoa sen, chín phẩm đều có gương sen, đều có đài [nâng đỡ tòa sen].

(Diễn) Đản thượng thượng phẩm hạ.

(演)但上上品下。

*(**Diễn**: Từ câu "chỉ là thượng thượng phẩm" trở đi).*

Chỉ đoạn văn [trong phần Sao] trên đây.

(Diễn) Thị minh thượng phẩm thù thắng chi nghĩa.

(演)是明上品殊勝之義。

*(**Diễn**: Nói rõ ý nghĩa thù thắng của thượng phẩm).*

"Minh" là nói rõ, chỉ rõ thượng phẩm thượng sanh thù thắng khôn

sánh.

(Diễn) Hoa khai tiệm vãn nhị cú.

(演)華開漸晚二句。

*(**Diễn**: Hai câu từ "hoa nở chậm dần" [trở đi]).*

Chỉ phần kế tiếp. Chúng ta xem phần kế tiếp.

(Diễn) Thượng phẩm trung sanh, kinh túc hoa khai, tức đắc kiến Phật.

(演)上品中生，經宿花開，即得見佛。

*(**Diễn**: Thượng phẩm trung sanh, qua một đêm hoa nở, liền được thấy Phật).*

Thượng phẩm thượng sanh, tới nơi đó hoa liền nở. Thượng phẩm trung sanh, qua một đêm hoa nở, cách một đêm hoa sẽ nở. Hoa nở bèn thấy Phật. Một đêm ấy chính là một đêm trong thế giới này của chúng ta. Thế giới Tây Phương chẳng có ngày, đêm, chẳng có năm, tháng, ngày, giờ. Nói cách khác, chậm hơn thượng phẩm thượng sanh mười hai tiếng đồng hồ mà thôi!

(Diễn) Thượng phẩm hạ sanh, kinh nhất nhật nhất dạ, liên hoa nãi khai.

(演)上品下生，經一日一夜，蓮華乃開。

*(**Diễn**: Thượng phẩm hạ sanh, trải qua một ngày một đêm, hoa sen bèn nở).*

Thượng phẩm hạ sanh mới là hai mươi bốn tiếng đồng hồ, hoa mới nở. Hoa nở vẫn chưa thấy Phật, khi nào sẽ thấy Phật?

(Diễn) Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật.

(演)七日之中，乃得見佛。

*(**Diễn**: Trong bảy ngày bèn được thấy Phật).*

Một ngày một đêm hoa nở, hoa nở [trong vòng] bảy ngày sẽ thấy Phật, thấy Báo Thân của Phật.

(Diễn) Nãi chí hạ phẩm thượng sanh, kinh thất thất nhật, hoa khai kiến Phật.

(演)乃至下品上生，經七七日，花開見佛。

*(**Diễn**: Cho đến hạ phẩm thượng sanh, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa nở thấy Phật).*

Hạ phẩm thượng sanh là chúng sanh tạo tác ác nghiệp, bất quá tạo ác chẳng quá nặng nề. Qua bảy lần bảy bốn mươi chín ngày, hoa nở thấy Phật.

(Diễn) Hạ phẩm trung sanh, kinh ư lục kiếp, hoa khai kiến Phật.

(演)下品中生，經於六劫，花開見佛。

*(**Diễn**: Hạ phẩm trung sanh, qua sáu kiếp, hoa nở, thấy Phật).*

Thời gian thật dài.

(Diễn) Hạ phẩm hạ sanh, kinh thập nhị đại kiếp, hoa khai kiến Phật.

(演)下品下生，經十二大劫，花開見佛。

*(**Diễn**: Hạ phẩm hạ sanh, trải mười hai đại kiếp, hoa nở, thấy Phật).*

Hoa nở chậm dần.

(Diễn) Chứng đạo tiệm viễn giả, thượng trung, kinh nhất tiểu kiếp.

(演)證道漸遠者，上中，經一小劫。

*(**Diễn**: "Chứng đạo chậm dần": Thượng phẩm trung sanh trải qua một tiểu kiếp).*

"Chứng đạo" ở đây là đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. *"Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh"* là ba giai đoạn, chẳng phải là cùng lúc. Hoàn thành cùng lúc chỉ có thượng phẩm thượng sanh. Hoa nở và thấy Phật đồng thời, chứng quả chẳng đồng thời, thời gian có sai biệt; thượng phẩm trung sanh trải qua một tiểu kiếp.

(Diễn) Thượng hạ, kinh tam tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhẫn, trụ

Hoan Hỷ Địa. Nãi chí hạ thượng, kinh thập tiểu kiếp, đắc nhập Sơ Địa.

(演)上下，經三小劫，得無生忍，住歡喜地。乃至下上，經十小劫，得入初地。

*(**Diễn**: Thượng phẩm hạ sanh trải qua ba tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhẫn, trụ Hoan Hỷ Địa. Cho đến hạ phẩm thượng sanh, trải qua mười tiểu kiếp, được nhập Sơ Địa).*

Đắc Vô Sanh Nhẫn, trụ Hoan Hỷ Địa, chỉ rõ tiêu chuẩn Vô Sanh Nhẫn chính là Sơ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo. Quả thật địa vị này rất cao, chứng Vô Sanh Nhẫn.

(Diễn) Hạ trung, kinh ư lục kiếp, phát Vô Thượng Đạo tâm.

(演)下中，經於六劫，發無上道心。

*(**Diễn**: Hạ phẩm trung sanh, trải qua sáu kiếp, phát Vô Thượng Đạo tâm).*

Sáu kiếp hoa nở, thấy Phật, phát Vô Thượng Đạo tâm.

(Diễn) Hạ hạ, thập nhị đại kiếp, phát Bồ Đề chi tâm.

(演)下下，十二大劫，發菩提之心。

*(**Diễn**: Hạ phẩm hạ sanh, qua mười hai đại kiếp, phát Bồ Đề tâm).*

Vô Thượng Đạo tâm có cùng một ý nghĩa với Bồ Đề tâm, đều là nói tới địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, trong Biệt Giáo là Sơ Địa. Cũng có nghĩa là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chính là địa vị ấy. Nói theo Biệt Giáo [trong các thế giới khác], địa vị ấy đã tu trọn một A-tăng-kỳ kiếp, đến A-tăng-kỳ kiếp thứ hai mới chứng đắc quả vị này. Người hạ hạ phẩm vãng sanh trong thế giới Tây Phương chỉ cần mười hai đại kiếp, trong các thế giới phương khác phải tu một A-tăng-kỳ kiếp, chẳng thể sánh bằng! Đây cũng là nói rõ: Vì sao hết thảy chư Phật, Bồ Tát khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ? Đạo lý ở chỗ này.

Nhưng nếu chư vị đọc cẩn thận kinh văn này, sẽ có một nghi vấn: Vì sao hạ phẩm thượng sanh trong bảy lần bảy bốn mươi chín ngày bèn hoa nở thấy Phật, thành tựu vượt trỗi trung bối vãng sanh? *"Trung bối"* ở đây là trung phẩm thượng sanh, chứ trung phẩm trung sanh và trung

phẩm hạ sanh [kinh văn] chẳng nói tới. Nhưng chúng ta hiểu rất rõ: Trong trung bối vãng sanh, hai loại trước (trung phẩm thượng sanh và trung phẩm trung sanh) là người Tiểu Thừa trì giới, hồi Tiểu hướng Đại cầu sanh Tịnh Độ. Trung phẩm hạ sanh là thiện nhân trong thế gian, hạ phẩm thượng sanh là kẻ làm ác. Vì sao họ vãng sanh thời gian còn ngắn hơn, thành tựu còn rất nhanh chóng? Ở đây, nhất định phải hiểu: Làm ác là một chuyện, căn tánh lại là một chuyện khác! Kẻ tạo ác bụng dạ rộng rãi, rất có nghĩa khí, bằng lòng giúp đỡ kẻ khác; nói theo phương diện này, kẻ Tiểu Thừa chẳng bằng họ. Kẻ Tiểu Thừa bảo vệ chính mình. Giang hồ hào kiệt có thể bỏ mình vì người, thấy người khác gặp nguy nan bèn chịu rút đao tương trợ, họ có khí phách hào sảng ấy. Vì thế, hễ họ quay đầu sanh về Tịnh Độ, sẽ thường có thành tựu nhanh chóng hơn kẻ khác, đạo lý là như thế đó. Hạ phẩm trung sanh thì không được. Kinh đã nói rất rõ ràng: Quá nửa đều là người xuất gia chẳng tuân thủ giới luật. Đó cũng là do thiện căn trong đời trước, họ còn có thể niệm Phật, tu tập, tích lũy công đức, cho nên được vãng sanh. Hạ phẩm hạ sanh là kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, có thể nói là kẻ tội to cực ác, cũng cậy vào thiện căn trong đời quá khứ, vãng sanh giống như vậy. Do vậy có thể biết: Chín phẩm chẳng phải do Phật, Bồ Tát kiến lập, mà hoàn toàn là do chúng ta tự mình sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, do công phu tu hành của chúng ta cạn hay sâu bèn cảm vời, hiển hiện những quả vị ấy. Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình: Chúng ta thấy các quả vị ấy rất rõ ràng, nhưng người trong thế giới Tây Phương chưa hề khởi tâm động niệm đối với chuyện này. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật, vì các tướng trạng được trông thấy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn bình đẳng. Ở đây, chúng ta mới liễu giải *"hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh"* là do Tánh Đức của chính mình lưu lộ. Chẳng thấy Phật, chẳng ngộ Vô Sanh, những gì người ấy được hưởng thụ là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, nhìn từ bên ngoài, quý vị chẳng thấy có cao hay thấp, hoàn toàn bình đẳng. Vì lẽ đó, thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. Thế giới bình đẳng ấy cũng khiến cho chúng ta hoài nghi, cũng khiến cho chúng ta khó thể lý giải. Chúng sanh tạo tác nghiệp lực bất bình đẳng, công phu tu hành bất bình đẳng, vì sao hết thảy thần thông, đạo lực, và thọ dụng đều bình đẳng? Phần nào quý vị bất bình đẳng, A Di Đà Phật bèn giúp đỡ, ban thêm cho quý vị. Do vậy, quý vị thảy đều là bình đẳng, có ý nghĩa như vậy đó! Thế giới Tây Phương thật sự bình đẳng!

Dưới đây, Liên Trì đại sư lại giả lập một đoạn vấn đáp, đúng là sợ quý vị có nghi hoặc, nghi có thể chướng đạo! Nếu chẳng trừ nghi hoặc, dẫu niệm Phật vãng sanh, cũng sanh về Nghi Thành, Biên Địa. Đây là lòng từ bi chân thật của đại sư, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Sao) Vấn: Cực Lạc cửu phẩm, bát tùng liên sanh, Tứ Minh hà vi hữu thị ngôn hồ?

(鈔)問：極樂九品，八從蓮生，四明何為有是言乎。

*(**Sao**: Hỏi: "Cực Lạc có chín phẩm, tám phẩm sanh từ trong hoa sen". Cớ sao ngài Tứ Minh nói lời ấy?)*

Tứ Minh tôn giả[6] có tác phẩm chú giải là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Diệu Tông Sao. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ do Trí Giả đại sư soạn. Trong lời Sao, Tứ Minh tôn giả đã viết: *"Cực Lạc cửu phẩm, bát tùng liên sanh"* (Chín phẩm của Cực Lạc, tám phẩm sanh từ hoa sen). Câu ấy do Ngài nói. Ngài là một vị tổ sư của tông Thiên Thai, chẳng lẽ còn phạm sai lầm ư? Do vậy, nay chúng tôi chọn lựa chú giải cho bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, bèn chọn tác phẩm của ngài Thiện Đạo, chẳng chọn từ tông Thiên Thai. Quý vị hãy quan sát kỹ càng, [sẽ thấy] lời giải thích của ngài Thiện Đạo viên mãn, giảng giải hay hơn bộ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai, nói thật ra, vẫn chẳng lìa khỏi học thuyết chủ trương của họ. Nếu nói theo Phật pháp, họ có thành kiến, chấp trước, tức là [để giải thích bất cứ điều gì đều gò

---

[6] Tứ Minh tôn giả (960-1028), tức là ngài Tri Lễ. Vị này quê quán ở huyện Tứ Minh (nay là huyện Cẩn, tỉnh Chiết Giang), là một vị tổ sư trong tông Thiên Thai. Do Sư thường trụ tích tại Bảo Ân Viện núi Tứ Minh tu lễ sám bốn mươi mấy năm nên người đương thời gọi Ngài là Tứ Minh tôn giả hoặc Tứ Minh đại sư. Cùng với ngài Tuân Thức, Sư được coi là nhân vật chủ chốt lãnh đạo phái Sơn Gia, thường bút chiến với các vị thuộc hệ thống Sơn Ngoại như pháp sư Ngộ Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh, Trí Viên, Khánh Chiêu v.v… xoay quanh những ý kiến bất đồng về những luận điểm trong tác phẩm Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Phát Huy Ký của ngài Ngộ Ân (vì trong tác phẩm ấy, ngài Ngộ Ân chủ trương bộ Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Quảng Bổn tuy ghi tác giả là ngài Trí Khải, nhưng là một tác phẩm mạo danh tổ sư. Đồng thời chủ trương chân tâm quán, coi cảnh được quán là chân tâm, tức Chân Như). Ngài Tri Lễ bèn viết Phù Tông Thích Nạn để đả phá luận thuyết ấy. Danh từ Sơn Gia có ngụ ý những người theo quan điểm của ngài Tri Lễ và Tuân Thức mới là Thiên Thai Chánh Tông, còn những kẻ theo quan điểm của ngài Ngộ Ân bị biếm nhẽ là Sơn Ngoại, tức những kẻ còn ở ngoài cửa, chưa thâm nhập giáo nghĩa Thiên Thai.

vào cái khuôn] Tam Chỉ Tam Quán. Đối với mười sáu phép Quán, họ giải thích bằng cách vận dụng Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai, dùng phương pháp ấy để tu Quán. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh xác thực là chẳng có ý nghĩa ấy, họ cứ khăng khăng áp dụng khuôn mẫu phương pháp của Thiên Thai vào chỗ này, như vậy thì sẽ càng thêm khó khăn, chẳng giảng giải đơn giản, dễ hiểu như Thiện Đạo đại sư. Chúng ta hãy xem cách nói của Liên Trì đại sư.

(Sao) Đáp: Tứ Minh chỉ thuyết bát tùng liên sanh, vị thuyết bất liên vi thị hà phẩm. Dĩ trung hạ phẩm diệc vô liên hoa cố, nhược quả thượng thượng bất liên, đương tất hữu thuyết, nhi nãi đồ khai kỳ đoan, bất cánh kỳ thuyết giả, hà dã?

(鈔)答：四明只說八從蓮生，未說不蓮為是何品。以中下品亦無蓮華故，若果上上不蓮，當必有說，而乃徒開其端，不竟其說者，何也。

*(**Sao**: Đáp: Ngài Tứ Minh chỉ nói tám phẩm sanh từ hoa sen, chẳng nói phẩm nào chẳng sanh từ hoa sen. Bởi lẽ, trung phẩm hạ sanh cũng chẳng nhắc tới hoa sen. Nếu thượng phẩm thượng sanh thật sự chẳng có hoa sen, ắt Ngài phải nói, nhưng Ngài chỉ khơi ra đầu mối ấy, rốt cuộc chẳng nói rõ vì sao?)*

"Bát tùng liên sanh" (Tám phẩm sanh từ hoa sen), rốt cuộc là phẩm nào chẳng có hoa sen? Chẳng nói minh bạch! Trong chín phẩm ấy, có phẩm nói đến đài sen, có phẩm nói đến hoa sen, có phẩm cùng nói đài sen và hoa sen, mà chẳng nói tới hoa sen thì cũng hoàn toàn chẳng phải chỉ riêng thượng phẩm thượng sanh, rốt cuộc là nói đến loại nào? Ngài Tứ Minh *"đồ khai kỳ đoan, bất cánh kỳ thuyết"* (chỉ khơi ra đầu mối ấy, rốt cuộc chẳng nói), chẳng nói rõ ràng!

(Sao) Hoặc thử bát tự truyền tả chi ngộ, an tri bất thị Cực Lạc cửu phẩm, tất tùng liên sanh, sĩ cao minh cánh biện chi!

(鈔)或此八字傳寫之誤，安知不是極樂九品，必從蓮生，俟高明更辨之。

*(**Sao**: Chữ "bát" ấy có thể là do sao chép sai lầm, không chừng nó chính là chín phẩm trong cõi Cực Lạc đều sanh từ hoa sen, xin chờ bậc cao minh biện định).*

Liên Trì đại sư nói lời này rất viên mãn. Có lẽ là do người đời sau biên chép sai lệch. *"Bát"* (八) cũng có thể là chữ *"tất"* (必: đều cùng) không chừng!

(Diễn) Vấn Cực Lạc cửu phẩm hạ, thị thích minh Diệu Tông Sao hoặc hữu sai ngộ.

(演)問極樂九品下，是釋明妙宗鈔或有差誤。

*(**Diễn**: Từ câu "Hỏi: Chín phẩm trong Cực Lạc" trở đi nhằm giải thích rõ bộ Diệu Tông Sao có thể là sai lầm).*

Do vậy mới khiến cho người đời sau sanh khởi lắm nỗi nghi hoặc ngần ấy.

(Sớ) Vấn: Hạ phẩm dĩ ngoại, phục hữu thai sanh, vị thật hữu phủ?

(疏)問：下品之外，復有胎生，為實有否。

*(**Sớ**: Ngoài hạ phẩm lại có thai sanh, có thật như vậy hay chăng?)*

Kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy. Câu hỏi này rất hay, ngoài hạ hạ phẩm vãng sanh ra, có phải là đúng như kinh nói, thật sự có thai sanh?

(Sớ) Đáp: Biểu Tín Lực bất kiên cố, thật vô thai sanh.

(疏)答：表信力不堅故，實無胎生。

*(**Sớ**: Đáp: Biểu thị Tín Lực chẳng kiên cố, thật sự chẳng có thai sanh).*

Liên Trì đại sư nói câu này hết sức khẳng định, Tây Phương Cực Lạc thế giới xác thực là chẳng có thai sanh! Có Biên Địa, nhưng vẫn là hóa sanh trong hoa sen, bất quá trong năm trăm năm họ không thấy Phật, không nghe pháp, khổ là khổ ở chỗ ấy. Chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, đương nhiên là [chẳng thấy] Ứng Hóa Thân Phật, chẳng phải là Báo Thân Phật. Trong năm trăm năm chẳng thấy Ứng Hóa Thân Phật. Năm trăm năm ấy cũng dùng đơn vị thời gian trong nhân gian chúng ta để tính toán.

(Sao) Phi thai sanh giả, Đại Bổn vân: "Phật cáo Di Lặc: Nhược

hữu chúng sanh, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ sát, bất liễu Phật trí, chí ý do dự, lâm mạng chung thời, phương hối kỷ quá. Dĩ thị sanh bỉ, tài nhập Biên Địa, kiến thất bảo thành, tức tiện chỉ trụ, ư liên hoa sanh, diệc hữu tự nhiên khoái lạc, như Đao Lợi Thiên. Duy ư thành trung, kinh ngũ bách tuế, bất đắc kiến Phật, bất văn kinh pháp, dĩ thử vi khổ". Cố danh Thai Sanh, phi thật thai dục như nhân gian dã.

(鈔)非胎生者，大本云：佛告彌勒，若有眾生，修諸功德，願生彼剎，不了佛智，志意猶豫，臨命終時，方悔己過，以是生彼，纔入邊地，見七寶城，即便止住，於蓮華生，亦有自然快樂，如忉利天，惟於城中經五百歲，不得見佛，不聞經法，以此為苦，故名胎生。非實胎育如人間也。

*(**Sao**: "Chẳng phải là thai sanh": Kinh Đại Bổn nói: "Phật bảo Di Lặc: Nếu có chúng sanh tu các công đức, nguyện sanh về cõi kia, chẳng hiểu rõ Phật trí, chí ý do dự, khi mạng sắp chấm dứt, mới hối lỗi mình. Do vậy sanh về cõi kia, mới đến Biên Địa, thấy thành bảy báu, liền ngưng nghỉ ở đó, sanh trong hoa sen, cũng có sự sung sướng tự nhiên như trong cõi trời Đao Lợi. Chỉ là trong năm trăm năm, ở trong thành ấy, chẳng được thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, coi đó là khổ". Cho nên gọi là Thai Sanh, chẳng phải là thật sự có sanh nở bằng bào thai như trong nhân gian).*

Vì sao bị đọa nơi Biên Địa Nghi Thành? Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất minh bạch. Nói chung, quy nạp lại thì có hai nhân tố: Một là hoài nghi trí huệ viên mãn rốt ráo của Phật; hai là dấy lòng hoài nghi thiện căn của chính mình. Nhưng người ấy vẫn tín nguyện trì danh. Nếu chẳng có tín nguyện trì danh, căn bản là chẳng thể sanh về đó. Có tín nguyện trì danh, nhưng trong tâm có niềm nghi hoặc, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể *"nhập phẩm"* (入品: dự vào phẩm vị vãng sanh), đọa trong Biên Địa, có ý nghĩa như thế. Chư vị phải hiểu: Biên Địa trọn chẳng phải là một nơi thật sự cách xa khu vực trung tâm, chẳng phải vậy! Đó là tỷ dụ. Biên Địa là gì? Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, bèn gọi là Biên Địa. Nhưng ở trong ấy, sung sướng giống như trời Đao Lợi, hoặc như Dạ Ma Thiên; ở trong ấy, xác thực là tự tại, vui sướng. Chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, coi đó là khổ, gọi là Biên Địa. Cũng không chừng hoa

sen của quý vị ở ngay bên cạnh A Di Đà Phật, trọn chẳng rất xa, nhưng vì quý vị có nghi hoặc, cho nên chẳng thể cảm ứng Ứng Hóa Thân của Phật. Có thể thấy là đức Phật công bình đối với hết thảy chúng sanh, chẳng có giới hạn, [mọi nỗi chướng ngại] là vì chính quý vị có chướng ngại. Đại Kinh nói: *"Nghi là chướng nạn lớn nhất của Bồ Tát"*. Có nỗi nghi hoặc ấy, khiến cho chính mình chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp. Những lời chú thích đều xuất phát từ kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Hựu vân: Như Sát-đế-lợi, kỳ tử phạm pháp, u chi nội cung.

(鈔)又云：如剎帝利，其子犯法，幽之內宮。

*(**Sao**: Lại nói: Như Sát-đế-lợi[7], đứa con ông ta phạm pháp, bị giam cầm trong nội cung).*

"U" (幽) có nghĩa là giam cầm. [Vương tử] phạm pháp, bị giam, ngồi tù.

(Sao) Xử dĩ hoa quán.

(鈔)處以華觀。

*(**Sao**: Ở trong cung điện tráng lệ).*

"Hoa quán" (華觀) là cung điện hoa mỹ, tráng lệ. Bị giam cầm ở trong ấy, chẳng được phép tự do ra vào!

(Sao) Tầng lâu, ỷ điện, hảo sức kỳ trân, bảo trướng, kim sàng, phục ngự sở tư, tất giai phong bị.

(鈔)層樓綺殿，好飾奇珍，寶帳金床，服御所資，悉皆豐備。

*(**Sao**: Lầu nhiều tầng, điện sơn vẽ rực rỡ, trang hoàng đẹp đẽ bằng nhiều chất báu quý lạ, trướng báu, giường vàng, quần áo, xe cộ, đồ vật cần dùng thảy đều dư dật, đầy đủ).*

---

[7] Sát Đế Lợi (Kṣatriya) là một trong bốn chủng tánh (Varna) tại Ấn Độ, có nghĩa là cai trị, đặc quyền, thống lãnh, bao gồm những người cai trị và tướng lãnh quân sự, về sau được dùng với nghĩa rộng để chỉ giai cấp quý tộc. Sát Đế Lợi ở đây có nghĩa là một vị vua. Chữ Vương (Rājā) vốn là danh xưng của tù trưởng cai trị bộ tộc thời tiền Veda.

Ý nói cuộc sống hết sức hào nhoáng, hết thảy hưởng thụ vật chất đều chẳng thiếu khuyết, thứ gì cũng đầy đủ. Anh ta là vương tử, vương tử phạm pháp bị giam cầm chẳng giống kẻ bình phàm, giam cầm trong thâm cung.

(Sao) Nhi dĩ Diêm Phù kim tỏa hệ kỳ lưỡng túc, bất đắc tự tại, tức Thai Sanh dụ dã.

(鈔)而以閻浮金鎖繫其兩足，不得自在，即胎生喻也。

*(**Sao**: Nhưng dùng xích bằng vàng Diêm Phù trói chặt hai chân, chẳng được tự tại, nên dùng Thai Sanh để sánh ví).*

Đây là ý nghĩa của tỷ dụ Thai Sanh. Người ấy chẳng thể tự tại, chẳng thể thấy Phật, chẳng thể nghe pháp. Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, kẻ ấy đắc tự tại, hằng ngày có thể đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật, nghe Phật thuyết pháp. Có khi gặp gỡ chúng sanh hữu duyên, kẻ ấy tiện dịp cũng có thể dùng các thứ thân để hóa độ chúng sanh, kẻ ấy tự do tự tại. Sanh trong Biên Địa Nghi Thành trong suốt năm trăm năm chẳng được tự tại. Đó là tỷ dụ Thai Sanh, Thai (胎) có nghĩa là *"chẳng được tự tại"*.

(Sao) Hựu vân: "Nhược thức kỳ bổn tội, thâm tự hối trách, cầu ly bổn xứ, tức đắc vãng nghệ Vô Lượng Thọ Phật sở.

(鈔)又云：若識其本罪，深自悔責，求離本處，即得往詣無量壽佛所。

*(**Sao**: Lại nói: "Nếu biết tội của mình, tự hối hận, tự trách sâu xa, cầu lìa khỏi chỗ ấy, liền được đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật").*

Nói cách khác, phàm là người vãng sanh thuộc loại này, năm trăm năm là cực hạn của người ấy. Cũng có nghĩa là: Tối đa là sau năm trăm năm, người ấy sẽ hối hận, biết sám hối, có thể đoạn trừ nỗi nghi hoặc ấy. Đương nhiên còn có người rất nhanh chóng, đến chỗ ấy một năm hoặc hai năm bèn sám hối. Hễ sám hối, liền lìa khỏi, Phật liền hiện tiền, có thể thấy Phật, nghe pháp. Đây cũng là nói rõ: Thời gian đọa trong Biên Địa chẳng phải là rất dài. Dài nhất bất quá là năm trăm năm mà thôi, dùng [đơn vị thời gian trong] thế gian này để tính toán.

(Sao) Hựu Bồ Tát Xử Thai kinh vân: "Tây Phương khứ thử Diêm Phù Đề thập nhị ức na-do-tha, hữu Giải Mạn Giới, quốc độ thất bảo, kỳ lạc vô tỷ. Phát ý dục sanh Di Đà Phật quốc, nhi nhiễm trước ư thử, bất năng tiền tấn, diệc Nghi Thành Biên Địa loại dã". Như thị giai diêu tín bất thiết cố.

(鈔)又菩薩處胎經云：西方去此閻浮提十二億那由他，有懈慢界，國土七寶，其樂無比，發意欲生彌陀佛國，而染著於此，不能前進，亦疑城邊地類也。如是皆繇信不切故。

*(**Sao**: Kinh Bồ Tát Xử Thai lại nói: "Về phương Tây, cách Diêm Phù Đề mười hai ức na-do-tha [thế giới], có cõi Giải Mạn là cõi nước bằng bảy báu, vui sướng khôn sánh. Kẻ phát khởi tâm ý muốn sanh về cõi nước của Phật Di Đà, nhưng nhiễm đắm cõi ấy, chẳng thể tiến lên, đó cũng là chỗ thuộc loại Nghi Thành Biên Địa". Như thế đều là do lòng tin chẳng thiết tha vậy).*

Trong kinh Bồ Tát Xử Thai[8], đức Thế Tôn có nói như vậy. Theo như đoạn kinh ấy nói, người niệm Phật có kẻ đọa trong nước Giải Mạn. Giải (懈) là giải đãi (懈怠), Mạn (慢) là ngã mạn. Người niệm Phật chẳng sửa đổi khuyết điểm, tập khí, trong tương lai cầu sanh Tịnh Độ sẽ tìm sai chỗ! Ngỡ nước Giải Mạn là thế giới Cực Lạc, sai mất rồi! Cõi Giải Mạn khá gần thế giới Sa Bà, ở giữa Sa Bà và Cực Lạc. Còn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy nơi ấy khá quá, cứ ngỡ chắc là Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn trụ trong đó, chẳng đi nữa, sai mất rồi! Người thật sự niệm Phật, nói thật ra, chẳng dễ gì đến chỗ đó, vì sao? A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, cứ khăng khít theo A Di Đà Phật, lấy đâu ra sai lầm? Kẻ [chẳng thật lòng niệm Phật, nửa tin, nửa ngờ] theo A Di Đà Phật nửa chừng bèn chẳng theo nữa, sẽ có thể đến nơi ấy (cõi Giải Mạn), phiền phức to lớn! Vì thế, hãy theo chắc A Di Đà Phật. Huống chi thật sự vãng sanh thì thời gian từ thế giới này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức ngắn ngủi, trong khoảng khảy ngón tay đã đến nơi, làm

[8] Bồ Tát Xử Thai Kinh, có tên gọi đầy đủ là Bồ Tát Tùng Đâu Suất Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, gồm ba mươi tám phẩm, do ngài Trúc Phật Niệm dịch trong niên hiệu Hoằng Thỉ nhà Diêu Tần. Kinh dạy về cảnh giới của Nhất Sanh Bổ Xứ Đẳng Giác Bồ Tát khi từ cung trời Đâu Suất giáng sanh vào thai mẹ, đồng thời bao gồm rất nhiều giáo nghĩa và phương pháp tu chứng của Bồ Tát.

sao có thể đọa lạc vào nơi đó cho được! Chẳng thể nào! Điều này khiến cho chúng ta an tâm rất lớn, chỉ là biết có một nơi chốn như vậy!

(Sớ) Vấn: Ký vân thất nhật, bỉ lâm chung thập niệm, đặc nga khoảnh nhĩ, hà đắc vãng sanh?

(疏)問：既云七日，彼臨終十念，特俄頃耳，何得往生？

*(**Sớ**: Hỏi: Đã nói là bảy ngày, kẻ ấy lâm chung mười niệm chỉ là trong khoảnh khắc, vì sao được vãng sanh?)*

"Ký vân thất nhật" (Đã nói là bảy ngày), chính là kinh Di Đà nói: *"Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến hoặc bảy ngày"*. Đã nói là "bảy ngày" thì kẻ lâm chung mười niệm chẳng có công phu bảy ngày! Xác thực là có người như vậy, giống như Trương Thiện Hòa đời Đường suốt một đời chẳng tiếp xúc Phật pháp, mà cũng chưa hề niệm Phật; khi lâm chung, thật sự là mười niệm vãng sanh. Lâm chung mười niệm thì chỉ là trong một sát-na, thời gian hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, vì sao cũng có thể vãng sanh? Những câu hỏi này đều hết sức hay.

(Sớ) Đáp: Chánh dĩ nhất tâm cố, như Trí Luận trung thuyết, hựu tự lực, tha lực, như Na Tiên trung thuyết.

(疏)答：正以一心故，如智論中說。又自力他力，如那先中說。

*(**Sớ**: Đáp: Chính là vì nhất tâm như trong Trí Độ Luận nói, lại do tự lực và tha lực như trong kinh Na Tiên đã nói).*

Kinh nói *"hoặc một ngày, cho đến hoặc bảy ngày"*, mục đích là khiến cho chúng ta niệm đến nhất tâm bất loạn, *"nhất tâm"* bèn có thể vãng sanh. Đối với cương lãnh trọng yếu trong việc niệm Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất hay: "*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, đó thật sự là *"một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Nếu chẳng phải là tịnh niệm thì là tạp niệm, xen tạp vọng tưởng! Vừa niệm Phật vừa dấy vọng tưởng, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng cũng vô dụng. Tuy niệm nhiều, công phu nông cạn. Trong mười niệm của người ta chẳng có vọng tưởng; tuy niệm Phật hiệu ít, công phu sâu. Ngẫu Ích đại sư nói: *"Niệm Phật chú trọng công phu sâu*

hay cạn", chẳng nói *"niệm Phật hiệu nhiều hay ít"*, chẳng nói chuyện ấy. Về sau, các vị đại đức muốn chúng ta ấn định công khóa, mỗi ngày niệm một vạn, ba vạn, năm vạn [câu Phật hiệu]. Vì sao buộc chúng ta phải niệm như vậy? Đó là để nói với lũ chúng ta là những kẻ chẳng khéo dụng tâm. Chúng ta chẳng niệm Phật bèn dấy vọng tưởng; nói chung, niệm Phật tốt hơn dấy vọng tưởng, tức là loạn tâm niệm Phật tốt hơn chẳng niệm, có ý nghĩa như thế đó. Nhưng thật sự mong cầu nâng cao phẩm vị vãng sanh của chính mình, quý vị nhất định phải hiểu công phu cạn hay sâu là gì, phải hiểu đạo lý này. Vì thế, phải nhất tâm xưng niệm. Phải hiểu ý nghĩa thật sự được bao hàm trong chữ *"Niệm"*. Niệm là trong tâm thật sự có, đó là Niệm, chẳng nhất định là trong miệng có. Tuy trong miệng chẳng niệm, trong tâm thật sự là nhớ nghĩ. Người Hoa thường nói là *"điểm ký"* (惦記: ghi nhớ, ghi tâm tạc dạ), trong tâm thật sự nghĩ nhớ, thời thời khắc khắc chẳng quên.

Trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương có một tỷ dụ rất hay, *"như mẹ nhớ con"*, ghi lòng tạc dạ, trong tâm mẹ nhớ tới con, thời thời khắc khắc không quên. Mẹ trọn chẳng phải là miệng niệm, trong tâm mẹ thật sự có [ý niệm nghĩ nhớ con]. Bất luận khi nào, bất luận nơi chốn nào, hễ khởi tâm động niệm thì ý niệm thứ nhất bèn nghĩ tới, đó là *"chân niệm"*, đấy là công phu sâu. Do vậy, chẳng do miệng niệm Phật hiệu nhiều hay ít, mà là trong tâm quý vị thật sự có Phật hay không? Có thật sự mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự mong thấy Phật hay không? Có cái tâm ấy thì gọi là niệm Phật. Tâm càng tinh, càng thuần, những ý niệm khác đều chẳng có, đều buông xuống, chỉ có một niệm này, công phu bèn sâu. Đại kinh dạy chúng ta *"nhất hướng chuyên niệm"* (một mực chuyên niệm), chính là ý nghĩa này.

(Sao) Trí Luận vân: "Lâm tử thiểu hứa thời tâm, hà năng thắng chung thân hạnh lực".

(鈔)智論云：臨死少許時心，何能勝終身行力。

*(**Sao**: Trí Độ Luận nói: "[Hỏi]: Lúc sắp chết, cái tâm [niệm Phật] trong một thời gian rất ít, làm sao có thể vượt trỗi hạnh lực suốt đời").*

Đây là nêu ra câu hỏi giả thiết: Khi lâm chung thời gian rất ngắn, dụng tâm khi ấy làm sao có thể so với người đã niệm Phật suốt một đời? Làm sao có thể sánh bằng?

(Sao) Đáp viết: Tuy thời khoảnh thiểu, tâm lực mãnh lợi.
(鈔)答曰：雖時頃少，心力猛利。
*(**Sao**: Đáp: Tuy thời gian ít ỏi, nhưng tâm lực mạnh mẽ, nhạy bén).*

Tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng người ấy dụng tâm hết sức mạnh mẽ, nhạy bén. Nói cách khác, có thể vượt trỗi người bình thường niệm Phật suốt một đời. Trong một khoảng thời gian rất ngắn, công lực của người [lâm chung niệm Phật] ấy có thể vượt trỗi người kia (người suốt đời niệm Phật).

(Sao) Thị tối hậu tâm, danh vi đại tâm.
(鈔)是最後心，名為大心。
*(**Sao**: Cái tâm vào lúc cuối cùng ấy được gọi là đại tâm).*

Quý vị hỏi vì sao ư? Nói thật ra, chúng ta thấy khá nhiều người niệm Phật, niệm suốt mấy chục năm, niệm suốt một đời, chưa chắc đã vãng sanh. Người niệm Phật đông đảo, kẻ vãng sanh ít ỏi. Tôi ở Tân Gia Ba, thấy ông Lý Mộc Nguyên đến hóa độ tử tù. Ở Tân Gia Ba, hễ bắt được kẻ buôn bán ma túy thì [án phạt] duy nhất là tử hình. Tử hình bằng hình thức chết treo, [tức là] xử tử bằng cách treo cổ. Sau khi những phạm nhân tội tử hình ấy bị bắt, tự mình biết ngày nào sẽ chết, ai nấy đều biết trước lúc chết! Cư sĩ Lý Mộc Nguyên phát tâm rất tuyệt diệu, đến nơi đó khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, họ tiếp nhận. Tử tù tiếp nhận pháp niệm Phật, gần như ai nấy đều vãng sanh! Khi hỏa thiêu, xá-lợi vừa đẹp vừa xinh. Chúng ta rất ít thấy! Họ [niệm Phật] thời gian chẳng dài, vì sao ai nấy có thể vãng sanh? Người ta là *"tối hậu tâm"*, đúng là thứ gì cũng đều buông xuống! Chúng ta niệm Phật suốt đời, chuyện vướng mắc trong dạ quá nhiều, thứ gì cũng đều không buông xuống được! Vì thế, chẳng có được công phu như người ta! Họ ngồi ở trong tù, hết thảy hưởng thụ đều chẳng đạt được; vì thế, khăng khăng một mực niệm Phật, họ thật sự vãng sanh! Do vậy, ông Lý Mộc Nguyên có công đức rất lớn, đã đưa chẳng ít người về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, tôi cảm thấy nhà giam tử tù của Tân Gia Ba là một Niệm Phật Đường thật sự, rất tuyệt diệu! Tân Gia Ba có nhiều người làm Phật như vậy, nơi ấy có công đức rất lớn, rất chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, người ta khi lâm chung, buông xuống muôn duyên, biết hết thảy đều chẳng mang theo được; khi ấy, bỗng dưng giác ngộ, hết thảy đã chẳng

thể mang theo được thì buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật, sức mạnh ấy liền dũng mãnh. Vì thế, họ có thể vãng sanh, có thể giành được phẩm vị rất cao! Đạo lý ở ngay chỗ này. Do đó, [cái tâm tối hậu] được gọi là *"đại tâm"*.

(Sao) Đương tri tức thị nhất tâm bất loạn cố.
(鈔)當知即是一心不亂故。
*(**Sao**: Hãy nên biết đấy chính là nhất tâm bất loạn).*

Người ấy nhất tâm niệm Phật, chẳng có tạp niệm. Chúng ta xem lời chú giải dưới đây, giải thích về tâm tối hậu và đại tâm.

(Diễn) Tối hậu tâm giả, thử tâm chi hậu, cánh vô dư tâm cố.
(演)最後心者，此心之後，更無餘心故。
*(**Diễn**: "Tâm tối hậu" là sau cái tâm ấy, chẳng còn tâm nào khác).*

Đó gọi là *"tâm tối hậu"*. Người ấy sắp chết, [đã đến lúc] cuối cùng, thời gian [chỉ còn lại] hoặc là mấy tiếng đồng hồ, hoặc là mấy phút, chẳng còn thời gian nữa. Đó là tâm tối hậu.

(Diễn) Danh vi đại tâm giả, dĩ thùy tử chi nhân, tất tri bất miễn, đế tâm quyết đoán, thắng bách niên nguyện lực, thị tâm danh vi đại tâm.
(演)名為大心者，以垂死之人，必知不免，諦心決斷，勝百年願力，是心名為大心。
*(**Diễn**: Gọi là "đại tâm" là do người sắp chết, ắt biết là chẳng thể tránh khỏi, tâm quyết đoán chắc chắn, trỗi vượt nguyện lực cả trăm năm, tâm ấy được gọi là "đại tâm").*

Người sắp chết biết chính mình nhất định phải chết. *"Đế tâm quyết đoán"*: *"Đế"* (諦) là chân tâm, tức cái tâm chân thật. Tâm thật sự hạ quyết tâm, bỏ sạch và đoạn trừ hết thảy vọng niệm, nhất tâm niệm Phật, [tâm nguyện ấy sẽ] trỗi vượt nguyện lực [của người niệm Phật suốt] một trăm năm [mà tâm không tha thiết, dũng mãnh phát nguyện cầu vãng sanh]. Người bình thường niệm suốt một trăm năm, tâm người ấy hoàn toàn chẳng kiện toàn, cái này cũng chẳng buông xuống được, cái

kia cũng chẳng buông xuống được, thời gian [niệm Phật] tuy dài, Ngẫu Ích đại sư bảo là "công phu nông cạn". Còn người ấy (người sắp chết tinh tấn niệm Phật), tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng công phu sâu đậm, tâm người ấy thật sự chuyên nhất, vọng niệm gì cũng đều chẳng có. Tâm ấy gọi là đại tâm.

(Diễn) Dĩ xả thân sự cấp cố, như nhân nhập trận, bất tích thân mạng, danh vi "kiện nhân" dã.

(演)以捨身事急故，如人入陣，不惜身命，名為健人也。

*(**Diễn**: Do xả thân là chuyện cấp bách, như người vào trận, chẳng tiếc thân mạng, nên gọi là "kẻ mạnh mẽ").*

Xả thân là chuyện cấp bách, đã tới lúc khẩn yếu, lúc bức thiết một mất một còn, người ấy điều gì cũng chẳng so đo. *"Như nhân nhập trận, bất tích thân mạng, danh vi kiện nhân"* (Như người vào trận, chẳng tiếc thân mạng, gọi là "kẻ mạnh mẽ"). Giống như đánh giặc, ở trên chiến trường, quên bẵng sanh tử thì mới có thể xung phong hãm trận. Nếu có lo ngại, sợ hãi, chân sẽ mềm nhũn, chẳng thể xung phong, đã bị hạ gục từ lâu! Đây là nói tỷ dụ.

(Diễn) Hựu phục đại tâm, diệc khả tức thị Bồ Đề tâm.

(演)又復大心，亦可即是菩提心。

*(**Diễn**: Đại tâm lại cũng có thể chính là Bồ Đề tâm).*

Người đã phát đại tâm ấy, Bồ Đề là giác ngộ thật sự, giác ngộ triệt để, [nhận rõ] trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có ai cứu được. Vì thế, phải nắm thật chặt danh hiệu A Di Đà Phật, chẳng bỏ lỡ phút giây nào! Đó là đại tâm.

(Diễn) Dĩ thử tâm chi hậu, cánh vô dư tâm, tắc thị đốn nhập Vô Tâm tam-muội, tức thị đốn ly niệm tướng, khởi bất vi đại, khởi bất tức thị Bồ Đề tâm?

(演)以此心之後，更無餘心，則是頓入無心三昧，即是頓離念相，豈不為大，豈不即是菩提心。

*(**Diễn**: Do sau khi đã có cái tâm ấy, chẳng còn tâm nào khác,*

chính là nhanh chóng nhập Vô Tâm tam-muội, chính là nhanh chóng lìa niệm tướng, há chẳng phải là đại, há chẳng phải chính là Bồ Đề tâm ư?)

Nói kiểu này hết sức hay!

(Diễn) Cái dĩ cửu phẩm hạnh nhân, hạnh hạnh thông hồ cửu phẩm.

(演)蓋以九品行因，行行通乎九品。

*(**Diễn**: Ấy là vì hạnh nhân [của mỗi phẩm] trong chín phẩm, hạnh nào cũng thông khắp chín phẩm).*

Đây là lý luận, mà cũng là sự thật.

(Diễn) Như Ngũ Nghịch tội, lâm chung thập niệm vi năng tiêu công, thuộc hạ hạ phẩm.

(演)如五逆罪，臨終十念為能消功，屬下下品。

*(**Diễn**: Như đối với kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, mười niệm lúc lâm chung có công năng tiêu tội, thuộc về hạ hạ phẩm).*

"Công" (功) là công phu. Mười niệm lúc lâm chung có thể tiêu sạch tội Ngũ Nghịch, người ấy có thể vãng sanh. Vãng sanh loại này thuộc về hạ hạ phẩm.

(Diễn) Nhược năng phục Hoặc, tức trung phẩm.

(演)若能伏惑，即中品。

*(**Diễn**: Nếu có thể chế ngự phiền não thì là trung phẩm).*

Lâm chung mười niệm mà có thể chế ngự phiền não, người ấy sẽ vãng sanh trong trung phẩm.

(Diễn) Nhược căn khí đại lợi, đốn năng đoạn Hoặc.

(演)若根器大利，頓能斷惑。

*(**Diễn**: Nếu căn khí hết sức nhạy bén, sẽ có thể nhanh chóng đoạn Hoặc).*

Người ấy là thượng phẩm. Cùng là mười niệm như nhau mà có

mười niệm tiêu nghiệp chướng, có mười niệm chế phục Hoặc, có mười niệm đoạn Hoặc, đều là mười niệm, phẩm vị của người ấy là hạ bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hoặc thượng bối vãng sanh, khác nhau! Ở đây nêu ra một thí dụ:

(Diễn) Như Xà vương trọng hối, đắc vô căn tín, tức thị thượng tam sở nhiếp.

(演)如闍王重悔，得無根信，即是上三所攝。

***(Diễn**: Như vua A Xà Thế tha thiết sám hối, đắc Vô Căn Tín, vãng sanh thuộc vào ba phẩm thượng).*

Theo Quán Kinh, vua A Xà Thế giết cha, giam mẹ. Giết hại cha mẹ, phá hòa hợp tăng, đúng là không điều ác nào chẳng làm, tạo tội địa ngục! Khi lâm chung, vua mới hối lỗi, mới thật sự sám hối. Vua do sám hối bèn đoạn Hoặc, vị này căn tánh rất nhạy bén; do vậy, nhà vua vãng sanh thuộc vào thượng phẩm trung sanh. Cả một đời tạo tội nghiệp to tát dường ấy, phẩm vị vãng sanh cao dường ấy, đấy cũng là nhằm bảo chúng ta: Phật môn thật sự rộng lớn, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có hai loại người:

1) Một loại người là tích công lũy đức, vãng sanh như vậy đó.

2) Một loại khác là tạo tác hết thảy tội nghiệp, sám hối vãng sanh.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết chân tướng sự thật này, cũng chẳng dám khinh dễ kẻ làm ác. Vì sao? Nói không chừng, người lâm chung sám hối niệm Phật vãng sanh có phẩm vị cao hơn ta, ta còn chẳng bằng kẻ đó. Đúng là có thể như vậy. Đã hiểu rõ chân tướng sự thật, mới biết Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *"lễ kính chư Phật"* rất có lý. Chớ nên phân chia kẻ khác là người tốt, kẻ xấu, thiện nhân, ác nhân, chẳng cần phải phân biệt! Phải dùng cái tâm chân thành cung kính để đối đãi hết thảy mọi người. Đối với Phật, Bồ Tát, ta cung kính như thế nào, thì đối với người tốt cũng cung kính giống hệt như thế đó, mà đối với người ác, vẫn là cái tâm cung kính ấy. Ta chí thành cung kính, tuyệt đối chẳng khác, chẳng có sai biệt; đó là đúng. Quý vị làm như vậy sẽ là hoàn toàn chánh xác.

(Diễn) Khởi phi Ngũ Nghịch tùy ư sám công, tự phân cửu phẩm dã.

(演)豈非五逆隨於懺功，自分九品也。

*(**Diễn**: Đấy chẳng phải là tội Ngũ Nghịch do tùy thuộc công phu sám hối mà tự chia thành chín phẩm đó ư?)*

Lời này chẳng sai tí nào! Đó là kẻ lâm chung sám hối vãng sanh, cũng có chín phẩm, tuyệt đối chẳng phải là người ấy chỉ thuộc về hạ hạ phẩm vãng sanh, chẳng phải vậy! Tùy thuộc cái tâm hối lỗi của người ấy, tâm ấy thật sự dũng mãnh, chân thành, khẩn thiết, phẩm vị sẽ ngay lập tức nâng cao!

(Diễn) Thả thập niệm đắc sanh, giai thị túc hữu linh căn giả.

(演)且十念得生，皆是夙有靈根者。

*(**Diễn**: Hơn nữa, người do mười niệm mà được vãng sanh đều là có linh căn từ trước).*

Nhất định phải biết điều này. Do vậy, chẳng thể là may mắn được! [Cứ tưởng bở] "lâm chung sám hối vẫn có thể vãng sanh, nay tạo tội nghiệp nhiều một chút chẳng sao, khi mạng chung vẫn còn kịp mà!" Nếu quý vị nghĩ kiểu đó, sẽ là lầm lẫn quá đỗi! Vì sao? Khi lâm chung phải có đủ ba điều kiện. Quý vị ngẫm xem, trong tương lai, khi quý vị lâm chung, có thể hội đủ cả ba điều kiện ấy hay không?

1) Điều kiện thứ nhất là tâm phải sáng suốt, tỉnh táo, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo. Quý vị ngẫm xem, điều này có dễ làm được hay chăng? Rất khó! Chúng ta thấy rất nhiều người khi sắp mất đều ngã bệnh, bệnh đến nỗi bất tỉnh nhân sự, ngay cả người nhà quyến thuộc cũng chẳng nhận ra. Thôi rồi, chẳng cứu được! Lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, chư vị phải hiểu: Một người tạo tội nghiệp đầy thân, lâm chung vẫn còn sáng suốt, còn tỉnh táo, quý vị biết người ấy đời trước phước báo to nhiều. Khi ấy, thiện căn và phước đức trong đời quá khứ hiện tiền, thần trí tỉnh táo, trọn chẳng mê hoặc.

2) Điều kiện thứ hai là gặp thiện hữu nhắc nhở, khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

3) Điều kiện thứ ba là khi ấy, vừa nghe bèn lập tức tiếp nhận, ngay lập tức sám hối, niệm ngay! Mười niệm hoặc một niệm bèn có thể vãng sanh.

Quý vị ngẫm xem, ba điều kiện ấy khó lắm, suốt một đời người khác khuyên kẻ đó niệm Phật, kẻ đó chẳng tin tưởng, lâm chung vừa khuyên, ngay lập tức tin tưởng, ngay lập tức tiếp nhận, khá là khó khăn!

Vì vậy, chuyện này vàn muôn phần chẳng thể nào cầu may! Chúng ta vẫn cứ thật thà niệm Phật, tích lũy công đức, đi theo con đường này sẽ ổn thỏa, thích đáng hơn, ngàn muôn phần chớ nên cầu may!

(Diễn) Thập Nghi Luận vân: "Lâm chung ngộ thiện tri thức, thập niệm thành tựu giả, tịnh thị túc thiện nghiệp cường, thỉ ngộ tri thức đẳng".

(演)十疑論云：臨終遇善知識，十念成就者，並是宿善業強，始遇知識等。

*(**Diễn**: Thập Nghi Luận nói: "Lâm chung gặp thiện tri thức, mười niệm thành tựu, toàn là do thiện nghiệp quá khứ mạnh mẽ, cho nên mới gặp thiện tri thức v.v...")*

Thập Nghi Luận do Trí Giả đại sư soạn, đã giải thích hết sức rõ ràng, dạy chúng ta chớ nên cầu may, chỉ biết đó là sự thật: Người ấy trong đời quá khứ đã có đại thiện căn, đại phước đức, đời này chẳng gặp duyên tốt đẹp, hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Thiện Đạo đại sư (tức là *"chín phẩm vãng sanh sai biệt là do gặp duyên khác nhau"*). Trong đời này, gặp ác duyên, chẳng gặp thiện duyên, lúc lâm chung mới gặp thiện duyên. Vì thế, hạng người như vậy được gọi là Bất Định Tánh. Tục ngữ có câu: *"Gần son thì đỏ, gần mực thì đen"*. Người ấy bị hoàn cảnh bên ngoài vây bủa, gặp thiện tri thức, người ấy hành thiện; gặp phải ác tri thức, người ấy tạo ác. Người ấy thuộc tánh chất như thế đó.

(Diễn) Diệu Tông Sao vân: "Thử tuy tạo ác, dĩ tằng tu Quán".

(演)妙宗鈔云：此雖造惡，已曾修觀。

*(**Diễn**: Sách Diệu Tông Sao nói: "Người ấy tuy làm ác, nhưng đã từng tu Quán").*

Đã từng tu Quán là trong đời quá khứ, chẳng phải đời này. Trong đời quá khứ, người ấy đã tu tập tích lũy rất dầy; đời này rất bất hạnh, do gặp phải ác duyên cho nên mê muội, chuyện là như vậy đó.

(Diễn) Cố sử lâm chung, thiện hữu khuyến xưng thập niệm, định tâm tắc thành.

(演)故使臨終，善友勸稱十念，定心則成。

*(**Diễn**: Nên khiến cho khi lâm chung, bạn lành khuyên xưng danh mười niệm, do Định tâm bèn thành tựu).*

Người ấy lâm chung mới gặp thiện tri thức thật sự. Khi ấy, vừa được khuyên dạy, người ấy lập tức tin tưởng, lập tức phát nguyện. Đó là thiện căn trong đời quá khứ thành tựu, chẳng phải là phàm nhân.

(Diễn) Diệc thị pháp hành.

(演)亦是法行。

*(**Diễn**: Cũng là một hạnh môn).*

"Pháp" là pháp môn, *"hành"* là tu hành. Đấy cũng là một hạnh môn trong vô lượng hạnh môn.

(Diễn) Thừa cấp giới hoãn nhân dã.

(演)乘急戒緩人也。

*(**Diễn**: Thuộc hạng người thích nghiên cứu giáo pháp, nhưng không nghiêm túc tu tập).*

Thuộc loại người nào? *"Thừa cấp"*: *"Thừa"* (乘) là Phật pháp, người ấy thích nghiên cứu, suy xét Phật pháp, thích làm chuyện này. *"Hành"* (行) là thật sự tu hành, Hành là Giới, Định, Huệ. Coi nhẹ Giới, Định, Huệ, chẳng chịu nghiêm túc tu hành, thích nghiên cứu kinh luận. Đó gọi là kẻ *"thừa cấp giới hoãn"*. Nay chúng ta gọi *"thừa"* là học thuật, *"giới"* là thật sự tu tập. Đối với việc thật sự tu tập, kẻ ấy sai sót; đối với Phật học bèn thật sự đổ công dốc sức nghiên cứu, suy luận; là hạng người như vậy đó!

(Diễn) Do thừa cấp cố, đắc trị thiện hữu.

(演)由乘急故，得值善友。

*(**Diễn**: Do sốt sắng nghiên cứu giáo pháp, nên được gặp bạn lành).*

Thông đạt giáo lý, thích nghiên cứu kinh giáo, cũng thích giảng kinh, thuyết pháp, kết duyên cùng đại chúng khá nhiều, và cũng kết thiện duyên chẳng ít, lâm chung gặp gỡ thiện hữu.

(Diễn) Túng hiện thế bất tu tam-muội, diệc thị túc chủng kim thục, cố đắc vãng sanh.

(演)縱現世不修三昧，亦是宿種今熟，故得往生。

*(**Diễn**: Dẫu cho đời hiện tại chẳng tu tam-muội, thì cũng là do [nhân duyên] đã gieo từ đời trước, nay đã chín muồi, cho nên được vãng sanh).*

Đời này chẳng tu hành, nhưng phải hiểu người ta đời trước thật sự tu, đời này chẳng tu! Vì thế, khi lâm chung, hễ người ấy sám hối, buông xuống thì chính là tu. Có thể thấy là có mối quan hệ hết sức mật thiết với sự tu trì trong đời quá khứ.

(Diễn) Cố kim đại tâm, thuyết tức thị Bồ Đề đại tâm, diệc vô bất khả.

(演)故今大心，說即是菩提大心，亦無不可。

*(**Diễn**: Vì thế, nay nói đại tâm chính là Bồ Đề đại tâm cũng chẳng phải là không được).*

Gộp chung thiện căn, phước đức và nhân duyên trong đời quá khứ để nói, người ấy một niệm hồi tâm thì có thể nói là đại Bồ Đề tâm.

(Diễn) Huống bổn Sao văn, đương tri tức thị nhất tâm bất loạn, nhược Sự nhất tâm, do vị vi đại.

(演)況本鈔文，當知即是一心不亂，若事一心，猶未為大。

*(**Diễn**: Huống chi đối với những điều được nói trong lời Sao, hãy nên biết đó chính là nhất tâm bất loạn. Nếu là Sự nhất tâm, vẫn chưa phải là "Đại").*

Vẫn chưa được coi là lớn.

(Diễn) Nhược Lý nhất tâm, khởi bất tức thị Bồ Đề tâm. Thị cố danh vi đại tâm.

(演)若理一心，豈不即是菩提心。是故名為大心。

*(**Diễn**: Nếu là Lý nhất tâm, há chẳng phải chính là Bồ Đề tâm ư? Vì thế, gọi là đại tâm).*

Vì vậy, nhất tâm là có thể *"đốn chứng"*, [tức là] vừa nghe bèn lập tức chứng đắc Lý nhất tâm, đấy là người căn tánh nhạy bén nhất. Nói cách khác, cũng là do công phu tu trì vô lượng kiếp của người ấy đến lúc đó đã chín muồi viên mãn; cho nên trong một đời bèn chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Trong đời này có tiệm chứng và đốn chứng. Ở đây, thuộc loại đốn chứng, cho nên thật sự là đại Bồ Đề tâm. Dẫu là Sự nhất tâm, nói thật ra, vẫn thuộc về Bồ Đề tâm, Bồ Đề là giác ngộ, người ấy đã thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ. Hôm nay, chúng tôi nói đến chỗ này.

Tập 255

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm lẻ sáu:

(Sao) Na Tiên kinh vân: "Vương vấn Na Tiên, nhân sanh tạo ác, lâm chung niệm Phật, đắc sanh Phật quốc, ngã bất tín thị ngữ".

(鈔)那先經云：王問那先，人生造惡，臨終念佛，得生佛國，我不信是語。

*(**Sao**: Kinh Na Tiên chép: "Vua hỏi ngài Na Tiên: - Người suốt đời tạo ác, lâm chung niệm Phật, được sanh về cõi Phật, ta chẳng tin lời ấy").*

Na Tiên (Nāgasena) là danh hiệu của một vị xuất gia. Quốc vương [Di Lan Đà (Menander, Milinda)] gặp Ngài, hướng về Ngài thỉnh giáo một vấn đề: "Người suốt đời tạo ác, lâm chung niệm Phật bèn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta chẳng thể tin tưởng chuyện này!" Hỏi một vấn đề như vậy.

(Sao) Na Tiên đáp ngôn: Như trì đại thạch, trí ư thuyền thượng, nhân đắc bất một.

(鈔)那先答言：如持大石，置於船上，因得不沒。

*(**Sao**: Ngài Na Tiên đáp: "Như lấy đá to đặt trên thuyền, do vậy đá chẳng chìm").*

Ngài Na Tiên trả lời, trước hết là nêu ra một tỷ dụ: Đá bỏ vào nước nhất định bị chìm. Nếu đặt đá ấy trên thuyền, đá chẳng bị chìm vào nước.

(Sao) Nhân tuy bổn ác, nhân niệm Phật cố, bất đọa Nê Lê.
(鈔)人雖本惡，因念佛故，不墮泥犁。
*(**Sao**: Người tuy vốn ác, do niệm Phật nên chẳng đọa địa ngục).*

Nê Lê (Nāraka, Niraya) là địa ngục, chẳng đọa địa ngục.

(Sao) Nhi đắc vãng sanh, diệc phục như thị.
(鈔)而得往生，亦復如是。
*(**Sao**: Bèn được vãng sanh cũng giống như thế).*

Giống như đá đặt trên thuyền, sẽ chẳng bị chìm trong nước. Người niệm Phật nương vào đại nguyện thuyền của đức Phật, cũng chẳng bị đọa trong ba ác đạo. Tỷ dụ này rất rõ ràng, đơn giản, cũng chẳng khó hiểu. Nếu muốn thâm nhập truy cứu, trong ấy vẫn có vấn đề! Chúng ta hiểu: Phàm là người niệm Phật vãng sanh, nếu chẳng sám hối tội lỗi, quyết định là chẳng thể vãng sanh, nhất định là phải sám hối tội lỗi. Sám hối tội lỗi có công đức rất lớn! Dẫu suốt một đời tạo tội nghiệp, lâm chung sám hối, chân thành, cung kính, gột lòng, đổi hạnh, tuy thời gian ngắn ngủi, tạm bợ, cũng có thể gột rửa tâm địa sạch làu, như vậy thì mới có thể tương ứng với bổn nguyện của Phật. Chúng ta thường nghe nói pháp môn Tịnh Tông đới nghiệp vãng sanh, [nhưng phải nhớ kỹ] chỉ mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành. Nói như vậy thì mới là thật sự hiểu rõ rệt, thật sự hiểu rành rẽ lời này, cho thấy sám hối tội lỗi chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đấy mới là thật sự giải đáp vấn đề!

(Sao) Tắc kỷ chi tâm lực, Phật chi nguyện lực, giao tương thành dã.
(鈔)則己之心力，佛之願力，交相成也。
*(**Sao**: Tức là do tâm lực của chính mình và nguyện lực của Phật kết hợp với nhau mà thành).*

Tâm lực của chính mình là sức mạnh sám hối tội lỗi. Đó là hai thứ sức mạnh (tâm lực của chính mình và nguyện lực của Phật), cho nên [pháp môn Tịnh Độ] được gọi là *"nhị lực pháp môn"*.

(Sớ) Vấn: Ký vân vãng sanh, tích nhân hựu vị "sanh tắc quyết

định sanh, khứ tắc thật bất khứ", thị nãi hữu sanh vô vãng, kim viết "vãng sanh", nhị nghĩa tương lệ.

(疏)問：既云往生，昔人又謂生則決定生，去則實不去，是乃有生無往，今曰往生，二義相戾。

*(**Sớ**: Hỏi: Đã nói là "vãng sanh", người xưa lại nói: "Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi", tức là có sanh, nhưng chẳng có vãng, nay nói là "vãng sanh", hai nghĩa mâu thuẫn).*

Thoạt nhìn thì thấy có xung đột, có mâu thuẫn. Tịnh Tông có một tập sách nhỏ có tựa đề là Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận giảng rõ chân tướng vãng sanh. Nói chẳng sai, nhưng nhất định phải hiểu ý nghĩa thật sự của nó, ngàn muôn phần đừng nẩy sanh hiểu lầm nơi văn tự. [Nếu chấp trước văn tự rồi nẩy sanh hiểu lầm] thì sai mất rồi, sẽ nẩy sanh chướng ngại đối với việc cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta. Ở đây, đại sư trả lời rất hay:

(Sớ) Đáp: Dĩ sanh ư tự tâm, cố bất vãng nhi vãng, danh vi "vãng sanh", như Hoa Nghiêm Giải Thoát trưởng giả thuyết.

(Diễn) Dĩ sanh ư tự tâm cố bất vãng nhi vãng giả.

(疏)答：以生於自心，故不往而往，名為往生，如華嚴解脫長者說。

(演)以生於自心故不往而往者。

*(**Sớ**: Đáp: Do sanh trong tự tâm, nên chẳng vãng mà vãng, gọi là "vãng sanh", như trong kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Giải Thoát đã nói.*

***Diễn**: "Do sanh trong tự tâm nên chẳng vãng mà vãng").*

Nay điều chúng ta nghi vấn ở ngay trong tự tâm. Nếu hiểu rõ tự tâm, vấn đề gì cũng đều chẳng có, đã giải quyết xong. Tâm là bản thể của hết thảy vạn pháp, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng phải là ngoại lệ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: Tâm có thể hiện tướng. Tâm chẳng có hình tướng, nhưng nó có thể hiện tướng. Hết thảy các pháp đều là duy tâm sở hiện. Thế giới này là duy tâm sở hiện, thế giới Cực Lạc cũng là duy tâm sở hiện, cho đến vô lượng vô biên thế giới chư Phật trong mười phương cũng là duy tâm sở hiện. Lìa khỏi tâm, chẳng có một pháp để có thể đạt được! Tâm có thể hiện tướng, vì sao hiện tướng khác nhau? Thế giới Tây Phương và thế giới này chẳng giống

nhau! Huống chi kinh còn nói y báo và chánh báo các thứ sai khác trong mười pháp giới, đó lại là chuyện như thế nào? Cũng là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Duy thức sở biến"*. Nói cách khác, tâm có thể hiện tướng, thức có thể biến tướng. *"Tâm"* là Chân Như bản tánh. Chúng ta vừa nghe nói *"tự tâm"*, bèn tưởng đấy chính là "trong cái tâm của chính mình", phạm sai lầm mất rồi! Mở đầu kinh Lăng Nghiêm là bảy chỗ gạn tâm, ngài A Nan nói tới tự tâm, đức Phật bèn hỏi Ngài: "Tâm ở chỗ nào?" Ngài A Nan nói tâm ở trong thân thể, đức Phật bảo chẳng đúng. Tâm ở ngoài thân thể, cũng không đúng. Tâm ở chính giữa, cũng chẳng đúng. Ngài A Nan nêu ra bảy chỗ, đều bị đức Phật phủ định. Rốt cuộc tâm ở chỗ nào? Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, vấn đề này đã được giải quyết. Thiền Tông nói rất hay: *"Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ"* (Nếu người biết cái tâm, đại địa không tấc đất). Nói thật ra, tu hành trong Phật pháp chẳng có gì khác, chỉ là khiến cho quý vị nhận thức cái tâm mà thôi. Chỉ cần nhận thức tâm, vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Chư Phật, Bồ Tát ngộ, *"ngộ"* là hiểu rõ tự tâm. Lục đạo phàm phu mê, chính là mê tự tâm, chẳng biết tự tâm ở chỗ nào, cũng chẳng biết tự tâm có hình dạng như thế nào, cứ lầm tưởng tâm ở trong thân thể, hoặc là cái tâm có thể tư duy, có thể tưởng tượng. Người hiện thời chẳng nói đến tâm, hiện thời gọi là *"não"*, đều chẳng đúng. Nhưng kinh Đại Thừa thường có một câu: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, cũng có lẽ có kẻ nghe lời ấy cho là tỷ dụ, [nhằm sánh ví] người nào đó có lòng độ lượng rất lớn, giống như hư không pháp giới, coi đó là tỷ dụ, sai mất rồi! Rốt ráo là gì? Chính là sự thật, tâm xác thực bao trùm thái hư không, vì sao? Thái hư không cũng là vật được biến hiện bởi tự tâm. Lìa khỏi tâm tánh, thái hư không cũng chẳng có! Vì thế, tâm là bản thể của hết thảy vạn pháp, hết thảy vạn pháp sanh từ tự tâm. Phật pháp nói *"tu hành chứng quả, thành Bồ Tát, thành Phật"*, rốt cuộc là chuyện như thế nào? Không gì chẳng nhằm nhận thức cái tâm mà thôi! Chứng quả là chứng gì? Chứng đắc tự tâm, là chuyện như vậy đó.

Đã là do tự tâm biến ra, còn có gì để "đi" và "chẳng đi" hay không? Tự tâm là một, không hai. Do vậy, tướng trạng thật sự của nó là *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự không đi"*, câu nói này rất khó hiểu! Rành rành là thế giới Sa Bà cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật, cớ sao không đi? Chẳng đi mà lại sanh ư? Ví như chúng ta xem TV, từ nơi đây đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles) ngồi máy bay phải bay mười tiếng đồng hồ mới có thể đến nơi. Chúng ta bật màn hình TV bèn thấy:

Trận động đất tại Lạc Sam Cơ ở ngay trước mắt. Chúng ta có đi hay không? Chẳng đi! Có thấy Lạc Sam Cơ hay không? Đã thấy! Thật sự thấy, thực tại là chẳng đi, chuyện là như vậy đó. Vì thế, trong sát-na vãng sanh, có phải là chúng ta thật sự đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Thật sự đi, thật sự đạt tới! Có đi hay không? Giống như chẳng có đi, giống như ở ngay trước mắt. Từ tỷ dụ này, quý vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, giống như tình hình này. Đã hiểu rõ tỷ dụ ấy, rốt cuộc là vì sao? Điều này thật sự rất khó diễn tả, cũng may là hiện thời khoa học phát triển, xác thực là đã đem lại chẳng ít thuận tiện cho chúng ta, thực tại là *"chuyển đổi không gian"* như các nhà khoa học đã nói. Thực tại là chẳng có động, hễ không gian chuyển đổi sẽ khác hẳn. Thế giới này của chúng ta là không gian ba chiều, Tây Phương Cực Lạc thế giới là không gian vô hạn chiều. Vừa chuyển biến bèn đạt tới không gian vô hạn chiều, đắc đại tự tại. Người thế gian chúng ta thấy đó là đại thần thông, đại tự tại. Cái được gọi là *"không gì chẳng biết, không gì chẳng thể"* chính là chuyện như thế đó.

Các nhà khoa học cũng đang nghiên cứu, thăm dò chẳng ngừng, chuyển biến như thế nào? Họ biết có khả năng ấy, nhưng chẳng biết cách chuyển như thế nào? Họ chẳng ngờ niệm Phật có thể chuyển, cách này khéo léo tột bậc, dùng phương pháp này để chuyển. Đức Phật dạy chúng ta dùng công phu Thiền Định để chuyển. Muốn chuyển đến rốt ráo viên mãn, nếu cậy vào công phu định lực của chính mình, thật sự sẽ là khá khó khăn, cần phải có Thiền Định rất sâu. Đối với pháp môn này, chính mình chỉ cần một chút định lực nho nhỏ, cậy vào nguyện lực của A Di Đà Phật giúp đỡ, định lực của chính mình kết hợp với nguyện lực của Phật, định lực của chính mình là Niệm Phật tam-muội, kết hợp với nguyện lực của Phật. Sức mạnh ấy to lớn, có thể là từ trên cơ sở không gian ba chiều hiện thời, ngay lập tức chuyển thành không gian vô hạn chiều. Đối với người có đôi chút thường thức về khoa học trong hiện thời, chúng tôi nói với họ theo kiểu này, họ sẽ lý giải, thông hiểu rất dễ dàng, xác thực là *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*, người ấy bèn tin tưởng.

(Sao) Hoa Nghiêm, trùng trùng pháp giới bất xuất nhất tâm.

(鈔)華嚴，重重法界不出一心。

*(**Sao**: Theo Hoa Nghiêm, trùng trùng pháp giới chẳng ra ngoài nhất tâm).*

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: Thế giới Hoa Tạng có hai mươi tầng, giống như một tòa cao ốc có hai mươi tầng. Đó là nói theo chiều dọc, nói theo chiều ngang thì rộng lớn vô biên. Thế giới Sa Bà và Tây Phương Cực Lạc thế giới đều ở tầng thứ mười ba, một cõi ở phía Đông, một cõi ở phía Tây, có thể thấy là thế giới quá rộng lớn! Đức Phật dạy: Dùng một đại thế giới làm đơn vị, *"đại thế giới"* ở đây chẳng phải là một tam thiên đại thiên thế giới. Chư vị phải hiểu: Tam thiên đại thiên thế giới quá nhỏ bé, quý vị thấy trong tầng thứ mười ba, thế giới Sa Bà và Tây Phương Cực Lạc thế giới ở trong cùng một bình diện (平面: plane, mặt phẳng). Đức Phật nói mười vạn ức cõi Phật, chính là mười vạn ức đại thiên thế giới trong một tầng. Hai mươi tầng, mỗi tầng không chỉ có mười vạn ức [cõi nước]. *"Mười vạn ức"* là nói tới khoảng cách giữa thế giới này và thế giới của A Di Đà Phật. Đi theo phía Tây của thế giới A Di Đà Phật còn có những thế giới khác, theo hướng Đông của thế giới Sa Bà còn có những thế giới chư Phật khác nữa, quý vị mới biết thế giới này đúng là rộng lớn vô biên. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, một đại đơn vị ấy được gọi là *"thế giới chủng"* (世界種). Trong thái hư không có vô lượng vô biên thế giới chủng giống như vậy. Chân tâm chẳng có ngằn mé, tâm bao pháp giới, chẳng phải là pháp giới bao tâm. Do vậy, thế giới trùng trùng, vô lượng vô biên thế giới, *"bất xuất nhất tâm"* (chẳng ra ngoài nhất tâm). Trùng trùng vô tận pháp giới được Thanh Lương đại sư quy nạp thành bốn pháp giới:

1) Sự pháp giới là sự tướng. Sự tướng vô lượng vô biên.

2) Lý pháp giới, Lý là nhất tâm, đều do một lý biến hiện.

3) Nói theo tác dụng sẽ là Lý Sự vô ngại pháp giới: Lý chẳng ngại Sự, Sự ngàn biến vạn hóa như thế nào cũng chẳng trở ngại Lý.

4) Sự Sự vô ngại pháp giới: Thật sự hiểu rõ Lý và Sự, chẳng có chướng ngại, Sự Sự cũng vô ngại. Nếu Sự Sự có trở ngại, sẽ là *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự đi"*. Do vì Sự Sự vô ngại, cho nên người ấy *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Vô lượng vô biên pháp giới là nhất tâm của chính mình.

Do đó, kinh Di Đà là một pháp môn trực tiếp để tu tập nhằm hiển lộ nhất tâm, trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, trực tiếp hiển lộ tác dụng của nhất tâm. Kinh thù thắng ở chỗ này. Pháp môn mầu nhiệm tột bậc.

(Sao) Lăng Nghiêm: "Thập phương hư không giai nhữ tâm nội".

(鈔)楞嚴，十方虛空皆汝心內。

*(**Sao**: Theo kinh Lăng Nghiêm, "mười phương hư không đều ở trong tâm ngươi").*

Kinh Lăng Nghiêm nói câu này có ý nghĩa hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Thị tri Cực Lạc chi sanh, sanh hồ tự tâm.

(鈔)是知極樂之生，生乎自心。

*(**Sao**: Do vậy biết: Sanh về Cực Lạc là sanh trong tự tâm).*

Các vị tổ sư đại đức nói hay lắm. Sa Bà là tự tâm uế, tức là cảnh giới được biến hiện bởi sự ô nhiễm trong tự tâm. Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới được biến hiện bởi tự tâm tịnh. Tâm tịnh ắt cõi tịnh, tâm ô nhiễm ắt cõi nước ô nhiễm, là chuyện như thế đó. Đều chỉ là do thức làm chủ, biến ở trong ấy, biến ra tướng ấy. Tâm tánh hiện tướng, bất luận nó biến như thế nào, chỉ là hiện tướng mà thôi. Tướng ấy biến hóa như thế nào, đều do thức làm chủ. *"Thị tri Cực Lạc chi sanh, sanh hồ tự tâm"* (Do vậy biết sanh về Cực Lạc là sanh trong tự tâm), chúng ta sanh vào các cõi Phật khác cũng là sanh trong tự tâm. Dẫu chúng ta luân chuyển trong lục đạo, biến thành ngạ quỷ, biến thành súc sanh, hay biến thành địa ngục, cũng là sanh trong tự tâm! Lìa ngoài tự tâm, chẳng có một pháp nào khác để có thể được! Đó là nói theo Lý, nói theo chân tướng sự thật.

(Sao) Tâm vô giới hạn, tắc vô Tây, vô Đông, khứ chí hà sở?

(鈔)心無界限，則無西無東，去至何所。

*(**Sao**: Tâm chẳng có giới hạn, nên chẳng có Tây, chẳng có Đông, đi đến nơi đâu?)*

Câu này giải đáp [ý nghĩa] *"đi thì thật sự chẳng đi"*. Tâm rộng lớn chẳng có ngằn mé, tâm linh minh giác tri. Chúng ta niệm một câu Phật hiệu ở nơi đây, cớ sao A Di Đà Phật có thể biết? Cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật vẫn là gần. Mười phương vô lượng vô biên thế giới chư Phật, vô lượng chư Phật Như Lai ở trong ấy, chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật ở nơi đây, các Ngài đều biết. Vì sao đều biết? Vì là một tâm, tâm là linh minh giác tri, chẳng ra ngoài tâm, làm sao các Ngài

chẳng biết cho được? Nay chúng ta mê mất cái tâm ấy, cho nên chẳng biết. Ngày nào tìm được chân tâm là đã giác ngộ, quý vị thảy đều biết, là chuyện như vậy đó!

Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng có cách nào tính toán số lượng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ chư Phật Như Lai ra, các vị Bồ Tát đều chẳng có năng lực để tính toán rõ ràng. Năng lực của người trong cõi kia, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe trọn khắp, Tha Tâm biết trọn khắp, thần thông trọn đủ. Cũng có nghĩa là: Hết thảy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới khởi tâm động niệm họ đều biết. Đừng nói là Phật hay Bồ Tát, ngay cả những người thuộc hạ hạ phẩm vãng sanh đều biết. Hết thảy các trạng huống trong mười phương thế giới họ đều trông thấy, hết thảy chúng sanh nói khe khẽ họ đều nghe, khởi tâm động niệm họ đều biết. Quý vị nói thử xem: Vì sao? Vì chẳng lìa nhất tâm, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới [ai nấy] đều đắc nhất tâm bất loạn. Chúng ta niệm Phật xác thực là chẳng đạt đến công phu ấy, chúng ta chỉ là công phu thành phiến vãng sanh; hễ sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn đắc nhất tâm bất loạn. Vì sao đạt được? Đó là do bổn nguyện và oai thần A Di Đà Phật gia trì giúp quý vị đạt được, quý vị bèn có năng lực ấy. Hoa nở thấy Phật, đó là quý vị khôi phục bản năng (năng lực sẵn có), dẫu Phật chẳng gia trì, quý vị vẫn đạt được. Hễ hoa chưa nở, chẳng thấy Phật, [tức là] chẳng thấy Báo Thân Phật, nhưng thấy Ứng Hóa Thân Phật; khi ấy, năng lực của quý vị là do Phật lực gia trì. Hoa nở, thấy Báo Thân Phật là bản năng của chính quý vị đã khôi phục. Khi chưa khôi phục, Phật gia trì quý vị, gia trì mãi cho đến khi quý vị khôi phục bản năng. Đó là chỗ thù thắng bậc nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thế giới phương khác đều chẳng có. Hiểu rõ chân tướng sự thật này, sẽ hiểu: Sanh xác thực là sanh, do cảnh giới biến. *"Đi"* là do nhất tâm biến, đi đến chỗ nào? Vì thế, đi thì thật sự chẳng đi!

(Sao) Trạng kỳ dịch uế nhi tịnh, thoát cựu nhi tân, ly nhất đắc nhất, tự hữu sở vãng, danh chi vi vãng, khởi viết tùng thử hướng bỉ, như thế gian kinh thành quá ấp chi vãng da?

(鈔)狀其易穢而淨，脫舊而新，離一得一，似有所往，名之為往，豈曰從此向彼，如世間經城過邑之往耶。

*(**Sao**: Giống như đổi uế thành tịnh, thoát khỏi cái cũ để trở thành*

cái mới, lìa một bèn được một, tợ hồ có chỗ để đến, nên gọi là Vãng. Há có phải là từ đây hướng đến kia, như trong thế gian, [lần lượt] đi trải qua các thành ấp ư?)

Nói Vãng và nói Sanh, nói thật ra, đều là chuyển biến cảnh giới. Dùng cách nói của các nhà khoa học hiện tại, sẽ là chuyển biến thành những không gian khác nhau. Hết thảy các không gian vẫn do tự tâm hiện ra. Lìa khỏi tự tâm, đúng là một pháp cũng trọn chẳng thể được. Vô lượng vô biên các không gian có kích thước khác nhau đều do tự tâm biến hiện, đấy mới là nói lời chân thật.

(Sao) Nhập Pháp Giới phẩm.

(鈔)入法界品。

*(**Sao**: Phẩm Nhập Pháp Giới).*

Đó là phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Giải Thoát trưởng giả ngôn: "Bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ".

(鈔)解脫長者言：彼諸如來不來至此，我不往彼。

*(**Sao**: Trưởng giả Giải Thoát[9] nói: - Các đức Như Lai ấy chẳng đến nơi đây, ta chẳng qua chỗ các Ngài).*

Phật cũng không đến, ta cũng chẳng đi.

(Sao) Nhược dục nguyện kiến An Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến.

(鈔)若欲願見安樂世界阿彌陀佛，隨意即見。

*(**Sao**: Nếu nguyện muốn thấy A Di Đà Phật trong thế giới An Lạc, tùy ý liền thấy).*

---

[9] Trưởng giả Giải Thoát là vị thiện tri thức thứ năm, trụ tại thành Trụ Lâm. Vị này dạy Thiện Tài đồng tử môn Phổ Nhiếp Nhất Thiết Phật Sát Vô Biên Toàn Đà La Ni. Do nhập môn giải thoát này, trưởng giả có thể thấy chư Phật nhiều như số vi trần trong mười phương, thấy các thứ trang nghiêm quang minh, thần thông, biến hóa của chư Phật, thấy hết thảy các pháp trợ đạo, hạnh xuất ly thanh tịnh của chư Phật. Cũng thấy các Ngài thị hiện thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, các sự giáo hóa mà chẳng rời khỏi chỗ mình, có thể xuất nhập các môn giải thoát trang nghiêm vô ngại của chư Như Lai.

Xác thực là thấy, xác thực là đối diện Phật. Có vấn đề gì, hướng về Phật thưa hỏi, Phật cũng khai thị cho quý vị. Phật có đến hay không? Phật chẳng đến. Ta có đi hay không? Ta cũng chẳng đi. Ngài không đến, ta cũng chẳng đi, hai người chúng ta đã gặp mặt, đã thảo luận cả buổi! Ý nghĩa là như thế đó, tùy ý liền thấy.

(Sao) Ký vân tùy ý, tắc bất việt nhất niệm nhi sanh bỉ quốc, cố tri trạng kỳ đắc sanh, danh chi vãng sanh, thật vô sở vãng, bất vãng nhi vãng, bất phương thuyết vãng.

(鈔)既云隨意，則不越一念而生彼國，故知狀其得生，名之往生，實無所往，不往而往，不妨說往。

*(**Sao**: Đã nói là "tùy ý" thì chưa đầy một niệm đã sanh về cõi ấy. Vì thế, biết là giống như được sanh về nên gọi là "vãng sanh". Thật ra, chẳng có qua đó, chẳng qua đó mà qua đó, chẳng ngại nói là "qua đó").*

Ngàn muôn phần đừng hiểu lầm, giống như trong thế gian hiện thời, [hễ nói] Vãng thì nhất định phải là từ nơi đó trải qua bao nhiêu thời gian, qua bao nhiêu đường sá mới đạt đến, [hiểu như vậy] là lầm mất rồi! Đức Phật nói giữa thế giới này và Tây Phương Cực Lạc thế giới có mười vạn ức cõi Phật, đó là thật hay giả? Thưa cùng chư vị! Mười vạn ức cõi Phật là thật, đó là nói theo tướng. Nếu quý vị thấu hiểu *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"* trong bốn vô ngại pháp giới, sẽ là Sự Sự vô ngại, sẽ là chẳng qua đó mà qua đó, chẳng đến mà đến.

(Sao) Cứu cực nhi ngôn, phi đản vô vãng, diệc phục vô sanh, bất sanh nhi sanh, bất phương thuyết sanh.

(鈔)究極而言，非但無往，亦復無生，不生而生，不妨說生。

*(**Sao**: Xét đến tột cùng để nói, không chỉ là chẳng có qua đó, mà cũng chẳng có sanh. Chẳng sanh mà sanh, chẳng ngại nói là Sanh).*

Điều này là thật, nhưng nói thật thì người bình phàm chẳng hiểu. Càng nói, họ càng mê hoặc. Thôi đi, vẫn là chẳng nói! Chỉ cần quý vị thật thà niệm, niệm thành công, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chẳng cần nói mà quý vị đều hiểu rõ. Hiện thời mà nói, dẫu có nói [cách nào đi nữa] cũng chẳng thể nói rõ ràng! Dẫu nói rõ ràng, quý vị nghe rồi

cũng chẳng hiểu rõ! Cứ thật thà niệm, đấy chính là chuyện khẩn yếu nhất. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng cần phải nói, thế mà [ai nấy] đối với chân tướng sự thật này đều hiểu rõ toàn bộ. Tín nguyện, nhất tâm trì danh, đó là điều quan trọng bậc nhất.

(Sớ) Vấn: Đâu Suất Nội Viện, tích nhân diệc nguyện vãng sanh, kim hà thiên thị Cực Lạc?

(疏)問：兜率内院，昔人亦願往生，今何偏示極樂。

*(**Sớ**: Hỏi: Người xưa cũng nguyện vãng sanh Đâu Suất Nội Viện, nay vì sao cứ khăng khăng dạy [cầu vãng sanh] Cực Lạc?)*

"Đâu Suất Nội Viện": Tầng trời thứ tư của thế giới Sa Bà gọi là Đâu Suất Thiên (Tuṣita), Nội Viện là đạo tràng của [Di Lặc] Bồ Tát. Thế giới Sa Bà có ba chỗ là cõi Phàm Thánh Đồng Cư: Nhân gian của chúng ta, Đâu Suất Thiên, và Đệ Tứ Thiền Thiên. Do vậy, cõi Phàm Thánh Đồng Cư [trong thế giới Sa Bà] chính là ba chỗ ấy. Trong Đệ Tứ Thiền Thiên có Ngũ Bất Hoàn Thiên (Śuddhāvāsa)[10] là nơi thánh nhân ở, chư thiên thuộc Tứ Thiền Thiên cũng chẳng thấy [những vị thánh nhân ấy], cảnh giới khác nhau! Dục Giới Thiên có tất cả sáu tầng, từ dưới lên trên thì tầng thứ nhất là Tứ Vương Thiên (Cāturmahārājikakāyika)[11], Tứ Đại Thiên Vương ngự nơi đây. Tầng thứ hai là Đao Lợi Thiên (Trāyastriṃśa), Ngọc Hoàng Đại Đế như người Hoa hay nói ngự trong Đao Lợi Thiên, ông ta là chúa cõi trời Đao Lợi. Tầng thứ ba là Dạ Ma Thiên (Yāma), Dạ Ma có nghĩa là Thời Phần (時分), người Hoa nói là "thời gian". Tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, Đâu Suất dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tri Túc (知足). Nói cách khác, người trong tầng trời này lòng tham rất mỏng, ai nấy đều tri túc (biết đủ), cũng có thể tưởng tượng xã hội của họ an ổn, hòa bình, mọi người đều tri túc. Ngoại Viện của Đâu Suất Thiên là phàm phu, là thiên chúng bình phàm, Nội Viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là Hậu Bổ Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật; [nghĩa là] sau khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt hết, lại qua năm mươi sáu

---

[10] Ngũ Bất Hoàn Thiên là năm tầng trời trên cùng trong Đệ Tứ Thiền Thiên, là nơi ở các bậc thánh nhân từ Tam Quả trở lên, bao gồm Vô Phiền Thiên (Avṛha), Vô Nhiệt Thiên (Atapa), Thiện Kiến Thiên (Sudṛśa), Thiện Hiện Thiên (Sudarśana) và Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha, A Ca Ni Trá Thiên).

[11] Do cõi trời này có bốn vị thiên vương (Đa Văn, Trì Quốc, Quảng Mục và Tăng Trưởng) ở bốn phía nên gọi là Tứ Vương Thiên (cõi trời có bốn vị vua).

ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát sẽ giáng sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật. Đó là vị Phật thứ năm trong thế giới Sa Bà, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư. Vì sao cách xa như thế Ngài mới hạ sanh? Một ngày trên Đâu Suất Thiên là bốn trăm năm trong nhân gian, thọ mạng của Đâu Suất Thiên là bốn ngàn năm, cũng như trong thế gian của chúng ta một năm là ba trăm sáu mươi ngày, cứ gộp lại để tính như vậy, sẽ là sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trong nhân gian, thọ mạng của Di Lặc Bồ Tát trong Đâu Suất Thiên đã hết, Ngài bèn giáng hạ nhân gian, thị hiện thành Phật.

Trong kinh Di Lặc Hạ Sanh, đức Phật đã nói chuyện này rất cặn kẽ. Phước báo của Bồ Tát cũng rất lớn. Trong tương lai, Long Hoa Tam Hội[12] nơi thế gian này sẽ độ chúng sanh vô lượng. Có khá nhiều người hết sức hâm mộ Long Hoa Tam Hội, hy vọng có thể thân cận Di Lặc Bồ Tát. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát hạ sanh thành Phật, họ sẽ làm đại đệ tử của Phật. Vì thế, phát nguyện mong cầu sanh về Di Lặc Tịnh Độ. Nhìn bề ngoài, đương nhiên là Di Lặc Tịnh Độ gần hơn Tây Phương Tịnh Độ rất nhiều, ở ngay trong tầng trời thứ tư của thế giới Sa Bà, Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nếu quý vị hiểu rõ đoạn kinh văn vừa mới nói [trong phần trước] thì xác thực là chẳng có xa hay gần. Vì sao kinh này cứ khăng khăng tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên người ta hãy vãng sanh về đó?

(Sớ) Đáp: Nhân nan dị cố, cảnh thắng liệt cố, chủ sư tư cố.

(疏)答：因難易故，境勝劣故，主師資故。

*(**Sớ**: Đáp: Do cái nhân có khó dễ, do cảnh hơn kém, và quan hệ giữa đấng hóa chủ hai nơi (Cực Lạc và Đâu Suất Nội Viện) là thầy và trò).*

---

[12] Khi Di Lặc Phật thị hiện thành Phật trong thế giới Sa Bà, Ngài ngồi dưới cội cây Long Hoa thị hiện thành Chánh Giác. Cây ấy có cành rất to, cuồn cuộn như những con rồng vươn tỏa khắp nơi, cây trổ hoa sáng ngời, kết thành quả chi chít cũng tỏa sáng, nên gọi là cây Long Hoa. Ngài chuyển pháp luân ba lần, lần lượt độ những người tu hành Lục Độ, những người tu Ngũ Giới, và cuối cùng độ vô lượng chúng sanh hữu duyên cùng thành Phật, nên gọi là Long Hoa Tam Hội. Nói cách khác, hội thứ nhất độ hàng Bồ Tát, tương đương với hội Hoa Nghiêm, hội thứ hai độ phàm phu tu Ngũ Giới, Thập Thiện, nghe pháp chứng nhập thánh vị, tương đương với các thời A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và hội cuối cùng tương đương với thời Pháp Hoa-Niết Bàn.

Do ba nguyên nhân ấy.

(Sớ) Hựu vấn: Thắng Liên Hoa thế giới, thậm siêu Cực Lạc, hà dĩ bất vãng?

(疏)又問：勝蓮華世界，甚超極樂，何以不往？

*(**Sớ**: Lại hỏi: Thế giới Thắng Liên Hoa vượt trỗi Cực Lạc quá nhiều, cớ sao chẳng sanh về đó?)*

Sự thọ dụng trong thế giới Thắng Liên Hoa quả thật vượt trỗi Tây Phương Cực Lạc thế giới quá nhiều, vì sao chẳng vãng sanh [về cõi đó]?

(Sớ) Đáp: Lạc Bang tại cận, bất ưng cầu viễn cố.

(疏)答：樂邦在近，不應求遠故。

*(**Sớ**: Đáp: Lạc Bang ở gần, chớ nên cầu nơi xa xôi).*

Vấn đề này chúng ta để đến phần sau sẽ thảo luận. Trước hết, hãy xét tới ba vấn đề *"nhân hữu nan dị, cảnh hữu thắng liệt, chủ hữu sư tư"*.

(Sao) Vấn ý cái vị Di Lặc diệc hiện tại thuyết pháp, Nội Viện diệc thanh tịnh, trang nghiêm, nhi bất cầu sanh, đương thị hà cố?

(鈔)問意蓋謂彌勒亦現在說法，內院亦清淨莊嚴，而不求生，當是何故。

*(**Sao**: Ý của lời hỏi là ngài Di Lặc nay cũng đang thuyết pháp, Nội Viện cũng thanh tịnh, trang nghiêm, nhưng chẳng cầu sanh [về đó] là vì cớ nào?)*

Lời hỏi có ý nghĩa như vậy.

(Sao) Đáp hữu tam nghĩa.

(鈔)答有三義。

*(**Sao**: Đáp: Có ba ý nghĩa).*

Do có ba duyên.

(Sao) Nhất, nhân nan dị giả, phàm sanh Nội Viện, tất Trí Đoạn công đức, kham dự thánh lưu.

(鈔)一、因難易者，凡生內院，必智斷功德，堪與聖流。

*(**Sao**: Một là cái nhân có khó và dễ: Phàm sanh vào Nội Viện, ắt phải có công đức Trí Đoạn, có thể dự vào dòng thánh).*

Phàm là người vãng sanh Di Lặc Nội Viện, phải thỏa điều kiện này.

(Diễn) Tất Trí Đoạn công đức, kham dự thánh lưu giả, Trí Đoạn, tức chứng trí đoạn Hoặc công đức. Nội Viện giai chứng Trí đoạn Hoặc thánh nhân sở cư. Vô thử công đức, bất kham dự hội cố.

(演)必智斷功德，堪與聖流者，智斷，即證智斷惑功德，內院皆證智斷惑聖人所居，無此功德，不堪與會故。

*(**Diễn**: "Ắt phải có công đức Trí Đoạn, có thể dự vào dòng thánh": Trí Đoạn chính là công đức chứng trí, đoạn phiền não. Nội Viện toàn là bậc thánh nhân đã chứng trí, đoạn phiền não cư ngụ. Chẳng có công đức ấy, sẽ chẳng thể dự vào hội ấy).*

Ý nghĩa này đã nói rất minh bạch: Tiêu chuẩn để gia nhập Nội Viện của Di Lặc Bồ Tát rất cao. Quý vị chẳng đạt tiêu chuẩn ấy, sẽ chẳng tiến nhập được. Giống như quý vị thi vào một trường, chỗ chúng ta cách đại học Đài Loan rất gần, nhà quý vị ở sát vách đại học Đài Loan, nhưng chẳng học tại đại học Đài Loan, mà qua Cao Hùng học, vì sao? Ở đây, điểm trúng tuyển cao, đậu không nổi. Cao Hùng tuy rất xa, nhưng nơi ấy lấy điểm trúng tuyển thấp, quý vị bèn đến đó, đạo lý là như thế đó. Phàm là người vãng sanh Di Lặc Tịnh Độ, Di Lặc Bồ Tát học Pháp Tướng Duy Thức. Tu hành trong Pháp Tướng Duy Thức là tu Duy Tâm Thức Định. Duy Tâm Thức Định chẳng dễ dàng cho mấy, nó có năm tầng cấp, gọi là Ngũ Trùng Duy Thức Quán, tức là năm tầng cấp cảnh giới, phải tu đến tầng cấp cao nhất thì mới có thể sanh vào Di Lặc Tịnh Độ. Kẻ chẳng có công phu như vậy, muốn đến đó cũng chẳng đến được, Di Lặc Bồ Tát chẳng đến tiếp dẫn quý vị. Mỗi ngày ta niệm danh hiệu Ngài, Ngài chẳng đến tiếp dẫn quý vị. Đối với Ngài, quý vị phải có năng lực ấy, phải có công phu định lực ấy, chính quý vị đến đó, Ngài cũng chẳng hoan nghênh quý vị. Quý vị chẳng tới được, Ngài chẳng đến đón quý vị. Quý vị có mong mỏi cách nào đi nữa, mong mỏi uổng công, vô

dụng! Đó là xét theo cái nhân [để vãng sanh], bèn có khó và dễ. Dưới đây là nói đến sự dễ dàng [trong vãng sanh Cực Lạc].

(Sao) Phi nhược Cực Lạc.
(鈔)非若極樂。
*(**Sao**: Chẳng như Cực Lạc).*

Không giống như thế giới Cực Lạc.

(Sao) Đản cầu sanh giả, tịnh niệm thành tựu, tức khắc như nguyện, vô luận Hoặc nghiệp.
(鈔)但求生者，淨念成就，即克如願，無論惑業。
*(**Sao**: Chỉ cần là người cầu vãng sanh, tịnh niệm thành tựu bèn tức khắc thỏa nguyện, chẳng cần biết Hoặc nghiệp [như thế nào]).*

Tịnh Độ Tông dễ dàng. Người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ cần tịnh niệm thành tựu, không cần phải đoạn Hoặc. Di Lặc Tịnh Độ đòi hỏi công đức Trí Đoạn, vãng sanh Tây Phương chẳng cần [công đức ấy]. Nếu có công phu Trí Đoạn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là thượng bối vãng sanh. Chúng ta chỉ cần tịnh niệm thành tựu, mức độ tịnh niệm thấp nhất gọi là "công phu thành phiến", thế là được rồi. Cổ đại đức nói *"có Tịnh Độ"*, [nghĩa là] trong tâm quý vị thật sự có, bèn quyết định vãng sanh. Có đằng miệng, trong tâm chẳng có, vô dụng, đó là *"gào toạc cổ họng vẫn uổng công"*. Nơi miệng chẳng có, nhưng trong tâm có thì được rồi! Hữu dụng! Phải biến A Di Đà Phật thành người vương vấn bậc nhất trong tâm chúng ta, đó là trong tâm thật sự có Phật. Trong tâm, trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng đều chẳng vướng mắc, sẽ quyết định vãng sanh. Trong tâm vướng mắc lắm thứ, A Di Đà Phật cũng ở trong những nỗi vướng mắc ấy, khi vãng sanh sợ rằng [do có quá nhiều] niềm vương vấn khác, sẽ đi vào nhiều ngõ rẽ, nhằm lúc khẩn yếu mà quyết định ấy bị xen tạp, sẽ lỡ làng cơ hội này! Do vậy, tốt nhất là trong tâm chỉ có một niềm vướng mắc; trừ điều ấy ra, những vướng mắc gì khác đều chẳng có, quý vị quyết định vãng sanh. Có thể làm được chuyện này, dễ dàng hơn công đức Trí Đoạn quá nhiều. Dưới đây lại nêu lên một thí dụ:

(Sao) Tích Trang sư vị Nội Viện dị sanh, lương dĩ Đâu Suất chi

ly nhân thế khả kế do-tuần, Cực Lạc chi khứ Sa Bà lịch đa Phật sát, bỉ luận địa bất luận nhân, kim luận nhân bất luận địa, nghĩa các hữu thủ.

(鈔)昔奘師謂內院易生，良以兜率之離人世可計由旬，極樂之去娑婆歷多佛剎，彼論地不論因，今論因不論地，義各有取。

*(**Sao**: Xưa kia, ngài Huyền Trang nói Nội Viện dễ sanh là vì khoảng cách giữa Đâu Suất và nhân gian có thể tính đếm do-tuần, từ Sa Bà đến Cực Lạc phải trải qua nhiều cõi Phật. Đó là luận theo nơi chốn, chẳng luận theo cái nhân. Nay chúng ta luận định theo cái nhân, chẳng luận theo nơi chốn. Do căn cứ trên những luận điểm khác nhau mà có ý nghĩa khác nhau).*

Vì Huyền Trang đại sư học Pháp Tướng Duy Thức, nên vãng sanh Di Lặc Tịnh Độ đối với Ngài thì được. Ngài có bản lãnh ấy, có định lực ấy. Ngài là tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức, là thầy của Khuy Cơ đại sư. Đối với các Ngài [chuyện vãng sanh Đâu Suất Nội Viện] chẳng thành vấn đề, chúng ta công phu thua kém các Ngài. Ngài khuyên người ta đến Đâu Suất Thiên vì Đâu Suất Thiên gần gũi, Tây Phương Cực Lạc thế giới xa xôi; vì sao bỏ gần cầu xa? Ngài luận định theo nơi chốn, chẳng luận theo cái nhân tu hành. Nay chúng ta luận định theo cái nhân tu hành, chẳng luận bàn nơi chốn!

(Sao) Nhiên cực nhi luận chi, Trang sư vị đương thời nhất loại chi cơ, thử kinh nãi vạn thế thường hành chi đạo nhĩ.

(鈔)然極而論之，奘師為當時一類之機，此經乃萬世常行之道耳。

*(**Sao**: Nhưng luận định đến tột cùng, ngài Huyền Trang vì một loại căn cơ thuở ấy [mà nói như vậy], kinh này là đạo thường hành trong muôn đời).*

Câu này hết sức quan trọng. Nếu chẳng có câu này, ý nghĩa sẽ chẳng viên mãn. Do vậy, cổ đại đức khuyên người khác, các Ngài biết quan sát căn cơ. Ví như các Ngài khen ngợi Thiền, khuyên quý vị tham Thiền, là do quan sát thấy căn cơ của quý vị là Thiền, quý vị tham Thiền có thể đắc Định, có thể khai ngộ. Quý vị là căn tánh như thế nào, sẽ dạy

quý vị học pháp môn ấy, tán thán pháp môn ấy. Thuở ấy, Huyền Trang đại sư nói lời ấy, hễ nói năng nhất định là có đối tượng [nghe nói], những người đó nhất định là căn cơ Pháp Tướng Duy Thức, xác thực là có năng lực sanh lên Đâu Suất Thiên, theo chân Di Lặc Bồ Tát, Ngài khuyên bảo những người ấy, chẳng nhằm khuyên bảo đại chúng. Kinh này được mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai khuyên trọn khắp hết thảy chúng sanh trong pháp giới, có ý nghĩa khác nhau! Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Nói thật ra, dẫu tôi có năng lực đến Đâu Suất Thiên, quý vị hỏi tôi có đi hay không? Tôi quyết định chẳng đi. Tôi đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật. Vì sao? Thế giới Tây Phương thù thắng hơn Đâu Suất Thiên quá nhiều! Đâu Suất Thiên chẳng thể sánh bằng thế giới Tây Phương. Đoạn dưới đây nhằm nói đến [sự thù thắng ấy].

(Sao) Nhị, cảnh thắng liệt giả, Nội Viện bất việt tam giới chi trung, Cực Lạc xuất quá tam giới chi ngoại.

(鈔)二、境勝劣者，內院不越三界之中，極樂出過三界之外。

*(**Sao**: Hai là cảnh có hơn, kém. Nội Viện chẳng vượt ngoài tam giới, Cực Lạc đã ra khỏi tam giới).*

Cảnh giới khác nhau. Đâu Suất Thiên ở ngay trong thế giới Sa Bà, chẳng vượt ngoài thế giới Sa Bà, bất quá là một nơi đặc thù trong thế giới Sa Bà! Do thánh nhân trụ tại đó, nên nó là một nơi đặc biệt, nhưng vẫn thuộc trong tam giới. Thế giới Tây Phương vượt trỗi tam giới quá nhiều!

(Sao) Cực Lạc Nghi Thành thượng vô nữ nhân, Nội Viện ngoại sanh tiện hữu ngũ dục, cố viết hạ sanh do thắng thiên cung dã.

(鈔)極樂疑城尚無女人，內院外生便有五欲，故曰下生猶勝天宮也。

*(**Sao**: Nghi Thành của Cực Lạc còn chẳng có nữ nhân. Sanh ngoài Nội Viện bèn có ngũ dục. Vì thế, nói sanh vào nơi hèn kém [của Cực Lạc] còn trỗi vượt cung trời).*

"Hạ sanh" là nói tới Biên Địa Nghi Thành của thế giới Cực Lạc.

Ở trong ấy, hưởng những điều vui sướng vượt trỗi Dạ Ma Thiên, vượt trỗi Đao Lợi Thiên. Vì thế, Nội Viện chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Tam, chủ sư tư giả, Di Đà viên vạn đức chi quả, dĩ chứng Như Lai.

(鈔)三、主師資者，彌陀圓萬德之果，已證如來。

*(**Sao**: Ba, quan hệ giữa đấng hóa chủ hai nơi (Cực Lạc và Đâu Suất Nội Viện) là thầy và trò, Phật Di Đà đã viên mãn quả vạn đức, đã chứng Như Lai).*

A Di Đà Phật đã sớm chứng đắc viên mãn Phật Quả trong Viên Giáo, đã sớm thành Phật. Không chỉ thành Phật, Ngài lại còn được hết thảy chư Phật tôn kính, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã tán thán Phật Di Đà là *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (quang minh đáng tôn trọng nhất, vua trong các Phật). Ngài được hết thảy chư Phật tán thán.

(Sao) Di Lặc xưng Bổ Xứ chi tôn, do cư Đẳng Giác.

(鈔)彌勒稱補處之尊，猶居等覺。

*(**Sao**: Di Lặc là vị được gọi là Bổ Xứ, vẫn còn thuộc địa vị Đẳng Giác).*

Di Lặc nay là Đẳng Giác Bồ Tát, chưa thành Phật.

(Sao) Kinh vân: "Kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ xứ", tắc Di Lặc phương dữ Quán Âm, Thế Chí, đồng thị đạo sư chi trắc, viết sư tư dã.

(鈔)經云：其中多有一生補處。則彌勒方與觀音勢至，同侍導師之側，曰師資也。

*(**Sao**: Kinh dạy: "Trong số ấy, có nhiều vị là Nhất Sanh Bổ Xứ", vậy thì Di Lặc và Quán Âm, Thế Chí cùng hầu bên cạnh đức Đạo Sư, nên nói là "thầy trò" vậy).*

Di Lặc Bồ Tát có thân phận gì? Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài là học trò của A Di Đà Phật. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải biết là sẽ cùng Di Lặc Bồ Tát xưng huynh gọi đệ. Chúng ta có cùng một thầy, có mối quan hệ sư huynh, sư đệ. Nếu quý vị

sanh về Di Lặc Tịnh Độ, quan hệ với Di Lặc Bồ Tát là thầy trò, tức là quý vị thấp hơn một bậc. Vì thế, đến thế giới Tây Phương, cùng Di Lặc Bồ Tát là sư huynh, sư đệ. Nếu quý vị mong du ngoạn Nội Viện, sẽ tùy ý tới, đến thăm sư huynh của ta. Tới đó, Di Lặc Bồ Tát còn phải bước xuống khỏi tòa để đặc biệt tiếp đãi quý vị, khác hẳn! Phải liễu giải những sự thật này!

(Sao) Cố kiến Di Đà, tức kiến Di Lặc; kiến Di Lặc, vị tất kiến Di Đà.

(鈔)故見彌陀，即見彌勒；見彌勒，未必見彌陀。

*(**Sao**: Vì thế, thấy Phật Di Đà bèn thấy ngài Di Lặc. Thấy ngài Di Lặc, chưa chắc đã thấy Phật Di Đà).*

Thật vậy! Quý vị vãng sanh Đâu Suất Nội Viện, chẳng nhất định là có cơ hội đến thế giới Cực Lạc; nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể tùy ý đến Di Lặc Nội Viện.

(Sao) Hựu cổ đức hữu vân: "Tiên sanh Tây Phương, hậu sanh Long Hoa", diệc đại hữu lý, thiên cầu Cực Lạc, bất diệc nghi hồ!

(鈔)又古德有云：先生西方，後生龍華，亦大有理，偏求極樂，不亦宜乎。

*(**Sao**: Có vị cổ đức lại nói: "Trước hết là sanh về Tây Phương, sau đó sanh vào Long Hoa", cũng hết sức có lý. Khăng khăng cầu sanh Cực Lạc, có phải là thích đáng hơn không?)*

Nếu chúng ta muốn tham dự Long Hoa Tam Hội, chẳng khó! Di Lặc Bồ Tát vỗ tay hoan nghênh. Quý vị vãng sanh Nội Viện, trong tương lai Ngài thành Phật, quý vị là đệ tử Thanh Văn của Ngài, giống như những vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên. Khi Di Lặc Bồ Tát thị hiện thành Phật, chúng ta từ thế giới Tây Phương đến, sẽ giống như Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, là sư huynh sư đệ đến thị hiện, đến giúp đỡ Ngài; thân phận và địa vị hoàn toàn khác hẳn! Những điều này đều là chân tướng sự thật! Nếu chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu minh bạch chân tướng sự thật này, chúng ta sẽ chẳng biết chọn lựa như thế nào. Đã hiểu rõ ràng, minh bạch, chính mình sẽ biết chọn lựa như thế nào. Đấy mới là chánh xác, chẳng đến nỗi nảy sanh sai lầm, sai lầm chính là chuyện rất đáng tiếc nuối vậy!

(Sao) Thắng Liên Hoa giả, tường kiến tiền thọ mạng văn trung.

(鈔)勝蓮華者，詳見前壽命文中。

*(**Sao**: Đối với thế giới Thắng Liên Hoa, xin coi lời giải thích tường tận trong phần kinh văn giảng về thọ mạng).*

Phía trước đã từng nói: *"Hoa Nghiêm Thọ Lượng phẩm, vị Sa Bà thế giới nhất kiếp, vi Cực Lạc thế giới nhất trú dạ. Cực Lạc thế giới nhất kiếp, vi Ca Sa Tràng thế giới nhất trú dạ, triển chuyển kiếp nhật tương đối, nãi chí bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, cực ư Thắng Liên Hoa, tắc Cực Lạc cẩn thắng Sa Bà, liệt hậu thù thậm, an đắc vi cánh vô hạn lượng chi vô lượng hồ?"* (Phẩm Thọ Lượng trong kinh Hoa Nghiêm có nói: "Một kiếp trong thế giới Sa Bà là một ngày đêm trong thế giới Cực Lạc. Một kiếp trong thế giới Cực Lạc là một ngày đêm trong thế giới Ca Sa Tràng. Lần lượt đối ứng ngày và kiếp như vậy, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, tột bậc là cõi Thắng Liên Hoa". Vậy thì Cực Lạc chỉ hơn Sa Bà, kém cỏi, tụt lùi quá xa [so với những thế giới khác], làm sao có thể là vô lượng trong không có hạn lượng cho được?). Trích dẫn một đoạn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm nhằm nói rõ các cõi Phật trỗi vượt Tây Phương Cực Lạc thế giới rất nhiều; vì sao chư Phật đều khuyên chúng ta hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ví như trong thế gian này, khá nhiều chốn đô hội nổi tiếng, phồn vinh, hưng thịnh vượt trỗi chỗ chúng ta quá nhiều. Bất luận xét theo sự hưởng thụ vật chất hay tinh thần, nơi này của chúng ta cũng chẳng thể sánh bằng được. Những nơi ấy quả thật là tốt đẹp. Vì sao khuyên quý vị đến chỗ này? Ở đây có một trường đại học nổi tiếng, quý vị đi hưởng phước hay muốn đến cầu học? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là đến cầu học, chẳng phải là đến hưởng lạc. Ở nơi đó, sau khi hoàn thành học nghiệp, sẽ tùy ý vãng sanh trong mười phương vô lượng vô biên hằng sa cõi nước, có bao gồm thế giới Thắng Liên Hoa hay chăng? Đức Phật chẳng nói rõ "ngoại trừ thế giới Thắng Liên Hoa"; nói cách khác, thế giới Thắng Liên Hoa cũng bao gồm trong số ấy. Do vậy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cổ nhân bảo là *"một sanh, hết thảy sanh"*, điều này rất có lý. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như sanh trong hết thảy các cõi Phật, kể cả thế giới Thắng Liên Hoa. Nhưng chúng ta chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào các thế giới chư Phật khác, sẽ chẳng có năng lực, [bởi lẽ] điều kiện [để được sanh vào các thế giới phương khác] rất cao, ngay cả Đâu Suất Thiên mà còn chưa đến được. Điều kiện sanh về Đâu Suất

Thiên lại kém hơn thế giới Thắng Liên Hoa rất nhiều. Nhất định phải hiểu những sự thật này. Quay lại nghĩ tưởng căn tánh và trình độ của chính mình, dùng phương pháp xảo diệu gì để chúng ta rất dễ dàng, rất nhanh chóng mà cũng có thể đạt tới các cõi Phật cao nhất, thù thắng nhất thì không gì hơn được cách trước tiên là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tới đó để thành tựu. Bất cứ cõi Phật nào cũng đều chẳng nói vừa đến nơi ấy [bèn là] *"hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh"*, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng phẩm thượng sanh vừa đến bên đó hoa bèn nở, thấy Phật. Nói cách khác, chứng ngay quả vị Thất Địa trong Viên Giáo, mà Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo bèn có năng lực dạo khắp các cõi Phật. Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng đắc A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. A Bệ Bạt Trí thấp nhất là Thất Địa, cao nhất là Cửu Địa. Có thể thấy: Đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có năng lực dạo khắp hết thảy các cõi Phật. Thượng phẩm thượng sanh tới đó, sẽ đích thân chứng đắc. Hạ hạ phẩm vãng sanh phải mất mười hai kiếp. Có phải đợi cho tới hết mười hai kiếp, hoa nở, thấy Phật thì mới có năng lực tham phỏng trọn khắp các cõi Phật hay không? Chẳng cần chờ đợi! Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như Bát Địa Bồ Tát, hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có thể đến tham phỏng mười phương các cõi Phật. Chính mình chẳng có năng lực ấy, vì sao có thể đi? Do là học trò của Phật Di Đà! Hết thảy chư Phật đều hoan nghênh quý vị, đó là được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Bản thân quý vị chẳng có năng lực, Phật gia trì quý vị; khi quý vị có năng lực, Phật vẫn gia trì quý vị. Chư vị nhất định phải biết: Trong các kinh luận khác chẳng có chuyện này, trong các cõi Phật khác cũng chẳng có, hết thảy chư Phật khuyên chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc là có lý, chẳng phải là nói tùy tiện. Mọi người đọc kỹ kinh Vô Lượng Thọ, đối với từng câu, từng chữ trong kinh Vô Lượng Thọ đều chớ khinh thường, dễ dãi đọc lướt qua, quý vị mới thật sự giác ngộ Tịnh Độ siêu thắng, vượt trỗi hết thảy các cõi Phật, thù thắng khôn sánh. Có thể nói là giống như hết thảy chư Phật tạo lập một đại học Phật giáo nhằm giúp cho hết thảy chúng sanh thành Phật tại đó. Quý vị nghĩ xem: Nơi ấy thù thắng lắm!

(Sao) Kim vị Hoa Nghiêm giảo luận quốc độ.

(鈔)今謂華嚴較論國土。

*(**Sao**: Nay nói: Kinh Hoa Nghiêm so sánh các cõi nước).*

Kinh Hoa Nghiêm so sánh các cõi Phật.

(Sao) Sa Bà chi hậu, tức vân Cực Lạc, viễn chi hựu viễn, chí bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, phương viết Thắng Liên.

(鈔)娑婆之後，即云極樂，遠之又遠，至百萬阿僧祇世界，方曰勝蓮。

*(**Sao**: Sau Sa Bà, bèn nói Cực Lạc, đã xa lại càng xa hơn, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, mới nói tới cõi Thắng Liên Hoa).*

Từ thế giới Sa Bà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới xa cách mười vạn ức cõi Phật, cõi Thắng Liên Hoa cách thế giới Sa Bà trăm vạn A-tăng-kỳ Phật sát (một thế giới là một Phật sát), khoảng cách ấy thật sự quá xa, mười vạn ức chẳng thể sánh bằng trăm vạn A-tăng-kỳ! Đại sư lại so sánh giữa xa và gần, luận định về sự xa gần, chẳng luận theo nhân hạnh. Luận xa gần giống như trong cách nói trong phần trên của Huyền Trang đại sư nhằm khuyên những kẻ đương cơ. Chư vị phải hiểu: Nói theo kiểu này chính là nói quyền xảo phương tiện.

(Sao) Tắc Cực Lạc giả lân bang, Thắng Liên giả hà vực dã, dụ như Việt cơ, Ngô nhẫm, cử túc tức Ngô, xả Ngô bất vãng, nhi mộ Yên, Tần, hoặc diệc thậm hỹ!

(鈔)則極樂者鄰邦，勝蓮者遐域也，喻如越饑吳稔，舉足即吳，捨吳不往，而慕燕秦，惑亦甚矣。

*(**Sao**: Cực Lạc là nước kề cận, Thắng Liên Hoa là nước xa xôi, ví như nước Việt đói kém, nước Ngô được mùa, cất chân bèn sang đất Ngô. Bỏ nước Ngô chẳng đến, hâm mộ nước Yên, nước Tần, mê lầm quá đỗi!)*

Nước Việt [thời Chiến Quốc] nay thuộc tỉnh Chiết Giang, nước Ngô nay thuộc tỉnh Giang Tô, hai nơi ấy rất gần nhau. Nếu ở nơi đây gặp nạn đói, thành thị kế bên trúng mùa, sang đó còn có cái ăn. Nước Yên nay là tỉnh Liêu Ninh, nước Tần nay là một giải Tây An[13], cách rất xa!

[13] Chiết Giang và Giang Tô là hai tỉnh kế cận nhau. Nước Việt thời Chiến Quốc là đất phong của hậu duệ con thứ vua Thiếu Khang nhà Hạ. Vua nước này có họ là Tự. Sử chép vị vua đầu tiên của nước Việt là Tự Vô Dư, vua cuối cùng là Tự Vô Cương.

Đó là nói theo lẽ xa gần. Vì thế, chúng ta biết đại sư nói kiểu này là nói quyền xảo phương tiện. Chúng ta phải liễu giải chân tướng từ Lý lẫn Sự, đó mới là chân tướng sự thật.

Thế giới Thắng Liên Hoa là cõi của Hiền Thắng Phật, các vị đại Bồ Tát như Phổ Hiền và Văn Thù thường hoạt động nơi đó. Ở đây, đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn: Phàm ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Phẩm thứ hai trong kinh Vô Lượng Thọ là Đức Tuân Phổ Hiền, đương nhiên [là người trong cõi Cực Lạc] sẽ có phần trong thế giới Thắng Liên Hoa, [bởi lẽ], kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát đầy ắp trong cõi đó. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì vậy, thế giới Tây Phương không chỉ là Nhất Chân pháp giới, mà nói thật ra, còn là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát, ai nấy đều tu Phổ Hiền hạnh. Phổ Hiền chẳng giống các vị Bồ Tát khác, tâm địa của Ngài thật sự thanh tịnh, bình đẳng, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước. Bởi lẽ, tâm Ngài là tận hư không, khắp pháp giới, bất luận ở nơi đâu đều có cảm ứng đạo giao. Trong quá khứ, cư sĩ

Lãnh thổ nước Việt bao gồm các huyện Chư Kỵ, Đông Dương, Nghĩa Ô và Thiệu Hưng của tỉnh Chiết Giang hiện thời, kinh đô là Cối Kê. Nước Việt hùng mạnh nhất dưới thời Việt vương Câu Tiễn, nhưng sau đó bị nước Sở tiêu diệt vào năm 334 trước Công Nguyên.

Nước Ngô thời Chiến Quốc (còn gọi là Câu Ngô, Công Ngô v.v…) đã tồn tại từ đời Thương. Xét theo nguồn cội người sáng lập quốc gia này, thì Châu Thái Vương có ba người con là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Quý Lịch sanh ra Cơ Xương (Châu Văn Vương) rất có tài trí; vì thế, Châu Thái Vương muốn truyền ngôi cho Quý Lịch. Thấy vậy, Thái Bá và Trọng Ung bèn giả vờ đi hái thuốc, trốn xuống huyện Đương Đồ ở phía Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Thoạt đầu nước Ngô đóng đô ở Mai Lý (thuộc huyện Vô Tích), sau chuyển sang Cô Tô. Nước Ngô bị diệt vong bởi Việt vương Câu Tiễn dưới đời Ngô vương Phù Sai.

Theo truyền thuyết, tổ tiên vua nước Tần là Tần Phi Tử (họ Doanh) do khéo nuôi ngựa nên được Châu Hiếu Vương phong cho đất Tần (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc). Mãi đến đời Tần Tương Công vào năm 770 do hộ tống Châu Bình Vương có công nên Tần Tương Công mới được phong tước Bá, nước Tần mới chính thức là một nước chư hầu. Tây An (thuộc tỉnh Thiểm Tây) chính là kinh đô Trường An lừng danh, tức là kinh đô của bốn triều đại Châu, Tần, Hán, Đường.

Lãnh thổ nước Yên trải dài từ phía Bắc tỉnh Sơn Đông cho đến hết bán đảo Liêu Đông. Thành phố Bắc Kinh có tên cổ là Yên Kinh, chính là kinh đô của nước Yên thời Chiến Quốc. Sau khi Châu Vũ Vương diệt Trụ, đã phong đất Yên (vùng phụ cận Bắc Kinh và Hà Bắc hiện thời) cho người cùng họ là Triệu Công (Cơ Tử Khắc). Vùng này vốn có tên gọi là Yên Sơn, nên mới gọi là nước Yên.

Ngụy Nguyên đã ghép phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện vào Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Đầu thời Dân Quốc, lão pháp sư Ấn Quang đã ghép Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Viên Thông Chương vào sau bốn kinh, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh.

Đã hiểu rõ Lý và Sự này, đối với sự tu học của Tịnh Tông, chúng ta sẽ có thể khăng khăng một mực, thâm nhập một môn. Nếu có thể khăng khăng một mực, thâm nhập một môn, thành tựu rất nhanh chóng. Kinh Di Đà nói, đúng là thật sự quá mức chẳng thể nghĩ bàn, *"hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến hoặc bảy ngày"* bèn thành tựu, lời này cũng là thật, chẳng giả. Bảy ngày bèn thành tựu, chẳng biết chúng ta đã niệm bao nhiêu lần bảy ngày, vẫn chẳng có thành tựu, có phải là đức Phật nói sai hay không? Phật và kinh chắc chắn chẳng sai lầm! Vấn đề ở chỗ nào? Chúng ta niệm Phật chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp; cho nên niệm rất nhiều năm cũng chẳng thành tựu! Tu học đúng lý, đúng pháp, xác thực là có thể thành công rất nhanh. Pháp môn này nhanh chóng, thành tựu mau lẹ, chẳng thể nghĩ bàn. Trong A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, Khuy Cơ đại sư đã tán thán như vậy. Ngài Khuy Cơ là tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông, tán thán pháp môn Tịnh Độ tột bậc, đấy mới là một vị thiện tri thức thật sự. Khuy Cơ đại sư tán thán Tịnh Độ, thừa nhận Tịnh Độ là Đốn Giáo, thành tựu nhanh chóng khôn sánh. Kinh nói từ một ngày cho đến bảy ngày bèn thành công. Chúng ta xem Vãng Sanh Truyện, xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, và nhìn vào thời cận đại, những người thật sự vãng sanh, biết trước lúc mất, ra đi chẳng ngã bệnh, ra đi rất tiêu sái, rất tự tại, đứng mất, ngồi mất, đúng là thông thường khoảng chừng ba năm. Tu học các pháp môn khác, ba năm mà thành tựu thì rất ít thấy, Tịnh Độ ba năm thành tựu quá ư là nhiều! Những điều này đều đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu. Nếu thật sự hiểu rõ, tín tâm của quý vị sẽ tự nhiên thanh tịnh, tín tâm kiên định, nguyện lực khẩn thiết, chắc chắn vãng sanh. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 256

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm mười.

(Sớ) Vấn: Kiến hữu nhất sanh niệm Phật, lâm chung vị tất vãng sanh, hà dã? Đáp: Lương diêu nhất sanh niệm Phật, vị thị nhất tâm

niệm Phật cố.

(疏)問：見有一生念佛，臨終未必往生，何也？答：良繇一生念佛，未是一心念佛故。

*(**Sớ**: Hỏi: Thấy có kẻ suốt đời niệm Phật, lâm chung chưa chắc vãng sanh, là vì lẽ nào? Đáp: Ấy là vì suốt đời niệm Phật, nhưng chưa phải là nhất tâm niệm Phật).*

Đoạn này hết sức trọng yếu. Có kẻ suốt đời niệm Phật mà chẳng thể vãng sanh, hạng người như vậy hết sức nhiều! Chúng ta thường nghe nói: *"Người niệm Phật đông đảo, kẻ vãng sanh ít ỏi"*. Sự chênh lệch nhiều ít ấy rất lớn, có thể nói là trong một vạn người niệm Phật, sợ rằng người thật sự có thể vãng sanh không tới mười người, nguyên nhân ở chỗ nào? Ở ngay trong đoạn này. Do vậy có thể biết: Những điều được nói trong đoạn này chính là khai thị mấu chốt để chúng ta biết niệm Phật có thể vãng sanh trong một đời này hay không, chúng ta chớ nên không lưu ý.

(Sao) Du du chi đồ, nhất sanh niệm Phật, sở vị tuy bất giải đãi, diệc bất tinh tấn, vị năng nhất tâm, cố bất đắc sanh.

(鈔)悠悠之徒，一生念佛，所謂雖不懈怠，亦不精進，未能一心，故不得生。

*(**Sao**: Hạng người hời hợt, niệm Phật suốt đời, tuy nói là chẳng biếng nhác, nhưng cũng chẳng tinh tấn, chưa thể nhất tâm, cho nên chẳng được vãng sanh).*

Cho biết vì sao niệm Phật chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân ở ngay chỗ này! Điều khẩn yếu là bản thân chúng ta có phải là hạng người như Liên Trì đại sư vừa nói hay chăng? Chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, nghiêm túc kiểm điểm, chúng ta có phạm lỗi lầm ấy hay không? Nói là *"chẳng biếng nhác"* vì người ấy hằng ngày niệm, chẳng phải là không niệm. Một ngày niệm mấy ngàn câu, niệm một vạn câu, hai vạn câu, ba vạn câu, thật sự niệm, nhưng cũng chẳng tinh tấn. Mỗi ngày niệm Phật hiệu nhiều như thế, vì sao nói là chẳng tinh tấn? Niệm thì có niệm, trong tâm vẫn tán loạn! Do vậy có thể biết: Tinh tấn là gì? Niệm đến mức thật sự nhất tâm, niệm tới mức phiền não ít đi, nhất định phải nhìn từ hiệu quả này. Xác thực là chúng ta ít vọng tưởng, ít phiền

não, tâm thanh tịnh, đó là tinh tấn, quý vị đạt được hiệu quả. Đừng nói là người tại gia niệm vài chục năm, trong tâm vẫn loạn thành một nùi, người xuất gia cũng chẳng phải là ngoại lệ, thị phi, nhân ngã, vọng tưởng, chấp trước có tăng, chẳng giảm, chẳng cảm thấy giảm bớt, dẫu niệm Phật hiệu mà chẳng có tác dụng! Tuy niệm Phật hiệu, chẳng tinh tấn, chẳng có tiến bộ. *"Chưa thể nhất tâm"*, thành tích được khảo sát nơi nhất tâm, chúng ta có phải là niệm đến mức nhất tâm hay không? Muốn thật sự niệm đến nhất tâm, nhất định là phải buông xuống muôn duyên, những thứ chẳng tất yếu thảy đều bỏ hết. Những thứ chẳng bắt buộc phải xem, chẳng cần xem! Những thứ chẳng bắt buộc phải nghe, không cần nghe! Những thứ chẳng bắt buộc phải nói, cũng không cần phải nói, tâm quý vị tự nhiên thanh tịnh. Các đồng tu tại gia ai nấy có sự nghiệp, có gia đình, những chuyện có quan hệ mật thiết đối với sự nghiệp và gia đình thì chúng ta phải xem, phải nghe, phải nói; những chuyện nào chẳng có quan hệ quá to tát đối với sự nghiệp và gia đình ta, chúng ta có thể chẳng nghe, chẳng hỏi, chẳng nói tới. Nói cách khác, phải giảm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tới mức độ thấp nhất, khiến cho cái tâm định, tâm tĩnh lặng thì mới có thành tích đáng nói, mới có thể vãng sanh. Vì thế, trước hết là nói toạc ra nhân duyên khiến cho [hành nhân Tịnh Độ] chẳng thể vãng sanh.

(Sao) Nhược quả chân thật dụng tâm, nhi vị thuần nhất, tuy kim thế bất sanh, diệc thực sanh nhân, tất ư lai thế thành tựu tam-muội nhi đắc sanh bỉ.

(鈔)若果真實用心，而未純一，雖今世不生，亦植生因，必於來世成就三昧而得生彼。

*(**Sao**: Nếu là thật sự dụng tâm, nhưng chưa thuần nhất, tuy chẳng thể vãng sanh trong đời này, cũng đã gieo cái nhân vãng sanh, ắt sẽ trong đời sau, thành tựu tam-muội mà được vãng sanh cõi ấy).*

Thật sự dụng tâm, cũng rất đúng pháp, nhưng chưa thể đạt tới *"thuần nhất"*, hai chữ này trọng yếu! Trong phần trước nói *"chưa thể nhất tâm"*, ở đây nói là *"chưa thể thuần nhất"*. Thật sự đạt đến thuần nhất, trong một đời này, quyết định được vãng sanh. Trong đoạn lớn này, quý vị chỉ ghi nhớ một điều, *"nhất tâm"* hoặc *"thuần nhất"*, quý vị sẽ được thọ dụng. Chẳng thể thuần nhất, khi vãng sanh bèn tùy thuộc duyên phận. Duyên thù thắng, khi lâm chung gặp thiện hữu trợ niệm, thiện hữu

khai thị, nhắc nhở, một niệm cuối cùng là niệm Phật, bèn vãng sanh. Nếu trong sát-na lâm chung, chẳng gặp thiện tri thức, người nhà, quyến thuộc lại khóc lóc, lại làm ồn, vướng mắc đầy dạ, do một niệm sai lầm sẽ chẳng thể vãng sanh; đó là thời khắc mấu chốt. Đó là chẳng thể thuần nhất, bèn sợ khi lâm chung có kẻ nhiễu loạn. Họ cũng chẳng cố ý làm hại quý vị, mà là do tình cảm con người trong thế gian này! Nhưng đối với người niệm Phật mà nói, những điều đó đều là ma chướng, khi lâm chung, chúng đến dày vò quý vị, đến chướng ngại quý vị vãng sanh. Tập sách nhỏ có tên là Sức Chung Tu Tri (飭終須知: những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) chính là tác phẩm diễn dịch cuốn Sức Chung Tân Lương (飭終津梁: hướng dẫn khi trợ niệm lâm chung) từ văn chương Văn Ngôn sang văn Bạch Thoại, đọc dễ hiểu hơn. Chúng ta hãy nên ấn hành nhiều để giúp đỡ người khác, nhắc nhở họ khi lâm chung phải biết tu học như thế nào, điều này hết sức quan trọng. Chính mình phải hiểu, người nhà quyến thuộc cũng phải biết, mới chẳng đến nỗi tạo thành chướng ngại. Suốt một đời thật sự niệm Phật, chẳng đạt đến thuần nhất, khi lâm chung chẳng thể vãng sanh, nhưng người ấy cũng đã gieo cái nhân rất tốt. Do cái nhân ấy, có thể tiếp tục niệm Phật trong đời sau, sẽ có thể vãng sanh. Vì một người thật sự niệm Phật, tâm địa từ bi, thiện lương, quyết định chẳng bị đọa vào ba ác đạo. Đời sau ở trong cõi trời, người, được làm thân người hay thân trời, còn có cơ duyên gặp gỡ pháp môn này lại tiếp tục tu hành.

(Sao) Như Phạm Võng vân: "Bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới".

(鈔)如梵網云：不得戒，而得增益受戒。

*(**Sao**: Như kinh Phạm Võng có nói: "Chẳng đắc giới, nhưng được lợi lạc tăng ích thọ giới[14]").*

---

[14] *"Tăng ích thọ giới"* có nghĩa là tuy có thể vào giới đàn, được truyền thọ các giới, nhưng người thọ giới do thiếu tư cách thọ giới (do phạm tội, hoặc chẳng chí tâm cầu giới, hoặc do tâm chẳng chánh đáng cầu giới, như vì muốn có tiếng tăm mà thọ giới, do cầu lợi mà xin thọ giới, do bị ép thọ giới v.v…), nên chẳng đắc giới. Do sám hối, lần thọ giới ấy chỉ nhằm tạo cái nhân thù thắng để người ấy có thể thật sự đắc giới trong tương lai hay trong đời mai sau, nên gọi là *"tăng ích thọ giới"*. Như trong bài Phật Thuyết Phạm Võng Kinh Giảng Lục, pháp sư Huệ Tăng đã nói: *"Nếu phạm thập giới, hãy nên dạy kẻ ấy sám hối. Ý nói kẻ ấy đã từng thọ Bồ Tát Giới mà hủy phạm, hoặc đã thọ Tỳ-kheo Giới hoặc Sa Di Giới, Ngũ Giới v.v... mà vi phạm, phá Căn Bản Giới, ắt phải trịnh trọng sám hối. Đối trước mười phương chư Phật, Bồ*

Đây là nêu một thí dụ, chúng ta cũng có tình hình từa tựa như vậy.

(Diễn) Bất đắc giới nhi đắc tăng ích thọ giới giả, Phạm Võng vân: "Thiên lý nội vô năng thọ giới sư".

(演)不得戒而得增益受戒者，梵網云：千里內無能授戒師。

*(**Diễn**: "Chẳng đắc giới, nhưng được lợi ích cho sự thọ giới trong đời sau". Kinh Phạm Võng nói: "Trong một ngàn dặm, chẳng có vị thầy nào có thể truyền giới").*

Ngàn dặm khá xa xôi. Trước kia, công cụ giao thông chẳng thuận tiện như trong hiện thời, toàn là đi bộ, tối đa là cưỡi ngựa. Ngàn dặm, nói thông thường thì đại khái là lộ trình mười ngày, khá xa xôi, cổ nhân thường nói "chẳng xa hơn một ngàn dặm" bèn đến. Hiện thời, khoảng cách ngàn dặm cũng rất ngắn, mấy tiếng đồng hồ bèn có thể đến nơi!

(Diễn) Hứa Phật, Bồ Tát tượng tiền thọ giới, yếu tu sám hối đắc kiến hảo tướng, tức tiện đắc giới.

(演)許佛菩薩像前受戒，要須懺悔得見好相，即便得戒。

*(**Diễn**: Cho phép [người muốn thọ giới] đối trước tượng Phật, Bồ Tát tự thọ giới, nhưng cần phải tu sám hối [cho đến khi] thấy được hảo tướng thì mới đắc giới).*

Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có nói chuyện này rất cặn kẽ, đối với tại gia Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Bồ Tát Giới, xuất gia Sa Di Giới đều có thể tự mình đối trước tượng Phật, Bồ Tát phát nguyện thọ giới. Có đắc giới hay không? Nếu thấy hảo tướng thì đắc giới. Hảo tướng là gì?

Tát, dập đầu kính lễ, một dạ khẩn cầu, phơi bày tội ác, thề chẳng tái phạm. Khi sám hối, ắt phải thấy tướng hảo, như được chư Phật xoa đỉnh đầu, hoặc thấy quang minh, thấy hoa v.v... các thứ tướng linh dị, cát tường, thì mới chứng tỏ là đã được thọ giới lại. Nếu phạm tội Thất Giá, sẽ chẳng được thọ giới trong đời này, mà được tăng ích thọ giới. Sau khi đã sám hối, có thể tạo thành cái nhân thù thắng để được thọ giới trong đời sau".

(Diễn) Kiến hảo tướng giả, Phật lai ma đảnh, kiến quang, kiến hoa đẳng.

(演)見好相者，佛來摩頂，見光見花等。

*(**Diễn**: "Thấy hảo tướng": Phật đến xoa đỉnh đầu, thấy quang minh, thấy hoa v.v...)*

Nhất định cảm ứng thụy tướng. Những thụy tướng ấy [được thấy] trong Định, hoặc ở trong mộng, đều là [dấu hiệu chứng tỏ] đắc giới.

(Diễn) Nhược bất kiến hảo tướng, tuy sám vô ích.

(演)若不見好相，雖懺無益。

*(**Diễn**: Nếu chẳng thấy hảo tướng, tuy sám hối, vô ích).*

Chúng ta đối trước Phật, Bồ Tát, kiền thành, cung kính phát nguyện thọ giới, trì giới, nhưng chẳng có thụy tướng ấy.

(Diễn) Nhiên tuy bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới.

(演)然雖不得戒，而得增益受戒。

*(**Diễn**: Nhưng tuy chẳng đắc giới, mà đắc tăng ích thọ giới).*

Quý vị đắc giới, có thể nói là công đức lợi ích chân thật. Tuy chẳng đắc giới, cũng đạt được công đức và lợi ích, đó gọi là *"đắc tăng ích thọ giới"*. Nếu tâm chúng ta trì giới kiên định, thanh tịnh, lâu ngày nhất định sẽ có thụy tướng, thời gian dài hay ngắn khác nhau. Lợi căn, trong thời gian rất ngắn bèn có thụy tướng. Có người mấy tháng, cho đến hai, ba năm [mới thấy thụy tướng], chẳng sao cả, chính mình nhất định phải giữ được cái tâm thường hằng, đó là đúng. Sớm muộn gì thì cũng từ tăng ích thọ giới đạt đến thật sự đắc giới. Trong xã hội hiện thời, muốn phát tâm thọ giới, để thật sự đắc giới, thì đây là một phương pháp rất tốt. Kinh Chiêm Sát có nói: Dẫu chẳng có thụy tướng, bèn từ chiêm sát (chiêm nghiệm, quan sát) luân tướng[15] để quan sát. Do chiêm sát luân

[15] Theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, muốn chiêm nghiệm xem tội nghiệp đã tiêu diệt đến đâu sau khi sám hối, có thể dùng Mộc Luân Tướng để quan sát. Mộc Luân Tướng là những phiến gỗ to bằng ngón tay út, dài chừng một tấc (trong hệ thống thước đo cổ của người Hoa), bốn mặt gọt vuông vức, hai đầu trên dưới vót nhọn, để có thể di chuyển khi đặt trong lòng bàn tay, do vậy gọi là Luân. Mộc Luân gồm có mười chín khối. Kinh dạy: *"Nương vào tướng ấy, có thể phá hoại tà kiến,*

tướng, có thể biết bản thân chúng ta đã đắc giới hay không; nhưng nhất định phải theo đúng phương pháp để tu. Hễ dùng một thái độ rất khinh mạn, qua loa để [cầu thọ giới], sẽ chẳng thể đắc giới. [Do thái độ khinh mạn ấy, dẫu] chiêm sát luân tướng cũng chẳng thể cảm ứng.

(Sao) Tông Môn vị "tài xuất đầu lai, nhất văn thiên ngộ giả", thị dã.

(鈔)宗門謂才出頭來，一聞千悟者，是也。

*(**Sao**: Nhà Thiền nói là "vừa mới xuất đầu lộ diện đã nghe một, ngộ cả ngàn" chính là ý này).*

Đây là tỷ dụ thứ hai. Trong Thiền Tông có nói *"vừa mới xuất đầu lộ diện, nghe một, ngộ cả ngàn"*. Nghe một, ngộ cả ngàn là gì? Chúng ta hãy xem chú giải.

(Diễn) Nhất văn thiên ngộ giả, như hiếp hạ thi quyền, cách giang chiêu thủ, tụng Dược Vương nhi thân kiến Linh Sơn, phùng xuy đặng nhi đốn truyền tâm ấn, thị dã.

(演)一聞千悟者，如脅下施拳，隔江招手，誦藥王而親見靈山，逢吹鐙而頓傳心印，是也。

*(**Diễn**: "Nghe một, ngộ cả ngàn": Như nắm tay đặt dưới hông, cách sông vẫy tay, tụng phẩm Dược Vương mà đích thân thấy Linh Sơn, gặp thổi nến mà truyền ngay tâm ấn, là như thế đó).*

---

lưới nghi của chúng sanh, chuyển hướng chánh đạo, đạt đến chỗ an ổn, nên gọi là Luân". Luân tướng ấy có ba loại sai biệt. Một là luân tướng có thể hiển thị các nghiệp chủng thiện ác sai biệt trong đời quá khứ, loại này gồm mười luân tướng. Loại thứ hai là luân tướng có thể hiển thị những nghiệp đã tích tập lâu mau trong quá khứ, loại luân này gồm ba khối. Ba là luân tướng có thể hiển thị thọ báo sai khác trong ba đời; loại này gồm có sáu luân tướng. Nếu muốn quan sát thiện ác sai biệt, hãy khắc gỗ thành mười luân, trên mỗi luân ấy, viết hạng mục của Thập Thiện nơi một mặt. Nơi mặt đối diện viết hạng mục đối ứng của Thập Ác… Đối với ba luân tướng thuộc loại thứ hai, lần lượt viết Thân, Khẩu, Ý, đối với mặt đối diện không viết chữ bèn vạch một vạch to đậm đến tận rìa của mặt luân ấy, rồi lần lượt vẽ các vạch mỏng và ngắn trên mặt kế tiếp, kế đến là vạch to đậm dài trên mặt kế đó v.v… Vạch dài đậm biểu thị tích tập đã lâu (hiện thời, luân tướng thường dùng vạch màu đỏ tượng trưng cho thiện nghiệp, màu đen tượng trưng cho ác nghiệp). Loại thứ ba thì đối với mỗi luân, chỉ viết chữ ở ba mặt, chẳng hạn luân thứ nhất là "một, hai, ba", luân thứ hai là "bốn, năm, sáu" v.v…

Ở đây, đại sư nêu liên tiếp bốn công án. Ở chỗ này, điều then chốt là câu *"mới xuất đầu"* có nghĩa là gì? Hễ hiểu ý nghĩa của câu này, những vấn đề tiếp đó đều được giải quyết. Nay chúng ta chưa ló đầu ra. Chưa ló đầu ra là tình hình gì? Chúng ta bị vô minh phiền não che lấp. Quý vị làm như thế nào để có thể từ trong vô minh phiền não vượt thoát thì sẽ ló đầu ra. Chỉ cần vượt thoát, chẳng sợ không khai ngộ. Cơ duyên như thế nào bèn có thể giúp cho người khác khai ngộ? Từ trong Tông Môn và Giáo Hạ, chúng ta thấy nhân duyên trong lần khai ngộ đầu tiên của mỗi người đều khác nhau! Đại sư nêu lên bốn vị: Ba vị thuộc Thiền Tông, một vị thuộc Giáo Hạ. *"Tụng Dược Vương nhi thân kiến Linh Sơn"* (Tụng phẩm Dược Vương mà đích thân thấy Linh Sơn) chính là Trí Giả đại sư, thuộc Giáo Hạ. Lão nhân gia niệm kinh Pháp Hoa, niệm đến Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự Phẩm, nhập Định. Lần nhập Định ấy, ở trong Định, [Ngài thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Ngài trông thấy quang cảnh ấy. Trí Giả đại sư đã trông thấy, còn nghe hết một buổi (nghe một lượt). Sau khi xuất Định, kể với người khác: *"Hội Linh Sơn cho đến nay vẫn chưa tan!"* Trí Giả đại sư cách Thích Ca Mâu Ni Phật một ngàn năm. Đã một ngàn năm mà hội Linh Sơn vẫn chưa tan, Ngài đến tham dự. Trong Thiền Tông, phương pháp Đốn Ngộ lại càng tuyệt vời, chẳng thể diễn tả được! Từ việc giơ tay, hoặc cuộn tay thành nắm đấm, từ mỗi động tác, mỗi biểu thị, mỗi cuộc vấn đáp [giữa thầy và người đến tham phỏng] mà khai ngộ. Từ ngữ lục của Thiền Tông, chúng ta thấy chuyện này nhiều lắm, vấn đề là nếu quý vị chưa đến sát-na xuất đầu lộ diện, sẽ chẳng làm được! Chúng ta xem ngữ lục Thiền Tông cả trăm lượt vẫn chẳng khai ngộ. Trong khi ấy, người ta vừa giơ tay lên hoặc ho hắng, [người đến tham phỏng] bèn khai ngộ. Chúng ta thấy chuyện đó, làm cách nào cũng chẳng khai ngộ được! Nguyên nhân ở chỗ nào? Người ấy vừa mới ngoi đầu, chúng ta chẳng ngoi đầu, then chốt là ở chỗ này.

Do đó, chính mình nhất định phải có sự cảnh giác cao độ. Chúng ta phiền não quá nặng, vọng tưởng quá nhiều, tập khí quá sâu, làm như thế nào? Nếu vẫn một mực như vậy, chắc chắn sẽ bị đọa lạc. Đọa lạc thì chư vị nhất định phải liễu giải một chân tướng sự thật: Đời sau của chúng ta chắc chắn chẳng tốt đẹp như đời này, đó gọi là *"mỗi lúc một tệ hơn"*, tụt dốc, mỗi đời một kém hơn đời trước. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Nói "đời sau tốt đẹp hơn đời này", đấy là chuyện chẳng thể nào có, quá khó có! Theo tôi thấy là chẳng có cách nào! Trong một trăm người,

chẳng có một ai nói là đời sau sẽ tốt đẹp hơn đời này, chẳng thể nào! Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân gì ư? Nếu quý vị liễu giải nguyên nhân, sẽ tin tưởng. Phiền não, ác nghiệp, tập khí của chúng ta mỗi năm một tăng thêm, mỗi đời một tăng thêm nhiều hơn, [thế mà] cuộc sống mai sau sẽ biến đổi tốt đẹp hơn, há có đạo lý ấy hay chăng? Muốn biến đổi tốt đẹp hơn thì phiền não, vọng tưởng, tập khí mỗi năm một ít hơn. Nhìn từ cái nhân tốt đẹp ấy, trong tương lai, đời sau của quý vị nhất định tốt đẹp hơn đời này. Tình hình của chúng ta có phải là như vậy hay không? Tâm địa của chúng ta bị ô nhiễm, ô nhiễm ngày càng sâu đậm hơn! Vì thế, cuộc sống về sau chẳng tốt đẹp. Dẫu đời này tu đại phước báo, quý vị nhất định sẽ hưởng phước báo, nhưng chẳng nhất định hưởng trong loài người! Nay chúng ta thấy rất nhiều [con vật thuộc] súc sanh đạo, những con vật cưng (pet) do người ngoại quốc nuôi thật sự hưởng phước. Chúng ta nói "chủ nhân nuôi con vật cưng", thật ra là trái ngược: Con vật cưng là chủ nhân, người nuôi con vật cưng chính là đầy tớ, hầu hạ, hiếu thuận, chăm sóc con vật chu đáo chẳng thiếu một điều nhỏ nhặt nào. Con vật cưng chính là chủ nhân, kẻ nuôi dưỡng là người hầu, nó đến nơi đó để hưởng phước. Vì thế nói: Đúng là mỗi đời một kém hơn, nhất định phải biết điều này. Chúng ta phải hiểu rõ, hiểu minh bạch đạo lý và chân tướng sự thật này, mới biết: Gặp gỡ pháp môn này trong hiện tại là điều đáng quý! Pháp môn này hiếm có, khó gặp, nhất định phải nghiêm túc nắm giữ, quyết định chẳng thể lơi lỏng, nhất định phải thành tựu trong một đời này. Tổ sư đại đức rát miệng buốt lòng chỉ dạy chúng ta, nhân tố thành công là ở chỗ nào? Nhân tố khiến chẳng thể vãng sanh ở nơi đâu? Đều nói rành rẽ, rõ ràng cùng chúng ta! Chúng ta ghi nhớ giáo huấn, những lỗi lầm và khuyết điểm thảy đều sửa đổi, sẽ có hy vọng vãng sanh trong một đời này. Đọc kinh, nghe giáo nhằm mục đích này.

(Sao) Thận vô tạ khẩu viết: "Mỗ mỗ niệm Phật, đồ lao vô công", toại báng thánh giáo, vị bất túc tín!

(鈔)慎毋藉口曰：某某念佛，徒勞無功，遂謗聖教為不足信。

*(**Sao**: Hãy dè dặt đừng nói bừa bãi: "Kẻ nào đó niệm Phật, uổng công vô ích", đấy chính là báng bổ thánh giáo "chẳng đáng tin tưởng").*

Đây là đại sư răn nhắc chúng ta, quý vị nhất định phải liễu giải nhân tố thật sự khiến cho vãng sanh thành hay bại, trọn chẳng thể nào

tùy tiện thấy người khác niệm Phật chẳng thể vãng sanh, bèn nói niệm Phật là giả, vãng sanh chẳng thật, tu pháp này nhọc nhằn uổng công vô ích. Đó là báng Phật, báng Pháp, mà cũng là hủy báng những người thật sự vãng sanh, tạo thành tội báng bổ Tam Bảo, hạng người ấy ngu si thay! Do chẳng hiểu rõ lý lẽ, bèn tùy tiện, khinh thường, hủy báng, tạo tội rất nặng!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vô hình, thị bất điên đảo nghĩa. Tự tánh vô cấu, thị sanh Cực Lạc nghĩa.

(疏)稱理，則自性無形，是不顛倒義；自性無垢，是生極樂義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh vô hình là ý nghĩa "chẳng điên đảo", tự tánh vô cấu là ý nghĩa "sanh về Cực Lạc").*

Trong đoạn này, cuối cùng là qua câu này, đại sư đã nói xứng tánh. *"Tự tánh"* là Chân Như bản tánh. Chân tâm của chúng ta chẳng có hình tướng. Chẳng có hình tướng thì lấy đâu ra điên đảo? Tự tánh thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, lấy đâu ra cấu uế? Đó là *"chẳng điên đảo"* thật sự, là ý nghĩa Cực Lạc chân thật. Tiếp đó, Liên Trì đại sư trích dẫn lời Lục Tổ đại sư của Thiền Tông để nói rõ ý nghĩa này.

(Sao) Lục Tổ vân: "Ngô hữu nhất vật, vô đầu, vô vĩ, vô bối, vô diện". Thị tắc cầu ư chánh tướng thượng bất khả đắc, tương dĩ hà vật nhi danh điên đảo?

(鈔)六祖云：吾有一物，無頭無尾，無背無面。是則求於正相尚不可得，將以何物而名顛倒。

*(**Sao**: Lục Tổ nói: "Ta có một vật, không đầu, không đuôi, không lưng, không mặt". Như vậy là cầu chánh tướng (tướng ngay thẳng) còn chưa thể được, lấy vật gì để gọi là điên đảo?)*

Ba câu đầu [trong đoạn Sao trên đây] đều trích từ Lục Tổ Đàn Kinh. Khi thuyết pháp, Lục Tổ đại sư đã nêu ra một vấn đề như thế, bảo học trò *"đạo nhất cú lai!"* Nói theo cách hiện thời sẽ là: Các ngươi nghe xong, nói cho ta nghe xem nào! Ngài nói ra một đề mục: *"Ta có một vật, không đầu, không đuôi, không lưng, không mặt"*, các ông hãy nói cho ta nghe thử. Đấy là hình dung Chân Như bản tánh lìa hết thảy tướng,

thường nói là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*, đó là thực tại. Phật, Bồ Tát thuyết pháp có phương tiện, có thiện xảo, dẫu những điều chẳng thể nói được vẫn có thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt, như Chân Như bản tánh, làm sao có thể diễn tả được? Chẳng thốt nên lời! Ba câu nói ấy của Lục Tổ chính là phương pháp "dồn mây để diễn tả trăng". Giống như vẽ vời, vẽ mặt trăng chẳng được, bèn vẽ mây bốn phía, ở giữa, lộ ra một hình tròn, [người xem sẽ tự hiểu] đó là vầng trăng. Dùng phương pháp mượn sự vật khác để diễn tả! Trong Thiền Tông thường vận dụng phương pháp này, khiến cho quý vị từ đấy mà thấu hiểu, xác thực là chẳng nói ra, nhưng từ ý nghĩa trong ngôn ngữ của họ, quý vị có thể thấu hiểu, có thể hiểu ý. Giống như những lời của Lục Tổ, *"thị tắc cầu ư chánh tướng thượng bất khả đắc"* (do vậy, cầu chánh tướng (tướng ngay thẳng) còn chưa thể được), ngay thẳng còn chẳng có, lấy đâu ra điên đảo? *"Tương dĩ hà vật nhi danh điên đảo"* (Lấy vật gì để gọi là điên đảo). Đối với chánh diện và phản diện, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật cũng nói rất thú vị: Thật ra, đều là vọng tưởng và chấp trước của chúng sanh. Lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, chấp trước, há có một pháp nào để có thể được? Tổng cương lãnh và tổng nguyên tắc của hết thảy các pháp do đức Phật đã nói là phá trừ chấp trước của hết thảy chúng sanh mà thôi! Do vậy, đức Phật chẳng có pháp để có thể nói.

Chư vị hãy xem kỹ ba mươi sáu cặp vấn đáp do Lục Tổ đại sư đã truyền dạy trong Đàn Kinh, quý vị sẽ biết: Lục Tổ dạy người khác thuyết pháp, dạy như thế nào? Người ta nói đúng, quý vị bèn nói sai, người ta nói dài, quý vị bèn nói ngắn, họ nói có, quý vị bèn nói không, người ta nói không, quý vị bèn nói có, nhằm phá chấp trước của người ấy mà thôi! Chẳng có chấp trước, chân tánh bèn hiển hiện. Nhưng phàm phu có quá nhiều phiền phức, họ chấp trước Có, quý vị nói Không; được rồi, họ chẳng cần đến Có nữa, lại chấp trước Không, có hỏng bét hay là không? Không lẫn Có đều chẳng có, là Trung Đạo, họ lại chấp trước Trung, luôn luôn là phải chấp trước, chẳng hiểu đức Phật nói hết thảy các pháp nhằm phá chấp trước mà thôi! Kết quả đến cuối cùng là chấp trước Phật pháp! Đức Phật thấy tình hình ấy, có thể nào chẳng chảy nước mắt hay sao? Đó là chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai, hoàn toàn hiểu lầm ý nghĩa của Phật. Hữu đã chẳng có thì Không cũng chớ nên chấp trước! Đó gọi là *"chẳng chấp vào hai bên, Trung Đạo chẳng tồn tại"*, Trung cũng chẳng có! Khi ấy, tự tánh hiện tiền. Nói theo Tịnh Tông chúng ta, [sẽ là] tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là nhất tâm, tâm thanh

tịnh là Chân Như bản tánh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, sẽ *"nghe một, ngộ cả ngàn"*, vì tâm thanh tịnh là Căn Bản Trí. Đạt được Căn Bản Trí, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là *"không gì chẳng biết"*, Phật pháp và thế gian pháp chẳng có gì không biết. Đáng tiếc là chúng sanh trong hiện thời chẳng nghe lời giáo huấn của đức Phật, vì sao chẳng nghe? Không tin tưởng! Vì thế, tin Phật chẳng dễ, quá ư là khó, chúng ta không chịu tin tưởng. Không chịu tin tưởng, sẽ như thế nào? Muốn nghiên cứu, muốn học rộng nghe nhiều, đó là chẳng nghe lời giáo huấn của đức Phật. Đức Phật dạy chúng ta nhất tâm, chuyên ròng, chúng ta khăng khăng chẳng chịu làm theo, cứ muốn học rộng, nghe nhiều; như vậy là chẳng có cách nào cả! Học rộng nghe nhiều thì sao? Tăng trưởng tà kiến. Quý vị chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể trừ vọng tưởng, sanh tử luân hồi chẳng thể trừ, quý vị có oan uổng hay không? Thật sự chịu nghe lời đức Phật, hành theo đúng lời đức Phật dạy, người từ bậc trung trở lên có thể nói là chẳng có ai không thành tựu trong Giáo Hạ, nhưng kẻ từ bậc trung trở xuống, trong Tịnh Tông, chẳng có một ai không vãng sanh. Mấu chốt là nghe lời. Chẳng nghe lời, Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng thể làm gì được, chẳng có cách nào! Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không có phương pháp dạy dỗ, mà là do chúng ta chẳng chịu tiếp nhận, vẫn muốn tiếp tục sanh tử luân hồi chẳng ngừng, vẫn muốn tạo nghiệp thọ báo, đó là khổ. Dưới đây, đại sư trích dẫn Tâm Kinh:

(Sao) Bát Nhã Tâm Kinh vân: Thị chư pháp Không tướng, bất cấu, bất tịnh.

(鈔)般若心經云：是諸法空相，不垢不淨。

*(**Sao**: Bát Nhã Tâm Kinh nói: "Tướng Không ấy của các pháp chẳng nhơ, chẳng sạch").*

Chúng ta thường niệm Tâm Kinh. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, Bát Nhã là trung tâm của những điều lão nhân gia đã giảng trong suốt một đời. Ngài dùng thời gian dài nhất [để nói Bát Nhã], Ngài thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, nói Bát Nhã mất hai mươi hai năm, gần như là chiếm mất nửa thời gian. Nếu chúng ta nói tới những môn học do Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy thì Bát Nhã là một môn học quan trọng nhất, chiếm thời gian giảng dạy nhiều nhất, há chúng ta có thể coi thường? Nhưng kinh Bát Nhã khó lắm, bộ loại

quá lớn, phân lượng quá nhiều. Chúng ta đọc Hoa Nghiêm, tám mươi quyển đã cảm thấy quá nhiều, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển! Có mấy ai trong một đời xem kinh Đại Bát Nhã từ đầu đến cuối một lượt? Đúng là chẳng nhiều! Chẳng thể xem toàn bộ kinh, hãy xem phần cương yếu của kinh Đại Bát Nhã cũng rất tốt. Kinh Kim Cang đích xác là cương yếu của kinh Đại Bát Nhã. Tâm Kinh càng là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã, là tâm yếu của kinh Đại Bát Nhã, càng đơn giản không gì hơn được nữa! Bản dịch gồm hai trăm sáu mươi chữ của Huyền Trang đại sư là bản mà mọi người chúng ta thường đọc tụng. Tuy niệm hằng ngày, niệm đến mức có thể thuộc làu làu, thuộc nhuyễn như cháo, có hiểu ý nghĩa hay không? Không hiểu, vì sao? Quý vị chẳng Không, thứ gì cũng đều chẳng Không. Vừa chẳng tịnh, mà cũng chẳng Không luôn. Suốt ngày từ sáng đến tối miệng ra rả Bát Nhã Tâm Kinh, *"gào toạc cổ họng cũng uổng công"*, chẳng thể đạt được thọ dụng. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ đạo lý được giảng trong kinh, phải thật sự đạt được thọ dụng.

Lần sau, chúng tôi tổ chức Phật Thất tại Dallas, nước Mỹ, Phật Thất Mùa Xuân, các đồng học có thời gian thì cũng hoan nghênh tham gia pháp hội lần này. Trong Phật Thất lần này, Quán Trưởng đặt ra đề mục cho tôi, muốn tôi giảng Bát Nhã Tâm Kinh trong pháp hội. Tôi nói cũng được lắm. Giảng Bát Nhã Tâm Kinh theo cách nào? Cư sĩ Bành Tế Thanh có cuốn Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận, chúng tôi tổ chức Phật Thất, nói chung chẳng thể nói vượt ra ngoài pháp môn Niệm Phật được, vì nội dung chẳng phù hợp chủ đề. [Cư sĩ Bành Tế Thanh có] Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận, chúng tôi không dám nói là Luận, cho nên tôi định ra một đề mục là *"Bát Nhã Tâm Kinh niệm Phật thuyết"*. Trong Phật Thất, mỗi ngày có [thời gian giảng khai thị chừng] một cây hương, chúng tôi dùng đề mục này để thảo luận về niệm Phật: Làm như thế nào để nâng cao cảnh giới niệm Phật? Làm như thế nào để tăng trưởng tín nguyện niệm Phật? Trong Phật môn thường nói: *"Biển rộng Phật pháp, tín có thể nhập, trí có thể vượt qua"*. Trí là Bát Nhã; hết thảy các pháp môn chẳng lìa khỏi Bát Nhã, nhất là pháp môn Tịnh Độ. Nếu chẳng phải là đại trí huệ, người ấy sẽ chẳng thể chọn lựa pháp môn này. Chúng ta xem kinh Di Đà, kinh Di Đà do đức Phật nói với ai? Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là "trí huệ bậc nhất" trong hàng đệ tử Thanh Văn; chẳng phải là trí huệ bậc nhất, đức Phật sẽ chẳng nói pháp môn này với người ấy. Pháp môn này phải nói với người có trí huệ bậc nhất, người ấy mới có thể nghe hiểu, mới có thể tiếp nhận. Trong các vị Bồ

Tát, Văn Thù Bồ Tát là bậc đương cơ. Điều này cho thấy niệm Phật và Bát Nhã có mối quan hệ hết sức mật thiết: Chẳng có trí huệ chân thật, rất khó tin tưởng pháp môn này. Pháp môn này nổi tiếng là pháp khó tin.

Tướng Không của các pháp, không chỉ là Tánh Không, Tướng cũng chẳng thể được, lấy đâu ra cấu và tịnh? Đương nhiên là chẳng có. Cấu và tịnh do đâu mà có? Phát sanh từ vọng tưởng và chấp trước của chúng ta; lìa khỏi vọng tưởng, chấp trước, những thứ tạp nhạp ấy, thứ nào cũng chẳng có. Chúng ta bị hại, từ vô thỉ kiếp tới nay đã bị vọng tưởng, chấp trước làm hại, mà vọng tưởng, chấp trước còn không ngừng tăng trưởng, không ngừng sâu hơn, phiền phức to lớn, trước nay chưa từng được cải thiện. Chẳng gặp Phật pháp, chư vị hãy ngẫm xem, xác thực là ngày càng sâu thêm, mỗi năm một sâu hơn! Quý vị thấy đại chúng trong xã hội, ai chịu buông bỏ? Thà chết! Có chết cũng chẳng buông! Còn có cách nào nữa đây? Đời sau càng khổ hơn, có chết cũng chẳng chịu buông xuống! Người học Phật thật sự có trí huệ, thật sự có thiện căn, hiểu rõ nghĩa chân thật do đức Phật đã nói, có thấu hiểu, có thọ dụng, xác thực là buông xuống được. [Đó là vì] người ấy đã kiến tánh, chứ đối với người chẳng học Phật thì [buông xuống] khó lắm! Chúng ta buông xuống một chút, giảm nhẹ một ít; nói thật ra, mong vượt thoát luân hồi trong một đời này thì vẫn chẳng đủ, vẫn chẳng có cách nào, nhưng mong cầu vãng sanh Tịnh Độ [thì như vậy] là đủ rồi. Quý vị có thể buông xuống chừng ấy thì đã đủ rồi, đó gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*.

(Sao) Thị tắc cầu ư tịnh tướng thượng bất khả đắc.

(鈔)是則求於淨相尚不可得。

*(**Sao**: Do vậy, cầu nơi tịnh tướng còn chẳng thể được).*

Há có tịnh uế để có thể thấy ư?

(Sao) Tương chỉ hà xứ nhi hiệu Sa Bà. Bất điên đảo xứ, toàn thân tọa Cực Lạc liên đài; điên đảo tài sanh, ứng niệm trụ Sa Bà quốc độ.

(鈔)將指何處而號娑婆。不顛倒處，全身坐極樂蓮臺；顛倒才生，應念住娑婆國土。

*(**Sao**: Sẽ chỉ vào nơi đâu để gọi là Sa Bà? Chỗ chẳng điên đảo, toàn thân ngồi nơi đài sen trong Cực Lạc. Điên đảo vừa sanh, ngay lập*

tức trụ trong cõi nước Sa Bà).

"Điên đảo" là vọng tưởng, là chấp trước, là phân biệt. Ý niệm ấy vừa động, đã chẳng đến thế giới Cực Lạc được, vẫn ở trong thế giới Sa Bà, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Những lời này chớ nên coi thường, nghe lướt qua! Mỗi chữ, mỗi câu trong lời này đều hết sức quan trọng, có liên quan đến "đại sự sanh tử" như chúng ta thường nói, chẳng có gì quan trọng hơn điều này!

(Sao) Tức tâm tức độ, tức độ tức tâm.
(鈔)即心即土，即土即心。
*(**Sao**: Tâm chính là cõi, cõi chính là tâm).*

"Tâm" là Tánh, *"độ"* là Tướng. Tướng do Tánh biến hiện; Tánh và Tướng chẳng hai, Tánh và Tướng như nhau.

(Sao) Tây Phương khứ thử bất viễn.
(鈔)西方去此不遠。
*(**Sao**: Tây Phương cách đây không xa).*

Tìm chẳng thấy tướng đến hay đi, vì nó chỉ là thay đổi cảnh giới. Khoa học hiện thời nói là *"thay đổi không gian"*.

Tứ, kết khuyến.
四、結勸。
(Bốn, là kết lại để khuyên).

Đoạn lớn thứ hai đến đây là sắp kết thúc. Xin xem kinh văn.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(經)舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生聞是說者。應當發願。生彼國土。

*(**Kinh**: Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi này, nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy).*

Đức Phật quả thật đã rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta. Người thật sự hiểu rõ, sẽ sanh khởi lòng cảm kích vô tận đối với mấy câu này của đức Phật, đúng là lòng từ bi đến cùng cực. *"Ngã"* (ta) là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, [ý nói] chẳng phải do ai khác thấy. Người khác trông thấy chưa chắc đã chánh xác, chưa chắc chân thật, đức Phật là bậc đã chứng đắc cực quả, như kinh Kim Cang đã nói, Phật là bậc *"ngũ nhãn viên minh"*, những điều Ngài trông thấy chắc chắn là chân thật. Ngài thấy lợi ích, lợi ích gì vậy? Niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, đức Phật thấy lợi ích ấy. Trong các lợi ích thuộc pháp thế gian và xuất thế gian, bất cứ lợi ích nào cũng đều chẳng thể sánh bằng lợi ích ấy! Chư vị phải biết: Phàm phu tạo tác ác nghiệp, [kể cả] phàm phu tạo tác ác nghiệp cực nặng mà có thể tín nguyện niệm Phật, đều có thể vãng sanh bất thoái thành Phật. Đến nơi đâu để tìm được lợi ích này [ngoài pháp môn Niệm Phật]? Cho thấy pháp môn này xác thực là có thể độ hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, kể cả Phật pháp giới trong mười pháp giới. Phật mà còn phải vãng sanh thế giới Cực Lạc ư? Đúng vậy! Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, và Biệt Giáo Phật đều chưa viên mãn Bồ Đề. Biệt Giáo Phật bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, làm sao Ngài chẳng cầu vãng sanh cho được? Huống hồ là những địa vị thấp hơn thuộc về Tạng Giáo và Thông Giáo! Do đó, pháp môn này phổ độ viên mãn mười pháp giới. Tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, chẳng tìm thấy pháp môn thứ hai! Vì thế, pháp môn này thù thắng bậc nhất, thù thắng khôn sánh, được hết thảy chư Phật tán thán. Làm sao chúng ta có thể coi rẻ cho được? Xem thường pháp môn này, coi nhẹ nó, tức là nghiệp chướng sâu nặng, thật sự sâu nặng, chẳng để pháp môn này vào mắt! Người nào coi trọng [pháp môn này] nhất? Văn Thù Bồ Tát coi trọng, Phổ Hiền Bồ Tát coi trọng, các Ngài phát nguyện mong cầu sanh. Vì sao các Ngài coi trọng như thế? Đối với pháp môn này, các Ngài hiểu lý rốt ráo, liễu giải rất rõ ràng, rất minh bạch, phải biết điều này. Người thật sự hiểu rõ, người thật sự giác ngộ, hằng ngày niệm Phật luôn cảm thấy chẳng đủ thời gian, há còn có thời gian dấy vọng tưởng ư? Còn có thời gian nói chuyện thị phi nữa chăng? Chẳng có! Nói cách khác, người niệm Phật suốt ngày còn dấy vọng tưởng, còn làm chuyện thị phi, nhân ngã, có thể suy nghĩ mà biết căn tánh của người ấy! Ở đây, Phật Thích Ca đại diện cho mười phương hết thảy chư Phật. Phật Thích Ca thấy lợi ích này, cũng chính là mười phương ba đời hết thảy chư Phật cùng thấy lợi ích thù thắng nhất này. *"Cố thuyết thử ngôn"* (Vì

thế, nói lời này), nói lời gì vậy? Khuyên chúng ta vãng sanh, chẳng nói hai lời, khuyên chúng ta hãy nhanh chóng niệm Phật để tới đó.

(Sớ) Thị lợi giả, chỉ thượng kiến Phật vãng sanh.

(疏)是利者，指上見佛往生。

*(**Sớ**: "Điều lợi này" chỉ [lợi ích] vãng sanh thấy Phật trong phần trên).*

Những lợi ích được nói trong phần trước.

(Sớ) Thử ngôn giả, kiến tư đại lợi.

(疏)此言者，見斯大利。

*(**Sớ**: "Lời này" chính là câu "thấy lợi ích to lớn ấy").*

Lợi ích thế gian và xuất thế gian chẳng có gì lớn hơn điều này được!

(Sớ) Cố thuyết thử nhất tâm trì danh chi ngôn dã.

(疏) 故說此一心持名之言也。

*(**Sớ**: Cho nên nói lời "nhất tâm trì danh" này).*

Niệm Phật thì phải nhất tâm niệm, điều này trọng yếu lắm! Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát [cho biết Ngài] đã từ thế giới này niệm Phật sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Sau khi tới đó, Ngài lại trở về làm một vị liên hữu, một vị thiện tri thức, Ngài kể lại kinh nghiệm của Ngài. Bí quyết niệm Phật là *"chẳng xen tạp"*, tức là tịnh niệm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói *"tịnh niệm tiếp nối"*, Ngài (Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát) bảo chúng ta *"niệm Phật kỵ nhất là xen tạp"*. Những gì là xen tạp? Ngài nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Chúng tôi đã trích lục một đoạn khai thị của Ngài in vào mặt sau của những tượng Phật nhỏ, in ra rất nhiều, chư vị đồng tu cũng đều trông thấy. Đã thấy mà vẫn xen tạp y như cũ, chẳng có cách nào hết! Thân tâm của chúng ta quả thật có bệnh nặng, đoạn khai thị ấy là toa thuốc, chúng ta cầm toa thuốc ấy mà chẳng thể trị bệnh, rất oan uổng!

(Sớ) Bất nguyện vãng giả, tắc cô Phật thuyết, thị vi đệ nhị trùng khuyến.

(疏)不願往者，則孤佛說，是為第二重勸。

*(**Sớ**: Kẻ chẳng nguyện vãng sanh là đã cô phụ lời Phật dạy, đây là lặp lại khuyên lần thứ hai).*

Trong kinh Di Đà, đức Phật ba lượt khuyên chúng ta hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy. Đây là lần thứ hai.

(Sao) Vô lợi ích ngữ, Phật sở bất đàm.

(鈔)無利益語，佛所不談。

*(**Sao**: Đức Phật chẳng nói lời không có lợi ích).*

Chúng ta nên phải học tập câu này. Lời lẽ vô ích, chẳng có lợi ích cho chính mình, chẳng có lợi ích cho chúng sanh, quyết định chẳng nói lời ấy, chẳng có thời gian để nói.

(Sao) Trì danh tức đắc vãng sanh, ư chư chúng sanh hữu đại lợi ích, cố Phật thuyết dã.

(鈔)持名即得往生，於諸眾生有大利益，故佛說也。

*(**Sao**: Trì danh bèn được vãng sanh, có lợi ích to lớn cho chúng sanh, cho nên đức Phật bèn nói).*

Phật hiệu có công đức và lợi ích chẳng có gì sánh bằng, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, người niệm hễ mở miệng bèn "A Di Đà Phật". Câu ấy là tự lợi, lợi tha, chính mình niệm Phật cầu vãng sanh, người khác *"nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng"* (một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo), tự lợi, lợi tha, chẳng nói câu thứ hai [nào khác]. Phật hiệu mới là lời lợi ích chân thật, là lời công đức chân thật, toàn nói những lời ấy.

"Ư chư chúng sanh hữu đại lợi ích, cố Phật thuyết dã" (Có lợi ích to lớn cho chúng sanh, cho nên đức Phật nói đến). Vì vậy, đức Phật nói những kinh điển khác, trong cả một đời Ngài chỉ nói một lần, nói một lượt xong bèn chẳng nói lần thứ hai. Chỉ riêng khuyên nhủ chúng ta vãng sanh Tịnh Độ thì không chỉ là nói ra ba bộ kinh, mà một bộ kinh Vô Lượng Thọ còn được tuyên giảng nhiều lần. Do duyên cớ nào? Có đại lợi ích cho các chúng sanh. Hết thảy các kinh khác chẳng có bộ kinh nào có lợi ích to bằng bộ kinh ấy; vì thế, bộ kinh ấy phải được giảng mấy lượt, đạo lý ở ngay chỗ này.

(Sao) Lương diêu dĩ đắc vãng sanh, thị danh tự lợi.

(鈔)良繇已得往生，是名自利。

*(**Sao**: Ấy là vì đã đắc vãng sanh thì gọi là tự lợi).*

Thật sự sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới gọi là tự lợi.

(Sao) Sanh bỉ quốc dĩ, văn pháp đắc đạo, hoàn năng quảng độ vô lượng chúng sanh, thị danh lợi tha. Cụ tư nhị lợi, cố vân đại lợi.

(鈔)生彼國已，聞法得道，還能廣度無量眾生，是名利他。具斯二利，故云大利。

*(**Sao**: Sanh về cõi ấy, nghe pháp đắc đạo, còn có thể rộng độ vô lượng chúng sanh, đó là lợi tha. Có đủ hai điều lợi ấy, nên gọi là "đại lợi").*

Có một hạng người, bi nguyện từ bi rộng sâu, muốn rộng độ chúng sanh ngay trong hiện tại, chẳng mong sanh về thế giới Cực Lạc, nghĩ chúng sanh quá khổ, ta đến thế giới Cực Lạc, lẽ nào chẳng có lỗi đối với chúng sanh? Bi nguyện ấy đáng ca ngợi, nhưng sự thật hoàn toàn tương phản. Nói thật ra, đã chẳng thể tự độ, lại còn lầm lỡ chúng sanh, đáng tiếc lắm! Suy nghĩ kiểu ấy là điên đảo, lầm loạn! Giống như nay chúng ta thấy xã hội rối ren ngần ấy, quyết chí mong chỉnh lý xã hội cho tốt đẹp, tạo phước cho đại chúng, hãy nên làm như thế nào? Trước hết, phải đi học, học thành một thân bản lãnh, quý vị mới có thể làm được! Trước nay chưa từng đến trường, chẳng học hành gì, chẳng biết một chữ nào, mà phát nguyện cứu vớt xã hội và quốc gia này, có được hay không? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi học. Huống chi trường học ấy hết sức đặc thù, chẳng cần phải tốt nghiệp mà có năng lực cứu độ chúng sanh. Đối với những cõi nước chư Phật thông thường khác, nhất định phải là đến khi chính quý vị tốt nghiệp thì mới được. Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần tốt nghiệp, quý vị đến thế giới Tây Phương, dẫu là hạ phẩm hạ sanh, trong hoa sen bèn thấy Hóa Thân Phật, Hóa Thân Phật là được rồi. Quý vị có thể thưa với Phật: "Con thấy chúng sanh rất đáng thương, nay con muốn đến độ họ, có được hay không?" Đức Phật nhất định gật đầu: "Được chứ! Nay ông hãy đi đi". Đức Phật dùng thần lực gia trì quý vị, quý vị lập tức có thể thả chiếc bè Từ đến phổ độ chúng sanh, chẳng có gì nhanh chóng hơn được! Thông thường, hàng Bồ Tát thật sự đến độ chúng sanh là những vị đã đạt đến địa vị gì? Cửu Địa Bồ

Tát. Cửu Địa được gọi là Pháp Sư Địa (Sādhumatī-bhūmiḥ, Thiện Huệ Địa). Bát Địa là Bất Động Địa (Acalā-bhūmiḥ), không bị lay động bởi hết thảy cảnh duyên. Cửu Địa có thể làm pháp sư, có thể rộng độ chúng sanh. Quý vị muốn đạt tới Cửu Địa, trong kinh, đức Phật thường nói trong các cõi Phật bình phàm phải tu trọn hai A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói thật ra, vài ngày đã viên mãn. Chúng ta từ nơi đây vừa vãng sanh, thấy A Di Đà Phật, cùng Ngài gặp mặt rồi bèn có thể lập tức trở về, trong bốn mươi tám nguyện có [nói tới chuyện ấy]! Trong bốn mươi tám nguyện, chẳng nói người ấy nhất định phải ở thế giới Tây Phương tu đến trình độ nào thì mới có thể tới các thế giới phương khác hóa độ chúng sanh. Chẳng hề nói, đã đến bèn ngay lập tức là có thể trở về. Còn có gì nhanh chóng hơn nữa? Chẳng có! Chẳng tin tưởng, nếu ở đây mà dấy vọng tưởng, học rộng nghe nhiều, chẳng chịu vãng sanh, đúng là chẳng còn biết nói sao được nữa!

Do đó, gọi là *"đại lợi"*, bất luận là vì chính mình, hay vì chúng sanh, đều phải nên ngay lập tức đến Tây Phương, sớm có ngày thấy A Di Đà Phật, quyết định là chánh xác. Cổ đức nói: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*. Lời ấy nhằm khuyên người tham Thiền, khuyên kẻ tham Thiền hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tham Thiền nhằm mục đích đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Hễ quý vị thấy A Di Đà Phật liền minh tâm kiến tánh, người học Giáo thấy A Di Đà Phật liền đại khai viên giải, há còn phải phiền phức, vất vả như thế nữa chăng? Nhất định là phải hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này. Học Mật cũng chẳng phải là ngoại lệ, thấy A Di Đà Phật, cũng sẽ thông đạt Mật Giáo viên mãn. Huống hồ Mật Giáo do đâu mà có? Do Phổ Hiền Bồ Tát truyền dạy. Mật Tông trong Phật môn là do Long Thọ Bồ Tát truyền, Long Thọ Bồ Tát học Mật từ Kim Cang Thủ (Vajra-pāṇi) Bồ Tát, tức là Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva), mà Kim Cang Tát Đỏa là Hóa Thân của Phổ Hiền Bồ Tát, [tức là Mật Giáo do chính] Phổ Hiền Bồ Tát truyền dạy. Bản thân Phổ Hiền Bồ Tát ở nơi đâu? Trong thế giới Cực Lạc. Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm, lão nhân gia cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, quý vị tìm Phổ Hiền Bồ Tát, đến thế giới Cực Lạc bèn gặp Ngài ngay lập tức. Ngài (Phổ Hiền Bồ Tát) là thỉ tổ, là lão tổ tông của Mật Tông! Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn có gì để bàn cãi nữa ư? Ngàn muôn phần chớ để đại lợi luống qua!

(Sao) Đệ nhị khuyến giả, sơ ngôn chúng sanh văn giả, chỉ thị

đắc văn bỉ quốc trang nghiêm thắng diệu, cố khởi nguyện nhạo, vị ủy như hà đắc sanh, kim xuất kỳ diêu.

(鈔)第二勸者，初言眾生聞者，止是得聞彼國莊嚴勝妙，故起願樂，未委如何得生，今出其繇。

*(**Sao**: "Khuyên lần thứ hai": Thoạt đầu, kinh nói "chúng sanh nghe nói", [nghĩa là] chỉ là được nghe sự trang nghiêm thù thắng nhiệm mầu trong cõi ấy, cho nên dấy lòng phát nguyện, ưa thích, nhưng chưa rõ như thế nào sẽ được sanh về đó, nay nêu rõ duyên do).*

Trong phần trước kinh đã nói, *"chúng sanh văn giả"* (chúng sanh nghe nói), [tức là] trong phần trước nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, thấy sự thù thắng của thế giới Tây Phương. Vì thế, phát nguyện cầu sanh. *"Nguyện"* (願) là phát nguyện, *"nhạo"* (樂) là ham thích, ham thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng chẳng biết làm thế nào thì mới có thể vãng sanh. Trong đoạn này, đức Phật dạy chúng ta phương pháp vãng sanh.

(Sao) Ngôn nhất tâm trì danh, Phật lai tiếp dẫn, toại đắc sanh bỉ, tắc nguyện đương ích thiết, cố vân nhị khuyến.

(鈔)言一心持名，佛來接引，遂得生彼，則願當益切，故云二勸。

*(**Sao**: Nói "nhất tâm trì danh, Phật đến tiếp dẫn, bèn được sanh về cõi kia", như vậy thì nguyện sẽ càng thêm thiết tha. Vì thế, nói là "khuyên lần thứ hai").*

Bản thân chúng ta chỉ cần làm được *"nhất tâm, chuyên tinh"*. Chỉ cần làm được bốn chữ ấy, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, bèn được sanh về cõi kia. *"Tắc nguyện đương ích thiết"* (Cho nên nguyện sẽ càng thêm thiết tha); khi ấy, nguyện của chúng ta càng chân thật, thiết tha hơn trước. Đây là khuyên lần thứ hai, nguyện của chúng ta [nhờ đó] càng thêm chân thật, thiết tha. Tới khi khuyên lần thứ ba, đúng là đã nhập cảnh giới ấy, không đi (vãng sanh cõi Cực Lạc) chẳng được! Sức mạnh gì cũng chẳng thể ngăn cản được! Kinh Di Đà có đại hiệu quả, có đại oai lực dường ấy. Chúng ta niệm từ đầu đến cuối một lượt, tín tâm chưa hề sanh khởi, thì gọi là *"niệm suông vô ích"*, hoàn toàn chẳng liễu giải ý nghĩa trong kinh, hoàn toàn chẳng hiểu. [Do đó], nghe mà như chẳng nghe, thấy mà như

không thấy!

(Sớ) Hựu ngôn lợi giả, phản hiển bất nguyện vãng sanh chi hại, thị hân yếm dã.

(疏)又言利者，反顯不願往生之害，示欣厭也。

*(**Sớ**: Lại nói lợi, nhằm hiển thị nỗi tai hại của việc chẳng nguyện vãng sanh, nhằm chỉ dạy sự ưa thích và chán nhàm).*

Nhìn theo phương diện tương phản thì cũng hết sức có lý.

(Sao) Thử độ tu hành, đa kiếp thăng trầm, bất năng giải thoát.

(鈔)此土修行，多劫升沈，不能解脫。

*(**Sao**: Tu hành trong cõi này, nhiều kiếp thăng trầm, chẳng thể giải thoát).*

Chúng ta thường nói là "tiến, lùi". Tiến ít, lùi nhiều, thời gian tiến lên thì ít, mà thời gian chìm đắm thì nhiều, chẳng tương xứng! Do vậy, tu tập phải cần đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Trên thực tế, chẳng phải là thời gian chỉ lâu ngần ấy, vì thời gian thoái chuyển quá lâu, những lần tiến bộ rất ít. *"Đa kiếp thăng trầm, bất năng giải thoát"* (Nhiều kiếp thăng trầm, chẳng thể giải thoát). Chẳng thể giải thoát, nói đơn giản là không thoát khỏi tam giới, chẳng có cách nào thoát ly luân hồi, đó là nỗi khổ thật sự! Khổ chẳng thể nói nổi.

(Sao) Kim dĩ xưng danh vãng sanh, toại đăng Bất Thoái, giảo kỳ lợi hại, minh nhược chỉ chưởng.

(鈔)今以稱名往生，遂登不退，較其利害，明若指掌。

*(**Sao**: Nay do xưng danh mà vãng sanh, bèn dự lên ngôi vị Bất Thoái. So sánh điều lợi, lẽ hại, rõ ràng như đường chỉ trong lòng bàn tay).*

Sự lợi hại, được mất trong ấy, đức Phật đã nói quá rõ ràng, quá minh bạch trong kinh này. Liên Trì đại sư lão nhân gia đọc kinh Di Đà, thấy rõ ràng, rất minh bạch, sợ chúng ta nửa hiểu nửa không, thấy mà như chẳng thấy, nên vì chúng ta viết bản chú giải tường tận này, khiến

cho chúng ta thấy rõ ràng, thấy minh bạch ý nghĩa của kinh Di Đà, đừng nên cô phụ giáo huấn của đức Phật.

(Sao) Lợi tức chư lạc, hại tức chúng khổ, cố đương hân yếm.

(鈔)利即諸樂，害即眾苦，故當欣厭。

*(**Sao**: "Lợi" chính là các điều vui, "hại" chính là các nỗi khổ. Vì thế, hãy nên yêu thích và chán nhàm).*

Vãng sanh bèn phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chẳng thể vãng sanh bèn mê hoặc, điên đảo, tiếp tục trầm luân.

(Sớ) Hựu ngã thuyết giả, chánh minh vô vấn tự thuyết cố.

(疏)又我說者，正明無問自說故。

*(**Sớ**: Lại nữa, "ta nói" nhằm chỉ rõ [bản kinh này] chẳng do ai hỏi mà [đức Phật] tự nói).*

Đức Phật có mười hai phương thức để nói kinh, chúng ta thường gọi là *"thập nhị phần giáo"*. Trong mười hai phương thức ấy, có một loại gọi là Vô Vấn Tự Thuyết (Udāna). Đức Phật thuyết kinh, đại đa số là có người khải thỉnh, tức là có người hỏi, đức Phật mới nói. Chẳng có ai hỏi, đức Phật sẽ không nói. Chỉ riêng chuyện niệm Phật vãng sanh này, không có ai hỏi mà đức Phật tự nói. Ở đây, có hai nguyên nhân:

1) Thứ nhất, pháp môn Tịnh Độ thật sự quá sâu. *"Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh"* (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Đẳng Giác Bồ Tát nếu chẳng được chư Phật gia trì, cũng chẳng hiểu rõ pháp môn này cho lắm, vẫn là chẳng thể làm sao được! Ai có thể hỏi cho được? Không ai có thể hỏi!

2) Nguyên nhân thứ hai, đức Phật thấy căn cơ của chúng sanh đã chín muồi. Căn cơ gì vậy? Chính là *"thiện căn, phước đức"* như kinh Di Đà đã nói. Thiện căn, phước đức đã gieo từ vô thỉ kiếp tới nay, đến khi ấy đã chín muồi, chẳng có ai hỏi, đức Phật cũng phải nói, để tạo nhân duyên cho họ. Họ có thiện căn, đức Phật nói kinh này, họ có thể tin, có thể hiểu, [tức là] họ nghe hiểu, chịu tin tưởng. Hiểu gì vậy? Hiểu sự lợi, hại, được, mất trong ấy. Vãng sanh có đại lợi ích, không vãng sanh là đại tổn hại. Họ hiểu rõ điều này, tín tâm sanh khởi, đó là thiện căn. Họ có phước đức, phước đức là gì? Bằng lòng vãng sanh, chịu phát nguyện, chịu niệm Phật. Chịu phát nguyện và chịu niệm Phật là phước báo bậc

nhất, chẳng có phước báo nào có thể sánh bằng phước báo này. Chư vị phải hiểu: Chúng ta niệm Tam Quy Y, *"quy y Phật, Nhị Túc Tôn"*, hai thứ gì vậy? Phước và huệ, Túc (足) là đầy đủ, có nghĩa là viên mãn. [Nhị Túc Tôn] là phước viên mãn, huệ viên mãn. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là đến đó làm Phật; phước và huệ của quý vị chẳng viên mãn thì làm sao có thể làm Phật cho được? Quý vị hiểu đạo lý này! Phước báo ấy chẳng phải là sự phú quý trong cõi nhân, thiên. Phước báo nhân, thiên được gọi là phước báo hữu lậu, vô dụng! Ở đây là phước báo chân thật. Phước báo ở đây là phước báo chân thật khiến cho quý vị thành Phật trong một đời này. Vì thế, chúng ta có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn. Có thể nguyện, có thể niệm, đấy là phước đức. Thiện căn và phước đức của quý vị trọn đủ, đức Phật tạo nhân duyên cho quý vị. Ba thứ thiện căn, phước đức, và nhân duyên trọn đủ, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật trong một đời này, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm Phật. Vì thế, kinh dạy chúng ta: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Kẻ ít thiện căn chẳng tin, chẳng hiểu, tức là đối với lợi, hại, được, mất, đích xác là chẳng thật sự hiểu rõ, chẳng thật sự hiểu minh bạch. Thật sự thông hiểu rõ ràng, trí huệ sẽ viên mãn. Vì sao? Những thứ khác đều buông xuống, chẳng còn làm nữa! Giống như Liên Trì đại sư lúc tuổi già đã thật sự viên mãn. Vì thế, lão nhân gia nói: *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ"*. Từ đấy trở đi, chẳng còn đụng đến kinh sách nữa! Suốt đời là một quyển kinh Di Đà, niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Đó là huệ đã viên mãn. Hễ còn muốn làm những thứ khác, trí huệ của người ấy hữu hạn. Thật sự là suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, niệm niệm hy vọng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật; đấy là phước viên mãn, phước đức viên mãn. Nói cách khác, hết thảy những thứ khác đều chẳng ghim trong tâm. Trong tâm chỉ có thế giới Cực Lạc, chỉ có A Di Đà Phật, phước huệ đều đủ, chỉ còn thiếu một chữ Tôn. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Tôn, Nhị Túc Tôn. Quý vị nói xem: Lợi ích ấy có nhiều hay chăng? Còn có lợi ích nào to hơn lợi ích này? *"Nhất thất túc thành thiên cổ hận"* (Một bước sa chân thành nỗi hận ngàn đời). Quý vị gặp gỡ pháp môn này mà chẳng phát nguyện vãng sanh, không chỉ là hận ngàn đời, mà là hối hận cả vạn kiếp, nói thật đấy! Loại cơ duyên này chẳng dễ gặp gỡ, rất khó gặp gỡ, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chư vị ở trong giảng đường, nay có thể nghe đoạn kinh văn này, quý vị có phước báo! Những

kẻ chẳng đến đều là có nghiệp chướng, chẳng có phước!

(Sao) Kiến tư đại lợi, cấp vị chỉ trần, khủng chư chúng sanh trì trì thất lợi, cố bất sĩ thỉnh vấn dã!

(鈔)見斯大利，急為指陳，恐諸眾生遲遲失利，故不俟請問也。

*(**Sao**: Do thấy điều lợi to lớn này, bèn vội vàng chỉ bày, vì sợ chúng sanh lề mề, đánh mất điều lợi; do vậy, chẳng đợi hỏi han).*

Đức Phật sợ mọi người bỏ lỡ đại lợi ích thù thắng như vậy, chẳng cần chờ chúng ta hỏi, vội vã tuyên nói. Được rồi, chúng ta niệm Phật hồi hướng.

Tập 257

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm mười ba:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh cụ túc, thị lợi nghĩa.

(Sao) Thí quán tự tánh, khiếm thiểu hà sự, linh tri thể thượng, Di Đà thánh chúng chung nhật hiện tiền, Thường Tịch Quang trung, Cực Lạc tịnh bang vô thời bất vãng. Nại hà Phật kiến thị lợi, chúng sanh nhược manh, Phật thuyết thị lợi, chúng sanh nhược lung. Tuy thị lao tha kim khẩu tuyên dương, tu thị nhất hồi thân kiến thỉ đắc.

(疏)稱理，則自性具足，是利義。

(鈔)試觀自性，欠少何事，靈知體上，彌陀聖眾終日現前，常寂光中，極樂淨邦無時不往。奈何佛見是利，眾生若盲，佛說是利，眾生若聾，雖是勞他金口宣揚，須是一回親見始得。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh trọn đủ là ý nghĩa "điều lợi này".*

***Sao**: Thử quán tự tánh, có thiếu khuyết chuyện gì? Nơi cái thể linh tri, Phật Di Đà và thánh chúng suốt ngày hiện tiền. Trong Thường Tịch Quang, cõi tịnh Cực Lạc không lúc nào chẳng đến. Hiềm rằng Phật thấy điều lợi này, chúng sanh như mù; đức Phật nói điều lợi này, chúng sanh như điếc. Tuy Ngài nhọc nhằn miệng vàng tuyên dương, vẫn phải là [chính chúng ta] một phen đích thân trông thấy thì mới đạt được).*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư đã nói xứng tánh. Do vậy có thể biết: Mê và ngộ sai biệt quá lớn. Chư Phật Như Lai thấy điều lợi ấy, chúng ta chỉ có thể nói theo Sự. Nói theo Lý, hoàn toàn chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta. Lý là chân tâm, là bản tánh. *"Tự tánh"* được nói ở đây chính là chân tâm bản tánh, tự tánh vốn trọn đủ, chẳng thiếu khuyết mảy may nào! Lục Tổ Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ"*, câu nói ấy hoàn toàn tương đồng với lời Liên Trì đại sư đang nói ở đây. Ắt cần phải là sau khi đã triệt ngộ thì mới thấy tự tánh vốn sẵn trọn đủ. Nếu còn thuộc địa vị mê hoặc, cũng có nghĩa là chúng ta mê mất tự tánh, có thể nói: Trước mắt chúng ta, thứ gì cũng đều khiếm khuyết, thứ gì cũng đều chẳng trọn đủ. Lợi và hại sai biệt há chỉ là một trời, một vực. Điều này nói rõ chuyện triệt ngộ và kiến tánh hết sức trọng yếu. Phật pháp chỉ dạy hết thảy chúng sanh chẳng có gì khác, chỉ là dạy chúng ta giác ngộ, chỉ nhằm dạy chúng ta khôi phục tự tánh mà thôi. Kinh Đại Thừa thường nói: *"Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Viên mãn Bồ Đề là chứng đắc viên mãn Phật quả rốt ráo; khi ấy, hỏi quý vị rốt cuộc đạt được những gì? Mới hoảng nhiên đại ngộ, thứ gì cũng đều chẳng đạt được. Vì sao thứ gì cũng đều chẳng đạt được? Những gì đạt được thảy đều là vốn có sẵn trong tự tánh! Khi kẻ thuộc địa vị phàm phu như chúng ta quan sát, [sẽ thấy] người ấy đạt được quá nhiều, vô lượng trí huệ, trí huệ rốt ráo viên mãn, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng thọ mạng, hết thảy các thứ vô lượng đều đạt được. Vì sao nói quý vị thứ gì cũng chẳng đạt được? Vì hết thảy vô lượng đều vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh; ngoài tự tánh ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là ý nghĩa thật sự của *"quy vô sở đắc"*. Tánh trọn đủ tuy viên mãn như vậy, nhưng [phàm phu] chẳng thể kiến tánh, chẳng thể thọ dụng mảy may công đức vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Đương nhiên là lục đạo phàm phu chẳng cần phải nói nữa, càng ngày càng trầm luân, càng khổ sở hơn. Nếu quý vị hỏi: Vì sao khổ ư? Càng mê càng sâu, cuộc sống ngày càng khổ sở hơn. Đạo lý ở chỗ này.

Những điều được nói trong đoạn này hoàn toàn là lời lẽ kiến tánh, hoàn toàn là cảnh giới đã khôi phục bản tánh, quý vị mới thấy *"Di Đà thánh chúng"* (Phật Di Đà và thánh chúng), Di Đà thánh chúng do đâu mà có? Tự tánh Di Đà, tự tánh Quán Âm, tự tánh Đại Thế Chí, tự tánh Liên Trì Hải Hội, có thứ gì thuộc về bên ngoài hay chăng? Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Thường Tịch Quang là toàn thể của tự tánh chúng ta.

"Thường" (常) là chẳng gián đoạn, vĩnh hằng, vĩnh viễn là tình trạng như vậy, chưa hề biến đổi, thường hằng. *"Tịch"* (寂) là tịch tĩnh. Chúng ta nói đến Định, Định đến mức tột cùng bèn gọi là *"tịch diệt"*. Tịch Diệt Nhẫn trong Ngũ Nhẫn chính là tự tánh vốn định, chẳng phải do tu được. *"Quang"* (光) là quang minh, cũng là trí huệ viên mãn. Kinh Đại Thừa nói ba chữ ấy chính là *"Tam Đức bí tạng"*, tức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát,*"Thường"* là Pháp Thân, *"Tịch"* là Giải Thoát, *"Quang"* là Bát Nhã. Thường Tịch Quang là tướng Tam Đức viên mãn. *"Cực Lạc tịnh bang vô thời bất vãng"* (Không lúc nào chẳng đến cõi tịnh Cực Lạc). Thường Tịch Quang là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là Thường Tịch Quang. Cố nhiên ba chữ ấy là Quả Đức, nay chúng ta phải tu. Nếu nhân và quả chẳng tương ứng, dẫu tu tập vất vả thế nào đi nữa, vẫn chẳng thể nhập cảnh giới ấy! Chúng ta khởi đầu tu từ đâu? Tu khởi đầu từ Định. Định là then chốt, chỉ cần đạt được một chữ trong ba chữ *"Thường Tịch Quang"*, hai chữ kia sẽ đều đạt được. Trong ba chữ ấy, hãy nên thực hiện từ đâu? Thực hiện từ Tịch. Tịch chính là *"nhất tâm bất loạn"* được nói trong kinh này, mà cũng là Niệm Phật tam-muội được nói trong Tịnh Tông, đấy là mục tiêu tu học của người tu Tịnh Độ chúng ta. Nếu tâm chúng ta thật sự ngày càng thanh tịnh hơn, mỗi năm một thanh tịnh hơn, công phu sẽ đắc lực, tu học đúng vào nề nếp. Vì thế, nhân và quả nhất định phải tương ứng.

Không chỉ là tương ứng với mục tiêu cuối cùng này, mà những lợi ích đạt được trước mắt cũng thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: Hết thảy các hiện tượng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Duy tâm, Tâm và Thức đều là tự tánh khởi tác dụng. Đại dụng (tác dụng to lớn) của tự tánh là hiện tướng. [Nói tới] tác dụng của tự tánh thì trong ấy là hữu tác (có tạo tác). Nếu là vô tác thì [chỉ là] hiện tướng, hễ hữu tác thì tướng ấy bèn dấy lên sự biến hóa. Kinh thường nói: *"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*, *"tưởng"* (想) là đã làm. Chẳng làm, há có tưởng? Chẳng cần phải đợi đến lúc thân thể cử động, hễ trong tâm vừa tưởng thì là "đã làm". Ví như chúng ta ngủ bèn nằm mộng. Nằm mộng thì thân chúng ta chẳng động, miệng cũng chẳng động, nhưng trong tâm có tưởng, mộng cảnh bèn hiện tiền. Quý vị mới hiểu Tưởng có mối quan hệ quá lớn! Vì thế, tu hành trong nhà Phật hết sức coi trọng Quán Tưởng. Bất luận Hiển Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, Quán Tưởng là một khoa mục tu học hết sức quan trọng trong Phật môn. Chúng ta tu

Tịnh Độ, Thập Lục Quán Kinh dạy chúng ta mười sáu phương pháp quán tưởng. Vì sao? *"Tưởng"* có thể biến, đó là *"duy thức sở biến"*. Nếu chúng ta thật sự hiểu đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, cuộc sống của chúng ta có thể tùy tâm như ý. Chúng ta mong thân thể khỏe mạnh, mong chẳng bị bệnh tật, thậm chí mong bệnh tật nơi thân có thể khôi phục hoàn toàn bình thường, dùng phương pháp gì? Quán tưởng. *"Tưởng"* có thể biến.

Điều được ưa chuộng nhất trong hiện thời là biến đổi thể chất, biến hóa thể chất. Thể chất biến hóa như thế nào? Tưởng! Thể chất khỏe mạnh là do tâm địa thanh tịnh. Chỉ cần quý vị tịnh hóa tâm linh, thân thể sẽ có thể khôi phục khỏe mạnh. Người nhiễm bệnh, điều trị cách nào cũng trị chẳng lành, do nguyên nhân gì? Trong tâm người ấy dấy vọng tưởng, nghĩ đến bệnh tật. Khi người ta chẳng có bệnh, chỉ cần quý vị nghĩ đến bệnh tật, sớm muộn gì cũng mắc chứng bệnh ấy. Bệnh do đâu mà có? Do tưởng mà có, sanh từ tâm tưởng, lẽ nào quý vị chẳng mắc bệnh cho được? Vì vậy, quán tưởng hết sức quan trọng. Chúng ta tưởng, tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật, tưởng A Di Đà Phật thân kim sắc, tưởng thân tượng (身像: hình dạng thân thể) của A Di Đà Phật luôn trong suốt, chẳng có mảy may ô nhiễm nào. Có thể thường xuyên tưởng như thế, sẽ bất tri bất giác biến thân thể của chính mình trở thành giống hệt như thân thể của A Di Đà Phật. Chuyện là như vậy đó. Đó là sự thật. Vì thế, tâm chẳng thể không thanh tịnh, chớ nên có mảy may nhiễm trước. Từ lý luận này, chúng ta thật sự thấu hiểu trạng huống của thế giới Cực Lạc trong cảnh giới của Phật và các vị đại Bồ Tát, đích xác là chân thật, chẳng dối.

"Phật kiến thị lợi" (Đức Phật thấy điều lợi ấy), chư Phật, Bồ Tát đã thấy, *"chúng sanh nhược manh"* (chúng sanh như mù), *"manh"* (盲) là đui mắt, chẳng thấy. *"Phật thuyết thị lợi, chúng sanh nhược lung"* (Đức Phật nói điều lợi ấy, chúng sanh như điếc), *"lung"* (聾) là chẳng nghe rõ, chẳng nghe thấy. Đức Phật nói [điều đại lợi ích ấy] mà chúng sanh đều như điếc, như mù; thế thì có thể suy ra sẽ biết trạng huống [lãnh hội] của chúng sanh khi [nghe] những hàng đệ tử kém cỏi hơn Phật giảng nói! Có mấy ai nghe pháp mà có thể thật sự giác ngộ?

"Tuy thị lao tha kim khẩu tuyên dương" (Tuy Ngài nhọc nhằn miệng vàng tuyên dương), chữ *"tha"* (他) chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật nhọc nhằn giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm! Trong cái nhìn của lũ phàm phu chúng ta,

Thích Ca Mâu Ni Phật rất vất vả, rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta; nhưng chúng ta cần phải đích thân thấy cảnh giới ấy, *"thân kiến"* (親見: đích thân trông thấy) [có nghĩa] là chứng đắc. Chứng đắc như thế nào? Phải vâng theo lời dạy mà tu hành, chiếu theo phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã chỉ dạy để hành, chúng ta sẽ có thể chứng minh, chứng thực cảnh giới ấy. Quý vị có thể chứng minh tức là chính mình sẽ nhập cảnh giới ấy, chính mình đạt được thọ dụng thật sự.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi.

(經)舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛不可思議功德之利。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Như ta nay tán thán lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật).*

Qua đoạn kinh văn lớn dưới đây, chúng ta có thể thấy: Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, A Di Đà Phật cũng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật. Không chỉ là Phật Di Đà và đức Thế Tôn tán thán lẫn nhau, mà mười phương hết thảy chư Phật thấy sự thật này, chẳng có vị Phật nào không tán thán. Mục đích là khiến cho chúng ta thấy tình hình tốt đẹp, tình hình tốt đẹp chưa từng có như thế ấy, sẽ giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Sớ) Thừa thượng bất độc ngã kiến thị lợi nhi thuyết thử ngôn.

(疏)承上不獨我見是利而說此言。

*(**Sớ**: Thừa tiếp ý "không chỉ riêng ta thấy điều lợi ấy mà nói lời này" trên đây).*

"Ta" là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. *"Như ngã kim giả"* (Như ta nay), Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng.

(Sớ) Diệc thập phương chư Phật đồng kiến thị lợi nhi thuyết thử ngôn dã.

(疏)亦十方諸佛同見是利而說此言也。

*(**Sớ**: Mười phương chư Phật cũng do cùng thấy lợi ích ấy nên nói lời này).*

Mười phương hết thảy chư Phật đều thấy lợi ích này, lợi ích này là nói theo Sự: *"Tín nguyện trì danh, vãng sanh bất thoái thành Phật"*. Đức Phật thấy lợi ích này. *"Lý"* hết sức sâu, chỉ có chư Phật Như Lai mới có thể thấy thấu triệt. Đẳng Giác Bồ Tát mà nếu chẳng được Phật lực gia trì, cũng chẳng thể thấy rõ ràng và minh bạch dường ấy. Chư Phật thấy điều lợi ích to lớn này, *"tín nguyện trì danh, vãng sanh bất thoái thành Phật"*, đã nói rõ ràng, minh bạch chuyện hóa độ chúng sanh của hết thảy chư Phật Như Lai. Phật pháp đúng là rất đơn giản. Không chỉ là đối với chuyện giáo hóa chúng sanh trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni, mà đối với sự giáo hóa chúng sanh của hết thảy chư Phật, quý vị thấy câu nói ấy (*"tín nguyện trì danh, vãng sanh bất thoái thành Phật"*) đã nói trọn hết. Người chuộng đơn giản bèn đơn giản như thế đó. Đối với kẻ ưa rườm rà, cả một bộ Đại Tạng Kinh vẫn chưa nói trọn hết! Đức Phật thuyết pháp là ứng cơ thuyết pháp, [nghĩa là] quý vị thích tiếp nhận như thế nào, đức Phật bèn giảng cho quý vị như thế đó. Kẻ chuộng đơn giản bèn dễ dàng như thế, lại còn thành tựu hết sức thù thắng.

(Sớ) Tán giả, xưng tán. Thán giả, cảm thán. Bất khả tư nghị giả, thượng ngôn "ngã kiến thị lợi", kim cực ngôn kỳ lợi phi tầm thường chi lợi dã.

(疏)讚者，稱讚；歎者，感歎。不可思議者，上言我見是利，今極言其利非尋常之利也。

*(**Sớ**: "Tán" là khen ngợi. "Thán" là cảm thán. "Chẳng thể nghĩ bàn": Trong phần trên đã nói "ta thấy điều lợi ấy", nay cực lực nói "điều lợi ấy chẳng phải là lợi ích tầm thường").*

Chẳng phải là lợi ích bình phàm. Lợi ích bình phàm là lợi ích nhỏ nhặt, chẳng phải là lợi ích chân thật. [Lợi ích bình phàm] là đạt được lợi ích trước mắt, trong tương lai chẳng có lợi ích, là lợi ích đạt được trong một đời này, đời sau chẳng có lợi ích, [những thứ lợi ích như vậy] toàn là giả, đều chẳng chân thật. Đời này siêng khổ tu hành, đời sau có thể chứng quả A La Hán, thoát tam giới, liễu sanh tử, đó là tiểu lợi. Có thể đoạn Hoặc chứng Chân, chứng đắc quả vị Bồ Tát thì cũng là tiểu lợi, chẳng thể coi là đại lợi. Phàm phu thành Phật, đấy mới là đại lợi ích, đấy mới gọi là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là lợi ích bình phàm.

(Sớ) Văn hữu tam chuyển.

(疏)文有三轉。

*(**Sớ**: Kinh văn có ba lượt chuyển biến).*

Chúng ta rất khó thấy được [điều này]. Ở đây, Liên Trì đại sư nhắc nhở chúng ta, chúng ta suy nghĩ, thấy không sai, quả nhiên là như vậy.

(Sao) Đệ nhất, phi vô ích, cố vân lợi.

(鈔)第一、非無益，故云利。

*(**Sao**: Thứ nhất, chẳng phải là vô ích nên nói là Lợi).*

Chúng ta học Phật, làm học trò của Phật để theo Phật học tập. Nếu chẳng đạt được một chút lợi ích nào, chúng ta học Phật để làm gì? Vì thế, tuyệt đối chẳng phải là không có lợi ích, cho nên gọi là Lợi.

(Sớ) Nhị, phi đản sự phước chi lợi, cố vân công đức chi lợi.

(疏)二、非但事福之利，故云功德之利。

*(**Sớ**: Thứ hai, không chỉ là lợi ích thuộc về phước báo nơi Sự, cho nên nói là lợi ích thuộc về công đức).*

Những sự, những phước báo trong thế gian chẳng phải là rốt ráo, chẳng hoàn mỹ. Nói cách khác, chúng có khuyết hãm, mà cũng chẳng lâu dài, chẳng phải là điều lợi thật sự. Lợi ích thuộc công đức khác hẳn, lợi ích thuộc công đức có thể giúp chúng ta tu hành chứng quả. Vì vậy, điều lợi ích này khác với lợi ích theo quan niệm thông thường của người thế gian.

(Sớ) Tam, phi đản công đức chi lợi, cố vân bất khả tư nghị công đức chi lợi dã.

(疏)三、非但功德之利，故云不可思議功德之利也。

*(**Sớ**: Ba là không chỉ lợi ích thuộc về công đức, cho nên nói là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức).*

Giúp chúng ta thoát tam giới, liễu sanh tử, chứng quả Nhị Thừa là tiểu lợi ích. Giúp chúng ta chứng quả vị Đại Thừa Bồ Tát vẫn là tiểu lợi ích. Nay nói với quý vị lợi ích do niệm Phật vãng sanh, [lợi ích ấy] sẽ

khác hẳn, đó là lợi ích viên mãn rốt ráo. Vì thế, gọi là *"bất khả tư nghị công đức chi lợi"*. Chư vị phải hiểu rõ câu nói này do chính miệng đức Phật nói ra, chẳng phải là được thốt ra từ miệng kẻ tầm thường! Kẻ bình phàm nói "chẳng thể nghĩ bàn" thì do trí huệ, kiến giải, năng lực của chúng ta hoàn toàn chẳng lớn, hễ hơi có chút gì chúng ta không có cách nào tưởng tượng được bèn bảo là "chẳng thể nghĩ bàn". Chúng ta cảm thấy [những điều ấy] chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đối với chư Phật, Bồ Tát, chúng là có thể nghĩ bàn! Nếu đối với chư Phật, Bồ Tát đều coi là chẳng thể nghĩ bàn thì chúng ta chẳng thể tư duy hay tưởng tượng cảnh giới ấy được. Đó là thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, lời lẽ ấy do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật thốt ra, [cho nên là chẳng thể nghĩ bàn thật sự]. Không chỉ riêng Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán như vậy, mười phương hết thảy chư Phật đều tán thán như vậy. Nếu chúng ta vẫn chẳng thể tin tưởng, vẫn chẳng thể tiếp nhận, sẽ là Nhất Xiển Đề (Icchantika) như kinh đã nói. Nhất Xiển Đề là "chẳng có thiện căn", hết cách cứu!

(Sớ) Dĩ thị tán thán, phi ngẫu nhiên cố.

(疏)以是讚歎，非偶然故。

*(**Sớ**: Do vì tán thán như vậy chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên).*

Chúng ta lại xem chú giải trong phần Sao.

(Sao) Xưng tán giả, xưng dương tán mỹ bỉ Phật quảng đại công đức.

(鈔)稱讚者，稱揚讚美彼佛廣大功德。

*(**Sao**: "Xưng tán": Ca ngợi, tôn vinh công đức rộng lớn của đức Phật ấy).*

"Bỉ Phật" là A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán công đức rộng lớn của A Di Đà Phật, [những công đức ấy được] nói cặn kẽ trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, qua kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã tán thán *"quảng đại công đức"* (công đức rộng lớn) của A Di Đà Phật. Mười phương chư Phật cũng tán thán A Di Đà Phật giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sao) Linh nhân quy tín dã.

(鈔)令人歸信也。

*(**Sao**: Khiến cho kẻ khác quay về tin tưởng).*

"Quy" (歸) là quay về, *"tín"* (信) là tin tưởng, ngưỡng mộ. Không chỉ là từ lục đạo quay về, không chỉ là từ Nhị Thừa quay về, hoặc từ Đại Thừa quay về, mà là từ hết thảy các pháp môn quay về, chuyên nhất nơi pháp môn này. *"Quy tín"* có ý nghĩa này. Nếu quý vị chẳng chịu quay về, chẳng chịu từ trong lục đạo quay về, sẽ rất nhọc nhằn, quý vị phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo sẽ chẳng tránh khỏi đọa trong ba ác đạo. Nói thật ra, ba ác đạo hết sức đáng sợ, hết sức kinh hãi! Sau khi đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, hàng Nhị Thừa còn phải qua lại bảy lần trong cõi trời và nhân gian rồi mới có thể chứng quả A La Hán. Thọ mạng trong nhân gian ngắn ngủi, thọ mạng trong cõi trời dài lâu. Qua lại bảy lần, thời gian ấy tính bằng con số thiên văn, phải chịu đựng bao nhiêu nỗi nhọc nhằn! Đại Thừa Bồ Tát phải trải nghiệm ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì sao chẳng quay về? Hễ quay đầu, sẽ thành tựu ngay trong một đời! Người bình phàm phải tu trì suốt hai A-tăng-kỳ kiếp mới có thể đạt tới địa vị ấy, chúng ta trong một đời đã có thể làm được. Đó là công đức rộng lớn của A Di Đà Phật, chư Phật Như Lai gọi điều ấy là "chẳng thể nghĩ bàn". Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu câu "chẳng thể nghĩ bàn" là do ai nói.

(Sao) Cảm thán giả, cảm kích thán tức, thử pháp nhân thiên hy hữu, lịch kiếp nan phùng.

(鈔)感歎者，感激歎息，此法人天希有，歷劫難逢。

*(**Sao**: Cảm thán là cảm kích, than thở, pháp này là pháp hiếm có trong cõi trời người, trải bao kiếp khó gặp gỡ).*

Phải ghi nhớ tám chữ này (*"nhân thiên hy hữu, lịch kiếp nan phùng"*). Chớ nghĩ đời này chúng ta có được pháp này quá dễ dàng. Nói thông tục là quý vị quá may mắn. "May mắn" là cách nhìn của kẻ bình phàm, nông cạn! Người thật sự có học vấn, có chiều sâu sẽ biết: Những gì quý vị đạt được chẳng phải là ngẫu nhiên, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, là do quý vị đã tu thiện căn và phước đức trong vô lượng kiếp nên mới có cơ hội gặp gỡ. Nếu chẳng phải là do thiện căn và phước đức trong vô lượng kiếp đã chín muồi, trong một đời này, chắc chắn là quý vị chẳng gặp pháp môn này! Dẫu có gặp, quý vị cũng chẳng

tin tưởng, cũng chẳng thể coi trọng, dẫu gặp mà cũng như không gặp! Đúng là *"nhân thiên hy hữu, lịch kiếp nan phùng"* (hiếm có trong cõi trời người, trải bao kiếp khó gặp gỡ)! Cổ nhân từng nói: *"Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*. Chúng ta gặp được pháp môn này, chỉ có người thật sự biết sự thật này thì mới biết quý tiếc, coi pháp này như vật báu trân quý nhất.

(Sao) Linh nhân bi hỷ, hỷ giả, hỷ kỳ đắc văn.

(鈔)令人悲喜，喜者，喜其得聞。

*(**Sao**: Khiến cho kẻ khác buồn vui [lẫn lộn]. Vui là vui mừng do được nghe).*

Đây là hoan hỷ. Thật sự đắc đại hoan hỷ, còn hoan hỷ hơn hàng Bồ Tát thuộc Hoan Hỷ Địa. Bồ Tát chứng Hoan Hỷ Địa do tu hành trọn một A-tăng-kỳ kiếp, tu viên mãn địa vị Tam Hiền, chứng nhập Sơ Địa Bồ Tát, đắc đại hoan hỷ. Giống như quý vị học hành trong nhà trường mười mấy năm, tốt nghiệp Cao Trung (cấp ba Trung Học, Trung Học đệ nhị cấp), vừa lên Đại Học bèn rất hoan hỷ. Phía trên năm đầu tiên của Đại Học còn có khá nhiều lớp nữa, vẫn phải "bò" lên cao hơn rất vất vả. Đó là tu trọn một A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta gặp pháp môn này, chẳng cần phải tu, ngay lập tức vượt trỗi Sơ Địa, thật sự vượt trỗi! Kinh Di Đà nói như vậy, mà kinh Vô Lượng Thọ cũng nói giống y hệt. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. A Bệ Bạt Trí là hạng người nào? Từ Thất Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát bình phàm tu hành đến Thất Địa phải tu trọn hai A-tăng-kỳ kiếp. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu mãn địa vị Tam Hiền; trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai [tu tập] từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cũng giống hệt như Thất Địa Bồ Tát, lẽ nào chẳng hoan hỷ? Trong chốc lát, vượt thoát hai A-tăng-kỳ kiếp. Trước kia, trong lời mi chú cho kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã nói: Kẻ gặp pháp môn này mà chẳng chịu phát nguyện vãng sanh, kẻ ấy *"phi ngu tức cuồng"*, [nghĩa là] chẳng phải đại ngu si thì là cuồng vọng. *"Hỷ"* (喜) là mừng vui do được nghe [pháp môn] này.

(Sao) Bi giả, bi kỳ văn chi vãn dã.

(鈔)悲者，悲其聞之晚也。

*(**Sao**: Buồn là buồn vì nghe pháp này muộn màng).*

"Bi" (悲) là cảm thán chúng ta mãi cho tới nay mới được nghe. Tuy đã trễ tràng, vẫn không coi là chậm. Sớm nghe thấy, đã sớm tin tưởng, sớm thành tựu. Vì thế, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người cùng theo A Di Đà Phật đến đón tiếp chúng ta rất đông. Những người ấy đều là người nhà, quyến thuộc, bằng hữu, đồng học, đồng tham của chúng ta trong quá khứ, đều là những người mà ta quen biết. Trong quá khứ, những người ấy nghe pháp này bèn tin tưởng, nghiêm túc tu hành, đã vãng sanh. Chúng ta có duyên với họ, cho nên họ theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Vừa thấy mặt, chẳng cần giới thiệu liền nhận biết. Vì sao? Đến thế giới Tây Phương bèn có Tha Tâm Thông, chẳng cần phải giới thiệu, người này trong đời quá khứ nào đã có quan hệ gì với ta, ta đều hiểu rõ hoàn toàn. Vì thế, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng tịch mịch. Chư vị phải hiểu rõ: Luân hồi trong lục đạo rất tịch mịch, [vì] xoay vần trong lục đạo, chẳng gặp một người thân nào, chẳng gặp ai quen biết. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, người mà chúng ta đã quen biết trong đời đời kiếp kiếp quá khứ thảy đều gặp mặt tại đó. Vì thế, thế giới Tây Phương rất náo nhiệt, chẳng tịch mịch. Do vậy, hãy nên đến đó.

(Sao) Bất khả tư nghị, thị thử kinh nguyên danh.
(鈔)不可思議，是此經原名。
*(**Sao**: "Chẳng thể nghĩ bàn" là tên gốc của kinh này).*

Kinh này là kinh Bất Khả Tư Nghị.

(Sao) Nghĩa kiến tiền tự.
(鈔)義見前序。
*(**Sao**: Xem ý nghĩa trong phần Tựa ở trước).*

Trong phẩm Tự thuộc phần trước đã có giảng [ý nghĩa của chữ Bất Khả Tư Nghị]; khi giới thiệu tựa đề kinh đã giảng qua.

(Sao) Kinh danh Bất Khả Tư Nghị giả, chánh dĩ A Di Đà Phật hữu thử bất khả tư nghị đại công đức dã.
(鈔) 經名不可思議者 ，正以阿彌陀佛有此不可思議大

功德也。

*(**Sao**: Kinh có tên là Bất Khả Tư Nghị chính là vì A Di Đà Phật có công đức to lớn chẳng thể nghĩ bàn ấy).*

Lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa đã nêu rõ ý nghĩa này.

(Sao) Văn hữu tam chuyển giả, lợi trung đa hàm, triển chuyển thâm quảng.

(鈔)文有三轉者，利中多含，展轉深廣。

*(**Sao**: "Kinh văn có ba lượt chuyển biến": Trong các điều lợi ích có nhiều ý nghĩa, [mỗi ý nghĩa] lần lượt càng sâu rộng hơn).*

Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, đích xác là lợi ích rất nhiều. Đoạn này nhằm giải thích ba câu trong phần Sớ.

(Sao) Sơ, sự phước chi lợi giả, tu sự tướng phước, thế gian nhân cố, thị danh tiểu lợi.

(鈔)初，事福之利者，修事相福，世間因故，是名小利。

*(**Sao**: Đầu tiên, "điều lợi về phước theo mặt Sự": Tu phước nơi sự tướng, sẽ là cái nhân của thế gian, nên gọi là "tiểu lợi").*

Nay chúng ta ở trong thế gian này làm những sự nghiệp từ thiện có công đức lợi ích đại chúng trong xã hội, những việc ấy thuộc về *"sự tướng phước"*, đạt được phước báo trong lục đạo. Quý vị tu phước, nhất định sẽ hưởng phước. Trong kinh luận, đức Phật thường nói rõ các sự thật về nhân duyên quả báo. Tu Tài Bố Thí, dùng tiền tài để giúp đỡ xã hội, giúp đỡ đại chúng, đạt được quả báo là của cải. Tài Bố Thí là nhân, được của cải là quả báo. Nay phát tài to lớn, quan cao chức cả, là do cái nhân đã tu trong đời trước, đời này được quả báo. Nhân như thế, nhất định là có quả như thế, báo như thế, quả báo chẳng sai lầm chút nào! Do Pháp Bố Thí bèn được thông minh, trí huệ. Do Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Những điều này đều thuộc loại phước báo nhân thiên. Nếu chẳng được làm thân trời, người thì sao? Trừ địa ngục ra, cũng hưởng phước trong loài súc sanh hay ngạ quỷ. Đã có phước báo thì làm súc sanh cũng rất có phước báo, là súc sanh hưởng phước lớn. Hễ đọa

vào ngạ quỷ đạo, cũng chẳng phải là một con quỷ đói khát, mà là một con quỷ rất có phước, [tức là] sẽ làm Quỷ Vương trong loài quỷ, được người ta cúng quải. Như Thành Hoàng, Thổ Địa Công (ông Địa) đều là bậc có đại phước báo trong loài quỷ, bao nhiêu người đến cúng bái họ, nhất định là chẳng bị đói. Đấy là tu phước trong đời quá khứ, người ấy nhất định sẽ hưởng thụ. Thường là phàm phu trong lục đạo khi hưởng phước bèn mê hoặc, chúng ta thường nói là *"lợi dục huân tâm"* (lợi dục hun đúc cái tâm); hễ bị hun đúc liền mê, liền mờ mịt! Tâm đã mê, chẳng biết tiếp tục tu thiện. Sau khi đã mê bèn tạo tội nghiệp. Chờ cho đến khi hưởng hết phước báo, tội nghiệp hiện tiền. Đó gọi là "đọa lạc", phải vào tam đồ chịu khổ. Đó gọi là *"tam thế oán"*, [nghĩa là] đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc! Do vậy, điều lợi này là lợi ích nhỏ nhặt!

(Sao) Nhị, công đức chi lợi giả, xuất thế gian nhân cố, thị danh đại lợi.

(鈔)二、功德之利者，出世間因故，是名大利。

*(**Sao**: Hai là điều lợi thuộc công đức chính là cái nhân xuất thế gian, nên gọi là đại lợi).*

Công đức và phước đức sai biệt rất lớn; nhưng hiện thời có khá nhiều người nghĩ phước đức là công đức, đó là hiểu lầm rất lớn! Ví như họ nghĩ quyên cúng một chút tiền bạc cho chùa miếu là làm công đức rất lớn, sai mất rồi. Đó là phước đức, là tu phước nơi sự tướng, chẳng có mảy may liên quan gì đến công đức. Mọi người học Phật đều có thể kể về công án Lương Vũ Đế và Đạt Ma Tổ Sư. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp trong Phật môn, dùng sự tôn quý và thế lực của đế vương để kiến tạo hơn bốn trăm tám mươi ngôi chùa, quy mô đều rất lớn. Vua độ người xuất gia, chăm sóc cuộc sống của người xuất gia. Chỉ cần ai phát tâm xuất gia, vua đều hoan hỷ, đều cúng dường, độ bao nhiêu người! Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, gặp mặt Lương Vũ Đế. Sư là một vị cao tăng Ấn Độ, Lương Vũ Đế là một Phật tử kiền thành, đương nhiên phải tiếp đãi Sư. Nhà vua cũng rất đắc ý, khoe với Đạt Ma Tổ Sư: "Trong Phật giáo, trẫm làm công đức nhiều ngần ấy, công đức của trẫm có lớn hay không?" Đạt Ma Tổ Sư rất thật thà, chẳng nói dối, thẳng thừng bảo vua: "Trọn chẳng có công đức gì!" Những gì nhà vua đã làm chẳng có công đức chi hết. Lương Vũ Đế một bầu sôi nổi, đang phởn chí, bị Sư tạt cho

một chậu nước lạnh tắt ngấm, trong lòng khó chịu lắm; cho nên Lương Vũ Đế đối đãi Đạt Ma Tổ Sư hết sức lãnh đạm, chẳng hộ pháp cho Ngài. Tổ chẳng có cách nào, đi đến chùa Thiếu Lâm nhìn vách suốt chín năm. Nếu khi ấy Lương Vũ Đế sửa một chữ: "Phước đức của ta lớn hay không?" Nhất định là Đạt Ma Tổ Sư gật đầu: "Rất ư là lớn!" Nhà vua tu phước đức, chẳng phải là công đức! Phải biết điều này! Vì thế, phải phân biệt rõ ràng công đức và phước đức. Phước đức dẫu to cách mấy, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới, đời sau hưởng phước báo nhân thiên mà thôi! Chỉ riêng công đức là khác. *"Công"* (功) tức là phải do chính mình tu tập.

Hôm trước, có người gọi điện thoại cho tôi, [than thở] chính mình nghiệp chướng rất nặng, một thân bệnh khổ, sự nghiệp gặp rất nhiều trắc trở, điều gì cũng chẳng như ý, hỏi tôi: "Bỏ ra mười vạn đồng làm công đức có thể tiêu tai hay không?" Có thể chuyển đổi vận số của người ấy hay không? Tôi nói: "Chẳng được. Đừng nói là mười vạn. Ông có dùng một trăm vạn hay một ngàn vạn đều vô dụng, chẳng chuyển được tai nạn". Nếu tạo tội nghiệp, bỏ ra chút tiền bèn có thể tiêu tai, quá đơn giản! Trong xã hội hiện thời kẻ có tiền tạo nghiệp quá nhiều, tốn chút tiền bèn tiêu diệt tai ương, há có lẽ ấy hay chăng? Chẳng có lẽ ấy! Tiêu tai phải có công đức, phải biết điều này! Tu một chút phước, quả báo vẫn thuộc vào đời sau, chưa chắc quý vị đã có thể hưởng trong đời này, đời sau quý vị chắc chắn được hưởng, nhưng không nhất định là khi nào! Công đức khác hẳn.

"Công" là nói đến công phu. Lấy Giới, Định, Huệ Tam Học để nói, trì giới là Công, Định là Đức; tu Định là Công, khai trí huệ là Đức. Đó là công đức. Chúng ta niệm Phật, *"tín nguyện niệm Phật"* là Công, hằng ngày dụng công dốc sức tu niệm, nhất tâm bất loạn là Đức. Niệm Phật tam-muội là Đức. Tâm địa thanh tịnh, phiền não ít, vọng tưởng ít; đó là Đức. Công đức ấy chẳng thể bỏ tiền ra mua được! Công đức của tôi cũng chẳng có cách nào cho quý vị, đó gọi là *"ông tu, ông đắc; bà tu, bà đắc. Chẳng tu, chẳng đắc". "Công đức chi lợi, xuất thế gian nhân"* (Lợi ích thuộc về công đức là cái nhân xuất thế). Quý vị tu học pháp môn khác, tu cái nhân xuất thế gian, vẫn chẳng đạt được cái quả xuất thế gian, nhưng cái nhân ấy tồn tại, khi nào lại gặp duyên, nhân và duyên ấy kết hợp thì mới có kết quả, đó là *"đại lợi"*. [Dẫu là] trong một đời này chẳng thể thành tựu, vẫn là đại lợi ích; trong tương lai, nói chung sẽ gặp duyên, bèn xuất ly.

(Sao) Tam, bất tư nghị công đức giả, xuất thế gian thượng thượng nhân cố, thị danh đại lợi trung đại lợi.

(鈔)三、不思議功德者，出世間上上因故，是名大利中大利。

*(**Sao**: Ba là công đức chẳng thể nghĩ bàn, là cái nhân xuất thế gian thượng thượng, được gọi là đại lợi trong các đại lợi).*

Công đức chẳng thể nghĩ bàn là gì? *"Tín nguyện niệm Phật, vãng sanh bất thoái thành Phật"*. Vì sao nói điều này là đại lợi trong các điều đại lợi? Người ấy đắc quả ngay trong đời này! Tu các pháp môn khác, tu suốt một đời, chưa chắc đã có thể đắc quả ngay trong đời này, không nhất định có thể chứng quả! Pháp môn này quyết định vãng sanh ngay trong đời này; hễ vãng sanh bèn chứng quả. Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hễ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát, bỏ qua hai A-tăng-kỳ kiếp, đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, có khá nhiều vị Bồ Tát chẳng tin tưởng pháp môn này. Bồ Tát nhọc nhằn vất vả tu hai A-tăng-kỳ kiếp mới tu tới Thất Địa, quý vị chẳng tốn công phí sức bèn đạt đến Thất Địa, họ làm sao có thể tin tưởng cho được? Chẳng tin! Ví như quý vị học hành trong nhà trường, học từ lớp Một Tiểu Học cho đến khi tốt nghiệp Trung Học, tốn cả mười hai năm mới vào học năm thứ nhất Đại Học. Đột nhiên lòi ra một kẻ trước nay chưa hề đi học, cũng vào học năm thứ nhất Đại Học, chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Có người như vậy hay chăng? Có chứ! Đó gọi là đứa trẻ thiên tài, quá ít ỏi! Quý vị phải hiểu rõ: Quý vị gặp gỡ pháp môn này, dùng pháp môn này để tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là những đứa trẻ thiên tài! Các vị Bồ Tát đó trông thấy quý vị đều sững sờ. Các Ngài nhọc nhằn, vất vả tốn hai A-tăng-kỳ kiếp [tu tập], quý vị chẳng cần tốn chút công sức nhỏ nhặt nào mà giống hệt như các Ngài; do đó, chẳng thể nghĩ bàn! Bồ Tát chẳng có cách nào, các Ngài chẳng thể ngờ được.

Nhưng Bồ Tát có mong là có chuyện như thế hay không? Các Ngài cũng rất muốn, tốt nhất là chẳng cần vất vả, ngay lập tức thành Phật. Tuy muốn [gặp gỡ] pháp môn này, nhưng chẳng có duyên phận, chẳng gặp gỡ pháp môn này. Chẳng có duyên phận không phải là vì Phật chẳng giúp đỡ họ. Đức Phật thường xuyên giảng pháp môn này, thường xuyên dạy pháp môn này, nhưng họ nghe xong chẳng tin tưởng. Đấy là chẳng có duyên! Họ không chịu tin tưởng, chẳng chịu tiếp nhận! Có

nghĩa là từ đầu tới cuối họ chẳng có duyên phận gặp gỡ. Trong tâm họ rất mong thành Phật sớm một chút, nhưng chẳng gặp được pháp môn này. Đức Phật bảo họ, họ không tin, [tức là] vẫn chẳng gặp được! Chẳng gặp được là chuyện như vậy đó, chẳng phải là đức Phật thiếu lòng từ bi. [Chẳng phải là] hằng ngày họ mong mỏi mà Phật cũng chẳng dạy họ, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Đức Phật hằng ngày nói với họ, họ hằng ngày chẳng tin tưởng, hằng ngày chẳng tiếp nhận, vẫn muốn làm theo kiểu cách của riêng mình, suy nghĩ loạn xạ, vậy là chẳng có cách nào hết! Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy có khá nhiều vị Bồ Tát nghĩ đến pháp môn này, nhưng chẳng được gặp gỡ, *"chẳng gặp"* là như vậy đó. Tuyệt đối chẳng phải là Phật không giảng cho những vị ấy, chẳng phải vậy! Đức Phật giảng hằng ngày, nhưng chính họ nghe xong chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng, không chịu nương theo pháp môn này tu học. Đó là *"xuất thế gian thượng thượng nhân"* (cái nhân xuất thế gian thượng thượng), là đại lợi trong các điều đại lợi.

(Sao) Cái công đức tuy thắng sự phước, ư trung phục phân thắng liệt, hữu khả tư nghị, hữu bất khả tư nghị.

(鈔)蓋功德雖勝事福，於中復分勝劣，有可思議，有不可思議。

*(**Sao**: Vì công đức tuy thù thắng hơn phước thuộc sự tướng, nhưng trong ấy lại chia thành hơn kém, có công đức có thể nghĩ bàn và công đức chẳng thể nghĩ bàn).*

Những pháp môn được nói trong kinh Tiểu Thừa và các kinh Đại Thừa khác, chúng ta thường gọi là *"tám vạn bốn ngàn pháp môn"*, tám vạn bốn ngàn pháp môn là *"khả tư nghị"* (có thể nghĩ bàn), pháp môn niệm Phật vãng sanh là *"bất khả tư nghị"* (chẳng thể nghĩ bàn).

(Sao) Kim thị bất khả tư nghị chi công đức dã. Cố đại lợi trung, phục xưng đại lợi.

(鈔)今是不可思議之功德也。故大利中，復稱大利。

*(**Sao**: Nay là công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì thế lại gọi là đại lợi trong các điều đại lợi).*

Thật sự là lợi ích khôn sánh, lợi ích vô thượng. Trong sách Diễn Nghĩa, pháp sư Cổ Đức đã chú giải rất tỉ mỉ đoạn này.

(Sớ) Bất khả tư nghị, như Thanh Vương trung thuyết: "Bỉ An Lạc thế giới, sở hữu Phật pháp, bất khả tư nghị. Thần thông hiện hóa, bất khả tư nghị. Nhược năng tín như thị sự, đương tri thị nhân bất khả tư nghị, sở đắc nghiệp báo, diệc bất khả tư nghị". Hựu y chánh nhân quả, tứ câu bất khả tư nghị.

(疏)不可思議，如聲王中說：彼安樂世界，所有佛法，不可思議；神通現化，不可思議。若能信如是事，當知是人不可思議；所得業報，亦不可思議；又依正因果，四俱不可思議。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ bàn": Như kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni nói: "Trong thế giới An Lạc ấy, tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn; thần thông hiện hóa chẳng thể nghĩ bàn. Nếu [người nào] có thể tin chuyện như thế, hãy nên biết là người ấy chẳng thể nghĩ bàn; đạt được nghiệp báo cũng chẳng thể nghĩ bàn". Lại nữa, y báo, chánh báo, nhân, quả, cả bốn điều đều chẳng thể nghĩ bàn).*

Liên Trì đại sư giảng giải *"chẳng thể nghĩ bàn"* ở một mức độ cao hơn. Xác thực là "chẳng thể nghĩ bàn" có sâu, có cạn, có ý nghĩa rộng hẹp khác nhau! Thứ nhất, cho chúng ta biết: Thế giới Cực Lạc *"tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn"*. Câu này là nói chung, mấy câu kế đó là nói chi tiết riêng biệt. Trong câu này, chúng ta phải chú trọng hai chữ *"Phật pháp"*. *"Pháp"* là hết thảy vạn pháp, tức là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian trong vũ trụ. *"Phật"* có nghĩa là giác ngộ, là hiểu rõ. Thế giới Cực Lạc "*tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn"*: Mỗi người trong thế giới Cực Lạc ai nấy đều có thể triệt để hiểu rõ rốt ráo vạn hữu trong vũ trụ, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Hiểu rõ rốt ráo viên mãn triệt để hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ, chỉ có chư Phật Như Lai mới có thể làm được, hàng Bồ Tát bình phàm chẳng thể làm được. Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao ai nấy trong thế giới Cực Lạc đều làm được? Đó là do bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, [sẽ thấy]: Phàm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới đều trọn đủ sáu thứ thần thông. Sáu thứ thần thông ấy, nói đại khái thì bậc chứng đắc A La Hán bèn trọn đủ, thảy đều đạt được, tức là Thiên Nhãn Thông (Dibba-cakkhu), Thiên Nhĩ Thông (Dibba-sota), Túc Mạng Thông (Pubbe-nivāsanussati), Tha Tâm Thông (Cetopariya-ñāṇa), Thần Túc Thông (Iddhividhā), và Lậu

Tận Thông (Āsavakkhaya), nhưng năng lực của A La Hán trọn chẳng viên mãn cho lắm. Ví như kinh có dạy: Thiên Nhãn của A La Hán có thể thấy một đại thiên thế giới. Ngoài đại thiên thế giới, Ngài chẳng nhìn thấy. Đó là chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn, thần thông của Ngài là có thể nghĩ bàn! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tận hư không khắp pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có gì không thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ, năng lực hoàn toàn giống như chư Phật Như Lai. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, xác thực là do bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Đó là tán thán công đức của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, [những năng lực ấy] là do A Di Đà Phật gia trì. Phật chẳng gia trì, quý vị chẳng có năng lực ấy.

"Thần thông hiện hóa, chẳng thể nghĩ bàn": Trong phần trước là nói về giác pháp. Pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. *"Tất cả Phật pháp"* có ý nghĩa này. Đặc biệt là nói tới *"thần thông"* (Abhijñā). Thông (通) là thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Mắt có thể thấy, mắt chúng ta cũng có thể thấy, nhưng cách một vách sẽ chẳng thấy, đó là chẳng thông, có chướng ngại! Mắt họ có năng lực mạnh hơn chúng ta, cách một vách tường cũng chả sao, họ có thể nhìn xuyên qua. Hiện thời, tại Đại Lục có những người có Thiên Nhãn, cách vách tường người ấy vẫn có thể thấy rõ ràng. Tại Đại Lục chẳng gọi là Thiên Nhãn, mà gọi là *"mắt X-quang"*. Họ ngồi đối diện với quý vị, có thể thấy sự hoạt động của nội tạng trong thân thể quý vị. Do vậy, đối với việc chữa bệnh, họ đích xác là một trợ thủ rất tốt. Họ có thể xem xét tìm ra bộ phận nào trong nội tạng có bệnh. Có một năm, tôi giảng kinh tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles). Ở Lạc Sam Cơ, có một đồng tu từng gặp những người có công năng đặc dị ấy tại Đại Lục, bèn trắc nghiệm, bảo người ấy xem thân thể của chính mình. Kết quả là người ta vừa nhìn liền nói: "Trước đây, ông từng bị bệnh phổi, nay đã đóng thành sẹo, chẳng thể lan ra". Vị đồng tu ấy hoảng hồn, vì ông ta bị chứng bệnh ấy hồi bé, về sau đã lành, [vết sẹo] đã đóng vôi, trước nay chưa từng nói với người khác, bị kẻ ấy nói toạc ra. Liền hỏi kẻ ấy: "Ông có năng lực ấy thì có bị mất đi hay không?" "Bị chứ!" Vì sao có thể bị mất đi? Biết nhiều chuyện quá sẽ bị mất. Điều này rất hợp lý! Biết quá nhiều chuyện, cái tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, năng lực vẫn là xuất phát từ cái tâm thanh tịnh. Người ấy thấy nghe rộng, nhiều, vọng niệm nhiều, sẽ chẳng còn có năng lực ấy nữa! Người có năng lực ấy thường là tuổi rất trẻ, hai mươi mấy tuổi, cho đến ba mươi, bốn mươi

tuổi, năng lực ấy chẳng còn nữa! Điều này chứng tỏ chuyện tu Định được nói trong nhà Phật, sáu thứ thần thông đều phát sanh từ Định. Nói tới thần thông, tức là sáu loại bản năng (năng lực sẵn có) được khôi phục. *"Hiện hóa"* (現化) là hiện thân giáo hóa chúng sanh, giống như phẩm Phổ Môn nói Quán Thế Âm Bồ Tát *"đáng nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật để độ thoát"*, tùy loại hiện thân, đáng nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy, họ có năng lực đó. Trong Lục Thông, năng lực ấy được gọi là Thần Túc Thông. Thần Túc Thông (神足通) là biến hóa thuận theo sự nghĩ tưởng của chúng sanh, người ấy (người có Thần Túc Thông) bèn có thể biến hóa [phù hợp với sự nghĩ tưởng ấy], có năng lực ấy, chẳng thể nghĩ bàn. Những điều này đều do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, năng lực này bèn hoàn toàn khôi phục, giống như Thất Địa và Bát Địa Bồ Tát, có trí huệ, đạo lực và thần thông to lớn như vậy, có thể tự do hiện thân để hóa độ chúng sanh trong mười phương thế giới. Có một hạng người tâm từ bi rất nặng, chẳng mong làm Phật, cũng chẳng mong vãng sanh, hy vọng đời đời kiếp kiếp vào các thế giới khổ nạn để độ chúng sanh. Bi nguyện ấy đáng ca ngợi, đáng được tán thán, nhưng họ chẳng có năng lực, chẳng có trí huệ, chẳng thể thần thông hiện hóa. Vì thế, tâm có thừa mà chẳng đủ sức, chẳng thể làm được! Vì thế, người thật sự có trí huệ, có bi nguyện, hãy mau chóng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi đó gặp gỡ A Di Đà Phật, được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị bèn có thể đến mười phương thế giới để độ chúng sanh, bi nguyện mới chẳng trở thành rỗng tuếch. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn là bi nguyện ấy thất bại, chẳng thực hiện được. Đó là nguyện lực và oai thần của Phật Di Đà gia trì chẳng thể nghĩ bàn.

"Nhược năng tín như thị sự, đương tri thị nhân bất khả tư nghị" (Nếu ai có thể tin chuyện như vậy, hãy nên biết người ấy chẳng thể nghĩ bàn). Đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng Quán Kinh, giảng kinh Di Đà, vừa giảng quý vị liền tin tưởng, quý vị là người chẳng thể nghĩ bàn. Chúng tôi giảng giải pháp môn này, rất nhiều người nghe xong chẳng tin, hoặc tin nhưng chẳng chịu phát nguyện, chẳng chịu nghiêm túc tu học. Chúng ta chẳng cần phải lấy làm lạ, vì người như vậy có thể nghĩ, có thể bàn, không phải là chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, nói theo kinh Vô Lượng Thọ, thiện căn và phước đức của người ấy chẳng chín muồi, cho nên người ấy chẳng thể tin tưởng. Thật sự tin tưởng pháp môn này, nhất định là ba điều kiện thiện căn, phước đức, và nhân duyên đã

trọn đủ trong một đời này. Vì thế nói: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Người có ba điều kiện ấy đồng thời chín muồi trong một đời xác thực là chẳng nhiều. Người có thiện căn, nhưng chẳng có phước là những ai? Người ấy có thể tin, có thể hiểu, [thế mà] chẳng mong vãng sanh, chẳng chịu niệm Phật, đó là có thiện căn mà chẳng có phước đức. Người có phước đức, chẳng có thiện căn, ví như người ấy tu học các pháp môn khác, hết sức tinh tấn, hết sức dụng công, nhưng chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật, không thể tiếp nhận pháp môn chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất này. Do vậy có thể biết: Ba điều kiện đồng thời trọn đủ đúng là chẳng dễ dàng. Phàm [những người có] ba điều kiện đều trọn đủ, trong một đời này, chẳng có ai không vãng sanh, chẳng có ai không thành Phật. Thiếu một điều kiện sẽ chẳng thể được!

"Sở đắc nghiệp báo, diệc bất khả tư nghị" (Đạt được nghiệp báo, cũng chẳng thể nghĩ bàn). Nghiệp báo: Nghiệp ấy được gọi là *"tịnh nghiệp"*, chẳng phải là nghiệp bình phàm. Thông thường, chúng ta khởi tâm động niệm có thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp (chẳng thiện, chẳng ác), ba loại lớn ấy. Thiện nghiệp đắc thiện quả, ác nghiệp có ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may! Người học Phật đầu óc phải tỉnh táo, phải sáng suốt hơn người bình phàm, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tự nhiên sẽ chú tâm, cẩn thận. Vì sao? Người ấy biết trong ấy có nhân quả báo ứng. Khởi một ác niệm, tạo một ác sự, đối người khác mà nói, ảnh hưởng chẳng lớn, nhưng đối với chính mình mà nói, sẽ gặp phải khổ báo rất lớn. Kẻ chẳng học Phật không biết, người học Phật hiểu rành rẽ, hiểu rõ ràng sự thật này. *"Bồ Tát sợ nhân"*, Bồ Tát là bậc giác ngộ, rất cẩn trọng đối với chuyện tạo nhân, nhất định là tạo thiện nhân, quyết định chẳng tạo ác nhân; [do vậy] người ấy được gọi là Bồ Tát. Người niệm Phật đạt được quả báo là vãng sanh bất thoái thành Phật. Vì sao nghiệp báo của người ấy chẳng thể nghĩ bàn? Vì trong một đời, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn viên chứng ba món Bất Thoái, chẳng thể bàn luận! Từ kinh điển, chúng ta thường đọc thấy: Chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả, phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới thì mới có thể chứng đắc Vị Bất Thoái, chẳng dễ dàng! Lại lên cao hơn nữa, ắt phải đoạn hết tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc trong tam giới, chứng quả vị Bồ Tát, Trần Sa Hoặc cũng phá hết thì mới có thể chứng đắc Hạnh Bất Thoái, chẳng còn lui sụt thành Tiểu Thừa. Lại lên cao hơn nữa, phá một phẩm vô minh, chứng một phần

Pháp Thân thì mới chứng đắc Niệm Bất Thoái, là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Vì thế, ba món Bất Thoái thảy đều chứng đắc, đương nhiên là đã chứng đắc điều cao nhất thì những điều thấp hơn đều chứng đắc. Nói cách khác, muốn chứng đắc ba món Bất Thoái thì tối thiểu phải là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, là Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, hết sức hiếm có! Tuy chứng ba món Bất Thoái, chẳng viên mãn. Viên chứng ba món Bất Thoái chính là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, đấy mới là viên chứng ba món Bất Thoái, những địa vị thấp hơn Pháp Vân Địa sẽ chẳng viên mãn! Chúng ta lại hạ thấp tiêu chuẩn này một chút, sẽ là Cửu Địa, Bát Địa, Thất Địa. Vì thế, có rất nhiều vị cổ đại đức chú giải kinh [cho rằng viên chứng ba món Bất Thoái] là từ Thất Địa trở lên, có vị nói là từ Bát Địa trở lên, nói như vậy là chánh xác. Vì thế, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, năng lực của quý vị bằng với Thất Địa Bồ Tát, hoặc bằng Bát Địa Bồ Tát. Viên chứng ba món Bất Thoái chính là quả, nghiệp báo chẳng thể nghĩ bàn!

"Y, chánh, nhân, quả": Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu, hoàn cảnh sống của mọi người trong thế giới Tây Phương tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Cuộc sống vật chất thuận theo lòng mong, chúng ta muốn gì, thứ ấy ở ngay trước mặt. Nay chúng ta muốn một bộ quần áo, thứ ấy ở ngay trước mặt. Nay [trong thế giới Sa Bà này], chúng ta muốn có một bộ quần áo, quý vị còn phải đi tìm bên ngoài. Tuy hiện thời đã có quần áo may sẵn, nhưng quý vị vẫn phải cân nhắc, so sánh giá cả, cũng phải chịu rất nhiều nỗi vất vả! Tây Phương Cực Lạc thế giới thì ta muốn quần áo như thế nào, nó liền ở ngay trên người; chẳng muốn nữa, nó bèn chẳng có, tự tại lắm! Muốn ăn thứ gì, ngay lập tức thứ ấy bày ra trước mặt. Chẳng muốn ăn, sẽ chẳng có, mất sạch sành sanh, chẳng cần thu dọn chén đũa, chẳng phải rửa chén. Hết thảy cuộc sống vật chất tùy tâm biến hóa. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sống trong cung điện, quý vị muốn kiểu dáng gì, nó biến thành kiểu dáng đó, mong to hơn nó biến thành to hơn một chút, mong nó nhỏ hơn, xinh xắn hơn, nó ngay lập tức thu nhỏ. Cuộc sống vật chất tùy theo lòng mong, chẳng thể nghĩ bàn! Cuộc sống tinh thần càng phong phú. A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, mười phương hết thảy chư Phật đều giảng kinh, thuyết pháp cho quý vị. Thích nghe pháp môn nào bèn nghe pháp môn ấy. Thích thấy vị Phật nào, vị Phật ấy hiện ngay trước mặt, chẳng cần đến thế giới phương khác để được [vị Phật ấy] dạy bảo. Trong tâm vừa động niệm, Phật ở ngay trước

mặt. Phật chẳng đến, chúng ta cũng chẳng đi, nghiễm nhiên gặp mặt, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. *"Y, chánh, nhân, quả, tứ câu bất khả tư nghị"* (Y báo, chánh báo, nhân, quả, bốn điều ấy đều chẳng thể nghĩ bàn), cái nhân của y báo, cái quả của y báo, cái nhân của chánh báo, cái quả của chánh báo thảy đều chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 258

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm mười lăm:

(Sao) Thử phân vi tứ: Nhất thị thí pháp quảng đại công đức, vị vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm chủng chủng đẳng.

(鈔)此分為四：一是施法廣大功德，謂無量壽，無量光，三寶道品種種等。

*(**Sao**: Phần này chia làm bốn. Thứ nhất là công đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo, đạo phẩm v.v...)*

Nói rõ *"bất khả tư nghị công đức chi lợi"* rốt cuộc là công đức nào? Là lợi ích nào? Ở đây, đại sư lại giảng rõ cặn kẽ, chia thành bốn điểm. Thứ nhất là *"thí pháp quảng đại công đức"* (công đức thí pháp rộng lớn). Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ chính là đức hiệu của Di Đà Thế Tôn, mà cũng là sự gia trì của Di Đà Thế Tôn đối với hết thảy đại chúng. Đúng như Thích Ca Thế Tôn xuất hiện trong thế gian này, lão nhân gia nói về "nhân từ, thanh tịnh", [dùng những điều ấy để] chỉ dạy và gia trì chúng ta, có ý nghĩa giống như [những phẩm đức được bao hàm trong danh hiệu của A Di Đà Phật]. Phàm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm địa đều hết sức thanh tịnh; tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi, người ấy chẳng thể vãng sanh! Thanh tịnh và từ bi thì ai nấy trong thế giới Tây Phương đều trọn đủ, ai nấy đều là như vậy, đều là thanh tịnh, từ bi. Vì thế, chẳng cần phải đề xướng thanh tịnh, từ bi nữa.

Ở bên ấy, đề xướng điều gì? Đề xướng Quang và Thọ. Quang biểu thị trí huệ, Thọ biểu thị sự thù thắng nhất trong hết thảy các thứ thọ dụng. Người thế gian nói đến phước báo, phước báo có phạm vi bao hàm hết

sức rộng rãi. Trong phước báo, quan trọng nhất là trường thọ. Nếu chẳng có thọ mạng, dẫu phước báo lớn đến mấy, chính mình chẳng có cách nào hưởng thụ. Điều thứ nhất là phải có thọ mạng để hưởng thụ phước báo của chính quý vị. Vì thế, thọ mạng là đức bậc nhất. Đấy cũng là lý do vì sao trong vô lượng [đức năng, phước báo], chỉ dùng Thọ và Quang để đại diện, chính là vì ý nghĩa này.

(Diễn) Vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm chủng chủng đẳng: Thử chỉ sở thí chi pháp dã.

(演)無量壽、無量光、三寶道品種種等，此指所施之法也。

*(**Diễn**: "Các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm v.v..." là nói về những pháp được ban xuống).*

A Di Đà Phật dùng điều gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng những pháp ấy. Chư vị phải biết: Thọ tượng trưng cho phước báo, [vô lượng thọ là] vô lượng phước báo. Quang tượng trưng trí huệ. Chư Phật Như Lai thành Phật, có hiệu là Nhị Túc Tôn, Nhị (二) là trí huệ và phước đức, Túc (足) là trọn đủ, viên mãn. Trí huệ viên mãn và phước đức viên mãn, nên gọi là Nhị Túc Tôn (đấng trọn đủ hai thứ phước và huệ). Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật dạy mọi người hai thứ ấy, chư vị hãy ngẫm xem: Đó trực tiếp dạy cho quý vị một phương pháp để thành Phật rốt ráo viên mãn. Thế giới Tây Phương chẳng dạy gì khác, mà dạy thứ này. Đức Phật dùng phương pháp gì để dạy? Dưới đây bèn nói rõ.

(Diễn) Thử pháp hoặc xuất âm phu diễn, hoặc hiện tướng chỉ trần.

(演)此法或出音敷演，或現相指陳。

*(**Diễn**: Những pháp ấy hoặc là phát ra âm thanh để phô diễn, hoặc là hiện tướng để chỉ bày).*

"Xuất âm phu diễn" là ngôn giáo (dạy bằng lời nói), tức là giảng kinh, thuyết pháp. *"Hiện tướng chỉ trần"* là dùng thân giáo (nêu gương bằng thân nghiệp). Nói cách khác, chúng ta gọi là "giáo dục bằng chính cuộc sống". Trong giáo dục cuộc sống, đầy ắp trí huệ, ngập tràn phước đức.

(Diễn) Dĩ bỉ độ chúng sanh, lục căn thanh tịnh, đắc đại tổng trì.

(演)以彼土眾生，六根清淨，得大總持。

(***Diễn***: *Do chúng sanh trong cõi ấy, sáu căn thanh tịnh, đắc đại tổng trì).*

Đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh, chúng sanh trong thế giới ấy *"sáu căn thanh tịnh"*. Toàn bộ những lời lẽ trong phần kế tiếp đều là những điều được nói trong kinh, hết sức quan trọng. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, mới hiểu là "chẳng thể không đến Tây Phương Cực Lạc thế giới"! Sanh về nơi ấy, sáu căn thanh tịnh; chúng ta ở nơi đây mà mong sáu căn thanh tịnh há dễ dàng sao? *"Đắc đại tổng trì"* cũng là điều chúng ta niệm niệm mong cầu, nhưng cầu chẳng được! Đại tổng trì là gì? Là tổng cương lãnh của hết thảy vạn pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị đã nắm được. Chỉ cần quý vị nắm được tổng cương lãnh, nói cách khác, tự nhiên thông đạt hết thảy các pháp, chẳng có một pháp nào không thông đạt. Từ Phật giáo sử, chúng ta biết Long Thọ Bồ Tát học xong Đại Tạng Kinh trong ba tháng, lại còn thông đạt toàn bộ. Vì sao Ngài có năng lực ấy? Tuy Lục Tổ đại sư chẳng duyệt Kinh Tạng, lão nhân gia chưa hề đi học, chẳng biết chữ, nhưng nếu chúng ta hỏi: "Tam Tạng mười hai phần giáo chính là một bộ Đại Tạng Kinh, Lục Tổ có năng lực thông đạt trong vòng ba tháng hay chăng?" Quan sát từ những ghi chép trong Đàn Kinh, chắc chắn là Ngài có năng lực ấy! Vì sao biết? Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn; kinh Đại Niết Bàn phân lượng rất đáng nể, bốn mươi quyển, đọc làu làu, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa. Bà ta đọc cho Huệ Năng đại sư nghe. Sau khi nghe xong, Huệ Năng đại sư bèn giảng giải cho bà. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe Lục Tổ giảng giải, bèn khai ngộ. Lục Tổ cần người khác đọc cho Ngài nghe vì Ngài chẳng biết chữ. Cho thấy Ngài đã thông đạt, tuy Ngài chưa hề học. Ngũ Tổ chẳng giảng kinh Đại Niết Bàn cho Ngài, thế mà Ngài thông đạt. Thiền sư Pháp Đạt học Pháp Hoa, thưa cùng Lục Tổ: Sư đã niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt. Niệm kinh Pháp Hoa một lần phải mất thời gian bao lâu? Mỗi ngày chỉ có thể niệm một lần, niệm một bộ. Ba ngàn bộ là mười năm! Dành thời gian mười năm để đọc kinh Pháp Hoa, vẫn chẳng hiểu ý nghĩa. Sư gặp Lục Tổ bèn đảnh lễ, đầu chẳng sát đất, ngạo mạn mà! Bị Lục Tổ nhìn ra, Lục Tổ hỏi Sư: "Ông ngạo mạn như vậy, nhất định là có điều gì đáng để kiêu ngạo". Sư liền thưa Sư đã niệm ba ngàn bộ Pháp Hoa, đáng để kiêu ngạo! Kinh Pháp Hoa có ý

nghĩa gì? Sư chẳng biết, bị Lục Tổ hỏi ngược lại [bèn ú ớ], Sư bèn hỏi quay ngược lại thỉnh giáo Lục Tổ đại sư. Lục Tổ đại sư bảo: "Ta chưa từng đọc qua, đương nhiên là cũng chưa hề nghe qua, ông hãy niệm cho ta nghe thử". Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ nghe tới đó, bảo: "Chẳng cần niệm nữa, kinh này ta đều biết cả rồi". Vì thế, đối với cả một bộ Đại Tạng Kinh, Ngài có cần đến ba tháng hay chăng? Hoàn toàn thông đạt. Tổ giảng kinh Pháp Hoa cho Pháp Đạt, thiền sư Pháp Đạt khai ngộ. Khi ấy, lại đảnh lễ, đầu ép sát đất. Nếu quý vị hỏi vì sao những người ấy đối với pháp thế gian và xuất thế gian hễ tiếp xúc đều thông đạt ư? Do đắc đại tổng trì, chư vị phải biết điều này. Nếu chúng ta hỏi: "Chúng ta dùng phương pháp gì để có thể đắc đại tổng trì?" Chư Phật Như Lai truyền dạy chúng ta một phương pháp tuyệt diệu, *"tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ"*. Vì quý vị sanh về Tịnh Độ, bèn đắc đại tổng trì, tâm địa thanh tịnh, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt toàn bộ. Huống hồ còn nghe Phật Di Đà thuyết pháp, còn nghe hết thảy chư Phật thuyết pháp. Dẫu không nghe, cũng thông đạt. Đến nghe để làm Ảnh Hưởng Chúng mà thôi! Vì thế, tôi nói lời chân thật, thật thà cùng mọi người. Sống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là cuộc sống như thế nào? Mỗi ngày đến chơi khắp các cõi Phật trong tận hư không khắp pháp giới, hằng ngày đi du lịch, hằng ngày vui chơi, sống cuộc đời ấy, chẳng có gì không thông đạt. Trí huệ và phước báo thảy đều viên mãn, huống hồ hoàn cảnh…

(Diễn) Lục trần giai thuyết, lục căn giai văn, pháp pháp đầu đầu, vô phi diệu pháp cố.

(演)六塵皆說，六根皆聞，法法頭頭，無非妙法故。

*(**Diễn**: Sáu trần đều nói, sáu căn đều nghe, pháp nào, sự nào, không gì chẳng phải là diệu pháp).*

Mấy câu này nhằm giải thích câu *"Tam Bảo, đạo phẩm chủng chủng đẳng"* (các thứ như Tam Bảo, đạo phẩm v.v…) Có những kẻ chẳng mong vãng sanh, tức là chẳng có cơ duyên gặp gỡ pháp môn này, chẳng biết ưu điểm của Tây Phương Tịnh Độ. Kinh Đại Thừa thường nói: Khá nhiều vị Bồ Tát mong cầu, nhưng chẳng có cơ hội nghe pháp môn này. Có cơ hội nghe pháp môn này, mà tín nguyện cầu sanh chẳng dấy lên nổi; đó là nghiệp chướng quá nặng. Nếu không, gặp pháp môn này,

hiểu rõ lợi ích chân thật này, có ai chẳng cầu vãng sanh? Đó là điều thứ nhất, *"thí pháp quảng đại công đức"* (công đức thí pháp rộng lớn). Lại xem điều thứ hai:

(Sao) Nhị thị thần hóa châu biến công đức.

(鈔)二是神化周遍功德。

*(**Sao**: Hai là công đức thần thông biến hóa trọn khắp).*

"Thần" (神) là thần thông, *"hóa"* (化) là biến hóa. Công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Vị thủy, điểu, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, y thực phục dụng, thọ dụng tự nhiên, chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đẳng.

(鈔)謂水鳥樹林，咸宣妙法，衣食服用，受用自然，眾生皆具相好神變等。

*(**Sao**: Nghĩa là: Nước, chim, rừng cây đều tuyên thuyết diệu pháp; áo, cơm, đồ dùng, thọ dụng tự nhiên; chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần thông biến hóa v.v...)*

Thế giới Tây Phương xác thực là chúng sanh và Phật bình đẳng. Đối với trí huệ và đức năng viên mãn của Phật, trí huệ và đức năng của đại chúng cũng gần như chẳng sai khác A Di Đà Phật cho mấy. Chư vị phải hiểu rõ: Trí huệ và đức năng ấy tuyệt đối chẳng phải do chính những người vãng sanh ấy có, mà là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Vì thế, ai nấy đều có trí huệ và đức năng viên mãn, chư vị xem kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu rõ điều này. Trong mỗi một nguyện thuộc bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều nói rất rõ ràng. Phần tiểu chú ghi:

(Diễn) Thủy, điểu, thụ lâm hạ tứ cú, thử Di Đà thần biến dã.

(演)水鳥樹林下四句，此彌陀神變也。

*(**Diễn**: Bốn câu từ "nước, chim, rừng cây" trở xuống là thần thông, biến hóa của Phật Di Đà).*

Bốn câu từ *"thủy, điểu, thụ lâm"* cho đến *"thọ dụng tự nhiên"* chính là thần thông biến hóa của A Di Đà Phật dành cho đại chúng

hưởng thụ. Vì thế, chắc chắn là hết thảy các thứ thọ dụng ở nơi ấy chẳng thiếu khuyết. Đã thế, quý vị thọ dụng giàu có, dư dật chẳng khác chư Phật Như Lai. Đó là do Tánh Đức của Phật Di Đà lưu lộ.

(Diễn) Chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đẳng, thử chúng sanh thần biến dã.

(演)眾生皆具相好神變等，此眾生神變也。

*(**Diễn**: Chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần biến v.v... chính là thần thông biến hóa của chúng sanh).*

Oai thần của A Di Đà Phật vừa gia trì, bản thân ai nấy đều cũng có thể biến hóa. Chính mình chẳng thể biến hóa, vẫn khác chư Phật. Chính mình có thể biến hóa, năng lực ấy do Phật gia trì, vì sao? Chính mình chẳng đoạn hết phiền não, tự tánh chẳng hoàn toàn hiển lộ. Tuy chính mình vốn cũng trọn đủ, nhưng bị chướng ngại, chẳng thấu lộ, chẳng thể thọ dụng, nhất định phải được Phật lực gia trì, khiến cho trí huệ và đức năng trong tự tánh của chúng ta cũng khởi tác dụng. Điều này chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Dĩ bỉ quốc chủng chủng diệu dụng, tuy Di Đà thần biến sở thành, nhược chúng sanh bất đắc thần biến, bất năng thọ dụng.

(演)以彼國種種妙用，雖彌陀神變所成，若眾生不得神變，不能受用。

*(**Diễn**: Do các thứ diệu dụng trong cõi ấy, tuy do thần thông biến hóa của Phật Di Đà tạo thành, nhưng nếu chúng sanh chẳng có thần biến, sẽ không thể thọ dụng).*

Đây là Sự Lý chân thật, chúng ta đã hiểu rõ thì mới có thể tin tưởng, tín tâm mới kiên định, tín tâm mới thanh tịnh, mới chẳng hoài nghi.

(Diễn) Kinh vân: Phương tiện thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, ư nhất thiết pháp phương tiện vô ngại chúng sanh lai sanh kỳ quốc, thị dã.

(演)經云：方便是菩薩淨土，菩薩成佛時，於一切法方便無礙眾生來生其國。是也。

*(**Diễn**: Kinh nói: "Phương tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, trong hết thảy các pháp, dùng phương tiện vô ngại khiến cho chúng sanh sanh về cõi ấy" chính là nói về ý này).*

Áp dụng mấy câu này vào Tây Phương Cực Lạc thế giới rất thích hợp. Thế giới Tây Phương xác thực là như vậy. Nếu muốn nghiên cứu sâu hơn về chuyện này, Pháp Tướng Duy Thức đã nói rất rõ ràng, minh bạch; ở đây chúng tôi tỉnh lược, chẳng cần phải nói chi tiết.

(Sao) Tam thị tín thọ túc căn công đức, vị nan tín chi pháp, năng tín thọ giả, túc tu vô lượng thiện căn đẳng.

(鈔)三是信受宿根功德，謂難信之法，能信受者，宿修無量善根等。

*(**Sao**: Ba là công đức tin nhận do túc căn, nghĩa là người có thể tin nhận pháp khó tin chính là do đời quá khứ đã tu vô lượng thiện căn v.v…)*

Đối với ý nghĩa này, đã từng đọc kinh Vô Lượng Thọ thì mới dễ hiểu. Người chưa đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ chẳng hiểu rõ lắm. Đây cũng là điều chúng tôi thường nói, hết thảy chư Phật đều nói pháp môn này là *"pháp khó tin"*. Người nào có thể tin? Trong đời quá khứ đã vun bồi thiện căn sâu dầy, người như vậy mới có thể tin tưởng, mới có thể tiếp nhận. Nếu chẳng có thiện căn rất dầy mà tin tưởng, tiếp nhận pháp môn này, khó lắm! Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo chúng ta: Thuở ấy, Ngài giảng kinh, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả hiện diện nghe kinh trong pháp hội. Trong đời quá khứ, họ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nghe pháp môn này, vẫn chẳng dấy lên ý niệm phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nếu nay nghe pháp môn này, thật sự phát tâm mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị ngẫm xem: Đó là căn tánh gì? Nay chúng ta nghe pháp môn này, trong tâm sanh khởi đại hoan hỷ, hận chẳng thể ngay lập tức mong thấy A Di Đà Phật, đến thế giới Cực Lạc, thiện căn của quý vị vượt trỗi bọn họ quá nhiều. Trong đời quá khứ, chắc chắn là không chỉ thân cận bốn trăm ức chư Phật Như Lai. Quý vị bèn hiểu rõ, đấy chính là thiện căn trong đời quá khứ sâu dầy ngần ấy. Chúng ta giới thiệu pháp môn này với người khác, người khác chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, không chịu học, có đạo lý đấy nhé! Trong đời quá khứ, người ấy chẳng có thiện

căn sâu dầy như thế, cứ thong thả, dần dần từng đời một, đợi đến vô lượng kiếp, vô lượng kiếp sau nữa, nói với họ, họ sẽ tin tưởng. Vì sao? Thiện căn của người ấy đã dầy ngần ấy. Nay chúng ta thiện căn chín muồi, người ấy còn phải tới vô lượng kiếp sau mới có thể chín muồi. Hiện thời, khuyên họ là đúng, để họ gieo nhiều thiện căn hơn một tí, đời đời kiếp kiếp gieo thiện căn, lại gieo tới vô lượng kiếp, họ sẽ chín muồi. Chuyện là như vậy đó! Vì thế, trong một đời này, thiện căn của chính mình chín muồi, nhất định phải trân quý tiếc, phải y giáo tu hành, tức là tín nguyện, nhất tâm trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng! Trong một đời này, quyết định thành tựu.

(Diễn) Nan tín chi pháp tam cú, kinh vân: "Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tằng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa".

(演)難信之法三句，經云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。

*(**Diễn**: Đối với ba câu "pháp khó tin…", kinh dạy: "Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể được nghe chánh pháp này, đã từng phụng sự chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này").*

Đây là một bài kệ trong kinh Vô Lượng Thọ. *"Nhược bất vãng tích tu phước huệ"* (Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ): Quý vị chẳng có thiện căn từ đời quá khứ hết sức sâu dầy như vậy, sẽ chẳng được! Nghe pháp môn Niệm Phật sẽ lắc đầu, không chịu tiếp nhận. Dạy các pháp môn khác bèn hoan hỷ tiếp nhận, đó là vì chẳng đủ thiện căn. Phải có thiện căn sâu dầy nhất thì mới được. Thiện căn kém hơn một bậc, người ấy sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp môn này.

(Diễn) Bát Nhã vân: "Nhược nhân nhất niệm sanh tịnh tín giả, đương tri thử nhân, bất ư nhất Phật, nhị Phật nhi chủng thiện căn đẳng".

(演)般若云：若人一念生淨信者，當知此人，不於一佛二佛而種善根等。

*(**Diễn**: Kinh Bát Nhã dạy: Nếu người nào một niệm sanh tịnh tín, hãy nên biết người ấy chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một đức Phật, hoặc hai đức Phật v.v…)*

Kinh Kim Cang dạy: Có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh đối với Đại Thừa Phật pháp thì kẻ ấy thuộc loại [có thiện căn, phước đức] đáng nể, chẳng phải là một nhân vật lèng èng. Điều này nói rõ thiện căn trong đời quá khứ hết sức trọng yếu.

(Sao) Tứ thị quả báo nan thắng công đức.
(鈔)四是果報難勝功德。
*(**Sao**: Bốn là công đức do quả báo khó thể vượt trỗi).*

Chúng ta càng phải hiểu rõ, thật sự minh bạch điều này: Dẫu trong đời quá khứ, thiện căn của chúng ta còn sai kém một chút, tiếp nhận sự chỉ dạy ấy, xác thực là hiện tại có thể bù đắp chỗ thiếu khuyết trong thiện căn, có thể thành công. Vì thế, vốn chẳng tin, đã học mấy năm bèn tin tưởng. Vì sao? Người ấy đã được bù đắp. Do đó, trong hiện thời có thể nỗ lực bù đắp thiện căn. Từ [hành trạng của] những vị tổ sư đại đức vãng sanh trải khắp các đời, chúng ta có thể thấy được tình hình này. Dẫu là thị hiện, cũng xác thực là sự thật, [các vị tổ sư đại đức đã thị hiện nhằm] chỉ rõ [thiện căn thiếu khuyết bèn] có thể bổ túc, như Ấn Quang đại sư là thị hiện. Thuở đầu học Phật, Ấn Quang đại sư không tin Tịnh Độ. Thuở trẻ, Ngài đọc sách Nho, chẳng tin tưởng Phật pháp, lại còn soạn văn chương phê phán, hủy báng Phật pháp, trong quá khứ đã làm những chuyện ấy. Trong lịch sử, chuyện giống như vậy không chỉ là một mình Ngài, khá nhiều vị tổ sư đại đức thoạt đầu đều có thái độ ấy. Về sau, do tiếp xúc bèn dần dần hiểu rõ, tu tập, tích lũy thiện căn, dần dần bù đắp những thiện căn và phước đức thiếu sót, sanh khởi tín tâm sâu xa đối với pháp môn này, đạt được mục tiêu "vãng sanh bất thoái thành Phật trong một đời". Do vậy, [thiện căn và phước đức khuyết thiếu] có thể bù đắp! Cũng có nghĩa là: Chúng ta chẳng có tín tâm đối với pháp môn này, có thể kiến lập tín tâm. Kiến lập tín tâm chính là mười phần liễu giải pháp môn này, có nhận thức chân chánh đối với lý luận và sự thật. Người ấy đã hiểu rõ, tín tâm bèn sanh khởi. Thế nhưng chúng ta thấy có nhiều bà cụ chẳng biết chữ, chưa hề học hành, họ chẳng cần liễu giải lý luận và sự thật của pháp môn này. Căn bản là các cụ chẳng hỏi tới, vừa nghe nói bèn cứ một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng, khi mất có thụy tướng còn thù thắng hơn các vị đại pháp sư. Đại pháp sư khi mất còn ngã bệnh, nằm mất; người ta chẳng sanh bệnh, đứng ra đi, do nguyên nhân gì? Hoàn toàn là do thiện căn sâu dầy. Vì sao các vị đại

pháp sư không bằng những bà cụ ấy? Đại pháp sư học vấn cao hơn các cụ, [xét theo phương diện học vấn] các cụ chẳng thể bằng các vị pháp sư ấy; nhưng nếu nói tới thiện căn, các pháp sư chẳng bằng các cụ, chuyện là như vậy đó. Hiểu rõ sự thật này, khá nhiều nỗi nghi vấn tự nhiên được giải trừ. Tôi cũng đã gặp rất nhiều người hỏi về vấn đề này. Có nhiều vị pháp sư đại đức nổi tiếng trong nước, thông Tông, thông Giáo, suốt đời tu hành hết sức tốt đẹp, vì sao lúc mất thụy tướng vẫn chẳng bằng một người bình phàm? Do thiện căn và phước đức trong quá khứ của người bình phàm ấy sâu dầy! Xét theo phương diện này, vị pháp sư chẳng sánh bằng người ấy, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta hãy xem sự thù thắng nơi quả báo.

(Sao) Vị tức đắc vãng sanh, tức đắc nhập thượng thiện hội.

(鈔)謂即得往生，即得入上善會。

*(**Sao**: Nghĩa là hễ được vãng sanh, bèn được dự ngay vào hội của các vị thượng thiện nhân).*

"Tức đắc" (即得) là ngay lập tức đạt được. Chúng ta hãy đặc biệt chú trọng hai chữ ấy. *"Vãng sanh"* chẳng thể nghĩ bàn, vãng sanh là thoát ly lục đạo luân hồi. Thoát ly lục đạo luân hồi là chuyện khó khăn dường ấy, kẻ bình phàm muốn vượt thoát luân hồi, phải tu thành công Cửu Thứ Đệ Định thì mới có thể vượt thoát. Do Tứ Thiền Bát Định chỉ có thể sanh về Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thoát khỏi tam giới! Nhất định phải tu đến Cửu Thứ Đệ Định thì mới có thể thoát tam giới, mấy ai có thể làm được? Cửu Thứ Đệ Định là Kiến Tư phiền não đều đoạn hết, há dễ dàng ư? Hễ vãng sanh, nói cách khác, công phu của quý vị thua kém người thành tựu Cửu Thứ Đệ Định. Cửu Thứ Đệ Định là A La Hán, Bích Chi Phật, công phu của chúng ta chẳng bằng họ, nhưng nói theo sự thành tựu thì vượt trỗi họ, họ chẳng bằng chúng ta. Tuy họ có thể thoát khỏi tam giới, điểm này giống như chúng ta; nhưng sau khi đã thoát tam giới, những điều họ đạt được chẳng sánh bằng chúng ta, thua kém quá xa. *"Tức đắc nhập thượng thiện hội"* (Liền được dự vào hội của các vị thượng thiện nhân): Thế giới Tây Phương là *"chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"* (các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ), *"thượng thiện"* là Đẳng Giác Bồ Tác. Đẳng Giác là những vị giống như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc… Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh, có

thể cùng đứng, cùng ngồi với các vị Đẳng Giác Bồ Tát, xưng huynh gọi đệ, vì các Ngài trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là học trò của A Di Đà Phật, chúng ta tới đó cũng là học trò của A Di Đà Phật, quan hệ đôi bên là sư huynh, sư đệ.

(Sao) Tức đắc Bất Thoái Chuyển địa.
(鈔)即得不退轉地。
*(**Sao**: Liền đắc địa vị Bất Thoái Chuyển).*

Bất Thoái Chuyển là viên chứng ba món Bất Thoái, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị lập tức đạt được. Chư vị xem đoạn văn này, đôi khi có thể hoài nghi. Ở đây nói là *"tức đắc"* (liền đạt được), kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói hạ phẩm hạ sanh phải trải qua mười hai kiếp thì mới là hoa nở, thấy Phật, làm sao là *"tức đắc"* cho được? Chẳng phải là có mâu thuẫn ư? Hạ phẩm trung sanh phải mất sáu kiếp mới có thể đạt được, làm sao có thể là *"tức đắc"* cho được? Quý vị nhất định phải hiểu rõ, Quán Kinh nói đến chuyện [quý vị đạt được ba món Bất Thoái, thần thông, đạo lực, trí huệ] do cậy vào năng lực của chính mình! Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở bên đó thong thả tu hành, tu mất một thời gian dài như vậy thì mới có thể [thật sự] đạt được [ba món Bất Thoái, thần thông, đạo lực, trí huệ do công phu tu hành của chính mình]. Ở đây nói, quý vị ngay lập tức đạt được, có thể thấy đó chẳng phải là cảnh giới đạt được do công phu tu hành của chính quý vị, mà là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì khiến cho quý vị đạt được. Nếu quý vị nghe mà vẫn chưa hiểu, tôi nêu một tỷ dụ để nói. Quý vị sanh trong một gia đình phú quý, cha quý vị đại phú, đại quý, tuy quý vị còn chưa trưởng thành, còn chưa kiếm ra tiền, nhưng sống trong biệt thự tráng lệ, hào nhoáng, ra khỏi cửa bèn ngồi xe hơi đắt tiền, [tiền của] ai? Tiền của cha quý vị, chẳng phải là của chính mình. Lại qua mấy năm sau, tự quý vị kiếm được tiền, cũng sống ở đó, cũng lái xe đó, nhưng những thứ đó là của chính quý vị. Quý vị đã hiểu rõ rồi chứ? Chúng ta đến nơi ấy, *"tức đắc"* là do A Di Đà Phật ban cho chúng ta. Qua mười hai kiếp sau, đó là năng lực của chính mình. Ví như đứa nhỏ ấy khôn lớn, tự mình có năng lực kiếm tiền, có năng lực để hưởng thụ. Trong khi chính kẻ ấy còn chưa có năng lực đó, A Di Đà Phật sẽ gia trì kẻ ấy. Nói cách khác, sanh về cõi ấy, sẽ đạt được những thọ dụng đó, đấy chính là *"tức đắc"*. Vì thế, cả hai kinh đều nói chẳng sai, đều là nói lên chân

tướng sự thật. Nhưng quý vị tu hành trong các thế giới phương khác, chẳng được Phật gia trì, ắt cần phải tự mình tu đạt đến cảnh giới ấy thì mới có sự thọ dụng ấy. Nhưng tu hành trong các thế giới phương khác và tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn khác nhau: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh mười hai đại kiếp bèn thành tựu; trong các thế giới phương khác, muốn tu đến cảnh giới A Bệ Bạt Trí phải cần tới hai A-tăng-kỳ kiếp. So sánh thời gian, sai khác quá lớn! Như vậy thì mới biết thế giới Tây Phương thù thắng, tới đó thành tựu mau chóng! Huống chi chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào thuộc về hạ phẩm hạ sanh. Hạ phẩm hạ sanh là kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, chúng ta chẳng tạo tội nghiệp to như vậy! Tuy tạo tội nghiệp chẳng ít, nhưng chẳng tạo nghiệp nặng nề dường ấy: Giết cha, giết mẹ, [giết A La Hán], phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, chúng ta vẫn chưa làm! Nói cách khác, địa vị vãng sanh thấp nhất của chúng ta cũng là hạ phẩm trung sanh, thuộc địa vị ấy. Hạ phẩm trung sanh, sáu kiếp bèn hoa nở, thấy Phật; quý vị ngẫm xem thời gian quá nhanh chóng. Thượng phẩm vãng sanh, sanh về đó bèn hoa nở, thấy Phật. Thiện Đạo đại sư nói: Chín phẩm vãng sanh mỗi kẻ phàm phu chúng ta đều có phần. *"Do gặp duyên bất đồng mà có chín phẩm sai khác"*. Duyên thù thắng, nếu chúng ta liễu giải thấu triệt cảnh giới, lý luận và sự thật của Tây Phương, duyên ấy bèn sâu, khiến cho quý vị chẳng có mảy may nghi hoặc nào, chắc chắn là thượng phẩm vãng sanh.

(Sao) Tất cánh thành Phật đẳng.

(鈔)畢竟成佛等。

*(**Sao**: Rốt ráo thành Phật...)*

Bốn câu này nói lên lợi ích bao gồm bốn thứ công đức chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Giai siêu việt thường tình, cố vân bất khả tư nghị.

(鈔)皆超越常情，故云不可思議。

*(**Sao**: Đều vượt trỗi thường tình, nên nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

"Thường" (常) là thường thức, *"tình"* (情) là kiến giải. Vượt thoát sự tư duy, tưởng tượng, kiến giải thông thường của chúng ta, đơn giản là chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được sự thù thắng của Tịnh Độ.

Chư vị phải biết: Mở Đại Tạng Kinh ra, công đức lợi ích được giảng trong bất cứ bộ kinh nào cũng đều thua kém những điều đang được nói ở đây rất xa! Thế mà phương pháp tu hành đơn giản, dễ dàng, quả báo thù thắng chẳng thể sánh bằng. Quý vị ngẫm xem, có thể nghe đến [pháp môn này] là do nhân duyên gì vậy? Là do phước đức như thế nào?

(Sao) Như Kim Cang Bát Nhã vân: "Thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị", thị dã.

(鈔)如金剛般若云：是經義不可思議，果報亦不可思議。是也。

*(**Sao**: Như kinh Kim Cang Bát Nhã nói: "Kinh này nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn", chính là nói lên ý nghĩa này).*

Kinh Kim Cang nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. So giữa kinh Kim Cang và kinh Di Đà, kinh Kim Cang là có thể nghĩ, có thể bàn. Kinh Di Đà thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật tán thán kinh Di Đà, chẳng tán thán kinh Kim Cang. Hết thảy chư Phật Như Lai đề cao pháp môn Niệm Phật, chẳng đề cao pháp môn Bát Nhã. Từ chỗ này, hãy rất lắng lòng quan sát, quý vị mới thật sự thấu hiểu vài phần lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn được nói trong kinh.

(Sao) Y, chánh, nhân quả giả, y vị Đồng Cư tức Tịch Quang, chánh vị Ứng Thân tức Pháp Thân.

(鈔)依正因果者，依謂同居即寂光，正謂應身即法身。

*(**Sao**: "Y báo, chánh báo, nhân, quả": Y báo thì cõi Đồng Cư tức là cõi Tịch Quang, chánh báo thì Ứng Thân tức là Pháp Thân).*

Thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì trong mười phương thế giới, cõi Phàm Thánh Đồng Cư là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư quyết định chẳng phải là cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng quyết định chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đương nhiên lại càng không phải là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đức Thế Tôn nói điều này trong hết thảy các kinh Đại Thừa, bốn cõi có sai biệt, chẳng thể nói lẫn

lộn được. Nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng vậy, *"một chính là bốn, bốn chính là một"*, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Nói *"Đồng Cư là Tịch Quang"*, đương nhiên là những cõi ở giữa sẽ được bao gồm trong ấy, trong ấy có cõi Thật Báo, có cõi Phương Tiện. Phàm phu sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới; chư thượng thiện nhân, Đẳng Giác Bồ Tát trụ trong Tịnh Độ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, làm sao chúng ta có thể ở chung với nhau? Giống như trong hiện thời, thế gian này chính là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng có cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng có Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng những vị La Hán và Bồ Tát ở trong các nơi ấy, chúng ta chẳng thấy, chẳng ở cùng một chỗ với các Ngài! Thế nhưng, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng phải là như vậy, ở cùng một chỗ. Đẳng Giác, Quyền Thật Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, thảy đều trông thấy, hằng ngày ở cùng nhau, đó là y báo chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh báo thì Ứng Thân là Pháp Thân, Báo Thân chẳng cần phải nói nữa, tự nhiên được bao gồm trong ấy. Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, một thân là ba thân, ba thân là một thân. Thấy Ứng Thân của A Di Đà Phật chính là thấy Báo Thân và Pháp Thân của Phật, chẳng hai, chẳng khác. Trong thế giới Cực Lạc, Ứng Thân của A Di Đà Phật là khắp hết thảy mọi nơi. Chúng ta thường nói theo Lý, Pháp Thân khắp hết thảy mọi nơi. Trong thế giới Tây Phương, Ứng Thân của A Di Đà Phật khắp hết thảy mọi nơi. Từ mười sáu phép Quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chư vị thấy chỗ ở, vườn rừng trong thế giới Tây Phương thù thắng bậc nhất, cây cối, hoa cỏ nhiều, đúng là chốn dinh dưỡng tánh tình, dưới gốc cây to hết sức mát mẻ, nghỉ ngơi ở nơi ấy rất tự tại. Đương nhiên là có thể nghe Phật thuyết pháp càng tốt hơn. Đức Phật luôn ngồi dưới cội cây thuyết pháp, dưới mỗi cội cây đều có A Di Đà Phật, tức là Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật. Nếu không, thế giới to lớn dường ấy, người đông ngần ấy, chỉ có một A Di Đà Phật, làm sao quý vị có thể thấy Ngài? Quý vị chẳng có cơ duyên thấy Ngài! Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật dùng Ứng Hóa Thân, vô lượng Ứng Hóa Thân; cho nên mỗi cá nhân đều cùng A Di Đà Phật gặp mặt mỗi ngày. Đúng là dường như A Di Đà Phật cũng chẳng đến, mà chúng ta cũng chẳng tới chỗ Ngài, [thế mà] hằng ngày ở cùng một chỗ. Trong mười phương hết thảy thế giới của chư Phật đều chẳng có quả báo ấy, đúng là quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Nhân vị thất nhật công thành, quả vị nhất sanh bất thoái.

(鈔)因謂七日功成，果謂一生不退。

*(**Sao**: Nhân là bảy ngày thành công, quả là Bất Thoái trong một đời).*

Thời gian tu hành chẳng cần rất dài. Kinh dạy: *"Hoặc một ngày cho đến bảy ngày"*. Chỉ cần tu hành đúng lý, đúng pháp, quyết định thành công. Quả báo là *"nhất sanh bất thoái"*, [nghĩa là] hễ quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn viên chứng ba món Bất Thoái. Viên chứng ba món Bất Thoái, xét theo quả thì sự thọ dụng bằng với Thất Địa hoặc Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo. Chúng ta cậy vào sự tu hành của chính mình chứng đến Thất Địa hoặc Bát Địa cần phải mất thời gian hai A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể chứng được. Dùng pháp môn này, vài ngày đã đạt được. Vì thế, pháp môn này đúng là pháp khó tin. Bồ Tát chẳng có cách nào tiếp nhận, chẳng có cách nào tin tưởng.

(Sao) Diệc phục siêu việt thường tình, cố câu bất khả tư nghị dã.

(鈔)亦復超越常情，故俱不可思議也。

*(**Sao**: Cũng lại vượt trỗi thường tình, nên đều là chẳng thể nghĩ bàn).*

Kế đó, Liên Trì đại sư trích dẫn một sự thật để chứng minh.

(Sao) Tích, Anh pháp sư ư Đông Đô giảng Hoa Nghiêm kinh tứ thập biến, nhân nhập Xước thiền sư Tịnh nghiệp đạo tràng, thâm nhập tam-muội, thán viết: "Tự hận đa niên không tầm văn sớ, lao thân tâm nhĩ, hà kỳ niệm Phật bất khả tư nghị".

(鈔)昔，英法師於東都講華嚴經四十遍，因入綽禪師淨業道場，深入三昧，歎曰：自恨多年空尋文疏，勞身心耳，何期念佛不可思議。

*(**Sao**: Xưa kia, Anh pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm bốn mươi lần tại Đông Đô[16], do dự vào Tịnh nghiệp đạo tràng của Đạo Xước thiền sư,*

[16] Đông Đô chính là thành phố Lạc Dương thời Đường. Danh xưng này bắt nguồn từ thời Tây Châu. Châu Thành Vương đóng đô tại Cảo Kinh (tức là Trường An sau này, nay là thành phố Tây An). Vua lại lấy Lạc Ấp làm kinh đô, đặt tên là Đông Đô vì Lạc Ấp ở phía Đông của Cảo Kinh.

thâm nhập tam-muội, than rằng: "Tự hận đã nhiều năm uổng công truy tìm trong sớ giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc, nào ngờ niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn").

Quá khứ, Anh pháp sư tham gia đạo tràng Niệm Phật của thiền sư Đạo Xước, trong Niệm Phật Đường đắc tam-muội. Ngài có thể đắc Niệm Phật tam-muội trong Niệm Phật Đường; nói thật ra, cũng chẳng thể nói là bốn mươi lượt giảng Hoa Nghiêm không có ảnh hưởng. Ngài hết sức cảm thán: Trong quá khứ, hơn nửa đời dốc sức nghiên cứu kinh luận và chú giải, đi khắp nơi giảng giải, chẳng đạt được lợi ích chân thật, đạt được hư danh trong thế gian mà thôi! Vất vả, nhọc nhằn thân tâm của chính mình. *"Nào ngờ Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn".* Chẳng ngờ đạt được thọ dụng trong pháp môn Niệm Phật, thành tựu tam-muội. Điều này chỉ rõ pháp môn Niệm Phật thật sự vượt trỗi các pháp môn khác. Pháp môn Niệm Phật chỉ cần chuyên, chỉ cần tinh, đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn. Niệm Phật tam-muội là nhất tâm bất loạn, chẳng khó chứng đắc. Đã chứng đắc tam-muội này, đúng là đắc đại tự tại, được thọ dụng chân thật.

(Diễn) Không tầm văn sớ lao thân tâm giả, Tứ Thập Nhị Chương Kinh vân: "Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội, thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại".

(演)空尋文疏勞身心者，四十二章經云：博聞愛道，道必難會，守志奉道，其道甚大。

***(Diễn**: "Uổng công truy tìm trong sớ giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc", kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói: "Do học rộng nghe nhiều, tuy yêu thích đạo, mà ắt khó hiểu đạo. Giữ chí, vâng giữ đạo, đạo ấy rất lớn").*

Bốn câu này hết sức đơn giản, gồm mười sáu chữ, đúng là một khai thị mạnh mẽ nhất đối với những người tu hành mà mong mỏi chính mình có thành tựu, chỉ dạy chúng ta hãy nên dùng thái độ như thế nào để tu học. Mười sáu chữ ấy là nguyên tắc và cương lãnh tu hành, hễ có thể tuân thủ thì đúng là "công ít, hiệu quả nhiều", có thể thu được hiệu quả rất tốt đẹp. *"Bác văn"* (博聞) là quý vị thực hiện bằng cách học rộng nghe nhiều. *"Ái đạo"* (愛道) là quý vị hết sức ưa chuộng Đại Thừa Phật pháp. *"Đạo tất nan hội"* (Ắt khó hiểu đạo), *"hội"* (會) là hiểu rõ, khế

nhập, cũng là *"chứng đạo"* như chúng ta thường nói. Quý vị muốn hiểu rõ, mong khế nhập, mong chứng đắc, quá khó khăn! Điều này chứng tỏ: Anh pháp sư suốt một đời dốc sức nơi kinh Hoa Nghiêm, tuy giảng kinh bốn mươi lượt, những điều Ngài đã giảng đều là bề ngoài, đều là tri kiến dựa trên văn tự, chẳng có một tí tác dụng nào. Nói cách khác, chẳng thể hội quy tự tánh sẽ vô dụng, cũng như Thanh Lương đại sư đã nói: Đều là tăng trưởng tà kiến! Phải như thế nào thì mới có thể kiến tánh? *"Thủ chí phụng đạo"* (Giữ chí, phụng hành đạo) tức là thâm nhập một môn thì được, đạo ấy rất to lớn. *"Chí"* (志) là dốc chí chuyên nhất, quý vị có thể đạt được. *"Phụng"* (奉) là phụng hành. Y giáo phụng hành, thâm nhập một môn, sẽ là đúng. Phật pháp nói theo Lý là bình đẳng, *"pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Chỉ cần thâm nhập một môn, thảy đều có thể minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đều có thể thành tựu. Bất luận quý vị trì Giới cũng vậy, tham Thiền cũng vậy, học Giáo cũng vậy, trì Chú cũng vậy, niệm Phật cũng vậy. Một môn! Quyết định chẳng thể học hai môn. Hai môn trở lên sẽ khó lắm! Ví như hiện thời Phật Đường này có ba cái cửa, quý vị ở ngoài cửa suy xét mong tiến vào, theo cửa nào để tiến vào? Có cách nào đồng thời tiến vào cả ba cửa hay chăng? Quý vị ở bên ngoài dấy vọng tưởng, dấy vọng tưởng cả đời cũng chẳng tiến vào được! Nếu theo một cửa mà tiến vào, theo bất cứ cửa nào cũng tiến vào được, đạo lý là như vậy đó. Sau khi đã tiến vào, quý vị đạt được pháp môn Đại Tổng Trì, chẳng có gì quý vị không đạt được. Quý vị chẳng tiến vào, ở bên ngoài bèn có sai biệt, [sẽ thấy] có vô lượng pháp môn. Sau khi đã tiến vào, [vô lượng pháp môn] bèn biến thành một. Vô lượng pháp môn đều quy về cùng một chỗ; một chính là vô lượng, vô lượng chính là một.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương và kinh Bát Đại Nhân Giác là những kinh được phiên dịch trước nhất khi Phật pháp vừa mới được truyền vào Trung Hoa. Trên thực tế, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài chưa từng giảng kinh Bát Đại Nhân Giác hoặc kinh Tứ Thập Nhị Chương. Kinh Bát Đại Nhân Giác và kinh Tứ Thập Nhị Chương đều thuộc loại trích yếu của các kinh, đó là phương pháp được sử dụng trong thời kỳ đầu khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa. Cùng một đạo lý như vậy, chúng ta truyền bá Phật pháp sang ngoại quốc, dùng phương pháp ấy là tốt nhất. Trích yếu các kinh, trích lục các kinh, vừa dễ dịch, vừa dễ giảng, lại rất khế cơ, xác thực là thuận tiện cho kẻ sơ học. Những câu [được trích lục] trong các bản ấy, câu nào cũng đều vô cùng tinh túy, chẳng hề

nói thừa.

(Diễn) Vĩnh Gia vân: "Ngô tảo niên lai tích học vấn, diệc tằng thảo sớ tầm kinh luận, phân biệt danh tướng bất tri hưu, nhập hải toán sa, đồ tự khốn", thị dã.

(演)永嘉云：吾早年來積學問，亦曾討疏尋經論，分別名相不知休，入海算沙徒自困。是也。

*(**Diễn**: Ngài Vĩnh Gia nói: "Tôi thuở đầu chuyên tích lũy học vấn, cũng từng tìm kiếm sớ giải, tìm tòi kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết ngơi nghỉ, vào biển đếm cát, tự nhọc nhằn uổng công" là nói về ý này).*

Bài kệ này của Vĩnh Gia đại sư trích từ Chứng Đạo Ca. Vĩnh Gia đại sư là học trò của Lục Tổ, Ngài chỉ học với Lục Tổ một ngày, vấn đáp mấy câu trong hội của Lục Tổ, được Tổ ấn chứng đã khai ngộ. Ngài lại muốn ra đi, Lục Tổ nói: "Sao ông đi mau như thế? Hãy ở lại một đêm, ngày mai sẽ đi". Lục Tổ giữ Sư ở lại một đêm, đó là [công án] Nhất Túc Giác (一宿覺: một đêm giác ngộ) nổi danh. Bài kệ này do Ngài làm sau khi đã khai ngộ, thuật chuyện trước kia, trong khi Ngài mò mẫm, đã gặp những chướng nạn. Nhưng các bậc từng trải đã nói toạc chân tướng sự thật, người đời sau trông thấy những gương ấy mà vẫn mong dẫm theo vết, vẫn chẳng giác ngộ, vẫn chẳng chịu quay đầu, đúng là kẻ ngu! Thoạt đầu ngài Vĩnh Gia cũng nghiên cứu giáo lý. *"Thảo sớ"* (討疏), Sớ (疏) là chú giải, [*"thảo sớ"* nghĩa là] sưu tập những bản chú giải xưa nay của các vị đại đức để tham khảo, nghiên cứu kinh luận, đổ công dốc sức nơi đó. Phân biệt tư duy những danh tướng ấy chẳng biết ngưng nghỉ, rất tinh tấn, rất siêng năng, suốt ngày đêm đều bận bịu học hành. Khi chúng ta mê muội, trông thấy như vậy [bèn hâm mộ, cho là] lỗi lạc quá, thật sự dụng công, cứ ngỡ đó là học vấn. Người giác ngộ nói đó là dấy vọng tưởng, làm chuyện thuộc tà tri tà kiến. Đổ công nơi danh tướng và lý luận, các nhà Duy Thức bảo là *"nhập hải toán sa"* (vào biển đếm cát), bao giờ xong? Sau khi đã ngộ, mới biết làm chuyện ấy chính là *"tự khốn"*, [tức là] tự mình gây khó khăn cho chính mình.

Những lời ấy đều là nói sau khi đã khai ngộ, đều là lời lẽ của bậc từng trải. Nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ, đi theo con đường ấy, người thực hiện thành công có được mấy ai? Quá ư là ít. Người chẳng đi trọn hết, chết gục trong ấy, thường nói là *"chết trong Giáo Hạ, bị vây*

khốn trong mê cung". Giáo võng[17] được gọi là mê cung; sau khi đã bước vào, vĩnh viễn chẳng thoát ra được. Kẻ thoát ra là kẻ may mắn! Như Anh pháp sư đã nói trong phần trước, nếu Ngài chẳng dự vào Niệm Phật Đường của thiền sư Đạo Xước, sẽ chẳng thoát ra được. Chẳng thoát ra được tức là chết ngắc trong Giáo Hạ. Vĩnh Gia đại sư có cơ hội gặp gỡ Lục Tổ Huệ Năng đại sư, đây cũng là một người lăn lộn trong giáo võng hết sức may mắn. Cuối cùng là kết luận, nào ngờ *"niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn".*

Xét theo toàn thể Đại Thừa Phật pháp để nói, bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư là một cống hiến vô cùng tuyệt diệu. Ngài có thể nói minh bạch chân tướng của Đại Thừa Phật pháp và biển cả Phật pháp, chỉ bày chánh xác phương hướng, mục tiêu cho chúng ta. Đó là cống hiến lớn nhất của Ngài. Chúng ta đọc kỹ càng [Sớ Sao], chú tâm lãnh hội, có thể nói là tất cả nghi hoặc đều tiêu trừ, tín nguyện chân thật được kiến lập từ chỗ này. Chúng ta thiếu khuyết thiện căn và phước đức, đều cậy vào nhân duyên này để bổ túc. Chúng ta in Sớ Sao rất nhiều, có mấy người đọc? Dẫu đọc, có thể đọc hiểu hay không? Do vậy có thể biết, nhân duyên khó có lắm! Giảng Sớ Sao một lượt chẳng dễ dàng, cần phải có thời gian rất dài, giảng rất khó, mà nghe cũng chẳng dễ dàng.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh ly tâm ngôn tướng, thị bất khả tư nghị công đức nghĩa.

(疏)稱理，則自性離心言相，是不可思議功德義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh lìa tướng tâm ngôn là ý nghĩa "công đức chẳng thể nghĩ bàn").*

"Tự tánh" là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng có ngôn ngữ, chẳng có tướng trạng. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta: *"Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên".* Chẳng có cách nào tưởng tượng, mà cũng không có cách nào bày tỏ, đó là *"công đức chẳng thể nghĩ bàn",* nhà Thiền thường nói chuyện ấy. Vào thời đại của Liên Trì đại sư, kẻ bình phàm thường nghĩ Thiền là cao nhất trong Phật pháp, cho nên đại sư giới thiệu kinh A Di Đà, sau mỗi đoạn đều dùng cảnh giới Thiền để đại chúng

[17] Gọi là *"giáo võng"* vì giáo nghĩa có quá nhiều danh tướng, thuật ngữ phức tạp, người học sẽ dễ dàng sa đà trong danh tướng như mắc vào trong lưới chẳng thoát ra được nên gọi là *"giáo võng"* (lưới giáo).

được hiểu ý nghĩa kinh văn [nói theo Lý] hòng chứng minh kinh A Di Đà xác thực là *"vô thượng thậm thâm Thiền"*. Trong bản chú giải của lão nhân gia, tuyệt đại đa số là trích dẫn kinh Hoa Nghiêm. Nói theo Giáo Hạ, mọi người đều thừa nhận kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, là vua của các kinh, lão nhân gia chỗ nào cũng dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, nhằm nâng cao kinh A Di Đà lên ngang bằng kinh Hoa Nghiêm, dụng ý ở chỗ này. Ngài nêu rõ trong Đại Thừa Phật pháp, kinh này mới xác thực là kinh bậc nhất, đó là dụng tâm khổ sở của lão nhân gia. Sự thật xác thực là như thế! Đáng tiếc là người đời chẳng nhận thức, thật đáng tiếc! Vì thế, đây là xứng tánh, tự tánh có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Đấy là điều Thiền, Giáo, Mật, chẳng có một ai không thừa nhận. Các thứ sự tướng được nói trong kinh Di Đà, toàn là công đức chẳng thể nghĩ bàn lưu lộ từ tự tánh, từ trong tự tánh của A Di Đà Phật lưu lộ. A Di Đà Phật gia trì hết thảy đại chúng, khiến cho hết thảy đại chúng tuy chẳng đoạn phiền não, là hạ phẩm vãng sanh, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thảy đều chẳng đoạn, nhưng do được oai thần của Phật Di Đà gia trì, cũng có thể dẫn khởi công đức từ trong tự tánh, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chuyện là như thế đó. Chúng ta đã biết Lý, sẽ chẳng hoài nghi nơi sự thật. Đoạn nghi thì mới có thể sanh ra tín tâm quyết định. Từ tín tâm mới sanh khởi nguyện vọng khẩn thiết, chúng ta mới có thể niệm câu Phật hiệu rất hoan hỷ, niệm chẳng mỏi mệt, chẳng chán nản, có thể sanh ra pháp hỷ, mới có thể đạt được thọ dụng chân thật. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 259

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm mười bảy:

(Sao) Khởi Tín Luận vân: "Thị tâm tùng bổn dĩ lai, ly tâm duyên tướng, ly ngôn thuyết tướng. Thị cố, cử tâm tức thác, động niệm tức quai, trệ cú giả mê, thừa ngôn giả táng". Nhiên tắc đương như chi hà? Túng nhiêu giam khẩu vong cơ, y nhiên đọa lạc vô ký, thị chi vị "bất khả tư nghị".

(鈔)起信論云：是心從本以來，離心緣相，離言說相，是故舉心即錯，動念即乖，滯句者迷，承言者喪。然則當如之何，縱饒緘口忘機，依然墮落無記，是之謂不可

思議。

*(**Sao**: Khởi Tín Luận nói: "Tâm này từ trước đến nay lìa tướng tâm duyên, lìa tướng ngôn thuyết. Do vậy, động tâm bèn trật, dấy niệm liền sai, vướng vào câu văn bèn mê, nương theo lời nói bèn mất". Vậy thì phải nên làm như thế nào? Dẫu ngậm miệng, dứt bặt suy nghĩ, vẫn nghiễm nhiên đọa vào vô ký. Vì thế mới nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

Đại sư trích dẫn một đoạn từ trong Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát. Khởi Tín Luận là một quyển sách để nhập môn học Phật, là Đại Thừa Khởi Tín (khơi gợi lòng tin đối với Đại Thừa), chẳng phải là Tiểu Thừa, đương nhiên càng chẳng phải là nhân thiên thừa. Cảnh giới trong bộ sách ấy là cảnh giới của bậc Bồ Tát vừa mới kiến tánh, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, tức là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Khởi Tín Luận là cảnh giới như vậy. Nếu xét theo Biệt Giáo, sẽ là cảnh giới của Sơ Địa Bồ Tát. Vì thế, được gọi là Đại Thừa thật sự, danh phù hợp thực, Đại Thừa Khởi Tín mà! Trong luận ấy, Thật Tướng và chân tướng chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh thảy đều được nêu tỏ.

"Thị tâm" (Tâm này): Cái tâm này là chân tâm, là bản tánh. Chẳng có cách nào diễn tả, mà cũng chẳng có cách nào tưởng tượng chân tâm. *"Ly tâm duyên tướng"* (Lìa tướng tâm duyên), *"tâm duyên"* là khởi tâm động niệm, duyên lự, phân biệt. Trong chân tâm trước nay chẳng dấy động ý niệm, chưa hề có phân biệt, nó giống như một tấm gương, hoặc giống như một ao nước lặng. Nước lặng thì tuyệt đối chẳng cuộn sóng, tình hình giống như thế, chưa hề động, bèn soi chiếu cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng. Đấy là chân tâm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Tịnh cực quang thông đạt"*, [nghĩa là] tịnh đến tột cùng, chân tâm sẽ hiện tiền, vì chân tâm là bất động, cái có thể động là vọng tâm. Chính vì sự thật có tình hình như vậy, cho nên trọng điểm trong sự giáo học của đức Phật là tu Định.

Nói thật ra, tu Định chính là khôi phục bản tánh. Chỉ cần khôi phục bản tánh, vô lượng trí huệ và đức năng trong bản tánh thảy đều hiện tiền. Nói cách khác, chẳng thể diễn tả những điều này được! Chẳng thể thốt thành lời, đức Phật nói suốt bốn mươi chín năm, những điều đức Phật đã nói đều là nói phương tiện, hy vọng chúng ta sẽ từ phương tiện mà lãnh hội chân thật. Chân thật [chỉ] có thể dùng tâm để hiểu, chẳng thể truyền trao bằng lời lẽ, ngôn ngữ bất lực!

"Thị cố, cử tâm tức thác" (Vì thế, động tâm bèn trật): *"Cử tâm"* (舉心) là vừa mới dấy lên ý niệm suy nghĩ, sai mất rồi! *"Động niệm tức quai"* (Dấy niệm bèn sai): Ý niệm vừa động liền trái nghịch tự tánh, chẳng phải là tự tánh. Chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, khi ấy chính là cảnh giới tự tánh hiện tiền. Hễ động niệm bèn trật, bèn mê; bất động là giác. Nếu chúng ta nắm vững nguyên tắc này, vâng theo nguyên tắc này để tu học, sẽ có hy vọng khai ngộ. Tham Thiền chẳng thể khai ngộ, học Giáo chẳng thể viên giải, gốc bệnh phát xuất từ phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm. Dùng chú sớ của kinh điển để nghiên cứu thì sai bét mất rồi! Hễ nghiên cứu bèn mê. Những thứ ấy chẳng thể nghiên cứu được, đấy là chỗ khác biệt giữa Phật pháp và thế gian pháp. Vì vậy, quyết định chẳng thể dùng phương pháp của thế gian pháp để nghiên cứu Phật pháp, nhất định phải hiểu điều này!

"Trệ cú giả mê" (Vướng vào câu văn bèn mê), *"cú"* (句) [ở đây dùng để chỉ các câu văn trong] kinh điển. Thường nói *"tử tại cú hạ"* (chết ngắc nơi câu văn, ý nói khăng khăng chấp trước văn tự), có ý nghĩa ấy, đương nhiên là chẳng thể khai ngộ. Khai ngộ bèn sống sót nơi câu văn, kẻ đó (kẻ chẳng khai ngộ) chết ngắc nơi câu văn.

"Thừa ngôn giả táng" (Nương theo lời nói bèn bị chôn vùi), nghe giảng mà chấp trước ngôn ngữ thì cũng sai luôn! Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta, thái độ tu học phải là *"ly ngôn thuyết tướng"*, [nghĩa là] đừng chấp trước ngôn ngữ; *"ly danh tự tướng"*, [nghĩa là] đừng chấp trước danh tướng, thuật ngữ; *"ly tâm duyên tướng"*, [nghĩa là] đừng nên phân biệt, tư duy, tưởng tượng. Thái độ này hoàn toàn đúng như Quán Âm Bồ Tát đã dạy trong Tâm Kinh: *"Dĩ thâm Bát Nhã Ba La Mật chiếu kiến"* (Dùng Bát Nhã Ba La Mật sâu xa để soi thấy), đó là đã *"chiếu kiến"*. Vì sao? Tâm địa thanh tịnh, chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Xem kinh giáo bèn dùng phương pháp này, nghe giảng kinh cũng là [dùng] phương pháp này. Tu học hết thảy các pháp môn đều chẳng lìa khỏi phương pháp này. Cho đến trong cuộc sống hằng ngày, mặc áo, ăn cơm, xử sự, đãi người, tiếp vật cũng dùng phương pháp này. Vậy thì chúc mừng quý vị, mức độ thấp nhất là quý vị đã thành Viên Giáo Bồ Tát, đã thành Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải là phàm phu. Ngay cả A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng sánh bằng quý vị. Phải là như vậy thì mới có thể nhập môn Đại Thừa Phật pháp! Nếu là như vậy, quý vị vừa xem bộ Sớ Sao do tổ sư

đã viết bèn hiểu ngay.

Nếu rớt vào tư duy, tưởng tượng, hoặc phân biệt, không chỉ là quý vị chẳng hiểu ý nghĩa của các kinh do đức Phật đã nói, mà đối với các chú giải của tổ sư đại đức, quý vị cũng chẳng tìm được cửa để vào! Bài Kệ Khai Kinh có câu: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*, nghĩa lý chân thật cách biệt chúng ta quá ư là xa! Mấu chốt là ở chỗ đắc pháp hay không, quý vị có thể nắm vững nguyên tắc ấy hay không? Nhưng tổ sư thật sự vô cùng từ bi, lại sợ quý vị thấy mấy câu ấy trong Khởi Tín Luận sẽ hiểu lầm ý nghĩa, [để rồi] đọc kinh cũng chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, giống như một gã đầu gỗ đối với kinh bổn, vậy thì có được hay chăng? Như vậy thì lại chẳng được! Như thế chính là rớt vào vô minh. Khởi tâm động niệm là sai, chẳng khởi tâm động niệm cũng trật, làm thế nào đây? Mấu chốt ở ngay chỗ này!

"Nhiên tắc đương như chi hà?" (Vậy thì hãy nên làm như thế nào?), câu này do Liên Trì đại sư nói. Liên Trì đại sư sợ chúng ta thấy mấy câu ấy sẽ nẩy sanh hiểu lầm, cho nên Ngài nói: *"Túng nhiêu giam khẩu vong cơ"* (Dẫu cho ngậm miệng, dứt bặt suy nghĩ), *"giam khẩu"* (緘口: ngậm chặt miệng) là chẳng nói, dứt bặt ngôn ngữ, chẳng nói nữa. [Kẻ nghe nói như vậy cứ hiểu lầm] *"ly ngôn thuyết tướng"* là chẳng nói gì nữa, [hiểu lầm] *"ly tâm duyên tướng"* là cũng chẳng suy nghĩ. *"Vong cơ"* (忘機) là không nghĩ ngợi, không khởi tâm, chẳng động niệm. *"Y nhiên đọa lạc vô ký"* (Vẫn nghiễm nhiên rớt vào vô ký), rắc rối to! Liên Trì đại sư nói kiểu này; thật ra, kể từ những năm đầu thời Đường, trong khi chú sớ kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư cũng nói như vậy. Lão nhân gia nói theo phương diện Giải và Hành, có ý nghĩa giống hệt như [những gì tổ Liên Trì đang nói] ở đây: *"Có Giải không Hành, tăng trưởng tà kiến. Có Hành không Giải, tăng trưởng vô minh"*. Quý vị hãy chú tâm nghe kỹ cách nói của ngài Thanh Lương, rồi sau đó đối chiếu hai vị Mã Minh Bồ Tát và Liên Trì đại sư một phen, cũng có lẽ có thể thấu hiểu ý nghĩa chân thật.

Nói thật ra, đức Phật chưa từng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có ngôn ngữ để nói với chúng ta lời lẽ nhiều dường ấy, nói suốt bốn mươi chín năm. Đức Phật là *"chẳng nói mà nói, nói mà chẳng nói"*. Những vị đại Bồ Tát và các vị đại đệ tử của đức Phật cũng hết sức cao minh, dưới tòa của đức Thế Tôn, các Ngài *"nghe mà không nghe, không nghe mà nghe"*. Đó là pháp hội, tức các khóa giảng

của chư Phật Như Lai, chẳng giống như chúng ta. Chúng tôi thật sự "có nói", mọi người cũng thật sự "có nghe". Nói cũng nói sai, nghe cũng hiểu lầm! Chúng ta làm chuyện này, cho nên người nói lẫn kẻ nghe đều chẳng khai ngộ. Nói cách khác, chúng ta nói mà cũng chẳng biết nói, nghe mà cũng chẳng biết nghe, mấu chốt ở ngay nơi đây.

Làm thế nào để chẳng rớt vào suy nghĩ tà vạy, mà cũng chẳng rớt vào vô minh? Do vậy, pháp Đại Thừa hiển thị sống động, hoạt bát, chẳng phải là chết lặng! Tịch mà Chiếu thì là hoạt bát, Chiếu mà Tịch bèn thanh tịnh. Tâm là tịch tĩnh, thanh tịnh; Dụng là linh hoạt, đấy là Đại Thừa Phật pháp. Dụng của phàm phu linh hoạt, nhưng tâm không thanh tịnh, chẳng phải là tịch diệt. Tâm của người Tiểu Thừa là tịch tĩnh, nhưng tác dụng chẳng hoạt bát, khô khan, cũng chẳng có lợi ích quá to lớn. Chỉ có Phật và Đại Thừa Bồ Tát thật sự đại tự tại, thật sự đắc đại thọ dụng, mà cũng chẳng rớt vào hai bên tà kiến và vô minh. Chúng ta phải mong tìm được đường ra từ chỗ này. Thật sự là nếu chẳng có cách nào để tìm cầu, hãy thật thà niệm Phật. Nói thật ra, đây là diệu pháp duy nhất. Niệm Phật phải đặc biệt chú ý hai chữ *"thật thà"*. Thật sự là thật thà, chắc chắn sẽ thành công. Chẳng thật thà, niệm suốt một đời cũng uổng công. Đến tột cùng, như thế nào là pháp thật thà, trong phần sau sẽ nói đến.

Đoạn kinh văn dưới đây chính là sáu phương Phật tán thán.

Nhị, tha Phật tán.

二、他佛讚。

(Hai, các vị Phật khác tán thán).

Trong bản dịch của Huyền Trang đại sư là mười phương, bản dịch của La Thập đại sư là sáu phương. Người Hoa chuộng đơn giản, từ xưa tới nay [trong cách hành văn luôn] nhấn mạnh *"giản, yếu, tường, minh"* (đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng). La Thập đại sư khế nhập sâu xa căn cơ của người Hoa, nên người Hoa đặc biệt thích niệm những bộ kinh do Ngài dịch. Xác thực là Ngài đã đạt tới khế cơ, khế lý. Bốn phương, bốn góc, trên, dưới [hợp thành mười phương], tỉnh lược bốn góc, chỉ có bốn phương và trên, dưới, [hợp thành] sáu phương Phật. Trên thực tế, sáu phương bao hàm mười phương. Xin xem kinh văn:

(Kinh) Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng

Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(經)東方亦有阿閦鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恆河沙數諸佛。

*(**Kinh**: Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, Hằng hà sa số chư Phật như vậy).*

Đối với sáu phương Phật, cổ nhân giới thiệu mỗi vị mỗi khác. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư giới thiệu khá cặn kẽ. Trước hết, chúng ta xem phần đoản văn trong Sớ Sao, rồi sau đấy mới lại thảo luận các ý nghĩa biểu thị pháp trong danh hiệu Phật. Phương Đông có bao nhiêu vị Phật? Vô lượng vô biên, *"Hằng hà sa số"* (Nhiều như số cát trong sông Hằng), số lượng chẳng cùng tận. Đối với danh hiệu Phật, chỉ nêu đại lược năm vị, đúng như trong thuở đức Thế Tôn tại thế, đại chúng tham dự pháp hội giảng kinh, thuyết pháp của Ngài rất đông. Các vị đệ tử thường tùy (thường theo hầu) của đức Phật là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, hội nào ắt cũng đến, chưa bao giờ vắng mặt. Ngoài Thường Tùy Chúng, còn có nhiều đại chúng xuất gia và tại gia, thường đến tham gia. Nhưng kết tập kinh, mỗi bộ kinh cũng chỉ kể tên mấy vị như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên; nêu tên những vị ấy nhiều hay ít khác nhau, danh hiệu mấy vị được nêu ra cũng khác nhau. Giống như trong phần đầu kinh Di Đà, nêu đại lược mười sáu vị trong số Thường Tùy Chúng, trong hàng Bồ Tát nêu đại lược bốn vị. Thật ra, số lượng Bồ Tát dự hội còn đông hơn các vị Thường Tùy Chúng. Vì sao không kể tên những vị khác, cứ khăng khăng nêu tên mười sáu vị này? Nhất định là có dụng ý. Nói cách khác, mấy vị ấy có mối quan hệ đặc biệt với pháp hội và pháp môn này! Từ danh hiệu của mấy vị ấy, chúng ta có thể nhận biết tánh chất của pháp hội này, tức là [nhận ra] tánh chất và công năng của kinh điển. Vì các vị đại đệ tử của đức Phật, mỗi vị đều có sở trường chuyên biệt, như ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, biểu thị pháp môn này là trí huệ bậc nhất. Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất, [biểu thị] pháp môn này cũng là thần thông bậc nhất, biểu thị ý nghĩa ấy. Trong Tự phần, các vị Thanh Văn và Bồ Tát được liệt kê đã có ý nghĩa sâu xa như vậy, đức Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu sáu phương Phật, há có lẽ nào những danh hiệu Phật được nêu lên lại có ngoại lệ ư? Trong mười phương, chư Phật nhiều ngần ấy, vì sao nêu tên năm vị này, mà chẳng nêu tên năm vị Phật khác?

Xét theo thông lệ, chúng ta phải liễu giải, danh hiệu của mỗi vị bao hàm ý nghĩa hết sức sâu xa, hiển thị pháp môn và kinh điển chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Dẫn chư Phật tán giả, kiến thử Tịnh Độ pháp môn, nãi thiên Phật, vạn Phật, vô lượng chư Phật, dị khẩu đồng âm chi sở tán thán, đương đế tín vật nghi dã.

(疏)引諸佛讚者，見此淨土法門，乃千佛萬佛，無量諸佛，異口同音之所讚歎，當諦信勿疑也。

*(**Sớ**: Dẫn chư Phật tán thán để thấy pháp môn Tịnh Độ này được ngàn vị Phật, vạn vị Phật, vô lượng chư Phật khác miệng cùng lời tán thán, hãy nên tin chắc, đừng nghi ngờ).*

Mười phương bao gồm ba đời. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, chẳng có một vị Phật nào không tán thán kinh này, các Ngài tán thán theo cách nào? Vì hết thảy chúng sanh thường tuyên giảng bộ kinh này chính là tán thán. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Tịnh Độ Tam Kinh, giới thiệu các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chính là Phật Thích Ca tán thán. Mười phương hết thảy chư Phật cũng giống như Phật Thích Ca, ở trong khu vực giáo hóa của chính mình, đối trước học trò của chính mình, cũng tuyên giảng ba kinh, cũng tán thán Tây Phương Tịnh Độ, khuyên mọi người niệm Phật vãng sanh, *"vô lượng chư Phật, dị khẩu đồng âm"*. Đại sư khuyên lơn, khích lệ chúng ta, *"đương đế tín vật nghi"* (hãy nên tin chắc chắn, đừng nghi ngờ). Phải thật sự tin tưởng, chớ nên nghi hoặc. Nếu quý vị ngờ vực, chẳng tin tưởng kinh này, cơ hội thành Phật trong một đời này đã bị luống uổng, đáng tiếc lắm!

(Sớ) Đường dịch cụ hữu thập phương, kim khuyết tứ ngung giả, văn tỉnh dã.

(疏)唐譯具有十方，今缺四隅者，文省也。

*(**Sớ**: Bản dịch đời Đường chép đủ mười phương. Nay bản này thiếu bốn góc, tức là kinh văn tỉnh lược vậy).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư, [trong bản ấy] đoạn kinh văn này là mười phương Phật. *"Kim khuyết tứ ngung"* (Nay thiếu bốn góc), bản dịch của La Thập đại sư đã tỉnh lược. Bản dịch của

Huyền Trang đại sư là *"trực dịch"*, tức là dịch sát theo nguyên văn, cho nên có mười phương. La Thập đại sư dịch theo ý, chẳng theo sát nguyên văn, tức là phiên dịch những ý nghĩa chánh yếu.

(Sớ) Tiên Đông phương giả, cử phương thường pháp, diệc dĩ Đông biểu trí cố.

(疏)先東方者，舉方常法，亦以東表智故。

*(**Sớ**: Trước hết, nói đến phương Đông là tuân theo cách thức thông thường khi nói về phương hướng, mà cũng là vì phương Đông biểu thị trí huệ).*

Phương vị Đông, Nam, Tây, Bắc cũng đều có ý nghĩa biểu thị pháp.

(Sao) Thập phương giả, Trang sư dịch hữu tứ ngung, tắc thành thập phương. Kim chỉ lục giả, dĩ chánh nhiếp ngung, cố văn tỉnh dã.

(鈔)十方者，奘師譯有四隅，則成十方；今止六者，以正攝隅，故文省也。

*(**Sao**: "Mười phương": Ngài Huyền Trang dịch có bốn góc, nên thành mười phương. Nay [trong bản dịch này] chỉ có sáu phương, tức là trong sáu phương chánh đã bao gồm bốn phương bàng. Vì thế, tỉnh lược kinh văn).*

Giải thích chỗ bất đồng giữa hai bản dịch, một bản kia là mười phương, bản này là sáu phương. Sáu phương cùng mười phương, nội dung như nhau, sáu phương chẳng ít, mười phương cũng chẳng nhiều. Chẳng tăng, chẳng giảm, hiểu là cách thức phiên dịch khác nhau thì là được rồi.

(Sao) Cử phương thường pháp giả.

(鈔)舉方常法者。

*(**Sao**: "Cách thức thông thường khi nói về phương hướng").*

"Thường pháp" là thói quen. Người Hoa quen thói nói Đông, Nam, Tây, Bắc, chẳng nói Nam, Bắc, Tây, Đông, người Ấn Độ cũng nói như thế. Đấy là một thói quen.

(Sao) Kinh trung phàm cử thập phương, mỗi tiên Đông vi thủ.

(鈔)經中凡舉十方，每先東為首。

*(**Sao**: Trong kinh, hễ nói đến mười phương, thường nhắc đến phương Đông trước hết).*

Theo thói quen, xếp phương Đông lên đầu.

(Sao) Đông giả, ư thời vi Xuân, vạn vật sanh trưởng, hữu trí huệ nghĩa. Dĩ trí giả, vạn pháp chi tiên đạo.

(鈔)東者，於時為春，萬物生長，有智慧義。以智者，萬法之先導。

*(**Sao**: Phương Đông xét theo thời tiết sẽ là mùa Xuân, vạn vật sanh trưởng. Lại có ý nghĩa là trí huệ, vì Trí dẫn đường cho vạn pháp).*

"Ư thời" (於時) nghĩa là phối hợp với bốn mùa, phương Đông tương ứng với mùa Xuân. Mùa Xuân vạn vật sanh trưởng, có ý nghĩa trí huệ, biểu thị ý nghĩa này. Phật pháp coi trọng trí huệ, Phật pháp mong cầu trí huệ rốt ráo viên mãn; vì thế, Trí dẫn dắt vạn pháp. Bất luận tông phái hay pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, hay vô lượng pháp môn, mục tiêu chỉ có một, hoàn toàn là cầu trí huệ, chỉ là phương pháp và đường lối chẳng giống nhau mà thôi. Khai trí huệ, mục tiêu tu học của quý vị đã đạt được. Nói cách khác, phương pháp của quý vị nhất định là rất chánh xác, đã đạt tới mục tiêu. Nếu chẳng khai trí huệ, chẳng phải là bản thân pháp môn sai lầm, mà là do quý vị dụng công chẳng đúng pháp, hoặc là không khế cơ, cho nên quý vị chẳng thể khai ngộ. Vì thế, trong việc tu học, chọn lựa pháp môn là một khóa đề trọng yếu nhất.

Thuở đức Phật tại thế, quý vị chỉ cần gặp đức Thế Tôn, vấn đề ấy đã giải quyết xong. Đức Thế Tôn biết quan sát căn cơ, Ngài có thể thấy quá khứ của quý vị, quá khứ còn có đời quá khứ, từ vô lượng kiếp trong quá khứ cho đến nay, quý vị đời đời kiếp kiếp đã tu gì? Thấy quý vị căn tánh đã chín muồi, đức Phật bèn giới thiệu một pháp môn cho quý vị, hết sức khế cơ. Rất dễ dàng, mau thì vài ngày, chậm thì mấy tháng bèn thành công. Đó gọi là *"ứng cơ thí giáo"* (thuận theo căn cơ mà ban bố giáo pháp), khế cơ mà! Giống như đối với kẻ ngã bệnh, do thấy nguyên nhân gây bệnh rất chuẩn xác, khi cho thuốc thì uống thuốc vào, bệnh bèn trừ, mau chóng!

Đức Phật chẳng còn tại thế, hãy còn có các đệ tử Phật. Những vị đệ tử ấy cũng khá cao minh, nhưng xét căn cơ để chọn lựa pháp môn thì kém đức Phật một bậc, nhưng hãy còn có hiệu quả, có thể chậm hơn một chút. Gặp đức Phật thì vài ngày, vài tháng bèn thành tựu. Gặp đệ tử đức Phật, có thể phải vài năm hoặc hai mươi, ba mươi năm mới có thể thành tựu, đó là trong quá khứ. [Phật pháp có ba thời kỳ là] Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, hiện thời là thời Mạt Pháp, lại còn đã qua một ngàn năm, những đệ tử Phật trong hiện thời kém xa thời Tượng Pháp và Chánh Pháp. Xác thực là chư vị phải hiểu sự thật này, mỗi đời một kém hơn, thật đấy! Chúng ta thấy các vị Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư cách chúng ta năm trăm năm; nay chúng ta kém xa các Ngài! Ngẫu Ích đại sư viết bộ Yếu Giải trong chín ngày, nay chúng ta tốn thời gian suốt chín mươi ngày vẫn chẳng liễu giải ý nghĩa trong tác phẩm ấy, làm sao có thể so sánh được! Gần hơn một chút, chúng ta mở bộ Văn Sao của lão pháp sư Ấn Quang, so ra, vẫn thua kém Ngài một khoảng lớn.

Chúng ta phước quá mỏng, chẳng gặp thiện tri thức thật sự. Nếu chúng ta mong tu học thành tựu, đúng là hết sức gian nan. Trong các buổi giảng, tôi thường khuyên lơn, khích lệ đại chúng tìm vị nào làm thầy? Tìm Liên Trì đại sư, tôn Ngài làm thầy, tức là dùng Sớ Sao làm thầy. Hoặc tìm Ngẫu Ích làm thầy, tức là nương theo Yếu Giải để tu học. Chuyên công dốc sức nơi kinh A Di Đà thì hai bản chú giải ấy đủ rồi. Ngẫu Ích đại sư là tư thục đệ tử của ngài Liên Trì; nay chúng ta cũng là tư thục đệ tử của các vị Liên Trì và Ngẫu Ích, học theo các Ngài. Chư vị phải hiểu, đối với pháp thế gian và xuất thế gian, ngoại trừ bậc thiên tài, người thuộc căn tánh trung hạ mà mong thành tựu, nhất định là phải thâm nhập một môn, nhất định là phải theo một vị thầy. Hễ có sư thừa bèn có thể thành tựu. Học quá nhiều, học quá tạp, chẳng thể thành tựu!

(Sao) Cố thủ cử Đông phương, tức Xá Lợi Văn Thù thủ chúng ý dã.

(鈔)故首舉東方，即舍利文殊首眾意也。

*(**Sao**: Vì thế, trước hết nói đến phương Đông là cũng có cùng ý nghĩa như xếp các vị Xá Lợi và Văn Thù đứng đầu đại chúng).*

Giống như vừa mở đầu kinh, nêu tên bậc thượng thủ của đại chúng, trong chúng Thanh Văn xếp ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, trong hàng Bồ Tát kể tên Văn Thù Sư Lợi trí huệ bậc nhất, nêu rõ điều

chúng ta mong cầu chính là trí huệ, điều chúng ta tu tập cũng là trí huệ.

(Sớ) Cử lục phương giả, Thích Ca xử trung cố.

(Sao) Ký ngôn thượng hạ tứ phương, trung ương hà độc bất cử? Cái Thích Ca xử Sa Bà thế giới, dĩ bổn sở cư vi trung, tiền chi, hậu chi, tả chi, hữu chi, ngưỡng chi, phủ chi, thành lục phương dã.

(疏)舉六方者，釋迦處中故。

(鈔)既言上下四方，中央何獨不舉？蓋釋迦處娑婆世界，以本所居為中，前之後之，左之右之，仰之俯之，成六方也。

*(**Sớ**: Nêu lên sáu phương, vì Phật Thích Ca ở trung ương.*

***Sao**: Đã nói trên, dưới và bốn phương, cớ sao chỉ riêng chẳng nói tới chính giữa? Ấy là vì Phật Thích Ca ngự trong thế giới Sa Bà, chính Ngài đã ở giữa. Trước, sau, phải, trái, ngửa lên, cúi xuống thành sáu phương).*

"Trung" chẳng có vị trí cố định, lấy chính mình làm chính giữa. Chúng ta ở Đài Bắc là chính giữa, phía Bắc của Đài Bắc là Cơ Long, phía Nam là Tân Trúc. Nếu chúng ta đến Đài Trung, Đài Trung là trung. Chúng ta [ở Đài Bắc] coi Tân Trúc là Nam, nhưng ở Đài Trung thì Tân Trúc được gọi là Bắc. Vì vậy, bốn phương, bốn góc, trên, dưới phải tùy thuộc đang ở đâu mà nói. Đức Phật thuyết pháp trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là trung, chẳng phải là nói tới quả địa cầu này! Thuở đức Phật giảng kinh tại Ấn Độ, Ngài cũng chẳng hề nói Ấn Độ là trung, mà cũng chẳng nói địa cầu là trung. Do đó, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở phía Tây của thế giới Sa Bà, chẳng phải là phía Tây của địa cầu. Dưới đây, giới thiệu đức hiệu của năm vị Phật.

(Sớ) A Súc Bệ giả, thử vân Bất Động. Pháp Thân bất động cố. Nhất vân, bất vị nhị biên chi sở động cố.

(疏)阿閦鞞者，此云不動。法身不動故，一云，不為二邊之所動故。

*(**Sớ**: A Súc Bệ cõi này dịch là Bất Động, vì Pháp Thân bất động, có thuyết nói là vì chẳng bị lay động bởi hai bên).*

A Súc Bệ Phật (Akṣōbhya): A dịch là Vô, cũng dịch là Bất. Súc

Bệ dịch là Động, [A Súc Bệ] có nghĩa là Vô Động hoặc Bất Động.

(Sao) Pháp Thân giả, bất sanh, bất diệt, vô khứ, vô lai.
(鈔)法身者，不生不滅，無去無來。
*(**Sao**: Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi).*

"Pháp Thân": Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là Pháp Thân Phật. Danh hiệu ấy (Vairōcana) là phiên âm tiếng Phạn, có nghĩa là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Triết học hiện đại gọi điều này là *"bản thể"*, tức bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Phật pháp gọi nó là Pháp Thân (Dharmakāya), còn danh từ triết học gọi là bản thể. Tất cả hết thảy các pháp trong vũ trụ đều sanh từ Pháp Thân. Pháp Thân có thể sanh ra vạn pháp, bản thân nó chẳng có sanh diệt, bản thân nó là bất sanh, bất diệt. Trọn khắp hết thảy mọi nơi, há có đến, đi? Giống như hư không, hư không trọn khắp hết thảy mọi nơi, có bao giờ [quý vị] thấy hư không có đến hay đi? Hư không chẳng có đến hay đi.

Chư vị phải biết: Nói Pháp Thân cũng thế, mà nói bản thể cũng vậy, nó chính là chân tâm bản tánh của chính chúng ta. Chân tâm bất sanh, bất diệt, chân tâm chẳng có đến, đi. Hư không pháp giới, hết thảy vạn vật đều do chân tâm biến hiện. Chân tâm là có thể biến (năng biến), vạn pháp là cái được biến (sở biến). Vô lượng vô biên thế giới của chư Phật, kể cả Tây Phương Cực Lạc thế giới lẫn A Di Đà Phật, đều do tự tánh biến. Vì sao tự tánh có thể biến? Quý vị đêm nằm ngủ có nằm mộng hay không? Giấc mộng ấy chẳng phải là do chính quý vị biến ra ư? Tâm có thể biến thành mộng cảnh, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là một giấc mộng lớn, do chân tánh của chúng ta biến ra mộng cảnh. Vì thế, trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Cảnh giới này *"chẳng phải có, chẳng phải không"*, chẳng thể nói nó không có, vì mộng cảnh thật sự tồn tại. Quý vị cũng chẳng thể nói nó là thật sự có. Vì sao? Tỉnh giấc bèn chẳng có. Đức Phật dạy: Hễ mê thì có, khi mê *"trong mộng rành rành phô sáu nẻo"*, có tam thiên đại thiên thế giới, có lục đạo luân hồi. *"Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang"*, sau khi đã giác bèn chẳng có, giống như nằm mộng, tỉnh giấc bèn chẳng có.

Đại thiên thế giới do đâu mà có? Tự tánh mê bèn hiện cảnh giới ấy. Nếu giác ngộ tự tánh, cảnh giới ấy chẳng có. Vì thế, chẳng thể nói cảnh

giới này là có, cũng chẳng thể nói là nó không có. Chẳng phải có, chẳng phải không, đấy là nói chân tướng với quý vị, giống như nằm mộng: Chẳng thể nói cảnh giới trong mộng là có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Quý vị nói "chẳng có", xác thực là có cảnh giới hiện tiền. Tỉnh giấc vẫn nhớ rất rõ ràng. Quý vị nói "có" thì sau khi tỉnh giấc, rốt cuộc là vẫn tìm chẳng thấy! Hoàn cảnh trên thực tế xác thực là mộng cảnh. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải quán như thế này: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*.

Quý vị có cách nhìn như vậy thì cũng rất tự tại. Vì sao? Trong hết thảy các pháp, chẳng có được, mất. Tất cả hết thảy phiền não sanh từ đâu? Sanh từ trong được, mất. Quý vị hiểu đó là mộng, rỗng tuếch. Có thì cũng rất tốt, mà Không Có thì cũng rất tốt, sung sướng lắm, hạnh phúc lắm! Vì thế, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não thảy đều chẳng có. Do vậy có thể biết: Những chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, phiền não, nói thật ra, chẳng có mảy may ý nghĩa gì, đều chẳng phải là chân thật. Giống như quý vị nằm mộng, trong mộng sanh ra phiền não, trong mộng có chấp trước, hoàn toàn sai lầm, chẳng có một pháp nào là chân thật. Đây là nói tâm tánh có thể biến, bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi.

(Sao) Diệu Giác địa vô sở tăng.
(鈔)妙覺地無所增。
*(**Sao**: Nơi địa vị Diệu Giác chẳng tăng).*

Diệu Giác là thành Phật. Đã thành Phật, tâm tánh có phải là rạng rỡ thêm chút nào hay không? Chẳng có! Vẫn là dáng vẻ như cũ, tuyệt đối chẳng tăng thêm tí ti nào!

(Sao) Vô minh địa vô sở giảm.
(鈔)無明地無所減。
*(**Sao**: Nơi địa vị vô minh chẳng giảm).*

"Vô minh địa" là đọa lạc trong địa ngục A Tỳ, trong tâm tánh của quý vị có thiếu khuyết tí xíu nào hay không? Chẳng có. Giống y như chúng ta nằm mộng, gặp một giấc mộng đẹp, mộng thấy đức Phật giảng kinh, tham gia pháp hội của đức Phật. Đức Phật xoa đỉnh đầu chúng ta

thọ ký, hay lắm! Tâm tánh của chúng ta có tăng thêm chút nào hay không? Chẳng có! Lại gặp một cơn ác mộng, mộng thấy rớt vào vạc dầu, lên núi đao trong địa ngục. Vào địa ngục chịu các tội khổ. Khi tỉnh giấc, tâm tánh của chúng ta có giảm thiểu tí ti nào chăng? Chẳng có! Chẳng tăng, chẳng giảm, xác thực là như vậy. Thành Phật cũng không tăng thêm một tí nào, vào địa ngục cũng chẳng giảm bớt tí nào. Đó là chân tánh, đấy mới là thật. Nếu có tăng, giảm, có đến, đi, có sanh, diệt, đấy đều chẳng phải là thật. Tâm tánh còn gọi là Chân Như, Chân (真) là chẳng giả, Như (如) là vĩnh viễn bất biến. Vĩnh viễn là tình trạng như vậy; đó là Chân Như. Chân Như chính là bản thể của hết thảy vạn pháp.

(Sao) Trạm tịch, thường trụ, như như bất động cố.
(鈔)湛然常住，如如不動故。
*(**Sao**: Vì lặng trong, thường trụ, như như bất động).*

"Trạm" (湛) là tỷ dụ. Giống như nước rất sạch, chẳng nhiễm mảy trần. Rất tĩnh lặng, chẳng có sóng gió. Nước phẳng lặng, thanh tịnh, nhìn thấu suốt từ mặt nước đến tận đáy, rành rẽ, rõ ràng, nên gọi là *"trạm nhiên"* (湛然). Tỷ dụ cái tâm vốn thanh tịnh như thế. Chúng ta đã mê, hoặc là nói tâm thủy của chúng ta đã động, đã động thì chẳng thật. Chân tâm trước nay chưa hề động, trước nay chưa hề nhiễm. Hiện thời cũng chẳng nhiễm. Dẫu đọa trong tam đồ hoặc đọa địa ngục, vẫn chẳng nhiễm. Rốt cuộc những điều ấy là chuyện như thế nào? Đức Phật bảo: Đó là chuyện thuộc về vọng tâm, chẳng phải là chuyện thuộc về chân tâm. Do đã mê nên mới có chuyện này, hễ giác thì căn bản là chẳng có những chuyện này. Lời này cũng khiến cho chúng ta hết sức khó hiểu. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu một tỷ dụ rất thú vị. Tỷ dụ ấy khiến cho chúng ta thấu hiểu vọng cảnh vì sao là hư vọng. Đức Phật nêu một thí dụ: Ví như mắt chúng ta bị bệnh, bèn nhìn thấy quanh đèn có một quầng sáng. Quầng sáng ấy là vọng cảnh. Hễ mê bèn có huyễn tướng; đã ngộ bèn chẳng có, nơi đèn quyết định chẳng có quầng sáng. Người mê trông thấy lục đạo luân hồi, tam thiên đại thiên thế giới, chứ người ngộ bèn chẳng có.

Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói: Chư Phật, Bồ Tát đặc biệt chiếu cố hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên. Vì sao? Từ Bát Địa trở lên, tới cuối cùng các Ngài sẽ đoạn sanh tướng vô minh. Hễ đoạn được sanh tướng vô minh bèn siêu việt, đại thiên thế giới chẳng có nữa, các Ngài bèn ra đi,

cũng chẳng độ chúng sanh. Đối với những vị đại Bồ Tát ấy, chư Phật Như Lai hằng ngày ở cùng chỗ với họ, thường khuyên dạy, hướng dẫn họ, mong mỏi điều gì? Họ có năng lực phá một phẩm vô minh ấy, nhưng chẳng phá. Đó là đại từ đại bi, *"lưu Hoặc nhuận sanh"* (留惑潤生: giữ lại phiền não hòng lợi lạc chúng sanh). Chẳng phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng ấy, vẫn lưu lại trong chốn mê mộng để độ chúng sanh trong mộng. Vì đã phá một phẩm vô minh ấy, giống như tỉnh giấc mơ, mộng cảnh hoàn toàn chẳng có. Nằm mơ mà có lúc biết chính mình đang nằm mơ, nằm mơ mà chẳng cần tỉnh giấc, ở trong mộng để độ chúng sanh trong mộng. Chuyện là như vậy đó, điều này được gọi là "đại từ, đại bi". Vị ấy vừa tỉnh giấc, bèn chẳng có nữa, hoàn toàn thoát ly những huyễn cảnh trong mộng. Vị ấy có năng lực ra đi hay không? Có năng lực! Có năng lực, nhưng chẳng thoát ly, vào trong mười pháp giới để độ chúng sanh. Đó là *"đại từ đại bi, lưu Hoặc nhuận sanh"*, tức là chừa lại một phẩm sanh tướng vô minh, đoạn sạch tất cả hết thảy phiền não, nhưng một phẩm ấy chẳng đoạn. Phẩm ấy được gọi là Sanh Tướng, hiện tướng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Các nhà khoa học và triết gia hiện thời đều đang tìm tòi vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Đức Phật đã nói rõ ràng từ lâu, do sanh tướng vô minh biến hiện! Hễ có thứ ấy (sanh tướng vô minh), [vạn vật và vũ trụ] bèn biến hiện. Chẳng có thứ ấy, muôn vàn hình tượng trong thế gian này sẽ chẳng có, giác rồi ba cõi trống toang hoang!

(Sao) Nhị biên giả, hữu vô dã. Hữu bất năng sử chi trước tướng, vô bất năng sử chi lạc không. Bất đoạn, bất thường, nhị bất động cố.

(鈔)二邊者，有無也，有不能使之著相，無不能使之落空。不斷不常，二不動故。

*(**Sao**: "Hai bên" là Có và Không. Đối với Có, nó không thể khiến cho ta chấp tướng Có. Đối với Không, nó chẳng thể khiến cho ta rớt vào cái Không. Chẳng đoạn, chẳng thường, đối với hai bên đều bất động).*

Các nhà khoa học gọi Nhị Biên là *"tương đối"*. Có và Không là một cặp [đối lập]. Dựa theo đó để suy rộng ra, động tĩnh là một cặp, lớn nhỏ là một cặp, dài ngắn là một cặp. Nói chung, những gì quý vị có thể tưởng tượng, có thể nói ra được, đều là tương đối. Lìa khỏi tương đối, ngôn ngữ dứt bặt, chẳng thể thốt nên lời! Bất động là vượt ngoài tương đối, vượt thoát hai bên. *"Hữu bất năng sử chi trước tướng, vô bất năng*

sử chi lạc không" (Đối với Có, nó không thể khiến cho ta chấp tướng Có. Đối với Không, nó chẳng thể khiến cho ta rớt vào cái Không). Vượt trỗi hai bên, chẳng phải Không, chẳng phải Có. *"Đoạn thường"* cũng là tương đối.

(Diễn) Hữu, vô, đoạn, thường, giai thị vọng tâm kế độ.

(演)有無斷常，皆是妄心計度。

*(**Diễn**: Có, không, đoạn, thường, đều là vọng tâm so đo).*

"Kế" là kế giảo (計較: so sánh), là phân biệt; *"độ"* là độ lượng (度量: đo lường), tức là chấp trước. *"Kế độ"* là phân biệt, chấp trước.

(Diễn) Nhược ly vọng tâm, tự vô nhất thiết pháp sai biệt chi tướng dã.

(演)若離妄心，自無一切法差別之相也。

*(**Diễn**: Nếu lìa vọng tâm, sẽ chẳng có tướng sai biệt của hết thảy các pháp).*

Có thể thấy toàn bộ đều là do vọng tâm quấy phá. Vọng tâm sanh ra khá nhiều quan niệm sai lầm, cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm. Tư tưởng và kiến giải sai lầm thì ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta cũng lầm lạc theo, quả báo về sau là khổ chẳng thể nói nổi! Hoặc Nghiệp Khổ: Mê hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, vĩnh viễn chẳng ngơi, đó là tướng luân hồi, là cái nhân của sự luân hồi. Do vậy mà có luân hồi! Chúng ta biết đạo lý này; sau đấy, quý vị mới thấu hiểu luân hồi đáng sợ. Tướng luân hồi là ngày càng đi xuống, chẳng thể tiến lên, giống như nước xoáy, càng ngày càng chìm xuống dưới, mỗi đời một kém hơn đời trước. Vì sao? Quý vị tích lũy nghiệp, nhất định là ác nghiệp nhiều, thiện nghiệp ít, đời đời kiếp kiếp tạo tác ác nghiệp nhiều, quả báo trong đời sau, kiếp sau của quý vị nhất định chẳng bằng hiện thời. Đến đời sau lại tạo ác nghiệp, đời kế tiếp lại kém hơn. Do vậy, mỗi đời một khổ hơn, mỗi đời một trầm luân hơn, đáng sợ quá! Rất khó tiến lên một tầng cao hơn.

Tình hình trên thực tế là ngày càng tệ hơn, bản thân chúng ta mỗi đời một tệ hơn đời trước. Đó là chân tướng, đấy mới là đáng sợ. Có mấy ai có thể giống như Phật pháp đã nói: Thật sự đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, suốt một đời thật sự thực hiện [những điều ấy], quả báo trong đời sau sẽ tăng cao hơn đời này, đúng là đã ít lại càng ít hơn. Đại đa số,

đừng nói là người thế gian, ngay cả người học Phật cũng chẳng được, đều chẳng thể nâng cao cảnh giới của chính mình, huống hồ những kẻ chẳng học Phật, những kẻ mê muội!

Hiểu rõ trạng huống sự thật này, mới biết tầm trọng yếu của việc cầu sanh Tịnh Độ. Vì chúng ta trong một đời này, trừ pháp môn này ra, có thể nói là bất cứ pháp môn nào, tuy xét theo Lý chẳng có sai biệt, nhưng trên sự thật, nếu chúng ta tu học [những pháp môn ấy] thì có thể nói là đều chẳng thể thành tựu! Nguyên nhân ở chỗ nào? Phải đoạn phiền não. Phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, quý vị sanh lên Sắc Giới Thiên, hoặc sanh trong Vô Sắc Giới Thiên đều vô dụng. Chỉ là thọ mạng dài lâu một chút; khi thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa lạc, vẫn phải luân hồi! Nói cách khác, thoát tam giới là hạn mực thấp nhất. Quý vị chẳng thể vượt thoát, phiền phức sẽ to lớn. Nhưng nếu muốn vượt thoát, há có phải là dễ dàng ư?

Chẳng cần nói tới vượt thoát luân hồi, vượt thoát Dục Giới đã chẳng dễ dàng! Dục Giới gồm sáu tầng trời. Vượt khỏi Dục Giới bèn đến Sơ Thiền, Tứ Thiền có mười tám tầng trời. Đến tầng trời thứ nhất [của Sắc Giới] là Sơ Thiền, quý vị hãy xem [chính mình] có bản lãnh vượt thoát hay chăng? Trời và người trong Dục Giới có ngũ dục, tức là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, có những dục vọng ấy, có ý niệm ấy, quý vị có năng lực đoạn trừ ngũ dục tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê hay không? Chẳng có ý niệm ấy! Đừng nói là không có những sự ấy, [nếu] ngay cả ý niệm ấy cũng chẳng có thì được, quý vị có thể đạt đến Sơ Thiền Thiên, có thể vượt thoát Dục Giới. Nếu còn có ý niệm ấy, còn khởi tâm động niệm, quý vị vẫn thuộc vào Dục Giới, chẳng thể nào vượt thoát Dục Giới. Quý vị bèn biết chuyện này khó lắm! Nhất định phải biết là thật sự khó thì mới có thể khăng khăng một mực niệm Phật, mới biết pháp môn này dễ dàng, là đạo dễ hành!

Chỉ có pháp môn này đáng tin cậy. Chỉ có pháp môn này thì mới có thể cứu giúp; ngoài pháp môn này ra, chẳng có cách nào cứu được! Như vậy thì mới hoảng nhiên đại ngộ: Vì sao mười phương hết thảy chư Phật Như Lai rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Chính vì các pháp môn khác quá khó! Quý vị hãy xem đức Phật giảng bất cứ bộ kinh nào, giảng bất cứ pháp môn nào khác, có mười phương chư Phật đến tán thán hay chăng? Trong hết thảy các kinh, chúng ta thấy: Mười phương chư Phật tán thán, chỉ có hai bộ kinh là

kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Đấy là lòng từ bi và nguyện vọng chân thật của đức Phật, mong mỏi bọn chúng sanh khổ nạn chúng ta sẽ mau chóng thành Phật. Dưới đây, đại sư lập ra một đoạn vấn đáp.

(Sao) Vấn: Đông thuộc Xuân sanh, ư quái vi Chấn. Chấn giả, động dã, vân hà Phật hiệu Bất Động?

(鈔)問：東屬春生，於卦為震。震者，動也。云何佛號不動？

*(**Sao**: Hỏi: Phương Đông thuộc về mùa Xuân, là sanh trưởng. Xét theo Bát Quái, [phương Đông] thuộc quẻ Chấn. [Theo kinh Dịch], "quẻ Chấn là động", cớ sao Phật hiệu là Bất Động?)*

Phương Đông, trong bốn mùa ứng với mùa Xuân; trong Bát Quái, tương ứng với quẻ Chấn. Chấn là tướng động.

(Sao) Đáp: Dĩ thị tức động, tức tĩnh, ứng vạn biến nhi thường tịch, cố vân Bất Động. Hoa Nghiêm dĩ Đông phương vi Bất Động Trí, chánh thử ý dã.

(鈔)答：以是即動即靜，應萬變而常寂，故云不動。華嚴以東方為不動智，正此意也。

*(**Sao**: Đáp: Bởi lẽ, động chính là tĩnh, tĩnh chính là động, tương ứng với muôn vàn biến hóa mà thường tịch, nên nói là Bất Động. Kinh Hoa Nghiêm coi phương Đông là Bất Động Trí chính là vì ý này).*

Ý nghĩa hết sức sâu xa, hết sức viên mãn, nói rõ chuyện *"động tĩnh như một"* thường được nói trong Phật pháp. Phàm phu chúng ta có phân biệt, chấp trước, đó là phiền não tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay, chẳng hiểu rõ chân tướng. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, rốt cuộc là động hay bất động? Là động. Đức Phật lại còn đi khắp nơi giảng kinh, thuyết pháp. Chúng ta đọc Phật Bổn Hạnh Kinh[18], hoặc xem Thích Ca Phương Chí[19] sẽ biết Thích Ca

[18] Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Bổn Hạnh Kinh, còn gọi là Phật Sở Hạnh Tán do ngài Mã Minh biên soạn, được Đàm Vô Sấm dịch sang tiếng Hán dưới thời Bắc Lương, gồm năm quyển. Tác phẩm này dùng thể loại thi ca nhằm tuyên dương những hạnh tích trong cuộc đời đức Phật nhằm hiển dương giáo nghĩa Đại Thừa.

Mâu Ni Phật dạo khắp toàn cõi Ấn Độ. Từ phía Bắc, nay là Ni Bạc Nhĩ (Nepal), Ngài xuất sanh ở nơi ấy, cho đến Tích Lan (Ceylon), hiện thời là Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka)[20], là cực Nam của Ấn Độ, đi khắp lưu vực sông Hằng. Ngài đi khắp nơi, đến khắp nơi để giảng kinh, thuyết pháp, Ngài động! Thân động, miệng động, tâm bất động. Trong tâm chưa hề khởi tâm động niệm, trước nay chưa hề có phân biệt, chấp trước, trong động mà có bất động, trong bất động có động; vì vậy, Ngài vẫn bất động. Vì thế, Phật pháp dùng tiêu chí (logo) ấy, [tức là] dùng Pháp Luân (Ḍharmacakra) để biểu thị pháp. Pháp Luân là tròn, vành tròn là động, biểu thị sự phổ độ chúng sanh, giống như kinh Đại Thừa thường nói: Đáng nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy, tùy thuận cái tâm của chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ. Tâm ấy vĩnh viễn bất động, tâm vòng tròn bất động, vòng tròn là động. Vành tròn là có, tâm vòng tròn là không. Do vậy, vòng tròn biểu thị "Không và Có chẳng hai, động và tĩnh như nhau".

Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa ấy. *"Tức động, tức tĩnh"*, động và tĩnh đồng thời. Chúng ta học Phật phải nắm được nguyên tắc này: Trong cuộc sống hằng ngày, tâm phải thanh tịnh, tâm phải rỗng rang, trong tâm chớ nên có chút gì! Lục Tổ đại sư đã nói rất hay: *"Vốn chẳng có một vật"*. Tâm chúng ta chẳng rỗng rang, tâm bèn hỏng. Tâm vốn là rỗng rang, trong tâm quý vị nhồi nhét đầy nghẹt, những điều vướng mắc trong dạ quá nhiều, quá tạp, tâm bèn hỏng bét. Tâm đã hỏng, làm sao thân có thể tốt đẹp cho được? Vì thế, thân cũng có rất nhiều bệnh tật, đau đớn. Truy tìm cội nguồn thì chính là vì trong tâm quý vị có thứ này, thứ nọ.

Người tu hành, người đắc đạo, đắc đạo gì vậy? Nói thật ra, thứ gì cũng chẳng đạt được, đó mới là đắc đạo. Người đắc đạo thứ gì cũng đều

---

[19] Thích Ca Phương Chí là một loại sách gần như tiểu sử của Thích Ca Mâu Ni Phật, do ngài Đạo Tuyên luật sư soạn vào đời Đường, ghi rõ những sự kiện trong cuộc đời đức Phật.

[20] Ceylon là tên gọi áp đặt của người phương Tây đối với xứ này. Thời cổ, dân bản xứ gọi đảo quốc này là İlankai, Laṃkā hoặc Lankapura, hoặc Sinhala (theo tên gọi của một vương triều cổ trên đảo này). Người Bồ Đào Nha đã gọi xứ này là Ceilão, khi viết theo âm đọc trong tiếng Anh bèn trở thành Ceylon (một số nhà nghiên cứu cho rằng chữ Ceylon bắt nguồn từ chữ Eelam trong tiếng Tamil. Từ chữ này sinh ra các biến thể như Eezham, Cilam, Chilam, Cheralam, I'la, E'lu, Seeha'la, rồi thành Cerantivu trong cổ ngữ Malayalam). Quốc gia này phải mang tên gọi là Ceylon cho mãi đến năm 1972 mới chính thức đổi tên theo tiếng địa phương là Sri Lanka (Śrī Laṃkāva, đảo cát tường, đảo thánh thiện).

chẳng đạt được; trong kinh, đức Phật đã nói rất minh bạch. Đức Phật hình dung một người thành Phật, thành Phật là đạt được gì? *"Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ chẳng có gì để đạt được). Chẳng đạt được gì, người ấy bèn viên mãn Bồ Đề. Hễ có gì để đạt được, Bồ Đề chẳng viên mãn. Khi nào ta chẳng có gì để đạt được, quý vị cũng sẽ viên mãn. Tâm phải rỗng rang, quyết định là chớ nên có vướng mắc. Thân phải động, thân là một cỗ máy, hễ bất động bèn rỉ sét, hễ bất động bèn hỏng. Thân phải động, tâm phải tĩnh, đó là đạo để khỏe mạnh, trường thọ. [Đó là điều] người hiện thời thích nghe nhất. Người hiện thời bảo chuyện này là hiện thực. Thật ra, hiện thời có mấy kẻ hiểu điều hiện thực này? Điều hiện thực thật sự là gì? Chính là như kinh đã nói: *"Bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, không tăng, không giảm"*. Đó là hiện thực, mọi người đã sơ sót chuyện này. Đức Phật rát miệng buốt lòng nhắc nhở chúng ta, chúng ta vẫn coi rẻ chuyện ấy, chỉ lo dấy vọng tưởng mong cầu thân thể khỏe mạnh, trường thọ, có thể làm được hay không? Chẳng làm được! Họ đã dụng tâm sai lầm! Dụng tâm đúng, vấn đề bèn được giải quyết. Dụng tâm sai, dấy vọng tưởng, vô dụng!

"Ứng vạn biến nhi thường tịch" (Tương ứng với muôn vàn biến hóa mà thường tịch): Chư Phật, Bồ Tát đã nêu gương rất tốt đẹp cho chúng ta. Nói thật ra, cũng chỉ có thường tịch thì mới có thể ứng vạn biến. Nay chúng ta chẳng có năng lực ấy. Vì sao? Tâm chúng ta thường động, chẳng phải là thường tịch. Thường động là vọng tưởng, vọng niệm. Ý niệm sanh diệt do vọng tâm làm chủ, vọng tâm đang quấy phá. Do đó, chúng ta chẳng thể ứng phó xã hội biến hóa vô cùng trong hiện tiền. Xã hội biến đổi, lòng người biến đổi; hiện thời, làm người thật khổ! Phương pháp duy nhất là cầu sanh Tịnh Độ, có thể làm được hay không? Quyết định là có thể làm được! Tiếp đó, đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm, *"dĩ Đông phương vi Bất Động Trí"* (coi phương Đông là Bất Động Trí), có ý nghĩa biểu thị pháp giống như A Súc Bệ Phật trong kinh Di Đà. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 260

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi:

(Sớ) Tu Di Tướng giả, Phật tướng vô tận, như Tu Di cố.

(疏)須彌相者，佛相無盡，如須彌故。

*(**Sớ**: Tu Di Tướng: Phật tướng vô tận, như núi Tu Di).*

Vị Phật thứ hai trong phương Đông có Phật hiệu là Tu Di Tướng (Mērudhvaja); ba Phật hiệu kế tiếp đều có chữ Tu Di (Śumēru), dụng ý biểu thị pháp hết sức rõ rệt. *"Phật tướng vô tận"*: Không chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Kinh điển gọi [thân tướng có] ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo là Liệt Ứng Thân (劣應身: Ứng thân tương ứng với căn cơ kém cỏi), đó là thân thị hiện trong thế giới Sa Bà. Đây đều là thuận theo cái tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng nhận biết của họ. Vì Phật chẳng có tướng, cho nên mới có thể hiện vô tận tướng. Chúng sanh chấp trước tướng của chính mình, nhận thức, chấp chặt cái tướng ấy; do vậy, chẳng thể biến hiện tướng thứ hai. Sai biệt ở chỗ này! Kinh Đại Thừa nói về Báo Thân Phật: *"Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo"*. Như kinh Hoa Nghiêm tán thán Tỳ Lô Giá Na Phật, kinh Tịnh Độ ca ngợi A Di Đà Phật, đều là vô lượng tướng hảo. Ở đây, Tu Di là tỷ dụ, dưới đây là lời chú giải.

(Sao) Tu Di, thử vân Diệu Cao. Chúng bảo sở thành viết Diệu, huýnh xuất quần sơn viết Cao. Phật chi tướng hảo, bách phước sở thành, vô bất cụ túc, thị chi vị Diệu. Nhân, thiên, Nhị Thừa, cập chư Bồ Tát, tướng hảo giai mạc năng cập, thị chi vị Cao.

(鈔)須彌，此云妙高，眾寶所成曰妙，迥出群山曰高。佛之相好，百福所成，無不具足，是之謂妙；人天二乘，及諸菩薩，相好皆莫能及，是之謂高。

*(**Sao**: Tu Di, cõi này dịch là Diệu Cao. Do các báu hợp thành, nên gọi là Diệu. Vượt trỗi các núi là Cao. Tướng hảo của Phật do trăm phước hợp thành, không gì chẳng trọn đủ, nên gọi là Diệu. Tướng hảo của người, trời, Nhị Thừa và các Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, nên gọi là Cao).*

"Tướng" do đâu mà có? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong kinh luận, đức Phật bảo chúng ta: Tướng của hết thảy chúng sanh do nghiệp lực biến hiện. Tướng đẹp xấu chính là do nghiệp thiện ác, tốt xấu hiện tiền. Người phước báo to lớn vừa nhìn bèn thấy là tướng tốt, phước tướng! Có thể thấy là các thầy xem tướng đoán mạng thường nói:

"Tướng chuyển theo tâm". Lời ấy là thật. Tâm thiện, tướng mạo hiền lành. Tâm ác, tướng mạo khiến cho người ta vừa nhìn bèn cảm thấy có chút sợ hãi. Có thể thấy là *"thành ư trung"* (lòng thành bên trong), nhất định là *"hình ư ngoại"* (tỏ lộ ra hình tướng bên ngoài), chẳng có cách nào giấu diếm! Người thế gian dùng sự thông minh để giấu diếm dẫu khéo léo cách mấy, [chỉ] có thể lừa gạt những kẻ ngu, chứ đối với những kẻ giàu kinh nghiệm học vấn, hoặc người có học vấn thật sự, sẽ chẳng có cách nào che giấu, vừa thấy mặt liền hiểu rõ.

Đối với Phật tướng, tuy đức Phật đã thành Phật, nếu Ngài chẳng tu phước, chúng ta ngẫm xem, tướng Phật có tốt đẹp hay không? Đương nhiên là tốt đẹp. Vì sao? Đức Phật đã chứng đắc tâm tánh viên mãn, tự tánh là viên mãn, há lẽ nào tướng mạo chẳng viên mãn? Nhưng sau khi đức Phật đã thành Phật, nhất định vẫn dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên tu phước, để tu tướng hảo. Cớ gì lại phải làm như thế? Chư vị phải biết: Thảy đều là làm cho chúng sanh thấy, khuyến khích chúng sanh "tu phước là trọng yếu", đó là lời thật. Nếu chẳng kiến tánh, tướng mạo sẽ do nghiệp lực thiện hay ác biến hiện. Sau khi đã kiến tánh, [tướng mạo] hoàn toàn là do Tánh Đức lưu lộ, khác hẳn! Do vậy có thể biết: Tu phước hết sức trọng yếu; nhất định phải biết tiếc phước và tu phước. Vô lượng vô biên phương pháp tu hành của hàng Đại Thừa Bồ Tát, quy nạp lại sẽ là sáu đại cương lãnh. Kinh Đại Thừa gọi những cương lãnh ấy là Lục Độ (ṣaṭ-pāramitā, Lục Ba La Mật). Đức Phật dạy chúng ta tu học Đại Thừa, xử sự, đãi người, tiếp vật đều chẳng thể rời khỏi sáu nguyên tắc ấy. Nương theo đó tu học là tu phước; ở đây nói là *"bách phước sở thành"* (do trăm phước tạo thành). Nương theo phương pháp ấy để tu, thật sự có phước.

Bố Thí (Dāna) là buông xuống. Phương pháp tu hành Lục Độ và phương pháp tu hành bình thường hoàn toàn bất đồng. Nói thật ra, [Lục Độ nhằm dạy] chúng ta giữ tấm lòng như thế nào, xử sự như thế nào trong xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, nguyên tắc là như vậy đó. Buông xuống là gì? Nói thật ra, thân, tâm, thế giới hết thảy đều phải buông xuống. Buông xuống là đừng để nó vướng mắc trong tâm. Tâm phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chân thành, phải cung kính, phải từ bi. Những điều ấy đều là Tánh Đức vốn sẵn có trong bản tánh của quý vị. Khi tâm đạt đến thanh tịnh, những đức dụng ấy tự nhiên hiện tiền, cho nên chẳng phải là do học mà có. Như cung kính và từ bi chẳng do học được, chúng từ Tánh Đức tự nhiên lưu lộ.

Nếu trong tâm chúng ta có thứ gì đó, tâm bèn hỏng. Tâm chẳng thể có vật gì. Lục Tổ đại sư đã nói rất hay: *"Vốn chẳng có một vật"*, chân tâm vốn chẳng có một vật. Quý vị thêm vào đó một vật, phàm phu chúng ta không chỉ là một vật, mà trong tâm suy nghĩ loạn xạ, phiền não tầng tầng, lo âu, vướng mắc, cái tâm hỏng be bét mất rồi. Tâm đã hỏng, bệnh tật nơi thân sẽ cả đống, chuyện là như thế đó. Vì thế, trong sự tu học của Bồ Tát, điều thứ nhất là phải buông xuống, phải bố thí. Phải buông xuống càng sạch càng hay. Kẻ bình phàm chẳng dám buông xuống, do nguyên nhân nào? Niệm nào cũng đều chấp trước cuộc sống. Ta buông xuống hết, sẽ sống bằng cách nào? Coi những thứ ấy rất nặng, chẳng biết chúng là căn bản của sanh tử luân hồi. Coi trọng căn bản của sanh tử luân hồi dường ấy, làm sao có thể vượt thoát luân hồi cho được? Người thế gian tu hành chẳng thể triệt để, không dám làm!

Chúng ta học Phật, tôi luôn khuyên mọi người trước hết hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lượt, nguyên nhân ở chỗ nào? Nếu thật sự đọc sách ấy ba trăm lượt, nhất định sẽ hiểu rõ: *"Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định trước"*, tự nhiên người ấy dám buông xuống, cũng chịu buông xuống, biết buông xuống là đúng. Trong mạng có, quý vị bỏ kiểu nào vẫn bỏ chẳng được, nó sẽ đến. Trong mạng chẳng có, quý vị cầu kiểu nào cũng cầu chẳng được! Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cổ nhân nói: *"Quân tử vui vẻ làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân"*. Tiểu nhân trộm cắp, cướp đoạt, lừa lọc, có thể đạt được thì vẫn là trong mạng của họ vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay là không? Tạo một thân đầy tội nghiệp! Trong mạng chẳng có, có lừa đảo thì cũng chẳng lừa được! Ta đi lừa kẻ khác, chẳng lừa được. Lừa được là do trong mạng quý vị có, quý vị nói xem: Những điều ấy có phải là oan uổng hay chăng? Làm một đứa trộm vặt mà ăn trộm hoặc cướp đoạt được, đều là do trong mạng vốn có. Trong mạng chẳng có, quý vị cướp đoạt thử xem, chẳng cướp được gì, ngay lập tức bị cảnh sát thộp cổ, trong mạng chẳng có mà! Trong mạng đã có thì dù quý vị bố thí, bỏ đi, cho bên này, nơi kia bèn có người đưa tới!

Đấy chính là đạo lý khiến tôi thường khuyên người khác đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, hòng thật sự hiểu rõ *"một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn"*. Mọi người đều biết sự thật này, đều biết chân tướng này, nhất định sẽ an phận thủ thường, xã hội bèn an tường, hòa hợp, thiên hạ thái bình. Nhất định nỗ lực đoạn ác tu thiện, phước báo

của quý vị mỗi ngày một tăng thêm, ai bằng lòng làm ác? Làm ác chỉ gây tổn hại cho phước báo của chính mình, chẳng thể tăng thêm chút nào. Tu thiện tích đức quyết định tăng trưởng phước báo.

Trong kinh Phật, rải rác trong nhiều bộ kinh, đã nói rõ đạo lý và sự thật này, nhưng chẳng được tập trung như trong Liễu Phàm Tứ Huấn, [tất cả ở trong] một tập sách nhỏ, những lý luận và sự thật đều ở cùng một chỗ, rất dễ dàng nhìn thấy. Nhưng tâm ý phàm phu luôn thờ ơ, hời hợt, xem một hai lượt, ấn tượng rất hờ hững, nhạt mỏng, chẳng thể sanh ra hiệu quả. Liên tục đọc hai ba trăm lượt sẽ khác hẳn, cảm nhận sức mạnh khác hẳn, thật sự lý giải, tự nhiên sẽ khởi tác dụng rất lớn đối với người ấy. Trong Bồ Tát hạnh, nói đến Bố Thí, đều là tu phước, hết sức quan trọng. Tu tài bố thí được của cải, tu pháp bố thí được trí huệ, tu vô úy bố thí được sống lâu, trường thọ. Tu ba cái nhân ấy, nhất định đắc ba thứ quả báo thù thắng.

Trì giới (Śīla) là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ. Nhẫn nhục (Ksānti) là kiên nhẫn. Bất luận đối với người hay sự đều phải có lòng kiên nhẫn, có cái tâm thường hằng, có cái tâm dài lâu. Tinh Tấn (Vīrya) là cầu tiến bộ, không ngừng cầu cải tiến, mỗi ngày một đổi mới. Thiền Định (Dhyāna) là trong tâm có chủ tể, chẳng bị cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn, dao động; đó là Định, chẳng phải là ngồi Thiền tu Định trong Thiền Đường. Lục Độ vận dụng vào cuộc sống hằng ngày! Bát Nhã (Prajñā) là dùng lý trí, chẳng dùng cảm tình. Sáu nguyên tắc ấy đều sử dụng trong cuộc sống hằng ngày để đối xử với người, với sự, với vật. Đó là tu phước thật sự.

Thành Phật bèn đặc biệt dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước, đúng là đã nêu gương cho hết thảy chúng sanh. Vì thế, thành Phật được gọi là Nhị Túc Tôn, phước đức viên mãn, trí huệ viên mãn. Túc (足) có nghĩa là đầy đủ, viên mãn. Hai thứ huệ và phước đều viên mãn, nên gọi là Nhị Túc Tôn. *"Bách phước sở thành, vô bất cụ túc"* (Do trăm phước tạo thành, không gì chẳng trọn đủ). Đó là Diệu (妙). Do vậy có thể biết, Lục Độ là diệu nhân (妙因: cái nhân mầu nhiệm), vô tận tướng hảo là diệu quả. Tướng ấy không chỉ là diệu tướng, mà còn đầy ắp trí huệ, ngập tràn phước báo. Có phước, có huệ, tướng hảo trang nghiêm. Đó là quả báo, là diệu quả. Người, trời, Nhị Thừa cũng như các vị Bồ Tát tu tập đều chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo triệt để như Phật tu được. Vì thế, tướng hảo của Bồ Tát chẳng bằng Phật, trí huệ và phước báo cũng kém Phật một bậc, đạo lý ở ngay chỗ này!

(Sớ) Đại Tu Di giả, Phật đức cao quảng, như đại Tu Di cố.
(疏)大須彌者，佛德高廣，如大須彌故。
*(**Sớ**: Đại Tu Di (Mahāmēru): Phật đức cao rộng, như núi Tu Di to lớn vậy).*

Tu Di có nghĩa là Diệu Cao. *"Phật đức cao quảng, như đại Tu Di cố"* (Phật đức cao rộng như Tu Di to lớn vậy), đây là nói theo tỷ dụ.

(Sớ) Nhất vân Phật danh đại ư Tu Di, như Duy Ma trung thuyết.
(疏)一云佛名大於須彌，如維摩中說。
*(**Sớ**: Một thuyết nói là danh hiệu Phật to hơn Tu Di, như trong kinh Duy Ma có nói).*

Tức là Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh.

(Sao) Tu Di cao quảng, siêu ư thất kim.
(鈔)須彌高廣，超於七金。
*(**Sao**: Tu Di rộng lớn, vượt trỗi bảy tòa kim sơn).*

"Thất kim sơn"[21] là các rặng núi lớn bọc quanh thế giới Sa Bà. Núi Tu Di còn cao hơn chúng. Dùng ý nghĩa Cao để tỷ dụ phước đức của Phật.

(Sao) Phật đức cao quảng, vô dĩ vi tỷ, như đại Tu Di dã.
(鈔)佛德高廣，無以為比，如大須彌也。
*(**Sao**: Phật đức cao rộng, không gì sánh bằng, như núi Tu Di to lớn vậy).*

Đây là nói theo tỷ dụ.

---

[21] Thất Kim Sơn là bảy rặng núi lớn bao quanh núi Tu Di. Những núi ấy đều do chất vàng tạo thành nên có tên như vậy. Tính từ trong ra ngoài, lần lượt là Du Kiện Đạt La (Yugajdhara), Y Sa Đà La (Īsādhara), Khiết Địa Lạc Ca (Khadiraka), Tô Đạt Lê Xả Na (Sudarśana), Át Thấp Phược Yết Noa (Aśvakarna), Tỳ Na Đát Ca (Vintaka), Ni Dân Đạt La (Nimindhara). Cứ giữa hai lớp núi là một biển nước mặn. Ngoài ra, bao quanh bảy núi báu ấy là rặng núi Thiết Vi Kim Cang (Cakkavāḷa).

(Sao) Phật danh giả, Duy Ma kinh vân: "Danh xưng cao viễn, du ư Tu Di".

(鈔)佛名者，維摩經云：名稱高遠，踰於須彌。

*(**Sao**: "Phật danh", kinh Duy Ma nói: "Danh xưng cao xa, vượt trỗi Tu Di").*

"Du" (踰) nghĩa là vượt hơn, vượt trỗi. Đấy chính là nói tiếng tăm to lớn của đức Phật, nay chúng ta nói là "nổi tiếng". Danh tiếng của đức Phật cao trỗi nhất. Danh hiệu của mỗi vị Phật tận hư không, khắp pháp giới, hết thảy các cõi Phật đều biết. Tiếng tăm của mỗi người trong thế gian dẫu to lớn cách mấy, tối đa bất quá là người trên địa cầu đều biết, nhưng những tinh cầu khác chẳng biết tới! Chẳng như danh xưng của Phật và đại Bồ Tát trọn khắp pháp giới. Đây là tỷ dụ cao vượt Tu Di.

(Sớ) Tu Di Quang giả, Phật quang quảng chiếu, do như Tu Di, ánh tế chúng sanh cố.

(疏)須彌光者，佛光廣照，猶如須彌，映蔽眾生故。

*(**Sớ**: Tu Di Quang (Meruprabhā) là Phật quang rộng chiếu, ví như Tu Di che lấp ánh sáng của chúng sanh).*

Quang minh của đức Phật chiếu khắp hết thảy. Thể chất của Tu Di là do bốn báu hợp thành. Chất báu tỏa sáng. Thân Phật có quang minh, toàn thân tỏa quang minh, [quang minh gồm] có thân quang và phóng quang. Quang minh chiếu khắp hết thảy chúng sanh. Tâm Phật bình đẳng, tâm Phật từ bi, chẳng có phân biệt. Chúng sanh làm lành được Phật chiếu; chúng sanh làm ác, Phật cũng chiếu. Chúng sanh trong thiên đường được Phật chiếu, chúng sanh trong địa ngục cũng được Phật chiếu. Phật quang giống như mặt trời, chiếu khắp đại địa. Có những chúng sanh được Phật quang gia trì, phước huệ tăng trưởng. Có những chúng sanh chẳng thấy Phật quang gia trì, nguyên nhân ở chỗ nào? Chính mình có chướng ngại, [ví như] ánh thái dương chiếu trọn khắp, chính người ấy dùng dù che khuất, chẳng cho mặt trời chiếu vào. Như vậy thì chẳng có cách nào cả! Chuyện này tỷ dụ bên phía chúng sanh có chướng ngại, chứ phía Phật vĩnh viễn chẳng có chướng ngại. Chúng sanh có chướng ngại gì? Nghiệp chướng, như vậy là chẳng có cách nào hết! Nghiệp chướng nặng nề, chẳng tin tưởng Phật pháp, bài xích Phật pháp, Phật quang chẳng có cách nào chiếu tới người ấy. Người ấy tự gây chướng ngại. Kẻ

nghiệp chướng nhẹ nhàng, tin Phật, nhưng chẳng chịu y giáo phụng hành, đức Phật dạy chúng ta làm như vậy, [chúng ta] khăng khăng chẳng chịu hành, đức Phật cũng chẳng thể gia trì kẻ ấy được! Tâm địa của chúng ta càng thanh tịnh, nói cách khác, nghiệp chướng càng mỏng, quý vị sẽ cảm nhận sự gia trì của Phật quang càng rõ rệt hơn. Xác thực là đối với phước lẫn huệ đều có sức gia trì rất lớn. Đây là sánh ví quang minh của Phật như ánh sáng tỏa từ núi Tu Di, thật sự là Phật quang vượt trỗi quang minh của núi Tu Di quá nhiều!

(Sao) Quang hữu nhị nghĩa, nhất giả Tu Di bảo thành, bảo năng phát quang, như Phật tịnh cực quang thông cố.

(鈔)光有二義，一者須彌寶成，寶能發光，如佛淨極光通故。

*(**Sao**: Quang có hai nghĩa: Một là núi Tu Di do các chất báu hợp thành. Chất báu có thể tỏa sáng, như Phật tịnh cực, quang thông vậy).*

"Tịnh cực quang thông" là một câu trong kinh Lăng Nghiêm, [nghĩa là] khi tâm chúng ta thanh tịnh cao độ, tâm quang và Phật quang bèn thông đạt, chẳng có chướng ngại.

(Sao) Nhị giả, Tu Di thể đại, quang minh diệc đại, như Phật quang minh vô lượng cố.

(鈔)二者須彌體大，光明亦大，如佛光明無量故。

*(**Sao**: Hai là Tu Di có thể chất to lớn, quang minh cũng lớn, như quang minh của Phật vô lượng).*

Núi Tu Di hết sức lớn, quang minh cũng lớn. Thật ra, quang minh của núi Tu Di có hạn lượng, quang minh của Phật xác thực là vô lượng.

Đến đây, đã giới thiệu cùng chư vị ý nghĩa trong danh hiệu của bốn vị Phật. Đó là cách biểu thị pháp thông thường. Trong Tịnh Tông, có ý nghĩa biểu thị pháp đặc biệt, chúng ta chớ nên không biết. Những Phật hiệu được nêu trong kinh Di Đà tất nhiên có mối quan hệ mật thiết đối với pháp môn này, chúng ta chớ nên nhìn theo cách biểu thị pháp thông thường rồi ngừng ở đó, phải quan sát ở một bước cao hơn. Quan sát cặn kẽ, [sẽ thấy] ý nghĩa được bao hàm [trong những Phật hiệu ấy] hết sức sâu xa. Phương Đông biểu thị trí huệ; vì thế, thật sự là dạy chúng

ta căn bản tu học của pháp môn. Không chỉ Tịnh Tông là như thế, mà tất cả hết thảy Đại Thừa Phật pháp đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Phải như thế nào thì mới có thể tu học? Phải là từ bất động giác, quý vị sẽ có tư cách nhập Đại Thừa. Vì thế, vị Phật thứ nhất là A Súc Bệ Phật đã biểu thị: Chúng ta thường nói *"tám gió thổi chẳng động"*. Tám gió thổi chẳng động, có những kẻ tưởng công phu ấy lỗi lạc lắm; thật ra, nó là công phu tối thiểu, là công phu ở mức độ thấp nhất. Trong pháp thế gian, đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, trọn chẳng bị chúng dao động. Cái tâm đã định, bất động, quý vị mới có thể tu đạo, mới có thể thành tựu.

Ông hội trưởng của Tân Gia Ba Tịnh Tông Học Hội là Lý cư sĩ (Lý Mộc Nguyên) đến thăm Đại Lục, có báo cáo với chúng ta ở đây. Cuộc sống tại đạo tràng Ngũ Đài Sơn hết sức kham khổ. Chúng ta thấy họ ăn chẳng ra ăn, mặc chẳng ra mặc, nhưng tặng tiền, tặng quần áo cho họ, họ chẳng tiếp nhận. Nói cách khác, chẳng bị dao động bởi những thứ ấy. Họ đề nghị, tặng băng thâu âm, tặng sách nhà Phật thì họ hoan nghênh. Họ nói đối với cơm áo đã hết sức thỏa mãn, chúng ta thường nói điều này là *"tám gió thổi chẳng động"*. Kẻ một mực truy cầu hưởng thụ vật chất, sẽ bị cảnh giới bên ngoài lay động, chẳng thể tu đạo! Không chỉ là chẳng bị pháp thế gian lay động, mà cũng chẳng bị Phật pháp lay động.

Trong Phật môn, tông phái rất nhiều, chúng ta đã lập chí nguyện chuyên tu Tịnh Độ, gặp những người học Thiền, học Mật, học Giáo, trì Luật, tâm chúng ta có bị lay động hay không? Vẫn là chẳng lay chuyển! Tán thán sự tu hành của họ, ta vẫn thật thà niệm Phật, trọn chẳng bị lay động, đó gọi là *"bất động giác"*. Điều kiện như vậy thì mới có tư cách tu học Đại Thừa, thâm nhập một môn. Học Tịnh bèn chuyên niệm A Di Đà Phật, học Thiền bèn chuyên môn tham cứu, học Mật bèn chuyên tâm trì chú, tuyệt đối chẳng bị các pháp môn khác mê hoặc, lay chuyển. Ở đây, A Súc Bệ Phật dạy chúng ta đạo lý này. Vì thế, danh hiệu được nêu ra ở đây chẳng phải là có ý nghĩa nông cạn, mà là có đạo lý rất sâu trong ấy. Tịnh Độ là pháp Đại Thừa, tất cả hết thảy các pháp Đại Thừa đều cần phải có thái độ như vậy thì mới có thể tu hành. Nếu không, ngay cả bén mảng ngoài rìa Đại Thừa Phật pháp cũng chẳng thể bén mảng được. Đó là điều kiện cơ bản để nhập môn Đại Thừa.

Ba vị Phật tiếp đó biểu thị những điều mong cầu trong Phật pháp Đại Thừa. Chúng ta tu học Đại Thừa là tu gì? Tu Di Tướng Phật biểu thị Báo Thân, Đại Tu Di Phật biểu thị Pháp Thân, Tu Di Quang Phật biểu

thị Ứng Hóa Thân. Đó là ba thân nơi quả địa Như Lai, chính là những điều chúng ta mong cầu. Báo Thân là thân do trí huệ tích tụ; đến khi trí huệ viên mãn, tướng ấy hiện tiền. Báo Thân có sanh, chẳng có diệt. Pháp Thân là bản thể, là Chân Như bản tánh, bất sanh, bất diệt. Ứng Hóa Thân lợi ích hết thảy chúng sanh, tùy loại hóa thân vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm có nói *"ngàn trăm ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật"*. Một Thể ba thân chính là điều chúng ta mong cầu; chúng ta học Phật với hy vọng chứng đắc viên mãn Phật quả, viên mãn Phật quả là ba thân. Do vậy có thể biết, ý nghĩa này cũng nhằm biểu thị mục tiêu của tất cả hết thảy các pháp môn Đại Thừa. Bất động giác là điều kiện để nhập Đại Thừa, điều kiện như nhau. Nói cách khác, phương pháp và cách thức tu hành của chúng ta khác nhau; do vậy, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, có vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn đều là lấy ba thân làm mục tiêu tu học, đều dùng bất động giác làm điều kiện để nhập môn, biểu thị ý nghĩa này.

(Sớ) Diệu Âm giả, pháp âm viên diệu, thuyết pháp xứng cơ cố.
(疏)妙音者，法音圓妙，說法稱機故。
*(**Sớ**: Diệu Âm: Pháp âm viên diệu, thuyết pháp xứng hợp căn cơ).*

Vị Phật cuối cùng, đặc biệt là nói về pháp môn Tịnh Tông, chẳng phải là các pháp môn khác, phương pháp tu hành trong các pháp môn khác chẳng giống Tịnh Tông. Pháp môn Tịnh Tông dùng phương pháp gì để tu? Diệu Âm (Mañjughōṣa): Diệu (妙) là chẳng thể nghĩ bàn. Vị Phật này biểu thị căn bản trong tu học của pháp môn Tịnh Tông. Diệu Âm là Phật hiệu, tức *"Nam-mô A Di Đà Phật"*. Nhất tâm xưng niệm, đọc tụng, vì người khác diễn nói Tịnh Độ năm kinh một luận, những âm thanh ấy đều là Diệu Âm. Do phương pháp này mà có thể thành tựu, có thể giúp quý vị chứng đắc *"một Thể, ba thân"*. Năm vị Phật ở phương Đông bao hàm ý nghĩa sâu xa như vậy, chúng ta chớ nên không hiểu. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư chẳng nêu rõ ý nghĩa này; ở đây, tôi nêu bổ sung. *"Pháp âm viên diệu, thuyết pháp xứng cơ cố"* (Pháp âm viên diệu, do thuyết pháp xứng hợp căn cơ), đó là nói theo cách thông thường.

(Sao) Viên diệu giả, như Duy Ma kinh vân: "Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải". Hựu vân: "Ư chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất".

(鈔)圓妙者，如維摩經云：佛以一音演說法，眾生隨類各得解。又云：於眾言音，微妙第一。

*(**Sao**: "Viên diệu" là như kinh Duy Ma đã nói: "Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu". Lại nói: "Trong các thứ ngôn ngữ, âm thanh, vi diệu bậc nhất").*

Câu này trích từ kinh Duy Ma, nói về *"viên âm"* chứng đắc nơi quả địa của Như Lai, Viên (圓) là viên mãn, Diệu (妙) là vi diệu. Đức Phật thuyết pháp, hết thảy chúng sanh chủng loại bất đồng, ngôn ngữ bất đồng, nhưng mỗi chúng sanh nghe đức Phật thuyết pháp đều nghe thấy Ngài đang sử dụng ngôn ngữ của chính họ để nói. Giống như trong hiện thời, Liên Hiệp Quốc họp hành nhất định phải sử dụng phiên dịch. Chẳng dùng phiên dịch sẽ chẳng nghe hiểu. Đức Phật thuyết pháp ở nơi đó, chẳng cần sử dụng phiên dịch, nhưng người mỗi nước đến nghe, họ đều nghe đức Phật nói bằng ngôn ngữ của chính họ, đều nghe rất thuận tai, đó là *"viên âm"*. Điều này hết sức kỳ diệu, rất chẳng thể nghĩ bàn. Có thể hay không? Thưa cùng chư vị, có thể! Hiện thời, computer dần dần đạt tới cảnh giới này. Trong tương lai, phiên dịch chẳng cần người phiên dịch, mà dùng computer để phiên dịch. Đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu, computer có thể làm được. Do vậy có thể biết, đó là chân thật, chẳng phải là tỷ dụ. Đầu óc của Phật lợi hại hơn computer rất nhiều! Computer chẳng thể sánh bằng Ngài! Computer có thể phiên dịch ngôn ngữ của nhân loại, nhưng đối với ngôn ngữ của súc sanh và ngôn ngữ quỷ thần thì chẳng có cách nào! Đức Phật thuyết pháp, hết thảy quỷ thần đều nghe hiểu, tất cả súc sanh cũng nghe hiểu, âm thanh ấy mới thật sự là âm thanh viên mãn. *"Ư chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất"* (Trong các thứ ngôn ngữ, âm thanh, vi diệu bậc nhất). Trong phần trên đã nói *"tướng hảo trăm phước"*, hết thảy mọi người chẳng thể sánh bằng, phước báo của Ngài quá lớn. Phước do đâu mà có? Phước do chính mình tu được!

(Sớ) Như thị đẳng giả, đa nan tất cử, thả cử ngũ Phật, dĩ đẳng nhiếp chi. Hằng hà diệc vân Căng Già hà, sa giả dụ đa dã.

(Sao) Hằng hà tại Tây Vực Vô Nhiệt Trì trắc. Hương Sơn đảnh thượng, hữu Vô Nhiệt Não trì, lưu xuất tứ hà. Hằng hà tại Nam, quảng tứ thập lý, sa trục thủy lưu, chí vi vi tế. Phật cận bỉ hà thuyết pháp, cố phàm ngôn đa, thường thủ vi dụ. Minh Đông phương đa

Phật, như Hằng hà trung sở hữu sa số dã. Nhược cứ Pháp Hoa nhất trần nhất kiếp chi dụ, tắc Hằng hà giả do vi chí thiểu. Kim cử Hằng sa, ý thật vô tận cố. Đại Bổn vân: Vô lượng vô số bất khả tư nghị vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư Phật gia lai, giai cộng tán thán A Di Đà Phật sở hữu công đức, tắc Hằng sa vị túc dĩ tận chi dã!

(疏)如是等者，多難悉舉，且舉五佛，以等攝之，恆河亦云殑伽河，沙者喻多也。

(鈔)恆河在西域無熱池側。香山頂上。有無熱惱池。流出四河。恆河在南。廣四十里。沙逐水流。至為微細。佛近彼河說法。故凡言多。常取為喻。明東方多佛。如恆河中所有沙數也。若據法華一塵一劫之喻。則恆河者猶為至少。今舉恆沙。意實無盡故。大本云。無量無數不可思議無有等等無邊世界。諸佛加來。皆共讚歎阿彌陀佛所有功德。則恆沙未足以盡之也。

*(**Sớ**: "Như thị đẳng" (Như thế đó), ý nói nhiều đến nỗi khó thể nêu trọn, đành nêu ra năm vị Phật, dùng chữ "đẳng" để chỉ tất cả các vị Phật còn lại. Hằng Hà còn gọi là Căng Già Hà. "Cát" là sánh ví đông nhiều.*

***Sao**: Hằng hà ở bên cạnh ao Vô Nhiệt bên Tây Vực. Trên đỉnh Hương Sơn có ao Vô Nhiệt Não, là nơi phát nguồn của bốn con sông. Sông Hằng ở phía Nam, rộng bốn mươi dặm, cát cuốn theo dòng nước, hết sức mịn nhuyễn. Đức Phật thuyết pháp ở gần sông ấy, cho nên hễ nói đến điều gì nhiều, thường dùng cát sông Hằng để tỷ dụ. [Đoạn kinh văn này nhằm] nói rõ phương Đông có nhiều vị Phật, [sánh ví số lượng ấy] như tất cả số lượng cát trong sông Hằng. Nếu xét theo kinh Pháp Hoa đã dùng tỷ dụ cứ một hạt vi trần là một kiếp thì [cát] sông Hằng vẫn là rất ít. Nay nói là cát sông Hằng, ý nghĩa thật sự là vô tận. Kinh Đại Bổn nói chư Phật Như Lai từ vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chẳng có gì sánh bằng vô biên thế giới đều đến gia trì, đều cùng tán thán tất cả công đức của A Di Đà Phật, như vậy thì cát sông Hằng chẳng đủ để nêu trọn hết [số lượng ấy]).*

Phương Đông không chỉ có năm vị Phật ấy. Chư Phật chẳng biết là có bao nhiêu vị giống như năm vị Phật ấy. *"Đa nan tất cử"* (Nhiều đến nỗi khó thể nêu trọn), quá ư là nhiều, chẳng thể kể trọn hết! Trong

kinh Phật, mỗi khi nói đến số lượng nhiều, đều dùng *"Hằng hà sa"* (cát sông Hằng) để hình dung, nhằm sánh ví số lượng quá nhiều, chẳng có cách nào tính toán. Ý nói, chư Phật ở phương Đông cũng là vô lượng vô biên. Trong phần Sao dưới đó có nói về sông Hằng. Quả thật cát sông Hằng rất mịn, mịn như bột mì vậy!

(Sớ) Dĩ thượng Phật danh, Linh Chi vân: "Tương truyền bất thích, diệc hữu thích giả, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện đẳng, diệc vô ngại cố".

(疏)以上佛名，靈芝云：相傳不釋，亦有釋者，或取因或取果，或性或相，或悲智行願等，亦無礙故。

*(**Sớ**: Đối với những danh hiệu Phật trên đây, ngài Linh Chi nói: "Tương truyền là chẳng giải thích. Cũng có người giải thích thì hoặc là dựa theo nhân, hoặc căn cứ theo quả, hoặc nói theo tánh, hoặc nói theo tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện v.v... cũng chẳng trở ngại gì").*

"Thích" (釋) là giải thích. Thời cổ, người giảng kinh khi giảng đến danh hiệu Phật bèn chẳng giải thích, [ngụ ý] dùng tâm chân thành cung kính để niệm, chẳng giảng giải. Cũng có vị chú giải, như trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã chú giải, nêu ra ý nghĩa. Đối với chuyện giải thích danh hiệu Phật, có rất nhiều cách nói, ở đây là nêu ra mấy trường hợp: Có vị nói theo nhân, có vị nói theo quả, có vị nói theo tánh, có vị nói theo tướng, hoặc là nói theo bi nguyện, trí huệ, các thứ phương diện tu hành. Nói theo những cách khác nhau, nhưng đều chẳng nói sai.

Tôi giải thích [danh hiệu chư Phật trong kinh Di Đà] cùng mọi người cũng là nói theo phương diện biểu thị pháp. Đại ý biểu thị pháp của sáu phương Phật, trong quá khứ, khi giảng diễn bộ Di Đà Yếu Giải, tôi đã nói cặn kẽ, tài liệu tham khảo cho đoạn này được in vào sau quyển kinh (trang bảy trăm). Cách giảng của tôi đối với sáu phương Phật cũng chẳng giống Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư, hoàn toàn dựa theo phương diện biểu thị pháp trong Tịnh Tông để nói.

(Sao) Bất thích giả, dĩ Phật cụ vạn đức, bất khả dĩ nhất đức xưng cố.

(鈔)不釋者，以佛具萬德，不可以一德稱故。

*(**Sao**: Chẳng giải thích là vì đức Phật có vạn đức, chẳng thể dùng một đức để ca ngợi được).*

"Bất thích" là chẳng giải thích. Phật là vạn đức vạn năng, danh hiệu cũng là vạn đức vạn năng, ý nghĩa chẳng có cùng tận, nói theo kiểu nào đây? Đấy là nguyên nhân chẳng giải thích.

(Sao) Diệc hữu thích giả, dĩ Phật đức dung thông vô tận, diệc khả dĩ nhất nhiếp vạn, thiên cử nhất đức, tức bị chúng đức cố.

(鈔)亦有釋者，以佛德融通無盡，亦可以一攝萬，偏舉一德，即備眾德故。

*(**Sao**: "Cũng có khi giải thích": Do Phật đức dung thông vô tận, cũng có thể dùng một đức để nhiếp vạn đức. Riêng nêu ra một đức bèn trọn đủ các đức).*

Giáo pháp Đại Thừa thường nói *"vạn pháp quy nhất"*, vạn pháp đã quy nhất thì "một" có thể nói, chứ vạn pháp khó nói. Nói "một" thì "một" là vạn pháp. Nói rõ [danh hiệu Phật] có thể giải thích [bằng cách giảng rõ một đức].

(Sao) Cố cử nhân tắc cai quả hải, cử quả tắc triệt nhân nguyên.

(鈔)故舉因則該果海，舉果則徹因源。

*(**Sao**: Vì thế, nói nhân sẽ bao trùm biển quả, nêu quả sẽ thấu triệt nguồn nhân).*

Nói theo nhân, nhân nhất định bao gồm quả. Nói theo quả, quả nhất định bao gồm nhân. *"Nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên"* (Nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân), khiến cho chúng ta từ một ý nghĩa bèn suy rộng đến vô tận nghĩa lý. Đó là khéo hiểu.

(Sao) Vô hữu trí nhi bất bi, bi nhi bất trí.

(鈔)無有智而不悲，悲而不智。

*(**Sao**: Chẳng có chuyện "có trí mà chẳng có bi" hoặc "có bi mà chẳng có trí").*

Bi và trí là một Thể, người có bi tâm sẽ sanh trí huệ. Bi tâm là thương xót hết thảy chúng sanh, mong giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Người chỉ cần chẳng có tự tư tự lợi, trí huệ liền hiện tiền. Do đạo lý nào? Vì quan niệm tự tư tự lợi chính là nghiệp chướng, là chướng ngại, ngăn

trở trí huệ của quý vị. Ta chẳng có tự tư tự lợi, hết thảy đều có thể lợi ích chúng sanh; chính mình chẳng còn chướng ngại nữa, trí huệ bèn thấu lộ, đạo lý là như vậy đó. Trí huệ quang minh trong tâm tánh của chính mình thấu lộ ra ngoài, lại được quang minh của chư Phật và thiện thần gia trì, nên lòng bi càng nặng, trí huệ càng to, đạo lý ở chỗ này. Càng ích kỷ, trí huệ càng chẳng có, [đức năng trong tâm tánh của] chính mình cũng chẳng thấu lộ được, mà Phật quang cũng chẳng gia trì được! Đó là chân tướng sự thật. Vì thế, người có lòng bi nhất định có trí, người có trí nhất định là có lòng bi.

(Sao) Vô hữu hạnh phi nguyện khởi, nguyện bất hành thành.

(鈔)無有行非願起，願不行成。

*(**Sao**: Chẳng có chuyện khởi hạnh mà chẳng do nguyện, hoặc nguyện chẳng có hành mà vẫn thành tựu).*

Người đã có nguyện, nhất định sẽ có hành động. Thật sự tu hành, tất nhiên là có tín nguyện. Thảy đều là do liên khởi với nhau, bất luận nói theo phương diện nào, ý nghĩa đều có thể thông đạt rất sâu, rất rộng. Dưới đây, nêu lên mấy thí dụ:

(Sao) Như Nghiêu nhân, Thuấn hiếu, Vũ kiệm, Thang khoan, diệc hỗ cụ cố.

(鈔)如堯仁舜孝，禹儉湯寬，亦互具故。

*(**Sao**: Như vua Nghiêu nổi tiếng là nhân, vua Thuấn có tiếng là hiếu, vua Đại Vũ được tiếng tiết kiệm, vua Thành Thang có tiếng khoan dung, [tuy vậy, mỗi vua] cũng đều là trọn đủ các đức).*

Đây là cổ thánh tiên hiền của Trung Hoa. Vua Nghiêu nhân từ, vua Thuấn hiếu thuận, Đại Vũ[22] tiết kiệm, vua Thang khoan hậu. Trong

[22] Đại Vũ tên thật là Tự Văn Mạng. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, ông là cháu năm đời của Hoàng Đế, là con trai của ông Cổn (con trai út của Chuyên Húc). Vua Nghiêu đã phong cho Cổn đất phong gần Tung Sơn. Ông Cổn được giao nhiệm vụ trị thủy (ngăn ngừa lũ lụt), nhưng thất bại, nên bị vua Thuấn xử tử. Khi trưởng thành, Vũ tiếp tục công việc của cha và trị thủy thành công sau suốt mười ba năm không ngừng nỗ lực. Do vậy, có rất nhiều truyền thuyết về Đại Vũ, như truyền thuyết Đại Vũ đã cắt ngang sườn núi bằng một nhát rìu, tạo thành Tam Môn Hiệp ở đầu sông Dương Tử. Vua Thuấn đã truyền ngôi cho ông, và ông trở thành hoàng đế lúc năm

lịch sử Trung Hoa, bốn vị này đều là đại thánh nhân. Vua Nghiêu nhân từ, nhưng Ngài cũng hiếu thuận, cũng tiết kiệm, cũng khoan dung, đều trọn đủ. Do một đức hạnh nào đó của Ngài đặc biệt hiển nhiên, nên người đời sau đặc biệt tôn sùng, chính là vì đạo lý này, trọn chẳng phải là Ngài không có những đức hạnh khác, thảy đều trọn đủ!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh trí huệ bất khả tận, thị Đông phương Hằng sa Phật nghĩa.

(疏)稱理，則自性智慧不可盡，是東方恆沙佛義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì trí huệ trong tự tánh chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa phương Đông có Hằng sa chư Phật).*

Trong phần trước là nói theo sự tướng, mà cũng là nói theo đức dụng; còn trong phần sau, trong đoạn này, nói tương xứng với tánh. Nếu nói xứng tánh, *"tự tánh trí huệ bất khả tận"*: Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài mà có, nó vốn sẵn có trong tự tánh. Khi thành Phật, đức Phật đã bảo chúng ta: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai"*, nói rõ mỗi người chúng ta đều trọn đủ vô tận trí huệ của Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác đều nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*, trong tương lai chúng ta tu hành thành Phật, thành Phật là đạt được gì? Thứ gì cũng đều chẳng đạt được! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: *"Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Vì sao? Những gì quý vị đạt được thảy đều vốn sẵn có trong tự tánh, hoàn toàn chẳng phải là từ ngoài tự tánh bèn có thể đạt được chút gì! Chẳng có! Hoàn toàn vốn sẵn có! Đó là chân tướng sự thật.

Nay chúng ta gặp nan đề này: Vốn có, nhưng chúng ta chẳng thể tự mình hưởng thụ được! Vốn có vô tận trí huệ, nay chúng ta biến thành "điều gì cũng chẳng biết", ngu mê, đánh mất trí huệ vốn sẵn có. Đối với sự mất mát ấy, trong kinh, đức Phật cũng thường nói: Chẳng phải là thật sự mất đi. Nếu thật sự mất đi, há còn có thể khôi phục ư? Đức Phật bảo

---

mươi ba tuổi, đóng đô tại An Ấp (nay là huyện Hạ, tỉnh Sơn Tây), lập ra nhà Hạ. Ông là người đầu tiên đã chia Trung Nguyên thành chín châu và cho đúc cửu đỉnh nhằm xác lập vương quyền của hoàng đế. Khi con ông lên nối ngôi đã đổi họ thành Hạ và xưng là Hạ Hậu Khải; do đó, sử thường gọi thị tộc Hạ là Hạ Hậu Thị. Nhà Hạ truyền đến đời Lý Quý (Hạ Kiệt) thì do vua vô đạo, u mê, nên bị Thành Thang diệt trừ, lập ra nhà Thương.

chúng ta: Sự mất mát ấy được gọi là "mê mất", chẳng phải là thật sự mất mát! *"Mê mất"* tức là tuy có, nó chẳng khởi tác dụng; chuyện là như vậy đó, chẳng phải là thật sự mất đi. Khi nào giác ngộ, tác dụng ấy lập tức hiện tiền, sẽ lập tức thọ dụng. Vì thế, phàm phu và Phật là do mê hay ngộ. Mê tự tánh thì là phàm phu, ngộ tự tánh là Phật, hoặc là Bồ Tát. Phàm phu và Phật sai khác ở chỗ này. Tự tánh bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, vĩnh viễn là thường trụ. Đức Phật mong chúng ta khôi phục tự tánh, mục tiêu tối chung cực của Phật giáo cũng là điều này!

(Sao) Đông phương nghĩa kiến tiền giải.

(鈔)東方義見前解。

*(**Sao**: Xem lời giải thích trong phần trước về ý nghĩa của phương Đông).*

Phương Đông biểu thị ý nghĩa trí huệ.

(Sao) Hữu hình chi vật khả tận, trí huệ bất khả tận.

(鈔)有形之物可盡，智慧不可盡。

*(**Sao**: Vật hữu hình có thể tận, trí huệ chẳng thể tận).*

"Hữu hình chi vật khả tận" (Vật hữu hình có thể cùng tận): Phàm là có hình tướng, như hư không pháp giới, dẫu lớn đến đâu đi nữa, dẫu nhiều đến mấy đi nữa, đều có cùng tận. *"Trí huệ bất khả tận"* (Trí huệ chẳng thể tận): Trí huệ là vô hình. Vô hình, vô tướng, vốn sẵn đầy đủ trong tự tánh. Lục Tổ nói rất hay: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ; nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*. Hết thảy vạn pháp để ta thọ dụng, vạn pháp do đâu mà có? Sanh từ tự tánh, làm sao có khiếm khuyết cho được? Chẳng thể khiếm khuyết! Nhưng kẻ chẳng kiến tánh, người mê mất tự tánh, sẽ chẳng thể thọ dụng đức năng vốn sẵn có, biến thành khiếm khuyết. Nhưng muốn khôi phục tự tánh thì nói dễ lắm, làm thật khó! Đức Phật dạy chúng ta, phiền não có ba tầng, ba tầng phiền não đều đoạn hết, Tánh Đức mới hiện tiền. Đoạn Kiến Tư phiền não, chứng quả A La Hán, vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn đọa lạc, chẳng còn bị luân chuyển nữa. Phá trừ Trần Sa phiền não, trí huệ mới hiện tiền. Phá một phẩm vô minh, mới thấy Chân Như bản tánh. Khi ấy, vô tận trí huệ và vô tận phước đức trong Tánh Đức hiện tiền, bèn có thể hưởng thụ.

Khi nào chúng ta có thể đoạn phiền não? Khi nào có thể phá vô minh? Quá khó! Đúng là chẳng có hy vọng! Trong tình huống ấy, chúng ta chẳng thể không nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta rất lớn: Chẳng cần đoạn phiền não mà cũng có thể hưởng thụ Tánh Đức. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, cho nên [pháp môn này] được gọi là *"pháp khó tin"*. Trong tất cả hết thảy các kinh luận đều chẳng có cách nói này, trong các cõi nước của mười phương chư Phật cũng chẳng có hiện tượng này, chỉ riêng thế giới Tây Phương là đặc biệt.

Thế giới Tây Phương đặc biệt ở chỗ nào? Chúng ta tới đó là đới nghiệp vãng sanh, chẳng đoạn một phẩm Kiến Tư phiền não nào mà có thể đến đó! Chỉ cần tín, nguyện, trì danh, phải là tín chân thật, nguyện thiết tha, những thứ tạp nham vướng mắc khác trong tâm thảy đều bỏ sạch, chỉ có A Di Đà Phật, quý vị quyết định vãng sanh. Sanh về thế giới Tây Phương, ba kinh đã nói rất rõ ràng: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương do Tánh Đức biến hiện. Sự phú quý ấy có thể nói là chẳng hai, chẳng khác Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, tức là hưởng thụ sự phú quý nơi quả địa Như Lai.

Nói thật ra, đấy chẳng phải là do năng lực của chính mình. Nếu do năng lực của chính mình mà đạt tới cảnh giới này, mức độ thấp nhất cũng là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, cũng là đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Đấy là do Pháp Thân biến hiện thì quý vị mới có sự hưởng thụ ấy. Huống chi sự hưởng thụ trong thế giới Tây Phương quyết định chẳng phải là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo [mà hòng đạt được; bởi lẽ] năng lực và trí huệ [của người trong cõi Cực Lạc] to hơn bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo quá nhiều. Kinh lại dạy chúng ta: Vãng sanh thế giới Tây Phương đều là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là Bồ Tát từ Thất Địa trở lên, cao hơn bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo quá nhiều! Do vậy, hưởng thụ như vậy đó. Vì sao có thể hưởng thụ như vậy? Chẳng phải là do Tánh Đức của chính chúng ta lưu lộ, mà là cảnh giới được biến hiện từ Tánh Đức của A Di Đà Phật để cho chúng ta hưởng thụ, một mực bồi dưỡng, dẫn dắt chúng ta đạt đến mức độ tự tánh của chúng ta lưu lộ giống như Ngài mới thôi. Trong các thế giới phương khác chẳng có điều này!

Chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này, thì mới có thể khăng khăng một mực niệm câu Phật hiệu đến cùng, quyết định tranh thủ [Tịnh Độ] trong một đời này. Chư vị nhất định phải hiểu: Trong thế gian, hết

thảy đều là giả. Kinh Kim Cang dạy chúng ta: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, do mê hoặc trong ấy bèn tạo tác hết thảy tội nghiệp, chẳng đáng! Đó là chính quý vị đang tạo tác luân hồi, chính mình hứng chịu những nghiệp báo ấy. Từ vô lượng kiếp trong đời quá khứ, chúng ta chẳng hiểu rõ chuyện này, đời đời kiếp kiếp phải luân hồi! Đời này đúng là may mắn to lớn, quá sức may mắn, chúng ta gặp gỡ nhân duyên vô thượng này, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Tịnh Tông, gặp được bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, gặp sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch chuyện này. Chỉ cần nắm chặt cơ duyên này, trong một đời này, quyết định đắc độ. Đó chính là người thật sự thông minh, thật sự có trí huệ.

Thời gian trong một đời chúng ta rất ngắn ngủi, tạm bợ, hãy bỏ qua hết thảy, sống cuộc đời kham khổ một chút, trong khoảng chớp mắt bèn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này đáng giá lắm! Những người tu hành bên Đại Lục chịu khổ, chịu khó, chuyên tâm chánh niệm, đó là khuôn mẫu, điển hình cho chúng ta. Ở đây, chúng ta hãy lắng lòng quan sát, những người ấy trong tương lai ai nấy đều thành tựu. Giống như trong Niệm Phật Đường của Viễn công tại Lư Sơn xưa kia, một trăm hai mươi ba người thảy đều vãng sanh. Thiện Đạo đại sư bảo điều này là do *"gặp duyên khác nhau"*, nay chúng ta gặp duyên thù thắng, thù thắng khôn sánh! Vấn đề hiện thời là chính mình có thiện căn, phước đức hay không? Thiện căn là tín giải, nghe xong sẽ thật sự tin tưởng, thật sự hiểu rõ, thật sự nghe hiểu, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Hạ quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *"một mực chuyên niệm"*, đó là đại phước đức, quyết định thành tựu.

(Sao) Ngoại cầu trí huệ khả tận, tự tánh trí huệ bất khả tận.

(鈔)外求智慧可盡，自性智慧不可盡。

*(**Sao**: Trí huệ cầu từ bên ngoài có thể tận, trí huệ trong tự tánh chẳng thể tận).*

Hai câu này hết sức trọng yếu. Hiểu đạo lý này, người thích thâm nhập kinh tạng sẽ có thể buông xuống vọng tưởng, vì sao? Thâm nhập kinh tạng là *"ngoại cầu trí huệ"*. Gặp một vị thiện tri thức thật sự cao minh, một vị thầy tốt, có thể cầu từ bên ngoài để đạt được một chút trí huệ. Nếu chẳng gặp thiện tri thức thật sự, *"ngoại cầu"* thường biến thành tà tri, tà kiến, sai lầm đặc biệt to lớn! Vì thế, cầu từ bên ngoài

chẳng bằng hướng vào trong để cầu. Độ chúng sanh, chúng sanh vô lượng vô biên, căn tánh của chúng sanh lại là vô lượng vô biên. Muốn độ trọn hết thảy chúng sanh, nhất định là phải thông đạt vô lượng pháp môn. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta trình tự tu hành, theo thứ tự bèn có *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Vì sao? Chẳng có vô lượng pháp môn, sẽ chẳng thể độ vô lượng chúng sanh.

Nếu không phát tâm độ vô lượng chúng sanh, đấy chẳng phải là Đại Thừa Bồ Tát. Nói cách khác, quý vị cũng chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa, nhất định phải phát cái tâm này. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là bảo quý vị hãy phát [thệ nguyện] *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, quý vị phải phát tâm! Đã phát tâm, tâm bèn giống như tâm Bồ Tát, nhưng chẳng có bản lãnh, không chỉ chẳng thể độ chúng sanh, mà còn thường bị chúng sanh kéo đi theo! Đó là vì chính mình chẳng có bản lãnh. Do vậy, nhất định phải phát tâm tu hành.

Tu hành là tu từ chỗ nào? Trước hết, phải đoạn phiền não. *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Nếu chẳng đoạn phiền não, quý vị học ngay vào pháp môn, sai mất rồi. Trong Phật môn có một tỷ dụ: Giống như cái chén trà này, trước kia đựng độc dược. Tuy đã đổ độc dược đi, chẳng đổ hết sạch, hãy còn có một tí trong ấy. Chúng ta dùng cái chén ấy để đựng Đề Hồ. Đề Hồ là thức uống dinh dưỡng tốt nhất, đem chứa trong đó, Đề Hồ cũng biến thành độc dược! Đó là sánh ví Đề Hồ như Phật pháp, chất độc là Tam Độc tham, sân, si. Tam Độc chẳng hoàn toàn đoạn hết, mà tiếp nhận tất cả Phật pháp, Phật pháp cũng biến thành độc dược.

Điều này nói rõ vì sao trước hết là phải đoạn phiền não, trước hết là phải gột sạch tham, sân, si, gột sạch sành sanh, sau đấy mới lại tiếp nhận Phật pháp. Đoạn hết phiền não, lại tiến nhập trình tự kế tiếp: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Người hiện thời mắc cái tật "dùng cái chén đã đựng độc dược để tiếp nhận Đề Hồ". Vì thế, tu học dẫu chịu khó, chịu khổ, tinh tấn cách mấy, vẫn chẳng thể thành tựu! Chúng ta nhất định phải tìm được nguyên nhân khiến cho chính mình chẳng thể thành tựu thì mới biết tánh chất trọng yếu của việc đoạn phiền não.

Tôi thường khuyên đại chúng: Chúng ta chia Tứ Hoằng Thệ Nguyện thành hai giai đoạn để tu: Trong một đời này, chúng ta chỉ tu phát đại nguyện *"độ chúng sanh"*, thật sự niệm Phật hòng *"đoạn phiền não"*. Trong đời này, chúng ta chỉ làm hai công tác ấy; đến Tây Phương

Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật, chúng ta lại hoàn thành hai chuyện thuộc phần sau. *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* là đến học ở nơi đâu? Đến học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thành Phật đạo cũng là chuyện tự nhiên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm như vậy, trong một đời này, chúng ta sẽ thảy đều viên mãn.

Nếu trong giai đoạn hiện thời mà thâm nhập kinh tạng, học rộng nghe nhiều, chẳng đoạn phiền não, tâm niệm Phật sẽ chẳng thể chuyên! Nói cách khác, trong tương lai, chẳng thể vãng sanh, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, lại sai mất rồi! Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chẳng biết chúng ta đã lầm lỗi bao nhiêu lần! Đời này vẫn giống y hệt đời quá khứ, vẫn phạm lỗi lầm, [vậy là] lầm lỗi quá to. Trong quá khứ, đã phạm quá nhiều lầm lỗi, hy vọng đời này chẳng sai lầm nữa, thật thà niệm Phật, đó là chuyện khẩn yếu! Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng trong hiện tiền, chẳng cầu hưởng thụ ngũ dục trong hiện tiền. Vì sao? Hưởng thụ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, sẽ khiến cho chúng ta sanh khởi tâm lưu luyến đối với thế giới khổ nạn này, cũng có nghĩa là ý niệm vãng sanh chẳng chân thật, chẳng thiết tha.

Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật dạy chúng ta: *"Lấy khổ làm thầy"* rất có lý. *"Lấy giới làm thầy"*, *"giới"* là vâng giữ pháp tắc. Phải tuân thủ những phương pháp do đức Phật đã dạy, quyết định chớ nên vi phạm. *"Lấy khổ làm thầy"*: Hoàn cảnh sống kham khổ một chút, được lắm, chẳng lưu luyến thế gian này. Khi chúng ta lâm chung, khi vãng sanh, sẽ chẳng có chướng ngại. Người thật sự giác ngộ, biết cách thực hiện như thế nào. Vì thế, dốc toàn bộ tinh thần vào kinh giáo, nếu chẳng thể thành tựu, đó là tổn thất rất lớn. Thành tựu nơi kinh giáo hết sức khó khăn, đấy chẳng phải là chuyện [có thể hoàn thành] trong một đời một kiếp được! Trước kia, thầy Lý dạy học tại Đài Trung cũng thường nói: Những vị thiện tri thức chẳng phải là trong một đời, mà là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã làm công tác hoằng pháp lợi sanh. Họ có túc căn ấy, cho nên có thể học, thành tựu dễ dàng. Trong đời quá khứ mà chẳng có túc căn ấy, khó lắm! Dẫu gặp bậc cao thủ hạng nhất, người ấy vẫn chẳng dễ gì thành tựu. Chúng ta phải hiểu rõ những điều này! Vì thế, nếu thật sự muốn thông Tông, thông Giáo, học rộng, nghe nhiều, phổ độ chúng sanh, phương pháp thông minh nhất là phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước đã, gặp gỡ A Di Đà Phật, học thành một thân trí huệ, đức năng, lại trở vào mười phương thế giới hòng phổ độ chúng sanh hữu duyên. Đó là con đường thích đáng nhất, là sự chọn lựa thông minh nhất.

Đấy là nói về sự khác biệt giữa cầu trí huệ từ bên ngoài và cầu trí huệ từ bên trong. Chúng ta nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, thì *"tự tánh trí huệ bất khả tận"*. Nay quý vị làm như thế, chư Phật Như Lai sẽ tán thán quý vị, trí huệ trong tự tánh của quý vị chẳng thể tận, quý vị sẽ giống như Văn Thù, Phổ Hiền. Nếu chẳng phải là trí huệ chân thật, sẽ không thể chọn lựa Tịnh Độ, sẽ không thể nghiêm túc tu hành. Do vậy, pháp môn bày ở ngay trước mặt, cớ sao công phu chẳng đắc lực? Do chẳng có trí huệ chân thật, nghiệp chướng sâu nặng, tín tâm chẳng sanh khởi, nguyện tâm chẳng sanh khởi, khó niệm tốt đẹp câu Phật hiệu được, niệm chẳng suông sẻ, đó là nghiệp chướng.

(Sao) Viết Hằng sa giả, diệc thiểu phần dụ nhĩ.

(鈔)曰恆沙者，亦少分喻耳。

*(**Sao**: Nói là "như cát sông Hằng" thì cũng là sánh ví chút phần).*

Kinh nói *"Hằng hà sa số"* (nhiều như số cát trong sông Hằng); thật ra, số cát trong sông Hằng chẳng nhiều, có thể tính toán rõ ràng, tính trọn hết. Dùng cát sông Hằng làm tỷ dụ, người thế gian thoạt trông bèn nghĩ rất nhiều, đó là bất đắc dĩ dùng chuyện này làm tỷ dụ. Trên thực tế, Hằng hà sa lần Hằng hà sa cũng chẳng có cách nào tỷ dụ, quý vị mới biết công đức và trí huệ trong tự tánh thật sự là chẳng thể cùng tận, thật sự là vô lượng vô biên.

(Sao) Sở dĩ đạo: Tận tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí.

(鈔)所以道盡思共度量，不能測佛智。

*(**Sao**: Cho nên nói: "Suy nghĩ trọn hết, cùng nhau tính lường, chẳng thể dò lường Phật trí").*

"Sở dĩ đạo" là cho nên nói, *"tận tư cộng độ lượng"*: Tất cả hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, tận hết sức suy tưởng, cùng nhau tính lường, cũng chẳng có cách nào hiểu rõ trí huệ đức Phật, mà cũng chẳng có cách nào biết. Đó là hình dung tột bậc trí huệ và đức năng trong tự tánh thật sự là vô lượng vô biên. Nhưng chư vị phải ghi nhớ, vô tận trí huệ và đức năng là thứ bản thân chúng ta vốn sẵn có, chẳng phải là chỉ riêng Phật hoặc Bồ Tát mới có. Mỗi người chúng ta đều có! Chỉ cần trừ bỏ chướng ngại, trí huệ và đức năng liền hiển lộ. Chư Phật Như Lai xóa sạch hết thảy chướng ngại, hoàn toàn hiển lộ. Trí huệ và đức

năng của chúng ta bị phiền não, vọng tưởng, và chấp trước chướng ngại, tuy có mà chẳng thể hiện tiền, chẳng thể thọ dụng. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, chẳng có gì khác, nhằm dạy chúng ta biết đạo lý này, biết chân tướng sự thật; trừ khử chướng ngại là chuyện của chính mình, người khác chẳng giúp được. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mở đầu vẫn là chính mình phải đổ công dốc sức, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật bèn giúp đỡ. Chẳng đến thế giới Tây Phương, A Di Đà Phật chẳng thể giúp đỡ được. Công phu niệm Phật của chúng ta thành tựu, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta vãng sanh, đó là sự giúp đỡ của A Di Đà Phật trong một đời này. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ giúp đỡ hoàn toàn, Ngài hoàn toàn đảm trách. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 261

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi ba:

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。

*(**Kinh**: Mỗi vị đều ở nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới).*

Trong đoạn này, đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh cho chúng ta.

(Sớ) Kỳ quốc giả, bổn sở trụ quốc, các ư kỳ quốc giả, kiến Phật Phật giai nhiên dã.

(疏)其國者，本所住國，各於其國者，見佛佛皆然也。

*(**Sớ**: "Nước mình": Cõi nước mà chính vị ấy đang trụ. Trong mỗi cõi nước, thấy mỗi vị Phật đều là như thế).*

Từ đây trở đi, đối với mỗi một phương thuộc sáu phương đều có một đoạn kinh văn như vậy. Ở đây, do đã trình bày rõ ràng, những phần sau có thể tỉnh lược, [chẳng chú giải cặn kẽ khi thấy những phần kinh

văn tương tự]. Điều quan trọng nhất trong phần kinh văn này là bảo chúng ta: Hết thảy chư Phật Như Lai, chẳng có một vị Phật nào không tán thán Tịnh Độ, chẳng có một vị Phật nào không khen ngợi A Di Đà Phật, đều là khuyên lơn, khích lệ trọn khắp hết thảy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy có thể thấy: Tây Phương Tịnh Độ thật sự thù thắng khôn sánh. Từ những phần trước, chúng ta đọc mãi tới đây, bèn có thể thấy pháp môn này xác thực là để tiếp dẫn chúng sanh căn cơ đã chín muồi. Gọi là *"chúng sanh căn cơ đã chín muồi"* nghĩa là cơ duyên thành Phật của họ đã chín muồi trong một đời này. Nói cách khác, đối với kẻ cơ duyên thành Phật chưa chín muồi trong một đời này, có nói với họ pháp môn này, họ khó thể tiếp nhận. Nếu căn cơ đã chín muồi, vừa nghe pháp môn này, họ bèn sanh tâm hoan hỷ, bèn bằng lòng niệm Phật. Quan sát từ hình tướng, chúng ta liền biết người ấy thiện căn đã chín muồi hay chưa. Nói thật ra, [đối với người ấy] pháp môn này không chỉ là đã chín muồi, mà là đã chín nẫu rồi! Trong đời này, người ấy sẽ làm Phật, chứ Bồ Tát hoặc A La Hán đều chẳng muốn làm! Đời này, người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Pháp môn này rất thù thắng, rất đặc biệt, hết thảy chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh. Hết thảy chư Phật đều ở trong khu vực giáo hóa của chính mình, tức là ngự ngay trong cõi nước mà chính mình đang giáo hóa, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong thế giới Sa Bà, tình hình [hiện tướng lưỡi để chứng minh trong mỗi cõi Phật] đều giống hệt như nhau!

(Sớ) Tả hữu vi quảng, tiền hậu vi trường.

(疏)左右為廣，前後為長。

*(**Sớ**: Trái, phải là rộng, trước, sau là dài).*

Giải thích tướng lưỡi rộng dài. Tướng lưỡi của đức Phật chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Tam thiên đại thiên, tường như Câu Xá trung thuyết.

(疏)三千大千，詳如俱舍中說。

*(**Sớ**: Tam thiên đại thiên thế giới là như trong Câu Xá Luận đã nói tường tận).*

Câu Xá Luận đã nói về tam thiên đại thiên thế giới rất tỉ mỉ.

(Sớ) Phú đại thiên giả, cực ngôn thiệt tướng chi quảng trường dã.

(疏)覆大千者，極言舌相之廣長也。

*(**Sớ**: "Che phủ đại thiên": Nói tột bậc tướng lưỡi rộng dài).*

Tướng lưỡi của Phật có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới; đấy là nói về tướng lưỡi rộng dài.

(Sớ) Dĩ đa kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh cố, nhược tường kỳ diêu, như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(疏)以多劫口業清淨故，若詳其繇，如華嚴中說。

*(**Sớ**: Do vì nhiều kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh. Nếu muốn hiểu tường tận nguyên do thì như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói).*

Vì sao đức Phật có tướng lưỡi rộng dài? Kinh Hoa Nghiêm có nói đạo lý này.

(Sớ) Ngôn thử dĩ minh Phật ngữ vi tất khả tín, linh đoạn nghi dã.

(疏)言此以明佛語為必可信，令斷疑也。

*(**Sớ**: Nói điều này nhằm chỉ rõ lời Phật ắt đáng tin, hòng đoạn nghi).*

Mục đích của kinh văn ở ngay trong một câu kinh này: Nhằm làm cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Sao) Câu Xá Luận tụng vân: "Tứ đại châu, nhật, nguyệt, Tu Di Lô, Dục Thiên, Phạm Thế các nhất thiên, danh vi tiểu thiên giới. Thử tiểu thiên thiên bội, thuyết danh vi trung thiên, thử thiên bội đại thiên, giai đồng nhất thành hoại".

(鈔)俱舍論頌云：四大洲日月，須彌盧欲天，梵世各一千，名為小千界。此小千千倍，說名為中千，此千倍大千，皆同一成壞。

*(**Sao**: Câu Xá Luận có bài kệ tụng như sau: "Bốn đại châu, nhật, nguyệt, núi Tu Di, Dục Thiên, Phạm Thiên gồm một ngàn, là tiểu thiên thế giới. Gấp ngàn lần tiểu thiên, là trung thiên thế giới. Hợp một ngàn*

trung thiên, thành đại thiên thế giới, cùng nhau thành hoặc hoại").

Tu Di Lô (Sumēru) là núi Tu Di, Dục Thiên là Dục Giới Thiên (Kāmadhātu), Phạm Thế Thiên là Sơ Thiền Thiên. Một mặt trời, một mặt trăng nhiễu quanh núi Tu Di chiếu soi Tứ Thiên Hạ[23]. Tứ Vương Thiên (Cāturmahārājikakāyika) ở lưng chừng núi Tu Di, cõi trời Đao Lợi (Trāyastriṃśa) ở trên đỉnh núi. Phía trên tầng trời ấy có Dạ Ma Thiên (Yāma), Đâu Suất Thiên (Tuṣita), Hóa Lạc Thiên (Nirmāṇarati), Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin), Phạm Thế Thiên (Brahmā). Đó gọi là một thế giới (Lokadhātu). Một ngàn thế giới như vậy, [tức là bao gồm] một ngàn mặt trời, mặt trăng, một ngàn núi Tu Di, một ngàn Tứ Thiên Hạ, một ngàn Tứ Vương Thiên, một ngàn Đao Lợi Thiên, một ngàn Dạ Ma Thiên, một ngàn Đâu Suất Thiên, một ngàn Hóa Lạc Thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại Thiên, một ngàn Phạm Thế Thiên, đều cùng bị che phủ bởi Đệ Nhị Thiền Thiên (Ābhāsvara), được gọi là một tiểu thiên thế giới (Sāhasra-chulanika Lokadhātu). *"Thử tiểu thiên thiên bội, thuyết danh vi trung thiên, thử thiên bội đại thiên, giai đồng nhất thành hoại"* (Một ngàn tiểu thiên thế giới, gọi là một trung thiên thế giới (Dvisāhasra-Madhyama-Lokadhātu). Một ngàn trung thiên thế giới hợp thành một đại thiên thế giới, đều cùng trải qua chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không. Vì sao tập đoàn ấy được gọi là một đại thiên thế giới (Thrisāhasra-Mahāsāhasra-Lokadhātu)? Có chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không như nhau. Khi thành bèn đồng thời thành; khi hoại bèn đồng thời hoại.

(Sao) Kim thích vị tứ đại bộ châu, nhị luân nhật nguyệt, nhất Tu Di sơn, tùng hạ địa ngục, chí Lục Dục Thiên, tùng Dục Thiên chí Phạm Thiên, tề thử Sắc Thiên, danh nhất thế giới.

(鈔)今釋謂四大部洲，二輪日月，一須彌山，從下地獄，至六欲天，從欲天至梵天，齊此色天，名一世界。

*(**Sao**: Nay giải thích: Bốn đại bộ châu, hai vầng mặt trời, mặt trăng, một núi Tu Di, từ dưới địa ngục cho đến Lục Dục Thiên[24], từ Dục Thiên cho tới Phạm Thiên, ngang với Sắc Thiên, thì gọi là một thế giới).*

---

[23] Tứ Thiên Hạ là danh xưng khác để gọi Tứ Đại Bộ Châu.

[24] Lục Dục Thiên chính là Tha Hóa Tự Tại Thiên, vì đây là tầng trời thứ sáu trong Dục Giới Thiên, nên gọi là Lục Dục Thiên.

Đây là một đơn vị thế giới.

(Sao) Nhất nhất sổ chi, tích nhi chí thiên, danh viết tiểu thiên.

(鈔)一一數之，積而至千，名曰小千。

(***Sao***: *Cứ đếm từng thế giới một, tích tập đến số lượng một ngàn, bèn gọi là một tiểu thiên thế giới).*

Tích lũy một ngàn đơn vị thế giới, gọi là một tiểu thiên thế giới.

(Sao) Hựu dĩ tiểu thiên vi nhất, nhất nhất sổ chi, tích nhi chí thiên, danh viết trung thiên. Hựu dĩ trung thiên vi nhất, nhất nhất sổ chi, tích nhi chí thiên, danh viết đại thiên. Dĩ tam thứ ngôn thiên, viết "tam thiên đại thiên", kỳ thật nhất đại thiên dã. Nhất đại thiên thế giới, tức kinh trung nhất Phật độ dã.

(鈔)又以小千為一，一一數之，積而至千，名曰中千。又以中千為一，一一數之，積而至千，名曰大千。以三次言千，曰三千大千，其實一大千也。一大千世界，即經中一佛土也。

(***Sao***: *Lại lấy tiểu thiên làm đơn vị, lần lượt đếm từng cõi cho đến hợp thành một ngàn [tiểu thiên] thì gọi là một trung thiên. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, lần lượt đếm mỗi cõi cho đến hợp thành một ngàn [trung thiên] thì gọi là một đại thiên. Do có ba lượt nói đến con số ngàn nên gọi là "tam thiên đại thiên"; thật ra là một đại thiên. Một đại thiên thế giới chính là một cõi Phật được nói trong kinh).*

Lấy tiểu thiên thế giới làm một đơn vị, gộp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, bèn gọi là một trung thiên thế giới. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, gộp một ngàn trung thiên thế giới lại, gọi là một đại thiên thế giới. Thật ra, *"tam thiên đại thiên"* là một đại thiên thế giới, chẳng phải là ba ngàn đại thiên thế giới. Nó do tiểu thiên, trung thiên, và đại thiên kết hợp thành như vậy, nên gọi là *"tam thiên đại thiên thế giới"*, trên thực tế là một đại thiên thế giới. Đấy là khu vực giáo hóa (Vishaya-kshetra) của một vị Phật. Trí huệ, thần thông, đức năng, và phước báo của mỗi vị Phật đều giống nhau, nhưng quốc độ để Phật hóa độ chúng sanh sẽ to nhỏ bất đồng, do nguyên nhân nào? Mỗi đức Phật trong lúc tu nhân đã phát nguyện khác nhau, cho nên khi chứng quả sẽ cảm báo khác

nhau. Do đó, có khu vực giáo hóa của một vị Phật bé một chút (tối thiểu là một đại thiên thế giới), có khu vực giáo hóa to hơn (mấy đại thiên thế giới), có khu vực giáo hóa cũng rất ư là lớn (mười mấy đại thiên thế giới). Hiểu rõ đạo lý này, hiện thời, nơi nhân địa phải phát nguyện rộng lớn; trong tương lai thành Phật, thế giới của quý vị sẽ to hơn những vị Phật khác, quý vị sẽ độ chúng sanh nhiều hơn các vị Phật khác. Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Vì vậy, phải kết pháp duyên rộng rãi cùng hết thảy chúng sanh; trong tương lai, thế giới sẽ to lớn. Đấy là chỗ khác biệt giữa mỗi vị Phật.

(Sao) Bỉ A Súc Phật, nãi chí Hằng sa chư Phật, các các chủ thử đại thiên thế giới.

(鈔)彼阿閦佛，乃至恆沙諸佛，各各主此大千世界。

*(**Sao**: A Súc Phật cho đến Hằng sa chư Phật, mỗi vị đều là giáo chủ của những đại thiên thế giới ấy).*

Mỗi vị Phật là giáo chủ, đạo sư, hoặc giáo hóa chủ của một đại thiên thế giới.

(Sao) Kim vị chư Phật các ư bổn giới, xuất quảng trường thiệt, phú kỳ giới nội, vô bất biến dã.

(鈔)今謂諸佛各於本界，出廣長舌，覆其界內，無不遍也。

*(**Sao**: Nay [kinh Di Đà] nói mỗi vị Phật đều ở trong cõi mình, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi ấy, không gì chẳng trọn khắp).*

Tướng lưỡi rộng dài, có phải là lưỡi thật sự vươn ra che trùm đại thiên thế giới hay không? Nói theo Lý thì suông sẻ, xét theo Lý thì có thể nói thông suốt, mà về Sự cũng rất có khả năng! Phải biết điều này. Đây là một loại cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, lưỡi Phật vươn ra che khắp tam thiên đại thiên thế giới, chúng ta cũng chẳng thấy. Vì sao? Tướng của Báo Thân Phật rất to, loài người chúng ta quá nhỏ bé. Trong bài kệ Tán Phật có nói giữa chặng mày của đức Phật có hai sợi bạch hào, cuộn tròn lại giống như một viên châu, to cỡ nào? *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di"*, quý vị làm sao có thể thấy được? Cổ nhân tới chơi Lư Sơn, Lư Sơn cao tới đâu? Cổ nhân cảm thán bảo: *"Bất thức Lư Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung"* (Chẳng biết diện

mục thật của Lư Sơn, chỉ vì thân còn đang ở trong núi ấy). Nếu quý vị ở trong bạch hào của Phật, tức là bé tí ti, làm sao quý vị có thể thấy được toàn bộ bạch hào? Toàn bộ bạch hào còn chẳng thấy, làm sao quý vị có thể thấy thân thể của đức Phật cho được? Chắc chắn là chẳng thấy! Thân tướng của Phật quá lớn, loài người chúng ta quá bé, chẳng có cách nào thấy thân tướng của Phật được! Đấy là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu nói theo sự biểu thị pháp, ý nghĩa này càng dễ hiểu hơn! Pháp âm của Phật trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới, đó là tướng lưỡi rộng dài; giống như đài TV hoặc Radio trong hiện tại, toàn thể thế giới đều có thể nghe thấy. [Hiểu theo kiểu đó] thì tướng lưỡi của quý vị che khắp toàn bộ địa cầu cũng có thể nói thông suốt. Đó là nói theo sự biểu thị pháp. Nhưng đức Phật xác thực là có đức tướng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Tướng lưỡi là một trong ba mươi hai tướng [đại nhân]. Trên thực tế, trong ba mươi hai tướng, lưỡi của Thích Ca Mâu Ni Phật rất mỏng. Kinh có ghi chép chuyện này. Khi đức Phật thè lưỡi ra có thể che trùm cả mặt, lưỡi chúng ta chẳng thể làm được! Đức Phật nói: Chúng ta thè lưỡi ra mà có thể liếm mũi của chính mình, đó là do suốt ba đời chẳng nói dối. Phải tu ba đời không vọng ngữ, thè lưỡi ra bèn có thể liếm được mũi của chính mình. Lưỡi thè ra có thể che mặt, cho thấy đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối. Lời Phật đáng tin cậy, có thể tin tưởng! Lưỡi của Như Lai có thể che trùm tam thiên đại thiên thế giới, nghĩa là đời đời kiếp kiếp đều chẳng vọng ngữ.

(Sao) Khẩu nghiệp thanh tịnh giả, vị bất vi vọng ngôn, ỷ ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

(鈔)口業清淨者，謂不為妄言、綺語、惡口、兩舌。

*(**Sao**: "Khẩu nghiệp thanh tịnh" là chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói thô ác, chẳng nói đôi chiều).*

Bốn lỗi ấy đều chẳng có.

(Sao) Thường vi chân thật ngữ, chánh trực ngữ, nhu nhuyễn ngữ, hòa hợp ngữ.

(Diễn) Thường vi chân thật đẳng tứ cú, các hữu Sự Lý. Vĩnh Gia vân: "Chánh trực ngữ giả hữu nhị, nhất xứng pháp thuyết, linh chư văn giả tín giải minh liễu. Nhị xứng Lý thuyết, linh chư văn giả trừ nghi khiển hoặc. Nhu nhuyễn ngữ giả diệc nhị: Nhất giả an ủy

ngữ, linh chư văn giả hoan hỷ thân cận; nhị giả cung thương thanh nhã, linh chư văn giả ái nhạo thọ tập. Hòa hợp ngữ diệc nhị: Nhất Sự hòa hợp, kiến đấu tranh nhân gián khuyến linh xả, bất tự xứng dự, ty tốn kính vật. Nhị Lý hòa hợp, kiến thoái Bồ Đề tâm nhân, ân cần khuyến tấn, thiện năng phân biệt, Bồ Đề, phiền não, bình đẳng nhất tướng. Như thật ngữ giả diệc nhị: Nhất Sự thật giả, hữu tắc ngôn hữu, vô tắc ngôn vô, thị tắc ngôn thị, phi tắc ngôn phi. Nhị Lý thật giả, nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh, Như Lai Niết Bàn thường trụ, bất biến".

(鈔)常為真實語，正直語，柔軟語，和合語。

(演)常為真實等四句。各有事理。永嘉云。正直語者有二。一稱法說。令諸聞者信解明了。二稱理說。令諸聞者除疑遣惑。柔軟語者亦二。一者安慰語。令諸聞者歡喜親近。二者宮商清雅。令諸聞者愛樂受習。和合語亦二。一事和合。見鬥爭人諫勸令捨。不自稱譽。卑遜敬物。二理和合。見退菩提心人。慇勤勸進。善能分別。菩提煩惱。平等一相。如實語者亦二。一事實者。有則言有。無則言無。是則言是。非則言非。二理實者。一切眾生皆有佛性。如來涅槃常住不變。

*(**Sao**: Thường nói lời chân thật, lời chánh trực, lời mềm mỏng, lời hòa hợp.*

***Diễn**: Bốn câu "thường là chân thật" v.v... mỗi câu đều có Sự và Lý. Ngài Vĩnh Gia nói: "Chánh trực ngữ có hai loại: Một là nói tương xứng với pháp, khiến cho những người nghe tín giải, hiểu rõ. Hai là nói xứng Lý, khiến cho các người nghe trừ nghi, dứt hoặc. Nhu nhuyễn ngữ cũng có hai loại: Một là lời an ủi, khiến cho người nghe sanh hoan hỷ, thân cận. Hai là êm ái, thanh nhã, khiến cho người nghe ưa thích, tiếp nhận, tu tập. Hòa hợp ngữ cũng có hai loại: Một là Sự hòa hợp, thấy kẻ tranh đấu bèn can gián, khuyên nhủ, khiến cho họ từ bỏ. Chẳng tự bốc thơm mình, khiêm tốn đối với chúng sanh. Hai là Lý hòa hợp, thấy người thoái thất tâm Bồ Đề bèn ân cần khuyên nhủ, sách tấn, khéo có thể phân biệt Bồ Đề và phiền não, nhất tướng bình đẳng. Như thật ngữ cũng có hai loại: Một là nói Sự thật, có bèn nói có, không thì nói không. Đúng bèn nói đúng, sai bèn nói sai. Hai là Lý thật, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, Như Lai, Niết Bàn thường trụ bất biến").*

Phật, Bồ Tát nói năng đều chẳng lìa khỏi bốn nguyên tắc này.

(Sao) Nhi ngôn đa kiếp giả, kinh vân: "Phàm phu thiệt quá tỵ tiêm, biểu tam thế bất vọng ngữ".

(鈔)而言多劫者，經云：凡夫舌過鼻尖，表三世不妄語。

*(**Sao**: Nói là "nhiều kiếp" [là vì như] kinh đã dạy: "Phàm phu lưỡi chạm đến chóp mũi biểu thị ba đời chẳng nói dối").*

Ba đời chẳng nói dối thì lưỡi mới có thể liếm đến chóp mũi của chính mình.

(Sao) Phật nãi vô lượng kiếp lai tằng vô vọng ngữ, cửu tích công đức, cảm tư thắng tướng dã.

(鈔)佛乃無量劫來曾無妄語，久積功德，感斯勝相也。

*(**Sao**: Trong vô lượng kiếp, đức Phật đều chẳng hề nói dối, do công đức tích tập đã lâu bèn cảm vời tướng thù thắng ấy).*

Tướng lưỡi của Phật mỏng dường ấy, rộng lớn ngần ấy. Đó là do từ vô lượng kiếp tới nay Ngài chẳng hề nói dối, cho nên mới có tướng hảo như vậy.

(Sao) Tường kỳ diêu giả, Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm vân: Bồ Tát hữu thập chủng thiệt, sở vị khai thị diễn thuyết vô tận chúng sanh hạnh thiệt, khai thị diễn thuyết vô tận pháp môn thiệt, tán thán chư Phật vô tận công đức thiệt, nãi chí hàng phục nhất thiết chư ma ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, linh chí Niết Bàn thiệt, thị vi thập. Bồ Tát thành tựu thử pháp, đắc Như Lai biến phú quốc độ vô thượng thiệt, tắc bất chỉ nhất nhân, cố ngôn tường dã.

(鈔)詳其繇者，華嚴離世間品云：菩薩有十種舌，所謂開示演說無盡眾生行舌，開示演說無盡法門舌，讚歎諸佛無盡功德舌，乃至降伏一切諸魔外道，除滅生死煩惱，令至涅槃舌，是為十。菩薩成就此法，得如來遍覆國土無上舌，則不止一因，故言詳也。

*(**Sao**: [Nói] tường tận nguyên do: Phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có nói: Bồ Tát có mười loại lưỡi, nghĩa là lưỡi khai thị diễn thuyết hạnh của vô tận chúng sanh, lưỡi khai thị diễn nói vô tận pháp môn, lưỡi tán thán vô tận công đức của chư Phật, cho tới lưỡi hàng phục hết thảy chư ma, ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, làm cho đạt đến Niết Bàn. Đó là mười [loại lưỡi của Bồ Tát]. Bồ Tát thành tựu pháp này, sẽ đắc lưỡi vô thượng che khắp cõi nước của Như Lai. Như vậy là không chỉ do một cái nhân [mà có tướng lưỡi thù thắng ấy], cho nên nói là "tường tận").*

Có thể thấy tướng hảo nơi tướng lưỡi của Như Lai, không chỉ là do không vọng ngữ. Dẫu đã nói là "chẳng vọng ngữ, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói đôi chiều", vẫn chẳng phải là chỉ có vậy! Như Lai chẳng ngừng diễn thuyết hạnh của chúng sanh; nêu rõ tư tưởng, kiến giải, và hành trì của chúng sanh trong chín pháp giới, khiến cho chúng ta hiểu rõ nhân duyên, quả báo trong ấy, do đó bèn giác ngộ. Lại vì chúng sanh diễn nói vô lượng pháp môn, chỉ dạy phương pháp tu hành, tán thán công đức của chư Phật, khiến cho chúng ta hướng tới quả báo chân thật, cho đến giảng giải phương pháp tu học, làm thế nào để chế phục phiền não, làm thế nào hàng phục ngoại đạo, làm thế nào để trừ diệt sanh tử, đạt đến Niết Bàn rốt ráo. Vì thế, lưỡi Phật thật sự có tác dụng trọn đủ vô lượng công đức. Trong xã hội hiện thời, đúng là như đức Phật đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm: *"Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng"*. Như thế nào thì mới có thể gìn giữ chính mình, thành tựu đạo nghiệp trong hoàn cảnh ấy? Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ ý nghĩa biểu thị pháp qua danh hiệu của sáu phương Phật trong kinh Di Đà. Điều kiện cơ bản trong tu học Đại Thừa đã được nêu bày bởi vị Phật thứ nhất trong đoạn này, tức A Súc Bệ Phật, [danh hiệu ấy có nghĩa là] *"bất động giác"*, phải có điều kiện này thì mới được.

Chiều hôm nay có hai vị đồng tu tới gặp tôi, kể với tôi là mấy năm trước họ học Phật đều do nghe băng thâu âm [lời giảng] của tôi, ở nhà thật thà niệm Phật. Tâm địa quả thật thanh tịnh, rất tự tại, công phu cũng đắc lực. Trong hai năm nay, do quen biết một số đồng tham đạo hữu, [những người ấy] mời mọc họ tham gia hội Niệm Phật tại địa phương. Họ vừa tham gia bèn làm cán độ, hoạt động rất nhiều. Lại còn phải lên núi lễ Phật (triều sơn bái Phật), lại còn phải tới nơi này chốn nọ. Có hoạt động thì phải cần tới tiền. Họ vốn chẳng làm gì, tâm địa rất thanh tịnh, ở

nhà niệm Phật. Nay vì có quá nhiều hoạt động liên tiếp, đi các nơi đều cần đến tiền, phải cúng dường, chẳng có cách nào, bắt buộc phải đi làm, nghĩ hết mọi cách để kiếm tiền, khổ chẳng thể nói được! Họ tìm đến tôi kể khổ. Đến thăm viếng đạo tràng của tôi ở đây, họ nói: Trong sự tưởng tượng của chính mình, đạo tràng của chúng ta nhất định là rất to, rất trang nghiêm, nào ngờ [đơn sơ] như tình hình này! Tôi nói: "Những người đến cộng tu trong đạo tràng của chúng tôi đều thuộc tầng lớp bình dân, kẻ giàu có rất ít". Tôi bảo: "Ở đây, chúng tôi chẳng chèo kéo tín đồ, chẳng ép kẻ khác quyên tiền. Tâm chúng tôi rất bình lặng, rất đúng pháp". Đạo tràng của họ phải chèo kéo kẻ khác, phải nghĩ cách kiếm tiền, tín đồ khổ chẳng thể nói nổi!

Công đức của Phật không chỉ là chẳng có lầm lỗi, mà ba nghiệp đều là vô lượng công đức. Vì thế, đối với chuyện học Phật, người hiện thời khuyên kẻ khác tu phước báo, cứ tưởng như vậy là tu phước báo! Hôm nay, họ có đến hỏi tôi: "Đấy có phải là phước báo hay không?" Tôi bảo: "Quý vị cảm thấy chính mình có phước hay không? Suốt ngày từ sáng đến tối khổ chẳng thể nói nổi, phước ở chỗ nào? Đó là ngu si, điên đảo". Phước báo thật sự là tâm địa thanh tịnh, tự tại, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, sống rất bình đạm, rất bình an, đó là "có phước". Chẳng phải là có tiền, có địa vị là có phước. Kẻ có tiền, có địa vị chẳng có phước. Tôi nêu thí dụ, kẻ làm lãnh tụ, làm Thủ Tướng trong mỗi quốc gia trên toàn thể thế giới hiện thời, hoặc các đại xí nghiệp gia giàu sụ, họ có phước hay không? Chẳng có phước! Cuộc sống rất đau khổ! Suốt ngày từ sáng đến tối mưu toan, đấu trí, làm thế nào để đối phó kẻ khác, làm thế nào để bảo vệ chính mình? Khổ chẳng thể nói nổi, há có tự tại như chúng ta! Trong tâm, chuyện gì cũng đều chẳng có. Đấy là phước báo chân chánh, thật sự hưởng phước. Vị Phật này, ở đây nói là bất động giác, hợp lý lắm!

Trong kinh điển Tịnh Tông có nói: Thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, phước lẫn huệ đều ở trong đó. Niệm câu Phật hiệu, tín nguyện trì danh, tu phước và tu huệ thảy đều được bao gồm. Tu Giới, tu Định, tu Huệ, Tam Học cũng được bao gồm. Ngẫu Ích đại sư đã khai thị về Niệm Phật rất hay: Không chỉ là Tam Học được gộp trong ấy, mà Lục Độ của Bồ Tát cũng ở trong một câu Phật hiệu. Tất cả hết thảy các pháp môn thế gian và xuất thế gian thảy đều được bao gồm trong một câu Phật hiệu. Quý vị nói xem: Có thuận tiện lắm hay không? Viên mãn dường ấy! Chẳng cần phải làm chuyện gì khác! Đây là nói lên tầm mức khẩn yếu

của bất động, chẳng bị tiếng tăm, lợi dưỡng lay động, chẳng bị sự hưởng thụ ngũ dục lay động, mà cũng chẳng bị hết thảy các pháp môn khác lay động, ta khăng khăng một dạ tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đó là bất động giác, điều này hết sức trọng yếu!

(Sao) Tất khả tín giả.

(鈔)必可信者。

*(**Sao**: Ắt là đáng tin).*

Tướng lưỡi của đức Phật rộng dài nhằm chứng minh cho chúng ta là [những điều đức Phật đã nói] nhất định là đáng tin.

(Sao) Phàm phu thiệt tướng bất quá tam thốn, cổ vị: "Điệu tam thốn thiệt, tắc hủy, dự, ức, dương, tuần kỳ tư ý, dung vị khả tín".

(鈔)凡夫舌相不過三寸，古謂掉三寸舌，則毀譽抑揚，循其私意，容未可信。

*(**Sao**: Tướng lưỡi của phàm phu bất quá ba tấc, cổ nhân nói: "Múa ba tấc lưỡi để hủy báng, khen ngợi, hạ thấp, đề cao, thuận theo ý muốn của riêng mình, chẳng thể tin cậy").*

Người thế gian do dục vọng hoặc vì tâm riêng tư quấy phá, ăn nói chẳng thành thật, nhất định là chúng ta chẳng thể tin tưởng được!

(Sao) Phật cụ như thị quảng trường chi thiệt, ninh hữu vọng hồ? Kỳ sở tán thán, cánh nghi bất tín, vô hữu thị xứ!

(鈔)佛具如是廣長之舌，寧有妄乎？其所讚歎，更疑不信，無有是處。

*(**Sao**: Đức Phật có lưỡi rộng dài như thế, há có dối trá chăng? Đối với những điều Ngài đã tán thán, lại ngờ vực, chẳng tin, chẳng có lẽ ấy).*

Lời Phật là lời thành thật. Chư Phật chứng minh nhằm kiên định tín tâm của chúng ta.

(Sớ) Hựu hạnh vị Bồ Tát, thượng hữu quảng trường thiệt tướng, cánh quá ư thử, kim do lược thuyết.

(Sao) Bồ Tát thiệt tướng giả, Hoa Nghiêm Thập Hạnh vị Bồ Tát, thành tựu Thập Vô Tận Tạng, kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiệt, xuất diệu âm thanh, sung mãn thập phương nhất thiết thế giới.

(Diễn) Thập Vô Tận Tạng giả, vị Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng, Biện Tạng. Kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiệt sung mãn thế giới giả, tức đệ thập Biện Tạng dã.

(疏)又行位菩薩，尚有廣長舌相，更過於此，今猶略說。

(鈔)菩薩舌相者，華嚴十行位菩薩，成就十無盡藏，其說法時，以廣長舌，出妙音聲，充滿十方一切世界。

(演)十無盡藏者。謂信藏。戒藏。慚藏。愧藏。聞藏。施藏。慧藏。念藏。持藏。辯藏。其說法時。以廣長舌充滿世界者。即第十辯藏也。

*(**Sớ**: Lại nữa, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh còn có tướng lưỡi rộng vượt trỗi hơn những điều đang được nói ở đây, nay [kinh này nói "lưỡi Phật che khắp tam thiên đại thiên thế giới"] chỉ là nói đại lược.*

***Sao**: "Tướng lưỡi của Bồ Tát": Theo Hoa Nghiêm, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh thành tựu mười thứ Vô Tận Tạng, lúc thuyết pháp, các Ngài dùng lưỡi rộng dài phát ra các âm thanh mầu nhiệm, tràn ngập hết thảy các thế giới trong mười phương.*

***Diễn**: Mười Vô Tận Tạng là Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng và Biện Tạng. Trong khi thuyết pháp, dùng tướng lưỡi rộng dài đầy khắp thế giới chính là Tạng thứ mười tức Biện Tạng).*

Trên đây là kinh văn, dưới đây là ý kiến của Liên Trì đại sư:

(Sao) Ngôn thập phương nhất thiết, tắc bất chỉ nhất đại thiên nhi dĩ. Bồ Tát thả nhiên, hà huống Như Lai.

(鈔)言十方一切，則不止一大千而已。菩薩且然，何況如來。

*(**Sao**: Nói "hết thảy [các thế giới] trong mười phương", tức là không chỉ là một đại thiên thế giới mà thôi. Bồ Tát còn là như thế, huống hồ Như Lai).*

Đây là nói về hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh trong Viên Giáo. Tướng lưỡi rộng dài của các Ngài có thể thuyết pháp đầy ắp hết thảy các thế giới trong mười phương. Bậc Sơ Hạnh Bồ Tát còn có thể trọn khắp hết thảy các thế giới trong mười phương, huống hồ Phật quả trong Viên Giáo. Chúng ta thấy [tình hình ấy], đương nhiên là càng chớ nên hoài nghi. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh trong Viên Giáo đã có năng lực ấy, huống hồ những địa vị cao hơn như Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, đương nhiên là chẳng có vấn đề!

(Sao) Kim thả các tựu bổn quốc, cố vân lược thuyết. Kỳ thật, Phật tán Tịnh Độ, biến thập phương nhất thiết thế giới dã.

(鈔)今且各就本國，故云略說。其實佛讚淨土，遍十方一切世界也。

*(**Sao**: Nay [kinh này] lại nói mỗi vị Phật đều ở trong nước mình [mà tán thán A Di Đà Phật], nên bảo là "nói đại lược". Thật ra, đức Phật tán dương Tịnh Độ trọn khắp hết thảy các thế giới trong mười phương).*

Chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật, tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ là ở trong cõi của các Ngài, chúng ta tin tưởng điều này. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán trong thế giới Sa Bà, mười phương chư Phật chứng minh, mười phương chư Phật tán thán thấu tới thế giới Sa Bà. Cùng một đạo lý giống như vậy, chư Phật giảng kinh Di Đà, tán thán Tịnh Độ trong cõi mình, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nhất định chứng minh cho các Ngài. Đó là *"biến thập phương nhất thiết thế giới"* (trọn khắp hết thảy các thế giới trong mười phương).

(Sớ) Từ Ân vân: "Phật chi thiệt tướng, chứng tiểu, tắc phú diện môn, dĩ chí phát tế. Kim phú đại thiên, chứng đại sự dã".

(Diễn) Chứng tiểu, vị nhân thiên tiểu quả lậu, vô lậu nhân. Đại sự, vị khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến.

(疏)慈恩云：佛之舌相，證小，則覆面門，以至髮際；今覆大千，證大事也。

(演)證小。謂人天小果漏無漏因。大事。謂開示悟入佛之知見。

*(**Sớ**: Ngài Từ Ân nói: "Tướng lưỡi của đức Phật để chứng minh*

chuyện nhỏ bèn che trùm từ mặt cho đến mí tóc. Nay che khắp đại thiên, nhằm chứng minh đại sự vậy".

***Diễn**: "Chứng tiểu", ý nói tiểu quả trong cõi nhân thiên, có cái nhân là hữu lậu hoặc vô lậu, "đại sự" là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật).*

Từ Ân đại sư chính là Khuy Cơ đại sư, tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Pháp Tướng Duy Thức do Huyền Trang đại sư truyền từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Ngài lại còn phiên dịch hoàn thiện [các kinh luận của tông này], nhưng [tông ấy] chưa trở thành một tông phái tại Trung Hoa [vào thời Ngài]. Nó trở thành một tông phái [thật sự] là do công sức của đồ đệ Ngài (tức là do công sức của Khuy Cơ). Khuy Cơ là học trò của ngài Huyền Trang. Câu này trích từ bộ A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư: *"Phật chi thiệt tướng, chứng tiểu"* (tướng lưỡi của Phật để chứng minh chuyện nhỏ), để chứng minh chuyện nhỏ, tướng lưỡi bèn che cả mặt, chỉ rõ Ngài nói lời thành thật, trước nay chẳng nói dối. Nếu nói dối, chắc chắn là chẳng có hảo tướng ấy. Hiện thời, tướng lưỡi che khắp tam thiên đại thiên thế giới nhằm *"chứng đại sự"*, đại sự gì vậy? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Chư vị phải biết: Đây là đại sự bậc nhất trong Phật môn, chẳng có gì lớn hơn nữa. Vì sao? Địa vị được thành tựu trong các tông các phái Đại Thừa khác là Bồ Tát, Tam Hiền Bồ Tát, hoặc Thập Thánh Bồ Tát[25], chẳng nói tới chuyện thành Phật. Pháp môn này khiến cho chúng sanh thành Phật, còn có chuyện gì lớn hơn chuyện này được nữa! Quý vị mới biết đây là đại sự bậc nhất. Đối với chuyện giáo hóa chúng sanh của đức Phật, chuyện này trọng yếu khôn sánh!

Do một mình đức Phật nói, một mình Ngài làm chứng, chẳng đủ để gây tin tưởng, cho nên phải nhọc công kinh động mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, chẳng sót một vị nào, thảy đều đến chứng minh. Quý vị mới hiểu đại sự này là như thế nào mà kinh động tất cả hết thảy chư Phật Như Lai? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, đều chẳng tìm thấy [tình hình như vậy], chỉ riêng một pháp môn này nhất định là phải kinh động tất cả hết thảy chư Phật. Hết thảy chư Phật do *"gặp điều nghĩa chẳng thể tạ từ"* đều phải đến làm chứng. Nếu chúng ta hiểu rõ hiện tượng này, thấy hiện tượng này, mà vẫn chẳng

[25] Tam Hiền Bồ Tát là các địa vị Bồ Tát thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng. Thập Thánh Bồ Tát là từ Sơ Địa cho đến Thập Địa.

tin tưởng, vẫn còn có hoài nghi, thì phải là Nhất Xiển Đề như kinh Phật đã nói. Nhất Xiển Đề (Icchantika) dịch sang tiếng Hán nghĩa là *"chẳng có thiện căn"*, kẻ ấy chẳng có thiện căn. Kinh Di Đà xác thực là *"ngôn giản, ý cai"* (言簡意賅: ngôn từ đơn giản, ý nghĩa trùm khắp); nếu Liên Trì đại sư chẳng giải thích cặn kẽ như vậy, chúng ta cũng sẽ hàm hồ, mờ mịt đọc lướt qua câu kinh văn này, chẳng thấy được giá trị thật sự và dụng ý chân thật của nó. Điều này đã nói rõ: Kinh này là kinh bậc nhất để hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh, là pháp môn bậc nhất, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh viên thành Phật đạo trong một đời. Đó gọi là *"chứng đại sự"*.

(Sớ) Hựu vân: Bồ Tát đắc phú diện thiệt tướng, cố kỳ ngôn vô nhị, tất chân thật cố. Tắc phú diện chi thiệt, dĩ vô vọng ngữ, huống phú đại thiên hồ!

(疏)又云：菩薩得覆面舌相，故其言無二，悉真實故。則覆面之舌，已無妄語，況覆大千乎。

*(**Sớ**: Lại nói: "Bồ Tát được tướng lưỡi che mặt, nên chẳng nói hai lời, thảy đều chân thật. Như vậy thì tướng lưỡi che mặt đã chẳng nói dối, huống hồ [bậc có tướng lưỡi] che khắp đại thiên ư?")*

Bồ Tát có tướng lưỡi rộng dài, ngôn ngữ chân thật, quyết định chẳng hề nói dối. Lưỡi có thể che mặt, chứng tỏ Ngài quyết định chẳng nói dối. Nay tướng lưỡi của đức Phật che khắp tam thiên đại thiên thế giới, há có lẽ nào Ngài vọng ngữ ư?

(Sao) Thiệt tướng tiểu đại giả, dĩ Phật đắc Sắc Thân tam-muội.

(鈔)舌相小大者，以佛得色身三昧。

*(**Sao**: Tướng lưỡi lớn hay nhỏ là do Phật đã đắc Sắc Thân tam-muội).*

Sách Diễn Nghĩa có chú giải về Sắc Thân tam-muội: Sắc Thân tam-muội là thân tự tại. Sách Tây Du Ký viết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đó là thân tự tại, là Sắc Thân tam-muội; nhưng Sắc Thân tam-muội của hắn nhỏ bé, vì sao? Chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa. Sắc Thân tam-muội to thì thân tướng biến hóa chẳng cùng tận; không chỉ là bảy mươi hai, [mà là] vô lượng vô biên thần biến.

(Sao) Lục căn tự tại, chứng tiểu, chứng đại, các tùy kỳ ý. Ngôn đại sự giả, Pháp Hoa vân: "Phật vị nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế, vị linh chúng sanh giai nhập Phật thừa cố".

(Diễn) Sắc Thân tam-muội, tức Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc thử tam-muội, hiện nhất, hiện đa, hiện tiểu, hiện đại, tùy ý tự tại. Thị vi đại sự đồng Pháp Hoa giả, Pháp Hoa Thần Lực phẩm, Phật xuất quảng trường thiệt tướng, thượng chí Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa, chứng nhất đại sự nhân duyên dã. Kim lục phương chư Phật, hiện thử thiệt tướng, tán thán Tịnh Độ, khởi tiểu nhân duyên dã.

(鈔)六根自在，證小證大，各隨其意。言大事者，法華云：佛為一大事因緣故，出現於世，謂令眾生皆入佛乘故。

(演)色身三昧。即普現一切色身三昧。得此三昧。現一現多。現小現大。隨意自在。是為大事同法華者。法華神力品。佛出廣長舌相。上至梵世。贊歎法華。證一大事因緣也。今六方諸佛。現此舌相。贊歎淨土。豈小因緣也。

*(**Sao**: Sáu căn tự tại, chứng minh chuyện lớn hay chuyện nhỏ, thảy đều tùy ý. Nói đến "đại sự" thì kinh Pháp Hoa có nói: "Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, nghĩa là nhằm làm cho chúng sanh đều nhập Phật thừa".*

***Diễn**: Sắc Thân tam-muội tức là Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc tam-muội này, hiện một, hiện nhiều, hiện nhỏ, hiện lớn, tùy ý tự tại. "Là đại sự" thì giống như kinh Pháp Hoa [đã nói]. Trong phẩm [Như Lai] Thần Lực của kinh Pháp Hoa, đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, trên là đến tận trời Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa để chứng minh cho một đại sự nhân duyên vậy. Nay sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi này, khen ngợi Tịnh Độ, há có phải là nhân duyên nhỏ nhặt ư?)*

Kinh Pháp Hoa cũng hướng dẫn về Cực Lạc. Thời Tùy - Đường, cổ đại đức nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là đại kinh Nhất Thừa, đều là những kinh dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ, [ý nói] hai bộ kinh lớn ấy nhằm hướng dẫn chúng ta tiến nhập kinh Vô Lượng Thọ. Giống như

Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Tự Phần, kinh Vô Lượng Thọ là Chánh Tông Phần, còn kinh A Di Đà là Lưu Thông Phần. Kinh Di Đà khuyên chúng ta hãy tin tưởng, khuyên chúng ta phát nguyện, khuyên chúng ta niệm Phật, [tức là] khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh!

(Sao) Kim tán Tịnh Độ, hiện thử thiệt tướng, tắc tri Tịnh Độ pháp môn, thị vi đại sự, đồng Pháp Hoa dã.

(鈔)今讚淨土，現此舌相，則知淨土法門，是為大事，同法華也。

*(**Sao**: Nay ca ngợi Tịnh Độ, hiện tướng lưỡi này, bèn biết pháp môn Tịnh Độ là đại sự, giống như Pháp Hoa).*

Liên Trì đại sư khá dè dặt, khiêm hư, Ngài nói [pháp môn Tịnh Độ] giống như kinh Pháp Hoa. Các vị đại sư thời Tùy - Đường bảo: Vượt trỗi Hoa Nghiêm và Pháp Hoa.

(Sao) Cẩu phi đại sự, tắc sở vị cát kê yên dụng ngưu đao dã.

(鈔)苟非大事，則所謂割雞焉用牛刀也。

*(**Sao**: Nếu chẳng phải là đại sự, sẽ đáng bảo là "cắt cổ gà cần gì phải dùng đến dao mổ trâu").*

Nếu chẳng phải là đại sự, sao lại có thể kinh động hết thảy chư Phật Như Lai nhọc công tốn sức? Đó là chuyện chớ nên mà!

(Sao) Hựu Bồ Tát phú diện giả, cử liệt huống thắng, khuyến tín chi chí dã.

(鈔)又菩薩覆面者，舉劣況勝，勸信之至也。

*(**Sao**: Lại nữa, [nêu ra chuyện lưỡi của] Bồ Tát che mặt chính là nêu chuyện kém cỏi để sánh ví hòng biết chuyện thù thắng, đấy là khuyên hãy tột bậc tin tưởng).*

Khuyến tín. Cách khuyên ấy đúng là đạt đến tột bậc!

(Sớ) Hựu thập phương giả, thả tựu hoành thuyết. Nhược thụ thuyết giả, thông hồ tam tế, vô bất tán thán.

(Sao) Dĩ phương lệ thế, tắc tiền hồ Ca Diếp, nãi chí quá khứ vô

lượng chư Phật, hậu hồ Di Lặc, nãi chí vị lai vô lượng chư Phật, tất kỳ quảng trường thiệt tướng diệc biến phú tam tế dã.

(疏)又十方者，且就橫說；若豎說者，通乎三際，無不讚歎。

(鈔)以方例世，則前乎迦葉，乃至過去無量諸佛，後乎彌勒，乃至未來無量諸佛，必其廣長舌相亦遍覆三際也。

*(**Sớ**: Lại nữa, mười phương là nói theo chiều ngang. Nếu nói theo chiều dọc, sẽ thông khắp ba đời, chẳng có vị Phật nào không tán thán.*

***Sao**: Phỏng theo phương hướng để suy ra ba đời, thì trước là từ Phật Ca Diếp cho đến quá khứ vô lượng chư Phật, sau là từ Phật Di Lặc cho đến vị lai vô lượng chư Phật, ắt cũng hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp ba đời).*

Nói tới mười phương bèn nhất định bao gồm ba đời. Pháp môn này kinh động mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, mới biết pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong vô lượng vô biên pháp môn do hết thảy chư Phật đã nói, *"tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ"* là pháp môn bậc nhất. Pháp môn này không chỉ là bậc nhất trong cõi nước của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà trong bất cứ thế giới nào, trong bất cứ cõi nước nào của chư Phật, pháp môn này đều là bậc nhất. Nếu quý vị chẳng mong học pháp môn này, vứt bỏ pháp môn này để học pháp khác, tức là bỏ pháp môn bậc nhất để học pháp môn hạng nhì hoặc hạng ba, chẳng phải là học theo những thứ [kém cỏi ấy] đó chăng? Phải biết điều này! Bởi lẽ, chúng ta chẳng dễ gì gặp gỡ pháp môn này! Đã gặp, phải hiểu rành rẽ, phải hiểu rõ ràng trạng huống trong ấy. Pháp này rất chẳng dễ dàng, đúng là khó có! Thiện Đạo đại sư bảo chuyện này là do *"gặp duyên khác nhau"*. Nay chúng ta đã gặp duyên, bèn hiểu rất rõ ràng, rất rành rẽ chuyện này, đấy là duyên thù thắng. Do duyên thù thắng, bèn khăng khăng một mực, thâm nhập một môn, thượng bối vãng sanh chúng ta đều có thể mong mỏi. [Thiện Đạo đại sư nói] *"chín phẩm vãng sanh, nói chung là do gặp duyên bất đồng"*, duyên của chúng ta sâu đậm. Đoạn văn này dễ hiểu, nói theo thời gian ba đời. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp. Trước Thích Ca Mâu Ni Phật là Ca Diếp Phật, sau Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Phật, [tức là] Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát, Ngài đến thành Phật. Đời trước lại còn có đời

trước nữa, đời sau lại còn có đời sau nữa. Nói theo chiều dọc thì cũng là vô lượng vô biên.

(Sao) Chư Phật tương đồng, tắc tâm đồng, trí đồng, nguyện đồng.

(Diễn) Chư Phật tương đồng, tắc tâm đồng đẳng giả. Kinh vân: "Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân; nhất thân, nhất trí huệ. Lực, vô úy diệc nhiên". Kim ngoại tướng ký đồng, nội tâm hà bất nhiên da? Hựu tâm, trí, nguyện, tức Pháp, Báo, Ứng tam thân, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tam đức.

(鈔)諸佛相同，則心同、智同、願同。

(演)諸佛相同。則心同等者。經云。十方諸如來。同共一法身。一身一智慧。力無畏亦然。今外相既同。內心何不然耶。又心智願。即法報應三身。即法身般若解脫三德。

*(**Sao**: Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng, trí đồng, nguyện đồng.*

***Diễn**: "Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng v.v…" Kinh dạy: "Mười phương chư Như Lai, cùng chung một Pháp Thân, một thân, một trí huệ, Lực, Vô Úy cũng thế". Nay tướng bên ngoài đã đồng, nội tâm lẽ nào chẳng vậy? Lại nữa, tâm, trí, nguyện chính là ba thân Pháp, Báo và Ứng, tức là Tam Đức Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát).*

Phật Phật đạo đồng; do vậy, tướng mạo giống nhau. Vì sao tướng mạo giống nhau? Tâm giống nhau, hình mạo bèn giống nhau. Hình mạo chính là Tướng Phần của tâm. Tướng mạo của phàm phu chúng ta thậm chí chẳng giống tướng mạo của A La Hán, vì sao? Tâm bất đồng, trong tâm có vọng niệm. Vọng niệm của tôi khác với vọng niệm của quý vị, cho nên tướng mạo chẳng giống nhau. Tướng mạo của Phật và Bồ Tát gần như tương đồng, [bởi lẽ, tâm các Ngài] chẳng có vọng niệm, tâm luôn thanh tịnh. Tâm Phật thanh tịnh tột bậc, chẳng có vọng niệm nào. Vì thế, mỗi vị Phật hiện ra tướng mạo hoàn toàn như nhau, đạo lý ở chỗ này!

(Sao) Ký lục phương tán thán thử kinh, tri tam thế chư Phật diệc tất tán thán thử kinh như lục phương dã, sở vị vô gián thuyết giả

thị dã.

(鈔)既六方讚歎此經，知三世諸佛亦必讚歎此經如六方也，所謂無間說者是也。

*(**Sao**: Sáu phương đã tán thán kinh này, [cho nên] biết ba đời chư Phật ắt cũng tán thán kinh này giống như sáu phương, gọi là "nói chẳng gián đoạn" chính là như vậy đó).*

"Vô gián" (無間) là trước nay chưa hề gián đoạn. Pháp môn này, bộ kinh này, hoặc là Tịnh Độ Tam Kinh như chúng ta đã nói, được chư Phật Như Lai tận hư không khắp pháp giới tuyên dương chưa hề gián đoạn. Đó là sự thật. Tán thán thù thắng, thuyết pháp siêng năng, cũng là điều mà hết thảy các kinh đều chẳng thể sánh bằng. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần; đó là một chứng minh.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh châu pháp giới, thị quảng trường thiệt nghĩa.

(疏)稱理，則自性周法界，是廣長舌義。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh trọn khắp pháp giới là ý nghĩa "tướng lưỡi rộng dài").*

Đây là nói xứng tánh.

(Sao) Cổ vị khê thanh tức thị quảng trường thiệt.

(Diễn) Khê thanh tức thị giả, Đông Pha thi vân: "Khê thanh tức thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân", thị dã.

(鈔)古謂溪聲即是廣長舌。

(演)溪聲即是者。東坡詩云。溪聲即是廣長舌。山色無非清淨身。是也。

*(**Sao**: Cổ nhân nói "tiếng suối chảy chính là lưỡi rộng dài".*

***Diễn**: "Tiếng suối chảy chính là [tướng lưỡi]": Thơ của Tô Đông Pha có câu: "Tiếng suối: lưỡi rộng dài. Màu non: tịnh Pháp Thân" nhằm nói về ý ấy).*

Đây là [một câu trong] bài thơ của Tô Đông Pha khi đến chơi Lư Sơn. Trong chú giải [tức sách Diễn Nghĩa] có trích dẫn hai câu ấy.

(Sao) Nhiên tắc quảng trường thiệt tướng, bất độc chư Phật hữu chi. Chúng sanh hữu chi, tức vạn tượng giai hữu chi. Thị cố tình dữ vô tình, dung thành nhất thiệt, thiệt tức pháp giới, pháp giới tức thiệt. Thuyết "biến phú" thời, dĩ thành song quyết.

(Diễn) "Tình dữ vô tình dung thành nhất thiệt" giả, thị pháp giới nhất tướng, tất cánh bình đẳng, bình đẳng chi trung, hà phân sanh Phật, cập dữ vạn tượng? "Thiệt tức pháp giới, pháp giới tức thiệt" giả, dĩ thú cử nhất trần, vô pháp bất cụ cố. Sở vị thiệt vi pháp giới, nhất thiết pháp thú thiệt dã. Sở vị "Hoa Tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới" dã. Sở vị "nhất thời đốn hiện phi ẩn hiển, nhất thiết viên thành vô thắng liệt" dã. Thuyết biến phú thời, khởi bất lưỡng quyết?

(鈔)然則廣長舌相，不獨諸佛有之，眾生有之，即萬象皆有之。是故情與無情，融成一舌，舌即法界，法界即舌，說遍覆時，已成雙橛。

(演)情與無情融成一舌者。是法界一相。畢竟平等。平等之中。何分生佛。及與萬象。舌即法界法界即舌者。以趣舉一塵無法不具故。所謂舌為法界。一切法趣舌也。所謂華藏世界所有塵。一一塵中見法界也。所謂一時頓現非隱顯。一切圓成無勝劣也。說遍覆時。豈不兩橛。

*(**Sao**: Vậy thì chẳng phải chỉ riêng chư Phật có tướng lưỡi rộng dài. Chúng sanh đều có, tức là vạn tượng đều có. Vì thế, hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưỡi. Lưỡi tức pháp giới, pháp giới tức lưỡi. Khi nói là "che khắp" đã trở thành hai điều [đối lập].*

***Diễn**: "Hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưỡi" là pháp giới nhất tướng, rốt ráo bình đẳng. Trong bình đẳng, há có phân chia chúng sanh và Phật cùng với vạn tượng?*

"Lưỡi tức pháp giới, pháp giới tức lưỡi": Do nêu lên một hạt bụi thì không pháp nào chẳng trọn đủ. Nói "lưỡi tức pháp giới" là hết thảy pháp quy vào lưỡi, chính là như nói "đối với tất cả bụi trong thế giới Hoa Tạng, trong mỗi hạt bụi thấy pháp giới".

Nói "cùng một lúc nhanh chóng hiện ra, chẳng phải là ẩn hay hiển", [nghĩa là] hết thảy đều thành tựu viên mãn, chẳng có thù thắng hoặc hơn kém. Khi nói đến "che khắp", há chẳng phải trở thành hai cái [đối lập] ư?)

Đoạn này có hương vị Thiền, chư vị hãy tham cứu kỹ càng, trong ấy đã nói rõ chuyện gì? Kinh Hoa Nghiêm nói *"một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*. Đoạn kinh văn ấy nêu ra đạo lý này. "Một" [ở đây] chẳng phải là chuyên nhất, chẳng phải là một cái duy nhất, mà là bất cứ một thứ gì! *"Lưỡi"* là pháp giới, lẽ nào chẳng che khắp pháp giới? *"Mắt"* là pháp giới, cớ sao chẳng thể quan sát hết thảy các pháp giới? *"Tai"* là pháp giới, cho nên âm thanh nào trong tận hư không khắp pháp giới, quý vị cũng đều nghe rõ ràng. Bất luận căn nào trong sáu căn, bất luận trần nào trong sáu trần, không gì chẳng trọn khắp pháp giới. Do đó, Một là bất cứ một điều nào, bất luận một điều nào, chẳng phải là chỉ có một, chẳng phải là chuyên nhất. Cũng chính vì sự thật này, cho nên Phật pháp nói: *"Pháp nào cũng đều bình đẳng, chẳng có cao hay thấp"*, tức là đạo lý này. Nhưng trong tất cả hết thảy các pháp môn, khiến cho bọn phàm phu chúng ta trong một đời ngắn ngủi quyết định có thể thành tựu rốt ráo viên mãn, xác thực là chỉ có pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ này. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 262

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi tám:

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn, nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(經)說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này").*

Đến phần kinh văn này, đức Phật đã nêu ra tựa đề của kinh, tức là tên gọi nguyên thủy của bộ kinh này. Kinh có tựa đề là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Khi Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, Ngài đã trực tiếp dùng danh hiệu A Di Đà Phật làm tựa đề kinh, chẳng dùng tựa đề do đức Phật đã nói trong kinh. Đấy chính là bi tâm đặc biệt của La Thập đại sư, vì câu Phật hiệu

này, nói thật ra, chính là công đức khôn sánh, công đức vô lượng. Câu danh hiệu ấy nghe lọt vào tai, kinh thường nói là *"nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng"* (vừa lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo). Bất cứ lợi ích thế gian và xuất thế gian nào cũng đều chẳng thể sánh bằng! Vì thế, lão nhân gia dùng Phật hiệu làm tựa đề kinh, hy vọng mọi người thường niệm, thường thấy, một phen khổ tâm như vậy. Ở đây, đức Phật đã nói ra tựa đề kinh thật sự. *"Xưng Tán"* (稱讚): Ai xưng tán (khen ngợi)? Mười phương ba đời hết thảy chư Phật xưng tán. Đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới để chứng minh: Lời Phật xưng tán là chân thật. *"Thuyết thành thật ngôn"*: Hết thảy chư Phật đều nói với chúng ta lời thành thật nhất. Tiếp đó, khuyên chúng ta: *"Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị"* (Chúng sanh các ngươi hãy nên tin tưởng điều này), quý vị phải nên tin tưởng. Một vị Phật khuyên, quý vị chẳng tin, điều ấy có thể tha thứ được. Hết thảy chư Phật đều khuyên, chẳng có một vị Phật nào không khuyên, mà quý vị vẫn chẳng thể tin tưởng, vẫn chẳng thể tiếp nhận, đó là một kẻ Nhất Xiển Đề thật sự như trong kinh Phật đã nói. Nhất Xiển Đề là *"chẳng có thiện căn"*.

Trong đoạn kinh văn này, có sáu lượt khuyến cáo như vậy. Mỗi phương Phật đều khuyên chúng ta như thế. Trong kinh này, đức Thế Tôn khuyên chúng ta hãy nên phát nguyện vãng sanh cõi ấy, khuyên ba lượt. Vì thế, xem cẩn thận phần kinh văn này, [sẽ thấy] đức Phật đã chí thành, khẩn thiết khuyên lơn, khích lệ chúng ta hơn mười lần. Một bộ kinh ngắn như vậy, [thế mà] khuyên lơn khích lệ nhiều lượt như thế, nếu chẳng phải là do pháp môn này thù thắng bậc nhất, cớ sao đức Phật phải làm như thế? Chư Phật Như Lai đối với chúng ta từ bi như thế nào, ân đức rốt cuộc to tát cỡ nào? Nếu quý vị thật sự lãnh hội kinh Di Đà, sẽ hiểu rõ: Ân đức ấy quá lớn, giống như trong kinh đã nói là *"chẳng thể nghĩ bàn"*. Đã thật sự hiểu rõ, hiểu rành rẽ, lẽ đâu chẳng tin tưởng? Há có lẽ nào chẳng cầu nguyện vãng sanh? Nhân duyên này thù thắng khôn sánh; kinh dạy: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy"* chính là nói đến nhân duyên này! Trong hết thảy các kinh luận, hết thảy các pháp môn, trước nay chưa từng thấy mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều đến khuyên dạy chúng ta, chỉ thấy trong kinh này! Lại thấy trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh này cùng một loại, cổ nhân gọi là Đại Bổn và Tiểu Bổn, chúng ta ắt cần phải hiểu rõ điều này! Tịnh Tông Tam Kinh, ba kinh ấy có cùng một Thể, kinh Vô Lượng Thọ là căn bản. Kinh Quán Vô Lượng

Thọ Phật nhằm giảng rõ, bổ sung tỉ mỉ hơn phương pháp tu hành trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, trọng điểm của kinh ấy là nói về phương pháp niệm Phật: Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Lại còn nói cặn kẽ nhân quả của chín phẩm. Kinh này (kinh Di Đà) đúng là hết thảy chư Phật thành khẩn khuyên lơn, khích lệ chúng ta nhất định phải cầu sanh Tịnh Độ.

Do vậy, sự xưng tán này chẳng phải là do kẻ bình phàm ca ngợi, mà là do hết thảy chư Phật xưng tán. *"Bất khả tư nghị công đức"* (Công đức chẳng thể nghĩ bàn), lời này chẳng phát xuất từ miệng kẻ tầm thường. Kẻ bình phàm nói *"chẳng thể nghĩ bàn"* thì cũng chưa chắc là thật! Chư Phật Như Lai nói *"công đức chẳng thể nghĩ bàn"*, rốt cuộc những gì chẳng thể nghĩ bàn? Nói thật ra, chắc chắn những điều ấy bọn phàm phu chúng ta chẳng thể tư duy, tưởng tượng, hay diễn tả được! Tuy là như vậy, chư Phật, Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, như trong tác phẩm Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư đã quy nạp công đức chẳng nghĩ bàn thành năm loại lớn[26], chúng ta đều nên hiểu rõ chuyện này. Nửa đoạn sau là nói về *"Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh"* (kinh được hết thảy chư Phật hộ niệm).

(Sớ) Thành thật, minh tất khả tín, dĩ thị quảng trường thiệt đoan, xuất thành thật ngữ, vị thử Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, nhữ đương đế tín, mạc hoài nghi dã. Tín nghĩa tường hậu.

(疏)誠實，明必可信，以是廣長舌端，出誠實語，謂此稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經，汝當諦信，莫懷疑也。信義詳後。

*(**Sớ**: "Thành thật": Chỉ rõ ắt là đáng tin. Dùng cái lưỡi rộng dài để thốt lời thành thật, bảo các ngươi hãy nên tin chắc kinh Ca Ngợi*

[26] Thật ra, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói tới rất nhiều điều chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Năm điều được hòa thượng Tịnh Không nhắc tới ở đây chỉ là năm điều đại lược về công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật: *"Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc. Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ. Ba là chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiền, Quán. Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng. Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thảy chư Phật".*

Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này, đừng hoài nghi. Ý nghĩa của Tín sẽ được nói tường tận trong phần sau).

Trong phần sau sẽ lại nói rõ: Vì sao nhất định phải tin tưởng. Từ tựa đề kinh, nếu lắng lòng quan sát để lãnh hội, sẽ đạt được lợi ích đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Thông thường, người thế gian, đặc biệt là người thuộc thời đại này, sống cuộc đời rất đau khổ, luôn mong cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu bằng cách nào? Do trong tâm quý vị có cầu, cho nên kẻ lừa gạt quý vị rất đông! Nếu quý vị chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực chọn lựa, sẽ thường bị gạt gẫm. Quý vị thấy trong kinh này đã nói rõ ràng: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh; quý vị niệm kinh này, đương nhiên cũng là hết thảy chư Phật hộ niệm người niệm kinh. Đến nơi nào để cầu [chuyện này]? Quý vị cầu một vị Bồ Tát gia hộ, cầu một trăm vị Bồ Tát gia hộ, cầu hết thảy các vị Bồ Tát gia hộ, không bằng cầu một vị Phật, Phật lớn hơn Bồ Tát! Quý vị cầu một vị Phật, cầu hai vị Phật, đến nơi đâu để cầu được hết thảy chư Phật đều gia hộ? Quý vị có thể cầu được hay chăng? Niệm kinh này, hết thảy chư Phật đều gia hộ quý vị. Quý vị thấy dễ dàng, đơn giản hơn nhiều! Chẳng thể niệm kinh này, niệm câu danh hiệu A Di Đà Phật, [vẫn được] hết thảy chư Phật đều gia hộ quý vị. Đáng tiếc là quý vị chẳng tin tưởng. Vì sao chẳng tin? Pháp này được gọi là *"pháp khó tin"*, làm sao quý vị có thể dễ dàng tin tưởng cho được! Người tin tưởng là người có thiện căn, có phước đức. Chẳng tin tưởng, kẻ ấy chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức. Chúng ta học Phật suốt một đời này, có còn phải học điều gì khác hay không? Chẳng cần! Một câu Di Đà niệm đến cùng, thành tựu của người ấy đúng là công đức chẳng thể nghĩ bàn như trong kinh đã nói. Chúng ta niệm Phật chẳng đạt được thành tựu như vậy, tức là chúng ta chưa thể hoàn toàn tin tưởng, trong tâm còn muốn học pháp môn này, học pháp môn kia, học tạp, học loạn. Vì thế, công đức của quý vị hữu hạn. Học suốt một đời, chính mình cứ tưởng là khá lắm, [nào ngờ] khi vãng sanh vẫn chẳng nắm chắc! Đâm ra chẳng bằng những người chúng ta thường nói là "chẳng có kiến thức", họ chưa hề học hành, chẳng hiểu kinh giáo, nhưng họ niệm một câu A Di Đà Phật vài năm, có thể biết trước lúc mất, có thể đứng vãng sanh, có thể ngồi vãng sanh, chẳng ngã bệnh. Nếu quý vị hỏi: Do nguyên nhân gì ư? Họ được hết thảy chư Phật hộ niệm. Vì thế, người ta khi lâm chung chẳng có nghiệp chướng, nghiệp chướng đều tiêu trừ, hết thảy chư Phật đều hộ niệm, lấy đâu ra nghiệp chướng? Nếu quý

vị chẳng chịu tin tưởng, vẫn cậy chính mình thông minh, vậy là chẳng có cách nào hết. Hết thảy chư Phật muốn hộ niệm quý vị cũng chẳng thể hộ niệm được! Quý vị bỏ chạy mất rồi, đó là ngu si đấy nhé! Đó gọi là *"chẳng có thiện căn, phước đức"*, vẫn cứ muốn hành theo các pháp môn khác!

Có những đồng tu đến hỏi tôi: "Niệm Phật có cần phải nên hiểu một chút kinh giáo, phải hiểu một chút đạo lý hay không?" Có người đến hỏi: "Niệm Phật có cần tu Thiền đôi chút hay chăng?" Dường như là [làm như vậy] sẽ đắc nhất tâm nhanh hơn một tí. Đó đều là dấy vọng tưởng! Phiền não chướng ngại Định, vọng tưởng chướng ngại Huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy chúng sanh chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc"*, chẳng thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Vọng tưởng là cội nguồn của Sở Tri Chướng trong hai chướng. Sở Tri Chướng do đâu sanh ra? Từ vọng tưởng mà có, chướng ngại Huệ. Chấp trước là căn bản của Phiền Não Chướng, chướng ngại Định. Công phu định lực tu thành công, Phiền Não Chướng chẳng còn. Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định thành công, chẳng có Kiến Tư phiền não. Định có thể phá Phiền Não Chướng, chẳng thể phá Sở Tri Chướng. Thanh Văn và Duyên Giác có Định, chẳng có Huệ, các Ngài đoạn trừ Phiền Não Chướng, nhưng chẳng thể kiến tánh là vì có Sở Tri Chướng. Đoạn hết hai chướng thì mới viên mãn Bồ Đề. Nay chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, biện pháp duy nhất là phải cầu Phật lực gia trì. Muốn cầu Phật lực gia trì, muốn thật sự đạt đến rốt ráo viên mãn, không gì hơn niệm A Di Đà Phật. Kinh này đã làm chứng ở chỗ này, lời lẽ ấy chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, niệm kinh Di Đà, niệm A Di Đà Phật, có thể được hết thảy chư Phật hộ niệm. Trong Đại Kinh, đức Thế Tôn giới thiệu A Di Đà Phật, đã ca ngợi A Di Đà Phật là *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Phật). Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán như vậy; mười phương ba đời hết thảy chư Phật cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật. Đây là nói rõ với chúng ta, tất cả hết thảy chư Phật đều khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, há còn sai lầm ư? Nếu chẳng thể kiến lập tín tâm, chẳng thể kiến lập đại nguyện vãng sanh; đó là nghiệp chướng thật sự sâu nặng!

Chư vị đồng tu hiểu rõ những đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật này, từ nay trở đi, niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Kinh nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nói thật ra,

chúng ta vừa phát tâm, tín tâm thanh tịnh, trong hiện thời bèn đắc ba thứ Bất Thoái, được Phật lực gia trì. Phàm những kẻ ngã lòng đều là do hoài nghi pháp môn này, đại khái [họ nghĩ rằng] "pháp môn này tiêu nghiệp chướng, tiêu tội nghiệp còn chưa đủ, vẫn chẳng bằng Lương Hoàng Sám, vẫn chẳng bằng pháp hội Thủy Lục, vẫn chẳng bằng kinh Địa Tạng, mà cũng chẳng bằng kinh Kim Cang", đều là đang dấy vọng tưởng. Thật ra, hết thảy các kinh luận, sám pháp như các vị đã nghĩ, nếu đem so với pháp môn này, hoặc so với một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, sẽ được gọi là *"tiểu vu kiến đại vu"* (thầy đồng tay mơ gặp đại phù thủy)[27]. Niệm Phật được hết thảy chư Phật hộ niệm; quý vị niệm những kinh luận khác, bất quá nhiều nhất là được một hai vị Bồ Tát chiếu cố quý vị mà thôi. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, Bồ Tát vẫn chẳng chiếu cố được, thua kém quá xa. Nhưng chúng sanh đúng là ngu mê đến tột cùng, nói sự thật với họ, họ chẳng tin tưởng; nói lời giả dối, họ tin ngay tắp lự. Đúng là kẻ bịp người trong thế giới này nhiều lắm, người mắc lừa càng nhiều hơn. Vì sao có lắm kẻ lừa bịp người dường ấy? Người ta dễ bị gạt quá mà! Họ nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Quý vị có thể trách móc kẻ lường gạt được chăng? Vì quý vị bằng lòng để cho chúng nó lừa dối, chúng nó mới lừa gạt quý vị được! Kẻ lừa người chẳng có tội, kẻ bị lừa có tội, quý vị ngẫm xem lời tôi nói có lý hay không? Nếu quý vị chẳng [bằng lòng] bị lừa, kẻ bịp bợm đó cũng chẳng thể lừa phỉnh ai được! Hắn chẳng lừa phỉnh ai được, là do [kẻ mắc lừa] ngu si [nên mới bị lừa]. Đọc kinh này, phải thật sự nghiêm túc phản tỉnh, hãy chú tâm thấu hiểu.

(Sao) Tất khả tín giả, dĩ thành tắc chân khẩn vô ngụy.

(鈔)必可信者，以誠則真懇無偽。

*(**Sao**: "Ắt là đáng tin": Do chân thành nên chân thật, khẩn thiết, chẳng hư ngụy).*

Chân thành, thành khẩn, mảy may hư giả đều chẳng có.

(Sao) Thật tắc thẩm đế bất hư.

---

[27] *"Vu"* (巫) là những người làm nghề đồng cốt, phù thủy, còn gọi là *"thần côn"* (神棍), thường làm bùa, làm phép, triệu hồn, ếm đối. Câu này có ý nói những gã đồng cốt tay mơ gặp phải thầy phù thủy cao tay ấn thứ thiệt đành ngậm tăm, chẳng dám thi thố pháp thuật gì!

(鈔)實則審諦不虛。

*(**Sao**: Thật sự suy xét kỹ lưỡng, [sẽ thấy là] chẳng hư dối).*

"Thật" là thực tại, hiểu rành rẽ, rõ ràng đạo lý và chân tướng sự thật này.

(Sao) Sở vị sư tử hống, vô úy thuyết, thiên thánh phục khởi bất năng dịch.

(鈔)所謂師子吼、無畏說，千聖復起不能易。

*(**Sao**: Đó gọi là "tiếng rống của sư tử", chẳng sợ hãi mà nói, dẫu ngàn vị thánh dấy lên cũng chẳng thể thay đổi được).*

Ba câu này do Vĩnh Gia đại sư nói. Trong kinh thường dùng từ ngữ *"sư tử hống"* (獅子吼) để tỷ dụ đức Như Lai thuyết pháp. *"Vô úy thuyết"* cũng là nói đức Phật thuyết pháp. *"Thiên thánh"* là chỉ những ai? Trong *"đại thời đại"*[28] của chúng ta, Phật pháp thường nói là Hiền Kiếp, trong một kiếp ấy có một ngàn vị Phật xuất thế. Chữ *"thiên thánh"* chỉ một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, Di Lặc là vị Phật thứ năm. Từ đấy về sau, còn có rất nhiều vị Phật; một ngàn vị Phật cũng chẳng thể sửa đổi. Nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật nói như vậy, hết thảy chư Phật đều nói như vậy, một ngàn vị Phật mai sau vẫn nói như vậy, chẳng thể thay đổi. Đó là chân thật.

(Sao) Vạn thế thủ chi tắc vi khải giả dã.

(鈔)萬世守之則為楷者也。

*(**Sao**: Là khuôn phép được muôn đời gìn giữ).*

"Khải" (楷) là mẫu mực, gương mẫu. Phật pháp có lúc diệt hết. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn hai ngàn năm, Phật pháp chẳng còn nữa, bị tiêu mất trong thế gian này. Tất cả hết thảy các kinh pháp đều diệt mất, kinh A Di Đà cuối cùng còn lưu lại một trăm năm. Vào thời ấy, gặp được pháp môn này, gặp được danh hiệu A Di Đà Phật, mà có thể tin tưởng, chịu thọ trì, đều có

---

[28] *"Đại thời đại"* là nói đến thời gian tính bằng kiếp, chẳng phải là khoảng thời gian ngắn ngủi mấy chục năm, hoặc mấy trăm năm.

thể thỏa mãn sở nguyện. Người ấy nguyện được làm thân người, đời sau sẽ được làm thân người. Nguyện sanh lên trời, bèn sanh lên trời. Nguyện đắc Thiền Định bèn đắc Thiền Định, nguyện sanh Tịnh Độ được sanh về Tịnh Độ, có thể thỏa mãn hết thảy nguyện vọng của người ấy. Mới biết công đức này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Xưng tán bất khả tư nghị công đức, liên hạ thập lục tự, thử kinh nguyên danh dã.

(鈔)稱讚不可思議功德，連下十六字，此經原名也。

*(**Sao**: Mười sáu chữ kể từ Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức trở đi chính là tên gốc của kinh này).*

Đấy là tên gốc của bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra.

(Sao) Đường dịch chỉ ngôn Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, dục văn tỉnh tiện.

(鈔)唐譯止言稱讚淨土佛攝受經，欲文省便。

*(**Sao**: Bản dịch đời Đường chỉ ghi là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, là muốn tỉnh lược văn từ cho thuận tiện).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư, ý nghĩa như nhau, nhưng tỉnh lược văn tự, vì tựa đề kinh này quá dài, có đến mười sáu chữ, Huyền Trang đại sư tỉnh lược thành tám chữ.

(Sao) Dĩ bất khả tư nghị công đức, nhiếp Tịnh Độ trung cố, thử bất khả tư nghị, thượng văn tán Phật, kim nãi tán kinh, kỳ nghĩa nhất dã, cố bất trùng thích.

(鈔)以不可思議功德，攝淨土中故，此不可思議。上文讚佛，今乃讚經，其義一也，故不重釋。

*(**Sao**: Do "bất khả tư nghị" công đức được bao gồm trong Tịnh Độ, chữ "bất khả tư nghị" này trong phần văn phía trước được dùng để tán thán Phật; ở đây, dùng để ca ngợi kinh, ý nghĩa như nhau, nên chẳng giải thích lần nữa).*

Trong phần trước, Liên Trì đại sư đã giảng *"bất khả tư nghị"* rất cặn kẽ. Ở đây, tỉnh lược văn tự, chẳng nói nữa!

(Sao) Hộ niệm giả, niệm Phật chi nhân, Phật lực bảo hộ, linh kỳ an ổn, vô chư chướng nạn cố.

(鈔)護念者，念佛之人，佛力保護，令其安穩，無諸障難故。

*(**Sao**: "Hộ niệm" là người niệm Phật được Phật lực bảo vệ, khiến cho được an ổn, chẳng có các chướng nạn).*

Đây chính là điều mong cầu trong tâm mục của mỗi cá nhân chúng ta. Hằng ngày mong cầu mà cầu chẳng được, nay chúng ta thấy được ở nơi đây. Nếu quý vị có thể tin tưởng, có thể tin sâu chẳng nghi, có thể y giáo phụng hành, vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị được chư Phật hộ niệm. Trong thời đại động loạn bất an này, quý vị nhất định có thể được an ổn, nhất định có thể tránh khỏi chướng nạn. *"Chướng"* (障) là chướng ngại, *"nạn"* (難) là khổ nạn. Thời đại này lắm tai nạn, tai nạn nghiêm trọng, mỗi năm [tai nạn] một lớn hơn, một tăng thêm. Đức Phật dạy chúng ta một nguyên lý: *"Y báo chuyển theo chánh báo"*. Y báo là hoàn cảnh sống, là thế giới này. Chánh báo là lòng người. Lòng người thuần hậu, lòng người thiện lương, lòng người từ bi, nhất định là mưa hòa, gió thuận, rất ít tai nạn. Lòng người vứt bỏ đạo thường, Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, thảy đều vứt bỏ. Luân lý, đạo đức cũng chẳng cần đến, thế giới này biến thành tình trạng như thế nào? Tả Truyện có câu: *"Nhân khí thường, tắc yêu hưng"* (Con người vứt bỏ lẽ thường, ắt yêu quái hưng thịnh). Yêu ma quỷ quái đeo mặt nạ người tới nhiễu loạn xã hội, đem lại tai nạn to lớn. Trong quá khứ, chúng tôi đọc câu này lãnh ngộ chẳng sâu; nay nhìn vào xã hội này, ngẫm ra cổ nhân nói hết sức có lý. Đại tai nạn chẳng có cách nào tránh khỏi, nhưng ngày tận thế nói chung là chẳng thể có. Pháp vận của Phật pháp hãy còn có chín ngàn năm về sau nữa, còn có thời gian dài như thế, lẽ nào đã tới tận thế? Bất quá, pháp vận của Phật có lúc hưng, lúc suy. Khi Phật pháp hưng thịnh, con người hạnh phúc. Khi Phật pháp suy vi, loài người có khổ nạn. Suy vi là gì? Mọi người chẳng tin tưởng, chẳng thể y giáo phụng hành, chẳng biết đoạn ác tu thiện, đương nhiên sẽ chiêu vời cộng nghiệp bất hảo, đó là đạo lý nhất định. Kinh nói rất hay: Trong cộng nghiệp, có biệt nghiệp. Chúng ta biết sự thật này, bản thân chúng ta nỗ lực tu thiện, nghiêm túc niệm Phật, trong cơn đại nạn mới có thể được an ổn, được Phật, Bồ Tát gia hộ. Quý vị phải thật tu thì mới được, quý vị phải thật tin thì mới được.

Có những kẻ đến kể với tôi: Trước kia, họ học Phật, đã lạy rất nhiều vị Phật, lạy rất nhiều vị Bồ Tát, niệm rất nhiều kinh chú, nay nghe nói niệm A Di Đà Phật tốt đẹp, họ cũng niệm A Di Đà Phật. Họ nói: "Nếu tôi chuyên niệm A Di Đà Phật, chẳng niệm những vị Phật, Bồ Tát ấy, các Ngài có giáng tội tôi hay chăng? Tôi chẳng niệm phẩm Phổ Môn, Quán Âm Bồ Tát có quở trách tôi hay không? Khi tôi mắc nạn, Quán Âm Bồ Tát sẽ chẳng cứu tôi. Tôi chẳng niệm kinh Dược Sư; khi tôi mắc bệnh, Phật Dược Sư và Bồ Tát chẳng gia hộ tôi", hằng ngày lo lắng chuyện này! Ý niệm ấy tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, vì sao? Căn bản là quý vị đã coi thường Phật, Bồ Tát, cứ nghĩ Phật, Bồ Tát giống như những kẻ làm quan trong hiện thời, phải đút lót hối lộ thì các Ngài mới che chở quý vị. Quý vị đã coi các Ngài thành hạng người gì mất rồi? Cách nhìn và cách nghĩ ấy là tội nghiệp to tầy trời! Quý vị coi chư Phật, chư Bồ Tát như phường quan lại tham ô! Chính mình hằng ngày tạo tội nghiệp cực nặng, mà chính mình chẳng biết, vẫn tưởng chính mình tu hành rất đúng pháp, có hỏng bét hay không? Hết thảy chư Phật Như Lai khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, những vị Bồ Tát ấy chẳng khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật ư? Chúng ta niệm A Di Đà Phật, các vị Bồ Tát sẽ quở trách ư? Chẳng có đạo lý ấy! Để thành Phật, hết thảy chư Bồ Tát đều phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, hãy đọc kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] Văn Thù, Phổ Hiền *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*. Vì sao trong hội Hoa Nghiêm, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ phải tới thế giới Cực Lạc? Đến thế giới Cực Lạc để thành Phật, [vậy thì] Bồ Tát có thể quở trách quý vị ư? Quý vị thật sự niệm A Di Đà Phật, Bồ Tát vỗ tay hoan nghênh, hay quá! Tán thán còn chẳng kịp nữa là! Người đời đúng là ngu si, chẳng hiểu ý nghĩa do đức Như Lai đã nói, hoàn toàn hiểu sai be bét những giáo huấn do đức Phật thường nói trong kinh điển. Bản thân chúng ta tu hành chẳng có cảm ứng, chẳng có thành tựu, [thế mà] chẳng tự trách chính mình, cứ ngược ngạo chê trách Phật, Bồ Tát chẳng gia hộ, trách móc kinh pháp chẳng linh! Quý vị tạo tội nghiệp như vậy, lẽ nào chẳng đọa địa ngục? Đó gọi là hủy báng Tam Bảo, báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Vì thế, nhất định phải hiểu rõ, có thể trở lại pháp môn này, trở về thánh hiệu Di Đà thì mới đạt được giải thoát viên mãn rốt ráo, thật sự đắc đại tự tại.

Trong hết thảy các đạo tràng, đạo tràng nào thù thắng bậc nhất, trang nghiêm bậc nhất? Niệm Phật Đường. Niệm Phật Đường là đạo tràng được hết thảy chư Phật hộ niệm, là đạo tràng được hết thảy chư Bồ

Tát, long thiên, thiện thần thủ hộ, bất cứ đạo tràng nào khác cũng đều chẳng sánh bằng. Đạo tràng giảng kinh cũng chẳng sánh bằng Niệm Phật Đường, Niệm Phật Đường là nơi thật sự thành tựu một người đi làm Phật. Đạo tràng giảng kinh khuyên quý vị hãy tin tưởng, dẫn quý vị nhập môn, giống như trong nhà trường: Đạo tràng giảng kinh là chiêu sinh, làm công tác tuyên truyền. Trong đạo tràng Niệm Phật, thật sự là nơi rèn luyện, thật sự khiến cho quý vị thành tựu, làm sao có thể giống nhau cho được? Sau khi đã hiểu rõ, bèn khăng khăng một mực niệm một câu Di Đà đến cùng, chúng ta mới có thể miễn trừ hết thảy chướng nạn.

(Sao) Phật tâm ức niệm, linh kỳ tinh tấn, vô hữu thoái đọa cố.

(Diễn) "Linh kỳ an ổn vô chư chướng nạn" giả, Quán Kinh Sớ vân: "Nhược vi Phật từ sở hộ, chung đắc ly khổ, vĩnh đắc an lạc", thị dã. "Linh kỳ tinh tấn vô hữu thoái đọa giả": Thích Luận vân: "Thí như ngư tử, mẫu nhược bất niệm, tử tắc lạn hoại. Chúng sanh diệc nhĩ, Phật nhược bất niệm, thiện căn tắc hoại", thị dã.

(鈔)佛心憶念，令其精進，無有退墮故。

(演)令其安隱無諸障難者。觀經疏云。若為佛慈所護。終得離苦。永得安樂。是也。令其精進無有退墮者。釋論云。譬如魚子。母若不念。子則爛壞。眾生亦爾。佛若不念。善根則壞。是也。

*(**Sao**: Phật tâm ức niệm khiến cho người ấy tinh tấn, chẳng bị thoái đọa.*

***Diễn**: "Khiến cho họ an ổn, chẳng có chướng nạn": Quán Kinh Sớ có nói: "Nếu được lòng Từ của Phật gia hộ, trọn sẽ lìa khổ, vĩnh viễn được an vui" là nói về chuyện này. "Khiến cho họ tinh tấn, chẳng lui sụt, đọa lạc": Thích Luận nói: "Như cá con, nếu mẹ nó chẳng nghĩ tới, con sẽ hư nát. Chúng sanh cũng thế, nếu Phật chẳng nghĩ tới, thiện căn bèn hư hoại" là nói về ý này).*

Đối với người học Phật chúng ta, có thể nói chướng ngại lớn nhất là thoái chuyển, rất dễ dàng giải đãi, biếng nhác, tự mình dung túng chính mình, chẳng thể tinh tấn. Đấy là một căn bệnh lớn! Chẳng thể khắc phục khuyết điểm ấy, dẫu quý vị hoàn toàn tin tưởng, chẳng hoài nghi pháp môn này, cũng chịu phát nguyện, tới cuối cùng vẫn chẳng thể vãng sanh là do nguyên nhân gì? Giải đãi, lười biếng. Giải đãi, lười biếng là

ma chướng, chướng ngại quý vị, chẳng thể tinh tấn, chẳng thể thành tựu. Vì thế, nhất định phải được chư Phật hộ niệm. Tuy Phật hộ niệm chúng ta, bản thân chúng ta cũng phải có phương tiện, phương tiện ấy chính là tham gia Niệm Phật Đường, nương cậy đại chúng. Có rất nhiều đồng học cùng ở một chỗ khích lệ, đốc thúc lẫn nhau, chẳng để cho chính mình giải đãi; đó là một phương pháp tốt đẹp. Niệm Phật thì một mình ta niệm Phật ở nhà chẳng được hay sao? Vì sao phải tới Niệm Phật Đường? Thuở ấy, Viễn Công đại sư kiến lập một Niệm Phật Đường tại Lư Sơn, đó là đạo tràng đầu tiên của Tịnh Độ Tông Trung Hoa. Thoạt đầu chỉ có mười tám người chí đồng đạo hợp. Về sau, đạo phong Niệm Phật được rất nhiều người biết đến, cũng có rất nhiều người ngưỡng mộ, cũng tới tham gia Niệm Phật Đường ấy. Đến cuối cùng, Niệm Phật Đường của Ngài có tất cả một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều thành tựu, do mọi người cộng tu với nhau ở cùng một chỗ bèn có thể thu được hiệu quả như vậy. Đấy là khởi thủy của Tịnh Độ Tông Trung Hoa.

Vì sao thành tựu trong Tịnh Tông có thể vượt trỗi sự tu học trong các tông phái khác? Ngẫu Ích đại sư đã nêu ra mấy lý do:

1) Lý do thứ nhất: Tất cả các tông phái tu học đều phải đoạn Hoặc. Nói cách khác, đều phải đoạn phiền não. Lục đạo luân hồi do Kiến Tư phiền não biến hiện. Chỉ cần có Kiến Tư phiền não, quý vị nhất định sẽ bị lưu chuyển trong lục đạo, chẳng thoát ra được! Kiến Tư phiền não: *"Kiến"* (見) là kiến giải sai lầm, bao gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến. Tư Hoặc (思惑) là tham, sân, si, mạn, nghi. Tam giới lục đạo là cảnh giới do mười thứ ấy biến hiện. A La Hán thành tựu Cửu Thứ Đệ Định, chẳng có Kiến Tư phiền não, luân hồi cũng chẳng có, mới vượt thoát tam giới. Thử hỏi: Bản thân chúng ta, bất luận tu học pháp môn nào, có thể đoạn sạch Kiến Tư phiền não hay không? Có thể đoạn hết thì được, bèn thành công. Chẳng thể đoạn hết, vẫn phải sanh tử luân hồi! Đó là chân tướng sự thật. Không cần nói là thoát khỏi luân hồi, nói ngay trong tam giới, tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Trong Dục Giới, có ngũ dục, lục trần. Ngũ Dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê. Đức Phật nói: *"Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê là năm cái rễ của địa ngục"*. Đối với năm thứ ấy, nếu quý vị tham ái nặng nề, sẽ đọa địa ngục; [tham ái] nhẹ thì ở trong đường nhân thiên, thuộc vào Dục Giới Thiên, chứ Sắc Giới Thiên chẳng có phần. Đoạn hết ngũ dục, chẳng có Dục thì mới có thể sanh vào Sơ Thiền. Nói cách khác, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê bày ra trước mặt,

có còn động niệm hay chăng? Vẫn còn khởi tâm động niệm; nói cách khác, quý vị thuộc về Dục Giới, chẳng có phần trong Sắc Giới, cho nên biết là khó lắm! Công phu ấy bất quá là phục trụ (伏住: chế ngự, giằn ép), hoàn toàn chẳng đoạn, [cho nên] biết [đoạn phiền não] khó lắm. Thoát khỏi tam giới há dễ dàng ư? Đoạn Hoặc quá khó khăn! Pháp môn Tịnh Độ chẳng đoạn Hoặc, [cho nên] dễ dàng, gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*, đấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào cũng đều phải đoạn phiền não rồi mới có thể thành tựu; chỉ riêng pháp môn Niệm Phật chẳng cần đoạn phiền não mà có thể thành tựu, có thể đới nghiệp vãng sanh. Đó là điều chẳng thể nghĩ bàn thứ nhất.

2) Thứ hai, hết thảy chư Phật đều có bốn cõi. Nếu quý vị chẳng chứng đạt cảnh giới, sẽ chẳng thấy bốn cõi ấy. Như chúng ta nay đang sống trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư thuộc thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thế giới Sa Bà có cõi Phương Tiện Hữu Dư, có cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhưng chúng ta chẳng trông thấy. Tình hình trong mười phương các cõi Phật cũng đều giống như vậy, chẳng khác gì bốn cõi của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tây Phương Tịnh Độ đặc biệt, A Di Đà Phật cũng có bốn loại Tịnh Độ, nhưng bốn loại Tịnh Độ ở cùng một chỗ. Vì thế, chúng ta sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, có thể thấy A La Hán và Bích Chi Phật trong cõi Phương Tiện, có thể thấy Đẳng Giác Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Bốn cõi của Ngài ở chung một chỗ: *"Một tức là bốn, bốn tức là một"*, thảy đều ở chung một chỗ. Cảnh giới của mỗi người chẳng giống nhau, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là *"một sanh, hết thảy sanh"*, chúng ta sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đồng thời sanh trong cõi Phương Tiện, sanh vào cõi Thật Báo, sanh vào cõi Tịch Quang. Đấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn!

3) Điều thứ ba, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ niệm một câu danh hiệu, quá dễ dàng, quá đơn giản, chẳng cần xen tạp bất cứ thứ gì khác vào đó. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rõ ràng nhất. Đại Thế Chí Bồ Tát cũng nêu gương tốt nhất cho chúng ta thấy. Ngài từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, dùng phương pháp gì? Chính là một câu A Di Đà Phật, chẳng cần dùng đến phương pháp thứ hai. Phương pháp ấy không chỉ đơn giản, dễ dàng, [mà còn] ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng; trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng. Nếu quý vị hỏi Ngài nguyên lý niệm Phật, Ngài nói rất đơn giản: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp*

nối". Điều đáng tiếc là chúng sanh không tin tưởng! Họ cứ muốn tạp tu, muốn loạn tu, khiến cho chính mình rối loạn, vứt bỏ công đức vô thượng của chính mình. Đó gọi là "thật sự ngu mê!" Thiện Đạo đại sư nói rất hay: Chúng ta tu hành thành tựu một phần, đúng là do gặp duyên khác nhau. Gặp duyên thù thắng, chúng ta hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ chân tướng sự thật, khăng khăng một mực, duyên ấy thù thắng, nhất định sẽ là thượng phẩm vãng sanh. Chẳng gặp duyên tốt đẹp, gặp phải ác duyên, ác duyên gì vậy? Kẻ này kéo quý vị đi bái sám, kẻ khác lôi quý vị triều sơn bái Phật, đều nói là có công đức rất lớn. Quý vị cứ đi theo, sẽ biến thành loạn tu, tạp tu. Đó là duyên quá kém, chẳng gặp duyên tốt đẹp, phá hoại toàn bộ. Điều này hết sức đáng tiếc!

Đối với tổng cương lãnh tu hành trong Phật pháp, chư vị phải ghi nhớ. Quý vị có thể nắm giữ cương lãnh ấy, đại khái là sẽ chẳng phạm sai lầm quá to lớn. Tổng cương lãnh là Tam Học Giới, Định, Huệ. Trong hết thảy các pháp môn, đều có chánh trợ song tu, Tịnh Độ Tông cũng là chánh trợ song tu. Chánh tu là tu Định, Định là tâm thanh tịnh; trợ tu là tu Giới. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Huệ chẳng cần tu, hễ Định bèn khai trí huệ. Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: *"Tịnh cực quang thông đạt"*. Công phu Định lực sâu xa, trí huệ bèn mở mang, hết thảy đều thông đạt vô ngại. Đối với trợ tu, trì giới cũng là tu phước. Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rành rẽ: Học nhân Tịnh Tông tu gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác. Thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Tu hành chẳng thể rời khỏi nguyên tắc căn bản là Tam Học Giới, Định, Huệ. Tương ứng với nguyên tắc ấy, chắc chắn là chánh pháp. Trái nghịch nguyên tắc ấy, nhất định chẳng phải là chánh pháp. Phật pháp chân chánh là gì, từ chỗ này, mọi người sẽ rất dễ dàng phân biệt.

Chúng ta chiếu theo pháp môn này để tu học, xác thực là tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, mỗi tháng một thanh tịnh hơn. Quý vị có công đức, tu học có thành tích, người hiện thời nói là *"thành tựu"*, quý vị có thành tựu. Sự thành tựu ấy, không chỉ là nắm chắc sự vãng sanh trong tương lai, mà còn là người có công phu tốt đẹp, sẽ vãng sanh tự tại. "Tự tại" là muốn đi khi nào bèn đi khi ấy, muốn ở thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại. Nói đến lợi ích hiện tiền, sẽ là thân tâm khỏe mạnh. Quý vị tu hành thật sự, công phu thật sự đắc lực, nơi thân thể hễ có bệnh tật gì, chẳng cần thuốc men, tự nhiên lành bệnh, do công phu đã đắc lực đó mà. Do nguyên nhân gì? Tâm thanh tịnh, kết cấu của các tế bào trong thân thể chúng ta sẽ khôi phục bình thường. Trong kinh, đức Phật đã dạy:

"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng". Trong tâm chúng ta suy nghĩ loạn xạ, suy nghĩ loạn xạ là một sức mạnh rất lớn khiến cho kết cấu các tế bào nơi thân thể chúng ta bị rối loạn, quý vị sẽ ngã bệnh. Vì sao tuổi già lắm bệnh ngần ấy? Người tuổi trẻ chẳng nghĩ tới bệnh tật, họ bận bịu làm việc, chẳng có ý niệm nghĩ tới bệnh tật, cho nên thuở trẻ rất ít bệnh. Tuổi già chẳng có việc gì, suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới bệnh tật. Bệnh tật do đâu mà có? Do nghĩ tưởng. Thập Lục Quán Kinh đã nói về quán tưởng như sau: *"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*. Kẻ ấy nghĩ tới bệnh tật, làm sao chẳng sanh bệnh cho được? Càng nghĩ càng nhiều, bệnh càng nhiều càng thêm lo nghĩ, mắc vào cái vòng lẩn quẩn ấy, đến cuối cùng chẳng có cách nào, cũng chẳng thể thoát ra được. Vì vậy, một người nhất tâm tưởng Phật, sẽ khỏe mạnh nhất. Tưởng Phật đã thành công, tổ chức của các tế bào trên toàn thân sẽ hoàn toàn khôi phục kết cấu bình thường, bệnh gì cũng đều chẳng có. Không chỉ là chẳng có bệnh, quý vị nhất định là mỗi năm một trẻ trung hơn. Vì vậy, đó là [dấu hiệu chứng tỏ] công phu tu hành của quý vị đắc lực. Nếu chẳng phải là hiện tượng ấy, nhìn vào tình hình đó, quý vị là người tu hành ở chỗ nào? Quý vị đang tu tham, sân, si, đang tu suy nghĩ loạn xạ, đang tu ba ác đạo, chẳng phải là tu Tịnh Độ! Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Trong kinh, đức Phật thường nói rõ đạo lý này. Chúng ta mong thân thể của chính mình khỏe mạnh, mong chính mình mỗi năm trẻ trung hơn, chẳng bị suy lão, Tịnh Tông có thể dễ dàng thực hiện điều này, chẳng phải là chuyện khó khăn, cũng chẳng phải là thần thoại, chẳng phải là thần thông, mà là có đạo lý ở trong ấy! Quý vị chẳng tin tưởng, không chịu học, [vậy là] chẳng có cách nào hết! Chỉ cần quý vị tin tưởng, chịu học, sẽ đạt được lợi ích thù thắng ngay trong hiện tại. Những điều đạt được trong hiện thời chính là lợi ích nhỏ nhặt, chẳng phải là lợi ích chân thật. Đó là lợi ích vặt vãnh, lợi ích trước mắt! Trong tương lai vãng sanh, đó là đạt được lợi ích to tát, đạt được lợi ích rốt ráo viên mãn. Do vậy, phương pháp đơn giản lắm, thật sự tin tưởng, nguyện vọng khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật, sẽ dễ dàng ngần ấy, có thể đạt đến hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn.

4) Thứ tư, thời gian tu hành pháp môn này chẳng cần phải rất dài, [trong một thời gian rất ngắn] bèn thành tựu. Trong kinh, đức Phật đã nói: Đối với các pháp môn khác, như Tiểu Thừa [chẳng hạn], tính từ ngày chứng quả Tu Đà Hoàn, qua lại trong nhân gian hay cõi trời bảy lần rồi mới có thể chứng A La Hán. Thọ mạng trong nhân gian chẳng dài,

nhưng cõi trời thọ mạng dài dằng dặc, quý vị mới biết phải tốn bao nhiêu thời gian để có thể chứng quả A La Hán. Để thành Phật thì Bồ Tát cũng phải tính từ ngày đắc Vị Bất Thoái. Chưa chứng đắc thì quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chẳng tính! Phải tính từ ngày đắc Vị Bất Thoái. Vị Bất Thoái là địa vị gì? Là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Tịnh Tông là Viên Giáo. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, tính từ ngày đó, [thời gian tu học cho đến khi] thành Phật ắt cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian dài quá! Thời gian [tu học] trong Tịnh Tông ngắn ngủi: Thượng thượng phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ như là đã thành Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bồ Tát nghe nói đều lắc đầu, đều chẳng dám tin tưởng. Người ta vất vả, nhọc nhằn tu tập ba đại A-tăng-kỳ kiếp, làm sao quý vị có thể vừa đến nơi bèn thành Phật, há có chuyện dễ dàng dường ấy? Pháp khó tin! Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng quá mười hai kiếp bèn *"hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh"*. Mười hai kiếp so với ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian chẳng thể sánh bằng. Đó là nói theo sự thành tựu chậm nhất trong thế giới Tây Phương, mười hai đại kiếp [mà thôi]! Nếu là hạ phẩm trung sanh, chỉ cần sáu kiếp. Hạ phẩm thượng sanh, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, bảy lần bảy bốn mươi chín ngày, thời gian ấy là thời gian tính trong nhân gian chúng ta, chẳng phải là trong thế giới Cực Lạc. Quý vị bèn hiểu, đó gọi là công đức chẳng thể nghĩ bàn vì chẳng cần thời gian rất dài.

Còn nữa, niệm một vị A Di Đà Phật giống như niệm hết thảy chư Phật Như Lai, vì sao? Vì hết thảy chư Phật đều niệm A Di Đà Phật, cho nên niệm A Di Đà Phật chính là niệm hết thảy chư Phật, chẳng bỏ sót một vị Phật nào, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Hết thảy chư Bồ Tát đều ngưỡng mộ A Di Đà Phật, cho nên niệm A Di Đà Phật cũng là niệm hết thảy chư Bồ Tát, chẳng sót một vị Bồ Tát nào. Đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, chẳng niệm A Di Đà Phật đúng là đáng tiếc! Còn mong làm chuyện khác, học những kinh luận, pháp môn khác, [hoặc trì niệm] danh hiệu chư Phật, Bồ Tát khác. Đó là gì? Dành cho kẻ chẳng có phước báo niệm. Từ xưa, người thật sự khai ngộ sẽ là *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ"*. Danh hiệu chư Phật, Bồ Tát [ngoài danh hiệu A Di Đà Phật] nhường cho người khác niệm, do nguyên nhân gì? Do thiện căn và phước đức của họ chẳng viên mãn, chẳng tỏ lộ. Đối với pháp môn bậc nhất, pháp môn thù thắng khôn sánh này, họ chẳng thể tiếp nhận. Họ có nghiệp chướng, cho nên thích niệm những kinh điển

khác, thích niệm những danh hiệu Phật, Bồ Tát khác, cũng được thôi! Gieo thiện căn! Bởi lẽ, pháp môn này nhằm nói với người có căn cơ chín muồi, thiện căn đã thật sự chín muồi, quyết định sẽ làm Phật trong một đời này, chẳng phải là làm Bồ Tát, mà là làm Phật. Đây là pháp để nói với người sẽ làm Phật.

Chúng ta có thể hiểu rõ những đạo lý, sự thật này, sẽ chẳng phí công niệm kinh Di Đà. Liên Trì đại sư tốn nhiều thời gian và tinh lực ngần ấy để viết chú giải, chúng ta cũng sẽ thật sự xứng đáng với Ngài, xác thực là được Ngài giúp đỡ, xem hiểu, hiểu rõ câu kinh văn này, có sự thấu hiểu và nhận thức kha khá. Được chư Phật hộ niệm, chúng ta có thể chẳng thoái chuyển; trong đại hoàn cảnh động loạn này, chúng ta có thể được yên ổn, có thể lìa chướng nạn. Dưới đây, Ngài lại dẫn Quán Kinh để chứng minh:

(Sao) Quán Kinh vân: "Niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả". Hựu kinh vân: "Niệm Phật chi nhân, A Di Đà Phật thường trụ kỳ đảnh".

(鈔)觀經云：念佛眾生，攝取不捨。又經云：念佛之人，阿彌陀佛常住其頂。

*(**Sao**: Quán Kinh nói: "Nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ". Kinh lại nói: "Người niệm Phật, A Di Đà Phật thường ngự trên đỉnh đầu người ấy").*

Những điều này đều nhằm chỉ rõ người niệm Phật nhất định được chư Phật hộ niệm, được chư Phật gia hộ, chư Phật gia trì. Hiện thời, trong và ngoài nước, người tin Mật Tông rất nhiều, dường như cho rằng Hiển Tông chẳng linh, chẳng cao minh như Mật Tông, [họ cứ nghĩ] tìm đến một vị Thượng Sư Mật Tông để được quán đảnh, dường như sẽ đạt được lợi ích thù thắng. Thật ra, Quán Đảnh (Abhiṣeka) là gì, người ấy chẳng hiểu rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang Thượng Sư (Varja-guru) bên Mật Tông. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cụ đã giải thích rất rõ ràng hai chữ Quán Đảnh. Hai chữ Quán Đảnh (灌頂) là tỷ dụ, chẳng phải là thật sự dùng chút nước rảy trên đầu, quý vị bèn khai ngộ, bèn khai trí huệ! Buổi tối quý vị tắm rửa, xối nước ào ào như thế, chẳng xối ra trí huệ được, [vậy thì] rảy mấy giọt nước, làm sao trí huệ của quý vị tỏ lộ cho được? Há có chuyện ấy! Càng quán đảnh càng hồ đồ, càng quán đảnh càng mê hoặc, điên đảo. Hoàng lão cư sĩ nói rất hay:

"Quán" (灌: tưới, dội) có nghĩa là từ bi gia trì, *"đảnh"* (頂) là vô thượng đảnh pháp (pháp cao tột vô thượng) trong Phật pháp. Truyền trao pháp môn thù thắng nhất cho quý vị, đó là Quán Đảnh, có ý nghĩa như vậy đó. Nay pháp môn nào là pháp môn bậc nhất, là pháp môn thù thắng nhất, là *"đảnh pháp"* trong hết thảy các pháp môn? Chính là kinh A Di Đà, chính là A Di Đà Phật.

Vì thế, quý vị cung kính niệm kinh A Di Đà từ đầu đến cuối một lượt, tức là mười phương hết thảy chư Phật quán đảnh cho quý vị một lượt, thật vậy, chẳng giả! Quý vị mỗi ngày niệm hai lượt, tức là chư Phật Như Lai quán đảnh quý vị hai lượt. Quý vị chẳng dám tin, mà cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ. Tìm một kẻ phàm phu đến lừa phỉnh quý vị, quý vị bèn cao hứng bừng bừng, cảm thấy chính mình ghê gớm lắm. Nghe lừa, chẳng nghe khuyên, ngu si! Vì thế, tôi nói là càng quán đảnh càng hồ đồ!

Kinh này là vô thượng đảnh pháp, chẳng có gì cao hơn; cho nên được mười phương hết thảy Như Lai tán thán, là công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn. *"Niệm Phật chi nhân, A Di Đà Phật thường trụ kỳ đảnh"* (Người niệm Phật, A Di Đà Phật thường ngự trên đỉnh đầu người ấy). Vì sao mười phương hết thảy chư Phật chẳng hộ niệm? Vấn đề là quý vị chẳng phải là người niệm Phật thật sự. Người niệm Phật thật sự chẳng phải là suốt ngày từ sáng đến tối miệng niệm Phật hiệu. Cổ nhân bảo: *"Gào toạc cổ họng vẫn uổng công"*. Miệng niệm Phật, tâm dấy vọng tưởng, vô dụng! Người thật sự niệm Phật là trong tâm thật sự có Phật; trừ Phật ra, trong tâm thứ gì khác cũng đều chẳng có. Đó là người thật sự niệm Phật. Nhất định là như kinh đã nói: A Di Đà Phật thường ngự trên đỉnh đầu của quý vị, chẳng sai tí nào!

(Sao) Hựu Thập Chủng Lợi Ích vân: Niệm Phật chi nhân, A Di Đà Phật thường phóng quang minh, nhiếp thọ thử nhân, thử Bổn Sư hộ niệm.

(鈔)又十種利益云：念佛之人，阿彌陀佛，常放光明，攝受此人，此本師護念。

*(**Sao**: Lại phần Mười Thứ Lợi Ích có nói: Người niệm Phật được A Di Đà Phật thường phóng quang minh, nhiếp thọ người ấy. Đó chính là đức Bổn Sư hộ niệm).*

Bổn Sư [trong đoạn này] là A Di Đà Phật.

(Sao) Nhi thập phương chư Phật đồng thử hộ niệm.

(鈔)而十方諸佛同此護念。

*(**Sao**: Mười phương chư Phật đều cùng hộ niệm như vậy).*

Kinh dạy: Mười phương ba đời hết thảy chư Phật, chẳng có vị nào không bảo vệ, hộ trì quý vị, chẳng có vị nào không nghĩ nhớ quý vị.

(Sao) Đương tri niệm Phật, Phật niệm, cảm ứng tự nhiên, bất khả vu dã.

(Diễn) "Niệm Phật, Phật niệm cảm ứng tự nhiên" giả, Thủ Lăng Nghiêm vân: "Thập phương chư Phật lân niệm chúng sanh, như mẫu ức tử. Nhược tử đào thệ, tuy ức hà vi? Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn. Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật" đẳng.

(鈔)當知念佛佛念，感應自然，不可誣也。

(演)念佛佛念感應自然者。首楞嚴云。十方諸佛憐念眾生。如母憶子。若子逃逝。雖憶何為。子若憶母。如母憶時。母子歷生不相違遠。若眾生心。憶佛念佛。現前當來必定見佛等。

*(**Sao**: Hãy nên biết niệm Phật, được Phật niệm, cảm ứng tự nhiên, chẳng thể hư dối.*

***Diễn**: "Niệm Phật, được Phật niệm, cảm ứng tự nhiên": Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Mười phương chư Phật nghĩ thương chúng sanh, như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, tuy nhớ có ích gì? Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, mẹ và con trải qua nhiều đời chẳng xa cách nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật").*

Ta niệm Phật, Phật niệm ta; ta tưởng Phật, Phật tưởng ta. Chỉ cần chuyên tưởng, dần dần sẽ biến thành giống như Phật, bèn thành Phật. Đấy là con đường tắt để thành Phật, chẳng có gì nhanh chóng hơn cách này được!

(Sớ) Hựu Bát Địa thỉ mông Phật hộ, cố tri vãng sanh, địa vị phi thiển!

(疏)又八地始蒙佛護，故知往生，地位非淺。

*(**Sớ**: Lại nữa, Bát Địa mới được Phật hộ niệm. Vì thế biết là được vãng sanh, địa vị chẳng nông cạn).*

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói chuyện này. Thông thường, Phật hộ niệm chư Bồ Tát, các vị Bồ Tát ấy là những ai? Những vị từ Bát Địa trở lên; thấp hơn Bát Địa, Phật chẳng quan tâm tới. Những vị thấp hơn Bát Địa do ai hộ niệm? Kinh Kim Cang đã nói rất hay: Đại Bồ Tát hộ niệm tiểu Bồ Tát, có những vị đại Bồ Tát chiếu cố [những vị ấy]. Phật chiếu cố đại Bồ Tát, đại Bồ Tát chiếu cố tiểu Bồ Tát, đấy cũng là chuyện hợp tình hợp lý. Chỉ riêng người niệm A Di Đà Phật là được Phật hộ niệm, hết thảy chư Phật đều hộ niệm. Do vậy có thể biết: Một người thật sự niệm Phật, nói cách khác, địa vị bằng với Bát Địa Bồ Tát. Bởi lẽ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. Kinh này dạy chúng ta: A Bệ Bạt Trí là từ Thất Địa trở lên. Từ Thất Địa trở lên [thì tối thiểu] là Bát Địa. Người niệm Phật phải hiểu rõ, phải tự tôn trọng chính mình. Phàm phu mong tu thành Bát Địa, há dễ dàng ư? [Trong các pháp môn theo đường lối thông thường], để tu thành Bát Địa thì phải đến A-tăng-kỳ kiếp thứ ba. A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất nhằm hoàn thành các địa vị thuộc Tam Hiền, cho đến Thập Hồi Hướng. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai là [để chứng đắc] từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba là [chứng nhập các địa vị] Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, quý vị bèn biết là khó khăn lắm. Nhưng người niệm Phật vừa phát tâm bèn bằng với Bát Địa Bồ Tát, quý vị nói xem có thù thắng lắm hay chăng? Pháp môn nào có thể sánh bằng?

(Sao) Bát Địa Phật hộ giả, Hoa Nghiêm vị Bát Địa Bồ Tát, thường vị Như Lai chi sở hộ niệm, kim thử đốn siêu thắng địa, cố viết phi thiển.

(Diễn) Bát Địa Bồ Tát thường vị Như Lai hộ niệm giả, dĩ thử Bồ Tát dĩ nhập vô công dụng địa, trụ ư Báo Hành. Nhược Như Lai bất hộ giả, bỉ thời tức nhập cứu cánh Niết Bàn, khí xả nhất thiết lợi chúng sanh nghiệp. Cố chư Phật thân hiện kỳ tiền thuyết chủng chủng pháp, dữ thử Bồ Tát vô lượng vô biên khởi trí môn, thường vị Như Lai chi sở hộ niệm dã.

(鈔)八地佛護者，華嚴謂八地菩薩，常為如來之所護念，今此頓超勝地，故曰非淺。

(演)八地菩薩。常為如來護念者。以此菩薩已入無功用地。住於報行。若如來不護者。彼時即入究竟涅槃。棄捨一切利眾生業。故諸佛親現其前說種種法。與此菩薩無量無邊起智門。常為如來之所護念也。

*(**Sao**: "Bát Địa được Phật hộ niệm": Kinh Hoa Nghiêm nói Bát Địa Bồ Tát thường được Như Lai hộ niệm, nay người [vãng sanh] nhanh chóng vượt lên địa vị thù thắng, cho nên nói là "chẳng nông cạn".*

***Diễn**: "Bát Địa Bồ Tát thường được Như Lai hộ niệm": Do các vị Bồ Tát ấy đã nhập địa vị vô công dụng, trụ nơi Báo Hành. Nếu Như Lai chẳng hộ trì, họ liền nhập Niết Bàn rốt ráo, vứt bỏ hết thảy các nghiệp lợi lạc chúng sanh. Vì thế, chư Phật đích thân hiện trước mặt họ, nói các thứ pháp khiến cho các vị Bồ Tát ấy khởi lên trí môn vô lượng vô biên. Đó là thường được Như Lai hộ niệm vậy).*

Người niệm Phật đốn siêu, rất nhanh chóng! Người ta phải tu đến A-tăng-kỳ kiếp thứ ba thì mới đạt đến Bát Địa, chúng ta trong dăm ba năm ngắn ngủi bèn vượt trỗi hai A-tăng-kỳ kiếp, pháp môn này đương nhiên là công đức chẳng thể nghĩ bàn, đương nhiên là được hết thảy chư Phật hộ niệm. Chẳng được hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị làm sao có thể thành tựu công đức như vậy? Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 263

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi chín:

(Sớ) Chư Phật cáo ngữ chúng sanh, cổ hữu nhị thuyết: Nhất vị chuyển dẫn, nhất vị đồng thời. Kim kiêm dụng chi.

(疏)諸佛告語眾生，古有二說：一謂轉引，一謂同時。今兼用之。

*(**Sớ**: "Chư Phật nói với chúng sanh". Cổ nhân có hai cách nói: Một là chuyển dẫn, một thuyết khác là đồng thời. Nay dùng cả hai thuyết ấy).*

Mười phương chư Phật bảo đại chúng: *"Nhữ đẳng chúng sanh*

đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh" (Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Ca Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này). Đối với lời này, từ xưa tới nay có hai cách nói: Một là *"chuyển dẫn"* (轉引: kể lại, nhắc lại), loại kia là *"đồng thời"* (同時: nói cùng một lúc).

(Sao) Chuyển dẫn giả, Từ Ân vị lục phương chư Phật, cáo bổn quốc trung chi ngữ, Thích Ca chuyển dẫn dĩ chứng kỷ ngôn. Linh Chi vị thị Thích Ca thuyết thử kinh thời, lục phương chư Phật đồng thời tán thán.

(鈔)轉引者，慈恩謂六方諸佛，告本國中之語，釋迦轉引以證己言；靈芝謂是釋迦說此經時，六方諸佛同時讚歎。

*(**Sao**: "Chuyển dẫn": Ngài Từ Ân nói sáu phương chư Phật nói lời ấy trong cõi mình, đức Phật Thích Ca kể lại lời ấy để chứng minh cho lời nói của chính mình. ["Đồng thời" là như] ngài Linh Chi bảo: Khi Phật Thích Ca nói kinh này, sáu phương chư Phật đồng thời tán thán).*

Cổ đức có hai cách nói như vậy. Hai cách ấy đều hợp lẽ, lại cũng là sự thật. Từ Ân đại sư là ngài Khuy Cơ. Khuy Cơ đại sư nói như vậy trong Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, đó là tác phẩm chú giải kinh Di Đà của Khuy Cơ đại sư. Ngài nói hết thảy chư Phật trong sáu phương giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đối trước chúng ta, vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giới thiệu A Di Đà Phật. Nói cách khác, hết thảy chư Phật giảng Tịnh Độ Tam Kinh trong cõi nước của chính các Ngài, cũng giảng Tịnh Độ Tam Kinh cho nhân dân của chính mình. Đương nhiên, ý nghĩa này của ngài Từ Ân xác thực là sự thật. Thích Ca Mâu Ni Phật trích dẫn những lời tán thán Tịnh Độ của chư Phật khi giảng ba kinh cho đại chúng, trích dẫn những lời lẽ ấy để chứng minh lời Ngài nói giống hệt như chư Phật Như Lai, chẳng khác gì nhau! Linh Chi đại sư nói cách khác, nhưng cũng có lý. Ngài nói khi Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh này, cũng có nghĩa là khi đức Phật giảng ba kinh [Tịnh Độ], hết thảy chư Phật trong sáu phương, chẳng có vị Phật nào không tán thán, đây cũng là sự thật. Nói cách khác, khi Thích Ca Mâu Ni Phật

vì chúng ta giảng kinh này, hết thảy chư Phật đều tán thán. Khi chư Phật giảng kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng tán thán giống hệt. Nhất định là chư Phật tán thán lẫn nhau. Hai ý nghĩa đều là thật. Vì thế, Liên Trì đại sư sử dụng cả hai ý nghĩa.

(Sao) Kim kiêm dụng giả, dĩ thử quảng đại tối yếu pháp môn.

(鈔)今兼用者，以此廣大最要法門。

*(**Sao**: Nay sử dụng cả hai [ý nghĩa ấy] là vì pháp môn rộng lớn, trọng yếu nhất này).*

"Quảng đại tối yếu pháp môn", câu này rất quan trọng. Nói thật ra, chẳng phải là triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ không thể thốt lên câu này. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn quảng đại tối yếu, [tức là] pháp môn quan trọng nhất, là pháp môn tinh túy nhất.

(Sao) Chư Phật bình thời tất sở thường tán.

(鈔)諸佛平時必所常讚。

*(**Sao**: Ắt luôn được chư Phật thường xuyên tán thán).*

Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật suốt một đời thuyết pháp cả bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, gần như trong mỗi hội đều nhắc tới sự thù thắng của Tịnh Tông. Cuối kinh Hoa Nghiêm, *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*. Trong phẩm Dược Vương của kinh Pháp Hoa cũng khuyên người ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm nay đã được xếp vào Tịnh Độ Ngũ Kinh. Các vị đại đức của Tịnh Độ Tông Nhật Bản đã tra duyệt Đại Tạng Kinh, thấy [pháp môn Tịnh Độ được] đức Phật nói rõ rệt, nói khẩn thiết trong hơn hai trăm bộ kinh điển, gần đến ba trăm bộ! Điều này chứng tỏ Thích Ca Mâu Ni Phật thường giảng pháp môn quảng đại tối yếu này. Vì thế, cổ đức nói *"ngàn kinh vạn luận, nơi nào cũng chỉ quy"* là có lý, [bởi lẽ đức Phật và chư Tổ] thường nhắc đến pháp môn này.

(Sao) Nhi chánh đương Thích Ca thuyết thử kinh thời, thập phương chư Phật tề tán, diệc phục hà ngại?

(鈔)而正當釋迦說此經時，十方諸佛齊讚，亦復何礙。

*(**Sao**: Nhưng ngay trong lúc Phật Thích Ca nói kinh này, mười phương chư Phật đều cùng tán thán, há cũng có trở ngại gì ư?)*

Chẳng có chướng ngại!

(Sao) Di hiển thử kinh, nãi phổ nhãn pháp môn, biến hồ pháp giới, nhất thuyết, nhất thiết thuyết dã.

(鈔)彌顯此經，乃普眼法門，遍乎法界，一說一切說也。

*(**Sao**: Hiển lộ trọn vẹn kinh này chính là pháp môn phổ nhãn trọn khắp pháp giới. Một vị nói chính là hết thảy các vị đều nói vậy).*

Pháp môn phổ nhãn là gì?

(Diễn) Phổ nhãn hữu nhị, nhất đại trí phổ nhãn phổ chiếu pháp giới, nhị đại bi phổ nhãn phổ chiếu chúng sanh. Kim tuy kiêm nhị giả, ý trọng đại bi.

(演)普眼有二，一大智普眼普照法界，二大悲普眼普照眾生，今雖兼二者，意重大悲。

*(**Diễn**: Phổ nhãn có hai thứ: Một là đại trí phổ nhãn chiếu khắp pháp giới, hai là đại bi phổ nhãn chiếu khắp chúng sanh. Nay tuy có cả hai thứ, nhưng thiên trọng ý nghĩa đại bi).*

Hai ý nghĩa ấy đều có, nhưng thiên về đại bi.

(Diễn) Chúng sanh biến pháp giới, tắc đại bi biến pháp giới. Đại bi biến pháp giới, tắc thử pháp môn diệc biến pháp giới.

(演)眾生遍法界，則大悲遍法界，大悲遍法界，則此法門亦遍法界。

*(**Diễn**: Chúng sanh trọn khắp pháp giới, tức là đại bi trọn khắp pháp giới. Đại bi trọn khắp pháp giới chính là pháp môn này cũng trọn khắp pháp giới).*

Đây là ý nghĩa *"phổ nhãn trọn khắp pháp giới"*.

(Diễn) Nhất thuyết, nhất thiết thuyết dã.

(演)一說一切說也。

*(**Diễn**: Một vị nói là hết thảy các vị đều nói).*

Một vị Phật nói, hết thảy chư Phật đều nói. Thật sự hiển thị pháp môn này là pháp môn tinh yếu để thành Phật.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh bất biến, thị thành thật nghĩa. Tự tánh bất ly, thị hộ niệm nghĩa.

(疏)稱理，則自性不變，是誠實義；自性不離，是護念義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh bất biến là ý nghĩa "thành thật". Tự tánh chẳng lìa, là ý nghĩa "hộ niệm").*

Đoạn này là nói xứng tánh.

(Sao) Thuần chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên. Ngôn thành thật giả, thục quá ư thị!

(鈔)純真絕妄，萬劫如然。言誠實者，孰過於是。

*(**Sao**: Thuần chân, dứt vọng, muôn kiếp đều là như vậy. Nói đến thành thật thì không chi hơn điều này được!)*

Kinh nói *"thuyết thành thật ngôn"*, chẳng có gì thành thật hơn điều này. Thành thật đến tột bậc; vì thế, bảo là *"thuần chân tuyệt vọng"*. Đức Phật nói hết thảy các kinh khác có phải cũng là nói lời thành thật hay không? So với kinh này, có sai biệt hay chăng? Xác thực là có sai biệt! Nếu bộ kinh này, pháp môn này, chẳng dẫn về Cực Lạc ngay trong một đời này thì tuy là lời thành thật, [vẫn là] chẳng đạt đến tột bậc, vẫn còn khiếm khuyết một tí. Cổ đức nói: Kinh Hoa Nghiêm nếu chẳng có quyển cuối cùng *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*, Hoa Nghiêm sẽ chẳng viên mãn, so với kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà xác thực là sẽ thua sút rất nhiều. Do cuối kinh Hoa Nghiêm có *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*, kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn bằng vai phải lứa với kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, cũng là thuần chân đến mức tột cùng. Chư vị hiểu rõ đạo lý này, dùng tiêu chuẩn này để quan sát hết thảy kinh luận Đại Thừa, mới hiểu rõ [thế nào là] liễu nghĩa và bất liễu nghĩa như đức Phật đã nói. Pháp môn nào là liễu nghĩa rốt ráo?

Trong một đời này, vãng sanh bất thoái thành Phật, đó gọi là liễu nghĩa rốt ráo. Nếu chẳng đạt được mục tiêu ấy, sẽ chẳng thể coi là liễu nghĩa rốt ráo. Vì thế, mấy câu này cũng là nói đến tột bậc vậy!

(Sao) Tức kim nhất thị, nhất thính, nhất ngôn, nhất động, mạc bất dữ câu.

(鈔)即今一視一聽，一言一動，莫不與俱。

*(**Sao**: Tức là nay một cái nhìn, một cái nghe, một lời nói, một hành động, không gì chẳng tương ứng).*

Mấy câu này hết sức gần gũi với những điều thường được nói trong Thiền Tông. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Phật đã dạy: *"Niệm Phật tức là vô thượng thậm thâm Thiền"*. Lời ấy là thật; từ mấy câu này của Liên Trì đại sư, chúng ta có thể cảm nghiệm kinh Đại Tập nói có lý.

(Sao) Cắng cổ, cắng kim, thường hộ, thường niệm, hành, trụ, tọa, ngọa, bất ly giá cá, hà đắc thành ngôn bất tín, hộ ngã thiên vi, khả vị tự cuống, tự khi, tự đào, tự thệ.

(Diễn) Thuần chân tuyệt vọng tứ cú, vị Chân Như bổn vô vọng nhiễm, thử chân thành thật dã. Ngoại giáo dĩ lục thức bất khởi hư ngụy, nhất vị chuyên thành, tiện vi thành thật giả. Phi dã, dĩ thử thức nhân trần nhi hữu, ly trần tắc vô, toàn thể thị vọng cố. Nhất thị, nhất thính đẳng giả, cổ vân: "Nhật dụng sự vô biệt, duy ngô tự ngẫu hài. Đầu đầu phi thủ xả, xứ xứ vật trương quai. Châu, tử thùy vi hiệu, khâu, sơn tuyệt điểm ai. Trước y tịnh khiết phạn, vận thủy cập ban sài", thị dã. Hựu thị thính ngôn động mạc bất dữ câu giả, sở vị ngô nhân thực tức khởi cư, vô bất thừa tha ân lực dã. Cắng cổ, cắng kim, thường hộ, thường niệm giả, sở vị Chân Như nội huân vô hữu gián đoạn dã. Hành, trụ, tọa, ngọa bất ly giá cá giả, sở vị "dạ dạ bão Phật miên, triêu triêu hoàn cộng khởi" dã. Thượng ước tự tánh xuất triền thuyết bất ly, thử ước tự tánh tại triền thuyết bất ly dã.

(鈔)互古互今，常護常念，行住坐臥，不離這個，何得誠言不信，護我偏違，可謂自誑自欺，自逃自逝。

(演)純真絕妄四句。謂真如本無妄染。此真誠實也。外教以六識不起虛偽。一味專誠。便為誠實者。非也。以此識因塵而有。離塵則無。全體是妄故。一視一聽等者。

古云。日用事無別。唯吾自偶諧。頭頭非取捨。處處勿張乖。朱紫誰為號。邱山絕點埃。著衣并喫飯。運水及搬柴。是也。又視聽言動莫不與俱者。所謂吾人食息起居。無不承他恩力也。亘古亘今常護常念者。所謂真如內熏無有間斷也。行住坐臥不離這箇者。所謂夜夜抱佛眠。朝朝還共起也。上約自性出纏說不離。此約自性在纏說不離也。

(***Sao***: *Suốt xưa, trọn nay, thường hộ trì, thường niệm. Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này, há nên chẳng tin lời thành thật, khăng khăng trái nghịch sự hộ niệm của Phật đối với ta? Đáng gọi là tự lừa, tự dối, tự trốn, tự bỏ đi!*

Diễn: *Bốn câu "thuần chân tuyệt vọng" là nói Chân Như bản tánh chẳng có vọng nhiễm, đấy chính là thành thực chân thật. Ngoại giáo cho rằng "sáu thức chẳng khởi hư ngụy, một mực chuyên thành, đó chính là thành thật". Chẳng đúng! Bởi lẽ thức ấy do trần mà có, lìa khỏi trần bèn chẳng có, cho nên toàn thể là vọng. "Một cái nhìn, một cái nghe": Cổ nhân nói: "Chuyện thường ngày chẳng khác, riêng ta tự hòa hài. Mọi chuyện đừng lấy bỏ, chốn chốn chớ dị kỳ, son, tía ai đặt hiệu, núi, gò chẳng mảy trần. Mặc áo và ăn uống. Gánh nước và chẻ củi" chính là nói về ý này. Lại "thấy, nghe, nói năng, cử động, không gì chẳng tương ứng" là như đã nói: Chúng ta ăn uống, nghỉ ngơi, hành động, không gì chẳng nhờ vào ân lực của nó (Chân Như bản tánh). "Suốt xưa, trọn nay, thường hộ trì, thường niệm" có nghĩa là Chân Như huân tập bên trong chẳng hề gián đoạn. "Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này" là như nói: "Đêm đêm ôm Phật ngủ, sáng sáng cùng nhau thức". Trong phần trước, dựa theo "tự tánh thoát khỏi triền phược" mà nói "chẳng lìa". Ở đây, dựa trên "tự tánh ở trong triền phược" mà nói "chẳng lìa" vậy).*

Mấy câu cuối này là lời cảm thán vô hạn của Liên Trì đại sư đối với người học Phật, đúng là *"cảm thán vô hạn"*. Học Phật mà chẳng chịu học pháp môn này, thật đáng tiếc, đúng là *"ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ"*. *"Cắng cổ, cắng kim"* (Suốt xưa, trọn nay): Từ xưa cho đến nay chưa hề gián đoạn. *"Thường hộ"*: *"Hộ"* (護) là bảo vệ. *"Thường niệm"*: Niệm (念) là nghĩ tới, tức là chư Phật Như Lai đối với hết thảy chúng

sanh chưa hề gián đoạn. *"Hành, trụ, tọa, ngọa, bất ly giá cá"* (Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này (chân tánh), đấy là sự thật. *"Hà đắc thành ngôn bất tín"* (Há nên chẳng tin lời thành thật): Lời lẽ của chư Phật Như Lai chí thành như vậy, chân thành đến tột cùng như vậy, vì sao chúng ta vẫn chẳng tin tưởng? Phật hộ niệm chúng ta, chúng ta khăng khăng chống trái Ngài, khăng khăng chẳng chịu tiếp nhận. Nói theo tánh, điều này hết sức chánh xác. Chúng ta niệm Phật, Phật hộ niệm; chúng ta chẳng niệm Phật, Phật vẫn hộ niệm. Phật trước nay chưa hề phân biệt, chẳng chấp trước, bình đẳng hộ niệm. *"Tự khi, tự cuống, tự đào, tự thệ"* (Tự dối, tự lừa, tự trốn, tự bỏ đi), khăng khăng chẳng chịu tiếp nhận, khăng khăng cứ gặp Phật bèn bài xích Ngài, sai lầm to lớn! Người giống như vậy, chẳng cần nói là những kẻ bình phàm chẳng tin Phật, ngay trong những người niệm Phật [kẻ có thái độ như thế] vẫn là chiếm đại đa số! Nếu họ thật sự tin tưởng, ai nấy đều vãng sanh cả rồi! Cổ nhân nói *"vạn người tu, vạn người đến"*, nay vì sao trong vạn người tu, chỉ có một hai người vãng sanh? Do vậy có thể biết, đại đa số phạm phải khuyết điểm này, tức là chẳng thể thật sự tin tưởng, vẫn trái nghịch lời khuyên bảo chân thật của đức Phật. Chúng tôi giới thiệu phương Đông tới đây [là hết]. Lại xem tiếp phần sau là phương Nam:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới, hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(經)舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大
焰肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。

*(**Kinh**: Xá Lợi Phất! Thế giới phương Nam có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng như vậy).*

Trước hết, nêu lên danh hiệu của các vị Phật ở phương Nam. Phương Nam cũng có vô lượng vô biên thế giới, đương nhiên cũng là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Đức Thế Tôn cũng nêu đại lược năm vị Phật. Trong Ngũ Hành, phương Nam thuộc Hỏa. Tướng của Hỏa là quang minh. Vì thế, phương Nam biểu thị quang minh. Thiện Tài đồng tử tham học, các vị thiện tri thức chỉ dạy Ngài phương hướng [để đến tham phỏng vị thiện tri thức kế tiếp] đều là đến phương Nam. Thiện tri thức đều ở tại phương Nam, chẳng lẽ phương Đông, phương Tây,

phương Bắc đều chẳng có thiện tri thức hay sao? Thật ra, phương nào cũng đều có, nhưng thiện tri thức trụ tại phương nào, cũng đều nói [nơi ấy] là phương Nam. *"Phương Nam"* ở đây chẳng phải là phương Nam trong phương hướng, mà là phương Nam trong sự biểu thị pháp. Phương Nam tượng trưng trí huệ quang minh. Hễ có thiện tri thức trụ tại ở phương nào, phương ấy là phương hướng quang minh, là nơi trí huệ, là nơi quang minh, biểu thị ý nghĩa này [cho nên gọi nơi thiện tri thức trụ là phương Nam].

Trong đoạn này, Phật hiệu của năm vị Phật sung mãn quang minh. Nhật Nguyệt Đăng (Candrasūryapradīpa) là quang minh; Danh Văn Quang (Yaśas-prabhā), Đại Diệm Kiên (Mahā-rciskāndha), Diệm (燄) là ngọn lửa, thảy đều biểu thị ý nghĩa quang minh. Có người nói kẻ niệm Phật là Tiểu Thừa, là kẻ chỉ lo tự giải thoát cho riêng mình, là phường trốn tránh hiện thực. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ mở đầu bằng hai chữ Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa! Kinh Vô Lượng Thọ là Đại Thừa, kinh A Di Đà đương nhiên là Đại Thừa, vì hai kinh cùng là một bản kinh, một đằng nói rộng, một đằng nói đại lược; cổ nhân bảo [hai kinh ấy] là Đại Bổn và Tiểu Bổn. Kinh này là kinh Đại Thừa. Cũng có kẻ nói: Người niệm Phật có lẽ là có thể tu được một chút Định, họ cũng tu nhất tâm bất loạn, nhưng chẳng có Huệ. Quý vị thấy ở đây là sung mãn trí huệ, chẳng có Huệ sao được? Bởi lẽ, năm vị Phật ở phương Nam biểu thị sự tu Huệ. Trong phần trước, năm vị Phật ở phương Đông biểu thị căn bản trong tu hành. Điều kiện tiên quyết là như như bất động, đó là bất động giác, tức A Súc Bệ Phật. Trong danh hiệu của ba vị Phật đều có chữ Tu Di, nhằm biểu thị tự tánh, biểu thị ba thân, tức Báo Thân, Pháp Thân, và Ứng Hóa Thân. Cuối cùng, Diệu Âm Phật biểu thị phương pháp tu hành, ý nghĩa này rất rõ rệt.

Tuy nói học Phật là *"phước huệ song tu"*, nhưng huệ khẩn yếu hơn phước. *"Tu huệ chẳng tu phước"*, tuy cuộc sống khó khăn đôi chút, nhưng chắc chắn là chẳng đọa lạc. *"La Hán thác không bát"* (La Hán đi khất thực ôm bát rỗng): La Hán ra ngoài khất thực chẳng xin được thức ăn, thiếu phước mà! Chứng đắc quả A La Hán, Ngài có Huệ, so với kẻ tu phước chẳng tu huệ vẫn tốt đẹp hơn quá nhiều! *"Tu phước chẳng tu huệ, voi to đeo chuỗi ngọc"*. Chẳng có trí huệ sẽ biến thành súc sanh có phước báo. Con voi to được quốc vương cỡi, khắp thân voi giắt đầy vàng, bạc, châu báu, chuỗi ngọc, rốt cuộc súc sanh vẫn là súc sanh! Điều này cho thấy: Người biết tu hành nhất định coi trọng Huệ hơn phước, đó là

đúng. Nếu coi trọng phước hơn huệ, sai mất rồi, phiền phức to lớn. Đương nhiên, phước huệ song tu là tốt nhất. Trong phước huệ song tu, phải nhớ thiên trọng Huệ, chớ nên thiên trọng phước. Thứ tự của sáu phương bao hàm ý nghĩa rất sâu. Chúng ta trọn đủ thái độ tu hành tốt đẹp, có mục tiêu tu học, thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ Huệ! Vì thế, chẳng phải là thực hiện từ phước, mà khởi sự từ Huệ, ý nghĩa này rất sâu. Trước hết, chúng ta xem đại sư giải thích danh hiệu của năm vị Phật này [như thế nào].

(Sớ) Nhật Nguyệt Đăng giả, đại trí vô tận cố.

(疏)日月燈者，大智無盡故。

*(**Sớ**: Nhật Nguyệt Đăng là đại trí vô tận).*

Trí huệ ấy chẳng cùng tận, biểu thị ý nghĩa này.

(Sao) Đại trí vô tận giả.

(鈔)大智無盡者。

*(**Sao**: Đại trí vô tận…)*

Nói rõ đại trí vô tận là gì; vì danh hiệu của Phật được kiến lập theo tỷ dụ.

(Sao) Nhật chiếu trú, nguyệt chiếu dạ, đăng chiếu nhật nguyệt chi sở bất cập, phổ biến kế tục, cánh vô cùng tận.

(鈔)日照晝，月照夜，燈照日月之所不及，普遍繼續，更無窮盡。

*(**Sao**: Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm, đèn chiếu những chỗ mặt trời và mặt trăng chẳng soi thấu, nối tiếp trọn khắp, chẳng có cùng tận).*

Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm. Những chỗ mặt trời, mặt trăng không chiếu tới, đèn bèn soi sáng. Dùng Nhật, Nguyệt, Đăng thì hết thảy đều được chiếu thấu, dùng điều này làm tỷ dụ.

(Sao) Phật chi đại trí, hoành cắng thập phương, thụ thông tam tế, phương do thị dã.

(鈔)佛之大智，橫亙十方，豎通三際，方猶是也。

*(**Sao**: Đại trí của Phật theo chiều ngang cùng tột mười phương, theo chiều dọc thông suốt ba đời, cũng giống như thế đó).*

Thật giống như mặt trời, mặt trăng và đèn, tỷ dụ trí huệ của Phật, mười phương ba đời không nơi nào chẳng chiếu, không lúc nào chẳng chiếu!

(Sao) Hựu nhật quang phá ám, hữu Bát Nhã nghĩa, danh Nhất Thiết Trí.

(鈔)又日光破暗，有般若義，名一切智。

*(**Sao**: Ánh mặt trời lại trừ tăm tối, có ý nghĩa Bát Nhã, gọi là Nhất Thiết Trí).*

Từ một tỷ dụ khác, phối hợp với ba thứ trí để xét. Mặt trời có thể phá trừ tối tăm, sánh ví tối tăm như vô minh, hoặc ví như phiền não. Trí huệ có thể đoạn vô minh phiền não, giống như Nhất Thiết Trí (Sarvajña) vậy!

(Sao) Nguyệt dĩ thanh lương chiếu dạ, hữu Giải Thoát nghĩa, danh Đạo Chủng Trí.

(鈔)月以清涼照夜，有解脫義，名道種智。

*(**Sao**: Mặt trăng dùng sự mát mẻ để chiếu ban đêm, có ý nghĩa Giải Thoát, gọi là Đạo Chủng Trí).*

Giải Thoát là tự tại, biểu thị ý nghĩa Đạo Chủng Trí.

(Sao) Đăng kế nhật nguyệt, thông hồ trú dạ, bất trụ nhị biên.

(鈔)燈繼日月，通乎晝夜，不住二邊。

*(**Sao**: Đèn nối tiếp mặt trời, mặt trăng, thông suốt ngày đêm, chẳng trụ vào hai bên).*

Ngày và đêm là *"nhị biên"*. Đèn đều chiếu hai bên ngày và đêm, chẳng lệch về bên nào.

(Sao) Thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, hữu Pháp Thân nghĩa,

danh Nhất Thiết Chủng Trí.

(Diễn) Đại trí vô tận hữu nhị thích. Sơ nhất nghĩa ước thụ cùng hoành biến thích. Đệ nhị nghĩa ước Tam Đức, Tam Trí thích. Đức trí tương đối giả, dĩ Nhất Thiết Trí, tức quán Không chi trí, Bát Nhã tảo đãng chư pháp cố. Đạo Chủng Trí, nãi quán Tục chi trí, Giải Thoát nãi kiến lập chư pháp cố. Nhất Thiết Chủng Trí, quán Trung Đạo chi trí. Pháp Thân huýnh xuất nhị biên, tuyệt chư đối đãi cố.

(鈔)是中道第一義諦，有法身義，名一切種智。

(演)大智無盡有二釋。初一義約豎窮橫遍釋。第二義約三德三智釋。德智相對者。以一切智。即觀空之智。般若掃蕩諸法故。道種智。乃觀俗之智。解脫乃建立諸法故。一切種智。觀中道之智。法身迴出二邊。絕諸對待故。

*(**Sao**: Là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, có ý nghĩa Pháp Thân, gọi là Nhất Thiết Chủng Trí.*

***Diễn**: "Đại trí vô tận" có hai cách giải thích: Nghĩa thứ nhất là dựa theo ý nghĩa "tột cùng theo chiều dọc" và "trọn khắp theo chiều ngang" để giải thích. Nghĩa thứ hai là dựa theo Tam Đức và Tam Trí để giải thích. So sánh giữa Đức và Trí thì: Dùng Nhất Thiết Trí, tức là cái trí để quán Không, Bát Nhã quét sạch các pháp. Đạo Chủng Trí chính là trí để quan sát thế tục, Giải Thoát bèn kiến lập các pháp. Nhất Thiết Chủng Trí là trí quán Trung Đạo, Pháp Thân vượt ngoài hai bên, dứt bặt các đối đãi).*

Có thể thấy danh hiệu này tràn đầy những ý nghĩa biểu thị pháp, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chúng ta thường thấy, thường nghe danh hiệu và hình tướng của chư Phật, Bồ Tát, hãy thường xuyên cảnh giác chính mình, cảnh tỉnh chính mình, đó là vô lượng công đức lợi ích. Biểu thị pháp rõ rệt nhất chính là Tứ Đại Thiên Vương, họ là các vị Bồ Tát hộ pháp trong Phật môn. Hiểu sự biểu thị pháp thì mới thật sự có thể cảnh giác, nhắc nhở chính mình, thời thời khắc khắc *"giác chứ không mê"*. Vị Phật thứ hai:

(Sớ) Danh Văn Quang giả, danh xưng phổ văn, như quang viễn chiếu.

(疏)名聞光者，名稱普聞，如光遠照。

*(**Sớ**: Danh Văn Quang là danh tiếng vang khắp, như ánh sáng chiếu xa).*

Biểu thị ý nghĩa này.

(Sao) Thật đại thanh hoằng, cố hữu danh xưng.

(鈔)實大聲宏，故有名稱。

*(**Sao**: Có thực chất to lớn, đẹp đẽ, thanh danh sẽ rộng lớn. Vì thế có tiếng tăm).*

Người Hoa nói là *"thật chí danh quy"* (có thực chất tốt đẹp, sẽ có thanh danh). *"Thật"* (實) là người ấy có đạo đức chân thật, có học vấn chân thật, có công đức chân thật, tự nhiên là người ấy sẽ rất nổi tiếng. Nay chúng ta gọi *"danh văn"* (名聞) là mức độ nổi tiếng. *"Quang"* là trí huệ, người ấy có trí huệ chân thật.

(Sao) Phổ biến văn ư thập phương vô lượng thế giới, như nhật quang chiếu, vô sở bất bị.

(Diễn) Thật đại thanh hoằng đẳng, danh giả thật chi tân dã. Phật ư Tăng-kỳ kiếp hải, tu vô lượng hạnh, cố danh xưng phổ biến văn ư thập phương.

(鈔)普遍聞於十方無量世界，如日光照，無所不被。

(演)實大聲宏等。名者實之賓也。佛於僧祇劫海。修無量行。故名稱普遍聞於十方。

*(**Sao**: [Thanh danh] vang vọng trọn khắp mười phương vô lượng thế giới, như ánh mặt trời soi chiếu, không đâu chẳng trọn.*

***Diễn**: "Có thực chất to lớn, đẹp đẽ, thanh danh sẽ rộng lớn": Danh là khách của thực chất. Trong các Tăng-kỳ kiếp số nhiều như biển cả, đức Phật đã tu vô lượng hạnh, cho nên tiếng tăm vang dội khắp mười phương).*

Nói theo tỷ dụ này. Lại xem vị Phật thứ ba.

(Sao) Đại Diệm Kiên giả.

(鈔)大燄肩者。

*(**Sao**: Đại Diệm Kiên là…)*

Kiên (vai) có ý nghĩa gánh vác. Hai vai…

(Sao) Kiên biểu nhị trí, Diệm dụ chiếu diệu.

(鈔)肩表二智，燄喻照耀。

(***Sao***: *Kiên (vai) biểu thị hai trí, Diệm (ngọn lửa) sánh ví sự chiếu rực).*

Hai trí là Quyền Trí và Thật Trí. Diệm (燄) là ngọn lửa, biểu thị trí huệ. Diệm sánh ví sự chiếu rực.

(Sao) Nhị trí giả, Quyền Trí chiếu Sự, Thật Trí chiếu Lý.

(Diễn) Quyền Trí chiếu Sự giả, quảng hành vạn hạnh, quảng độ chúng sanh, tri pháp, tri cơ, quán căn thọ pháp, xí nhiên phân biệt đẳng. Thật Trí chiếu Lý giả, chánh niệm Chân Như, bất sanh phân biệt, ngôn ngữ đạo đoạn, trực khế vô vi, Như Trí bất nhị đẳng.

(鈔)二智者，權智照事，實智照理。

(演)權智照事者。廣行萬行。廣度眾生。知法知機。觀根授法。熾然分別等。實智照理者。正念真如。不生分別。言語道斷。直契無為。如智不二等。

(***Sao***: *Hai trí: Quyền Trí chiếu Sự, Thật Trí chiếu Lý.*

Diễn: *"Quyền Trí chiếu Sự": Rộng hành vạn hạnh, rộng độ chúng sanh, biết pháp, biết căn cơ, quán sát căn cơ để truyền trao pháp [thích hợp], [do vậy có sự] phân biệt bừng bừng. "Thật Trí chiếu Lý": Chánh niệm Chân Như, chẳng sanh phân biệt, ngôn ngữ dứt bặt, trực tiếp khế nhập vô vi, Như và Trí bình đẳng chẳng hai).*

Thật Trí là Căn Bản Trí; Quyền Trí là Hậu Đắc Trí. Trí huệ có hai loại. Kinh Bát Nhã thường nói: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết". "Vô tri"* là nói về Căn Bản Trí. *"Không gì chẳng biết"* là Quyền Trí. Ắt phải là vô tri thì Lý mới hiện tiền. Hễ có "tri", Lý chẳng thể hiện tiền. Lý là Chân Như bản tánh, cũng là chân tâm, tự tánh. Trong ấy, chẳng thể có một niệm. Hễ khởi một niệm bèn là vô minh, ngăn che lý ấy, chẳng thấy nữa! Nếu quý vị muốn thấy Chân Như bản tánh, nếu muốn thấy chân tâm thì phải có Thật Trí. Thật Trí là vô tri. Nói thật ra *"vô tri"* là tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh đến mức tột bậc thì kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tịnh cực quang thông đạt"*, đó chính là Thật Trí. Trong cảnh giới

ấy, thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, tâm giống như một tấm gương, soi rành rẽ, rõ ràng. Trong ấy, xác thực là chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, cho nên người ấy hoàn toàn hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ, sẽ không gọi là "vô tri", mà gọi là "vô minh". Đã hiểu rõ vô minh, *"hiểu rõ"* là người ấy chẳng có tí ti phân biệt, chấp trước nào, đó là vô tri. Khi khởi tác dụng, chẳng phải là chính mình [dấy lên ý niệm ta sẽ] khởi tác dụng. Chính mình khởi tác dụng chính là Thật Trí, [sở dĩ] khởi tác dụng là do có người khác đến hỏi, hễ người khác đến hỏi bèn "không gì chẳng biết", người khác chẳng hỏi thì là "chẳng biết gì cả". Cảnh giới là như vậy đó! Nếu người khác chẳng hỏi, mà chính mình cũng biết rất nhiều, hỏng rồi! Quý vị đã phá tan Căn Bản Trí. Đích xác là ý cảnh này rất khó hiểu, mọi người hãy chú tâm lãnh hội. Một niệm chẳng sanh mà hiểu rõ ràng, rành mạch, giống như tấm gương soi cảnh giới bên ngoài. Gương soi cảnh giới bên ngoài, nhưng nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát dụng tâm giống như tấm gương. Phàm phu chúng ta dụng tâm là vô minh, là một đống lộn xộn, điều gì cũng đều chẳng biết, tới khắp nơi để nhìn, đến khắp nơi để học. Những tri kiến học được vẫn là sai lầm, hoàn toàn chẳng phải là thật sự hiểu rõ, nẩy sanh khá nhiều tri kiến sai lầm, kinh gọi [loại tri kiến ấy] là *"tà tri tà kiến"*, chẳng phải là trí huệ! Trí huệ chân thật phải đạt được từ trong cái tâm thanh tịnh. Vì sao Phật pháp coi trọng tu Định như vậy? Chính là vì đạo lý này: Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ.

Trong Huệ có hai loại: Một là Thật Trí, loại kia là Quyền Trí. Thật Trí chiếu Lý, Quyền Trí chiếu Sự. Trong Quyền Trí có phân biệt, có giảng giải, mà cũng có chấp trước, nhưng mọi người ngàn muôn phần đừng nẩy sanh hiểu lầm! Trong giảng đường chúng tôi nói này nọ, có những người nghe xong, nẩy sanh hiểu lầm hết sức nghiêm trọng. Ví dụ như chúng tôi khuyên người học Phật: Để tiếp dẫn hàng sơ cơ, trước kia, thầy Lý dạy chúng tôi tiếp dẫn kẻ sơ cơ chẳng khuyên họ ăn chay, chẳng khuyên họ thọ giới. Vì sao? Kẻ bình phàm nghe nói phải ăn chay, sẽ chẳng học Phật, chẳng đến nữa. Vừa nghe nói phải thọ giới, họ cũng chẳng dám đến, bị dọa sợ nên bỏ đi. Vì thế, đối với kẻ mới học bèn chẳng nói những chuyện ấy, cứ khuyên họ đến nghe kinh, khuyên họ đến học. Đối với chuyện ăn chay và trì giới, người ấy học Phật lâu ngày sẽ tự nhiên phát tâm. Vì thế, chớ nên khuyên [kẻ sơ học] những chuyện ấy. Thế mà có kẻ nghe xong bèn hiểu lầm, nói "pháp sư Tịnh Không chẳng đề xướng ăn chay, khuyên người ta ăn thịt", [chê bai] "pháp sư Tịnh

Không chẳng tuân thủ giới luật", oan uổng quá! Ở đây, chúng tôi nói *"trong Quyền Trí cũng có phân biệt, cũng có chấp trước"*. Người nghe dạy mấy hôm lại nói tôi ở đây giảng kinh nhăng nhít, giảng sai bét bè be! Chư Phật, Bồ Tát thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, chẳng phải là chính các Ngài có phân biệt. Chúng sanh đến hỏi: "Thưa pháp sư! Trên tay thầy cầm vật chi đó?" Quý vị đáp "ta không biết" thì thành ra thể thống gì nữa! Quý vị ai nấy đều nói "đây là tờ giấy", thì tôi cũng nói là tờ giấy. Thuận theo sự phiền não của quý vị mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của mọi người mà chấp trước. Do vậy, ở đây, chấp trước mà chẳng chấp trước; phân biệt mà chẳng phân biệt. Phân biệt, chấp trước là vì hằng thuận chúng sanh, chẳng có sự phân biệt, chấp trước của chính mình. Nói về phía chính mình thì xác thực là chẳng có phân biệt, chấp trước. Đối với sự thọ dụng của chính mình thì là Thật Trí, vô tri. Xử sự, đãi người, tiếp vật, hết thảy đều hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Vì thế, khi tùy thuận, bèn có phân biệt, có chấp trước, nhưng phải ghi nhớ: Chẳng phải là thật sự có. Thật sự có thì sai mất rồi, sẽ chẳng có trí huệ. Nói theo phía bản thân người ấy thì chẳng có, nhưng xét theo chỗ cùng khởi tác dụng với mọi người thì dường như là có. Ý nghĩa là như vậy đó, quyết định chớ nên nghe sai! Vì thế, Quyền Trí nhằm ứng phó đại chúng, nhằm hằng thuận chúng sanh.

(Sao) Sự Lý bỉnh nhiên, song chiếu bất muội.

(Diễn) Sự Lý bỉnh nhiên song chiếu bất muội giả, chánh Quyền Trí chiếu Sự thời, tức Thật Trí chiếu Lý, xí nhiên phân biệt nhất thiết pháp, ư Đệ Nhất Nghĩa nhi bất động. Chánh Thật Trí chiếu Lý thời, tức Quyền Trí chiếu Sự, tâm ngoại vô pháp, mãn mục thanh sơn.

(鈔)事理炳然，雙照不昧。

(演)事理炳然雙照不昧者。正權智照事時。即實智照理。熾然分別一切法。於第一義而不動。正實智照理時。即權智照事。心外無法。滿目青山。

*(**Sao**: Sự và Lý rạng ngời, cùng chiếu, chẳng lầm lạc.*

***Diễn**: "Sự và Lý rạng ngời, cùng chiếu, chẳng lầm lạc": Ngay trong khi Quyền Trí chiếu Sự, chính là Thật Trí chiếu Lý, bừng bừng phân biệt hết thảy các pháp, nhưng đối với Đệ Nhất Nghĩa vẫn bất động. Ngay trong khi Thật Trí chiếu Lý, chính là Quyền Trí chiếu Sự, ngoài tâm chẳng có pháp, mắt thấy núi xanh đầy dẫy).*

Trong tâm của chính mình chẳng sanh một niệm, [thế mà thấu hiểu] rành mạch, rõ ràng. Có người đến hỏi bèn giải thích rành rẽ, chẳng sai lầm tí nào, giống như chư Phật thuyết pháp cho chúng sanh, ứng theo căn cơ để nói, có thể khiến cho chúng sanh ai nấy đều được lợi ích, [đó là] *"song chiếu bất muội"*.

(Sao) Như lưỡng kiên phát diệm cố.

(鈔)如兩肩發燄故。

*(**Sao**: Giống như hai vai tỏa sáng).*

Giống như hai bả vai phóng quang.

(Sao) Hựu thử nhị trí, hà đảm nhất thiết Phật pháp, hữu kiên nghĩa cố.

(Diễn) Hà đảm nhất thiết Phật pháp giả, nhất thiết Phật pháp, bất xuất Nhị Đế, nhị trí năng đảm, viết Đại Diệm Kiên Phật dã.

(鈔)又此二智，荷擔一切佛法，有肩義故。

(演)荷擔一切佛法者。一切佛法。不出二諦。二智能擔。曰大燄肩佛也。

*(**Sao**: Lại nữa, hai trí ấy gánh vác hết thảy Phật pháp, nên có ý nghĩa như cái vai.*

***Diễn**: "Gánh vác hết thảy Phật pháp": Hết thảy Phật pháp chẳng ngoài Nhị Đế. Hai trí có thể gánh vác bèn gọi là Đại Diệm Kiên Phật).*

Do hai thứ trí huệ ấy thì mới có thể gánh vác sự nghiệp giáo hóa chúng sanh của Như Lai. Chư vị phải biết: Thật Trí nhằm độ chính mình, giống như Tâm Kinh đã nói: *"Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, vượt qua hết thảy khổ ách"*. Đó là Thật Trí. Quyền Trí để độ chúng sanh. Quyền Trí nhằm giúp đỡ và chỉ dạy hết thảy chúng sanh. Quyền Trí và Thật Trí giống như hai vai gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Gia nghiệp của Như Lai là tự độ, độ người. Vị Phật thứ tư…

(Sớ) Tu Di Đăng giả, Tu Di vi đăng, chiếu Tứ Thiên Hạ, Phật quang quảng chiếu, diệc như thị cố.

(疏)須彌燈者，須彌為燈，照四天下，佛光廣照，亦如是故。

*(**Sớ**: Tu Di Đăng (Mērupradīpa): Tu Di làm đèn, chiếu Tứ Thiên Hạ. Phật quang chiếu rộng khắp cũng giống như thế).*

Tu Di là tỷ dụ; trong một đơn vị thế giới, núi Tu Di cao lớn nhất. Sánh ví núi Tu Di như đèn. Nếu thắp sáng ngọn đèn ấy, sẽ chiếu trọn khắp một Tứ Thiên Hạ, vì nó ở trung tâm thế giới này, là chót đỉnh cao nhất, dùng theo ý nghĩa này.

(Sao) Tu Di vi đăng giả, như vân "Tu Di vi bút, Tu Di vi chùy" đẳng, cực ngôn đăng lượng chi quảng đại dã.

(鈔)須彌為燈者，如云須彌為筆，須彌為椎等，極言燈量之廣大也。

*(**Sao**: "Tu Di làm đèn" là như nói "Tu Di làm bút, Tu Di làm vồ" v.v... nhằm cực lực diễn tả sự rộng lớn của đèn).*

Đây là tỷ dụ.

(Sao) Tu Di tại trung, quang chiếu tứ bộ.

(鈔)須彌在中，光照四部。

*(**Sao**: Núi Tu Di ở chính giữa, chiếu sáng bốn đại bộ châu).*

Kinh thường nói tới bốn đại bộ châu.

(Sao) Phật dĩ Trung Đạo đại trí, chiếu chư chúng sanh, như Tu Di đăng dã.

(鈔)佛以中道大智，照諸眾生，如須彌燈也。

*(**Sao**: Phật dùng đại trí Trung Đạo để chiếu các chúng sanh như đèn Tu Di vậy).*

[Danh hiệu] Tu Di Đăng Phật nhằm tỷ dụ quang minh của Phật chiếu trọn khắp.

(Sao) Nhiên Duy Ma kinh ngôn: "Tu Di Đăng Vương Phật, thân cao bát vạn tứ thiên do-tuần", nhi cứu kỳ quốc độ, nãi Đông phương quá tam thập lục Hằng hà sa thế giới, kim tại Nam phương, dĩ Phật đồng danh giả chúng cố.

(鈔)然維摩經言：須彌燈王佛，身高八萬四千由旬，而究其國土，乃東方過三十六恆河沙世界，今在南方，以佛同名者眾故。

*(**Sao**: Nhưng kinh Duy Ma nói: "Tu Di Đăng Vương Phật thân cao tám vạn bốn ngàn do-tuần"; xét ra, cõi nước ấy ở phương Đông vượt quá [thế giới Sa Bà] ba mươi sáu Hằng hà sa thế giới, nay [kinh này nêu tên đức Phật này] ở phương Nam là do chư Phật có cùng danh hiệu rất nhiều).*

Đây là sự thật. Đức hạnh tương đồng, hạnh nguyện tương đồng, danh hiệu bèn tương đồng. Vì chư Phật, Bồ Tát chẳng có danh hiệu, danh hiệu do đâu mà có? Có khi là do đức năng mà có, có khi là từ sự ứng hóa chúng sanh mà kiến lập. Chúng ta phải hiểu điều này: Phật, Bồ Tát chẳng có danh hiệu nhất định. Giống như danh hiệu của đức Bổn Sư là Thích Ca Mâu Ni, vì sao Ngài kiến lập [danh hiệu] Thích Ca Mâu Ni? Do được kiến lập dựa trên tông chỉ và mục tiêu giáo hóa chúng sanh trong thời kỳ này và trong khu vực này. Nói cách khác, được kiến lập dựa theo tông chỉ giáo dục của Ngài. Người trong thế giới này thiếu khuyết lòng từ bi, cho nên Ngài dùng danh hiệu Thích Ca. [Ý nghĩa thứ nhất], Thích Ca (Śākya) là tiếng Phạn, có nghĩa là *"nhân từ"*, để xướng giáo dục nhân từ, có ý nghĩa này. Thứ hai, chúng sanh trong thế gian này tâm ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, cho nên dùng chữ Mâu Ni. Mâu Ni (Muni) có nghĩa là tâm thanh tịnh. Có thể thấy danh hiệu này được Ngài sử dụng trong giai đoạn này, là tông chỉ giáo học trong khu vực này mà thôi. Có ý nghĩa như thế; đấy chẳng phải là tên vốn có của Ngài.

Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, bốn chữ Thích Ca Mâu Ni sẽ chẳng dùng được. Vì sao? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều nhân từ, ai nấy đều thanh tịnh, danh hiệu ấy há có tác dụng gì? Vô dụng! Nhất định là phải thay đổi danh xưng, phải đổi thành Vô Lượng Giác. A Di Đà Phật dịch nghĩa là Vô Lượng Giác, như vậy là đúng. Do vậy có thể biết: Danh hiệu của Phật, Bồ Tát đến một nơi nào đó liền biến đổi, khác hẳn! Giống như người trong thế gian này, một người lắm tài nhiều nghề, vào trường dạy học, dạy môn Quốc Văn, người ta gọi người ấy là thầy giáo Quốc Văn. Đến trường nọ dạy tiếng Anh, người ta gọi người ấy là thầy dạy Anh Văn. Đến ngôi trường thứ ba dạy Toán, người ta gọi người ấy là thầy dạy Toán. Danh xưng của người ấy thay đổi; thật ra, những danh xưng

ấy đều chẳng phải là tên của chính người ấy. Danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát cũng giống như vậy. Vì thế, những vị Phật, Bồ Tát đồng danh đồng hiệu quá nhiều. Như trong thế giới của chúng ta mà hỏi thầy dạy Quốc Văn là ai? Thầy dạy Quốc Văn quá nhiều, người có cùng danh hiệu quá nhiều! Tu Di Đăng Vương Phật được nói trong kinh Duy Ma ở phương Đông; trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn giới thiệu Tu Di Đăng Vương Phật là vị Phật ở phương Nam. Có thể thấy là danh hiệu Phật giống nhau, nhưng là hai vị [khác nhau], chẳng phải là cùng một vị. Vị Phật thứ năm…

(Sớ) Vô Lượng Tinh Tấn giả, "tinh tấn" giải kiến Tự phần.

(疏)無量精進者，精進解見序分。

*(**Sớ**: Vô Lượng Tinh Tấn (Anantavīrya): Xem lời giải thích chữ "tinh tấn" trong phần Tự).*

Đã giải thích trong phần trước, trong phần trước [chữ Tinh Tấn đã được giải thích] khi nói về Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(Sớ) Đản bỉ ngôn thường.

(疏)但彼言常。

*(**Sớ**: Nhưng trong phần ấy [chỉ nói là] Thường).*

Trong phần trước là Thường Tinh Tấn Bồ Tát, ở đây là Vô Lượng Tinh Tấn, sai biệt ở điểm này.

(Sao) Vô lượng nhị nghĩa.

(鈔)無量二義。

*(**Sao**: Vô lượng gồm hai nghĩa).*

"Vô lượng" có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả, thời vô lượng, tức thị thường nghĩa. Nhị giả, sự vô lượng, tự lợi, lợi tha, trí hạnh vô biên cố.

(鈔)一者，時無量，即是常義。二者，事無量，自利利他，智行無邊故。

*(**Sao**: Một là thời vô lượng, tức là ý nghĩa "thường". Hai là sự vô lượng, do tự lợi, lợi tha, trí hạnh vô biên).*

Năm vị Phật này biểu thị trí huệ. Nhật Nguyệt Đăng Phật biểu thị trí huệ viên mãn rốt ráo, vì trí huệ ấy không gì chẳng chiếu, chẳng có chỗ nào không chiếu đến. Trí huệ viên mãn chính là điều chúng ta mong cầu, mà cũng là mục tiêu chung, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như kinh đã dạy, biểu thị điều này, tức là điều chúng ta mong cầu. Đấy chính là nói rõ: Tu hành thì lấy việc cầu trí huệ làm quan niệm chánh xác nhất. Cầu huệ từ chỗ nào? Cầu Huệ từ Định, cầu từ tâm thanh tịnh. Làm thế nào để có thể đắc tâm thanh tịnh? Tâm thanh tịnh do trì giới mà có. Trì giới là như thế nào? Trì giới là phải tuân theo những điều Phật răn dạy. Đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, bèn làm như thế đó, đấy là Trì Giới. Trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư chú giải phần *"thượng phẩm thượng sanh chương"* có nói mấy câu hết sức hay: Đức Phật bảo chúng ta bỏ, chúng ta bỏ ngay. Đức Phật bảo chúng ta giữ, chúng ta liền giữ. Đức Phật bảo chúng ta bỏ thế giới Sa Bà, chúng ta bỏ ngay. Đức Phật bảo chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta liền vâng giữ. Đó là đúng, hoàn toàn vâng theo lời đức Phật chỉ dạy. Tâm chúng ta định, như thế thì mới có thể đắc Định, do Định mới có thể khai Huệ. Nếu chẳng đi theo đường lối này, muốn khai Huệ sẽ chẳng dễ dàng, quá khó khăn! Vì sao chúng tôi nói khẳng định là khó khăn như vậy? Khó khăn là vì tâm người ấy loạn, vọng tưởng nhiều, phân biệt nhiều, chấp trước nhiều, lấy đâu ra trí huệ? Lấy đâu ra cái tâm thanh tịnh? Chúng ta biết đạo lý này, biết sự thật này, tự nhiên sẽ khẳng định.

Tu hành mà trí huệ thấu lộ thì mới được coi là có thành tích. Nhà Phật thường nói *"phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng"*. Vọng tưởng và phiền não của chúng ta mỗi năm một nhẹ hơn, trí huệ nhất định là mỗi năm một tăng trưởng. Phiền não và trí huệ giống như quang minh và hắc ám. Quang minh nhiều thêm một phần, hắc ám bớt đi một phần. Hắc ám nhiều thêm một phần, quang minh ít đi một phần. Phiền não nhiều, trí huệ ít đi; trí huệ nhiều, phiền não bèn ít đi, [đó là] đạo lý nhất định. Từ chỗ này có thể trắc nghiệm sự thành tựu trong việc tu hành của chính mình. Nếu thật sự là phiền não mỗi năm một ít hơn, vọng tưởng ít đi, bớt vướng mắc, bớt ưu lự, tâm thanh nhàn tự tại, trí huệ tăng trưởng, đó là hiện tượng công phu đắc lực, là cảnh giới tốt đẹp. Nếu chẳng vậy, nhất định phải quay lại nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh, nhất định là chính mình tu hành đã phạm sai lầm. Nếu không, nhất định sẽ đạt được hiệu quả ấy. Chẳng đạt được hiệu quả là do chúng ta tu hành sai lầm. Khi tu

huệ có chút thành tựu, cũng là lúc có đôi chút tiếng tăm, khi ấy là một giai đoạn hết sức nguy hiểm. Vì sao? Rất dễ dàng đọa lạc trong tiếng tăm, lợi dưỡng. Đó là sự thật. Bao nhiêu người xưa nay, trong ngoài nước, đến giai đoạn ấy đã bị đọa lạc. Vì thế, trong giai đoạn ấy, phải đặc biệt đề cao cảnh giác, phải có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng. Tuy có tiếng tăm mà nếu có thể buông bỏ tiếng tăm, trong tâm chẳng vương vấn, biết sự thành tựu thật sự đối với chính mình hãy còn là một nẻo đường xa vời vợi, hễ giậm chân ở chỗ này, chẳng tiến lên, sẽ bị đọa lạc. Vì thế, phải có sự cảnh giác rất sâu, chớ để danh tiếng tổn hại chính mình. Tiến thêm bước nữa là nâng cao [cảnh giới] của chính mình, đó là Quyền Trí và Thật Trí hiện tiền; khi ấy, có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, có thể thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Có thể thấy toàn là trí huệ, chẳng lìa khỏi trí huệ.

Tu Di Đăng Phật biểu thị *"chuyển thức thành trí, phá mê khai ngộ"*. Không chỉ là chính mình thành tựu, mà cũng có năng lực giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ. Vị Phật cuối cùng dạy chúng ta phương pháp tu hành trọng yếu ở chỗ *"tinh tấn"*, chúng ta phải coi trọng hai chữ ấy. *"Tấn"* (進) là tiến bộ, mong cầu tiến bộ không ngừng. Sự tiến bộ ấy phải tinh thuần; nói cách khác, chẳng phải là tạp tấn, chẳng phải là loạn tấn. Người thế gian cũng cầu tiến bộ, nhưng chẳng thuần, chẳng ròng rặt, học rất nhiều, học rất tạp. Tạp tấn và loạn tấn kiểu đó chẳng thể thành tựu gì, chẳng có ích gì cho Định và Huệ. Nếu nói đến chỗ tốt đẹp [của tinh tấn kiểu đó] thì có thể nói là người ấy kiến thức rất rộng, thường thức phong phú. Nói khó nghe một chút, sẽ là vọng tưởng rất nhiều, tạp niệm rất nhiều, phân biệt, chấp trước rất nhiều. Nói cách khác, quả báo sẽ là vẫn phải luân hồi, cho nên chẳng có ích chi hết! Tấn phải là tinh tấn. Tinh tấn trọng yếu lắm! Muốn thành tựu trí huệ chân thật, phải là vô lượng tinh tấn. Ý nghĩa của Vô Lượng Tinh Tấn là tinh tấn chẳng có giới hạn, mang ý nghĩa ấy. Chẳng thể nói là đạt đến một giai đoạn nào đó bèn tự mãn, [mà phải là] vĩnh viễn tinh tấn chẳng có giới hạn. Đó là căn bản trong phương pháp tu học.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh quang minh bất khả tận, thị Nam phương Hằng sa Phật nghĩa.

(疏)稱理，則自性光明不可盡，是南方恆沙佛義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh quang minh chẳng thể trọn hết là ý nghĩa "phương Nam có Phật nhiều như số cát trong sông Hằng").*

Phương Nam biểu thị quang minh.

(Sao) Nam phương vi Ly, Ly vi hỏa.

(Diễn) Nam phương vi Ly giả, Dịch vân: "Ly dã giả, minh dã. Vạn vật giai tương kiến, Nam phương chi quái dã".

(鈔)南方為離，離為火。

(演)南方為離者。易云。離也者。明也。萬物皆相見。南方之卦也。

*(**Sao**: Phương Nam thuộc quẻ Ly, Ly là lửa.*

***Diễn**: "Phương Nam thuộc quẻ Ly": Kinh Dịch nói: "Ly có nghĩa là sáng, mọi vật trông thấy nhau, là quẻ thuộc về phương Nam").*

Trong Bát Quái, [phương Nam] tương ứng quẻ Ly[29], Ly là lửa.

(Sao) Hỏa nội ám nhi ngoại minh.

(Diễn) Hỏa nội ám nhi ngoại minh giả, Ly, lệ dã, nhất Âm lệ ư nhị Dương chi trung, kỳ tượng vi hỏa, thể Âm nhi dụng Dương dã.

(鈔)火內暗而外明。

(演)火內暗而外明者。離。麗也。一陰麗於二陽之中。其象為火。體陰而用陽也。

*(**Sao**: Lửa thì trong tối ngoài sáng.*

***Diễn**: "Lửa thì trong tối ngoài sáng": Ly là sáng rực. Một Âm sáng rực giữa hai Dương[30], Tượng[31] của Ly là Hỏa, tức bản thể của [quẻ Ly] là Âm, mà tác dụng của nó là Dương).*

---

[29] Bát Quái lại có hai loại Tiên Thiên và Hậu Thiên, quẻ số và ý nghĩa giống nhau, chỉ khác phương vị. Hiện thời lưu hành phổ biến là Hậu Thiên Bát Quái. Trong Hậu Thiên Bát Quái, Ly ở phía Nam, còn trong Tiên Thiên Bát Quái, Ly ở phương Đông. Xét theo Quái Tượng lẫn Ngũ Hành, Ly đều là Hỏa. Do Ly có đặc tính là sáng, nên các vật biểu thị bởi quẻ Ly đều ngụ ý ấy. Chẳng hạn, Quái Tượng của Ly là lửa, thuộc về Hỏa trong Ngũ Hành. Trong thân thể, Ly ứng với mắt. Trong động vật ứng với chim Trĩ (loài chim có màu sắc rực rỡ, thích đậu trên cao)…

[30] Đây là nói về hình tượng của quẻ Ly. Quẻ Ly gồm có hai vạch liền ở ngoài cùng (vạch liền thuộc về Dương), một vạch đứt ở chính giữa là Âm. Do đó, nói một Âm sáng ngời giữa hai Dương.

[31] *"Tượng"* (象) ở đây là thuật ngữ được dùng trong kinh Dịch. Đối với mỗi quẻ (Quái, 卦), trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch (gồm có ba vạch đứt hoặc nối liền

"Nội ám" (內暗) biểu thị Thật Trí, vô tri, Bát Nhã vô tri. *"Ngoại minh"* (外明) biểu thị Quyền Trí, biểu thị *"không gì chẳng biết"*.

(Sao) Thị Tịch nhi thường Chiếu dã.
(鈔)是寂而常照也。
*(**Sao**: Là tịch mà thường chiếu).*

Thật Trí là Tịch, là tâm thanh tịnh.

(Sao) Chân tri bất muội.
(鈔)真知不昧。
*(**Sao**: Hiểu biết chân thật, chẳng sai lầm).*

"Chân tri" là Thật Trí.

(Sao) Linh diệm hà cùng.
(鈔)靈燄何窮。
*(**Sao**: Linh minh giác tri rạng ngời, há có cùng tận).*

"Linh" (靈) là linh minh giác tri, *"diệm"* (燄) là tỷ dụ trí huệ. Đại dụng (tác dụng to lớn) của linh minh giác tri chẳng có cùng tận.

(Sao) Hoa Nghiêm Quang Minh Giác phẩm ngôn.
(鈔)華嚴光明覺品言。
*(**Sao**: Phẩm Quang Minh Giác trong kinh Hoa Nghiêm có nói).*

Đây cũng là một phẩm trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm.

(đơn quái), hoặc sáu vạch như thế (phức quái)), mỗi một vạch như vậy được gọi là Hào (爻). Các nhà Dịch học quan niệm mỗi hào, mỗi quái đều có ý nghĩa biểu thị một sự vật nào đó trong vũ trụ. Sự vật được biểu thị bởi Hào sẽ được gọi là Tiểu Tượng (hoặc Hào Tượng), sự vật được biểu thị bởi một Quái sẽ gọi là Đại Tượng (hoặc Quái Tượng). Trong phần Hệ Từ Truyện, có giảng: *"Tại thiên thành Tượng, tại địa thành hình"* (ở trên trời là Tượng, dưới đất là hình). Chẳng hạn, quái tượng của quẻ Càn là trời, quái tượng của quẻ Khôn là đất, quái tượng của quẻ Chấn là sấm, quái tượng của quẻ Tốn là gió, quái tượng của quẻ Khảm là nước v.v…

(Sao) Như Lai quang minh quá nhất thế giới.

(鈔)如來光明過一世界。

*(**Sao**: Quang minh của Như Lai vượt trỗi một thế giới).*

"Quá" (過) là vượt qua, *"một thế giới"* là một tam thiên đại thiên quốc độ.

(Sao) Thập thế giới.

(鈔)十世界。

*(**Sao**: Mười thế giới).*

Vượt qua mười đại thiên thế giới.

(Sao) Nãi chí bất khả thuyết thế giới.

(鈔)乃至不可說世界。

*(**Sao**: Cho đến bất khả thuyết[32] thế giới).*

Quang minh của A Di Đà Phật vượt trỗi vô lượng vô biên thế giới của chư Phật.

(Sao) Giai thị tự kỷ tâm quang giác chiếu, nhất thiết bất tùng ngoại đắc.

(鈔)皆是自己心光覺照，一切不從外得。

*(**Sao**: Đều là tâm quang của chính mình giác chiếu, hết thảy chẳng do từ bên ngoài mà có).*

Quang minh nhỏ bèn chiếu một thế giới, lớn thì chiếu vô biên thế giới. Đó là chuyện như thế nào? Liên quan đến cái tâm thanh tịnh, liên

---

[32] Bất khả thuyết có thể hiểu theo hai ý nghĩa:
1) Là một con số lớn thời cổ Ấn Độ, nếu tính từ Câu Chi là 10.000.000 (mười triệu) thì Câu Chi lần Câu Chi là một A Dữu Đa, A Dữu Đa lần A Dữu Đa là một Na Do Tha, cứ tính lần lượt như thế đến con số thứ một trăm mười tám là Bất Khả Lượng Chuyển lần Bất Khả Lượng Chuyển sẽ là một Bất Khả Thuyết. Cụ thể, con số này là sau số 1, sẽ bao gồm 4.652.297.985.247.205.555.163.324.710.981.206.016 con số 0. Tuy rất lớn, vẫn là hữu hạn!
2) Không thể diễn tả được, vượt ngoài khả năng mô tả bằng ngôn ngữ, không có cách nào sánh ví được để hình dung, bèn nói là Bất Khả Thuyết.

quan đến hoằng nguyện độ sanh. Dựa vào đâu mà nói là có liên quan đến tâm thanh tịnh?

1) Chúng ta nói tới Phật thì tông Thiên Thai bảo có bốn loại Phật là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng Giáo Phật vẫn chưa kiến tánh, đương nhiên là có quang minh, nhưng quang minh nhỏ bé. Thông Giáo Phật thù thắng hơn Tạng Giáo Phật một chút, vẫn chưa kiến tánh. Biệt Giáo Phật bằng Bồ Tát thuộc địa vị Nhị Hạnh trong Viên Giáo, phá mười hai phẩm vô minh. Vô minh có bốn mươi mốt phẩm, Biệt Giáo Phật mới phá mười hai phẩm; cho thấy tâm vị Phật này có chỗ thanh tịnh và chỗ chẳng thanh tịnh. Đạt đến Viên Giáo Phật, sẽ là thanh tịnh tối cực, Biệt Giáo Phật vẫn chưa thanh tịnh. Do vậy, quang minh lớn hay nhỏ khác nhau.

2) Thứ hai, tuy cùng là Viên Giáo Phật, Tự Thọ Dụng hoàn toàn như nhau, tức là Thật Trí hoàn toàn tương đồng, tác dụng của Quyền Trí sẽ khác nhau. Tác dụng của Quyền Trí [khác biệt] là do chư Phật lúc tu nhân đã phát nguyện độ sanh khác nhau. A Di Đà Phật phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Nguyện ấy quá lớn, hết thảy chúng sanh chẳng sót một ai! Đối với chúng sanh trong hết thảy các thế giới của chư Phật, Ngài đều muốn độ, phát nguyện to lớn dường ấy. Có những vị khi tu nhân phát nguyện: Ta muốn độ chúng sanh trong một đại thiên thế giới. [Chỉ độ chúng sanh trong] một đại thiên thế giới thì nguyện ấy nhỏ nhoi, sai biệt ở chỗ này. Chẳng phải là do năng lực của các Ngài có sai biệt, chẳng phải là do trí huệ của các Ngài có sai biệt, mà là do các Ngài kết duyên cùng chúng sanh có sai biệt. Phát nguyện trong lúc tu nhân chính là kết duyên cùng chúng sanh. Duyên được kết khác nhau. Nếu quý vị mong trong tương lai làm Phật, quang minh sẽ vượt trỗi một thế giới, hoặc mười thế giới, cho đến bất khả thuyết thế giới, nay quý vị phải phát tâm rộng lớn, phải kết pháp duyên rộng rãi cùng hết thảy chúng sanh. Cho đến lúc quý vị thành Phật, quang minh của quý vị bèn vượt trỗi vô lượng chư Phật quốc độ, đạo lý là như vậy đó. Xác thực là chân tâm của chính mình vốn sẵn có quang minh từ nơi trí huệ Bát Nhã, quyết định chẳng phải là do bên ngoài mà có. Bên ngoài thứ gì cũng chẳng có. Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: *"Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Những gì quý vị đạt được toàn là vốn sẵn có trong tự tánh; bất quá khi ấy sẽ là hoàn toàn chẳng có chướng ngại, chính mình ứng dụng tự tại!

(Sao) Cố viết: Ngã kiến Đăng Minh Phật, bổn quang thụy như thử.

(Diễn) Bổn quang, thị chúng sanh bổn lai hữu thử quang minh dã.

(鈔)故曰：我見燈明佛，本光瑞如此。

(演)本光。是眾生本來有此光明也。

(***Sao***: *Vì thế nói: "Ta thấy quang minh nơi bản tánh của Đăng Minh Phật tốt lành như thế".*

Diễn: *"Bổn quang" nghĩa là chúng sanh vốn có quang minh ấy).*

Kinh nói: Ta thấy Đăng Minh Phật Như Lai, *"bổn quang"* là quang minh từ bản tánh của chính mình. Phật do đâu mà có? Phật vẫn là do tự tâm của chúng ta biến hiện. Không chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới là *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*, mười phương hết thảy các cõi Phật đều là duy tâm sở hiện, đều là tự tánh sở biến. Thân thể của chính mình trong hiện tiền, không gian sống đang vây quanh chúng ta trong hiện thời, hết thảy đều là *"duy tâm sở hiện, tự tánh sở biến"*. Lìa khỏi tự tánh, sẽ chẳng có một pháp nào để có thể đạt được. Vì thế, tu học Phật pháp chẳng có gì khác, chỉ là chứng thực tự tánh mà thôi!

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。

(***Kinh***: *Mỗi vị đều ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới).*

Đọc đoạn kinh văn này phải dùng tâm tình chí thành, cung kính, muôn phần cảm tạ để lãnh nhận. Vô lượng vô biên chư Phật Như Lai ở phương Nam ở trong cõi của chính mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, vì hết thảy chúng sanh giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ, khuyên dạy đại chúng niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đấy là một đại sự cảm động dường ấy. Mỗi vị Phật trong chư Phật:

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn.

(經)說誠實言。

(***Kinh***: *Nói lời thành thật).*

Đều khuyến cáo chúng ta như vậy.

(Kinh) Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị.

(經)汝等眾生。當信是。

*(**Kinh**: Chúng sanh các ngươi hãy nên tin tưởng điều này).*

Chữ Thị (是) chỉ bộ kinh này. Trong bộ kinh này, đối với những lời giới thiệu của đức Phật, chúng ta phải thật sự tin tưởng. Tin tưởng bộ kinh này là…

(Kinh) Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(經)稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm).*

Trong phần trước, đoạn này đã được giảng hết sức cặn kẽ, đã hiểu rõ ý nghĩa được nêu ra trong phần trước, mỗi lần niệm đến đoạn kinh văn này, chúng ta sẽ bị cảm động rất sâu, nhất định là sẽ cảm kích vô tận. Đức Phật rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta như vậy, duyên phận của chúng ta trong một đời này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, có thể gặp kinh độ chúng sanh bậc nhất của chư Phật. Do bộ kinh này, chúng ta quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật trong một đời này!

Tam, Tây phương.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

三、西方。

(經)舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恆河沙數諸佛。

(Ba, phương Tây.

***Kinh**: Xá Lợi Phất! Thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các vị Phật như thế nhiều như số cát trong sông Hằng).*

Trong phương Đông và phương Nam thuộc phần trên, chúng ta thấy có danh hiệu của năm vị Phật. Phương Tây có danh hiệu của bảy vị Phật. *"Bảy"* biểu thị sự viên mãn. *"Tây Phương"* biểu thị sự tu phước. Sau khi đã tu huệ, đối với phước báo cũng chớ nên vứt bỏ. Chúng ta thường nói *"phước huệ song tu"*, vì người thế gian rất coi trọng phước, coi phước quan trọng hơn huệ. Đức Phật tùy thuận Thế Đế (Saṃvṛti-satya), [nghĩa là] tùy thuận thế tục mà nói *"phước huệ song tu"*. Ở đây, chẳng tùy thuận Tục Đế, mà là tùy thuận Chân Đế (Paramārtha-satya). Tùy thuận Chân Đế thì phải xếp huệ ra trước, xếp phước đằng sau. *"Bảy"* biểu thị phước báo viên mãn, có ý nghĩa này!

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật (Amitāyus). Vô Lượng Thọ Phật ở đây rốt cuộc có phải là A Di Đà Phật hay không? Hay là một vị đồng danh đồng hiệu với A Di Đà Phật? Kinh chẳng nói rõ ràng, có lẽ là hai ý nghĩa ấy đều có. Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật, nói như vậy hợp lẽ, vì ở đây chẳng phải là Vô Lượng Thọ Phật tự tán thán chính mình. Thật ra, vượt ngoài phương Tây còn có phương Tây xa hơn nữa. Trong các thế giới ở phương Tây có vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, tôi tin là những vị đồng danh đồng hiệu với A Di Đà Phật chắc chắn là không ít! Nói theo sự thật này thì cũng hợp lẽ. Liên Trì đại sư đã gộp chung hai ý nghĩa này, cả hai ý nghĩa đều có.

Tu phước, chư vị phải biết: Thọ mạng là phước bậc nhất. Trong phước báo, thọ mạng được xếp hàng đầu. Quý vị có vô lượng của cải, có địa vị cao ngất ngưởng, mà nếu chẳng có thọ mạng, chết sớm, chẳng phải là hết thảy đều rỗng tuếch hay sao? Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói là "thứ gì cũng chẳng mang theo được!" Nhất định là phải có trường thọ thì mới có thể thật sự hưởng thụ phước báo và trí huệ. Vì thế, thọ mạng được xếp hàng đầu trong phước báo. Thọ mạng là phước bậc nhất. Từ xưa tới nay, những vị đại đức đều nói: Vô Lượng Thọ là điều đạt được bậc nhất khi chúng sanh sanh vào Tây Phương, vì đạt được vô lượng thọ, hết thảy đều đạt được. Vì sao để thành Phật trong thế giới này, chúng ta phải tốn ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì chẳng biết là đã phải trải qua sanh tử luân hồi bao nhiêu lần! Đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với chúng ta mà nói, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng hề bận lòng mảy may! Vì sao? Bản thân chúng ta đã có thọ mạng vô lượng, ba đại A-tăng-kỳ kiếp so với vô lượng thọ mà nói, thời gian ấy rất ngắn ngủi, tạm bợ. Ví như quý vị có tuổi thọ một trăm năm,

học pháp này chỉ cần thời gian ba ngày bèn thành công, đấy không phải là chuyện quá dễ dàng, chẳng tốn công phí sức ư? Thọ mạng là điều đạt được bậc nhất. Nhất định phải hiểu rõ điều này, chứ tu các pháp môn khác, quý vị sẽ chẳng đạt được [thọ mạng dài lâu như thế]. Chỉ cậy vào một điều này, một lợi ích này, một ưu điểm này, chúng ta bèn quyết định phải đến Tây Phương. Đã có thọ mạng, những chuyện khác đều dễ thực hiện, học vô lượng pháp môn chẳng khó, có đủ thời gian mà! Thế giới này thọ mạng ngắn ngủi, học thứ gì chúng ta cũng đều cảm thấy chẳng đủ thời gian, chẳng có cách nào thành tựu. Những điều này đều là sự thật, chúng ta chớ nên không biết. Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 264

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm ba mươi bốn:

(Sớ) Vô Lượng Thọ, nhân dữ bổn Phật đồng danh. Cổ hữu nhị thuyết, diệc câu hữu lý.

(Sao) Nhị thuyết giả.

(疏)無量壽。因與本佛同名。古有二說。亦俱有理。

(鈔)二說者。

*(**Sớ**: Vô Lượng Thọ vì có cùng tên với A Di Đà Phật, nên từ xưa đã có hai thuyết, cũng đều là hữu lý.*

***Sao**: Hai thuyết là...)*

Để giải thích danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, từ xưa tới nay đã có hai cách giảng.

(Sao) Linh Chi vị chư Phật đồng danh thậm đa, quyết phi Pháp Tạng sở thành chi Phật, dĩ thị bổn Phật bất ưng tự tán cố.

(鈔)靈芝謂諸佛同名甚多，決非法藏所成之佛，以是本佛不應自讚故。

*(**Sao**: Ngài Linh Chi bảo chư Phật có cùng danh hiệu rất nhiều, [Vô Lượng Thọ Phật được nói trong đoạn kinh này] quyết chẳng phải là vị Phật do ngài Pháp Tạng tu thành; bởi lẽ, Phật chẳng nên tự ca ngợi mình).*

Đây là cách nhìn của Linh Chi đại sư, Ngài giải thích như vậy đó.

(Sao) Từ Ân vị thiết nhược tự tán, lý diệc vô phương, dĩ đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý cố.

(Diễn) Đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý giả, chúng sanh trí thiển bất tri Phật cảnh, nhược bất tán dương, thắng ý bất sanh. Cố dục dẫn đạo chúng sanh, linh sanh thắng ý, tất tu tự tán dã. Như Thích Ca Thế Tôn diệc tự tán vân: "Ngã thị Như Lai Ứng Cúng giả, ngã thị tri đạo giả, khai đạo giả, thuyết đạo giả" đẳng, diệc phổ triệu quần cơ, linh sanh thắng ý dã.

(鈔)慈恩謂設若自讚，理亦無妨，以導引眾生，令生勝意故。

(演)導引眾生。令生勝意者。眾生智淺不知佛境。若不贊揚。勝意不生。故欲引導眾生。令生勝意。必須自贊也。如釋迦世尊。亦自贊云。我是如來應供者。我是知道者。開道者。說道者等。亦普召群機。令生勝意也。

*(**Sao**: Ngài Từ Ân bảo: Dẫu là tự khen ngợi, xét theo Lý cũng chẳng ngại gì. Vì để hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng.*

***Diễn**: "Hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng": Chúng sanh trí nông cạn, chẳng biết cảnh Phật. Nếu chẳng tán dương, ý niệm thù thắng sẽ chẳng sanh khởi. Vì thế, muốn hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng, ắt cần phải tự khen ngợi. Như Thích Ca Thế Tôn cũng tự khen ngợi rằng: "Ta là đấng Như Lai Ứng Cúng, là bậc biết đạo, là bậc mở đạo, là bậc thuyết đạo" v.v... cũng là nhằm triệu tập trọn khắp các căn cơ khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng).*

Khuy Cơ đại sư nói: Đức Phật tự khen ngợi mình, nói theo Lý cũng chẳng trở ngại gì, mục đích là để tiếp dẫn chúng sanh. Có rất nhiều phương tiện và pháp môn để tiếp dẫn chúng sanh, có thể làm như vậy. Ý nghĩa này cũng hết sức hay!

(Sao) Kim song thủ nhị thuyết.

(鈔)今雙取二說。

*(**Sao**: Nay chọn cả hai thuyết).*

Hai cách nói ấy đều có lý, đều nói thông suốt. Cả hai cách giải thích đều hay!

(Sao) Vị cứ Đại Bổn.

(鈔)謂據大本。

*(**Sao**: Nghĩa là dựa theo kinh Đại Bổn).*

Căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Quá vô biên Phật sát, đồng danh Thích Ca Mâu Ni giả, bất khả thắng số.

(鈔)過無邊佛剎，同名釋迦牟尼者，不可勝數。

*(**Sao**: Qua khỏi vô biên cõi Phật, các vị có cùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể kể xiết).*

Các vị Phật có danh hiệu trùng nhau quả thật rất nhiều. Trong thế gian này, chúng ta có danh hiệu giống nhau cũng rất nhiều, cũng thường có thể trông thấy.

(Sao) Hựu, Quán Âm sư Quán Âm Như Lai đẳng.

(Diễn) Quán Âm sư Quán Âm giả, Lăng Nghiêm vân: "Ngã ư quá khứ, ngộ Quán Thế Âm Như Lai, bỉ Phật giáo ngã, Như Huyễn Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội".

(鈔)又觀音師觀音如來等。

(演)觀音師觀音者。楞嚴云。我於過去。遇觀世音如來。彼佛教我。如幻聞熏聞修金剛三昧。

*(**Sao**: Lại như thầy của ngài Quán Âm là Quán Âm Như Lai v.v...*

***Diễn**: "Thầy của ngài Quán Âm là Quán Âm Như Lai": Kinh Lăng Nghiêm chép: "Trong quá khứ, ta gặp Quán Âm Như Lai, đức Phật ấy dạy ta môn Như Huyễn Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội").*

Thầy của Quán Thế Âm Bồ Tát là ai? Quán Âm Như Lai! Thầy và trò có cùng danh hiệu.

(Sao) Tắc Vô Lượng Thọ chi danh, hà chỉ nhất Phật? Bách thiên vạn ức, bất khả cùng tận.

(鈔)則無量壽之名，何止一佛？百千萬億，不可窮盡。

*(**Sao**: Vậy thì danh hiệu Vô Lượng Thọ làm sao chỉ là một vị Phật cho được? Trăm ngàn vạn ức, chẳng thể cùng tận).*

Nói rõ: Xác thực là có những vị Phật đồng danh đồng hiệu. Không chỉ là có, mà lại còn là rất nhiều.

(Sao) Nhược cứ Phật phân biên sự, yên đắc dĩ phàm thường lệ chi, tương vô tự tán hủy tha, phạm Bồ Tát thập trọng giới da?

(鈔)若據佛分邊事，焉得以凡常例之，將無自讚毀他，犯菩薩十重戒耶。

*(**Sao**: Đối với những chuyện thuộc về địa vị Phật, há nên suy luận theo lẽ thông thường! [Nếu cứ suy bì theo lẽ thường] sao tránh khỏi [chê trách Ngài mắc lỗi] khen mình, hủy báng kẻ khác, phạm mười trọng giới của Bồ Tát ư?)*

Phật và đại Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, trước nay chưa hề phân biệt, chấp trước, trước nay chưa hề có vọng tưởng, lấy đâu ra lầm lỗi? Vì thế, chẳng thể dùng phàm phu để so sánh Phật, Bồ Tát. Phàm phu phiền não tập khí sâu nặng, nhất là những kẻ thuộc địa vị giống như chúng ta trong hiện tại, một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn. Đức Phật chế định khá nhiều giới luật nhằm giúp chúng ta đắc Định, khai Huệ, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Giới luật là một loại phương tiện, chẳng phải là mục đích! Nếu chúng ta muốn tự khen ngợi mình, hủy báng kẻ khác, như vậy là đã phạm mười trọng giới của hàng Bồ Tát[33], đã phạm giới! Chư Phật Như Lai thanh tịnh vô nhiễm, chẳng ngại tự mình tán thán chính mình, chẳng sao cả! Chúng ta tán thán chính mình, tâm ngạo mạn dấy lên, khinh rẻ người khác, phiền não dấy lên. Đức Phật tự tán thán chính mình, chẳng phải là có tâm ngạo mạn, mà là nhằm khơi gợi, phát khởi tín tâm của chúng sanh đối với Phật, có gì mà chẳng được!

---

[33] Mười giới trọng nói ở đây chính là mười giới trọng theo kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, bao gồm sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, bán rượu, rêu rao lỗi của tứ chúng, tự khen mình chê người, bỏn xẻn (keo kiệt, đã chẳng bố thí lại còn mắng chửi người xin bố thí), giận hờn không chịu sám hối, và hủy báng Tam Bảo.

(Sao) Ngã vi Pháp Vương, ư pháp tự tại.

(鈔)我為法王，於法自在。

*(**Sao**: Ta là Pháp Vương, tự tại nơi pháp).*

Chúng ta thấy điều này trong kinh, đức Phật tự khen mình: Ngài đắc đại tự tại trong hết thảy các pháp.

(Sao) Tung hoành dư đoạt, Quyền Thật song chương.

(鈔)縱橫予奪，權實雙彰。

*(**Sao**: Dọc, ngang, ban cho, đoạt lấy, Quyền lẫn Thật cùng phô bày).*

Chỉ rõ phương pháp độ chúng sanh của Phật và đại Bồ Tát có những kỹ xảo hết sức xảo diệu. Chỉ cần chúng sanh có thể đạt được lợi ích, hết thảy mọi kỹ xảo đều có thể vận dụng! Chúng ta có thể thấy những trường hợp giống như vậy trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng như trong phẩm cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới của Bát Thập Hoa Nghiêm. Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là Pháp Thân đại sĩ. Nếu nói theo tiêu chuẩn của kinh Kim Cang, các Ngài đều là chư Phật Như Lai. Chúng ta đọc xong năm mươi ba lần tham học bèn hoảng nhiên đại ngộ: *"Tung, hoành, dư, đoạt, Quyền Thật song chương"* (Dọc, ngang, ban cho, đoạt lấy, Quyền lẫn Thật cùng phô bày). Hai câu này chính là tổng cương lãnh của năm mươi ba lần tham học. Tám chữ ấy đã nói trọn vẹn năm mươi ba lần tham học.

(Sao) Cẩu hữu lợi ư chúng sanh, diệc hà thi nhi bất khả.

(鈔)苟有利於眾生，亦何施而不可。

*(**Sao**: Nếu có lợi cho chúng sanh, cũng có gì mà không thể làm được).*

Thật sự lợi ích chúng sanh thì phương pháp ấy có thể sử dụng. Nếu chúng ta hỏi, những gì là lợi ích chúng sanh? Phải hiểu đạo lý này. Chẳng phải là làm cho chúng sanh được sung sướng, chẳng phải là ý nghĩa này. Tiêu chuẩn của lợi ích chúng sanh là làm cho chúng sanh phá mê khai ngộ; đấy mới là lợi ích thật sự, lợi ích chân thật.

(Sao) Thiên thượng thiên hạ, duy ngô độc tôn.

(Diễn) Duy ngã độc tôn giả, Tất Đạt thái tử sơ giáng sanh thời, nhất thủ chỉ thiên, nhất thủ chỉ địa, châu hành thất bộ, mục cố tứ phương, viết: "Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn".

(鈔)天上天下，唯吾獨尊。

(演)唯我獨尊者。悉達太子初降生時。一手指天。一手指地。周行七步。目顧四方。曰天上天下。唯我獨尊。

*(**Sao**: Trên trời dưới đất, chỉ có Ngã là độc tôn.*

***Diễn**: "Chỉ có Ngã là độc tôn": Thái Tử Tất Đạt lúc mới giáng sanh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, đi trọn khắp các phương, mỗi phương đều đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, nói: "Trên trời, dưới đất, chỉ có Ngã là tôn quý").*

Đây là khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng thế [đã nói như vậy]. Có những người chẳng chịu tham cứu Phật pháp sâu xa, nghe nói như vậy bèn chê Thích Ca Mâu Ni Phật quá đỗi tự đại, quá sức ngạo mạn. Làm sao có thể là trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý độc nhất cho được? Đấy là vì chẳng hiểu ý nghĩa của chữ Ta. Ta ở đây là Chân Ngã, chẳng phải là Cái Tôi trong khái niệm của bọn phàm phu chúng ta. Đức Phật nói Vô Ngã, có thể thấy Ngã chẳng phải là nói về cái thân này! Ngã chỉ điều gì? Chỉ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong Tam Đức. Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Trong Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; Bát Nhã cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh (Nitya, Sukha, Ātmā, Śubha). Đó là *"bốn tịnh đức"*, là chân thật. *"Ngã"* (Ātmā) có nghĩa là chủ tể, tự tại, quyết định chẳng phải là ngạo mạn, mà cũng chẳng phải là tự khen ngợi mình!

(Sao) Tiền chi nhất thuyết, khủng nhân bất tri chư Phật số như vi trần, câu chấp nhất thiên cố.

(鈔)前之一說，恐人不知諸佛數如微塵，拘執一偏故。

*(**Sao**: Thuyết trước là vì sợ có kẻ chẳng biết chư Phật số nhiều như vi trần, bèn câu nệ, chấp trước phiến diện).*

Cách nói thứ nhất nhằm bảo quý vị: Chư Phật đồng danh đồng hiệu quá nhiều, chớ nên có thiên kiến, chớ nên chấp trước chuyện này!

(Sao) Hậu chi nhất thuyết, khủng nhân nệ ư bất ưng tự tán, muội Phật thần dụng cố.

(鈔)後之一說，恐人泥於不應自讚，昧佛神用故。

*(**Sao**: Thuyết sau là do sợ có kẻ câu nệ "chớ nên tự khen ngợi", mờ mịt chẳng biết đến diệu dụng thần kỳ của Phật).*

"Bất ưng tự tán" (Chớ nên tự khen ngợi) cũng là một loại chấp trước. *"Muội Phật thần dụng cố"*, [nghĩa là] chẳng biết đại dụng thần thông của Phật, Bồ Tát nhằm lợi khắp quần sanh.

(Sao) Nhị thuyết kiêm thành, lý cố vô ngại.

(鈔)二說兼成，理固無礙。

*(**Sao**: Hai thuyết bổ sung lẫn nhau, cố nhiên, xét theo Lý, chẳng trở ngại gì).*

Cả hai cách giải thích của cổ đức đều hay. Chúng ta có cách nhìn viên dung, ý nghĩa càng rõ rệt hơn.

Vô Lượng Thọ Phật tượng trưng cho phước thọ, là mục tiêu mong cầu bậc nhất của chúng ta. Chúng ta cầu phước, cầu trường thọ, nhưng phải ghi nhớ: Chẳng phải là sự trường thọ trong thế gian này! Trường thọ trong thế gian này vô dụng! Sống lâu rất khổ, khổ sở vì tuổi già. Trường thọ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp lắm, vì sao? Người trong cõi ấy chẳng già, vĩnh viễn là tuổi thanh xuân, đấy chính là phước báo thật sự. Chúng ta trường thọ trong cõi này hoàn toàn chẳng phải là phước báo thật sự. Trường thọ nhất định phải kèm thêm khỏe mạnh; khỏe mạnh, sống lâu thì mới là phước. Còn phải kèm thêm điều kiện; chẳng có khỏe mạnh đi kèm theo, sống lâu rất khổ! Ắt cần phải hiểu điều này, [như vậy thì mới tha thiết] mong cầu trường thọ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Vô Lượng Thọ. Vị Phật tiếp theo…

(Sớ) Vô Lượng Tướng giả, tướng hảo vô tận cố.

(Sao) Tướng hảo giả, hoặc tam thập nhị tướng.

(疏)無量相者，相好無盡故。

(鈔)相好者，或三十二相。

*(**Sớ**: Vô Lượng Tướng (Amitālakṣaṇa) là tướng hảo vô tận.*

***Sao**: "Tướng hảo": Hoặc là ba mươi hai tướng).*

Đó là [nói theo quan niệm về tướng hảo của] người thế gian chúng ta, [sẽ là] ba mươi hai tướng.

(Sao) Hoặc bát vạn tứ thiên tướng, hoặc vi trần tướng.

(鈔)或八萬四千相，或微塵相。

*(**Sao**: Hoặc là tám vạn bốn ngàn tướng, hoặc tướng hảo nhiều như vi trần).*

Tướng hảo thù thắng, là cảnh giới của Phật và Đại Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Trong cảnh giới phàm phu, kể cả Đại Phạm Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương [là người có địa vị] tột đỉnh trong Tứ Thiền Thiên cũng chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Đó là tướng hảo cực hạn trong thế giới Sa Bà.

(Sao) Phước đức vô lượng, tướng diệc vô lượng dã. Tích Chí Công hiện thập nhất diện Quán Âm tướng, Tăng Diêu bất năng cử bút, huống Phật tướng hồ!

(Diễn) Chí Công hiện thập nhất diện giả, Lương Vũ Đế, thường triệu họa công Trương Tăng Diêu tả Chí Công tượng. Chí Công dĩ chỉ phân phi diện môn, tác thập nhất diện Quán Âm tướng, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu cánh bất năng hạ bút.

(鈔)福德無量，相亦無量也。昔誌公現十一面觀音相，僧繇不能舉筆，況佛相乎。

(演)誌公現十一面者。梁武帝。嘗召畫工張僧繇。寫誌公像。誌公以指分披面門。作十一面觀音相。或慈或威。或定或慧。僧繇竟不能下筆。

*(**Sao**: Phước đức vô lượng, tướng cũng vô lượng. Xưa ngài Bảo Chí Công hiện tướng Quán Âm mười một mặt, ông Tăng Diêu[34] chẳng thể vẽ được, huống hồ là tướng Phật ư?*

---

[34] Trương Tăng Diêu (张僧繇) người xứ Ngô Trung (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô) là một họa sĩ nổi tiếng thời Lương, được phong làm Thị Lang cho Vũ Lăng Vương (tức Tiêu Kỷ, con trai thứ tám của Lương Vũ Đế), chưởng quản mọi việc hội họa của triều đình. Hai con trai của ông (Thiện Quả và Nho Đồng) cũng là họa sĩ nổi tiếng thời ấy. Tăng Diêu sở trường vẽ tranh tôn giáo, nhất là thể loại bích họa, đặc biệt là tranh chân dung. Phong cách vẽ tượng Phật của ông trở thành một trường phái riêng được người đời gọi là Trương Gia Dạng (cách thức vẽ tranh của họ Trương). Nhiều

***Diễn**: "Chí Công hiện mười một mặt": Lương Vũ Đế từng sai thợ vẽ Trương Tăng Diêu vẽ hình tượng Chí Công. Ngài Chí Công dùng ngón tay xoa mặt, biến thành hình tướng Quán Âm mười một mặt, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu trọn chẳng thể vẽ được).*

Ở đây có một câu chuyện, trong sách Diễn Nghĩa có chú giải chuyện này. Trước hết, chúng tôi phải nói đến nguyên do của tướng hảo. Tướng liên quan đến phước. Vì thế, chúng ta thường nói là *"phước tướng"* hoặc *"quý tướng"*. Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo là tướng phú quý. Nhìn vào tướng hảo của người khác, bèn biết phước báo của người ấy. Tướng của người có phước và tướng của kẻ không có phước rất rõ rệt, vừa nhìn bèn biết ngay. Muốn có tướng hảo, nhất định là phải tu phước. Chẳng tu phước, mong sửa sắc đẹp, giả trất, sửa kiểu nào cũng đều chẳng có phước báo; đâm ra, chuốc lấy một thân đầy bệnh tật, một thân đầy trục trặc. Có thể sửa đổi cho tướng mạo tốt đẹp hơn hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị chịu tu. Đức Phật dạy chúng ta một nguyên lý: *"Tướng chuyển theo tâm"*. Đấy là nói rõ: Tướng của chính mình có thể tu được. Tâm địa từ bi, tướng cũng rất hiền lành. Tâm địa hiểm ác, tướng rất hung tợn, khiến cho người ta trông thấy buốt xương rởn ốc, xác thực là có thể biến hóa. Cổ nhân thường nói: Tướng mạo sau năm bốn mươi tuổi sẽ do chính mình chịu trách nhiệm. Trước bốn mươi tuổi là *"tiên thiên"* (先天: bẩm sinh), người hiện thời nói là *"được di truyền từ cha mẹ"*. Phật pháp chẳng nói "di truyền", Phật pháp nói là khi một người đến đầu thai, người ấy thích ai, tướng mạo của kẻ đó in vào A Lại Da Thức của người ấy, biến ra tướng mạo đó. Ví như khi người ấy đến đầu thai, ưa thích cha mẹ, tướng người ấy sẽ giống như cha mẹ của chính mình. [Tướng mạo] được quyết định vào lúc ấy, chẳng do di truyền. Sau bốn mươi tuổi, sẽ là *"hậu thiên"* (後天), [nghĩa là] từ bốn mươi tuổi trở đi, [tướng mạo] được quyết định bởi tâm hạnh tạo tác các

---

bức vẽ của ông được chọn làm mẫu để đắp hay khắc tượng. Ông còn giỏi vẽ rồng, chim ưng, hoa cỏ, sơn thủy v.v… Tranh vẽ rồng của ông được khen là sống động như thật. Do vậy có truyền thuyết: Tăng Diêu vẽ bốn con rồng tại chùa An Lạc ở Kim Lăng, khi vừa điểm nhãn cho hai con, chúng bèn hóa thành rồng thật bay lên trời, chỉ còn sót lại hai con chưa kịp vẽ mắt. Các bức họa nổi tiếng của ông còn giữ được cho đến hiện thời là Lương Vũ Đế Tượng (hình Lương Vũ Đế), Hành Đạo Thiên Vương Đồ, Ngũ Tinh Nhị Thập Bát Tú Đồ v.v...

nghiệp thiện ác. Một người thật sự có thể đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, tướng mạo nhất định là mỗi năm một tốt đẹp hơn, tướng mạo biến đổi, thể chất cũng biến đổi, thân tâm thanh tịnh, đấy là khỏe mạnh, trường thọ thật sự.

Vô Lượng Tướng Phật, biểu thị phú quý. Phú quý cũng là điều đại chúng mong cầu. *"Đức phước vô lượng, tướng diệc vô lượng"* (Phước đức vô lượng, tướng cũng vô lượng). Đức Thế Tôn tán thán Tây Phương thế giới A Di Đà Phật: *"Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo"*. Không chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo! Những tướng ấy do đâu mà có? A Di Đà Phật phước đức vô lượng vô biên. Vì thế, cảm vời tướng mạo cũng là thù thắng khôn sánh! *"Tích"* (昔) là quá khứ. *"Chí Công"* là ngài Bảo Chí Công[35], tức là một vị cao tăng vào thời Lương Vũ Đế. Truyện ký chép ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Do cộng nghiệp thù thắng, cộng nghiệp tốt đẹp của chúng sanh trong thế gian này, cảm vời chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trụ thế. Thời ngài Bảo Chí Công trụ thế nhằm đúng thời đại Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế là một Phật tử kiền thành, hết sức tôn kính ngài Bảo Chí

---

[35] Ngài Bảo Chí không rõ năm sinh và mất chánh xác, thường được coi là sống từ năm 418 đến năm 514 đời Lương. Ngài thường được gọi là Chí Công Thiền Sư, hay Chí Công Tổ Sư. Ngài cùng với Đạt Ma Tổ Sư và Phó Đại Sĩ được sử truyện tôn xưng là *"Lương đại tam đại sĩ"* (ba vị đại sĩ đời Lương). Năm bảy tuổi, Ngài y chỉ, xuất gia với pháp sư Tăng Kiệm tại Tử Kim Sơn. Sau khi xuất gia, Ngài trụ tại chùa Đạo Lâm, chuyên tâm Thiền Quán. Người đương thời thường nói phẩm đức, tu trì và ngôn ngữ của Ngài chẳng kém vị danh tăng đương thời là ngài Phật Đồ Trừng, lại có nhiều chuyện thần dị. Sư đến đi vô ngại, không ở nơi cố định nào, có thể mấy ngày chẳng ăn mà sắc mặt vẫn như thường. Sư hay đề thơ tặng cho người khác, hoặc nói những câu khó hiểu, đến khi xảy ra chuyện mới biết Ngài nói dự ngôn. Thoạt đầu, Lương Vũ Đế cho Sư là kẻ *"yêu ngôn hoặc chúng"* (dùng lời lẽ yêu dị mê hoặc quần chúng), sai người nhốt vào ngục, nhưng hằng ngày vẫn thấy Sư la cà khắp phố. Vào ngục xem, vẫn thấy Sư nằm yên trong ấy. Về sau, Lương Vũ Đế tặng Sư một khu vườn, yêu cầu Sư ở yên trong đó, sai người vây chặt, nhưng vẫn thấy Sư hiện diện tại các ngôi chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v… Sau khi lên ngôi, sau nhiều lần hỏi đạo, Lương Vũ Đế nhận biết Sư là một vị thiện tri thức thật sự, bèn tôn Ngài làm quốc sư, hết sức sùng tín. Ngài và Phó Đại Sĩ được coi là những vị đi tiên phong nhằm mở đường cho tổ Đạt Ma đại khai Thiền học tại Trung Hoa về sau này. Lương Hoàng Sám có tên gọi là Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp do Ngài biên soạn nhằm siêu độ phi tử Hy Thị của Lương Vũ Đế. Có sách chép Sư tịch năm Thiên Giám mười ba, thọ chín mươi sáu tuổi. Vua sai lập chùa Khai Thiện cạnh mộ Sư, ban tặng thụy hiệu là Quảng Tế Đại Sư. Các đời sau lần lượt tôn xưng Ngài là Diệu Giác đại sư, rồi Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cảm Đại Sư.

Công. Tại Đài Loan, người lạy Lương Hoàng Sám rất nhiều, Lương Hoàng tức là Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế siêu độ phi tử. Khi còn sống, phi tử của ông ta từng tạo ác nghiệp, đọa vào súc sanh đạo. Nhà vua thỉnh cầu ngài Bảo Chí Công tác pháp siêu độ cho cô ta. Phật sự siêu độ của ngài Bảo Chí Công dành cho cô ta, nay được gọi là Lương Hoàng Sám. Lương Hoàng Sám do ngài Bảo Chí Công biên soạn. Bảo Chí Công là Quán Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ Tát siêu độ cô ta, cũng chỉ có thể siêu độ đến cõi trời Đao Lợi. Lên cao hơn nữa, chẳng được! Trong kinh Địa Tạng, cô gái Bà-la-môn và cô Quang Mục đều là tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát, siêu độ thân nhân cũng là siêu độ về Đao Lợi Thiên. Trước đây, chúng tôi giảng A Nan Vấn Phật Sự Cát Hung Kinh, kinh ấy do đại sư An Thế Cao phiên dịch. Sau khi công tác phiên dịch kết thúc, ngài An Thế Cao đến Giang Nam để độ một đồng học trong đời trước. Người đồng học ấy cũng tạo tác ác nghiệp, đọa vào thần đạo, làm long vương hồ Cung Đình, tức là hồ Bà Dương (鄱陽)[36] hiện thời, thuộc huyện Cửu Giang [tỉnh Giang Tây]. Sư siêu độ long vương ấy, cũng giúp cho ông ta sanh lên trời Đao Lợi. Cho thấy: Do công đức siêu độ, chỉ có thể đạt tới Đao Lợi Thiên. Lên tầng trời cao hơn Đao Lợi, phải cậy vào sự tu hành của chính mình, hoàn toàn nhờ vào người khác tu phước sẽ chẳng thể đạt được! Nhất định phải là do chính mình có công phu tu hành thì mới có thể sanh vào tầng trời thứ ba trở lên trong Dục Giới! Lương Vũ Đế rất kính nể, bội phục ngài Bảo Chí Công; khi ấy, chẳng có máy chụp hình, nhà vua rất muốn giữ lại hình ảnh ngài Bảo Chí Công, bèn mời họa sĩ đến vẽ, họa hình Sư giữ lại để thờ phụng. Ngài Bảo Chí Công có thần thông, trong chốc lát biến hiện mười một loại gương mặt khác nhau, người vẽ chân dung chẳng có cách nào vẽ được, chẳng thể vạch nét bút nào. Trong Cao Tăng Truyện có một câu chuyện như vậy. Ngài Bảo Chí Công có thần thông biến hóa, có thể biến hóa các gương mặt khác biệt, chúng ta thường gọi [tướng biến hiện ấy] là Thập Nhất Diện Quán Âm.

(Sớ) Vô Lượng Tràng giả.

---

[36] Hồ Bà Dương là hồ lớn thứ hai trong Ngũ Đại Hồ của Trung Quốc (năm cái hồ lớn chứa nước ngọt đó lần lượt có tên là Bà Dương, Động Đình, Thái Hồ, Hồng Trạch và Sào Hồ). Hồ Bà Dương nhận nước của năm con sông là Cám, Phủ, Tín, Nhiêu, Tu. Hồ rộng đến 162.000 km^2. Chỗ sâu nhất đến 25,1 mét, độ sâu bình quân là 8,4 mét. Giữa hồ có bốn mươi mốt hòn đảo, hòn đảo lớn nhất mang tên Liên Hồ Sơn.

(疏)無量幢者。

*(**Sớ**: Vô Lượng Tràng - Amitadhvaja).*

Tràng (幢) là cao, rõ rệt, hình dung người có địa vị hiển hách, cao vời trong xã hội, là bậc đại quý.

(Sớ) Công đức cao hiển, dụ chi như tràng. Cực kỳ cao hiển, danh vô lượng dã. Hựu vô lượng giả, quảng đa nghĩa.

(疏)功德高顯，喻之如幢。極其高顯，名無量也。又無量者，廣多義。

*(**Sớ**: Công đức cao vời, rõ rệt, ví như tràng. Cao vời, rõ rệt tột bậc, gọi là vô lượng. Vô lượng lại có nghĩa là rộng nhiều).*

"Tràng" (幢) là tỷ dụ. Ở Đài Loan ít thấy tràng, tại Đại Lục hoặc Nhật Bản thì thường thấy. Tràng và Phan (旛) thuộc cùng một loại, đều treo trên cột cờ, thuộc loại cờ xí. Phan dẹp, tràng hình tròn, giống như ống thoát gió ở phi trường. Vào thời cổ, Phật môn là sư đạo. Sư đạo thì chẳng chiêu sinh. Sư đạo có tôn nghiêm của sư đạo: *"Chỉ nghe trò tìm đến thầy xin học, chưa nghe nói thầy phải tìm trò đến nghe thầy dạy"*, chẳng thể triệu tập mọi người tới. Nhưng chúng ta có hoạt động ở đây cũng chẳng thể không thông báo cho mọi người biết. Thông báo cho quý vị biết, quý vị thích thì đến. Chẳng thích, quý vị có thể không đến, chẳng có mảy may miễn cưỡng nào! Phương pháp thông báo là trước cửa chùa miếu đều có cột cờ; cột cờ để treo phan hoặc tràng. Nếu ở chỗ chúng ta có pháp hội bèn treo phan. Người ta thấy phan, [biết là] hôm nay đạo tràng ấy có pháp hội, người thích tham gia pháp hội bèn đến. Nếu giảng kinh thì dùng tràng, hình tròn, treo trên cột cờ, [nhằm thông báo] hôm nay đạo tràng này có giảng kinh, ai thích nghe kinh thì đến. Đấy là nhằm báo với đại chúng đạo tràng chúng tôi hôm nay có hoạt động gì. Hiện thời, không cần đến những thứ ấy. Hiện thời, thông tin rất thuận tiện, có thể gởi thông cáo, hoặc đăng quảng cáo trên báo, thay thế tác dụng của tràng và phan xưa kia. Tràng treo ở cột cờ bèn treo rất cao, gọi là *"pháp tràng cao thụ"* (dựng cao pháp tràng), biểu thị pháp hội giảng kinh.

(Sao) Tràng giả, phan thuộc, hựu vân kỳ thuộc.

(鈔)幢者，旛屬，又云旗屬。

*(**Sao**: Tràng thuộc loại phan, lại là một loại cờ).*

Thuộc loại cờ xí[37].

(Sao) San Định Ký, tràng hữu thất nghĩa, ước chi thành ngũ.

(鈔)刊定記，幢有七義，約之成五。

*(**Sao**: Theo San Định Ký[38], tràng có bảy nghĩa, nói giản ước thì thành năm nghĩa).*

"Ước" (約) là quy nạp, quy nạp bảy ý nghĩa lại thì tối thiểu là có năm ý nghĩa.

(Sao) Nhất, cao hiển nghĩa, dụ Phật vị cực tôn cố. Nhị, kiến lập nghĩa, dụ Phật bi trí, kiến lập chúng sanh, cập Bồ Đề cố.

(Diễn) Kiến lập nghĩa giả, thượng dĩ đại trí kiến lập Bồ Đề, hạ dĩ đại bi kiến lập chúng sanh cố.

---

[37] Cờ xí (kỳ xí) là tên gọi chung các loại cờ, nhưng có phân biệt đôi chút. Các loại cờ có bề ngang và bề rộng gần bằng nhau, to bản, treo dọc trên cột cờ, hoặc treo ngang lồng vào cán cờ, thì gọi là Kỳ (旗). Một đặc điểm nữa là Kỳ thường có nhiều màu (thường là màu của ngũ hành), ghi đại tự (thường là một chữ, như tên gọi của vương triều như Tống, Đường, Tề, hoặc tên gọi của đất phong như Bảo Định, hoặc chức tước như chữ Soái). Loại hẹp và dài, luôn treo dọc thì gọi là Xí (幟). Xí có thể ghi nhiều chữ nhằm ca ngợi, hoặc để trống, hoặc có thêu vẽ một phù hiệu hoặc biểu tượng. Xí thường không có tua viền trong khi Kỳ thường viền đuôi nheo chung quanh. Thời cổ còn một loại cờ nữa chuyên dùng để biểu hiện uy quyền, kết bằng đuôi trâu và lông chim gọi là Tinh (旌). Tùy theo cấp bậc quyền lực mà quy định số Tinh được cắm trên xe, cũng như đài chỉ huy. Cũng giống như Tinh là Tiết (節), nhưng Tiết biểu thị người được nhà vua trao quyền, thường được cầm hoặc rước cùng với các thứ binh khí tượng trưng quyền lực khác như phủ việt. Thoạt đầu, Tiết cũng là đuôi trâu buộc vào cán gỗ, về sau, trở thành hình thức kết nhiều quả cầu bằng tơ, cán có hình đầu rồng, treo chuông đồng v.v… Về sau, hễ nói đến các loại cờ quạt nói chung dùng trong nghi lễ hay trang trí, người ta thường gọi chung là *"tinh kỳ"* hoặc *"kỳ xí"*, không còn gọi tách bạch như thời cổ.

[38] San Định Ký là gọi tắt của Hoa Nghiêm Lược Sớ San Định Ký do ngài Huệ Uyển soạn vào đời Đường. Thật ra tác phẩm này do ngài Pháp Tạng khởi xướng: Sau khi Tân Hoa Nghiêm (Bát Thập Hoa Nghiêm được dịch xong), ngài Pháp Tạng viết chú thích, nhưng chỉ chú giải được hai phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm và Thập Định thì đã thị tịch, ngài Huệ Uyển bèn viết tiếp. Ngài Huệ Uyển san định những phần do ngài Pháp Tạng viết, đồng thời đề xướng giáo nghĩa *"hai loại Thập Huyền Môn"*.

(鈔)一、高顯義，喻佛位極尊故。二、建立義，喻佛悲智，建立眾生，及菩提故。

(演)建立義者。上以大智建立菩提。下以大悲建立眾生故。

*(**Sao**: Một là nghĩa cao hiển, ví như địa vị Phật tôn quý tột cùng. Hai là nghĩa kiến lập, ví như bi và trí của Phật kiến lập chúng sanh và Bồ Đề.*

***Diễn**: "Nghĩa kiến lập": Trên là dùng đại trí tạo dựng Bồ Đề, dưới là dùng đại bi để dựng yên chúng sanh).*

Chúng ta thường nói *"kiến pháp tràng"*. Kiến pháp tràng có nghĩa là kiến lập đạo tràng. *"Kiến pháp tràng"* [thuở trước] và *"kiến lập đạo tràng"* trong hiện thời có ý nghĩa khác nhau. Người hiện thời xây dựng một ngôi chùa, đó có phải là *"kiến lập đạo tràng"* hay không? Không nhất định! Chùa xây dựng hoàn tất, nhưng chẳng có đạo trong ấy, chẳng thể gọi là đạo tràng. Trong ấy phải có đạo thì mới được. *"Kiến pháp tràng"* thì trong ấy nhất định là có đạo. Lập tông chỉ, xác định phương pháp và mục tiêu tu học, dùng phương pháp ấy để đạt tới mục tiêu tu học thì cần phải thành lập tông chỉ.

Giống như trong Tịnh Tông, chúng ta theo pháp môn Niệm Phật, *"tín nguyện trì danh"* là phương pháp tu hành, *"vãng sanh bất thoái thành Phật"* là mục tiêu tu hành. Đó là tông chỉ của Tịnh Tông. Đấy là ý nghĩa *"kiến lập"*.

(Sao) Tam, quy hướng nghĩa, dụ Phật vị chúng sanh sở tông ngưỡng cố.

(鈔)三、歸向義，喻佛為眾生所宗仰故。

*(**Sao**: Ba là ý nghĩa quy hướng, ví như Phật được chúng sanh kính trọng, ngưỡng mộ).*

Có ý nghĩa quy y trong ấy.

(Sao) Tứ, tồi điễn nghĩa, hàng phục nhất thiết chư ma quân cố.

(鈔)四、摧殄義，降伏一切諸魔軍故。

*(**Sao**: Bốn là ý nghĩa đập tan, trừ sạch, hàng phục hết thảy các ma quân).*

Vì Phật pháp có thể giúp chúng ta phân biệt tà, chánh, hiểu rõ đúng, sai, cho nên có ý nghĩa hàng phục tà tri tà kiến trong ấy.

(Sao) Ngũ, diệt bố nghĩa.

(鈔)五、滅怖義。

*(**Sao**: Năm là ý nghĩa diệt trừ sự sợ hãi).*

"Bố" (怖) là kinh sợ. Nếu chúng ta có thể lìa khỏi hết thảy ưu lự, bất an, hoảng sợ, đó là được Phật pháp hộ niệm.

(Sao) Như Đế Thích cáo chư thiên chúng, nhữ dữ Tu La chiến thời, thiết hữu khủng bố, đương niệm ngã thất bảo tràng, kỳ bố tức diệt.

(鈔)如帝釋告諸天眾，汝與修羅戰時，設有恐怖，當念我七寶幢，其怖即滅。

*(**Sao**: Như Đế Thích bảo chư thiên: "Khi các ông cùng A Tu La giao chiến, nếu sợ hãi, hãy nên nghĩ tới tràng bảy báu của ta, nỗi sợ hãi ấy sẽ diệt").*

Đây là tỷ dụ, [ý nói] chúng sanh niệm Phật có thể rời khỏi hết thảy các thứ kinh sợ.

(Sao) Dụ Phật đắc vô sở úy, chúng sanh niệm Phật, tức ly khủng bố cố. Kim duy thủ cao hiển nhất nghĩa, nhiếp dư nghĩa dã.

(鈔)喻佛得無所畏，眾生念佛，即離恐怖故。今唯取高顯一義，攝餘義也。

*(**Sao**: Ví như Phật đắc vô sở úy (không sợ hãi điều gì), chúng sanh niệm Phật bèn lìa sợ hãi. Nay chỉ dùng một nghĩa là cao hiển để bao gồm những nghĩa khác).*

Đối với năm ý nghĩa ấy, nói một ý nghĩa, những ý nghĩa khác cũng đều được bao gồm trong ấy.

(Sao) Quảng đa giả, kỳ tràng đa nhi vô lượng. Như kinh ngôn, tràng phan, bảo cái, biến mãn hư không, Phật thụ vô lượng diệu nghĩa, chỉ thị chúng sanh, diệc phục như thị.

(鈔)廣多者，其幢多而無量。如經言，幢旛寶蓋，遍滿虛空，佛豎無量妙義，指示眾生，亦復如是。

*(**Sao**: "Rộng nhiều": Tràng ấy nhiều vô lượng. Như kinh nói: "Tràng phan, lọng báu đầy khắp hư không". Đức Phật kiến lập vô lượng nghĩa mầu nhiệm để chỉ dạy chúng sanh cũng giống như thế).*

Hai câu kinh này cũng bảo cho chúng ta biết đôi chút về trạng huống chân thật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tràng là tiêu chí (biểu tượng, logo) của việc giảng kinh, thuyết pháp. Ví như chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, trên cái tràng ấy nhất định đề *"Nam-mô Vô Lượng Thọ Kinh"*. Giảng kinh Hoa Nghiêm, trên tràng nhất định viết là *"Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh"*. Tràng phan, lọng báu vô lượng vô biên nhằm bảo chúng ta: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy các kinh pháp đều đang được tuyên giảng.

Nói cách khác, nếu chúng ta hết sức hâm mộ kinh giáo, thảy đều mong học hết, những thứ [tràng phan, lọng báu] ấy đã nói rất rõ rệt: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, ở bên ấy thảy đều trọn đủ, có thầy tốt nhất, bạn học tốt nhất, hoàn cảnh tu học tốt đẹp nhất. Vì sao chẳng đến nơi đó để tu học? Hai câu ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu, bảo cho chúng ta biết tình huống giảng kinh, thuyết pháp sôi nổi, phong phú trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói thật ra, các thế giới phương khác chẳng thể sánh bằng. Lại xem vị Phật kế tiếp:

(Sớ) Đại Quang giả, quang huy quảng bị cố.

(疏)大光者，光輝廣被故。

*(**Sớ**: Đại Quang (Mahāprabhā) là chiếu sáng rực rỡ rộng khắp).*

Danh hiệu này biểu thị đại trí.

(Sao) Quang chỉ hóa tha chi dụng, chư thiên nhân diệc hữu thân quang, bất giả nhật nguyệt.

(鈔)光指化他之用，諸天人亦有身光，不假日月。

*(**Sao**: Quang là nói đến tác dụng hóa độ người khác. Thân các vị trời cũng có quang minh, chẳng cần nhờ đến mặt trời, mặt trăng [soi sáng]).*

Hiện thời, quang minh trong thế gian này xuất phát từ mặt trời. Mặt trăng phản chiếu ánh sáng, chứ bản thân mặt trăng chẳng tỏa sáng. Bản thân chư thiên có quang minh; phước báo của họ to lớn, vật chất [trong cõi trời] cũng tỏa ánh sáng. Chư thiên còn như thế, đương nhiên là Tây Phương Cực Lạc thế giới càng chẳng cần phải nói nữa!

(Sao) Nhị Thừa tiểu quả, nhân địa Bồ Tát, giai hữu quang minh, tỷ Phật vi tiểu.

(鈔)二乘小果，因地菩薩，皆有光明，比佛為小。

*(**Sao**: Hàng Nhị Thừa tiểu quả, các Bồ Tát còn đang tu nhân đều có quang minh, nhỏ hơn quang minh của Phật).*

A La Hán có quang minh, thân của Bích Chi Phật và các vị Bồ Tát đều có quang minh. Có [hai loại quang minh là] thường quang và phóng quang, nhưng đều thua kém Phật.

(Sao) Phật quang ánh tế nhất thiết, cố vân đại dã.

(Diễn) Phật quang ánh tế nhất thiết giả, thiên nhân chi quang đản tế nhật nguyệt. Thanh Văn chi quang kiêm tế thiên nhân, Chi Phật chi quang kiêm tế Thanh Văn, Bồ Tát chi quang kiêm tế Chi Phật, duy Phật quang minh, ánh tế nhất thiết chi đại quang dã.

(鈔)佛光映蔽一切，故云大也。

(演)佛光映蔽一切者。天人之光但蔽日月。聲聞之光兼蔽天人。支佛之光兼蔽聲聞。菩薩之光兼蔽支佛。唯佛光明。映蔽一切之大光也。

*(**Sao**: Quang minh của Phật chiếu rực, che lấp hết thảy [các ánh sáng khác], nên nói là "đại".*

***Diễn**: "Phật quang che lấp hết thảy": Quang minh của chư thiên chỉ che lấp mặt trời, mặt trăng. Quang minh của Thanh Văn [ngoài che lấp mặt trời, mặt trăng] còn kèm thêm che lấp quang minh của chư thiên. Quang minh của Bích Chi Phật còn kèm thêm che lấp quang minh của Thanh Văn. Quang minh của Bồ Tát còn kèm thêm che lấp quang minh của Bích Chi Phật, chỉ có quang minh của Phật là to lớn che lấp hết thảy).*

Được gọi là Đại Quang Phật.

(Sớ) Đại Minh giả, vị Phật dĩ đại trí, phá chư Hoặc tận cố.

(疏)大明者，謂佛以大智，破諸惑盡故。

*(**Sớ**: Đại Minh (Mahānirbhāsa), ý nói Phật dùng trí huệ phá sạch các Hoặc).*

Biểu thị tác dụng của trí huệ.

(Sao) Phá chư Hoặc tận giả.

(鈔)破諸惑盡者。

*(**Sao**: Phá hết sạch các Hoặc).*

Phá hết sạch. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chưa đoạn hết sạch Hoặc, vẫn còn thừa sót, chỉ có nơi quả địa Như Lai là hoàn toàn đoạn sạch.

(Sao) Nhất Thiết Trí, phá Kiến Tư Hoặc tận; Đạo Chủng Trí, phá Trần Sa Hoặc tận; Nhất Thiết Chủng Trí, phá Vô Minh Hoặc tận.

(Diễn) Kiến Tư Hoặc giả, kiến giả, nhược vân kiến Lý thời, năng đoạn thử Hoặc, tức tùng giải đắc danh. Nhược vân kiến chỉ thị Giả, Giả giả bất thật vi nghĩa, tức đương thể thọ xưng. Tư Hoặc nhập tu đạo vị, trọng lự duyên chân, thử Hoặc tức trừ, danh Tư Duy Hoặc. Thử tùng giải đắc danh. Nhược vân tư giả cập ái hoặc giả, thử đương thể thọ xưng. Nhiên Kiến Hoặc tùng Pháp Trần khởi, năng chướng chân lý. Tư Hoặc tùng ngũ trần khởi, năng khiên tam giới. Thử giai ước Dục Giới đa phần thuyết, tế luận bất câu. Trần Sa Hoặc giả, vị chúng sanh Kiến Tư số đa như trần sa, nãi tha nhân phận thượng chi Hoặc. Bồ Tát chi hạnh, chuyên vị hóa tha. Nhược linh chúng sanh năng đoạn Kiến Tư chi hoặc, ư Bồ Tát tức thị đoạn Trần Sa Hoặc, diệc danh Biệt Hoặc giả, biệt tại Bồ Tát sở đoạn cố dã. Vô Minh Hoặc giả, vị ư nhất thiết pháp vô sở minh liễu, cố viết vô minh. Thử Hoặc nãi nghiệp thức chủng tử, phiền não căn bản. Thanh Văn, Duyên Giác bất tri kỳ danh. Biệt tại Đại Thừa Bồ Tát, Định Huệ song tu, vạn hạnh cụ túc, phương đoạn thử Hoặc. Cố diệc danh Biệt Hoặc dã. Nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh, năng tri, năng giải, danh Nhất Thiết Trí. Năng tri nhất thiết đạo chủng sai biệt, phân biệt vô mậu, danh Đạo Chủng Trí. Phật trí trung tất song chiếu, tam trí cụ túc, danh Nhất Thiết Chủng Trí. Thử tam trí thị quả, Tam Quán thị nhân.

Thỉ Chung Tâm Yếu vân: "Không Quán giả, phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán giả, phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chủng Trí, thành Giải Thoát đức. Trung Quán giả, phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thành Pháp Thân đức". Nhiên phi trí bất đoạn, phi đoạn bất trí. Tâm Yếu tiên ngôn phá Hoặc, hậu ngôn chứng trí. Thị phi đoạn bất thành trí dã. Kim Sao tiên ngôn trí chứng, hậu ngôn phá Hoặc giả. Thị phi trí bất năng đoạn dã.

(鈔)一切智，破見思惑盡；道種智，破塵沙惑盡；一切種智，破無明惑盡。

(演)見思惑者。見者。若云見理時。能斷此惑。即從解得名。若云見祇是假。假者不實為義。即當體受稱。思惑入修道位。重慮緣真。此惑即除。名思惟惑。此從解得名。若云思假及愛惑者。此當體受稱。然見惑從法塵起。能障真理。思惑從五塵起。能牽三界。此皆約欲界多分說。細論不拘。塵沙惑者。謂眾生見思數多如塵沙。乃他人分上之惑。菩薩之行。專為化他。若令眾生能斷見思之惑。於菩薩即是斷塵沙惑。亦名別惑者。別在菩薩所斷故也。無明惑者。謂於一切法無所明了。故曰無明。此惑乃業識種子。煩惱根本。聲聞緣覺不知其名。別在大乘菩薩。定慧雙修。萬行具足。方斷此惑。故亦名別惑也。內法內名。外法外名。能知能解。名一切智。能知一切道種差別。分別無謬。名道種智。佛智中必雙照。三智具足。名一切種智。此三智是果。三觀是因。始終心要云。空觀者。破見思惑。證一切智。成般若德。假觀者。破塵沙惑。證道種智。成解脫德。中觀者。破無明惑。證一切種智。成法身德。然非智不斷。非斷不智。心要先言破惑。後言證智。是非斷不成智也。今鈔先言智證。後言破惑者。是非智不能斷也。

*(**Sao**: Nhất Thiết Trí phá hết Kiến Tư Hoặc, Đạo Chủng Trí phá hết Trần Sa Hoặc, Nhất Thiết Chủng Trí phá hết Vô Minh Hoặc.*

***Diễn**: "Kiến Tư Hoặc": Nếu nói theo lúc thấy Lý, Kiến sẽ có thể*

đoạn Hoặc này, tức [danh xưng Kiến Hoặc] là từ Giải mà gọi tên. Nếu nói Kiến chỉ là giả, giả có nghĩa là chẳng thật, tức là [phiền não này] được gọi tên theo Thể. Đối với Tư Hoặc, thì dự vào địa vị Tu Đạo, những mối ưu lự nặng nề đều duyên theo lẽ chân, phiền não này bèn trừ. Gọi nó là Tư Duy Hoặc chính là gọi tên theo Giải. Nếu nói Tư là giả và Ái Hoặc thì phiền não này được gọi tên theo Thể, nhưng Kiến Hoặc do Pháp Trần sanh khởi, có thể chướng ngại chân lý. Tư Hoặc do Ngũ Trần sanh khởi, có thể lôi kéo [chúng sanh] vào tam giới. Những điều này phần lớn là nói theo Dục Giới. Nếu luận định tỉ mỉ, sẽ chẳng hạn định trong một cõi nào [của tam giới]. Trần Sa Hoặc có nghĩa là Kiến Hoặc và Tư Hoặc của chúng sanh số lượng nhiều như cát bụi, thuộc về phiền hoặc của người khác. Hạnh Bồ Tát chuyên vì hóa độ người khác. Nếu có thể khiến cho chúng sanh đoạn trừ Kiến Tư Hoặc thì đó chính là Bồ Tát đoạn Trần Sa Hoặc. [Phiền não này] còn gọi là Biệt Hoặc vì nó [là phiền não] dành riêng cho Bồ Tát phải đoạn. Vô Minh Hoặc có nghĩa là do chẳng hiểu rõ hết thảy các pháp, nên gọi là Vô Minh. Phiền não này chính là chủng tử của nghiệp thức, là căn bản phiền não. Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết đến danh xưng của phiền não này. Chỉ riêng Đại Thừa Bồ Tát cùng tu Định và Huệ, vạn hạnh trọn đủ, mới đoạn Hoặc này, nên nó cũng được gọi là Biệt Hoặc. Đối với nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh đều có thể biết, có thể hiểu, thì gọi là Nhất Thiết Trí. Có thể biết hết thảy các đạo chủng sai biệt, phân biệt chẳng sai lầm thì gọi là Đạo Chủng Trí. Trong Phật trí, ắt song chiếu, ba trí cùng trọn đủ, bèn gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Ba trí ấy chính là quả, ba phép Quán là nhân. Sách Thỉ Chung Tâm Yếu nói: "Không Quán phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chủng Trí, thành Giải Thoát đức. Trung Quán phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thành Pháp Thân đức". Nhưng chẳng có trí, sẽ chẳng thể đoạn; chẳng có đoạn, bèn chẳng có trí. Sách Tâm Yếu trước là nói đến chuyện phá Hoặc, sau là nói đến chuyện "chứng trí"; đó là [nói theo khía cạnh] "chẳng đoạn sẽ không thể thành trí". Nay lời Sao trước hết là nói đến chuyện chứng đắc trí, rồi mới nói đến chuyện phá Hoặc, là nói theo phương diện "chẳng có trí, sẽ không thể đoạn").

Đều là nói về sự phá trừ hết sạch [các Hoặc]. Từ kinh Tiểu Thừa, chúng ta thấy Tứ Quả La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, chứng Nhất Thiết Trí. Có phải là thật sự đoạn hết hay không? Kinh Đại Thừa cho

biết [hàng Tiểu Thừa] đoạn hết các Hoặc trong tam giới, nhưng chẳng đoạn được tế hoặc (細惑: những phiền não vi tế) ở ngoài tam giới. Hoặc thuộc tam giới là thô, Hoặc ở ngoài tam giới là tế, vẫn phải là cho đến khi thành Phật mới đoạn trừ hết được. Dưới đây là một tỷ dụ:

(Sao) Cảo nhật đương không, vô sở bất chiếu, vân Đại Minh dã.

(鈔)杲日當空，無所不照，云大明也。

*(**Sao**: Vầng mặt trời rạng rỡ giữa không trung, không đâu chẳng chiếu đến bèn gọi là Đại Minh).*

Giống như vầng mặt trời. Mặt trời hoàn toàn chẳng bị mây che lấp, ánh nắng mặt trời tỏa rạng hoàn toàn, soi khắp đại địa. Dùng chuyện này để tỷ dụ Phật. Bồ Tát và La Hán tuy đoạn Hoặc, chẳng đoạn hết, hãy còn một tầng mây mỏng che khuất. Quang minh tuy rất rõ rệt, chẳng phải là viên mãn, hãy còn có một tầng mây mỏng, nên chẳng gọi là Đại Minh. Phải là ngay cả vi tế Hoặc thảy đều đoạn sạch thì mới gọi là quang minh viên mãn, gọi là Đại Minh.

(Sao) Tuy tiền tự giác tha, thử tự tự giác.

(鈔)雖前似覺他，此似自覺。

*(**Sao**: Tuy vị Phật trước dường như là giác tha, vị Phật này dường như là tự giác).*

Đại Quang dường như là Giác Tha, Đại Minh dường như là Tự Giác.

(Sao) Các cử nhất đức, nghĩa thật hỗ cụ, như thượng tổng thuyết trung biện.

(鈔)各舉一德，義實互具，如上總說中辯。

*(**Sao**: Tuy là đối với mỗi vị Phật chỉ nêu một đức, nhưng vị nào cũng thật sự trọn vẹn các nghĩa ấy như đã biện định trong phần Tổng Thuyết thuộc phần trước).*

Hai thứ ý nghĩa ấy (tự giác và giác tha) đều có, Đại Quang có ý nghĩa tự giác, giác tha. Đại Minh cũng là ý nghĩa tự giác, giác tha, chớ nên khăng khăng chấp trước. Chúng ta nói theo sự biểu thị pháp: Đại

Quang biểu thị đại trí, Đại Minh biểu thị đại trí khởi dụng (phát sanh tác dụng). Ý nghĩa này tương đối dễ hiểu.

(Sớ) Bảo Tướng giả, tướng hảo thù đặc, như bảo tôn quý cố.

(疏)寶相者，相好殊特，如寶尊貴故。

*(**Sớ**: Bảo Tướng là tướng hảo thù thắng đặc biệt, như chất báu tôn quý vậy).*

Bảo Tướng (Ratnalakṣaṇā) biểu thị sự tôn thắng, tôn quý thù thắng.

(Sao) Tướng hảo như bảo giả, Phật hữu vô lượng tướng, cô cử nhất nhị. Mục tướng, như kinh ngôn: "Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục". Hào tướng, như kinh ngôn: "Lưu ly đồng". Hung tướng, như kinh ngôn: "Tử ma kim". Nhục kế tướng, như kinh ngôn: "Chân Thúc Ca". Giai sở vị bảo tướng dã.

(鈔)相好如寶者，佛有無量相，姑舉一二。目相，如經言：八萬四千清淨寶目；毫相，如經言：琉璃筒；胸相，如經言：紫磨金；肉髻相，如經言：甄叔迦。皆所謂寶相也。

*(**Sao**: "Tướng hảo như chất báu": Phật có vô lượng tướng, chỉ nêu một hai tướng. Tướng mắt là như kinh nói: "Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh". Tướng bạch hào là như kinh nói: "Ống lưu ly". Tướng ngực là như kinh nói: "Vàng tía được giồi mài". Tướng nhục kế là như kinh nói: "Chân Thúc Ca". Những tướng ấy đều được gọi là "bảo tướng").*

"Mục" (目) là mắt, *"hào"* (毫) là bạch hào. Các tỷ dụ đều dùng bảy báu để hình dung. Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh được nói trong kinh Lăng Nghiêm.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: "Do ngã hoạch đắc diệu diệu văn tâm, cố ngã năng hiện chúng đa diệu dung, nãi chí nhị mục, tam mục, tứ mục, cửu mục, bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại". Hào tướng như lưu ly đồng giả, Như Lai hiện tướng, sơ sanh thời khiên trường

ngũ xích, khổ hạnh thời trường nhất trượng tứ xích ngũ thốn. Thành đạo thời trường nhất trượng ngũ xích, trung không, ngoại minh, như lưu ly đồng.

(演)楞嚴云：由我獲得妙妙聞心，故我能現眾多妙容，乃至二目三目、四目九目，八萬四千清淨寶目，或慈或威，或定或慧，救護眾生得大自在。毫相如琉璃筒者。如來現相。初生時牽長五尺。苦行時長一丈四尺五寸。成道時長一丈五尺。中空外明。如琉璃筒。

*(**Diễn**: Kinh Lăng Nghiêm nói: "Do ta đạt được cái tâm diệu diệu văn[39], nên ta có thể hiện các thứ dung mạo nhiệm mầu, cho đến hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu giúp, bảo vệ chúng sanh đắc đại tự tại". "Tướng bạch hào như ống lưu ly": Như Lai hiện tướng, lúc mới sanh, bạch hào kéo ra dài năm thước. Khi khổ hạnh dài một trượng bốn thước năm tấc. Khi thành đạo dài một trượng năm thước. Ở giữa rỗng, bên ngoài sáng ngời, như ống lưu ly vậy).*

Đây là kinh văn trong phần Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm, do chính Quán Thế Âm Bồ Tát nói. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Thất Hồi Hướng. Trong kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát. Theo kinh Lăng Nghiêm, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo còn có năng lực to tát như thế, đáng nên dùng thân gì để thuyết pháp bèn có thể hiện thân ấy. *"Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp"*. Đấy chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có thể dùng thân phận ba mươi hai tướng, tám mươi thứ

---

[39] *"Diệu diệu văn tâm"* chính là chân tâm hoặc tự tâm. Trong bài giảng Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, lão pháp sư Tịnh Không đã nói: *"Nhĩ căn tiếp xúc thanh trần là Thỉ Giác. Mắt thấy sắc, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc trần, ý đối pháp trần, hễ một thứ giác, hết thảy đều giác, phải hiểu đạo lý này. Vì thế, quý vị biết dùng một căn thì cả sáu căn đều biết dùng, sẽ đạt được gì? Diệu diệu văn tâm. Nhất định là khi đã đạt đến mức xoay trở lại cái Nghe để nghe nơi tánh, cái Nghe nghe nơi tự tánh ấy chính là tánh của Thỉ Giác trong tự tánh, mà cũng là Thỉ Giác và Bổn Giác hợp nhất. Không chỉ là Bổn Giác diệu, mà Thỉ Giác cũng diệu. Bổn Giác là tâm, Thỉ Giác cũng là tâm. Vì thế gọi là Diệu Diệu Văn Tâm. Chữ Diệu thứ nhất là Thỉ Giác, chữ Diệu thứ hai là Bổn Giác, cả hai đều diệu!"*

hảo để vì chúng sanh thuyết pháp. Trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã chú giải *"chư Phật"* trong kinh Kim Cang là từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cho đến Phật quả rốt ráo, đều gọi là *"chư Phật"*, vì Viên Giáo Sơ Trụ có thể thị hiện tám tướng thành đạo. Chữ *"chư Phật"* chỉ bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Thiền Tông thường nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, có ý nghĩa này. Vị Phật cuối cùng…

(Sớ) Tịnh Quang giả.
(疏)淨光者。
*(**Sớ**: Tịnh Quang (Śuddharaśmi-prabhā)).*

Sáu vị trước đều biểu thị tu phước. Trong tu phước, Vô Lượng Thọ Phật biểu thị trường thọ, Vô Lượng Tướng Phật biểu thị phú quý, Vô Lượng Tràng Phật biểu thị địa vị cao vời, hiển hách, Đại Quang Phật biểu thị đầy đủ đại trí huệ. Đại Minh Phật biểu thị xử sự, đãi người, tiếp vật đều tuân theo lý tánh, chẳng phải là cảm tình. *"Lý tánh"* là trí huệ, tức là lý trí nắm quyền, chẳng có tâm riêng tư. Bảo Tướng Phật biểu thị lòng tôn trọng, sùng kính, ngưỡng mộ của chúng sanh đối với Ngài, đều là biểu thị phước đức. Vị Phật cuối cùng dạy chúng ta phương pháp tu phước, phải tu đại phước đức như thế nào? Phải tịnh, phải quang. Tâm phải thanh tịnh, tâm địa quang minh; thanh tịnh quang minh, quý vị bèn có thể tu đại phước báo. Tu phước báo hết sức khó khăn!

Sáng nay có người đến phỏng vấn tôi, người ấy muốn làm máy niệm Phật, muốn dùng băng thâu tiếng niệm Phật của Đồ Thư Quán chúng ta để làm băng gốc chế máy niệm Phật. Đó là chuyện tốt đẹp. Người ấy kể: Trong quá khứ đã từng làm những tấm cạc (card) nhỏ in hình Phật, thần chú Lăng Nghiêm, hoặc làm tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, làm những thứ nho nhỏ có thể đeo trên thân. Người ấy làm rất nhiều. Sau đấy mới nói đến chuyện bản quyền, vì bọn họ tốn nhiều công sức thiết kế, cũng mong trong tương lai chính mình có bản quyền, chẳng cho phép kẻ khác làm nhái theo. Tôi bảo người ấy: "Ông làm kiểu đó, phước báo rất nhỏ. Ông chỉ có thể kiếm lợi một chút". Tôi nhắc nhở người ấy, nói: Ông hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn. Chúng sanh trong lục đạo, kể cả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, phước báo là nhất định. *"Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn"*. Ông vắt óc suy

nghĩ, rất thông minh, rất có phương pháp, kiếm tiền khá lắm. Thật ra [tiền ấy] đã được định sẵn trong mạng. Trong mạng chẳng có thì một đồng ông cũng chẳng kiếm được! Oan uổng quá! Hằng ngày luôn tính toán, tính đến nỗi hết sạch một chút phước báo tu được trong đời trước. Phước báo do đâu mà có? Đức Phật đã dạy chúng ta rất rõ ràng, Phật chẳng gạt người! Của cải là do tài bố thí mà có. Tiền bạc, vật chất trong một đời này là do đời quá khứ tu tài bố thí, đời này được quả báo. Trong đời quá khứ chẳng tu tài bố thí, đời này quý vị sẽ bị bần tiện, khổ sở, chẳng có cách nào hết, chẳng tránh được! Bản lãnh lớn, trí huệ cao, vô dụng! Quý vị bần cùng thì vẫn phải bần cùng. Trước kia, thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ thật sự có trí huệ. Trong thời gian chiến tranh tại Đại Hàn, thầy rất tự hào bảo tôi: *"Một mình tôi tối thiểu có thể chống lại binh lực của mười sư đoàn"*. Thầy có đầu óc, có trí huệ! Nhưng như thế nào? Vẫn là một vị giáo viên nghèo túng, sống qua ngày bằng tiền lương, chẳng đủ tiền mua sách! Đấy là vì đời trước thầy tu huệ, chẳng tu phước. Thầy rất thông minh, chẳng có phước báo, cuộc sống rất kham khổ. Vì thế, muốn có của cải, hãy tu tài bố thí. Muốn thông minh, trí huệ, hãy tu pháp bố thí. Muốn khỏe mạnh, sống lâu, hãy tu vô úy bố thí. Đức Phật dạy chúng ta, ba thứ phước báo do như vậy mà có!

Quý vị làm ra những thứ ấy đúng là có công đức, giúp cho bao nhiêu người niệm Phật được lợi ích, nhưng sở hữu bản quyền thì công đức mất sạch, toàn bộ đều bị gột sạch, biến thành phước báo nhỏ tí tì ti! Chút phước báo ấy chẳng phải là do đời này, mà là do đời trước tu thành, đời sau có phước báo hay không? Đời sau chẳng có phước báo! Không chỉ là chẳng có phước báo, nay tôi nói lời thật, quý vị nghe xong sẽ sợ hãi. Chuyện là như thế nào? Quý vị còn mắc tội lỗi, tội lỗi gì vậy? Buôn bán Như Lai! Những thứ thuộc về Phật pháp thì phải để lợi ích trọn khắp hết thảy chúng sanh, quý vị cướp đoạt lấy, chiếm giữ để làm của riêng mình, đem ra mua bán, quả báo là ở trong địa ngục A Tỳ, quý vị nói xem có đáng thương lắm không? Tôi nói lời này chẳng phải là hù dọa quý vị, tôi nói lời chân thật. Trong tương lai, quý vị đọa vào địa ngục, tới khi ấy bèn trách móc: "Thuở đó, tôi gặp pháp sư Tịnh Không, ông ta chẳng nói với tôi, hại tôi khổ sở ngần ấy!" Tôi đã bảo quý vị, tôi nói lời thật cùng quý vị. Quyết định chớ nên *"giữ bản quyền sở hữu, tái bản sẽ bị truy cứu trách nhiệm"*. Hai câu ấy là chứng cớ tội trạng để vua Diêm La phán quý vị đọa địa ngục. Chẳng có cách nào chống lại chứng cớ gây tội ấy! Vì thế, hết sức nghiêm trọng. Vì sao chẳng mở rộng tâm lượng? Làm

một đệ tử Phật thật sự, giúp Phật lưu thông đại pháp, lợi ích chúng sanh, phước báo sẽ chẳng cùng tận. Vì thế, người ấy làm [như vậy] chẳng ít năm, mà tướng mạo cũng chẳng tốt đẹp, khí sắc cũng chẳng tốt đẹp, thân thể cũng lắm bệnh tật. Tôi nói: "Ông tu hành có vấn đề, đã đâm vào lối rẽ. Thật sự tu hành đúng pháp, hiện tiền sẽ đạt được quả báo tốt đẹp, tướng mạo nhất định là mỗi năm một tốt hơn, mỗi năm thân thể một khỏe mạnh hơn, mặt mũi hồng hào. Phải nên là như vậy thì mới là đúng, [vì] ông đã làm nhiều chuyện tốt đẹp dường ấy mà! Có thể thấy là những gì ông đã làm chẳng phải là chuyện tốt đẹp, phải biết điều này!" Vì thế, tâm địa phải thanh tịnh, phải quang minh, cũng là phải có lý trí, phải có trí huệ và lý tánh thì quý vị mới có thể thật sự tu được phước báo!

Ông ta nhìn đạo tràng của chúng ta, nói đạo tràng của chúng ta chẳng đáng kể. Tôi nói: "Chúng tôi kiến lập đạo tràng từ năm Dân Quốc 68 (1979), không ngừng phát triển mở rộng, phát triển cho tới tình trạng như hiện thời. So với các đạo tràng khác, chúng tôi thua kém xa [về quy mô vật chất nguy nga, tráng lệ]. Đạo tràng của chúng tôi chẳng chèo kéo tín đồ, không ép người khác quyên tiền. Chúng tôi bảo vệ một nguyên tắc: 'Đạo tràng nhỏ, chi tiêu ít, tâm an thoải mái!' Chúng tôi đi theo con đường chánh đáng. Có dư sức thì thay mọi người tu phước, chúng tôi in kinh bố thí, làm hết thảy sự nghiệp Phật giáo, thay mọi người tu phước. Người ta tặng tiền nhiều bèn làm nhiều, ít tiền bèn làm ít, chẳng có tiền thì không làm! Không làm là tốt nhất! Khi không làm, chúng tôi chẳng có chuyện gì để làm, hằng ngày niệm A Di Đà Phật, rất tốt! Chúng tôi giữ vững nguyên tắc này, cho nên chẳng mong phát triển [cơ sở vật chất đồ sộ], tâm an thoải mái, cuộc sống hết sức hạnh phúc, hết sức vui sướng, chẳng gánh lấy nhân quả!"

(Sớ) Phật đức thanh tịnh, phát quang minh cố. Hựu kỳ quang thanh tịnh, danh Tịnh Quang cố.

(Sao) Thanh tịnh phát quang giả, hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang.

(Diễn) Hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang giả. Ngoại đạo tà trí, Nhị Thừa thiên trí, giai vô minh vi Thể, bất phát diệu quang. Phật nãi ngũ trụ cứu tận, tịnh cực quang thông đạt dã.

(疏)佛德清淨，發光明故。又其光清淨，名淨光故。

(鈔)清淨發光者，有染之智，不發妙光。

(演)有染之智。不發妙光者。外道邪智。二乘偏智。皆無明為體。不發妙光。佛乃五住究盡。淨極光通達也。

*(**Sớ**: Phật đức thanh tịnh, nên phát ra quang minh. Quang minh ấy lại thanh tịnh nên gọi là Tịnh Quang.*

***Sao**: "Do thanh tịnh nên phát ra quang minh": Trí bị nhiễm sẽ chẳng phát ra diệu quang.*

***Diễn**: "Trí bị nhiễm sẽ chẳng phát ra diệu quang": Trí tà vạy của ngoại đạo và trí lệch lạc của Nhị Thừa đều dùng vô minh làm Thể, chẳng phát ra diệu quang. Phật đã thấu suốt tột cùng Ngũ Trụ, tịnh đến cùng cực, quang minh bèn thông đạt).*

"Hữu nhiễm chi trí" là gì? *"Nhiễm"* (染) là vọng tưởng, phiền não. Nói cách khác, vọng tưởng chẳng phá, phiền não chẳng đoạn. Phiền não là tham, sân, si, mạn, chẳng đoạn những ý niệm ấy, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Trí huệ từ tâm sanh ra. Trí huệ sanh từ cái tâm, trí huệ sanh từ [trong cái tâm] chẳng thanh tịnh sẽ là tà trí huệ, chẳng phải là chánh trí huệ, chẳng phải là chân trí huệ. Tà trí huệ cũng có thể gạt người, cũng có thể khởi tác dụng rất lớn. Chúng tôi thường nói: *"Tin tà, chẳng tin chánh; nghe lừa, chẳng nghe khuyên"*. Tà trí cũng có thể mê hoặc kẻ khác nhất thời, nhưng rốt cuộc sẽ bị vạch trần, tới cuối cùng bị người ta phát hiện là họ đang bị lừa, bị gạt gẫm, họ sẽ giác ngộ, sẽ quay đầu, sẽ xa lìa! Vì thế, hễ là tà tri kiến thì sẽ chẳng thể tồn tại lâu dài. Mắc hại cạn hay sâu, nói thật ra, có liên quan tới sự ngu mê của kẻ ấy. Bị hại nông cạn bèn giác ngộ, quay đầu, đấy là kẻ thông minh, có thiện căn. Chấp mê chẳng ngộ, đó là kẻ mê muội sâu xa, chẳng có thiện căn, nghiệp chướng sâu nặng. Do vậy có thể biết, trong giáo hóa, vì sao Phật pháp coi trọng đoạn phiền não như vậy, đạo lý ở ngay chỗ này! Tứ Hoằng Thệ Nguyện dạy chúng ta thứ tự trong tu học; trước hết là phải *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Sau khi đã đoạn phiền não thì mới học pháp môn. *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Đoạn phiền não, học pháp môn, giới hạn ở chỗ nào? Phải đoạn phiền não đến trình độ nào thì mới có thể học pháp môn? Nói theo tiêu chuẩn trong kinh Đại Thừa, hãy quên đi ý niệm học pháp môn trong một đời này. Vì sao? Chẳng thể nào đạt tới. Khuôn mẫu trong kinh Đại Thừa là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm. Thiện Tài đồng tử đắc Căn Bản Trí trong hội của Văn Thù Bồ Tát. Căn Bản Trí là gì? Là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là gì? Đoạn hết Kiến Tư phiền não thì mới có tư cách ra ngoài tham

học. Thật sự đoạn hết phiền não, đi tham học sẽ là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, giới hạn ở chỗ ấy. Chẳng đoạn hết Kiến Tư phiền não, chẳng có tư cách đi tham học. Nếu quý vị đi tham học, sẽ học được toàn là tà tri tà kiến. Vì sao? Quý vị chẳng đoạn Tam Độc phiền não, nhào trộn lẫn lộn, biến chánh kiến thành tà kiến, quý vị sẽ nghĩ sai lời Phật, sẽ hiểu sai bét ý nghĩa, vận dụng sai be bét, với tình hình như vậy quý vị thường là chẳng tránh khỏi tạo tội nghiệp. Đây là nói đến tiêu chuẩn chân chánh do kinh Hoa Nghiêm đã dạy; nhưng lũ phàm phu bình phàm chúng ta xác thực là chẳng thể đạt tới tiêu chuẩn này. Chẳng đạt tới tiêu chuẩn thì làm như thế nào? Do vậy, người đời sau lại hạ thấp tiêu chuẩn này; nói thật ra, hạ đến mức thấp nhất, hạn độ thấp nhất cũng là Tiểu Thừa Sơ Quả. Tiểu Thừa Sơ Quả phải đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tiêu chuẩn ấy đã bị hạ thấp quá nhiều! Từ Tiểu Thừa Tứ Quả giáng xuống Sơ Quả. Nếu đã nói đến Tứ Quả Tứ Hướng, [đặt ra tiêu chuẩn là Tiểu Thừa Sơ Quả] tức là đã hạ thấp xuống bảy tầng cấp, không thể hạ thấp hơn được nữa, có thể miễn cưỡng học điều này! Nhưng đối với tiêu chuẩn ấy, trong một đời này, chúng ta vẫn chẳng làm được, nói thật thà đấy nhé!

Chúng ta muốn nghiên cứu giáo pháp, làm như thế nào? Đúng là chẳng có cơ hội. Trước kia, chúng tôi theo thầy Lý học giảng kinh ở Đài Trung. Chúng tôi đâu có giảng kinh! Chẳng phải là giảng kinh, mà là gì? Giảng chú giải! Hoàn toàn nương theo chú giải của cổ nhân để giảng. Cổ nhân viết chú sớ bằng Văn Ngôn, chúng tôi dịch sang văn nói Bạch Thoại, [giảng chú giải] tức là dịch chú giải của cổ nhân [từ Văn Ngôn sang tiếng Bạch Thoại] trên giảng đài! Nếu giảng trật là do cổ đức chú giải sai, là chuyện của các Ngài, chẳng liên quan gì đến chúng tôi, chúng tôi làm công tác phiên dịch mà thôi! Lão nhân gia dạy chúng tôi học giảng kinh phải dùng thái độ như vậy thì sẽ chẳng có lầm lỗi, vì sao? Chúng tôi chẳng thể đoạn phiền não, chưa thể khai ngộ. Tôi dạy mọi người đọc kinh, bắt đầu học Phật thì trước hết hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn lần. Có kẻ nghe xong, hiểu lầm ý nghĩa, bảo: "Pháp sư Tịnh Không dạy người ta niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn lần sẽ khai ngộ". Tôi chẳng hề nói lời ấy, chính kẻ đó hiểu lầm ý nghĩa. Nói thật ra, tôi dạy người khác niệm ba ngàn lần, chắc chắn là chẳng khai ngộ. Chẳng khai ngộ, cớ sao niệm ba ngàn lần? Ba ngàn lần nhằm thâu hồi cái tâm, ý nghĩa ở chỗ này. Tâm chúng ta tán loạn quá mức, niệm kinh ba ngàn lần để thâu liễm, thâu hồi cái tâm. Nói cách khác, giúp cho tâm quý vị thanh

tịnh. Chưa thể đạt tới tiêu chuẩn thanh tịnh, nói chung là chúng ta đang tu tập. Nếu tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh đòi hỏi sáu mươi điểm, nay chúng ta có tối thiểu năm điểm hoặc mười điểm, nói chung, chẳng phải là không có điểm nào, mà là có được mấy điểm, có ý nghĩa như thế đó! Sau khi tâm đã thâu liễm, niệm Phật hiệu sẽ dễ có cảm ứng, mà cũng dễ đắc lực, mục đích ở chỗ này! Vì thế, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm ý nghĩa.

"Tịnh" là hết sạch phiền não, *"Quang"* là trí huệ hiện tiền. Phiền não tiêu, trí huệ tăng trưởng. Diệt một phần phiền não, tăng trưởng một phần trí huệ. Nói cách khác, phiền não tăng trưởng một phần, trí huệ giảm bớt một phần; phiền não giảm một phần, trí huệ tăng trưởng một phần. Đấy là lý do vì sao đức Phật coi trọng chuyện đoạn phiền não như thế ấy. *"Nhiễm"* là phiền não, *"hữu nhiễm chi trí"* chẳng đáng coi là quý, chúng ta cũng chẳng cần giữ lấy nó, nhất định phải là trước hết đoạn phiền não, tu tâm thanh tịnh, tu bình đẳng, đó là điều trọng yếu. Thật sự đạt tới thanh tịnh, bình đẳng, sau đó sẽ nhất định là có giác, giác ấy là trí huệ. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã phô rõ cho chúng ta thấy chuyện này.

(Sao) Phật đức chí tịnh.

(鈔)佛德至淨。

*(**Sao**: Phật đức thanh tịnh tột bậc).*

Tâm Phật thanh tịnh đến cùng cực.

(Sao) Xuất đại quang minh, thí như kính thể thanh tịnh, năng giám hình cố.

(鈔)出大光明，譬如鏡體清淨，能鑑形故。

*(**Sao**: Tỏa đại quang minh, ví như do thể của gương là thanh tịnh, nên có thể chiếu soi hình tướng).*

Sánh ví [tâm] như một tấm gương. Tấm gương sạch làu, chẳng có mảy may ô nhiễm nào. *"Giám"* (鑑) là chiếu, chiếu bên ngoài rõ ràng rành mạch.

(Sao) Kỳ quang thanh tịnh giả, thí như dã thiêu, diệc hữu quang minh, tỷ chi nhật nguyệt, bất danh tịnh cố.

(鈔)其光清淨者，譬如野燒，亦有光明，比之日月，不名淨故。

*(**Sao**: "Quang minh ấy thanh tịnh": Ví như đốt rẫy, cũng có quang minh, nhưng so với mặt trời, mặt trăng thì [quang minh ấy] chẳng thể gọi là tịnh được).*

Lửa cháy đồng hoang thiêu núi cũng có quang minh, cũng có ánh lửa, nhưng quang minh ấy chẳng thanh tịnh. Trong quang minh ấy có ô nhiễm, có rất nhiều bụi bặm trong đó, chẳng thanh tịnh như quang minh của mặt trời, mặt trăng.

Vị Phật này biểu thị cương lãnh trọng yếu trong tu hành: Phải dùng cái tâm thanh tịnh, phải dùng trí huệ thì mới có thể tu phước. Chẳng có trí huệ, phước tu được là giả, người ấy đã thấy sai mất rồi! Hôm nay, có một vị cư sĩ đến hỏi tôi. Vì thân thể ông ta không khỏe, thường bị bệnh, gặp phải tai nạn, có người khuyên ông ta lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, làm đàn Thủy Lục, ông ta đều làm cả. Ông ta hỏi tôi: Ông ta đã thực hiện khá nhiều phương pháp để tiêu tai, nhưng chẳng tiêu tai được. Nhà Phật thường nói *"tiêu nghiệp chướng"*, tôi hỏi ông ta: Nghiệp chướng là gì? Ông ta chẳng thốt nên lời! Chúng ta học Giáo đã nhiều năm như thế, chớ nên chẳng hiểu rõ! Nghiệp là gì? Đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự. Sự sau khi đã làm xong, kết quả của nó là Nghiệp. Học hành trong nhà trường, học xong, đã tốt nghiệp. Khi còn chưa tốt nghiệp, ngay trong lúc đang học tập trong trường, quý vị thấy tập vở, vở bài tập, đứa học trò ấy đang tạo nghiệp. Nghiệp tạo xong, tốt nghiệp, rời khỏi nhà trường, vào xã hội lại bắt đầu tác nghiệp. Trong nhà trường có vở bài tập rất rõ ràng, quý vị hằng ngày làm những nghiệp gì, đặt chân vào xã hội, tuy chẳng có tập vở, chẳng ghi chép, nhưng trong A Lại Da Thức đã ghi từng khoản một, giống như nhập hết dữ liệu vào computer, chẳng sót một khoản nào! Quý vị hằng ngày đang tạo nghiệp, khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, miệng nói năng là tạo nghiệp, hết thảy động tác nơi thân thể là tạo nghiệp, thân miệng ý đều đang tạo nghiệp. Nghiệp có thiện, có ác, có vô ký, tạo thiện nghiệp có thiện quả, tạo ác nghiệp có ác báo, đó là nghiệp. Nếu chúng ta muốn tiêu nghiệp chướng, đương nhiên là chẳng thể nào tiêu thiện nghiệp, nói chung là phải tiêu trừ nghiệp chướng của ác nghiệp. Hiểu rõ điều này, quý vị lạy Lương Hoàng Sám, sau khi lạy xong, có phải là chẳng có ác niệm nào hay không? Nếu như sau khi đã lạy xong Lương Hoàng Sám, chẳng có ác

niệm nào, nói chuyện với người khác, chẳng nói một câu dơ bẩn hay bại hoại nào, quý vị đã thật sự tiêu nghiệp! Nếu lạy xong, trong tâm vẫn dấy vọng tưởng, vẫn luôn nghĩ chuyện lợi mình tổn người, nghiệp của quý vị chẳng thể tiêu được. Không chỉ là chẳng thể tiêu trừ, mà nghiệp còn tăng trưởng, vì sao? Đã bái Lương Hoàng Sám, tốn nhiều tiền dường ấy, tốn tinh thần lắm ngần ấy, ta chẳng tiêu nghiệp chướng được, [bèn nghi ngờ sám pháp] chẳng linh, ngay cả Phật, Bồ Tát cũng đều bị chê trách, chẳng phải là tội nghiệp nặng thêm hơn ư? Ngu si đấy mà!

Sau khi đã thật sự hiểu rõ thì mới thật sự biết một câu A Di Đà Phật đúng là đã tiêu trừ nghiệp chướng của chúng ta. Trong tâm chúng ta khởi một ác niệm, [bèn niệm] A Di Đà Phật để chèn ép ác niệm ấy, [khiến cho] cái tâm bình lặng. Nói một lời xấu xa bèn "A Di Đà Phật", chèn ép lời nói xấu xa ấy, đó là thật sự tiêu trừ nghiệp chướng. Lâu ngày chầy tháng, trải qua nửa năm, một năm, hai năm, ba năm, đúng là ác niệm ít đi, hành vi ác ít đi, thiện niệm tăng trưởng, hành vi thiện tăng trưởng, đó là hiệu quả thật sự. Vì thế, tu phước, tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng có trí huệ, chẳng thể nào tu được phước báo thật sự.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh thanh tịnh bất khả tận, thị Tây phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Diễn) Tự tánh thanh tịnh giả, dĩ tánh ly hoặc nhiễm, tùng bổn dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp bất tương ứng cố.

(疏)稱理，則自性清淨不可盡，是西方恆沙佛義。

(演)自性清淨者。以性離惑染。從本以來。一切染法不相應故。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh thanh tịnh chẳng thể tận, là ý nghĩa của Hằng sa Phật ở Tây phương.*

***Diễn**: "Tự tánh thanh tịnh": Do tánh lìa Hoặc nhiễm, trước nay vốn chẳng tương ứng với hết thảy các nhiễm pháp).*

Ý nghĩa của Tây Phương đã được nói trong phần trước.

(Sao) Tây Phương nghĩa kiến tiền giải, lương dĩ Chân Như tự thể, trạm nhược hư không, tuyệt điểm thuần thanh, tằng hà nhai tế.

(Diễn) Trạm nhược hư không giả, như thật không trung, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, vô hư vọng tâm niệm cố, tằng hà nhai tế giả. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến cố.

(鈔)西方義見前解，良以真如自體，湛若虛空，絕點純清，曾何涯際。

(演)湛若虛空者。如實空中。離一切法差別之相。無虛妄心念故。曾何涯際者。離念相者。等虛空界。無所不遍故。

*(**Sao**: Đối với ý nghĩa của Tây Phương, hãy xem lời giải thích trong phần trước, ấy là vì tự thể của Chân Như lặng trong như hư không, thuần thanh tột bậc, chẳng hề có ngằn mé.*

***Diễn**: "Lặng trong như hư không": Trong cái Không như thật, lìa tướng sai biệt của hết thảy các pháp, do chẳng có tâm hư vọng, há từng có ngằn mé ư? Lìa tướng niệm, bằng với hư không giới, không gì chẳng trọn khắp vậy).*

"Nhai tế" (涯際) là rộng lớn chẳng có ngằn mé.

(Sao) Tiêm trần sạ khởi.

(鈔)纖塵乍起。

*(**Sao**: Mảy trần vừa dấy lên).*

Mảy may trần duyên mới vừa dấy lên.

(Sao) Phật diệt đa thời.

(鈔)佛滅多時。

*(**Sao**: Thì Phật đã diệt từ lâu).*

Phật là giác tánh; một vọng niệm dấy lên, giác tánh liền mê mất.

(Sao) Tâm cấu đốn trừ, cổ Phật tùy hiện.

(鈔)心垢頓除，古佛隨現。

*(**Sao**: Chất dơ trong tâm vừa trừ, cổ Phật liền hiện).*

"Cổ Phật" là tự tánh, là con người thật sự của chính mình. Chỉ cần tâm thanh tịnh, thanh tịnh đến tột bậc, giống như tỷ dụ ở chỗ này, *"tuyệt điểm thuần thanh"* [nghĩa là] thanh tịnh đến cùng cực, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên công đức trong tự tánh thảy đều hiện

tiền. Thành Phật là thành vị Phật nào vậy? Tự tánh Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*, thành vị Phật vốn sẵn có. Xin hãy xem kinh văn.

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn, nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này").*

Ý nghĩa này giống như trong phần trước. Mỗi lần chúng tôi đọc đoạn kinh văn này đều bị cảm động rất sâu. Đức Phật đối với chúng ta vô tận từ bi, ban cho chúng ta lời khuyên chân thành trung thực nhất, chúng ta nhất định phải tin tưởng, chẳng cô phụ sự hộ niệm của đức Phật dành cho chúng ta.

Tập 265

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm ba mươi chín:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới, hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Diệm Kiên giả, giải kiến tiền văn.

(Sao) Tiền hữu Đại tự, nghĩa vô ưu liệt.

(經)舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恆河沙數諸佛。

(疏)燄肩者。解見前文。

(鈔)前有大字。義無優劣。

*(**Kinh**: Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, Hằng hà sa số chư Phật như thế.*

***Sớ**: "Diệm Kiên" xem lời giải thích trong phần trước.*

***Sao**: [Danh hiệu của vị Phật] trong phần trước có chữ Đại, [trong đoạn này không có], nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém).*

Đây là phương Bắc trong sáu phương Phật. Đối với phương Bắc, nêu ra đức hiệu của năm vị Phật nhằm biểu thị Hóa Tha (hóa độ người khác). Sau khi đã trọn đủ phước huệ thì mới có thể thật sự thực hiện viên mãn hoằng nguyện do đức Phật đã phát trong khi còn tu nhân. Như chúng ta học Phật, cũng như chư Phật trong khi tu nhân đã phát nguyện, đó là [phát nguyện bằng] chân tâm hay giả tâm, chúng ta tạm thời chẳng bàn đến. Như trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, nói thật ra, bốn nguyện đó quy kết thành một nguyện này, ba nguyện sau đều nhằm viên mãn một nguyện [đầu tiên] này mà phát. Do đó, trong bốn nguyện, nguyện thứ nhất là chủ chốt, là trọng yếu nhất. Nguyện thứ nhất, nói thật ra, cũng là một sức mạnh thúc đẩy chư Phật viên thành Phật đạo. Chúng ta biết người thế gian hằng ngày siêng năng nỗ lực làm việc, sức mạnh nào thúc đẩy họ? Quy nạp lại, chẳng ngoài sức mạnh *"danh lợi"*. Chẳng phải vì danh thì là vì lợi. Nếu danh lẫn lợi đều chẳng có, tôi nghĩ tuyệt đối là họ sẽ chẳng muốn làm việc! Chư Phật, Bồ Tát danh lẫn lợi đều chẳng cần, thảy đều bỏ hết, sức mạnh nào thúc đẩy khiến cho các Ngài tinh tấn, nỗ lực, hăng hái, chẳng biếng nhác? Do chính nguyện này! Do vậy có thể biết: Bồ Tát phát tâm tự hành (chính mình tu hành), phát tâm hóa độ kẻ khác, đều do nguyện thứ nhất này [thúc đẩy]. Cho đến phát tâm mong thành Phật đạo vẫn nhằm thỏa mãn nguyện thứ nhất. Vì nếu Bồ Tát chẳng thành Phật đạo, dẫu thuộc địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể hóa độ Đẳng Giác Bồ Tát, [bởi lẽ] địa vị và trình độ của các Ngài như nhau. Nhất định là phải thành Phật thì mới có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát, mới có thể độ hết thảy chúng sanh tới mức rốt ráo viên mãn. Do vậy, nhất định là trí huệ và phước đức đều viên mãn; khi ấy, sẽ rộng độ chúng sanh.

Đối với Phật pháp, độ sanh là sự nghiệp. Nói theo cách hiện thời, *"độ"* (度) là giúp đỡ, hiệp trợ họ, giúp họ lìa khổ được vui. Trong các nỗi khổ của tam giới, có hai loại sanh tử: Một loại là Phần Đoạn sanh tử, loại kia là Biến Dịch sanh tử, hai nỗi khổ ấy! Thoát khỏi tam giới, từ

Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán trở lên, chẳng còn có Phần Đoạn sanh tử trong tam giới. Tuy đã vượt ra ngoài tam giới, mãi cho đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn còn có Biến Dịch sanh tử. Nói cách khác, các Ngài sung sướng hơn chúng ta nhiều lắm, nhưng chẳng phải là đã đạt đến rốt ráo, chẳng phải là viên mãn. Nhất định là phải giúp chúng sanh viên thành Phật đạo thì sự lìa khổ ấy mới là lìa đến rốt ráo, "được vui" mới đạt đến viên mãn. Chư vị ngẫm xem: Muốn giúp chúng sanh thành Phật, mà chính mình chẳng thành Phật, làm thế nào được? Chẳng có lẽ ấy! Chính mình nhất định phải thành Phật!

Cũng có lẽ mọi người từng nghe nói: *"Chính mình chưa độ, đã độ chúng sanh trước; đấy là Bồ Tát phát tâm"*. Giống như Địa Tạng Bồ Tát, chính mình chưa thành Phật, đã độ chúng sanh đều thành Phật, lão nhân gia vẫn là Bồ Tát. Chúng ta có thể học theo chuyện ấy hay chăng? Rất nhiều người hiểu ý nghĩa trong kinh điển theo kiểu cắt xén chương đoạn, hiểu lệch lạc ý nghĩa của Phật, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát rất vĩ đại: Chính mình chưa thành Phật, mà đã độ chúng sanh trước, ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị có thể học nổi hay không? Địa Tạng Bồ Tát là hạng người nào? Đẳng Giác Bồ Tát! Nếu quý vị chứng đắc Đẳng Giác Bồ Tát bèn có thể học theo Địa Tạng Bồ Tát: *"Ta chẳng thành Phật, độ chúng sanh thành Phật trước. Chúng sanh chưa độ hết, ta thề chẳng thành Phật"*. Lời ấy do bậc Đẳng Giác Bồ Tát thốt ra. Chúng ta chẳng có tư cách! Nếu chúng ta chẳng thành Phật, sẽ phải đọa trong lục đạo luân hồi, sẽ đọa trong ba ác đạo. Đọa ba ác đạo, bản thân quý vị còn chưa giữ nổi, làm sao có thể độ người khác cho được? Vì thế, chớ nên hiểu cong vạy ý nghĩa trong kinh, chớ nên hiểu sai ý Phật.

Trên thực tế, Địa Tạng Bồ Tát đã sớm thành Phật, bất quá lão nhân gia chẳng muốn hiện hình tướng Phật mà thôi. Học trò đã thành Phật đông ngần ấy, lẽ đâu lão nhân gia vẫn chẳng thành Phật? Há có đạo lý ấy? Bất quá là Ngài chẳng biến ra hình dạng Phật, mà biến thành hình tướng Bồ Tát đó thôi! Người ta có năng lực thành Phật bất cứ lúc nào, chẳng muốn dùng thân Phật để hóa độ chúng sanh, vị đó gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta thật sự phát tâm học theo Địa Tạng Bồ Tát thì vẫn là phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước để gặp A Di Đà Phật. Sau khi đã chứng đắc viên mãn Bồ Đề trong thế giới Cực Lạc, bèn có thể bắt chước Địa Tạng Bồ Tát. Đấy là chánh xác, chẳng có vấn đề gì!

Kinh văn cho đến đoạn này, xét theo sự biểu thị pháp là chú trọng lợi ích chúng sanh. Danh hiệu của vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật.

Trong phần trước, đã từng nói về Đại Diệm Kiên Phật; ở đây, chúng ta chú trọng ý nghĩa biểu thị pháp. Kiên (肩) là hai vai, biểu thị ý nghĩa gánh vác: Vai chúng ta có thể gồng gánh được. Diệm (燄) là ngọn lửa, biểu thị ý nghĩa quang minh. Hai vai biểu thị Quyền Trí và Thật Trí. Có Quyền Trí và Thật Trí thì mới có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Sự nghiệp của chư Phật Như Lai là hoằng pháp lợi sanh. Bồ Tát có hai loại trí huệ ấy. Bồ Tát có tại gia và xuất gia; ở đây là tại gia lẫn xuất gia thảy đều được bao gồm. Vì thế, chư vị đồng tu học Phật phải biết: Không nhất định là phải xuất gia, tại gia Bồ Tát chứng đắc rất nhiều! Tại gia Bồ Tát thành Phật vô lượng vô biên. Chúng ta xem phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] trong năm mươi ba vị thiện tri thức[40], kể từ tỳ-kheo Đức Vân, tỳ-kheo Đức Vân đại diện cho hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Pháp Thân đại sĩ, mãi cho đến Phổ Hiền Bồ Tát, trong ấy [bao gồm] viên mãn bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Năm mươi ba địa vị Pháp Thân đại sĩ, thị hiện thân phận xuất gia chỉ có sáu vị, những vị khác đều là tại gia. Như vậy thì chúng ta có thể hiểu rõ: Tại gia Bồ Tát đông đảo, tại gia thành Phật và xuất gia thành Phật chẳng khác gì nhau!

Xuất gia chỉ có một chuyện là hoằng dương và hộ trì chánh pháp. Phật giáo là nền giáo dục của đức Phật, chúng ta phải tiếp nối, duy trì

---

[40] Theo Bát Thập Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri thức là: Tỳ-kheo Đức Vân, tỳ-kheo Hải Vân, tỳ-kheo Thiện Trụ, đại sĩ Di Già, trưởng giả Giải Thoát, tỳ-kheo Hải Tràng, ưu-bà-di Hưu Xả, tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa, bà-la-môn Thắng Nhiệt, đồng nữ Từ Hạnh, tỳ-kheo Thiện Kiến, đồng tử Tự Tại Chủ, ưu-bà-di Cụ Túc, cư sĩ Minh Trí, trưởng giả Pháp Bảo Kế, trưởng giả Phổ Nhãn, vua Vô Yếm Túc, vua Đại Quang, ưu-bà-di Bất Động, ưu-bà-di Biến Hành, trưởng giả Dục Hương, thuyền sư (thuyền trưởng) Bà Thi La, trưởng giả Vô Thượng Thắng, tỳ-kheo-ni Sư Tử Tần Thân, cô gái Bà Tu Mật Đa, cư sĩ Bệ Sắt Chi La, Quán Tự Tại Bồ Tát, Chánh Thú Bồ Tát, Đại Thiên Thần, địa thần An Trụ, chủ dạ thần Bà San Bà Diễn Đề, chủ dạ thần Phổ Đức Tịnh Quang, chủ dạ thần Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sanh, chủ dạ thần Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức, chủ dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải, chủ dạ thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành Tăng Trưởng Oai Lực, chủ dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thụ Hoa, chủ dạ thần Đại Nguyện Tinh Tấn Lực Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, chủ thần vườn Lâm Tỳ Ni là Diệu Đức Viên Mãn, cô gái Thích Ca Cù Ba, Phật mẫu Ma Da phu nhân, vương nữ Thiên Chủ Quang, đồng tử sư Biến Hữu, đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ, ưu-bà-di Hiền Thắng, trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát, trưởng giả Diệu Nguyệt, trưởng giả Vô Thắng Quân, bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh, đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức, Di Lặc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, và Phổ Hiền Bồ Tát.

nền giáo dục ấy. Muốn thúc đẩy, phát triển nền giáo dục ấy, nhất định là phải có nhân viên chuyên nghiệp để làm chuyện này, giống như mở trường học: Những vị đảm nhiệm vai trò giáo chức trong nhà trường là những người chuyên nghiệp, chẳng phải là chức trách kiêm nhiệm. Thúc đẩy nền giáo dục của đức Phật phát triển mạnh mẽ, duy trì nền giáo dục ấy, cũng ắt phải do nhân viên chuyên nghiệp tiến hành. Quý vị phát tâm chuyên môn tiến hành công việc này, theo đuổi "nghề nghiệp" ấy, bèn xuất gia. Nếu không, chẳng cần phải xuất gia, tại gia vẫn có thành tựu y hệt. Bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, đều là Bồ Tát, đều là Phật. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm thuần thục sẽ hiểu rõ, cũng biết: Chúng ta ở trong xã hội này, bất cứ nghề nghiệp nào, thân phận nào, làm loại Bồ Tát nào, đều có thể viên thành Phật đạo.

Hoằng dương và hộ trì Phật pháp đều lấy trí huệ cao độ làm cơ sở, cho nên là Diệm Kiên. Điều khẩn yếu nhất trong trí huệ là Thật Trí, đó là trí huệ chân thật. Kinh Bát Nhã nói *"Bát Nhã vô tri"*, cái *"vô tri"* ấy chính là Thật Trí, tức là trí huệ chân thật. Tâm Kinh đến cuối cùng nói: *"Vô trí mà cũng vô đắc"*. Đó là tinh hoa của Tâm Kinh, là trung tâm của một bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển. Vì vậy, vô tri là chân trí huệ. Nay chúng ta điều gì cũng không biết, có phải là có chân trí huệ hay không? Chẳng phải! Người ta rất dễ hiểu lầm ý nghĩa này, tưởng *"Bát Nhã vô tri"* thì chúng ta chẳng đọc sách mà cũng chẳng cần học hành. Đức Phật nói "chân trí huệ", chúng ta hiểu ý Phật theo kiểu đó, tức là đã hiểu sai bét ý Phật mất rồi! *"Vô tri"* là tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng sanh một niệm, trong tâm chẳng tồn tại một vật. Lục Tổ nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Đó là chân trí huệ, tâm thanh tịnh, thanh tịnh đến cùng tột. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là Quyền Trí. Kinh Bát Nhã nói Quyền Trí là *"không gì chẳng biết"*. Khi chẳng khởi tác dụng thì đúng là chẳng sanh một niệm, cho nên gọi là *"vô tri"*. Khi khởi tác dụng, bèn *"không gì chẳng biết"*. Nay chúng ta khi chẳng khởi tác dụng bèn vô tri, mà lúc khởi tác dụng cũng vô tri luôn, sai mất rồi! Diệm Kiên Phật biểu thị phải trọn đủ hai thứ trí huệ là Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí còn gọi là Căn Bản Trí, là Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí. Quyền Trí còn gọi là Hậu Đắc Trí, tức là Căn Bản Trí khởi tác dụng. Điều này cũng nhằm nói rõ: Toàn thể Phật pháp được kiến lập trên cơ sở trí huệ chân thật. Có trí huệ chân thật thì mới có thể tự độ, và mới có thể giúp đỡ người khác.

Vị Phật thứ hai là Tối Thắng Âm Phật (Vaiśvānaranirghōṣa). Phật pháp coi trọng nhất là khế cơ và khế lý. Diệm Kiên Phật trong đoạn

trước biểu thị sự Khế Lý, ở đây nói đến sự Khế Cơ. Chúng ta biết đức Phật thuyết pháp là nói tương ứng với căn cơ. Có thể suy ra: Đức Phật thuyết pháp trong thế giới phương khác nhất định sẽ chẳng giống những gì đã được nói trong thế giới Sa Bà của chúng ta. Vì sao? Căn cơ khác nhau. Căn tánh của chúng sanh trong thế gian này là Nhĩ Căn nhạy bén nhất. Trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát đã vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà chọn lựa pháp môn, Ngài chọn môn Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông. Ngài nói: *"Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn"* (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh tại nghe tiếng). Mắt thấy chẳng rõ ràng, tai nghe bèn rõ ràng. Đương nhiên là cũng có thiểu số ngoại lệ; có một ít người nghe chẳng rõ ràng, nhưng họ nhìn bèn thấy rất minh bạch. Có hạng người như vậy, nhưng là thiểu số. Đại đa số mọi người là Nhĩ Căn nhạy bén hơn Nhãn Căn. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sanh trong thế gian này bèn dùng âm thanh để thuyết pháp. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng viết văn chương, chẳng lưu lại tác phẩm nào cho hậu thế, toàn là diễn giảng. Kinh điển là sau khi đức Phật đã diệt độ, các đệ tử họp lại, ghi chép những lời đức Phật đã giảng trước kia thành văn tự, biên chép lại, soạn thành kinh điển. Do vậy, thuở đức Phật tại thế, [trong Phật giáo] chẳng có văn tự. Thuở Khổng lão phu tử tại thế dạy học, cũng dùng âm thanh làm Phật sự, cũng chẳng có sách vở. Bất quá, Khổng Tử còn có trước tác, viết này nọ, như phần Hệ Từ Truyện[41] trong kinh Dịch. Ngài còn lưu lại văn chương cho hậu thế, chứ Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có. Vị Phật thứ hai là nói về phương thức và phương pháp dạy học, nhất định là dùng âm thanh để làm Phật sự. Tối Thắng Âm (最勝音) là âm thanh thù thắng nhất. Âm thanh trong thế gian quá nhiều, hết thảy các âm thanh ấy đều chẳng có cách nào giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới. Dẫu âm thanh ấy dễ nghe cách mấy, đều chẳng thể gọi là Tối Thắng (thù thắng nhất). Vì thế, Tối Thắng Âm như Liên Trì đại sư giải thích ở đây chỉ là hình dung.

(Sớ) Tối Thắng Âm giả, Phật âm cực hảo, nhất thiết âm thanh vô năng cập cố.

(Sao) Phật hữu bát âm, nhất cực hảo âm, nhị nhu nhuyễn âm, nãi chí bát bất kiệt âm. Kim cứ cực hảo, dĩ thích tối thắng, diệc khả

---

[41] Kinh Dịch dùng chữ Truyện (傳) với ý nghĩa chú giải phần chánh kinh. Hệ Từ (繫辭) có nghĩa là lời lẽ gắn liền với từng quẻ một. Đây là phần chú giải tổng quan về toàn thể kinh Dịch, tương đương với phần Khái Luận trong các bộ chú giải sau này.

bát âm kiêm bị, cố danh Tối Thắng, tắc nhất thiết thiên, nhân, Thanh Văn, Bồ Tát sở bất năng cập dã.

(Diễn) Bát âm giả, nhất nhị như văn, tam hòa thích âm, tứ tôn huệ âm, ngũ bất nữ, lục bất ngộ, thất thâm viễn, bát như văn.

(疏)最勝音者，佛音極好，一切音聲無能及故。

(鈔)佛有八音。一極好音。二柔軟音。乃至八不竭音。今據極好。以釋最勝。亦可八音兼備。故名最勝。則一切天人聲聞菩薩所不能及也。

(演)八音者。一二如文。三和適音。四尊慧音。五不女。六不誤。七深遠。八如文。

*(**Sớ**: Tối Thắng Âm: Âm thanh của Phật hay đẹp tột bậc, hết thảy các âm thanh chẳng thể sánh bằng.*

***Sao**: Phật có tám âm, một là âm thanh tốt đẹp cùng cực, hai là âm thanh mềm mại, cho đến điều thứ tám là âm thanh chẳng cạn kiệt. Nay dựa trên [ý nghĩa] Cực Hảo để giải thích chữ Tối Thắng, mà cũng có thể dùng trọn cả tám loại âm thanh để giải thích. Vì thế, gọi là Tối Thắng, vì hết thảy người, trời, Thanh Văn, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng.*

***Diễn**: Tám âm: Điều thứ nhất và thứ nhì giống như trong lời Sao [đã chép], ba là âm thanh hòa hoãn, thích hợp, bốn là âm thanh trí huệ cao quý, năm là chẳng có âm hưởng nữ nhân, sáu là chẳng sai lầm, bảy là sâu xa, điều thứ tám giống như trong lời Sao).*

Âm thanh hay đẹp tột bậc mà nếu chẳng thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới, âm thanh hay đẹp tột bậc ấy cũng chẳng thể gọi là âm thanh thù thắng nhất. [Âm thanh thù thắng nhất] là gì? "*Âm*" (音) ở đây là âm thanh thuyết pháp, tức là dùng ngôn ngữ hoặc âm thanh để nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khiến cho chúng ta nghe xong sẽ hoảng nhiên đại ngộ, âm thanh ấy là mầu nhiệm. Âm thanh ấy đúng là thù thắng. Hết thảy các âm thanh trong cõi trời và nhân gian đều chẳng thể sánh bằng. Vì thế, Tối Thắng Âm là [âm thanh] thuyết pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, hết thảy các kinh điển, kể cả kinh Tiểu Thừa, đều nhằm giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới, đó là Tối Thắng Âm. Viết thành sách, sẽ là sách vở thù thắng nhất trong thế gian, chẳng có sách vở nào khác có thể sánh bằng! Sách ấy có thể giúp chúng ta thoát tam giới, tất cả hết thảy sách vở trong thế gian chẳng thể [giúp chúng sanh] thoát khỏi tam giới. Dẫu là các sách vở tôn

giáo, tối đa cũng chẳng qua là giúp cho chúng sanh đạt đến thiên đạo mà thôi. Tôn giáo cao cấp của Ấn Độ có thể giúp quý vị sanh lên Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát khỏi tam giới. Chỉ riêng Phật pháp là có thể giúp chúng ta thoát tam giới, liễu sanh tử, vĩnh viễn thoát luân hồi, đó là Tối Thắng Âm.

Chúng ta dùng những sách vở ấy để tu học, trong thời gian ngắn ngủi mấy chục mùa nóng lạnh, có thể thật sự đạt tới mục tiêu ấy hay không? Khó lắm! Khó ở chỗ nào? Chẳng phải là pháp môn khó khăn, đức Phật đã nói rất hay: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Vì thế, [khó khăn] chẳng do pháp môn, mà là do căn tánh của chúng sanh. Căn tánh của cổ nhân chẳng giống người hiện thời, căn tánh của người phương Đông chẳng giống người phương Tây. Thậm chí căn tánh của đồng bào Đài Loan chẳng giống căn tánh của đồng bào tại Đại Lục. Vì thế, đối với pháp môn, chẳng thể không chọn lựa! Đó gọi là *"pháp môn có khó, dễ"*. Khó hay dễ chẳng do bản thân pháp môn, mà là do căn tánh của chúng sanh khác nhau. Căn tánh có thù thắng hay kém cỏi. Do vậy, tu học còn có hiện tượng khó, dễ. Một pháp môn làm như thế nào để có thể bảo đảm hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật đạo? Đó là pháp thù thắng nhất trong các thứ thù thắng, là Tối Thắng Âm. Như vậy, chúng ta bèn hiểu rõ: Nguyên lai, Tối Thắng Âm chính là một câu danh hiệu *"Nam-mô A Di Đà Phật"*. Câu danh hiệu ấy chính là Tối Thắng Âm, trên có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới có thể độ chúng sanh trong địa ngục. Chỉ cần quý vị thật sự tin, thật sự nguyện, thật sự niệm, bèn thật sự vãng sanh, thật sự thấy Phật, thật sự bất thoái thành Phật. Kết quy lại, Tối Thắng Âm chính là *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, phải biết điều này. Trong lời chú giải có giải thích Phật có *"bát âm"*, chư vị tự xem. Chúng tôi chỉ nói đại ý, lời chú sớ kinh chẳng có ý ấy, cho nên tôi nói rõ cùng quý vị. Lại xem vị Phật kế tiếp:

(Sớ) Nan Trở giả, Phật đức kiên mật, bất khả hoại cố.

(Sao) Trở giả, thủy danh. Phật chứng Pháp Thân, dĩ đắc Kim Cang bất hoại chi thể, cánh vô dư Hoặc. Phiền não hoành lưu, mạc năng xung đãng. Cố viết Nan Trở. Tích nhân vị "Ngô kỳ chiểu hồ", nan trở giả, do ngôn bất khả chiểu dã. Hựu Trở trở thông dụng, chỉ át dã.

(Diễn) "Ngô kỳ chiểu hồ" giả, Tử Tư ngôn: "Việt thập niên sanh tụ, thập niên giáo huấn, nhị thập niên hậu, Ngô kỳ chiểu hồ".

Chỉ át giả, Phật chứng Pháp Thân, đắc vô tận tạng. Sở hữu thần thông, diệu dụng, bất khả chỉ át dã. Thượng nghĩa ước Thể, thử nghĩa ước Dụng.

(疏)難沮者，佛德堅密，不可壞故。

(鈔)沮者。水名。佛證法身。已得金剛不壞之體。更無餘惑。煩惱橫流。莫能衝蕩。故曰難沮。昔人謂吳其沼乎。難沮者。猶言不可沼也。又沮阻通用。止遏也。

(演)吳其沼乎者。子胥言。越十年生聚。十年教訓。二十年後吳其沼乎。止遏者。佛證法身。得無盡藏。所有神通妙用。不可止遏也。上義約體。此義約用。

*(**Sớ**: Nan Trở (Duṣpradharṣa) là Phật đức cứng chắc, kín đáo, chẳng thể phá hoại được.*

***Sao**: Trở[42] là tên một con sông. Phật chứng Pháp Thân, đã đắc cái thể kim cang bất hoại, chẳng còn sót phiền hoặc; dòng lũ phiền não chẳng thể dâng tràn được. Vì thế nói là Nan Trở. Người xưa nói: "Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?" Đó là ngăn trở vậy, ví như [can ngăn] chẳng để cho nước Ngô biến thành cái ao của họ. Chữ Trở (沮) và Trở (阻) lại được dùng lẫn cho nhau, [cùng có nghĩa] là ngăn dứt.*

***Diễn**: "Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?" Tử Tư[43] nói: "Nước Việt bồi dưỡng thực lực mười năm, trải qua mười năm giáo huấn,*

---

[42] Chữ Trở này có nhiều cách đọc (đúng ra, khi đọc tên sông hoặc họ người (như Thư Cừ Mông Tốn, vua nước Bắc Lương thời Ngũ Đại Thập Quốc) thì phải đọc thành Thư hoặc Tự, khi đọc thành âm Trở thì có nghĩa là ngăn trở. Trở Thủy là tên một con sông bắt nguồn từ tỉnh Hồ Bắc, chảy theo phía Đông Nam, đến Tương Dương bèn hợp lưu với sông Chương Thủy, tiếp tục xuôi về Nam đến Giang Lăng thì đổ vào Trường Giang (Dương Tử Giang). Con sông này hay gây lụt lội.

[43] Ngũ Viên, tự là Tử Tư, là tướng quốc nước Ngô thời Xuân Thu. Ông vốn là người nước Sở, cha là Ngũ Xa (giữ chức Thái Phó nước Sở). Ngũ Xa làm thái phó dạy học thái tử Kiến (con trai Sở Bình Vương Hùng Khí Tật). Về sau, Sở Bình Vương lấy Bá Doanh nước Tần làm thiếp thì say đắm Bá Doanh, lại nghe lời gièm pha của Phí Vô Cực, đày thái tử Kiến ra huyện Thành Phụ gần biên giới. Về sau, Phí Vô Cực vu cáo thái tử Kiến làm phản, Sở Bình Vương gọi Ngũ Xa đến hỏi ý. Do Ngũ Xa thẳng thắn khuyên can, ông bị vua bắt giam vào ngục, lại bị buộc viết thư gọi hai con là Ngũ Thượng và Ngũ Viên về Sở. Ngũ Viên khôn ngoan chẳng quay về, nên thoát nạn. Sau đó, vua Sở giết chết Ngũ Xa và Ngũ Thượng. Sau thời gian lưu lạc, có lúc phải đi ăn xin, ông đến nước Ngô được tướng quốc nước Ngô là công tử Quang tin dùng. Ông đã bàn mưu tính kế giúp công tử Quang chiếm ngôi, trở thành vua Ngô Hạp Lư

hai mươi năm sau, nước Ngô sẽ trở thành cái ao của họ ư?"[44] *"Ngăn dứt": Phật chứng Pháp Thân, đắc Vô Tận Tạng, tất cả thần thông diệu dụng, chẳng thể ngăn dứt được. Nghĩa trước là nói theo Thể, nghĩa này nói theo Dụng).*

Vị Phật này biểu thị sự hoằng dương và hộ trì chánh pháp, khá là chẳng đơn giản. Tục ngữ thường nói: *"Đạo cao một thước, ma cao một trượng"*; học Phật có thể thuận buồm xuôi gió, chẳng có ma chướng, tra khắp Đại Tạng Kinh, chẳng tìm thấy [có trường hợp tương tự như vậy]. Trong một đời thị hiện của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia, trong thì Tăng đoàn có Lục Quần Tỳ Kheo[45], hằng ngày nghịch phá, quấy rối, gây tiếng xấu cho Tăng đoàn, gây nên phiền phức, bên ngoài thì có chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Có thể thấy là vào thời ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật kiến lập Phật pháp khá khó khăn. Lịch đại tổ sư đại đức tu hành, hoằng dương, giáo hóa, có vị nào chẳng bị chướng ngại hay không? Tại Trung Hoa, [xét theo] sự hoằng dương và giáo hóa có sức ảnh hưởng lớn nhất, không ai hơn được Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài gặp thử thách: Sau khi đắc đạo, minh tâm kiến tánh,

---

sau này. Khi trở thành Tướng Quốc, ông đã đem quân Ngô về đánh Sở, chiếm cứ Dĩnh Đô, đào xác Sở Bình Vương lên đánh ba trăm roi để trả mối thù giết cha. Khi Hạp Lư chết trận, ông tiếp tục phù tá Phù Sai (con Hạp Lư) và đánh bại nước Việt nhằm báo thù nước Việt đã bắn trọng thương Hạp Lư trước đó. Phù Sai nghe lời xu nịnh của Bá Hy cho nước Việt giảng hòa, bắt Việt Vương Câu Tiễn sang làm nô lệ. Ngũ Tử Tư chủ trương diệt cỏ tận gốc, nhưng Phù Sai không nghe. Do thái tể Bá Hy gièm pha, Ngô Phù Sai buộc Ngũ Tử Tư tự tử, ông đã nói: "Hãy móc mắt ta treo trên cửa thành phía Đông để ta được thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô". Quả nhiên mười năm sau, Câu Tiễn diệt Ngô và bắt Phù Sai phải tự sát ngay, chứ không cho làm nô lệ, dù Phù Sai hết sức van xin.

[44] Đây là lời can gián vua Ngô Phù Sai của Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) sau khi vua Ngô đánh bại Việt Vương Câu Tiễn. Câu Tiễn bại trận, dùng tiền bạc mua chuộc các đại thần nước Ngô để xin được làm nô lệ tại nước Ngô mười năm ngõ hầu Ngô đừng diệt quốc nước Việt, chỉ biến Việt thành chư hầu. Tham đắm mỹ nữ và của cải dâng cống, cũng như nghe lời sàm nịnh của Bá Hy, Phù Sai đã chấp thuận để yên nước Việt. Ngũ Tử Tư cảnh tỉnh Phù Sai về hiểm họa Việt sẽ diệt Ngô trong tương lai bằng những lời lẽ trên đây.

[45] Đây là nhóm sáu vị tỳ-kheo thường kéo bè kéo đảng, quấy phá Tăng đoàn, làm những hành vi trái nghịch giới luật. Thật ra, họ thị hiện nghịch hạnh để đức Phật có dịp chế giới. Tên sáu người ấy là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Xiển Na (Chanda, còn phiên âm là Xa Nặc), A Thuyết Ca (Aśvaka), và Phất Na Bạt (Punarvasu).

Ngài hai mươi bốn tuổi. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đại sư truyền y bát cho Ngài, Ngài còn phải tới lánh nạn trong đội thợ săn, ẩn náu suốt mười lăm năm mới có thể rời khỏi, gặp bao nhiêu khổ nạn? Ma chướng nhiều lắm! Nay chúng ta gặp phải một chút trắc trở bèn ngã lòng, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Chư vị phải hiểu: Trong lẫn ngoài đều có ma chướng. Đối với các bạn tại gia học Phật, người nhà là ma chướng, [tức là] người trong nhà chướng ngại quý vị. Đối với người xuất gia học Phật, sư huynh, sư đệ trong Tăng đoàn chướng ngại quý vị, đó cũng là ma chướng, chẳng thể tránh né! Chúng ta phải đối phó như thế nào? Học theo Nan Trở Phật. Trở (沮) là ngăn trở, phá hoại. Thứ gì chẳng bị phá hoại? Tín tâm bất hoại, nguyện tâm bất hoại, hạnh tâm bất hoại. Chỉ cần ba điều Tín, Nguyện, Hạnh của quý vị bất hoại, quý vị bèn thành công.

Vị Phật này dạy chúng ta đừng sợ ma vương, ngoại đạo, chúng ta biết chúng nó tồn tại, luôn ở quanh chúng ta, thời thời khắc khắc kiếm chuyện, ngăn trở, chúng ta phải sử dụng trí huệ cao độ để thông đạt quyền biến: Nơi này chẳng suông sẻ thì còn có nơi khác để có thể đến. Ví như quý vị niệm Phật ở nhà, người nhà đều chán ghét, phản đối quý vị, [vậy thì] ta cần gì cứ chường ra dáng vẻ là người học Phật? Hãy gạt bỏ hình tướng, họ sẽ chẳng nhìn ra! Ta niệm Phật bèn niệm trong tâm, chẳng niệm ra miệng. Trong nhà cũng chẳng thờ tượng Phật, chẳng cần thắp hương; đối với quý vị, hết thảy đều tùy duyên. Học Phật kiểu ấy gọi là *"mật hạnh"*. Chúng ta công phu rất đắc lực, mà họ cũng chẳng có phiền não, khiến cho họ chẳng nhìn ra [quý vị đang dụng công]! Đối với mật hạnh, thuở đức Thế Tôn tại thế, con trai đức Thế Tôn là tôn giả La Hầu La hành mật hạnh. Ngài mang thân phận sa-di, suốt ngày từ sáng đến tối chơi đùa bên ngoài, người khác đều nói "đứa bé này chẳng dụng công". Thích Ca Mâu Ni Phật biết tôn giả dụng công trong tâm, tôn giả tu mật hạnh. Chúng ta phải nên học theo điều ấy. *"Bồ Tát ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ"*. Dẫu kẻ khác là yêu ma, quỷ quái, cũng khiến cho họ sanh tâm hoan hỷ, chẳng trở ngại công phu của chúng ta, không ảnh hưởng tín nguyện kiên định của chúng ta. Nan Trở Phật dạy chúng ta phương pháp này.

Vị thứ tư là Nhật Sanh Phật (Adityasambhava). Hết thảy tà ma ngoại đạo đều chẳng thể chướng ngại quý vị, quý vị đã thành tựu, sau đấy mới có thể đạt tới mức độ *"giáo học tương trưởng"* (dạy dỗ và học tập đều khiến cho chính mình và người khác được thêm tăng tấn), [khiến cho] chánh pháp tồn tại lâu dài. Nhật Sanh là tỷ dụ, giống như mặt trời

mọc từ phương Đông, quang minh chiếu trọn khắp.

(Sớ) Nhật Sanh giả, Phật quang sơ hiện, như nhật sơ thăng dã, kiêm nhị lợi thuyết.

(Sao) Nhị lợi giả. Nhất giả tự lợi, chúng sanh Bổn Giác, phú tại vô minh. Như đại dạ trung, nhật quang bất hiện. Phá Hoặc, hiển Trí, Thỉ Giác lãng chiếu, như nhật Đông sanh cố. Nhị giả lợi tha, Hoa Nghiêm nhị thập tam kinh vân: "Thí như nhật thiên tử, bất dĩ sanh manh bất kiến cố, ẩn nhi bất hiện. Bất dĩ Càn Thát Bà thành, A Tu La thủ, Diêm Phù Đề thụ, sùng nham, thúy cốc, trần, vụ, yên, vân đẳng vật phú chướng cố, ẩn nhi bất hiện. Bất dĩ thời tiết cải biến cố, ẩn nhi bất hiện". Dụ Phật thỉ thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang phổ chiếu, như nhật Đông sanh cố.

(Diễn) "Thí như nhật thiên tử" hạ, nhật luân phổ chiếu dụ dã. Dụ ngộ ác bất tức lợi ích. Kinh trung hợp pháp vân: Bất dĩ chúng sanh kỳ tánh tệ ác, tà kiến sân trược, nan khả điều phục, tiện tức khí xả, bất tu hồi hướng. Bất dĩ chúng sanh bất tri báo ân, thoái Bồ Tát hạnh. Bất dĩ phàm ngu cộng đồng nhất xứ, xả ly nhất thiết như thật thiện căn. Bất dĩ chúng sanh sổ khởi quá ác, nan khả nhẫn thọ, nhi ư bỉ sở, sanh bì yếm tâm. Thích viết: Tệ ác hợp sanh manh, tà kiến hợp Càn Thát Bà thành, linh nhân vọng vị vi thật cố. Sân trược hợp Tu La thủ, nhật vi Đế Thích tiên phong. Bỉ sân cố, phú chướng dã. Bất tri ân, hợp Diêm Phù thụ, sùng nham, thúy cốc. Phàm ngu cộng đồng nhất xứ, hợp trần, vụ, yên, vân. Dĩ vân vụ năng biến hư không, do bỉ phàm ngu đồng nhất xứ trụ cố. Chúng sanh sổ khởi quá ác, hợp thời tiết cải biến. Vị tần khởi quá thắc, sạ thiện, sạ ác, như bỉ trú dạ âm dương dịch độ đẳng.

(疏)日生者，佛光初現，如日初升也，兼二利說。

(鈔)二利者。一者自利。眾生本覺。覆在無明。如大夜中。日光不現。破惑顯智。始覺朗照。如日東生故。二者利他。華嚴二十三經云。譬如日天子。不以生盲不見故。隱而不現。不以乾闥婆城。阿脩羅手。閻浮提樹。崇巖邃谷。塵霧煙雲等物覆障故。隱而不現。不以時節改變故。隱而不現。喻佛始成正覺。說法利生。慧光普照。如日東生故。

(演)譬如日天子下。日輪普照喻也。喻遇惡不息利益。經中合法云。不以眾生其性弊惡。邪見嗔濁。難可調伏。便即棄捨。不修回向。不以眾生不知報恩。退菩薩行。不以凡愚共同一處。捨離一切如實善根。不以眾生。數起過惡。難可忍受。而於彼所生疲厭心。釋曰弊惡合生盲。邪見合乾闥婆城。令人妄謂為實故。瞋濁合修羅手。日為帝釋先鋒。彼嗔故覆障也。不知恩。合閻浮樹崇巖邃谷。凡愚共同一處。合塵霧煙雲。以雲霧能遍虛空。猶彼凡愚同一處住故。眾生數起過惡。合時節改變。謂頻起過忒。乍善乍惡。如彼晝夜陰陽易度等。

*(**Sớ**: Nhật Sanh: Phật quang vừa mới hiện, như mặt trời vừa mọc, nói kèm hai điều lợi.*

***Sao**: Hai điều lợi: Một là tự lợi. Bổn Giác của chúng sanh bị vô minh che lấp, như trong đêm sâu, ánh sáng mặt trời chẳng hiện. Phá phiền não, hiển lộ trí huệ, Thỉ Giác chiếu rạng ngời, như mặt trời mọc từ phía Đông. Hai là lợi tha. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ hai mươi ba chép: "Như nhật thiên tử (mặt trời) chẳng vì kẻ đui mù từ lúc lọt lòng không trông thấy bèn ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì các vật như thành Càn Thát Bà, tay A Tu La, cây Diêm Phù Đề, vách đá cao, hang sâu, bụi bặm, sương mù, khói, mây v.v... che ngăn, bèn ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì thời tiết biến đổi bèn ẩn mất chẳng hiện". Ví như đức Phật lúc vừa mới thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang chiếu trọn khắp, giống như mặt trời mọc từ phương Đông.*

***Diễn**: Từ câu "ví như nhật thiên tử" trở đi, ví như vầng mặt trời chiếu trọn khắp, sánh ví [chư Phật] dẫu gặp kẻ ác vẫn tạo lợi ích chẳng ngớt. Phối ứng [những tỷ dụ đã nói trong kinh Hoa Nghiêm] với những pháp được biểu thị bèn nói: Chẳng vì căn tánh của chúng sanh tệ ác, tà kiến, sân hận, dơ bẩn, khó thể điều phục rồi liền vứt bỏ họ, chẳng tu hồi hướng. Chẳng vì chúng sanh không biết báo ân mà lui sụt Bồ Tát hạnh. Chẳng vì ở chung với phàm ngu cùng một chỗ mà bỏ lìa hết thảy thiện căn như thật. Chẳng vì chúng sanh nhiều lượt phạm lỗi, tạo ác, khó thể chịu đựng, mà sanh tâm chán nhàm đối với họ. Giải rằng: "Tệ ác" ứng với kẻ mù từ lúc lọt lòng. "Tà kiến" ứng với thành Càn Thát Bà, do nó khiến cho người ta lầm tưởng là có thật. Sân hận, dơ bẩn ứng với tay A Tu La. Mặt trời là tiên phong của Đế Thích, A Tu La do sân hận bèn che*

lấp nó. "Chẳng biết ân" ứng với cây Diêm Phù, vách đá cao, hang sâu. "Cùng ở chung với phàm ngu một chỗ" ứng với bụi bặm, sương, mù, khói, mây, vì mây, sương mù có thể phủ khắp hư không, giống như ở cùng một chỗ với kẻ phàm ngu. "Chúng sanh nhiều lượt tạo lỗi, làm ác", ứng với thời tiết biến đổi, nghĩa là liên tiếp phạm lầm lỗi, thoắt thiện, thoắt ác, như ngày, đêm, âm, dương thay đổi v.v...)

"Nhị lợi" là tự lợi và lợi tha. Chỉ có thể khắc phục hết thảy chướng nạn thì trí huệ mới có thể sanh khởi. Nay chúng ta học Phật công phu chẳng đắc lực, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng chống nổi ma quấy nhiễu. *"Ma"*: Ngũ Ấm là nội ma, bên ngoài mới có thiên ma. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật nói ma có bốn loại. Thứ nhất là Ngũ Ấm, thứ hai là phiền não, thứ ba là thiên ma, thứ tư là tử ma. Ngoại trừ thiên ma là bên ngoài, những thứ khác đều là ma chướng nơi bản thân chúng ta, quý vị có thể khắc phục hay không? Nói cách khác, nghiệp chướng, bệnh tật của chính mình, cho đến đoản mạng, đều thuộc về nghiệp chướng, có thể khắc phục hay không? Chẳng thể khắc phục, đạo nghiệp sẽ chẳng thể thành tựu, bị ma lôi đi mất rồi. Nếu chúng ta hỏi: "Có thể khắc phục hay không?" Thưa cùng chư vị, quyết định là có thể. Tôi thường khuyên người mới học Phật, tốt nhất là trước hết hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần, nguyên nhân là khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, hiểu rõ đạo lý này. Vận mạng có, nghiệp chướng cũng có, nhưng chúng có thể biến đổi. Tiên sinh Viên Liễu Phàm dùng đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức để biến đổi vận mạng, kéo dài thọ mạng của chính mình. Khổng tiên sinh đoán thọ mạng của ông Viên chỉ có năm mươi ba tuổi, ông Viên sống tới bảy mươi mấy tuổi. Đó là hiệu quả do đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Đã sửa, sửa với mức độ chẳng lớn, sửa nho nhỏ, sửa cũng rất khổ, người ấy có thu hoạch. Còn có phương pháp càng mầu nhiệm, càng thù thắng hơn phương pháp ấy, phương pháp gì vậy? Kinh Phật thường nói: *"Bồ Tát thừa nguyện tái lai"*. Quý vị thừa nguyện tái lai, nói chung phải là sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Bồ Tát, bèn thả chiếc bè Từ, trở lại thế gian này. Vậy là chẳng sai, là bậc thành tựu. Trên thực tế, nếu hiện thời chúng ta phát nguyện mà nguyện lực của chúng ta vượt trỗi nghiệp lực, nguyện lực khởi tác dụng, nghiệp lực chẳng khởi tác dụng, thì nói cách khác, đấy chính là "thừa nguyện tái lai" (nương theo nguyện trở lại). Do đó; chẳng cần đến thế giới Cực Lạc [mới có thể] thừa nguyện tái lai.

Trong cõi này, chúng ta phát tâm, [nếu như] nguyện lực vượt trỗi nghiệp lực, sẽ chuyển biến, nghiệp chướng tiêu trừ, sửa đổi tập khí, bệnh tật và biến hóa sinh lý nơi thân thể cũng biến đổi tốt đẹp. Những điều này nói theo khoa học đều thông suốt. Nói thật ra, bệnh tật do đâu mà có? Bệnh sanh từ suy tưởng loạn xạ. Trong hết thảy các kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Tâm là chủ tể, vạn pháp duy tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Thân thể của chúng ta là một hiện tượng trong mười pháp giới, hiện tượng này là duy tâm sở hiện. Các thứ biến hóa sinh lý là do duy thức sở biến. *"Thức"* là tám thức, chúng ta gọi nó là *"tám tâm vương"*. Tám tâm vương của chúng ta bị hư hỏng, khiến cho cái thân này cũng bị biến đổi thành hư hoại theo. Thân thể này liền bệnh tật, rắc rối dấy lên. Nếu tâm tánh của chúng ta tốt đẹp, nó cũng sẽ biến đổi sắc thân này thành tốt đẹp, bệnh tật chẳng còn nữa! Tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, tin sâu đậm, nguyện thiết tha, tâm chúng ta chân thành, thanh tịnh, đại từ, đại bi, thân này bèn biến đổi. Vốn có bệnh mà chẳng cần đi bác sĩ, bệnh tự lành. Vì sao? Nó tự điều chỉnh. Đều là dụng công dốc sức nơi tâm địa, cầu chân thành, thanh tịnh, bình đẳng nơi tâm địa, trí huệ như vậy đương nhiên sẽ phát khởi. Trên thực tế sẽ là *"nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ"* như trong kinh Phật đã nói.

Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Giới, Định, Huệ. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Chúng ta dùng *"chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi"* để tu Giới, Định, Huệ; với tình hình ấy, chúng ta đã có Định. Định đã có thì Huệ hiện tiền, tức là Phật quang xuất hiện. Phật quang ở đây chẳng phải là Phật quang từ bên ngoài, mà là Phật quang của chính mình. Phật có nghĩa là giác, là tự giác. Trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong bản tánh của chính mình thấu lộ, đó là Phật quang, *"như nhật sơ thăng"* (như mặt trời mới mọc). Đã tự lợi, lại có thể lợi tha, chỉ có như thế, chánh pháp mới có thể tồn tại lâu dài trên thế gian, mới có thể thật sự lợi ích hết thảy chúng sanh. Chúng ta không hiểu rõ đạo lý này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, cho nên học Phật thường bị thoái chuyển, hễ gặp phải chướng ngại bèn nguội lạnh tấm lòng, gặp khó khăn bèn chẳng dám tiến lên, bèn thoái chuyển. Hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, [điều ấy được biểu thị qua danh hiệu] Nan Trở Phật trong phần trước, chướng ngại nào cũng đều chẳng thể ngăn trở quý vị được, thanh tịnh,

bình đẳng, giác bèn thành tựu, sẽ tu thành công Tam Học Giới, Định, Huệ. Chúng ta lại xem vị Phật cuối cùng.

(Sớ) Võng Minh giả.
(疏)網明者。
*(**Sớ**: Võng Minh (Jālinprabha)).*

Đức hiệu của vị Phật này được kiến lập từ tỷ dụ. *"Võng"* (網: lưới) là cái lưới Nhân Đà La (Indra) của Đại Phạm Thiên, đức Phật giảng kinh thường dùng nó làm tỷ dụ. *"Minh"* (明) là quang minh, cái lưới báu ấy tỏa ánh sáng.

(Sớ) Trí như bảo võng, biến chiếu chúng sanh cố.
(疏)智如寶網，遍照眾生故。
*(**Sớ**: Trí như lưới báu, vì chiếu khắp chúng sanh).*

Biểu thị phương pháp độ chúng sanh của Bồ Tát: Dùng vô lượng vô biên pháp môn phổ độ hết thảy chúng sanh. Đến đây, sáu phương mới nói đến phương thứ tư. Bồ Tát tu học xác thực là có công phu rất cao sâu, chẳng phải là học hỏi nông cạn, vị ấy mới có năng lực khai hiển vô lượng pháp môn. Trong thế gian này, như Long Thọ Bồ Tát trong quá khứ, người Hoa nói Long Thọ Bồ Tát là *"Đại Thừa bát tông cộng tổ"* (tổ chung của tám tông Đại Thừa). Tám tông Đại Thừa đều do Ngài truyền, chuyện này giống cái lưới Nhân Đà La của Đại Phạm Thiên. Có bao nhiêu vị Bồ Tát suốt đời chỉ truyền một pháp môn, còn ngài Long Thọ truyền vô lượng vô biên pháp môn, Ngài có năng lực ấy. Đối với hết thảy căn tánh bất đồng của chúng sanh, Ngài đều có phương pháp để dạy họ. Đó là trí huệ chân thật viên mãn hiện tiền, nên Ngài mới có năng lực ấy. Chuyện này chúng ta chẳng thể học theo, chẳng có cách nào học được. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư thường nói: Đó là bậc đại thông gia, chẳng phải là phàm nhân! Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian Ngài đều thấu suốt, người như vậy thì mới được. Nay chúng ta tu học, chẳng khai ngộ, chẳng chứng quả, chẳng thoát khỏi tam giới, đều chẳng được coi là thành tựu. Đã khai ngộ thì vẫn chưa được! Đã khai ngộ mà chưa có năng lực vượt thoát tam giới, liễu đoạn sanh tử thì đều chẳng coi là thành tựu.

Đối với Tứ Hoằng Thệ Nguyện, chúng ta thiên trọng hai nguyện

trước. Chúng ta phải phát đại Bồ Đề tâm, phải đoạn phiền não, thâm nhập một môn là đoạn phiền não. Giống như kinh Di Đà đã dạy chúng ta *"nhất tâm bất loạn"*, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *"một mực chuyên niệm"*, chúng ta đi theo một môn. Đến thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư bảo: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*. Thấy A Di Đà Phật, khai ngộ, chúng ta lại học hai điều sau đó: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Đến thế giới Tây Phương, chúng ta lại làm hai điều ấy; hiện thời bèn thực hiện hai điều trước. Đó là ổn thỏa, thích đáng, tuyệt đối chẳng trở thành xôi hỏng bỏng không, chúng ta thật sự nắm chắc là có thể làm được! Hiện thời, chúng ta thấy kẻ bình phàm học Phật điên đảo, họ cũng chẳng phát tâm. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* là *"miệng có, tâm không"*. Vì sao? Thấy chúng sanh này đáng ghét, thấy kẻ kia ngứa mắt, họ chẳng độ những kẻ đó. Họ muốn độ những kẻ họ ưa thích, chẳng độ những kẻ họ thấy ngứa mắt, chẳng độ kẻ không có lợi ích gì cho họ! Lấy đâu ra cái gọi là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*? Người ấy cũng chẳng đoạn phiền não; tham, sân, si, mạn hằng ngày tăng trưởng, người ấy thực hiện từ chỗ nào? Từ *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*, người ấy làm hai chuyện ấy. Chuyện này giống như chúng ta xây một tòa cao ốc, cao ốc có bốn tầng lầu, chẳng cần hai tầng dưới cùng, dựng ngay tầng thứ ba và tầng thứ tư. Đó là muốn dựng lầu gác trên không trung, là huyễn tưởng, quyết định chẳng phải là sự thật, sai bét mất rồi!

Bồ Tát sau khi trí huệ và đức hạnh đã viên mãn, phương pháp độ chúng sanh sẽ triển hiện vô lượng vô biên, có thể ứng với hết thảy các căn tánh bất đồng. Nói thông thường, từ bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên thì mới có năng lực này. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm, hoặc như trong phẩm Phổ Môn đã nói: *"Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp. Nên dùng thân Bồ Tát bèn hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp"*. Ngài có thể tùy loại hiện thân, có thể tùy duyên thuyết pháp. Đấy chính là ý nghĩa của đoạn này.

(Sao) Võng giả, tức Phạm võng thiên châu. Thiên châu giao ánh, quang minh đỗng triệt, như Phật trí biến phú chúng sanh, vô sở bất chiếu cố. Hựu chủng chủng pháp môn, hỗ tương dung triệt, giác quần mê cố.

(Diễn) Phạm võng thiên châu giả, Đại Phạm thiên cung hữu võng la tràng, hồng quang hỗ tạ, thái sắc giao huy. Thời Phật quán

chư la võng, nhân vị thuyết vô lượng thế giới, do như võng khổng, các các bất đồng, biệt dị vô lượng. Phật giáo môn diệc phục như thị đẳng. Hựu chủng chủng pháp môn hỗ tương dung triệt giả, nhất môn thiệp nhập vô lượng môn, vô lượng môn thiệp nhập nhất môn dã. Thượng nghĩa ước biến phú thuyết, thử nghĩa ước giao dung thuyết.

(鈔)網者，即梵網千珠。千珠交映，光明洞徹，如佛智遍覆眾生，無所不照故。又種種法門，互相融徹，覺群迷故。

(演)梵網千珠者。大梵天宮有網羅幢。紅光互射。彩色交輝。時佛觀諸羅網。因為說無量世界。猶如網孔。各各不同。別異無量。佛教門亦復如是等。又種種法門互相融徹者。一門涉入無量門。無量門涉入一門也。上義約遍覆說。此義約交融說。

*(**Sao**: "Võng" là cái lưới có ngàn hạt châu của Phạm Thiên. Ngàn hạt châu chiếu rọi lẫn nhau, quang minh chiếu thấu suốt, như trí Phật bao trùm khắp chúng sanh, không gì chẳng chiếu tới. Lại nữa, các thứ pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau, giác ngộ những kẻ mê muội.*

***Diễn**: Cái lưới ngàn viên châu của Phạm Thiên: Trong cung của Đại Phạm Thiên có võng la tràng, tỏa ra ánh sáng màu đỏ xen lẫn, màu sắc rực rỡ chiếu xen. Khi ấy, đức Phật quán mành lưới ấy, bèn vì đó nói vô lượng thế giới ví như những mắt lưới, mỗi mỗi đều khác nhau, khác biệt vô lượng. Giáo môn (các pháp môn) của đức Phật cũng giống như vậy. Lại nữa, các pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau, một môn tấn nhập vô lượng môn, vô lượng môn tấn nhập một môn. Nghĩa trước là nói theo phương diện trùm khắp, nghĩa sau là nói theo phương diện dung thông lẫn nhau).*

Dùng cái lưới Nhân Đà La của Đại Phạm Thiên để làm tỷ dụ.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh hàm nhiếp bất khả tận, thị Bắc phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Bắc phương vi Đông.

(疏)稱理，則自性含攝不可盡，是北方恒沙佛義。

(鈔)北方為冬。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh hàm nhiếp chẳng thể tận chính là ý nghĩa*

phương Bắc có Hằng sa Phật.

***Sao**: Phương Bắc là mùa Đông).*

Bốn phương phối hợp Tứ Quý, tức là phối ứng với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

(Sao) Đông chủ tàng.

(鈔)冬主藏。

*(**Sao**: Mùa Đông chuyên chủ thâu tàng).*

Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thâu hoạch, Đông ẩn tàng. Mùa Đông chủ trì sự thâu tàng.

(Sao) Vạn vật chi sở thành chung, nhi sở thành thỉ dã.

(Diễn) Vạn vật chi sở thành chung thành thỉ giả. Ư thời, tắc vi quần âm bác tận, nhất dương phục sanh. Ư vật, tắc vi thật lý cụ bị, sanh dục chi nguyên. Ư nhân, tắc vi trí nhi vi chúng sự chi cán.

(鈔)萬物之所成終，而所成始也。

(演)萬物之所成終成始者。於時。則為群陰剝盡。一陽復生。於物則為實理具備。生育之原。於人。則為智而為眾事之幹。

*(**Sao**: Đối với muôn vật, [mùa Đông] là kết thúc của sự sanh thành, mà cũng là khởi đầu cho sự sanh thành.*

***Diễn**: "Kết thúc của sự sanh thành mà cũng là khởi đầu của sự sanh thành": Đối với thời gian, khi các Âm đã hết sạch, một Dương lại sanh. Đối với vật thì Thật Lý trọn đủ, là nguồn cội của sự sanh trưởng. Đối với người thì trí là nguồn cội của các sự).*

Kết thúc và khởi đầu là cùng một chuyện. Mùa Thu hái gặt, ví như thâu hoạch lúa, đó là kết thúc, [lúa] đã trưởng thành, kết quả. Nhưng những hạt lúa ấy lại là hạt giống cho năm sau, nó lại là khởi đầu. *"Thành chung, thành thỉ"* sanh trưởng chẳng ngừng, vĩnh viễn chẳng diệt. Chẳng phải là một giai đoạn từ sanh đến diệt là xong, nó là sanh sôi chẳng ngừng. Mùa Đông đã qua, mùa Xuân lại đến. Ba Mươi tháng Chạp đã qua, mồng Một tháng Giêng bèn đến. Ba Mươi tháng Chạp là kết thúc, mồng Một tháng Giêng là khởi đầu. Sau kết thúc là khởi đầu, sanh trưởng chẳng ngớt!

(Sao) Kim tắc bách thiên pháp môn, đồng quy phương thốn.

(Diễn) Bách thiên pháp môn thị Bát Nhã đức, vô biên đức dụng thị Giải Thoát đức, đồng quy phương thốn tổng tại tâm nguyên. Thị tổng nhất Pháp Thân đức dã.

(鈔)今則百千法門，同歸方寸。

(演)百千法門是般若德。無邊德用是解脫德。同歸方寸總在心源。是總一法身德也。

*(**Sao**: Nay trăm ngàn pháp môn cùng quy vào một tấc vuông.*

***Diễn**: Trăm ngàn pháp môn là Bát Nhã đức, vô biên đức dụng là Giải Thoát đức, "cùng quy vào một tấc vuông" trong một nguồn tâm, tức là gộp tất cả vào Pháp Thân đức).*

"Bách thiên" chẳng phải là con số, mà nhằm biểu thị vô lượng vô biên pháp môn. Nếu nói đến *"chung"* (終: kết thúc) của vô lượng vô biên pháp môn, *"chung"* là quy, [tức là] đều quy vào nhất tâm. Kinh Di Đà bảo *"nhất tâm bất loạn"*. Cổ đại đức xưng dương Tịnh Tông, bảo: *"Ngàn kinh vạn luận, khác đường mà cùng về một nơi"*, [ý nói] đều quy vào Tịnh Độ. Do vậy, Tịnh Độ là *"thành chung, thành thỉ"*; lời này là thật, mà cũng xác thực là sự thật. Vì từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy vị đạt đến *"đăng phong tạo cực"* (tột đỉnh, tuyệt diệu) trong các vị Bồ Tát là Phổ Hiền Bồ Tát đã dùng *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*, đó là *"thành chung"*. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên chứng ba món Bất Thoái, viên thành vô thượng Bồ Đề, đó là *"thành thỉ"*. Như vậy thì chúng ta mới thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch công đức và lợi ích thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta sẽ khăng khăng một mực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trọn chẳng lay động. Vì sao có người bị dao động? Kẻ ấy chẳng hiểu rõ ràng, vẫn nghĩ là có pháp môn khác tốt đẹp hơn, thù thắng hơn pháp môn này. Thật ra, kẻ ấy đã phạm sai lầm. Nếu quý vị lại chú tâm quan sát, [sẽ thấy] Tông Môn và Giáo Hạ đều do Văn Thù Bồ Tát truyền. Thiền Tông chẳng lìa Văn Thù Bồ Tát, Giáo Hạ cũng chẳng lìa Văn Thù Bồ Tát. Tịnh Độ Tông và Mật Tông đều do Phổ Hiền Bồ Tát truyền. Trong hội Hoa Nghiêm, *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"* chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì thế, Phổ Hiền Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Mật Tông do Phổ Hiền Bồ Tát truyền. Thuở ấy, tại Nam Thiên, Long Thọ Bồ Tát mở tháp sắt, thấy Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva), tức là Kim Cang Thủ Bồ

Tát (Vajrapāṇi), Ngài truyền Mật pháp cho Long Thọ. Long Thọ truyền lại [cho người đời sau]. Kim Cang Tát Đỏa là ai? Chính là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Do vậy có thể biết: Mười tông phái Đại Thừa đều do hai vị đại Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm truyền thừa. Hai vị ấy đều niệm A Di Đà Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy chẳng phải là *"vô lượng vô biên pháp môn tuy khác đường mà về cùng một chỗ"* ư? Ở đây, chúng ta đã được ấn chứng, đã được chứng minh, xác thực là quy về Tịnh Độ, thành Phật trong Tịnh Độ.

"Bách thiên pháp môn, đồng quy phương thốn" (Trăm ngàn pháp môn cùng về một tấc vuông): Đồng quy nhất tâm. Nói cách khác, vô lượng vô biên pháp môn đều từ nhất tâm lưu xuất. Từ nhất tâm lưu xuất, trở về nhất tâm. Vậy thì mới biết: Tất cả hết thảy các pháp môn đều là tu nhất tâm. Tuy tên gọi chẳng phải là nhất tâm, nhưng trên thực tế là nhất tâm. Công phu được sử dụng trong nhà Thiền, bất luận là dùng quán tâm, hoặc dùng tham thoại đầu, nếu chẳng quy vào nhất tâm, sẽ chẳng thể khai ngộ. Đại triệt đại ngộ là gì? Trở về nhất tâm, bèn đại triệt đại ngộ, bèn thông đạt, hiểu rõ hết thảy. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta có được chứng cứ: Lục Tổ không biết chữ, chưa từng học hành, mà cũng chưa hề nghe kinh. Ngài chỉ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang; giảng một phần ba, Ngài liền khai ngộ, chẳng cần giảng hết! Thế mà sau này, Ngài gặp nhiều bộ kinh điển, người khác đọc cho Ngài nghe, Ngài liền có thể giảng cho họ nghe, Ngài đều có thể thông đạt! Đó là đã đắc nhất tâm, hết thảy đều thông đạt, hết thảy đều hiểu rõ. Đấy là *"đại triệt đại ngộ"* trong Thiền Tông, Tịnh Độ Tông gọi [đại triệt đại ngộ] là *"nhất tâm bất loạn"*, trong Giáo Hạ gọi là *"đại khai viên giải"*, trong Mật Tông gọi là *"tam mật tương ứng"*. Mỗi tông phái có danh từ thuật ngữ riêng, trên thực tế là cùng một chuyện. Tuy là cùng một chuyện, chúng ta lại chú tâm nhìn sâu xa hơn, [sẽ thấy] Tịnh Tông hay, Tịnh Tông khéo. Vì sao? Trực tiếp tu nhất tâm bất loạn. Những tông khác tu nhất tâm còn phải đi đường vòng, còn có khá nhiều tầng cấp mới hòng đạt tới. Pháp môn này (Tịnh Độ Tông) rất đơn giản, dùng một câu A Di Đà Phật để trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, pháp môn này thù thắng hơn những pháp môn khác. Vì thế, nó là tu trực tiếp, chẳng phải là tu gián tiếp. Tu trực tiếp thì gọi là *"pháp môn viên đốn, thành tựu trong một đời"*. Nếu chẳng phải là tu trực tiếp, bèn gọi là *"tiệm chứng"* (漸證: chứng đắc dần dần), có tầng lớp, có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, có năm mươi mốt giai cấp. Tịnh Tông chẳng có giai cấp; vì thế, được gọi là

"đốn siêu" (頓超).

(Sao) Vô biên đức dụng, tổng tại tâm nguyên.

(鈔)無邊德用，總在心源。

*(**Sao**: Vô biên đức dụng đều ở trong nguồn tâm).*

"Đức dụng", nói về phía chính mình thì là Tự Thọ Dụng, hưởng thụ chân, thiện, mỹ, huệ. Tha Thọ Dụng là vô lượng trí huệ, vô lượng phương tiện thiện xảo nhằm giáo hóa hết thảy chúng sanh, đều ở trong *"tâm nguyên"*, tức cội nguồn của cái tâm. *"Tâm"* là tám thức, [nói chi tiết sẽ là] tám tâm vương, năm mươi mốt tâm sở. *"Nguyên"* (源) là chân tâm bản tánh.

(Sao) Mịch chi tắc vô tướng, vô hình.

(Diễn) Mịch chi tắc vô tướng, vô hình giả. Dĩ tự tánh phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu phi vô tướng, phi diệc hữu diệc vô tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi câu phi tướng, phi nhất dị câu tướng, viễn ly nhất thiết chư tướng cố.

(鈔)覓之則無相無形。

(演)覓之則無相無形者。以自性非有相。非無相。非非有非無相。非亦有亦無相。非一相。非異相。非俱非相。非一異俱相。遠離一切諸相故。

*(**Sao**: Tìm thì vô tướng, vô hình.*

***Diễn**: "Tìm thì vô tướng, vô hình": Do tự tánh chẳng phải là có tướng, chẳng phải là vô tướng, chẳng phải là tướng 'chẳng phải có, chẳng phải không', cũng chẳng phải là 'vừa có tướng, vừa không tướng', chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là 'không phải là một tướng, không phải là khác tướng', cũng chẳng phải 'vừa là một tướng, vừa khác tướng', do xa lìa hết thảy các tướng vậy).*

Chân tâm chẳng có hình tướng, chẳng có hình trạng, tìm chẳng thấy!

(Sao) Xuất chi tắc vô cùng, vô tận.

(Diễn) Xuất chi tắc vô cùng vô tận giả. Thử viên giác tánh, bổn hữu quá trần sa chi diệu dụng, tiềm hưng, mật ứng, vô hữu hưu tức,

vô hữu cùng tận cố.

(鈔)出之則無窮無盡。

(演)出之則無窮無盡者。此圓覺性。本有過塵沙之妙用。潛興密應。無有休息。無有窮盡故。

*(**Sao**: Khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận.*

***Diễn**: "Khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận": Tánh viên giác ấy vốn có diệu dụng nhiều hơn cát, bụi, thầm hưng khởi, ngầm ứng hợp, chẳng hề ngưng nghỉ, chẳng có cùng tận).*

"Xuất" (出) là khởi tác dụng. Khi khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận.

(Sao) Bổn lai cụ túc.

(鈔)本來具足。

*(**Sao**: Vốn trọn đủ).*

Câu này hết sức quan trọng, ai nấy đều có! *"Bổn lai cụ túc"* (Vốn sẵn trọn đủ): Chẳng thiếu khuyết chút nào! So sánh giữa chúng ta và hết thảy chư Phật Như Lai, các Ngài chẳng nhiều hơn chúng ta tí nào, mà chúng ta cũng chẳng thua kém các Ngài tí nào!

(Sao) Bất giả tha cầu.

(Diễn) Bổn lai cụ túc, bất giả tha cầu giả. Vọng tâm ngoại niệm cầu chi bất tận, tịnh đức tánh mãn vô giả ngoại cầu dã.

(鈔)不假他求。

(演)本來具足。不假他求者。妄心外念求之不盡。淨德性滿無假外求也。

*(**Sao**: Chẳng phải cầu chi khác.*

***Diễn**: "Vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải cầu chi khác": Tâm niệm hư vọng hướng ra ngoài để cầu thì [dẫu cầu cách mấy] cũng vẫn chẳng trọn hết được. Tánh trọn đủ tịnh đức chẳng cần phải cầu từ bên ngoài).*

Câu này khẩn yếu. Nếu cầu điều gì khác, sai lầm quá đỗi! Phật pháp là cầu nơi chân tâm bản tánh của chính mình, chẳng cầu những thứ bên ngoài. Phật pháp được gọi là Nội Học là do đạo lý này, hết thảy cầu

từ tâm địa! Trạng huống thân thể và hoàn cảnh sống của chúng ta đều cầu từ tâm địa, chớ nên cầu từ bên ngoài. Dẫu cầu được từ bên ngoài, cũng rất dễ dàng mất đi. Bên ngoài có được, mất, chẳng phải là vốn sẵn có. Cái vốn sẵn có thì chẳng có được, mất. Của chính mình thì làm sao có thể nói là "được"? Chẳng thể nói là được! Đã là chẳng có được, lấy đâu ra "mất"? Vì thế, bảo là chẳng có "được, mất". Hết thảy đều cầu từ tự tánh, cầu từ chân tâm; đấy là đúng.

(Sao) Thị cố chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng.

(Diễn) Chúng sanh tâm, tức phàm phu bổn cụ Tánh Đức. Như Lai Tạng, thị quả Phật viên minh chi Thể, nhi chúng sanh Tánh Đức chi Phật, phi tự, phi tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường đại giác chi Thể. Cố tức danh Như Lai Tạng. Hựu chúng sanh tâm giả, tức thị sanh diệt môn trung bất giác nghĩa. Y nhất niệm vô minh, toại thành nghiệp thức, phục tùng nghiệp thức, chuyển khởi sự thức. Dĩ tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, thị chúng sanh tâm tướng dã. Hựu Như Lai Tạng giả, tức thị sanh diệt môn trung giác nghĩa, vị tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân. Thị tức danh vi Như Lai Tạng dã. Nhi chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng giả. Dĩ bất giác tâm bất ly bổn giác cố. Luận vân: "Nhược ly giác tánh, tắc vô bất giác. Nhược ly bất giác chi tâm, diệc vô chân giác tự tướng khả thuyết". Hựu vân: "Thí như chủng chủng ngõa khí, giai đồng vi trần tánh tướng. Như thị vô lậu vô minh chủng chủng nghiệp huyễn, giai đồng Chân Như tánh tướng", thị dã.

(鈔)是故眾生心，即名如來藏。

(演)眾生心。即凡夫本具性德。如來藏。是果佛圓明之體。而眾生性德之佛。非自非他。非因非果。即是圓常大覺之體。故即名如來藏。又眾生心者。即是生滅門中不覺義。依一念無明。遂成業識。復從業識。轉起事識。以隨事扳緣。分別六塵。是眾生心相也。又如來藏者。即是生滅門中覺義。謂心體離念。法界一相。即是如來平等法身。是即名為如來藏也。而眾生心。即名如來藏者。以不覺心不離本覺故。論云。若離覺性。則無不覺。若離不覺之心。亦無真覺自相可說 。又云。譬如種種瓦器 。皆同微

塵性相。如是無漏無明種種業幻。皆同真如性相。是也。

(***Sao***: *Vì thế, cái tâm của chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng.*

Diễn: *"Tâm chúng sanh" chính là Tánh Đức vốn sẵn có của phàm phu. Như Lai Tạng là cái Thể viên minh của Phật quả, là vị Phật nơi Tánh Đức của chúng sanh, chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, tức là cái Thể của đại giác viên thường. Vì thế, gọi là Như Lai Tạng. Lại nữa, tâm chúng sanh chính là ý nghĩa Bất Giác trong Sanh Diệt môn. Do nương theo một niệm vô minh, bèn thành nghiệp thức. Lại từ nghiệp thức, chuyển biến, dấy lên sự thức. Do phan duyên theo Sự mà phân biệt sáu trần. Đó là cái tướng của tâm chúng sanh. Lại nữa, Như Lai Tạng chính là ý nghĩa Giác trong Sanh Diệt môn, ý nói: Tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai, đó gọi là Như Lai Tạng. Nhưng tâm chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng là vì cái tâm bất giác chẳng lìa Bổn Giác. Vãng Sanh Luận nói: "Nếu lìa giác tánh thì chẳng có bất giác. Nếu lìa cái tâm bất giác, cũng chẳng có tự tướng của chân giác để có thể nói được!" Luận lại nói: "Ví như các món đồ bằng sành đều có cùng tánh và tướng với vi trần, các thứ nghiệp vô lậu vô minh hư huyễn như vậy, đều có cùng tánh và tướng với Chân Như" chính là nói về ý này).*

Như Lai Tạng là tiếng xưng hô đối với Phật. Tạng (藏) là giống như kho chứa, giống như ở trong tâm Phật bao hàm vô lượng vô biên trí huệ, đức năng, tài nghệ. Cái tâm của bọn chúng sanh chúng ta là Như Lai Tạng. Vì sao nay chúng ta chẳng thể khởi tác dụng? Do tâm chúng ta loạn, nên chẳng khởi tác dụng. Loạn nhưng hoàn toàn chẳng mất đi, vẫn là vốn trọn đủ. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp để điều chỉnh nó. Trong kinh điển Đại Thừa Phật pháp, đức Phật có nói lời chân thật: *"Phật chẳng độ chúng sanh"*. Chúng sanh do ai độ? Chính mình độ, tự ngộ, tự độ. Xác thực là chính mình độ, chẳng phải do Phật độ, Phật chẳng thể độ chúng sanh. Nếu Phật có thể độ chúng sanh, chúng ta cần gì phải tu hành nữa?

Đức Phật đại từ đại bi giúp chúng ta tu hành là được rồi! Ắt cần phải điều chỉnh chính mình, điều chỉnh loạn tâm thành tâm thanh tịnh, khôi phục cái tâm ô nhiễm thành thanh tịnh, điều chỉnh loạn thành định, điều chỉnh nhiễm thành tịnh, là được rồi. Bất luận phương pháp nào, bất luận pháp môn nào, tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc đơn giản như vậy đó, sẽ thành công!

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Mỗi vị ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này").*

Nhằm đặc biệt nhắc nhở: Chúng ta phải coi trọng. Mở Đại Tạng Kinh ra, trong tất cả hết thảy các kinh, kinh nào có tựa đề như vậy? *"Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức"*, ai xưng tán? Hết thảy chư Phật Như Lai xưng tán. *"Công đức chẳng thể nghĩ bàn"* là gì? Là công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật từ nhân đến quả, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi đã thành Phật, rộng độ chúng sanh. Đó là nói theo Sự. Nói theo Lý, đấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn mà bản thân chúng ta vốn sẵn trọn đủ, [công đức ấy] tức là chân tâm, là bản tánh của chính mình. *"Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh"*: Câu này cũng là nói theo mặt Sự. Đã là hết thảy chư Phật đều hộ niệm bộ kinh này; nói cách khác, hết thảy chư Phật nhất định phải tuyên giảng bộ kinh này. *"Hộ niệm"* là gì? Hộ niệm là tuyên giảng, chẳng phải là coi bộ kinh này như bảo bối, canh giữ cho thật kỹ. Tướng của tất cả hết thảy các vật đều là "thành, trụ, hoại, không", đều chẳng gìn giữ được. Tuyên giảng, lưu thông bộ kinh này, đó là *"hộ niệm"*. Những kinh khác chẳng nói *"hết thảy chư Phật hộ niệm"*, chỉ riêng bộ kinh này là được hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị mới biết: Trong toàn thể Phật pháp, trong pháp giới của hết thảy chư Phật, không chỉ là một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, trong đại hoàn cảnh ấy, kinh này là kinh bậc nhất, cho nên được hết thảy chư Phật hộ niệm. Nay chúng ta đọc bộ kinh này, thọ trì bộ kinh này, chiếu theo bộ kinh này tu hành, đương nhiên là được hết thảy chư Phật hộ niệm. Được hết thảy chư Phật hộ niệm, lẽ nào quý vị chẳng tự tại? Lẽ nào quý vị chẳng sung sướng? Quý vị còn gặp khó khăn chi nữa? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Hễ quý vị gặp chướng nạn, chẳng sung sướng; nói cách khác, quý vị chẳng được

hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị đã hoàn toàn trái nghịch kinh này! Dẫu niệm Phật, do *"miệng có, tâm không"*, cho nên chẳng có cảm ứng. Đã thật sự hiểu rõ, hiểu minh bạch, quý vị tu học pháp môn này, đời hiện tại này sẽ vui sướng khôn sánh! Đối với thế giới Cực Lạc, [quý vị] hiện đang là người trong thế giới Cực Lạc. Hiện tại vui sướng khôn sánh thì mới tương ứng với thế giới Cực Lạc. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 266

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm bốn mươi ba:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(經)舍利弗。下方世界。有師子佛。名聞佛。名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恆河沙數諸佛。

*(**Kinh**: Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế).*

Ở đây nói đến *"hạ phương thế giới"*, đức Thế Tôn nêu đại lược đức hiệu của sáu vị Phật. Danh hiệu của sáu vị Phật này biểu thị đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh. Đó là sự nghiệp của đại Bồ Tát. Nói thông thường, mức độ thấp nhất cũng là Sơ Địa Bồ Tát thì mới có thể gánh vác, giống như chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. Đức hiệu của vị Phật thứ nhất là Sư Tử Phật (Sinha), biểu thị Pháp Thân. Chúng ta thấy trong kinh thường gọi đệ tử của đức Phật là *"pháp vương tử"*. Đức Phật là Pháp Vương. Các vị Pháp Thân đại sĩ như vậy có thể kế thừa sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của đức Phật, thuyết pháp giống như Phật chẳng khác, nên gọi là *"pháp vương tử"*. Trong lời chú giải, Liên Trì đại sư chú giải đã giải thích đại ý của danh hiệu như sau:

(Sớ) Sư Tử giả, như sư tử phục quần thú cố.

(疏)師子者，如師子伏群獸故。

*(**Sớ**: "Sư Tử": Như sư tử hàng phục các loài thú).*

Sư tử là vua trong loài thú.

(Sao) Sư tử nhị nghĩa: Nhất giả sư tử chúng thú trung vương, du hành vô úy, như Phật phàm thánh độc tôn, xuất nhập tam giới tự tại vô ngại cố. Nhị giả sư tử nhất hống, bách thú úy cụ, như Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo giai tín phục cố. Hựu vô ngũ chủng bố, cụ tứ vô úy, giai sư tử nghĩa.

(Diễn) Xuất nhập tam giới tự tại vô ngại giả, phàm phu nhập tam giới, vị sanh tử phược, bất đắc tự tại. Nhị Thừa xuất tam giới, vị Niết Bàn phược, bất đắc tự tại. Phật bi trí song hành, vãng lai tự tại cố. Sư tử nhất hống, bách thú úy cụ giả. Vĩnh Gia vân: "Sư tử hống, vô úy thuyết, bách thú văn chi giai não liệt. Hương tượng bôn ba thất khước oai, thiên long tịch thính sanh hân duyệt". Ngũ chủng bố giả, nhất bất hoạt, nhị ác danh, tam tử, tứ ác đạo, ngũ oai đức. Tứ vô úy giả, nhất nhất thiết trí vô úy, nhị lậu tận vô úy, tam quyết nghi vô úy, tứ thuyết khổ tận đạo vô úy.

(鈔)師子二義：一者師子眾獸中王，遊行無畏，如佛凡聖獨尊，出入三界，自在無礙故。二者師子一吼，百獸畏懼，如佛說法，天魔外道皆信服故；又無五種怖，具四無畏，皆師子義。

(演)出入三界自在無礙者。凡夫入三界。為生死縛。不得自在。二乘出三界。為涅槃縛。不得自在。佛悲智雙行。往來自在故。師子一吼。百獸畏懼者。永嘉云。師子吼。無畏說。百獸聞之皆腦裂。香象奔波失卻威。天龍寂聽生欣悅。五種怖者。一不活。二惡名。三死。四惡道。五威德。四無畏者。一一切智無畏。二漏盡無畏。三決疑無畏。四說苦盡道無畏。

*(**Sao**: Sư tử có hai nghĩa: Một, sư tử là vua trong các loài thú, dạo chơi không sợ hãi. Như Phật là bậc độc tôn trong phàm và thánh, ra vào ba cõi tự tại vô ngại. Hai, hễ sư tử rống lên, trăm loài thú kinh hãi, như đức Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo thảy đều tin phục. Lại chẳng có năm nỗi sợ, đủ bốn món vô úy. [Những điều ấy] đều là ý nghĩa của sư tử.*

***Diễn**: "Ra vào ba cõi tự tại vô ngại" : Phàm phu vào tam giới bị*

sanh tử trói buộc, chẳng được tự tại. Nhị Thừa thoát khỏi tam giới, bị Niết Bàn trói buộc, chẳng tự tại. Phật thì Bi và Trí song hành, qua lại [tam giới] tự tại. "Hễ sư tử rống lên, trăm loài thú đều kinh hãi": Ngài Vĩnh Gia nói: "Sư tử rống, nói vô úy. Trăm thú nghe tiếng, nứt đầu óc. Hương tượng rảo chạy, chân luống cuống. Trời, rồng yên lặng nghe, sanh lòng vui thích". Năm thứ sợ hãi là: Một là chẳng sống được, hai là mang tiếng xấu, ba là chết, bốn là ác đạo, năm là [kinh hãi trước] oai đức [của người khác]. Bốn thứ vô úy là: Một, Nhất Thiết Trí vô úy, hai là lậu tận vô úy, ba là quyết nghi vô úy (đoạn trừ nghi hoặc chẳng sợ hãi), bốn là nói đạo hết khổ chẳng sợ hãi).

Chẳng có năm thứ sợ hãi, trọn đủ bốn món vô úy, được biểu thị Sư Tử. Chúng ta nhìn từ ý nghĩa biểu thị pháp, [sẽ thấy] trong lịch trình tu học của hàng Bồ Tát, sẽ đạt tới một cảnh giới như vậy. Phần trước là hai thứ trí huệ Quyền Trí và Thật Trí trọn đủ, bắt đầu lấy chuyện hóa độ chúng sanh làm chánh yếu. Hai trí chẳng hiện tiền thì lấy việc tự độ làm chánh yếu. Trí huệ đã viên mãn thì mới thật sự phát tâm giống như Địa Tạng Bồ Tát: Chính mình chưa thể đắc độ mà độ chúng sanh trước đã. *"Chính mình chưa thể đắc độ"* có nghĩa là thành Phật [nhưng không thị hiện thành Phật]. Chính mình [thật sự] còn chưa thành Phật mà đã độ chúng sanh trước, có năng lực hay không? Có năng lực, người ấy đã là Đăng Địa Bồ Tát, đương nhiên là có năng lực độ chúng sanh. Đấy gọi là *"Bồ Tát phát tâm"*, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình phàm, cũng chẳng phải là hạng Pháp Thân đại sĩ thông thường, mà là Bồ Tát Ma Ha Tát. Tiểu Bồ Tát thì không được, tự độ khẩn yếu hơn! Đại Bồ Tát thì được, chính mình đã đắc độ, chẳng qua là chưa viên mãn (thành Phật mới là viên mãn), phát đại tâm giúp đỡ người khác trước đã, thay Phật thuyết pháp. Pháp do vị ấy nói sẽ giống như do chính đức Phật nói, vì vị ấy hết sức gần với [địa vị đã] thành Phật. Điều này có nghĩa là Bồ Tát từ Thất Địa hoặc Bát Địa trong Viên Giáo trở lên bèn đạt đến cảnh giới này, hãy nên làm theo cách như vậy!

(Sớ) Danh Văn giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Tiền Danh Văn Quang, kim vô Quang tự. Danh văn giả đức, quang giả dụ. Tuy vô kỳ dụ, bất dị kỳ đức.

(Sớ) Danh Quang giả, danh như nhật quang, vô sở bất bị, diệc khả tịnh xưng, dĩ danh hiển quang xí cố.

(Sao) Như quang nghĩa đồng thượng. Danh hiển giả, như A Di Đà Phật, danh xưng phổ văn. Thập phương tam thế, vô bất chiêm niệm cố. Quang xí giả, như A Di Đà Phật, quang minh phổ chiếu. Thập phương tam thế, vô sở chướng ngại cố.

(疏)名聞者。釋義同前。

(鈔)前名聞光。今無光字。名聞者德。光者喻。雖無其喻。不異其德。

(疏)名光者。名如日光。無所不被。亦可並稱。以名顯光熾故。

(鈔)如光義同上。名顯者。如阿彌陀佛。名稱普聞。十方三世。無不瞻念故。光熾者。如阿彌陀佛。光明普照。十方三世。無所障礙故。

*(**Sớ**: Danh Văn: Giải thích ý nghĩa giống như trong phần trước.*

***Sao**: Phần trước là Danh Văn Quang, danh hiệu của vị Phật trong phần này không có chữ Quang. Danh Văn là nói về Đức, Quang là tỷ dụ. Tuy không có tỷ dụ ấy, phẩm đức của hai vị Phật chẳng khác nhau.*

***Sớ**: Danh Quang: Tiếng tăm như ánh mặt trời, không đâu chẳng soi thấu, cũng có thể cùng nói tới [danh lẫn quang] vì danh tiếng rạng rỡ, quang minh chói ngời.*

***Sao**: "Quang" có ý nghĩa như trên. "Danh tiếng rạng rỡ": Như A Di Đà Phật, mười phương ba đời, không ai chẳng chiêm niệm. "Quang minh chói ngời": Như A Di Đà Phật, quang minh chiếu khắp. Mười phương ba đời, không gì chướng ngại được).*

Vị thứ hai là Danh Văn Phật (Yaśas). Nay chúng ta gọi *"danh văn"* (名聞) là nổi tiếng. Bồ Tát có mức độ nổi tiếng rất cao, tiếng tăm vang dội, nhắc tới Ngài chẳng ai không biết. Ví như Quán Thế Âm Bồ Tát, tiếng tăm rất lớn, chẳng có người học Phật nào không biết Quán Thế Âm Bồ Tát. Do vậy có thể biết: Trong đoạn này, kinh nói đến sự phổ độ chúng sanh của hàng Bồ Tát, chính là nói đến những vị Đẳng Giác Bồ Tát, [chẳng hạn như] Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, Địa Tạng, các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Danh tiếng của những vị Bồ Tát này đều được người trong hết thảy các cõi Phật tận hư không khắp pháp giới hay biết. Tiếng tăm của chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều *"thật chí danh quy"* (thực chất đạt đến tột bậc, nên tiếng tăm dồn về),

chắc chắn chẳng phải là hư danh. *"Danh xưng phổ văn"* cho thấy sự giáo hóa của Ngài có sức ảnh hưởng sâu rộng, nhiều người ngưỡng mộ Bồ Tát, nhiều người vui thích theo Bồ Tát học tập. Đó là ý nghĩa thật sự được bao hàm [trong danh hiệu của đức Phật này].

(Sớ) Đạt Ma giả, thử vân Pháp, diệc kiêm nhị lợi.

(Sao) Pháp giả, quỹ trì nghĩa. Dĩ pháp quỹ trì kỷ đức, thành kỷ Pháp Thân. Dĩ pháp quỹ trì tha thân, linh chư chúng sanh giai chứng Pháp Thân cố.

(Diễn) Quỹ trì nghĩa giả, nhược Lý, Pháp tắc năng quỹ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, như học nhân tùng duyên nhất niệm, đắc ngộ tự tánh, tức thử ngộ do, nãi tùng tánh quỹ sanh, phi ngoại đắc cố. Nhược giáo hạnh đẳng pháp, tắc năng quỹ chánh thân tâm, trì linh bất thất dã.

(疏)達摩者。此云法。亦兼二利。

(鈔)法者。軌持義。以法軌持己德。成己法身。以法軌持他身。令諸眾生皆證法身故。

(演)軌持義者。若理法則能軌生物解。任持自性。如學人從緣一念。得悟自性。即此悟由。乃從性軌生。非外得故。若教行等法。則能軌正身心。持令不失也。

*(**Sớ**: Đạt Ma, cõi này dịch là Pháp, cũng bao gồm hai điều lợi.*

***Sao**: Pháp có nghĩa là gò ép vào khuôn khổ. Dùng pháp để uốn nắn phẩm đức của chính mình, thành tựu Pháp Thân cho chính mình. Dùng pháp để uốn nắn thân người khác, khiến cho các chúng sanh đều chứng Pháp Thân.*

***Diễn**: "Có nghĩa là quỹ trì": Nếu xét theo Lý thì Pháp có thể khiến cho người vâng giữ pháp sanh ra sự liễu giải đối với căn nguyên của vạn vật, mà chẳng làm mất đi tánh chất của bất cứ pháp nào. Như kẻ học do một niệm mà ngộ tự tánh, tức là cội nguồn của cái Ngộ ấy chính là nương vào tánh mà sanh, chẳng phải là có được từ bên ngoài. Như các pháp giáo, hạnh v.v... có thể uốn nắn, giữ gìn thân tâm, chẳng để mất đi).*

Vị Phật kế tiếp là Đạt Ma Phật. Đạt Ma (Dharma) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp. Vị này biểu thị đại pháp nhất định là do sư thừa chư Phật, như vậy thì mới có thể nêu gương, làm khuôn mẫu

cho hết thảy chúng sanh. Ở đây, chúng ta cũng có thể hiểu sâu hơn một tầng nữa: Bất luận là chính mình tu học, hay bất luận là giáo hóa chúng sanh, đều phải *"y pháp, bất y nhân"*, pháp là kinh điển. Kinh điển nhiều lắm, rốt cuộc dùng loại kinh điển nào để giúp đỡ chúng sanh thì chúng sanh mới có thể đạt được lợi ích chân thật? Trong ấy có mối quan hệ hết sức to lớn, giống như bệnh nhân phát bệnh, phải dùng thuốc thì mới có thể trị lành bệnh. Chúng ta đến tiệm thuốc, thấy mấy ngàn loại, mấy vạn loại thuốc, phải chọn lựa loại thuốc nào thì mới có thể trị lành bệnh cho người ta? Nếu chúng ta chọn lầm thuốc, thuốc chẳng đúng chứng bệnh, không chỉ là chẳng thể chữa bệnh, mà nhất định lại còn ngược ngạo khiến cho bệnh nặng thêm, thậm chí hại chết người ta! Chúng ta có những kiến thức thông thường ấy, nhưng sơ sót! Kinh điển là pháp dược; kinh cũng thường sánh ví đức Phật là đại y vương. Pháp do đức Phật đã nói chính là pháp dược, chúng sanh đều là bệnh nhân. Đức Phật thuyết pháp, đức Phật là một vị thầy thuốc hết sức cao minh, đáng tin cậy. Được Ngài chẩn đoán, hễ Ngài cắt thuốc, thuốc uống vào, bệnh liền khỏi. Nghe đức Phật thuyết pháp, chẳng có ai không khai ngộ, chẳng có ai không chứng quả, đều có thể đạt được lợi ích chân thật. Sau khi đức Phật diệt độ, vị thầy thuốc ấy chẳng còn nữa, lưu lại toa thuốc cả một đống lớn. Đại Tạng Kinh chính là toa thuốc. Toa thuốc nhiều ngần ấy, chúng ta mắc bệnh gì chính mình chẳng biết. Nếu uống thuốc bừa bãi, chẳng thể lành bệnh được. Có nghĩa là: Sau khi đức Phật diệt độ, người học Phật đông đảo, người khai ngộ ít ỏi, người chứng quả càng ít hơn!

Phật pháp đã truyền thừa hơn ba ngàn năm, chúng ta thấy trong xã hội hiện tiền: Người học Phật không chỉ là chẳng có người chứng quả, mà người khai ngộ cũng là *"lông phượng, sừng lân"*. Nguyên nhân ở chỗ nào? Nói thật ra, chắc chắn là chẳng thể nói "người trong đời này chẳng bằng cổ nhân". Nếu quý vị nói kiểu đó, tôi tuyệt đối chẳng thừa nhận, tôi cảm thấy người hiện thời càng thông minh hơn người xưa. Vì sao thành tựu tu học của chúng ta thua kém cổ nhân? Chẳng có gì khác, uống sai thuốc! Nếu uống đúng thuốc, hiện thời, chúng ta sẽ khai ngộ, chứng quả nhanh hơn cổ nhân! Thậm chí [người hiện thời] hiểu sai be bét ý nghĩa trong kinh điển, thật đấy! Bài kệ Khai Kinh có câu *"nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*, nay chúng ta hiểu sai ý nghĩa chân thật của Như Lai. Không chỉ là xem kinh hiểu sai bét ý nghĩa, mà nghe giảng cũng thường hiểu lầm ý nghĩa. Những gì tôi nói ở đây, đợi một lát để người khác nhắc lại cho tôi nghe, hoàn toàn chẳng giống những gì tôi đã

nói! Hiện diện ngay tại chỗ mà còn hiểu trật ý nghĩa! Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, khó quá! Khó ở chỗ chúng ta dụng tâm sai lầm! Chư Phật, Bồ Tát sử dụng chân tâm, chúng ta dùng vọng tâm. Chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn chẳng có thành kiến, chúng ta là *"tiên nhập vi chủ"* (những gì được tiếp xúc trước tiên sẽ đóng vai trò quyết định), khó lắm! Tìm đến tận nguồn cội, gốc bệnh ở ngay chỗ này. Có bệnh đừng sợ! Sợ là chẳng gặp được thầy thuốc giỏi. Gặp được thầy thuốc giỏi, bèn sợ là chẳng thể tín nhiệm ông ta, nếu vậy thì bó tay mất rồi!

Chúng ta nhận biết chính mình có bệnh, gặp gỡ Phật pháp, đó là thầy thuốc giỏi, điều mấu chốt là chúng ta có thể tin tưởng hay không? Có thể chọn lựa hay không? Sự chọn lựa có mối quan hệ lớn nhất. Trong vô lượng pháp môn, rốt cuộc chúng ta chọn lựa pháp môn nào? Chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực, cũng chẳng gặp gỡ thiện tri thức; trong trạng huống ấy, làm như thế nào đây? Phật, Bồ Tát đã sớm biết những sự tao ngộ và hoàn cảnh của chúng ta. Từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã chọn sẵn cho chúng ta. Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói: *"Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu"*, trong một ngàn năm đầu tiên sau khi đức Phật diệt độ, trì giới có thể thành tựu. *"Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu"*, một ngàn năm thứ hai sau khi đức Phật diệt độ, chỉ trì giới sẽ chẳng thể thành tựu, phải tu Định. Phật giáo được truyền sang Trung Hoa nhằm thời kỳ đầu của thời Tượng Pháp. Vì thế, Thiền Tông Trung Hoa hết sức phát triển, hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thứ ba, *"thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu"*, Mạt Pháp gồm một vạn năm. Đó là lòng từ bi triệt để của đức Thế Tôn. Sau khi lão nhân gia diệt độ, lìa khỏi thế giới này, người học Phật hãy nên chọn lựa pháp môn như thế nào, Ngài đã chỉ cho chúng ta một con đường. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, nếu chẳng chọn lựa Tịnh Độ, tức là đã vi phạm giáo huấn của đức Phật. Đức Phật bảo chúng ta chọn lựa Tịnh Độ, chúng ta khăng khăng muốn chọn Thiền, hoặc chọn pháp khác, pháp ấy chẳng khế cơ, trách nhiệm ấy do chính mình gánh lấy, đức Phật chẳng chịu trách nhiệm. Chúng ta sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, tuân thủ giáo huấn của đức Phật chọn lựa pháp môn này, há có sai lầm?

Đối với kinh điển Tịnh Tông, Đạt Ma được nói ở đây là nói về kinh điển Tịnh Độ. Nguyên bản [kinh điển Tịnh Độ] chỉ có ba kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy. Thứ tự của ba kinh là:

1) Thoạt đầu, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, giới thiệu

tường tận Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Độ, lại còn được tuyên giảng nhiều lần, chúng ta phải đặc biệt coi trọng điều này. Vì thuở đức Thế Tôn tại thế giảng kinh, mỗi bộ kinh chỉ giảng một lần, chẳng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ [được giảng] trùng lặp rất nhiều lần. Căn cứ trên các bản dịch còn giữ được hiện thời, hiện nay, trong Đại Tạng Kinh có năm loại bản dịch gốc. Cổ đức đã so sánh cặn kẽ, phát hiện: Tối thiểu là có ba bản tiếng Phạn bất đồng. Nói cách khác, tối thiểu là đức Phật giảng kinh này ba lượt. Trong hội Phương Đẳng, đức Phật giảng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Đại Bảo Tích, hội Vô Lượng Thọ Như Lai, đức Phật lại đặc biệt giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ. Xác thực là đã chứng minh: Thuở tại thế, đức Phật đã nhiều lần tuyên giảng kinh này. Theo mục lục trong Kinh Tạng, kinh Vô Lượng Thọ có tất cả mười hai loại bản dịch, nay chỉ còn lưu lại năm loại, bảy loại đã thất truyền. Nếu bảy loại kia đều còn, lại so sánh, có thể là còn phát hiện có những văn bản khác với ba loại [Phạn bản] ấy. Điều này chứng tỏ đức Phật đã nói [kinh ấy] rất nhiều lần. Trong một đời, đức Phật đã nói pháp môn này rất nhiều lần. Pháp môn này đặc biệt trọng yếu, đặc biệt khế cơ, nên Ngài mới tuyên nói nhiều lượt.

2) Tiếp đó, Ngài lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chuyên môn dạy chúng ta phương pháp vãng sanh Tịnh Độ. Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói đơn giản, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói cặn kẽ, quý vị hành theo cách như thế nào. Quán Kinh dạy chúng ta lý luận, phương pháp tu hành, và nhân quả của chín phẩm [vãng sanh].

3) Cuối cùng, đức Phật nói kinh A Di Đà, khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Trong bộ kinh này, đức Phật ba lượt khuyên chúng ta *"ưng đương phát nguyện, cầu sanh bỉ quốc"* (hãy nên phát nguyện cầu sanh về cõi ấy), một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, rát miệng buốt lòng khuyên bảo, khích lệ chúng ta. Hợp ba kinh lại để xem, [sẽ thấy] đó là bi tâm triệt để của đức Thế Tôn khiến cho hết thảy chúng sanh được viên thành Phật đạo ngay trong một đời này, chỉ riêng pháp môn này [là có thể thực hiện viên mãn những điều đó]! Pháp môn này lại còn hết sức khế hợp [căn cơ của] chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, nay đã qua ba ngàn năm, còn có chín ngàn năm. Kinh Pháp Diệt Tận dạy: Trong tương lai, khi Phật pháp đều diệt, tất cả các kinh điển đều chẳng còn nữa, kinh Vô Lượng Thọ còn tồn tại. Kinh Vô Lượng Thọ diệt cuối cùng, nó sẽ còn

tồn tại thêm một trăm năm. Sau một trăm năm ấy, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng còn, nhưng hãy còn có một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, sáu chữ ấy lưu lại trong thế gian. Người hữu duyên, người thiện căn sâu dầy, gặp câu danh hiệu này mà có thể chuyên trì thì cũng có thể vãng sanh. Có thể thấy là pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nói tới chuyện chọn lựa pháp môn, chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Tông, kinh điển để y cứ chính là Tịnh Độ Tam Kinh. Về sau, cư sĩ Ngụy Nguyên là người sống trong đời vua Hàm Phong nhà Thanh, đã ghép Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm vào sau ba kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư đã ghép chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm vào sau bốn kinh, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Đến đây, có thể nói là kinh điển Tịnh Tông đã thật sự viên mãn. Nay chúng ta tuân thủ giáo nghĩa trong năm kinh, chiếu theo giáo huấn trong kinh điển để tu hành, chắc chắn chẳng sai lầm. Nương vào Tịnh Độ Ngũ Kinh để khuyên dạy hết thảy chúng sanh, sẽ chẳng khác gì chư Phật tiếp dẫn đại chúng. Huống hồ pháp môn này được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán, giới thiệu, lấy đâu ra sai lầm! Chúng ta giới thiệu kinh điển khác cho chúng sanh, thưa cùng chư vị, quý vị phải cẩn thận, phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả. Thật đúng như người ta ngã bệnh, nếu quý vị giới thiệu thuốc cho người ấy, người ấy uống vào lành bệnh, kẻ ấy rất cảm tạ quý vị. Nếu họ uống vào chết ngắc, quý vị cũng lãnh phần trách nhiệm. Giới thiệu một toa thuốc khác, chúng ta chẳng nắm chắc, nay chúng ta chẳng có năng lực ấy, chẳng có trí huệ để quan sát căn cơ. Nói cách khác, chẳng thông thạo dược tánh cho lắm bèn không dám dùng, cũng chẳng dám tùy tiện giới thiệu với người khác. Uống thuốc [Tịnh Độ] này tốt lắm! Bất luận bệnh gì cũng trị được; sau khi dùng, chắc chắn chẳng có tác dụng phụ. Do vậy, an tâm lớn mật, ổn thỏa, thích đáng mà sử dụng. Bản thân chúng ta dùng, đạt được lợi ích, bèn cũng giới thiệu với người khác, quyết định sẽ chẳng sai lầm. Đạt Ma Phật biểu thị ý nghĩa này.

(Sớ) Pháp Tràng giả. Pháp như tràng cố.

(Sao) Pháp như tràng giả, Phật pháp cao hiển, nhân thiên ngưỡng chi vi tông, tà ngoại vọng chi nhi phục. Tường như tiền văn Vô Lượng Tràng nghĩa.

(疏)法幢者。法如幢故。

(鈔)法如幢者。佛法高顯 。人天仰之為宗 。邪外望之

而伏。詳如前文無量幢義。

*(**Sớ**: Pháp Tràng: Pháp giống như tràng.*

***Sao**: "Pháp như tràng": Phật pháp cao hiển, trời, người ngưỡng mộ tôn sùng, tà ma, ngoại đạo vừa thấy bèn khuất phục. Giải thích tường tận ý nghĩa thì như trong phần nói về Vô Lượng Tràng trong phần trước).*

Vị Phật kế tiếp là Pháp Tràng Phật (Dharmadhvaja), biểu thị sự kiến lập pháp tràng. Cổ nhân nói: *"Dựng pháp tràng, lập tông chỉ"*, ban bố lợi ích cho chúng sanh. Tràng (幢) là cờ xí. Phật pháp kiến lập pháp tràng, nói theo cách hiện thời sẽ là kiến lập chế độ (quy chế) trong đạo tràng, quan trọng nhất là đạo phong và học phong. *"Học phong"* (學風) là nói họ căn cứ theo lý luận và cảnh giới đã được giảng trong những bộ kinh điển nào đó. *"Đạo phong"* (道風) là nói tới phương pháp và thành quả tu hành. Chúng ta thường nói *"giải hạnh tương ứng"*, Giải (解) là học, Hạnh (行) là đạo. Kiến lập tông chỉ như vậy, có thể đề xướng rộng rãi Phật pháp, hoằng dương rạng rỡ Phật pháp, lợi ích hết thảy chúng sanh, giúp chư Phật Như Lai giáo hóa hết thảy chúng sanh.

(Sớ) Trì Pháp giả, nhị nghĩa: Nhất giả chấp trung danh trì, nhị giả chấp thủ danh trì.

(Sao) Chấp trung giả, bất đọa Hữu biên, bất đọa Vô biên, thiện trì Trung Đạo diệu pháp cố. Chấp thủ giả, trì thử diệu pháp, lưu thông tam thế, sử bất đoạn tuyệt cố.

(疏)持法者。二義。一者執中名持。二者執守名持。

(鈔)執中者。不墮有邊。不墮無邊。善持中道妙法故。執守者。持此妙法。流通三世。使不斷絕故。

*(**Sớ**: Trì Pháp có hai nghĩa: Một là chấp trung bèn gọi là Trì. Hai là chấp thủ bèn gọi là Trì.*

***Sao**: Chấp Trung là chẳng rớt vào bên Có, chẳng rớt vào bên Không, khéo giữ diệu pháp Trung Đạo. Chấp Thủ là giữ diệu pháp ấy, lưu thông ba đời khiến chẳng đoạn tuyệt).*

Vị cuối cùng là Trì Pháp Phật, biểu thị *"y giáo phụng hành, thật thà niệm Phật"*. Danh hiệu của vị Phật này hiển thị: Để đề cao rộng rãi Phật pháp hòng lợi ích hết thảy chúng sanh, hãy nên dùng phương thức

gì? Ở đây, đức Phật dạy chúng ta phải Trì Pháp, [nghĩa là] chúng ta học, hiểu, do nương theo năm kinh một luận, đạo phong phải thực hiện bằng thật thà niệm Phật. Chúng ta hành trì là chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên trì danh hiệu. Đó gọi là thật thà niệm Phật, đó là đúng, so với chư Phật giáo hóa chúng sanh sẽ chẳng hai, chẳng khác. Thời cổ, chúng ta gọi bậc đại đức hoằng pháp là "pháp sư". Gọi bậc phiên dịch kinh điển là "Tam Tạng pháp sư" vì Ngài thông đạt Tam Tạng. Người thừa truyền Thiền Tông được gọi là "Thiền sư". Người chỉ dạy giới luật được gọi là "Luật sư". Thầy của hoàng đế được gọi là Quốc Sư. Chỉ có tổ sư của Tịnh Độ Tông được người ta tôn xưng là Đại Sư. Đại Sư là tiếng để gọi Phật. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể gánh vác cách xưng hô này, Bồ Tát được gọi là Đại Sĩ, ví dụ như Quán Âm đại sĩ. Hiện thời, có những kẻ tự xưng là "đại sư", quá đáng! Dẫu được người khác tôn kính [mà gọi như vậy], vẫn chẳng thể nhận lãnh được. Ví như quý vị chưa học tới Trung Học, có người hễ gặp mặt bèn gọi quý vị là "tiến sĩ tiên sinh", có phải là chửi người ta hay không? Chúng ta là kẻ xuất gia bình phàm, người khác gặp mặt bèn gọi là "đại sư này nọ", có ý vị ấy, chửi bới người ta! Danh và thực cách biệt quá xa! Vì sao có thể gọi tổ sư của Tịnh Độ Tông là đại sư? Vì pháp môn bậc nhất để chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh là khuyên họ niệm Phật, giới thiệu ba kinh [Tịnh Độ] cho chúng sanh. Tịnh Tông Tổ Sư cũng giảng giải ba kinh, cũng khuyên người khác niệm Phật, chẳng sai khác chư Phật Như Lai cho mấy. Do đó, người đời sau tôn xưng các Ngài là đại sư, nhưng chư vị phải ghi nhớ: [Các Ngài] được người đời sau tôn xưng, chẳng phải là thuở sanh tiền tại thế. Nếu thuở tại thế mà có người gọi các Ngài như vậy, các vị ấy nhất định sẽ quở trách, sẽ nổi nóng! [Tôn xưng các Ngài là đại sư] chính là có ý nói: Tổ sư Tịnh Độ Tông tự hành, hóa tha đều chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai. Đoạn kế tiếp:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh trắc chi di thâm bất khả tận, thị hạ phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Văn Thù thủ bát, diêu thùy hữu thủ quá hạ phương tứ thập nhị Hằng hà sa thế giới. Kim vị cánh quá hạ phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới, cầu ư tự tánh. Thí như trì can thám hải, dục cùng kỳ để, chung bất khả đắc.

(疏)稱理，則自性測之彌深不可盡，是下方恆沙佛義。

(鈔)文殊取鉢。遙垂右手過下方四十二恆河沙世界。今謂更過下方不可說恆河沙世界。求於自性。譬如持竿探海。欲窮其底。終不可得。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh nếu thăm dò sẽ thấy sâu xa chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa của phương dưới có Hằng sa Phật.*

***Sao**: Ngài Văn Thù cầm bát, thõng tay phải qua khỏi bốn mươi hai Hằng hà sa thế giới ở phương dưới. Nay lại nói qua khỏi bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới ở phương dưới để cầu tự tánh, ví như cầm sào thăm dò biển, mong thấu tận đáy, trọn chẳng thể được).*

Liên Trì đại sư chú giải Sớ Sao, dụng tâm hết sức khổ sở. Vì trong thời đại của lão nhân gia, Tịnh Tông đã suy vi tới tận cùng, những kẻ bình phàm trong xã hội đều coi thường Tịnh Tông. Pháp môn thù thắng và kinh điển bậc nhất trong Phật môn như thế mà chẳng có ai biết, không có ai nhận thức, cứ một mực tham Thiền. Thuở ấy, Thiền Tông cực thịnh, sự hưng thịnh ấy là gì? Hưng thịnh ngoài mặt, bề ngoài rất hưng vượng, người học đông đảo, người thật sự khai ngộ rất ít! Không chỉ là ít kẻ khai ngộ, mà người đắc Định cũng ít. Nếu lão nhân gia khuyên những kẻ ấy học theo Tịnh Độ niệm Phật, mọi người chẳng thể tiếp nhận. Vì thế, để hoằng dương Tịnh Độ Tông, trong bộ Sớ Sao, trích dẫn kinh Hoa Nghiêm chiếm từ một phần ba [dung lượng sách Sớ Sao] trở lên, mục đích là dùng Hoa Nghiêm để đề cao Tịnh Tông, khiến cho mọi người có thể tin tưởng. Bởi lẽ, đệ tử Phật chẳng có ai không tôn trọng Hoa Nghiêm, [tổ Liên Trì] dùng Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà. Cuối cùng là Xứng Tánh, tức là hội quy tự tánh, [quy vào] Thiền Tông, nói rõ *"Tịnh và Thiền là một, không hai"*. Niệm Phật chẳng lìa khỏi tự tánh, Xứng Lý là xứng tánh. *"Tự tánh trắc chi di thâm bất khả tận"* (Thăm dò tự tánh sẽ thấy sâu xa chẳng thể cùng tận), vì *"hạ phương"* là nói đến sự sâu xa, chẳng có đáy, mang ý nghĩa này. Nói theo sự hiển thị nơi Sự thì chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh chẳng có cùng tận, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ!

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Mỗi vị đều ở nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Ca Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này").*

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp:

Lục, thượng phương.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới, hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

六、上方。

(經)舍利弗。上方世界。有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等恆河沙數諸佛。

(Sáu, phương trên.

***Kinh**: Xá Lợi Phất! Phía trên thế giới có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế).*

Đoạn kinh văn này là tổng kết của cả một đoạn lớn [phần sáu phương Phật tán thán], nêu ra đức hiệu của mười vị Phật. *"Mười"* biểu thị sự viên mãn, biểu thị pháp môn này là pháp môn đại viên mãn. Chư Phật trong mỗi phương [nhiều] vô lượng vô biên, Hằng hà sa số. Đức Phật chỉ nêu ra mấy vị đại diện, [nêu tên] mấy vị ấy, nhất định là có dụng ý đặc biệt, chắc chắn chẳng phải là nói tùy tiện, nhất định là có ý nghĩa biểu thị pháp. Chúng ta chú trọng quan sát từ góc độ này, quả

nhiên chẳng sai! Sáu phương Phật là quá trình theo thứ tự kể từ khi chúng ta sơ phát tâm mãi cho đến khi chứng Vô Thượng Bồ Đề. Từ các danh hiệu ấy, chúng ta có thể thấy, chẳng khác gì năm mươi ba lần tham học ở cuối kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham học là nói rõ rệt. Phật hiệu được sử dụng ở đây ngầm phù hợp ý nghĩa ấy, mật thuyết đấy nhé! Vị Phật đầu tiên trong thượng phương thế giới là…

(Sớ) Phạm Âm giả, Phật âm thanh tịnh, vô tạp nhiễm cố.

(疏)梵音者，佛音清淨，無雜染故。

*(**Sớ**: Phạm Âm (Brahmāghōṣa): Âm thanh của Phật thanh tịnh, vì chẳng có tạp nhiễm).*

"Phạm" (梵) có nghĩa là thanh tịnh. *"Tạp nhiễm"* (雜染) chỉ điều gì? Chỉ tâm địa. Tâm tạp nhiễm, thân và ngữ sẽ chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, ngữ cũng thanh tịnh, ba nghiệp đều thanh tịnh. Ở đây, Ngài nói đến ý nghĩa trọng yếu là *"thuyết pháp thanh tịnh"*. Nếu muốn đạt tới thuyết pháp thanh tịnh, nhất định là tâm địa chẳng nhiễm đắm, giống như Lục Tổ đại sư đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, nơi nào nhuốm bụi bặm"*. *"Bụi bặm"* tượng trưng cho nhiễm trước. Nhất định phải đạt được thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, âm thanh bèn thanh tịnh.

(Sao) Vô tạp nhiễm giả, dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm nhi bất thanh tịnh. Kim Phật duy dĩ Nhất Thừa pháp, hóa đạo chư quần sanh, sở vị "thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng", cố danh Phạm Âm.

(Diễn) Dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm giả, Luân Vương thuyết giới thiện, Đế Thích thuyết xuất dục, thật hữu thiện đương hành, hữu ác đương chỉ. Nhị Thừa thuyết Tứ Đế, thập nhị nhân duyên pháp, diệc thật hữu sanh tử khả yếm, Niết Bàn khả hân, giai tạp vô minh chi nhiễm, nhi bất thanh tịnh. Nhược Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, tắc nhiễm ô, thanh tịnh, tổng thuộc không hoa; sanh tử, Niết Bàn vô phi mộng huyễn, duy thử nhất sự thật. Dư nhị tắc phi chân, sở vị thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng dã.

(鈔)無雜染者，餘乘說法，是為雜染而不清淨。今佛唯以一乘法，化導諸群生 ，所謂純一不雜 ，具足清白梵行

之相，故名梵音。

(演)餘乘說法。是為雜染者。輪王說戒善。帝釋說出欲。實有善當行。有惡當止。二乘說四諦。十二因緣法。亦實有生死可厭。涅槃可欣。皆雜無明之染。而不清淨。若佛說一乘之法。則染污清淨。總屬空花。生死涅槃無非夢幻。唯此一事實。餘二則非真。所謂純一不雜。具足清白梵行之相也。

*(**Sao**: "Chẳng có tạp nhiễm": Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh. Nay đức Phật chỉ dùng pháp Nhất Thừa hóa độ, chỉ dạy các chúng sanh, đó gọi là tướng phạm hạnh thuần nhất, chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch. Vì thế gọi là Phạm Âm.*

***Diễn**: "Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm": Luân Vương nói giới thiện, Đế Thích nói lìa dục, thật sự "có thiện nên hành, có ác nên dứt". Nhị Thừa nói pháp Tứ Đế, mười hai nhân duyên, cũng là thật sự có "sanh tử đáng chán, Niết Bàn đáng ưa", đều là tạp nhiễm vô minh, chẳng thanh tịnh. Nếu đức Phật nói pháp Nhất Thừa thì nhiễm ô và thanh tịnh đều là hoa đốm trên hư không, sanh tử và Niết Bàn không gì chẳng phải là mộng huyễn, chỉ có một sự thật ấy. Những thứ khác hễ có hai thì là chẳng thật. Đó gọi là "tướng phạm hạnh thuần nhất chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch").*

Nói theo Tánh, tức chân tánh, bản tánh thanh tịnh vô nhiễm. Nói theo Tướng, so giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là tạp nhiễm, Đại Thừa là thanh tịnh. So giữa Đại Thừa và Thiền, Thiền thanh tịnh, Đại Thừa tạp nhiễm. So giữa Thiền và Tịnh Độ, Thiền chẳng thanh tịnh, Tịnh Tông thuần tịnh vô nhiễm. *"Phạm Âm"*: Vị Phật thứ nhất biểu thị tổng cương lãnh "tự hành, hóa độ người khác". Bình thường, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, phải dùng cái tâm thanh tịnh để niệm, dùng tâm bình đẳng để niệm, đó là "tự hành". Nếu còn kèm thêm cái tâm đại từ bi để niệm, đó là "hóa tha". Tự hành và hóa tha là một câu Phật hiệu này, đấy là Phạm Âm. Vị thứ hai:

(Sớ) Tú Vương giả, nhất vân nguyệt vi tú vương; nhất vân tức tú trung vương, như Bắc Thần cố. Nhị nghĩa giai đắc.

(Sao) Nguyệt vi tú vương. Sở vị vạn điểm tinh quang, bất như cô

nguyệt, nguyệt phi tinh loại. Dụ Phật vi đại giác, giác phi mê loại, thắng nhất thiết cố, tức tú trung vương giả. Luận Ngữ vân: "Thí như Bắc Thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh củng chi". Ngôn Bắc Thần tú loại, nhi xuất hồ kỳ loại, dụ Phật tức chúng sanh, xuất hồ chúng sanh. Dĩ sanh sở quy y cố, giai đắc giả. Nhất dĩ tinh nguyệt đối hiển xưng Vương, nhất tựu tinh trung độc thắng xưng Vương. Kim ngôn Phật tại dị loại, dị loại trung vương. Phật tại đồng loại, đồng loại trung vương, cố giai đắc dã.

(Diễn) Giác phi mê loại giả, phàm phu Tam Đế câu mê, Nhị Thừa bất mê Chân nhi mê Tục, Bồ Tát bất mê Chân, Tục nhi mê Trung. Phật nãi Tam Đế tề giác, siêu cửu giới chúng sanh cố. Phật tức chúng sanh giả, nhược y sanh Phật đối thuyết, tắc cửu giới vi sanh, Phật nãi đại giác. Kim ngôn Phật tức chúng sanh giả, kinh vân "chúng sanh vô thượng giả, Phật thị", tắc Phật nãi vô thượng chúng sanh dã. Phật tại dị loại giả, đối cửu giới vân, Phật vi dị loại. Nhược thập giới giai sanh, tắc Phật vi đồng loại dã.

(疏)宿王者。一云月為宿王。一云即宿中王。如北辰故。二義皆得。

(鈔)月為宿王。所謂萬點星光。不如孤月。月非星類。喻佛為大覺。覺非迷類。勝一切故。即宿中王者。論語云。譬如北辰。居其所而眾星拱之。言北辰宿類。而出乎其類。喻佛即眾生。出乎眾生。以生所歸依故。皆得者。一以星月對顯稱王。一就星中獨勝稱王。今言佛在異類。異類中王。佛在同類。同類中王。故皆得也。

(演)覺非迷類者。凡夫三諦俱迷。二乘不迷真而迷俗。菩薩不迷真俗而迷中。佛乃三諦齊覺。超九界眾生故。佛即眾生者。若依生佛對說。則九界為生。佛乃大覺。今言佛即眾生者。經云眾生無上者佛是。則佛乃無上眾生也。佛在異類者。對九界云。佛為異類。若十界皆生。則佛為同類也。

*(**Sớ**: Tú Vương: Một nghĩa là mặt trăng là vua trong các ngôi sao. Nghĩa thứ hai là vua trong các tinh tú, như sao Bắc Thần vậy. [Hiểu theo cả] hai nghĩa đều được.*

***Sao**: Mặt trăng là vua trong các ngôi sao, ý nói: Ánh sáng của muôn vàn đốm sao chẳng bằng một vầng trăng lẻ loi. Trăng chẳng cùng loại với sao, ví như Phật là bậc đại giác, do giác nên chẳng thuộc loại mê, thù thắng hơn hết thảy. "Là vua trong các tinh tú": Sách Luận Ngữ viết: "Ví như sao Bắc Thần*[46] *ngự ở nơi đâu, các ngôi sao khác đều chầu về". Ý nói Bắc Thần thuộc loại tinh tú, nhưng vượt trỗi các tinh tú. Ví như Phật chính là chúng sanh mà vượt trỗi chúng sanh, là chỗ để chúng sanh quy y. "Đều được": Một đằng là so sánh mặt trăng rạng rỡ hơn các ngôi sao mà nói là Vua, một đằng là do [mặt trăng] thù thắng độc nhất trong các ngôi sao nên gọi là Vua. Nay nói: Phật ở trong dị loại bèn là vua trong dị loại; Phật ở trong đồng loại bèn là vua của đồng loại. Vì thế [nói theo cả hai kiểu] đều được.*

***Diễn**: "Giác thì chẳng thuộc loại mê": Phàm phu đối với Tam Đế đều mê, Nhị Thừa chẳng mê Chân, nhưng mê Tục, Bồ Tát chẳng mê Chân và Tục, nhưng mê Trung. Phật là Tam Đế đều giác, siêu việt chúng sanh trong chín pháp giới. "Phật chính là chúng sanh": Nếu nói so sánh giữa chúng sanh và Phật thì chín pháp giới là chúng sanh, Phật là bậc Đại Giác. Nay nói "Phật chính là chúng sanh", kinh dạy "bậc vô thượng trong chúng sanh là Phật", tức là so trong các chúng sanh thì Phật là vô thượng. "Phật ở trong dị loại" là nói theo chín pháp giới, Phật là dị loại. Nếu coi mười pháp giới đều là chúng sanh, Phật là đồng loại).*

"*Tú*" (宿) là tinh tú. Tú Vương Phật (Nakṣatrarāja) biểu thị Đại Thừa Phật pháp, là đường tắt để thành Phật, sánh ví vô lượng pháp môn của Phật giống như ánh sáng của hết thảy các ngôi sao. Các pháp môn của Phật đều là quang minh. Trong các quang minh, quang minh của pháp nào lớn nhất? Tú Vương là Đại Thừa. So giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Đại Thừa trí huệ cao, quang minh lớn. Tú Vương Phật biểu thị

---

[46] Bắc Thần là tên gọi khác của Bắc Cực Tinh (Polaris Star, Pole Star, Guiding Star). Chỉ có người ở Bắc bán cầu mới thấy được ngôi sao này. Hiện thời Bắc Cực Tinh chính là ngôi sao Alpha Ursa Minoris trong chùm sao Tiểu Hùng (Ursa Minor). Thật ra ngôi sao này là cả một chòm sao, bao gồm một ngôi sao chính gọi là Umi Aa, và bốn phụ tinh gọi là alpha Umi B, alpha Umi Ab, alpha Umi C và alpha Umi D. Sao này được gọi tên như vậy vì nó dùng để định vị phương hướng trong hàng hải hoặc lữ hành trên sa mạc từ thời cổ, và được nhiều dân tộc biết đến. Nền văn hóa Hy La gọi nó là Stella Polaris (ngôi sao phương Bắc), hoặc Cynosura (sao đuôi chó), người Ấn gọi nó là Dhruva Tara (định tinh)…

pháp môn Đại Thừa. Đại Thừa là con đường tắt để thành Phật. Giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, quan niệm và sự tu hành đều khác nhau. Tiểu Thừa bảo thủ, quý vị nói cho họ nghe pháp Đại Thừa, họ chẳng thể tiếp nhận, cho đó là cuồng vọng, chẳng thể tu hành! Thời đại hiện tại là dân chủ, tự do, cởi mở, thích hợp Đại Thừa Phật pháp. Nay dùng pháp Tiểu Thừa để dạy chúng sanh, họ chẳng thể tiếp nhận, [họ sẽ chê là] quá khô khan, quá bó buộc! Trong Phật pháp, khế lý là điều trọng yếu, nhưng khế cơ cũng chẳng thể sơ sót, phải xét căn tánh, phải xem hoàn cảnh sống và hình thái ý thức của họ. Chúng ta nhìn về tương lai, mười năm sau toàn thể thế giới tiến nhập thời đại điện toán, phương thức sống của chúng ta sẽ biến đổi rất lớn. Phật pháp là giáo dục trí huệ, là giáo học trí huệ, tuyệt đối chẳng bị đào thải bởi thời đại. Trong bất cứ thời đại nào, nó cũng đều có thể phát huy trí huệ cao độ, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh viên thành Phật đạo. Vị Phật thứ ba:

(Sớ) Hương Thượng giả, Phật thánh trung thánh, như hương trung hương, tối thượng vô tỷ cố.

(Sao) Hương trung hương giả, như chiên đàn hương. Vân: "Thử hương lục thù, giá trị tam thiên đại thiên thế giới". Hựu vân: "Thử hương nhất phần, tứ thập lý ngoại, vô bất văn giả". Thị hương chi tối thượng giả dã. Phật chứng ngũ phần Pháp Thân chi hương. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới, nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương, vô năng cập giả. Cố viết Hương Thượng.

(Diễn) Ngũ phần Pháp Thân thông Đại Tiểu Thừa, kim vân "ngũ phần", nãi Đại Thừa chuyển Ngũ Ấm thân tâm, đắc ngũ phần Pháp Thân. Nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương giả. Nhân, thiên hữu giới thiện hương. Tu La hữu hạ phẩm Thập Thiện hương. Ngoại đạo diệc hữu tà định tà huệ chi hương. Nhị Thừa hữu Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương.

(疏)香上者。佛聖中聖。如香中香。最上無比故。

(鈔)香中香者。如栴檀香。云此香六銖。價值三千大千世界。又云。此香一焚。四十里外無不聞者。是香之最上者也。佛證五分法身之香。其香普熏無量世界。一切人天脩羅外道二乘之香。無能及者。故曰香上。

(演)五分法身 。通大小乘。今云五分。 乃大乘轉五陰

身心。得五分法身。一切人天修羅外道二乘之香者。人天有戒善香。修羅有下品十善香。外道亦有邪定邪慧之香。二乘有戒定慧解脫解脫知見香。

*(**Sớ**: Hương Thượng (Gandhottama): Phật là bậc thánh của các thánh, giống như hương bậc nhất trong các loại hương, tối thượng khôn sánh.*

***Sao**: "Hương bậc nhất trong các loại hương": Như hương Chiên Đàn, [kinh] nói "sáu thù của hương ấy giá trị bằng tam thiên đại thiên thế giới". Lại nói: "Hương ấy vừa đốt lên, ngoài bốn mươi dặm, không ai chẳng ngửi thấy mùi". Đó là loại hương tối thượng vậy. Đức Phật chứng năm phần Pháp Thân hương, hương ấy xông khắp vô lượng thế giới, hết thảy hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chẳng thể sánh bằng. Vì vậy gọi là Hương Thượng.*

***Diễn**: Năm phần Pháp Thân chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Nay nói "năm phần", chính là Đại Thừa do chuyển thân tâm Ngũ Ấm mà được năm phần Pháp Thân. "Hết thảy các loại hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa": Người và trời có hương giới thiện, Tu La có hương hạ phẩm Thập Thiện, ngoại đạo cũng có hương tà định tà huệ, Nhị Thừa có hương Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương).*

Phần chú giải (phần Sao) đề cập Ngũ Phần Pháp Thân Hương, [vị Phật này] biểu thị Thiền Tông. Đại Thừa là đường tắt, Thiền Tông là đường tắt nhất trong các con đường tắt, nên gọi là *"kính trung kính"* (徑中徑: đường tắt nhất trong các con đường tắt). [Thế mà] đường tắt ấy lại còn có một con đường nhanh tắt hơn nữa, nên bảo là *"hựu kính"* (又徑: lại tắt hơn), được biểu thị bằng vị Phật kế tiếp là Hương Quang Phật. Vị Phật thứ tư:

(Sớ) Hương Quang giả, kỳ hương phát quang, như Đoạn Trí nhị đức cố.

(Diễn) Đoạn Trí nhị đức giả, Như Lai quả thượng hữu Trí, Đoạn, Ân tam đức, kim lược Ân đức dã.

(Sao) Đoạn đức giả, hương năng tỵ ác, hữu diệt uế nghĩa. Chư ác tịnh tận, danh chi vi Hương. Trí đức giả, quang năng phá ám, hữu trí huệ nghĩa. Linh minh quảng chiếu, danh chi vi Quang. Hựu

thường hương chỉ bị tỵ căn, hương trung phát quang, kiêm bị nhãn căn, dụ Thanh Văn chỉ năng diệt ác, hữu Thể vô Dụng. Phật diệt chư ác, năng cụ chư thiện, cụ túc Đoạn Trí, như hương quang dã.

(Diễn) Chỉ năng diệt ác, hữu Thể vô Dụng giả, Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, bất năng tùng Không xuất Giả, quảng độ chúng sanh. Đản hữu ngũ phần Pháp Thân chi hương, nhi vô đại dụng chi quang, hữu Thể vô Dụng dã. Phật tắc nội đoạn phiền não, cụ công đức chi hương; ngoại độ chúng sanh, xuất đại dụng chi quang, Thể Dụng song chương dã.

(疏)香光者。其香發光。如斷智二德故。

(演)斷智二德者。如來果上有智斷恩三德。今略恩德也。

(鈔)斷德者。香能避惡。有滅穢義。諸惡淨盡。名之為香。智德者。光能破暗。有智慧義。靈明廣照。名之為光。又常香止被鼻根。香中發光。兼被眼根。喻聲聞止能滅惡。有體無用。佛滅諸惡。能具諸善。具足斷智。如香光也。

(演)止能滅惡。有體無用者。聲聞雖斷煩惱證涅槃。不能從空出假。廣度眾生。但有五分法身之香。而無大用之光。有體無用也。佛則內斷煩惱。具功德之香。外度眾生。出大用之光。體用雙彰也。

*(**Sớ**: Hương Quang: Hương ấy tỏa sáng, như hai đức Đoạn và Trí.*

***Diễn**: "Hai đức Đoạn và Trí": Nơi quả địa Như Lai có ba đức là Đoạn, Trí và Ân, nay tỉnh lược Ân đức.*

***Sao**: "Đoạn đức": Nhờ hương có thể tránh được mùi hôi thối, nên hương có ý nghĩa diệt uế. Hết sạch các điều ác thì gọi là Hương. "Trí đức": Ánh sáng có thể trừ tối tăm, có ý nghĩa trí huệ. Linh thông, sáng suốt, chiếu rộng rãi, nên gọi là Quang. Lại nữa, hương bình thường chỉ có thể tương ứng với Tỵ Căn. Trong hương tỏa sáng tức kèm thêm tác dụng tương ứng với Nhãn Căn. Ví như Thanh Văn chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng. Phật diệt các ác, có thể trọn đủ các điều thiện, trọn đủ Đoạn đức và Trí đức như Hương Quang vậy.*

***Diễn**: "Chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng": Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, chẳng thể từ Không xuất hiện*

Giả để rộng độ chúng sanh, chỉ có năm phần Pháp Thân hương, chẳng có quang minh khởi tác dụng lớn lao, cho nên là "có Thể mà không có Dụng". Phật thì trong là đoạn phiền não, trọn đủ hương công đức; ngoài là độ chúng sanh, phát ra quang minh đại dụng, Thể và Dụng cùng tỏ lộ).

Hương Quang (Gandhaprabhā) biểu thị Tịnh. Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương có nói *"hương quang trang nghiêm"*. Từ xưa tới nay, có rất nhiều đạo tràng tu hành, nếu đặt tên là Hương Quang Thất, hoặc có hai chữ Hương Quang, ta biết đạo tràng ấy tu pháp môn Niệm Phật. Hương Quang Phật biểu thị pháp môn Niệm Phật. Hương quang trang nghiêm là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các con đường tắt, là con đường gần nhất để thành Phật. Không chỉ là gần nhất, lại còn là con đường ổn thỏa, thích đáng nhất. Thiền cố nhiên là con đường gần, nhưng chưa chắc đã ổn thỏa, thích đáng. [Lý do] thứ nhất, [để tu Thiền] ắt phải là căn cơ thượng thượng. Lục Tổ độ kẻ căn cơ thượng thượng. Chẳng phải là kẻ thượng thượng căn, sẽ chẳng thích hợp học pháp môn ấy. Thứ hai, trong Thiền có rất nhiều ma sự. Năm mươi loại Ấm ma được nói trong kinh Lăng Nghiêm đều là cảnh giới trong Thiền Định. Cổ nhân nói pháp môn Niệm Phật đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, viên nhất, đốn nhất, tức là đã tán thán pháp môn này đến cùng cực. Vị Phật thứ năm:

(Sớ) Đại Diệm Kiên giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Diệm Kiên chi danh lũ xuất, chánh diêu Phật đồng danh hiệu, vô lượng vô biên cố.

(疏)大燄肩者。釋義同前。

(鈔)燄肩之名屢出。正繇佛同名號。無量無邊故。

*(**Sớ**: Đại Diệm Kiên: Giải thích ý nghĩa giống như phần trước.*

***Sao**: Danh hiệu Diệm Kiên xuất hiện nhiều lần chính là vì vô lượng vô biên chư Phật có cùng danh hiệu).*

Biểu thị ý nghĩa này, đề xướng, giới thiệu pháp môn thượng thượng cho đại chúng, khuyên khắp mọi người niệm Phật, thành tựu trong một đời. Trong phần trước, Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha) [biểu thị ý nghĩa] gánh vác gia nghiệp của Như Lai, [trong phần này], Đại Diệm Kiên là đại pháp bậc nhất của Như Lai. Chúng ta nhất định

phải hiểu rõ, phải khẳng định, pháp môn này là đại pháp bậc nhất của Như Lai, vì kinh Vô Lượng Thọ xác thực là cô đọng, tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, kinh Vô Lượng Thọ chỉ có một quyển, nhưng nghĩa lý và cảnh giới chẳng hai, chẳng khác kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn như nhau. Ta mới biết bộ kinh này đáng quý, hàm nhiếp viên mãn vô lượng vô biên pháp môn trong ấy. Niệm kinh Vô Lượng Thọ từ đầu tới cuối một lượt, sẽ giống như niệm kinh Hoa Nghiêm một lượt. Vị Phật thứ sáu:

(Sớ) Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân giả, vạn hạnh nhân hoa, trang nghiêm Pháp Thân cố.

(Sao) Vạn hạnh trang nghiêm giả, tuy chứng Pháp Thân, nhược vô vạn hạnh, danh tố Pháp Thân. Phật xưng Nhất Thiết Chủng Trí, cố tu Tứ Đẳng, Lục Độ, chủng chủng hạnh môn, vô bất bị tập, tích công lũy đức, trợ hiển Pháp Thân, như vạn chủng bảo hoa trang nghiêm sắc thân dã. Dĩ Pháp Thân bổn cụ Hằng sa Tánh Đức cố.

(Diễn) Dĩ Pháp Thân bổn cụ Tánh Đức giả, tuy vân vạn đức nghiêm thân, nhiên thử vạn đức thuộc Tu. Tu vô biệt tu, giai tùng tánh khởi tu. Dĩ hữu Hằng sa Tánh Đức, phương hữu Hằng sa Tu Đức. Bất nhiên, tu bất tùng tánh, nãi hữu tác chi tu, vô can tánh thể, vân hà năng nghiêm Pháp Thân da?

(疏)雜色寶華嚴身者。萬行因華。莊嚴法身故。

(鈔)萬行莊嚴者。雖證法身。若無萬行。名素法身。佛稱一切種智。故須四等六度。種種行門。無不備集。積功累德。助顯法身。如萬種寶華莊嚴色身也。以法身本具恒沙性德故。

(演)以法身本具性德者。雖云萬德嚴身。然此萬德屬修。修無別修。皆從性起修。以有恒沙性德。方有恒沙修德。不然。修不從性。乃有作之修。無干性體。云何能嚴法身耶。

*(**Sớ**: Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân (Ratnakusuma-sampush-pitagatra): Vạn hạnh nhân hoa trang nghiêm Pháp Thân.*

***Sao**: "Vạn hạnh trang nghiêm": Tuy chứng Pháp Thân, nếu chẳng có vạn hạnh, sẽ gọi là Pháp Thân suông! Phật được gọi là bậc Nhất Thiết Chủng Trí; vì thế, cần phải có Tứ Đẳng, Lục Độ, các thứ*

hạnh môn, không pháp nào chẳng tu tập trọn đủ. Tích lũy công đức để giúp hiển lộ Pháp Thân. Như muôn thứ hoa báu trang nghiêm sắc thân, do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ Hằng sa Tánh Đức vậy.

***Diễn**: "Do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ Tánh Đức": Tuy nói là vạn đức trang nghiêm cái thân, nhưng vạn đức ấy thuộc về Tu. Tu mà chẳng tu chi khác, đều là khởi tu từ tánh. Do có Hằng sa Tánh Đức, nên mới có Hằng sa Tu Đức. Nếu chẳng phải vậy, tu chẳng từ tánh bèn là tu hữu tác, chẳng dính dáng gì đến tánh thể, sao có thể nói là trang nghiêm Pháp Thân cho được?)*

Thật ra, đức hiệu của vị Phật này biểu thị Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trong pháp môn căn bản. Cổ nhân thường nói: *"Thành Phật viên mãn trong một đời, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm"*. Đức Phật giảng hết thảy các kinh, đối với chuyện từ [địa vị] phàm phu tu thành Phật trong một đời, kinh giảng giải lý luận, phương pháp, và cảnh giới rành mạch, viên mãn, quả thật là kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, có thể nói Hoa Nghiêm là Phật pháp khái luận của toàn thể Phật pháp, hết thảy các kinh đã được nói đều là một bộ phận đặc biệt của kinh Hoa Nghiêm nhằm giới thiệu chi tiết mà thôi, tổng cương lãnh là Hoa Nghiêm. Vị Phật này biểu thị ý nghĩa ấy. Trong Hoa Nghiêm, [các nhân vật giữ vai trò] khẩn yếu nhất là Văn Thù, Phổ Hiền, và Thiện Tài đồng tử, các Ngài học gì? Các Ngài tu gì? Đạt được kết quả gì? Nếu chúng ta có thể quan sát từ chỗ này, hiểu rõ ràng, sẽ thật sự có thâu hoạch. Trong kinh Hoa Nghiêm, trọng yếu nhất là Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, đối với chuyện xử sự, đãi người, tiếp vật, phải tuân thủ mười nguyên tắc, [thường gọi là] Thập Ba La Mật. Đó là đại hạnh trí huệ viên mãn, trong cuộc sống hằng ngày, hành vi của chúng ta sung mãn trí huệ viên mãn.

1) Thứ nhất là Bố Thí, có nghĩa là buông xuống. Thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống, tâm chúng ta thanh tịnh, trong tâm chẳng nhiễm mảy trần. Bố thí là bỏ, là buông xuống. Chẳng phải là bảo quý vị buông xuống những thứ khác; buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, vô dụng! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc trong tâm địa, phải buông những thứ ấy xuống, phải triệt để bố thí. Đã buông xuống những thứ bên trong thì đối với vật ở ngoài thân sẽ chẳng có trở ngại gì. Kinh Đại Thừa nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Trở ngại ở chỗ nào? Nếu trong tâm có vướng mắc, sẽ bị trở ngại, vấn đề bèn

nghiêm trọng. Trong tâm chẳng có vướng mắc bèn gọi là Bố Thí.

2) Trì Giới: Trì giới là vâng giữ pháp. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, nhất định phải tuân thủ.

3) Nhẫn Nhục là kiên nhẫn, phải nhẫn nại. Nếu có thể kiên nhẫn, sẽ chẳng bị lay động bởi thuận cảnh hay nghịch cảnh.

4) Tinh Tấn: Tấn (進) là tiến bộ, chẳng thoái chuyển. Đối với tiến bộ, nhấn mạnh Tinh (精), [nghĩa là] tinh thuần chẳng tạp, tiến bộ như vậy là đúng. Tiến bộ của người thế gian trong hiện thời là tạp tấn, loạn tấn. Vì vậy, họ chẳng thể thành tựu. Họ thật sự dụng công, thật sự nỗ lực, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng nghỉ ngơi, tới cuối cùng chẳng có kết quả, điều gì cũng chẳng thể thành tựu.

5) Thiền Định: Chẳng lay động, bất thoái chuyển.

6) Bát Nhã: Trí huệ hiện tiền. Bản thân chúng ta xử thế, đãi người phải dùng lý trí, chớ nên xử sự theo cảm tình. Cảm tình là mê, lý trí là Bát Nhã.

7) Sau đó là Phương Tiện, Nguyện, Lực và Trí.

Đấy là nguyên tắc chỉ đạo, đều là dạy chúng ta nên làm như thế nào trong cuộc sống nơi thế gian này, Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta những việc ấy. Đấy là phương pháp tu học cơ sở.

Phổ Hiền Bồ Tát mở rộng cơ sở ấy, mở rộng đến tận hư không khắp pháp giới, hoàn toàn tương ứng với tự tánh, viên thành Phật đạo. Đối với mười điều ấy, nếu chúng ta thật sự dùng cái tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để tu, sẽ là mười nguyện Phổ Hiền. Phổ Hiền Bồ Tát nêu lên mười khuôn mẫu, gọi là *"mười đại nguyện vương"*. Điều thứ nhất là dạy chúng ta *"lễ kính chư Phật "*. Chư Phật: Trừ chính mình ra, [bất cứ gì khác] đều gọi là *"chư Phật "*. Không chỉ hết thảy hữu tình là chư Phật, mà vô tình cũng là chư Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: *"Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí"*. Vì thế, chúng ta phải lễ kính hữu tình, mà đối với vô tình cũng phải lễ kính, quyết định chẳng có phân biệt, chẳng thấy có sai biệt, phải vận dụng cái tâm bình đẳng. Lễ kính theo cách nào? Có phải là thấy người khác liền bò rạp xuống đất, dập đầu ba lạy? Nếu quý vị tu theo kiểu như vậy, đức Phật trông thấy sẽ ứa lệ, quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Phật, ý nghĩa của Phật đều bị quý vị hiểu sai bét hết rồi! Về Sự thì phải thuận theo thế tục, *"Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian"*, đối với pháp thế gian phải tùy thuận thế tục. Phật pháp dùng tâm trí huệ, tâm thanh tịnh, sử dụng đại trí huệ, thanh tịnh chân thật

để tùy thuận hết thảy sự vụ thế tục. Đó là Phổ Hiền hạnh, mầu nhiệm chẳng thể nói được! Vì vậy, Đại Thừa Phật pháp, nhất là nói đến pháp Nhất Thừa tối cao, chính là nhân sinh viên mãn, là hạnh phúc chân thật. Trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện đã nói rất rõ ràng về lễ kính: Chủ thể thực hiện sự lễ kính bèn *"ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý"* (tôi dùng thân, ngữ, ý thanh tịnh). Do vậy có thể biết: Tam nghiệp thanh tịnh chính là lễ kính. Tam nghiệp chẳng thanh tịnh, dù thấy người khác bèn dập đầu lễ bái, vẫn chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Tam nghiệp thanh tịnh, thấy người khác bèn gật đầu đều là lễ kính chư Phật. Nói thật ra, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, mười nguyện [Phổ Hiền] đều là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* được ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. Vì thế, vị Phật này biểu thị kinh Hoa Nghiêm viên mãn trong một đời. Chúng ta phải lấy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử làm gương, làm tiêu chuẩn cho sự tu học trong cuộc sống, biểu thị ý nghĩa này. Do vậy, Phật pháp hết sức sống động, hết sức viên mãn. Đối với chuyện *"liễu sanh tử, thoát tam giới, vãng sanh bất thoái thành Phật "*, chính mình có tín tâm sung mãn, cuộc sống của quý vị sẽ vui sướng khôn sánh. Vị Phật thứ bảy:

(Sớ) Sa La Thụ Vương giả. Sa La, thử vân kiên cố, diệc vân tối thắng. Đức bất biến dịch, tam giới độc tôn, như thụ vương cố.

(疏)娑羅樹王者。娑羅。此云堅固。亦云最勝。德不變易。三界獨尊。如樹王故。

*(**Sớ**: Sa La Thụ Vương (Śalendrarājā): Sa La cõi này dịch là Kiên Cố, còn dịch là Tối Thắng (thù thắng nhất). Do đức chẳng biến đổi, tôn quý độc nhất trong tam giới, như vua của loài cây vậy).*

Trong phần trước, Hiển Giáo đã được nói xong, còn có một pháp môn rất đặc biệt, vị Phật này tượng trưng cho Mật. Sa La Thụ Vương mang ý nghĩa tỷ dụ sự kiên cố.

(Sao) Kiên cố giả, thử thụ tuế hàn bất điêu, phủ cân bất tổn, hữu kiên cố nghĩa. Như Phật chứng Pháp Thân, Hoặc bất năng dao, cảnh bất năng động cố. Tối thắng giả, thử thụ cao đại, nhất thiết lâm mộc vô năng cập giả, như Phật siêu tam giới, chúng thánh trung tôn cố. Cụ tư nhị đức, danh Thụ Vương dã.

(鈔)堅固者。此樹歲寒不彫 。斧斤不損 。有堅固義。

如佛證法身。惑不能搖。境不能動故。最勝者。此樹高大。一切林木無能及者。如佛超三界。眾聖中尊故。具斯二德。名樹王也。

*(**Sao**: "Kiên cố": Loại cây này đến mùa lạnh chẳng rụng lá, búa rìu chẳng thể gây tổn hại được, nên có ý nghĩa kiên cố. Như Phật chứng Pháp Thân, phiền não chẳng thể lay, cảnh chẳng thể động. "Tối thắng": Cây này cao to, hết thảy cây cối chẳng thể sánh bằng. Như Phật vượt trỗi tam giới, là bậc tôn quý nhất trong các vị thánh. Do có đủ hai đức ấy, nên gọi là Thụ Vương).*

Tại Trung Hoa, cây tùng, cây bách mùa Đông cũng chẳng rụng lá, hết sức kiên cố, mang ý nghĩa này. Mật Thừa vô thượng, nói thật ra, vẫn là một câu Phật hiệu. Câu Phật hiệu chính là vô thượng chú. Cuối Tâm Kinh có nói: *"Là chú vô thượng, là chú không có gì sánh bằng"*. Chú ấy chính là Nam-mô A Di Đà Phật. Sáu chữ ấy hoàn toàn phiên âm từ tiếng Phạn, chính là vô thượng mật chú. Trong kinh Đại Tập, đức Phật đã nói: Câu Phật hiệu là *"vô thượng thậm thâm Thiền"*, cũng là vô thượng, vô đẳng đẳng chú (chú không có gì sánh bằng). Kinh Hoa Nghiêm nói *"nhiều chính là một, một chính là nhiều"*. *"Một"* là câu danh hiệu này, *"nhiều"* là vô lượng vô biên pháp môn. Một câu Phật hiệu triển khai sẽ là vô lượng vô biên pháp môn, vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành một câu Phật hiệu. Vì thế mới biết danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vị Phật thứ tám:

(Sớ) Bảo Hoa Đức giả, Phật đức như bảo hoa cố.

(Sao) Tiền vân "nghiêm thân", nghiêm hữu nhân nghĩa; kim đản ngôn "hoa", dĩ hoa dụ đức. Phật chi vạn đức, quý trọng, hoa mỹ, như bảo hoa dã. Nhất vân Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Phật chi tứ đức: Thường như bảo hoa, vô điêu lạc cố. Lạc như bảo hoa, duyệt nhân ý cố. Ngã như bảo hoa, vô đãi ngoại cố. Tịnh như bảo hoa, thể oánh khiết cố. Phú hữu vạn đức, quý trọng hoa mỹ, khả lệ tri hỹ.

(Diễn) Phật chi tứ đức, phiên phá phàm phu vô thường kế thường đẳng tứ đảo. Nhị Thừa thường kế vô thường đẳng tứ đảo. Phật duy Tam Đức bí tạng, bất vị tứ tướng sở thiên, viết Thường. Do như bảo hoa, bất dĩ Xuân sanh, bất dĩ Thu tụy, cụ vô thượng Bồ Đề giác pháp lạc, vô thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, viết Lạc. Do như bảo hoa, trân kỳ túy mỹ, thích duyệt nhân tâm, cụ bát tự tại ngã, bất đãi ư

ngoại, viết Ngã. Do như bảo hoa, bất giả dương hòa, bất tư vũ lộ, bất vi ngũ trụ sở nhiễm, nhị tử sở lụy, viết Tịnh. Do như bảo hoa, tinh kim mỹ ngọc, tịnh vô tiêm trần cố.

(疏)寶華德者。佛德如寶華故。

(鈔)前云嚴身。嚴有因義。今但言華。以華喻德。佛之萬德。貴重華美。如寶華也。一云常樂我淨。佛之四德。常如寶華無彫落故。樂如寶華悅人意故。我如寶華無待外故。淨如寶華體瑩潔故。富有萬德。貴重華美。可例知矣。

(演)佛之四德。翻破凡夫無常計常等四倒。二乘常計無常等四倒。佛維三德祕藏。不為四相所遷曰常。猶如寶華。不以春生。不以秋瘁。具無上菩提覺法樂。無上涅槃寂靜樂。曰樂。猶如寶華。珍奇粹美。適悅人心。具八自在我。不待於外曰我。猶如寶華。不假陽和。不資雨露。不為五住所染。二死所累曰淨。猶如寶花。精金美玉。淨無纖塵故。

*(**Sớ**: Bảo Hoa Đức (Ratnophūlaśri): Phật đức như hoa báu.*

***Sao**: Phần trước nói là Nghiêm Thân, Nghiêm có ý nghĩa "nhân" ở trong ấy. Nay chỉ nói Hoa, dùng hoa để tỷ dụ đức. Vạn đức của Phật, quý trọng, đẹp đẽ như hoa báu. Một nghĩa là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức bốn đức của Phật. Thường là như hoa báu, chẳng tàn rụng. Lạc là như hoa báu khiến cho người ta vui sướng. Ngã là như hoa báu chẳng vướng mắc bên ngoài. Tịnh là như hoa báu thể chất sáng sạch, phong phú vạn đức. Có thể suy ra mà biết sự quý trọng, đẹp đẽ ấy.*

***Diễn**: "Bốn đức của Phật" lật nhào, phá vỡ bốn quan niệm điên đảo[47] vô thường mà chấp là thường v.v... của phàm phu và bốn quan niệm điên đảo "thường mà chấp là vô thường" của Nhị Thừa. Chỉ có Tam Đức bí tạng của Phật là chẳng bị bốn tướng[48] dời đổi nên nói là*

---

[47] Bốn quan niệm điên đảo là bốn thứ chấp trước về Thường và Vô Thường của chúng sanh: Một là chấp vạn pháp luôn thường hằng (Thường Kiến). Hai là chấp trước vạn pháp đều vô thường, không có đời sau, không có nhân quả v.v… (Đoạn Kiến). Ba là chấp vạn pháp là thường mà cũng là vô thường. Bốn là chấp vạn pháp chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường.

[48] Bốn tướng ở đây chính là thành, trụ, hoại, diệt.

Thường. Giống như hoa báu, chẳng vì Xuân mà sanh, chẳng vì Thu mà rơi rụng, có đủ niềm vui nơi giác pháp vô thượng Bồ Đề, niềm vui tịch tĩnh nơi Vô Thượng Niết Bàn, đó là Lạc. Ví như hoa báu, quý báu, lạ lùng, tinh túy, đẹp đẽ, vui sướng lòng người, có đủ tám món tự tại Ngã[49]*, chẳng phụ thuộc vào bên ngoài nên gọi là Ngã. Ví như hoa báu, chẳng cần ánh mặt trời ấp ủ, chẳng nhờ mưa, sương để tưới tắm, chẳng bị nhuốm bẩn bởi Ngũ Trụ, chẳng bị vướng mắc bởi hai thứ Tử (Phần Đoạn và Biến Dịch), đó là Tịnh. Ví như hoa báu, vàng ngọc đẹp đẽ, tinh tế, tinh sạch, chẳng có mảy trần).*

Vị Phật này biểu thị Báo Thân viên mãn. Ba vị Phật cuối cùng đều biểu thị sự viên mãn rốt ráo.

---

[49] Bát Tự Tại Ngã có hai cách hiểu:
I. Theo kinh Đại Niết Bàn thì Bát Tự Tại Ngã chính là tám đặc tánh tự tại nơi Ngã trong Tứ Đức của Như Lai:
1) Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2) Có thể thị hiện một thân nhỏ như vi trần mà đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới.
3) Hiện thân to lớn có thể nhẹ nhàng đến nơi xa xôi nhất.
4) Hiện thân thường sống trong vô lượng chủng loại chúng sanh.
5) Có thể sử dụng các căn lẫn nhau không trở ngại, như dùng mắt để nghe, dùng tai để nếm v.v… Mỗi căn trọn đủ tác dụng của năm căn kia.
6) Đạt được Vô Đắc Tưởng trong hết thảy các pháp.
7) Nói nghĩa của một bài kệ trải qua vô lượng kiếp.
8) Thân trọn khắp các nơi giống như hư không.
II. Sách Pháp Giới Thứ Đệ lại nói Bát Tự Tại là:
1) Có thể hiện nhỏ, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân chính mình và những pháp khác đều cực nhỏ như tiểu vi trần.
2) Có thể hiện lớn, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân mình và mọi người, mọi vật đều to lớn đầy ắp hư không chẳng ngăn ngại lẫn nhau.
3) Có thể hiện nhẹ, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân mình, mọi người, vạn pháp, thế giới v.v… đều nhẹ như lông hồng.
4) Có thể tự tại, tức là chuyển hóa tự tại từ nhỏ sang lớn, dài sang ngắn, nhẹ sang nặng và ngược lại tự tại vô ngại.
5) Có thể làm chủ, tức là có thể tự biến hóa thành thân lớn nhỏ, nhưng tâm chẳng phân biệt, chấp trước, hàng phục và nhiếp thọ hết thảy.
6) Có thể đến nơi xa, tức là có thể biến hóa đến bất cứ nơi xa xôi nào.
7) Có thể động, tức là có thể biến hóa khiến cho đại địa sáu thứ chấn động hoặc mười tám thứ chấn động.
8) Tùy ý, tức là tự tại biến hóa một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một thân, đi xuyên qua tường vách, núi non, chuyển biến tứ đại như biến đất thành nước, lửa v.v...

(Sớ) Kiến Nhất Thiết Nghĩa giả, chư pháp chi nghĩa, vô bất tri cố.

(Sao) Nhất thiết giả, thế xuất thế gian chư pháp vô lượng, tắc nghĩa vô lượng. Hữu tri cận nghĩa, bất tri viễn nghĩa giả. Hữu tri thiên nghĩa, bất tri viên nghĩa giả. Hữu tri tổng nghĩa, bất tri biệt nghĩa giả. Hữu tri thật nghĩa, bất tri quyền nghĩa giả. Phật vô bất kiến, như Tất Đạt thái tử, danh Nhất Thiết Nghĩa Thành, tức thử ý dã.

(Diễn) Thế xuất thế gian chư pháp vô lượng, tắc nghĩa vô lượng giả. Thế gian chi pháp, thị Ấm, Nhập, Xứ, Giới đẳng. Thế gian chi nghĩa, tắc tích tụ, thiệp nhập đẳng. Xuất thế chi pháp, thị Đế, Duyên, Lục Độ đẳng. Xuất thế chi nghĩa, tắc bức bách, chiêu cảm đẳng. Phàm phu tri cận, bất tri viễn, đản tri thế gian pháp, bất tri xuất thế gian pháp cố. Nhị Thừa tri thiên, bất tri viên, yếm hữu, trước không, bất tri không hữu vô ngại cố. Sơ tâm Bồ Tát, tri tổng, bất tri biệt, đản ngộ Niết Bàn tâm, bất tri sai biệt nghĩa cố. Tri thật, bất tri quyền, đản tri Chân Như giới nội, bất tri Phật sự môn đầu cố. Phật nãi ngũ nhãn viên minh, tam trí viên hiển, vô bất kiến dã.

(疏)見一切義者。諸法之義。無不知故。

(鈔)一切者。世出世間。諸法無量。則義無量。有知近義。不知遠義者。有知偏義。不知圓義者。有知總義。不知別義者。有知實義。不知權義者。佛無不見。如悉達太子。名一切義成。即此意也。

(演)世出世間諸法無量。則義無量者。世間之法。是陰入處界等。世間之義。則積聚涉入等。出世之法。是諦緣六度等。出世之義。則逼迫招感等。凡夫知近不知遠。但知世間法。不知出世間法故。二乘知偏不知圓。厭有著空。不知空有無礙故。初心菩薩。知總不知別。但悟涅槃心。不知差別義故。知實不知權。但知真如界內。不知佛事門頭故。佛乃五眼圓明。三智圓顯。無不見也。

*(**Sớ**: Kiến Nhất Thiết Nghĩa (Sarvārthadarśa): Nghĩa của chư pháp, không gì chẳng biết.*

***Sao**: Nhất Thiết: Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng. Có kẻ biết nghĩa gần, chẳng biết nghĩa xa. Có kẻ biết nghĩa thiên lệch, chẳng biết nghĩa viên mãn. Có kẻ biết nghĩa tổng*

quát, chẳng hiểu nghĩa riêng biệt. Có kẻ biết thật nghĩa, chẳng biết quyền nghĩa. Phật không gì chẳng thấy. Như thái tử Tất Đạt (Siddhārtha) tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, chính là vì ý này.

***Diễn**: "Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng": Pháp thế gian là Ấm, Nhập, Xứ, Giới v.v… Nghĩa thế gian là như tích lũy, tu tập, xen nhập v.v… Pháp xuất thế là Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v… Nghĩa xuất thế là như bức bách, chiêu cảm v.v… Phàm phu biết gần, mà chẳng biết xa, chỉ biết pháp thế gian, chẳng biết pháp xuất thế gian. Nhị Thừa biết Thiên (thiên chấp, lệch về một bên), chẳng biết Viên, chán Có, chấp Không, chẳng biết Không và Hữu vô ngại. Sơ tâm Bồ Tát biết Tổng, chẳng biết Biệt, chỉ biết Niết Bàn tâm, chẳng biết nghĩa sai biệt, biết Thật, chẳng biết Quyền, chỉ biết trong phạm vi Chân Như, chẳng biết những chuyện thuộc về Phật sự. Phật là ngũ nhãn viên minh, tam trí hiển lộ trọn vẹn, không gì chẳng thấy).*

Biểu thị trăm ngàn ức Hóa Thân.

(Sớ) Như Tu Di Sơn giả, Tu Di vi chúng sơn chi vương, Phật đức siêu tuyệt như Tu Di cố.

(Sao) Tiền ngôn Tu Di Tướng, cố chỉ tướng hảo. Kim vô Tướng tự, chuyên tựu đức ngôn. Hợp vạn đức nhi giao la, như Tu Di dĩ bảo thành xưng Diệu. Trung thiên hạ nhi độc lập, như Tu Di dĩ tối thượng xưng Cao. Tu Di vương ư chúng sơn, Như Lai vương ư tam giới, kỳ nghĩa nhất dã.

(疏)如須彌山者。須彌為眾山之王。佛德超絕。如須彌故。

(鈔)前言須彌相。故指相好。今無相字。專就德言。合萬德而交羅。如須彌以寶成稱妙。中天下而獨立。如須彌以最上稱高。須彌王於眾山。如來王於三界。其義一也。

*(**Sớ**: Như Tu Di Sơn (Sumērukalpa): Tu Di là vua trong các quả núi. Phật đức siêu tuyệt như Tu Di.*

***Sao**: Trong phần trước nói Tu Di Tướng là nói về tướng hảo, nay không có chữ Tướng là chuyên nói về đức. Hợp vạn đức kết thành, như núi Tu Di do các chất báu tạo thành, được gọi là Diệu. Đứng sừng sững*

một mình giữa thiên hạ, như núi Tu Di tối thượng nên gọi là Cao. Tu Di là vua của các núi, Như Lai là vua của tam giới, có cùng một nghĩa).

Biểu thị Pháp Thân viên mãn thanh tịnh. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân, Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân, dùng để hóa độ chúng sanh. Lý Thể là thanh tịnh Pháp Thân. Học Phật đến chỗ này mới là thật sự đạt đến viên mãn rốt ráo, chứng đắc viên mãn ba thân Pháp, Báo, Ứng.

Kinh văn trước sau tương ứng trọn vẹn. Phương Đông biểu thị thái độ học Phật cơ bản. A Súc Bệ Phật biểu thị bất động, tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng. Tâm chẳng định, chẳng thể học điều gì! Tâm phải định, nếu tâm bất động, chẳng bị hết thảy lay động, quý vị sẽ có thể học. Ba vị Phật kế tiếp [biểu thị] những mục tiêu chúng ta mong cầu. Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật chính là ba thân. Trước hết là những gì trong tâm hướng tới, Tu Di Tướng là Báo Thân, Đại Tu Di là Pháp Thân, Tu Di Quang là Ứng Hóa Thân. Đến cuối cùng, ở đây chúng ta đã viên mãn, đã đạt được. Trong phần trước là mong cầu đạt đến, phần sau là thật sự đạt được. Đức hiệu của sáu phương Phật đã hiển thị sự tu học trong Tịnh Tông từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật trong tương lai, toàn thể lịch trình tu học là như thế đó. Đoạn kinh văn này thật sự hết sức hay, nếu mọi người hời hợt, hờ hững xem lướt qua, quá đáng tiếc! Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 267

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm năm mươi:

Xác thực là danh hiệu của sáu phương Phật nhằm chỉ dạy chúng ta là những kẻ niệm Phật tu pháp môn Tịnh Độ hãy nên đi theo con đường Bồ Đề đại đạo. Ý nghĩa này hết sức trọng yếu.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh ngưỡng chi di cao bất khả tận, thị thượng phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Nhan Uyên thán đạo, viết: "Ngưỡng chi di cao", kim tá dụng chi, ngôn linh tâm trác việt, thể tuyệt phan duyên. Ngưỡng chi di cần, cao chi ích thậm. Tích Tịnh Danh quá thượng phương tứ thập nhị Hằng hà sa thế giới, nhi thủ hương phạn; kim vị cánh quá thượng phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới, cầu ư tự tánh, thí như tiếp trúc điểm thiên, dục chí kỳ điên, chung bất khả đắc!

(Diễn) Thể tuyệt phan duyên giả, vị Bát Nhã như đại hỏa tụ, chúng sanh chi tâm xứ xứ năng duyên, độc bất duyên ư Bát Nhã chi thượng dã. Tịnh Danh thượng phương thủ hương phạn giả, kinh vân: Thời Duy Ma Cật, tức nhập tam-muội, dụng thần thông lực, thị chư đại chúng. Thượng phương giới phận, quá tứ thập nhị Hằng hà sa quốc độ, hữu quốc danh Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tích. Kim hiện tại, kỳ quốc hương khí, tỷ ư thập phương chư Phật thế giới nhân thiên chi hương, tối vi đệ nhất. Bỉ độ vô hữu Thanh Văn, Bích Chi Phật danh, duy hữu thanh tịnh đại Bồ Tát chúng, Phật vị thuyết pháp. Nãi chí cư sĩ, khiển hóa Bồ Tát đáo bỉ, thỉnh hương phạn viết: "Nguyện đắc Thế Tôn sở thực chi dư, đương ư Sa Bà thế giới, thi tác Phật sự" đẳng.

(疏)稱理，則自性仰之彌高不可盡，是上方恆沙佛義。

(鈔)顏淵歎道。曰。仰之彌高。今借用之。言靈心卓越。體絕攀緣。仰之彌勤。高之益甚。昔淨名過上方四十二恆河沙世界。而取香飯。今謂更過上方不可說恆河沙世界。求於自性。譬如接竹點天。欲至其巔。終不可得。

(演)體絕攀緣者。謂般若如大火聚。眾生之心處處能緣。獨不緣於般若之上也。 淨名上方取香飯者。經云。時維摩詰。即入三昧。用神通力。示諸大眾。上方界分過四十二恒河沙國土。有國名眾香。佛號香積。今現在。其國香氣。比於十方諸佛世界人天之香。最為第一。彼土無有聲聞辟支佛名。唯有清淨大菩薩眾。佛為說法。乃至居士。遣化菩薩到彼。請香飯曰。願得世尊所食之餘。當於娑婆世界。施作佛事等。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì càng ngưỡng vọng tự tánh, càng cảm thấy cao chót vót chẳng thể cùng tận, chính là ý nghĩa của phương trên có Hằng sa Phật.*

***Sao**: Nhan Uyên cảm thán về đạo[50] [của Khổng Tử], nói: "Ngửa trông lên càng cao", nay mượn ý ấy để dùng, hòng nói: Tâm linh thông*

[50] Thiên Tử Cán sách Luận Ngữ chép: *"Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu, Phu Tử tuần tuần nhiên dụ*

chót vót tuyệt diệu, Thể của nó dứt bặt mọi sự nắm níu. Càng siêng gắng ngưỡng vọng, càng thấy cao cả. Xưa kia, ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) qua khỏi bốn mươi hai ức Hằng hà sa thế giới để lấy cơm thơm. Nay lại nói qua khỏi bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới trong phương trên để cầu tự tánh thì ví như nối tre để khều trời, toan muốn chạm đến tột đỉnh của bầu trời, trọn chẳng thể được.

***Diễn**: "Thể dứt bặt nắm níu", ý nói Bát Nhã như đống lửa lớn, tâm chúng sanh chỗ nào cũng có thể duyên được, chỉ riêng Bát Nhã là chẳng thể duyên được. "Tịnh Danh lấy cơm thơm nơi thượng phương": Kinh nói khi ấy ngài Duy Ma Cật dùng sức thần thông, liền nhập tam-muội, thị hiện cho đại chúng thấy trong các thế giới ở phương trên, qua khỏi bốn mươi hai Hằng hà sa số quốc độ, có một cõi nước tên là Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tích, nay vẫn còn đang trụ thế. Hương thơm trong cõi ấy so với mùi hương của trời, người trong mười phương thế giới chư Phật, sẽ là thù thắng tột bậc. Cõi ấy chẳng có tên gọi Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ có hàng đại Bồ Tát thanh tịnh, đức Phật vì họ thuyết pháp. Cư sĩ (ngài Duy Ma Cật) bèn sai hóa Bồ Tát đến cõi đó, xin cơm thơm, nói như sau: "Mong được thức ăn còn thừa của đức Thế Tôn để thực hiện Phật sự trong thế giới Sa Bà" v.v...)*

Liên Trì đại sư dùng một thành ngữ của Nho gia để hình dung ý nghĩa *"tự tánh có vô tận công đức"*.

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: "Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh".

---

nhân, bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ, dục bãi bất năng, ký kiệt ngô tài, như hữu sở lập trác nhĩ, vị do dĩ dã" (Nhan Uyên cảm thán nói: "Học vấn của thầy ta càng dõi nhìn càng cảm thấy cao ngất, càng dùi mài nghiên cứu, càng cảm thấy sâu dầy. Vừa trông thấy đằng trước, bỗng dưng đã ở đằng sau. Thầy hướng dẫn chúng ta từng bước một, khiến cho kiến thức của ta thêm phong phú, dùng lễ nghi để ước thúc chúng ta, nếu chẳng học theo Ngài sẽ chẳng thể có thành tựu. Ta đã dốc trọn toàn lực, vẫn cảm thấy dường như có một quả núi cao sừng sững trước mắt, chỉ cảm thấy chẳng biết tiến lên như thế nào). Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của trang nhà Trung Quốc Triết Học Thư Điện Tử Hóa Kế Hoạch (ctext.org).

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Mỗi vị đều ở trong cõi mình, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này").*

Trong một bộ kinh Di Đà ngắn ngủi này, chúng ta thấy câu này rất nhiều lần, sáu phương Phật là sáu lần [lặp lại], trong phần sau, đức Phật vẫn nhắc tới. Đọc nhiều lần, chúng ta bèn có ấn tượng hết sức sâu đậm, đấy là đức Phật đặc biệt nói nhấn mạnh. Nếu chúng ta có thể thật sự biết đôi chút đại ý trong tựa đề gốc của bản kinh này, tín nguyện trì danh sẽ tự nhiên đắc lực. Công phu niệm Phật chẳng đắc lực; nói cách khác, [đó là do] vẫn còn chưa thân thuộc đối với công đức của danh hiệu cho lắm!

(Sớ) Dĩ thượng lục phương Phật tán, diệc thị A Di Đà Phật bổn nguyện lực cố.

(疏)以上六方佛讚，亦是阿彌陀佛本願力故。

*(**Sớ**: Sáu phương Phật tán thán như trên đây cũng là do sức bổn nguyện của A Di Đà Phật).*

Sáu phương chính là mười phương, mười phương cũng là ba đời. Đúng là mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều lễ tán A Di Đà Phật. Vì sao nói hết thảy chư Phật tán thán cũng là do bổn nguyện của A Di Đà Phật? Đó là vì trong bốn mươi tám nguyện có nguyện này.

(Sao) Bổn nguyện giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, danh văn thập phương vô ương số thế giới, chư Phật các ư đại chúng chi trung, xưng ngã công đức cập dữ quốc độ" đẳng.

(鈔)本願者，大本法藏願云：我作佛時，名聞十方無央數世界，諸佛各於大眾之中，稱我功德及與國土等。

*(**Sao**: "Bổn nguyện": Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi ta làm Phật, tiếng tăm vang khắp mười phương vô ương số thế giới, chư Phật mỗi vị đều ở trong đại chúng khen ngợi công đức và cõi nước của ta" v.v...)*

Phật Di Đà có nguyện này. Sau mỗi nguyện, lão nhân gia đều nói: Nếu nguyện ấy chẳng thành tựu, Ngài sẽ chẳng thành Phật. Vì thế, bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều thành tựu viên mãn. Ngài ở trong thế giới Tây Phương thành Phật cho đến nay đã là mười kiếp.

(Sao) Cố kim thành Phật, như kỳ sở nguyện.
(鈔)故今成佛，如其所願。
*(**Sao**: Cho nên nay thành Phật, đúng như sở nguyện).*

Đối với nguyện này, dụng ý chính của Ngài là ở chỗ nào? Có phải là A Di Đà Phật rất háo danh hay chăng? Kẻ háo danh mà còn có thể thành Phật ư? Chúng ta nhất định phải hiểu bổn ý của Ngài! Phật Di Đà tuyệt đối chẳng mong tiếng tăm, lợi dưỡng, mà là mong phổ độ hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh thành Phật viên mãn ngay trong một đời! Nếu chư Phật chẳng tán thán, chẳng đề cao, chẳng giới thiệu Ngài, chúng sanh làm sao biết có A Di Đà Phật? Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là một trong các vị Phật, do Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta, chúng ta mới biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, có một vị Phật tên là A Di Đà. Mười phương chư Phật ở ngay trong khu vực giáo hóa của chính mình, đối trước các học trò của các Ngài, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bảo chúng ta. Chư Phật cũng khẩn thiết hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật, khuyên dạy chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Đấy chính là ý nghĩa [được ẩn tàng] trong bổn nguyện công đức của A Di Đà Phật. Thực ra, Ngài thật sự có thể làm được, cũng có nghĩa là: Hết thảy chúng sanh, kể cả chúng sanh trong địa ngục, [dẫu là] hạng chúng sanh tạo tác tội nghiệp cực nặng, chỉ cần họ có thể tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, cũng nhất định được vãng sanh ngay trong một đời. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô lượng tội nghiệp cực nặng đều có thể tiêu trừ ngay trong một đời. Tây Phương Cực Lạc thế giới tiêu trừ nghiệp chướng nhanh chóng nhất, viên thành Phật đạo ngay trong một đời. Vì thế, chư Phật Như Lai không vị nào chẳng tán thán, đạo lý ở chỗ này.

(Sớ) Hữu chấp Lăng Nghiêm, vị Quán Âm Nhĩ Căn, thử phương giáo thể, Thế Chí niệm Phật, bất dự Viên Thông, vân hà kim nhật phổ giáo niệm Phật? Dĩ thử vi nghi giả, chánh diêu bất đạt lục phương Phật tán cố.

(Diễn) Quán Âm Nhĩ Căn, thử phương giáo thể giả, Văn Thù tuyển Viên Thông ký vân: "Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn. Dục thủ Tam-ma-đề, thật dĩ Văn trung nhập, ly khổ đắc giải thoát. Lương tai Quán Thế Âm!" Thế Chí Niệm Phật bất dự Viên Thông giả, kệ vân: "Chư hành thị vô thường, niệm tánh nguyên sanh diệt, nhân quả kim thù cảm, vân hà hoạch Viên Thông?"

(疏)有執楞嚴，謂觀音耳根，此方教體，勢至念佛，不與圓通，云何今日普教念佛？以此為疑者，正繇不達六方佛讚故。

(演)觀音耳根。此方教體者。文殊選圓通記云。此方真教體。清淨在音聞。欲取三摩提。實以聞中入。離苦得解脫。良哉觀世音。勢至念佛不與圓通者。偈云。諸行是無常。念性元生滅。因果今殊感。云何獲圓通。

*(**Sớ**: Có kẻ chấp vào kinh Lăng Nghiêm, bảo: Phép Nhĩ Căn của đức Quán Âm [khế hợp] giáo thể của cõi này, còn phép Niệm Phật của ngài Thế Chí chẳng được chọn là phép Viên Thông, cớ sao nay lại dạy trọn khắp [hữu tình] niệm Phật? Viện vào điều ấy rồi nghi ngờ, chính là vì chẳng thấu hiểu [ý nghĩa của việc] sáu phương Phật đều tán thán.*

***Diễn**: "Pháp Nhĩ Căn của Quán Âm" [khế hợp] giáo thể phương này: Kinh ghi lời ngài Văn Thù nói khi chọn lựa Viên Thông như sau: "Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng. Muốn chứng nhập Chánh Định, thật sự do Nghe nhập, lìa khổ được giải thoát. Lành thay Quán Thế Âm". "Pháp Niệm Phật của ngài Thế Chí chẳng được chọn là phép Viên Thông": Trong bài kệ ấy có đoạn: "Các hành là vô thường, tánh niệm vốn sanh diệt. Nhân cảm quả sai khác, làm sao đắc Viên Thông?")*

"Chấp" (執) là chấp trước. Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh khá phổ biến tại Trung Hoa; cổ nhân thường nói: *"Khai huệ Lăng Nghiêm, thành Phật Pháp Hoa"*. Trong những kinh điển đã được phiên dịch tại Trung Hoa, kinh Lăng Nghiêm được coi là hay nhất về mặt văn chương, nên những kẻ học Văn Học đều đọc kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát đã vì thế giới này chọn lựa pháp môn, Ngài chọn pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ Tát. *"Bất dự Viên Thông"* nghĩa là chẳng chọn Đại Thế Chí Niệm Phật Viên

Thông Chương; vì sao nay lại dạy trọn khắp chúng ta niệm Phật? *"Dĩ thử vi nghi"* (Do điều này mà sinh nghi): Xét theo giáo nghĩa của kinh Lăng Nghiêm, không thể chẳng có nghi vấn! *"Chánh diêu bất đạt lục phương Phật tán cố"* (Chính là vì chẳng thấu đạt sáu phương Phật đều tán thán), *"đạt"* (達) là thông đạt, hiểu rõ. Vì sao kẻ ấy có nghi hoặc? Chính là vì kẻ ấy không biết sáu phương Phật tán thán trọn khắp pháp môn này, hết thảy chư Phật đều tán thán! Trong hội Lăng Nghiêm, pháp Viên Thông do Văn Thù Bồ Tát chọn lựa, đó là sự chọn lựa của bậc Bồ Tát. Còn ở đây là sự chọn lựa của chư Phật, chẳng phải là chọn lựa của riêng một vị Phật nào. Tất cả hết thảy chư Phật đều chọn lựa pháp môn này, chẳng lẽ [sự chọn lựa ấy] còn chẳng sánh bằng Văn Thù Bồ Tát ư? Chúng ta nhìn từ chỗ này, nghi hoặc sẽ chẳng còn nữa, đây là sự chọn lựa của chư Phật!

(Sao) Nghi giả vị Niệm Phật pháp môn, ký bất đậu thử phương chi cơ.

(鈔)疑者謂念佛法門，既不逗此方之機。

*(**Sao**: Nghi là vì cho rằng pháp môn Niệm Phật chẳng phù hợp căn cơ của người phương này).*

"Bất đậu" (不逗) là chẳng thích hợp. Chẳng thích hợp căn cơ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà.

(Sao) Hựu bất nhập Viên Thông chi tuyển.

(鈔)又不入圓通之選。

*(**Sao**: Lại còn chẳng được chọn là phép Viên Thông).*

Ngài Văn Thù chọn lựa phép Viên Thông cho chúng ta, chẳng chọn lựa pháp môn Niệm Phật.

(Sao) Ký cư thử phương, hà tất niệm Phật?

(鈔)既居此方，何必念佛。

*(**Sao**: [Vậy thì] đã sống trong cõi này, cần gì phải niệm Phật?)*

Nay chúng ta sống trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là Nhĩ Căn Viên Thông, cớ gì chúng ta phải niệm Phật? Kẻ hoài nghi trong tâm có

nỗi nghi hoặc như vậy! Dưới đây, Liên Trì đại sư đã vì chúng ta đoạn nghi, sanh tín.

(Sao) Kim quán lục phương chư Phật giai tán thử kinh.

(鈔)今觀六方諸佛皆讚此經。

*(**Sao**: Nay xét thấy sáu phương chư Phật đều khen ngợi kinh này).*

Sáu phương chính là mười phương. Hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào không tán thán bộ kinh này, chẳng có vị Phật nào không tán thán pháp môn này.

(Sao) Tắc tri Nhĩ Căn giả, thiên đậu thử phương chi cơ.

(鈔)則知耳根者，偏逗此方之機。

*(**Sao**: Cho nên biết Nhĩ Căn phù hợp riêng cho căn cơ của người trong cõi này).*

Nhĩ Căn Viên Thông rất thích hợp căn cơ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Văn Thù Bồ Tát nói: *"Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn"* (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Ngài chọn lựa chẳng sai.

(Sao) Niệm Phật tắc phổ đậu thập phương thế giới chi cơ dã.

(鈔)念佛則普逗十方世界之機也。

*(**Sao**: Niệm Phật phù hợp trọn khắp căn cơ của mười phương thế giới).*

Nhĩ Căn Viên Thông trong thế giới Sa Bà thì được, đối với các thế giới khác, chưa chắc đã thích hợp, chưa chắc đã khế cơ, nhưng trong hết thảy các cõi Phật, pháp môn Niệm Phật đều khế cơ, khác hẳn!

(Sao) Đại Bổn vân: "Thập phương chúng sanh, xưng ngã danh hiệu, tất sanh ngã quốc", thị dã.

(鈔)大本云：十方眾生，稱我名號，必生我國。是也。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn nói: "Mười phương chúng sanh, xưng danh hiệu ta, ắt sanh về cõi ta" chính là ý này).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. *"Thập phương"* là chúng sanh thuộc chín pháp giới trong hết thảy các cõi Phật, trên là bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, dưới là mãi cho đến chúng sanh trong địa ngục. *"Xưng ngã danh hiệu"* (Xưng danh hiệu của ta) là niệm Phật. Niệm Phật nhất định sanh về Tịnh Độ, nhất định được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này chứng tỏ pháp môn này thích hợp trọn khắp hết thảy chúng sanh trong mười phương. Đó là so sánh giữa Nhĩ Căn Viên Thông và Niệm Phật Viên Thông. Dưới đây là nhìn từ một góc độ khác.

(Sao) Nhĩ Căn giả, thiên đậu nhân loại chi cơ, niệm Phật tắc phổ đậu lục đạo chúng sanh chi cơ dã.

(鈔)耳根者，偏逗人類之機，念佛則普逗六道眾生之機也。

*(**Sao**: Nhĩ Căn riêng phù hợp căn cơ của nhân loại, còn niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của chúng sanh trong lục đạo).*

Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông cho chúng ta, là vì Nhĩ Căn của loài người trong thế giới Sa Bà rất nhạy bén, chứ đối với năm đường khác thì chẳng phải là như vậy. Pháp môn Niệm Phật lợi ích khắp cả lục đạo.

(Sao) Đại Bổn vân: "Địa ngục, quỷ, súc sanh, diệc sanh ngã sát trung", thị dã.

(鈔)大本云：地獄鬼畜生，亦生我剎中。是也。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn nói: "Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng sanh trong nước ta" chính là ý này).*

Đây là nói về ba ác đạo, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nghe pháp môn này, có thể tín, có thể nguyện, có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng đều được vãng sanh. Có thể thấy là phạm vi nhiếp thọ của Nhĩ Căn Viên Thông nhỏ bé, chỉ [gói gọn] trong loài người của thế giới Sa Bà, còn pháp môn Niệm Phật nhiếp thọ căn cơ rộng lớn, có thể nhiếp trọn khắp hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, có thể hàm nhiếp hết thảy chúng sanh trong lục đạo.

(Sao) Nhiên tắc Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật.

(鈔)然則耳根不攝念佛。

*(**Sao**: Vậy thì Nhĩ Căn chẳng hàm nhiếp Niệm Phật).*

Pháp môn trong Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương chẳng thể bao gồm pháp môn Niệm Phật.

(Sao) Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn.
(鈔)念佛能攝耳根。
*(**Sao**: Niệm Phật có thể bao hàm Nhĩ Căn).*

Pháp môn Niệm Phật có thể bao hàm pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ Tát.

(Sao) Thị cố Nhĩ Căn giả, thử phương Thích Ca Như Lai sở tán.
(鈔)是故耳根者，此方釋迦如來所讚。
*(**Sao**: Vì vậy, Nhĩ Căn là pháp được tán thán bởi Thích Ca Như Lai trong cõi này).*

Pháp được một đức Phật tán thán sẽ thích ứng cho một khu vực [giáo hóa của chính Ngài], thích hợp một thời đại, có giới hạn, có phạm vi [nhất định].

(Sao) Niệm Phật giả, thập phương Hằng sa Như Lai sở tán.
(鈔)念佛者，十方恒沙如來所讚。
*(**Sao**: Niệm Phật là pháp được mười phương Hằng sa Như Lai tán thán).*

Pháp này siêu việt thời gian và không gian. Pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Kim tùng đa tán cố dã.
(鈔)今從多讚故也。
*(**Sao**: Nay [khuyên khắp mọi người niệm Phật] là thuận theo pháp được đa số tán thán vậy).*

Nay chúng ta học pháp môn này, chúng ta khuyên trọn khắp mọi người niệm Phật là do dựa theo sự khuyên dạy và tán thán của hết thảy

chư Phật, có ý nghĩa như thế đó. Chúng ta hoàn toàn chẳng phạm sai lầm!

(Sao) Thả kim phổ thiên chi hạ, truy, tố, nam, nữ, tự nhiên niệm Phật, như tiền văn sở minh đậu cơ chi quảng, hựu hà nghi tai?

(Diễn) Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật, Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn giả, nhược luận pháp môn, Niệm Phật hữu Sự trì, Lý trì. Lý trì tắc phản Phật tự Phật, tức thị phản văn tự văn, thị Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn dã. Nhi Nhĩ Căn tắc vô Sự trì chi pháp, thị Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật dã. Nhược luận nhiếp sanh, Niệm Phật tắc phổ nhiếp lợi độn chư căn: Hạ tự địa ngục, quỷ, súc, du du phàm phu, thượng chí cụ Văn Tư Tu nhập Tam-ma-địa giả, giai sanh bỉ quốc, thị Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn dã. Nhi Nhĩ Căn Viên Thông, tắc hạ cơ tuyệt phần, thị Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật dã.

(鈔)且今普天之下，緇素男女，自然念佛，如前文所明逗機之廣，又何疑哉。

(演)耳根不攝念佛。念佛能攝耳根者。若論法門。念佛有事持理持。理持則反佛自佛。即是反聞自聞。是念佛能攝耳根也。而耳根則無事持之法。是耳根不攝念佛也。若論攝生。念佛則普攝利鈍諸根。下自地獄鬼畜悠悠凡夫。上至具聞思修入三摩地者。皆生彼國。是念佛能攝耳根也。而耳根圓通。則下機絕分。是耳根不攝念佛也。

*(**Sao**: Hơn nữa, nay trọn khắp thiên hạ, tăng, tục, nam, nữ tự nhiên niệm Phật, như trong phần kinh văn trước đó đã nói [nguyên do là vì pháp môn này] thích hợp căn cơ rộng rãi, há còn ngờ chi?*

***Diễn**: "Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật, Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn": Nếu luận định theo pháp môn, Niệm Phật có Sự trì và Lý trì. Lý trì là xoay từ đức Phật [bên ngoài để nhận biết] đức Phật của chính mình, tức là xoay cái Nghe lại để nghe tự tánh, đấy chính là Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn. Nhưng môn Nhĩ Căn chẳng có pháp Sự trì, tức là Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật. Nếu luận định theo phương diện nhiếp độ chúng sanh, Niệm Phật nhiếp độ trọn khắp các căn lợi và độn, dưới từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phàm phu ngu ngơ, trên đến bậc đầy đủ Văn, Tư, Tu, nhập Chánh Định, đều sanh về cõi ấy. Đó là Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn; nhưng Nhĩ Căn Viên Thông thì căn cơ bậc hạ trọn chẳng có phần. Đấy chính là Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật vậy).*

"Truy" (緇) là người xuất gia, *"tố"* (素) là người tại gia, nay chúng ta nói là tứ chúng đệ tử tại gia và xuất gia.

(Sao) Thí thiết nhất dụ, như thử quốc trung, hữu bách thiên ấp.
(鈔)試設一喻，如此國中，有百千邑。
*(**Sao**: Thử lập một thí dụ, như trong nước này, có trăm ngàn ấp).*

Dùng một quốc gia để làm tỷ dụ. Ấp (邑)[51] là thành thị. *"Bách thiên ấp"*: Quốc gia ấy có rất nhiều thành thị, lãnh thổ của quốc gia ấy rất lớn.

(Sao) Ư trung, sĩ tử phân tập Ngũ Kinh.
(鈔)於中士子分習五經。
*(**Sao**: Trong ấy, sĩ tử chia nhau học tập Ngũ Kinh).*

"Sĩ" (士) là người đọc sách. Ngũ Kinh là kinh Dịch, kinh Thư, kinh Thi, Lễ Ký và Xuân Thu.

(Sao) Hoặc hữu nhất ấp, sĩ đa tập Thi.

---

[51] Trong Hán ngữ, Ấp chỉ một khu vực quần cư lớn (không có nghĩa là một phần nhỏ của một làng, một xóm như trong tiếng Việt). Ấp có thể mang ý nghĩa thành thị, đô thành, quận, huyện v.v... Theo Thuyết Văn Giải Tự, chữ Ấp (邑) thuộc loại Hội Ý, phía trên là chữ Vi (口), mang ý nghĩa cương vực, phía dưới là chữ Ba (巴), tức là biến thể của hình người đang quỳ. Do vậy, Ấp mang ý nghĩa một khu vực quản lý. Thời Xuân Thu Liệt Quốc, đất được thiên tử phong cho chư hầu thường gọi là Ấp. Đoàn Ngọc Tải khi chú giải sách Thuyết Văn đã chỉ rõ: *"Tả Truyện phàm xưng nhân viết đại quốc, phàm tự xưng viết Tệ Ấp, cổ quốc Ấp thông xưng"* (Trong sách Tả Truyện, khi nói về nước của người khác đều gọi là Đại Quốc, hễ nói về nước mình bèn bảo là Tệ Quốc. Thời cổ, các nước đều gọi chung là Ấp). Vì thế, sau này, khi các quan to hoặc đại thần, được vua phong đất (tức là được quyền quản trị, thâu thuế các hộ dân cư sống trong vùng đất phong ấy, thường gọi là "ăn lộc") thì vùng đất phong ấy thường gọi là "thái ấp". Ý nghĩa thứ hai của chữ Ấp là chỉ thủ đô của đất nước, như khi nhắc đến kinh đô của nhà Thương thường gọi là Thương Ấp, tuy danh xưng chánh thức là Triều Ca. Về sau, nhằm phân biệt rõ, nơi thiên tử đang trị vì gọi là Đô, kinh đô cũ gọi là Ấp. Dần dần, chữ Ấp được chỉ chung các thành thị. Thành thị lớn gọi là Đô, thành thị nhỏ gọi là Ấp. Về sau, chỉ riêng kinh đô gọi là Đô, thành thị lớn hoặc nơi giữ vai trò quản lý cả khu vực thì gọi là Thành, các khu vực nhỏ hơn gọi là Ấp.

(鈔)或有一邑，士多習詩。
*(**Sao**: Hoặc có một ấp, sĩ tử phần nhiều học tập kinh Thi).*

Hoặc là có một khu vực, người đọc sách thích học kinh Thi.

(Sao) Hoặc hữu nhất ấp, sĩ đa tập Lễ.
(鈔)或有一邑，士多習禮。
*(**Sao**: Hoặc có một ấp, sĩ tử phần nhiều học Lễ Ký).*

Trong một khu vực khác, họ học Lễ Ký.

(Sao) Sở xưng "đa tập", cứ bổn ấp cố.
(鈔)所稱多習，據本邑故。
*(**Sao**: Nói "phần nhiều học tập" là dựa trên ấp đó).*

Ở trong vùng này, nhiều người học khoa mục ấy, đó là tánh chất [đặc thù] của vùng này, chẳng mang tánh chất phổ biến, giống như Văn Thù Bồ Tát chọn lựa Nhĩ Căn Viên Thông mang tánh chất địa phương, chẳng mang tánh chất phổ biến.

(Sao) Như kỳ tham hội chư kinh, thông giảo hợp quốc, tắc tập chi tối đa, mạc thượng ư Dịch.
(鈔)如其參會諸經，通較合國，則習之最多，莫尚於易。
*(**Sao**: Nếu xét chung các kinh, so sánh chung cả nước, thì kinh được học tập nhiều nhất không kinh nào hơn kinh Dịch).*

Trong Ngũ Kinh, kinh Dịch được người đọc sách ưa thích nhất. Nếu nói theo phạm vi cả nước, người học kinh Dịch chiếm đại đa số. Nếu nói theo từng khu vực, có chỗ thích kinh Thi, có nơi thích Lễ Ký, có nơi chuộng Xuân Thu[52], khác nhau!

---

[52] Xuân Thu là một bộ biên niên sử từ thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa), chép về lịch sử nước Lỗ từ năm đầu thời Lỗ Ẩn Công (722 trước Công Nguyên) cho đến năm thứ mười bốn đời Lỗ Ai Công (481 trước Công Nguyên), tức là trải khắp mười hai đời vua nước Lỗ. Đây là một bộ biên niên sử sớm nhất tại Trung Hoa. Sở dĩ có tên gọi là Xuân Thu vì thời đó, đa phần các sự kiện

(Sao) Kim thử Nhĩ Căn, như Thi, Lễ cố.

(鈔)今此耳根，如詩禮故。

*(**Sao**: Nay pháp Nhĩ Căn này, như kinh Thi hoặc Lễ Ký [trong thí dụ trên đây]).*

Nó chiếm đa số trong một khu vực.

(Sao) Kim thử Niệm Phật, như Châu Dịch cố.

(Diễn) Kim thử Nhĩ Căn như Thi, Lễ giả, Nhĩ Căn độc bị thử phương chi cơ, bất thông dư phương. Như tập Thi, Lễ, cứ nhất ấp ngôn, phi hợp quốc cố. Kim thử Niệm Phật như Châu Dịch giả, Niệm Phật thiên đậu thập phương chi cơ, bất cục nhất phương, như bỉ Châu Dịch thông hợp quốc ngôn, phi nhất ấp cố.

(鈔)今此念佛，如周易故。

(演)今此耳根如詩禮者。耳根獨被此方之機。不通餘方。如習詩禮。據一邑言非合國故。今此念佛如周易者。念佛偏逗十方之機。不局一方。如彼周易通合國言非一邑故。

*(**Sao**: Nay pháp Niệm Phật này giống như Châu Dịch[53] vậy.*

***Diễn**: "Nay pháp Nhĩ Căn này giống như kinh Thi, Lễ Ký": Nhĩ Căn chỉ riêng phù hợp căn cơ trong phương này, chẳng phù hợp những phương khác. Như người học tập kinh Thi, Lễ Ký là nói theo một ấp, chẳng phải là xét theo cả nước. "Nay pháp Niệm Phật như Châu Dịch":*

---

quan trọng, các đại lễ được tiến hành vào hai mùa Xuân và Thu, nên từ ngữ Xuân Thu dần dần được dùng để chỉ chung các sách vở ghi chép các sự kiện quan trọng của một đất nước vào thời đó. Theo truyền thống, kinh Xuân Thu được coi là do Khổng Tử trước tác, nhưng theo các nhà nghiên cứu, với khối lượng sự kiện được ghi trong ấy, tác phẩm này phải là công trình biên soạn và chỉnh lý của nhiều người, tuy mỗi sự kiện được ghi rất vắn tắt chỉ vài dòng.

[53] Kinh Dịch bản hiện thời được gọi là Châu Dịch, vì theo truyền thống, người Hoa cho rằng có ba loại kinh Dịch: Liên Sơn (連山: tương truyền do Phục Hy và Thần Nông trước tác vào đời Hạ), Quy Tàng (歸藏: được sáng tác vào thời Hoàng Đế), và Châu Dịch. Hai loại đầu đã thất truyền. Châu Dịch được coi là công trình trước tác, chỉnh lý và hoàn thiện bởi Châu Văn Vương. Phần này được gọi là Kinh; sau đó, hậu nhân chú giải thêm vào các phần Dịch Truyện, Thoán Truyện, Tượng Truyện, Hệ Từ Truyện, Văn Ngôn Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện…

Niệm Phật riêng thích hợp căn cơ mười phương, chẳng hạn cuộc trong một phương, giống như [nói học] Châu Dịch [nhiều nhất] là nói theo cả nước, chẳng phải là nói theo một ấp).

Nếu luận định theo cả nước, người học kinh Dịch nhiều nhất, dùng tỷ dụ này để sánh ví pháp môn trong Nhĩ Căn Viên Thông Chương là [pháp được ưa chuộng] trong một khu vực, còn Niệm Phật Viên Thông là [pháp môn] phổ biến, thông dụng khắp toàn quốc. Lại lập ra một câu hỏi:

(Sớ) Vấn: Ký lục phương chư Phật cộng tán Tây Phương, vân hà Lục Tổ bất tùy Phật tán, phản tự xích vô, kỳ cố an tại?

(疏)問：既六方諸佛共讚西方，云何六祖不隨佛讚，反似斥無，其故安在？

*(**Sớ**: Hỏi: Đã nói là sáu phương chư Phật cùng tán thán Tây Phương, cớ sao Lục Tổ chẳng thuận theo chư Phật tán dương, mà dường như ngược ngạo bài xích "chẳng có Tịnh Độ", nguyên cớ là vì đâu?)*

Lục Tổ là Huệ Năng đại sư của Thiền Tông. Vì sao Lục Tổ chẳng thể tùy thuận chư Phật tán thán Tây Phương, mà ngược lại, trong ngôn từ dường như có vẻ bài xích Tây Phương. Vì sao Ngài có loại ngôn luận ấy?

(Sớ) Đáp: Thử hữu tứ ý.

(疏)答：此有四意。

*(**Sớ**: Đáp: Chuyện này có bốn ý).*

Liên Trì đại sư giải thích: Chuyện này có bốn ý nghĩa. Đoạn văn này rất quan trọng, vì có những kẻ đọc Đàn Kinh bèn chẳng tin tưởng Tịnh Độ do đã hiểu sai lời Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh.

(Sớ) Nhất, vị môn bất đồng cố.

(疏)一為門不同故。

*(**Sớ**: Một là vì pháp môn bất đồng).*

Họ tu hành pháp môn khác biệt.

(Sớ) Nhị, tự hủy thật tán cố.

(疏)二似毀實讚故。

*(**Sớ**: Hai là dường như hủy báng, nhưng thật ra là tán thán).*

Ngài tợ hồ phê bình Tịnh Độ, trên thực tế là Ngài tán thán. Lũ bình phàm chúng ta sơ ý, chẳng thể hiểu ý nghĩa thật sự của Lục Tổ, hiểu lầm lời nói của Ngài.

(Sớ) Tam, bất vị sơ cơ cố.

(疏)三不為初機故。

*(**Sớ**: Ba là [nói như vậy] chẳng vì kẻ sơ cơ).*

Đối tượng tiếp dẫn của Lục Tổ là bậc thượng thượng căn, chẳng phải là những kẻ bình phàm.

(Sớ) Tứ, ký lục hữu ngoa cố.

(疏)四記錄有訛故。

*(**Sớ**: Bốn là ghi chép có sai lầm).*

Có sai ngoa, lầm lẫn! Vì Lục Tổ Đàn Kinh chẳng phải do chính Ngài viết. Ngài nói (giảng giải, vấn đáp), học trò ghi chép lại, ghi chép sẽ chẳng tránh khỏi phạm sai lầm. Dưới đây, đối với bốn nguyên nhân bèn giải thích từng điều một.

(Sao) Lục Tổ Đàn Kinh vân: "Đông phương nhân tạo ác, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Tây Phương nhân tạo ác, niệm Phật cầu sanh hà quốc?"

(鈔)六祖壇經云：東方人造惡，念佛求生西方；西方人造惡，念佛求生何國？

*(**Sao**: Lục Tổ Đàn Kinh nói: "Người phương Đông tạo ác, niệm Phật cầu sanh Tây Phương; người Tây Phương tạo ác, niệm Phật cầu sanh cõi nào?")*

Trong Đàn Kinh có một đoạn Lục Tổ đại sư nói như thế.

(Sao) Hựu vân: "Ngu nhân nguyện Đông, nguyện Tây".

(鈔)又云：愚人願東願西。

*(**Sao**: Lại nói: "Kẻ ngu nguyện Đông, nguyện Tây").*

Điều này có nghĩa là: Quý vị phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là kẻ ngu, chẳng phải là hạng người căn tánh nhạy bén.

(Sao) Hậu nhân chấp thử.

(鈔)後人執此。

*(**Sao**: Người đời sau chấp điều này).*

Người đời sau thấy mấy câu này trong Đàn Kinh, do vậy bèn chấp trước.

(Sao) Toại nghi Lục Tổ thuyết vô Tây Phương, cố vị thử biện.

(鈔)遂疑六祖說無西方，故為此辯。

*(**Sao**: Bèn nghi Lục Tổ nói "không có Tây Phương"; vì thế, phải biện định chuyện này).*

Mọi người tưởng Lục Tổ chẳng thừa nhận có Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên Liên Trì đại sư mới có đoạn văn tự này để biện định, chứng minh.

(Sao) Sơ, vị môn bất đồng giả, phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả thả cứ Lý Sự nhị môn, Lục Tổ sở thuyết, thị dĩ Lý đoạt Sự môn.

(鈔)初為門不同者，復有二義：一者且據理事二門，六祖所說，是以理奪事門。

*(**Sao**: Thứ nhất, "vì pháp môn khác nhau", lại có hai nghĩa: Một là xét theo hai môn Lý và Sự, lời Lục Tổ nói chỉ xét theo Lý, chẳng xét theo Sự).*

Hết thảy các pháp chẳng ngoài hai môn Lý và Sự, hoặc nói là hai môn Tánh và Tướng. Tánh là Lý, Tướng là Sự, có Lý, có Sự. *"Dĩ Lý đoạt Sự môn":* Lục Tổ nói theo Lý, chẳng phải là nói theo Sự.

(Diễn) Dĩ Lý đoạt Sự môn giả, Chân Như giới nội bất lập nhất

trần, hữu hà tịnh uế, hà tất nguyện cầu? Dục hiển Chân Như chi lý, cố đoạt tịnh uế, nguyện cầu chi sự, phi chân vô tịnh uế, vãng sanh chi sự dã.

(演)以理奪事門者，真如界內不立一塵，有何淨穢，何必願求？欲顯真如之理，故奪淨穢願求之事，非真無淨穢往生之事也。

*(**Diễn**: "Xét theo phương diện dùng Lý để đoạt Sự": Trong Chân Như chẳng lập mảy trần, há có tịnh hay uế, cần gì phải nguyện cầu? Do muốn hiển thị lý Chân Như nên chẳng nói đến chuyện tịnh, uế, nguyện cầu, chứ chẳng phải là thật sự không có chuyện tịnh, uế, vãng sanh!)*

Trong phần trước của Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất rõ ràng: *"Vốn chẳng có một vật"*. Có thế giới Tây Phương, há chẳng phải là có một vật ư? Còn có một vị A Di Đà Phật, há chẳng phải là có hai vật ư? Nơi Lý chẳng có, nơi Tánh chẳng có! Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Trong Chân Như bản tánh, chẳng lập một pháp. *"Dục hiển Chân Như chi lý, cố đoạt tịnh uế, nguyện cầu chi sự"* (Do muốn hiển thị lý Chân Như, nên chẳng nói đến chuyện tịnh, uế, nguyện cầu). Mục đích giáo học của Thiền Tông là dạy quý vị minh tâm kiến tánh. Nếu trong tâm quý vị còn có những thứ ấy tồn tại, chúng sẽ chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh. Vì thế, những tri kiến ấy ắt cần phải đều trừ sạch. Đó là phương pháp của Thiền Tông. Mục tiêu của Thiền Tông là khiến cho quý vị minh tâm kiến tánh, cách nói của Lục Tổ chẳng sai! Trong pháp môn của Ngài thì nói như vậy. *"Phi chân vô tịnh uế, vãng sanh chi sự"* (Chẳng phải thật sự là không có chuyện tịnh, uế, vãng sanh!): Ngài chẳng nói đến Sự. Người ta nói theo Lý, nói theo tự tánh thanh tịnh, chẳng bàn luận sự tướng cùng quý vị.

(Sao) Nhược dĩ Sự đoạt Lý môn, tắc Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp, an đắc bát vô Tịnh Độ.

(鈔)若以事奪理門，則佛事門中，不捨一法，安得撥無淨土。

*(**Sao**: Nếu xét theo Sự, chẳng nói đến Lý, thì trong các Phật sự, chẳng bỏ một pháp, lẽ nào bác bỏ chẳng có Tịnh Độ cho được?)*

Chúng ta và Lục Tổ cũng là do pháp môn bất đồng, pháp môn của

Ngài là Lý môn, còn chúng ta đi theo Sự môn. Nơi Lý, chẳng lập một pháp. Nơi Sự, chẳng bỏ một pháp. *"Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp"* (Trong các Phật sự, chẳng bỏ một pháp), lẽ nào Tịnh Độ chẳng có cho được? Lẽ nào chẳng có A Di Đà Phật cho được? Nói theo Sự, hết thảy đều có; nói theo Lý, hết thảy đều là Không, đạo lý là như thế đó. Thiền Tông nói *"hết thảy đều là Không"*, từ Không môn tiến nhập. Pháp môn này của chúng ta là *"hết thảy đều có"*, từ Hữu môn tiến nhập, quyết định là phải tin tưởng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định tin tưởng có A Di Đà Phật. Chúng ta từ Hữu môn tiến nhập, kiến lập từ Sự; Thiền Tông nói theo Lý, kiến lập từ Tánh. Môn đình được kiến lập bất đồng!

(Sao) Nhị giả Tấn, Tống nhi hạ, cạnh dĩ Thiền Quán tương cao, trực chỉ đơn truyền chi ý, kỷ ư hối tắc, ư thời Đạt Ma thỉ xướng, chư Tổ kế hưng, duy dục đại minh thử đạo, nhi thử đạo vô Phật, vô chúng sanh.

(鈔)二者晉宋而下，競以禪觀相高，直指單傳之意，幾於晦塞，於時達摩始唱，諸祖繼興，惟欲大明此道，而此道無佛無眾生。

*(**Sao**: Hai là kể từ thời Tấn, Tống trở đi, [người đời] đua nhau đề cao Thiền Quán, nhưng đối với ý chỉ "trực chỉ đơn truyền" [người học Thiền Quán] gần như mờ mịt [chẳng thông đạt]. Khi ấy, tổ Đạt Ma khởi đầu đề xướng, chư Tổ kế tục chấn hưng [Thiền Tông], chỉ mong sao đạo ấy được rạng ngời, nhưng trong đạo ấy chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh).*

Phật pháp truyền sang Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ mười (67)[54] đời Hậu Hán, khi ấy vừa đúng lúc Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ một ngàn năm. Thời kỳ Chánh Pháp của đức Phật đã qua, bắt đầu Tượng Pháp. Trong kinh, đức Phật đã tiên đoán: *"Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu; thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu"*. Phật giáo truyền sang Trung Hoa nhằm thời kỳ Tượng Pháp, cho nên tại Trung Hoa, phong khí Thiền hết sức

[54] Vĩnh Bình là niên hiệu của Hán Minh Đế (Lưu Trang) từ năm 58 đến năm 75. Lưu Trang là con trai thứ tư của Hán Quang Vũ Đế (Lưu Tú, người tái lập nhà Hán sau khi diệt Vương Mãng).

hưng thịnh, hưng thịnh hơn một ngàn năm. Kể từ đời Tấn, Tống trở đi, người học Phật đều nghĩ Thiền là cao, một mực tham Thiền. *"Trực chỉ đơn truyền chi ý, kỷ ư hối tắc"* (Đối với ý chỉ "trực chỉ đơn truyền" gần như mờ mịt), ai nấy đều tham Thiền, nhưng Thiền là gì cũng chẳng hiểu rõ, há có thể thành tựu được ư? Phong khí Thiền hưng thịnh như thế, người hy vọng học Thiền đông đảo ngần ấy, nhưng chẳng hiểu rõ Thiền là gì? Người Hoa có cảm, tổ Đạt Ma bèn có ứng. Tổ Đạt Ma đến Trung Hoa nhằm nói rõ đại ý *"trực chỉ đơn truyền"*.

(Diễn) Trực chỉ đơn truyền giả, Thiền Tông trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, đơn truyền tâm ấn, bất lập văn tự.

(演)直指單傳者，禪宗直指人心，見性成佛，單傳心印，不立文字。

*(**Diễn**: "Trực chỉ đơn truyền": Thiền Tông chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, chỉ truyền tâm ấn, chẳng lập văn tự).*

Đây là tông chỉ nhà Thiền, phương thức của Thiền và phương thức của Giáo Hạ hoàn toàn khác nhau. *"Bất lập văn tự"* là chẳng chấp trước văn tự, chẳng phải là không cần đến văn tự. Trong Đại Tạng Kinh, từ xưa tới nay, những ngữ lục, trước tác của các tổ sư, các tác phẩm của Thiền Tông chiếm hơn một nửa. Thiền chẳng lập văn tự, [thế mà] văn tự của Thiền nhiều hơn bất cứ tông nào khác, nhiều gấp mấy lần! *"Bất lập"* là đừng chấp trước, hoàn toàn là *"ý tại ngôn ngoại"* (ý ở ngoài lời). Không chỉ là chẳng chấp trước văn tự, mà ngôn ngữ đều chẳng chấp trước. Hai vị Thiền sư trò chuyện, chúng ta ở bên cạnh lắng nghe, chẳng hiểu họ đang nói những gì! Họ đáp chẳng nhằm câu hỏi, quý vị chẳng hiểu ý họ, ý của họ nằm ngoài ngôn ngữ. Sau thời Đạt Ma đến Trung Hoa, chư tổ truyền cho nhau cũng là *"trực chỉ"* (chỉ thẳng).

(Diễn) Thử đạo vô Phật, vô chúng sanh giả, thử đạo Phật lai dã sát, ma lai dã sát, thượng vô Phật đạo khả thành, hạ vô chúng sanh khả độ cố.

(演)此道無佛無眾生者，此道，佛來也殺，魔來也殺，上無佛道可成，下無眾生可度故。

*(**Diễn**: "Trong đạo ấy, chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh": Trong đạo ấy, Phật đến cũng giết, ma đến cũng giết, trên là chẳng có Phật đạo để có thể thành, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ).*

Xét theo pháp môn ấy, Ngài tuyệt đối là chánh xác. Vì sao? Nếu có Phật, có ma, Phật và ma là hai pháp; hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp! Hai pháp là mê, chẳng phải là giác. Có Phật đạo, có chúng sanh, đó lại là hai pháp. Trong Đàn Kinh, khi Lục Tổ và Ấn Tông vừa mới gặp mặt, Ấn Tông phát hiện Ngài là Lục Tổ, là truyền nhân của Hoàng Mai Ngũ Tổ. Do vậy, Sư hết sức hoan hỷ, hết sức lễ kính đối với Ngài, hướng về Ngài thỉnh giáo: Thông thường, Ngũ Tổ dạy đại chúng, có nói tới giải thoát hay không? Có nói tới Thiền Định hay chăng? Có dạy mọi người những phương pháp ấy hay chăng? Lục Tổ trả lời: *"Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị"*. Phật và ma là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị. Vì thế, chẳng có Phật, mà cũng chẳng có ma! Chúng sanh và Phật đạo cũng là hai pháp, Phật pháp có phải là hai pháp hay không?

Do vậy có thể biết: Thiền tâm chân chánh là chân thanh tịnh, chân bình đẳng, họ hoàn toàn đạt được viên mãn *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* của kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh Tông chứng *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* từng phần, Thiền Tông là đốn chứng, chuyện này rất khó! Nếu người tham Thiền còn có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng phải là Thiền, giả trất, chẳng thật. Vì sao? Kẻ ấy chẳng nhập pháp môn Bất Nhị, vẫn còn rớt vào hai, ba. Rớt vào hai, ba thì chẳng phải là Thiền, nói theo Giáo Hạ thì được, ở trong Thiền thì chẳng thể! Kẻ ấy còn có phân biệt, chấp trước, tâm kẻ ấy chẳng phải là Thiền tâm. Thiền tâm quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Nếu kẻ ấy còn nói "Thiền cao, Tịnh không được" thì Thiền và Tịnh là hai pháp, [thế nhưng] Phật pháp là pháp Bất Nhị. Nói như thế với kẻ ấy, dùng ngay thí dụ trong Lục Tổ Đàn Kinh để trả lời kẻ đó là được rồi, bớt được rất nhiều rắc rối!

(Sao) Kim Tây Phương giả, chánh khai thị chúng sanh thú hướng Phật cố.

(鈔)今西方者，正開示眾生趣向佛故。

*(**Sao**: Nay [pháp môn] Tây Phương chính là vì khai thị chúng sanh hướng đến Phật).*

Pháp môn này có Phật, có chúng sanh, còn pháp môn của họ (người tu Thiền) là pháp môn *"chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh"*, được kiến lập trên tự tánh, kiến lập trên Lý. Chúng ta kiến lập từ Tướng, kiến lập từ Sự, có Phật, có chúng sanh, khuyên hết thảy chúng sanh niệm

Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để thấy A Di Đà Phật, khác nhau! Do pháp môn bất đồng [nên cách nói sẽ bất đồng], nhất định phải hiểu rõ ràng.

(Sao) Thử đạo cử tâm tức thác, động niệm tức quai.

(鈔)此道舉心即錯，動念即乖。

*(**Sao**: Đạo ấy hễ khởi tâm bèn lỗi, động niệm bèn sai).*

"Thử đạo" (Đạo ấy) là nói tới Thiền Tông. Trong Thiền, hễ khởi tâm động niệm bèn sai, chẳng thể khởi tâm động niệm.

(Sao) Kim Tây Phương giả, chánh giáo nhân khởi tâm niệm Phật cố.

(鈔)今西方者，正教人起心念佛故。

*(**Sao**: Nay [pháp môn] Tây Phương chính là nhằm dạy người ta khởi tâm niệm Phật).*

Pháp môn này của chúng ta nhằm cổ vũ, khích lệ, khuyên lơn mọi người khởi tâm động niệm, niệm A Di Đà Phật. *"Khởi tâm"* là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, *"động niệm"* là niệm Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Môn đình kiến lập khác biệt!

(Sao) Thử đạo tâm cảnh câu tịch.

(Diễn) Thử đạo tâm cảnh câu tịch giả, cổ vân: "Ngoại tức chư duyên, nội tâm vô suyễn. Tâm như tường bích, khả dĩ nhập đạo". Hựu vân: "Xuất tức bất thiệp chúng duyên, nhập tức bất cư Ấm, Giới đẳng".

(鈔)此道心境俱寂。

(演)此道心境俱寂者。古云。外息諸緣。內心無喘。心如牆壁。可以入道。又云。出息不涉眾緣。入息不居陰界等。

*(**Sao**: Đạo ấy, tâm lẫn cảnh đều vắng lặng.*

***Diễn**: "Đạo ấy tâm và cảnh đều vắng lặng": Cổ nhân nói: "Ngoài thì dứt các duyên, trong thì tâm chẳng máy động. Tâm như tường vách, có thể nhập đạo". Lại nói: "Thở ra chẳng dính dáng các duyên, hít vào chẳng ở trong Ấm, Giới" v.v...)*

"Thử đạo" là nói tới Thiền Tông, *"tâm"* là bên trong, *"cảnh"* là bên ngoài. Tâm thanh tịnh, cảnh thanh tịnh, đó là Thiền. Hoàn cảnh bên ngoài chẳng thanh tịnh, là vì tâm quý vị không thanh tịnh. Nếu tâm quý vị thật sự thanh tịnh, cảnh giới bên ngoài cũng nhất định thanh tịnh. Vì sao? Quý vị chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, thanh tịnh hoặc chẳng thanh tịnh là do phân biệt, chấp trước sanh ra. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, há có thanh tịnh và chẳng thanh tịnh? Hai bên tịnh và bất tịnh đều bỏ sạch, đó là chân thanh tịnh; nhưng trong Tịnh Tông, nhiễm và tịnh phân chia rất rõ ràng. Thế giới Sa Bà của chúng ta là nhiễm, Tây Phương Cực Lạc thế giới là tịnh.

(Sao) Kim Tây Phương giả, chánh dĩ Phật quốc vi cảnh, phát tâm cầu sanh cố.

(鈔)今西方者，正以佛國為境，發心求生故。

*(**Sao**: Nay [pháp môn] Tây Phương chính là lấy Phật quốc làm cảnh, phát tâm cầu được sanh về).*

Đây là chỉ rõ chỗ khác nhau cơ bản giữa Thiền và Tịnh. Đó là sự khác biệt nơi Tướng: Phương pháp khác nhau, nhưng Lý như nhau. Điều họ mong cầu là minh tâm kiến tánh, chúng ta mong cầu vãng sanh Tây Phương. Xét theo điều mong cầu, dường như khác biệt, chúng ta đến Tây Phương để làm gì? Đến Tây Phương gặp A Di Đà Phật bèn minh tâm kiến tánh, giống hệt như họ. Họ mong minh tâm kiến tánh ở nơi đây, chúng ta chẳng thể minh tâm, chẳng kiến tánh trong cõi này được, bèn tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, nương cậy vào sự giúp đỡ và giáo huấn của A Di Đà Phật để minh tâm kiến tánh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, mục tiêu cuối cùng hoàn toàn giống nhau, nhưng phương pháp tu hành và đường lối khác nhau.

(Sao) Thị tuy Lý vô nhị trí, nhi môn đình thi thiết bất đồng.

(鈔)是雖理無二致，而門庭施設不同。

*(**Sao**: Tức là xét theo Lý thì chẳng hai, nhưng môn đình kiến lập khác nhau).*

Chúng ta xét theo Lý thì [Tịnh Độ] giống hệt [như Thiền], mục tiêu mong cầu cũng là như nhau. *"Môn đình thi thiết bất đồng"*: Chúng ta theo cửa ngõ khác biệt để vào; họ vào từ cửa này, chúng ta tiến vào từ

cửa kia.

(Sao) Tùy thời trục cơ, pháp tự ưng nhĩ.

(鈔)隨時逐機，法自應爾。

*(**Sao**: Tùy thuộc thời tiết và căn cơ, pháp đáng nên là như vậy).*

Tùy thuận thời tiết nhân duyên, tùy thuận căn tánh của hết thảy chúng sanh, tự nhiên là như vậy.

(Sao) Giả sử tài hoằng trực chỉ, phục tán Tây Phương, tắc trực chỉ chi ý, chung vô diêu minh hỹ.

(鈔)假使纔弘直指，復讚西方，則直指之意，終無繇明矣。

*(**Sao**: Giả sử vừa mới hoằng truyền pháp Trực Chỉ, lại ca ngợi Tây Phương thì ý chỉ Trực Chỉ trọn chẳng thể do đâu mà tỏ rạng được).*

Đối với một người thuộc Thiền Tông, nhấn mạnh *"tâm và cảnh đều vắng lặng, chẳng sanh một niệm"*, nếu lại khuyên kẻ ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ phá hoại cái tâm thanh tịnh của kẻ đó, làm sao có thể làm như vậy được? Trực Chỉ là minh tâm kiến tánh, điều này đã bị phá hoại. Cùng một đạo lý giống y hệt, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, nhất định là khuyên mọi người: Khẳng định là thật sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Di Đà dạy: *"Qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc"*. Có [cõi ấy]! *"Cõi ấy có Phật hiệu Di Đà"*, khẳng định như vậy, có! Thiền Tông là chẳng có, chúng ta có! Chúng ta nói theo Sự, thật sự có! Môn đình khác nhau, giáo học Thiền Tông và giáo học Tịnh Độ khác nhau. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

Làm một vị pháp sư, làm một vị thiện tri thức, tham học trong hết thảy các đạo tràng, phải hiểu điều thường thức này. Tôi là một người tu Di Đà Tịnh Độ, hễ tôi tham phỏng đạo tràng Thiền Tông, nhất định là cực lực khen ngợi Thiền, trọn chẳng nhắc đến Tịnh Độ. Hễ nhắc đến Tịnh Độ, sẽ phá hoại ý niệm của họ. Trong quá khứ, tôi đến thăm chùa Bảo Lâm tại Đại Dữ Sơn[55], Hương Cảng, đó là đạo tràng của pháp sư

[55] Đại Dữ (Dự) Sơn (大嶼山: núi đảo lớn), còn gọi là Đại Hào Đảo (大濠島), thuộc quần đảo Vạn Sơn, tên xưa kia là Lạn Đầu (爛頭. Do đó trong tiếng Anh hòn đảo

Thánh Nhất, là đạo tràng Thiền Tông. Thiền Đường của họ mỗi ngày đều tuân theo quy củ tọa hương, có bốn mươi mấy người, rất khó có, quy củ rất nghiêm. Pháp sư Thánh Nhất mời tôi đến Thiền Đường khai thị, kết duyên với mọi người. Tôi hoàn toàn chẳng thể khuyên họ niệm Phật, [nếu khuyên họ], chẳng phải là đã hoàn toàn phá hoại công phu của họ ư? May là tôi còn có mấy câu Khẩu Đầu Thiền có thể ứng phó, tán thán họ. Họ hỏi tôi: "Thưa pháp sư! Thầy đã tán thán Thiền Tông dường ấy, sao chẳng tham Thiền mà lại niệm Phật?" Tôi thật thà đáp lời: "[Để tu] Thiền phải là người thượng căn, tôi là kẻ hạ hạ căn". Đề cao họ, các ông là thượng thượng căn, tôi là kẻ hạ hạ căn. Ở Tân Gia Ba, tôi đến thăm đạo tràng của pháp sư Diễn Bồi. Đạo tràng của ngài Diễn Bồi tu Di Lặc Tịnh Độ, tôi tu Di Đà Tịnh Độ, khác nhau. Mục đích của họ là trong tương lai sanh lên trời Đâu Suất, thân cận Di Lặc Bồ Tát; còn chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Sư đã dạy tại đó hơn hai mươi năm, tôi chẳng thể khuyên mọi người niệm A Di Đà Phật. Vì thế, đến đạo tràng của Sư, tôi phải đặc biệt ca ngợi Di Lặc Bồ Tát. Đấy là quy củ, nhất định phải biết. Họ đang học gì, chúng ta nhất định phải tán thán pháp môn ấy, phải khiến cho họ sanh tâm hoan hỷ, phải khiến cho họ tăng trưởng tín tâm đối với pháp môn ấy, chúng ta giúp đỡ họ. Quyết định chớ nên phá hoại đạo tràng, chớ nên phá hoại sự tu học của chúng sanh. Họ đã tu nhiều năm ngần ấy, nếu khiến cho họ nghi hoặc, nếu khiến cho tâm địa của họ lay động, tội lỗi đó to lắm! Phật môn có một câu tục ngữ: *"Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm"* (Thà động nước ngàn sông, chẳng động tâm người tu đạo). Nếu quý vị phá hoại tín niệm của người tu đạo, tội lỗi ấy quá nặng!

(Sao) Cố Lục Tổ dữ Tịnh Độ chư sư, dịch địa tắc giai nhiên dã.

(Diễn) Dịch địa tắc giai nhiên giả, Lục Tổ xử Tịnh Độ chư sư chi thời, Lục Tổ diệc tán Tây Phương. Tịnh Độ chư sư xử Lục Tổ thời, Tịnh Độ chư sư diệc đơn hoằng trực chỉ hỹ.

(鈔)故六祖與淨土諸師，易地則皆然也。

(演)易地則皆然者 。六祖處淨土諸師之時 。六祖亦贊

---

này thường được gọi là Lantau Island). Đây là một hòn đảo lớn nhất trong các hòn đảo thuộc lãnh thổ Hong Kong, nhưng do địa hình lẫn giao thông bất tiện, mật độ dân cư khá thấp. Trong quá khứ, hòn đảo này có rất nhiều tên gọi như Đại Khê Sơn, Đại Dụ Sơn, Đại Ngư Sơn, Đại Dữu Sơn, Nam Đầu Đảo, Lạn Đầu Đảo, Truân Môn Đảo, Đại Hào Sơn, Đại Hào Đảo, Cương Châu v.v…

西方。淨土諸師處六祖時。淨土諸師亦單弘直指矣。

*(**Sao**: Vì thế, Lục Tổ và các sư Tịnh Độ, nếu đổi chỗ cho nhau thì đều cũng vậy.*

***Diễn**: "Nếu đổi chỗ cho nhau thì đều cũng vậy": Lục Tổ sống vào thời của các sư Tịnh Độ, Lục Tổ cũng khen ngợi Tây Phương. Các sư Tịnh Độ ở vào thời Lục Tổ thì các sư Tịnh Độ cũng chỉ hoằng truyền Trực Chỉ vậy).*

Nếu thay đổi địa vị để xử sự, biểu hiện sẽ đều giống hệt như nhau. Chúng ta lại xem đoạn thứ hai:

(Sao) Nhị tự hủy thật tán giả.

(鈔)二似毀實讚者。

*(**Sao**: Hai là dường như hủy báng, nhưng thật ra là tán thán).*

"Tự" (似) là dường như. Lời lẽ của Lục Tổ dường như báng bổ Tịnh Độ; trên thực tế là tán thán Tịnh Độ. Kẻ hời hợt sẽ chẳng nghe ra!

(Sao) Lục Tổ Đông Tây chi thuyết.

(鈔)六祖東西之說。

*(**Sao**: Lục Tổ nói Đông, nhắc Tây).*

Lục Tổ nói tới phương Đông, phương Tây.

(Sao) Kỳ thị khuyến nhân yếu tu thật tâm vi thiện, không nguyện vô ích, hà tằng thuyết vô Tây Phương.

(鈔)祇是勸人要須實心為善，空願無益，何曾說無西方。

*(**Sao**: Ngài chỉ là khuyên người khác cần phải thật tâm làm lành, [đừng] nguyện suông, vô ích, chứ Ngài có bao giờ nói "không có Tây Phương"?)*

Lục Tổ chẳng phủ định Tây Phương, hoàn toàn chẳng phải là Ngài không thừa nhận có Tây Phương tồn tại, Ngài chẳng nói kiểu ấy. Dụng ý của Ngài là khuyên người khác hãy nghiêm túc tu hành. Nếu chẳng phải là chân tâm tu tập, chỉ nguyện suông, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Nguyện

thì nhất định là phải dùng hạnh để thực hiện nguyện, nhất định là phải thực tiễn, có công phu thì mới được.

(Sao) Dụ như Khổng Tử sanh ư Đông Lỗ.
(鈔)喻如孔子生於東魯。
*(**Sao**: Ví như Khổng Tử sanh tại Đông Lỗ).*

Đây là tỷ dụ. Khổng Tử sanh ở nước Lỗ[56], nay thuộc về tỉnh Sơn Đông.

(Sao) Kim hữu nhân ngôn: Tề nhân tạo ác, mộ Khổng Tử cầu cư Lỗ bang.
(鈔)今有人言：齊人造惡，慕孔子求居魯邦。
*(**Sao**: Nay có kẻ nói: Người nước Tề tạo ác, kẻ hâm mộ Khổng Tử bèn cầu sống tại nước Lỗ).*

Khổng lão phu tử đức cao vọng trọng. Ngài ở nơi đâu, nhân dân nơi đó được Ngài giáo hóa, ai nấy đều giữ lễ, đều hết sức thiện lương, xã hội thuần phác, nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Nước Tề[57] ở phía Bắc

---

[56] Trong lịch sử Trung Hoa, có hai nước Lỗ, một là Tây Lỗ tồn tại vào các triều đại Hạ và Thương, nhưng không được ghi chép nhiều, ngoại trừ một số ít dữ liệu ít ỏi, vụn vặt, sơ lược trong Giáp Cốt Văn. Nước Lỗ thứ hai (sử thường gọi là Đông Lỗ) được kiến lập sau khi Châu Công Cơ Đán (em Châu Vũ Vương Cơ Phát) phù tá Châu Thành Vương dẹp tan cuộc phản loạn do Vũ Canh (con trai Trụ Vương) xướng suất. Để thưởng công cho bầy tôi, Châu Thành Vương (Cơ Tụng) đã chia đất đai thuộc con cháu nhà Ân Thương thành nhiều phần, một phần phong cho con trưởng của Châu Công là Cơ Bá Cầm, tạo thành nước Lỗ. Nước Lỗ truyền được hai mươi lăm đời, tồn tại khoảng tám trăm năm. Kinh đô là Khúc Phụ. Lãnh thổ nước Lỗ nằm ở phía nam Thái Sơn, tức là toàn bộ phía Nam tỉnh Sơn Đông, một phần nhỏ các tỉnh Hà Nam, Giang Tô và An Huy hiện thời. Nước Lỗ bị Sở Khảo Liệt Vương (Hùng Nguyên) diệt quốc vào năm 256 trước Công Nguyên dưới đời Lỗ Khoảnh Công (Cơ Thù).

[57] Nước Tề là một trong những nước chư hầu hùng mạnh thời Xuân Thu Chiến Quốc, lãnh thổ bao gồm toàn bộ miền Bắc tỉnh Sơn Đông, Đông Nam tỉnh Hà Bắc và Đông Bắc tỉnh Hà Nam, kinh đô là Lâm Truy. Nước Tề vốn là đất phong của Khương Thượng (Khương Tử Nha). Sau khi diệt Trụ, Châu Vũ Vương (Cơ Phát) đã phong cho Khương Thượng đất Doanh Khâu (tức là Lâm Truy sau này). Khương Tử Nha siêng năng cai trị, phát triển công thương nghiệp, đổ công dốc sức khai thác muối, biến Tề thành một đại quốc, Sử thường gọi thời kỳ này là Khương Tề. Nước

tỉnh Sơn Đông, nước Lỗ ở phía Nam tỉnh Sơn Đông, Lỗ là một nước nhỏ. Giả sử có người nói như thế này: Người sống ở nước Tề tạo ác, nay chúng ta nói là "xã hội chẳng an định", bèn hâm mộ sự giáo hóa của Khổng Tử, di cư sang nước Lỗ, thân cận Khổng lão phu tử.

(Sao) Lỗ nhân tạo ác, mộ Khổng Tử cầu cư hà quốc?

(鈔)魯人造惡，慕孔子求居何國。

*(**Sao**: Người nước Lỗ tạo ác, kẻ hâm mộ Khổng Tử bèn cầu sống ở nước nào?)*

Ý nghĩa này từa tựa như khi Lục Tổ nói phương Đông, phương Tây. Nếu người nước Lỗ tạo ác, kẻ hâm mộ Khổng Tử làm như thế nào? Họ đến nơi đâu?

(Sao) Cái vị vi thiện thị chân học Trọng Ni, hà tằng thuyết vô Đông Lỗ?

(鈔)蓋謂為善是真學仲尼，何曾說無東魯？

*(**Sao**: Đấy là nói "làm lành" chính là thật sự học theo ngài Trọng Ni, chứ có bao giờ nói là không có nước Đông Lỗ?)*

Trọng Ni[58] là biệt hiệu của Khổng lão phu tử. Thật sự học theo Khổng Tử chính là học theo đức hạnh của Khổng Tử.

Tề cực thịnh dưới thời Tề Hoàn Công (Khương Tiểu Bạch). Tề Hoàn Công từng xưng bá, cai quản tất cả chư hầu thời ấy, nhiều lượt triệu tập chư hầu lập minh thệ cũng như dẫn liên quân chư hầu chinh phạt các nước phản loạn. Về già, Hoàn Công bệnh nặng, các con tranh nhau giành ngôi, xây tường nhốt kín đến nỗi Tề Hoàn Công chết đói. Những cuộc đấu đá quyền lực liên tiếp đã đẩy nước Tề vào cuộc nội chiến, khiến cho thế lực của Tề suy yếu rất nhanh. Vào khoảng năm 391 trước Công Nguyên, quyền thần là Tướng Quốc Điền Hòa đày vua Tề Khang Công (Khương Đại) sang một hải đảo, tự lập làm vua, xưng hiệu là Tề Thái Công, chánh thức xưng hầu, nhưng vẫn giữ quốc hiệu là Tề, Sử gọi giai đoạn này là Điền Tề. Nước Tề bị Tần Thủy Hoàng diệt quốc dưới thời Tề Vương Điền Kiến (năm 221 trước Công Nguyên). Sau đó, Tần Thủy Hoàng chia nước Tề thành hai quận là Tề Quận và Lang Da Quận.

[58] Cha Khổng Tử là Khổng Hột (Ngột), tự là Thúc Lương (nên Sử thường gọi là Thúc Lương Ngột, 叔梁纥) làm quan đại phu tại Trâu Ấp nước Lỗ. Do vợ cả của Thúc Lương Ngột là Thí Thị chỉ sanh chín người con gái, Thúc Lương Ngột bèn lấy thêm vợ kế, sanh được một trai là Mạnh Bì (孟皮), có tật ở chân, không thể kế thừa

(Sao) Lục Tổ thử ngôn, chánh kinh trung tất dĩ đa thiện căn đắc sanh bỉ quốc chi vị dã, ô[59] đắc vân hủy?

(鈔)六祖此言，正經中必以多善根得生彼國之謂也，惡得云毀？

*(**Sao**: Lời ấy của Lục Tổ chính là như kinh đã nói: "Ắt là do nhiều thiện căn bèn được sanh về cõi ấy". Há nên bảo là hủy báng?)*

Không thể nói Lục Tổ hủy báng Tịnh Tông, Lục Tổ chẳng hủy báng Tịnh Tông. Lục Tổ nói lời ấy nhằm khuyên làm lành, mục đích ở chỗ này. Tợ hồ hủy báng, nhưng trên thực tế là Ngài tán thán.

(Sao) Tam, bất vị sơ cơ giả.

(鈔)三不為初機者。

*(**Sao**: Ba là chẳng vì hàng sơ cơ).*

Điều này cũng hết sức quan trọng.

(Sao) Lục Tổ tự vân: "Ngô Giới, Định, Huệ tiếp tối thượng thừa nhân".

(鈔)六祖自云：吾戒定慧接最上乘人。

*(**Sao**: Lục Tổ tự nói: "Giới, Định, Huệ của ta nhằm tiếp độ người thuộc căn cơ tối thượng thừa").*

Điều này được nói trong Đàn Kinh. Đối tượng giáo hóa của Lục Tổ là *"tối thượng thừa nhân"*. Nói cách khác, kẻ căn tánh Đại Thừa đều chẳng có cách nào dự vào hàng môn đệ của Ngài, phải là bậc tối thượng thừa đến chỗ Ngài thì mới có lợi ích. Giống như trong nhà trường, Ngài mở lớp dành cho Tiến Sĩ, kẻ có trình độ Tiểu Học hoặc Trung Học chẳng thể theo học được, có ý nghĩa này!

---

gia nghiệp được. Đến năm bảy mươi hai tuổi, Thúc Lương Ngột lại lấy bà Nhan Trưng Tại (颜征在) mới mười tám tuổi, sanh ra Khổng Tử. Do trước đó, hai vợ chồng từng cầu con tại núi Ni Khâu, nên đặt tên con là Khổng Khâu, đặt tên tự là Trọng Ni.

[59] Chữ 惡 ở đây dùng như một thán từ hoặc nghi vấn từ, phải đọc là Ô, không đọc là Ác hay Ố.

(Sao) Kim sơ tâm hạ phàm, dĩ thu hào thế trí, miểu thị Tây Phương, vọng đàm Bát Nhã, phi đồ vô ích, nhi hựu hại chi!

(鈔)今初心下凡，以秋毫世智，藐視西方，妄談般若，非徒無益，而又害之。

(***Sao***: *Nay kẻ sơ tâm, phàm phu căn tánh bậc hạ, cậy vào cái trí thế gian bé tí như mảy lông mùa Thu mà rẻ rúng Tây Phương, bàn xằng Bát Nhã, chẳng phải là chỉ uổng công vô ích, mà lại còn có hại).*

Kẻ sơ học trí huệ rất nông cạn, chẳng nhận thức rõ ràng. Cổ nhân chẳng giảng kinh Bát Nhã cho kẻ sơ học, mà cũng chẳng giảng Đàn Kinh. Vì sao? Họ sẽ hiểu cong vạy ý nghĩa của các kinh sách ấy, không chỉ là vô ích mà còn hại cả một đời họ! Đó gọi là *"điều gì được tiếp xúc đầu tiên, sẽ trở thành [tri kiến] chánh yếu"*, đạo lý ở chỗ này.

(Sao) Cố Đàn Kinh giả, thận vật thị chi sơ cơ. Cẩu đầu phi khí, tiện lạc cuồng ma, thành khả thán tích.

(鈔)故壇經者，慎勿示之初機，苟投非器，便落狂魔，誠可歎惜。

(***Sao***: *Vì thế, hãy cẩn thận đừng dạy Đàn Kinh cho kẻ sơ cơ. Nếu cẩu thả dạy [kinh ấy cho] những kẻ căn cơ chẳng thích hợp, họ sẽ bị đọa lạc, trở thành cuồng ma, thật đáng than tiếc).*

Đối với Đàn Kinh, kinh Kim Cang, hoặc các kinh thuộc loại giống như kinh Bát Nhã, cổ nhân đối với hàng sơ học hết sức thận trọng, chẳng đàm luận những kinh luận ấy với kẻ sơ học. Hiện thời, vừa học Phật bèn ngay lập tức học kinh Bát Nhã hoặc Lục Tổ Đàn Kinh, học rồi kẻ nào cũng là cuồng vọng, là ma, chẳng phải là Phật. Kiêu căng, ngã mạn, khinh thường Giáo Hạ, coi rẻ Tịnh Độ, tự nghĩ là đã thành Phật, hoặc thành Bồ Tát, chẳng biết tương lai bị đọa lạc, đúng là đáng thương, đáng xót!

(Sao) Tứ, ký lục hữu ngoa giả.

(鈔)四記錄有訛者。

(***Sao***: *Bốn là biên chép có sai lầm).*

Có sai lạc, lầm lẫn.

(Sao) Đàn Kinh hựu ngôn: "Tây Phương khứ thử thập vạn bát thiên lý". Thị thác dĩ Ngũ Thiên Trúc đẳng vi Cực Lạc dã.

(鈔)壇經又言：西方去此十萬八千里。是錯以五天竺等為極樂也。

*(**Sao**: Đàn Kinh lại nói: "Tây Phương cách đây mười vạn tám ngàn dặm". Tức là đã lầm lẫn coi Ngũ Thiên Trúc như là Cực Lạc).*

Mười vạn tám ngàn dặm là từ Trung Hoa đến Ấn Độ, nói theo lộ trình ấy. Kinh Di Đà dạy Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, chẳng phải là mười vạn tám ngàn dặm. Ngũ Thiên Trúc là năm xứ Ấn Độ. Coi Ấn Độ là Tây Phương Cực Lạc thế giới, hiển nhiên là do biên chép sai lầm.

(Sao) Ngũ Thiên, Chấn Đán.

(鈔)五天震旦。

*(**Sao**: Ngũ Thiên Trúc, Chấn Đán).*

Ngũ Thiên là Ngũ Thiên Trúc[60]. Khi ấy, Ấn Độ chia thành năm bộ phận là Đông, Nam, Tây, Bắc, và Trung. Ngũ Thiên Trúc chính là Ấn Độ hiện thời. Chấn Đán là Trung Hoa, vì Trung Hoa ở phía Đông của đại lục châu Á. Phương Đông thuộc về quẻ Chấn, mặt trời mọc từ phía này, nên gọi là xứ Chấn Đán.

(Sao) Đồng vi Sa Bà uế độ.

(鈔)同為娑婆穢土。

---

[60] Thiên Trúc là từ ngữ cổ để gọi Ấn Độ. Danh xưng này đã có từ thời Hán, trong phần Đại Uyển Truyện của Sử Ký Tư Mã Thiên có ghi thêm một cách đọc khác là Thân Độc. Cả hai âm này đều phát xuất từ tiếng Phạn Sindhu (tức sông Indus hiện thời, kinh Hoa Nghiêm gọi sông này là "Tín Độ hà"). Theo các nhà nghiên cứu, do các thương nhân Ba Tư đọc trại Sindhu thành Hinduš hoặc Indu. Khi Alexander đại đế chiếm lãnh Ấn Độ, đã gọi sông này là Indos dựa theo cách phát âm của người Ba Tư, dần dà cư dân địa phương cũng sử dụng cách phát âm này. Do đó, từ đời Đường trở đi, trong thư tịch Trung Hoa, Thiên Trúc còn được phiên âm là Hiền Đậu, Càn Đốc, Quyên Đốc v.v… Danh xưng Ấn Độ được nhắc tới lần đầu trong sách vở Trung Hoa là do ngài Huyền Trang ghi trong Đại Đường Tây Vực Ký. Ngài viết: *"Danh xưng Thiên Trúc được bàn luận nhiều lẽ, nói theo lối xưa là Thân Độc, hoặc là Thiên Trúc, nay căn cứ trên âm đọc chính thức, hãy nên đọc là Ấn Độ".*

*(**Sao**: Cùng là Sa Bà uế độ).*

Ấn Độ và Trung Hoa đều thuộc vào thế giới Sa Bà, đều là uế độ, đều chẳng phải là Tịnh Độ.

(Sao) Hà tu phân biệt, nguyện Đông, nguyện Tây?

(鈔)何須分別，願東願西。

*(**Sao**: Cần gì phải phân biệt, nguyện Đông, nguyện Tây?)*

Đông và Tây chẳng khác nhau.

(Sao) Nhi Cực Lạc tự khứ thử Sa Bà thập vạn ức độ, cái Đàn Kinh giai học nhân ký lục, ninh bảo vô ngoa!

(鈔)而極樂自去此娑婆十萬億土，蓋壇經皆學人記錄，寧保無訛。

*(**Sao**: Nhưng Cực Lạc cách Sa Bà mười vạn ức cõi Phật! Do Đàn Kinh toàn là do học trò ghi chép, làm sao bảo đảm không sai lầm cho được).*

Đàn Kinh là bút ký của học trò Lục Tổ đại sư, khó đảm bảo chẳng có chỗ bị ghi sai. Điều này có thể là do ghi chép sai lầm.

(Sao) Bất nhiên, tắc tá thử chi Tây Vực, dĩ dụ bỉ chi Tây Phương nhĩ.

(鈔)不然，則借此之西域，以喻彼之西方耳。

*(**Sao**: Nếu chẳng phải vậy, thì chính là mượn xứ Tây Vực trong cõi này để tỷ dụ Tây Phương trong cõi kia vậy).*

Nếu chẳng vậy thì chính là mượn xứ Ấn Độ để tỷ dụ Tây Phương Cực Lạc thế giới, có ý nghĩa ấy.

(Sao) Cổ vị tận tín thư, bất như vô thư giả, thử dã.

(鈔)古謂盡信書，不如無書者，此也。

*(**Sao**: Cổ nhân nói "hoàn toàn tin vào sách, chẳng bằng không có sách" chính là ý này).*

Vì thế, chúng ta đọc sách phải có trí huệ. Đức Phật dạy chúng ta

"y nghĩa, bất y ngữ", [nghĩa là] nương theo ý nghĩa trong kinh, chớ nên chấp trước văn tự, ngôn ngữ; đó là đúng. Vì thế, hoàn toàn tin tưởng sách, chẳng bằng không có sách!

(Sao) Huống Tây Phương thiên Phật sở tán, kim nãi nghi thiên Phật chi ngôn, tín nhất tổ chi ngữ, Phật thượng bất túc tín, huống ư tổ hồ?

(鈔)况西方千佛所讚，今乃疑千佛之言，信一祖之語，佛尚不足信，况於祖乎。

*(**Sao**: Huống chi Tây Phương được ngàn vị Phật khen ngợi. Nay bèn nghi lời của ngàn vị Phật, tin lời của một vị Tổ! Phật mà còn chẳng đáng tin, huống là Tổ ư?)*

"Ngàn" chẳng phải là một con số, mà là biểu thị pháp, biểu thị mười phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật đều tán thán bộ kinh này, đều tán thán pháp môn này. Quý vị chẳng tin lời hết thảy chư Phật, mà tin lời một vị tổ sư. Lỗi lầm này, những kẻ bình phàm chúng ta đều có thể thông hiểu! Cũng cùng vào thời Đường, Thiện Đạo đại sư sống vào thời đại sớm hơn Lục Tổ đôi chút, Ngài sanh trước Lục Tổ[61], đại khái là đã sớm biết những nỗi nghi hoặc được nhắc tới trong Đàn Kinh. Trong phần chú giải cho chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Ngài đã nói rất rõ ràng: Dẫu là A La Hán, Bồ Tát, Địa Thượng Bồ Tát, hoặc Đẳng Giác Bồ Tát vì chúng ta thuyết pháp mà chẳng tương ứng với kinh điển, chúng ta thảy đều chớ nên tiếp nhận. Vì sao? Chúng ta phải tin lời Phật. Trí huệ của Bồ Tát chẳng viên mãn, còn kém Phật một bậc. Chúng ta phải tin tưởng Phật, chớ nên tin tưởng Bồ Tát. Nếu chư Phật đến trước mặt chúng ta, đều nói "chẳng có Tây Phương Tịnh Độ", [nói kiểu ấy] chẳng tương ứng với kinh này, nói

[61] Thiện Đạo đại sư sinh năm 613 (nhằm năm Đại Nghiệp thứ chín đời Tùy Dượng Đế), tịch năm 681 (tức năm Vĩnh Long thứ hai đời Đường Cao Tông), tức là sống qua hai triều đại Tùy và Đường, trải bốn đời vua. Lúc mới xuất gia, Tổ dốc sức nghiên cứu các bộ kinh Pháp Hoa, Duy Ma v.v… Vào năm Trinh Quán thứ mười lăm (641) đời Đường Thái Tông, tổ Thiện Đạo đến chùa Huyền Trung tại Tây Hà, nghe tổ Đạo Xước giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ bèn chuyên tâm dốc ý nơi Tịnh Độ. Ngài Huệ Năng sinh năm 638 (tức năm Trinh Quán 12 đời Đường Thái Tông), tịch năm 713 (năm Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông). Lục Tổ Huệ Năng gặp sư Ấn Tông nhằm vào năm Nghi Phụng nguyên niên (675) đời Đường Cao Tông.

chẳng giống như lời Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy; [vậy thì] vị Phật ấy chẳng phải là Phật thật sự, đại khái là yêu ma quỷ quái biến thành một vị Phật giả! Lời dạy của một vị Phật thật sự quyết định sẽ giống hệt [lời dạy của Phật Thích Ca]. Lục Tổ là tổ sư của Thiền Tông, chỉ là một vị Pháp Thân đại sĩ mà thôi, Ngài đâu có phải là Phật. Mấy câu dưới đây hết sức quan trọng!

(Sao) Minh trí giả.
(鈔)明智者。
*(**Sao**: Kẻ trí sáng).*

Một người hiểu rõ, thông đạt rõ ràng, có trí huệ.

(Sao) Đương vi thế nhân quyết nghi khởi tín.
(鈔)當為世人決疑起信。
*(**Sao**: Hãy nên dứt nghi, khởi phát tín tâm cho người đời).*

Quý vị thông minh, có trí huệ, hiểu rõ chân tướng sự thật, hãy nên giúp người đời đoạn nghi sanh tín.

(Sao) Tại tại xứ xứ, hoằng tán lưu thông.
(鈔)在在處處，弘讚流通。
*(**Sao**: Nơi nơi chốn chốn, hoằng dương, tán thán, lưu thông).*

Hết thảy lúc, hết thảy chỗ, nhất định là phải hoằng dương, tán thán Tịnh Độ. Quý vị có thể làm như vậy:

(Sao) Tức thị đại chư Phật xuất quảng trường thiệt, tức thị báo Phật thâm ân.
(鈔)即是代諸佛出廣長舌，即是報佛深恩。
*(**Sao**: Tức là thay chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, chính là báo ân sâu của Phật).*

Quý vị làm theo kiểu ấy chắc chắn là chánh xác. Ở đây, Liên Trì đại sư phó chúc, khuyến khích chúng ta, mà cũng là niềm kỳ vọng không chi lớn hơn đối với chúng ta.

(Sao) Như kỳ vi bội thánh ngôn, cố vi ma thuyết, kỳ vi tội dã, hà khả ngôn tận!

(鈔)如其違背聖言，故為魔說，其為罪也，何可言盡。

*(**Sao**: Nếu trái nghịch thánh ngôn, sẽ là ma thuyết, sẽ gây tội chẳng sao nói hết cho được).*

Nếu chúng ta trái nghịch ý nghĩa của hết thảy chư Phật, hiểu cong vạy ý nghĩa của tổ sư, nói "chẳng có Tây Phương Tịnh Độ, Tây Phương Tịnh Độ là giả thiết, chẳng phải là chân thật", hoặc nói "Tây Phương Tịnh Độ chẳng phải là rốt ráo", khuyên kẻ khác chớ nên tu hành, tội lỗi ấy nặng lắm!

Trong đời này, người ấy gặp gỡ cơ duyên này, có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, quý vị ngay lập tức ngăn chặn, kéo ngược kẻ ấy lại. Tội lỗi ấy nặng lắm! Hết thảy các tội nghiệp đã tạo trong thế gian chẳng có gì nặng hơn tội này! Giết người, đoạn thân mạng của người ta, sau bốn mươi chín ngày, người ấy lại đầu thai, cho nên tội đoạn dứt thân mạng của người khác còn nhỏ! Tội này là tội đoạn Pháp Thân huệ mạng của kẻ khác, tội ấy nặng lắm! Chỉ có kẻ ngu si mới tạo tội nghiệp này. Người thật sự có trí huệ quyết định chẳng tạo tội nghiệp này.

(Sao) Kim dĩ dụ minh.

(鈔)今以喻明。

*(**Sao**: Nay dùng tỷ dụ để nêu rõ).*

Nêu tỷ dụ.

(Sao) Ư thử hữu nhân, nhật xuất vạn ngôn.

(鈔)於此有人，日出萬言。

*(**Sao**: Ở nơi đây có kẻ mỗi ngày thốt ra một vạn lời).*

Nói nhiều lắm! Mỗi ngày nói tới một vạn câu!

(Sao) Dĩ báng vạn Phật.

(鈔)以謗萬佛。

*(**Sao**: Để hủy báng một vạn vị Phật).*

Hủy báng hết thảy các vị Phật.

(Sao) Tích mãn thiên tuế, thị nhân tội nghiệp, vô lượng vô biên.

(鈔)積滿千歲，是人罪業，無量無邊。

*(**Sao**: Trọn một ngàn năm, tội nghiệp của kẻ ấy vô lượng vô biên).*

Đây là nói một kẻ mỗi ngày chửi một vạn tiếng, chửi hết thảy chư Phật, lại còn chửi suốt một ngàn năm, tội lỗi ấy rất nặng.

(Sao) Nhi phục hữu nhân xuất nhất ác ngôn, trở nhân niệm Phật.

(鈔)而復有人出一惡言，阻人念佛。

*(**Sao**: Lại có kẻ thốt một lời nói ác, ngăn trở người khác niệm Phật).*

Có một kẻ khác, chỉ nói một câu, bảo người khác là "chẳng có Tịnh Độ, chẳng có Tây Phương", ngăn trở người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

(Sao) Thị nhân tội nghiệp, quá ư tiền nhân bách thiên vạn bội, nãi chí vô toán.

(鈔)是人罪業，過於前人百千萬倍，乃至無算。

*(**Sao**: Tội nghiệp của kẻ đó vượt hơn người trước trăm ngàn vạn lần, cho đến chẳng thể tính toán được).*

Người ấy tội lỗi nặng hơn người trước trăm ngàn vạn lần!

(Sao) Hà dĩ cố? Vi trần chư Phật, tán thán Tây Phương, duy dục nhân nhân thành Phật.

(鈔)何以故？微塵諸佛，讚歎西方，惟欲人人成佛。

*(**Sao**: Vì lẽ nào? Vi trần chư Phật tán thán Tây Phương chỉ vì mong cho ai nấy đều thành Phật).*

Đấy mới là bổn nguyện độ sanh của chư Phật. Tâm nguyện của hết thảy chư Phật là mong mỏi hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật. Quyết định chớ nên ngăn trở kẻ khác thành Phật.

(Sao) Nhữ độc sanh báng, tức thị biến báng vi trần Như Lai, hãm hại chúng sanh, thường trầm khổ hải, bất đắc thành Phật, cố tội như thị, kỳ thận từ tai!

(鈔)汝獨生謗，即是遍謗微塵如來，陷害眾生，常沉苦海，不得成佛，故罪如是，其慎辭哉。

*(**Sao**: Chỉ riêng ngươi sanh lòng báng bổ, tức là đã hủy báng trọn khắp vi trần Như Lai, hãm hại chúng sanh thường bị chìm trong biển khổ, chẳng được thành Phật, cho nên tội như vậy đó. Ăn nói hãy thận trọng nhé!)*

Đối với ngôn ngữ, lời lẽ, chúng ta chẳng thể không cẩn thận, tuyệt đối chớ nên báng Phật, báng Pháp. Ví như in kinh sách, cuối sách lại in *"giữ sở hữu bản quyền, in lại sẽ bị truy cứu trách nhiệm"*. Đó là hủy báng Tam Bảo, tội nghiệp quá nặng. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 268

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm năm mươi sáu:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh biến chiếu, thị lục phương Phật tán nghĩa.

(疏)稱理，則自性遍照，是六方佛讚義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh chiếu trọn khắp chính là ý nghĩa sáu phương Phật tán thán).*

Chúng ta xem đại sư chú giải:

(Sao) Linh quang độc diệu, huýnh tuyệt trung biên, chân chiếu vô tư, hà phân bỉ thử? Cố đắc nhất đa vô ngại, chủ bạn giao thành. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Nhiên tắc lục phương bất ly ư chỉ xích, chư Phật tất hiện ư hào đoan, kim giả thử kinh, đương tại hà xứ?

(Diễn) Linh quang độc diệu nhị cú, linh quang đối vọng thức ngôn, vọng thức tức bát thức chi quang. Bát thức các duyên tự cảnh, cố bất ly trung biên dã. Linh quang tức chân tánh chi quang. Chân

tánh tuyệt hồ đối đãi, cố huýnh tuyệt trung biên. Chân chiếu vô tư nhị cú, chân chiếu đối vọng chiếu ngôn. Vọng chiếu tức lục thức chi chiếu. Lục thức đối cảnh chi chiếu. Cố bất ly bỉ thử. Chân chiếu tức tự thể chi chiếu, tự thể bổn vô năng sở, cố viết bất phân bỉ thử. Huýnh tuyệt trung biên, cố nhất Phật tức đa Phật, đa Phật tức nhất Phật, nhất đa vô hữu chướng ngại. Dĩ nhất đa tận vọng thức phân biệt, linh quang phi vọng thức cố. Hà phân bỉ thử? Cố Di Đà chủ tức chư Phật bạn, chư Phật bạn tức Di Đà chủ. Chủ bạn giao tương thành tựu, dĩ chủ bạn giai vọng chiếu an lập, chân chiếu vô chủ bạn cố. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Như đế võng thiên châu trùng trùng thiệp nhập cố. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Như vạn tượng sâm la bất ly thái hư không cố.

(鈔)靈光獨耀，迥絕中邊，真照無私，何分彼此，故得一多無礙，主伴交成。無礙，則千差雖隔而非殊；交成，則萬法不期而自會。然則六方不離於咫尺，諸佛悉現於毫端，今者此經，當在何處。

(演)靈光獨耀二句。靈光對妄識言。妄識即八識之光。八識各緣自境。故不離中邊也。靈光即真性之光。真性絕乎對待。故迥絕中邊。真照無私二句。真照對妄照言。妄照即六識之照。六識對境之照。故不離彼此。真照即自體之照。自體本無能所。故曰不分彼此。迥絕中邊故一佛即多佛。多佛即一佛。一多無有障礙。以一多盡妄識分別。靈光非妄識故。何分彼此故彌陀主即諸佛伴。諸佛伴即彌陀主。主伴交相成就。以主伴皆妄照安立。真照無主伴故。無礙。則千差雖隔而非殊。如帝網千珠重重涉入故。交成。則萬法不期而自會。如萬象森羅不離太虛空故。

*(**Sao**: Linh quang riêng chiếu, dứt sạch chính giữa và hai bên, chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư, há phân chia đây đó? Vì thế, đạt được một và nhiều vô ngại, chủ và bạn thành tựu lẫn nhau. Do vô ngại cho nên [vạn pháp] sai khác ngàn phần, dẫu cách biệt nhưng chẳng khác nhau. Do thành tựu lẫn nhau, cho nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự lãnh hội. Vì thế, sáu phương chẳng lìa gang tấc, chư Phật ắt hiện trong đầu sợi lông, vậy thì nay kinh này sẽ ở nơi đâu?*

***Diễn**: Đối với hai câu "linh quang độc diệu", linh quang là do so với vọng thức mà nói. Vọng thức chính là quang minh của tám thức. Mỗi thức trong tám thức duyên với cảnh của riêng nó, cho nên chúng chẳng thể lìa khỏi chính giữa và hai bên. Linh quang là quang minh của chân tánh; chân tánh dứt bặt đối đãi, nên dứt sạch chính giữa và hai bên. Đối với hai câu "chân chiếu vô tư" (chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư), chân chiếu là nói đối ứng với vọng chiếu. Vọng chiếu chính là tác dụng Chiếu của sáu thức. Sáu thức do đối ứng với cảnh mà phát khởi tác dụng Chiếu. Vì thế, nó chẳng thể lìa khỏi đây và kia. Chân chiếu là tác dụng Chiếu của tự thể. Tự thể vốn chẳng có Năng và Sở, cho nên chẳng phân chia đây và kia. Do tuyệt dứt chính giữa và hai bên nên một Phật chính là nhiều Phật, nhiều Phật chính là một Phật. Một và nhiều chẳng có chướng ngại; bởi lẽ, một và nhiều hoàn toàn là do vọng thức phân biệt. Linh quang chẳng phải là vọng thức, nên há có phân chia đây và kia? Do vậy, Di Đà là chủ chính là chư Phật là bạn, chư Phật là bạn chính là Di Đà là chủ. Chủ và bạn thành tựu lẫn nhau là vì chủ và bạn đều do vọng chiếu an lập. Chân chiếu chẳng có chủ và bạn! Vô ngại thì ngàn muôn sai khác tuy cách biệt nhưng chẳng khác nhau, giống như ngàn viên châu trong cái lưới của Đế Thích trùng trùng xen nhập lẫn nhau. Do thành tựu lẫn nhau, nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự lãnh hội, như sâm la vạn tượng chẳng lìa khỏi vũ trụ).*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư dùng cách nói theo lối Thiền cơ của các vị đại đức trong Tông Môn để giải thích. Câu nào trong đoạn này cũng đều là những câu thoại đầu trong Tông môn. *"Linh quang"* là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, do đối ứng với vọng thức mà nói [bằng danh xưng như thế]. Phàm phu mê mất tự tánh, trong thường nhật, chẳng phải là chân tâm khởi tác dụng, mà là vọng tâm. Trong Tướng Tông, vọng tâm được gọi là "tám thức". Do mê mất tự tánh, tự tánh biến thành tám thức. Chư vị phải hiểu: Tám thức và chân tánh là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Khi ngộ bèn gọi là "tự tánh", lúc mê bèn gọi là "tám thức". Nói cách khác, chỉ có phân biệt giữa mê và ngộ, [nói theo] danh xưng thì là danh xưng mê hay ngộ, chứ tự thể của chân tánh chẳng có mê hay ngộ.

"Huýnh tuyệt trung biên" (Dứt bặt chính giữa và hai bên), *"huýnh"* (迥) là xa xôi, [*"huýnh tuyệt"* là] vượt xa khỏi chính giữa và hai bên. Chính giữa và hai bên là tương đối. Nói cách khác, trong Chân Như tự tánh, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, lấy đâu ra chính

giữa và hai bên? Chính giữa và hai bên là do đối lập mà hình thành. Hiện thời, do chẳng có sự đối lập giữa hai bên, cho nên chính giữa và hai bên đều chẳng có. Nhiễm, tịnh cũng chẳng có, Phật và chúng sanh cũng chẳng có, [nói nhiễm, tịnh, Phật, chúng sanh] đều là nói theo phương diện đối lập. Lìa khỏi tương đối, chẳng thể thốt lên một câu nào được! Đó gọi là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*. Phần chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] có nói: *"Huỳnh tuyệt trung biên, cố nhất Phật tức đa Phật, đa Phật tức nhất Phật"* (Do dứt tuyệt chính giữa và hai bên, nên một Phật chính là nhiều Phật, nhiều Phật chính là một Phật), chắc chắn là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

"Chân chiếu vô tư, hà phân bỉ thử" (Chân thật chiếu soi chẳng riêng tư, há có phân chia đây, kia). Chân là nói đối ứng với Vọng. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm. Chân tâm là thanh tịnh, bình đẳng; do đó, chẳng có riêng tư. Phàm phu sử dụng vọng tâm, mê vọng! Vì sao gọi là mê? Trong tự tánh thanh tịnh, vốn chẳng có phân biệt, nếu kẻ ấy khởi lên một phân biệt, dấy lên một chấp trước, bèn mê. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn"* (Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết, đó là cái gốc của vô minh). Vô minh liền dấy lên! Thứ ấy chẳng thật, giả trất, nhưng kẻ bình phàm luôn ngỡ nó là thật. Phật dạy lẽ thật, họ coi là giả, chẳng tin tưởng, không thể tiếp nhận. Phàm phu phân chia đây, kia; còn người kiến tánh chẳng phân đây, kia. Nói cách khác, kẻ còn phân chia đây, kia thì vẫn chưa kiến tánh. Hễ còn có đây, kia, còn có đúng, sai, còn có ta, người, kẻ ấy là phàm phu thứ thiệt, chắc chắn chẳng phải là đã khai ngộ. Đã khai ngộ, sẽ tuyệt đối chẳng có hiện tượng này.

"Thị cố đắc nhất đa vô ngại" (Vì thế, được một, nhiều vô ngại). Ở đây, "một" là chỉ A Di Đà Phật, "nhiều" là chỉ mười phương Hằng sa chư Phật. A Di Đà Phật là Hằng sa chư Phật, Hằng sa chư Phật là A Di Đà Phật, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Nơi Sự, có A Di Đà Phật hay không? Có! Có Hằng sa chư Phật hay không? Cũng có! Nơi Sự tuy có, xét theo Lý, quyết định là một, cách nhìn như vậy là đúng! Xét theo Lý là viên dung, cho nên nơi Sự tuy có, chẳng cần phải chấp trước. Tuy có, cũng chẳng cần phải phân biệt. Đấy là chỗ khác biệt trong cách nhìn và cách nghĩ đối với vũ trụ và nhân sinh của chư Phật, Bồ Tát so với chúng ta. Chúng ta có phân biệt, có chấp trước; các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

"Chủ bạn giao thành" (Chủ và bạn thành tựu lẫn nhau), *"giao"* (交) là lẫn nhau. Coi A Di Đà Phật là chủ, tất cả hết thảy chư Phật đều là

bạn. Giống như trong đại hội, A Di Đà Phật là chủ tịch, hết thảy các vị Phật khác đều ngồi ở dưới đài làm thính chúng. Bất cứ vị Phật nào cũng đều có thể làm chủ. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật làm chủ, A Di Đà Phật cũng ngồi ở phía dưới; chủ bạn dung thông lẫn nhau. Quán Thế Âm Bồ Tát làm chủ, A Di Đà Phật cũng ngồi ở phía dưới. *"Giao thành"* (交成): Thành tựu lẫn nhau. Hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, bất cứ ai cũng đều có thể làm chủ. Phật pháp nói: *"Một tức là nhiều, nhiều tức là một"*, vạn pháp quy nhất. Cái Nhất ấy là bất cứ một điều nào, chẳng phải là chuyên nhất, chẳng phải là duy nhất, mà là bất cứ cái nhất nào, pháp ấy mới là viên dung. Ví như một quả cầu, bất cứ điểm nào trên mặt cầu cũng đều có thể làm điểm trung tâm. Vì thế, nó mới là viên mãn.

"Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù" (Do vô ngại nên ngàn phần sai khác, tuy cách biệt nhưng chẳng khác nhau), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới tuy thiên sai vạn biệt, thể tánh của chúng là một. Chúng ta đọc kinh thấy nói: *"Mười phương tam thế Phật, cùng chung một Pháp Thân"*. Hết thảy chư Phật cùng chung một Pháp Thân, hết thảy chúng sanh và chư Phật có phải là cùng một Pháp Thân hay không? Cũng vậy! Không chỉ là hết thảy hữu tình chúng sanh và chư Phật có cùng một Pháp Thân, mà vô tình cũng giống vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí"*. Tất cả hết thảy động vật, thực vật, khoáng vật, hiện tượng trong đại tự nhiên, hư không, thế giới đều do tự tánh biến hiện, tự tánh là năng biến (cái có thể biến), hết thảy vạn vật là sở biến (cái được biến). Năng Biến là một. Tuy Sở Biến muôn vàn sai khác, trên thực tế đều là như nhau, đều do tự tánh biến. Lìa khỏi tự tánh, chẳng có một pháp để có thể được.

Trong kinh, đức Phật thường nói: Hết thảy các pháp là bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, vạn pháp đều Như, chẳng có một pháp nào không Như! Như gì vậy? Như Tánh của nó, như Thể của nó, Thể là một. Vạn pháp đều Như, tức là vạn pháp đều bình đẳng. *"Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội"* (Do thành tựu lẫn nhau, nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự lãnh hội). *"Kỳ"* (期) là dự kỳ (預期: dự tính kỳ hạn để đạt được điều gì đó), tức là có kế hoạch. *"Bất kỳ"* là tự nhiên, có ý nghĩa giống như cách nói *"sanh thái tự nhiên"* của người hiện thời. Hiện thời, sanh thái tự nhiên trên địa cầu bị con người phá hoại, địa cầu phát sanh trục trặc nghiêm trọng, thiên tai xảy ra dồn dập, sanh thái bất ổn định, bất cân bằng, gây ảnh hưởng khiến khí hậu bất bình thường. Cổ nhân hiểu đạo lý này, họ tỉ mỉ quan sát thiên nhiên, hết thảy đều tùy thuận, tìm

được nghĩa lý thật sự trong ấy, họ có thể lãnh hội. Đó là ý nghĩa *"bất kỳ nhi tự hội"* (tự nhiên chẳng hẹn mà tự lãnh hội). Chúng ta nói một địa cầu thì [phạm vi] thảo luận nhỏ nhoi; nếu nói rộng hơn, [sẽ là] vô lượng tinh cầu đang vận hành trong vũ trụ. *"Bất kỳ nhi tự hội"*: Mỗi tinh cầu có quỹ đạo của chính mình, nó sẽ chẳng rối loạn, rất có trật tự. Có những kẻ thấy hiện tượng ấy, cảm thấy rất chẳng thể nghĩ bàn, [chấp trước là] nhất định phải có một người đang thiết kế, có một người đang chi phối, bèn gọi người ấy là Thượng Đế. Vì thế, Thượng Đế nẩy sanh từ tưởng tượng như vậy, [nhân loại cứ ngỡ] ông ta là chúa tể của vũ trụ. Thật ra, chẳng phải vậy! Đấy chính là quy tắc tự nhiên trong vũ trụ, *"vạn pháp bất kỳ nhi tự hội"* (muôn pháp tự nhiên chẳng hẹn mà tự lãnh hội), chúng thành tựu lẫn nhau!

Biết đạo lý này, biết hiện tượng này, mới biết *"lục phương bất ly ư chỉ xích"* (sáu phương chẳng lìa gang tấc), gang tấc rất ngắn, khoảng cách rất ngắn. Không gian thuộc sáu phương quá to! Mấy câu này có nghĩa là *"chẳng có xa gần, xa gần đồng thời đạt đến"*. Ví như giảng đường này, ban đêm tối tăm, chúng ta thắp ở đây một ngọn đèn. Đèn thắp lên, bên này gần, bên kia xa, ánh sáng đồng thời soi tới. Chúng tôi nêu một thí dụ rất nông cạn, rõ rệt như vậy, có thể tỷ dụ khít khao thích đáng hay chăng? Chẳng sánh ví được! Chỉ có thể sánh ví phảng phất, vì sao? Ánh sáng vẫn là có tốc độ, tốc độ nhanh chóng một tí [so với tốc độ của những vật thể khác]. Nói thật ra, tự tánh chẳng có tốc độ, đúng là chẳng có xa hay gần. Thật sự là xa hay gần đều đồng thời chiếu tới. Công đức trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

"Chư Phật tất hiện ư hào đoan" (Chư Phật ắt hiện trong đầu sợi lông), *"hào đoan"* (毫端) là chót đầu của sợi lông. Đó là nói đến sự gần gũi. Mười phương chư Phật cách nơi này của chúng ta không chỉ là mười vạn ức cõi Phật, thế mà đều ở trong đầu sợi lông. Đầu một sợi lông chẳng phình to, các thế giới của mười phương chư Phật (tức pháp giới) chẳng thu nhỏ. Vì sao thế giới to đùng có thể bỏ vào đầu sợi lông bé tẹo? Đó là vì tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ. Nay chúng ta chẳng thể tiếp nhận chuyện này, chấp trước trong ấy có một lớn, một nhỏ, lớn làm sao có thể vào trong nhỏ cho được? Chẳng thể nào! Chúng ta có chấp trước như thế, có chướng ngại như thế. Vì vậy, vĩnh viễn chẳng quan sát thấy chân tướng sự thật. Bồ Tát đã hiểu, Bồ Tát đã vĩnh viễn lìa khỏi phân biệt, chấp trước. *"Huỳnh tuyệt trung biên, linh quang độc diệu"* (Dứt bặt chính giữa và hai bên, linh quang riêng chiếu). Các Ngài đã chiếu kiến,

đức Phật nói chẳng sai tí nào! Đấy hoàn toàn là cảnh giới Sự Sự vô ngại được nói trong kinh Hoa Nghiêm: Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Trong cảnh giới ấy, Liên Trì đại sư bèn nêu ra một câu để nói:

(Sao) Kim giả thử kinh, đương tại hà xứ?

(Diễn) Kim giả thử kinh đương tại hà xứ giả, lục phương vi năng tán, thử kinh vi sở tán. Năng tán chi Phật, bất ly chỉ xích hào đoan. Sở tán chi kinh, đương tại hà xứ? Di! Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến dã!

(鈔)今者此經，當在何處。

(演)今者此經當在何處者。六方為能贊。此經為所贊。能贊之佛。不離咫尺毫端。所贊之經。當在何處。咦。不離當處常湛然。覓即知君不可見也。

*(**Sao**: Vậy thì nay bộ kinh này sẽ ở chỗ nào?*

***Diễn**: "Nay thì bộ kinh này sẽ ở chỗ nào": Sáu phương [chư Phật] là Năng Tán (người tán thán), kinh này là Sở Tán (đối tượng được tán thán). Chư Phật là người tán thán chẳng lìa gang tấc, mảy lông. Kinh được tán thán sẽ ở chỗ nào? Ôi! Chẳng lìa chỗ này mà thường trong lặng, hễ tìm sẽ biết là ông chẳng thể thấy được).*

Phật Thuyết A Di Đà Kinh ở chỗ nào? Tiếp đó, Ngài chẳng trả lời, để cho mọi người tự tham cứu. Đây là hoàn toàn dùng giọng điệu của Thiền Tông để thuyết pháp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?

(經)舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Do vì lẽ nào mà có tên là Kinh Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm?)*

Trong Khoa Phán, đại sư đặt tựa đề cho phần này là Thích Kinh Ưng Tán (釋經應讚), [nghĩa là] giải thích [nguyên do vì sao] phải nên tán thán bộ kinh này. Vì nó xác thực là kinh bậc nhất, là pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh, thành Phật đạo; do đó, phải nên tán thán. Đức Phật gọi Xá Lợi Phất, hỏi: Ý ông nghĩ ra sao? Vì sao

bộ kinh này lại được gọi là Kinh Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm? Ngài Xá Lợi Phất cũng chẳng thể đáp nổi, vẫn là đức Phật tự mình giải thích.

(Sớ) Danh tất hữu nghĩa, chương xiển kỳ nghĩa, phương khắc phụng hành, vô sở nghi cố.

(疏)名必有義，彰闡其義，方克奉行，無所疑故。

*(**Sớ**: Danh ắt có nghĩa, nêu bày rõ ràng nghĩa ấy thì mới có thể quyết ý phụng hành, chẳng nghi ngờ).*

"Danh" (名) là tựa đề của kinh, tức tên kinh. Tên thì nhất định có ý nghĩa. *"Chương xiển kỳ nghĩa"* [nghĩa là] ý nghĩa đó phải rất rõ ràng, rất rõ rệt thì chúng ta mới có thể nhìn vào danh nghĩ đến nghĩa, tin nhận phụng hành, chúng ta mới có thể làm được. Chư vị phải hiểu: Kinh Phật coi trọng thực hành, chú trọng tu hành. Thanh Lương đại sư phán định kinh Hoa Nghiêm có bốn phần là Tín, Giải, Hành, Chứng. Chẳng có đủ bốn phần ấy, chúng ta sẽ chẳng thể đạt được lợi ích chân thật từ bộ kinh ấy. Nhập môn từ Tín: *"Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu"* (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Tín là cội nguồn để nhập đạo, vô lượng vô biên công đức đều sanh từ Tín. *"Công đức mẫu"* là có thể sanh ra hết thảy công đức. Vì thế, từ Tín mà tiến nhập. Đã tin rồi bèn có thể hiểu. Nếu chẳng hiểu, chỉ tin tưởng, lòng tin ấy là cảm tình, chúng ta thường nói là *"mê tín"*, miễn cưỡng tin tưởng.

Trong pháp môn Tịnh Độ, chẳng hiểu ý nghĩa, chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm, vẫn có thể vãng sanh! Nhưng chư vị phải hiểu: [Người như vậy chỉ có thể] sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chẳng thể sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm phải là khai ngộ thì mới được. Nếu Lý và Sự đều thông đạt, đều hiểu rõ mà niệm Phật, phẩm vị vãng sanh bèn cao, đạo lý là như vậy đó. Vì thế, Giải rất quan trọng! Sau khi đã Giải (hiểu) thì phải hành. Hành là những gì quý vị đã tin, đã hiểu thảy đều làm được. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị chẳng thực hiện được [những điều đã tin và hiểu ấy], vô dụng! Những thứ tín giải ấy chẳng phải là của chính quý vị, nhất định là phải làm được! Tín, Giải, Hành dung hợp thành một thì gọi là Chứng. Chứng chẳng có chi khác, Tín được chứng thực bởi Hành và Giải, Hành được chứng thực bởi Tín và Giải. Chứng thực lẫn nhau, chứng minh chẳng sai tí nào, đó gọi là Chứng, sẽ đạt được sự thọ dụng chân thật. Vì thế, kinh

Phật chẳng giống sách vở thế gian; kinh Phật chẳng phải là huyền đàm (đàm luận những chuyện huyền hoặc), mà là hoàn toàn nói lên chân tướng sự thật, đều nói đến Thật Tế. Do vậy, Hành hết sức trọng yếu, hãy y giáo tu hành.

(Sao) Đề thập lục tự, đản trưng hạ chi bát tự giả.

(鈔)題十六字，但徵下之八字者。

*(**Sao**: Tựa đề kinh gồm mười sáu chữ, nhưng chỉ gạn hỏi tám chữ sau).*

[Tựa đề kinh gồm] mười sáu chữ, tám chữ trước là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức bị tỉnh lược, đức Phật chỉ nói tám chữ sau đó: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(Sao) Dĩ bất khả tư nghị, Thích Ca sở tán, kỳ nghĩa dĩ minh.

(鈔)以不可思議，釋迦所讚，其義已明。

*(**Sao**: Do "chẳng thể nghĩ bàn" là do Phật Thích Ca khen ngợi, nghĩa ấy đã rõ ràng).*

Giải thích vì sao ở đây đức Phật chỉ nói nửa sau của tựa đề kinh, chẳng nói tới nửa trước: Ý nghĩa của nửa trước đã được nói minh bạch trong những phần trước.

(Sao) Tha phương Phật tán, tăng thử bát tự, cố trưng kỳ nghĩa.

(鈔)他方佛讚，增此八字，故徵其義。

*(**Sao**: Chư Phật ở phương khác tán thán, tăng thêm tám chữ ấy, nên gạn hỏi nghĩa đó).*

"Trưng" là trưng vấn (徵問: cật vấn, gạn hỏi). Vì kinh này được mười phương hết thảy chư Phật đều tán thán, cho nên ở đây, đức Phật đặc biệt nhắc nhở tôn giả Xá Lợi Phất, nhằm ý nghĩa nêu lên: Vì sao bộ kinh này được hết thảy chư Phật đều tán thán? Có thể thấy là câu này rất quan trọng.

(Sao) Vân hà Phật hộ, vân hà Phật niệm?

(鈔)云何佛護，云何佛念。

*(**Sao**: Phật hộ trì là như thế nào? Phật niệm là như thế nào?)*

Vì sao chư Phật hộ trì? Vì sao chư Phật hộ niệm? Người hiện thời cũng nói *"niệm"* là *"hệ niệm"* (繫念: luôn nghĩ tới, luôn bận tâm). Niệm nào đức Phật cũng đặt chuyện này trong tâm, những chuyện khác Phật chẳng màng tới, chỉ riêng chuyện này được giữ trong tâm. Chuyện này tuyệt đối chẳng phải là chuyện bình phàm! Chuyện gì vậy? Bổn nguyện của đức Phật, bổn nguyện của hết thảy chư Phật đều là *"độ chúng sanh thành Phật đạo"*. Nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, phương pháp cụ thể để độ thoát chúng sanh ở ngay trong bộ kinh này. Đức Phật muốn độ hết thảy chúng sanh thành Phật đạo; do vậy, trong tâm đức Phật thường hệ niệm bộ kinh này. Do thường nghĩ tới bèn thường nói, thường tuyên dương, thường khuyên kẻ khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Đạo lý là như vậy đó.

(Sao) Dĩ tiền, giáo đương tín thị kinh.

(鈔)以前教當信是經。

*(**Sao**: Trong các phần trước, dạy hãy nên tin kinh này).*

Trong các phần kinh văn trước đó, đức Phật dạy chúng ta hãy nên tin tưởng bộ kinh này.

(Sao) Kim vị nghĩa minh, nhiên hậu tín cố dã.

(鈔)今謂義明，然後信固也。

*(**Sao**: Nay nói: Ý nghĩa đã rõ ràng, sau đấy sẽ tin tưởng vững chắc).*

Hiện thời nói đến chỗ này, ý nghĩa càng nói càng rõ ràng, càng nói càng minh bạch. Tín tâm của quý vị đương nhiên càng ngày càng kiên cố. Đức Phật nói lời này, trong ấy bao hàm ý nghĩa sâu xa như vậy đó. Ngài Xá Lợi Phất chẳng đáp được, ý nghĩa quá sâu, vẫn là Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình giải thích.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả.

(經)舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì, và nghe danh hiệu chư Phật).*

Trong phần giải thích, kinh văn được chia thành ba đoạn[62], đây là đoạn thứ nhất, nói đến sự nghe kinh và trì kinh.

(Sớ) Văn thị kinh giả, điệp thượng y chánh tín nguyện, trì danh vãng sanh đẳng.

(疏)聞是經者，牒上依正信願。持名往生等。

*(**Sớ**: "Nghe kinh này": Nhắc lại y báo, chánh báo, tín, nguyện, trì danh vãng sanh v.v... trong các phần trên).*

"Văn" (聞) là nghe giảng. Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới đã được nói trong các phần trước, tổ sư đã phán định bộ kinh này thành ba đoạn lớn là Tín, Nguyện, Hạnh. Ba điều ấy được gọi *"ba tư lương Tịnh Độ"*. Tín và Nguyện đã nói viên mãn, trì danh vãng sanh là Hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh đều đã nói xong!

(Sớ) Văn thọ trì.

(疏)聞受持。

*(**Sớ**: Nghe rồi thọ trì).*

Sau khi nghe xong, tin tưởng, lý giải, hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, có thể tiếp nhận hay không? Có thể gìn giữ hay chăng? *"Thọ"* (受) là gì? Sau khi nghe xong, ta thật sự mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự muốn thấy A Di Đà Phật. Đó là Thọ, thật sự muốn vãng sanh. Đấy là phát nguyện cầu sanh. Tâm mong muốn đến đó, tâm mong thấy A Di Đà Phật hết sức khẩn thiết, đó là Thọ. Hiện thời, người niệm Phật tại Đài Loan có nhân duyên thù thắng, có nhiều người giảng kinh, giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Đó là nhân duyên, nhân duyên trọn đủ. Mọi người nghe xong, nghe rất thông hiểu, cũng tin tưởng, cũng phát nguyện, cũng niệm Phật, nhưng vẫn chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân rốt cuộc là ở chỗ nào? Ở ngay chỗ ý niệm vãng sanh của chúng ta chẳng tha thiết.

---

[62] Trong nguyên văn của bộ Sớ Sao, tổ Liên Trì chia phần này thành ba tiểu đoạn: Văn Trì (nghe và thọ trì), Lợi Ích và Khuyến Tín (khuyên tin tưởng).

Vừa mong vãng sanh, nhưng danh lợi ở nơi đây lại không buông xuống được! Phiền phức ở chỗ này! Những người vãng sanh khác hẳn chúng ta, họ chỉ có một nguyện vọng là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [đối với tất cả những gì] thuộc thế giới này thảy đều buông xuống, chẳng tiêm nhiễm mảy may nào. Vì thế, họ ra đi rất thuận lợi. Tuy chúng ta rất mong muốn, hằng ngày niệm Phật hồi hướng *"nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung"*, thứ gì cũng đều chẳng nỡ bỏ! Đó là cái gốc bệnh, [khiến cho] chúng ta chẳng có cách nào đi được, sai lầm ở chỗ này. Sai lầm chẳng phải là một lần này, trong quá khứ đã sai lầm như vậy chẳng biết bao nhiêu lượt? Lần này vẫn phạm khuyết điểm ấy thì đời này lại tích lũy một chút thiện căn, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Đối với kinh điển này, vì sao phải giới thiệu lý luận và chân tướng sự thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, minh bạch ngần ấy? Nhằm khiến cho quý vị dấy lên cái tâm chân thật hướng về, sau đấy mới có thể buông trần duyên trong thế giới này xuống được. Đạo lý ở chỗ này! Chẳng được có mảy may tiêm nhiễm nào!

Ở đây, các đồng tu chớ nên hiểu lầm. Chẳng phải là dạy quý vị hết thảy đều buông xuống thì ngày mai quý vị cũng chẳng đi làm, chuyện trong nhà cũng chẳng làm nữa, chỉ niệm Phật mà thôi. [Làm kiểu đó] sẽ trở thành đứa con ngây ngốc của đức Phật, đứa con ngây ngốc của Phật sẽ chẳng thể vãng sanh đâu nhé! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Bất Thoái Bồ Tát, chẳng có kẻ nào đầu óc ngây ngô! *"Buông xuống"* là dạy chúng ta trong tâm hãy buông xuống, chẳng phải là buông xuống nơi Sự. Trong tâm khởi tâm động niệm là chướng ngại, chứ nơi Sự chẳng có chướng ngại. *"Một tức là nhiều, nhiều tức là một"*, Sự há có chướng ngại? Vô ngại, thành tựu lẫn nhau. Một và nhiều vô ngại! Sự chẳng có chướng ngại, Lý cũng chẳng có chướng ngại. Lý Sự và Sự Sự thảy đều chẳng có chướng ngại. Ý niệm phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, những thứ ấy là chướng ngại, trong tâm chúng ta quyết định chẳng có những thứ ấy. Trong tâm chỉ có một vị A Di Đà Phật, trong tâm chỉ có bộ kinh A Di Đà này. Kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bổn A Di Đà Kinh, Đại Bổn và Tiểu Bổn hoàn toàn như nhau. Trong tâm chúng ta chỉ cần một bộ kinh, chỉ cần một vị Phật, những thứ khác đều buông xuống, chẳng còn phân biệt, chấp trước nữa, tâm của quý vị bèn thanh tịnh. Tâm tịnh, ắt cõi tịnh; đó là điều kiện ắt phải trọn đủ để vãng sanh. Tham luyến thế gian này thì không được! Phàm những gì khiến cho quý vị dấy lên tâm tham, đó là ma cảnh. Ma chẳng mong quý vị thành Phật,

chẳng mong quý vị lìa khỏi lục đạo luân hồi. Ma tới nhiễu loạn, ngăn trở con người, không cho quý vị đến thế giới Cực Lạc. Phàm những gì khiến cho quý vị khởi tâm động niệm, hoàn toàn thuộc về ma chướng. *"Thọ"* là chúng ta thật sự tiếp nhận. *"Trì"* là gìn giữ chẳng để mất đi. Nay đã tiếp nhận, sau khi đã tiếp nhận, nhất định phải trọn đời gìn giữ, trọn hết sanh mạng trong một đời này, chúng ta sống một ngày liền gìn giữ một ngày, quyết định chớ nên để mất đi. Đó gọi là Thọ Trì.

(Sớ) Tức tiền Tam Huệ, Tam Tư Lương cố.

(疏)即前三慧三資糧故。

*(**Sớ**: Tức là Tam Huệ, Tam Tư Lương trong phần trước).*

Văn, Tư, Tu là Tam Huệ, Tam Tư Lương được nói trong phần trước.

(Sao) Văn tức Văn Huệ, Thọ tức Tư Huệ, Trì tức Tu Huệ.

(鈔)聞即聞慧，受即思慧，持即修慧。

*(**Sao**: Văn là Văn Huệ, Thọ là Tư Huệ, Trì là Tu Huệ).*

Văn, Tư, Tu là cương lãnh tu hành của Đại Thừa Bồ Tát. Cương lãnh tu hành của hàng Tiểu Thừa là Tam Học Giới, Định, Huệ.

(Sao) Văn tức Tín nghĩa, Tư tức Nguyện nghĩa, Trì tức Hạnh nghĩa.

(鈔)聞即信義，思即願義，持即行義。

*(**Sao**: Văn có nghĩa là Tín, Tư nghĩa là Nguyện, Trì nghĩa là Hạnh).*

Văn là Tín, Thọ là Nguyện, Trì là Hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh là ba điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được gọi là ba tư lương. Tư lương (資糧) là tỷ dụ. Trước kia, ra ngoài đi xa thì phải mang theo lương khô, chi phí đi lại, nên [những gì cần phải có để thành tựu bất cứ một sự việc gì đều] gọi là *"tư lương"*. Đây là tỷ dụ chúng ta tu hành từ Sa Bà thế giới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải mang theo chi phí đi đường như thế nào? Tín, Nguyện, Hạnh, ba điều này giống như tư lương vậy!

(Sớ) Văn chư Phật danh, điệp thượng lục phương chư Phật danh dã. Văn kinh thọ trì, văn Phật danh giả, diệc ưng thọ trì cố.

(疏)聞諸佛名，牒上六方諸佛名也。聞經受持，聞佛名者，亦應受持故。

*(**Sớ**: Nghe danh hiệu chư Phật: Nhắc lại danh hiệu của sáu phương Phật trong phần trên. Nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu Phật cũng nên thọ trì).*

Đại sư giả lập một cuộc vấn đáp:

(Sao) Vấn: Thử kinh văn A Di Đà Phật danh hiệu vi vãng sanh nhân, hà kiêm chư Phật?

(鈔)問：此經聞阿彌陀佛名號為往生因，何兼諸佛。

*(**Sao**: Hỏi: Kinh này lấy nghe danh hiệu A Di Đà Phật làm cái nhân vãng sanh, sao lại kèm thêm chư Phật?)*

[Chánh kinh dạy] *"cập văn chư Phật danh giả"* (và nghe danh hiệu chư Phật): Ngẫu Ích đại sư giải thích *"chư Phật"* là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là chư Phật. Liên Trì đại sư giải thích: Chư Phật chỉ sáu phương chư Phật được nói trong phần trước. Cách nói của hai vị đều chẳng sai. Liên Trì đại sư nói theo Sự, Ngẫu Ích đại sư nói theo Lý. Theo Lý thì *"một chính là nhiều, nhiều chính là một"*, [do vậy] chư Phật là A Di Đà Phật.

(Sao) Đáp: Di Đà công đức, vị Hằng sa chư Phật chi sở cộng tán, tắc văn chư Phật danh, tri chư Phật tán, tín thọ thử kinh, bội phục thân thiết, cố song cử dã.

(鈔)答：彌陀功德，為恒沙諸佛之所共讚，則聞諸佛名，知諸佛讚，信受此經，倍復親切，故雙舉也。

*(**Sao**: Đáp: Công đức Di Đà được Hằng sa chư Phật cùng xưng tán, cho nên nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật tán thán, tin nhận kinh này càng thêm thân thiết gấp bội, cho nên nêu ra song song).*

Ý nghĩa này của Liên Trì đại sư cũng rất hay. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, giới thiệu vô lượng công đức của đấng Tây Phương giáo chủ A

Di Đà Phật, tức là một vị Phật nói. Chúng ta kính ngưỡng, hâm mộ Thích Ca Mâu Ni Phật vô hạn, tôn kính đức Phật chẳng còn gì hơn được nữa. Đức Thế Tôn đã giới thiệu, đương nhiên là chúng ta hoan hỷ tiếp nhận, nay lại thấy trong kinh đức Phật cho biết: Không chỉ là một mình lão nhân gia giới thiệu như vậy, mà mười phương hết thảy chư Phật đều khác miệng cùng tiếng đề cao, giới thiệu như vậy, khiến cho tín tâm của chúng ta càng thêm tăng trưởng, có ý nghĩa này. Biết bộ kinh điển này chẳng phải là do một vị Phật nói, mà là hết thảy chư Phật đều nói ba kinh Tịnh Độ, chẳng có vị Phật nào chẳng dùng pháp môn này để khuyên dạy người học. Trừ phi kẻ ấy chẳng chịu tiếp nhận, nếu người ấy có thể tiếp nhận tức là duyên Tịnh Độ đã chín muồi.

Duyên đã chín muồi, đức Phật nhất định dùng pháp môn này để tiếp dẫn, giúp họ ngay trong một đời vãng sanh, bất thoái thành Phật. Nếu họ không thể tiếp nhận, lại dùng pháp môn khác, tức là [sử dụng các pháp môn] kém hơn, hoặc kém hơn một bậc nữa. Pháp này là trực tiếp thành Phật, thành Phật viên mãn trong một đời, cho nên gọi là "pháp môn bậc nhất". Do vậy có thể biết: Trong một đời này, chúng ta có duyên phận gặp gỡ pháp môn này, có duyên phận nghe pháp môn này, quyết định chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, kinh Pháp Hoa bảo là *"đại sự nhân duyên"*.

Kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Đấy là do thiện căn của chính mình từ đời quá khứ trong vô lượng kiếp đã chín muồi, [cho nên] mới có cơ hội gặp gỡ, có cơ hội nghe thấy, nghe rồi có thể sanh tâm hoan hỷ. Đấy là thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay, quyết định chẳng phải là ngẫu nhiên! Chỉ cần chúng ta trong một đời này có thể buông duyên thế gian xuống. Đối với lòng tham ái hoặc sân khuể tương ứng với hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất trong thế gian này: Hễ ưa thích bèn tham ái, chẳng ưa thích bèn sân khuể; hễ có thể buông xuống những thứ ấy, sẽ quyết định vãng sanh trong một đời này, những thứ chướng ngại vãng sanh bèn chẳng còn nữa. Phải hiểu những thứ ấy sẽ gây chướng ngại vãng sanh, phải dẹp trừ chúng từ tâm địa, chứ chẳng liên can gì đến sự tướng, trong tâm quyết định chẳng nên có [những thứ ấy].

(Sao) Hoa Nghiêm đệ lục Hồi Hướng vân.

(鈔)華嚴第六回向云。

*(**Sao**: Chương Đệ Lục Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm có nói).*

Phẩm kinh nói về địa vị Hồi Hướng thứ sáu[63] trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Phục ư Phật sở, đắc văn Phật danh, chuyển cánh trị ngộ vô số chư Phật, tức văn thử kinh, hựu văn chư Phật danh chi ý dã.

(Diễn) Đáp Di Đà công đức hạ hữu nhị nghĩa, tiền nghĩa nãi quyển đa quy nhất, hậu nghĩa nãi triển nhất vi đa. Tuy hữu nhị nghĩa, thật nhất đa tương tức, triển quyển vô ngại, dĩ chư Phật đồng nhất Pháp Thân cố.

(鈔)復於佛所，得聞佛名，轉更值遇無數諸佛，即聞此經，又聞諸佛名之意也。

(演)答彌陀功德下有二義。前義乃卷多歸一。後義乃展一為多。雖有二義。實一多相即。展卷無礙。以諸佛同一法身故。

*(**Sao**: "Lại ở chỗ Phật được nghe danh hiệu Phật, lần lượt gặp gỡ vô số chư Phật". Đấy chính là ý nghĩa "nghe kinh này, lại nghe danh hiệu chư Phật" trong kinh này vậy.*

***Diễn**: Đáp công đức của Phật Di Đà có hai nghĩa: Nghĩa trước là thâu nhiều về một, nghĩa sau là mở rộng một thành nhiều. Tuy có hai nghĩa, thật ra một chính là nhiều, nhiều chính là một. Mở rộng hay rút gọn vô ngại, vì chư Phật có cùng một Pháp Thân).*

Hiện thời, chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật đã vì chúng ta đề cao, giới thiệu, nhưng Ngài chỉ có thể chỉ dạy đơn

---

[63] Đây là phẩm vị thứ sáu trong phần Thập Hồi Hướng. Trong kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, phẩm thứ hai mươi lăm là phẩm Thập Hồi Hướng (kéo dài từ quyển 23 đến quyển 33). Pháp hội này được giảng trong cung trời Đâu Suất. Trong pháp hội ấy, Kim Cang Tràng Bồ Tát nương vào oai thần của Tỳ Lô Giá Na Phật (Pháp Thân Phật) và mười phương chư Phật, nói ra mười phẩm vị Hồi Hướng là: 1) Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng, 2) Bất hoại hồi hướng, 3) Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, 4) Chí nhất thiết xứ hồi hướng, 5) Vô tận công đức tạng hồi hướng, 6) Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng, 7) Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sanh hồi hướng, 8) Chân Như tướng hồi hướng, 9) Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng, 10) Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng. Phần kinh văn trích dẫn trên đây xuất phát từ địa vị Hồi Hướng thứ sáu (Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng).

giản đề cương yếu lãnh, chẳng thể nói cặn kẽ. Chỉ bày cặn kẽ, chúng ta sẽ không thể tiếp nhận nổi! Đối với mười phương Hằng sa thế giới vô lượng vô biên chư Phật, nếu đức Phật nói những danh hiệu ấy, nói từng câu tiếp nối nhau, nói đến một vạn năm cũng chẳng nói xong, làm sao chúng ta có thể tiếp nhận cho được? Chúng ta cũng chẳng có thọ mạng dài như vậy. Vì thế, đối với vô lượng Phật trong mỗi phương, chỉ nêu ra năm hoặc sáu vị Phật, nhiều nhất là chỉ giới thiệu mười vị Phật thì chúng ta có thể tiếp nhận. Nhiều hơn nữa, sẽ chẳng thể tiếp nhận được. Nếu chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là hạ hạ phẩm vãng sanh, là phẩm vị thấp nhất. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị phải biết: Nghiệp chướng của chúng ta tiêu trừ. Vì sao nghiệp chướng tiêu trừ?

Tâm chúng ta thanh tịnh, đó là nhân tố thứ nhất. Vì hiện thời chúng ta chuyên tín, chuyên nguyện, chỉ nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ nguyện đọc kinh Di Đà, những kinh khác ta đều chẳng để trong lòng, đều buông xuống, *"chuyên"* mà! Chẳng chuyên sẽ không được, nhất định phải chuyên. Chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật. Hễ chuyên thì tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh có thể diệt tội nghiệp. Tội nghiệp là gì? Tội nghiệp là vọng niệm, là suy nghĩ loạn xạ, là tham, sân, si, mạn, những thứ ấy là tội nghiệp. Hễ chuyên, những thứ ấy đều chẳng có. Dẫu có, cũng rất nhẹ nhàng, chẳng nghiêm trọng như trước kia. Vì thế, tâm thanh tịnh là tịnh niệm.

Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: *"Tịnh niệm tiếp nối"*, tịnh niệm bèn tiêu nghiệp. Nay chúng ta đạt được *"tịnh niệm tiếp nối"* thì hiện thời Phật quang chiếu đến chúng ta, chẳng phải là chờ đến khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là ngay trong hiện thời, Phật quang chiếu soi, Phật quang tưới gội quý vị. Hễ Phật quang chiếu tới, sẽ giúp chúng ta tiêu nghiệp. Chư vị phải hiểu: Bản thân chúng ta ắt phải có năng lực tiêu trừ [tội nghiệp], Phật quang mới gia trì được. Bản thân chúng ta chẳng có năng lực, cứ suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, Phật quang tuy chiếu, vô dụng! Tâm tư tạp loạn là chướng ngại, ngăn chướng Phật quang, quý vị chẳng thể thọ dụng. Tâm thanh tịnh bèn chẳng có chướng ngại; Phật quang chiếu tới, chúng ta sẽ trực tiếp cảm nhận được. Quang minh của Phật giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, khai trí huệ, chẳng đợi tới vãng sanh, mà đạt được ngay trong hiện thời! Do vậy có thể biết: Tịnh niệm quan trọng lắm! Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta niệm Phật, Ngài bảo: *"Đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn"*. Chẳng hoài nghi, không xen tạp là "tịnh niệm"; chẳng gián

đoạn là "tiếp nối". Ba câu gồm chín chữ ấy nhằm giải thích lời dạy *"tịnh niệm tiếp nối"* của Đại Thế Chí Bồ Tát. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, trực tiếp đẫm mình trong Phật quang, trí huệ rộng mở. Do vậy, danh hiệu của mười phương vô lượng vô biên chư Phật thảy đều hiện tiền.

Trong kinh, đức Phật nói cho chúng ta biết trạng huống cuộc sống trong thế giới Tây Phương. Người thế gian chúng ta, thuở trẻ đi học, học hành khá vất vả, [đến khi] bước chân vào xã hội làm việc, càng vất vả hơn! Trong tương lai, kết hôn, sanh con, có gia đình càng khổ! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hằng ngày nghe kinh, niệm Phật, tham Thiền, kinh hành, hoặc là những người chí đồng đạo hợp cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, hoặc là đến các thế giới ở phương khác tham phỏng, cúng dường chư Phật, nghe kinh, nghe pháp. Gặp kẻ hữu duyên, bèn giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh, họ làm những chuyện ấy, đúng là tiêu dao tự tại! Thần tiên cũng chẳng sánh bằng họ. Thần tiên tuy tự tại, không gian hoạt động hữu hạn, chẳng thể vượt thoát lục đạo. Đại thiên thế giới này là phạm vi hoạt động của họ; vượt ra ngoài đại thiên thế giới, họ sẽ chẳng đạt đến.

Đối với người hạ hạ phẩm vãng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, không gian hoạt động của họ là tận hư không khắp pháp giới. Vì thế, thần tiên hay chư thiên cũng đều chẳng sánh bằng họ. Họ thấy một vị Phật chính là thấy hết thảy chư Phật, nghe danh hiệu một vị Phật, hiện thời nghe danh hiệu là nghe danh hiệu của một mình A Di Đà Phật, [mai sau] sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, danh hiệu của mười phương ba đời hết thảy chư Phật thảy đều hiện tiền. Vì thế, họ thảy đều nghe thấy. *"Văn chư Phật danh"* (Nghe danh hiệu chư Phật) là [nghe] chẳng sót [danh hiệu của] một vị Phật nào. Đấy chính là nghĩa lý được nói trong kinh Hoa Nghiêm và kinh này.

(Sớ) Đại Bổn vân: "Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh, nhi bất đắc văn".

(疏)大本云：多有菩薩，欲聞此經，而不得聞。

*(**Sớ**: Kinh Đại Bổn nói: "Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng được nghe").*

Đoạn này trích từ kinh Vô Lượng Thọ. *"Đa hữu Bồ Tát"* (Có nhiều vị Bồ Tát), chẳng phải là thiểu số! Mong nghe kinh này, cớ sao

chẳng được nghe? Đúng là có rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết có kinh A Di Đà, chẳng biết có kinh Vô Lượng Thọ. Họ làm sao có thể mong tưởng kinh này cho được? Họ nghĩ tốt nhất là có một pháp môn dạy chúng ta thành tựu trong một đời, mong muốn pháp môn ấy, trọn chẳng biết pháp môn ấy chính là bộ kinh này. Do vậy, nghe kinh phải có duyên phận, phải có phước báo. Người chẳng có phước báo, sẽ chẳng thể nghe! Người chẳng có duyên phận, sẽ chẳng thể tiếp xúc, trọn chẳng phải là chuyện dễ dàng. Có bao nhiêu đồng tu học Phật tại thành phố Đài Bắc của Đài Loan? Mấy ai nghe bộ kinh này? Dẫu khóa tối mỗi ngày đều niệm kinh A Di Đà, [thế mà] họ chẳng hiểu ý nghĩa, tín tâm chẳng kiến lập, chẳng có nguyện tâm. [Vậy thì] cũng như chẳng niệm. Có thể thấy chuyện này đúng là khó khăn!

Có hai hạng người được thọ dụng thật sự:

1) Một là người thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, hạ quyết tâm chọn lựa pháp môn này.

2) Loại người kia tuy chẳng hiểu rõ lý luận và chân tướng sự thật, nhưng thiện căn và phước đức của người ấy hết sức sâu dầy, nghe pháp môn này, tiếp xúc pháp môn này, liền nắm thật chặt, khăng khăng một mực, suốt cả một đời cũng chẳng thay đổi. Niệm câu Phật hiệu tới cùng bèn vãng sanh.

Hai loại người ấy là bậc đương cơ của pháp môn này. Những người khác, tín tâm như sương buổi sớm, giống như bèo trôi chẳng có rễ, chỉ có thể gieo một chút thiện căn trong Tịnh Tông mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này, do chao đảo, bất định đấy mà! Năm trước, chúng tôi mở Phật Thất tại Dallas, nước Mỹ, cũng có không ít đồng tu bên đó nghe tôi giới thiệu pháp môn Tịnh Độ. Nghe xong, hết sức hoan hỷ, tới nói với tôi: "Chúng con sẽ thật sự chuyên tâm, sẽ chuyên cầu Tịnh Độ, sẽ thật thà niệm Phật". Sau khi chúng tôi rời khỏi Dallas nửa năm, họ có những bằng hữu học Mật, hoặc học Thiền khuyên nhủ, lôi kéo họ, họ lại đến những chỗ đó, bèn vứt bỏ, quên bẵng A Di Đà Phật. Tình hình như vậy rất nhiều. Có những người là làm Phật sự theo cảm tình: Bạn bè thân thiết lôi kéo, không đi thì ngại quá! Vừa đến đó, bèn cảm thấy nơi ấy cũng khá, tín tâm bị dao động! Tương lai sẽ như thế nào? Bên Tịnh chẳng thể thành tựu, mà bên Thiền cũng chẳng thể thành công, đáng tiếc lắm! Đấy gọi là ma đến quấy nhiễu, ma lôi quý vị đi mất rồi! Chúng tôi nghĩ tới trong kinh đức Phật đã nói: Có nhiều vị Bồ Tát mong cầu một pháp môn thành tựu viên mãn trong một đời. Vì thiện căn,

phước đức, nhân duyên thiếu sót, chẳng có cơ duyên gặp gỡ pháp môn này, chẳng có cơ duyên nghe nói tới pháp môn này. Do vậy, cơ hội gặp gỡ pháp môn này, nghe pháp môn này, chẳng dễ dàng đâu nhé! Cổ đức nói: *"Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*. Nay chúng ta được nghe, đấy chính là một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Chẳng phải là người thật sự có thiện căn, phước đức và nhân duyên sâu dầy, quý vị sẽ chẳng thể gặp! Vì thế, phải quý tiếc!

(Sớ) Hựu kinh vân: "Ninh ư địa ngục đắc văn Phật danh".

(疏)又經云：寧於地獄得聞佛名。

*(**Sớ**: Kinh lại nói: "Thà ở trong địa ngục mà được nghe danh hiệu Phật").*

Kinh nói điều này, nêu ra một tỷ dụ: Thà nguyện đọa địa ngục, chỉ cần có thể được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, dẫu đọa địa ngục cũng cam lòng tình nguyện. Đấy mới là thấu hiểu giá trị của một câu danh hiệu này. Danh hiệu có công đức đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Đọa địa ngục chịu khổ, chịu khổ nạn thì có lúc sẽ xong, sợ gì chứ? Nghe danh hiệu A Di Đà Phật, phát nguyện vãng sanh, sẽ được vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chẳng còn hứng chịu nỗi khổ địa ngục. Thọ tội một lần rồi sẽ chẳng còn bị nữa!

(Sớ) Tắc tri văn thử kinh, văn chư Phật danh, đại phi dị sự.

(Diễn) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc văn giả, hoặc vấn vân: - Kim bác địa phàm phu, văn giả thậm đa, tương siêu Bồ Tát da? Đáp: - Văn kinh đại hữu sai đẳng. Phàm phu nhĩ tuy văn danh, tâm bất san thái, hoặc tâm tuy tư duy, bất dũng dược đốc hành. Thử đản nhĩ thính ngôn thuyên, tâm bất đắc chỉ, như bất văn dã. Kim sở vị văn giả, nhân thuyên đắc chỉ. Bi hỷ giao tập, đốc tín lực hành, nãi tâm văn dã, khởi bất siêu phàm tiểu da?

(疏)則知聞此經，聞諸佛名，大非易事。

(演)菩薩欲聞而不得聞者。或問云。今博地凡夫。聞者甚多。將超菩薩耶。答。聞經大有差等。凡夫耳雖聞名。心不飡采。或心雖思惟。不踴躍篤行。此但耳聽言詮。心不得旨。如不聞也。今所謂聞者。因詮得旨。悲喜交集。篤信力行。乃心聞也。豈不超凡小耶。

*(**Sớ**: Cho nên biết là nghe kinh này, nghe danh hiệu chư Phật, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng.*

***Diễn**: "Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe": Có lẽ sẽ có kẻ hỏi: "Nay hạng phàm phu sát đất được nghe rất nhiều, họ sẽ vượt trỗi hàng Bồ Tát ư?" Đáp: - Nghe kinh có sự sai biệt to lớn. Phàm phu tuy nghe tên (tên kinh hoặc nghe danh hiệu Phật), nhưng tâm chẳng thấu hiểu. Hoặc là tuy tâm suy nghĩ, chẳng hớn hở, dốc sức hành trì. Đấy chỉ là tai nghe lời giảng giải, tâm chẳng lãnh hội ý chỉ, cũng giống như chẳng nghe vậy. Nay nói đến Nghe, [phải hiểu là] do lời giảng giải mà đạt được ý chỉ, buồn vui xen lẫn, dốc lòng tin tưởng, tận lực hành trì, đấy chính là "nghe bằng cái tâm" vậy. Há chẳng phải là vượt trỗi phàm phu, tiểu căn ư?)*

Nói rõ: [Đây là chuyện] rất khó khăn! Nay chúng ta nghe câu Phật hiệu này dường như dễ quá! Đó là vì thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ đã chín muồi! Nếu quý vị chẳng tin tưởng, [cứ xem] những người hàng xóm sát vách chúng ta chẳng đến [đây nghe kinh hoặc cộng tu cùng chúng ta]! Chúng tôi giảng ở đây cả mười mấy năm, họ cũng chưa hề tới một lần, quý vị mới biết là thật sự khó! Vì thế, phải biết quý trọng. Đệ tử Phật Di Đà, học trò của chư Phật, có trách nhiệm giới thiệu trọn khắp pháp môn này cùng đại chúng, họ tiếp nhận hay không là chuyện của họ. Người nào có thể tiếp nhận, chúng ta liền chúc mừng người ấy có thể thành tựu trong một đời. Người nào chẳng tiếp nhận, chúng ta chẳng có lỗi với người ấy. Chính mình gặp gỡ pháp môn tốt đẹp dường ấy mà chẳng giới thiệu cho người khác, tức là có lỗi với họ.

(Sao) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc, tắc Nhị Thừa, phàm phu khả tri hỹ.

(鈔)菩薩欲聞而不得，則二乘凡夫可知矣。

*(**Sao**: Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe, vậy thì Nhị Thừa và phàm phu có thể suy ra mà biết vậy).*

Bồ Tát mong cầu pháp môn này đều chẳng dễ gì cầu được. Người Nhị Thừa, hàng phàm phu mong cầu pháp môn này, đương nhiên là càng khó hơn, càng chẳng dễ dàng hơn!

(Sao) Đại Bổn kệ vân : "Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư

thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tằng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa".

(鈔)大本偈云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn có bài kệ: "Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể nghe đến chánh pháp này, đã từng khâm phụng chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này").*

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói rành mạch chuyện này. Nếu chẳng phải là nhiều đời, nhiều kiếp tu phước, tu huệ, quý vị sẽ chẳng có cơ hội nghe pháp môn này. Dẫu trao pháp môn này cho quý vị, quý vị nghe rồi cũng chẳng hiểu, nghe xong cũng chẳng thể sanh khởi tâm hoan hỷ, tín nguyện hoàn toàn chẳng sanh khởi. Do nguyên nhân nào? Trong đời quá khứ tu phước huệ quá ít.

"Dĩ tằng khâm phụng chư Như Lai" (Đã từng khâm kính, tuân phụng các đức Như Lai): Vua A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật; nhưng cúng dường bốn trăm ức Phật, phước huệ vẫn chẳng đủ! Vì vậy, họ nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, họ nghe hết sức hoan hỷ, trong tâm dấy lên ý niệm: "Trong tương lai ta thành Phật, phải giống như A Di Đà Phật", vẫn chẳng thể phát tâm niệm Phật hòng ngay lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Chẳng có nguyện ấy!

Nói cách khác, cúng dường bốn trăm ức Phật, trong ba tư lương chỉ có mỗi Tín, chẳng có Nguyện, quý vị mới biết chuyện này khó lắm! Nay chư vị gặp gỡ pháp môn này, có thể tin, có thể nguyện, chứng tỏ trong đời quá khứ, quý vị đã từng cúng dường chư Phật Như Lai không chỉ là bốn trăm ức vị. Vì sao? Vì phước huệ của quý vị vượt trỗi vương tử A Xà Thế. Vương tử A Xà Thế chẳng phát nguyện cầu sanh, nay quý vị phát nguyện cầu sanh, phước huệ của quý vị vượt trỗi họ. *"Cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa"* (Cho nên có nhân duyên nghe kinh này). Quý vị mới có duyên phận này, mới có phước báo nghe bộ kinh này.

(Sao) Địa ngục văn Phật giả, Hoa Nghiêm kệ vân: "Ninh thọ địa ngục khổ, đắc văn chư Phật danh, bất nguyện sanh thiên trung, nhi bất văn Phật danh".

(鈔)地獄聞佛者 ，華嚴偈云 ：寧受地獄苦，得聞諸佛

名，不願生天中，而不聞佛名。

*(**Sao**: "Ở trong địa ngục được nghe nói tới Phật": Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: "Thà chịu địa ngục khổ, được nghe tên chư Phật, chẳng mong sanh cõi trời, chẳng nghe danh hiệu Phật").*

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói mấy câu như vậy.

(Sao) Cố tri thử kinh, cập dữ Phật danh, bất dị văn dã.

(鈔)故知此經，及與佛名，不易聞也。

*(**Sao**: Do vậy biết kinh này và danh hiệu Phật chẳng dễ nghe).*

Dẫn kinh điển để làm chứng, nói rõ kinh điển và pháp môn này duyên phận khó có, thật sự chẳng dễ dàng! Chẳng phải là Đài Loan không có kiếp nạn, kiếp nạn rất nặng! Trong những năm qua, từ Nam đến Bắc có nhiều người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, kiếp nạn này mới dần dần hóa giải. Những chuyện này đều là sự thật, hy vọng chúng ta càng nỗ lực, càng nghiêm túc tu học, tận tâm tận lực đề xướng rộng rãi, giới thiệu phổ biến kinh điển và pháp môn này với đại chúng, mọi người đều chiếu theo pháp môn này để tu học, nơi này chắc chắn chẳng gặp tai nạn. Vì sao? Kinh đã nói rất rõ ràng: *"Được hết thảy chư Phật hộ niệm"*. Tôi niệm kinh này được chư Phật hộ niệm, quý vị niệm kinh này cũng được chư Phật hộ niệm. Toàn bộ đồng bào Đài Loan đều niệm kinh này, ai nấy đều được chư Phật hộ niệm, hết thảy tai nạn đều chẳng có. Chúng ta ắt phải biết điều này; đấy mới là nhân tố bậc nhất để tiêu tai miễn nạn, bảo đảm an toàn cho bản thân, gia đình và xã hội của chúng ta. Hai câu cuối cùng là lời tổng kết.

(Sao) Kim đắc văn chi, khả phất tín thọ.

(鈔)今得聞之，可弗信受。

*(**Sao**: Nay đã được nghe, há nên chẳng tin nhận ư?)*

Nay chúng ta có thể nghe, cơ duyên ấy thật sự hết sức khó khăn. Sau khi nghe xong, có lẽ nào chẳng tin tưởng? Có thể nào chẳng tiếp nhận? Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 269

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm năm mươi chín:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh tự quỹ, thị văn thử kinh nghĩa. Tự tánh tự giác, thị văn chư Phật danh nghĩa.

(疏)稱理，則自性自軌，是聞此經義；自性自覺，是聞諸佛名義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh có quy củ là ý nghĩa "nghe kinh này". Tự tánh tự giác là ý nghĩa "nghe danh hiệu chư Phật").*

Cuối mỗi đoạn kinh văn, Liên Trì đại sư đều bàn luận xứng tánh, các vị đại đức trong Giáo Hạ cũng thường gọi đoạn này là *"hội quy tự tánh"*. Trong các chú giải kinh luận, thông thường chúng ta chẳng thấy có cách nói hội quy tự tánh. Trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, mỗi đoạn đều hội quy tự tánh, hiển thị Thiền và Tịnh xác thực là một. *"Tự tánh tự quỹ"*: *"Quỹ"* (軌) có nghĩa là phép tắc, mà cũng là trật tự. Giống như hiện thời chúng ta quan sát thấy trong vũ trụ có khá nhiều tinh cầu, tinh hệ, ngân hà, chúng nó đều vận hành rất trật tự, chẳng rối loạn trong không gian, dường như mỗi thiên thể đều có quỹ đạo riêng. Mỗi hành tinh trong chín đại hành tinh[64] thuộc Thái Dương Hệ di chuyển quanh mặt trời đều có quỹ đạo riêng. Điều đó mang ý nghĩa "quy tắc". [*"Tự tánh tự quỹ"* nghĩa là] tự tánh vốn có quy tắc, vốn có lớp lang, chẳng rối ren!

(Diễn) Kinh hữu quỹ trì nghĩa, tự tánh bổn tự quỹ trì, tức thị chân kinh, cánh ư hà xứ tầm kinh.

(演)經有軌持義，自性本自軌持，即是真經，更於何處尋經。

*(**Diễn**: Kinh có ý nghĩa "vâng theo khuôn khổ, phép tắc". Tự tánh vốn tự gìn giữ khuôn khổ, quy tắc, đó chính là chân kinh, còn phải tìm kinh ở nơi đâu nữa?)*

---

[64] Chín đại hành tinh (tính từ hành tinh gần mặt trời nhất) là Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Địa Cầu, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus), Hải Vương Tinh (Neptune), và Diêm Vương Tinh (Pluto). Hiện thời, Diêm Vương Tinh không được công nhận là một hành tinh.

Kinh Phật nhằm dạy chúng ta lý luận, phương pháp, giảng rõ cảnh giới, xác thực là nó có quy tắc, có trật tự rạch ròi, chẳng rối loạn tí nào! Cổ nhân dùng Khoa Phán (科判), Khoa Phán [là một sáng tạo trong] Phật môn. Sau này, Nho gia cũng học theo phương pháp ấy, dùng Khoa Phán để phán định một bộ kinh hoặc một bài văn chương, họ gọi là *"chương cú chi học"* (章句之學), nhằm phân chia [nội dung] thành từng phần theo một thứ tự hoặc tầng lớp rõ ràng, minh bạch. Kinh Di Đà phân lượng chẳng lớn; cuối bản in này, chúng tôi có đính kèm phần Biểu Giải, bao gồm phần Khoa Phán của Liên Trì đại sư và Khoa Phán của Ngẫu Ích đại sư. Mỗi vị có cách phán định khác nhau, cho nên Yếu Giải và Sớ Sao có [Khoa Phán riêng biệt]. Xem Khoa Phán sẽ biết: Kết cấu văn tự hết sức hoàn mỹ. Thật sự là đạt tới mức độ: Thêm vào một chữ cũng chẳng được, mà bớt đi một chữ cũng chẳng được. Hễ bớt một chữ, [mạch văn, ý tưởng] sẽ chẳng liên tục, bị gián đoạn! Thêm vào một chữ, sẽ thành thừa thãi! Trong văn chương, làm được như vậy, đó là văn chương hay khéo bậc nhất. Văn tự được chia thành thứ lớp phân minh, nghĩa lý rạch ròi, có lớp lang. Một bộ kinh nhỏ là như thế, mà đối với một bộ kinh lớn cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Quý vị thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, kinh văn của bộ kinh ấy rất lớn, có tới tám mươi quyển, Thanh Lương đại sư cũng phân khoa, phán giáo, phân chia hết sức tinh tế. Ở đây, chúng ta có Khoa Văn Biểu Giải của kinh Hoa Nghiêm. Sau khi chúng ta xem Khoa Phán của bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, thật sự cảm thán là Quán Chỉ[65], mới biết kinh Phật đúng là vĩ đại. Những điều

---

[65] Thành ngữ Quán Chỉ (觀止) xuất phát từ sách Tả Truyện. Theo đó, công tử nước Ngô là Quý Trát đi sứ nước Lỗ. Sau khi xem biểu diễn nhạc Thiều Tiêu, đã cảm thán: *"Quán chỉ tai! Nhược hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ"*. Các nhà chú giải giảng câu nói ấy có nghĩa là: "Tuyệt diệu thay! Nếu có loại nhạc khác, ta chẳng dám nghe nữa". Do vậy, từ ngữ Quán Chỉ được dùng để chỉ những gì hay khéo đến mức độ tuyệt diệu, không còn gì có thể sánh bằng. Quý Trát tên thật là Cơ Trát, là con út của vua Ngô vương Thọ Mộng (do vậy thường gọi là Quý Trát). Ông là người nổi tiếng hiền tài, nên vua cha muốn truyền ngôi cho. Ông liền xin cha hãy truyền ngôi cho anh cả là Chư Phàn rồi bỏ trốn. Đến khi Thọ Mộng chết, Chư Phàn lại tìm đến, khuyên ông lên ngôi vua, nhưng ông cương quyết cự tuyệt. Do vậy, Chư Phàn đành phải lên ngôi vua, lập sẵn di chúc truyền ngôi cho Quý Trát. Khi Chư Phàn chết, người anh kế của Quý Trát là Dư Tế vẫn muốn tôn Quý Trát lên làm vua, nhưng Quý Trát vẫn từ chối. Vua buộc ông phải nhận đất phong là Diên Lăng. Khi Dư Tế chết, do Quý Trát vẫn từ chối vương vị, ngôi vua phải truyền cho em Dư Tế là Dư Muội. Khi Dư Muội chết, triều thần lại muốn tôn Quý Trát lên làm vua, nhưng ông lại từ chối. Do vậy, ngôi vua nước Ngô phải truyền một người con thuộc dòng thứ của Thọ

này đều có ý nghĩa *"quỹ trì"* (軌持: tuân thủ nguyên tắc, giữ vững khuôn khổ), xác thực là từ tự tánh lưu lộ, rành mạch, lớp lang, có trật tự, chẳng rối loạn. Tự tánh vốn trọn đủ như vậy, pháp vốn là như thế. Người thế gian có mấy ai minh tâm kiến tánh? Tại Trung Hoa, hết sức hy hữu; về căn bản là ngoại quốc chẳng có. Bởi lẽ, mọi người thấy mặt trời, mặt trăng, tinh tú vận hành trên bầu trời đều rất có quy tắc, họ liền nghĩ: Nhất định là phải có một người an bài chuyện ấy, bèn tưởng tượng người ấy được gọi là Thượng Đế, [cho rằng mọi sự do] Thượng Đế an bài, hoặc do thần tạo dựng! Thần và Thượng Đế đều do con người nghĩ ra, rốt cuộc là có hay không? Xác thực là hiện thời có khá nhiều người đánh dấu hỏi đối với thần và Thượng Đế. Nói theo Phật pháp, xác thực là có thần và Thượng Đế, nhưng họ chẳng phải là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), chỉ là thiên thần.

Ý nghĩa Quỹ Trì của tự tánh là: Tự tánh tự nhiên có những pháp tắc ấy, đó là *"chân kinh"*. Kinh điển thuyết minh chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. *"Tự tánh tự quỹ"* (Tự tánh tự gìn giữ pháp tắc) là ý nghĩa của việc nghe kinh; hội quy tự tánh chính là ý nghĩa này. *"Tức thị chân kinh, cánh ư hà xứ tầm kinh"* (Chính là chân kinh, còn tìm kinh ở nơi nào nữa). Từ đạo lý này, chúng ta cũng có thể thông hiểu một sự thật. Trong Phật môn thường nói: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông"*, quý vị phải hiểu *"thông"* là thông đến tự tánh thì mới được! Ta thông đạt văn tự của bộ kinh này, có thể đọc từ đầu đến cuối rất thuần thục, chưa chắc đã thông! Phải từ một bộ kinh mà minh tâm kiến tánh [thì mới là "thông"]. Minh tâm kiến tánh là như thế nào? Từ một bộ kinh bèn thấu đạt *"tự tánh tự quỹ"* thì mới được coi là *"thông"* bộ kinh ấy. Tất cả hết thảy các kinh, không chỉ là những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà các kinh do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói đều là tự nhiên lưu lộ từ tự tánh. Do vậy, sau khi kiến tánh, sẽ tự nhiên thông đạt các kinh do hết thảy chư Phật đã nói, [bởi lẽ], chúng đều lưu xuất từ tự tánh, có ý nghĩa này.

"Tự tánh tự giác, thị văn chư Phật danh nghĩa" (Tự tánh tự giác là ý nghĩa "nghe danh hiệu chư Phật"). Tự tánh tự giác, [có nghĩa là] tự tánh vốn là giác. Cái giác ấy chẳng đến từ bên ngoài, cũng chẳng phải là do tu được. Vì thế, gọi là Bổn Giác, tức là sự giác ngộ vốn sẵn có trong tự tánh. Phật có nghĩa là Giác, tức là ý nghĩa tự tánh giác.

Mộng là Vương Liêu. Con trai của Dư Muội là công tử Quang không phục bèn mưu sát Liêu, lên làm vua, tức là Ngô vương Hạp Lư (cha của Phù Sai).

(Diễn) Phật hữu giác chiếu nghĩa, tự tánh bổn tự oánh chiếu, tức thị chân Phật, cánh ư hà xứ mịch Phật? Nhược ly tự tánh biệt cầu Phật pháp, đại tự kỵ ngưu mịch ngưu, phao gia lãng tẩu dã.

(演)佛有覺照義，自性本自瑩照，即是真佛。更於何處覓佛。若離自性別求佛法。大似騎牛覓牛。拋家浪走也。

*(**Diễn**: Phật có nghĩa là giác chiếu. Tự tánh vốn tự chiếu rạng ngời, đó chính là chân Phật, còn tìm Phật ở nơi đâu nữa? Nếu lìa tự tánh để cầu Phật pháp nào khác, sẽ rất giống như đang cưỡi trâu mà tìm trâu, bỏ nhà đi lang thang vậy).*

Phật ở nơi đâu? Phật là sự giác chiếu của tự tánh. Tâm Kinh dạy: *"Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không"* (Soi thấy năm uẩn đều Không). Đó chính là tự tánh giác chiếu, là ý nghĩa của Phật. Thiền gia nói rất hay: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Tánh khởi tác dụng là giác chiếu; đã giác chiếu bèn gọi là Phật. Những điều này đều là nói theo kiểu hội quy tự tánh. Có thể thấy Giáo Hạ, Tịnh Tông và Thiền, nói thật ra, chẳng hai, chẳng khác, chỉ là phương pháp tu học khác nhau, kỹ xảo khác nhau, chứ đạt tới mục đích bèn hoàn toàn như nhau.

(Sao) Tự quỹ tự trì, tắc tôn giả bất thuyết, ngã nãi vô văn, thị chân Bát Nhã.

(鈔)自軌自持，則尊者不說，我乃無聞，是真般若。

*(**Sao**: "Tự quỹ" là tự trì, chính là "tôn giả chẳng nói, ta bèn chẳng nghe", đó là chân Bát Nhã).*

"Trì" là (持) gìn giữ, những điều này đều là Tánh Đức.

(Diễn) Thị chân Bát Nhã giả, chung nhật chuyển kinh, bất tri kinh chuyển, dĩ phi chân kinh dã.

(演)是真般若者，終日轉經，不知經轉，以非真經也。

*(**Diễn**: "Là chân Bát Nhã": Suốt ngày chuyển kinh, chẳng biết là bị kinh chuyển, do chẳng phải là chân kinh).*

"Chuyển kinh" (轉經) bao gồm đọc kinh, giảng kinh, nghiên cứu,

thảo luận, đều dùng chữ Chuyển (轉) để biểu thị. Hằng ngày đọc tụng, hằng ngày nghiên cứu, thảo luận, kết quả là như thế nào? Luôn bị kinh chuyển, chẳng phải là đang chuyển kinh. Chúng ta thường nói chuyện này là *"chết trong Giáo Hạ"*. Chấp trước quyển kinh, chẳng thấy chân kinh. Chân kinh ở chỗ nào? Chẳng ở nơi văn tự, chẳng ở trong kinh bổn. Từ văn tự cho đến ngôn ngữ, tư tưởng của kinh sách, đều chẳng có chân kinh. Chân kinh là Chân Như tự tánh! Nói cách khác, đức Phật nói hết thảy các kinh nhằm giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Nếu chúng ta thật sự phá mê khai ngộ, chân Bát Nhã bèn hiện tiền, chúng ta đạt được chân kinh. Nếu vẫn cứ loay hoay trong văn tự, đời này sang đời khác chẳng thể khai ngộ, [chính là] bị kinh xoay chuyển.

Trong Lục Tổ Đàn Kinh có một công án về thiền sư Pháp Đạt. Sư Pháp Đạt rất dụng công, đọc ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày niệm một bộ, niệm ba ngàn bộ thì gần như là mười năm, có thể thấy là Sư chuyên ròng, thuần nhất. Bất luận tu học pháp môn nào, điều đáng quý là chuyên tinh. Trong Tam Tự Kinh có câu: *"Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên"* (Đạo giáo hóa, chú trọng ở chỗ chuyên ròng). Chẳng chuyên sẽ không được! Người hiện thời học Phật, đọc kinh, sở dĩ chẳng khai ngộ là vì học quá tạp, quá loạn. Sư Pháp Đạt suốt mười năm thọ trì một bộ kinh Pháp Hoa, chưa khai ngộ, [là vì] chấp trước giáo nghĩa trong kinh. Sư gặp Lục Tổ, được chỉ điểm mới hoát nhiên đại ngộ, mới biết chính mình trong suốt mười năm qua luôn bị kinh Pháp Hoa chuyển, chẳng thể chuyển kinh Pháp Hoa. Lục Tổ vừa chỉ điểm, sau khi Sư khai ngộ, mới chuyển kinh Pháp Hoa, đạt được chân kinh. Do vậy, nhất định là phải biết chuyển kinh, đừng bị kinh chuyển. Bị kinh chuyển, sẽ chết ngắc trong Giáo Hạ!

(Diễn) Kim "vô thuyết, vô văn, phương thị chân Bát Nhã", sở vị thường chuyển như thị kinh, bách thiên vạn ức quyển dã.

(演)今無說無聞，方是真般若，所謂常轉如是經，百千萬億卷也。

*(**Diễn**: Nay "chẳng nói, chẳng nghe mới là chân Bát Nhã". Đó gọi là "thường chuyển kinh như thế, trăm ngàn vạn ức quyển").*

Trong Thiền Tông, những công án tương tự như thế rất nhiều. Thuở tại thế, đức Thế Tôn cũng đã từng thị hiện. Giảng kinh luôn có duy-na, Thích Ca Mâu Ni Phật thăng tòa giảng kinh, Văn Thù Bồ Tát

làm duy-na. Đức Phật vừa thăng tòa, lão nhân gia gõ khánh; giảng kinh xong, đức Phật bước xuống tòa. Ngay khi ấy, người ta hỏi Bồ Tát, Ngài đáp: *"Đức Thế Tôn chẳng nói, ta cũng chẳng nghe". "Vô thuyết, vô văn, thị chân Bát Nhã"* (Chẳng nói, chẳng nghe, là chân Bát Nhã). Đấy là bảo minh bạch cùng chúng ta: Có thuyết, có nghe, đều là phương tiện, chẳng phải là chân thật. Lý Đế chân thật chẳng lập một pháp, quý vị nói gì nữa? Đàn Kinh vừa mở đầu liền nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Quý vị còn nói gì được nữa? Do vậy, mở miệng liền trật, động niệm bèn sai. Không chỉ là chẳng thể nói năng, mà khởi tâm động niệm cũng đều chẳng thể được. Khởi tâm động niệm bèn rớt vào ý thức. Trong Chân Như bản tánh, chẳng có khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là vô minh. Khởi tâm động niệm là chuyển biến Chân Như bản tánh thành tám thức. Nghĩa lý này hết sức sâu; không chỉ chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, mà Quyền Giáo lẫn Nhị Thừa đều không đạt tới. Đấy là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, chân trí huệ hiện tiền. Thiền Tông dùng phương pháp tham cứu để đạt tới mục tiêu này. Trí huệ Bát Nhã hiện tiền, Thiền Tông nói là "đại triệt đại ngộ", Giáo Hạ bảo là "đại khai viên giải", Tịnh Tông gọi là "Lý nhất tâm bất loạn". Danh tướng khác nhau, cảnh giới hoàn toàn như nhau, cùng nói đến một chuyện. Danh tướng khác nhau, cho thấy Thiền, Giáo, Tịnh sử dụng phương pháp khác nhau, nhưng phương pháp của Tịnh Tông thuận tiện nhất.

Trong tất cả các phương pháp, phương pháp Trì Danh Niệm Phật thù thắng nhất; bất luận quý vị hiểu Lý hay không, chẳng sao cả! Chỉ cần quý vị thật thà niệm. Then chốt ở ngay hai chữ *"thật thà"*, thật thà rất khó khăn! Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *"Nhiếp trọn lục căn, tịnh niệm tiếp nối"*, đó là thật thà. Nói nông cạn, dễ hiểu hơn một tí, [sẽ là] chỉ cần chúng ta chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật; trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng chẳng để trong lòng, sẽ là rất gần với thật thà. Tuy chẳng phải là thật thà thật sự, nhưng rất giống với thật thà, cho nên hữu hiệu. Pháp môn này dễ tu, dễ thành tựu hơn các pháp môn khác, lại còn chẳng cần tốn thời gian [tu tập] rất dài.

(Sao) Tự giác tự chiếu, tắc vô danh, vô tự, vô thể, vô tướng, thị danh Như Lai.

(鈔)自覺自照，則無名無字，無體無相，是名如來。

*(**Sao**: Tự giác tự chiếu, nên chẳng có danh, có tự, vô thể, vô tướng, bèn gọi là Như Lai).*

Trong kinh điển, có nhiều cách giải thích danh xưng Như Lai. Kinh Kim Cang giải thích Như Lai có hai ý nghĩa:

1) Thứ nhất, Như Lai là *"kim Phật như cổ Phật chi tái lai"* (Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai), Phật Phật đạo đồng. Do Phật hiện thời giống hệt như cổ Phật tái lai, nên gọi là Như Lai.

2) Một ý nghĩa khác là nói theo Lý. *"Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa"* (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Nói hay lắm. Đúng là nói đơn giản, ngắn gọn, [nêu ra] ý nghĩa hết sức viên mãn. Nói thật ra, lời giải thích ở chỗ này đã sử dụng thuật ngữ *"chư pháp Như nghĩa"*.

(Diễn) Thị danh Như Lai giả, ngoại cầu hữu tướng Phật, dữ ngã bất tương can, dĩ phi chân Phật dã.

(演)是名如來者，外求有相佛，與我不相干，以非真佛也。

*(**Diễn**: "Gọi là Như Lai": Cầu vị Phật có hình tướng ở bên ngoài, chẳng liên quan gì đến ta; bởi lẽ, đó chẳng phải là chân Phật).*

Phải ghi nhớ câu này, đó gọi là *"tâm ngoại cầu pháp"* (cầu pháp ở ngoài tâm). Cầu pháp ngoài tâm, pháp là giả, cầu Phật ở ngoài tâm, Phật cũng là giả. Nói gọn một câu, hết thảy những thứ ở ngoài tâm chắc chắn chẳng phải là chân thật. Nếu chúng ta hỏi: "Cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật về phương Tây, có một thế giới tên là Cực Lạc. Trong thế giới Cực Lạc, có một vị Phật hiệu là A Di Đà Phật" rốt cuộc là ở trong tâm hay ngoài tâm? Hằng ngày chúng ta niệm A Di Đà Phật, mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc; thử hỏi [A Di Đà Phật và cõi Cực Lạc] ở trong hay ngoài tâm? Điều này rất khẩn yếu. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, sẽ luôn có nghi vấn ở chỗ này. Nghi vấn ấy sẽ sanh ra chướng ngại cho người niệm Phật. Dẫu niệm Phật rất tốt đẹp, sẽ sanh vào Biên Địa Nghi Thành của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Trong lần tổ chức Phật Thất tại Hương Cảng, pháp sư Đàm Hư lão nhân gia khai thị đã từng có một đoạn nói như thế này: Ngài mở trường học ở miền Đông Bắc, hiệu trưởng cũng niệm Phật. Có một hôm, ông ta hướng về Ngài nêu câu hỏi, nói: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Đã là tự tánh Di Đà, chúng ta còn niệm Phật Di Đà để làm gì nữa? Đã là duy tâm Tịnh Độ, cần gì phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cách xa mười vạn ức cõi Phật?" Lão hòa thượng bảo: "Hỏi rất hay!" Lão hòa thượng hỏi ngược lại: "Tự tánh Di Đà và Phật Di Đà trong Tây Phương

Cực Lạc thế giới, giới hạn ở chỗ nào? Thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật và duy tâm Tịnh Độ, giới hạn lại ở chỗ nào?" Ông ta thưa cùng lão pháp sư: "Tìm chẳng ra biên giới!" Đúng vậy, chẳng có biên giới! Vì sao chẳng có biên giới? Vì thế giới Cực Lạc cách mười vạn ức cõi Phật là do tự tánh biến hiện. Thế giới Sa Bà cũng do tự tánh biến hiện, thảy đều là do tự tánh biến hiện, đương nhiên là chẳng có giới hạn. Nói theo Sự, có Đông, có Tây, có Tự, có Tha. Nói theo Tánh, chẳng có! Đàm luận xứng tánh là luận theo Lý, chẳng luận theo Sự. Cổ nhân nói *"dĩ Lý đoạt Sự"* (chỉ luận định theo Lý, chẳng bàn đến Sự), đó là cảnh giới trong Thiền Tông, hoàn toàn nói theo tự tánh. Vì thế, chúng ta đừng nên khởi phân biệt, chớ nên chấp trước. Hễ có phân biệt, chấp trước, bèn gọi là *"ngoài tâm"*. Về Sự, chẳng có ngoài tâm. Có thể thấy *"cầu pháp ngoài tâm"* là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị. Nói *"ngoài tâm"* là nói đến những điều ấy, chẳng phải là nói tới Sự. Sự và tâm là một, chẳng hai. Sự là Tướng Phần của tâm. Tánh và Tướng chẳng hai, Tánh và Tướng như nhau, Lý Sự bất nhị!

Kinh Hoa Nghiêm nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*; vì sao vô ngại? Chúng là một, chẳng phải là hai thứ. Vì thế, chẳng có chướng ngại! Chỉ sợ quý vị có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng. Có thể buông phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, ai nấy đều thành Phật, vốn đã thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật đã nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*. Buông xuống bèn thành Phật, chẳng buông xuống thì là phàm phu. Nay chúng ta dùng phương pháp niệm A Di Đà Phật, buông xuống tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, trong tâm chỉ là một câu A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật ấy có phải là vọng tưởng hay không? Có phải là chấp trước hay không? Tùy thuộc cách quý vị niệm Phật dụng tâm như thế nào. Quý vị chẳng khéo dụng tâm, một câu Phật hiệu xác thực cũng là vọng tưởng, cũng là phân biệt, chấp trước; nhưng vẫn là tốt đẹp, vì ta dùng một vọng tưởng để phá sạch tất cả hết thảy vọng tưởng, vẫn là cao minh. Vì thế, vẫn có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị vãng sanh sẽ thấp kém.

Nếu quý vị thật sự hiểu rõ: Một câu A Di Đà Phật chính là đức hiệu của Chân Như bản tánh nơi chính mình, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn chẳng có, một câu Phật hiệu chính là Chân Như bản tánh. Kinh Kim Cang dạy: *"Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng"*. Thật Tướng là minh tâm kiến tánh, *"sanh Thật Tướng"* là kiến tánh, là thành

Phật. Có thể thấy: Tín tâm thanh tịnh rất quan trọng. *"Thanh tịnh"* là chẳng có hoài nghi, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có xen tạp. Đấy là điều đáng quý nhất, đó gọi là *"chân tâm"*.

(Diễn) Kim vô danh, vô tướng, phương thị chân Như Lai, sở vị "chân Phật ốc lý tọa, thời nhân tự bất thức" dã.

(演)今無名無相，方是真如來，所謂真佛屋裡坐，時人自不識也。

*(**Diễn**: Nay vô danh, vô tướng, mới là chân Như Lai, đó gọi là "vị Phật thật ngồi trong nhà, người đương thời chẳng biết").*

Hai câu này tôi chẳng nói, chư vị hãy suy nghĩ kỹ càng hòng tự thấu hiểu, tôi chẳng cần nói toạc ra. Chú ý hiểu những điều đã nói trong phần trước, sẽ thấu hiểu ý nghĩa này, sẽ có thể lãnh ngộ.

(Sao) Tư tắc thế gian nan tín chi diệu pháp, bất văn nhi lịch lịch phân minh; Hằng sa chư Phật chi hồng danh, tuyệt thính nhi oanh oanh tại nhĩ. Khả vị sở vị văn kinh, tín chi bất nghi, thừa sự chư Phật, vô không quá giả.

(Diễn) Ký tri chân Bát Nhã, tắc xứ xứ Di Đà thuyết pháp. Cố lịch lịch phân minh. Ký thức chân Như Lai, tắc thời thời chư Phật hiện tiền. Cố oanh oanh tại nhĩ. Lịch lịch phân minh, tắc A Nan sở vị văn kinh, vô bất văn chi, thuyết Tín dĩ thành lưỡng quyết, hà huống hữu nghi! Oanh oanh tại nhĩ, tắc dạ thần sở sự chư Phật, nhất nhất thừa sự, thuyết bất không, tảo dĩ tương quai, huống hữu không quá.

(鈔)斯則世間難信之妙法，不聞而歷歷分明；恆沙諸佛之洪名，絕聽而轟轟在耳。可謂所未聞經，信之不疑，承事諸佛，無空過者。

(演)既知真般若。則處處彌陀說法。故歷歷分明。既識真如來。則時時諸佛現前。故轟轟在耳。歷歷分明。則阿難所未聞經。無不聞之。說信已成兩橛。何況有疑。轟轟在耳。則夜神所事諸佛。一一承事。說不空早已相乖。況有空過。

*(**Sao**: Đấy chính là diệu pháp thế gian khó tin, chẳng nghe mà hiểu phân minh, rành rẽ; hồng danh của Hằng sa chư Phật trọn chẳng*

nghe mà vang rền bên tai. Có thể nói: Đối với kinh chưa được nghe, tin tưởng chẳng nghi, phụng sự chư Phật, chẳng bỏ sót vị nào vậy.

***Diễn**: Đã biết chân Bát Nhã thì chốn chốn Di Đà thuyết pháp. Vì thế, vằng vặc phân minh. Đã biết chân Như Lai, lúc nào chư Phật cũng hiện tiền. Bởi thế, vang rền bên tai. "Vằng vặc phân minh" chính là ngài A Nan đối với những kinh chưa được nghe [đều thông suốt, chẳng khác gì] không kinh nào chẳng nghe. Nói đến Tín, đã thành hai thứ, huống hồ còn Nghi? "Vang rền bên tai" chính là dạ thần phụng sự chư Phật, mỗi mỗi đều thừa sự, nói "chẳng không" thì đã sớm trở thành trái nghịch, huống hồ là "bỏ sót" ư?)*

"Diệu pháp thế gian khó tin" là nói tới kinh này, hoặc là nói ba kinh Tịnh Độ. Ba kinh ấy chuyên nói về Tây Phương Tịnh Độ, đấy chính là diệu pháp khó tin nhất. *"Tuyệt thính"* là chẳng nghe. Nói thật ra, đối với cảnh giới này, nếu tham Thiền thì không chỉ là tham cứu thấu suốt điều mình phải tham, mà còn phải là thật sự chứng đắc địa vị Bất Động, tức là địa vị Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, cảnh giới ấy mới thật sự hiện tiền. *"Sở vị văn kinh, tín chi bất nghi"* (Đối với kinh chưa được nghe, bèn tin tưởng chẳng ngờ): Kinh do mười phương hết thảy chư Phật đã nói, chúng ta chẳng nghe. Tuy chẳng nghe, do kinh giáo của tất cả chư Phật đều lưu lộ từ tự tánh, [chúng ta] có hiểu rõ hay không? Thứ gì cũng đều hiểu rõ, chẳng học mà hiểu! Vì sao? Tự tánh của ta và tự tánh của Phật là một tánh. Kinh nói: *"Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân"*, một tự tánh! Do vậy, kinh do hết thảy chư Phật nói đã từ tự tánh lưu lộ; [vậy thì] quý vị đã kiến tánh, lẽ nào chẳng hiểu rõ? Há có lẽ nào hoài nghi? Tin tưởng chẳng ngờ! Mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều là Tướng Phần do tự tánh biến hiện. Vì thế, sau khi đã kiến tánh, *"thừa sự chư Phật"*, chẳng bỏ sót một vị Phật nào! Nói thông thường, đấy là cảnh giới của bậc Bát Địa trong Viên Giáo trở lên.

Nói theo phía người niệm Phật, thật sự là "pháp khó tin chẳng thể nghĩ bàn". Đối với cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát, chúng ta thật sự chẳng có phần. Không chỉ là chúng ta chẳng có phần, mà Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát cũng đều chẳng có phần. Nhưng người niệm Phật lại chẳng thể nghĩ bàn, người niệm Phật chỉ cần tín tâm thanh tịnh, tức là *"tịnh niệm tiếp nối"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy, chúng ta chỉ cần đạt được tiêu chuẩn này, cảnh giới ấy liền hiện tiền, quá dễ dàng! Dễ đến nỗi khiến cho người ta chẳng dám tin tưởng. [Vì thế]

gọi là *"pháp khó tin"*. Vì sao người niệm Phật đạt tới cảnh giới này dễ dàng dường ấy? Chư vị phải hiểu: Đối với người niệm Phật, thật sự có thể niệm đến mức *"tịnh niệm tiếp nối"*, quý vị đừng nhìn vào một đời này của người ấy! [Nếu chỉ] nhìn vào một đời này của người ấy, quý vị nghĩ kiểu nào, cũng thấy chẳng thông suốt, chẳng có cách nào tiếp nhận! Thật sự có thể *"tịnh niệm tiếp nối"* thì thiện căn, phước đức, và nhân duyên của người ấy, [so ra], bậc A La Hán, Bích Chi Phật và hàng Bồ Tát bình phàm đều thua kém, chẳng thể sánh bằng! Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ đều biết: Người ấy đã từng trong nhiều đời nhiều kiếp cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai; đời này, thiện căn của người ấy chín muồi. Vì thế, cổ nhân nói: *"Một ngày khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay!"* Thiện căn và phước đức của người ấy từ vô lượng kiếp đến nay đã chín muồi, chẳng phải là ngẫu nhiên! Đồng thời, lại được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai hộ niệm, phước báo ấy to lắm! Do vậy, người thật sự niệm Phật, Phật thường ngự trên đỉnh đầu người ấy, quang minh của Phật thường chiếu tới người ấy. Bọn phàm phu mắt thịt chúng ta, vọng niệm quá nhiều, chẳng thể thấy được! Người tâm địa hơi thanh tịnh, có một chút công phu định lực sẽ thấy được. Phật quang chiếu gội, chư Phật hộ niệm gia trì, lẽ nào là kẻ tầm thường? Hàng Quyền Giáo Bồ Tát bình phàm đều chẳng sánh bằng! Bản thân chúng ta phải hiểu rõ điều này. Chính mình phải quý tiếc, giống như Thiết Thụ nở hoa[66] trong thế gian, mấy chục năm, mấy trăm năm mới nở hoa một lần; trong lúc này đã nở, hy hữu quá! Nếu chúng ta chẳng biết quý tiếc, bỏ lỡ nhân duyên này, mong sau này sẽ lại nở hoa lần nữa, sợ rằng phải qua vô lượng kiếp sau mới gặp lần nữa! Chẳng phải là đời đời kiếp kiếp thường gặp gỡ! Hết sức hiếm có, hết sức khó có!

(Kinh) Thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)是諸善男子善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

---

[66] "Thiết Thụ" ở đây không phải là cây bằng sắt, mà là tên một loài cây có tên khoa học là Cycas Revoluta, ta thường gọi là cây Vạn Tuế. Cây này còn được gọi bằng các danh xưng Tô Thiết, Bích Hỏa Tiêu, Phượng Vĩ Tiêu, Phượng Vĩ Tùng hoặc Phượng Vĩ Thảo.

*(**Kinh**: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thảy chư Phật hộ niệm, đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

"Thiện nam tử, thiện nữ nhân" là nói tới những người nào? Trong kinh văn thuộc phần trước, đã có nói: *"Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thảy chư Phật hộ niệm, đều đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".* Xem liền mạch như vậy, ý nghĩa bèn rõ ràng. Điều này khẩn yếu! Kinh văn như vậy, chỉ dạy như vậy, chư vị tra duyệt Đại Tạng Kinh, [thử tìm xem], trừ kinh này ra, còn có kinh nào khác có câu nói giống như vậy hay chăng? Tìm chẳng thấy! Do vậy, pháp này biến thành pháp hy hữu khó tin! *"Nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu chư Phật"*, đấy là tiêu chuẩn *"thiện"* của thiện nam tử, thiện nữ nhân được nói trong kinh. Quý vị có thể nghe bộ kinh A Di Đà này, có thể hiểu rõ ý nghĩa được nói trong kinh, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc là nghe danh hiệu chư Phật, danh hiệu của sáu phương và danh hiệu A Di Đà Phật như nhau. Chẳng nhớ danh hiệu sáu phương Phật, thì ghi nhớ một câu Nam-mô A Di Đà Phật là được rồi. Câu Phật hiệu ấy là danh hiệu của chư Phật. Người như vậy chính là [đạt] tiêu chuẩn *"thiện"* của thiện nam tử, thiện nữ nhân được nói trong kinh này. Chúng ta ngẫm xem: Tiêu chuẩn ấy không cao, chúng ta đều có phần. Nhưng quý vị phải hiểu, người không học Phật thì chẳng bàn tới, đối với tất cả những ai học Phật, họ có đạt tiêu chuẩn này hay không? Rất khó nói! Họ cũng từng niệm kinh Di Đà, khóa sáng tối mỗi ngày đều niệm, họ cũng đã từng nghe, cớ sao họ chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân? Chư vị phải thấy rõ ràng: Cuối kinh văn còn có câu *"thọ trì giả"*. Nghe xong chẳng tiếp nhận, chẳng thể gìn giữ, đấy chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thọ (受) là gì? Ta thật sự tin tưởng, thật sự bằng lòng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong mười hai thời, câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn, niệm đâu bèn nghĩ tại đó, thật sự làm được *"tịnh niệm tiếp nối"*. *"Tịnh niệm tương kế"* là *"thọ trì"*, tịnh niệm là Thọ, *"tương kế"* là Trì. Như thế thì mới được!

Các đồng tu niệm Phật phải ghi nhớ, những thứ tạp nhạp của thế gian và xuất thế gian đều là chướng ngại, đều phải buông xuống. Đối với những thứ chẳng thể buông xuống, không buông xuống được cũng phải buông xuống! Không buông xuống, sẽ là chướng ngại, gây chướng ngại

vãng sanh trong một đời này, sẽ phiền phức to lớn, quý vị sẽ chẳng phải là "thiện nam tử, thiện nữ nhân" như kinh đã nói. Tiêu chuẩn *"thiện"* của thiện nam tử là *"buông xuống vạn duyên"*. Đối với "buông xuống", ngàn muôn phần phải ghi nhớ, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Chẳng phải là bảo quý vị buông xuống nơi Sự, nơi Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự vô ngại. Hãy buông xuống trong tâm, trong tâm chớ nên có. [Nghĩa là] bất luận chuyện gì, thiện pháp hay bất thiện pháp trong thế gian, Phật pháp, phi Phật pháp, đều buông xuống, chỉ là một quyển kinh này, một câu danh hiệu, bèn thành công.

Tôi khuyên lơn, khích lệ mọi người như vậy, cũng có những kẻ nêu ra ý kiến, có cách nhìn bất đồng, chê tôi nói quá võ đoán: "Há lẽ nào do một bộ kinh bèn có thể thành công ư? Dường như là ăn nói quá lố!" Chúng ta xem Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục thời cổ, hoặc xem bộ Niệm Phật Luận của pháp sư Đàm Hư trong thời cận đại, [sẽ thấy] sách viết: Kẻ chẳng biết chữ, chưa hề nghe một bộ kinh nào, mà cũng chưa hề niệm. Do một câu danh hiệu, người ta niệm mấy năm bèn đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất, ra đi tiêu sái tự tại dường ấy. Do một câu danh hiệu, bèn có thể thành công, huống hồ cả một bộ kinh? Chúng ta nhất định phải tin tưởng, chính mình chớ nên rối loạn bước chân. Hiện tại là thời đại thiên hạ đại loạn, *"mạng người vô thường, chỉ trong hơi thở"*. Há có nhiều thời gian để học tràn lan nhiều loại kinh luận ư? Chẳng kịp nữa rồi! Chúng ta phải đề cao cảnh giác điều này.

Kinh nào chẳng tốt đẹp ư? Kinh nào cũng đều tốt đẹp, nhưng kinh nào cũng đều mong học thì thời gian chẳng cho phép, hoàn cảnh chẳng cho phép. Nay chúng ta khăng khăng một mực, một bộ kinh, một câu danh hiệu; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi ấy là một thế giới thái bình, lại còn là vô lượng thọ, có đủ thời gian, có hoàn cảnh tốt đẹp, thứ gì cũng đều có thể học tập. Đấy mới là người thông minh, mới là chọn lựa thông minh. Vì thế, điều then chốt là Thọ Trì, cũng có nghĩa là ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh đều trọn đủ. *"Văn thị kinh"* (Nghe kinh này) là Tín; *"thọ trì"* là Nguyện và Hạnh. Ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh thảy đều trọn đủ, đức Phật nói thiện nam tử, thiện nữ nhân như vậy *"giai vi nhất thiết chư Phật sở hộ niệm"* (đều được hết thảy chư Phật hộ niệm).

Nay trong thế giới này, ai nấy đều thấu hiểu thế gian này chẳng có nơi nào an ổn. Bao nhiêu người hằng ngày vắt óc suy nghĩ: Do xã hội

động loạn, họ mong có cách di dân đến một nơi tốt đẹp. Đi trọn khắp thế giới, chẳng có chỗ nào tốt đẹp, chẳng có nơi đâu thái bình, chẳng có một chỗ nào an ổn, quý vị tìm đâu ra? Phương pháp duy nhất là cầu chư Phật, Bồ Tát gia hộ, chúng ta liền bình an. Dùng phương pháp gì để cầu? Tín, nguyện, trì danh, tự nhiên quý vị được hết thảy chư Phật hộ niệm. Chẳng phải là một, hai vị Phật hộ niệm quý vị! Tất cả hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào không hộ niệm quý vị, phước báo của quý vị to cỡ nào! Chư vị ngẫm xem, tìm chẳng thấy người thứ hai nào có phước báo to hơn quý vị! Quý vị là người có phước báo bậc nhất trong tận hư không khắp pháp giới. Quý vị chẳng tin, chẳng mong muốn, chẳng niệm Phật thì chính là kẻ vô phước, chẳng được Phật gia hộ! Quý vị thật sự chịu tin, thật sự chịu nguyện, thật sự chịu niệm Phật, hết thảy chư Phật đều gia hộ, đều hộ niệm quý vị. Quý vị không chỉ là một người có phước báo lớn bậc nhất trên địa cầu này, cũng chẳng phải chỉ là một người có phước báo to bậc nhất trong một hệ Ngân Hà này, mà là người có phước báo to bậc nhất trong tận hư không khắp pháp giới. Được hết thảy chư Phật hộ niệm chính là phước lớn.

Câu kế tiếp nói tới trí huệ to tát, *"giai đắc bất thoái chuyển"* (đều được bất thoái chuyển), *"giai"* (皆) là đều. Bất luận là ai, chỉ cần quý vị phát tâm, phù hợp tiêu chuẩn này, bất luận quý vị là Bồ Tát, là La Hán, hay là phàm phu, thậm chí chúng sanh trong địa ngục A Tỳ, thảy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là huệ! Người niệm Phật, huệ to bậc nhất, phước lớn bậc nhất. Vì thế, tôi nói pháp môn này là "kinh bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thoát luân hồi, thành Phật đạo". Chư vị có thể hiểu rõ ràng ý nghĩa kinh này, sẽ tin tưởng lời tôi nói chẳng sai!

(Sớ) Chư Phật hộ niệm, cố đắc bất thoái Bồ Đề. Bất thoái nghĩa kiến tiền thích.

(疏)諸佛護念，故得不退菩提，不退義見前釋。

*(**Sớ**: Do chư Phật hộ niệm nên được bất thoái Bồ Đề, đối với ý nghĩa của "bất thoái", xem giải thích trong phần trước).*

Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều thù thắng bậc nhất là: Người sanh vào thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng viên chứng ba món Bất Thoái. Chúng ta đặc biệt phải chú ý chữ Viên;

viên chứng và chứng đắc bình thường sai khác rất lớn. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã chứng ba món Bất Thoái, nhưng chẳng viên! Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa Bồ Tát đều chẳng viên. Viên chứng là ai? Đẳng Giác và Diệu Giác. Do vậy có thể biết: Người hạ hạ phẩm vãng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ tới Tây Phương bèn giống như bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Người ấy có phải là Đẳng Giác hay không? Chẳng phải! Người ấy xác thực là phàm phu, chẳng đoạn một phẩm phiền não nào, đới nghiệp vãng sanh, chẳng thể nói người ấy là Đẳng Giác Bồ Tát được! Nhưng hình dạng, trí huệ, thần thông và đức năng của người ấy chẳng khác Đẳng Giác, quý vị lại chẳng thể nói người ấy là phàm phu. Chuyện này rốt cuộc là như thế nào? Do được bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, xác thực chẳng phải là do chính người ấy chứng đắc. Thoạt nhìn, người ấy giống như Phật, giống như Quán Âm, Thế Chí, đó là do được oai thần của Phật gia trì. Vì thế, pháp môn này đúng là pháp khó tin, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Thượng trưng vân hà hộ niệm, kim xuất kỳ diêu.

(鈔)上徵云何護念，今出其繇。

*(**Sao**: Trong phần trên đã gạn hỏi hộ niệm là gì, nay nêu nguyên do).*

Trong phần trước đã từng đề cập, chư Phật Như Lai hộ niệm người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ như thế nào? Do vậy, người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là người cát tường nhất. Bất luận ở nơi đâu, người ấy an toàn nhất, có đại phước báo, được chư Phật hộ niệm, chẳng gặp hết thảy tai nạn. *"Kim xuất kỳ diêu"* (Nay nêu ra nguyên do), *"diêu"* (繇) là nguyên nhân, nguyên do. Trong đoạn kinh văn này, đức Phật nêu bày nguyên nhân.

(Sao) Vị trì kinh cập Phật danh giả.

(鈔)謂持經及佛名者。

*(**Sao**: Ý nói trì kinh và trì danh hiệu Phật).*

Trì kinh, trì danh. *"Trì kinh"* chẳng phải là đọc tụng. Hằng ngày, sáng tối niệm kinh Di Đà một lượt, [ngỡ là] ta thọ trì kinh Di Đà, vậy là quý vị đã tự hiểu lầm ý nghĩa mất rồi! Ta suốt ngày từ sáng đến tối "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật", mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, [cứ

ngỡ] ta đang trì danh, quý vị cũng sai mất rồi! Chỉ có đằng miệng, chẳng được! Trong tâm phải có thì mới là Trì. Quý vị miệng có, tâm không, vô dụng, chẳng được chư Phật hộ niệm. Trì là "trong tâm thật sự có". Tôi thường nói theo lệ thường: Người thế gian thường bảo *"người trong lòng"*; quý vị biến A Di Đà Phật thành người trong lòng của chính mình, sẽ thành công. Đó là thật sự trì danh. Miệng niệm hay không, chẳng khẩn yếu! Trong tâm thật sự có, thật sự mong đến thế giới Tây Phương, thật sự mong sớm có ngày thấy A Di Đà Phật, phải có chân tâm, miệng niệm hay không, chẳng sao cả! Miệng niệm Phật, có hai ý nghĩa:

1) Một ý nghĩa là sợ trong tâm quên bẵng. Tâm và miệng phải tương ứng, miệng niệm hòng nhắc tâm nhớ. Trong tâm nhớ Phật, niệm Phật. Ức và niệm đều là tâm, chẳng phải là ngoài miệng.

2) Thứ hai, miệng niệm Phật ra tiếng nhằm độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh có duyên phận nghe một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Câu Phật hiệu ấy thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Đó là hóa tha.

Chúng ta niệm ra tiếng là tự hành, hóa tha, dụng ý ở chỗ này, giúp đỡ kẻ khác, chẳng cần lôi kéo hoặc khuyên nhủ người ta. Tự nhiên người ấy nghe [danh hiệu] "A Di Đà Phật" lọt vào tai, là một phương pháp như vậy đó. Do vậy, thọ trì hết sức quan trọng. Trì kinh, tiếp nhận những gì được nói trong kinh điển là sự thật: Qua khỏi mười vạn ức cõi về phương Tây, thật sự *"có thế giới tên là Cực Lạc. Trong cõi ấy, có Phật hiệu là A Di Đà"*. Chúng ta thật sự tin tưởng, thật sự muốn vãng sanh. Trong kinh này, đức Thế Tôn khuyên chúng ta phát nguyện vãng sanh, tổng cộng là bốn lần khuyên nhủ. Đúng là một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn [lượt khuyên lơn]. Phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đấy là Thọ. Quyết định chẳng để cho tâm nguyện ấy gián đoạn, đó là Trì. Đấy là trì kinh.

(Sao) Chư Phật hộ chi, niệm chi.
(鈔)諸佛護之念之。
*(**Sao**: Chư Phật hộ niệm).*

"Hộ" (護) là gia hộ, bảo vệ. Chư Phật che chở quý vị, bảo hộ quý vị. Chư Phật đều bảo hộ, vậy thì lẽ nào Bồ Tát, La Hán, thần hộ pháp chẳng bảo hộ? Hết thảy thiện thần đều vây quanh, bảo hộ quý vị. *"Niệm"* là ta niệm Phật, Phật niệm ta. Vì sao? Tâm ta và tâm Phật là một

tâm, ta niệm Phật, há lẽ nào Phật chẳng niệm ta? Ta thật sự niệm Phật, Phật thật sự niệm ta. Ta niệm Phật giả dối, Phật chẳng quan tâm tới ta, đó là đạo lý nhất định. Nếu thật sự niệm, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Linh bất thoái dã.
(鈔)令不退也。
*(**Sao**: Khiến cho chẳng thoái chuyển).*

Bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đạo lý là như thế đó. Ba món Bất Thoái, nói thật ra, chẳng phải là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới chứng ba món Bất Thoái. Tín tâm thanh tịnh, thật sự niệm đến mức *"tịnh niệm tiếp nối"*, ngay trong hiện tại đã là ba món Bất Thoái. Viên mãn ba thứ Bất Thoái, chẳng cần đợi vãng sanh, có thể chứng đắc trong hiện tại, chẳng giả tí nào!

(Sao) Hựu Đường dịch.
(鈔)又唐譯。
*(**Sao**: Lại nữa, bản dịch đời Đường).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư. Kinh Di Đà có hai loại bản dịch, chúng ta dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập dịch vào đời Tấn[67]. Bản dịch kia là của Huyền Trang đại sư dịch vào thời Đường.

---

[67] Xin lưu ý, ở chỗ này, không phải là hòa thượng Tịnh Không nói sai. Tuy bản dịch kinh Di Đà của ngài Cưu Ma La Thập thường ghi là *"Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch"*, nhưng thật ra vương triều lớn nhất thời đó tại Trung Hoa là nhà Tấn (Sử thường gọi là nhà Đông Tấn). Diêu Tần, còn gọi là nhà Hậu Tần, chỉ chiếm lãnh địa bàn tỉnh Thiểm Tây và một phần các tỉnh lân cận, trong khi lãnh thổ Đông Tấn chiếm gần như hai phần ba lãnh thổ Trung Hoa. Đồng thời tồn tại với nhà Hậu Tần còn có các quốc gia Tây Tần, Hậu Lương, Tây Yên, Bắc Ngụy và Hậu Yên. Nhà Hậu Tần chỉ tồn tại từ năm 384 đến năm 417, gồm ba đời vua, trong khi nhà Tấn kéo dài từ năm 266 đến năm 420 với hoàng đế khai quốc là Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm). Tư Mã Viêm đã truất phế Tào Nguyên Đế (Tào Hoán), tức vị vua cuối cùng của nhà Tào Ngụy do Tào Phi (con trai Tào Tháo sáng lập) để lập ra nhà Tấn. Năm 420 là năm quyền thần Lưu Dụ ép vua Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Văn) thoái vị, lập ra nhà Lưu Tống, nhà Tấn thật sự diệt vong. Kinh Di Đà được dịch tại kinh đô Trường An nước Tần trong niên hiệu Hoằng Thỉ của Diêu Tần Cao

(Sao) Tất vị thập phương thập Căng Già sa chư Phật chi sở nhiếp thọ.

(鈔)必為十方十殑伽沙諸佛之所攝受。

*(**Sao**: [Chép rằng]: "Ắt được mười phương mười Căng Già sa chư Phật nhiếp thọ).*

Đây là kinh văn trích từ bản dịch của Huyền Trang đại sư. La Thập đại sư dịch là sáu phương Phật, Huyền Trang đại sư dịch là mười phương Phật. Căng Già (Gaṅgā, Ganges) là sông Hằng, [người nghe kinh này, thọ trì ắt] được mười phương chư Phật nhiều như số cát trong mười sông Hằng nhiếp thọ. Ngài La Thập dịch *"nhiếp thọ"* (攝受) là *"hộ niệm"*. La Thập đại sư dịch là *"giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm"* (đều được hết thảy chư Phật hộ niệm), Huyền Trang đại sư dịch câu kinh văn này thành *"tất vị thập phương thập Căng Già sa chư Phật chi sở nhiếp thọ". "Tất vị"* (必為: ắt được), Huyền Trang đại sư sử dụng giọng điệu rất khẳng định! Nhất định được hết thảy chư Phật hộ niệm.

(Sao) Tắc phi duy bất chỉ lục phương, diệc bất chỉ nhất Hằng sa nhi dĩ.

(鈔)則非惟不止六方，亦不止一恆沙而已。

*(**Sao**: Ắt chẳng phải chỉ là sáu phương, mà cũng chẳng phải chỉ là một Hằng hà sa mà thôi).*

Xác thực là vô lượng vô biên Hằng hà sa số chư Phật, thật đấy! Phật hộ niệm quý vị nhiều ngần ấy, phước báo đó đúng là chỉ có Phật biết. Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng có cách nào nói phước báo của quý vị to cỡ nào! Chúng ta nói đến tu phước và tu huệ thì đến nơi đâu để tu? Đến nơi nào để tu phước huệ lớn nhất, tu phước huệ tối cực viên mãn, nay quý vị đã biết, [tức là] tối nay quý vị chẳng uổng công đến đây! Phải thọ trì bộ kinh này, phải hiểu rõ nghĩa kinh. Muốn hiểu rõ nghĩa kinh, chú giải đã giúp đỡ chúng ta hết sức tốt đẹp. Nếu xem chú giải vẫn không hiểu, ở đây, chúng tôi có băng thâu âm, cũng hữu ích rất lớn cho mọi người. Phải nghe đi nghe lại băng thâu âm ấy. Thế hệ hiện thời có phước báo to hơn người thuở trước. Người thuở trước nghe kinh một lần;

Tổ Hoàn Hoàng Đế (Diêu Hưng), nên ghi quốc hiệu là Diêu Tần. Nếu xét theo niên đại toàn cõi Trung Hoa thì có thể nói là kinh dịch vào đời Đông Tấn.

nếu quên mất, vĩnh viễn chẳng có cách nào [nghe lại]. Người hiện thời có băng thâu âm, có thể nghe lần thứ hai, lần thứ ba, nghe mấy trăm lượt, mấy ngàn lượt cũng chẳng khó. Chẳng thể thấu triệt, hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, sẽ chẳng làm nổi hai chữ *"thọ trì"*. Nhất định là phải hiểu hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch, chúng ta mới thọ trì kinh, thọ trì danh hiệu, mới có thể được hết thảy chư Phật hộ niệm.

(Sớ) A giả, thử vân Vô, Nậu Đa La, thử vân Thượng, Tam Miệu, thử vân Chánh Đẳng, Tam Bồ Đề, thử vân Chánh Giác, ngôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(疏)阿者，此云無，耨多羅，此云上，三藐，此云正等，三菩提，此云正覺，言無上正等正覺。

*(**Sớ**: A cõi này dịch là Vô, Nậu Đa La cõi này dịch là Thượng, Tam Miệu cõi này dịch là Chánh Đẳng, Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Giác, nói [gộp lại] sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-saṃbodhi) dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao không trực tiếp dịch thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Dịch kinh vào thời cổ, trong thể lệ dịch kinh có Ngũ Bất Phiên (năm loại không phiên dịch)[68]. Danh tướng này thuộc loại *"tôn trọng bất phiên"*, [nghĩa là] chúng ta đặc biệt tôn trọng danh tướng ấy, nên giữ nguyên âm đọc, chẳng trực

---

[68] Ngũ Bất Phiên là năm nguyên tắc phiên dịch do ngài Huyền Trang đề ra, tức là khi dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán, nếu gặp năm trường hợp sau đây, sẽ chỉ phiên âm, không dịch nghĩa:
1) Bí mật bất phiên: Như các chữ trong Đà La Ni, vì là từ ngữ bí mật có ý nghĩa thậm thâm chẳng thể nghĩ bàn, nên chẳng phiên dịch. Nếu chỉ nhìn vào mặt văn tự để phiên dịch, sẽ trở thành ngô nghê, đánh mất vô lượng nghĩa thẳm sâu của chú ngữ.
2) Hàm đa nghĩa bất phiên: Nếu một danh từ có quá nhiều ý nghĩa thì chẳng dịch. Như danh xưng Bạc Già Phạm (Bhagavān) bao hàm sáu ý nghĩa "tự tại, xí thịnh, đoan nghiêm, danh xưng, cát tường, tôn quý", nên chẳng dịch nghĩa.
3) Thử vô bất phiên: Những từ ngữ nói đến các sự vật chẳng có ở Trung Hoa bèn chẳng dịch, ví dụ chim Ca Lăng Tần Già, cây Diêm Phù Đề v.v…
4) Thuận cổ bất phiên: Tuân theo cổ lệ chẳng dịch nghĩa, như A Nậu Bồ Đề (Anubodhi: Vô Thượng Bồ Đề), chẳng phải là không thể dịch nghĩa, nhưng từ thời cổ đến nay, các vị dịch sư thời cổ chỉ dịch âm, nên nay tuân theo lệ ấy, không dịch.
5) Sanh thiện cố bất phiên (Tôn trọng bất phiên): Như Bát Nhã gợi lên sự tôn trọng, sanh khởi thiện căn, nên không dịch. Chứ nếu chỉ dịch là trí huệ thì sẽ bị hiểu lầm là trí huệ thông thường của thế gian.

tiếp dịch ý nghĩa. Như Bát Nhã cũng thuộc loại tôn trọng chẳng dịch. Chữ Phật thuộc loại *"hàm đa nghĩa bất phiên"*, [nghĩa là] chữ Phật Đà bao hàm rất nhiều ý nghĩa, trong tự vựng tiếng Hán chẳng tìm thấy ý nghĩa tương đương, bất đắc dĩ vẫn là phiên âm rồi mới giải thích thêm.

(Sao) Cứu cánh cực quả.

(鈔)究竟極果。

*(**Sao**: Quả tột cùng rốt ráo).*

Thật sự đạt tới đến viên mãn rốt ráo, đã *"đăng phong tạo cực"* trong quả báo, chẳng có gì cao hơn được!

(Sao) Đối hạ nhi ngôn, danh chi Vô Thượng. Chánh quán Chân Đế, đối tà nhi ngôn, danh chi viết Chánh.

(Diễn) Cứu cánh cực quả giả, đạo cùng Diệu Giác, vị cực ư Trà. Chứng Nhất Thiết Chủng Trí, viên quán Đệ Nhất Nghĩa Đế, đối Đẳng Giác nhi ngôn danh chi Vô Thượng, dĩ Đẳng Giác Bồ Tát do hữu vi tế vô minh vị đoạn, danh Hữu Thượng Sĩ cố. Chánh quán Chân Đế giả, Nhị Thừa tu Nhất Thiết Trí. Chánh quán Chân Đế, đối ngoại đạo tà kiến nhi ngôn, danh chi viết Chánh, dĩ cửu thập lục chủng ngoại đạo, các chấp dị kế, giai tà kiến cố.

(鈔)對下而言，名之無上。正觀真諦，對邪而言，名之曰正。

(演)究竟極果者。道窮妙覺。位極於茶。證一切種智。圓觀第一義諦。對等覺而言名之無上。以等覺菩薩猶有微細無明未斷。名有上士故。正觀真諦者。二乘修一切智。正觀真諦。對外道邪見而言。名之曰正。以九十六種外道。各執異計。皆邪見故。

*(**Sao**: Đối với hạ mà nói, bèn gọi là Vô Thượng. Chánh quán Chân Đế: Đối với tà mà nói, bèn gọi là Chánh.*

***Diễn**: "Quả rốt ráo tột cùng": Đạo đạt đến Diệu Giác tột cùng, địa vị không còn gì cao hơn được nữa[69]. Chứng Nhất Thiết Chủng Trí,*

[69] Nguyên văn *"vị cực ư Trà"*: Trong mẫu tự Phạn văn, có năm mươi hai mẫu tự, chữ Trà (kṣa) là mẫu tự cuối cùng, nên "*'vị cực ư Trà'* là địa vị đã đạt đến chữ Trà,

quán trọn vẹn Đệ Nhất Nghĩa Đế, do so với Đẳng Giác mà nói là Vô Thượng, vì Đẳng Giác Bồ Tát còn có vi tế vô minh chưa đoạn, nên gọi là Hữu Thượng Sĩ (bậc còn có người cao hơn). "Chánh quán Chân Đế": Nhị Thừa tu Nhất Thiết Trí, chánh quán Chân Đế. Đối với ngoại đạo tà kiến mà nói, thì gọi là Chánh. Do chín mươi sáu thứ ngoại đạo, mỗi loại đều có sự chấp trước khác biệt, nhưng đều là tà kiến).

Chân Đế là chân tướng sự thật, là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Ngài thấy rõ ràng, rành rẽ, quyết định chẳng thấy sai lầm, quyết định chẳng lệch lạc. Đó gọi là Chánh. Sai lầm, lệch lạc nghĩa là Tà.

(Sao) Đẳng quán Tục Đế, đối thiên nhi ngôn, danh chi viết Đẳng, diệc danh viết Biến.

(Diễn) Đẳng quán Tục Đế giả, Bồ Tát tu Đạo Chủng Trí, đẳng quán Tục Đế. Đối Nhị Thừa thiên quán nhi ngôn, danh chi viết Đẳng. Dĩ Nhị Thừa khí Hữu quán Không, đọa thiên kiến cố.

(鈔)等觀俗諦，對偏而言，名之曰等，亦名曰遍。

(演)等觀俗諦者。菩薩修道種智。等觀俗諦。對二乘偏觀而言。名之曰等。以二乘棄有觀空。墮偏見故。

(***Sao***: *Bình đẳng quán Tục Đế, đối với Thiên (lệch lạc) mà nói, bèn gọi là Đẳng (bình đẳng), cũng gọi là Trọn Khắp.*

Diễn: *"Bình đẳng quán Tục Đế": Bồ Tát tu Đạo Chủng Trí, nên bình đẳng quán Tục Đế. Do đối với Nhị Thừa mà nói, nên gọi là Đẳng. Bởi lẽ, Nhị Thừa bỏ Hữu quán Không, cho nên đọa vào tri kiến lệch lạc).*

"Đẳng quán Tục Đế", Tục (俗) là thế tục. Thấy rõ ràng, rành rẽ các thứ biến hóa của nhân quả, sự lý trong thế tục (tức lục phàm thế gian). Tuy sự tướng ngàn muôn sai khác, thể tánh là bình đẳng, lũ phàm phu chúng ta thấy là tuyệt đối bất bình đẳng, Phật và Bồ Tát thấy là hoàn toàn bình đẳng. Tục và Chân là bình đẳng, *"danh chi viết Đẳng"* (bèn gọi là Đẳng), *"diệc danh viết Biến"*, *"Biến"* (遍: trọn khắp) cũng có nghĩa là bình đẳng.

(Sao) Giác giả, linh minh tự tâm.

---

sau đó không còn gì nữa". Vì thế, *"vị cực ư Trà"* thường được dùng làm thành ngữ để diễn tả địa vị cao tột, tối hậu, không còn gì có thể cao hơn được nữa.

(鈔)覺者，靈明自心。

*(**Sao**: Giác là linh minh tự tâm).*

Đây là tâm địa, "*linh*" là chẳng mê mờ, "*minh*" là chẳng tối tăm. Tự tánh thanh tịnh tâm là quang minh, là chiếu trọn khắp. Đấy gọi là Giác.

(Sao) Chánh Giác giả, kiêm thượng Chánh Đẳng nhị nghĩa. Ngôn thử giác giả, thị Vô Thượng Chánh Đẳng chi Chánh Giác dã.

(Diễn) Chánh Giác kiêm Chánh Đẳng nhị nghĩa giả, dĩ Nhị Thừa đối ngoại đạo danh Chánh. Nhược đối Bồ Tát, khí Hữu, quán Không, diệc danh Tà cố.

(鈔)正覺者，兼上正等二義。言此覺者，是無上正等之正覺也。

(演)正覺兼正等二義者。以二乘對外道名正。若對菩薩。棄有觀空。亦名邪故。

*(**Sao**: Chánh Giác gồm cả hai nghĩa Chánh và Đẳng trên đây. Nói tới Giác ấy thì chính là Chánh Giác Vô Thượng Chánh Đẳng vậy.*

***Diễn**: "Chánh Giác kiêm cả hai nghĩa Chánh và Đẳng": Do đối với ngoại đạo thì Nhị Thừa được gọi là Chánh, nhưng so với Bồ Tát, [do Nhị Thừa] bỏ Hữu để quán Không, nên cũng gọi là Tà).*

Chánh Giác ở đây, nói thật ra là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Giác: Điều chứng đắc của A La Hán là Chánh Giác, [bởi lẽ] cách nhìn của Ngài đối với vũ trụ và nhân sinh chẳng đến nỗi sai lầm to lớn. Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, Đẳng có nghĩa là bằng với Phật. Tuy bằng Phật, chẳng viên mãn. Chẳng rốt ráo như Phật, chẳng viên mãn giống như Phật. Đạt tới địa vị Phật bèn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn này nhằm giải thích từ ngữ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

Tập 270

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm sáu mươi hai:

(Sao) Lương dĩ xuẩn động hàm linh giai hữu Phật Tánh, tắc Bồ Đề giả. Phật dữ chúng sanh bổn lai vô nhị, vô minh sở phú, toại thành mê vọng, thị tắc tà giác, bất danh vi Chánh.

(Diễn) Lương dĩ hạ xuất thượng sở dĩ. Phật dữ chúng sanh bổn lai vô nhị giả, vị Bổn Giác chi Thể, nhân tâm, quả chứng, vô nhị, vô biệt dã. Vô minh sở phú toại thành mê vọng giả, vị bất tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm, toại thành tam tế, lục thô dã. Thị tắc tà giác, bất danh vi Chánh giả. Vị phàm phu tuy cụ hữu linh giác, nhi toàn giai thị vọng, phi vi chánh cố.

(鈔)良以蠢動含靈皆有佛性，則菩提者，佛與眾生本來無二，無明所覆，遂成迷妄，是則邪覺，不名為正。

(演)良以下出上所以。 佛與眾生本來無二者。謂本覺之體。因心果證。無二無別也。 無明所覆遂成迷妄者。謂不知真如法一故。不覺心起而有其念。遂成三細六粗也。是則邪覺。不名為正者。謂凡夫雖具有靈覺。而全皆是妄。非為正故。

*(**Sao**: Ấy là vì các loài hàm linh ngọ ngoạy đều có Phật Tánh, cho nên đối với Bồ Đề, Phật và chúng sanh vốn chẳng hai. Do bị vô minh che lấp, nên trở thành mê vọng. Đó là tà giác, chẳng gọi là Chánh.*

***Diễn**: Từ chữ "ấy là vì" trở đi, nêu ra nguyên do của những điều vừa được nói trên đây. "Phật và chúng sanh vốn chẳng hai" nghĩa là xét theo cái Thể của Bổn Giác thì cái tâm tu nhân và cái quả đã chứng đắc chẳng hai, chẳng khác. "Do bị vô minh che lấp, nên trở thành mê vọng" nghĩa là: Do chẳng biết pháp Chân Như là một, nên cái tâm bất giác dấy niệm, bèn biến thành ba tế tướng và sáu thô tướng. "Đó là tà giác, chẳng phải là chánh", có nghĩa là phàm phu tuy có linh giác, nhưng đều toàn là vọng, chẳng phải là chánh).*

Đoạn này nói rõ sự sai biệt giữa Phật và chúng sanh. Phật và chúng sanh vốn chẳng có sai biệt, sai biệt ở chỗ mê hay ngộ. Trên thực tế, mê hay ngộ chỉ trong một niệm. Ở đây, đại sư bảo chúng ta: *"Xuẩn động hàm linh"* (蠢動含靈) là nói tới hết thảy các động vật, dẫu là loài *"động vật cấp thấp"* như chúng ta thường nói, [chẳng hạn như] ruồi, trùng, kiến, chúng cũng có Phật Tánh. Bồ Đề là Bổn Giác trong tự tánh. Tự tánh vốn giác ngộ, chẳng phải do bên ngoài mà có. Tuy Phật đã thành

Phật, Bồ Đề của Phật cũng chẳng tăng thêm phần nào. Chúng sanh tuy đọa lạc trong lục đạo, dẫu là đang ở trong các đường súc sanh, ngạ quỷ, hay địa ngục, Bồ Đề của họ cũng chẳng giảm bớt phần nào. Có thể nói là *"tự tánh giác bất tăng, bất giảm"*. Do đó nói *"Phật và chúng sanh vốn chẳng hai"*, *"chẳng hai"* là giống hệt. Hiện thời, là như nhau, hay khác nhau? Nói thật ra, vẫn là như nhau. Điểm khác nhau là trên Bồ Đề, chúng ta có thêm một chút mê, hỏng ở chỗ này. Phật, Bồ Tát chẳng thêm mê vào, chúng ta lại thêm vào một chút mê. Mê là gì? Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Tri kiến lập tri"* (Từ trên tri kiến, lập thêm một cái biết), *"tri kiến"* [được nhắc tới trong câu kinh ấy của Lăng Nghiêm] chính là Bồ Đề. Hết thảy loài chúng sanh, mắt đều có thể thấy, tai đều có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm. Có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể nếm, cái *"có thể"* ấy chính là Bồ Đề, chúng sanh và Phật chẳng khác nhau. Rốt cuộc mê ở chỗ nào? Chư Phật, Bồ Tát thấy, nghe, hay, biết chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà hiểu biết cảnh giới rành mạch, rõ ràng, đó là Bồ Đề. Trong sự thấy, nghe, hay, biết của chúng ta, kèm thêm phân biệt, chấp trước. Từ phân biệt, chấp trước, lại còn thêm vào tham, sân, si, mạn, đó là mê. Đấy chính là *"vô minh sở phú, toại thành mê vọng"* (do vô minh che lấp, bèn thành mê vọng). Cái giác của chúng ta chẳng thể gọi là Chánh Giác, mà là tà giác, chuyện là như vậy đó.

Đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy chúng sanh chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc"*. Cái mê ấy được gọi là vọng tưởng, là chấp trước. Trừ khử vọng tưởng, chấp trước, bèn thành Phật. Vì sao? Bồ Đề và quả địa Như Lai hoàn toàn giống hệt; Thể, Tướng, và tác dụng đều như nhau, bèn gọi là *"thành Phật"*. Hỏng là hỏng ở chỗ vọng tưởng, chấp trước. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn dấy vọng tưởng, ngay cả đêm ngủ vẫn dấy vọng tưởng. Nằm mộng là khi ngủ dấy vọng tưởng. Nếu ngủ mà chẳng dấy vọng tưởng, sẽ chẳng nằm mộng. Mộng sanh từ vọng tưởng; có thể thấy đích xác là chúng ta mê đã quá sâu, đích xác là hết sức nghiêm trọng. Ở đây, trước hết là nói rõ chúng sanh và Phật chẳng hai.

(Sao) Thanh Văn, Bích Chi.

(鈔)聲聞辟支。

*(**Sao**: Thanh Văn, Bích Chi Phật).*

Thanh Văn là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán. Bích Chi là Duyên Giác, tức Bích Chi Phật. Nói thành ba thừa thì Thanh Văn là Tiểu Thừa, Bích Chi Phật là Trung Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa. Nói thành hai thừa thì Thanh Văn và Bích Chi Phật được gọi gộp chung là Tiểu Thừa hoặc Nhị Thừa. Hai loại người này:

(Sao) Chỉ phá Kiến Tư.

(Diễn) Thanh Văn, Bích Chi chỉ phá Kiến Tư giả, Thanh Văn quán Tứ Đế, Bích Chi quán Thập Nhị Nhân Duyên, tuy hành môn bất đồng, nhi sở đoạn giả, đồng thị tam giới Kiến Tư. Duyên Giác đản xâm tập khí, cư Thanh Văn thượng nhĩ.

(鈔)止破見思。

(演)聲聞辟支止破見思者。聲聞觀四諦。辟支觀十二因緣。雖行門不同。而所斷者。同是三界見思。緣覺但侵習氣。居聲聞上耳。

*(**Sao**: Chỉ phá Kiến Tư phiền não.*

***Diễn**: "Thanh Văn và Bích Chi chỉ phá Kiến Tư": Thanh Văn quán Tứ Đế, Bích Chi Phật quán Thập Nhị Nhân Duyên, tuy hành môn khác nhau, nhưng cái họ đoạn đều là Kiến Tư phiền não trong tam giới. Do Duyên Giác chỉ phải đối trị tập khí [chẳng còn có Kiến Tư phiền não để đối trị] nên địa vị cao hơn Thanh Văn).*

Đối với sự mê chấp ấy, chúng ta có thể phân chia đại lược thành ba loại lớn. Chúng ta nói từ cái thô nhất tới cái vi tế. Phân biệt, chấp trước thô nhất là Kiến Tư phiền não. Kiến (見) là kiến giải sai lầm, Tư (思) là tư tưởng sai lầm. Chúng ta nghĩ lầm, thấy trật, loại này được gọi là Kiến Tư phiền não. Loại thứ hai là Trần Sa phiền não, vi tế hơn Kiến Tư phiền não rất ư là nhiều, nhiều giống như cát bụi. Trần Sa là tỷ dụ rất nhiều. Đồng thời, Trần Sa cũng nhằm tỷ dụ sự ô nhiễm, ô nhiễm quá ư là nhiều! Vi tế nhất là Vô Minh phiền não. Phân biệt, chấp trước có ba loại lớn như vậy. Thanh Văn và Duyên Giác chỉ *"phá Kiến Tư"*; trong ba loại phiền não lớn ấy, họ chỉ phá Kiến Tư.

(Sao) Tuy đắc Bồ Đề, kỳ đạo vị Trung, thị tắc Thiên Giác, bất danh vi Đẳng.

(Diễn) Tuy đắc Bồ Đề kỳ đạo vị Trung, bất danh vi Đẳng giả. Bồ

Đề vị Nhất Thiết Trí, đản năng tùng Giả nhập Không, bất năng tùng Không nhập Giả. Cố kỳ đạo vị Trung, đản ngộ Thiên Chân lý. Cố thị Thiên Giác, vị tu bình đẳng quán, cố bất danh vi Đẳng.

(鈔)雖得菩提，其道未中，是則偏覺，不名為等。

(演)雖得菩提其道未中。不名為等者。菩提謂一切智。但能從假入空 。不能從空入假。故其道未中 。但悟偏真理。故是偏覺。未修平等觀故不名為等。

*(**Sao**: Tuy đắc Bồ Đề, đạo của họ chưa phải là Trung, nên là Thiên Giác, chẳng gọi là Đẳng.*

***Diễn**: "Tuy đắc Bồ Đề, đạo của họ chưa phải là Trung, chẳng gọi là Đẳng": Bồ Đề là Nhất Thiết Trí. Họ chỉ có thể từ Giả nhập Không, chẳng thể từ Không nhập Giả. Do vậy, đạo của họ chưa phải là Trung, chỉ ngộ lý Thiên Chân, nên là Thiên Giác (sự giác ngộ lệch lạc). Do chưa tu bình đẳng quán, nên chẳng gọi là Đẳng).*

A La Hán và Bích Chi Phật được coi là Chánh Giác. Vì sao họ chánh, còn chúng ta chẳng chánh? Vì họ đoạn Kiến Tư phiền não, chúng ta chẳng đoạn Kiến Tư phiền não. Giác của chúng ta là tà giác, chẳng phải là Chánh Giác. Nhất định phải là đoạn Kiến Tư phiền não thì cái giác ấy mới gọi là Chánh Giác, tiêu chuẩn ở chỗ này. Có thể gọi họ là Chánh Giác, chẳng thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Giác của họ là Chánh, chẳng sai, nhưng lệch lạc, chẳng đạt đến Trung Đạo, mà lệch về một bên. Ở đây, đại sư nói giác của họ là Thiên Giác (偏覺: sự giác ngộ lệch lạc, thiên vị), chẳng thể gọi là Đẳng. Liên Trì đại sư gọi sự giác ngộ ấy là Thiên Giác, [từ ngữ này] cũng chẳng phải là do Ngài sáng chế, Ngài vẫn có căn cứ. Trong kinh, đức Phật đã nói hàng Nhị Thừa chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Thiên Chân (偏真: lệch về Chân Đế) thì chẳng phải là Trung Đạo; Bồ Tát mới là Trung Đạo. Đó là trạng huống của hàng Nhị Thừa.

(Sao) Nhất thiết Bồ Tát, dĩ tận Trần Sa, vị tận vô minh, tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, Phật địa do viễn, bất danh Vô Thượng.

(Diễn) Nhất thiết Bồ Tát dĩ tận Trần Sa, vị tận vô minh giả, Biệt Giáo tự Thập Hồi Hướng, Thập Địa, chí Đẳng Diệu nhị giác, Viên Giáo tự Đệ Thập Tín chí Đẳng Giác, thị nhất thiết Bồ Tát. Biệt Thập Hướng dĩ tận Trần Sa, vị đoạn vô minh. Sơ Địa thỉ đoạn nhất phẩm vô

minh, nãi chí Diệu Giác đoạn thập nhị phẩm vô minh, cố vị tận. Viên Thập Tín dĩ tận Trần Sa, vị đoạn vô minh. Sơ Trụ thỉ đoạn nhất phẩm vô minh, nãi chí Đẳng Giác đoạn tứ thập nhất phẩm vô minh, cố diệc vị tận. Tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, Phật địa do viễn, bất danh Vô Thượng giả. Bồ Đề, vị Đạo Chủng Trí, phần chứng Nhất Thiết Chủng Trí, dĩ năng song giá, song chiếu, tâm tâm thú nhập Tát Bà Nhã hải. Cố đắc Chánh Đẳng Bồ Đề. Hoa Nghiêm thuyết Thập Địa Bồ Tát, sung mãn vi trần quốc độ, ư na-do-tha kiếp tu Bồ Tát hạnh, sở sanh trí huệ tỷ nhất Như Lai trí huệ, bách phần bất cập nhất, nãi chí ưu-ba-ni-sa-đà phần, diệc bất cập nhất. Cố vân Phật địa do viễn. Vô luận chư vị Bồ Tát, tức chí Đẳng Giác, thượng cánh hữu quá giả, danh Hữu Thượng Sĩ. Cố bất danh Vô Thượng.

(鈔)一切菩薩，已盡塵沙，未盡無明，雖得正等菩提，佛地猶遠，不名無上。

(演)一切菩薩已盡塵沙。未盡無明者。別教自十回向。十地至等妙二覺。圓教自第十信至等覺。是一切菩薩。別十向已盡塵沙。未斷無明。初地始斷一品無明。乃至妙覺斷十二品無明。故未盡。圓十信已盡塵沙。未斷無明。初住始斷一品無明。乃至等覺斷四十一品無明。故亦未盡。雖得正等菩提。佛地猶遠。不名無上者。菩提。謂道種智分證一切種智。以能雙遮雙照。心心趣入薩婆若海。故得正等菩提。華嚴說十地菩薩。充滿微塵國土。於那由他劫修菩薩行。所生智慧比一如來智慧。百分不及一。乃至優波尼沙陀分亦不及一。故云佛地猶遠。無論諸位菩薩。即至等覺。尚更有過者。名有上士。故不名無上。

*(**Sao**: Hết thảy các vị Bồ Tát đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn hết Vô Minh, tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, vẫn cách xa địa vị Phật, chẳng gọi là Vô Thượng.*

***Diễn**: "Hết thảy các vị Bồ Tát đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn hết Vô Minh": Biệt Giáo thì từ Thập Hồi Hướng, Thập Địa, cho đến Đẳng Giác và Diệu Giác, Viên Giáo thì từ Đệ Thập Tín cho đến Đẳng Giác, đó là "hết thảy các vị Bồ Tát". Thập Hồi Hướng của Biệt Giáo đã đoạn*

hết Trần Sa, chưa đoạn Vô Minh. Sơ Địa [của Biệt Giáo] mới đoạn một phẩm vô minh, cho đến Diệu Giác đoạn hết mười hai phẩm vô minh, nên là "chưa đoạn hết". Địa vị Đệ Thập Tín của Viên Giáo đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn Vô Minh. Sơ Trụ mới đoạn một phẩm vô minh, cho đến Đẳng Giác đoạn bốn mươi mốt phẩm vô minh, nên cũng là "chưa đoạn hết". "Tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, còn cách xa địa vị Phật, chẳng gọi là Vô Thượng": Bồ Đề là nói tới Đạo Chủng Trí, phần chứng Nhất Thiết Chủng Trí. Do có thể cùng ngăn lấp hai bên, cùng chiếu hai bên, tâm tâm tiến nhập biển Nhất Thiết Trí, nên đắc Chánh Đẳng Bồ Đề. Kinh Hoa Nghiêm nói Thập Địa Bồ Tát đầy ắp các cõi nước nhiều như vi trần, trong na-do-tha kiếp tu Bồ Tát hạnh. Trí huệ do họ sanh khởi so với trí huệ của một đức Như Lai thì trăm phần chẳng bằng được một, cho đến một phần Ưu-ba-ni-sa-đà cũng chẳng bằng. Vì thế nói là "còn cách xa địa vị Phật". Bất luận Bồ Tát thuộc các địa vị nào cho đến Đẳng Giác, đều hãy còn có người vượt trỗi hơn, nên [các địa vị Bồ Tát đều] được gọi là Hữu Thượng Sĩ (người có kẻ vượt trội hơn), chẳng gọi là Vô Thượng).

Đây là Bồ Tát.

(Diễn) Viên Thập Tín dĩ tận Trần Sa.
(演)圓十信已盡塵沙。
*(**Diễn**: Địa vị Thập Tín trong Viên Giáo đã đoạn hết Trần Sa).*

Tôi chỉ nói với quý vị câu này, vì những câu khác đều chẳng khó hiểu. Thập Tín [trong lời Diễn Nghĩa] là địa vị Thập Tín, chẳng phải từ địa vị Sơ Tín cho đến Thập Tín, mà là địa vị Đệ Thập Tín Bồ Tát, đã đoạn hết Trần Sa Hoặc. Từ Sơ Tín cho đến Lục Tín chưa đoạn hết Kiến Tư phiền não, đạt đến địa vị Thất Tín bèn đoạn hết Kiến Tư phiền não. Ba địa vị Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, cho tới Đệ Thập Tín, đoạn hết Trần Sa Hoặc. Viên mãn tâm Thập Tín, tức là tu hành viên mãn địa vị Thập Tín, viên mãn gì vậy? Đoạn hết Trần Sa Hoặc, bèn nhập Sơ Trụ. Đó là Viên Giáo. Nếu nói theo Biệt Giáo, sẽ là Đệ Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo. Đệ Thập Hồi Hướng đoạn sạch Trần Sa Hoặc, tiến cao hơn một cấp, dự vào Sơ Địa. Sơ Địa của Biệt Giáo bằng với Sơ Trụ của Viên Giáo, đều là đoạn sạch Trần Sa Hoặc, phá một phẩm vô minh. Do vậy có thể biết: Nếu hãy còn Trần Sa Hoặc, quyết định là chẳng có cách

nào phá vô minh, nhất định là phá sạch Trần Sa Hoặc thì mới có thể phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Chúng ta hiểu những đạo lý này, mới biết tu hành thật sự chẳng dễ dàng, đoạn Hoặc chứng Chân hết sức khó khăn. Nếu chư Phật Như Lai chẳng vì chúng ta rộng mở pháp môn đới nghiệp vãng sanh; nói cách khác, chúng sanh thời Mạt Pháp chẳng có một ai đắc độ, ai có năng lực đoạn phiền não? Sự thật này bày ra trước mắt chúng ta, chúng ta chẳng thể không thừa nhận!

Trong trạng huống này, chúng ta đã gặp [pháp môn này], chẳng cần đoạn phiền não, [tức là] Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều chẳng phải đoạn, mà vẫn có thể thành Phật. Pháp môn này chính là pháp môn Trì Danh Niệm Phật được nói trong kinh A Di Đà. Lần trước, tôi đã thưa cùng mọi người, phước huệ nghe kinh rồi thọ trì thật sự là bậc nhất trong tận hư không khắp pháp giới. Phước báo là được hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị, phước báo ấy to lắm! Tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, cũng tìm chẳng ra một bộ kinh nào, pháp môn nào khác nói chúng ta đọc tụng, thọ trì [bản kinh ấy sẽ] khiến cho hết thảy chư Phật đều gia hộ, đều hộ niệm, chưa hề nghe nói! Huệ là *"giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"* (đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Viên chứng ba món Bất Thoái là Huệ. Do đó, nghe kinh thọ trì, cũng chính là thật thà niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, người ấy phước lớn bậc nhất, huệ cũng lớn bậc nhất. Trong kinh, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo chúng ta điều này, làm sao có thể là giả cho được? Chúng ta có thể tin tưởng, chẳng ngờ vực, chúng ta là người nghe kinh thọ trì.

"Hết thảy Bồ Tát" được nói ở đây chính là hàng Bồ Tát từ địa vị Đệ Thập Tín trong Viên Giáo trở lên, từ Cửu Tín Bồ Tát trở về trước chẳng xét tới. *"Dĩ tận Trần Sa"* (Đã hết Trần Sa), tiêu chuẩn chính là một câu này. *"Hết thảy Bồ Tát"* là những vị Bồ Tát thuộc loại nào? Đã đoạn hết Trần Sa Hoặc, chẳng đoạn hết Vô Minh Hoặc, [hoặc là những vị đã] phá một phẩm vô minh, hoặc phá hai phẩm vô minh. Vô minh có bốn mươi mốt phẩm, các Ngài chẳng thể đoạn hết. *"Tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề"*, các Ngài chẳng phải là Thiên Giác, mà là Chánh Đẳng Chánh Giác. *"Đẳng"* (等) là bằng với Phật. Bằng với Phật, nhưng vẫn chưa phải là Phật, rất gần với Phật, rất tương tự, vẫn chẳng phải là Phật thật sự, bằng với Phật mà thôi. *"Phật địa do viễn"* (Còn cách xa địa vị Phật), còn cách biệt Phật quả rốt ráo khá xa. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, còn cách quả vị rốt ráo bốn mươi địa vị, xác thực là khá

xa xôi! *"Bất danh Vô Thượng"* (Chẳng gọi là Vô Thượng): Chẳng thể bảo là vị Bồ Tát ấy là Vô Thượng, phía trên Ngài còn có rất nhiều [đẳng cấp] Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát đã phá bốn mươi phẩm trong bốn mươi mốt phẩm vô minh, hãy còn một phẩm. Trên Ngài còn có Phật, cho nên chẳng thể nói Ngài là Vô Thượng. Do vậy có thể biết: Chánh Đẳng Chánh Giác là từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trong Viên Giáo, gồm có bốn mươi mốt địa vị. Kinh Hoa Nghiêm nói *"bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ"* là nói tới Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Sao) Duy Phật nhất nhân.

(鈔)惟佛一人。

*(**Sao**: Chỉ có mình Phật).*

"Nhất nhân" (Một mình) là quả vị này, địa vị này. Bồ Tát nếu tính cả Thập Tín sẽ có năm mươi mốt địa vị. Phật quả rốt ráo là một địa vị, chỉ có mình Phật.

(Sao) Vọng tận, giác mãn.

(Diễn) Duy Phật nhất nhân vọng tận giác mãn giả, như Bồ Tát địa tận, mãn túc phương tiện, nhất niệm tương ứng giác tâm, sơ khởi tâm vô sơ tướng, viễn ly vi tế niệm cố, danh vi 'vọng tận'. Cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên, danh vi giác mãn.

(鈔)妄盡覺滿。

(演)惟佛一人妄盡覺滿者。如菩薩地盡。滿足方便。一念相應覺心。初起心無初相。遠離微細念故。名為妄盡。究盡諸法實相。邊際智滿。種覺頓圓。名為覺滿。

*(**Sao**: Hết vọng, giác ngộ viên mãn.*

***Diễn**: "Chỉ có mình đức Phật hết vọng, giác ngộ viên mãn": Như trọn hết địa vị Bồ Tát, phương tiện trọn đủ, một niệm tương ứng giác tâm, bắt đầu dấy lên cái tâm mà chẳng có tướng khởi đầu, vì đã xa lìa hết thảy các niệm vi tế, nên gọi là "hết vọng". Thấu suốt cùng tột Thật Tướng của các pháp, trí huệ đã viên mãn tận bờ mé, mau chóng viên mãn Chủng Giác, nên gọi là "giác ngộ viên mãn").*

Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đoạn hết. Ở đây, chư vị phải lưu ý,

Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều là vọng! Những thứ ấy đều là vọng tưởng, chấp trước, [nơi quả vị Phật] đều đoạn hết, đều chẳng có [những thứ ấy], giác đã viên mãn. Chúng ta gọi sự viên mãn này là Đại Giác, [hàm ý] giác đã viên mãn. Mọi người nhất định phải ghi nhớ: Vọng tưởng, chấp trước và Đại Giác là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Quý vị coi chúng là hai chuyện, sai mất rồi, chúng là cùng một chuyện, là hai mặt của một Thể.

Vì thế, chúng là một, không hai. Chuyển phiền não thành Bồ Đề; hễ chuyển biến, [phiền não] sẽ chính là [Bồ Đề]! Giác là gì? Giác là do quý vị từ Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh trước đó chuyển biến thành. Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh chính là Bồ Đề Chánh Giác. Vì vậy, chúng là một, chẳng hai.

(Sao) Như vọng dạ nguyệt.

(鈔)如望夜月。

*(**Sao**: Như trăng đêm Rằm).*

"Vọng" (望) là ngày Rằm. Ngày Rằm mặt trăng tròn đầy, vầng trăng viên mãn, chẳng có mảy may khuyết hãm nào! Sánh ví nó như Phật quả, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là viên mãn.

(Sao) Cánh vô hữu giác quá ư thử giả.

(鈔)更無有覺過於此者。

*(**Sao**: Trọn chẳng có gì giác ngộ hơn địa vị này).*

Bồ Tát tuy giác, chẳng viên mãn. Vì thế, chẳng thể nào viên mãn bằng Phật được!

(Sao) Danh Vô Thượng Chánh Đẳng Giác dã.

(Diễn) Như vọng dạ nguyệt, cánh vô hữu giác quá ư thử giả. Quán Kinh Sớ vân: "Vô Thượng Sĩ giả, danh vô sở đoạn. Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả, như thập ngũ nhật nguyệt viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn", thị dã.

(鈔)名無上正等覺也。

(演)如望夜月。更無有覺過於此者。觀經疏云。無上士者。名無所斷。無上士者，更無過者。如十五日月圓滿

具足。眾星中王。最上最勝。威德特尊。是也。

*(**Sao**: Gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.*

***Diễn**: "Như trăng ngày Rằm, chẳng còn có gì giác ngộ hơn địa vị này": Quán Kinh Sớ nói: "Vô Thượng Sĩ, gọi là không có gì để đoạn. Vô Thượng Sĩ là không còn ai hơn được. Như trăng Rằm viên mãn, trọn đủ, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý", chính là nói về ý này vậy).*

Danh hiệu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chuyên dùng để xưng tụng Phật, gọi Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ có [đối với sự giác ngộ của] Phật mới thêm vào [hai chữ] Vô Thượng. Phần dưới đây chuyển sang đề tài thảo luận chánh yếu trong đoạn này, chúng ta phải đặc biệt chú ý.

(Sao) Kim đản trì danh, mông Phật hộ niệm.

(鈔)今但持名，蒙佛護念。

*(**Sao**: Nay chỉ trì danh, được Phật hộ niệm).*

Nay chúng ta học Phật dụng công, dùng công phu gì vậy? Chính là niệm một câu Phật hiệu. *"Đản"* (但) là chỉ niệm một câu Phật hiệu này, bèn *"mông Phật hộ niệm"* (được Phật hộ niệm). Chẳng phải là được một vị Phật, mà là mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều nghĩ nhớ, đều bảo vệ quý vị. Chúng ta được hết thảy chư Phật nghĩ nhớ, được hết thảy chư Phật gia hộ. Do vậy, tôi bảo mọi người hãy suy nghĩ kỹ càng: Phước của quý vị to cỡ nào! Đại Phạm Vương, Đao Lợi Thiên Chúa so với người niệm Phật, thua kém quá xa! Đao Lợi Thiên Chúa và Đại Phạm Thiên Vương chỉ có quỷ thần hộ vệ, bảo hộ, chứ Phật chẳng hộ niệm họ, thần hộ pháp chẳng che chở họ. Hết thảy chư Phật hộ niệm, hết thảy Bồ Tát tán thán, hết thảy thiện thần hộ pháp ủng hộ, trong thế gian và xuất thế gian, còn ai có phước báo to hơn quý vị? Tìm chẳng ra! Do tín nguyện trì danh có thể đạt được phước lớn như vậy, đáng tiếc là chẳng ai biết! Không chỉ là kẻ bình phàm chẳng biết, người niệm Phật cũng rất ít người biết! Nếu thật sự đã biết, nhất định là quý vị sẽ khăng khăng một mực niệm câu Phật hiệu, chắc chắn chẳng bị dao động. Vì sao? Quý vị đã hiểu chân tướng sự thật ấy, nguyên lai quý vị là người có phước báo to lớn bậc nhất trong tận hư không khắp pháp giới. Chúng ta đọc kinh này, đọc lời khai thị của Liên Trì đại sư, khiến cho chúng ta đối

với ý nghĩa chân thật trong đoạn kinh văn này, mới được coi là đã hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ. Một câu Phật hiệu vốn không chỉ là Định Huệ đẳng học (học cân bằng giữa Định và Huệ), mà còn là phước huệ song tu! Vừa bắt tay tu tập, phước huệ bèn viên mãn tột cùng, chẳng giống các pháp môn khác, hoặc những vị Bồ Tát khác: Chứng đắc phước huệ từng phần, họ chẳng thể viên mãn ngay lập tức. Chúng ta vừa thực hiện bèn viên mãn. Vì vậy, pháp môn này được gọi là *"pháp khó tin"*, kinh này được gọi là kinh *"chẳng thể nghĩ bàn"*!

(Sao) Ư như thị giác, tức bất thoái chuyển.

(鈔)於如是覺，即不退轉。

*(**Sao**: Đối với sự giác ngộ như thế, bèn chẳng thoái chuyển).*

"Như thị giác" là nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong pháp môn này, chẳng cần trải qua các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, cũng chẳng cần trải qua bốn mươi mốt tầng cấp Bồ Tát, mà trực tiếp tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, đạt tới mục tiêu này. Chuyện này giống như hai người tu hành, một người là Bồ Tát, rất lỗi lạc! Từ tầng trệt lên trên cao là năm tầng lầu, người ấy trèo cầu thang, từng bước tiến lên, bốn mươi mốt tầng cấp người ấy đều chứng đắc. Người niệm Phật tuy vẫn chẳng phải là Bồ Tát, đi thang máy lên, chẳng trải qua từng tầng cấp, trong chốc lát bèn thành Phật. Do vậy, pháp môn này là pháp môn rất chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta phải nhận biết và quý trọng nó! Phần Bất Thoái Chuyển nhằm giải thích câu cuối cùng trong kinh văn.

(Sao) Ngôn trực chí đạo tràng, chung bất tái đọa tam hữu, trung chỉ hóa thành, quyết định thành Phật dã.

(鈔)言直至道場，終不再墮三有、中止化城，決定成佛也。

*(**Sao**: Nói "đến thẳng đạo tràng" là trọn chẳng còn đọa trong ba cõi, hoặc dừng nơi hóa thành giữa đường, mà là quyết định thành Phật).*

Bồ Tát thành Phật; trong kinh, đức Phật đã nói: Phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đấy là đức Phật nói với kẻ sơ học tâm lượng nhỏ bé, vì nếu nói nhiều, sợ quý vị sẽ kinh hãi, chẳng học nữa, nên bảo quý vị là "ba A-tăng-kỳ kiếp bèn thành Phật". Đức Phật chẳng gạt người, chẳng nói dối, xác thực là thành Phật, thành Phật gì? Tạng Giáo Phật. Tông

Thiên Thai nói Tạng, Thông, Biệt, Viên, trở thành Tạng Giáo Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói thành Phật là thành Viên Giáo Phật, phải mất bao nhiêu thời gian? Vô lượng kiếp thì mới có thể thành Viên Giáo Phật. Vì sao phải mất thời gian dài như thế? Là vì tiến ít, lùi nhiều, Bồ Tát cũng bị mê khi cách ấm! Đời này, chúng ta hết sức siêng khổ tu hành, đọc tụng khá nhiều kinh điển, thọ mạng đã hết, chết đi, nhưng suốt một đời này chẳng tạo ác nghiệp, luôn dụng công tu hành; đời sau nhất định vẫn được làm thân người, vẫn tiếp tục nghe pháp, tiếp tục tu trì. Nhưng hễ sanh tử, sẽ hoàn toàn quên sạch những chuyện đời trước, đầu thai vào đời này, chẳng thể ngay lập tức tiếp tục dụng công, phải đến mười mấy, hai mươi tuổi mới giác ngộ, lầm lỡ bao nhiêu thời gian? Hết thảy đều phải học từ đầu, học đến mức gần như cũ thì thọ mạng lại đến. Đời đời kiếp kiếp luôn ở trong giai đoạn này, tiến cao hơn một chút khá khó khăn, thoái chuyển quá dễ dàng. Vì vậy, cần một thời gian rất dài thì mới có thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này. Thế giới Tây Phương chẳng vậy! Sanh về bên ấy, sẽ là vô lượng thọ, chẳng cần phải sanh tử luân hồi. Thọ mạng lâu dài, chẳng có ai tính toán được! Do vậy, người ấy chẳng bị thoái chuyển, chẳng mê!

Trong thế giới Tây Phương, thành Phật hết sức dễ dàng, trong thời gian rất ngắn bèn thành tựu. Từ Quán Kinh, chúng ta thấy: Chúng sanh tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch Thập Ác cực nặng, nếu lúc lâm chung gặp thiện tri thức khuyên người ấy niệm Phật vãng sanh, người ấy lập tức tiếp nhận, hối cải, phát nguyện vãng sanh, một niệm hay mười niệm đều có thể thành công, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh. Đức Phật nói người như vậy phải trải qua mười hai kiếp trong thế giới Tây Phương thì hoa sẽ nở, thấy Phật. Mười hai kiếp so với A-tăng-kỳ kiếp, quá ngắn ngủi! Mười hai kiếp hoa nở thấy Phật là địa vị gì? Là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Nói cách khác, như Thích Ca Mâu Ni Phật thường nói là "ba đại A-tăng-kỳ kiếp", [để đạt đến địa vị Sơ Trụ, nói thông thường] người ấy đã tu trọn đủ hai A-tăng-kỳ kiếp. Trong thế gian này, chúng ta tu hành phải mất hai A-tăng-kỳ kiếp; trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ cần mười hai kiếp. Rút ngắn thời gian biết là bao nhiêu! Đó là hạ hạ phẩm vãng sanh đấy nhé.

Chúng ta vãng sanh sẽ không rơi vào hạ hạ phẩm, vì sao? Chúng ta chẳng tạo tội nặng ngần ấy! Tuy cũng tạo tội nghiệp, chẳng nặng dường ấy. Chúng ta chẳng giết cha, chẳng giết mẹ, chẳng làm thân Phật

chảy máu, chẳng phá hòa hợp tăng. Chúng ta chẳng tạo tội Ngũ Nghịch, cho nên chúng ta vãng sanh, thấp nhất thì đại khái cũng là hạ phẩm trung sanh. Hạ phẩm trung sanh thì *"hoa nở, thấy Phật"* chỉ cần sáu kiếp, thời gian càng ngắn hơn. Ba phẩm thượng vãng sanh, [theo như] kinh Vô Lượng Thọ nói, thượng bối vãng sanh đều là người căn tánh Đại Thừa tích thiện, tu phước. Căn tánh Đại Thừa tâm lượng to lớn, mà những ý niệm phân biệt, chấp trước tương đối nhạt mỏng. Căn tánh Đại Thừa vãng sanh thì sang bên đó, thành tựu hết sức nhanh chóng. Người thượng phẩm thượng sanh vừa đến bên đó bèn hoa nở thấy Phật. Nói cách khác, thời gian chưa đầy một ngày đã vượt trỗi Bồ Tát bình phàm tu hành hai A-tăng-kỳ kiếp. Thượng phẩm trung sanh cũng chỉ là bảy ngày mà thôi, *"bảy ngày"* là bảy ngày trong thế giới này, chẳng phải là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bảy ngày liền vượt trỗi hai A-tăng-kỳ kiếp! Chúng tôi nghĩ, trong các đồng tu chúng ta, người căn tánh Đại Thừa rất nhiều! Đúng là khó có, đáng quý. Nói theo cách hiện thời, [những ai có] bụng dạ thanh tịnh, bình đẳng, cởi mở, chính là người Đại Thừa. Trung bối vãng sanh là người trì giới tu phước, căn tánh Tiểu Thừa. Người căn tánh Tiểu Thừa khá chấp trước, bụng dạ chẳng rộng mở như hàng Đại Thừa, người Đại Thừa tiêu sái lắm! Nhưng chư vị phải ghi nhớ, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, thì tiêu sái kiểu đó mới là người Đại Thừa. Nếu rất tiêu sái mà trong tâm có tham, sân, si, mạn, chẳng phải là người Đại Thừa! Hạ bối [vãng sanh] là kẻ tạo tác hết thảy tội nghiệp, tạo rất nhiều tội nghiệp, gặp thiện tri thức khuyên dạy, bèn một niệm quay đầu sám hối vãng sanh. Nhìn theo tiêu chuẩn này, nếu chúng ta thật sự niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quá nửa đều thuộc từ trung phẩm trở lên, chẳng thể thuộc vào hạ bối!

"Trực chí đạo tràng" (Đến thẳng đạo tràng): Trong hết thảy các cõi Phật, hàng Bồ Tát bình phàm tu hành tiến tiến, lùi lùi, cho nên cần thời gian rất dài. Đối với hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do thế giới Tây Phương chẳng có ba ác đạo, sẽ chẳng bị thoái đọa. Vì thế, họ tiến thẳng đến đạo tràng. Họ cũng chẳng sẽ *"trung chỉ hóa thành"* (dừng nơi hóa thành ở giữa đường), *"hóa thành"* là nói tới Thiên Chân Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác. A La Hán bình phàm chứng đến quả vị này, sẽ phải ngừng lại hai đại kiếp, chẳng thể tiếp tục tinh tấn. Họ ngưng nghỉ ở chỗ đó, [do] cảm thấy cảnh giới ấy khá quá, họ sẽ ở lại đó. Phải trải qua hai đại kiếp, họ mới sẽ quay đầu, hồi Tiểu hướng Đại. Bích Chi Phật phải ngưng lại một đại kiếp, đức Phật tỷ dụ chuyện này là

"hóa thành", họ ngưng nghỉ giữa chừng ở nơi ấy. Những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng *"đọa tam hữu". "Tam hữu"* là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu. Tam Hữu là lục đạo luân hồi, [người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới] tuyệt đối chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa, mà cũng chẳng như A La Hán và Bích Chi Phật ngừng nghỉ giữa chừng nơi Thiên Chân Niết Bàn, họ sẽ quyết định thành Phật. Đoạn khai thị này đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch hai thứ lợi ích do nghe kinh và thọ trì được nhắc đến trong phần kinh văn phía trước. Sau khi chúng ta nghe xong, nếu vẫn còn hoài nghi, vẫn chẳng thể tin tưởng, vẫn muốn làm chuyện khác; đó đúng là nghiệp chướng quá nặng, chẳng có phước báo. Người có phước báo nghe pháp môn này bèn khăng khăng một mực, thâm nhập một môn.

(Sao) Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân.

(鈔)大本法藏願云。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng).*

Trong kinh Vô Lượng Thọ, phần bốn mươi tám nguyện có nói.

(Sao) Văn ngã danh dĩ, ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hữu thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

(鈔)聞我名已，於阿耨多羅三藐三菩提，有退轉者，不取正覺。

*(**Sao**: Đã nghe tên ta mà còn có kẻ thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).*

Do vậy có thể biết: Vì sao sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn viên chứng ba Bất Thoái? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải là chính mình có năng lực ấy, mà là do Phật lực gia trì.

(Sao) Hựu vân: Diêu ư thử pháp, bất thính văn cố, hữu nhất ức Bồ Tát thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(鈔)又云：繇於此法，不聽聞故，有一億菩薩退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

*(**Sao**: Lại nói : Do chẳng được nghe pháp này, có một ức Bồ Tát*

thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Nói rõ các vị Bồ Tát trong các thế giới phương khác do không được nghe pháp môn này, chẳng có duyên phận tu học pháp môn này, hàng Bồ Tát ấy bị thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề quá nhiều.

(Sớ) Tiền vân A Bệ Bạt Trí, chánh thử bất thoái Bồ Đề nghĩa dã, nhi sanh tiền, sanh hậu, ý sảo sai biệt.

(Sao) A Bệ Bạt Trí, vân Bất Thoái giả.

(疏)前云：阿鞞跋致，正此不退菩提義也，而生前生後，意稍差別。

(鈔)阿鞞跋致，云不退者。

*(**Sớ**: A Bệ Bạt Trí được nói trong phần trước chính là ý nghĩa "bất thoái Bồ Đề" được nói ở đây, nhưng đối với chuyện trước và sau khi được vãng sanh, ý nghĩa sai biệt đôi chút.*

***Sao**: A Bệ Bạt Trí có nghĩa là Bất Thoái).*

A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, có nghĩa là Bất Thoái Chuyển.

(Sao) Chánh ngôn ư Vô Thượng Bồ Đề bất thoái chuyển nhĩ.

(鈔)正言於無上菩提不退轉耳。

*(**Sao**: Chính là nói chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề).*

Đây chẳng phải là Bất Thoái bình phàm, mà là chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chuyện này hết sức khó có! Nói đại khái, chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề là nói từ bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác được gọi là Đại Bồ Tát. Lũ phàm phu chúng ta, ngay cả một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn, nghiễm nhiên cũng chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đúng là hy hữu.

(Sao) Nhiên tiền vân.

(鈔)然前云。

*(**Sao**: Nhưng trong phần trước đã nói).*

Trong kinh văn thuộc phần trước đã nói, tức là lời đức Phật dạy trong kinh.

(Sao) Sanh bỉ quốc giả, giai đắc Bất Thoái.

(鈔)生彼國者，皆得不退。

*(**Sao**: Người sanh về cõi ấy đều đắc Bất Thoái).*

Phàm là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Trong chú sớ của tổ sư, có nhiều chỗ chúng ta thấy nói *"viên chứng tam Bất Thoái"*, [tức là] chứng đắc viên mãn ba món Bất Thoái, địa vị ấy cao lắm. Thông thường, nếu chúng ta nói tới hàng Bồ Tát đã chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, thì Sơ Địa của Biệt Giáo, hoặc Sơ Trụ của Viên Giáo đã chứng đắc. Tuy chứng đắc, chẳng viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát, đối với bốn mươi mốt phẩm vô minh, đã phá bốn mươi phẩm, hãy còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, khi ấy mới có thể nói là viên chứng ba món Bất Thoái. Đẳng Giác Bồ Tát vượt trỗi Thập Địa, đã tu mãn ba A-tăng-kỳ kiếp; người niệm Phật vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn thuộc địa vị này. Tổ sư nói viên chứng ba món Bất Thoái, trong kinh chẳng nói; viên chứng ba Bất Thoái là căn cứ vào đâu để nói? Chính là căn cứ trên câu kinh văn này, *"ư Vô Thượng Bồ Đề bất thoái"* (chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề). Chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Phàm là người vãng sanh thế giới Tây Phương, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng là vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đúng là thật sự hy hữu! Xác thực là có khá nhiều vị Bồ Tát chưa từng nghe nói tới, nghe điều chưa được nghe.

(Sao) Thử ngôn văn kinh, văn Phật, giai đắc Bất Thoái, tắc bất đãi vãng sanh bỉ quốc, nhi vị sanh dĩ tiền, tức dĩ thành tựu Bồ Đề thiện căn, bất khả phá hoại, huống phục sanh bỉ, nhi hữu thoái chuyển.

(鈔)此言聞經聞佛，皆得不退，則不待往生彼國，而未生以前，即已成就菩提善根，不可破壞，況復生彼，而有退轉。

*(**Sao**: Ở đây nói là nghe kinh, nghe [danh hiệu] Phật, đều được Bất Thoái, nên chẳng đợi đến khi vãng sanh cõi ấy, mà là trước khi vãng sanh, đã thành tựu thiện căn Bồ Đề, chẳng thể phá hoại, há còn có chuyện đã sanh về cõi kia mà bị thoái chuyển ư?)*

Trong phần trước là [nói đến tình huống] sau khi đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đều có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Nay ở đây là nói: *"Kẻ nghe kinh này, thọ trì"*, tức là kẻ chưa vãng sanh, chính là chúng ta trong hiện tại! Nay chúng ta nghe kinh này, tin tưởng tiếp nhận, hiện tại chưa vãng sanh. Tuy chưa vãng sanh, chúng ta đã đạt được lợi ích to cỡ nào? Cũng đạt được lợi ích giống y hệt [như sau khi vãng sanh], *"tắc bất đãi vãng sanh bỉ quốc"* (chẳng đợi vãng sanh về cõi kia). *"Vị sanh dĩ tiền"* (Trước lúc chưa vãng sanh) là nói tới chúng ta trong hiện thời, *"tức dĩ thành tựu Bồ Đề thiện căn, bất khả phá hoại"* (tức là đã thành tựu thiện căn Bồ Đề chẳng thể phá hoại). Thiện căn Bồ Đề được thành tựu như thế nào? Chư vị phải biết: Tín thành tựu, chúng ta đã tin tưởng, thật sự tin tưởng, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Giải thành tựu: Đối với những điều kinh đã nói, chúng ta nghe hiểu, nghe đã thông hiểu rồi, chẳng có hoài nghi. Từ nay trở đi, nhất tâm niệm Phật, Hạnh bèn thành tựu. Ba thứ Tín, Giải, Hạnh là thiện căn Bồ Đề, chúng ta tu tập [ba điều ấy] đơn giản, dễ dàng, chứ cách tu thiện căn Bồ Đề của hàng Bồ Tát rất rắc rối! Đọc bao nhiêu là kinh luận, tu học khá nhiều pháp môn, vẫn chưa chắc đã có thể kiến lập thiện căn Bồ Đề thanh tịnh, kiên cố! Chúng ta tốn chút ít công sức mà thành tựu dễ dàng, chẳng thể phá hoại. Nay đã thành tựu thiện căn Bồ Đề; trong tương lai vãng sanh thế giới Cực Lạc, lẽ nào bị thoái chuyển?

Nay mà đã chẳng thoái chuyển, huống hồ trong tương lai? Nếu chúng ta nghe kinh, thọ trì, vẫn bị các pháp môn khác lay động, gặp kẻ tham Thiền khuyên quý vị tĩnh tọa, quý vị cảm thấy hay quá, muốn học theo. Thân thể chẳng khỏe lắm, gặp kẻ học Khí Công, bèn luyện Khí Công để cho thân thể cường tráng, lại bị động tâm, học theo ngoại đạo mất rồi! Như vậy là quý vị chẳng có thiện căn Bồ Đề. Thật sự có thiện căn Bồ Đề bất thoái, tất cả hết thảy các pháp môn bày ra trước mặt, quyết định chẳng động tâm, giống như Thiện Đạo đại sư đã khai thị trong phần chú giải chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Thật sự chẳng lay chuyển, tín tâm thật sự kiên định,

thiện căn Bồ Đề bèn thành tựu.

(Sao) Phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, kiến sanh Bất Thoái, như thượng sở minh.

(鈔)復有二義：一者，見生不退，如上所明。

*(**Sao**: Lại có hai nghĩa: Một là Bất Thoái ngay trong đời hiện tại như vừa nói trên đây).*

Thời cổ, chữ Kiến (見) được sử dụng lẫn lộn với chữ Hiện (現). *"Kiến sanh Bất Thoái"* nghĩa là chúng ta đã bất thoái ngay trong đời hiện tại. *"Như thượng sở minh"* (Như trên đã nói), giống như đã nói trong phần trên, chúng ta chẳng hoài nghi, đã hiểu rõ ràng.

(Sao) Nhị giả, túng kỳ thiểu thọ đa chướng, bất khắc vãng sanh.

(鈔)二者，縱其少壽多障，不克往生。

*(**Sao**: Hai là dẫu là kẻ thọ ít, chướng nhiều, chẳng thể vãng sanh).*

Điều này cũng là sự thật, cũng là đặt ra một vấn đề hết sức nghiêm túc trước mặt chúng ta. Nếu người ấy thọ mạng rất ngắn, nghiệp chướng rất nặng, tuy nghe kinh, thọ trì, chẳng thể chuyển nổi nghiệp lực, chẳng thể vãng sanh. Người ấy sẽ chết mà chẳng thể vãng sanh, làm như thế nào đây?

(Sao) Nhi thừa thử tự chấp trì lực, Phật hộ niệm lực, tất ư lai sanh Bồ Đề thiện căn diệc bất táng thất, tất cánh đắc sanh bỉ Phật quốc độ.

(鈔)而乘此自執持力，佛護念力，必於來生菩提善根亦不喪失，畢竟得生彼佛國土。

*(**Sao**: Nương theo sức chấp trì của chính mình và sức hộ niệm của Phật, ắt thiện căn Bồ Đề trong đời sau cũng chẳng bị chôn vùi, rốt cuộc được sanh về cõi nước Phật ấy).*

Điều này nói rõ chủng tử Niệm Phật là chủng tử Kim Cang, vĩnh viễn bất hoại. Trong một đời này, quý vị nghe kinh thọ trì, dẫu vì nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể vãng sanh, đời sau còn có cơ hội, Phật vẫn sẽ gia trì quý vị. Đời sau chẳng thành thì đời sau nữa hãy còn có cơ

duyên. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chúng ta đều niệm A Di Đà Phật, chẳng thể vãng sanh, đời này lại gặp gỡ. Vì sao gặp gỡ? Trong đời quá khứ, chính mình niệm Phật có thiện căn, hiện thời lại được chư Phật gia trì, hộ niệm, chúng ta có cơ duyên nghe, nghe rất hoan hỷ, [nguyên nhân là do] thiện căn trong đời quá khứ hiện tiền. Chuyện là như vậy đó! Hy vọng thành tựu trong đời này, ngàn muôn phần đừng lại qua quýt, lại lầm lỡ, lại phải đợi đến đời sau, quý vị lại hứng chịu khổ sở suốt một đời. Người hiện thời khổ hơn người trước kia quá nhiều. Đừng nói là rất xa, tôi nghĩ các đồng tu từ sáu mươi tuổi trở lên đều có thể cảm nhận: Thuở chúng ta còn là những đứa trẻ mười mấy tuổi vui sướng ngần ấy; nay những đứa trẻ mười mấy tuổi chẳng vậy, chúng nó chẳng hưởng thụ [niềm vui ấy]. Hiện thời vật chất phát triển, con người chẳng sung sướng! Thế hệ của chúng tôi, thuở trẻ đúng là ngây thơ, hồn nhiên, thật sự là tuổi thơ hết sức sung sướng. Trẻ nhỏ hiện thời còn bé tí tẹo, đã đeo cặp sách nặng trĩu, tôi thấy khổ quá! Cuộc sống như vậy quyết định chẳng thể sống lần nữa! Chớ nên làm [như vậy] nữa, hãy nhanh chóng đến thế giới Cực Lạc thì mới có thể tránh khỏi. Con người khổ quá! Đó là thật sự giác ngộ!

Nói thật ra, thọ mạng có thể kéo dài, nghiệp chướng có thể chuyển biến, vấn đề là quý vị tin tưởng hay không? Quý vị có chịu làm hay không? Nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự chịu làm, sẽ chuyển rất mau! Chuyển từ chỗ nào? Chuyển từ nơi tâm, thân bị tâm lý chi phối, *"hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*. Niệm nếu thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, thân thể khỏe mạnh, thọ mạng tự nhiên kéo dài. Do vậy, thọ mạng chẳng phải là định mạng, mà là do chính mình thao túng, cũng là do ý niệm của chính mình điều khiển. Điều này đã được đức Phật nhắc đến trong nhiều bộ kinh điển: Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thọ mạng, tướng mạo, và tình trạng sức khỏe nơi thân thể chúng ta đều sanh từ tâm tưởng, hết sức có lý! Nếu chư vị hơi lưu ý, sẽ thấy người niệm Phật tu hành, [chỉ nói đến] người thật sự phát tâm niệm Phật tu hành, sau mấy tháng, quý vị nhìn lại họ, tướng mạo nhất định biến đổi. Nếu sau mấy tháng, sau đôi ba năm, thấy họ dáng vẻ vẫn y như cũ, bèn biết là công phu niệm Phật của người ấy chẳng tiến triển chút nào, chẳng tăng trưởng tí nào, niệm uổng công mất rồi!

Quý vị xem Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Liễu Phàm tu điều thiện thế gian, tích lũy công đức, kéo dài tuổi thọ. Thọ mạng của ông ta vốn chỉ là năm mươi ba tuổi, [thế mà] ông sống đến bảy mươi mấy tuổi

mới mất. Trong Phật pháp có phương pháp còn thù thắng hơn phương pháp của tiên sinh Liễu Phàm: Kinh này được hết thảy chư Phật hộ niệm, [người tu tập pháp môn này] đều bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp môn của tiên sinh Liễu Phàm làm sao có thể sánh bằng được! Vấn đề là quý vị có chịu thật sự tu hay không? Nếu quý vị thật sự chịu tu, vận mạng của quý vị sẽ hoàn toàn biến đổi. Vì sao? Trước khi nghe kinh, thọ trì, thân chúng ta do nghiệp lực biến hiện, do nghiệp báo mà có, là thân nghiệp báo, chẳng có cách nào, thọ mạng là nhất định. Sang, hèn, hanh thông, cùng quẫn trong cả một đời đều đã được định sẵn trong mạng. Đó gọi là *"nhất sanh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân"* (suốt đời đều do mạng, chẳng nửa điểm do người). Nhưng nay chúng ta chiếu theo pháp môn này để tu học, chỉ cần quý vị phát tâm chân thật, tâm chân thật thì ngay lập tức nghiệp lực chuyển thành nguyện lực, nguyện lực làm chủ, nghiệp lực chẳng khởi tác dụng. Vì sao? Nguyện lực vượt trỗi nghiệp lực, nguyện lực to hơn nghiệp lực. Thừa nguyện tái lai, ắt chẳng cần đợi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới quay trở lại nơi đây. Nay ta vừa chuyển biến ý niệm, nguyện lực của ta lớn hơn nghiệp lực, tức là ngồi ngay ở nơi đây, trong thời gian mấy phút bèn thừa nguyện tái lai, ngay lập tức chuyển biến. Thọ mạng trong thế gian sẽ chẳng thể đoán định được. Do nguyện lực trụ thế, ta thích ở thêm bao nhiêu năm, bèn ở thêm bấy nhiêu năm, thích ra đi lúc nào, bèn ra đi lúc ấy, sanh tử tự tại. Chuyện này cũng là thật, chẳng giả. Trong kinh, đức Phật đã nói rành mạch, rõ ràng, quý vị phải tin tưởng, tin tưởng sẽ có phước!

Đây là nói rõ: *"Thọ ít, chướng nhiều"* có thể chuyển. Chẳng chuyển được thì chủng tử Kim Cang cũng vĩnh viễn chẳng tiêu mất, đời sau hoặc là đời sau nữa, *"đời sau"* là kể từ đời thứ ba trở đi, gặp nhân duyên sẽ còn có thể tiếp tục nỗ lực, nhất định là sẽ có thành tựu. *"Tất cánh đắc sanh bỉ Phật quốc độ"* (Rốt ráo được sanh về cõi Phật ấy); chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này, giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh, chính mình tu *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, nguyện ấy sẽ chẳng khó thực hiện. Chúng ta lúc nào, chỗ nào, tay cũng cầm tràng hạt, miệng niệm A Di Đà Phật, người ở bên cạnh nghe thấy, họ sẽ đắc độ. Tuy trong đời này, họ *"thọ ít, chướng nhiều, chẳng thể vãng sanh"*, sau nhiều đời nhiều kiếp, duyên ấy chín muồi, [làm như vậy sẽ] hữu ý hay vô tình độ được rất nhiều người.

Chúng ta in hình A Di Đà Phật, in danh hiệu A Di Đà Phật trên

những tấm băng dính (sticker), dán một tờ băng dính ấy trên cửa nhà, khiến cho người qua đường trông thấy "A Di Đà Phật", toàn bộ đều đắc độ, có ý nghĩa này. Vì thế, trong quá khứ, tôi đã từng khuyên mọi người, lại còn khuyên những đồng tu làm nghề buôn bán, đối với quảng cáo lưu hành bên ngoài, tức là đối với quảng cáo đăng tải trên báo chí, tạp chí, hoặc quảng cáo đăng trên TV, đều thêm vào một câu A Di Đà Phật, chẳng cần tốn nhiều tiền, [thế mà] chẳng biết là đã độ bao nhiêu chúng sanh! Do vậy, phải có trí huệ, phải biết thực hiện như thế nào. Dưới đây là một tỷ dụ.

(Sao) Như tích nhân vị kim sanh ký hạ thử đẳng Bát Nhã chủng tử, túng vị minh liễu, tài xuất đầu lai, quản thủ ư Bát Nhã trung hiện thành thọ dụng, chánh thử vị dã.

(鈔)如昔人謂今生既下此等般若種子，縱未明了，纔出頭來管取於般若中現成受用，正此謂也。

*(**Sao**: Cổ nhân nói: "Đời nay đã gieo các chủng tử Bát Nhã như vậy, dẫu chưa hiểu rõ, [đời sau] vừa mới ló đầu ra, Bát Nhã sẽ hiện thành, tùy ý thọ dụng", chính là nói về ý này).*

Điều này giống như hạt giống. Chủng tử A Di Đà Phật đã gieo xuống, nhà Phật nói [gieo chủng tử] trong *"bát thức điền"*, tức là trong A Lại Da Thức, chúng ta nói là *"lưu lại ấn tượng"*. Nhìn thấy tượng A Di Đà Phật, thấy danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc nghe danh hiệu A Di Đà Phật, ấn tượng ấy vĩnh viễn ghim trong lòng, in vào A Lại Da Thức, quyết định chẳng bị hư hoại. Nói chung, sẽ có ngày [chủng tử ấy] dấy lên hiện hành. Vì chủng tử ấy, người đó sẽ niệm Phật, gặp gỡ pháp môn này, người ấy cũng sẽ nghe kinh, thọ trì, quyết định được vãng sanh. Trong kinh Bát Nhã cũng nói lên ý nghĩa này.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh thường giác, thị bất thoái Bồ Đề nghĩa.

(Sao) Linh linh độc chiếu.

(疏)稱理，則自性常覺，是不退菩提義。

(鈔)靈靈獨照。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh thường giác là ý nghĩa bất thoái Bồ Đề.*
__Sao__: Linh thông riêng chiếu).

Có cùng ý nghĩa với *"linh quang độc chiếu"* trong phần trước.

(Sao) Liễu liễu thường tri.
(鈔)了了常知。
*(**Sao**: Thường biết rành rành).*

"Liễu" là hiểu rõ, *"thường"* là vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Mắt thấy rành mạch, tai nghe rõ ràng; đó là tự tánh khởi tác dụng.

(Sao) Bất giảm, bất tăng.
(鈔)不減不增。
*(**Sao**: Chẳng giảm, chẳng tăng).*

Sáu căn của chúng ta linh minh giác tri, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh cũng không tăng, phàm thánh bình đẳng.

(Sao) Vô đắc, vô thất.
(鈔)無得無失。
*(**Sao**: Chẳng được, chẳng mất).*

Thành Phật, người ấy cũng chẳng đắc. Vốn có, người ấy đạt được gì? Nơi phàm, thậm chí trong ác đạo, cũng chẳng bị mất đi. Bất quá là mê, vận dụng [cái tâm] sai lầm!

(Sao) Bồ Đề tức ngã, ngã tức Bồ Đề.
(鈔)菩提即我，我即菩提。
*(**Sao**: Bồ Đề chính là ta, ta chính là Bồ Đề).*

Đấy là chân ngã của ta, chẳng phải là ý niệm chấp trước *"cái thân này là ta"* như trong quan niệm hiện thời. Chấp trước "thân này là ta" chính là kiến giải sai lầm. Trong [việc trừ diệt] Kiến Tư phiền não, điều thứ nhất là phá Thân Kiến. Thông thường, sai lầm lớn nhất của phàm phu là coi thân thể là ta. Thân thể chẳng phải là ta, rốt cuộc là gì? Y phục của ta. Có ai coi y phục là ta? Nói chung, rất hiếm có! Quần áo là cái ta sở hữu, thân này là cái ta sở hữu, giống như quần áo. Thân là cái ta sở hữu, chẳng phải là ta. Coi thứ ta sở hữu chính là ta, sẽ giống như coi

quần áo là ta. Thấy sai mất rồi; do vậy, đức Phật nói [cách nhìn ấy] là mê hoặc, điên đảo.

Thân chẳng phải là ta! Ta bất sanh, bất diệt, thân có sanh, có diệt. Giống như quần áo, quần áo cũ rồi, quý vị đổi lấy một bộ mới; y phục đã bị bẩn bèn cởi ra giặt giũ, đó là hiện tượng rất bình thường. Vì thế, thân là cái sở hữu của ta, chẳng phải là ta. *"Bồ Đề là ta"*, đấy là thật, ta là Bồ Đề, Bồ Đề là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh mới là ta, ta là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh *"linh linh độc chiếu"* bèn gọi là Bồ Đề, Bồ Đề là Bổn Giác của ta. Đối với vạn sự vạn vật, ta giác chứ không mê. Từ giác, bèn gọi nó là Bồ Đề; từ Thể, bèn gọi nó là tự tánh. Bồ Đề là tác dụng của tự tánh; tác dụng ấy vốn có, chẳng phải là từ bên ngoài.

(Sao) Thượng vô hữu tấn, vân hà hữu thoái?

(鈔)尚無有進，云何有退。

*(**Sao**: Còn chẳng có tiến, làm sao có lùi cho được?)*

Có tiến bèn có lùi, có lùi ắt có tiến. Tiến và lùi là hai bên. Trong tự tánh, chẳng có tiến, lùi, chẳng có tăng, giảm, chẳng có được, mất. Phàm là hai bên, tìm khắp trong tự tánh đều chẳng thấy! Bởi lẽ, tự tánh là viên mãn, tự tánh là viên dung, tự tánh là chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 271

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm sáu mươi lăm:

(Kinh) Thị cố Xá Lợi Phất, nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.

(Sớ) Giai đương tín thọ, thị vi đệ tam trùng khuyến.

(經)是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

(疏)皆當信受，是為第三重勸。

*(**Kinh**: Do vậy, này Xá Lợi Phất! Các ông hãy đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói.*

***Sớ**: "Đều nên tin nhận" là khuyên lần thứ ba).*

Trong hội này, đức Phật khuyên chúng ta tin tưởng lời đức Phật đã nói. Đây là lần thứ ba, trong phần sau sẽ còn có một lần nữa. Bốn lần khuyên lơn, khích lệ, thật sự tỏ rõ lòng đại từ đại bi của đức Phật, thật sự rát miệng buốt lòng [khuyên nhủ]. Chúng ta là đệ tử Phật, phải giống như Thiện Đạo đại sư đã dạy bảo trong [phần chú giải] chương Thượng Phẩm Thượng Sanh [của Quán Kinh]: Quyết định phải tin tưởng lời đức Phật dạy. Ngoài đức Phật ra, đối với những vị thiện tri thức được xã hội thế gian công nhận, hoặc là bậc A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đã tu hành chứng quả, cho đến bậc Địa Thượng Bồ Tát, thậm chí Đẳng Giác Bồ Tát vì chúng ta thuyết pháp, nếu những gì các Ngài đã nói chẳng giống [những điều được dạy trong] ba kinh Tịnh Độ, chúng ta đều có thể chẳng cần tiếp nhận, đều có thể chẳng cần tin tưởng. Nhất định phải tin lời đức Phật thì chúng ta mới thật sự đắc độ trong một đời này.

Nếu chẳng tin lời Phật dạy, cứ tin lời chỉ dạy chẳng tương ứng của các vị từ hàng Bồ Tát trở xuống, quý vị sẽ gặp ma. Cớ sao nói là *"gặp ma"*? Ma chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh trong một đời này, ma hy vọng quý vị đời đời kiếp kiếp đều phải luân hồi trong lục đạo. Đấy là ma đến gây chướng ngại, thử thách quý vị. Chúng ta ắt phải hiểu rõ chuyện này, quyết định phải tin tưởng lời đức Phật dạy. Ở đây, đức Thế Tôn nói hết sức hay, phải tin tưởng *"ngã ngữ"*, [tức là tin vào] lời dạy của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. *"Cập chư Phật sở thuyết"* (Và lời nói của chư Phật), tức là sáu phương Phật khác miệng cùng tiếng tán thán lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhằm chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật: Những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hoàn toàn là chân tướng sự thật.

(Sớ) Hữu phán thử xứ tức thuộc Lưu Thông, kim nhưng thuộc Chánh Tông, dĩ thừa thượng văn, chánh miễn tín thọ, linh vãng sanh cố. Tiền văn nhị giai khuyến nguyện, kim phục khuyến tín.

(疏)有判此處即屬流通，今仍屬正宗，以承上文，正勉信受，令往生故。前文二皆勸願，今復勸信。

*(**Sớ**: Có người phán định chỗ này thuộc về phần Lưu Thông, nay tôi phán định [phần kinh văn này] vẫn thuộc về phần Chánh Tông, do nó tiếp nối phần kinh văn trước đó, chính là để khuyên lơn [người nghe] hãy tin nhận hòng được vãng sanh. Hai lần khuyên trong những phần kinh văn trước nhằm khuyên nguyện, nay [trong phần kinh văn này] lại khuyên tin).*

Hai lần trước nhằm khuyên lơn chúng ta *"ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ"* (hãy nên phát nguyện, sanh vào cõi nước ấy). Ở chỗ này là khuyến tín, tức là lần thứ ba: *"Giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết"* (Đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói). Nói thật ra, thật sự có thể tin thì phước báo và trí huệ đúng là vô lượng vô biên, chẳng có cách nào có thể xưng nói, kinh văn đã chép rõ điều này!

Từ xưa tới nay, các đại đức bên Giáo Hạ phán định kinh điển, đối với cách chia đoạn trong bộ kinh này, mỗi vị phân đoạn khác nhau. Có vị cổ đức phán định phần này thuộc về phần Lưu Thông của kinh A Di Đà, Liên Trì đại sư vẫn y như cũ, coi đoạn kinh văn này thuộc về phần Chánh Tông, Ngài có cách phán định khác với cổ nhân. Sau thời Liên Trì đại sư, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư phán định phần sáu phương Phật thuộc vào phần Lưu Thông, cách phán định cũng khác Liên Trì đại sư. Thậm chí cách phán định của Ngài cũng chẳng giống cách phân đoạn của các vị đại đức từ xưa tới nay; nhưng Ngẫu Ích đại sư cũng giải thích rất thỏa đáng, chúng ta nghe xong cũng [cảm thấy] rất hợp tình, hợp lý. Cách phán định như thế nào, [tùy thuộc] *"người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí"*. Điều quan trọng là chúng ta phải nương theo kinh văn, còn đối với cách phân khoa, phán giáo và những chỉ dạy của tổ sư đều dùng để tham khảo, [đừng chấp trước vào những thuyết đó]. Trong Tứ Y Pháp, [đức Phật] dạy chúng ta: *"Y pháp, bất y nhân"*. Kinh là *"pháp"* do đức Phật nói, là chỗ nương cậy duy nhất cho chúng ta. Những lời giải thích của các vị từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát trở xuống đều là *"nhân"*, hễ tương ứng với những điều đã dạy trong kinh thì chúng ta chọn lấy; chẳng tương ứng, chúng ta chẳng chọn. Đó là nguyên tắc tu học do Thiện Đạo đại sư đã dạy chúng ta.

(Sao) Đệ tam khuyến giả, thượng ngôn "văn thị thuyết giả", chỉ thị trì danh đắc sanh, vị ủy thoái dữ bất thoái.

(鈔)第三勸者，上言聞是說者，止是持名得生，未委退與不退。

*(**Sao**: "Khuyên lần thứ ba": Trong phần trên có nói "nghe nói như vậy", chính là nói đến người trì danh bèn được vãng sanh, nhưng chưa rõ thoái chuyển và bất thoái [là như thế nào]).*

Khi khuyên lần thứ nhất trong phần trước, chỉ là nói rõ: Chiếu theo phương pháp này để tu học, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày trì

danh, nhất tâm bất loạn, quyết định được sanh về Tịnh Độ, chẳng nói cặn kẽ về bất thoái chuyển.

(Sao) Kim ngôn bất đản đắc sanh, tất ư Vô Thượng Bồ Đề vĩnh bất thoái chuyển.

(鈔)今言不但得生，必於無上菩提永不退轉。

*(**Sao**: Nay nói "không chỉ được vãng sanh, mà ắt còn được vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề").*

Trong phần trên đã nói: *"Người nghe kinh này, thọ trì, đều được hết thảy chư Phật hộ niệm, được bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"*. Đấy là nói rõ: Không chỉ được vãng sanh, mà còn bất thoái chuyển.

(Sao) Như thị tắc nguyện đương ích thiết.

(鈔)如是則願當益切。

*(**Sao**: Như thế thì tâm nguyện sẽ càng thêm thiết tha).*

Nếu chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này, tâm hướng về, tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nhất định càng thêm tha thiết, do biết [cõi Cực Lạc] quá tốt đẹp!

(Sao) Cố vân tam khuyến.

(鈔)故云三勸。

*(**Sao**: Do vậy, nói lời khuyên lần thứ ba).*

Đến chỗ này là khuyên chúng ta lần thứ ba: Nhất định phải tin tưởng, nhất định phải phát nguyện, nhất định phải cầu sanh [Tịnh Độ].

(Sao) Vị thuộc Lưu Thông giả.

(鈔)未屬流通者。

*(**Sao**: Chưa thuộc phần Lưu Thông).*

Liên Trì đại sư giải thích cách phán định của Ngài, [tức là] đối với phương pháp phân đoạn, vì sao Ngài chia như vậy? Ngài nói phần này không thuộc về Lưu Thông.

(Sao) Dĩ tín nguyện vãng sanh, thị nhất kinh yếu lãnh, hạ văn trùng trùng khuyến tín, khuyến nguyện, phán thuộc ChánhTông.

(鈔)以信願往生，是一經要領，下文重重勸信勸願，判屬正宗。

*(**Sao**: Vì tín nguyện vãng sanh chính là cương lãnh trọng yếu của kinh này, do phần kinh văn tiếp theo lại [nêu rõ] nhiều phen khuyến tín, khuyến nguyện, cho nên phán định phần này thuộc về Chánh Tông).*

Đây là cương lãnh trọng yếu nhất của kinh này: *"Chuyên tín, chuyên nguyện, cầu sanh Tịnh Độ"*. Thuở ấy, đức Phật giảng ba kinh Tịnh Độ theo thứ tự:

1) Thoạt ban sơ, giảng kinh Vô Lượng Thọ, [với dụng ý] giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức hoàn chỉnh. Có thể nói kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Tông. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, sự tu nhân chứng quả của A Di Đà Phật, cùng với sự kiến lập đạo tràng rộng độ chúng sanh, đều được nói rất rõ rệt.

2) Thứ hai là giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, dạy chúng ta ba chuyện, nói thật ra là để bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. Ba chuyện ấy là:

a) Thứ nhất là lý luận *"tâm này là Phật, tâm này làm Phật"*. Nêu ra đạo lý này, nhằm bổ sung những điều chưa nói trong Đại Kinh.

b) Thứ hai là phương pháp. Đã giới thiệu Tây Phương Cực Lạc, nhưng đến đó bằng cách nào? Dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật, gồm có Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, và Thật Tướng Niệm Phật, nêu ra phương pháp. Mười sáu phép Quán là mười sáu loại phương pháp.

c) Thứ ba là nói rõ chi tiết nhân quả của chín phẩm. Nói thật ra, phần *"tam bối vãng sanh"* (ba bậc vãng sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, [chỉ là] nói khái lược. Quán Kinh chia ba bậc thành chín phẩm, giảng giải nhân quả cặn kẽ. Đó là tánh chất của Quán Kinh.

3) Cuối cùng, đức Phật giảng kinh Di Đà. Giảng kinh này với dụng ý khuyến tín, khuyến nguyện, khuyên chúng ta nhất tâm niệm Phật. Vì thế, bộ kinh này từ đầu đến cuối là khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh là ba đại cương lãnh trọng yếu của kinh này.

Có thể thấy ba kinh đều thuộc cùng một loại. Ở đây, đại sư phán

định đoạn kinh văn này vẫn thuộc về phần Chánh Tông.

(Sao) Ư nghĩa vi đáng.

(鈔)於義為當。

*(**Sao**: Xét theo nghĩa lý sẽ thỏa đáng).*

Ý nghĩa này tương đối thỏa đáng.

(Sao) Nhữ đẳng giả, chánh chỉ Thân Tử, dĩ cập hiện tiền đại chúng, kiêm vị lai nhất thiết chư chúng sanh đẳng.

(鈔)汝等者 ，正指身子，以及現前大眾 ，兼未來一切諸眾生等。

*(**Sao**: "Nhữ đẳng" chính là nói tới ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) và hiện tiền đại chúng, kèm thêm hết thảy các loại chúng sanh trong đời mai sau).*

Thuở ấy, đức Phật giảng kinh, trong pháp hội, tôn giả Xá Lợi Phất là bậc đương cơ. Trong kinh này, đức Phật luôn gọi tên ngài Xá Lợi Phất để nói. Hễ kêu tên thì những lời tiếp đó đều hết sức trọng yếu, gọi tên nhằm khiến cho người đó (người được gọi) chú ý. *"Nhữ đẳng"* (Các ngươi) nói thật ra cũng bao gồm hiện tiền đại chúng. Chúng ta là những người đọc kinh văn này đều được bao gồm trong hai chữ *"nhữ đẳng"*. Do vậy có thể biết: Kinh này đối với bản thân chúng ta thân thiết như thế nào, đức Phật chẳng coi chúng ta là người ngoài! *"Nhữ đẳng"* là gộp cả chúng ta vào đó. Nói cách khác, [kinh này] nhằm nói với chính chúng ta. *"Kiêm vị lai nhất thiết chư chúng sanh đẳng"* (Kiêm hết thảy chúng sanh trong tương lai), mỗi người chúng ta đều được bao gồm trong đó.

(Sao) Lương dĩ nhất Phật thân tuyên.

(鈔)良以一佛親宣。

*(**Sao**: Ấy là vì do một đức Phật đích thân nói).*

"Nhất Phật" là Thích Ca Mâu Ni Phật, một vị Phật tự mình vì chúng ta tuyên giảng.

(Sao) Tức đương đế tín.

(鈔)即當諦信。
*(**Sao**: Hãy nên tin sâu).*

Lời Phật là chân thật ngữ. Kinh Kim Cang có nói: Như Lai là *"chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả"* (là bậc nói chân thật, nói sự thật, nói đúng với bản chất sự vật), *"như ngữ"* là hoàn toàn phù hợp chân tướng sự thật, chẳng tăng thêm tí nào, mà cũng chẳng giảm bớt tí nào, nói hoàn toàn đúng như chân tướng sự thật. *"Bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả"* (Chẳng nói dối trá, chẳng nói khác lạ). Làm sao đức Phật có thể gạt người ta cho được? Vì thế, chúng ta hãy nên tin tưởng.

(Sao) Chư Phật đồng tán, cánh phục hà nghi.
(鈔)諸佛同讚，更復何疑。
*(**Sao**: Chư Phật cùng khen ngợi, còn nghi ngờ chi nữa).*

Không chỉ là một vị Phật nói; ở đây, chúng ta thấy là sáu phương. Sáu phương chính là mười phương, mười phương hết thảy chư Phật đều vì Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, đều tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật nói hay lắm, nói chẳng sai, há còn hoài nghi ư? Quyết định là chẳng hoài nghi! Chẳng hoài nghi, lòng tin ấy mới gọi là chân tín. Sau khi đã thật sự tin tưởng, phải phát nguyện, quyết định phát nguyện cầu vãng sanh. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, đúng là thế gian đại loạn chưa từng thấy trong lịch sử trước nay, kinh gọi là *"ngũ trược ác thế"*, đúng là trược ác đến tột bậc! *"Trược"* (濁) là tâm chẳng thanh tịnh, tâm địa bị ô nhiễm. *"Ác"* (惡) là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều bất thiện. Trong Phật pháp nói: Thân tạo giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói lời thô ác, ý tham, sân, si. Chúng sanh hiện thời tạo tác mười ác nghiệp. Nay chúng ta thấy trược và ác rất rõ ràng, thấy rất rõ rệt, mỗi năm [trược ác] càng tăng trưởng nhiều hơn! Đấy chẳng phải là một hiện tượng tốt đẹp! Khi chúng tăng trưởng đến một mức độ nhất định, đại tai nạn sẽ bùng nổ. Người học Phật đầu óc phải tỉnh táo hơn kẻ bình phàm, biết mối quan hệ nhân quả, đối với ác nhân và ác quả, ít nhiều cũng có tánh cảnh giác. Chúng ta đối diện hiện thực như thế nào? Nói cách khác, chúng ta sống như thế nào? Chúng ta sống cuộc đời ra sao? Nếu chẳng có đại trí huệ và đại phước đức, rất khó may mắn tránh khỏi cộng nghiệp!

Đại trí và đại phước cầu từ nơi đâu? Cách tu như thế nào? Ai nấy đều mong cầu, mà chẳng cầu được! Thực tại là bày ra ngay trước mặt quý vị, nhưng quý vị chẳng nhận biết giá trị, chẳng nhận thức. Trong phần kinh văn ở phía trước, chẳng phải là đức Thế Tôn đã bảo chúng ta rồi đó sao? *"Văn thị kinh, thọ trì giả, giai vi nhất thiết chư Phật sở hộ niệm"* (Người nghe kinh này, thọ trì, đều được hết thảy chư Phật hộ niệm), trong cộng nghiệp mà có thể chẳng bị mắc nạn, quý vị có đại phước báo. *"Giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"* (Đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), quý vị có đại trí huệ. Vì thế, người trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh là người có đại phước báo và đại trí huệ thì mới có thể vượt qua ngũ trược ác thế. Do vậy, kinh điển này, pháp môn này, thật sự là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao [kinh này được] hết thảy chư Phật hộ niệm? Vì sao phải tán thán là có lý, chẳng phải là nói tùy tiện!

(Sao) Tín, Hạnh, Nguyện tam, bất khả nhất khuyết.
(鈔)信行願三，不可一缺。
*(**Sao**: Ba điều Tín, Hạnh, Nguyện, chẳng thể thiếu một điều nào).*

Thiếu một điều cũng đều chẳng thể; phải thật sự tin, phải thật sự phát nguyện, phải thật sự niệm Phật. Đã hiểu rõ đạo lý, đã hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tín (lòng tin chân thật) sẽ chẳng có vấn đề. Đối với nguyện, ắt cần phải nhận thức rõ ràng hoàn cảnh trước mắt, thật sự hiểu rõ sự khó khăn trong việc tu hành các pháp môn khác và sự thù thắng trong thế giới Tây Phương, để có thể chắc chắn vãng sanh trong đời này. [Nếu những điều ấy] đều hiểu rõ ràng, nguyện của quý vị sẽ tự nhiên sanh khởi. Sau khi đã có nguyện, nhất định phải chiếu theo phương pháp để tu học. Phương pháp để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là niệm Phật. Điều quan trọng nhất trong niệm Phật là trong tâm có Phật, chẳng phải là có Phật ngoài cửa miệng. Ngoài cửa miệng có Phật, trong tâm chẳng có Phật, sẽ là như xưa kia hai vị đại sĩ Hàn Sơn và Thập Đắc đã cười nhạo kẻ niệm Phật *"gào toạc cổ họng cũng uổng công"*. Vì sao? Miệng có, tâm không. Chữ *"niệm"* (念) là *"kim tâm"* (今心), cái tâm hiện tại, trong tâm thật sự có! Đó gọi là niệm Phật, hết sức quan trọng. Trong tâm thật sự có, không chỉ là ban ngày quý vị *"niệm tại đâu, nghĩ tại đó"*, mà đêm ngủ cũng nằm mộng thấy cảnh giới của Phật. Tục ngữ thường nói: *"Ngày suy nghĩ gì, đêm nằm mộng thấy"*. Những điều này

đều có thể chứng minh công phu niệm Phật của chúng ta. Trong mộng có thể làm chủ thì trong tương lai, khi mắc bệnh, có thể làm chủ trong khi đau bệnh, điều này rất quan trọng. Nhất định là phải giữ A Di Đà Phật, giữ y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tâm. Tôi thường khuyên các đồng tu phải đọc kinh, phải nghe giảng. Trong tâm chúng ta không chỉ lưu giữ hình tướng A Di Đà Phật. Lưu giữ hình tướng của A Di Đà Phật trong tâm thì vẫn chưa được, đó là chấp tướng, chẳng khác gì trì danh. Phải ghim "tâm, nguyện, giải, hạnh" của A Di Đà Phật trong lòng. Đó là thật sự niệm Phật.

A Di Đà Phật giữ tấm lòng gì? Cũng có nghĩa [học nhân Tịnh Độ phải biết] A Di Đà Phật dùng tâm như thế nào để xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta phải học theo Ngài. Kinh nói rất minh bạch: A Di Đà Phật dùng chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Ngài dùng cái tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm đại từ bi; có phải là chúng ta dùng những tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật hay không? Chúng ta thật sự có thể dùng những tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật, thưa cùng chư vị, quý vị thật sự niệm Phật, tâm quý vị giống như tâm Phật. A Di Đà Phật có nguyện vọng gì? Bốn mươi tám nguyện trong kinh, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện ấy cũng đều nhằm phổ độ chúng sanh. Chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện rất nhuần nhuyễn, biến bốn mươi tám nguyện thành đại nguyện của chính mình, nguyện của ta và nguyện của A Di Đà Phật cũng như nhau. Đó là thật sự niệm Phật. A Di Đà Phật tu hành như thế nào? A Di Đà chứng quả như thế nào? Tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới như thế nào? Thời thời khắc khắc, chúng ta ghim những chuyện ấy trong tâm, tịnh niệm tiếp nối; đó là thật sự niệm Phật. Chiếu theo khuôn mẫu của A Di Đà Phật để đắp nặn chính mình, khiến cho chính mình giống A Di Đà Phật như đúc. Chư vị ngẫm xem, há có thể nào chẳng vãng sanh ư? Chắc chắn là vãng sanh! Miệng thường niệm câu Phật hiệu, sẽ có hai tác dụng:

1) Tác dụng thứ nhất là khiến cho chánh niệm của chính mình được dấy lên, tức là nhắc nhở chính mình chớ nên quên bẵng tâm, nguyện, giải, hạnh, và vô lượng công đức của A Di Đà Phật.

2) Ý nghĩa thứ hai là tiếp dẫn chúng sanh. Chúng ta niệm cho người khác nghe, một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo.

Vì thế, niệm Phật ra tiếng là tự lợi, lợi tha. Lúc chẳng có ai, cũng nên niệm Phật ra tiếng. Có các loại chúng sanh mắt ta không trông thấy,

còn có quỷ thần ở bên cạnh [chúng ta], họ cũng nghe thấy. Chúng ta niệm Phật hiệu, họ cũng được lợi ích. Câu Phật hiệu có công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn! Dùng phương pháp này để tự lợi, lợi tha. Vì thế, đối với ba điều Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng thể thiếu một điều nào. Thiếu một điều sẽ chẳng thể vãng sanh.

(Sao) Cố tiền văn khuyến nguyện, kim phục khuyến tín. Phục khuyến giả, tiền lục phương trung dĩ khuyến đương tín thị kinh.

(鈔)故前文勸願，今復勸信。復勸者，前六方中已勸當信是經。

*(**Sao**: Vì thế, trong phần trước đã khuyên nguyện, nay lại khuyên tín. [Nói] "lại khuyên" vì trong phần sáu phương trước đó, đã khuyên "hãy nên tin tưởng kinh này").*

Đấy là chư Phật khuyên.

(Sao) Kim phục minh ngôn đương tín ngã ngữ.

(鈔)今復明言當信我語。

*(**Sao**: Nay [đức Phật] lại nói rõ "hãy nên tin lời ta").*

Đức Phật thật sự chẳng phụ chúng sanh. Chúng sanh phạm lỗi đối với Phật, cô phụ lời Phật giáo huấn. Ở đây, đức Phật lại bảo rõ ràng, khuyên chúng ta hãy tin tưởng lời Ngài, hãy tin vào những điều Ngài đã nói.

(Sao) Lương dĩ bất nguyện, diêu ư bất tín.

(鈔)良以不願，繇於不信。

*(**Sao**: Vì chẳng nguyện là do chẳng tin).*

Cái nguyện vãng sanh của chúng ta chẳng thiết tha, chẳng chân thật, nguyên nhân là ở chỗ nào? Chúng ta chẳng có lòng tin thật sự. Vì sao chẳng có lòng tin thật sự? Chẳng thật sự hiểu rõ, chẳng thật sự hiểu minh bạch chuyện này. Thật sự hiểu rõ, thật sự hiểu minh bạch, lẽ đâu chẳng tin tưởng?

(Sao) Bất tín, tắc khởi hạnh vô diêu. Cố Phật ư thử kinh, trùng trùng khuyến tín.

(鈔)不信，則起行無繇。故佛於此經，重重勸信。

*(**Sao**: Chẳng tin thì sẽ không do đâu mà khởi hạnh được. Vì thế, trong kinh này đức Phật đã nhiều lượt khuyên tin).*

"Khởi hạnh" là niệm Phật. Tuy miệng niệm Phật, nhưng sự niệm Phật ấy giống như bèo trôi chẳng có rễ.

(Sao) Như Đại Bổn ngôn: "Bất tín Phật ngữ giả, nãi ác đạo trung lai, dư ương vị tận, ngu si bất tín, vị đương giải thoát".

(鈔)如大本言：不信佛語者，乃惡道中來，餘殃未盡，愚痴不信，未當解脫。

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn nói: "Kẻ chẳng tin lời Phật chính là từ ác đạo sanh tới, những ương họa còn sót lại chưa hết sạch, [vì thế] ngu si, chẳng tin, chưa được giải thoát").*

Kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn kinh văn như thế. Đức Phật dạy rõ: Nghe kinh này, kẻ đó vẫn chẳng tin tưởng, chính là vì nghiệp chướng rất nặng, đời trước là do từ ác đạo sanh tới. Đời trước ở trong ác đạo chính là sự thật. Hiện thời, bên ngoại quốc, người ta dùng phương pháp khoa học để chứng minh. Hiện nay, người ngoại quốc tin có lục đạo luân hồi, vì từ các chứng minh khoa học, họ đã phát hiện: Rất nhiều người đời trước ở trong súc sanh đạo. Tỷ lệ người từ nhân đạo sanh trở lại nhân gian hoàn toàn chẳng nhiều, còn tỷ lệ sanh từ súc sanh đạo [vào loài người] rất nhiều. Còn như đối với ngạ quỷ, địa ngục, khoa học vẫn chẳng có cách nào phát hiện. *"Dư ương vị tận"* (Ương họa còn sót lại, chưa hết sạch).

Vì thế, kẻ ấy *"ngu si"*, gặp gỡ pháp môn này mà chẳng thể tin tưởng, chẳng thể giải thoát, duyên thành Phật trong đời này của kẻ ấy chưa chín muồi! *"Vị đương giải thoát"* (Chưa được giải thoát): Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành Phật, là giải thoát.

(Sao) Hựu Pháp Tạng nguyện vân: "Chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã sát, thập niệm tất sanh, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp".

(鈔)又法藏願云：至心信樂，欲生我剎，十念必生，惟除五逆誹謗正法。

*(**Sao**: Lại nữa, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, mười niệm ắt được sanh, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp").*

Điều này được nói trong phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ. *"Chí tâm"* (至心) là chân tâm, *"tín nhạo"* (信樂) là tin tưởng, ưa thích; đấy là Tín thành tựu. *"Dục sanh ngã sát"* (Muốn sanh về cõi ta), là Nguyện thành tựu. *"Thập niệm"* là Hạnh thành tựu. Đó là nguyện thứ mười tám *"mười niệm ắt được vãng sanh"*. *"Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"* (Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp): Kinh Vô Lượng Thọ nói *"Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"*, còn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật bảo: *"Ngũ Nghịch mà chẳng hủy báng chánh pháp"* vẫn có thể vãng sanh. Do vậy có thể biết: Ở đây là Ngũ Nghịch, lại còn hủy báng chánh pháp, loại người ấy chẳng thể vãng sanh. Nếu phạm tội Ngũ Nghịch mà chẳng hủy báng chánh pháp, gặp gỡ pháp môn này, khi lâm chung, người ấy có thể tin, có thể nguyện, do mười niệm cũng có thể được vãng sanh. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh nói tới kẻ tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung gặp thiện tri thức, dạy người ấy niệm Phật vãng sanh, người ấy vừa nghe liền tiếp nhận. Vì thế, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là hạ hạ phẩm vãng sanh, thuộc hạng người này. Tôi đã từng nói với các đồng tu: Nếu chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyệt đối chẳng phải là hạ hạ phẩm; [bởi lẽ], chúng ta chẳng tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy.

(Sao) Báng chánh pháp giả, bất tín chi vị dã.

(鈔)謗正法者，不信之謂也。

*(**Sao**: "Báng chánh pháp" là nói tới kẻ chẳng tin).*

Đối với chuyện báng pháp, nếu người ấy tin tưởng, sẽ chẳng báng pháp. Báng pháp là vì chẳng tin. Ở đây, tôi hy vọng các đồng tu sẽ chú ý: Quyết định chớ nên sơ sót, ơ hờ đọc lướt qua câu này! Ý nghĩa hết sức sâu rộng đấy nhé! Nay chúng ta tu Tịnh Độ, thấy người ta tham Thiền, trì chú, chúng ta phê bình, hủy báng họ, có được hay không? Chẳng được! Đều thuộc về báng pháp! Vô lượng pháp môn đều do đức Phật nói. Nếu quý vị coi rẻ, hủy báng, tức là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng,

đều tạo thành chướng ngại cho sự vãng sanh của chính mình. Chúng ta phải biết dùng thái độ gì đối với những người thuộc các pháp môn bất đồng? Phải học theo Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần; trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có hai vị nêu gương niệm Phật. Vị trước nhất là vị thiện tri thức đầu tiên, tức tỳ-kheo Đức Vân, vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát; bốn mươi chín vị [thiện tri thức] giữa hai vị này đại diện cho vô lượng vô biên pháp môn. Thái độ của Thiện Tài đồng tử đối với những vị đại đức thuộc các pháp môn khác là cung kính, tán thán. Đó là đúng. Tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, quyết định chẳng hủy báng. Tuy lễ kính, tán thán, Thiện Tài đồng tử chẳng học theo họ, *"luyến đức lễ từ"*, *"luyến"* (戀) là hâm mộ sự tu học của quý vị, tôi hết sức cung kính quý vị. *"Từ"* (辭) là gì? Tôi chẳng học theo quý vị. Các vị học pháp ấy hết sức tốt đẹp, tôi vẫn thật thà niệm Phật, chẳng học pháp môn của quý vị, mà vẫn y như cũ, thâm nhập một môn.

Từ năm mươi ba lần tham học, chúng ta thấy mỗi vị thiện tri thức đều là thâm nhập một môn. Tuy pháp môn khác nhau, thành tựu đều như nhau, tán thán lẫn nhau, chẳng hủy báng nhau. Chư vị đồng tu ngàn muôn phần phải ghi nhớ điều này! Nghe người khác hủy báng chúng ta, chúng ta chắp tay *"A Di Đà Phật"*, chẳng cần biện bác. Thái độ ấy là đúng. Quý vị biện bác chẳng giải quyết được gì; càng biện bác, họ càng hủy báng nhiều hơn. Họ hủy báng một câu, [quý vị niệm] A Di Đà Phật một câu. Báng bổ hai câu, [bèn niệm] hai câu A Di Đà Phật. Họ nói mười câu, tám câu, nói mệt rồi sẽ chẳng nói nữa! Họ hủy báng, chúng ta lễ tán. Chúng ta chắp tay là Lễ, xưng niệm A Di Đà Phật là Tán. Đó là đúng. Vì thế, câu này có ý nghĩa hết sức sâu, chúng ta chớ nên phạm phải lỗi lầm [biện bác] ấy!

(Sao) Hựu Văn Thù Bát Nhã kinh, như tiền sở dẫn, mạt diệc vân: "Duy trừ bất tín". Hựu Hoa Nghiêm vị: "Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu".

(鈔)又文殊般若經，如前所引，末亦云：惟除不信。又華嚴謂信為道元功德母。

*(**Sao**: Kinh Văn Thù Bát Nhã, như đã dẫn trong phần trước, cuối cùng cũng nói: "Chỉ trừ chẳng tin". Kinh Hoa Nghiêm lại nói: "Tín là nguồn đạo, mẹ công đức").*

Những điều này đều nhằm nói rõ: Tín hết sức quan trọng. Kinh

Hoa Nghiêm nói: Tín là cội nguồn của đạo, *"nguyên"* (元) là nguồn gốc, căn bản. Tín là căn bản để nhập đạo. *"Mẹ công đức", "mẹ"* là tỷ dụ *"có thể sanh"*. Mẹ có thể sanh ra con cái. Tín giống như mẹ, có thể sanh ra hết thảy công đức.

(Sao) Nhi phục lũy ngôn bất trí, khởi đồ nhiên tai?

(鈔)而復累言不置，豈徒然哉。

*(**Sao**: Mà còn nói nhiều lần chẳng thôi, há có phải là chuyện phí công ư?)*

"Lũy ngôn" là nhắc đi nhắc lại, khuyên đi khuyên lại. *"Khởi đồ nhiên tai?"* (Há có phải là chuyện phí công ư?): Chẳng phải là không có đạo lý, mà là có nỗi khổ tâm rất sâu trong ấy. Do đó, Phật, Bồ Tát chẳng ngại phiền, hết lần này tới lần khác khuyên chúng ta phải tin tưởng. Thánh hiền thế gian và xuất thế gian, nhất là bậc đại thánh xuất thế thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đã vì chúng ta tuyên nói, chúng ta phải nên tin tưởng chuyện này. Vì sao các Ngài thông đạt, hiểu rõ? Tâm các Ngài thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chiếu kiến, tâm giống như một tấm gương, chiếu rành mạch, rõ ràng cảnh giới bên ngoài. Tâm chúng ta trược ác, đó là ô nhiễm, tác dụng Chiếu hoàn toàn bị mất sạch, chẳng có tác dụng giác chiếu. Tâm ô nhiễm khởi tác dụng là tà tri tà kiến, suy tưởng loạn xạ. Suy tưởng loạn xạ, thân và miệng bèn tạo tác xằng bậy, tội nghiệp nặng nề, quả báo khổ sở. Vì sao chúng ta phải tin tưởng giáo huấn và ngôn luận của các bậc thánh hiền? Đạo lý là do chỗ này. Người hiện thời chẳng tin tưởng cổ thánh tiên hiền, mà cũng chẳng tin tưởng người khác, luôn tin vào tà tri tà kiến của chính mình, làm sao được nữa! Mảy may khiêm hư cũng chẳng có! Trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch, phần nói về quẻ Khiêm[70] có câu: *"Khiêm thọ ích"* [nghĩa là] người khiêm hư có thể nhận được vô lượng, vô biên lợi ích. *"Mãn chiêu tổn"*: Lòng người hiện thời tự mãn, chẳng khiêm hư, thiện ngôn, [vì thế, đối với] thiện hạnh chẳng tiến nhập được. Đó là nguyên nhân căn bản khiến cho thiên hạ đại loạn, [do tự mãn, thiếu

[70] Quẻ này có tên gọi đầy đủ là Địa Sơn Khiêm, gồm quẻ Khôn (ba vạch đều đứt) ở trên và quẻ Cấn (vạch trên cùng liền, hai vạch dưới đó đều đứt) ở dưới, ý nghĩa nguyên thỉ là dưới đất có núi. Do núi cao ngất, mà lại ở dưới mặt đất, nên biểu thị ý nghĩa khiêm tốn.

khiêm hư, cho nên] nhất quyết chẳng thể tiếp nhận thiện ngôn, chẳng thể tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền.

(Sao) Thanh Lương đại sư vân: "Cao Tề Đại Hạnh hòa thượng tông sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiếu, vị: "Tín ức nhị tự, bất ly ư tâm. Xưng kính nhị tự, bất ly ư khẩu". Vãng sanh Tịnh Độ, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sanh, vạn tín tức vạn sanh.

(鈔)清涼大師云：高齊大行和尚，宗崇念佛，以四字教詔，謂信憶二字，不離於心；稱敬二字，不離於口。往生淨土，要須有信，千信即千生，萬信即萬生。

*(**Sao**: Thanh Lương đại sư nói: "Đời Cao Tề, hòa thượng Đại Hạnh ngưỡng mộ, sùng bái niệm Phật, dùng bốn chữ để dạy răn. Ngài nói: 'Hai chữ Tin, Nhớ chẳng lìa khỏi tâm, hai chữ Xưng, Kính chẳng lìa nơi miệng'. Vãng sanh Tịnh Độ cần phải có tín. Ngàn người tin, ngàn người vãng sanh; vạn người tin, vạn người vãng sanh).*

Thanh Lương đại sư là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao do Ngài trước tác. Thời đại Nam Bắc Triều, hoàng đế nước Tề họ Cao, nên [Sử gọi triều đại] này là Cao Tề[71]. Hòa thượng

[71] Cao Tề còn gọi là Bắc Tề (nhằm phân biệt với triều đại Nam Tề (còn gọi là Tiêu Tề) thuộc Nam Triều do Tiêu Đạo Thành sáng lập ở phương Nam). Nhà Cao Tề tồn tại rất ngắn, trước sau chỉ kéo dài hai mươi bảy năm (550-577). Khi nhà Bắc Ngụy (còn gọi là Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê sáng lập) bị suy yếu vì nội loạn, Ngụy Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) bị quyền thần Cao Hoan chèn ép, đã lầm lẫn bỏ trốn sang Quan Trung nương cậy quân phiệt Vũ Văn Thái, để rồi hoàn toàn bị Vũ Văn Thái giật dây. Cao Hoan bèn lập Nguyên Thiện Kiến lên ngôi tức là Ngụy Hiếu Tĩnh Đế. Từ đó, lãnh thổ Bắc Ngụy bị tách làm hai, Sử gọi phần đất do Vũ Văn Thái nắm quyền kiểm soát là Tây Ngụy, còn lãnh thổ do Cao Hoan khống chế gọi là Đông Ngụy. Sau khi Cao Hoan mất, con trai là Cao Trừng (521-549) lên thay, toan cướp ngôi của Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, nhưng bị ám sát chết. Em Cao Hoan là Cao Dương lên thay, đã ép vua phong cho mình làm Tề Quận Vương. Hai tháng sau, Cao Dương lại ép vua xuống chiếu gia phong là Tề Vương. Năm 550, Cao Dương bức Ngụy Hiếu Tĩnh Đế thoái vị, Cao Dương lên ngôi, trở thành Văn Tuyên Đế, đổi quốc hiệu thành Tề. Tuy chiếm được vùng đất trù phú, kinh tế phát triển nhất ở Đông Bắc Trung Hoa, nhưng do các vua nhà Bắc Tề hung bạo, ham hưởng lạc, nên vương triều này chẳng tồn tại lâu dài. Tề Hậu Chủ (Cao Vĩ) u mê, nghe lời sàm tấu, giết hại công thần. Triều chánh hoàn toàn do bọn đại thần Hòa Sĩ Khai, Triệu Ngạn Thâm v.v… và tay chân của Hồ Thái Hậu là Hồ Trường Xán chi phối. Khi Bắc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) tấn công Bắc Tề, Tề Hậu Chủ vẫn chẳng thèm quan tâm. Cho đến khi quân Bắc

Đại Hạnh chuyên tu pháp môn Niệm Phật. Ngài niệm Phật có *"tứ tự quyết"*, tức là dùng bốn chữ ấy để dạy người niệm Phật. Bốn chữ ấy là *"tín, ức, xưng, kính"*. Tín Ức: Đặt chữ Tín lên đầu, Ức (憶) là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói *"ức Phật, niệm Phật"*, Ức (nhớ) là trong tâm thật sự có. Thường tưởng Phật, tưởng Phật phát tâm: Thoạt đầu, Phật phát tâm như thế nào? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã giới thiệu đức Phật tu hành, phát nguyện, giúp đỡ hết thảy chúng sanh *"tốc tật"* viên thành Phật đạo ra sao. *"Tốc tật"* (速疾) là nhanh chóng, chẳng cần tới ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian quá dài! *"Viên"* (圓) là viên mãn, chẳng cần [lần lượt chứng đắc] năm mươi mốt giai cấp, [lần lượt chứng đắc như vậy] chậm chạp quá, vất vả quá! [Nhanh chóng viên thành Phật đạo] toàn là do vô lượng công đức của A Di Đà Phật [gia trì]. Chúng ta thường nghĩ tới những điều ấy, đừng nên suy nghĩ loạn xạ. Suy nghĩ loạn xạ, chẳng nghĩ tới Phật, thưa cùng chư vị, những gì quý vị suy tưởng đều là tạo nghiệp luân hồi. Hằng ngày tạo nghiệp luân hồi chẳng ngừng, quý vị còn có thể thoát khỏi luân hồi hay chăng? Chắc chắn là chẳng thoát khỏi! Nay chúng ta chuyển ý niệm, chuyên tưởng A Di Đà Phật, tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, tưởng vô lượng công đức của họ (những người sống trong cõi Cực Lạc), đó gọi là *"tu Tịnh nghiệp"*. Tâm thanh tịnh giống như *"tâm, nguyện, giải, hạnh"* của Phật. Thường nghĩ tưởng, tự nhiên sẽ tương ứng, tự nhiên giống nhau. *"Tín Ức nhị tự, bất ly ư tâm"* (Hai chữ Tin và Nhớ, chẳng lìa nơi tâm): Trong tâm thật sự tin, thường nhớ Phật. *"Xưng Kính nhị tự, bất ly ư khẩu"* (Hai chữ Xưng Kính, chẳng lìa nơi miệng). *"Xưng"* (稱) là xưng danh, tức là miệng niệm Phật, miệng chẳng lìa A Di Đà Phật. *"Kính"* (敬) giải thích như thế nào? Có phải là suốt ngày từ sáng đến tối lạy A Di Đà Phật hay không? Chẳng phải vậy! A Di Đà Phật cũng chẳng cần quý vị lạy lục. *"Kính"* là trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, bèn nghiêm túc nhận trách nhiệm. Đó là Kính. Kính người, kính sự, kính nghiệp, [nghĩa là] chúng ta theo đuổi bất cứ nghề nghiệp nào, bèn thực hiện tốt đẹp [phận sự chức trách của chính mình]. Đó là *"kính nghiệp"*. *"Kính vật"* là yêu thương hết thảy muôn vật. Phật kính hết thảy chúng sanh, chúng ta làm như vậy bèn gọi là *"kính Phật"*. Chẳng phải là trông thấy tượng Phật bèn rất cung kính, trông thấy cha mẹ bèn chẳng quan

---

Châu vây hãm kinh đô nhà Cao Tề, Tề Hậu Chủ hốt hoảng trốn chạy để rồi bị bắt dễ dàng. Vua Bắc Châu đã hạ nhục Tề Hậu Chủ bằng cách sai ông ta múa hát làm trò cho quân lính xem, sau đó lôi ra chém.

tâm, vênh mặt lên, đó chẳng phải là người học Phật. Phải dùng tấm lòng kính Phật để đối đãi hết thảy mọi người, đối đãi hết thảy mọi sự, hết thảy mọi vật. Đó là đúng. Đó là *"lễ kính chư Phật"* trong hạnh nguyện Phổ Hiền; chúng ta tu hành là tu từ chỗ này. Khi chưa học Phật, chúng ta chẳng biết Kính là gì. Sau khi đã học Phật, chúng ta mới bừng tỉnh giác ngộ: Chúng ta vốn chẳng có kính ý đối với người, đối với sự, đối với vật, đại bất kính! Từ nay trở đi, chúng ta học theo Phật: *"Hai chữ Xưng Kính chẳng lìa nơi miệng"*, *"miệng"* ở đây bao gồm thân.

"Vãng sanh Tịnh Độ, yếu tu hữu Tín" (Vãng sanh Tịnh Độ cần phải có Tín): Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tín là điều kiện bậc nhất. Chẳng có Tín, chắc chắn sẽ chẳng thể vãng sanh! Chân tín, Tín đương nhiên là có Nguyện, đương nhiên là có Hạnh. Do vậy, một ngàn người tin, *"tin"* ở đây là trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, một ngàn người ấy đều có thể vãng sanh, chẳng sót một ai. Một vạn người có thể tin, một vạn người ấy đều vãng sanh. Cổ nhân thường nói: *"Vạn người tu, vạn người đến"*, một người cũng chẳng sót! Nay như chúng ta thấy, một vạn người niệm Phật, thật sự có thể vãng sanh cũng chẳng quá đôi ba người, chẳng như cổ nhân nói *"vạn người tu, vạn người đến"*; có phải là cổ nhân nói sai hay không? Cổ nhân nói chẳng sai! Người hiện thời niệm Phật nói đến Tín thì Tín ở ngoài miệng, trong tâm chẳng tin tưởng! Đó là giả tín, chẳng phải là chân tín. Do đó, chẳng thể vãng sanh. Người thật sự tin há còn lưu luyến thế giới này ư? Còn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng ư? Hễ còn mảy may lưu luyến thế giới này, hễ có mảy may vướng mắc, đều là bất tín.

Người thật sự tin tưởng, đúng là thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống. Sự buông xuống ấy chẳng phải là buông xuống nơi Sự, nơi Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự vô ngại. Trong tâm buông xuống, tâm địa thanh tịnh, trong tâm chỉ có Phật, chỉ có Tịnh Độ. Ngoài Tịnh Độ ra, trong thế giới Sa Bà này, đích xác là chẳng có chút vướng mắc nào. Chẳng có vướng mắc, mà cũng chẳng có ưu lự, đấy là chân tín. Như vậy thì *"ngàn người tin, ngàn người sanh; vạn người tin, vạn người sanh"*, có ý nghĩa như vậy đó.

(Sao) Tín Phật danh tự, chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ.

(鈔)信佛名字，諸佛即救，諸佛即護。

*(**Sao**: Tin vào danh hiệu Phật, chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ trì).*

Đại sư nói những lời này đều nhằm nói rõ ý nghĩa tinh yếu, những lời dạy tinh thuần nhất trong kinh. Chỉ cần quý vị tin tưởng một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm, sẽ được hết thảy chư Phật cứu vớt, che chở. Bất luận kiếp nạn như thế nào, quý vị đều có thể tránh khỏi, đều có thể chẳng hứng chịu những tai nạn ấy. Phước báo ấy to cỡ nào? Hiện thời, bao nhiêu người đang cầu điều này, chẳng biết dùng phương pháp gì để cầu. Họ mê hoặc, điên đảo! Phương pháp thù thắng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất bày ra ngay trước mặt, họ chẳng tin tưởng, chẳng có cách nào hết! [Áp dụng phương pháp ấy], Phật sẽ cứu quý vị. Chẳng phải là một vị Phật, mà là tất cả hết thảy chư Phật đều cứu quý vị, tất cả hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị.

(Sao) Tâm thường ức Phật, khẩu thường xưng Phật, thân thường kính Phật, thỉ danh thâm tín.

(鈔)心常憶佛，口常稱佛，身常敬佛，始名深信。

*(**Sao**: Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật thì mới gọi là "tin sâu").*

Đây là nêu ra tiêu chuẩn của Tín, nêu ra tướng trạng của Tín. Như thế nào thì mới gọi là *"thâm tín"*? Trong tâm thật sự có Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật, tức là chúng ta từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật, hết thảy cung kính thì mới gọi là *"thâm tín"*.

(Sao) Nhậm ý tảo vãn, chung vô tái trụ Diêm Phù chi pháp.

(鈔)任意早晚，終無再住閻浮之法。

*(**Sao**: Tùy ý [vãng sanh] sớm hay trễ, trọn chẳng còn vướng mắc trong các pháp của cõi Diêm Phù Đề).*

"Nhậm ý" [ở đây] có nghĩa là tự tại, sanh tử tự tại, vãng sanh tự tại. *"Tảo vãn"* là gì? Ta mong sớm có ngày đến thế giới Cực Lạc, hoặc ta mong đến đó trễ một chút, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể tùy thuộc ý muốn của chính mình: Muốn đi bèn đi, muốn ở thêm vài năm cũng chẳng trở ngại, quyết định chẳng còn có lẽ nào bị luân hồi! *"Tái trụ Diêm Phù chi pháp"* (Còn vướng mắc trong các pháp của cõi Diêm Phù Đề) nghĩa là phải luân hồi trong lục đạo. [Người chân tín, chân nguyện, chân hạnh] chẳng luân hồi trong lục đạo, chẳng còn bị luân hồi trong lục đạo nữa, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, sanh tử tự tại. Còn

như vãng sanh sớm hay muộn, tuyệt đối chẳng phải là do tham luyến thế giới này. [Nếu nghĩ] *"ta vẫn chẳng mong vãng sanh, phải qua mấy năm nữa rồi mới đi"*, kẻ ấy chẳng thể vãng sanh được! Nguyên nhân gì khiến cho người ấy (người vãng sanh tự tại) lưu lại? Hãy còn có những kẻ hữu duyên cần chúng ta khuyên dạy, độ họ, chỉ có lý do này. Hóa duyên (duyên giáo hóa) đã hết, bèn ra đi. Lại quan sát, [nhận thấy] chẳng còn có kẻ hữu duyên nào nữa, ta ở nơi đây vô ích, căn tánh của những kẻ đó chẳng chín muồi, ta có khuyên, họ cũng chẳng thể nghe, chẳng thể tiếp nhận, ta hãy nên đến thế giới Cực Lạc. Nếu còn có người mà ta khuyên họ, họ chịu tin tưởng, và cũng chịu nghiêm túc phát nguyện niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, [vậy thì] ta chưa nên đi, phải giúp đỡ họ. Đạo lý là như thế đó. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian hoàn toàn là do cái duyên hóa độ chúng sanh. Duyên tụ, Phật, Bồ Tát bèn đến. Duyên hết, các Ngài ra đi. Trong ấy, tuyệt đối chẳng có chuyện cảm tình. Hễ có cảm tình thì sẽ phải luân hồi trong lục đạo.

(Sao) Thử sách phát tín tâm, tối vi thiết yếu dã.

(鈔)此策發信心，最為切要也。

*(**Sao**: Lời dạy này (lời dạy của hòa thượng Đại Hạnh) nhằm sách tấn [hành nhân Tịnh Tông nhận biết] phát khởi tín tâm là điều thiết yếu nhất).*

Đây là Thanh Lương đại sư tán thán phương pháp niệm Phật do hòa thượng Đại Hạnh đã dạy. *"Sách"* (策) là cảnh sách (警策: cảnh tỉnh, răn nhắc và cổ vũ), khuyên người ta hãy phát tâm. Bốn chữ ấy đơn giản, ngắn gọn, trọng yếu, *"tín, ức, xưng, kính"*.

(Diễn) Lũy ngôn bất trí giả, như: "Tín vô cấu trược, tâm thanh tịnh, Tín năng tất thí tâm vô lận. Tín năng hoan hỷ nhập Phật pháp. Tín năng tăng trưởng trí công đức. Tín năng tất đáo Như Lai địa" đẳng.

(演)累言不置者，如信無垢濁心清淨，信能悉施心無吝，信能歡喜入佛法，信能增長智功德，信能必到如來地等。

*(**Diễn**: "Nói nhiều lần chẳng thôi": Như Tín chẳng có cấu trược, tâm sẽ thanh tịnh. Do tín tâm, nên có thể phát tâm bố thí chẳng keo tiếc.*

Do tín tâm, nên có thể hoan hỷ khế nhập Phật pháp. Do tín tâm, nên có thể tăng trưởng công đức nơi trí huệ. Do tín tâm, nên ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai v.v...)

Điều này trích từ một bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm: *"Tín vô cấu trược, tâm thanh tịnh"* (Lòng tin chẳng có cấu trược, tâm sẽ thanh tịnh). Câu này có cùng ý nghĩa với câu kinh Kim Cang: *"Tín tâm thanh tịnh, ắt sanh Thật Tướng"*, cảnh giới tương đồng. Đối với thế giới Tây Phương, đối với A Di Đà Phật, chúng ta nẩy sanh tín tâm chân thật, tâm quý vị bèn thanh tịnh. Vì sao thanh tịnh? Thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống, lẽ đâu chẳng thanh tịnh? [Đương nhiên là] thanh tịnh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương là Thật Tướng, một câu A Di Đà Phật sáu chữ hồng danh là Thật Tướng.

"Tín năng tất thí tâm vô lận" (Do tín tâm, nên có thể phát tâm bố thí chẳng keo tiếc), câu này nói đến sự buông xuống. Nhất tâm nhất ý đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, [đối với tất cả những thứ] trong cõi này đều có thể buông xuống, đều có thể thí xả, tuyệt đối chẳng còn có mảy may keo kiệt nào, thật sự buông xuống.

"Tín năng hoan hỷ nhập Phật pháp" (Do tín tâm, nên có thể hoan hỷ khế nhập Phật pháp): Pháp hỷ sung mãn, do tín tâm thanh tịnh, bèn có thể tiến nhập Phật pháp. Câu này thông thường là nói đến sự chứng quả và chứng nhập trong tu hành. Chứng quả vị như thế nào? Quả vị thấp nhất là Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Kinh Kim Cang nói *"tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng), *"sanh Thật Tướng"* là thấy Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh là Thật Tướng, Thiền Tông nói là *"minh tâm kiến tánh"*. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tánh, thì gọi là *"nhập Phật pháp"*. *"Nhập"* ở đây là chứng nhập, khế nhập, đấy là Pháp Thân đại sĩ. Tu học Đại Thừa rất nhanh! Trong pháp Đại Thừa, cách Trì Danh Niệm Phật của Tịnh Tông là chẳng thể nghĩ bàn nhất. Chỉ cần quý vị chuyên tín, nói thật ra, quý vị nay tuy vẫn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói chúng ta trong hiện tại, đối với pháp môn Tịnh Tông và năm kinh Tịnh Độ, thật sự tin sâu, chẳng ngờ vực mảy may, thật sự nguyện, thật sự niệm Phật, thì ngay trong hiện tiền, quý vị có địa vị bằng với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, bằng với Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Hiện tiền đã là bất thoái! Sau khi vãng sanh, sẽ từ cơ sở này, chẳng ngừng tiến lên cao hơn. Tăng bao nhiêu cấp, tùy thuộc mức độ dụng công của quý vị.

"Tín năng tăng trưởng trí công đức" (Do tín tâm, nên có thể tăng trưởng công đức nơi trí huệ), người ấy không ngừng tiến cao hơn.

"Tín năng tất đáo Như Lai địa" (Do tín tâm, ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai), địa vị Như Lai là thành Phật viên mãn rốt ráo, đều gồm trong chữ Tín. Chư vị phải hiểu: Hễ còn có vướng mắc, còn có cách nghĩ ấy, còn có điều gì chẳng buông xuống được, đều gọi là *"bất tín"*.

Tôi hy vọng quý vị chép mấy câu này vào sổ tay để thường đọc, hòng kiểm nghiệm xem tín tâm của chúng ta rốt cuộc là thật hay giả? Chúng ta tin tới mức độ nào? Pháp môn này đúng là mầu nhiệm đến cùng cực!

(Sớ) Tín giả, bất nghi chi vị.
(疏)信者，不疑之謂。
*(**Sớ**: Tín có nghĩa là chẳng nghi).*

Chẳng có mảy may nghi hoặc, hoàn toàn khẳng định. Đó là Tín.

(Sớ) Thọ giả, tín dĩ nhi lãnh nạp bất vong chi vị.
(疏)受者，信已而領納不忘之謂。
*(**Sớ**: "Thọ" là đã tin rồi bèn nhận lãnh chẳng quên).*

"Thọ" (受) có nghĩa là tiếp nhận. Sau khi ta đã tin tưởng, đối với những lý luận do đức Phật đã dạy trong kinh điển, ta đều tiếp nhận, ta nương theo đạo lý ấy để thực hiện. Đối với phương pháp do đức Phật đã dạy, ta hoàn toàn tiếp nhận, tuân theo phương pháp ấy để tu học. Đối với cảnh giới do đức Phật đã giảng, ta hoàn toàn tiếp nhận, ta tu hành, nhất định sẽ dần dần khế nhập cảnh giới ấy. Đó là Thọ. Có lắm kẻ chẳng hiểu ý nghĩa của Thọ, cứ ngỡ mỗi ngày niệm kinh này một lần là Thọ Trì, há có chuyện dễ dàng như vậy! Đó gọi là đọc tụng, thọ trì là chuyện khác hẳn. *"Thọ"* là thật sự tiếp nhận lý luận, phương pháp, cảnh giới, và các thứ giáo huấn của đức Phật, thảy đều tiếp nhận, nghiêm túc thực hiện thì mới là Thọ. Thực hiện cho đến hết tuổi thọ, quyết định chẳng trái nghịch, đó là Trì. Trì (持) là gìn giữ, là tiếp nối, chẳng gián đoạn giữa chừng, ta vĩnh viễn làm như vậy.

(Sớ) Tín nhi bất thọ, do phất tín dã.

(疏)信而不受，猶弗信也。
*(**Sớ**: Tin mà chẳng nhận lấy thì cũng như chẳng tin).*

Nếu như tin, đã tin nhưng chẳng tiếp nhận, vậy thì niềm tin ấy chẳng đạt được lợi ích, vẫn là luống uổng. Vì thế, sau Tín, nhất định phải là Thọ, Thọ rồi nhất định phải Hành, công đức mới là viên mãn, mới là *"phước huệ nhị nghiêm"* thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chúng ta lý giải, hiểu rất rõ ràng, minh bạch, biểu hiện ra ngoài đúng là pháp hỷ sung mãn. *"Pháp hỷ sung mãn"* chính là cuộc sống sung sướng mỹ mãn mà người thế gian hết sức hâm mộ. Cuộc sống thật sự sung sướng mỹ mãn chỉ có người niệm A Di Đà Phật, chuyên tu Tịnh Độ mới có. Thật sự sung sướng, thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn!

(Sao) Tín nhi bất thọ.
(鈔)信而不受。
*(**Sao**: Tín mà chẳng nhận).*

Đã tin nhưng chẳng tiếp nhận.

(Sao) Thí như hữu nhân, quỹ dĩ dị bảo.
(鈔)譬如有人，饋以異寶。
*(**Sao**: Ví như có người được tặng báu vật lạ lùng).*

"Quỹ" (饋, 餽) là biếu tặng. Có người tặng quà cho quý vị, đưa tặng bảo vật hết sức quý báu, lạ lùng.

(Sao) Tuy tri thị bảo, thâm tín vô nghi.
(鈔)雖知是寶，深信無疑。
*(**Sao**: Tuy biết là của báu, tin sâu chẳng nghi).*

Biết đó là của báu, kể ra cũng đã nhận biết giá trị.

(Sao) Nhiên cự chi bất nạp, tín diệc hà ích?
(鈔)然拒之不納，信亦何益。
*(**Sao**: Nhưng cự tuyệt chẳng nhận, tín có ích gì đâu?)*

Không tiếp nhận! Sau khi đã tin như vậy, chẳng đạt được lợi ích.

(Sao) Cố viết do phất tín dã.

(鈔)故曰猶弗信也。

*(**Sao**: Nên nói là "cũng như chẳng tin").*

Vậy thì chẳng khác gì không tin! Vì thế, Tín thì nhất định phải Thọ, Thọ rồi nhất định phải Hành. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 272

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm sáu mươi bảy:

(Sớ) Hựu tín tức tâm tịnh, như Duy Thức thuyết.

(Sao) Thành Duy Thức Luận vân: "Tín giả, vị ư thật, đức, năng, thâm nhẫn lạc dục, tâm tịnh vi tánh. Hà ngôn tâm tịnh? Dĩ tâm thắng cố, như thủy thanh châu, năng thanh trược thủy. Hựu chư nhiễm pháp, các tự hữu tướng. Duy hữu bất tín, tự tướng hồn trược, phục năng hồn trược dư tâm, tâm sở, như cực uế vật, tự uế, uế tha. Tín chánh phiên bỉ, cố tịnh vi tướng". Kim tu Tịnh Độ, chủ hồ tâm tịnh. Tín vi cấp vụ, minh diệc thậm hỹ!

(疏)又信即心淨，如唯識說。

(鈔)成唯識論云：信者，謂於實德能，深忍樂欲，心淨為性。何言心淨，以心勝故，如水清珠，能清濁水。又諸染法，各自有相，唯有不信，自相渾濁，復能渾濁餘心心所，如極穢物，自穢穢他。信正翻彼，故淨為相。今修淨土，主乎心淨。信為急務，明亦甚矣。

*(**Sớ**: Tín lại chính là tâm tịnh như Duy Thức đã nói.*

***Sao**: Thành Duy Thức Luận[72] viết: "Tín là nói tới đức, năng, thật, thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục, tâm tịnh là tánh". Vì sao nói là tâm tịnh?*

---

[72] Thành Duy Thức Luận (Vijñāptimātratāsiddhi) là một bộ luận chánh yếu trong Duy Thức Học, do ngài Huyền Trang biên soạn. Ngài đã lấy tư tưởng của Thế Thân Bồ Tát trong Duy Thức Tam Thập Tụng làm luận điểm chính yếu, đồng thời tập hợp

Do tâm thù thắng vậy. Giống như thủy thanh châu có thể lắng trong nước đục. Lại nữa, các pháp ô nhiễm, mỗi pháp đều có tướng riêng. Chỉ có bất tín là tướng của chính nó vẩn đục, lại còn có thể làm vẩn đục các tâm và tâm sở khác, giống như một vật tột cùng ô uế, chính nó đã ô uế, lại còn làm các vật khác bị ô uế lây. Do Tín có thể thay đổi tướng ấy (tướng dơ bẩn vì bất tín) nên lấy tịnh làm tướng". Nay tu Tịnh Độ thì lấy tâm tịnh làm điều chủ yếu. Tín là việc cấp bách cũng đã rõ rành rành).

Đây là đại sư rát miệng buốt lòng khuyên bảo, chẳng ngại tốn công dẫn kinh trích điển, nhằm bảo rõ cùng chúng ta: *"Tín là trọng yếu"*. Có rất nhiều đồng tu niệm Phật thường nói: "Tôi niệm Phật rất lâu, tâm vẫn chẳng thanh tịnh, vẫn chẳng thể đạt được hiệu quả". Nay chúng ta đọc đoạn kinh văn này, hãy nên hiểu rõ câu trả lời. Niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả thật sự, vẫn là do tín tâm chẳng đủ. Chúng ta thường nói là *"công phu chẳng đủ"*, công phu là gì? Tín, Nguyện, Hạnh gọi là công phu. Ba điều này khuyết một thì trên thực tế, hiệu quả sẽ rất khó thành tựu. Nếu có thể trong một thời gian ngắn ngủi mà đạt được hiệu quả thù thắng nhất, chỉ có một phương pháp là y giáo phụng hành. Đối với những phương pháp do đức Phật đã dạy trong kinh, chúng ta phải nghiêm túc thực hiện. Ở đây, đại sư nói rất hay: *"Tín tức tâm tịnh"*, [nghĩa là] Tín là tâm địa thanh tịnh. *"Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng), đức Phật đã nói điều này trong kinh Kim Cang. Có thể thấy tín tâm xác thực là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Tín là nguồn đạo, mẹ công đức"*, lời này là thật. Đại sư trích dẫn một đoạn trong Thành Duy Thức Luận nhằm chỉ rõ câu nói ấy (*"Tín tức tâm tịnh"*) là có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện. Thành Duy Thức Luận có nói: *"Tín giả, ư thật đức năng"* (Tín là đối với thật, đức, năng), thuộc trong ba chuyện ấy, tức là Thật, Đức và Năng. *"Thâm nhẫn lạc dục":* Thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục. Hiểu ý nghĩa của sáu chữ *"thật, đức, năng, nhẫn, lạc, dục"*, sẽ tự nhiên hiểu [ý nghĩa của] đoạn trích từ bộ luận ấy.

(Diễn) Ư thật đức năng, thâm nhẫn lạc dục giả, vị: Ư Thật tắc thâm nhẫn, ư Đức tắc thâm lạc, ư Năng tắc thâm dục dã.

ý kiến chú giải, diễn giảng bộ luận ấy của mười vị đại sư (chủ yếu là dùng thuyết của ngài Hộ Pháp) để biên soạn thành bộ luận này.

(演)於實德能，深忍樂欲者，謂於實則深忍，於德則深樂，於能則深欲也。

*(**Diễn**: "Đối với thật, đức, năng, thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục": Ý nói đối với Thật bèn nhẫn sâu xa, đối với Đức bèn vui thích sâu xa, đối với Năng bèn ưa muốn sâu xa).*

Chữ Thâm (深) xuyên suốt cả ba chữ [nhẫn, dục, lạc].

(Diễn) Bát Thức Quy Củ vân: "Thâm nhẫn giả, ư chư pháp thật sự, thật lý, thâm tín minh khế, nhẫn khả ư tâm, bất vị hư vọng sự lý chi sở chuyển cố.

(演)八識規矩云：深忍者，於諸法實事實理，深信冥契，忍可於心，不為虛妄事理之所轉故。

*(**Diễn**: Bát Thức Quy Củ[73] nói: "Thâm nhẫn là đối với thật sự và thật lý của các pháp, tin sâu, ngầm khế hợp, tâm thừa nhận, khẳng định, chẳng bị xoay chuyển bởi sự lý hư vọng").*

Đây là *"thâm nhẫn"* được nói trong Bát Thức Quy Củ Tụng. Nay chúng ta nói Nhẫn là *"khẳng định"*. *"Thâm nhẫn"* là tin tưởng rất sâu, hoàn toàn khẳng định, đối với điều gì? Đối với hết thảy các pháp, cũng là như nay chúng ta nói *"chân tướng của vũ trụ và nhân sinh"*, Sự chân thật, Lý chân thật. Vũ trụ và nhân sinh do đức Phật đã dạy trong kinh xác thực là chân tướng, chân lý, chúng ta tin tưởng sâu xa. Tin sâu chẳng phải là mờ mịt, chẳng phải là mê tín, mà cũng chẳng phải là "hễ đức Phật nói, chúng ta đều tin tưởng". Tin kiểu ấy thuộc loại mê tín. Chúng ta ắt cần phải chứng nhập cảnh giới ấy. Đối với những gì đức Phật đã dạy, chúng ta đích thân chứng minh "đức Phật dạy chẳng sai", niềm tin ấy mới là Chân Tín. Chúng ta chẳng thấy, nghe đức Phật nói như thế, bèn cũng tin như thế, niềm tin kiểu đó là tin tưởng miễn cưỡng. Đương nhiên, đức Phật chẳng lừa chúng ta, chúng ta tin tưởng lời Phật dạy, đó gọi là Thánh Ngôn Lượng (聖言量). Đức Phật là thánh nhân, chẳng lừa gạt người khác. Tuy chúng ta chẳng hiểu rõ sự lý ấy, chúng ta vẫn có thể

[73] Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Bát Thức Quy Củ Tụng do ngài Huyền Trang biên soạn, và được coi là tinh tủy của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Trong tác phẩm này, Ngài đã dùng bốn mươi hai bài kệ theo lối bảy chữ để hệ thống hóa những tinh nghĩa trong Duy Thức Học.

tin tưởng lời Phật dạy, lòng tin ấy gọi là Chánh Tín. Chánh Tín là tin tưởng đức hạnh và nhân cách của đức Phật, Ngài chẳng lừa gạt người khác. Sâu hơn một tầng so với lòng tin kiểu ấy là chúng ta hoàn toàn lý giải, đối với các đạo lý thảy đều hiểu rõ, tín tâm bèn sâu xa. Đó là Thâm Tín. Vì sao? Chẳng phải là nghe đức Phật nói chúng ta bèn tùy tiện tin ngay, xác thực là có lý luận để làm căn cứ, hữu lý, chuyện ấy đương nhiên là có khả năng. Sâu hơn một tầng nữa là Chân Tín, [tức là lòng tin của người đã] nhập cảnh giới của Phật. Đối với cảnh giới do đức Phật đã thấy, bản thân chúng ta cũng thấy, lòng tin ấy gọi là Chân Tín. *"Thâm tín"* được nói ở đây có đủ cả ba tầng ý nghĩa. Chỉ cần chúng ta tin sâu Thánh Ngôn Lượng chẳng nghi, bèn đạt được lợi ích trong hiện tiền. Muốn đạt tới tầng bậc cao hơn, phải cậy vào công phu tu chứng của chính mình.

"Nhẫn khả ư tâm" là trong tâm thừa nhận, khẳng định, chẳng có mảy may hoài nghi. *"Bất vị hư vọng sự lý chi sở chuyển"* (Chẳng bị xoay chuyển bởi sự lý hư vọng), sự lý hư vọng là gì? Chúng ta dùng một tiêu chuẩn nông cạn nhất để nói: Những gì kẻ khác nói chẳng tương ứng với lời Phật dạy, đó là hư vọng, chẳng phải là chân thật. Do nguyên nhân nào? Chư vị nhất định phải hiểu: Những gì đức Phật đã nói chính là cảnh giới Hiện Lượng, [tức là cảnh giới do chính Ngài] đích thân mắt thấy, tai nghe, những điều ấy làm sao còn có thể sai trật cho được? Tây Phương Cực Lạc thế giới cách cõi này mười vạn ức cõi Phật, nhãn quang của đức Phật sắc bén hơn chúng ta. Đức Phật ngồi ở nơi đây, thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới rành rành. A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp bên đó, Ngài cũng nghe rõ ràng; đó gọi là cảnh giới Hiện Lượng. Ngài chẳng cậy vào tưởng tượng suông, chẳng phải là suy đoán, đó là cảnh giới Hiện Lượng. Người chẳng có năng lực này, tối đa là cảnh giới Tỷ Lượng (cảnh giới do suy luận dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ). Trong Tỷ Lượng vẫn có thể phạm sai lầm, chỉ riêng Hiện Lượng là chẳng sai lầm. Do vậy, nhất định phải dùng lời đức Phật dạy làm tiêu chuẩn. Đức Phật là ngũ nhãn viên minh, Ngài đích thân trông thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Nhưng điều quan trọng hơn là Phật pháp có Đại Thừa và Tiểu Thừa, Phật pháp có nhiều tông phái, pháp do đức Phật đã nói có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Vì sao đức Phật phải thuyết pháp như vậy? Đối với một kẻ nghiệp chướng nặng nề, phiền não tập khí sâu đậm, đức Phật nói với kẻ ấy chân tướng sự thật, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận, kiên quyết

chẳng tiếp nhận. Ví như nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ là rất nhiều kẻ bình phàm trong thế gian chẳng tiếp nhận, mà ngay trong các đồng tu học Phật cũng [có rất nhiều người] chẳng thể tiếp nhận, số ấy rất đông! Những người học những tông phái khác chẳng thể tiếp nhận [pháp môn Tịnh Độ]! Nhà Phật nói "lục đạo luân hồi", hiện thời những phần tử trí thức cao cấp đã tiếp nhận "phép rửa tội" của khoa học sẽ chẳng thể nào đồng ý được. Họ bảo đó là chuyện vô căn cứ, hoang đường, quái đản! Nói với những kẻ đó, sẽ chẳng thể thông suốt được.

Do vậy, đức Phật ứng cơ thuyết pháp. Quý vị chẳng tin luân hồi, Ngài không nói đến chuyện luân hồi, chỉ nói chuyện trước mắt, quý vị có thể thấy, có thể tư duy, tưởng tượng được, bàn với quý vị những chuyện đó. Còn những chuyện quý vị chẳng thấy, chẳng nghĩ được, chắc chắn là Ngài chẳng nói đến. Người có thể tin lời Phật thì đức Phật mới nói lời chân thật với họ. Đó gọi là *"cơ duyên chín muồi"*, đức Phật bèn nói pháp chân thật với họ. Họ mới có thể thật sự giải quyết vấn đề ngay trong một đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, luân hồi. Chẳng phải là ai cũng có phước ấy, chẳng phải là ai cũng đều có cơ duyên ấy. *"Thâm nhẫn"* là đối với những chân tướng sự thật do đức Phật đã dạy, [bèn có thể tiếp nhận, tin tưởng sâu xa]. Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định là sự thật, lục đạo luân hồi cũng là sự thật, tuyệt đối chẳng giả!

(Diễn) Thâm lạc giả.
(演)深樂者。
*(**Diễn**: Vui thích sâu xa).*

"Thâm lạc" là hết sức hoan hỷ. Hoan hỷ là gì?

(Diễn) Ư Tam Bảo thanh tịnh Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.
(演)於三寶清淨法身般若解脫。
*(**Diễn**: Đối với Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát thanh tịnh trong Tam Bảo).*

Chúng ta thường nói đến Tam Bảo. Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, đấy là [cách hiểu theo] quan niệm của mọi người. Đó chỉ là bề ngoài của Tam Bảo, là Tam Bảo hình thức, chẳng có tác dụng to lớn cho lắm. Nếu quý vị biết dùng, sẽ hữu ích cho quý vị. Quý vị chẳng biết dùng, nói thật ra, hoàn toàn chẳng có lợi ích gì cả! Tam Bảo thật sự chính là Pháp Thân,

Bát Nhã và Giải Thoát được nói tới ở đây. Pháp Thân là Phật Bảo, Bát Nhã là Pháp Bảo, Giải Thoát là Tăng Bảo, Tam Bảo thanh tịnh! Tam Bảo ở chỗ nào? Tam Bảo ở trong nhất tâm, chẳng ở bên ngoài, bên ngoài chẳng có! Tam Bảo hình thức là Phật, Pháp, Tăng; khi người học Phật biết ứng dụng, hình thức ấy sẽ thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta. Chúng ta thấy tượng Phật, bèn nghĩ tới Pháp Thân, thấy kinh bổn bèn nghĩ tới Bát Nhã, thấy người xuất gia, bèn nghĩ tới Giải Thoát. Đó là đúng. Tác dụng lớn nhất của Tam Bảo hình thức là thời thời khắc khắc nhắc nhở, cảnh giác chúng ta: Chớ nên quên mất Tam Bảo. Trong Tam Quy, [Tam Bảo] là Giác, Chánh, Tịnh. Pháp Thân là Giác, tức Bổn Giác; Bát Nhã là Chánh; Giải Thoát là Thanh Tịnh. Đấy là *"một mà ba, tuy ba mà một"*.

(Diễn) Chân tịnh đức trung, thâm tín, hảo nhạo, bất vị vọng nhiễm tà đức chi sở hoặc cố.

(演)真淨德中，深信好樂，不為妄染邪德之所惑故。

*(**Diễn**: Trong tịnh đức chân thật, tin sâu, ưa thích, chẳng bị mê hoặc bởi tà đức vọng nhiễm)*.

Ý nghĩa của câu này tuy không quá sâu, vẫn là chẳng dễ lãnh hội. Trong Tam Quy nói *"giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm"*, chính là ý nghĩa này. Nếu chúng ta hết sức yêu thích Giác, Chánh, Tịnh, đó là đúng, đó chính là đức. Giác, Chánh, Tịnh là đức, Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát gọi là Tam Đức. Tự tánh trọn đủ Tam Đức, chúng ta phải thường giác, phải thường chánh, phải thường thanh tịnh.

(Diễn) Thâm dục giả.

(演)深欲者。

*(**Diễn**: Thâm dục là…)*

"Dục" (欲) là hy vọng. Chúng ta mong đợi, hy vọng, mong mỏi sâu đậm nhất.

(Diễn) Ư nhất thiết thế xuất thế thiện, thâm tín hữu lực, năng đắc thiện báo, năng thành đạo quả, khởi hy vọng tâm, cầu tất đắc cố.

(演)於一切世出世善，深信有力，能得善報，能成道果，起希望心，求必得故。

*(**Diễn**: Đối với hết thảy điều thiện thế gian và xuất thế gian, tin sâu xa là chúng có sức mạnh [khiến cho người làm lành] có thể đạt được thiện báo, có thể thành tựu đạo quả, dấy lòng hy vọng ắt sẽ đạt được [những điều mong mỏi ấy]).*

Nhà Phật thường nói: *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Lời này là thật, tuyệt đối chẳng phải là dối người, có cầu ắt ứng! Trong Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc đã giảng đạo lý này cho tiên sinh Viên Liễu Phàm rất rõ ràng, rất thấu triệt. Nếu quý vị đọc kỹ, suy nghĩ sâu sắc, sẽ có thể hiểu rõ chuyện *"hữu cầu tất ứng"* (có cầu ắt ứng) trong nhà Phật. Tiên sinh Liễu Phàm chẳng cầu mong nhiều nhõi gì! Tâm lượng của ông ta chẳng lớn, cho nên mong cầu rất hữu hạn. Trong mạng ông ta chẳng có công danh; công danh xưa kia là Cử Nhân hay Tiến Sĩ. Trong mạng ông ta chẳng có [những học vị ấy, thế mà] ông ta cầu công danh bèn đạt được, đã đậu Cử Nhân rồi về sau lại đỗ Tiến Sĩ. Trong mạng ông ta chẳng có con cái, ông ta chiếu theo phương pháp ấy để cầu, sanh được hai đứa con ngoan ngoãn. Ông chẳng cầu sống lâu, mà cũng được trường thọ. [Theo Khổng tiên sinh đoán định], thọ mạng của ông ta là năm mươi ba tuổi, [vậy mà] sống đến bảy mươi mấy tuổi!

Tâm lượng to lớn thì chúng ta mong cầu điều gì? Chúng ta phải cầu thành Phật; phước báo trong nhân gian quá nhỏ, vặt vãnh chẳng đáng kể, nhất định là phải cầu thành Phật viên mãn. Thành Bồ Tát vẫn chưa đủ, giống như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, vẫn chưa đáng để vào mắt! Nhất định là phải cầu thành Phật, mong cầu ấy mới thật sự đạt đến viên mãn rốt ráo. Có thể cầu được hay không? Quyết định là có thể cầu được. Có thể cầu thành Phật được, những thứ khác có thể cầu được hay không? Trong pháp thế gian và xuất thế gian, khó nhất là thành Phật. Vượt thoát lục đạo luân hồi chẳng khó, A La Hán đã làm được. Do vậy, chúng ta phải cầu viên mãn, rốt ráo, nhất định phải cầu viên thành Phật đạo. Cách cầu như thế nào? Nương theo đạo lý và phương pháp do đức Thế Tôn và chư Phật đã dạy trong kinh này; trong một đời này, quý vị chắc chắn có thể đạt được, đấy là chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trong các điều thiện thế gian và xuất thế gian, đấy là điều thiện thứ nhất, đại thiện viên mãn rốt ráo chính là viên thành Phật đạo.

"Thâm tín hữu lực" (Tin sâu có sức mạnh), đối với chính mình phải có tín tâm. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói về sáu thứ Tín. Thứ nhất là tin tưởng chính mình, chính là điều đang được nói ở đây. Thứ nhất là tin tưởng chính mình: Trong một đời này, ta quyết định có thể thành Phật, đó là quả. Vì sao khẳng định và nắm chắc như thế? Trước đó đã có nhân, ta tin tưởng những phương pháp do đức Phật đã giảng ta đều có thể làm được, đó là nhân. Tin tưởng chính mình có thể làm được những phương pháp do đức Phật đã nói, quả báo trong tương lai đương nhiên thành tựu. Nhân và quả nhất định tương ứng. Trong đoạn kinh văn này, đức Phật rát miệng buốt lòng khuyên dạy, khích lệ chúng ta, hòng kiến lập tín tâm sâu đậm nhất: *"Năng đắc thiện báo, năng thành đạo quả"* (Có thể đạt được thiện báo, có thể thành tựu đạo quả).

Chúng ta gặp phải hết thảy tai nạn và chướng ngại trong thế gian và xuất thế gian, tự nhiên đều có thể hóa giải, đều có thể tiêu trừ. Đó gọi là *"gặp dữ hóa lành, gặp tai nạn trở thành an tường"*, đó là thiện báo. Đạo quả là chứng quả. Chứng quả đầu tiên là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Chứng quả lần thứ hai là ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên mãn Bồ Đề, thành Đẳng Chánh Giác, thành Phật. Phải tin tưởng chính mình nhất định có thể thành tựu đạo quả, tin tưởng chính mình nhất định đạt được thiện báo. Hai thứ ấy đều thuộc về quả. Trước khi có quả, phải tu nhân. Nếu chẳng có nhân hạnh, quả báo ấy là giả, chẳng thật. Nhân nhất định là đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, thật thà niệm Phật, như vậy là được. Đối với thiện báo và đạo quả, quý vị nhất định có hy vọng, *"khởi hy vọng tâm, cầu tất đắc cố"* (dấy lòng hy vọng, cầu ắt đạt được).

(Diễn) Ư trung nhẫn khả thị tín nhân.
(演)於中忍可是信因。
*(**Diễn**: Nhẫn khả những điều ấy, đó chính là cái nhân của Tín).*

Chúng ta tin tưởng những gì đức Phật đã giảng về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

(Diễn) Lạc dục thị tín quả.
(演)樂欲是信果。
*(**Diễn**: Lạc và dục là quả của Tín).*

Thâm lạc và thâm dục là quả của Tín.

(Diễn) Tri chi tất háo chi dã.
(演)知之必好之也。
*(**Diễn**: Đã biết ắt sẽ ham thích).*

Nói cách khác, đối với những điều ấy, nếu quý vị vẫn chẳng dấy lòng ưa chuộng, chẳng sanh khởi lòng hy vọng, thì nói cách khác, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Có những đồng tu niệm Phật được một thời gian, tới nói với tôi họ chẳng thể tiếp tục niệm nữa, đến hỏi tôi phải làm sao? Quý vị hãy nghĩ xem: "Niệm không nổi thì nên làm sao? Vì sao có những người niệm rất ngon lành?" Nói thật ra, niệm năm kinh Tịnh Độ nhuần nhuyễn như thế, lẽ ra phải nên nói ra câu trả lời dễ dàng! Trong kinh, đức Phật đã dạy rất rõ ràng: Niệm Phật đến mức chẳng có chướng ngại, niệm thật sự có cảm ứng, rất có thọ dụng, chính là hai hạng người:

1) Một loại là người tin sâu chẳng nghi ngờ những lời đức Phật đã dạy trong kinh. Đó là người thiện căn và phước đức sâu dầy. Người ấy chẳng có chướng ngại, càng niệm càng hoan hỷ.

2) Một hạng người khác là người hiểu rõ ràng minh bạch những đạo lý do đức Phật đã dạy, biết chọn lựa như thế nào. Trong vô lượng pháp môn, người ấy đều nhận biết rõ ràng, đương nhiên sẽ chọn pháp môn người ấy cần thiết nhất. Giống như trong Quán Kinh, phu nhân Vi Đề Hy gặp nạn, cầu đức Phật giúp đỡ. Bà cảm thấy thất vọng quá lớn đối với thế gian này, hỏi đức Phật: "Có thế giới nào khác là một thế giới thanh tịnh, con có thể lìa khỏi đời ác ngũ trược này để sanh về một cõi Phật thanh tịnh hay không?" Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thần lực khiến cho các thế giới của chư Phật trong mười phương đều biến hiện trước mặt bà ta, giống như chúng ta xem TV trông thấy hình ảnh. Sau khi đã xem trọn khắp, bà ta chọn thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải do đức Thế Tôn giới thiệu cho phu nhân Vi Đề Hy, mà do phu nhân Vi Đề Hy tự mình chọn lựa.

Hai hạng người ấy niệm Phật tâm bất thoái, càng niệm càng hoan hỷ, niệm được tương ứng. Nếu chẳng phải là hai loại người ấy, sẽ niệm chẳng nổi, sẽ ngã lòng. Đó là hiện tượng tất nhiên. Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, người ấy chẳng hiểu cho mấy, còn hoài nghi, vẫn chẳng thể hoàn toàn tin tưởng, cho nên mới

ngã lòng. Đã thật sự biết, nhất định sẽ ưa chuộng. Phật pháp xác thực là *"tri nan, hành dị"*, [nghĩa là] biết rất khó, hành dễ dàng. Đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ, đấy là pháp khó tin. *"Tin khó, hành dễ"*, pháp ấy tu hành xác thực là hết sức dễ dàng, hết sức thuận tiện. Trong xã hội hiện tiền, mọi người chẳng có cách nào thoát ly cuộc sống hiện thực. Tuy thời đại dường như là tiến bộ hằng ngày, khoa học kỹ thuật đổi khác hằng ngày, hằng tháng, cuộc sống của nhân dân dường như ngày càng giàu có hơn, tôi dùng từ ngữ *"dường như"*, chẳng phải là khẳng định. Vì sao chẳng phải là khẳng định? Nếu so giữa chúng ta và cổ nhân, chúng ta phải trả giá cho cuộc sống hiện thời quá lớn. Nói cách khác, cái được không bù đắp nổi cái mất, chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân tuy chẳng có đèn điện, máy lạnh, ra khỏi cửa chẳng có xe hơi, tâm cổ nhân thanh tịnh, thanh nhàn, tự tại; nay chúng ta là tâm tình gì? Trả một cái giá nặng nề ngần ấy để đổi lấy một chút hưởng thụ vật chất; tính toán kỹ một phen, chẳng bõ công! Thật đấy! Cổ nhân sống cuộc đời của nhân loại, nay chúng ta sống một cuộc đời chẳng ra người, có đôi chút giống như yêu ma, quỷ quái. Đây là nói rõ: Tín tâm chính là mấu chốt quyết định sự thành bại!

Chúng ta lại xem phần Sao. *"Tâm tịnh vi tánh"* (Tâm tịnh là tánh), *"tánh"* là Chân Như bản tánh, là chân tâm lý thể của chúng ta. Chân tâm là gì? Bản tánh là gì? Tâm tịnh là tự tánh. Nói cách khác, tâm thanh tịnh là Chân Như bản tánh. Trong kinh luận Đại Thừa, Phật, Bồ Tát coi trọng tâm thanh tịnh như vậy là có đạo lý. Pháp môn Tịnh Tông tu tập từ tâm thanh tịnh. Để viên thành đạo quả trong Phật pháp, chỉ có ba môn là Giác, Chánh, Tịnh. Thiền Tông, Tánh Tông từ Giác Môn mà chứng đạo, trong Thiền Tông nói là *"đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Ngoài Thiền Tông là Giáo Hạ, như Hiền Thủ, Thiên Thai, Tam Luận, Pháp Tướng Duy Thức đều thuộc về Giáo Hạ, họ thành tựu từ Chánh Môn, chánh tri chánh kiến, đại khai viên giải, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề như thế đó. Tịnh Độ Tông không theo hai môn này, mà đi theo Tịnh Môn. Giác Môn thì phải là bậc thượng căn lợi trí mới có phần, giống như Lục Tổ đã nói: Đối tượng tiếp dẫn của Ngài là người thượng thượng thừa thì mới có hy vọng. Thấp hơn thượng thượng thừa, căn tánh Đại Thừa thì đều chẳng được, đều chẳng có hy vọng. Do vậy, chúng ta đi theo môn đó sẽ không suông sẻ, tiêu chuẩn quá cao! Chánh Môn cũng chẳng dễ đi. Nói thật ra, đối với Chánh Môn, chúng ta có tư cách và cũng có năng lực, nhưng thời gian quá lâu, lộ trình quá dài,

giống như đi học, [lần lượt học] Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, phải mất vài chục năm. Đó là tỷ dụ. Trong Phật môn, Giáo Hạ phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc phải mất vô lượng kiếp, thời gian quá dài, quá xa xôi. Do vậy, Tịnh Tông không đi theo hai lộ trình ấy, mà đi theo một con đường đặc biệt phương tiện thiện xảo là tâm thanh tịnh, tu điều này. Chỉ cần tâm thanh tịnh, tâm tịnh ắt cõi tịnh, hành nhân liền nhập môn. Chư vị quyết định chớ nên sơ sót điều này!

Niệm Phật đến trình độ nào thì mới biết chính mình có nắm chắc vãng sanh hay không? Cũng có đồng tu đến hỏi tôi: "Con phải niệm bao lâu mới biết chính mình khi nào sẽ vãng sanh?" Người ấy đến hỏi tôi, tôi liền thật thà bảo người ấy: - Hễ trong tâm quý vị có ý niệm ấy, suốt một đời này, quý vị sẽ chẳng thể vãng sanh! Vì sao? Xen tạp! Tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh. Chớ nên xen tạp, cứ thật thà niệm, nước chảy mãi thành giòng! Quý vị giữ ý niệm ấy, sẽ chẳng phải là thật thà. Chẳng thật thà, làm sao có thể thành tựu cho được? Xác thực là chúng ta phải cầu nhất tâm bất loạn, nhưng chớ nên giữ ý niệm cầu nhất tâm bất loạn trong tâm, [giữ] như vậy là hỏng, sai mất rồi! *"Cầu"* là nguyện, có nguyện ấy, nhưng chớ nên có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, sẽ hỏng chuyện, chỉ một mực thật thà niệm là được rồi! Do vậy, chúng ta từ tâm thanh tịnh tiến nhập, chỉ niệm một câu Phật hiệu. Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Trong đoạn kinh văn này, càng nói cụ thể hơn cho chúng ta biết. Đức Thế Tôn dạy: *"Văn thị kinh"* (Nghe kinh này), tức là nghe kinh A Di Đà, *"thọ trì giả"* là hành trì theo kinh A Di Đà, *"cập văn chư Phật danh giả"* (cùng nghe danh hiệu của chư Phật), nói rất rõ ràng, minh bạch: *"Tức đắc nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm"* (Liền được hết thảy chư Phật hộ niệm), chính là nói tới phước báo, chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị được hết thảy chư Phật gia hộ, gia trì, hộ niệm, còn gặp phải tai nạn chi nữa? Quý vị còn có chuyện gì chẳng thể thành tựu? Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều hộ niệm, đều giúp đỡ quý vị. Chúng ta xem câu kinh văn này mới hiểu, một người thật sự niệm Phật, sẽ đúng như tiêu chuẩn do Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy: *"Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn"*, mà cũng như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Đó gọi là người niệm Phật chân chánh. Người ấy được hết thảy chư Phật hộ niệm. Đối với các thứ thiện báo, các thứ đạo quả đã nói trong kinh, người ấy đỡ tốn công mất sức mà dễ dàng đạt được. Câu kế tiếp lại nói: *"Giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La*

Tam Miệu Tam Bồ Đề" (Đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), đó là đạo quả. Trong phần trước, *"được hết thảy chư Phật hộ niệm"* là thiện báo. Thiện báo ấy là thiện báo viên mãn rốt ráo, chẳng có thiện báo nào khác tốt lành hoặc thù thắng hơn thiện báo này. Nó là thiện báo bậc nhất trong hết thảy các thiện báo, thù thắng khôn sánh, là Phật quả viên mãn rốt ráo trong hết thảy các đạo quả, người nào có được? Người thật thà niệm Phật bèn có! Hễ còn tam tâm nhị ý học pháp môn này, học pháp môn nọ, đều gọi là chẳng thật thà!

Chúng ta chưa đọc đến đoạn kinh văn này, sẽ thường là chẳng dám nói, [vì sợ người ta chê trách] kẻ tu tập Tịnh Tông chúng ta khoe khoang lớn lối! [Nói điều này], dường như chúng ta xem thường những kẻ tu hành khác. Thật ra, chẳng phải vậy, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói, A Di Đà Phật đã nói, hết thảy chư Phật Như Lai đều nói, há còn có thể sai lầm ư? Chúng ta vẫn chẳng tin điều này thì tín tâm làm sao kiến lập cho được? Đã thật sự tin, sau khi đã thật sự tin, hết thảy đều buông xuống. Không chỉ là hết thảy các pháp trong thế gian đều buông xuống, mà Phật pháp cũng buông xuống, cái tâm ấy gọi là thật sự thanh tịnh. Quả báo của pháp thế gian là lục đạo luân hồi; quả báo của Phật pháp là [bốn pháp giới] A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, và Phật, gọi gộp chung [quả báo của pháp thế gian và Phật pháp] là "mười pháp giới". Pháp thế gian và Phật pháp đều buông xuống, tức là mười pháp giới đều buông xuống. Mười pháp giới đều buông xuống sẽ đến nơi đâu? Nhất Chân pháp giới. Di Đà Tịnh Độ là Nhất Chân pháp giới, Tịnh Độ của Hoa Nghiêm Tỳ Lô Giá Na Phật cũng là Nhất Chân pháp giới, đến Nhất Chân pháp giới.

Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống, chỉ cần một bộ kinh, chỉ cần sáu chữ hồng danh bèn thành công, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta thấu hiểu chỗ này, tin sâu chẳng ngờ, y giáo phụng hành, vậy thì thật sự phải chúc mừng quý vị: Tín tâm đã thanh tịnh, công phu thành phiến, nhất tâm bất loạn tự nhiên đạt được. Do vậy, nếu mọi người hỏi: "Khi nào chính mình sẽ biết được vãng sanh?" [Câu trả lời sẽ là]: Khi nào tín tâm thanh tịnh sẽ biết. Tín tâm thanh tịnh, vãng sanh tự tại. Muốn đi khi nào, bèn đi khi ấy; muốn ở bao nhiêu năm, bèn ở bấy nhiêu năm, hoàn toàn chẳng có chướng ngại. Đó mới gọi là *"sanh tử tự tại, đến đi tự nhiên"*, chẳng có mảy may chướng ngại nào! Muốn đi bèn đi, muốn đến bèn đến.

Mấy câu kế tiếp đều nhằm giải thích tâm tịnh. *"Hà ngôn tâm*

tịnh" (Vì sao nói đến tâm tịnh), vì sao phải nhấn mạnh "tâm tịnh"? *"Dĩ tâm thắng cố"* (Vì tâm thù thắng), [nghĩa là] trong hết thảy các pháp, tâm tối thắng! Trong kinh, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy pháp sanh từ tâm tưởng"*. Nói cách khác, tâm là năng sanh (cái có thể sanh), hết thảy các pháp là sở sanh (cái được sanh ra). So sánh giữa năng sanh và sở sanh, năng sanh thù thắng! Tâm là thù thắng. Do vậy, người biết tu hành thì phải tu từ tâm địa, Thiền Tông thường nói *"tu từ căn bản"*. Căn bản là gì? Căn bản của hết thảy vạn sự vạn pháp là tâm; trực tiếp dụng công từ tâm địa, đấy là Đại Thừa, là con đường tắt. Thực hiện từ tâm địa, vì tâm thù thắng nhất. Đổ công dốc sức nơi tướng, sẽ là cành nhánh, cổ đức sánh ví: *"Nhập hải toán sa, tầm chi trích diệp"* (Vào biển đếm cát, tìm cành lặt lá), rất phiền phức, tốn thời gian rất dài, chịu rất nhiều khổ sở! Tu từ căn bản sẽ dễ dàng.

Tiếp đó là tỷ dụ: *"Như thủy thanh châu, năng thanh trược thủy"* (Như thủy thanh châu có thể lắng trong nước đục). Tâm vốn thanh tịnh, tâm chẳng có ô nhiễm. Hiện tiền, dường như tâm tánh của chúng ta bị ô nhiễm; thật ra, nó chẳng bị ô nhiễm, mà là do có những thứ ô nhiễm chướng ngại cái tâm thanh tịnh. Chuyện là như vậy đó. Giống như trời âm u là do mây che lấp mặt trời, mặt trời có bị mây ô nhiễm hay không? Chẳng có. Tuy chẳng có, [mây] chướng ngại nó, che lấp nó, chúng ta chẳng thấy mặt trời, chuyện là như vậy đó. Vì thế, chân tâm quyết định là thanh tịnh, vô nhiễm.

Tiếp đó, lại nói: *"Hựu chư nhiễm pháp, các hữu tự tướng"* (Các pháp ô nhiễm lại là mỗi pháp đều tự có tướng riêng). Nhiễm pháp: Mười pháp giới đều nhiễm, Kiến Tư nhiễm, Trần Sa nhiễm, Vô Minh cũng nhiễm. Mười pháp giới đều thuộc về nhiễm pháp, tướng của chúng khác nhau. Lục đạo phàm phu thì ba loại ô nhiễm lớn là Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh đều trọn đủ. A La Hán, Bích Chi Phật và Quyền Giáo Bồ Tát đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng có Trần Sa và Vô Minh, các Ngài nhiễm nhẹ hơn chúng ta. Thật Giáo Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm nói là Pháp Thân đại sĩ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, các Ngài Kiến Tư lẫn Trần Sa đều chẳng có, chỉ còn sót lại Vô Minh, nhiễm nhẹ nhất. Mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát của Viên Giáo, hãy còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, vẫn là nhiễm, vẫn là đới nghiệp. Thật sự bất nhiễm, chỉ có một mình đức Phật, hoàn toàn chẳng có ô nhiễm. Đấy là nói mỗi pháp nhiễm đều có tướng riêng. Trong hết thảy các ô nhiễm, *"duy hữu bất tín, tự tướng hồn trược"* (chỉ riêng có

bất tín là tự tướng của nó vẩn đục). *"Bất tín"* là pháp ô nhiễm nghiêm trọng nhất; không chỉ là trở ngại cái tâm thanh tịnh của chính mình, mà còn trở ngại hết thảy các pháp chung quanh chúng ta, chúng đều bị ô nhiễm bởi pháp này. *"Phục năng hồn trược dư tâm, tâm sở"* (Lại còn có thể vẩn đục các tâm và tâm sở khác), *"tâm"* là tám thức, *"tâm sở"* là năm mươi mốt Tâm Sở. Bất Tín ô nhiễm tám tâm vương và năm mươi mốt Tâm Sở, giống như một thứ *"cực ô uế"*, tức là vật bẩn thỉu đến cùng cực, *"tự uế, uế tha"* (tự mình bẩn thỉu, bẩn thỉu lây sang thứ khác), bản thân dơ bẩn, mà cũng trở ngại kẻ khác.

"Tín chánh phiên bỉ" (Tín chính là tương phản với tướng ô uế ấy), *"phiên"* (翻) là đảo ngược lại. Tín tâm giống như các loại thuốc tẩy rửa, giống như thủy thanh châu. Đối với Phật pháp, đặc biệt là ba kinh Tịnh Độ, thật sự cần phải nhấn mạnh điều này, vì những điều được giảng trong ba kinh Tịnh Độ đều là thanh tịnh rốt ráo, là bi tâm triệt để của Như Lai, là pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Đối với những kinh luận khác, hết thảy chư Phật Như Lai không nhất định là sẽ nói. Hễ chẳng khế cơ, các Ngài sẽ không nói. Chỉ riêng ba kinh Tịnh Độ, tất cả hết thảy chư Phật hễ thuyết pháp bèn nhất định phải giảng, giống như những môn học bắt buộc trong nhà trường, nhất định phải giảng, lại còn là môn học chung [cho mọi khoa hệ]. Bất luận quý vị học khoa hệ nào, ba kinh là môn bắt buộc phải tu học, những kinh luận khác là những môn học tuyển tu, [nghĩa là] quý vị học cũng được, mà không học cũng được, chẳng sao cả! Do vậy, hết thảy chư Phật nhất định phải nói [ba kinh Tịnh Độ]. Nếu Phật chẳng nói ba kinh ấy, nói thật ra, Ngài sẽ có lỗi với chúng sanh. Nói rồi mà quý vị chẳng tin, chẳng thể tiếp nhận, đức Phật chẳng có lỗi với quý vị. Lỗi ở chính quý vị, đức Phật chẳng có lỗi với quý vị, quý vị có lỗi với Phật. Đối với đạo lý, cảnh giới, và phương pháp tu học trong năm kinh Tịnh Độ, quý vị có thể tin sâu chẳng ngờ, nhất định sẽ đạt được cái tâm thanh tịnh.

"Tín chánh phiên bỉ, cố tịnh vi tướng" (Tín chính là tương phản với tướng ô uế ấy, nên tịnh là tướng của tín). Tướng của tín là thanh tịnh. Từ tiêu chuẩn này, cũng có thể xét nghiệm cảnh giới của chính mình. Nếu tâm chúng ta chẳng thanh tịnh; nói cách khác, chúng ta chẳng có tín tâm. Thật sự có tín tâm, tâm thanh tịnh, tâm bèn định. Tâm đã định, bèn có thể lập tức thấy công đức lợi ích. Do tâm người ấy đã biến đổi, tướng bèn biến đổi theo. Thầy tướng số thường nói: *"Tướng chuyển theo tâm"*.

Tâm đã biến đổi, thể chất bèn biến đổi theo, chẳng giả tí nào! Vì vậy, từ thể chất và tướng mạo, có thể nhìn thấy công phu tu hành của quý vị. Công phu là gì? Tâm thanh tịnh là công phu. Càng thanh tịnh, công phu càng sâu. Chẳng phải là nói quý vị hằng ngày niệm Phật bao nhiêu câu, niệm chú bao nhiêu biến, lễ Phật bao nhiêu lạy, đó chẳng phải là công phu. Công phu là Giác, Chánh, Tịnh. Hiện thời, chúng ta thiên trọng tâm thanh tịnh, công phu ở chỗ này. Vì tâm đã định, tâm đã thanh tịnh, vọng tưởng ít, tạp niệm ít, thân thể tự nhiên dấy lên sự biến hóa. Vốn có rất nhiều bệnh tật, bệnh tật là gì? Kết cấu trong thân thể chúng ta dấy lên sự biến hóa bất bình thường, dấy lên biến hóa như thế nào? Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ; hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, suy nghĩ loạn xạ là bất bình thường. Vì thế, kết cấu bình thường biến thành bất bình thường, thân thể của quý vị bèn có lắm bệnh, lắm tai, lắm nạn! Hễ tâm thanh tịnh, đã định, [thân thể] bèn khôi phục bình thường. Hễ khôi phục bình thường, những bệnh tật vốn có đều chẳng còn nữa. Ốm đau đều chẳng có, chính là đạo lý này. Tướng mạo của quý vị cũng biến đổi, khí sắc cũng biến đổi, thứ gì cũng đều khác hẳn. Quý vị lập tức đạt được thiện báo, ngay lập tức có thể đạt được!

"Kim tu Tịnh Độ, chủ hồ tâm tịnh" (Nay tu Tịnh Độ, điều chủ yếu là tâm tịnh). Nói nhiều ngần ấy, hai câu này mới là chủ đề. Tịnh Tông là tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh dùng phương pháp gì để tu? Dùng Tín để tu. *"Tín vi cấp vụ, minh diệc thậm hỹ"* (Tín là chuyện cấp bách, cũng đã rõ rành rành), điều này quá minh bạch, quá rõ rệt. Tín là trọng yếu. Trong kinh này, đức Phật đã bốn lượt khuyên chúng ta, hai lần trước là khuyên chúng ta *"ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ"* (hãy nên phát nguyện, sanh về cõi ấy). Lần thứ ba bèn khuyên chúng ta phải Tin. Trong phần sau, còn có một lần khuyên chúng ta phải *"cầu sanh Tịnh Độ"*.

(Diễn) Chủ hồ tâm tịnh giả, Duy Ma vân: "Nhược Bồ Tát dục đắc Tịnh Độ, đương tịnh kỳ tâm. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh".

(演)主乎心淨者，維摩云：若菩薩欲得淨土，當淨其心，隨其心淨則佛土淨。

*(**Diễn**: "Điều chủ yếu là tâm tịnh": Kinh Duy Ma chép: "Nếu Bồ Tát muốn đạt được Tịnh Độ, hãy nên tịnh cái tâm. Tùy thuận cái tâm tịnh mà cõi nước sẽ tịnh").*

Đây là đoạn khai thị hết sức trọng yếu trong kinh Duy Ma. Nếu quý vị là người niệm Phật mà thắc mắc: "Có thể vãng sanh hay không? Có nắm chắc vãng sanh hay không? Khi nào vãng sanh?" Quý vị hãy niệm ba câu kinh văn trên đây nhiều lượt. Trong kinh này, đức Thế Tôn dạy chúng ta pháp môn *"tín nguyện trì danh"*, dùng ba phương pháp ấy, chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Hễ tâm thanh tịnh, sẽ có mối liên hệ với Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta thường nói là *"cảm ứng đạo giao"*. Xác thực là ngầm khế hợp với A Di Đà Phật. Sự ngầm khế hợp ấy càng ngày càng rõ rệt, tùy thuận công phu tín nguyện trì danh cạn hay sâu, càng ngày càng rõ rệt, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *"Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật"*. Hiện tiền thấy Phật có ba loại:

1) Một loại là *"mộng trung kiến Phật"* (trong mộng thấy Phật), đó là cảm ứng nông cạn.

2) Loại thứ hai là *"Định trung kiến Phật"* (trong Định thấy Phật). Chúng ta niệm Phật, chẳng tĩnh tọa, không tham Thiền, nhưng chúng ta chỉ tĩnh. Khi chúng ta chỉ tĩnh, cũng là ngồi rất bình yên ở nơi này. Tuy trong miệng chẳng có âm thanh, Phật hiệu trong tâm hoàn toàn chẳng gián đoạn. Thấy Phật trong khi ấy bèn thuộc loại thấy Phật trong Định, hoàn toàn chẳng phải là đang ngủ, [nhận biết] sáng suốt, rõ ràng. Phật hiện tiền trong Định cảnh.

3) Loại thứ ba, công phu càng sâu hơn, hoặc là đứng, hoặc là ngồi, Phật ở ngay trước mặt, bèn trông thấy.

Những điều này đều thuộc loại *"hiện tiền thấy Phật"*. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là *"đương lai kiến Phật"* (thấy Phật trong tương lai). Khi lâm chung, người ấy còn sống, hoàn toàn chưa tắt hơi, thấy Phật đến tiếp dẫn, thuộc loại *"hiện tiền kiến Phật"*. Nhưng người niệm Phật nhất định phải ghi nhớ: Nếu cầu cảm ứng, cầu thần thông, hằng ngày đều cầu mong thấy Phật, quý vị cũng rất dễ dàng bị ma dựa. Vì chúng ta khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát biết, ma cũng biết. Yêu ma quỷ quái có thần thông, chúng nó biết quý vị khẩn thiết mong mỏi thấy Phật, sẽ thừa cơ hội tìm đến, biến thành hình dáng một vị Phật cho quý vị trông thấy. Kết quả là quý vị bị chúng nó lừa, bị chúng nó gạt gẫm. Do vậy, chúng ta mong thấy Phật, bỗng nhiên Phật hiện đến, điều đó chẳng đáng tin cậy. Cớ sao Phật hiện tiền? Chúng ta trọn chẳng mong thấy Ngài mà Ngài hiện đến, chuyện này thuộc về cảm ứng. Đã thấy bèn như thế nào? Thấy mà như chẳng thấy. Tuy thấy, chúng ta cũng không

khởi tâm, chẳng động niệm, cũng không cảm thấy: "Ta còn khá quá! Công phu của ta thành tựu bèn thấy Phật". Nói không chừng, quý vị đã thấy ma.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta đề phòng, ngăn ngừa yêu ma quỷ quái biến hiện giả Phật, giả Bồ Tát đến gạt chúng ta. Đức Phật dạy chúng ta một phương pháp là "quyết định chẳng chấp trước". Quý vị chẳng chấp trước, chúng nó sẽ chẳng khởi tác dụng đối với quý vị được, sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu khởi tâm động niệm, khởi tâm hoan hỷ, hỏng bét, sẽ bị ma lừa. Vì sao? Cái tâm thanh tịnh của quý vị đã bị nhiễu loạn. Dẫu là Phật hay Bồ Tát hiện đến, vẫn gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, nhất định phải là như như bất động. Đó sẽ là cảnh giới tốt đẹp, chẳng bị lay động bởi cảnh giới. Vì thế, nhất định phải biết tịnh tâm.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh bổn lai thị Phật, thị tín thọ nghĩa.

(疏)稱理，則自性本來是佛，是信受義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh vốn là Phật chính là ý nghĩa "tin nhận").*

Nói theo Lý, Phật là tự tánh, tự tánh là Phật, bổn ý của *"văn thị kinh, thọ trì giả"* là như thế đó.

(Sao) Hoa Nghiêm Thập Tín, toàn dĩ Quả Phật vi tự tín tâm. Lương diêu Phật tức thị tâm, cố chúng sanh tâm trung, niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác. Tác như thị tín, Kỳ Viên diệu chỉ, thiên Phật huyền đàm, nhất thời thọ tất.

(Diễn) Toàn dĩ Quả Giác vi tự tín tâm giả, dĩ bỉ Quả Phật vi ngã nhân tâm. Nhược ly giác thể, biệt ngôn tín giả, thị danh tà tín, phi Đại Thừa viên đốn chi chánh tín dã. Chúng sanh tâm trung, niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác giả. Kinh vân: "Ưng tri tự tâm niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác". Hà dĩ cố? Bất ly thử tâm, thành Chánh Giác cố.

(鈔)華嚴十信，全以果佛為自信心。良繇佛即是心，故眾生心中，念念常有佛成正覺，作如是信，祇園妙旨，千佛玄談，一時受畢。

(演)全以果覺為自信心者。以彼果佛為我因心。若離覺體。別言信者。是名邪信。非大乘圓頓之正信也。眾生

心中念念常有佛成正覺者。經云。應知自心念念常有佛成正覺。何以故。不離此心。成正覺故。

*(**Sao**: Bậc Thập Tín trong Hoa Nghiêm hoàn toàn dùng Quả Phật để làm tâm tự tín. Ấy là vì Phật chính là tâm, cho nên trong tâm chúng sanh, niệm niệm thường có Phật thành Chánh Giác. Tin như thế, ý chỉ mầu nhiệm nơi Kỳ Viên, lời bàn luận u huyền của ngàn vị Phật sẽ được nhận lãnh hết trong một lúc.*

***Diễn**: "Hoàn toàn lấy Quả Giác làm cái tâm tự tín": Lấy Quả Phật của Ngài để làm cái tâm tu nhân của ta. Nếu lìa khỏi giác thể mà nói tới một cái Tín nào khác thì đó là tà tín, chẳng phải là chánh tín viên đốn của Đại Thừa. Trong tâm chúng sanh, niệm niệm thường có Phật thành Chánh Giác. Kinh dạy: "Hãy nên biết trong tự tâm niệm nào cũng đều có Phật thành Chánh Giác". Vì cớ nào? Chẳng lìa cái tâm này mà thành Chánh Giác vậy).*

"Quả" là quả vị cao nhất trong Viên Giáo, chẳng phải là Biệt Giáo Phật, mà là Viên Giáo Phật. Chẳng cần đợi tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"thiên Phật"* là nói tới Hiền Kiếp. Trong tương lai, một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp xuất thế, giảng nói hết thảy các kinh, quý vị đều hiểu rõ ràng, minh bạch. Nói thật ra, chẳng phải là một ngàn vị Phật, mà đối với vô biên kinh giáo do mười phương ba đời vô lượng vô biên chư Phật đã nói, quý vị cũng *"nhất thời thọ tất"* (thọ trọn hết ngay trong một lúc). Vì sao? Tất cả hết thảy chư Phật do tâm thanh tịnh biến hiện, tất cả hết thảy các giáo pháp cũng từ tâm thanh tịnh lưu xuất. Nay quý vị khôi phục sự thanh tịnh, há chẳng phải là thảy đều đạt được ư? Do đó, Thiền Tông châm chọc Giáo Hạ, bảo là Giáo Hạ tìm cành vặt lá, giống như đối với một cái cây lớn, họ vặt lá, bẻ cành. Muốn trừ bỏ cái cây ấy, bèn tước bỏ lá, cành, nhánh, quá tốn sức! Lãng phí bao nhiêu thời gian! Thiền Tông dùng phương pháp gì? Thiền Tông đào trốc rễ. Rễ đã bị đào trốc, cái cây ấy ngay lập tức bị trừ khử. Không thực hiện từ cành lá, mà ra tay ngay từ cội rễ. Chẳng biết căn bản của căn bản chính là tâm thanh tịnh. Tịnh Tông còn thù thắng, còn căn bản, còn triệt để hơn Thiền.

Thập Tín: Thứ nhất là Tín Tâm, thứ hai là Niệm Tâm, thứ ba là Tinh Tấn Tâm, thứ tư là Huệ Tâm, thứ năm là Định Tâm, thứ sáu là Bất Thoái Tâm, thứ bảy là Hồi Hướng Tâm, thứ tám là Hộ Pháp Tâm (không chỉ hộ trì pháp của chư Phật, mà còn hộ trì tâm pháp của chính mình),

thứ chín là Giới Tâm, thứ mười là Nguyện Tâm. Kinh Hoa Nghiêm giảng như vậy. Thập Tín đều dùng Quả Phật, tức là dùng Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tịnh Tông chúng ta dùng A Di Đà Như Lai, để làm *"tự tín tâm"*. Người niệm Phật thực hiện và hành trì trong cuộc sống hằng ngày. Tâm, nguyện, giải, hạnh của chúng ta đều phải học theo Phật, học theo A Di Đà Phật, chớ nên học theo những vị Phật khác, nhất định phải học theo A Di Đà Phật. Đó chắc chắn là chánh xác. Nếu quý vị học theo những vị Phật khác bèn là học tạp; đâm ra, tâm chẳng thể thanh tịnh. Hãy chuyên học theo A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở chỗ nào? Những điều được giảng trong ba kinh Tịnh Độ đều là A Di Đà Phật. Đối với tâm của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật xử thế, đãi người dùng tâm gì? Kinh đã nói rất rõ ràng. Đối với nguyện của A Di Đà Phật, cách nhìn và cách nghĩ của A Di Đà Phật đối với vũ trụ và nhân sinh, A Di Đà Phật xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào, chúng ta học những điều ấy. Học giống hệt như Ngài, bản thân chúng ta sẽ biến thành hóa thân của A Di Đà Phật, bản thân chúng ta và A Di Đà Phật hợp thành một. A Di Đà Phật là chính mình, chính mình là A Di Đà Phật, có lẽ nào chẳng vãng sanh? Vì thế, vãng sanh đúng là có thể tự tại, đắc đại tự tại. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 273

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm sáu mươi tám:

Nhị, tùy nguyện đắc sanh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả. Thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

二、隨願得生。

(經)舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。

(Hai, tùy nguyện được vãng sanh.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh vào cõi của A Di Đà Phật, thì những người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi nước ấy hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh).*

Đoạn kinh văn này bảo cho chúng ta biết: Vãng sanh thế giới Tây Phương thật sự chẳng khó. Liên Trì đại sư đặt tiểu đề mục cho đoạn này là *"tùy nguyện đắc sanh"*, chúng ta thấy hết sức nhẹ nhàng, tiêu sái.

(Sớ) Thượng ngôn "tín thọ", kim ngôn "tín dĩ sanh nguyện" dã. Dĩ nguyện, kim nguyện, đương nguyện, quá, hiện, vị tam thời dã. Cử tam thời giả, minh hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh dã.

(疏)上言信受，今言信已生願也。已願、今願、當願，過現未三時也。舉三時者，明有願者，無一不生也。

*(**Sớ**: Trong phần trước đã nói đến sự tin nhận, nay nói "do đã tin bèn sanh khởi nguyện". Đã nguyện, nay nguyện, sẽ nguyện, tức là ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nêu ra ba thời hòng chỉ rõ: "Hễ có nguyện, không một ai chẳng được vãng sanh").*

Quá khứ, hiện tại, vị lai là ba đời.

(Sao) Dĩ nguyện dĩ sanh, tắc kim Phật thuyết kinh chi tiền, dĩ hữu nhân cầu sanh bỉ quốc, nhi đắc sanh cố.

(鈔)已願已生，則今佛說經之前，已有人求生彼國而得生故。

*(**Sao**: "Đã nguyện, đã sanh" là trước khi đức Phật nói kinh trong hiện tại, đã có người cầu sanh cõi ấy, bèn được vãng sanh).*

"Dĩ phát nguyện", *"nhược dĩ sanh"*, trước thời Thích Ca Mâu Ni Phật, [có những người] đã phát nguyện, đã vãng sanh. *"Tắc kim Phật thuyết kinh chi tiền"* (Tức là trước khi đức Phật nói kinh trong hiện tại), trước khi Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh. Trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế giới này, thị hiện thành Phật, vô lượng vô biên chư Phật trong mười phương vô lượng vô biên thế giới, đều vì mọi người tuyên giảng ba kinh Tịnh Độ, khuyên dạy trọn khắp chúng sanh hãy

chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ. *"Dĩ hữu nhân cầu sanh bỉ quốc nhi đắc sanh cố"* (Đã có người cầu sanh cõi ấy bèn được vãng sanh): Chỉ cần cầu vãng sanh, chẳng có ai không vãng sanh.

(Sao) Kim nguyện, kim sanh, tắc Phật chánh trụ thế thời dã.

(鈔)今願今生，則佛正住世時也。

*(**Sao**: "Nay nguyện, nay sanh" là đúng nhằm lúc đức Phật trụ thế).*

Đức Phật nói "nay phát nguyện, đời này vãng sanh". Câu này nhằm nói về những thính chúng trong thuở đức Phật trụ thế.

(Sao) Đương nguyện, đương sanh, tắc văn kinh dĩ hậu, chí ư kim nhật, hậu chi hậu dã.

(鈔)當願當生，則聞經已後，至於今日，後之後也。

*(**Sao**: "Sẽ nguyện, sẽ sanh", tức là sau khi đã nghe kinh, cho đến hiện thời và mai sau).*

"Đương phát nguyện", "nhược đương sanh" là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, mãi cho đến khi pháp vận của đức Thế Tôn chấm dứt trên thế gian. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm: Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Sau một vạn năm, Phật pháp thảy đều diệt hết sạch, kinh Di Đà diệt cuối cùng. Kinh Di Đà còn trụ thế một trăm năm, kéo dài thêm một trăm năm nữa. Sau một trăm năm ấy, kinh Di Đà cũng chẳng còn, danh hiệu sáu chữ *"Nam-mô A Di Đà Phật"* vẫn còn trên thế gian. Thuở ấy, nếu nghe danh hiệu này mà có thể tín, có thể nguyện, vẫn có thể vãng sanh. Do vậy, có thể biết: Pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu càng chẳng thể nghĩ bàn. *"Văn kinh dĩ hậu, chí ư kim nhật"* (Sau khi nghe kinh cho đến hiện thời), chúng ta cách Phật đã ba ngàn năm!

(Sao) Tiên ngôn bất thoái Bồ Đề, hậu vân vãng sanh giả.

(鈔)先言不退菩提，後云往生者。

*(**Sao**: Trước là nói bất thoái Bồ Đề, sau là nói tới vãng sanh).*

Đây là nói: Trong đoạn kinh văn thuộc phần trước đã nói rõ, *"văn*

thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả" (người nghe kinh này, thọ trì kinh này, và nghe danh hiệu của chư Phật), La Thập đại sư dịch như vậy. Bản dịch của Huyền Trang đại sư chẳng ghi là *"cập văn chư Phật danh giả"*. Câu này trong bản dịch của Huyền Trang đại sư là *"cập văn Vô Lượng Thọ Phật danh giả"* (và người nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật). Do vậy, có thể biết: *"Chư Phật"* chính là Vô Lượng Thọ Phật, tức là A Di Đà Phật. Người nghe kinh, thọ trì, và nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm, sẽ chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Tức là trong phần trước đã nói rõ sự bất thoái, nêu ra hai thứ lợi ích thù thắng khôn sánh để khuyên chúng ta hãy phát nguyện vãng sanh.

(Sao) Hậu vân vãng sanh giả, minh phát nguyện giả, kiến thế chi trung, dĩ thuận giác lộ.

(鈔)後云往生者，明發願者，見世之中已順覺路。

*(**Sao**: Sau đó, nói đến chuyện vãng sanh, nhằm chỉ rõ: Người phát nguyện thì ngay trong hiện đời đã đi theo đúng con đường giác ngộ).*

Thời cổ, chữ Kiến (見) và chữ Hiện (現) trong hiện tại là cùng một chữ. *"Kiến thế"* (見世) là trong đời hiện tại. *"Dĩ thuận giác lộ"* (Đã theo đúng con đường giác ngộ), *"giác lộ"* (覺路) là đại đạo Vô Thượng Bồ Đề. Chư vị phải biết: Vô Thượng Bồ Đề đạo là sở hành của Pháp Thân đại sĩ, là sở hành của hết thảy Ma Ha Tát Đại Bồ Tát; Nhị Thừa và Quyền Giáo đều chẳng có phần, kể cả Biệt Giáo Tam Hiền Bồ Tát đều chẳng có phần. Pháp môn này đặc biệt, chỉ cần quý vị chịu tin, chịu nguyện, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đấy chính là đại đạo Vô Thượng Bồ Đề, là đường tắt để thành Phật. Đại sư Tông Khách Ba (Tsong Khapa) thuộc Hoàng Giáo (Gelug-pa)[74] của Mật Tông Tây Tạng

[74] Gelug-pa (đôi khi viết là dGe-lugs-pa) là một trong bốn đại phái của Phật giáo Tây Tạng. Phái này được sáng lập bởi đại sư Tsong Khapa. Do tu viện đầu tiên của phái này là Ganden, nên hiện thời Ganden được coi là tổng bản sơn. Đứng trước tình hình các phái Cổ Mật (Nyingma-pa), Bạch Giáo (Kargyu-pa), và Hoa Giáo (Sakya-pa) không chú trọng giới luật, chỉ chú trọng học Mật pháp, mà không vun bồi vững chắc cơ sở Hiển Giáo, dẫn đến những cách tu tập chẳng đúng pháp, thậm chí xen tạp tà thuật và ma thuật; đại sư bèn đặc biệt nhấn mạnh những nguyên tắc chánh yếu của Đại Thừa, đặc biệt đề cao thuyết tánh Không của Trung Quán, đồng thời đòi hỏi tăng sĩ phải tuân thủ giới luật, không được có vợ con, không được sử dụng pháp "song tu" để hành trì Mật Tông. Trước khi chuyên tu Mật pháp, các tăng sĩ thuộc phái Gelug-

có tác phẩm Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận (Lamrim Chenmo)[75]. Chư vị phải hiểu: Bồ Đề đạo [của Mật Tông] là có thứ tự, là leo cầu thang. Bồ Đề đạo của chúng ta là đáp thang máy, ngay lập tức lên đến nơi, chẳng có thứ lớp, dành cho bậc đại thiện căn, đại phước đức tu hành. Hạng người nào là đại thiện căn, đại phước đức? Người thật sự tin tưởng kinh Di Đà và A Di Đà Phật, thật sự nguyện sanh Tịnh Độ, người ấy là đại thiện căn, đại phước đức, gặp gỡ pháp môn này là đại nhân duyên.

(Sao) Huống ký đắc vãng sanh hồ? Vô nhất bất sanh giả, kiến vãng sanh giả thậm đa vô lượng dã.

(鈔)況既得往生乎？無一不生者，見往生者甚多無量也。

*(**Sao**: Huống hồ người đã được vãng sanh ư? "Không một ai chẳng vãng sanh": Thấy người vãng sanh rất nhiều, số đến vô lượng).*

"Vô nhất bất sanh" (Không một ai chẳng vãng sanh), chỉ rõ người vãng sanh quá nhiều, vô lượng vô biên. Chúng sanh căn cơ thuần thục trong mười phương thế giới đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Dưới đây, đại sư đặt ra hai đoạn vấn đáp.

---

pa phải học Nhân Minh Học, Bát Nhã Trung Quán, Luật Học, Câu Xá, Trung Quán Trang Nghiêm Luận, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận, và nhất là bộ Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận. Do tăng sĩ thuộc phái này đội mũ vàng trong khi các phái như Cổ Mật, Hoa Giáo, Bạch Giáo đội mũ đỏ, hoặc nhiều loại mão màu sắc khác nhau, người ta thường gọi phái Gelug là Hoàng Mạo Phái (phái mũ vàng), hoặc gọi tắt là Hoàng Giáo. Đôi khi còn gọi theo phiên âm là Cách Lỗ Phái.

[75] Đây là một bộ luận giải thích quá trình tu chứng của Đại Thừa. Đại sư Tông Khách Ba đã dựa theo luận điểm trong bộ Bồ Đề Đạo Đăng Luận (Bodhi-pathapradīpa) của luận sư A Để Sa (Atisha) kết hợp với những ý kiến chú giải của các vị đệ tử của ngài Atisha để soạn thành bộ luận ấy. Theo đó, căn tánh của người học Đại Thừa được chia thành ba hạng là hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ. Đối với mỗi hạng căn tánh, bộ luận này giải thích tỉ mỉ tiến trình chẳng thể thiếu sót trong tu học; đồng thời nhấn mạnh: Người học Mật mà không có cơ sở liễu giải Hiển Giáo vững chắc, giữ vững giới luật, sẽ khó thể thành tựu trong Mật Giáo. Bộ luận này được lưu truyền và học tập mạnh mẽ tại các vùng chịu ảnh hưởng văn hóa Phật giáo Tây Tạng như Khang Tạng, Cam Túc, Thanh Hải, Mông Cổ; nhưng mãi cho đến năm 1931, pháp sư Pháp Tôn (1902-1980) sau khi học luận này tại thủ đô Lạp Tát (Lhasa) vào năm 1931 của Tây Tạng, đã dành ra bốn năm miệt mài phiên dịch, và cho đến mùa Đông năm 1935 mới hoàn thành bản dịch tiếng Hán.

(Sao) Vấn: Sanh giả ký đa vô lượng, kim hà ngẫu nhất kiến chi?

(鈔)問：生者既多無量，今何偶一見之。

*(**Sao**: Hỏi: Người vãng sanh đã nhiều vô lượng, sao nay chỉ đôi khi trông thấy [dăm ba người vãng sanh]?)*

Người vãng sanh thế giới Tây Phương nhiều ngần ấy, vì sao chúng ta thấy người vãng sanh rất ít?

(Sao) Đáp: Thập phương thế giới, chúng như vi trần, kỳ vãng sanh giả hà hạn?

(鈔)答：十方世界，眾如微塵，其往生者何限。

*(**Sao**: Đáp: Mười phương thế giới nhiều như vi trần, người vãng sanh từ những cõi ấy há có hạn lượng?)*

"Hà hạn" (何限) là chẳng có cách nào tính toán hạn lượng, quá ư là nhiều!

(Sao) Tử kiến Sa Bà, bất kiến trần sát cố.

(鈔)子見娑婆，不見塵剎故。

*(**Sao**: Ông chỉ thấy cõi Sa Bà, chẳng thấy các cõi nước số nhiều như vi trần).*

"Tử" (子) là tiếng tôn xưng đối với người khác vào thời cổ; hiện thời nói là *"tiên sinh"* (先生). Quý vị chỉ thấy thế giới Sa Bà, trên thực tế, *"thế giới Sa Bà"* ở đây được Liên Trì đại sư dùng để chỉ địa cầu, lại còn chỉ trong một phạm vi nhỏ nhoi là Trung Hoa. Đấy chính là một nguyên nhân khiến cho chúng ta thấy [người vãng sanh] quá ít!

(Sao) Hựu vấn: Sanh giả ký đa vô lượng, bỉ độ hà dĩ dung chi?

(鈔)又問：生者既多無量，彼土何以容之？

*(**Sao**: Lại hỏi: Người vãng sanh đã là nhiều vô lượng, cõi ấy làm sao dung nạp được?)*

Ai nấy đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dân cư của thế giới Cực Lạc có bị bành trướng hay không? Dân số có trở thành quá đông hay không? Chẳng ít người có thắc mắc này!

(Sao) Đáp: Thương minh nạp bách xuyên nhi bất dật.

(鈔)答：滄溟納百川而不溢。

*(**Sao**: Đáp: Biển thẳm dung nạp trăm sông mà chẳng đầy tràn).*

"Thương minh" (滄溟) là biển cả. Nước từ sông ngòi lớn nhỏ đều đổ vào biển cả, chảy suốt ngày từ sáng đến tối, chảy suốt mấy ngàn năm, cũng chẳng thấy biển cả đầy tràn. Đây là sánh ví Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như biển cả, người vãng sanh từ mười phương ví như nước từ sông ngòi.

(Sao) Minh kính hàm vạn tượng nhi hữu dư.

(鈔)明鏡含萬象而有餘。

*(**Sao**: Gương sáng thừa sức chứa đựng muôn hình tượng).*

Lại dùng gương để tỷ dụ. Tấm gương ấy chẳng lớn, nhưng gương soi cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng, [cảnh giới bên ngoài] đều được soi trong ấy, gương chẳng lộ vẻ bị tràn ngập.

(Sao) Huống Tịnh Độ hồ!

(鈔)況淨土乎。

*(**Sao**: Huống hồ Tịnh Độ!)*

Huống hồ Tịnh Độ của Phật? Tịnh Độ của Phật rốt cuộc là như thế nào? Bốn câu dưới đây sẽ nói rõ:

(Sao) Tức tâm thị độ, tức độ thị tâm, dĩ tâm quy tâm, hà phất dung dã?

(鈔)即心是土，即土是心，以心歸心，何弗容也。

*(**Sao**: Tâm chính là cõi, cõi chính là tâm, dùng tâm để quy vào tâm, lẽ đâu chẳng dung nạp được?)*

Câu giải đáp này hoàn toàn là chân tướng sự thật, mà cũng chính là *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"* như nhà Phật đã nói, là cảnh giới *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"* trong kinh Hoa Nghiêm. Vì sao có thể vô ngại? Chính là do hai câu này: *"Tức tâm thị độ, tức độ thị tâm"* (Tâm chính là cõi, cõi chính là tâm). Chúng tôi chỉ cần thay thế "*tâm*" và

"độ" bằng chữ khác, chư vị sẽ hiểu rõ: Đổi Tâm thành Tánh, đổi Độ thành Tướng. Tánh chính là Tướng, Tướng chính là Tánh, Tánh và Tướng như nhau, Tánh và Tướng chẳng hai, há có lớn, nhỏ? Há có nhiều, ít? Chúng sanh trong mười phương thế giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là *"dĩ tâm quy tâm"* (dùng tâm để quy vào tâm), lẽ nào chẳng thể dung nạp lẫn nhau? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong hư không pháp giới đều là những vật được biến hiện bởi tự tâm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, đó là chân tâm, đó là bản tánh. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Pháp Tánh Độ, chẳng giống thế giới này. Thế giới này của chúng ta là Pháp Tướng Độ. Chỗ Pháp Thân đại sĩ ngự được gọi là Nhất Chân pháp giới. Pháp giới của chúng ta là mười pháp giới, mười pháp giới là Pháp Tướng Độ; Nhất Chân pháp giới là Pháp Tánh Độ. Điều này chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh phi khứ, lai, kim, thị dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa.

(Diễn) Tự tánh phi khứ, lai, kim, thị dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa giả. Nhược ngôn quá khứ dĩ sanh, hiện tại kim sanh, vị lai đương sanh, thử tắc tam tế thiên lưu, tứ tướng lưu chuyển, phi sanh Tịnh Độ, nãi sanh Sa Bà dã. Duy tự tánh bất lạc tam tế, nãi dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa dã.

(疏)稱理，則自性非去來今，是已生今生當生義。

(演)自性非去來今 。是已生今生當生義者 。若言過去已生。現在今生。未來當生。此則三際遷流。四相流轉。非生淨土。乃生娑婆也。唯自性不落三際。乃已生今生當生義也。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại chính là ý nghĩa "đã sanh, nay sanh, sẽ sanh".*

***Diễn**: Tự tánh chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại, chính là ý nghĩa "đã sanh, nay sanh, sẽ sanh": Nếu nói quá khứ là đã sanh, hiện tại là nay sanh, vị lai là sẽ sanh, thì chính là chuyển dời theo ba đời, bị lưu chuyển theo bốn tướng (thành, trụ, hoại, không), chẳng phải là sanh Tịnh Độ, mà là sanh trong Sa Bà! Chỉ có tự tánh chẳng rơi vào ba đời thì mới là ý nghĩa "đã sanh, nay sanh, sẽ sanh").*

Nói xứng tánh, trong Chân Như bản tánh, chẳng có quá khứ, hiện

tại, tương lai, chẳng có ba đời, mà cũng chẳng có mười phương. Nếu có mười phương thì còn có xa, gần; có ba đời thì còn có trước, sau. Chẳng có mười phương, bèn chẳng có ba đời; thưa cùng chư vị, chẳng có trước, sau, mà cũng chẳng có xa, gần. Những điều này toàn là chân tướng sự thật, nhưng lũ phàm phu chúng ta rất khó lý giải. Nguyên nhân ở chỗ nào? Vì chúng ta chấp trước có mười phương, chấp trước có ba đời, [sự chấp trước ấy] đã cứng chắc, không có gì phá được, biến thành một thứ thói quen. Nghe đức Phật giảng cảnh giới chân thật này, chúng ta đâm ra cảm thấy hết sức xa lạ, khó thể tiếp nhận. Trên thực tế, những gì đức Phật đã nói chính là chân tướng, còn [những gì] chúng ta trông thấy chính là giả tướng.

(Sao) Vạn niên nhất niệm, hà cổ phi kim. Nhất niệm vạn niên, hà kim bất cổ?

(Diễn) Vạn niên nhất niệm giả, thập thế cổ kim, thỉ chung bất ly đương niệm cố. Vạn niên vi cổ, nhất niệm vi kim. Vạn niên nhất niệm, hà cổ nhi phi kim? Nhất niệm vạn niên giả, nhất niệm phổ quán vô lượng kiếp dã. Nhất niệm vi kim, vạn niên vi cổ. Nhất niệm vạn niên, hà kim nhi phi cổ, hà cổ phi kim? Dĩ kim đoạt cổ dã. Hà kim phi cổ? Dĩ cổ đoạt kim dã. Hỗ đoạt lưỡng vong, tắc cổ kim không hỹ. Tọa đoạn tam tế, đương xứ Tây Phương.

(鈔)萬年一念，何古非今；一念萬年，何今不古。

(演)萬年一念者 。十世古今 。始終不離當念故。萬年為古。一念為今。萬年一念。何古而非今。一念萬年者。一念普觀無量劫也。一念為今。萬年為古。一念萬年。何今而非古。何古非今。以今奪古也。何今非古。以古奪今也。互奪兩亡。則古今空矣。坐斷三際。當處西方。

*(**Sao**: Vạn năm là một niệm, có gì là xưa mà chẳng phải là nay; một niệm là vạn năm, có gì là nay mà chẳng phải là xưa?*

***Diễn**: "Vạn năm là một niệm": Do mười đời, xưa nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm ngay trong hiện tại. Vạn năm là cổ, một niệm là kim (hiện tại). Vạn năm là một niệm, có cổ nào chẳng phải là kim? Một niệm là vạn năm, một niệm quán khắp vô lượng kiếp. Một niệm là kim, vạn năm là cổ. Một niệm là vạn năm, có kim nào chẳng phải là cổ? Có cổ nào chẳng phải là kim? Đó là dùng kim để đoạt cổ. Có kim nào chẳng phải là cổ? Đó là dùng cổ để đoạt kim. Hai bên đoạt lẫn nhau, cho nên*

cùng mất sạch. Vì vậy, cổ lẫn kim đều rỗng không. Dứt bặt ba đời, ngay nơi đây chính là Tây Phương).

"Vạn năm" là thời gian rất dài, *"nhất niệm"* là thời gian rất ngắn. Vạn năm có thể rút gọn thành một niệm, thời viễn cổ cũng biến thành hiện tại. Một niệm có thể biến thành vạn năm, cho nên hiện tại cũng có thể biến thành viễn cổ. Chư vị phải đọc kỹ hai câu này, trong ấy có huyền cơ, tức là *"nhất niệm"*. Trong *"một"*, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có chướng ngại. Hai niệm bèn có phân biệt, chấp trước, tức là có chướng ngại. Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều chứng đắc nhất tâm bất loạn. Nay đã niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị của quý vị càng cao. Nay chưa niệm đến mức nhất tâm bất loạn, chúng ta thường nói là "chỉ niệm đến mức công phu thành phiến", khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta vãng sanh, Phật quang vừa chiếu gội, tội của chúng ta liền diệt, nghiệp chướng cũng chẳng còn, bèn đắc nhất tâm. Bản thân chúng ta là công phu thành phiến, Phật đến tiếp dẫn, Phật quang vừa gia trì, chúng ta được nâng cao thành nhất tâm bất loạn. Điều này chẳng phải là do chúng ta tu được, mà là do Phật gia trì bèn đạt được. Do như vậy mà đạt được nhất tâm bất loạn. Vì thế, người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới có trí huệ và thần thông to tát dường ấy, đạo lý ở ngay chỗ này. Đó là do được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

Một niệm không chỉ là một vạn năm! *"Vạn"* chẳng phải là một con số, [mà có nghĩa] là vô lượng. Vô lượng kiếp có thể biến thành một niệm, đều ở ngay trong hiện tiền! Chẳng có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai; ba đời đều là cảnh giới hiện tiền, cũng chẳng có mười phương xa hay gần, hết thảy các cõi Phật đều ở ngay trước mặt. Chúng ta rất khó tưởng tượng cảnh giới ấy, cho nên gọi nó là *"chẳng thể nghĩ bàn"*. Có đôi chút giống như phim lập thể (3D) trong hiện thời: Vô lượng vô biên cõi nước đều ở ngay trước mắt, tùy thuộc ý niệm của quý vị. Ý niệm là sóng, giống như sóng điện, mong thấy thế giới nào, thế giới ấy bèn hiện tiền, chính mình tiến nhập. Vì thế, xác thực là chẳng có xa, gần, trước, sau. Đã thành Phật, chẳng thể nói vị nào là Phật trước, vị nào là Phật sau, chẳng có! Nếu còn có Phật trước, Phật sau, thưa cùng chư vị, đó là Phật trong mười pháp giới, tuyệt đối chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới thì có xa, gần, có trước, sau; vượt thoát mười pháp giới, bèn chẳng có xa, gần, chẳng có trước, sau. Đây là nêu ra Lý.

Sau khi đã hiểu rõ Lý, Sự bèn dễ hiểu.

(Sao) Tắc niệm niệm du hành lạc quốc.
(鈔)則念念遊行樂國。
*(**Sao**: Tức là niệm nào cũng dạo chơi cõi an vui).*

"Lạc quốc" là cõi nước của hết thảy chư Phật, nơi Phật ngự đều là Tịnh Độ.

(Sao) Thời thời lễ cận từ tôn.
(鈔)時時禮覲慈尊。
*(**Sao**: Lúc nào cũng lễ bái, thân cận đức Từ Tôn).*

"Từ tôn" (慈尊) là mười phương hết thảy chư Phật Như Lai. Khi ấy, chẳng phải là thân cận một vị Phật, hai vị Phật, mà là đồng thời thân cận vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, đồng thời nhiếp nhập vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói *"trùng trùng vô tận pháp giới"*. Kinh Hoa Nghiêm dùng *"Nhân Đà La võng"* (cái lưới của Indra, tức lưới của Đế Thích) để tỷ dụ sự trùng trùng vô tận, là một cảnh giới như thế đó. Quốc sư Hiền Thủ ở trong hoàng cung giảng cảnh giới này, mọi người nghe xong, cảm thấy rất khó hiểu. Quốc sư Hiền Thủ xin hoàng đế dựng một cái đình bát giác, ở mỗi cạnh đều đặt một tấm gương lớn. Tám tấm gương chiếu lẫn nhau. Sư mời đế vương đứng ở giữa, [nhà vua và quần thần thấy] bốn phương tám hướng chẳng biết có bao nhiêu thân thể! Trùng trùng nhiếp nhập giống như cảnh giới ấy, họ bèn thấu hiểu. Đồng thời hiện thân, đồng thời nhiếp nhập trong vô lượng vô biên các cõi nước của chư Phật, xác thực là cảnh giới ấy, chẳng có cõi nào không hiện thân. Đấy mới là chứng minh *"kiến thế chi trung dĩ thuận giác lộ"* (ngay trong hiện đời, đã đi theo đúng con đường giác ngộ), chỉ rõ đại đạo Vô Thượng Bồ Đề chẳng có thứ lớp, viên mãn rốt ráo.

(Sao) Thùy phi vãng sanh giả.
(Diễn) Thùy phi vãng sanh giả, thử xuất tam tế thời dã.
(鈔)誰非往生者。
(演)誰非往生者。此出三際時也。

*(**Sao**: Có ai chẳng phải là người vãng sanh?*

***Diễn**: "Có ai chẳng phải là người vãng sanh": Đấy chính là vượt thoát thời gian bị hạn cuộc trong ba đời vậy).*

Có kẻ nào chẳng phải là người vãng sanh? Dưới đây là nói đến ba thứ tâm bất khả đắc.

(Sao) Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Ký vô kỳ tâm, thùy thị vãng sanh giả?

(Diễn) Quá khứ hạ, tam tế cầu tâm, tâm bất hữu. Tâm bất hữu xứ, vọng nguyên vô. Vọng nguyên vô xứ tức Bồ Đề. Sanh tử Niết Bàn bổn bình đẳng. Tắc thùy thị vãng sanh giả, thử không tam tế tâm dã. Hựu thùy thị vãng sanh giả, sanh nhi vô sanh dã. Thùy phi vãng sanh giả, vô sanh nhi sanh dã.

(鈔)過去心不可得，現在心不可得，未來心不可得，既無其心，誰是往生者。

(演)過去下。三際求心心不有。心不有處妄元無。妄元無處即菩提。生死涅槃本平等。則誰是往生者。此空三際心也。又誰是往生者。生而無生也。誰非往生者。無生而生也。

*(**Sao**: Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được. Đã không có những tâm ấy, ai là người vãng sanh?*

***Diễn**: Từ chữ "quá khứ" trở đi, cầu tâm nơi ba đời, tâm chẳng có. Tâm đã chẳng có ở bất cứ nơi đâu, thì vọng vốn là không. Vọng vốn là không thì chính là Bồ Đề. Sanh tử và Niết Bàn vốn bình đẳng, cho nên ai là người vãng sanh? Đấy chính là chẳng có cái tâm ba đời. Lại nữa, ai là người vãng sanh? Do sanh mà vô sanh vậy! Có ai chẳng phải là người vãng sanh? Chính là vì vô sanh mà sanh vậy).*

Ở chỗ này bèn dung hợp hai câu hỏi lại.

(Sao) Vô sanh nhi sanh.

(鈔)無生而生。

*(**Sao**: Vô sanh mà sanh).*

"Vô sanh mà sanh, sanh mà vô sanh", từ chỗ này diễn dịch thành hai vấn đề ấy.

(Sao) Thị danh dĩ sanh, kim sanh, đương sanh.

(鈔)是名已生今生當生。

*(**Sao**: Gọi là đã sanh, nay sanh và sẽ sanh).*

Quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, sẽ có thể thấu hiểu ý vị *"dĩ sanh, kim sanh, đương sanh"* do đức Phật đã nói. Đức Phật nói lời này chính là lời lẽ phương tiện dành cho đại chúng hiện tiền chúng ta, tức là nói tùy thuận Tục Đế, [ngõ hầu] chúng ta sẽ nghe hiểu, có thể lý giải. Nếu chẳng tham thấu triệt Lý, chẳng sao cả! Cứ tin tưởng nơi Sự là được rồi! Đã phát nguyện, đã sanh, hiện thời phát nguyện, hiện thời vãng sanh; tương lai gặp được pháp môn này bèn phát nguyện, trong tương lai nhất định được vãng sanh. Quý vị đã hiểu rõ nơi mặt Sự, có thể tin sâu chẳng nghi, sẽ đạt được lợi ích.

Tam, tổng kết tín nguyện.

(Kinh) Thị cố, Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

三、總結信願 。

(經)是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

(Ba, tổng kết tín nguyện.

***Kinh**: Do vậy, Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu là người có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy).*

Đây là khuyên lần thứ tư. Kinh Di Đà chẳng dài, là một bộ kinh nhỏ, ngắn ngủi như thế, [thế mà] ở trong ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật bốn lần khuyên dạy chúng ta. Đúng là một rồi hai lượt, hai lượt rồi ba lượt, ba lượt rồi bốn lượt, chẳng ngại phiền khuyên lơn chúng ta vãng sanh. Chư vị còn phải ghi nhớ: Chẳng phải là một mình Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên, mà là sáu phương chư Phật cùng khuyên. Sáu phương chư Phật đại diện cho mười phương hết thảy chư Phật Như Lai, thảy đều khuyên nhủ. [Thế mà] còn có kẻ dẫu được khuyên vẫn cứ trơ trơ! Kẻ ấy nghiệp chướng rất nặng, hết thảy chư Phật khuyên nhủ, kẻ ấy vẫn chẳng động

tâm. Người hơi có thiện căn và phước đức, đọc kinh văn như vậy, trông thấy cảnh giới ấy, có lẽ nào chẳng phát nguyện? Trong các kinh điển khác, chúng ta chưa từng thấy điều này. Tuy Tịnh Tông có ba kinh, thiết yếu nhất là kinh Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu cặn kẽ, nhưng chẳng nhọc công khuyên lơn như thế, chẳng có bốn lần khuyên nhủ. Hết thảy chư Phật Như Lai bốn lần khuyên lơn, khích lệ chúng ta, chỉ có mình bộ kinh này! Nếu được khuyên mà vẫn cứ trơ trơ, kẻ ấy phải là phường Nhất Xiển Đề như trong kinh đã nói, chẳng có thiện căn!

Trong bản kinh này, nơi trang bốn trăm mười bốn, kinh văn chép: *"Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc"* (Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Đó là khuyên lần đầu. Kinh văn nơi trang năm trăm mười hai chép: *"Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ"* (Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy, nên nói lời đó. Nếu có chúng sanh, nghe lời nói ấy, hãy nên phát nguyện, sanh vào cõi ấy). Đấy là khuyên lần thứ hai. Kinh văn trong trang năm trăm sáu mươi lăm có chép: *"Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết"* (Do vậy, Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin lời ta và lời chư Phật đã nói). Đó là khuyên lần thứ ba. Nay chúng ta thấy ở chỗ này: *"Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ"* (Nếu có kẻ nào tin tưởng, hãy nên phát nguyện, sanh vào cõi nước ấy). Đó là khuyên lần thứ tư. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, chưa từng thuyết pháp kiểu ấy. Quý vị mới biết kinh này có tầm trọng yếu ngần ấy đối với hết thảy đại chúng học Phật.

(Sớ) Thượng ngôn hữu nguyện tất sanh.

(疏)上言有願必生。

*(**Sớ**: Trong phần trước có nói: "Có nguyện ắt sanh").*

Trong một đoạn kinh văn ở phần trước có nói [như thế].

(Sớ) Tắc nhân quả lịch nhiên.

(疏)則因果歷然。

*(**Sớ**: Tức là nhân quả rành rành).*

"Lịch" (歷) là rành mạch, rõ ràng. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Niệm Phật thành Phật, nhân quả ấy rành mạch, rõ ràng. Đó là chánh đạo Bồ Đề.

Thuở tôi mới học Phật, tức là hơn bốn mươi năm trước. Khi đó, tôi hai mươi sáu tuổi. Chương Gia đại sư giới thiệu tôi đọc Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận của ngài Tông Khách Ba (Tsong Khappa). Ngài Tông Khách Ba là thầy của đại sư [Chương Gia]. Bốn vị lạt-ma Đạt Lại (Dalai), Ban Thiền (Panchen), Triết Bố Tôn Đan Ba (Jebtsundamba Khutuktu), và Chương Gia (lCang-skya, Zangia Hutagt) đều là học trò của ngài Tông Khách Ba. Chúng tôi gặp kinh này mới biết: Pháp môn này chẳng cần thứ lớp, chẳng cần rắc rối như vậy, mà đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng. Lại còn thành tựu rốt ráo viên mãn. Chúng ta đọc lời khai thị về Niệm Phật của Ngẫu Ích đại sư, đối với những câu nói của lão nhân gia, thật sự khẳng định, hoàn toàn tin tưởng: Xác thực là viên siêu (圓超: siêu việt viên mãn), viên thâu (圓收: *"thâu"* là bao dung). Bộ kinh A Di Đà này siêu việt viên mãn hết thảy các kinh điển, bao hàm viên mãn hết thảy các kinh điển. Không chỉ là những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, mà kinh do mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, đều chẳng thể vượt ra ngoài kinh A Di Đà! Tất cả đều thuộc trong phạm vi của bộ kinh này. Chuyện này thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Tuy kinh Di Đà được lưu truyền rất rộng, mọi người dùng kinh này để niệm trong khóa tối, [thế mà] người hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng có mấy ai! Vì vậy, tụng kinh niệm Phật *"miệng có, tâm không"*, nguyên nhân là vì chưa hiểu rõ ràng. Nếu thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, đọc, tụng, thọ trì sẽ là cảm ứng đạo giao, hiệu quả hoàn toàn khác hẳn!

(Sớ) Kỳ khủng bất tín.

(疏)祇恐不信。

*(**Sớ**: Chỉ sợ không tin).*

Kẻ không tin rất nhiều. Vì thế, pháp môn này được gọi là *"pháp khó tin"*.

(Sớ) Dữ tín nhi bất nguyện nhĩ.

(疏)與信而不願耳。

*(**Sớ**: Và kẻ tin mà chẳng nguyện).*

Còn có kẻ có thể tin. Tuy có thể tin, kẻ ấy chẳng phát tâm vãng sanh Tịnh Độ, chẳng muốn đến Tịnh Độ. Vì sao kẻ ấy chẳng mong vãng sanh? Kẻ đó chẳng biết lợi ích chân thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu kẻ ấy biết, sức mạnh nào cũng đều chẳng ngăn cản kẻ ấy được, quyết định sẽ vãng sanh.

(Sớ) Cố tổng kết tín nguyện, ngôn: "Bất tín tắc dĩ, nhược hữu tín giả, ưng đương nguyện vãng". Thị vi đệ tứ trùng khuyến.

(疏)故總結信願，言不信則已，若有信者，應當願往，是為第四重勸。

*(**Sớ**: Vì thế, tổng kết tín nguyện, nói: "Kẻ chẳng tin thì thôi. Nếu là người đã tin, hãy nên nguyện vãng sanh". Đó là khuyên lần thứ tư).*

"Trùng" (重) là lặp lại, khuyên chúng ta lần thứ tư.

(Sao) Đệ tứ khuyến giả, tùng sơ nhi tái, giai minh phát nguyện cầu sanh.

(鈔)第四勸者，從初而再，皆明發願求生。

*(**Sao**: Khuyên lần thứ tư: Từ lần đầu cho đến lần thứ hai đều nói rõ: [Người nghe kinh này], hãy nên phát nguyện cầu sanh).*

[Đó là nội dung của lời khuyên] lần đầu và lần thứ hai.

(Sao) Chí ư tam trung, phục minh nguyện tùng tín khởi.

(鈔)至於三中，復明願從信起。

*(**Sao**: Cho đến lần thứ ba, lại nói rõ nguyện do tín mà khởi).*

Khuyên lần thứ ba là khuyên chúng ta nhất định phải tin tưởng lời đức Phật dạy, quyết định chớ nên hoài nghi. Nếu không, quý vị sẽ bỏ lỡ lợi ích thù thắng ấy, đúng là quá đáng tiếc. Điều này nói thật ra là *"trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ"*, đúng vậy, chẳng giả tí nào! Chúng ta rất may mắn gặp gỡ, đã gặp mà còn bỏ lỡ, quá đáng tiếc! Đây là nói rõ: Nguyện sanh khởi từ Tín.

(Sao) Như thượng tam trùng, chỉ thị khuyến thuyết ưng đương phát nguyện, vị hiển phát nguyện công đức.

(鈔)如上三重，止是勸說應當發願，未顯發願功德。

*(**Sao**: Ba lần khuyên trên đây, chỉ là khuyên hãy nên phát nguyện, chưa nói rõ công đức do phát nguyện).*

Ba lượt khuyên dạy mà chẳng nói rõ công đức của việc phát nguyện.

(Sao) Kim ngôn quá, vị, hiện tại, đản hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh, phương tri nguyện lực như thị quảng đại, yên khả bất tín, yên khả bất nguyện, cố vân tứ khuyến, cố vân tổng kết.

(鈔)今言過未現在，但有願者，無一不生，方知願力如是廣大，焉可不信，焉可不願，故云四勸，故云總結。

*(**Sao**: Nay nói: Quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ cần là người có nguyện, không một ai chẳng vãng sanh, mới biết nguyện lực rộng lớn như thế, há nên chẳng tin, há nên chẳng nguyện? Vì vậy, nói là "khuyên lần thứ tư", nói là "tổng kết").*

Đến chỗ này, công đức và lợi ích do phát nguyện đều nói rõ ràng. Quá khứ phát nguyện, bèn vãng sanh trong quá khứ. Hiện tiền phát nguyện, hiện tiền vãng sanh. Tương lai phát nguyện, tương lai nhất định vãng sanh. Lợi ích đều được nêu ra. Vì thế, trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã bảo: Có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không, *"hoàn toàn do có tín nguyện hay không"* chính là đã căn cứ vào phần kinh văn của bốn lần khuyên lơn để nói. Phẩm vị cao hay thấp là *"do công phu trì danh sâu hay cạn"*. Vãng sanh chỉ cần trọn đủ tín nguyện, lâm chung một tiếng hoặc mười tiếng Phật hiệu, cũng đều vãng sanh. Trong ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, lâm chung một niệm hay mười niệm, người ấy cũng có Hạnh. Vì thế, điểm then chốt để vãng sanh là tín nguyện, do công phu trì danh mà phẩm vị sanh vào thế giới Tây Phương sẽ cao hay thấp. Do vậy, chúng ta phải phát nguyện vãng sanh, phải nhất tâm trì danh. Vì sao? Phẩm vị cao hay thấp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật, là điều chúng ta có thể đạt được, chứ tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, hết thảy đều giả trất, thứ gì cũng đều chẳng đem theo được! Chẳng đem theo được, mà lãng phí quá nhiều tinh lực và thời gian trong đó, thì gọi là *"ngu si"*. Người thật sự tu hành, đối với hết thảy mọi thứ trong thế gian này, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thảy đều hoan hỷ, hết thảy đều tùy duyên, đều là rất tốt đẹp, đều chẳng có chuyện gì! Điều thật

sự khẩn yếu là nắm chắc câu Phật hiệu, điều đó là khẩn yếu! Chúng ta mang điều ấy theo được. Đấy chính là chúng ta đã biết công đức và lợi ích chân thật. *"Yên khả bất tín"* (Há nên chẳng tin), có thể nào chẳng tin? Có thể nào chẳng phát nguyện?

(Sao) Trí Giả vân.

(鈔)智者云。

*(**Sao**: Ngài Trí Giả nói).*

Đời Tùy, Thiên Thai Tông Trí Giả đại sư.

(Sao) Hỏa xa tướng hiện, thượng đắc vãng sanh, Giới Định huân tu, công bất khả đường quyên hỹ, tín chi chí dã.

(鈔)火車相現，尚得往生，戒定薰修，功不可唐捐矣，信之至也。

*(**Sao**: Tướng xe bốc lửa hiện, còn được vãng sanh. Giới Định huân tu, công chẳng luống uổng, tin tưởng tột bậc vậy).*

Đây là tín tâm đạt đến tột bậc! *"Hỏa xa tướng hiện"*: *"Hỏa xa"* chính là Hỏa Xa địa ngục. Khi còn là phàm phu tu hành, Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng đọa vào Hỏa Xa địa ngục. Kinh Phật Bổn Hạnh có chép câu chuyện này. Đức Phật nói Ngài ở trong Hỏa Xa địa ngục. Tình huống trong Hỏa Xa địa ngục là như thế nào? Tội nhân kéo cái xe bốc lửa, [nghĩa là] xe ấy được nung đến mức sắt cháy đỏ rực, [quỷ sứ] rút gân tội nhân làm thừng để kéo cái xe đó. Chịu tội khổ trong địa ngục ấy, khổ chẳng thể nói nổi! Nhóm Thích Ca Mâu Ni Phật [thuở ấy] là mấy người kéo một xe. Ngài thấy mọi người rất đáng thương, bèn cầu xin quỷ tốt ngưu đầu mã diện (đầu trâu mặt ngựa): "Người kế bên tôi khổ quá, rút gân chẳng được. Rút thêm một sợi gân của tôi để thế cho người ấy, có được hay không?" Tên tiểu quỷ ấy vung lang nha bổng[76] đập chết

[76] Lang nha bổng (狼牙棒) là một thứ binh khí thời cổ, có thể tạm dịch là "chùy gai". Nó có hình gậy dài, phần chùy to có hình trụ, cán cầm nhỏ hơn, thuôn dài, thường làm bằng gỗ cứng, dài khoảng bốn năm thước Tàu. Phần nối giữa cán và chùy thường làm bằng sắt. Chung quanh phần chùy, đóng rất nhiều đinh sắt lởm chởm như răng sói, nên gọi là Lang Nha Bổng (gậy răng sói). Loại vũ khí này chỉ thấy tại Trung Hoa từ đời Tống trở đi, có lẽ du nhập từ các sắc dân du mục ở phía Bắc biên

Thích Ca Mâu Ni Phật: "Ngươi còn có hảo tâm toan giúp đỡ họ ư!" Một bổng đập chết Ngài, do bị đập chết trong địa ngục, Ngài bèn siêu sanh. Phát một niệm từ bi tâm, bèn từ địa ngục siêu sanh.

(Diễn) Hỏa xa tướng hiện giả, Quán Kinh hạ phẩm văn vân: "Hoặc hữu chúng sanh, thâu tăng-kỳ vật, bất tịnh thuyết pháp, vô hữu tàm quý, dĩ chư ác nghiệp, nhi tự trang nghiêm. Như thử ác nhân, mạng dục chung thời, địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí. Ngộ thiện tri thức, giáo linh niệm Phật, tầm đắc vãng sanh".

(演)火車相現者，觀經下品文云：或有眾生，偷僧祇物，不淨說法，無有慚愧，以諸惡業，而自莊嚴。如此惡人，命欲終時，地獄眾火一時俱至。遇善知識，教令念佛，尋得往生。

***(Diễn**: "Tướng xe lửa hiện": Phần Hạ Phẩm trong Quán Kinh có nói: "Nếu có chúng sanh trộm đồ vật Tăng-kỳ, bất tịnh thuyết pháp, chẳng hề hổ thẹn, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Kẻ ác như vậy, khi mạng sắp hết, các thứ lửa trong địa ngục cùng lúc ùa tới. Gặp thiện tri thức, dạy kẻ ấy niệm Phật, liền được vãng sanh").*

Hiện thời kẻ hữu ý hay vô tình phạm tội này chẳng ít. Có lắm kẻ phạm phải tội lỗi này, nhưng xác thực là chính họ không biết, lại còn chẳng biết do phạm những tội lỗi ấy, trong tương lai sẽ mắc phải khổ báo nặng nề dường ấy. Tuy đọc kinh văn, cũng luôn là hồ đồ, đọc loáng thoáng lướt qua, giống như chẳng có gì liên quan tới chính mình, có thể nói là rất hời hợt, vô ý! *"Thâu Tăng-kỳ vật"*: Tăng-kỳ là tăng đoàn, nay chúng ta nói là đạo tràng Phật giáo. *"Thâu đạo"* (偷盜: trộm cắp) là không cho mà lấy. Đừng nói là người bình phàm dùng trộm vật của thường trụ tội rất nặng, người xuất gia cũng chẳng được phép; nhưng hiện thời, Phật pháp chỗ nào cũng suy vi đến tột cùng, đoàn thể Phật giáo thật sự đúng như pháp tôi chưa hề thấy, mà cũng chẳng hề nghe nói tới. Thế nhưng chúng tôi hết sức mong mỏi có một đoàn thể đúng pháp như vậy xuất hiện trên thế gian này, chúng tôi thường nói là *"tăng đoàn Lục Hòa Kính"*. Nay tuy chúng ta nói tới Lục Hòa Kính, ở ngoài mặt thì hòa hợp khá lắm, bên trong vẫn là bất hòa, [nguyên nhân là do] cách

---

cương Trung Hoa. Tác dụng chính của nó là đập vỡ vũ khí và áo giáp của địch thủ, đồng thời gây thương tích nghiêm trọng cho địch nhân.

nghĩ và cách nhìn khác biệt. Chỉ cần có cách nghĩ và cách nhìn khác biệt, sẽ vĩnh viễn chẳng có cách nào đạt tới hòa kính. Tăng đoàn Lục Hòa thật sự kiến lập từ nơi đâu? Chính là cách nghĩ và cách nhìn của chính mình thảy đều bỏ hết, hoàn toàn chẳng đòi hỏi [kẻ khác phải chấp nhận] cách nghĩ của chính mình là chánh xác, "các ngươi phải giống hệt như ta", chẳng phải là như vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng đòi hỏi kẻ khác như thế. Thích Ca Mâu Ni Phật là tất cả hết thảy tri kiến và cách nghĩ thảy đều buông bỏ, tâm địa sạch làu làu, chẳng nhiễm mảy trần, chẳng sanh một niệm. Mỗi người trong đoàn thể đại chúng đều buông xuống, tâm mỗi người đều thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Đó là Kiến Hòa Đồng Giải, được kiến lập như thế đó. Đối với cách nói này của đức Phật, chúng ta quả thật bội phục!

"Bất tịnh thuyết pháp": Phương thức hoằng pháp rất nhiều, không chỉ là thuyết pháp trên giảng đài. Nhưng hoằng pháp mà nghĩ tới tiếng tăm, lợi dưỡng, đó là bất tịnh. Hễ có mảy may tâm phan duyên tiếng tăm, lợi dưỡng, đó là bất tịnh thuyết pháp. Làm chuyện hoằng pháp lợi sanh, dẫu cho [làm chuyện ấy vì] danh lợi, [dẫu] chính mình chẳng hưởng thụ [danh lợi ấy] thì vẫn không được, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Điều này hết sức quan trọng! Người thế gian tưởng làm chuyện tốt chính là chuyện tốt đẹp, chưa chắc! Bàng cư sĩ đã dạy chúng ta: *"Chuyện tốt chẳng bằng vô sự", "vô sự"* mới là chuyện tốt đẹp thật sự. Chư Phật, Bồ Tát trong tận hư không khắp pháp giới thị hiện các thứ thân, các thứ tướng hòng lợi ích hết thảy chúng sanh. Các Ngài là *"làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm"*. Các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, điều gì cũng đều chẳng mong cầu, cũng chẳng thấy là cái do chính mình có. Tâm thanh tịnh, làm mà không làm. Tuyệt đối chẳng suy tưởng phan duyên làm chuyện gì, [hễ phan duyên] thì sai mất rồi! Tùy duyên, chẳng phan duyên. Hễ phan duyên, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh.

"Vô hữu tàm quý, dĩ chư ác nghiệp, nhi tự trang nghiêm" (Chẳng hề hổ thẹn, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm): Tạo tác các thứ ác nghiệp, vẫn cứ tự tưởng là thanh danh rất lớn, rất nổi tiếng, có địa vị cao cả trong xã hội. Kẻ ấy muốn làm chuyện ấy, ngỡ đó là tự trang nghiêm chính mình. Làm theo kiểu đó, trọn chẳng biết là tạo tội nghiệp, quả báo trong tương lai là địa ngục A Tỳ, hết sức đáng thương! Hiện thời phong khí trong xã hội cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Khắp nơi trên toàn thế giới gào rống: *"Bảo vệ quyền tài sản trí huệ"*. Danh từ này mấy năm gần đây mới nghe thấy, trước kia chẳng có! Bảo vệ quyền tài sản trí huệ, trên

thực tế là đảm bảo quý vị đọa địa ngục!

Đặc biệt là đối với Phật pháp, Phật pháp là trí huệ. Trí huệ của Phật pháp nhằm lợi ích và phổ độ chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm có dạy: Nếu chẳng hoằng pháp, độ chúng sanh, chẳng thể gọi là người báo đáp ân Tam Bảo. Chúng ta báo đáp ân đức của Phật, Bồ Tát, chỉ có một chuyện là hoằng pháp lợi sanh, lưu thông Phật pháp. [Kẻ hô hào bảo vệ quyền tài sản trí huệ trong Phật pháp] đã ngăn cấm Phật pháp, chẳng cho phép lưu thông! Ngay cả ấn hành kinh sách, hiện thời, tôi thấy người ta tặng cho một bộ kinh Hoa Nghiêm, phía sau, trên trang ghi bản quyền có đề: *"Sở hữu bản quyền, chẳng được phép in lại"*. Thành ra thể thống chi nữa? Kinh Hoa Nghiêm nghiễm nhiên trở thành bản quyền của kẻ đó, thành [tài sản riêng] của kẻ đó. Chẳng phải rõ ràng là đã ăn trộm bản quyền của Thích Ca Mâu Ni Phật ư? Trong tương lai, đọa vào địa ngục A Tỳ, có chối cũng chẳng được, vừa thấy chuyện bản quyền, chứng cứ ở ngay đây nè!

Đừng nói là Phật, Bồ Tát, [ngay cả] cổ thánh tiên hiền cũng niệm niệm đều hy vọng người khác tốt đẹp, niệm niệm đều hy vọng giúp đỡ xã hội an định, phồn vinh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh có thể đạt được hạnh phúc mỹ mãn. Người ta in lại, hoan hỷ còn chưa xuể, lẽ đâu còn muốn giữ bản quyền? Chưa hề nghe nói! Do vậy, có thể biết: Chúng ta có thể suy ra, con người mai sau ngày càng ngu si, vì mắc phải quả báo ngu si do tiếc pháp. Khi lâm chung, gặp gỡ thiện hữu hoặc thiện tri thức dạy kẻ ấy niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Đấy là tín tâm đạt đến tột bậc. Chúng ta niệm Phật, phát nguyện cầu vãng sanh, quyết định được vãng sanh, chẳng có hoài nghi tí nào!

(Sao) Vĩnh Minh vân: "Kiếp thạch khả ma, ngã nguyện vô dịch hỹ". Nguyện chi chí dã.

(Diễn) Kiếp thạch khả ma giả, hữu thạch phương viên đại nhất do- tuần, dĩ chư thiên lục thù y, quá ngũ bách niên, nãi phất nhất thứ, ma thử thạch tận, danh vi nhất kiếp.

(鈔)永明云：劫石可磨，我願無易矣。願之至也。

(演)劫石可磨者。有石方圓大一由旬。以諸天六銖衣。過五百年乃拂一次。磨此石盡。名為一劫。

*(**Sao**: Ngài Vĩnh Minh nói: "Kiếp thạch có thể mòn, nguyện của ta chẳng đổi". Đó là nguyện đến tột bậc vậy.*

***Diễn**: "Kiếp thạch có thể mòn": Có một hòn đá vuông vắn một*

do-tuần, dùng cái áo nặng sáu thù[77] *của chư thiên, cứ qua năm trăm năm bèn phất qua tảng đá ấy một lần, cho đến khi mài mòn sạch tảng đá ấy thì gọi là một kiếp).*

Đây là đức Phật dùng tỷ dụ để nói. Có một tảng đá lớn, tảng đá ấy lớn cỡ nào? To một do-tuần. Một do-tuần: Tiểu do-tuần là bốn mươi dặm. Một khối đá to ngần ấy! Chất liệu quần áo của chư thiên mặc rất mỏng, rất nhẹ. Mỗi năm trăm năm, vị trời ấy đi qua đó một lần, ống tay áo phất qua [tảng đá đó]. Tới năm nào, tảng đá ấy bị mài mòn hết sạch, bèn gọi là một kiếp. Đây là nói rõ thời gian một kiếp dài bao lâu. Kiếp thạch có thể bị mài mòn, nguyện cầu sanh Tịnh Độ của ta quyết định chẳng thay đổi. Vĩnh Minh đại sư dùng tỷ dụ này để nói, *"nguyện chi chí dã"* (nguyện đạt tới tột cùng). Vì thế, tín và nguyện của chúng ta đều phải giống như tổ sư vậy.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh như trí minh khế, thị tín nguyện song thành nghĩa.

(疏)稱理，則自性如智冥契，是信願雙成義。

*(**Sớ**: Xứng Lý, Như và Trí trong tự tánh ngầm khế hợp chính là ý nghĩa "tín và nguyện cùng thành tựu").*

"Tự tánh Như" là nói theo Lý. *"Tự tánh Trí"* là nói theo Bát Nhã vốn sẵn có. Vạn pháp đều Như, chẳng có pháp nào không Như. Như là tự tánh, là bản thể của tự tánh. Trí và Như là một, chẳng hai, đó là *"minh khế"* (冥契: ngầm khế hợp). Ông Âu Dương Cánh Vô nói: *"Phật giáo chẳng phải là triết học"*. Lời ấy bắt nguồn từ đâu? Trong Triết Học, Lý và Sự tách rời, chẳng phải là một. Tâm và vật tách rời, chúng là đối lập, cũng là *"tương đối"* như chúng ta nói trong hiện tại. Trong Phật pháp, chẳng có tương đối. Tuy Phật pháp nói Nhị Biên, nhưng Nhị Biên là một, chẳng phải là hai; giống như trong Tâm Kinh, Phật pháp nói Sắc và Không, nhưng Sắc và Không là một, chẳng hai: *"Sắc chính là Không,*

---

[77] Thù (銖) là một đơn vị đo lường của cổ Trung Hoa, rất nhỏ. Theo quy định, một lượng là hai mươi bốn thù. Một lượng thời cổ chừng 30g, trong khi tại Đại Lục hiện thời là quy định là 31.7g, còn tại Hương Cảng và Đài Loan là 37.5g, khác với Lạng (theo cách cân đo phổ biến) ở miền Bắc Việt Nam là 100g (trong khi đó một lạng vàng (lượng vàng, một cây vàng) vẫn chỉ tối đa là 37.5g). Theo đó, cái áo sáu thù chỉ nặng 7.5g, rất nhẹ!

Không chính là Sắc".

Trong Triết Học, Sắc là Sắc, Không là Không, Sắc chẳng phải là Không, Không chẳng phải là Sắc. Đó là nói theo Triết Học. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là Triết Học. Đấy là từ Tánh và Thể mà nói tới Tín và Nguyện. Tín và Nguyện là một, chẳng hai. Hễ có Tín, quyết định có Nguyện; có Nguyện, đương nhiên là có Tín.

(Sao) Thuần nhiên chân thật nhi bất hư giả, tự tánh Như dã, thị chi vị Tín.

(鈔)純然真實而不虛者，自性如也，是之謂信。

*(**Sao**: Chân thật, thuần nhất, chẳng hư dối, chính là tự tánh Như. Đó gọi là Tín).*

"Như" là Chân Như, là bản tánh. *"Tín"* xuất sanh từ chân tánh.

(Sao) Xí nhiên xuất sanh nhi vô tận giả, tự tánh trí dã, thị chi vị Nguyện.

(鈔)熾然出生而無盡者，自性智也，是之謂願。

*(**Sao**: "Hừng hực xuất sanh vô tận" chính là Tự Tánh Trí, đó gọi là Nguyện).*

"Xí" (熾) là tỷ dụ, giống như lửa, cháy hết sức mạnh mẽ. *"Tự tánh Trí dã"* (Là tự tánh Trí), trí huệ là vô tận. *"Thị chi vị Nguyện"*: Điều đó gọi là Nguyện.

(Sao) Như minh hồ Trí, Trí khế hồ Như.

(鈔)如冥乎智，智契乎如。

*(**Sao**: Như ngầm hợp Trí, Trí khế hợp Như).*

Như có thể sanh ra Trí, Trí do Như sanh, xác thực là một, chẳng hai. Nói cách khác, một đằng là Thể, một đằng là Dụng. Thể và Dụng là một, chẳng hai.

(Sao) Trí ngoại vô Như, Như ngoại vô Trí.

(鈔)智外無如，如外無智。

*(**Sao**: Ngoài Trí chẳng có Như, ngoài Như chẳng có Trí).*

Đấy là nói theo Lý. Dưới đây là nói theo Sự.

(Sao) Văn Thù tín thủ, cụ túc nhất tâm.
(鈔)文殊信首，具足一心。
*(**Sao**: Ngài Văn Thù đứng đầu về Tín, trọn đủ nhất tâm).*

Nơi Sự, Văn Thù Bồ Tát biểu thị Tín, có thể sanh ra hết thảy Phật pháp. Văn Thù Bồ Tát là *"thất Phật chi sư"*, tức là thầy của bảy đức Phật, *"bảy"* biểu thị sự viên mãn. Hết thảy chư Phật đều từ Tín sanh ra. Văn Thù biểu thị ý nghĩa này. *"Cụ túc nhất tâm"* (Trọn đủ nhất tâm), nhất tâm là Văn Thù.

(Sao) Phổ Hiền nguyện vương, bất ly đương niệm.
(鈔)普賢願王，不離當念。
*(**Sao**: Nguyện vương của Phổ Hiền, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại).*

"Đương niệm" (當念) là nhất niệm, nhất niệm là Phổ Hiền. Nhất tâm là Văn Thù, nhất niệm là Phổ Hiền. Chúng ta nhất tâm niệm Phật, bèn trọn đủ viên mãn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm ở nơi đâu? Nhất tâm niệm Phật bèn viên mãn! Diệu nghĩa này thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

Chư vị đồng tu phải biết: Nếu Ngài (Liên Trì đại sư) chẳng phải là bậc tái lai, sẽ chẳng thể nói như vậy được. Liên Trì đại sư trước tác bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa, gần như quá nửa là dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, giải thích hết sức viên mãn, chẳng có mảy may thêm thắt khiên cưỡng nào! Vì thế, kinh này xác thực là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Thời đầu nhà Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng đã nói kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm. Những vị này đều là bậc thông gia thật sự, thật sự thông đạt. Nếu không, sẽ chẳng nói như thế được! Chúng ta chỉ có thể từ chú sớ nhìn ra những dấu tích ấy. Chúng ta chẳng có cách nào suy lường công phu tu hành của các Ngài trên thực tế, các Ngài tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân!

(Diễn) Chân thật bất hư chi Như vi Tín giả. Tín hữu chân thật nghĩa. Dĩ nhược vô hữu tín, vạn sự giai hư cuống cố.

(演)真實不虛之如為信者。信有真實義。以若無有信。萬事皆虛誑故。

*(**Diễn**: "Cái Như chân thật, chẳng hư dối chính là Tín": Tín có ý nghĩa chân thật. Bởi lẽ, nếu chẳng có Tín, muôn sự đều trở thành hư dối).*

Phải chú tâm thấu hiểu ý nghĩa này; đây là học vấn rất sâu. Bất luận là kẻ học Phật hay không học Phật, đối với pháp thế gian, hoặc trong Phật pháp, nếu chẳng có tín tâm, suốt cả một đời này, kẻ ấy chẳng thể thành tựu một chuyện gì! Phàm là người thành tựu, vì sao người ấy thành tựu? Nhân tố thứ nhất là người ấy có tín tâm kiên định. Kinh Hoa Nghiêm dạy chẳng sai: *"Tín là nguồn đạo, mẹ công đức"*. Ngẫu Ích đại sư nói sáu loại Tín, loại thứ nhất là Tín Tự (tin vào chính mình). Chính mình chẳng có lòng tự tin, chẳng còn chuyện gì để bàn luận nữa! Thành tựu của quý vị lớn, nhỏ, cao, thấp, tùy thuộc lòng tự tin của quý vị lớn hay nhỏ. Lòng tự tin kiên định, hoàn toàn tỷ lệ thuận [với sự thành tựu]. Pháp thế gian là như thế, mà Phật pháp cũng là như thế. Do vậy, đây là đại học vấn! Vạn sự hư dối sẽ lầm lỡ một đời, chẳng có thành tựu gì!

(Diễn) Xuất sanh vô tận chi trí vi Nguyện giả. Nguyện hữu xuất sanh nghĩa. Dĩ vạn đức, vạn hạnh, giai tùng lạc dục cố.

(演)出生無盡之智為願者。願有出生義。以萬德萬行。皆從樂欲故。

*(**Diễn**: Trí xuất sanh vô tận là Nguyện. Nguyện có ý nghĩa xuất sanh. Do vạn đức, vạn hạnh đều xuất phát từ lòng ưa muốn).*

Nói theo pháp thế gian là *"lập chí"*. Nếu một người mà chẳng có chí thì chuyện gì cũng chẳng thành. Người ấy có chí hướng, trong một đời này, người ấy có phương hướng, có mục tiêu, đời này người ấy sống có ý nghĩa, có giá trị. Nếu trong một đời này, ở trong thế gian mà chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, sẽ hồ đồ, mê muội, sống say, chết mộng, tự nhiên là sẽ luống uổng một đời này. Pháp thế gian và xuất thế gian đều giống nhau. Trong Phật pháp, nói đến sự phát nguyện, nói tới sự phát tâm, phát tâm là phát nguyện; trong pháp thế gian bèn nói là *"lập chí"*. Trước đây, trong sự giáo học của Nho gia, Khổng Tử đã nói *"tam thập nhi lập"* (ba mươi tuổi, chí hướng đã định). Có thể thấy lập chí hết

sức trọng yếu. Từ rất sớm, Khổng phu tử đã dốc chí nơi học vấn, *"chí ư học"* (dốc chí nơi việc học) suốt cả một đời, Ngài quả thật đã thành tựu viên mãn. Trong Phật pháp cũng là như vậy, học nhân Tịnh Tông lại còn thù thắng hơn. Chí hướng của họ là vãng sanh Tịnh Độ, là mong thấy A Di Đà Phật. Trong tất cả chí nguyện, đây là chí nguyện to lớn bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, là chí nguyện viên mãn rốt ráo. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 274

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm bảy mươi hai.

Tứ, hỗ chương nan sự linh thiết cảm phát.

四、互彰難事令切感發。

(Bốn, [đức Phật Thích Ca và chư Phật tán thán lẫn nhau] hòng lần lượt phơi bày sự khó khăn để phát khởi sự cảm kích thiết tha).

Đối với đoạn kinh văn tiếp theo, Liên Trì đại sư đã đặt một tiểu đề mục là *"hỗ chương nan sự linh thiết cảm phát"*, *"chương"* (彰) có nghĩa là *"chương minh"* (彰明: sáng tỏ), rõ rệt. Chư Phật tán thán lẫn nhau, phơi bày sự thật này rất rõ ràng, rất minh bạch, khiến cho thính chúng sau khi nghe xong sẽ cảm động sâu xa, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Đề mục này có ý nghĩa ấy.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức.

(經)舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật).*

Đức Thế Tôn gọi ngài Xá Lợi Phất. Hễ gọi tên Ngài thì đoạn kinh văn tiếp đó sẽ hết sức trọng yếu, [gọi tên] nhằm nhắc nhở Ngài chú ý. *"Như ngã kim giả"* (Như ta nay), *"ngã"* (我) là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, *"kim"* (今) là hiện tại, là khi đức Phật giảng kinh Di Đà. Giảng kinh Di Đà là tán thán A Di Đà Phật, *"xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức"* (ca ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật) giảng

kinh Vô Lượng Thọ, giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Ba kinh ấy chuyên môn tán thán vô lượng vô biên công đức của A Di Đà Phật, chuyên môn tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở đây, nói *"xưng tán chư Phật"* mà chẳng nói *"xưng tán A Di Đà Phật"*, La Thập đại sư dịch như vậy. La Thập đại sư dịch kinh theo lối dịch ý, chẳng phải là trực dịch. Huyền Trang đại sư dịch theo lối *"trực dịch"* (直譯), [nghĩa là] chiếu theo sát nguyên văn tiếng Phạn để dịch từng câu một. Nguyên văn tiếng Phạn chẳng phải là *"xưng tán chư Phật"* mà là *"xưng tán Vô Lượng Thọ Phật"*.

(Sớ) Đường dịch đản vân.

(疏)唐譯但云。

*(**Sớ**: Bản dịch đời Đường chỉ nói).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư.

(Sớ) Như ngã kim giả, xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật.

(疏)如我今者，稱揚讚歎無量壽佛。

*(**Sớ**: Như ta nay ca ngợi, tuyên dương, tán thán Vô Lượng Thọ Phật).*

Hợp hai bản dịch lại để xem, ý nghĩa bèn hết sức rõ ràng. Nguyên lai, La Thập đại sư nói *"chư Phật"* chính là A Di Đà Phật, Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật. Vì sao nguyên văn là A Di Đà Phật, La Thập đại sư lại dịch thành *"chư Phật"*?

(Sớ) Thử ngôn xưng tán chư Phật, Cổ Nhai vân: "Dĩ Di Đà chư Phật, đồng nhất Pháp Thân cố".

(疏)此言稱讚諸佛，古崖云：以彌陀諸佛，同一法身故。

*(**Sớ**: Ở đây nói "khen ngợi chư Phật": Ngài Cổ Nhai nói: "Do Phật Di Đà và chư Phật có cùng một Pháp Thân").*

Nói cách khác, Di Đà là chư Phật, chư Phật là Di Đà, rất chẳng thể nghĩ bàn! Công đức chẳng thể nghĩ bàn, ý nghĩa được bao hàm trong ấy

hết sức phong phú, ý vị sâu xa!

(Sao) Đồng nhất Pháp Thân giả, như Hoa Nghiêm tụng vân: "Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân, nhất thân, nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên".

(鈔)同一法身者，如華嚴頌云：十方諸如來，同共一法身，一身一智慧，力無畏亦然。

*(**Sao**: "Cùng một Pháp Thân": Như trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: "Mười phương chư Như Lai, cùng chung một Pháp Thân, một thân, một trí huệ, lực vô úy cũng vậy").*

Trong Phật môn thường nói *"Phật Phật đạo đồng"*, rốt cuộc là thật sự tương đồng? Hay là đôi bên rất tiếp cận? *"Tiếp cận"* thì chẳng phải là hoàn toàn tương đồng. Chúng ta đọc ba kinh Tịnh Độ, đọc kinh luận Đại Thừa, sau đó mới hiểu rõ: Thật sự tương đồng, hoàn toàn giống nhau. Không chỉ là Phật Phật đạo đồng, mà Phật và hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, chẳng một ai bất đồng. Điều đó chính là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Tình dữ vô tình, đồng viên mãn Chủng Trí"* (Tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), *"đồng"* ở đây là *"đồng"* với Phật, chẳng phải là *"đồng"* với ai khác! *"Tình"* (情) là nói tới hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới, *"vô tình"* (無情) là y báo trang nghiêm trong chín pháp giới, hoàn toàn cùng Phật tương đồng, nhưng trong cảnh giới của chúng ta, cảm giác hoàn toàn bất tương đồng. Không chỉ là bất đồng với Phật, mà giữa mỗi người chúng ta, Giáp và Ất bất đồng. Ất và Bính cũng bất đồng. Nhưng trong cái nhìn của chư Phật Như Lai, các Ngài thấy hoàn toàn như nhau, chúng ta thấy bất đồng, nguyên nhân rốt cuộc là ở chỗ nào? Vì chúng ta sử dụng cái tâm bất đồng, [cho nên] thấy hết thảy cảnh giới đều bất đồng. Tâm bất đồng là gì? Là cái tâm sanh diệt, sanh diệt là vọng niệm. Tâm chúng ta là vọng tưởng, tạp niệm, sanh diệt và khởi diệt chẳng ngừng trong từng sát-na. Tâm Phật là định, là thanh tịnh, chẳng có hiện tượng sanh diệt. Điều này cho thấy: Dùng cái tâm bất sanh bất diệt để nhìn cảnh giới bên ngoài, tất cả hết thảy cảnh giới đều là bất sanh bất diệt, đều tương đồng. Dùng cái tâm sanh diệt để nhìn Phật, Phật cũng là sanh diệt; do vậy, bất đồng! Đó là chân tướng sự thật. Do hết thảy chư Phật Như Lai có cùng một Pháp Thân, cho nên *"một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*. Kinh Hoa Nghiêm đã nói chân tướng sự thật này minh bạch và triệt để nhất. Đã là như vậy, chúng ta tùy tiện

lạy bất cứ vị Phật nào chẳng phải là đều có thể được ư? Đúng vậy! Bất cứ vị Phật nào, bất cứ vị Bồ Tát nào cũng đều hoàn toàn tương đồng. Lý như thế, mà Sự cũng như thế. Nhưng bí quyết tu học chỉ có một, quyết định chẳng thể trái nghịch, tức là phải chuyên tinh! Bất luận tu học pháp môn nào, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, quý vị chỉ có thể học một pháp môn, chẳng thể học rất nhiều pháp môn. Học rất nhiều pháp môn, quý vị sẽ tạp, sẽ loạn, chẳng nhất. Quý ở chỗ *"nhất"*! *"Nhất"* là chuyên nhất, [hễ chuyên nhất], quý vị bèn có thành tựu.

Vì sao hết thảy chư Phật khăng khăng khuyên chúng ta chọn pháp môn Tịnh Độ của A Di Đà Phật, chẳng chọn các môn khác? Hết thảy đã là bình đẳng, vì sao cách nói này dường như là bất bình đẳng? Trong ấy có một đạo lý rất sâu! Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đức Phật bảo *"đều do một chữ Duyên"*. Giữa người và người với nhau phải có duyên. Chẳng có duyên, chuyện ấy sẽ rất khó thành tựu. Nếu hữu duyên, sẽ rất dễ thành tựu. Trong tất cả hết thảy chư Phật, Bồ Tát, đối với thế giới này, đặc biệt là đối với người Hoa, những vị có duyên phận rất sâu là Quán Âm Bồ Tát và A Di Đà Phật. Hai vị này và chúng ta đã có nhân duyên đặc biệt từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Quý vị tìm người hữu duyên, học pháp môn hữu duyên, sẽ đặc biệt thành tựu dễ dàng, đạo lý là như thế đó. Đối với A Di Đà Phật, từ kinh điển, chúng ta đọc bốn mươi tám nguyện của lão nhân gia. Bốn mươi tám nguyện bao trùm hư không pháp giới, bao trùm quá khứ, vị lai. Vì thế nói: A Di Đà Phật và mười phương ba đời hết thảy chúng sanh thảy đều có duyên, duyên ấy lại còn rất sâu. Chư Phật, Bồ Tát khuyên lơn, khích lệ chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật, chính là vì lý do này!

Đạo tràng này của chúng ta rất nhỏ, đại khái là đạo tràng nhỏ nhất trên toàn thể [lãnh thổ] Đài Loan, nhưng chúng ta kết duyên cũng rất rộng. Thường có người đến đây xin xuất gia. Nói thật ra, xuất gia chẳng dễ dàng! Chẳng phải là mong xuất gia bèn có thể xuất gia, cũng là phải có nhân duyên trọn đủ. Người ấy nghe Phật pháp, hiểu rõ đạo lý Phật pháp, phát đại tâm. Đó là Thân Nhân Duyên xuất gia của người ấy trọn đủ. Ý niệm xuất gia của người ấy liên tục, chẳng ngã lòng, [tức là] Vô Gián Duyên trọn đủ. Còn có một điều quan trọng là Tăng Thượng Duyên, quý vị có duyên phận cùng đạo tràng hay không? Nếu chẳng có duyên với đạo tràng này, quý vị chẳng có cách nào đến được. Hiện thời, trong đạo tràng của chúng ta có hơn hai mươi vị xuất gia. Quý vị có duyên với

hai mươi mấy người đó hay không? Nếu chẳng có duyên, quý vị tới đây, suốt ngày từ sáng đến tối cãi cọ, gây chuyện, cũng chẳng thể thành tựu. Phải có duyên với đại chúng sống trong đạo tràng, lại còn phải hữu duyên cùng mọi người, tức là tín đồ của đạo tràng và đồng tham đạo hữu, điều này thuộc loại Tăng Thượng Duyên. Bởi lẽ, đồng tu xuất gia trong đạo tràng chúng ta đều cộng tu ở đây rất nhiều năm, đều rất thân thuộc, đều quen biết nhau, thông hiểu lẫn nhau. Vì thế, sau khi xuất gia, đối xử hòa thuận như người cùng một nhà. Do đó, hễ thiếu một duyên sẽ chẳng được. Chúng ta có duyên với A Di Đà Phật, thường niệm A Di Đà Phật, quyết định có thể sanh về Tịnh Độ.

(Sao) Tắc Di Đà tức chư Phật, chư Phật tức Di Đà, cố bất viết Di Đà nhi viết chư Phật.

(鈔)則彌陀即諸佛，諸佛即彌陀，故不曰彌陀而曰諸佛。

*(**Sao**: Cho nên Di Đà chính là chư Phật, chư Phật chính là Di Đà. Vì thế, chẳng nói Di Đà mà nói là "chư Phật").*

Cách dịch này của La Thập đại sư bao hàm ý nghĩa rất sâu, nêu rõ *"một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"* được nói trong kinh Hoa Nghiêm, bao hàm ý nghĩa này.

(Sao) Cái cai Di Đà tại chư Phật trung, hạ ngôn chư Phật, diệc Di Đà dữ chư Phật đồng tán Thích Ca dã.

(Diễn) Nhất thân tức Pháp Thân, nhất trí huệ tức Bát Nhã, lực vô úy tức Giải Thoát.

(鈔)蓋該彌陀在諸佛中，下言諸佛，亦彌陀與諸佛同讚釋迦也。

(演)一身即法身。一智慧即般若。力無畏即解脫。

*(**Sao**: Ấy là vì gộp Di Đà trong số chư Phật. "Chư Phật" được nói trong phần sau cũng là Phật Di Đà và chư Phật cùng khen ngợi Phật Thích Ca.*

***Diễn**: Một thân là Pháp Thân, một trí huệ là Bát Nhã, lực vô úy chính là Giải Thoát).*

Đó là [nói tới] đoạn kinh văn trong phần sau. Sách Diễn Nghĩa

chú giải rất minh bạch, một thân là Pháp Thân, một trí là Bát Nhã, lực vô úy là Giải Thoát, tức là Tam Đức Bí Tạng hoàn toàn giống nhau.

(Sớ) Đường dịch dĩ Di Đà cai chư Phật, kim kinh dĩ chư Phật cai Di Đà.

(疏)唐譯以彌陀該諸佛，今經以諸佛該彌陀。

*(**Sớ**: Bản Đường dịch dùng Di Đà để bao gồm chư Phật, bản kinh này dùng chư Phật để bao gồm Di Đà).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư, *"kim kinh"* là bản dịch của La Thập đại sư. *"Cai"* (該) có ý nghĩa là bao gồm, bao hàm.

(Sớ) Nhược nhị thuyết kiêm cụ, ư văn cánh thuận, nhi nghĩa diệc cụ.

(疏)若二說兼具，於文更順，而義亦足。

*(**Sớ**: Nếu dùng cả hai thuyết thì kinh văn càng thuận, mà ý nghĩa cũng đầy đủ).*

Gộp hai bản dịch lại để xem, ý nghĩa vô cùng rõ rệt.

(Sao) Cụ nhị thuyết giả.

(鈔)具二說者。

*(**Sao**: Dùng cả hai thuyết).*

Gộp cả hai thuyết lại thì phải nên nói như thế nào?

(Sao) Ưng vân.

(鈔)應云。

*(**Sao**: Hãy nên nói).*

Hãy nên nói theo cách như thế này.

(Sao) Như ngã kim giả xưng tán A Di Đà Phật, cập dữ chư Phật bất khả tư nghị công đức.

(鈔)如我今者稱讚阿彌陀佛，及與諸佛不可思議功德。

*(**Sao**: Như nay ta khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật và chư Phật).*

Đấy là gộp cả hai bản dịch lại thì ý nghĩa sẽ rất rõ rệt.

(Sao) Tắc kinh văn ký thuận, nhi đồng nhất Pháp Thân chi nghĩa, diệc tại kỳ trung. Văn nghĩa song mỹ, đương tri Thập Sư bổn hữu thử ý, văn tỉnh tiện cố.

(鈔)則經文既順，而同一法身之義，亦在其中，文義雙美，當知什師本有此意，文省便故。

*(**Sao**: Thì kinh văn đã thuận, mà ý nghĩa "có cùng một Pháp Thân" cũng ở trong ấy. Kinh văn và ý nghĩa đều trọn vẹn. Hãy nên biết ngài La Thập vốn có ý ấy, [nhưng] kinh văn [chẳng ghi] là vì tỉnh lược vậy).*

Cách dịch của La Thập đại sư xác thực là có bao hàm ý nghĩa này. Văn chương của lão nhân gia đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Tuy kinh văn chẳng có, nhưng ý nghĩa thì có. Do Ngài dùng hai chữ *"chư Phật"*, nên có ý nghĩa ấy.

(Sao) Trang Sư hậu dịch, đặc vị đơn cử giả.

(鈔)奘師後譯，特為單舉者。

*(**Sao**: Ngài Huyền Trang là người dịch sau, đặc biệt nêu riêng [A Di Đà Phật]).*

Huyền Trang đại sư phiên dịch về sau, chiếu theo nguyên văn để trực dịch.

(Sao) Dục nhân ư nhị kinh thiện hội kỳ ý, nhi bất nệ kỳ văn dã. Hựu chư Phật Di Đà tương tức, thị diệc bất khả tư nghị.

(鈔)欲人於二經善會其意，而不泥其文也。又諸佛彌陀相即，是亦不可思議。

*(**Sao**: Muốn cho người ta khéo hiểu ý của hai kinh, chẳng câu nệ nơi văn tự. Lại nữa, chư Phật chính là Di Đà, Di Đà chính là chư Phật, điều này cũng là chẳng thể nghĩ bàn).*

Chư Phật là Di Đà, Di Đà là chư Phật, chuyện này cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Ý cảnh này hết sức sâu xa. Rốt cuộc, A Di Đà Phật có những công đức chẳng thể nghĩ bàn nào? Chính là toàn thể những điều đã nói trong phần trước. Nhất là chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thục, [sẽ biết] thoạt ban đầu, trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát tâm chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng phải là như lũ bình phàm chúng ta phát tâm chẳng chân thật, chẳng thanh tịnh. Người ta phát tâm chân thật, thanh tịnh. Trong khi tu nhân, Ngài mang thân phận quốc vương, người Hoa thường nói *"quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải"* (thiên tử sang quý, giàu khắp bốn biển). Trong loài người, phú quý đạt tới mức tột đỉnh, đạt tới mức cùng cực, Ngài vứt bỏ, thảy đều chẳng cần tới, xuất gia tu hành. Nếu phát tâm chẳng chân thật, chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng làm được [như vậy]! Nay chúng ta tuy phát tâm, bất luận xuất gia hay tại gia, hễ thấy tiếng tăm, lợi dưỡng bèn động tâm. Nếu trong khi tu nhân, chính mình phú quý giống như tỳ-kheo Pháp Tạng, quý vị sẽ chẳng thể bỏ hết để xuất gia được! Sau khi đã xuất gia, trông thấy kẻ quyền quý trong thế gian bèn dốc trọn hết sức để bợ đỡ, quý vị ngẫm xem: Cái tâm ấy lấy đâu ra thanh tịnh? Thấy trong bọn tín đồ có kẻ làm quan to, hay giàu có lớn, bèn đặc biệt bợ đỡ, chèo kéo. Do vậy, chúng tôi suy nghĩ: Nếu những kẻ ấy có địa vị như thế, chắc chắn là họ sẽ không chịu xuất gia, mà cũng chẳng thể nghiêm túc học Phật. Học Phật để làm gì? Trước kia, thầy Lý nói rất hay, người phú quý học Phật để tiêu khiển, đến chùa miếu để vui chơi. Có tâm thái như vậy, làm sao có thể đạt thành tựu cho được? Chẳng có thành ý! Hàng tại gia thật sự trọn đủ tấm lòng chân thành học Phật sẽ khác hẳn. Xưa kia, tiên sinh Châu Bang Đạo, rất nhiều đồng tu biết vị này. Cụ làm sảnh trưởng[78] giáo dục tại Đại Lục, đến Đài Loan từng làm Thứ Trưởng Chánh Vụ của Khảo Thí Viện[79]. Tại Đài

---

[78] Sảnh (廳) là một cơ quan chính phủ được thiết lập từ cuối đời Thanh để chuyên trách một sự vụ quan trọng nào đó trong quân đội. Sau khi chính quyền Dân Quốc thành lập, Sảnh trở thành cơ quan đặc trách sự vụ trong một tỉnh, gần giống như khái niệm Ty tại miền Nam trước năm 1975, chẳng hạn Giáo Dục Sảnh, Cảnh Sát Sảnh, Dân Chánh Sảnh, Thẩm Phán Sảnh v.v… Do một tỉnh của Trung Hoa rất to, nên Sảnh Trưởng có quyền hạn rất lớn.

[79] Khảo Thí Viện là cơ quan giám sát việc thăng thưởng, tuyển mộ nhân viên chánh phủ. Khảo Thí Viện bao gồm bốn bộ:

1) Khảo Tuyển Bộ (chuyên đảm trách việc thi cử để tuyển lựa nhân viên, hoặc sát hạch xem các nhân viên trong các ngành có hội đủ tiêu chuẩn để đảm nhiệm chức vụ ấy hay không).

Trung Liên Xã, cụ mặc một bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn đã cũ, đi giày mềm[80], quét dọn đại điện. Có đồng tu từ Đài Bắc đến Đài Trung gặp thầy Lý, thấy Châu tiên sinh đang quét dọn tại đại điện, coi cụ như nhân viên tạp vụ, hỏi cụ: "Thầy Lý có nhà hay không?" Cụ hết sức cung kính, khách sáo tiếp đãi người ấy. Về sau, người ấy biết cụ là Châu Bang Đạo bèn sững sờ, chẳng ngờ cụ có thân phận và địa vị như vậy mà trong Phật môn làm chuyện như vậy. Quan chức và địa vị ấy, hễ đến nơi đây, thảy đều buông bỏ. Đó là một người thật sự học Phật. Chúng ta thấy những kẻ phú quý có thân phận và địa vị đến Phật đường bèn thông báo trước, lão hòa thượng ra tận cổng nghênh tiếp. Họ đến nơi bèn được tiếp đãi bằng trà ngon, khác hẳn! Đó là học Phật giả trất, chẳng phải là học Phật thật sự!

Do vậy, chúng ta thấy công đức phát tâm của A Di Đà Phật chẳng giống kẻ bình phàm. Người ta phát khởi chân tâm, [cho nên] tu hành khác hẳn, thật sự tinh tấn! Nghiêm túc nỗ lực; phát nguyện khác hẳn, chẳng giống kẻ khác. Những điều ấy đều là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, vì hết thảy chúng sanh kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, rộng độ hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh bình đẳng đắc độ. Đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn chân chánh. Hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật, chẳng có giai cấp, chẳng có sai biệt. Vì vậy, thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. Chẳng thể nghĩ bàn quá nhiều! Điều chẳng thể nghĩ bàn nhất là từ kinh luận, chúng ta thấy: Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai, chẳng có một vị Phật nào không tán thán A Di Đà Phật. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Cũng giống như vậy, A Di Đà Phật cũng tán thán hết thảy

---

2) Thuyên Tự Bộ (đảm trách vấn đề xét duyệt lương bổng, hưu trí, thăng thưởng, giáng chức, tưởng lệ, cảnh cáo v.v…)

3) Ủy Viên Bộ (đảm bảo các chánh sách về quyền lợi, pháp chế, quy định đối với nhân viên chánh phủ được tuân thủ đúng mức, đồng thời nghiên cứu, xem xét hòng cải tiến những điều luật chưa hợp lý trong chánh sách).

4) Giám Lý Ủy Viên Hội (giám sát quỹ hưu bổng).

Cơ chế này được thiết lập dựa trên lý luận Ngũ Quyền Phân Lập của Tôn Văn. Theo đó, ngoài ba ngành chính của một quốc gia là Hành Pháp, Tư Pháp và Lập Pháp, còn lập thêm hai viện là Khảo Thí Viện và Giám Sát Viện để bảo đảm ba ngành Hành Pháp, Tư Pháp và Lập Pháp khống chế lẫn nhau phỏng theo cơ cấu giám sát theo hiến pháp Hoa Kỳ.

[80] Chúng tôi tạm dịch chữ *"bộ hài"* (步鞋). *"Bộ hài"* là các loại giày thoải mái như giày sneaker của Mỹ chẳng hạn, không phải loại giày trịnh trọng dùng với lễ phục.

chư Phật. Hết thảy chư Phật đều khuyên học trò của các Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hòng thân cận A Di Đà Phật. Trong ấy chẳng có ganh tỵ, chẳng có chướng ngại.

Trong thế gian này, có những pháp sư tâm lượng nhỏ nhen, giữ tín đồ của chính mình rất chặt. [Hễ thấy] pháp sư khác đến, đều khuyên tín đồ: "Đừng nên tới [chỗ ông ta]. Ông ta nói nhăng nói cuội ở đó. Chớ nên đến nghe, nghe ta giảng là được rồi". Chẳng giống các vị Phật Như Lai khác khuyên học trò của chính mình đến thân cận A Di Đà Phật. Vì thế, chư Phật đúng là công đức chẳng thể nghĩ bàn. *"Chư Phật Di Đà tương tức, thị diệc bất khả tư nghị"* (Chư Phật chính là Di Đà, Di Đà chính là chư Phật, điều này cũng chẳng thể nghĩ bàn), câu này bao hàm ý nghĩa sâu xa. Đấy chính là đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật, [đồng thời] tán thán chư Phật.

(Kinh) Bỉ chư Phật đẳng.
(經)彼諸佛等。
*(**Kinh**: Các đức Phật ấy).*

"Chư Phật" là nói A Di Đà Phật và mười phương hết thảy chư Phật, chẳng giống như trong từ ngữ *"xưng tán chư Phật"* ở phần trước: *"Chư Phật"* là A Di Đà Phật. Ở đây là hết thảy chư Phật:

(Kinh) Diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức.
(經)亦稱讚我不可思議功德。
*(**Kinh**: Cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta).*

Chư Phật cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có những công đức chẳng thể nghĩ bàn nào? Dưới đây bèn nói rõ:

(Kinh) Nhi tác thị ngôn.
(經)而作是言。
*(**Kinh**: Bèn nói như thế này).*

Chư Phật tán thán rằng.

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật, năng vi thậm nan hy hữu chi sự.

(經)釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。

*(**Kinh**: Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm chuyện hiếm có, rất khó).*

"Thậm nan hy hữu" là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, rất khó khăn, kẻ khác chẳng làm được, [thế mà] Thích Ca Mâu Ni Phật làm được. *"Hy hữu"*: Thế gian chẳng có chuyện này, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng biểu hiện ra. Chuyện gì vậy? Dưới đây là nói rõ cụ thể cùng chúng ta.

(Kinh) Năng ư Sa Bà quốc độ, Ngũ Trược ác thế, Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, Mạng Trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。

*(**Kinh**: Có thể ở trong cõi nước Sa Bà, nhằm đời ác năm trược: Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, Mạng Trược, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

"Ngũ Trược ác thế", đắc đạo thành Phật trong ấy. *"Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"* là thành Phật. Đây là một chuyện rất khó khăn. Đoạn văn này bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Nếu chẳng hiểu rõ đôi chút những ý nghĩa này, chúng ta sẽ chẳng cảm nhận nó rất khó khăn. Đối với chúng ta, [hiểu rõ chuyện này], sẽ có ích rất lớn trong việc chọn lựa pháp môn, [khiến cho chúng ta] tinh tấn, chẳng biếng nhác.

(Sớ) Phật Phật hỗ tán, biểu thử Tịnh Độ pháp môn, quyết ưng tín thọ cố.

(疏)佛佛互讚，表此淨土法門，決應信受故。

*(**Sớ**: Chư Phật tán dương lẫn nhau, biểu thị nhất quyết phải nên tin nhận pháp môn Tịnh Độ này).*

Trong phần trước, đức Thế Tôn tán thán chư Phật; trong đoạn này, chư Phật tán thán đức Thế Tôn, đấy là *"Phật Phật hỗ tán"* (chư Phật khen ngợi lẫn nhau). *"Biểu thử Tịnh Độ pháp môn, quyết ưng tín thọ cố"* (Biểu thị nhất quyết phải nên tin nhận pháp môn Tịnh Độ này), nêu rõ chuyện này hết sức trọng yếu, quyết định phải nên tin tưởng, quyết định phải nên tin nhận. Chẳng phải là một vị Phật khuyên chúng ta, mà tất cả

hết thảy chư Phật đều khuyên, có thể nào chẳng tiếp nhận? Có thể nào chẳng tin tưởng?

(Sao) Phật Phật hỗ tán giả, dĩ thử niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, túng nhất Phật độc tán.

(鈔)佛佛互讚者，以此念佛求生淨土，縱一佛獨讚。

*(**Sao**: "Chư Phật khen ngợi lẫn nhau": Dùng pháp Niệm Phật này để cầu sanh Tịnh Độ, dẫu chỉ một vị Phật khen ngợi [thì cũng phải nên tin tưởng]).*

"Túng" (縱) là giả sử một vị Phật, [giả sử chỉ có] một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói như vậy, chúng ta đều phải nên tin tưởng, đều chớ nên nghi hoặc.

(Sao) Nhi kim bất đản Thích Ca tán ư Kỳ Viên.

(鈔)而今不但釋迦讚於祇園。

*(**Sao**: Nhưng nay chẳng phải là chỉ một mình Phật Thích Ca tán thán nơi Kỳ Viên).*

"Kỳ Viên" là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên, là chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh A Di Đà.

(Sao) Chư Phật tán ư lục phương.

(鈔)諸佛讚於六方。

*(**Sao**: Chư Phật tán thán trong sáu phương).*

Bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi là *"mười phương"*. Mười phương chư Phật chẳng có vị nào không tán thán.

(Sao) Hựu thử Phật, bỉ Phật.

(鈔)又此佛彼佛。

*(**Sao**: Lại nữa, vị Phật trong cõi này và các vị Phật trong cõi kia).*

"Thử Phật" là Thích Ca Mâu Ni Phật, *"bỉ Phật"* là mười phương Phật.

(Sao) Đệ hỗ tán thán, khởi phi siêu sanh thoát tử tối yếu pháp

môn. Thị dĩ tái tứ đinh ninh, đa phương hối dụ, ân du từ mẫu, nhân quá mân thiên, phấn cốt toái thân, nan túc vi báo.

(Diễn) Ân du từ mẫu nhị cú, từ mẫu chi ân, từ cập nhất sanh, tha sanh vị tất năng từ. Mân thiên chi nhân, nhân chỉ nhất giới, tha giới vị tất năng nhân. Phật chi từ nhân, vô xứ, vô thời, nhi bất từ nhân. Cố vân "du" dã.

(鈔)遞互讚歎，豈非超生脫死最要法門。是以再四叮嚀，多方誨誘，恩踰慈母，仁過旻天，粉骨碎身，難足為報。

(演)恩踰慈母二句。慈母之恩。慈及一生。他生未必能慈。旻天之仁。仁止一界。他界未必能仁。佛之慈仁。無處無時而不慈仁。故云踰也。

*(**Sao**: Lần lượt tán thán lẫn nhau, há đây chẳng phải là pháp môn trọng yếu nhất để siêu sanh thoát tử? Do vậy, nhiều lượt căn dặn, nhiều cách khuyên răn, dẫn dụ. Ân đức hơn mẹ hiền, lòng nhân vượt trời thẳm, tan xương nát thân, khó đủ để báo đền.*

***Diễn**: Hai câu "ân đức hơn từ mẫu": Ân của mẹ hiền, chỉ có thể yêu thương một đời; sang đời khác, chưa chắc đã có thể yêu thương. Lòng nhân vượt trời thẳm, chỉ có nhân trong một cõi, chưa chắc đã có thể nhân đối với các cõi khác. Lòng từ, lòng nhân của Phật không nơi nào, không lúc nào chẳng nhân từ. Vì thế, nói là "vượt trỗi").*

Ân đức ấy to lớn. Hết thảy chư Phật đều tán thán, chỉ rõ: Đối với chúng ta, pháp môn này trọng yếu khôn sánh! Chuyện lớn nhất trong một đời chúng ta là thoát ly luân hồi, liễu sanh thoát tử. Thật sự có thể giúp đỡ chúng ta hoàn tất chuyện này trong một đời, trừ pháp môn này ra, chẳng còn có pháp môn thứ hai nào khác! Kinh dạy rất hay, nếu chẳng phải là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, quý vị sẽ chẳng gặp được [pháp môn này]! Nay chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, mọi người có thể ở cùng một chỗ, chúng ta giảng giải, thảo luận rõ ràng, minh bạch; nhân duyên này rất khó có. Chẳng hiểu rõ, tín tâm của chúng ta chẳng thể sanh khởi. Chẳng có tín tâm thật sự, nguyện lực cũng chẳng đáng trông cậy. Nguyện lấy Tín làm cơ sở. Sau khi đã có chân tín thì nguyện mới thiết tha, mới có thể niệm Phật cầu vãng sanh. Đó là phương pháp trọng yếu nhất và đường lối khẩn yếu nhất để siêu sanh thoát tử. Vì thế, chư Phật nhiều lượt căn dặn, khuyên dạy chúng ta. Kinh

này khuyên lơn, khích lệ bốn lượt, *"đa phương hối dụ"*, *"hối"* (誨) là giáo huấn, *"dụ"* (誘) là dẫn dụ. *"Đa phương"* (多方) là đức Phật không chỉ khuyên dạy chúng ta như vậy trong ba kinh [Tịnh Độ], ta thấy trong Đại Tạng Kinh, những loại kinh luận Ngài khuyên kèm thêm "hãy nên cầu sanh Tịnh Độ" có đến hai trăm bảy mươi bộ. Do vậy nói là *"ngàn kinh vạn luận, chốn chốn chỉ về"*. Đấy là sự thật. Đức Phật nói những pháp môn khác, chưa từng có hiện tượng này, chỉ riêng pháp Niệm Phật vãng sanh thì ba kinh là chuyên giảng, trong những kinh luận Đại Thừa khác bèn nói kèm thêm. [Đó chính là] *"đa phương hối dụ"* (nhiều cách giáo huấn, dẫn dụ). Ân đức của Phật vượt trỗi mẹ hiền. Lòng nhân ái của đức Phật đối với chúng sanh vượt khỏi trời thẳm. Trời che, đất chở chúng ta, ân đức ấy to tát chẳng có cách nào để hình dung, dùng chuyện này để hình dung. Dẫu chúng ta *"phấn cốt, toái thân"* (tan xương, nát thân), vẫn chẳng có cách nào báo đáp ân Phật.

(Diễn) Cổ vân: "Giả sử đảnh đới kinh trần kiếp, thân vi sàng tòa biến tam thiên, nhược bất truyền pháp độ chúng sanh, tất cánh vô năng báo ân giả".

(演)古云：假使頂戴經塵劫，身為床座遍三千，若不傳法度眾生，畢竟無能報恩者。

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Giả sử đeo, đội trải trần kiếp, thân làm giường, tòa khắp tam thiên. Nếu chẳng truyền pháp độ chúng sanh, rốt cuộc chẳng thể báo ân được").*

Chúng ta báo ân Phật như thế nào? Một phương pháp duy nhất là toàn tâm toàn lực giới thiệu, đề cao cùng người khác pháp môn thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như vậy, pháp môn quan trọng nhất có thể khiến cho hết thảy chúng sanh siêu sanh thoát tử này. Đó là báo ân Phật. Hai câu đầu trong bài kệ là tỷ dụ. *"Đảnh đới"* (頂戴) là đội ở trên đầu, thời gian bao lâu? Trải số kiếp nhiều như cát bụi. *"Trần kiếp"* (塵劫) là nói thời gian lâu dài. Chúng ta đội ân nhân trên đầu. *"Thân vi sàng tòa biến tam thiên"* (Thân làm giường, tòa khắp tam thiên đại thiên thế giới), chúng ta cong lưng phủ phục trên mặt đất, dùng lưng làm ghế để ân nhân ngồi trên thân chúng ta, *"biến tam thiên"* (遍三千: trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới) là nói về không gian, trọn khắp trong tam thiên đại thiên thế giới. Như vậy thì có thể báo ân hay không? Chẳng thể! Làm như vậy

vẫn chẳng thể báo ân Phật! Chỉ có truyền pháp, nhất định là phải phổ biến hoằng truyền pháp môn này thì mới có thể báo ân. Chư vị nhất định phải hiểu: Ngăn trở kẻ khác truyền pháp, tội lỗi này nặng nề bậc nhất. Mười phương hết thảy Như Lai đều khuyên mọi người lưu thông Phật pháp, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Nếu quý vị ngăn trở Phật pháp lưu thông, tội lỗi ấy đúng là vô lượng vô biên. Lưu thông đại pháp là tâm nguyện duy nhất của mười phương ba đời hết thảy chư Phật, quý vị chống trái, kháng cự các Ngài, do tội nghiệp ấy, sẽ đọa trong địa ngục A Tỳ. Sợ rằng tội ấy nặng hơn bất cứ tội nghiệp nào, đúng là vĩnh viễn chẳng thể trở mình được. Chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không lưu ý. Trong thời đại hiện tại, những chuyện hữu ý hay vô tình ngăn trở Phật pháp lưu thông gần như trông thấy hằng ngày, kinh thường cảm thán hạng chúng sanh ấy đúng là *"kẻ đáng thương xót"*!

(Sớ) Bỉ chư Phật đẳng, tức Di Đà dữ lục phương chư Phật dã.

(疏)彼諸佛等，即彌陀與六方諸佛也。

*(**Sớ**: "Các đức Phật ấy" chính là Phật Di Đà và sáu phương chư Phật).*

Đây là lời giải thích cho một câu trong đoạn kinh văn này.

(Sớ) Thích Ca thử vân Năng Nhân.

(疏)釋迦此云能仁。

*(**Sớ**: Cõi này dịch Thích Ca là Năng Nhân).*

Thích Ca (Śākya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Năng Nhân. *"Nhân"* (仁) là nhân từ, [Năng Nhân] là Ngài có thể dùng lòng nhân từ đối đãi hết thảy chúng sanh, Nhân là bình đẳng. Chữ này (chữ Nhân) thuộc loại Hội Ý, [hàm nghĩa] hai người (Nhân (仁) do nhị (二) và nhân (人) ghép lại), chẳng phải là một người. Đó gọi là *"thôi kỷ cập nhân"* (suy từ mình ra người), hễ nghĩ đến chính mình, bèn nghĩ đến người khác. Phu tử (Khổng Tử) nói: *"Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân"* (Điều gì mình không muốn, chớ làm cho người khác). Đó là Nhân, chuyện gì cũng là hễ nghĩ đến mình bèn nghĩ giùm người khác, đó là Nhân. Do vậy, trong Phật pháp, tâm bình đẳng là Nhân.

(Sớ) Mâu Ni thử vân Tịch Mặc.

(疏)牟尼此云寂默。

*(**Sớ**: Mâu Ni cõi này dịch là Tịch Mặc).*

Mâu Ni (Muni) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Mặc (vắng lặng).

(Sao) Năng Nhân Tịch Mặc, tự hữu nhị nghĩa.

(鈔)能仁寂默，自有二義。

*(**Sao**: Năng Nhân Tịch Mặc có hai ý nghĩa).*

Bản thân từ ngữ này có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả đối đãi thuyết, tắc năng giả thiện quyền phương tiện, khúc tựu cơ nghi.

(鈔)一者對待說，則能者善權方便，曲就機宜。

*(**Sao**: Một là nói tương đối, Năng là phương tiện quyền xảo, khéo tùy thuận cơ nghi).*

Chúng ta phải chú tâm nghiên cứu, thấu hiểu thật sâu những điều này. Đấy chính là trọng điểm để chúng ta học tập. Chúng ta học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao học theo Thích Ca Mâu Ni Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta ứng phó các trạng huống trong cuộc sống hiện tiền như thế nào. Điều này rất quan trọng! Nay chúng ta còn chưa vãng sanh, chưa đến thế giới Cực Lạc, thân thể của chúng ta còn ở trong thế giới Sa Bà. Đối với người và sự trong thế giới Sa Bà phức tạp dường ấy, chúng ta ứng phó như thế nào? Danh hiệu của đức Phật dạy chúng ta nguyên tắc ứng phó, giữ vững nguyên tắc ấy là được rồi, đức Phật dạy chúng ta điều này. Do vậy, chúng ta phải *"hữu năng"*, tức là có năng lực để ứng phó những tình huống ấy. *"Năng"* biểu hiện từ chỗ nào? *"Thiện quyền phương tiện"*. *"Thiện"* là thiện xảo (善巧), đã là xảo (巧: khéo léo) lại thêm thiện (善), tức là sự xảo diệu ấy chẳng mâu thuẫn chân lý, chẳng trái nghịch Tánh Đức; sự khéo léo ấy được gọi là *"thiện xảo"*. Người thế gian làm việc cũng rất xảo diệu, nhưng lương tâm tăm tối, làm những chuyện chẳng đúng pháp, xảo kiểu đó chẳng thể gọi là thiện xảo! Thiện xảo là phương thức xảo diệu, lợi mình, lợi người, tuyệt đối chẳng tổn hại người khác, chỉ có tạo lợi ích cho người khác, chẳng tổn thương kẻ khác;

xảo kiểu ấy chính là thiện xảo. Đối với thiện xảo phương tiện, *"quyền"* (權) là quyền nghi, quyền biến, tức là biết xét tình hình để xử sự, chẳng phải là "hễ đã thành lập bèn bất biến"! Vì vậy, cuộc sống trong Đại Thừa Phật pháp mang sắc thái đa dạng.

Quý vị thấy năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là Pháp Thân đại sĩ. Các Ngài thị hiện thân phận nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề trong xã hội, hạnh nghiệp tốt đẹp Bồ Tát cũng làm, hạnh nghiệp bất hảo Bồ Tát cũng làm. Đó chính là *"thiện quyền phương tiện, khúc tựu cơ nghi"* (phương tiện quyền xảo, khéo tùy thuận cơ nghi), *"khúc"* (曲) là uyển chuyển, linh động. *"Cơ nghi"* (機宜) là [căn cơ, căn tánh của] chúng sanh. Phật, Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh, đối với chúng sanh phải uyển chuyển, mềm dẻo, lại còn phải là chỗ nào cũng linh động. Tuy uyển chuyển, mềm dẻo, linh động trong mọi hoàn cảnh, nhưng chẳng đánh mất cái tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng của chính mình. Nói cách khác, chính là nguyên tắc trong Tam Quy Y: *"Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh mà chẳng nhiễm"*, đó là Thiện. Nếu uyển chuyển, mềm dẻo, mà mê, tà, nhiễm, thì xảo kiểu đó chẳng thể kèm thêm thiện, chẳng thể gọi là thiện xảo. *"Thiện xảo"* là uyển chuyển, mềm dẻo, luôn linh động, nhưng chẳng mê, chẳng tà, chẳng nhiễm, cho nên mới có thể tự hành, hóa độ người khác. Chúng sanh chẳng dễ độ! Trong kinh, Địa Tạng Bồ Tát đã bảo: *"Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó thể giáo hóa"*. Điều này chẳng giả tí nào. Do vậy [có thể biết] Phật, Bồ Tát thật sự kiên nhẫn đối với chúng sanh.

Trong quá khứ, Hà Đông Tước Sĩ phu nhân là mẹ của ông Hà Thế Lễ[81], bà cụ này quá tuyệt diệu! Người trong nhà cụ từ con trai, con dâu,

---

[81] Hà Thế Lễ (1906-1998, tên thoạt đầu là Robert Hotung Jr., sau khi từ bỏ quốc tịch Anh, mới đổi sang tên tiếng Hoa là Hà Thế Lễ) là con trai thứ ba của nhà đại tư bản Hà Đông Tước Sĩ ở Hương Cảng. Hà Thế Lễ là tướng lãnh cao cấp trong quân đội Quốc Dân Đảng, đồng thời kế nghiệp cha kinh doanh rất thành công. Trong quân đội, ông từng giữ chức thượng tướng lục quân, từng làm Tham Mưu Trưởng, và là Ủy Viên Trung Ương Đảng của Quốc Dân Đảng. Hà Đông Tước Sĩ tên thật là Robert Hotung (1862-1956), lả con của ông Charles Henry Maurice Bosnman (người Hòa Lan gốc Do Thái, lấy tên tiếng Hoa là Hà Sĩ Văn, nên Hà Đông Tước Sĩ lấy họ Hà). Do được hoàng gia Anh phong tước Knight nên thường được gọi là Sir Robert Hotung và dịch sang tiếng Hoa thành Hà Đông Tước Sĩ. Hà Đông Tước Sĩ phu nhân được nói ở đây là bà Trương Tĩnh Dung (Clara Cheung Lin Kok, pháp hiệu Trương Liên Giác) vợ thứ hai của Hà Đông Tước Sĩ. Bà vợ đầu là Margaret Mark (Mạch Tú

[cho đến] cháu nội đều là tín đồ Cơ Đốc Giáo kiền thành, chỉ có mình cụ ăn chay trường, niệm Phật. Cũng may là con cái của cụ còn học Nho chẳng ít, vẫn rất hiếu thuận đối với mẹ. Trong nhà, [tuy con cháu] tin theo Cơ Đốc Giáo, tín ngưỡng bất đồng, cả nhà vẫn còn có thể chung sống hòa thuận. Ngày bà cụ vãng sanh, bèn gọi con cái đến, bảo họ: "Hôm nay mẹ sắp sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, cả nhà chúng ta tin theo tôn giáo khác nhau, nhưng chẳng can thiệp tín ngưỡng của nhau. Hôm nay mẹ vãng sanh, các con đều phải niệm vài câu A Di Đà Phật tiễn mẹ, coi như tròn hết duyên mẹ con một phen". Đó là yêu cầu hợp tình hợp lý. Do vậy, họ thông báo thân thích bằng hữu mở đại hội chúc mừng vãng sanh tại nhà. Thân thích bằng hữu đều tới, bà cụ tắm rửa, thay quần áo, ngồi xếp bằng, người trong nhà niệm Phật cùng cụ chưa đầy mười lăm phút, cụ đã ra đi. Con trai, con dâu, cả nhà [do vậy] đều tin Phật. Vì sao? Chính mắt trông thấy. Đó là cụ độ người trong nhà, nhẫn nại chờ đợi vài chục năm, chờ đợi hằng ngày, đợi đến sát-na cuối cùng bèn độ hết cả nhà! Đấy là *"thiện xảo phương tiện, khúc tựu cơ nghi"*. Người trong nhà quý vị khó độ, hãy học theo bà cụ Hà, người một nhà quý vị sẽ đắc độ. Quý vị nói với họ, họ nghe chẳng lọt tai. Biểu diễn cho họ xem, họ chẳng thể nào không tin tưởng! Đó gọi là năng lực, thật sự có năng lực! *"Nhân"* là nhân từ, là tâm đại từ bi.

(Sao) Nhân giả, chí đức hồng ân, phổ triêm vạn loại, thị đại bi lợi vật dã.

(Diễn) Thiện quyền phương tiện, khúc tựu cơ nghi, độ sanh chi tài dã. Chí đức hồng ân, phổ triêm vạn loại, độ sanh chi đức dã. Hữu tài vô đức, thất độ sanh chi bổn, bất năng độ sanh. Hữu đức vô tài, thất độ sanh chi dụng, diệc bất năng độ sanh. Tài đức kiêm bị, Thể Dụng đồng thi, nãi năng độ sanh dã.

(鈔)仁者至德洪恩，普霑萬類，是大悲利物也。

(演)善權方便。曲就機宜。度生之才也。至德洪恩。普霑萬類。度生之德也。有才無德。失度生之本。不能度生。有德無才。失度生之用。亦不能度生。才德兼備。體用同施。乃能度生也。

Anh) không có con, phải nhận cháu làm con nuôi. Bà Mạch Tú Anh và Trương Tĩnh Dung là chị em bạn dì.

*(**Sao**: Nhân là ân mênh mông, đức cùng tột, thấm nhuần muôn loài, chính là lòng đại bi lợi lạc chúng sanh vậy.*

***Diễn**: "Phương tiện quyền biến, thiện xảo, tùy thuận cơ nghi" chính là tài độ sanh. "Ân mênh mông, đức cùng tột, thấm nhuần khắp muôn loài" là đức độ sanh. Có tài thiếu đức, tức là đã mất cái gốc của việc độ sanh, chẳng thể độ sanh. Có đức mà chẳng có tài, đánh mất tác dụng độ sanh, cũng chẳng thể độ sanh. Tài và đức đều đủ, Thể và Dụng cùng vận dụng, sẽ có thể độ sanh).*

Có năng lực mà nếu chẳng có động lực từ bi thúc đẩy, người ấy sẽ ngã lòng đối với chúng sanh ương ngạnh, khó giáo hóa, chẳng độ nữa. Chúng sanh quá khó độ, đối xử với họ bằng lòng tốt, họ vẫn dùng ác tâm để đáp trả, dùng cừu hận để báo ân, [nếu chẳng có động lực từ bi thúc đẩy, sẽ tự nhủ]: "Chẳng bận tâm đến kẻ đó nữa", vội vã tránh xa kẻ đó. Đấy là chẳng có lòng từ bi. Đức Phật có tâm đại từ bi, niệm niệm chẳng bỏ chúng sanh. Đó là Nhân. Thích Ca: Họ ngoài đời của đức Phật là Thích Ca, có ý nghĩa như vậy đó. Đức Phật hiệu là Mâu Ni, Mâu Ni dịch nghĩa thành Tịch Mặc. Năng Nhân là đối với chúng sanh: Chúng ta đối đãi chúng sanh như thế nào? Ứng phó xã hội phức tạp như thế nào? Tịch Mặc là làm thế nào gìn giữ chính mình. Hai chữ này (Mâu Ni) là tự lợi, hai chữ trước (Thích Ca) là lợi tha.

(Sao) Tịch tắc trừng nhiên bất động, đốn tức vạn duyên.

(Diễn) Trừng nhiên bất động, đốn tức vạn duyên, tâm hành xứ diệt dã.

(鈔)寂則澄然不動，頓息萬緣。

(演)澄然不動。頓息萬緣。心行處滅也。

*(**Sao**: Tịch là lắng trong, bất động, dứt ngay muôn duyên.*

***Diễn**: Lắng trong, bất động, dứt ngay muôn duyên: Tâm hành xứ diệt).*

"Tịch" là Định, là tâm thanh tịnh. Tâm phải thanh tịnh, tâm phải định. Bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng vậy; trong hoàn cảnh nhân sự, người lành cũng thế, mà kẻ ác cũng thế, chúng ta gặp những cảnh giới ấy, phải học theo đức Phật. Đức Phật đối diện chúng nó như thế nào? Đối với cảnh giới, đức Phật chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Đó là Tịch.

"Trừng nhiên bất động": *"Trừng"* (澄) là tỷ dụ, giống như nước rất sạch, chẳng có một tí ô nhiễm nào, rất ngưng lặng. Nước ấy thanh tịnh. Tâm phải giống như thế, chớ nên động. *"Đốn tức vạn duyên"*: Chẳng có một vọng niệm nào, phải thời thời khắc khắc gìn giữ trạng thái này. Đó là chân tâm, là Phật Tánh, tức là chân tâm của chính mình. Tâm dấy ý niệm, chuyển động thì gọi là vọng tâm, chẳng phải là diện mục sẵn có (bổn lai diện mục) của chính mình. Diện mục sẵn có của chính mình là chân tâm, là bất động.

(Sao) Mặc tắc mạc nhĩ vong ngôn, vĩnh ly hý luận, thị đại trí minh Lý dã.

(Diễn) Mạc nhĩ vong ngôn, vĩnh ly hý luận, ngôn ngữ đạo đoạn dã. Hữu nhất vị vong, tắc cuồng tâm vị hiết, mạng căn vị đoạn, bất năng chứng Lý. Tư nghị song vong, nãi năng chứng Lý dã.

(鈔)默則漠爾忘言，永離戲論，是大智冥理也。

(演)漠爾忘言。永離戲論。言語道斷也。有一未忘。則狂心未歇。命根未斷。不能證理。思議雙亡。乃能證理也。

*(**Sao**: "Mặc" là vắng lặng, quên lời, vĩnh viễn xa lìa hý luận. Đấy là đại trí ngầm khế hợp Lý vậy.*

***Diễn**: "Vắng lặng, quên lời, vĩnh viễn lìa khỏi hý luận": Ngôn ngữ dứt bặt. Hễ có một điều gì chưa quên, tức là cuồng tâm chưa dứt, mạng căn chưa đoạn, chẳng thể chứng Lý. Suy nghĩ và bàn luận đều mất thì mới có thể chứng Lý).*

Phật, Bồ Tát hoàn toàn chẳng phải là rất nghiêm nghị. Nói thật ra, chư Phật, Bồ Tát hòa ái, dễ thân thiết. Cuộc sống của Đại Thừa Bồ Tát hết sức tiêu sái, rất thơ mộng. Chúng ta gọi *"hý luận"* (戲論) là ăn nói nhảm nhí, tức là những ngôn luận chẳng có mảy may ý nghĩa gì! Phật, Bồ Tát chẳng hý luận. Bình thường tiếp xúc chúng sanh, Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp có chỗ nào hài hước hay chăng? Có chứ, rất nhiều! Từ kinh luận Đại Thừa, chúng ta thường thấy Phật, Bồ Tát có nhiều cảm xúc hài hước. Nhưng bất luận dùng phương thức thuyết pháp nào, nhất định là có lợi ích cho chúng sanh; nói, cười, cử động đều đủ để khơi gợi trí huệ và phát khởi tâm tánh cho chúng sanh. Nếu chẳng có mảy may lợi ích gì đối với chúng sanh, dẫu là chuyện rất nghiêm túc,

đức Phật cũng chẳng nói, [vì nói chuyện đó] thì cũng gọi là hý luận! Vì thế, tiêu chuẩn của hý luận chính là "đối với chúng sanh chẳng có lợi ích gì". Dẫu nói êm tai cách mấy, đều là hý luận!

"Mạc nhĩ vong ngôn" (Vắng lặng, quên lời), câu này có ý nghĩa hết sức sâu xa. Ta cũng thường thấy kinh Đại Thừa chép: Đức Phật thuyết pháp *"nói mà không nói, không nói mà nói"*, chính là ý nghĩa này. Đức Phật thuyết pháp hoàn toàn là nói ứng theo căn cơ, chẳng phải là chuẩn bị trước. Phàm phu đến nơi đâu để giảng diễn, trước đó phải chuẩn bị. Đã chuẩn bị trước thì là "có nói, mà là nói". Đức Phật chẳng hề chuẩn bị, *"chẳng nói mà nói, nói mà không nói"*. Năng Nhân là đại bi lợi vật, Tịch Mặc là đại trí ngầm hợp Lý. *"Đại trí minh Lý"* (Đại trí ngầm hợp Lý), Lý là tự tánh, Trí và Tánh dung hợp thành một Thể, đấy là tự lợi. Do vậy, danh hiệu Phật dạy chúng ta: Nay ở trên đời, tu học, xử sự, đãi người, tiếp vật, phải dùng tiêu chuẩn nào? Phải giữ những nguyên tắc nào? Chính là bốn chữ ấy (Thích Ca Mâu Ni), đức Phật dạy chúng ta như vậy đó.

(Sao) Nhị giả viên dung thuyết, dĩ Bi tức Trí cố, chung nhật độ sanh, vô sanh khả độ, động nhất tĩnh dã.

(Diễn) Dĩ Bi tức Trí hạ, dĩ đại bi cố, vãng lai tam giới, xuất một tứ sanh, chung nhật độ sanh. Dĩ đại trí cố, nhất thiết chúng sanh tức tịch diệt tướng, vô sanh khả độ.

(鈔)二者圓融說，以悲即智故，終日度生，無生可度，動一靜也。

(演)以悲即智下。以大悲故。往來三界。出沒四生。終日度生。以大智故。一切眾生即寂滅相。無生可度。

*(**Sao**: Hai là nói viên dung, do Bi chính là Trí, cho nên suốt ngày độ sanh mà không có chúng sanh để có thể độ, động là một với tĩnh.*

***Diễn**: Từ câu "do Bi chính là Trí" trở đi: Do đại bi nên qua lại ba cõi, ra vào tứ sanh, suốt ngày độ sanh. Do đại trí, nên hết thảy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, chẳng có chúng sanh nào để có thể độ).*

Bi và Trí là hai khía cạnh của một Thể. Bi là mong độ chúng sanh, Năng Nhân là độ chúng sanh, giúp đỡ chẳng mệt, chẳng chán, khiến cho hết thảy chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui. *"Chung nhật độ sanh, vô sanh khả độ"* (Suốt ngày độ chúng sanh, chẳng có chúng

sanh để có thể độ). Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Phật chẳng độ chúng sanh. Suốt ngày từ sáng đến tối giảng kinh, thuyết pháp, cớ sao nói "chẳng độ chúng sanh"? Đức Phật chưa hề khởi tâm động niệm nói một câu pháp, chưa hề khởi tâm động niệm nói độ một chúng sanh. Vì sao? Tâm Ngài *"trừng nhiên bất động, đốn tức vạn duyên"* (lắng trong, bất động, dứt bặt muôn duyên). Nói theo tâm tánh của chính mình, xác thực là chẳng có! Đấy chính là *"vốn chẳng có một vật"* như Lục Tổ đã nói. Suốt bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, chưa hề nói một chữ. Vì sao bảo là *"chưa từng nói một chữ"*? Trong tâm Ngài chưa hề phân biệt một chữ, chưa hề chấp trước một chữ nào. Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm ô một chữ nào! Pháp được nói như thế nào? Do ứng với căn cơ của chúng sanh mà tự nhiên lưu lộ!

Cảm ứng đạo giao: Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Giống như cái chuông, hễ gõ, nó liền ngân vang ngay lập tức. Quý vị hỏi cái chuông, nó có ngân vang hay không? Nó sẽ đáp: "Tôi chưa từng ngân vang". Xác thực là chưa hề ngân vang, nhưng quý vị gõ, nó bèn ngân lên. Chẳng gõ, nó sẽ không ngân. Đức Phật thuyết pháp cũng lại giống như vậy. Vì thế, suốt ngày độ sanh, suốt ngày chẳng có chúng sanh nào để có thể độ. Nếu *"suốt ngày độ sanh, suốt ngày có chúng sanh để có thể độ"*, đó là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, các Ngài suốt ngày độ sanh, [vẫn thấy] có chúng sanh để có thể độ. Phật và Pháp Thân đại sĩ - Pháp Thân đại sĩ là những vị Bồ Tát đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân - các Ngài đều là suốt ngày độ sanh, [thế mà] chẳng có chúng sanh để có thể độ. Đó là bậc Bồ Tát đã kiến tánh. Trong động, các Ngài tĩnh. Phật pháp dùng bánh xe làm tiêu chí, tức là biểu tượng, dùng pháp luân. Luân là động, tâm bất động; động và tĩnh là một, chẳng hai. *"Động nhất tĩnh dã"* (Động và tĩnh là một): [Bánh xe] động là Năng Nhân, tâm hình tròn [của bánh xe] là Tịch Mặc, tâm là bất động. Đấy là chỗ khác biệt giữa chúng sanh và Phật. Vì thế, Bi chính là Trí.

(Sao) Dĩ Trí tức Bi cố, bất khởi nhất niệm, thường độ chúng sanh, tĩnh nhất động dã.

(Diễn) Dĩ Trí tức Bi hạ, dĩ đại trí cố, liễu pháp giai không, bất khởi nhất niệm, bất cư sanh tử. Dĩ đại bi cố, bất trụ không tịch, thường độ chúng sanh, bất chứng Niết Bàn.

(鈔)以智即悲故，不起一念，常度眾生，靜一動也。

(演)以智即悲下。以大智故。了法皆空。不起一念。不居生死。以大悲故。不住空寂。常度眾生。不證涅槃。

*(**Sao**: Do Trí chính là Bi, chẳng dấy một niệm, thường độ chúng sanh, tĩnh là một với động.*

***Diễn**: Từ câu "do Trí chính là Bi" trở đi: Do đại trí, nên hiểu các pháp đều là không, chẳng dấy một niệm, chẳng ở trong sanh tử. Do đại bi, nên chẳng trụ vào không tịch, thường độ chúng sanh, chẳng chứng Niết Bàn).*

Các Ngài trong tĩnh có động. Xác thực là Phật, Bồ Tát chưa hề dấy một niệm, nhưng các Ngài hóa thân vô lượng vô biên trong mười phương thế giới, giúp đỡ lục đạo chúng sanh đang khổ nạn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thật sự đang làm [chuyện hóa độ ấy]! Tuy thật sự đang làm, xác thực là các Ngài chẳng dấy một niệm. Thật sự học Phật là học ở chỗ này. Như thế là đúng, quý vị mới đạt được pháp lạc chân thật trong Phật pháp, nhà Phật nói là *"pháp hỷ sung mãn"*. Học từ chỗ này thì mới có thể đạt được pháp hỷ thật sự.

Pháp hỷ thật sự sanh từ cái tâm thanh tịnh, trong tâm xác thực chẳng có một niệm. Bên ngoài bèn hòa quang đồng trần, ở chung với mọi người, quý vị tuyệt đối chẳng nhìn ra chỗ khác biệt, hoàn toàn giống như mọi người, nhưng bên trong thì khác. Phàm phu bên ngoài là động, bên trong cũng là động. Phật, Bồ Tát bên ngoài là động, bên trong là bất động. Phàm phu trong lẫn ngoài đều nhiễm; Phật, Bồ Tát thì bên ngoài giống như là nhiễm, nhưng bên trong là thanh tịnh, bên trong trước nay vẫn chẳng nhiễm. Trên thực tế, bên ngoài là nhiễm, hay chẳng nhiễm? Bên ngoài cũng chẳng nhiễm, nhưng quý vị thấy dường như là có nhiễm. Thật ra, bên ngoài các Ngài cũng chẳng nhiễm; nhưng lũ phàm phu chúng ta thấy các Ngài cũng nhiễm như chúng ta. Đó là chúng ta đã thấy sai mất rồi. Chúng ta thật sự nhiễm, trong lẫn ngoài đều nhiễm, các Ngài là trong lẫn ngoài đều chẳng nhiễm, nhưng biểu hiện bên ngoài hoàn toàn giống như chúng ta! Đấy chính là *"thiện quyền phương tiện, khúc tựu cơ nghi"* (phương tiện quyền biến, thiện xảo, khéo phù hợp cơ nghi) như trong phần trước đã nói.

(Sao) Cố tri thiên cử nhị tự, nãi chí nhất ngôn, Phật chi toàn đức, nhiếp vô bất tận.

(Diễn) Thiên cử nhị tự giả, dĩ Bi tức Trí, Năng Nhân tức kiêm Tịch Mặc. Dĩ Trí tức Bi, Tịch Mặc tức kiêm Năng Nhân, nãi chí nhất ngôn giả, Năng tức kiêm Nhân, Dụng tức Thể cố. Nhân tức kiêm Năng, Thể tức Dụng cố. Tịch tức kiêm Mặc, tâm hành xứ diệt, tự nhiên ngữ ngôn đạo đoạn. Mặc tức kiêm Tịch, ngôn ngữ đạo đoạn, nãi viết tâm hành xứ diệt cố.

(鈔)故知偏舉二字，乃至一言，佛之全德，攝無不盡。

(演)偏舉二字者。以悲即智。能仁即兼寂默。以智即悲。寂默即兼能仁。乃至一言者。能即兼仁。用即體故。仁即兼能。體即用故。寂即兼默。心行處滅。自然語言道斷。默即兼寂言語道斷。乃曰心行處滅故。

*(**Sao**: Vì thế biết: Chỉ riêng nêu lên hai chữ, thậm chí chỉ bằng một lời, toàn bộ phẩm đức của Phật đã được hàm nhiếp chẳng sót chút nào.*

***Diễn**: "Chỉ riêng nêu lên hai chữ": Do Bi chính là Trí, nên Năng Nhân bèn kiêm Tịch Mặc. Do Trí chính là Bi, nên Tịch Mặc bèn kiêm Năng Nhân. "Thậm chí chỉ bằng một lời": Năng bèn kiêm Nhân, do Dụng chính là Thể. Nhân bèn kiêm Năng, do Thể chính là Dụng. Do Tịch kiêm Mặc, nên tâm hành xứ diệt, tự nhiên ngôn ngữ dứt bặt. Do Mặc kiêm Tịch, ngôn ngữ dứt bặt, bèn nói là "tâm hành xứ diệt").*

"Thiên cử nhị tự" (Chỉ riêng nêu lên hai chữ), tức là Trí Bi hoặc Bi Trí. *"Nhất ngôn"* (Một lời), hai thứ ấy là một Thể, [tức là] một Thể, một tác dụng. Thể và Dụng lại còn có thể dùng lẫn cho nhau: Bi là Thể, Trí là Dụng. Hoặc Trí là Thể, Bi là Dụng. Thể và Dụng có thể dùng lẫn nhau, chẳng nhất định cái nào là Thể, cái nào là Dụng! Chẳng phải là nói theo kiểu đó. Nói kiểu đó sẽ bị chướng ngại, mới trở thành hai thứ. Chúng là một thứ!

(Sớ) Thậm nan hy hữu, tổng hạ nhị nan.

(疏)甚難希有，總下二難。

*(**Sớ**: Nói "rất khó, hiếm có" hòng chỉ chung hai điều khó khăn [sẽ được nói đến] trong phần sau).*

Hai sự khó khăn được nói trong phần kế tiếp.

(Sớ) Cụ thử nhị nan, cố ngôn công đức bất tư nghị dã.

(Sao) Ngôn nhị nan giả, ư Ngũ Trược đắc Bồ Đề, thị vi nhất nan.

(疏)具此二難，故言功德不思議也。

(鈔)言二難者，於五濁得菩提，是為一難。

*(**Sớ**: Do có đủ cả hai điều khó khăn ấy, nên bảo là công đức chẳng thể nghĩ bàn.*

***Sao**: Nói đến hai thứ khó khăn thì trong đời Ngũ Trược mà đắc Bồ Đề, đó là điều khó khăn thứ nhất).*

Trong phần sau, còn có giải thích cặn kẽ, sau đấy, quý vị mới biết thật sự là khó! Chúng ta sống trong xã hội hiện thời, đọc bộ kinh này, sẽ có cảm xúc sâu đậm hơn cổ nhân rất nhiều! Người thời cổ, xã hội thuần phác, chẳng dễ cảm thấy việc ấy khó khăn cho lắm. Trong xã hội hiện thời, mọi người đều thấy: Phong khí thuần phác xa xưa đã hoàn toàn chẳng còn nữa! Đối với xã hội hiện thời, bốn điều giáo huấn thanh tịnh sáng suốt (thanh tịnh minh hối) trong kinh Lăng Nghiêm đã miêu tả [chuẩn xác] xã hội hiện thời. Nhìn vào xã hội hiện thời, trong xã hội là những gì? Yêu ma, quỷ quái, chẳng phải là người. Gì mới là người? Trong tâm con người là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đấy là con người. Trong tâm con người là Ngũ Giới, Thập Thiện, đấy là con người. Nếu trong tâm là tham, sân, si, là giết, trộm, dâm, dối, sẽ là yêu ma, quỷ quái. Vì vậy, chẳng thể nhìn từ bề ngoài, phải nhìn từ tâm địa. Chúng ta sống trong một xã hội như vậy, là đời ác Ngũ Trược, sự trược ác xác thực đã lộ ra ngoài. Đối với Ngũ Trược ác thế như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói xưa kia, sự trược ác ấy vẫn chẳng dễ phát hiện cho lắm, nhìn chẳng ra! Nay thì giống như một quả táo đã mục ruỗng, từ bên trong thối ruỗng đến bên ngoài; ai nhìn vào cũng đều biết đó là một quả táo thối nát. Trước kia là trong tâm hư nát một tí, nhìn bề ngoài còn đẹp đẽ, chẳng nhìn ra! Hiện tại là một thời đại như vậy đó! Trong một thời đại như thế, quý vị muốn làm một người tốt khó lắm, chẳng dễ dàng! Thành La Hán, thành Bồ Tát, thành Phật, há chẳng phải là càng khó hơn ư? Trong đời ác Ngũ Trược, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, đấy là chuyện khó khăn! *"Đắc Bồ Đề"* là thành Phật.

(Sao) Hựu ư Ngũ Trược, thuyết thử Tịnh Độ pháp môn, thị vi nhị nan.

(鈔)又於五濁說此淨土法門，是為二難。

*(**Sao**: Lại ở trong Ngũ Trược, nói pháp môn Tịnh Độ này, đó là chuyện khó thứ hai).*

Đây là nỗi khó khăn thứ hai. Thích Ca Mâu Ni Phật trong khi ấy, nói pháp môn Tịnh Độ, khuyên người ta chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Có khá nhiều Bồ Tát đệ tử, Thanh Văn đệ tử ở ngay bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật mà chẳng tin tưởng! Nghe đức Phật nói xong, họ gật đầu, chẳng có ý nghĩ cầu vãng sanh! Cho thấy đây là pháp khó tin. Phật pháp lưu truyền cho tới nay đã ba ngàn năm; ba ngàn năm sau, chúng ta cũng tuyên dương pháp môn này, có lắm kẻ chẳng tin, có lắm kẻ bài xích, đó là lẽ đương nhiên. Có gì kỳ quái đâu nhỉ? Nếu họ chẳng ngăn trở, chẳng bài xích, há chẳng phải là pháp dễ tin ư? Làm sao có thể gọi là *"pháp khó tin"* cho được? Vì thế, chúng ta phải hiểu rành mạch, hiểu rõ ràng.

Có lắm kẻ tu hành bảo: "Một bộ kinh không được đâu! Chẳng đáng tin cậy! Lạy một vị Phật, chẳng thể thành tựu!" Chúng ta nghe nói [như vậy] rất nhiều, chúng ta cũng tuyệt đối chẳng bị họ lay động. Do đạo lý gì? Đối với đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch, biết nhất định là có thành tựu, quyết định chẳng luống uổng. Kinh nói *"công bất đường quyên"* (công chẳng phí uổng), quyết định là sẽ có kết quả.

(Sao) Tịnh thử nhị chủng, thị vi tối thượng nan hành chi sự, duy Phật hành chi, hy hữu hãn kiến chi sự, duy Phật hữu chi.

(鈔)并此二種，是為最上難行之事，唯佛行之，希有罕見之事，唯佛有之。

*(**Sao**: Và hai loại này, chính là chuyện khó làm bậc nhất, chỉ có Phật làm được, và là chuyện hy hữu hiếm thấy, chỉ riêng Phật là có).*

Đây là sự khó hành mà có thể hành, là pháp hiếm có. Đấy là tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 275

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm bảy mươi lăm:

(Sao) Hựu nan hành năng hành, do vị hy hữu, thậm nan hành giả, nhi năng hành chi, thử thành giá cổ dật kim, siêu hiền việt thánh, thiên thượng, thiên hạ, trác nhiên độc thiện, nhi vô dữ đẳng liệt giả dã, cố vân hy hữu.

(鈔)又難行能行，猶未希有，甚難行者而能行之，此誠駕古軼今，超賢越聖，天上天下，卓然獨擅，而無與等埒者也，故云希有。

*(**Sao**: Lại nữa, khó làm mà có thể làm, vẫn chưa phải là hy hữu. Đối với chuyện rất khó làm mà có thể làm, đúng là trỗi xưa vượt nay, vượt hiền, trỗi thánh, trên trời, dưới đất, riêng tốt lành lỗi lạc, chẳng có gì có thể sánh cùng. Vì thế nói là "hy hữu").*

Đây là giải thích câu *"thậm nan hy hữu"* trong lời Sớ. Liên Trì đại sư đã vì chúng ta kể ra hai điều khó:

1) Thứ nhất là trong đời ác Ngũ Trược, thành Phật khó khăn.

2) Thứ hai là hoằng dương pháp môn này trong cõi đời trược ác khó lắm. Pháp này được gọi là *"pháp khó tin"*.

Trong đoạn trước, đã giới thiệu điều này. Trong đoạn sau, bèn nói *"điều khó làm mà có thể làm được"* vẫn chưa đáng kể là hy hữu. *"Hy hữu"* là [nói tới] chuyện rất khó thực hiện. Điều rất khó thực hiện mà có thể làm được; đấy mới là thật sự hy hữu! Liên Trì đại sư nói lời này, chúng ta suy nghĩ kỹ càng, [sẽ thấy] Ngài nói xác thực là chẳng quá lố! Hiện thời, khoa học khá tiến bộ, các nhà khảo cổ và sử gia đều hiểu rõ: Trên địa cầu này, từ xưa đến nay, chỉ thấy có một người thành Phật, chẳng thấy vị thứ hai, xác thực là khó khăn! Chúng ta có thể tiếp nhận và tin tưởng điều này, nhưng đối với điều thứ hai, tức là *"nói pháp khó tin này cũng khó khăn ngần ấy"*, chúng ta nghe xong có lẽ cũng hoài nghi. Vì sao? Cổ Ấn Độ, chúng ta chẳng bàn tới, chỉ nói [kể từ khi] Phật pháp truyền sang Trung Hoa. Theo lịch sử ghi chép, Phật pháp được chánh thức truyền sang Trung Hoa nhằm năm Vĩnh Bình thứ mười, đời Hậu Hán, tức là năm 67 Công Nguyên, đã có lịch sử gần hai ngàn năm. Kể từ thời Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư kiến lập Niệm Phật Đường đầu tiên ở Trung Hoa tại Lư Sơn, đề xướng nương theo kinh Vô Lượng Thọ để chuyên tu Tịnh nghiệp. Thuở đó, đối với ba kinh Tịnh Độ, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ được dịch sang tiếng Hán, chứ kinh Di Đà và Quán Kinh vẫn chưa được phiên dịch. Thời ấy, Tịnh Độ Tông chỉ có một bộ kinh

Vô Lượng Thọ, Lư Sơn Liên Xã căn cứ vào kinh Vô Lượng Thọ mà kiến lập.

Từ sau thời Viễn Công, trong hơn một ngàn năm, có thể nói là Tịnh Tông Trung Hoa khá hưng thịnh, không kém Thiền Tông. Cớ sao bảo là *"pháp khó tin"*? Nói thật ra, chúng ta có duyên quá thù thắng, những người chúng ta tiếp xúc đều là người niệm Phật. Vì thế, thấy pháp môn Niệm Phật này dường như chẳng khó, người niệm Phật đông lắm mà! Nếu lắng lòng quan sát kỹ, quý vị sẽ cảm thấy chẳng phải vậy! Pháp môn này xác thực là khó tin! Luận định theo dân cư trên cả thế giới, người gặp gỡ Phật pháp có thể chiếm mấy phần? Tỷ lệ quá thấp! Trong những người tiếp xúc Phật pháp, lại có mấy phần được nghe pháp môn Tịnh Độ? Trong những người nghe pháp môn Tịnh Độ, lại có mấy phần thật sự liễu giải Tịnh Tông? Cứ loại trừ từng tầng một như vậy, đúng là còn sót lại chẳng được mấy người. Chúng ta mới biết đức Phật nói *"pháp môn này khó tin, khó nói"*, xác thực là có đạo lý. Đoạn này nhằm nói rõ chuyện này!

(Sớ) Sa Bà thử vân Kham Nhẫn, nhất vân Nhẫn giới.

(疏)娑婆此云堪忍，一云忍界。

*(**Sớ**: "Sa Bà" cõi này dịch là Kham Nhẫn, một cách dịch khác là "Nhẫn Giới").*

"Sa Bà" (Sahā-lokadhātu) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Kham Nhẫn. *"Kham"* (堪) nghĩa là có thể chịu đựng, có ý nghĩa là thế giới này bất hảo, [thế mà] người sống trong thế giới này có thể chịu đựng, có thể hứng chịu [sự bất hảo ấy]. Kham Nhẫn có ý nghĩa ấy. Vì thế, cũng gọi là Nhẫn Giới, Giới (界) tức là thế giới này.

(Sớ) Tức Thích Ca Thế Tôn sở chủ đại thiên thế giới dã.

(疏)即釋迦世尊所主大千世界也。

*(**Sớ**: Tức là đại thiên thế giới nơi đức Thích Ca Thế Tôn làm chủ).*

Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn, thật sự hết sức khó có! Ngài đến thị hiện thành Phật trong thế giới này để hoằng pháp độ sanh.

(Sớ) Ngũ Trược giả, dĩ ngũ sự giao nhiễu, hồn trược chân tánh,

cố danh ác thế.

(疏)五濁者，以五事交擾，渾濁真性，故名惡世。

*(**Sớ**: "Ngũ Trược" là do có năm chuyện xen tạp quấy nhiễu, khiến cho chân tánh bị nhơ đục, nên gọi là "đời ác").*

"Trược" (濁) là chẳng thanh tịnh. Nói theo cách hiện thời, sẽ là *"ô nhiễm"*. Có năm loại ô nhiễm lớn, nhiễm bẩn chân tâm bản tánh của chúng ta. Ở đây, ắt cần phải nói rõ: Chân tâm bản tánh quyết định chẳng bị ô nhiễm. Đức Phật nói những lời này để cho chúng ta dễ hiểu, đấy là đức Phật nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Giống như trời âm u, chúng ta nói "mây che khuất mặt trời", nói kiểu ấy có nghe lọt tai hay không? Nghe lọt tai chứ! Mọi người đều nói như vậy! Nếu nói thật sự, mây làm sao có thể che lấp mặt trời cho được? Mặt trời to hơn địa cầu mấy chục vạn lần, một áng mây bé tí làm sao có thể che lấp mặt trời? Huống chi mây cách mặt trời quá ư là xa! Nhưng trong cái nhìn của chúng ta, giống như mây thật sự che lấp mặt trời. Ngũ Trược ô nhiễm tâm tánh cũng giống như tỷ dụ ấy, hoàn toàn chẳng phải là bản tánh thật sự bị ô nhiễm, mà là chướng ngại, khiến cho chúng ta hiện tiền chẳng thấy chân tánh, xác thực là bị nó chướng ngại. Vì thế, gọi là Trược, là vẩn đục. *"Cố danh ác thế"* (Nên gọi là đời ác), thế gian này chẳng thanh tịnh. "Chẳng thanh tịnh" là nói theo [phương diện] tâm hạnh của hết thảy chúng sanh, tạo tác hết thảy ác nghiệp. Do ác nghiệp, nhất định cảm vời khổ báo; nhân, duyên, quả báo chẳng sai sẩy mảy may! Đây là nói về thế gian này!

(Sớ) Vô Ngũ Trược giả, danh thiện thế dã.

(疏)無五濁者，名善世也。

*(**Sớ**: Chẳng có Ngũ Trược thì gọi là cõi đời tốt lành).*

Thế giới nào chẳng có Ngũ Trược? Thật sự chẳng có Ngũ Trược, rốt ráo chẳng có Ngũ Trược, chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là cõi nước thanh tịnh mà hết thảy các vị Bồ Tát đều mong cầu.

(Sao) Kham Nhẫn giả, dĩ thử trung chúng sanh, kham năng nhẫn thọ Tam Độc phiền não, luân hồi sanh tử, bất yếm ly cố.

(鈔)堪忍者 ，以此中眾生 ，堪能忍受三毒煩惱，輪迴

生死，不厭離故。

*(**Sao**: Kham Nhẫn là chúng sanh trong cõi ấy có thể chịu đựng Tam Độc phiền não, luân hồi, sanh tử, chẳng chán lìa vậy).*

Hiện tượng này xác thực là sự thật, Phật, Bồ Tát trông thấy, luôn cảm thấy hết sức lạ lùng: Chúng sanh luân hồi trong lục đạo khổ sở ngần ấy, vì sao họ chẳng mong vượt thoát? Vì thế, gọi là Kham Nhẫn, có thể *"nhẫn thọ Tam Độc"* (chịu đựng tham, sân, si). Trong tất cả các thứ độc hại trên thế gian, ba thứ ấy nghiêm trọng nhất. Tam Độc là tham, sân, si, gọi là *"Tam Độc phiền não".* Vì có Tam Độc, cho nên thế gian này có ba ác đạo. Hết thảy chúng sanh nếu chẳng thể vượt thoát luân hồi, quyết định là thời gian ở trong ba ác đạo dài lâu, thời gian ở trong ba thiện đạo ngắn ngủi, do nguyên nhân gì? Ý niệm tham, sân, si rất thô, rất nặng, đạo lý là như thế đó. Vì sao thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi? Ý niệm chẳng tham, chẳng sân, chẳng si trong tâm chúng ta rất ít, sức mạnh của chúng rất mỏng yếu. Do vậy, thời gian ở trong ba thiện đạo ngắn ngủi. Ý niệm tham, sân, si rất mạnh, sức mạnh rất lớn, dẫn đến thời gian chúng ta ở trong ba ác đạo lâu xa. Đạo lý là như thế đó. Những kẻ ấy có thể chịu đựng Tam Độc phiền não, chẳng biết tiêu trừ, luân hồi trong lục đạo, chịu đựng những quả báo ấy mà chẳng biết xuất ly. Đó gọi là Kham Nhẫn.

(Sao) Nhẫn Giới giả, Như Lai ư trung, độc chứng Tự Thệ tam-muội cố. Hựu kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhẫn cố.

(Diễn) Độc chứng Tự Thệ tam-muội giả, chứng giả, nhẫn dã. Tự Thệ tam-muội, tức Như Lai nhân địa Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh, nguyện đoạn phiền não, nguyện tu pháp môn. Kim dĩ thành Phật, đoạn vô minh thành Phật đạo, chuyển pháp luân độ chúng sanh. Cố vi độc chứng. Thử tùng Như Lai đắc danh, y xuất thế chi chủ đắc danh dã. Kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhẫn giả, không kiếp dĩ tiền, thử giới vị hữu nhân dân. Tự Phạm Vương giáng sanh, thỉ hữu nhân loại. Kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhẫn, toại danh Nhẫn Giới. Thử tùng Phạm Vương đắc danh, y thế gian chi chủ đắc danh dã.

(鈔)忍界者，如來於中獨證自誓三昧故，又劫初梵王名忍故。

(演)獨證自誓三昧者 。證者忍也 。自誓三昧。即如來

因地四弘誓願。願成佛道。願度眾生。願斷煩惱。願修法門。今已成佛。斷無明成佛道。轉法輪度眾生。故為獨證。此從如來得名。依出世之主得名也。劫初梵王名忍者。空劫以前。此界未有人民。自梵王降生始有人類。劫初梵王名忍。遂名忍界。此從梵王得名。依世間之主得名也。

*(**Sao**: Nhẫn Giới: Chỉ có mình Như Lai ở trong ấy chứng Tự Thệ tam-muội. Lại thuở kiếp sơ, Phạm Vương có tên là Nhẫn.*

***Diễn**: "Một mình riêng chứng Tự Thệ tam-muội": Chứng là Nhẫn. Tự Thệ tam-muội chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện của Như Lai trong khi tu nhân, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh, nguyện đoạn phiền não, nguyện tu pháp môn. Nay đã thành Phật, đoạn vô minh, thành Phật đạo, chuyển pháp luân độ chúng sanh. Vì thế là "riêng chứng một mình". Đây là từ Như Lai mà [thế giới này] có tên gọi như vậy, tức là nương theo bậc chủ của xuất thế gian để đặt tên. "Thuở kiếp sơ, Phạm Vương có tên là Nhẫn": Từ bao kiếp lâu xa về trước, cõi này chưa có nhân dân. Từ khi Phạm Vương giáng sanh, mới có nhân loại. Phạm Vương thuở kiếp sơ tên là Nhẫn, bèn gọi [cõi này] là Nhẫn Giới. Đấy là do từ Phạm Vương mà đặt tên, tức là dựa theo bậc chủ của thế gian để đặt tên).*

Thế giới này có tên là thế giới Kham Nhẫn, tên gọi ấy do đâu mà có? Tên ấy có hai xuất xứ:

1) Một là đức Phật *"độc chứng Tự Thệ tam-muội"* (riêng mình đức Phật tự chứng Tự Thệ tam-muội). *"Tự Thệ"* là tự mình phát ra thệ nguyện ấy. Từ nhiều kiếp lâu xa về trước, Thích Ca Mâu Ni Phật có thân phận giống như chúng ta trong hiện tại, vừa mới phát tâm học Phật, phát ra Tứ Hoằng Thệ Nguyện, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, phát nguyện này. Về sau, Ngài thành Phật. Sau khi đã thành Phật, bèn thực hiện nguyện ấy. Do vậy, Ngài trở lại thế giới Sa Bà, thị hiện thành Phật. Đó là *"độc chứng Tự Thệ tam-muội cố"* (riêng một mình Ngài chứng Tự Thệ tam-muội). Tuy chúng sanh trong thế giới này rất khổ, rất ngu si, đức Phật vẫn phải đến [cứu độ], quyết định chẳng thể vứt bỏ.

2) Thứ hai là nói thế giới này, lúc khởi đầu, loài người chúng ta do đâu mà có? Hiện thời, các nhà khoa học bảo con người do loài vượn tiến hóa thành. Cách nói ấy rất miễn cưỡng! Tuy họ đưa ra nhiều lý do,

chẳng thể khiến cho mọi người vui vẻ, thật sự tin phục. Vì sao? Nếu con người do loài khỉ tiến hóa thành, cớ sao hiện thời có những con khỉ chẳng tiến hóa thành người? Há có chuyện một nửa loài khỉ tiến hóa, nửa kia chẳng tiến hóa? Chúng cùng sống một chỗ mà! Nói kiểu nào cũng chẳng suông! Gần đây nhất, cũng có người bảo: Tổ tiên của nhân loại đến từ không gian bên ngoài, hoặc từ tinh cầu khác di dân đến địa cầu. Sau khi đến đây, có thể là do công cụ giao thông của họ bị tổn hoại, họ chẳng thể quay về nữa, bèn bén rễ sanh sôi ở nơi đây. Cách nói ấy rất gần với cách nói trong kinh Phật.

Kinh Phật bảo: Tổ tiên nhân loại từ cõi trời Đại Phạm Thiên (Mahābrahmā) tới. Đại Phạm Thiên tuyệt đối chẳng phải là ở trên tinh cầu này của chúng ta, [mà là] từ tinh cầu khác di dân đến nơi đây. Trong kinh có khi nói là Đại Phạm Thiên, có chỗ nói là Quang Âm Thiên. Quang Âm Thiên (Ābhāsvara) thuộc về Nhị Thiền Thiên. Nói chung, đều chẳng phải là ở trên quả địa cầu này, đều là từ tinh cầu khác di dân đến đây. Tên của Đại Phạm Vương chỉ có một chữ là Nhẫn (Kṣānti). Do ông ta di dân đến chỗ này trước hết, bèn dùng tên của ông ta để làm danh hiệu của cả khu vực này. Điều này cũng rất hợp tình, hợp lý. Địa cầu này được gọi là thế giới Kham Nhẫn, cũng là vì thoạt đầu, có những người từ Đại Phạm Thiên di dân đến nơi đây. Do đó, có hai thứ xuất xứ của danh hiệu như vậy. Đoạn tiếp theo nhằm giải thích từ ngữ Ngũ Trược (Pañca-kaṣāya). Đoạn này rất quan trọng, nhằm muốn cho chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh sống của chúng ta trong hiện tiền.

(Sao) Ngũ Trược giao nhiễu giả, tánh bổn uyên trừng, diêu kiếp đẳng ngũ, khởi chư trần chỉ.

(鈔)五濁交擾者，性本淵澄，繇劫等五，起諸塵滓。

*(**Sao**: "Ngũ Trược xen tạp quấy nhiễu": Tánh vốn sâu lắng, do năm thứ như Kiếp Trược v.v... mà dấy lên các thứ cặn trần).*

"*Tánh*" là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh vốn thanh tịnh, vốn là bất động. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông khai ngộ, Ngài đã hướng về Ngũ Tổ thưa trình cảnh giới, nói ra năm câu. Câu đầu tiên là *"nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*, chính là ý nghĩa này. *"Uyên trừng"* (淵澄) là hình dung nó hết sức thanh tịnh, quyết định chẳng có ô nhiễm. Ô nhiễm do đâu mà có? *"Diêu kiếp đẳng ngũ"* [nghĩa là bắt nguồn từ] Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh

Trược, Mạng Trược, năm loại ô nhiễm lớn ấy. *"Khởi chư trần chỉ"*, *"chỉ"* (滓) là cặn bã, nghĩa là những thứ dơ bẩn, chẳng thanh tịnh. Chúng dấy lên như vậy đó.

(Sao) Như Lăng Nghiêm vân: "Thí chi thanh thủy, đầu dĩ sa thổ, thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết, mịch nhiên hồn trược cố".

(Diễn) Lăng Nghiêm thí chi thanh thủy đẳng giả. Kinh vân: "A Nan, thí như thanh thủy, thanh khiết bổn nhiên, tức bỉ trần, thổ, hôi, sa chi luân, bổn chất lưu ngại. Nhị thể pháp nhĩ, tánh bất tương tuần. Hữu thế gian nhân, thủ bỉ thổ, trần, đầu ư tịnh thủy, thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết. Dung mạo mịch nhiên, danh chi vi Trược. Nhữ trược ngũ trùng, diệc phục như thị".

(鈔)如楞嚴云：譬之清水，投以沙土，土失留礙，水亡清潔，汩然渾濁故。

(演)楞嚴譬之清水等者。經云。阿難。譬如清水。清潔本然。即彼塵土灰沙之倫。本質留礙。二體法爾。性不相循。有世間人。取彼土塵。投於淨水。土失留礙。水亡清潔。容貌汩然。名之為濁。汝濁五重。亦復如是。

*(**Sao**: Như kinh Lăng Nghiêm nói: "Ví như nước trong, ném cát, đất vào đó, đất mất tánh chất ngăn ngại, nước mất tánh chất thanh khiết, lợn cợn, đục ngầu".*

***Diễn**: "Thí dụ về nước trong trẻo trong kinh Lăng Nghiêm": Kinh chép: "Này A Nan! Ví như nước trong, vốn sẵn thanh khiết, còn những thứ như bụi, đất, tro, cát, bản chất vốn ngăn ngại. Bản thể của hai thứ ấy có tánh chất chẳng hòa hợp với nhau. Có người trong thế gian đem đất, bụi ném vào nước sạch, đất mất tánh ngăn ngại, nước mất tánh thanh khiết, hình trạng tạp loạn, nên gọi là Trược. Năm tầng ô trược của ông cũng giống như thế đó").*

Đại sư trích dẫn một đoạn kinh văn từ kinh Lăng Nghiêm. Đoạn kinh này do đức Phật nói, Ngài giảng về hiện tượng ô nhiễm. *"Thí chi thanh thủy, đầu dĩ sa thổ"* (Ví như nước trong, ném đất, cát vào đó). Nước vốn rất trong, chúng ta đem bùn, cát ném vào trong nước. *"Thổ thất lưu ngại"*: Bùn, cát bỏ vào nước, tan rã. *"Thủy vong thanh khiết"*: Nước vẩn đục, nước chẳng thanh tịnh nữa! *"Mịch nhiên hồn trược cố"* (Lợn cợn, đục ngầu): Đấy là đức Phật dùng tỷ dụ để hình dung hiện

tượng vẩn đục. Tỷ dụ này hết sức hay, nước có thật sự bị ô nhiễm hay không? Chẳng có! Thời gian đã lâu, đất cát bèn chìm lắng, nước vẫn trong, nước chẳng bị ô nhiễm. Giống như tâm tánh của chúng ta bị năm thứ ấy ô nhiễm là tạm thời, chẳng phải là thật sự ô nhiễm. Nếu thật sự ô nhiễm, chúng ta minh tâm kiến tánh sẽ khó khăn, chẳng thực hiện được!

(Sao) Thế giả, thiên lưu bất dĩ chi vị.

(鈔)世者，遷流不已之謂。

*(**Sao**: "Thế" có nghĩa là dời đổi chẳng ngừng).*

Đây là giải thích chữ *"thế giới". "Thế"* (世) là quá khứ, hiện tại, vị lai, dời đổi không ngừng.

(Sao) Tắc thử thế chi tiền, thử thế chi hậu, đương hữu vô Ngũ Trược chi thiện thế.

(Diễn) Đương hữu vô Ngũ Trược chi thiện thế giả, dĩ nhân thọ nhị vạn tuế tiền, tà kiến bất khởi, phiền não khinh vi, tứ thú không hư, thọ mạng cửu viễn. Thời Phần thanh tịnh chi thiện thế dã.

(鈔)則此世之前，此世之後，當有無五濁之善世。

(演)當有無五濁之善世者。以人壽二萬歲前。邪見不起。煩惱輕微。四趣空虛。壽命久遠。時分清淨之善世也。

*(**Sao**: Tức là trước và sau đời này, ắt có đời tốt lành chẳng có Ngũ Trược.*

***Diễn**: "Ắt có đời tốt lành chẳng có Ngũ Trược": Do trước lúc con người tuổi thọ chỉ còn hai vạn năm, tà kiến chẳng khởi, phiền não nhẹ ít, bốn đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La) trống rỗng, thọ mạng dài lâu, [đó chính là] đời tốt lành thanh tịnh xét theo phương diện thời gian vậy).*

Trước một đời này, nhiều kiếp lâu xa về trước, thế giới này từng thanh tịnh, chẳng có ô nhiễm. Tôi tin là sau này, thế giới này vẫn có lúc thanh tịnh bất nhiễm. Chúng ta có thể tin tưởng cách nói này. Chúng ta nhìn từ lịch sử, hoặc nhìn gần hơn một chút, quan sát từ kinh nghiệm trong một đời chúng ta, những người cùng lứa tuổi với tôi đều có thể cảm nhận. Thuở ban đầu, chúng tôi mới đến Đài Loan, Đài Loan đúng là

đảo báu, là một vùng Tịnh Độ, chẳng có mảy may ô nhiễm nào! Hằng ngày nhìn lên trời, trời xanh, mây trắng, hết sức đáng yêu! Nay vùng đất Đài Loan này ô nhiễm nghiêm trọng, chẳng còn nhìn thấy bầu trời xanh biếc đâu nữa. Hằng ngày ngó lên trời, thấy xám xịt như tro đất. Vì vậy, thế gian hiện thời xác thực là ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Trong quá khứ, kinh nói *"Ngũ Trược ác thế"*, chúng ta đọc và nghe xong đều chẳng lưu ý. Vì sao? Dường như chính mình chẳng có cảm xúc, chẳng cảm nhận được. Hiện thời, vừa nói *"Ngũ Trược ác thế"*, lập tức cảm nhận rất rõ rệt. Không chỉ Đài Loan bị ô nhiễm, mà đi khắp cả thế giới, ta sẽ thấy chẳng có nơi nào không bị ô nhiễm, chỉ là ô nhiễm nặng hay nhẹ khác nhau mà thôi! Ô nhiễm phổ biến, vấn đề này hết sức nghiêm trọng; đúng là Ngũ Trược ác thế như trong kinh đã nói.

(Sao) Kim vân ác thế, cứ Thích Ca hiện thế ngôn dã.

(鈔)今云惡世，據釋迦現世言也。

*(**Sao**: Nay nói là "đời ác", tức là căn cứ theo đời hiện tại của Phật Thích Ca để nói vậy).*

"Hiện thế" (現世) là hiện tiền, thời đại hiện tại này. Dưới đây là giải thích Ngũ Trược:

(Sớ) Kiếp giả, Phạn ngữ, cụ vân Kiếp Ba, thử vân Thời Phần.

(疏)劫者，梵語，具云劫波，此云時分。

*(**Sớ**: Kiếp là tiếng Phạn, nói đủ là Kiếp Ba, cõi này dịch là Thời Phần).*

Người Hoa chuộng đơn giản. Khi phiên dịch, thường tỉnh lược âm cuối; Kiếp Ba (Kalpa) chỉ dịch là Kiếp. *"Thử vân Thời Phần"*, có nghĩa là quan niệm thời gian như chúng ta nói trong hiện thời.

(Sớ) Kiếp Trược giả, vô biệt thể, dĩ hữu tứ trược đắc danh. Chúng trược giao thấu, tức kỳ tướng dã.

(疏)劫濁者，無別體，以有四濁得名。眾濁交湊，即其相也。

*(**Sớ**: Kiếp Trược (Kalpakaṣāya) không có thể tánh riêng biệt, do có bốn thứ trược kia mà gọi là Kiếp Trược. Các thứ trược xen tạp chính là tướng trạng của nó vậy).*

Thời gian thì làm gì có ô nhiễm? Do có bốn thứ ô nhiễm sau đó, chúng ta bèn nói thời đại này bất hảo, là ác thế, chẳng phải là thiện thế.

(Sao) Kiếp Trược giả, nhất đại kiếp trung, Thành, Trụ, Hoại, Không, nhị thập tiểu kiếp, lộc lô tăng giảm.

(鈔)劫濁者，一大劫中，成住壞空二十小劫，轆轤增減。

*(**Sao**: Kiếp Trược: Trong một đại kiếp có Thành, Trụ, Hoại, Không, [mỗi giai đoạn] là hai mươi tiểu kiếp, xoay vần tăng giảm).*

"Lộc lô" (轆轤)[82] là công cụ để kéo nước, là tỷ dụ. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Một đại kiếp có tất cả tám mươi tiểu kiếp. Ở đây nói tới Thành, Trụ, Hoại, Không, đó là bốn trung kiếp. Trong mỗi một trung kiếp, đều có hai mươi tiểu kiếp. Cách tính toán như vậy đó. Tiểu kiếp được tính như thế nào?

(Sao) Nhân thọ tăng chí bát vạn tuế thời, tăng chi cực dã, nãi bách niên giảm nhất, giảm chí nhị vạn, tức nhập Kiếp Trược. Vô biệt thể giả, diêu hạ tứ trược, đương thử kiếp trung, nhân dĩ đắc danh. Thử chi kiếp phần, chúng trược giao thấu, hôn loạn, bác tạp, cố vân Trược dã.

(鈔)人壽增至八萬歲時，增之極也。乃百年減一，減至二萬，即入劫濁。無別體者，繇下四濁，當此劫中，因以得名。此之劫分，眾濁交湊，昏亂駮雜，故云濁也。

*(**Sao**: Khi tuổi thọ con người tăng tới tám vạn năm là đã tăng tới mức cực hạn, bèn cứ mỗi trăm năm, giảm một tuổi, giảm đến khi tuổi thọ chỉ còn hai vạn năm bèn bước vào thời Kiếp Trược. "Không có thể tánh riêng biệt" là do trong kiếp số ấy có bốn thứ trược sau đó, vì thế mà đặt tên như vậy. Trong thời kiếp ấy, các thứ trược xen lẫn, tối tăm, rối loạn, hỗn tạp, nên bảo là Trược).*

---

[82] Lộc Lô chính là cái trục quay thường gắn trên miệng giếng để có thể kéo gàu nước từ giếng sâu lên cho đỡ tốn sức. Về sau, những cái gì có thể xoay vòng đều có thể gọi là Lộc Lô, như cái bàn xoay để nặn đồ sứ của thợ gốm cũng gọi là Lộc Lô.

Trước hết, chúng ta phải có khái niệm về Kiếp. Trong kinh, đức Phật đã nói rất nhiều. Có nhiều cách nói khác nhau, nhưng mỗi cách đều có kinh bổn để làm căn cứ. Thông thường, coi một chu kỳ kiếp tăng giảm là một tiểu kiếp. Kinh dạy: Thọ mạng của loài người dài nhất là có thể sống tới tám vạn bốn ngàn năm. Cứ mỗi một trăm năm, giảm một tuổi, tức là sau một trăm năm lại giảm một tuổi, một mực giảm đến [khi thọ mạng chỉ còn] mười tuổi. Sau đấy, lại từ mười tuổi, qua mỗi một trăm năm bèn tăng thêm một tuổi, lại tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Chu kỳ một tăng một giảm như vậy là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, cứ bốn trung kiếp là một đại kiếp. Nhà Phật nói tới đơn vị thời gian đều dùng đại kiếp, như *"A Di Đà Phật từ khi thành Phật cho tới nay là mười kiếp"*, [nghĩa là] mười đại kiếp, tính theo cách như vậy.

Trong kiếp giảm, có thể thấy từ lúc con người thọ hai vạn tuổi trở về trước là *"thiện thế"* (đời tốt lành), lòng người thuần chánh, chẳng có tham, sân, si, mạn. Khi tuổi thọ con người giảm đến hai vạn năm, do có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lòng người chẳng thanh tịnh, khi ấy bèn bước vào thời Kiếp Trược. Kiếp Trược chẳng có bản thể riêng khác. Nói thật ra, bản thể của nó là do bốn thứ trược ác kia. Trong giai đoạn ấy, chúng sanh có bốn hiện tượng [trược ác] ấy, [cho nên] thời đại ấy được gọi là Kiếp Trược, có ý nghĩa như thế đó.

(Sao) Phản hiển Cực Lạc quốc trung, A Di Đà Phật hiện tại thuyết pháp, thanh tịnh chi thời, phi Kiếp Trược cố.

(鈔)反顯極樂國中，阿彌陀佛現在說法，清淨之時，非劫濁故。

*(**Sao**: Nêu rõ rệt sự tương phản: Trong cõi Cực Lạc, A Di Đà Phật nay đang còn tại thế thuyết pháp, [thời đại trong cõi ấy] là thời đại thanh tịnh, chẳng phải là Kiếp Trược).*

Đức Phật nói điều này có dụng ý rất sâu, khiến cho chúng ta so sánh rõ ràng, mạnh mẽ [sự tương phản giữa thế giới Sa Bà và] Tây Phương Cực Lạc. So sánh hai nơi, Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, chẳng có trược ác. Người trong thế giới Tây Phương chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng có tham, sân, si, mạn. Vì vậy, thế giới Tây Phương chẳng có ba ác đạo. Vì sao chẳng có ba ác đạo? Mọi người đều chẳng có tham, sân, si, lấy đâu ra ba ác đạo? Tham, sân, si là

nghiệp nhân, ba ác đạo là quả báo. Có nghiệp nhân thì mới có quả báo; chẳng có nhân, lấy đâu ra quả?

(Sao) Kim nhật ngã đẳng, hà vi an xử Kiếp Trược chi thế, nhi bất cầu sanh bỉ quốc hồ?

(鈔)今日我等，何為安處劫濁之世，而不求生彼國乎。

*(**Sao**: Vì lẽ gì ngày nay chúng ta ở yên trong Kiếp Trược, chẳng cầu sanh về cõi ấy?)*

Đây là Liên Trì đại sư buốt lòng rát miệng *"khuyến miễn"* (勸勉), tức là khuyến cáo, khích lệ chúng ta. Vì sao chúng ta ở yên trong đời ác Ngũ Trược, chẳng mong cầu sanh về Tịnh Độ? Bốn đoạn dưới đây cũng có cùng ý nghĩa này.

(Sao) Cố Trí Giả vân.

(鈔)故智者云。

*(**Sao**: Vì thế, ngài Trí Giả nói).*

Trí Giả đại sư nói.

(Sao) Tha phương Tịnh Độ vô Tam Độc đẳng, tắc danh ngũ thanh, chánh thử ý dã.

(鈔)他方淨土無三毒等，則名五清，正此意也。

*(**Sao**: "Các cõi Tịnh Độ ở phương khác, hễ chẳng có Tam Độc v.v... bèn gọi là cõi Ngũ Thanh" chính là do ý này).*

Chỉ cần thế gian này có tham, sân, si, sẽ là Ngũ Trược ác thế. Nếu thế gian này chẳng có tham, sân, si, bèn gọi là thế giới Ngũ Thanh, hoặc thế giới thanh tịnh. Kiếp Trược chẳng có tự thể, nhưng bốn thứ sau thì có.

(Sớ) Kiến Trược giả, ngũ Lợi Sử vi Thể, khai chi, tắc lục thập nhị đẳng. Chư kiến xí thịnh, tức kỳ tướng dã.

(疏)見濁者，五利使為體，開之則六十二等，諸見熾盛，即其相也。

*(**Sớ**: Kiến Trược (Dṛṣṭikaṣāya): Năm Lợi Sử làm Thể, khai triển*

ra thành sáu mươi hai thứ. Các Kiến lừng lẫy chính là tướng trạng của loại Trược này).

Điều này chính là kiến giải bất đồng. Trong xã hội hiện tiền, chuyện này rõ rệt nhất. Kiến (Dṛṣṭi, 見) là kiến giải. Kiến giải của mỗi người khác nhau, cũng có thể nói là mỗi người có cách nhìn riêng đối với vũ trụ và nhân sinh, đôi bên chẳng nhường nhịn, chẳng dung nạp lẫn nhau. Hằng ngày tranh cãi, hằng ngày đấu đá, đều là vì chuyện này. Vì sao khác nhau? Do *"ngũ Lợi Sử"*, gồm năm thứ. Lợi Sử là nói tỷ dụ. *"Sử"* (Saññojana, 使) là nha dịch thời cổ, tương đương với đội cảnh sát hình sự hiện thời, bắt kẻ phạm tội. Kẻ ấy làm chuyện xấu, đội cảnh sát hình sự hằng ngày theo dõi, muốn bắt hắn, tóm giữ tội phạm. *"Lợi"* (利) là nhanh nhạy. Có năm kẻ, tức năm tên cảnh sát hình sự hằng ngày lẩn quẩn bên cạnh quý vị, cuộc sống của quý vị có dễ chịu hay chăng? Dùng chuyện này để tỷ dụ. *"Ngũ Lợi Sử vi Thể"* (Năm thứ Lợi Sử làm Thể), năm thứ ấy mở rộng ra sẽ là sáu mươi hai thứ kiến giải sai lầm. *"Xí thịnh"* (熾盛) là hình dung giống như lửa cháy hừng hực, tức là nói đến các thứ kiến giải bất đồng khởi tác dụng, có thể nhiễu loạn thân tâm của chính mình, chẳng được yên ổn.

(Sao) Ngũ Lợi Sử giả, nhất, Thân Kiến, vị chấp ngã, ngã sở, nhi khởi ngã thân chi kiến.

(Diễn) Chấp ngã, ngã sở giả, nội chấp vi ngã, ngoại chấp ngã sở, hoặc Ngũ Ấm trung, chấp nhất Ấm vi ngã, dư Ấm vi ngã sở.

(鈔)五利使者，一、身見，謂執我我所，而起我身之見。

(演)執我我所者，內執為我，外執我所，或五陰中，執一陰為我，餘陰為我所。

*(**Sao**: Ngũ Lợi Sử: Một là Thân Kiến (Satkāya-dṛṣṭi), nghĩa là chấp ta và cái của ta, dấy lên kiến chấp về cái thân của ta.*

***Diễn**: "Chấp ta và cái của ta": Chấp cái bên trong là ta, chấp cái bên ngoài là của ta. Hoặc là trong Ngũ Ấm, chấp một Ấm là Ngã, những Ấm còn lại là Ngã Sở).*

Đây là điều đầu tiên. Quý vị đã thấy sai mất rồi, sai ở chỗ nào? Coi cái thân này là ta, lầm lẫn quá đỗi to tát! Chư vị ngẫm xem, quý vị

hãy đi ra ngoài điều tra, thăm dò, có kẻ nào chẳng coi cái thân là ta? Hết thảy chúng sanh trong lục đạo đều coi thân là ta. Chỉ cần thấy thân này chính là ta, người ấy nhất định chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thân này chẳng phải là ta, [cứ ngỡ thân là ta], đấy chính là một thứ vọng tưởng, chấp trước, chẳng biết chân tướng sự thật. Đức Phật dạy chúng ta: Những hiện tượng ấy, kể cả thân thể của chúng ta cũng là hiện tượng, các hiện tượng do đâu mà có? Do duyên sanh, nên chúng được gọi là *"nhân duyên sanh pháp"* (pháp được sanh bởi nhân duyên).

Hiện thời, chúng ta gọi Duyên là "điều kiện", chẳng đơn thuần. Do khá nhiều điều kiện, mới sanh ra các hiện tượng ấy. Đối với khá nhiều điều kiện, đức Phật đã quy nạp chúng thành năm loại lớn, gọi là Ngũ Ấm, hoặc gọi là Ngũ Uẩn (Pañca-skandha). Ấm (陰) có nghĩa là che phủ. Che phủ điều gì? Che phủ bản tánh, giống như mây che khuất mặt trời, có ý nghĩa này. Ngũ Uẩn có thể che khuất bản tánh của chúng ta. Ngũ Uẩn là giả; tuy giả, quý vị ngỡ chúng là thật, cho nên quý vị chẳng thấy tánh. Quý vị biết chúng là giả, chúng sẽ chẳng gây trở ngại. Như trong Tâm Kinh, Quán Tự Tại Bồ Tát có bản lãnh, Ngài *"chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không"*, cho nên chẳng trở ngại, Ngũ Uẩn chẳng thể ô nhiễm bản tánh. Chúng ta chẳng thể thấy thấu suốt, ngỡ Ngũ Uẩn là chân thật, bị thua thiệt to lớn, đã bị cảnh giới xoay chuyển.

Lấy ngay thân thể này của chúng ta làm thí dụ để nói. Thân có vật chất, bộ phận vật chất này dùng Sắc (Rūpa) làm đại diện. Vì thế, Sắc được gọi là Sắc Thân. Chữ Sắc được nói trong kinh Phật có ý nghĩa rất rộng. Những gì mắt chúng ta có thể trông thấy đều gọi là Sắc. Sắc là đối tượng của Nhãn Căn. Trong Ngũ Uẩn, phạm vi của Sắc càng rộng hơn. Phàm cảnh giới sáu trần mà lục căn có thể tiếp xúc, đều dùng chữ này làm đại diện. Trên thực tế, chữ Sắc bao gồm sáu căn và sáu trần, dùng chữ này để biểu thị; đó là vật chất. Ngoài vật chất ra, chúng ta thường gọi phần tinh thần là *"tâm pháp"* (Citta-dharma). Vật chất và tâm kết hợp lại thì hiện thời chúng ta gọi nó là động vật, trong kinh Phật gọi là *"hữu tình"* (Sattva). Hữu tình do Ngũ Uẩn biến hiện. Nếu chỉ có Sắc mà chẳng có tâm, nay chúng ta gọi chúng là thực vật và khoáng vật. Chúng có Sắc, chẳng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đó gọi là vô tình chúng sanh. *"Chúng sanh"* là hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Nhà Phật nói đến *"chúng sanh"*; không chỉ là nói đến con người và động vật, mà ngay cả thực vật, khoáng vật và hiện tượng tự nhiên thảy đều được bao gồm trong ấy, vì chúng đều do các duyên hòa hợp mà sanh khởi.

Trong chúng sanh, hữu tình chúng sanh là do Ngũ Uẩn nhóm họp, sanh khởi mà hiện. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm và tác dụng tâm lý. Vì thế, chúng chẳng phải là thật sự, do các duyên hòa hợp mà sanh ra.

Đức Phật nói đến Sắc, Sắc cũng chẳng phải là thật sự có. Sắc do Tứ Đại (Catvāri mahā-bhūtāni) hòa hợp. Tứ Đại là đất, nước, lửa, gió. Sắc pháp có bốn hiện tượng ấy, tức là bốn loại tánh chất. *"Đất"* biểu thị phần vật chất của nó (Sắc pháp). Phần vật chất ấy là vật chất vô cùng nhỏ, khoa học hiện đại gọi nó là *"hạt cơ bản"* (Elementary particle). Trong phát hiện hiện thời, công nhận hạt cơ bản là nhỏ nhất, nó còn nhỏ hơn nguyên tử và điện tử. Cũng có lẽ sau hai mươi năm, hoặc ba mươi năm nữa, sẽ phát hiện thứ này có thể chia nhỏ hơn, còn có thứ nhỏ hơn nó. Khoa học chưa đạt đến cực hạn, nhưng *"vật chất cơ bản"* được nói trong Phật pháp xác thực là đã đạt tới cực hạn! Tất cả hết thảy vật chất đều do loại vật chất cơ bản này kết hợp thành. Hiện thời, chúng ta nói là *"công thức cấu tạo"* của chúng khác nhau. Nó kết hợp thành điện tử, kết hợp thành nguyên tử, kết hợp thành phân tử, lại kết hợp thành hết thảy vạn vật. Quý vị phân tích chúng, [sẽ thấy] hết thảy vạn vật đều do cùng một thứ kết hợp thành. Kinh Kim Cang nói là *"nhất hiệp tướng"* (一合相), Nhất (一) chính là Sắc Uẩn trong Ngũ Uẩn. Vì thế, trong nhãn quan của Phật, vạn pháp bình đẳng. Vì sao? Đều do cùng một loại vật chất hợp thành. Hễ chia chẻ ra, sẽ hoàn toàn giống hệt nhau, chỉ là cách kết hợp khác nhau, cách sắp xếp khác nhau mà thôi!

Trong mắt đức Phật, một viên kim cương và một cục bùn hoàn toàn giống nhau, cùng do một thứ [vật chất] hợp thành, nhưng cách cấu trúc khác nhau. Do vậy, trong cái nhìn của đức Phật, chúng là bình đẳng. Thân Phật và thân chúng sanh bình đẳng, thân Phật và thân súc sanh cũng bình đẳng. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong tận hư không khắp pháp giới đều là bình đẳng; đều là *"nhất hiệp tướng"* như kinh Kim Cang đã nói. Trong Phật pháp, vật chất cơ bản được gọi là *"cực vi chi vi"*, còn bé hơn vi trần. Vi trần chia chẻ nhỏ hơn, sẽ được gọi là *"sắc tụ cực vi"*. Lại chia sắc tụ cực vi nhỏ hơn nữa, bèn gọi là *"cực vi chi vi"*, còn gọi là Lân Hư Trần (Paramāṇu), đã đạt tới cực hạn. Hễ chia nhỏ nữa, sẽ chẳng còn gì, biến thành hư không. Một hạt bé tí như vậy, đương nhiên là nhục nhãn của chúng ta chẳng thể trông thấy, nhưng Phật nhãn trông thấy. Phật là *"ngũ nhãn viên minh"*. Hiện thời, các nhà khoa học dùng kính hiển vi có độ phóng đại cực lớn, phóng đại mấy vạn lần thì

mới có thể trông thấy chúng. Đức Phật chẳng cần máy móc mà có thể thấy rõ ràng, rành rẽ.

Vật chất cơ bản có bốn loại đặc tánh: Nó là vật chất, nó tồn tại, bèn gọi là Địa Đại (Prthivī-dhātu). Nó có độ ấm, chính là Hỏa Đại (Tejo-dhātu). Nó có độ ẩm thì là Thủy Đại (Ab-dhātu). Nó là động, chẳng ngưng lặng thì là Phong Đại (Vāyu-dhātu). Vì thế, Địa, Thủy, Hỏa, Phong là nói rõ: Vật chất cơ bản có bốn hiện tượng đặc trưng. Nó [có vật chất], có nhiệt độ, có độ ẩm, nó chuyển động. Các nhà khoa học hiện thời chẳng nói Địa, Thủy, Hỏa, Phong, mà nói nó là một loại vật chất, có tích điện Âm và điện Dương. "Tích điện Âm" chính là Thủy Đại được nói trong kinh Phật. "Tích điện Dương" là Hỏa Đại. Theo quan sát trong hiện thời, chúng nó xác thực là động. Chúng vây quanh điện tử và nguyên tử, chúng chuyển động có quỹ đạo nhất định, hoàn toàn giống như trong kinh Phật đã nói. Từ ba ngàn năm trước, chẳng cần cậy vào bất cứ dụng cụ khoa học nào, đức Phật đã thấy rõ ràng, minh bạch dường ấy.

Vật chất cơ bản do đâu mà có? Kinh luận Đại Thừa đã nói hết sức thấu triệt, đặc biệt là kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức. Trong kinh luận Duy Thức có nói: *"Một niệm bất giác bèn có vô minh, do vô minh bất giác mà sanh ra ba tế tướng"*. Vô minh còn có trước ba tế tướng. Ba tế tướng: Thứ nhất Nghiệp Tướng, nghiệp là động. Thứ hai là Kiến Tướng, thứ ba là Cảnh Giới Tướng. Hễ động, bèn sanh ra năng lực. Các nhà Duy Thức gọi năng lực ấy là Kiến Phần, còn gọi là Kiến Tướng, liền biến thành những thứ về sau được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, biến thành tâm pháp. Từ Kiến Tướng biến hiện Cảnh Giới Tướng, tức là Tướng Phần, biến thành vật chất.

Vì vậy, tâm và vật có cùng nguồn. Tâm Kinh nói: *"Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc"*. Sắc và tâm có cùng nguồn, đều từ Chân Như bản tánh biến hiện. Vì thế, sắc và tâm có thể dung hội lẫn nhau. Đấy là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, kinh Hoa Nghiêm nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*, nhất là nói đến Sự Sự vô ngại, căn cứ lý luận ở chỗ nào? Sắc và tâm cùng nguồn, sắc và tâm là một Thể. Vì vậy, Lý và Sự chẳng có chướng ngại, giữa Sự với nhau cũng chẳng có chướng ngại. Sau đấy, quý vị mới thật sự hiểu rõ, kinh Tịnh Độ có nói *"một niệm của chúng ta trọn khắp hư không pháp giới"*, xác thực là như thế, chẳng giả tí nào! Đấy là nói rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ.

Hiểu rõ chân tướng ấy, bèn gọi là Giác. Chẳng hiểu rõ chân tướng, đó là mê. Đã giác chân tướng, tâm thanh tịnh, người ấy chẳng có vọng tưởng, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao? Người ấy biết vạn pháp đều Như, chẳng có pháp nào không Như, tâm người ấy khôi phục thanh tịnh, bình đẳng. Chẳng liễu giải chân tướng sự thật, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ. Đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; cho nên mới luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo xuất hiện từ chỗ này, nó là cảnh giới biến hiện từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Kẻ chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chấp trước thân này là ta, chấp trước những vật ngoài thân là của ta. *"Ngã sở"* (我所) là cái ta có. Ta sở hữu người nhà, quyến thuộc, ta sở hữu tài sản, ta sở hữu những thứ thọ dụng bất luận nơi vật chất hay tinh thần. Đó là những thứ của ta. Kẻ ấy chấp trước những thứ đó, cho nên chấp Ngã, chấp Ngã Sở, những thứ chấp trước ấy trở thành kiến chấp về thân ta. Đấy là một kiến giải sai lầm trọng đại! Nếu quý vị có thể phá vỡ kiến giải sai lầm ấy, vậy thì chúc mừng quý vị! Quý vị chẳng còn là phàm phu, mà đã trở thành thánh nhân! Trong pháp Tiểu Thừa, quý vị là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đã chứng đắc Sơ Quả. Trong Đại Thừa Viên Giáo, quý vị là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, đã phá Thân Kiến, chẳng còn chấp trước Ngã và Ngã Sở. Bốn thứ sau đó, nói thật ra, đều xuất sanh từ Ngã và Ngã Sở. Điều này (Thân Kiến) là căn bản, bốn điều kia là cành nhánh!

(Sao) Nhị, Biên Kiến, vị chấp đoạn, chấp thường, thất hồ Trung Đạo, nhi khởi biên bàng chi kiến.

(鈔)二、邊見，謂執斷執常，失乎中道，而起邊傍之見。

(***Sao***: *Hai là Biên Kiến (Anta-grāha-dṛṣṭi), nghĩa là chấp đoạn, hoặc chấp thường, đánh mất Trung Đạo, dấy lên kiến giải lệch lạc).*

Nói theo cách hiện thời, Biên Kiến là *"thiên kiến"*, lệch về một bên, đương nhiên là không chánh xác, là sai lầm. Trong phần chú giải, cũng có nêu một tỷ dụ, hy vọng là từ tỷ dụ ấy [quý vị] có thể suy tưởng, đã nêu ra một, bèn suy ra ba. Đấy đều là chân tướng sự thật trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

(Diễn) Chấp đoạn, chấp thường giả, hoặc chấp chư pháp thị vô, nhi khởi đoạn diệt chi kiến, hoặc chấp chư pháp thị hữu, nhi khởi

thường trụ chi kiến. Trung Đạo tức đệ bát thức, dĩ nhị thức hằng chuyển như bạo lưu cố. Hằng tắc bất đoạn, chuyển tắc bất thường. Kim chấp đoạn thường, thị thất Trung Đạo.

(演)執斷執常者，或執諸法是無，而起斷滅之見，或執諸法是有，而起常住之見。中道即第八識。以二識恒轉如瀑流故。恒則不斷。轉則不常。今執斷常是失中道。

*(**Diễn**: "Chấp đoạn, chấp thường": Hoặc chấp "các pháp là không", bèn khởi kiến giải đoạn diệt. Hoặc chấp "các pháp là có", bèn khởi kiến giải thường trụ. Trung Đạo là thức thứ tám, do hai thức hằng chuyển như dòng nước lũ. Hằng thì chẳng đoạn, Chuyển thì chẳng thường. Nay chấp đoạn và chấp thường, bèn đánh mất Trung Đạo).*

Chúng ta hiểu rõ hai câu này, sẽ liễu giải đại ý của Biên Kiến. Đây là nêu ra một thí dụ: Hữu và Vô là hai bên. Có những kẻ chấp trước hết thảy các pháp đều là Vô, [cho rằng] với người đã chết, sau khi đã chết, thứ gì cũng đều chẳng có, đó gọi là Đoạn Diệt Kiến. Còn có những kẻ chấp trước: Người đã chết còn có đời sau, chết rồi chẳng sợ. Hai mươi năm sau lại là một trang hảo hán, cho rằng con người chết đi, đời sau vẫn làm người. Chó chết đi đời sau vẫn biến thành chó, vĩnh viễn chẳng thể biến đổi. Đó gọi là Thường Kiến. Hai loại ấy đều là kiến giải sai lầm, đều là thiên kiến, là kiến giải chẳng chánh xác.

Người đang ở trong lục đạo, sau khi đã chết, chẳng phải là thứ gì cũng đều chẳng có! Nếu người đã chết thứ gì cũng đều chẳng có, chuyện ấy sẽ dễ giải quyết! Còn phải chịu khổ, chịu khó niệm Phật tu hành để làm gì nữa? Chẳng cần! Nhưng sau khi đã chết, vẫn còn có đời sau, chuyện sau đó chưa chấm dứt, chuyện này phiền toái lắm! Người đã chết thì đời sau chẳng nhất định sẽ làm người. Luân hồi trong lục đạo, chẳng biết sẽ vào trong đường nào! Kinh Đại Thừa nói đến mười pháp giới, phạm vi của mười pháp giới còn to hơn lục đạo; nay chúng ta đang thuộc trong pháp giới nào? Trong tương lai, chúng ta sẽ đến pháp giới nào? Đấy mới là vấn đề thật sự! Đấy mới là đại sự! Do vậy, kinh Đại Thừa thường nói: *"Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời"*. Những chuyện khác đều là chuyện vặt vãnh, chuyện này mới là đại sự. Đối với đại sự sanh tử, sanh do đâu mà có? Sau khi đã chết, sẽ đến nơi đâu? Nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch đại sự này, chẳng thể hồ đồ! Nếu mê hoặc, đời sau sẽ là súc sanh đạo. Súc sanh đạo là hồ đồ, mê muội; phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch chuyện này!

Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Bất cứ pháp thế gian hay xuất thế gian nào, [dẫu] nhỏ như một hạt vi trần, cũng đều do vô lượng nhân duyên sanh khởi, chẳng phải là đơn giản, hết sức phức tạp! Máy computer tiến bộ nhất trên thế giới hiện thời cũng chẳng có cách nào tính toán tình huống phức tạp ấy được! Từ vô lượng kiếp tới nay, bản thân chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đó là những chuyện thuộc về tự thân; qua lại cùng lục đạo và mười pháp giới, [những điều ấy] đều thuộc ngoại giới. Nội và ngoại đều phức tạp, nhưng sự phức tạp bên trong và sự phức tạp nơi ngoại giới hoàn toàn là ngang nhau!

Trong nhiều nhân duyên phức tạp như vậy, nếu đức Phật phải giải thích [cặn kẽ] cho chúng ta sẽ khó lắm. Đức Phật vẫn dùng phương pháp quy nạp, trong nhiều điều kiện phức tạp như thế, điều nào quan trọng nhất, bèn nêu ra điều trọng yếu nhất ấy, vì chúng ta nói ra nhân hạnh của mười pháp giới. Đấy là nói tới những điều trọng yếu nhất trong vô lượng nhân duyên. Trong mười pháp giới, cao nhất là Phật pháp giới. Nhân duyên bậc nhất của Phật pháp giới là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi. Nếu tâm chúng ta thật sự thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật chẳng xa, đúng là quý vị sẽ thành Phật rất nhanh chóng. Vì sao? Tâm quý vị đã biến thành tâm Phật. Tâm Phật là thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Nếu chúng ta thường có tâm Lục Độ, thường nghĩ tưởng trong tâm, thường tu Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Đấy là tâm Bồ Tát. Nói cách khác, đấy là một điều kiện trọng yếu nhất trong Bồ Tát pháp giới. Nếu thấp hơn thì Duyên Giác là tâm mười hai nhân duyên, Thanh Văn là tâm Tứ Đế. Đó gọi là tứ thánh pháp giới, ở ngoài lục đạo luân hồi.

Trong lục đạo, nay chúng ta đang ở trong lục đạo, chẳng thoát ra ngoài! Trong lục đạo, cao nhất là thiên đạo. Thiên cũng rất phức tạp. Nói chung, Thiên là tu tâm Thập Thiện, tâm của chư thiên thiện lương. Thập Thiện là thân ba điều, khẩu bốn điều, ý ba điều, tức là: Thân chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; miệng chẳng nói dối, không nói đôi chiều, chẳng nói lời ác, chẳng nói thêu dệt; ý không tham, không sân, không si. Có thể tu thượng phẩm Thập Thiện, người ấy đời sau nhất định sanh lên trời. Nếu là trời bậc cao, lại còn phải thêm từ, bi, hỷ, xả, lại còn thêm công phu Thiền Định, vậy thì sẽ sanh lên một tầng trời cao hơn. Nhân đạo là tu trung phẩm Thập Thiện, trì Ngũ Giới thanh tịnh, đời sau chẳng đánh mất thân người. A Tu La tu hạ phẩm Thập Thiện. Vì sao điều thiện của họ gọi là hạ phẩm? Vì họ ganh tỵ, tâm sân hận rất nặng.

Họ tu thiện, cũng ăn chay, cũng niệm Phật, cũng tu các thứ công đức, chẳng kém người khác, nhưng lòng hiếu thắng rất mạnh, lòng ganh tỵ rất mạnh, quả báo là sanh trong A Tu La đạo. Đối với ba ác đạo kế đó, đức Phật dạy: Tâm tham là nghiệp nhân của ngạ quỷ đạo, tâm sân khuể là nghiệp nhân của địa ngục đạo, tâm ngu si là nghiệp nhân của súc sanh đạo. Ngu si là chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai đều chẳng phân biệt rõ ràng, đã hiểu điên đảo!

Đấy là đức Phật đã quy nạp các loại nhân hạnh rất phức tạp thành mười loại lớn, vì chúng ta nêu ra các nhân hạnh trọng yếu nhất trong mười pháp giới. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để kiểm điểm chính mình, [quan sát] khởi tâm, động niệm, cách xử sự, đãi người, tiếp vật, hết thảy các hành vi [của bản thân], sẽ biết chính mình đang ở trong pháp giới nào! Chuyện ấy chẳng cần hỏi người khác. Hỏi người khác, người ta sẽ lừa bịp quý vị, đâm ra chúng ta bị thua thiệt, mắc lừa! Biết tiêu chuẩn ấy, thường tuân theo tiêu chuẩn ấy để kiểm điểm hành vi nơi thân tâm của chính mình, sẽ biết chính mình nay đang ở trong đường nào; trong tương lai, sẽ đi vào đường nào! Nếu trong tâm chúng ta chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, hết thảy đều buông xuống, trong tương lai, quý vị nhất định được sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, là chuyện như thế đó. Sanh vào thế giới Cực Lạc, thưa cùng chư vị, tốt đẹp hơn [thành tựu ngôi vị] Phật trong mười pháp giới nhiều lắm! [Bởi lẽ], Phật trong mười pháp giới chẳng vượt thoát mười pháp giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ vượt thoát mười pháp giới. Vượt khỏi mười pháp giới, bèn gọi là Nhất Chân pháp giới, thật sự vượt thoát, chúng ta nhất định phải hiểu rõ chuyện này! Vì thế, người thật sự thông minh, người thật sự giác ngộ, không chỉ là chẳng trụ trong lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng trụ, nhất định phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, chớ nên có thiên kiến.

Đối với Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến, người thế gian thường gọi hai loại này là *"thành kiến"*. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi nhân, Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi quả, đều là kiến giải sai lầm. Kiến giải chánh xác là phải buông thành kiến xuống, nay chúng ta nói là "phải dùng thái độ khách quan", [người có Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến là kẻ có] quan niệm chủ quan quá mạnh! Quan niệm chủ quan là thành kiến, thành kiến quá sâu. Phải trừ bỏ quan niệm chủ quan, dùng thái độ rất bình lặng, tỉnh táo, khách quan để xem xét, sẽ khác hẳn! Thường là có thể thấy rõ ràng, thấy minh bạch chân tướng sự thật. Đối với hai điều

này, tối mai chúng tôi sẽ nói cặn kẽ. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 276

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm bảy mươi bảy:

(Sao) Tam, Giới Thủ, vị phi nhân kế nhân, tu chư khổ hạnh, nhi khởi thủ trước ngã năng trì giới chi kiến.

(Diễn) Phi nhân kế nhân giả, phi Niết Bàn nhân, kế dĩ vi nhân, hoặc bạt phát, huân ty, ngọa cức, đầu hôi, hoặc trì ngưu, cẩu đẳng giới, chủng chủng vô ích khổ hạnh.

(鈔)三、戒取，謂非因計因，修諸苦行，而起取著我能持戒之見。

(演)非因計因者。非涅槃因。計以為因。或拔髮熏鼻臥棘投灰。或持牛狗等戒。種種無益苦行。

*(**Sao**: Ba là Giới Thủ (Śīla-vrata-parāmarśa), nghĩa là chẳng phải nhân mà coi là nhân, tu các khổ hạnh, dấy lên kiến giải chấp trước "ta có thể trì giới".*

***Diễn**: "Chẳng phải nhân mà coi là nhân": Chẳng phải là cái nhân của Niết Bàn mà coi là nhân, [ví như ngoại đạo Ấn Độ] nhổ tóc, xông khói vào mũi, nằm trên gai, vùi mình vào tro, hoặc giữ giới của trâu, chó v.v... các thứ khổ hạnh vô ích).*

Đây là loại thứ ba trong Kiến Hoặc, nay chúng ta gọi Giới Thủ và Kiến Thủ là *"thành kiến"*, đấy cũng là quan niệm chủ quan, đều thuộc về loại này. *"Phi nhân kế nhân"* [nghĩa là] chẳng phải là nhân tố thật sự, nhưng người ấy chấp trước nó là nhân. Tu nhân, đương nhiên có thể chứng quả, người ấy đã nhìn sai cái nhân. Đối với chuyện thuộc loại như thế này, trong kinh, đức Phật đã nêu ra một thí dụ rất hay. Từ thí dụ ấy, chúng ta hiểu rõ loại kiến giải sai lầm này, có thể lý giải kiến giải sai lầm ấy rõ ràng hơn một chút. Thuở đức Phật tại thế, Ấn Độ thuở ấy có chẳng ít ngoại đạo, nay chúng ta nói là *"tôn giáo"*. Họ tu Định, có những người xác thực là có công phu định lực rất tốt. Chư vị phải biết, đối với những công phu định lực ấy, cảnh giới trong Định cũng thuộc về cảnh giới Hiện Lượng, do họ chính mắt trông thấy. Họ thấy sau khi trâu chết,

linh hồn của nó sanh lên cõi trời. Do vậy, trong tâm những người ngoại đạo ấy bèn nghĩ: Người chết phải đọa trong ba ác đạo, trâu đã chết bèn sanh lên trời. Người ấy bèn nghĩ người chẳng bằng trâu! Trâu suốt một đời làm những gì? Trâu thay người cày ruộng, ăn cỏ xanh, người ấy bèn nghĩ: Muốn sanh lên trời thì phải học theo trâu, giúp nông dân cày ruộng, ăn cỏ ở bên ngoài. Cứ ngỡ là học theo trâu thì trong tương lai sẽ có thể sanh lên trời! Cái nhân để sanh lên trời tuyệt đối chẳng phải là do ăn cỏ, cày ruộng. Họ nẩy sanh chấp trước sai lầm nơi ấy, ngỡ đó là cái nhân để sanh lên cõi trời, bèn tu loại khổ hạnh theo kiểu như vậy.

Đức Phật bảo chúng ta: Sanh lên trời thì phải tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì sao trâu đã chết có thể sanh lên trời? Con trâu ấy đời này thuộc về súc sanh đạo, kiếp trước do ngu si nên đọa lạc làm súc sanh. Làm trâu suốt một đời này, chẳng tạo ác nghiệp, chỉ là hứng chịu quả báo. Sau khi chịu hết quả báo, do nó kiếp trước còn có nhân lành, tức là cái nhân do nó tu Thập Thiện Nghiệp Đạo trong đời trước đã chín muồi. Nó do cái nhân ấy mà sanh lên cõi trời, tuyệt đối chẳng phải là do nó làm trâu mà có thể sanh thiên. Đấy chính là đã hiểu sai bét cái nhân. *"Phi nhân"* (非因) có nghĩa là chẳng phải do nhân duyên ấy, nhưng quý vị so đo, chấp trước, cho đó là nhân duyên. Đó là kiến giải sai lầm, quý vị đã nhìn sai mất rồi!

Nói theo Phật pháp, *"nhân quả thông ba đời"*. Quả báo cũng có ba thứ:

1) Có hiện báo, tức là hứng chịu quả báo ngay trong một đời này. Đối với hiện báo, bất luận làm thiện hay làm ác, thiện có thiện báo, ác có ác báo. Đại khái là khởi tâm động niệm tạo tác thiện hay ác đều hết sức mãnh liệt. Cái tâm ấy rất mạnh, đời này liền cảm vời quả báo. Có nhiều đồng tu đã đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, [đều biết] tiên sinh Liễu Phàm nghe Vân Cốc đại sư khuyên dạy, ông ta hiểu rõ, biết vận mạng có thể chuyển biến. Do vậy, nghiêm túc nỗ lực đoạn ác tu thiện, lại còn cả nhà đều hành thiện. Sức mạnh của việc làm lành rất lớn, chẳng cần chờ đến đời sau, đạt được hảo báo ngay trong đời này. Từ Liễu Phàm Tứ Huấn, chúng ta thấy được điều này.

2) Nếu quả báo không thuộc đời này, nhất định thuộc về đời sau. Do nhân lành, đời sau nhất định đắc thiện quả; do nhân ác, đời sau nhất định cảm ác báo.

3) Nếu đời sau chưa thọ báo, nhất định là trong đời sau nữa. *"Đời sau nữa"* tức là đời thứ ba trở đi, không nhất định là trong đời nào.

Nhân nhất định phải có duyên thì mới có thể kết thành quả. Vì thế, đối với nhân, duyên, quả báo, duyên rất trọng yếu. Phật pháp không nói *"nhân sanh"* mà nói *"duyên sanh"*. Bất luận kinh điển Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều nói *"duyên sanh"*, Phật pháp coi trọng cái duyên. Vì sao không nói *"nhân sanh"*? Nhân đã gieo, chẳng có cách nào thay đổi. Không chỉ là chúng ta chẳng có cách nào thay đổi, mà chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể nào thay đổi được! Mỗi người chúng ta, mỗi chúng sanh đều có trọn đủ các nhân trong mười pháp giới. Hôm nay, chúng ta từ sáng thức dậy, tâm địa rất thanh tịnh, chắp tay niệm một câu A Di Đà Phật. Đó là cái nhân của Phật pháp giới, đã gieo cái nhân ấy. Thấy hết thảy chúng sanh rất đáng thương, khởi tâm bố thí, đó là tâm Bồ Tát. Vì thế, chúng ta mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều là tạo nhân trong mười pháp giới. Những cái nhân ấy, nhân nào sẽ cảm vời quả báo? Tùy thuộc cái duyên. Nhân nào gặp duyên, sẽ cảm vời quả báo trước. Chúng ta có thể khống chế duyên, chứ đối với nhân thì chẳng có cách nào. Có thể khống chế duyên thì nói cách khác, có thể tự mình khống chế quả báo.

Chúng ta không mong cảm vời ác báo thì đức Phật đã dạy chúng ta hãy bỏ sạch hết thảy các ác duyên, tu nhiều thiện duyên. Như vậy thì cái nhân lành của chúng ta sẽ thọ quả báo trước, cái nhân ác tạm thời bất động, chẳng thọ báo. Giống như chúng ta trồng dưa, trồng đậu, muốn có dưa bèn gieo hạt dưa, vun bón kỹ càng. Duyên của dưa cần phải có đất màu, phân bón, nước, ánh sáng mặt trời, điều kiện nào thuộc về duyên cũng đều đầy đủ, dưa nhất định sanh trưởng hết sức tốt đẹp. Chúng ta chẳng muốn đậu, bèn bỏ hạt đậu trong chén uống trà, để đó cả một trăm năm, nó vẫn chẳng thể phát triển thành đậu được! Đạo lý là như thế đó. Do vậy, chính mình phải biết khống chế duyên. Nói cách khác, quả báo trong mười pháp giới xác thực là do chính mình hoàn toàn nắm giữ, chẳng liên quan đến ai khác. Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể giúp đỡ, toàn là do tự mình khống chế. Đấy là đức Phật đã dạy cho chúng ta biết một chân tướng sự thật: Nhân tố trọng yếu nhất trong mười pháp giới là tâm hạnh. Chúng ta đã hiểu, biết phải nên tăng cường những duyên ấy như thế nào, khiến cho những duyên ấy tăng thượng. Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đều bảo chúng ta: Người chẳng tu hành thì thôi, chứ đối với người thật sự tu hành, chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là thật sự chứng đắc chánh quả. Chuyện này chẳng giả tí nào! Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng thể thoát lìa

lục đạo luân hồi. Nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này!

Chúng ta có nắm chắc vãng sanh hay không? Có, đương nhiên là có! Vì sao? Chúng ta có chủng tử của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong A Lại Da Thức của chúng ta có A Di Đà Phật, có ba kinh Tịnh Độ, có y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương, nhân đã đầy đủ. Nếu nay muốn vãng sanh thì phải tăng cường duyên. Duyên là gì? Ba tư lương, tức là ba điều kiện, chúng đều là duyên. Tín, Nguyện, Hạnh, Hạnh là nhất tâm trì danh. Chúng ta trọn đủ ba duyên Tín, Nguyện, Hạnh, quý vị chắc chắn vãng sanh, cái nhân ấy là chánh xác. Chẳng phải là ta đã tin Phật, ta có thể chẳng cần niệm Phật. Ta mong vãng sanh, hằng ngày cúng dường Phật, Bồ Tát, bợ đỡ Phật, Bồ Tát, [hy vọng là] tới khi đó, Phật, Bồ Tát sẽ đến tiếp dẫn ta. Đấy chính là *"phi nhân kế nhân"* (chẳng phải là nhân, mà coi là nhân). Đời này dẫu đã gặp pháp môn Tịnh Tông, [tức là] quý vị có cái nhân thù thắng, [nhưng nếu] duyên chẳng đầy đủ, chẳng thể vãng sanh. Nêu ra một thí dụ này, [để thấy] trong cuộc sống hằng ngày, kiến giải thuộc loại sai lầm rất nhiều, thấy sai nhân duyên!

(Sao) Tứ, Kiến Thủ, chấp thô vi thắng, đảm ma khí kim, nhi khởi tự phụ sở kiến chi kiến.

(Diễn) Chấp thô vi thắng giả, duy chấp kỷ kiến vi thị, dư giai thị phi. Túng ngộ Phật lai, diệc bất tín thọ, như đảm ma vi bảo, khí kim bất cố đẳng. Đảm ma khí kim giả, tích hữu nhị nhân nhập sơn, các đảm nhất đảm ma, ngẫu ư trung lộ, kiến vô số bố bạch. Nhất trí giả vân: "Ngô khí ma, đảm bố". Nhất ngu giả vân: "Ngô đảm lai lộ đa", tức thị đảm ma. Vãng tiền bất viễn, hựu kiến vô số bạch ngân. Trí giả khí bố, đảm ngân, ngu giả y cựu đảm ma. Tiền vãng hựu kiến vô số hoàng kim, trí giả khí ngân, đảm kim, ngu giả y cựu chỉ thị đảm ma, tự phụ sở kiến, bất khẳng tùng nhân giả, đại suất như thị.

(鈔)四、見取，執粗為勝，擔麻棄金，而起自負所見之見。

(演)執粗為勝者。唯執己見為是。餘皆是非。縱遇佛來。亦不信受。如擔麻為寶。棄金不顧等。擔麻棄金者。昔有二人入山。各擔一擔麻。偶於中路見無數布帛。一智者云。吾棄麻擔布。一愚者云。吾擔來路多。即是擔麻。

往前不遠。又見無數白銀。智者棄布擔銀。愚者依舊擔麻。前往又見無數黃金。智者棄銀擔金。愚者依舊只是擔麻。自負所見。不肯從人者。大率如是。

*(**Sao**: Bốn là Kiến Thủ (Dṛṣṭi-parāmarśa), chấp cái thô thiển là thù thắng, gánh gai bỏ vàng, dấy lên cách nhìn tự phụ về kiến giải của chính mình.*

***Diễn**: "Chấp cái thô thiển là thù thắng", chỉ chấp ý kiến của chính mình là đúng, những người khác đều sai. Dẫu có Phật hiện tới, cũng chẳng tin nhận. Như gánh gai coi là của báu, vứt bỏ vàng, chẳng đoái hoài v.v... "Gánh gai bỏ vàng": Xưa có hai người vào núi, mỗi người gánh một gánh gai. Bỗng ở trên đường thấy vô số vải, lụa, một người có trí bèn nói: "Tôi vứt gai, gánh vải". Kẻ ngu nói: "Tôi gánh gai trên đường đã lâu rồi, do vậy cứ gánh gai". Đi tiếp chẳng xa, lại thấy vô số bạc trắng, người trí vứt vải, gánh bạc, kẻ ngu vẫn gánh gai y như cũ. Đi tiếp lại thấy vô số vàng ròng, người trí vứt bạc, gánh vàng, kẻ ngu vẫn chỉ gánh gai y như cũ, tự phụ kiến giải của chính mình, chẳng chịu nghe theo ý kiến của người khác, đại khái là như thế đó).*

Thứ tư là Kiến Thủ Kiến, nói về quả báo. Có các bản chú sớ [giảng loại kiến chấp này là] *"phi quả kế quả"* (chẳng phải là quả mà coi là quả), [có nghĩa là] nó chẳng phải là quả báo chân thật, mà chính mình cứ tưởng nó là quả báo thật sự. Liên Trì đại sư bảo *"chấp thô vi thắng"*, *"thô"* (粗) là cảnh giới thô, cứ ngỡ đó là thù thắng nhất, rốt ráo nhất. Đấy là sai lầm. Tiếp đó là tỷ dụ *"đảm ma khí kim, nhi khởi tự phụ sở kiến chi kiến"* (gánh gai bỏ vàng, dấy lên kiến chấp tự phụ đối với kiến giải của chính mình). *"Gánh gai bỏ vàng"* là một câu chuyện nhỏ, trong phần chú giải có nói. Chẳng phải là quả, mà tưởng là quả, thí dụ rõ rệt nhất là trong thế gian, có nhiều kẻ mong sanh lên cõi trời, [cứ nghĩ]: Đến thiên đường chính là quả vị rốt ráo nhất. Sanh về thiên đường, sẽ trường sanh bất lão, sống đời đời, bất tử. Hoàn toàn sai lầm! Chỉ là thọ mạng của chư thiên dài hơn chúng ta, họ có phước báo to hơn chúng ta. Thọ mạng dẫu dài đến mấy, vẫn có lúc hưởng hết. Đã hưởng hết, họ vẫn phải chết, vẫn phải đọa lạc. Do đó, Thiên chẳng phải là quả vị rốt ráo. Chấp trước "sanh thiên là đạt đến quả vị rốt ráo" thì gọi là Kiến Thủ Kiến, tức là thành kiến đối với quả báo.

Cũng giống như vậy, trong Phật môn, người tu cái nhân Tiểu Thừa, coi quả A La Hán là quả vị rốt ráo. Họ chẳng tin có Đại Thừa,

chẳng tin có thế giới phương khác, chẳng tin có hết thảy chư Phật, chấp trước A La Hán là quả vị cao nhất (đức Thế Tôn bảo họ là *"mầm hư, hạt lép"*), cũng thuộc loại Kiến Thủ Kiến. Tiểu Thừa Sơ Quả chẳng có Kiến Hoặc; nếu họ còn chấp trước một kiến giải như vậy, người ấy tu Tiểu Thừa có thể chứng quả hay không? Quyết định là chẳng thể chứng quả. Người tu Tiểu Thừa rất đông, chưa thấy người nào chứng quả Tu Đà Hoàn, là do nguyên nhân nào? Họ có thứ chấp trước này. Đã thế, Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến còn đặc biệt nghiêm trọng. Chúng ta nói họ có chấp trước nghiêm trọng, có thiên kiến nghiêm trọng. Đấy là chướng ngại rất lớn cho sự tu hành. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng điều này thì trên đường Bồ Đề vãng sanh Tây Phương Cực Lạc mới không đến nỗi gặp trở ngại.

(Sao) Ngũ, Tà Kiến.

(鈔)五、邪見。

*(**Sao**: Năm là Tà Kiến).*

Thứ năm là Tà Kiến (Mithyā-dṛṣṭi). Các kiến giải sai lầm được quy nạp thành bốn loại lớn trên đây, còn tất cả những kiến giải sai lầm chẳng thể bao gồm trong bốn loại lớn trên đây đều gom vào một điều này. Trong điều này, chuyện nghiêm trọng nhất là chẳng tin nhân quả báo ứng. Người trong thế gian hiện thời chẳng tin nhân quả báo ứng rất đông, khi gặp phải báo ứng họ vẫn chẳng tin, đúng là chẳng có một tí biện pháp nào hết!

(Sao) Vị bát vô nhân quả, đọa hoát đạt không, nhi khởi tà ngoại bất chánh chi kiến.

(Diễn) Bát vô nhân quả, đọa hoát đạt không giả, bất tín tạo thiện vi lạc, tạo ác vi khổ, nhi ngôn thiện, ác, khổ, lạc, nhất thiết giai không, bất tri vô ngã, vô tác, vô thọ giả, thiện ác chi nghiệp diệc bất vong, đọa hoát đạt không, khởi đoạn diệt kiến cố.

(鈔)謂撥無因果，墮豁達空，而起邪外不正之見。

(演)撥無因果。墮豁達空者。不信造善為樂。造惡為苦。而言善惡苦樂一切皆空。不知無我無作無受者。善惡之業亦不亡。墮豁達空。起斷滅見故。

*(**Sao**: Nghĩa là bài bác "chẳng có nhân quả", đọa vào trong cái*

Không rỗng tuếch, dấy lên kiến giải tà vạy, ngoại đạo, bất chánh.

***Diễn**: "Bài bác chẳng có nhân quả, đọa lạc trong cái Không rỗng tuếch": Chẳng tin làm lành là vui, tạo ác là khổ, nói thiện, ác, khổ, lạc, hết thảy đều rỗng tuếch, chẳng biết [dẫu là] vô ngã, vô tác, chẳng có người nhận, nghiệp thiện ác cũng chẳng mất. Đọa vào cái Không rỗng tuếch tức là khởi kiến giải đoạn diệt).*

Tà tri, tà kiến, tri kiến ngoại đạo, đều chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Chỉ riêng đức Phật mới có chánh tri chánh kiến, tri kiến của người thế gian đều bất chánh. Vì sao bất chánh? Do quý vị có phiền não, có năm thứ tà kiến ấy. Có Thân Kiến, có Ngã Chấp, có thiên kiến, có thành kiến, làm sao kiến giải có thể chánh xác cho được? Do vậy, đức Phật khuyên người thế gian chúng ta chớ nên tin vào ý nghĩ của chính mình. Bởi lẽ, cách nghĩ và cách nhìn của chính quý vị đều chẳng chánh xác.

Đức Phật nói một câu thật thà, đến khi nào mới có thể tin vào chính mình? Tối thiểu là phải chứng đắc quả A La Hán, quý vị mới có thể tin tưởng chính mình. Đây lại là đạo lý như thế nào? Vì A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh, chẳng có thành kiến, chẳng có quan niệm chủ quan, bất luận nhìn vào chuyện gì, các Ngài đều thấy rõ ràng, minh bạch. Cũng có nghĩa là: Kiến Tư phiền não còn chưa đoạn, chẳng thể tin vào kiến giải của chính mình, chẳng thể tin vào cách nghĩ và cách nhìn của chính mình là chánh xác, thường là chính mình phạm sai lầm mà chính mình chẳng biết. Trong giai đoạn trước khi đoạn hết Kiến Tư phiền não, chúng ta nay đang thuộc trong giai đoạn này, rốt cuộc phải làm như thế nào thì mới chẳng đến nỗi nẩy sanh lầm lỗi? Chúng ta biết: Trong giai đoạn hiện tiền, nói chung là chẳng thể tránh khỏi lầm lỗi. Có thể dần dần giảm bớt những lầm lỗi, giảm thiểu đến mức độ thấp nhất, thì mới được coi là đã kha khá.

Chúng ta dựa vào những gì để tu chỉnh cách nghĩ và cách nhìn của chính mình? Chính là [dựa vào] kinh luận. Kinh Phật được chia thành ba tạng Kinh, Luật, Luận. Nương theo những điều đã dạy trong kinh luận để uốn nắn kiến giải và tư tưởng của chúng ta. Cách nghĩ và cách làm của chúng ta chẳng giống với những gì đã dạy trong kinh Phật, chúng ta phải giác ngộ: Chúng ta đã nghĩ sai, thấy trật, Phật là chánh xác. Ngàn muôn phần đừng nghĩ: "Đức Phật thuộc vào thời đại ba ngàn năm trước, rất lạc hậu, [thuở ấy] khoa học kỹ thuật chẳng phát triển. Nay chúng ta

thông minh hơn Ngài". Quý vị đã phạm sai lầm mất rồi, lại phạm vào Kiến Thủ và Giới Thủ. Nhất định phải biết tri kiến của Ngài là chánh xác, còn [tri kiến của] chúng ta là sai lầm! Nương theo giáo huấn trong kinh điển để sửa đổi lời nói và việc làm của chính mình, cũng như xử sự, đãi người, tiếp vật phải chiếu theo những quy củ, khuôn khổ đã nói trong giới luật. Dùng những tiêu chuẩn ấy để sửa đổi các hành vi sai lầm nơi thân và miệng của chúng ta. Tác dụng của Tam Tạng kinh điển chính là [cung cấp một] tiêu chuẩn để sửa đổi những hành vi sai lầm nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý. Tác dụng của kinh điển là ở chỗ này. Chẳng phải là bảo chúng ta niệm hằng ngày, niệm cho Phật, Bồ Tát nghe! Các Ngài chẳng cần nghe, [ta niệm kinh] là niệm cho chính mình nghe, chính mình nhớ rất nhuần nhuyễn, nương theo những tiêu chuẩn ấy để sửa đổi hành vi của chính mình. Đó gọi là "tu hành thật sự".

Trong tà kiến, điều quan trọng nhất là chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng. Chuyện này hết sức nghiêm trọng, cho nên đặc biệt nêu ra. Chúng sanh trong thế gian dám làm ác, chính vì *"bát vô nhân quả"* (bài bác không có nhân quả), họ mới dám làm. Nếu đối với những sự lý nhân duyên quả báo ấy, họ thật sự hiểu rõ, chắc chắn sẽ không dám làm ác. Vì sao? Làm ác thì chính mình bị thua thiệt, do có báo ứng. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Quyết định chẳng dám khởi tâm động niệm hại người, hại người là hại chính mình. Quyết định chẳng dám có hành vi trộm cắp. Trộm cướp tiền tài của người khác thì phải trả nợ, chẳng phải là đã trộm rồi bèn có thể không trả. Thiếu mạng người khác thì phải đền mạng. Quý vị xem truyện ký của đại sư An Thế Cao; kinh Bát Đại Nhân Giác và kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung là do ngài An Thế Cao phiên dịch. Ngài An Thế Cao đến Trung Hoa hai lần đền mạng. Đời trước lỡ tay giết người, đời này đến Trung Hoa, hai lần bị kẻ khác ngộ sát. Có thể thấy: Tạo cái nhân như thế nào, sẽ chịu quả báo như thế ấy, đúng vậy đó!

"Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định trước". Ai định trước cho quý vị? Chính mình định! Điều này chẳng cần phải bàn cãi chi nữa! Chẳng phải do Phật, Bồ Tát định, cũng chẳng phải do vua Diêm La định, cũng chẳng phải do Thượng Đế định, mà do chính mình định. Nếu chúng ta muốn cuộc sống của chính mình rất hạnh phúc, rất sung sướng, rất bình an, quyết định chẳng tạo cái nhân ác. Không chỉ là chớ nên tạo ác, ngay cả ác niệm cũng đều chẳng có. Ác niệm đều chẳng có, ác duyên sẽ bị đoạn trừ. Trong đời quá khứ, tuy có ác nhân, nhưng tạm thời, nó chẳng thể dấy lên hiện hành. Vì sao? Nó chẳng có

duyên.

Nếu hiện thời, chúng ta trong mỗi niệm còn có ác niệm, ác niệm ấy là duyên, sẽ có ác báo hiện tiền. Hiện thời, chẳng có ác niệm. Chẳng có ý niệm ấy, chẳng dễ dàng đâu nhé! Pháp môn này hay lắm, chuyển ý niệm của quý vị thành A Di Đà Phật. Tiêu trừ ý niệm chẳng dễ dàng, thay đổi ý niệm dễ hơn. Cổ nhân thường nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Ý niệm dấy lên chớ sợ. Sợ là quý vị bất giác. Quý vị bất giác; ý niệm này kế tiếp ý niệm kia sẽ sanh ra sức mạnh. Nếu đã giác ngộ, chẳng có ác niệm! Giác ngộ là như thế nào? Một câu A Di Đà Phật dấy lên, đó là giác ngộ. Chư vị phải hiểu: Cái giác ấy chẳng thể giống với sự giác ngộ bình phàm, mà là đại giác viên mãn rốt ráo, khác hẳn! Vì thế, chúng ta hễ khởi tâm động niệm bèn biết rất nhanh chóng thay đổi [ý niệm vừa khởi lên ấy] thành A Di Đà Phật, đấy là một người thật sự niệm Phật. Công phu niệm Phật thật sự đắc lực chính là dùng Phật hiệu để thay thế hết thảy các vọng niệm, bất luận là thiện niệm hay ác niệm thế gian và xuất thế gian, đều chẳng màng tới. Ý niệm thứ nhất dấy lên, ý niệm thứ hai sẽ là A Di Đà Phật. Đó là đúng, đã chuyển biến được!

(Sao) Thử ngũ giả.

(鈔)此五者。

*(**Sao**: Năm điều này).*

Năm loại [kiến giải] lớn vừa nói trên đây.

(Sao) Năng linh chúng sanh xu nhập sanh tử, cố danh vi Sử.

(鈔)能令眾生趨入生死，故名為使。

*(**Sao**: Có thể khiến cho chúng sanh tiến nhập sanh tử, nên gọi là Sử).*

"Sử" (使) là nha dịch thời cổ, giống như đội cảnh sát hình sự trong hiện thời. Năm thứ ấy có thể khiến chúng ta phải sanh tử luân hồi trong lục đạo, vĩnh viễn chẳng ngừng, chẳng xong. Đó là vì bị năm thứ phiền não ấy làm hại, chúng ta phải nhận thức rõ ràng chuyện này!

(Sao) Nhi cơ vi, tấn tật, vi hại phi tế, đối Ngũ Độn ngôn, cố danh Lợi Sử.

(鈔)而幾微迅疾，為害非細，對五鈍言，故名利使。

*(**Sao**: Nhưng rất vi tế, nhanh chóng, gây hại chẳng nhỏ. Do nói đối ứng với năm thứ Độn Sử mà gọi là Lợi Sử).*

Nó rất nhỏ nhiệm, lại còn rất nhanh chóng. Ý niệm khởi lên cũng mau, tiêu mất cũng mau. Niệm này dấy lên, niệm kia diệt mất. Niệm niệm sanh diệt, nhưng phải biết: Nó gây hại quá to lớn, chẳng phải là điều hại nhỏ nhặt, mà là mối tai hại to lớn! Nỗi tai hại to lớn ấy khiến cho chúng ta vĩnh viễn ở trong lục đạo, chẳng có cách nào vượt thoát. Do nói đối ứng với năm Độn Sử, bèn gọi chúng là Lợi (利), vì chúng mạnh mẽ, nhạy bén. Tuy mạnh mẽ, nhạy bén, chúng dễ đoạn. Hễ thật sự giác ngộ, chúng liền đoạn. Chẳng giống như năm phiền não Độn Sử trong phần sau, sau khi đã giác ngộ, cũng chẳng dễ gì đoạn được! Cổ nhân nói năm Độn Sử giống như *"dẫu lìa ngó, ý còn vương tơ lòng"*. Dẫu đã đoạn, sau đấy, vẫn còn những sợi tơ vấn vít, rất khó đoạn sạch sành sanh. Chẳng giống như năm loại này, tuy mạnh mẽ, nhạy bén, rất dễ đoạn. *"Dễ dàng"* là nói so sánh [với chuyện đoạn năm thứ Độn Sử], trên thực tế, cũng là rất khó!

(Sao) Khai chi tắc lục thập nhị giả, dĩ Đoạn Thường nhị kiến vi bổn, nhi Sắc đẳng Ngũ Ấm, các cụ tứ cú, tam thế điệt chi, tắc thành lục thập, gia bổn Đoạn Thường, thành lục thập nhị.

(Diễn) Sắc đẳng Ngũ Ấm các cụ tứ cú, tam thế điệt chi, tắc thành lục thập giả, như Sắc Ấm giả, vị "Sắc đại Ngã tiểu, Ngã tại Sắc trung", "Ngã đại Sắc tiểu, Sắc tại Ngã trung", hoặc "tức Sắc thị Ngã", "ly Sắc thị Ngã". Sắc ký như thị, Tứ Ấm diệc nhiên, ngũ tứ cộng thành nhị thập cú, tam thế điệt chi, thành lục thập cú.

(鈔)開之則六十二者，以斷常二見為本，而色等五陰，各具四句，三世迭之，則成六十，加本斷常，成六十二。

(演)色等五陰各具四句。三世迭之。則成六十者。如色陰者。謂色大我小。我在色中。我大色小。色在我中。或即色是我。離色是我。色既如是。四陰亦然。五四共成二十句。三世迭之。成六十句。

*(**Sao**: "Khai triển ra sẽ thành sáu mươi hai thứ": Lấy hai thứ Thường Kiến và Đoạn Kiến làm gốc, mà Ngũ Ấm như Sắc v.v... mỗi thứ*

đều có đủ bốn câu, lại nhân với ba đời (tức là 5x4x3) sẽ thành sáu mươi, cộng với hai thứ kiến chấp gốc là Đoạn và Thường, bèn thành sáu mươi hai.

***Diễn**: "Ngũ Ấm như Sắc v.v... mỗi thứ đều có đủ bốn câu, lại nhân với ba đời bèn thành sáu mươi", ý nói: Như đối với Sắc Ấm, bảo là "Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc"; "Ngã lớn Sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã", hoặc "Sắc chính là Ngã", "lìa Sắc là Ngã". Đối với Sắc đã [có bốn câu] như thế, đối với bốn Ấm kia cũng vậy. Năm Ấm nhân với bốn câu [kiến chấp điên đảo trên đây] thành hai mươi câu, nhân với ba đời, thành sáu mươi câu).*

"Đoạn Thường" là Biên Kiến.

(Sao) Thử chi chư kiến, do như la võng, do như trù lâm.

(鈔)此之諸見，猶如羅網，猶如稠林。

*(**Sao**: Các món kiến chấp này giống như lưới rập, ví như rừng rậm).*

"Trù lâm" (稠林) là rừng rậm dầy đặc.

(Sao) Triền phược khuất khúc, bất khả xuất ly, hồn loạn chân tánh, cố vân Trược dã.

(鈔)纏縛屈曲，不可出離，渾亂真性，故云濁也。

*(**Sao**: Trói buộc, cong vạy, chẳng thể thoát ra, vẩn đục, rối loạn chân tánh. Vì thế, bảo là Trược).*

Đối với sáu mươi hai món kiến chấp, sách Diễn Nghĩa có giải thích đơn giản. Mọi người có thể tham khảo Phật Học Đại Từ Điển, Giáo Thừa Pháp Số, Tam Tạng Pháp Số và bộ Phật Giáo Cơ Bản Thường Thức do pháp sư Chánh Quả biên soạn.

(Sao) Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân cụ chánh kiến, phi Kiến Trược cố.

(鈔)反顯極樂國中，人具正見，非見濁故。

*(**Sao**: Nhằm nêu tương phản rõ rệt: Trong cõi Cực Lạc, người ta có đủ chánh kiến, chẳng phải là Kiến Trược).*

So với Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, [ai nấy] đều là tri kiến thuần chánh, chẳng có mảy may lầm lạc. Đó chính là điều khiến cho thế giới này chẳng sánh bằng họ!

(Sớ) Phiền Não Trược giả, ngũ Độn Sử vi Thể.

(疏)煩惱濁者，五鈍使為體。

*(**Sớ**: Phiền Não Trược (Kleśakaṣāya): Năm Độn Sử làm Thể).*

"Độn" (鈍) nghĩa là chúng chậm chạp, chẳng lanh lợi, chẳng rất nhạy bén, chẳng rất nhanh chóng như [năm món Sử] trước, những [món Sử] này trì độn.

(Sớ) Quảng chi nãi chí vi thập, vi bách bát, vi bát vạn tứ thiên, cập Hằng hà sa đẳng.

(疏)廣之乃至為十，為百八，為八萬四千，及恆河沙等。

*(**Sớ**: Nói rộng ra sẽ là cho đến mười, một trăm lẻ tám, tám vạn bốn ngàn, cho đến như Hằng hà sa).*

Nói triển khai sẽ là mười điều. Thập Sử mở rộng ra là một trăm lẻ tám điều, đều thuộc loại quy nạp. Lại mở rộng ra, sẽ là tám vạn bốn ngàn. Trong kinh Phật, hễ nói đến con số thì chỉ nói tới "tám vạn bốn ngàn". Đó là nêu ra từng điều một, xác thực là chẳng sót một điều nào. Tám vạn bốn ngàn điều được gọi là *"tám vạn bốn ngàn phiền não"*, phiền não thật nhiều! Tám vạn bốn ngàn điều quy nạp thành một trăm lẻ tám điều. Một trăm lẻ tám điều này, thông thường cũng ít nhắc tới, quá rắc rối! Chuỗi tràng hạt của chúng ta gồm một trăm lẻ tám hạt, có dụng ý gì? Nhằm đối trị một trăm lẻ tám phiền não. Nếu lại mở rộng hơn nữa, sẽ là *"Hằng hà sa đẳng"* (nhiều như cát sông Hằng). Phiền não vô lượng vô biên, nói chẳng hết! Vì thế, chúng ta biết: Tám vạn bốn ngàn vẫn là quy nạp, nếu nói chi tiết, sẽ là chẳng cùng tận!

(Sớ) Tam tai cảm triệu, tức kỳ tướng dã.

(疏)三災感召，即其相也。

*(**Sớ**: Cảm vời tam tai, chính là tướng trạng của nó).*

"Tam tai" gồm có đại tam tai và tiểu tam tai. Tam tai do đâu mà có? Do phiền não chiêu cảm mà có. Từ chỗ này, chúng ta bèn hiểu: Hết thảy khổ nạn lớn nhỏ của chúng sanh đều do phiền não tạo thành. Nói cách khác, nếu đoạn phiền não, chúng sẽ chẳng có, tất cả hết thảy tai nạn đều chẳng có. Nhân chẳng có, lấy đâu ra quả? Chẳng có nữa! Tiêu tai miễn nạn thì phải tiêu từ nơi đâu? Nếu tiêu trừ phiền não, tai nạn chẳng còn nữa. Chẳng tiêu trừ phiền não, chư vị phải biết: Tai nạn nhất định sẽ hiện tiền. Một đằng là năng cảm, một đằng là sở cảm.

(Sao) Ngũ Độn Sử giả, nhất, tham, vị ngộ thuận tình cảnh, khởi ư ái trước, bất năng xả ly cố.

(鈔)五鈍使者，一、貪，謂遇順情境，起於愛著，不能捨離故。

*(**Sao**: Năm Độn Sử: Một là tham, nghĩa là gặp tình cảnh đẹp ý, sẽ dấy lòng yêu đắm, chẳng thể lìa bỏ).*

Đấy là hiện tượng tham, chẳng nỡ lìa khỏi, tham ái! Trong ấy, có phạm vi hết sức rộng lớn: Có tham danh, có tham lợi, có tham quyền thế, có tham ngũ dục, lục trần. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, những thứ ấy thuộc về ngũ dục, lục trần. Lục trần là các thứ hưởng thụ nơi hoàn cảnh vật chất, đó là thế gian. Xuất thế gian có tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Chẳng tham pháp thế gian, mà tham Phật pháp. Chư vị ngẫm xem, tâm tham có đoạn hay không? Chẳng đoạn! Thay đổi đối tượng mà thôi. Pháp thế gian ác, Phật pháp thiện, tâm tham chẳng đoạn; người như vậy học Phật, trong tương lai, sẽ đến thọ báo trong ba đường lành. Vì sao? Tâm tham chẳng đoạn, chẳng thể thành chánh quả. Đức Phật dạy chúng ta đoạn tâm tham, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng của lòng tham. Phải hiểu rõ ràng điều này. Do vậy, đối với Phật pháp, cũng chẳng thể tham. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). *"Pháp"* là Phật pháp, Phật pháp cũng phải buông xuống, cũng chớ nên tham đắm, huống hồ pháp thế gian! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này!

Vô lượng vô biên phiền não quy nạp thành năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi. Năm loại lớn ấy còn có thể quy nạp nữa hay không? Có thể chứ! Quy nạp thành ba loại lớn là tham, sân, si. Ba loại ấy còn có thể quy nạp nữa hay chăng? Vẫn có thể, quy nạp thành một thứ là Tham.

Vì sao có sân hận? Do tham không được, nên mới có sân hận. Nếu tham mà đạt được, tâm sân hận sẽ chẳng sanh khởi. Truy tận nguồn cội, căn cội chung của chứng bệnh ấy chính là một chữ Tham. Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp gì để đối trị nó? Dùng bố thí. Điều thứ nhất trong Lục Độ là bố thí. Bố thí nhằm độ keo tham, nhằm đối trị phiền não này.

Hiện thời, có khá nhiều người tu bố thí, có thể độ keo tham hay không? Chẳng thể! Vì họ, do có tâm tham, nên mới hành bố thí. Nghe nói Phật môn là *"một vốn vạn lời"*, bỏ một, sẽ được báo cả vạn. Do vậy, họ mới chịu bố thí. Nếu bảo họ, "bố thí chẳng có quả báo tốt lành", họ sẽ không bố thí, [tức là] vẫn có cách nhìn theo kiểu con buôn! Tu bố thí như vậy, sẽ tăng trưởng tâm tham. Do đó, chỉ gọi là bố thí, chẳng thể gọi là Bố Thí Ba La Mật. Ba La Mật là độ, [bố thí mà mong cầu hưởng hảo báo] chẳng thể gọi là Bố Thí Độ. Kẻ ấy tu pháp thế gian, chẳng phải là pháp Bồ Tát. Pháp Bồ Tát thì phải độ keo tham. Ta tu bố thí nhằm mục đích nào? Mục đích là bỏ sạch cái tâm keo tham từ vô thỉ kiếp tới nay. Đó là quý vị thật sự tu Lục Độ, thật sự đang tu Bồ Tát đạo.

Người thế gian bố thí, tu phước, đức Phật bảo chúng ta: Quả báo của Tài Bố Thí là của cải, quả báo của Pháp Bố Thí là thông minh, trí huệ, quả báo của Vô Úy Bố Thí là khỏe mạnh, sống lâu. Đó là bố thí theo pháp thế gian. Nếu là bố thí trong pháp Đại Thừa Bồ Tát, người ấy đắc quả "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", chẳng phải là ba thứ quả báo nhỏ nhoi kia. Khác hẳn! Vì sao? Xan tham là căn bản phiền não. Căn bản đã bị dẹp trừ thì tám vạn bốn ngàn phiền não, hoặc vô lượng vô biên phiền não, thảy đều chẳng có. Đó là quả báo "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", chẳng phải là đạt được của cải, được thông minh, được khỏe mạnh, sống lâu, chẳng phải là những thứ ấy. Những thứ ấy là do người thế gian tu tiểu bố thí bèn đắc tiểu quả báo. Do vậy có thể biết: Chúng ta thấy đại chúng trong xã hội hiện tiền, có kẻ phát tài, giàu to, được thông minh, trí huệ. Thời cổ nói là *"đắc công danh"*, nay nói là giành được các học vị Thạc Sĩ hay Tiến Sĩ, [đó là quả báo do] pháp bố thí, hoặc được khỏe mạnh, sống lâu, đều thuộc loại quả báo này. Nhưng trong thế gian này, thiện quả đều khá là khó tu. Để tu phước thật sự vẫn phải là người có phước [thì mới tu được]! Kẻ chẳng có phước, tu phước chẳng nổi! Vì sao? Nhận lầm phước điền! Chúng ta nói *"gieo ruộng phước"*, [cần phải] biết ruộng để gieo trồng ắt phải là một vùng đất rất phì nhiêu thì [những thứ gieo trồng] mới tăng trưởng rất xum xuê. Nếu

gieo trồng nơi đất nhiều cát, ngay cả rễ cũng chết queo, hạt giống cũng hư nát, chẳng có thâu hoạch! Thường là chúng ta nhận lầm ruộng phước, coi sa mạc là ruộng tốt, gieo hạt nơi sa mạc. Tới cuối cùng, không chỉ là chẳng thâu hoạch được, mà ngay cả vốn cũng tiêu mất. Trong xã hội hiện tiền, chúng ta thấy chuyện này quá nhiều! Vì thế, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, đều cần đến trí huệ, trí huệ trọng yếu lắm! Chúng ta ngu si, chẳng có trí huệ, làm như thế nào? Hãy đọc kinh; đọc kinh khai trí huệ. Đọc kinh nhiều, đọc kinh đã lâu, tâm định, tự nhiên trí huệ mở mang, thấy mọi chuyện cũng thấy rõ ràng, làm việc cũng chẳng phạm sai lầm. Nhất định là phải đọc kinh, nhất định là phải niệm Phật.

(Sao) Nhị, sân, vị ngộ vi tình cảnh, khởi ư khuể hận, bất năng dung nhẫn cố.

(鈔)二、瞋，謂遇違情境，起於恚恨，不能容忍故。

*(**Sao**: Hai là sân, nghĩa là gặp tình cảnh trái ý, dấy lòng sân hận, chẳng thể khoan dung, chịu đựng).*

Trái nghịch ý thích của chúng ta, ta cũng chẳng ưa! Cảnh giới là như vậy đó. *"Khởi ư khuể hận, bất năng dung nhẫn cố"* (Dấy lòng sân hận, chẳng thể khoan dung, chịu đựng), chẳng thể bao dung! Đức Phật dạy chúng ta tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhẫn nhục nhằm đối trị sân khuể, phải biết nhẫn. Biết nhẫn, bao dung, sẽ là người có phước. Chẳng thể nhẫn, chẳng thể bao dung, dẫu có phước, cũng hưởng hết rất nhanh; sau đấy chẳng có phước nữa! Do vậy, nhất định là phải học bao dung, nhẫn nhục.

(Sao) Tam, si, vị ư phi vi, phi thuận cảnh, khởi ư ngu ám, bất năng giác sát cố.

(鈔)三、痴，謂於非違非順境，起於愚暗，不能覺察故。

*(**Sao**: Ba là si, nghĩa là đối với cảnh chẳng trái nghịch, chẳng tùy thuận, bèn dấy lên ngu si, tăm tối, chẳng thể quan sát, nhận biết).*

"Si" là ngu si. Điều này nói đơn giản, sẽ là đối với vũ trụ và nhân sinh, nhân tình, lý sự, vạn sự, vạn vật, điều nào là thật? Điều nào là giả? Tu như thế nào là tà? Thế nào là chánh? Thế nào là đúng? Thế nào là sai? Người ấy hoàn toàn chẳng hiểu rõ ràng, mê hoặc, điên đảo. Đó là ngu si.

Vấn đề này cũng hết sức nghiêm trọng. Trong năm Độn Sử, khó đoạn nhất là ngu si. Đức Phật dạy chúng ta phải dùng Bát Nhã để độ ngu si, nhất định cần đến trí huệ Bát Nhã chân thật. Trong giai đoạn cuối cùng của Đại Thừa, ngu si được gọi là vô minh. Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, quý vị mới biết ngu si nghiêm trọng lắm! Đẳng Giác Bồ Tát phá trừ một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng; đó là đại giác viên mãn, bèn thành Phật. Vì thế, điều này khó đoạn nhất, phải có trí huệ thật sự. Đối với mấy điều trước, có thể dùng Định để khắc phục, chỉ riêng điều này thì phải dùng Huệ, chứ Định thì chẳng có cách nào!

(Sao) Tứ, mạn, vị ư nhất thiết chúng sanh, khởi kiêu ngạo tâm, thượng lăng, hạ hốt, bất năng cung tốn cố.

(鈔)四、慢，謂於一切眾生，起驕傲心，上陵下忽，不能恭遜故。

*(**Sao**: Bốn là mạn, nghĩa là đối với hết thảy chúng sanh, dấy lòng kiêu ngạo, lấn lướt người trên, khinh thường kẻ dưới, chẳng thể cung kính, khiêm tốn).*

"Mạn" (慢) là ngạo mạn, *"tốn"* (遜) là khiêm hư. Kẻ ấy chẳng biết cung kính, chẳng biết khiêm hư, bất luận đối với ai, cũng đều là kiêu ngạo phiền não dấy lên hiện hành. Nhà Phật coi trọng chuyện này. Vì sao? Vì quý vị có mạn, sẽ chẳng thể nhập đạo. Phiền não nhiều ngần ấy, cớ sao đức Phật khăng khăng nêu lên điều này? Điều này nghiêm trọng ở chỗ nào? Chướng đạo! Vì thế, đức Phật coi trọng, thánh nhân thế gian cũng coi trọng. Trong Lễ Ký có nói: *"Ngạo bất khả trưởng"* (Chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo). Nho gia biết thứ phiền não này là *"câu sanh phiền não"* (phiền não bẩm sinh), chẳng cần học vẫn biết. Do bẩm sanh, ai nấy đều có, hết thảy chúng sanh thảy đều có; chỉ có thể nói là xét theo mức độ thì có cạn hay sâu sai biệt, chứ ai nấy đều có! Chuyện này rất phiền phức. Có phiền não này, sẽ coi thường thầy, coi thường thiện tri thức, coi thường đồng học, quý vị còn có thể thành tựu hay chăng? Thiện căn tôn sư trọng đạo đã bị phiền não này phá hoại. Vì thế, chúng ta phải nhận rõ: Ngạo mạn tổn hại chúng ta to tát dường ấy!

Đức Phật dạy chúng ta nhẫn nhục, Nho gia dạy chúng ta khiêm hư. Trong phần Hệ Từ của kinh Dịch, Khổng Tử đã dạy người khác: *"Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích"* (Tự mãn chuốc lấy tổn hại, khiêm tốn được lợi

ích). Trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có quẻ Khiêm là sáu hào đều tốt lành. Quái Tượng[83] của quẻ này chẳng có gì là hung. Sáu mươi ba quẻ kia, tối thiểu là có một hào thuộc về quẻ hung, chẳng phải là quẻ cát. Khiêm (謙) là khiêm hư! [Tên gọi đầy đủ của quẻ ấy là] Địa Sơn Khiêm (地山謙), [hàm nghĩa] hình tượng của quẻ giống như núi ở dưới đất, phía trên là quẻ Khôn (坤), Khôn là đất. Núi vốn ở trên mặt đất, [nhưng trong quẻ này], núi lại ở dưới mặt đất. Quý vị hãy suy ngẫm ý nghĩa này. Nho gia nói *"tự ty nhi tôn nhân"* (hạ thấp mình, đề cao người khác). Đấy là Khiêm, chúng ta dùng phương pháp này để đối trị kiêu mạn từ vô thỉ kiếp tới nay. Chúng ta bị kiêu mạn hại quá thê thảm, phải nhận biết nó, phải thật sự tu hành, phải sửa đổi nó. Từ nay trở đi, bất luận đối với người nào, cũng đều phải khiêm hư, đều phải nhún nhường. Đó là đúng!

(Sao) Ngũ, nghi, vị ư chư thiện pháp, khởi sai nhị tâm, dục tấn, dục thoái, bất năng quyết định cố.

(鈔)五、疑，謂於諸善法，起猜貳心，欲進欲退，不能決定故。

*(**Sao**: Năm là nghi, nghĩa là đối với các thiện pháp, dấy lòng nghi ngờ, do dự, toan tiến, toan lùi, chẳng thể quyết định).*

"Sai" (猜) là ngờ vực vô căn cứ, *"nhị tâm"* (貳心) là tâm chẳng thể xác định, hoài nghi. Trong pháp thế gian, Nghi chướng ngại thiện pháp, chướng ngại thiện hạnh. Trong pháp xuất thế gian, Nghi quyết định chướng đạo. Dấy lòng nghi hoặc giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tổ sư, chẳng thể tin tưởng. Phật pháp hoàn toàn kiến lập trên cơ sở tín tâm thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Tín là nguồn đạo, mẹ công đức"*. Quý vị chẳng có tín tâm kiên định, làm sao có thể nhập môn cho được? Một người nếu muốn có thành tựu nơi đạo nghiệp thì:

1) Thứ nhất là đối với pháp, phải có tín tâm kiên định, hoàn toàn khẳng định, chẳng có hoài nghi, chúng ta mới có thể tiếp nhận.

2) Thứ hai là đối với thầy và thiện tri thức, phải có tín tâm thanh tịnh, chúng ta mới có thể tiếp nhận sự chỉ dạy của họ, mới có thể y giáo phụng hành. Nếu dấy lòng hoài nghi thầy, thầy dạy chúng ta, chúng ta

---

[83] Quái Tượng (卦象) là hình tượng tổng quát, tức là một sự vật cụ thể trong thiên nhiên, được biểu thị bởi một quẻ. Chẳng hạn Quái Tượng của quẻ Càn là Trời.

chỗ nào cũng đánh dấu hỏi, chẳng thể tuân thủ, chẳng thể phụng hành, chắc chắn là chẳng đạt được lợi ích nơi pháp ấy!

Nghi là chuyện xấu, Nghi là chướng ngại lớn nhất trong quá trình tu học của Bồ Tát. Chúng ta đoạn nghi sanh tín như thế nào? Chuyện này nói dễ dàng, thực hiện khá khó khăn! Thật sự có tín tâm thanh tịnh, sẽ giống như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật nói có hai loại người:

1) Một loại người là kẻ thượng căn thông minh, vừa tiếp xúc Phật pháp bèn hiểu rõ, giác ngộ, chẳng mê. Vì thế, người ấy có thể tin.

2) Loại thứ hai là thiện căn sâu dầy. Tuy đối với lý luận và sự thật chẳng hiểu rõ ràng, nhưng người ấy đối với Phật, Bồ Tát, đối với bậc thiện nhân rất tôn kính, và cũng có thể nghe lời, cũng có thể y giáo phụng hành. Đó là khó có, đáng quý.

Đại khái là hai hạng người trên đây, tín tâm bất nhị, thành tựu dễ dàng! Hễ tín tâm bị dao động, hiện tượng nguy cơ bèn xảy ra, chẳng thể thành tựu. Đặc biệt là đối với người niệm Phật chúng ta, đối với Tịnh Độ, đối với A Di Đà Phật, đối với chuyện vãng sanh, quyết định chớ nên hoài nghi, quyết định chớ nên dao động. Ở bên ngoài, những pháp môn khác rất nhiều, quý vị gặp những kẻ tri thức, người này bảo quý vị tu Thiền, người kia bảo quý vị niệm chú, người nọ lại nói pháp môn chi đó lập tức thấy có hiệu quả, quý vị vừa nghe, tín tâm bị dao động. Hễ tín tâm bị dao động, nói thật thà, đối với pháp môn nào, quý vị cũng đều chẳng thể thành tựu! Trong vô lượng pháp môn của chư Phật, Bồ Tát, quý vị thật sự chẳng hiểu rõ ràng, chẳng hiểu minh bạch, chẳng nhận biết, chẳng biết pháp môn nào thù thắng. Do vậy, trong quá trình tu học, chẳng đạt được lợi ích.

Thật sự có tín tâm quyết định, chẳng hoài nghi, thâm nhập một môn, trong những năm qua, chúng tôi cũng thấy chẳng ít người, xác thực là họ có hiệu quả. Chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ ràng: Thân thể họ khỏe mạnh, tướng mạo đầy đặn, khí sắc tốt đẹp. Thường là học Phật dăm ba tháng bèn biến đổi, đó là thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Đó có phải là do Phật, Bồ Tát gia trì hay không? Chẳng phải, mà là do trong tâm người ấy sanh ra biến hóa. Trước kia, trong tâm là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lắm nỗi phiền não, [cho nên] thân thể chẳng khỏe mạnh, khí sắc chẳng tốt. [Hiện thời], đã có tín tâm kiên định đối với Phật pháp, thâm nhập một môn, bèn ít vọng niệm, ít phiền não, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh. Những bệnh tật trước kia nơi thân thể này chẳng cần phải đi khám bác sĩ, tự nhiên khỏi hẳn. Đó là vì người ấy

đã điều chỉnh sinh lý nơi tâm lý; hiện thời, điều này đã có căn cứ khoa học xác thực.

Thân thể bị ý niệm làm chủ tể. Kinh Đại Thừa thường nói: *"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*. Một người tâm thuần thiện, chẳng ác, thuần tịnh bất nhiễm, sinh lý tự nhiên điều chỉnh bình thường. Kẻ có vọng niệm, có tạp niệm, có vọng tưởng, sinh lý bình thường bị nhiễu loạn. Hễ loạn, bệnh tật sanh khởi, dùng thuốc men, dùng những phương pháp khác để giúp điều trị, rất khó khăn! Chẳng bằng dùng cách điều chỉnh cái tâm của chính mình, đấy là phương pháp hữu hiệu nhất. Thân thể của người ấy đã được điều chỉnh, nay chúng ta nói là *"biến đổi thể chất"*, khôi phục bình thường. Do đó, dung mạo và khí sắc của người ấy đều khác đi, điều này hết sức rõ rệt. Cổ nhân nói *"ưu năng sử nhân lão"* (ưu tư khiến người ta già sọm). Người nào nếu có ưu lự, phiền não, sẽ bị lão hóa rất nhanh chóng. Ngược lại, kẻ suốt ngày từ sáng đến tối hết sức hoan hỷ, vui sướng, chẳng dễ gì suy lão. Tâm tình người ấy vui sướng, cũng có thể nói là người ấy ít phiền ít não. Kẻ chẳng có phiền não không dễ già, người có phiền não rất dễ lão hóa.

Trong phần chú giải bộ kinh này, Liên Trì đại sư đã nói: "*Chuyên trì danh hiệu còn thù thắng hơn trì chú, mà cũng thù thắng hơn các chú khác, và cũng thù thắng hơn hết thảy các công đức khác"*. Mấy câu này đã nêu trọn hết lợi ích của việc nhất tâm trì danh. Trong Phật môn, chúng ta thường nghe nói: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*, chúng ta nghe rất quen thuộc, rốt cuộc vì sao chẳng bằng? Ở chỗ này, Liên Trì đã nói rõ. Lời Sao viết: *"Thiên tán trì danh"* (Riêng ca ngợi trì danh), [nghĩa là] tán thán chỗ lợi ích của Trì Danh. *"Nhất, thắng bổn chú giả"* (Thù thắng hơn chú này), *"bổn chú"* là chú Vãng Sanh, niệm danh hiệu Phật tốt hơn niệm chú Vãng Sanh. Vì sao? *"Dĩ chú vân: Tụng tam thập vạn biến, tắc kiến A Di Đà Phật, nhi trì danh, tắc nhất nhật nhất tâm, tức Phật hiện tiền cố"* (Do [trong kinh văn giảng về công đức của] chú đã nói: "Tụng ba mươi vạn biến bèn thấy A Di Đà Phật", thế mà trì danh, hễ một ngày nhất tâm, Phật liền hiện tiền). Niệm ba mươi vạn biến chú [Vãng Sanh] phải tốn thời gian rất dài, nhưng kinh Di Đà nói một ngày một đêm cho đến bảy ngày bảy đêm, người ấy liền thấy Phật. Có thể thấy là [niệm danh hiệu Phật] mạnh hơn chú Vãng Sanh khá nhiều! *"Hựu chú vân: Trú dạ lục thời, các tụng tam thất biến, năng diệt Ngũ Nghịch đẳng tội"* (Chú lại nói: "Ngày đêm sáu thời, trong mỗi thời đều tụng hai mươi mốt biến, có thể diệt các tội

như Ngũ Nghịch v.v…), *"ngày đêm sáu thời"* là hai mươi bốn giờ. Trong hai mươi bốn giờ, cứ mỗi hai giờ, quý vị bèn niệm chú [Vãng Sanh] hai mươi mốt lần. Cách mỗi hai giờ bèn niệm hai mươi mốt lần, một ngày một đêm niệm mười hai lần, ngày đêm chẳng thể gián đoạn, cứ hai tiếng đồng hồ bèn niệm hai mươi mốt lần. *"Nhi trì danh, tắc chí tâm niệm Phật nhất thanh, tức diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội cố"* (Nhưng trì danh, hễ chí tâm niệm Phật một tiếng bèn diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử). Công đức của chú Vãng Sanh làm sao có thể so với Phật hiệu cho được? Thua quá xa! *"Nhị, thắng dư chú giả"* (Hai, thù thắng hơn các chú khác), tất cả hết thảy các chú khác, kể cả những chú ngữ trong Mật Tông, đều chẳng bằng niệm Phật. Ở đây nói: *"Chuyên trì danh hiệu, tức đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú"* (Chuyên trì danh hiệu, chính là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, chú không có gì sánh bằng). Đó chính là Tâm Kinh tán thán thần chú đến mức cùng cực. *"Dĩ thập niệm tiện đắc vãng sanh, nhất sanh tiện đắc Bất Thoái, oai linh bất trắc, tư danh đại thần, dư khả lệ tri cố"* (Do mười niệm liền được vãng sanh, trong một đời bèn đắc Bất Thoái, oai linh chẳng thể lường, nên gọi là đại thần, những điều khác có thể suy ra mà biết). Câu A Di Đà Phật là đại thần chú. Sách Diễn Nghĩa giảng: *"Nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, kiến tự tánh, đại minh chú dã. Vãng sanh bỉ quốc, cứu cánh thành Phật, vô thượng chú dã. Chứng Vô Sanh Nhẫn, hồi nhập Sa Bà, phổ độ chúng sanh, vô đẳng đẳng chú dã"* (Nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, thấy tự tánh, nên là đại minh chú. Vãng sanh cõi ấy, thành Phật rốt ráo là vô thượng chú. Chứng Vô Sanh Nhẫn, trở về Sa Bà, phổ độ chúng sanh, là chú không gì sánh bằng).

Vì thế, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Người xác thực biết [điều này] quá ít. Thật sự biết thì vô lượng vô biên pháp môn bày ra trước mặt, tuyệt đối chẳng động tâm. Vì sao? Hiểu pháp môn này bao gồm hết thảy! Những pháp môn do quý vị đã nói, dẫu hay đến mấy đi nữa, [chỉ là] một cành, một lá của pháp môn tôi [đang tu tập], pháp môn của tôi thống nhiếp toàn bộ. Chẳng biết sự thù thắng của pháp môn này! Thật sự được gặp gỡ [pháp môn này], [thế mà] gặp người khác vừa khuyên, họ đã bỏ đi mất, đúng là đáng tiếc! Người hiện thời chẳng niệm kinh Di Đà, mà niệm kinh Địa Tạng, cứ tưởng kinh Địa Tạng vượt trỗi kinh A Di Đà, danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát vượt trỗi A Di Đà Phật, đó là lầm lẫn to lớn quá đỗi! Chỉ có thể nói là kẻ ấy ít thiện căn, ít phước đức,

ít nhân duyên. Pháp môn này cần phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, kẻ ấy chẳng có thiện căn to như vậy, bèn học pháp môn hạng nhì, pháp môn hạng ba, pháp môn hạng tư, chẳng có phần nơi pháp môn bậc nhất này! Phải nên đọc kỹ Sớ Sao, nghiêm túc đọc, quý vị sẽ thấu hiểu. Quý vị thật sự niệm nhuần nhuyễn, thấu suốt kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, và chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Thiện Đạo đại sư, tín tâm đối với pháp môn này sẽ tự nhiên chẳng hai, tín tâm kiên định, tuyệt đối chẳng hoài nghi, trong một đời này, chúng ta mới thật sự có thành tựu.

(Sao) Thử ngũ giả, diệc năng sử nhân xu nhập sanh tử, cố danh viết Sử. Giảo tiền, sảo vi trọng trệ, cố danh Độn Sử.

(Diễn) Giảo tiền, sảo vi trọng trệ giả, dĩ thử Ngũ Sử, dữ cảnh tương đối, phương đắc sanh khởi, bất đồng Ngũ Lợi tài xúc tức sanh, cơ vi tấn tật cố.

(鈔)此五者，亦能使人趨入生死，故名曰使。較前稍為重滯，故名鈍使。

(演)較前稍為重滯者。以此五使。與境相對方得生起。不同五利纔觸即生。幾微迅疾故。

*(**Sao**: Năm điều này cũng có thể khiến cho người ta tiến nhập sanh tử, vì thế gọi là Sử. So với [năm món Sử] trước thì hơi nặng nề, chậm chạp hơn, nên gọi là Độn Sử.*

***Diễn**: "So với [năm món Sử] trước thì hơi nặng nề, chậm chạp hơn": Do năm món Sử này phải đối ứng với cảnh thì mới có thể sanh khởi, chẳng giống như năm món Lợi Sử trước đó, vừa tiếp xúc bèn sanh khởi, vi tế, nhạy bén hơn).*

Chúng chẳng mạnh mẽ, lanh lợi như những món Sử trước, nhưng năm thứ này cũng là nhân tố căn bản của sanh tử luân hồi trong lục đạo. Chúng ta thường nói *"Kiến Tư phiền não"*, Kiến là Kiến Trược trong phần trước, Tư là Phiền Não Trược ở chỗ này.

(Sao) Quảng chi giả, vị hợp ngũ lợi, vi thập phiền não.

(鈔)廣之者，謂合五利，為十煩惱。

*(**Sao**: Nói rộng ra thì [năm Độn Sử] gộp chung với năm Lợi Sử, thành mười phiền não).*

Nếu kinh nói *"thập phiền não"* thì là hai loại này, hoặc nói Thập Sử, hoặc nói Kiến Tư phiền não, đều là nói đến những điều này.

(Sao) Hựu phân chi vi cửu thập bát, gia Thập Triền, thành bách bát phiền não.

(Diễn) Phân chi vi cửu thập bát giả, Kiến Hoặc hữu bát thập bát, dĩ tiền Thập Sử, lịch tam giới, Tứ Đế hạ tăng giảm bất đồng, thành bát thập bát. Vị Dục Giới Khổ thập sử cụ túc, Tập, Diệt các thất sử, trừ Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ. Đạo Đế bát sử, trừ Thân Kiến, Biên Kiến. Tứ Đế hạ, hợp vi tam thập nhị, thượng nhị giới Tứ Đế hạ, dư giai như Dục Giới, chỉ ư mỗi Đế hạ trừ sân sử cố, nhất giới các hữu nhị thập bát. Nhị giới hợp vi ngũ thập lục, tịnh tiền tam thập nhị, hợp vi bát thập bát. Cánh gia Tư Hoặc thập sử, vị Dục Giới tham, sân, si, mạn, thượng nhị giới tham, si, mạn, cộng vi cửu thập bát dã.

(鈔)又分之為九十八，加十纏，成百八煩惱。

(演)分之為九十八者。見惑有八十八。以前十使。歷三界四諦下增減不同。成八十八。謂欲界苦十使具足。集滅各七使。除身見邊見戒取。道諦八使除身見邊見。四諦下。合為三十二。上二界四諦下。餘皆如欲界。只於每諦下除瞋使故。一界各有二十八。二界合為五十六。并前三十二。合為八十八。更加思惑十使。謂欲界貪瞋痴慢。上二界貪痴慢。共為九十八也。

*(**Sao**: Lại chia ra thì là chín mươi tám thứ, thêm Thập Triền vào bèn thành một trăm lẻ tám phiền não.*

***Diễn**: "Chia thành chín mươi tám thứ": Kiến Hoặc có tám mươi tám món, do mười món Sử trên đây, xét theo ba cõi và Tứ Đế, sẽ có sự tăng giảm khác biệt, nên thành tám mươi tám món. Nghĩa là Khổ Đế trong Dục Giới có đủ mười món Sử, Tập Đế và Diệt Đế, mỗi Đế đều có bảy Sử, tức là trừ Thân Kiến, Biên Kiến, và Giới Thủ Kiến ra. Đạo Đế có tám Sử, tức là trừ Thân Kiến và Biên Kiến. Như vậy là xét theo Tứ Đế [trong Dục Giới], có ba mươi hai món Sử (10 món Sử của Khổ Đế + 7 món Sử của Tập Đế + 7 món Sử của Diệt Đế + 8 món Sử của Đạo Đế = 32 món Sử trong Dục Giới). Đối với hai cõi trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), các món Sử thuộc Tứ Đế đều như trong Dục Giới, chỉ là trong mỗi Đế trừ đi Sân Sử (ba mươi hai món Sử trừ đi bốn món Sân Sử của*

Tứ Đế), cho nên mỗi cõi có hai mươi tám món Sử. [Do vậy], hai cõi (Sắc Giới và Vô Sắc Giới) hợp thành năm mươi sáu món Sử (2 cõi x 28 món Sử = 56 món Sử), cộng với ba mươi hai món Sử trong phần trên (tức ba mươi hai món Sử của Dục Giới), hợp thành tám mươi tám món Sử (56+32=88), lại cộng thêm mười món Sử thuộc Tư Hoặc, tức là [cộng thêm] tham, sân, si, mạn trong Dục Giới và tham, si, mạn từ hai cõi trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), cho nên cộng thành chín mươi tám món Sử).

Chín mươi tám món phiền não cộng thêm Thập Triền[84], một trăm lẻ tám món phiền não do đây mà có. Mọi người xem chú giải trong sách Diễn Nghĩa [sẽ biết chi tiết].

(Sao) Hựu tế thôi chi, tắc bát vạn tứ thiên, nãi chí Hằng sa, đa đa vô lượng.

(Diễn) Tế thôi tắc bát vạn tứ thiên giả, dĩ thập sử hỗ cụ thành nhất bách, lịch thập pháp giới thành nhất thiên, thân khẩu thất chi vi thất thiên, tam thế cộng thành nhị vạn nhất, tứ tâm các cụ nhị vạn nhất, cộng thành bát vạn tứ thiên số, dĩ bát vạn tứ thiên luật nghi đối trị chi, tắc thành bát vạn tứ thiên pháp môn.

(鈔)又細推之，則八萬四千，乃至恆沙，多多無量。

(演)細推則八萬四千者。以十使互具成一百。歷十法界成一千。身口七支為七千。三世共成二萬一。四心各具二萬一。共成八萬四千數。以八萬四千律儀對治之。則成八萬四千法門。

*(**Sao**: Lại mở rộng chi tiết hơn, sẽ là tám vạn bốn ngàn, cho đến Hằng sa, nhiều đến vô lượng.*

***Diễn**: "Mở rộng chi tiết hơn, sẽ là tám vạn bốn ngàn": Do Thập Sử phối hợp lẫn nhau thành một trăm (nghĩa là mỗi món Sử có đủ mười món Sử kia, nên 10x10=100), trải qua mười pháp giới thành một ngàn*

---

[84] Thập Triền (十纏) là mười món phiền não phát sanh từ Tam Độc, nói đầy đủ là Vô Tàm (無慚: không biết tự hổ thẹn), Vô Quý (無愧: không biết xấu hổ đối với người khác), Tật (嫉: ganh ghét), Xan (慳: keo kiệt), Hối (悔: hay nghi ngờ, hối tiếc), Thùy Miên (睡眠: ngủ nghê), Điệu Cử (掉舉: lao chao), Hôn Trầm (昏沉), Sân Phẫn (瞋忿: giận dữ), và Phú (覆: giấu giếm). Nếu xét theo bản chất, những phiền trược này đều xuất phát từ tham, sân, si, ngạo mạn, nên sách Diễn Nghĩa mới nói là mười món Tư Hoặc tham, sân, si, mạn.

(100 món Sử x 10 pháp giới=1.000), phối ứng với bảy chi của thân và khẩu (giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu) thành bảy ngàn (1.000x7=7.000), ứng với ba đời thành hai vạn một ngàn món (7.000x 3=21.000), do bốn tâm[85]*, mỗi tâm đều có đủ hai vạn một ngàn món, cộng thành con số tám vạn bốn ngàn (4x21.000=84.000). Dùng tám vạn bốn ngàn luật nghi để đối trị, nên thành tám vạn bốn ngàn pháp môn).*

Phiền não đúng là vô lượng vô biên.

(Sao) Lao phiền ngã tâm, bất đắc an ổn, nhiệt não ngã tâm, bất đắc thanh lương.

(鈔)勞煩我心，不得安穩，熱惱我心，不得清涼。

*(**Sao**: Nhọc phiền tâm ta, chẳng được an ổn, khiến tâm ta nóng nảy, bứt rứt, chẳng được thanh lương).*

Vì thế, gọi nó là phiền não. Cái tên *"phiền não"* do đó mà có.

(Sao) Hựu huyên phiền chi pháp, bức loạn tâm thần, sử chân minh bất lãng, cố danh phiền não.

(鈔)又喧煩之法，逼亂心神，使真明不朗。故名煩惱。

*(**Sao**: Lại là pháp phiền huyên náo, khiến cho tâm trí bị bức bách, rối loạn, khiến cho chân minh chẳng sáng suốt, nên gọi là phiền não).*

"Chân minh" là Chân Như bản tánh, trí huệ vốn có trong bản tánh chẳng thể hiện tiền, bị chúng nó chướng ngại. Danh từ [phiền não] ấy do từ chỗ này mà kiến lập. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 277

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm tám mươi:

---

[85] *"Bốn tâm"* ở đây là tham, sân, si và đẳng phần. *"Đẳng phần"* (等分) nghĩa là tham, sân, si cùng khởi lên một lúc.

(Sao) Tam Tai cảm triệu giả, tham cảm cơ cẩn, sân cảm đao binh, si cảm tật dịch, nãi chí thủy hỏa phong chi đại nạn, giai dĩ loại tùng, cố danh Trược dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân tất trí huệ, phi Phiền Não Trược cố.

(Diễn) Tam Tai cảm triệu giả, nhất Tiểu Tam Tai. Sơ cơ cẩn, nhân thọ giảm chí tam thập tuế thời, thiên bất giáng vũ, do đại hạn cố, thảo thái bất sanh, tư dục kiến thủy, thượng bất khả đắc, hà huống ẩm thực! Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, cơ cẩn tử giả, kỳ số vô lượng. Nhị tật dịch, nhân thọ giảm chí nhị thập tuế thời, hữu đại tật dịch, chủng chủng chư bệnh, nhất thiết giai khởi. Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, tật dịch tử giả, kỳ số vô lượng. Tam đao binh, nhân thọ giảm chí thập tuế thời, chư nhân các khởi đấu tranh, thủ chấp thảo mộc, tức thành đao thương, hỗ tương tàn hại. Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, đao binh tử giả, kỳ số vô lượng. Nhị Đại Tam Tai giả, nhất Hỏa Tai, vị ư kiếp hoại thời, hữu thất nhật xuất hiện, đại địa, Tu Di, tiệm tiệm băng hoại. Tứ đại hải thủy, tiệm tiệm tiêu tận. Đại thiên thế giới cập Sơ Thiền Thiên, giai tất đỗng nhiên, vô hữu di dư. Thị danh Hỏa Tai. Nhị Thủy Tai, vị Sơ Thiền dĩ hạ, thất phiên Hỏa Tai, hoại ư thế giới chi hậu, thế giới phục thành. Hựu ư hoại kiếp chi thời, tiệm giáng đại vũ, trích như xa trục, cánh kiêm địa hạ thủy luân, dũng phí thượng đẳng, đại thiên thế giới, nãi chí Nhị Thiền Thiên, thủy giai di mãn. Nhất thiết hoại diệt, như thủy tiêu diêm. Thị danh Thủy Tai. Tam Phong Tai, vị Nhị Thiền dĩ hạ, thất phiên Thủy Tai dĩ hậu, thế giới phục thành, hựu ư hoại kiếp chi thời, tùng hạ phong luân, hữu mãnh phong khởi, kiêm dĩ chúng sanh nghiệp lực tận cố, xứ xứ sanh phong. Đại thiên thế giới, nãi chí Tam Thiền Thiên, tất giai phiêu kích, đãng tận vô dư. Thị danh Phong Tai. Hựu phục đương tri, hỏa thiêu Sơ Thiền, hữu ngũ thập lục phiên, thủy yểm Nhị Thiền, hữu thất phiên, phong quát Tam Thiền, hữu nhất phiên. Hợp chi cộng lục thập tứ phiên dã.

(鈔)三災感召者，貪感饑饉，瞋感刀兵，痴感疾疫，乃至水火風之大難，皆以類從，故名濁也。反顯極樂國中，人悉智慧，非煩惱濁故。

(演)三災感召者。一小三災。初飢饉。人壽減至三十歲時。天不降雨。由大旱故。草菜不生。思欲見水尚不可得。何況飲食。以是因緣。世間人民飢饉死者。其數無

量。二疾疫。人壽減至二十歲時。有大疾疫。種種諸病一切皆起。以是因緣。世間人民疾疫死者。其數無量。三刀兵。人壽減至十歲時。諸人各起鬥爭。手執草木即成刀鎗。互相殘害。以是因緣。世間人民刀兵死者。其數無量。二大三災者。一火災。謂於劫壞時。有七日出現。大地須彌漸漸崩壞。四大海水漸漸消盡。大千世界及初禪天。皆悉洞然無有遺餘。是名火災。二水災。謂初禪以下。七番火災。壞於世界之後。世界復成。又於壞劫之時。漸降大雨。滴如車軸。更兼地下水輪。涌沸上騰。大千世界乃至二禪天。水皆彌滿。一切壞滅。如水消鹽。是名水災。三風災。謂二禪以下。七番水災以後。世界復成。又於壞劫之時。從下風輪有猛風起。兼以眾生業力盡故。處處生風。大千世界乃至三禪天。悉皆飄擊。蕩盡無餘。是名風災。又復當知火燒初禪。有五十六番。水渰二禪有七番。風刮三禪有一番。合之共六十四番也。

*(**Sao**: "Tam Tai cảm vời": Tham cảm vời sự đói kém, sân cảm vời binh đao, si cảm vời bệnh dịch. Cho đến các tai nạn lớn như nước, lửa, gió, đều do những phiền não tương ứng mà sanh ra. Vì thế, gọi là Trược. Nêu rõ sự tương phản: Trong cõi Cực Lạc, ai nấy đều có trí huệ, chẳng phải là Phiền Não Trược.*

***Diễn**: "Tam Tai cảm vời": Một là Tiểu Tam Tai. Thứ nhất là đói kém, khi con người chỉ còn thọ ba mươi tuổi, trời chẳng đổ mưa. Do vậy bị hạn hán to, cây cỏ chẳng mọc. Nghĩ mong thấy nước còn chưa thể được, huống là ăn uống! Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì đói khát, số đến vô lượng. Hai là bệnh dịch, khi tuổi thọ con người giảm xuống còn hai mươi tuổi, có bệnh dịch lớn. Hết thảy các thứ bệnh tật đều cùng dấy lên. Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì bệnh dịch, số đến vô lượng. Ba là đao binh, khi tuổi thọ con người giảm đến mười tuổi, mọi người ai nấy dấy lòng tranh đấu. Cây cỏ cầm trong tay liền biến thành đao, thương, tàn hại lẫn nhau. Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì đao binh, số đến vô lượng. Thứ hai là Đại Tam Tai. Một là Hỏa Tai, nghĩa là lúc kiếp hoại, có bảy mặt trời xuất hiện. Đại địa, núi Tu Di dần dần băng hoại, nước trong*

bốn biển cả dần dần cạn khô. Đại thiên thế giới cho đến trời Sơ Thiền đều rỗng tuếch, chẳng còn sót gì. Đó gọi là Hỏa Tai. Hai là Thủy Tai, nghĩa là từ trời Sơ Thiền trở xuống, bảy phen gặp Hỏa Tai. Thế giới sau khi đã hư hoại, lại khôi phục. Lại vào lúc Hoại Kiếp, dần dần đổ mưa to, giọt mưa to như trục bánh xe. Lại còn Thủy Luân ở dưới mặt đất, dâng vọt trào lên trên. Đại thiên thế giới cho đến trời Nhị Thiền, đều tràn ngập nước. Hết thảy hoại diệt, như nước hòa tan muối. Đó gọi là Thủy Tai. Ba là Phong Tai, nghĩa là từ trời Nhị Thiền trở xuống, sau bảy phen Thủy Tai, thế giới lại khôi phục. Lại vào thời Hoại Kiếp, từ Phong Luân ở phía dưới [đại địa], có gió mạnh dấy lên. Lại do nghiệp lực của chúng sanh, gió nổi khắp nơi. Đại thiên thế giới, cho đến trời Tam Thiền, thảy đều bị gió vùi dập, tan nát hết sạch, chẳng còn sót gì. Đó là Phong Tai. Lại còn nên biết: Lửa cháy tới trời Sơ Thiền có năm mươi sáu lần, nước ngập tới trời Nhị Thiền bảy lần, gió trùm tới trời Tam Thiền một lần. Tính gộp chung là sáu mươi bốn lần [tai họa]).

Trong đoạn khai thị này, đại sư đã nêu bày minh bạch. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *"Y báo chuyển theo chánh báo"*. Chánh báo là lòng người. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Hoàn cảnh sống thiện hay ác, trên thực tế, lệ thuộc lòng người. Lòng người thiện, bèn cảm vời mưa hòa, gió thuận. Lòng người bất thiện, cảm vời Tam Tai Thủy, Hỏa, Phong. Đạo lý này, trừ Phật pháp ra, trong những nơi khác, bất luận là triết học hay khoa học, cho đến tôn giáo, đều vẫn chưa thể phát hiện. Vì thế, từ xưa tới nay, bất luận là Trung Hoa hay ngoại quốc, đối với những tai nạn tự nhiên, vĩnh viễn chẳng tìm thấy một phương pháp đối trị vì chẳng hiểu các tai nạn ấy từ đâu sanh ra. Nói là *"do lòng người cảm ứng"*, rất nhiều kẻ trong hiện thời chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng. Họ nói chúng ta mê tín Phật pháp. Chúng ta cũng có thể chê ngược lại là họ mê tín khoa học. Rốt cuộc, ai mê, ai chẳng mê? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng đạo lý cảm ứng rất rõ ràng. Đối với những tai nạn ấy, ba câu trước nói về Tiểu Tam Tai, các đại nạn nước, lửa, gió trong phần sau là Đại Tam Tai. Sách Diễn Nghĩa đã chú giải [cặn kẽ]. Đối với *"đao binh kiếp"* trong Tiểu Tam Tai như kinh dạy, *"đao binh"* (刀兵) là chiến tranh, [kéo dài] bảy ngày bảy đêm. Tiếp theo đó sẽ là *"tật dịch"* (疾疫), tức tật bệnh, ôn dịch, bảy tháng lẻ bảy ngày, lại tiếp theo đó là *"cơ cẩn"* (饑饉), [tức là] nạn đói kém suốt bảy năm bảy tháng.

Đức Phật nói kiểu này, trước kia, người ta thật sự chẳng hiểu, chẳng có cách nào lý giải, nay thì chúng ta đã hiểu rõ. Chư vị phải biết: Đại chiến thế giới lần thứ ba chính là Tiểu Tam Tai. Thời gian chiến tranh sẽ chẳng rất dài. Đúng là bảy ngày bảy đêm, chiến tranh bằng vũ khí nguyên tử mà! Sau khi chiến tranh kết thúc, bụi phóng xạ đầy ắp không trung, rơi xuống chỗ nào, người nơi ấy sẽ tử vong, bị bệnh vì nhiễm phóng xạ, phải mất nửa năm, hoặc bảy tháng bảy ngày, có thể vượt qua được thì người ấy coi như thoát khỏi một tai kiếp. Nếu không vượt qua được, chẳng có cách nào hết! Phàm là bom nguyên tử nổ ở chỗ nào, hoặc là nơi bị ô nhiễm bởi một số lượng lớn bụi phóng xạ, cỏ cây chẳng mọc được! Sau bảy năm bảy tháng, mặt đất mới có thể mọc cỏ. Đức Phật nói Tiểu Tam Tai, chính là thế gian này phát sanh chiến tranh vũ khí nguyên tử, Ngài nói đến sự kiện ấy.

Hai mươi năm trước, tôi đến thăm Trường Kỳ (Nagasaki, 長崎) và Quảng Đảo (Hiroshima, 廣島), lúc ấy vừa đúng tám năm [sau khi hai nơi ấy bị dội bom nguyên tử], mặt đất mới mọc cây cỏ. Tôi thấy tình hình ấy, bỗng dưng nghĩ tới Tiểu Tam Tai được nói trong kinh Phật, vỡ lẽ: Vốn là chuyện như thế đó, hết sức đáng sợ! Hiện thời, người phương Tây thường có tư tưởng rất ngờ nghệch, cho rằng mỗi quốc gia đều có thể chế tạo vũ khí nguyên tử, thế lực về phương diện vũ khí hạch nhân sẽ cân bằng, chiến tranh chẳng thể bùng nổ được! Họ liều mạng phát triển vũ khí nguyên tử, còn nói sẽ chẳng phát sanh chiến tranh. Mọi người đều biết: Cuộc chiến tranh ấy là cuộc chiến mang tánh chất hủy diệt, là cuộc chiến tranh chẳng có thua hay thắng, là một loại chiến tranh cùng nhau chết sạch! Đương nhiên, kẻ có đầu óc rất tỉnh táo, thần trí bình thường, sẽ chẳng phát động, nhưng trong thế giới hiện thời, chúng ta lắng lòng quan sát, sẽ thấy rất đáng sợ. Vì sao? Có chẳng ít kẻ bất bình thường, nếu trong tay kẻ bất bình thường có vũ khí nguyên tử, sẽ rắc rối to lớn! Rất có thể là sẽ thấy tai nạn này xảy ra trong một đời này của chúng ta!

Chúng ta nhìn vào xã hội hiện tại và lòng người hiện thời, Tam Độc phiền não tham, sân, si chẳng giảm thiểu, mỗi năm một tăng trưởng, tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn, quả báo sẽ là Tam Tai. Mắt thấy Tam Tai ngày một gần hơn, chẳng biết phát sanh lúc nào, hết sức đáng sợ! Con đường sống sót duy nhất của chúng ta là buông xuống vạn duyên, thật thà niệm Phật. Không chỉ là niệm Phật, mà còn phải toàn tâm toàn lực khuyên mọi người niệm Phật. Người niệm Phật đông đảo, dẫu chẳng thể tiêu trừ kiếp nạn này, nhưng chúng ta có thể tin tưởng kiếp nạn này

sẽ giảm nhẹ, [bởi lẽ] trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp. Nay chúng ta đã hiểu minh bạch, hiểu rõ ràng: Trong các pháp của mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, Niệm Phật Vãng Sanh Tịnh Độ là pháp môn bậc nhất. Trong nhiều năm qua, coi như là chúng ta thấy rõ ràng, thấy minh bạch điều này, tạm thời những kinh luận và pháp môn khác đều buông xuống hết. Chẳng phải là những pháp ấy không hay, nhưng chúng không cứu vãn kịp chứng bệnh trong hiện thời. Chỉ có mình bộ kinh này và pháp môn này là có thể cứu giúp trong cơn ngặt nghèo! Nhất định là phải tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian hãy buông xuống, chớ nên ghim trong lòng, hãy buông xuống từ trong tâm. Nếu chính mình còn có chút năng lực, hãy làm nhiều chuyện tốt đẹp. Nếu không, trong tương lai, Tam Tai hiện tiền, mong làm chuyện tốt sẽ chẳng còn có cơ hội nữa. Để làm chuyện tốt, cũng phải nắm bắt cơ hội! Tới khi ấy, mong làm chuyện tốt, chẳng còn có cơ hội nữa, đó mới là thật sự đáng tiếc, thật sự đáng than thở! Trong hiện tại, khi thân thể chúng ta khỏe mạnh, đầu óc rất sáng suốt, khi hãy còn có một chút phước báo nhỏ nhoi, phải nghiêm túc nỗ lực.

Chiến tranh, ôn dịch, đói kém là do nghiệp lực cảm vời, do tham, sân, si cảm vời. Đại Tam Tai cũng là do ba thứ nghiệp ấy cảm thành, đương nhiên càng phải nặng nề hơn so với hiện thời. Trong chú giải có [đề cập] Đại Tam Tai, gần như là đến khi đại kiếp sắp tận. Trong một đại kiếp, có bốn trung kiếp, tức là Thành, Trụ, Hoại, Không. Khi Hoại Kiếp bắt đầu, [Đại Tam Tai] sẽ hiện tiền vào khi ấy. Khi nhân loại tham, sân, si đạt tới tột đỉnh, thế giới này sẽ hoại. Từ chỗ này, chúng ta có thể liên tưởng: Thành, Trụ, Hoại, Không của thế giới này đều do nghiệp lực của chúng sanh biến hiện. Thế giới này chẳng phải là do Thượng Đế sáng tạo, chẳng phải là do Phật, Bồ Tát tạo ra, mà là do cộng nghiệp của chúng ta cảm vời, do nghiệp lực biến hiện.

(Diễn) Giai dĩ loại tùng giả, sân cảm Hỏa Tai, tham cảm Thủy Tai, si cảm Phong Tai.

(演)皆以類從者，瞋感火災，貪感水災，痴感風災。

*(**Diễn**: "Đều do một loại phiền não mà sanh ra": Sân cảm Hỏa Tai, tham cảm Thủy Tai, si cảm Phong Tai).*

Tướng của Si là tướng động, nó chẳng phải là tĩnh lặng. Si là vô

minh. Đức Phật bảo chúng ta: Hỏa Tai trong Đại Tam Tai có thể cháy tới Sơ Thiền Thiên, toàn bộ sáu tầng trời của Dục Giới đều hủy hoại. Dục Giới chẳng còn nữa, cho đến tầng trời Sơ Thiền cũng bị hủy hoại. Thủy Tai có thể ngập đến Nhị Thiền Thiên, Phong Tai có thể thổi hư nát Tam Thiền Thiên. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị ngẫm xem, Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, người có công phu định lực khá sâu mới có thể sanh đến những nơi ấy. Người tu Thiền Định trong hiện thời, dẫu tu thành công, sanh lên Sơ Thiền, Nhị Thiền, hoặc Tam Thiền, vẫn chẳng tránh khỏi gặp nạn Tam Tai. Mãi cho đến Đệ Tứ Thiền Thiên mới là ổn thỏa, chẳng gặp Tam Tai. Vì thế, Đệ Tứ Thiền Thiên gọi là Phước Thiên, thật sự có phước báo.

Tuy [Đệ Tứ Thiền Thiên] chẳng có Tam Tai, nhưng chư vị phải hiểu: Tứ Thiền và Tứ Không[86] vẫn có thọ mạng. Thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa lạc xuống dưới. Vì thế, Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều chẳng phải là rốt ráo, phải biết điều này. Nếu sanh về đó, tốn nhiều công tu Định, tu Thập Thiện, tu Tứ Vô Lượng Tâm, đạt được quả báo trọn chẳng phải là viên mãn rốt ráo. Vì thế, hết thảy chư Phật khuyên dạy chúng ta: Nhất định phải cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ, nói thật ra, chúng ta sử dụng công phu [đỡ tốn sức] hơn sanh lên Sơ Thiền Thiên rất nhiều! Điều này cho thấy: Sanh về Tịnh Độ dễ dàng, sanh lên Sơ Thiền Thiên khó khăn. Không chỉ là sanh lên Sơ Thiền Thiên khó khăn, mà sanh vào Đao Lợi Thiên trong Dục Giới Thiên đều chẳng dễ dàng. Vì thế, pháp môn này được gọi là *"pháp khó tin"* là có lý. Há lẽ nào [sanh về nơi có] quả báo thù thắng viên mãn như vậy lại dễ hơn sanh về Đao Lợi Thiên? Thật đấy, chẳng giả đâu nhé!

Đó gọi là Trược, trược ác, Ngũ Trược ác thế. Phơi bày sự tương phản: Tây Phương Cực Lạc thế giới *"nhân tất trí huệ"* (ai nấy đều có trí huệ). Người có trí huệ bèn chẳng có tâm tham. Có trí huệ bèn chẳng có sân khuể, ganh tỵ. Nếu chúng ta còn có tâm tham, tâm sân khuể, quý vị phải ghi nhớ, chẳng có trí huệ! Người thật sự có trí huệ, chẳng có tham,

---

[86] Tứ Không chính là bốn cõi trời thuộc Vô Sắc Giới Thiên bao gồm Không Vô Biên Xứ Thiên (Ākāśānantyāyatana), Thức Vô Biên Xứ Thiên (Vijñānānantyāyatana), Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākiṃcanyāyatana), và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (Naivasaṃjñānā Saṃjñāyatana). Tứ Thiền Thiên bao gồm chín tầng trời thuộc Sắc Giới Thiên là Vô Vân (Anabhraka), Phước Sanh (Puṇyaprasava), Quảng Quả (Bṛhatphala), Vô Phiền (Atapa), Vô Nhiệt (Avṛha), Thiện Kiến (Sudarśana), Thiện Hiện (Sudṛśa), Sắc Cứu Cánh (Akaniṣṭha), cộng thêm Vô Tưởng Thiên (Asaññasatta).

sân, si, trí huệ mới hiện tiền. *"Phi Phiền Não Trược"* (Chẳng phải là Phiền Não Trược), người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tham, sân, si. Vì vậy, thế giới ấy không chỉ là chẳng có Đại Tam Tai, mà ngay cả Tiểu Tam Tai cũng chẳng có.

(Sớ) Chúng Sanh Trược giả, nhất vân A Hàm tam nghĩa vi Thể, hựu vân lãm Ngũ Ấm, kiến, mạn, quả báo vi Thể. Ác danh uế xưng, tức kỳ tướng dã.

(疏)眾生濁者，一云阿含三義為體，又云攬五陰見慢果報為體，惡名穢稱，即其相也。

*(**Sớ**: Chúng Sanh Trược (Sattvakaṣāya): Một thuyết nói là dùng ba nghĩa trong kinh A Hàm để làm Thể [của Chúng Sanh Trược]. Lại nói: Hòa hợp Ngũ Ấm, kiến, mạn, quả báo để làm Thể. Danh xưng xấu bẩn chính là tướng của nó vậy).*

Trong Phật môn thường nghe nói theo hai cách này. Trong pháp Đại Thừa, ý nghĩa thứ hai được nói nhiều hơn.

(Sao) Tam nghĩa giả, A Hàm kinh vân: Nhất giả, kiếp sơ Quang Âm hạ sanh; nhị giả, lãm chúng Ấm nhi sanh; tam giả, xứ xứ thọ sanh. Cố vân chúng sanh.

(鈔)三義者，阿含經云：一者，劫初光音下生；二者，攬眾陰而生；三者，處處受生，故云眾生。

*(**Sao**: "Ba nghĩa" là như kinh A Hàm nói: Một là thuở kiếp sơ, [chúng sanh từ] cõi trời Quang Âm hạ sanh. Hai là do Ngũ Ấm hòa hợp sanh ra. Ba là thọ sanh trong các chỗ [thuộc sáu đường], nên gọi là "chúng sanh").*

Đức Phật dạy điều này trong kinh A Hàm.

1) Thứ nhất, *"kiếp sơ"* (劫初) là nói đến Thành Kiếp (成劫), tức là thế giới này đã thành tựu, [trong bốn trung kiếp] Thành, Trụ, Hoại, Không, Thành Kiếp là *"kiếp sơ"*. Trên thế giới này, thuở ban đầu không có ai, con người từ đâu đến? Con người từ Quang Âm Thiên hạ sanh. Hiện thời, bên ngoại quốc, rất nhiều nhà khoa học đồng ý với cách nói này. Họ chẳng nói là Quang Âm Thiên, mà nói là "người từ ngoài vũ trụ". Họ lại còn tìm thấy khá nhiều chứng cứ khoa học [chứng tỏ] con

người từ ngoài không gian đến địa cầu này. Có thể là sau khi đã đến đây, công cụ phi hành của họ bị trục trặc, chẳng trở về được nữa. Sau đấy, họ ở lại địa cầu, đó là tổ tiên của nhân loại. Vào thuở ấy, địa cầu là một vùng hoang phế, phương thức sống của họ cũng chẳng khác các loài dã thú cho mấy! Kinh Phật cũng nói theo kiểu như vậy: [Con người] từ Quang Âm Thiên [hạ sanh]. Quang Âm Thiên là Nhị Thiền Thiên, người từ trời Nhị Thiền đến nơi này.

2) Thứ hai, *"lãm chúng Ấm nhi sanh"* (hòa hợp các Ấm mà sanh); đấy là nói theo Lý. Điều thứ nhất trong phần trước là nói nhân loại rốt cuộc từ đâu tới? Nhân loại sanh ra như thế nào? *"Lãm chúng Ấm"* (Hòa hợp các Ấm), *"chúng Ấm"* là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thân thể hiện thời của chúng ta, tất cả hết thảy động vật, nói theo Phật pháp là *"hữu tình chúng sanh"*, đều do Ngũ Ấm hòa hợp hiện ra thân tướng.

3) Thứ ba là *"xứ xứ thọ sanh"* (thọ sanh trong các chỗ). Chữ *"xứ xứ"* (處處) chỉ lục đạo. Lục đạo không chỉ ở trên địa cầu này, phạm vi của nó là một tam thiên đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới có mười ức đơn vị thế giới (một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới). Có những vị Phật khi đã thành Phật, khu vực giáo hóa của Ngài là hai đại thiên thế giới, hoặc ba đại thiên thế giới, cho đến mười mấy đại thiên thế giới, chẳng giống nhau! Một vị Phật trước khi thành Phật, kết pháp duyên rộng rãi cùng chúng sanh, sau khi thành Phật, khu vực giáo hóa bèn rộng rãi. Kết duyên ít, khu vực giáo hóa bèn nhỏ. *"Xứ xứ thọ sanh"* là nói rõ chúng ta chẳng có năng lực vượt thoát lục đạo, tức là chẳng có năng lực vượt thoát đại thiên thế giới này. Nói cách khác, không gian hoạt động của chúng ta là trong mười ức hệ Ngân Hà. Hiện thời, dân cư trên địa cầu tăng mạnh, những người ấy từ đâu tới? Từ các tinh cầu khác đầu thai đến đây. Hiện thời, bên ngoại quốc, dùng phương pháp thôi miên khiến cho người được thôi miên nói ra đời trước của họ (ngôn ngữ và văn tự [do họ sử dụng trong lúc bị thôi miên] hoàn toàn khác với chúng ta), rất nhiều người là từ các tinh cầu khác đến. Điều này cũng được chứng minh. Loài người chúng ta ở nơi này sau khi chết đi, cũng có thể đến tinh cầu khác đầu thai. Do vậy, đại thiên thế giới này chính là không gian sống của bọn phàm phu chúng ta, tức là những chúng sanh chưa đoạn tham, sân, si, mạn. Nếu vượt thoát lục đạo luân hồi, sẽ vượt thoát đại thiên thế giới, thường gọi là *"tận hư không khắp pháp giới"*, phạm vi hoạt động bèn rộng lớn.

Nói theo pháp Đại Thừa, hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh

khởi được gọi là *"chúng sanh"*. Định nghĩa này bao gồm động vật, thực vật, và khoáng vật, cho đến các hiện tượng tự nhiên. *"Duyên"* là điều kiện, *"chúng duyên hòa hợp"* là khá nhiều điều kiện [kết hợp lại]. Kinh Hoa Nghiêm nói, lớn như hư không, nhỏ như vi trần, đều do vô lượng nhân duyên thành tựu. Các duyên ấy chẳng đơn giản, chẳng đơn thuần, mà hết sức phức tạp. Kinh Hoa Nghiêm giảng chuyện này đích xác là có đạo lý rất sâu, chúng ta càng nghĩ, càng thấy chân thật; càng nghĩ, càng cảm thấy kinh dạy hợp tình hợp lý. Một vi trần tuy bé, thế giới tuy to, chúng được thành tựu phức tạp giống hệt như nhau. Đối với mức độ phức tạp ấy, tuyệt đối chẳng thể nói là thế giới [phức tạp] nhiều hơn một chút, vi trần ít hơn một chút, chẳng có chuyện ấy! Kinh Hoa Nghiêm nói *"một và nhiều chẳng hai"*. Bản thân mỗi người chúng ta biết vũ trụ rất phức tạp, thế giới rất phức tạp, sự phức tạp của vọng niệm trong đầu óc chúng ta hoàn toàn tỷ lệ thuận với sự phức tạp ấy (sự phức tạp của thế giới và vũ trụ). Đây là sự thật ngàn muôn phần xác thực. Đó gọi là *"các duyên hòa hợp mà sanh"*, nên gọi là *"chúng sanh"*. Các duyên hết sức phức tạp, [đức Phật] quy nạp chúng thành năm loại lớn, tức là Ngũ Ấm. Giới thiệu và thuyết minh như vậy thì sẽ thuận tiện hơn!

(Sao) Ngũ Ấm, tức Sắc, Thọ đẳng.
(鈔)五陰，即色受等。
*(**Sao**: Ngũ Ấm chính là Sắc, Thọ v.v...)*

Ngũ Ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều này được kinh Đại Thừa, đặc biệt là kinh Bát Nhã giảng hết sức nhiều. Nay chúng ta gọi Sắc trong Ngũ Uẩn là "vật chất". Chúng ta chia hết thảy các pháp thành hai loại lớn: Một loại là vật chất, loại kia là tinh thần. Đấy là cách phân loại hiện thời. Phật pháp cũng chia theo cách như vậy, tức là chia [các pháp] thành Sắc và Tâm. Sắc (Rūpa) là vật chất, Tâm (Citta) là tinh thần. Đức Phật lại chia tâm pháp thành bốn loại: Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

1) Thọ (受, Vedanā) có nghĩa là cảm nhận, lãnh nạp. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, gặp cảnh giới vừa lòng bèn có cảm nhận vui sướng, thoải mái. Gặp cảnh trái ý, sẽ có cảm nhận chán ghét. Loại này được gọi là Thọ, tức là cảm giác khi quý vị tiếp xúc. Đó là Thọ.

2) Tưởng (想, Samjñā) là ý niệm, nay chúng ta nói tới kiến giải

hoặc tư tưởng, chúng đều gộp trong loại này. Đấy cũng là nói tới cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta đối với vũ trụ và nhân sinh. Loại này thuộc về tâm lý.

3) Thứ ba là Hành (行, Samskāra), mang ý nghĩa "chẳng trụ", cũng có nghĩa là nó chẳng ngừng. Người thế gian thường nói *"thanh xuân chẳng còn mãi, chẳng giữ được"*. Đó chính là ý nghĩa của Hành. Hành là mỗi niệm đều dời đổi, biến hóa trong mỗi niệm, chẳng dừng nghỉ.

4) Thức (識, Vijñāna) là bản thể của Tâm. Ba loại trước là tác dụng của cái tâm.

(Sao) Kiến giả, hoành kế chủ tể vi Kiến Ngã.

(Diễn) Hoành kế chủ tể vi kiến Ngã giả, "hoành kế" vị hoành sanh kế độ. Chủ tể tức Ngã Chấp dã. Thử tức Phân Biệt Ngã Chấp. Duy Thức vân: Phân Biệt Ngã Chấp thị do hiện tại ngoại duyên lực cố, phi dữ thân câu. Yếu đãi tà giáo, cập tà phân biệt, nhiên hậu phương khởi. Cố danh Phân Biệt, duy tại đệ lục ý thức trung hữu thị dã. Kiến Ngã, như kế "tức Sắc thị Ngã, ly Sắc thị Ngã, Ngã đại Sắc tiểu, Sắc tại Ngã trung, Sắc đại Ngã tiểu, Ngã tại Sắc trung đẳng". Thử tùng tà sư huấn hối, nhi thành Phân Biệt Ngã dã.

(鈔)見者，橫計主宰為見我。

(演)橫計主宰為見我者。橫計謂橫生計度。主宰即我執也。此即分別我執。唯識云。分別我執。是由現在外緣力故。非與身俱。要待邪教。及邪分別然後方起。故名分別。唯在第六意識中有是也。見我。如計即色是我。離色是我。我大色小。色在我中。色大我小。我在色中等。此從邪師訓誨。而成分別我也。

*(**Sao**: Kiến: Ngang ngạnh nẩy sanh Ngã Chấp, đó là Kiến Ngã (cái Ngã hư vọng nẩy sanh do kiến giải sai lầm).*

***Diễn**: "Hoành kế chủ tể vi kiến Ngã": "Hoành kế" là ngang ngược nẩy sanh sự so đo. "Chủ tể" là Ngã Chấp. Đây chính là Phân Biệt Ngã Chấp. Duy Thức nói Phân Biệt Ngã Chấp là do sức của ngoại duyên trong hiện tại, chẳng phải là bẩm sinh, phải chờ đến sau khi được dạy dỗ tà vạy và do phân biệt tà vạy thì nó mới sanh khởi. Vì thế, gọi là Phân Biệt. Chấp trước này chỉ tồn tại trong ý thức, tức thức thứ sáu.*

"Kiến Ngã" là so đo "Sắc chính là Ngã, lìa Sắc là Ngã, Ngã lớn Sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã, Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc" v.v... Những điều này đều do tà sư dạy dỗ mà thành phân biệt Ngã).

Trong hết thảy các kiến giải sai lầm, có hai điều nghiêm trọng nhất, khiến cho chúng ta bị vây hãm chặt chẽ trong sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể xuất ly. Một là Kiến Ngã, hai là Mạn Ngã. Hai thứ này là chấp trước kiên cố. *"Hoành kế"* (橫計): *"Kế"* (計) là so đo, phân biệt, *"hoành"* (橫) là chẳng có lý do, chẳng có căn cứ, nhưng cứ khăng khăng chấp trước như thế. Chấp trước thân này là Ta, Ta là chúa tể. Đó là sai lầm. Phật pháp nói Vô Ngã. Vô Ngã là để phá chấp trước này, phá Thân Kiến, phá Ngã Kiến.

Kinh Kim Cang nói: *"Bồ Tát có Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến thì chẳng phải là Bồ Tát"*. Chủ yếu nhất là Ngã Kiến, ba thứ sau đó là phụ trợ. Vì có ta thì mới có người, ta và người đối lập. Chẳng có ta, lấy đâu ra người? Có ta thì mới có chúng sanh, mới đối lập với chúng sanh. Có ta thì mới có ham muốn mong cầu thọ mạng, cầu trường thọ. Ta đã chẳng có, thì ba thứ sau đó đều chẳng có.

Phật pháp nói: Nếu phá trừ Ngã Kiến, bèn chứng quả Tu Đà Hoàn, tức Tiểu Thừa Sơ Quả. Tiểu Thừa Sơ Quả là thánh nhân, chứng đắc Vị Bất Thoái trong ba thứ Bất Thoái. Vị Bất Thoái nghĩa là quý vị tuyệt đối chẳng lùi trở lại thành phàm phu. Cũng có nghĩa là tính từ ngày chứng đắc Tu Đà Hoàn, sau khi đã phá trừ Ngã Kiến, tính từ ngày ấy, nếu học Tiểu Thừa, qua lại bảy lần trong cõi trời và nhân gian xong, sẽ nhất định chứng quả A La Hán. Cũng có nghĩa là đã vượt thoát lục đạo luân hồi, đột phá phạm vi của tam thiên đại thiên thế giới, không gian sống của quý vị bèn to lớn. Chuyện là như thế đó. Trong Đại Thừa Viên Giáo, quý vị là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Trong năm mươi mốt tầng cấp của Đại Thừa Bồ Tát, quý vị dự vào địa vị Sơ Tín. Địa vị Sơ Tín là đoạn Kiến Hoặc. So sánh địa vị Sơ Tín và Tiểu Thừa Sơ Quả, công phu đoạn chứng bằng nhau, đều là đoạn Kiến Hoặc; nhưng nói theo phương diện trí huệ, hoàn toàn khác nhau. Đại Thừa trí huệ cao, Tiểu Thừa trí huệ ít ỏi, chẳng có cách nào so sánh được! Vì thế, kiến chấp này là một sai lầm rất lớn, nẩy sanh sự so sánh ngang ngạnh, sanh ra một thứ Ngã Chấp.

(Sao) Mạn giả, câu sanh chủ tể vi Mạn Ngã.

(Diễn) Câu sanh chủ tể vi Mạn Ngã giả, câu sanh đối phân biệt nhi ngôn. Dữ sanh câu sanh, phi cưỡng tư kế độ khởi cố. Chủ tể giả, Ngã Chấp dã. Thử tức Câu Sanh Ngã Chấp. Duy Thức vân: Câu Sanh Ngã Chấp, vô thỉ thời lai, hư vọng huân tập nội nhân lực cố, hằng dữ thân câu, bất đãi tà giáo, cập tà phân biệt, nhậm vận nhi chuyển. Cố danh Câu Sanh. Thử phục nhị chủng: Nhất thường tương tục, tại đệ thất thức. Nhị hữu gián đoạn, tại đệ lục thức, thị dã. Mạn Ngã hữu thất: Nhất, ngã mạn; nhị, mạn; tam, quá mạn; tứ, mạn quá mạn; ngũ, tăng thượng mạn; lục, ty liệt mạn; thất, tà mạn. Thử thất chủng, giai y Ngã tướng nhi sanh, giai vi Mạn Ngã. Thử tắc bất dụng giáo hối, sanh lai tức hữu, câu sanh ngã dã.

(鈔)慢者，俱生主宰為慢我。

(演)俱生主宰為慢我者。俱生對分別而言。與生俱生。非強思計度起故。主宰者。我執也。此即俱生我執。唯識云。俱生我執。無始時來。虛妄熏習內因力故。恒與身俱。不待邪教。及邪分別。任運而轉。故名俱生。此復二種。一常相續。在第七識。二有間斷。在第六識。是也。慢我有七。一、我慢。二、慢。三、過慢。四、慢過慢。五、增上慢。六、卑劣慢。七、邪慢。此七種皆依我相而生。皆為慢我。此則不用教誨。生來即有。俱生我也。

*(**Sao**: Mạn (Māna): Cái ngã chấp bẩm sinh là Mạn Ngã.*

***Diễn**: "Câu sanh chủ tể vi Ngã Mạn": Câu Sanh là nói phối ứng với phân biệt, có nghĩa là hễ sanh ra là đã có, chẳng phải tốn công sức suy lường để dấy lên. "Chủ tể" là Ngã Chấp. Đấy chính là Câu Sanh Ngã Chấp. Duy Thức nói: Câu Sanh Ngã Chấp là do sức huân tập hư vọng của cái nhân bên trong từ thời vô thỉ. Nó luôn sanh cùng cái thân, chẳng cần đợi được dạy dỗ tà vạy và tà phân biệt, tùy ý xoay chuyển. Vì thế, gọi là Câu Sanh (bẩm sinh). Thứ này lại có hai loại: Một là thường liên tục trong thức thứ bảy; hai là có lúc gián đoạn, ở trong thức thứ sáu. Mạn có bảy loại: Một là Ngã Mạn, hai là Mạn, ba là Quá Mạn, bốn là Mạn Quá Mạn, năm là Tăng Thượng Mạn, sáu là Ty Liệt Mạn, bảy là Tà Mạn[87]. Bảy loại này đều nương vào Ngã tướng để sanh, đều là Mạn Ngã.*

[87] Theo từ điển Phật Học, các loại Mạn ấy được mô tả như sau:

Những thứ này chẳng cần phải dạy dỗ, sanh ra đã có, là cái Ngã bẩm sanh vậy).

"Mạn" (慢) là phiền não. Loại phiền não dấy lên hiện hành vào lúc tối sơ chính là loại này. Nếu chúng ta chú tâm quan sát, sẽ có thể nhận thấy. Quan sát trẻ thơ, hoặc những đứa bé, khi chúng còn chưa biết tham, mà cũng chưa biết sân, chúng đã có cái Mạn này, chúng có thể biểu hiện ra. Mạn là bẩm sinh, chúng nó chẳng cần phải học. Có những nghiệp nhân ấy, đương nhiên là có quả báo.

(Sao) Quả báo giả, tiền sở tác nhân, kim thọ quả báo, diệc thượng thọ sanh nghĩa dã.

(鈔)果報者，前所作因，今受果報，亦上受生義也。

*(**Sao**: Quả báo: Do cái nhân đã tạo từ trước, nay nhận lãnh quả báo, cũng là ý nghĩa "thọ sanh" trong phần trước).*

Đây cũng là ý nghĩa Thọ Sanh trong Ngũ Ấm. Trong Duy Thức Luận có nói hết thảy hữu tình chúng sanh lãnh chịu *"quả báo"*. Báo có hai loại:

1) Một loại gọi là Dẫn Nghiệp (引業), sẽ dẫn dắt quý vị đến đầu thai trong đường nào. Như hiện thời chúng ta đều đầu thai trong loài người, [là do có] Dẫn Nghiệp giống nhau. Đó là Cộng Nghiệp dẫn chúng ta đều vào nhân đạo, đầu thai nơi này.

---

1) Ngã Mạn: Chấp trước thân tâm do Ngũ Uẩn hòa hợp giả tạm là Ngã và Ngã Sở. Do vậy, kiêu ngạo, tự đại.
2) Mạn: Đối với kẻ chẳng bằng ta, bèn khinh rẻ. Đối với kẻ bằng ta, tuy thừa nhận, vẫn cứ khinh rẻ họ.
3) Quá Mạn: Đối với kẻ bằng ta, vẫn cứ tự hào họ thua kém ta rồi khinh rẻ họ.
4) Mạn Quá Mạn (Quá Quá Mạn): Dẫu đối phương hơn hẳn ta, chẳng thừa nhận, cứ ngược ngạo nói ta ưu việt hơn kẻ đó quá nhiều.
5) Tăng Thượng Mạn: Kẻ tu hành chưa đắc mà bảo là đắc, chưa chứng mà khoe là đã chứng.
6) Ty Liệt Mạn: Cam chịu thua kém người khác. Đối với kẻ trỗi hơn mình, bèn tự nhủ: "Hơn ta thì sao?", thiếu hẳn ý chí "thấy người hiền bèn mong được bằng".
7) Tà Mạn: Đối với Mạn khởi lên tà kiến, chính mình chẳng có đức mà ngược ngạo nói: "Phật, Bồ Tát bất quá cũng là như vậy mà thôi!" Thậm chí chẳng tin nhân quả, hủy báng Tam Bảo.

2) Sanh vào thế gian này, mỗi người chúng ta tướng mạo khác nhau, trạng huống sức khỏe của thân thể khác nhau, hoàn cảnh sống của mỗi người khác nhau. Đó gọi là Mãn Nghiệp (滿業).

Mãn Nghiệp thuộc về biệt nghiệp, biệt báo; Dẫn Nghiệp thuộc loại cộng nghiệp, cộng báo, khác nhau! Hết thảy chúng sanh, kể cả chư Phật, Bồ Tát, đều chẳng có cách nào lìa khỏi nhân duyên quả báo. Đã thành Phật, có phải lãnh chịu quả báo hay không? Thưa cùng chư vị, vẫn phải lãnh chịu. Chẳng thể nói là "đã thành Phật, sẽ không bị", chẳng có đạo lý ấy! Chư Phật, Bồ Tát lãnh chịu quả báo chẳng giống chúng ta. Chúng ta nhận lãnh quả báo mà chẳng cam lòng, chẳng ưng chịu, lúc hứng chịu bèn oán trời hờn người, lại tạo vô lượng tội nghiệp. Chư Phật, Bồ Tát hứng chịu quả báo, lãnh nhận rất cam tâm, lãnh nhận rất tình nguyện, rất vui sướng lãnh nhận. Vì sao? Giống như thiếu nợ thì phải trả tiền. Sau khi đã trả xong bèn hết chuyện. Đó là sự khác biệt giữa mê và ngộ. Chư Phật, Bồ Tát hứng chịu quả báo, hiểu rõ tiền căn, hậu quả. Lũ phàm phu chúng ta hồ đồ, mờ mịt hứng chịu; trong khi hứng chịu, lại tạo nghiệp. Lại còn tạo càng nặng hơn, quả báo trong đời sau càng khổ, mỗi lúc một tệ hơn, cuộc sống rất khổ sở! Chẳng như Phật, Bồ Tát chịu quả báo, mỗi lần đều đền trả xong xuôi, mỗi lần đều kết thúc, các Ngài không ngừng tiến cao hơn, còn chúng ta không ngừng đọa lạc. Do vậy, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng thể không cẩn thận, chớ nên chẳng chú ý! Hại chính mình thì vẫn chưa sao, tổn hại người khác, tổn hại xã hội, tổn hại đại chúng, tội lỗi ấy nặng nề lắm! Trong kinh Phật đã nói những đạo lý và chân tướng sự thật này rất nhiều.

(Sao) Ác danh uế xưng giả, sanh Phật tương đối, chúng sanh chi danh, hạ liệt bỉ lậu, luân hồi lục đạo, bị thọ chư khổ, cố vân Trược dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ, phi Chúng Sanh Trược cố.

(鈔)惡名穢稱者，生佛相對，眾生之名，下劣鄙陋，輪迴六道，備受諸苦，故云濁也。反顯極樂國中，諸上善人同會一處，非眾生濁故。

*(**Sao**: "Danh xưng xấu nhơ": So sánh chúng sanh và Phật thì danh xưng của chúng sanh kém hèn, thô lậu, luân hồi trong lục đạo, chịu đủ mọi nỗi khổ. Vì thế nói là Trược. Nêu rõ sự tương phản với cõi Cực Lạc, [trong cõi ấy], các vị thượng thiện nhân nhóm họp một chỗ, chẳng phải là Chúng Sanh Trược).*

Thế giới Tây Phương được gọi là Thanh Thái, Thanh Lương, hoặc An Khang. Nhất là trong kinh, đức Phật đã giới thiệu *"chư thượng thiện nhân"*, *"thượng thiện"* chỉ bậc Đẳng Giác Bồ Tát, nói rõ người chứng quả vị Đẳng Giác trong thế giới Tây Phương hết sức đông. Phàm phu chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu hết sức nhanh chóng! Chiếu theo trạng huống do đức Phật đã nói trong kinh, đại khái, chúng ta có thể suy ra: Do đức Phật đã nói bậc thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đông, chẳng có cách nào tính toán được; chỉ có thể nói là *"vô lượng vô biên A-tăng-kỳ"*. Nói cách khác, nhất định là phải hơn một nửa thì mới nói là đa số. Số lượng thượng thiện nhân chiếm đa số!

A Di Đà Phật thành Phật tới nay mới mười kiếp, [tức là] những vị Đẳng Giác Bồ Tát ấy đều thành tựu trong vòng mười kiếp. Mười kiếp thành tựu thì khi A Di Đà Phật thành Phật, người vãng sanh trong kiếp thứ nhất nay đã chứng đắc Đẳng Giác, vậy thì trong mười kiếp, họ (những người phải mất mười kiếp mới thành Đẳng Giác Bồ Tát) chỉ chiếm một phần mười. Người vãng sanh trong kiếp thứ hai cũng thành Đẳng Giác, số người ấy phải nên là hai phần mười. Người vãng sanh từ kiếp thứ năm trở đi cũng thành Đẳng Giác, thì Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Tây Phương sẽ chiếm một nửa, chiếm nửa số [nhân dân]. Kiếp thứ sáu vãng sanh, nay cũng thành Đẳng Giác, như vậy sẽ là hơn phân nửa. Quan sát từ chỗ này, người bình phàm sanh về thế giới Tây Phương, đại khái là trong hai ba kiếp bèn có thể thật sự chứng đắc quả vị Đẳng Giác. Thật sự là pháp khó tin!

Quán Kinh cho biết: Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sanh về Tây Phương, phải mất mười hai kiếp mới có thể thành tựu. Đó là hạ hạ phẩm vãng sanh, là thiểu số, chẳng phải là đa số. Hạ phẩm trung sanh, sáu kiếp bèn hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh. Chư vị ngẫm xem, sáu kiếp bèn thành tựu. Vậy thì vãng sanh trong kiếp thứ nhất, vãng sanh trong kiếp thứ hai, kiếp thứ ba, kiếp thứ tư, kiếp thứ năm đều thành tựu. Quý vị cứ tính như thế, mới hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể nghĩ bàn! Thành tựu nhanh chóng, trong bất cứ cõi Phật nào, cũng đều chưa hề nghe nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề nói [có chuyện tương tự như vậy trong các cõi Phật khác]. Chỉ có trong cõi ấy (cõi Cực Lạc) là thành tựu mau chóng. Vì sao? Viên chứng ba món Bất Thoái, chư thượng thiện nhân nhóm họp một chỗ, hằng ngày ở cùng một chỗ với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, làm sao quý vị

thoái chuyển cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Thầy tốt, A Di Đà Phật, và mười phương chư Phật Như Lai là thầy, Đẳng Giác Bồ Tát là bạn học. Hoàn cảnh tu học như vậy thì đương nhiên là thành tựu nhanh chóng.

(Sớ) Mạng Trược giả, dĩ sắc tâm liên trì vi Thể, thôi niên giảm thọ, tức kỳ tướng dã.

(疏)命濁者，以色心連持為體，催年減壽，即其相也。

*(**Sớ**: Mạng Trược (Āyuskaṣāya) là dùng Sắc và Tâm duy trì lẫn nhau liên tục để làm Thể, năm tháng giục giã tuổi thọ suy giảm chính là tướng trạng của nó vậy).*

"Mạng" (命) là thọ mạng. Hiện tượng thọ mạng là gì? Mấy câu nói của Liên Trì đại sư ở đây có ý nghĩa hoàn toàn tương ứng với kinh Phật. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: Thọ mạng chẳng thật, chỉ là một thứ *"tương tục tướng"* (tướng liên tục) mà thôi. Ở đây nói: *"Sắc tâm liên trì, thôi niên giảm thọ"* (Sắc và Tâm duy trì lẫn nhau liên tục, năm tháng giục giã tuổi thọ suy giảm). Liên Trì đại sư và đức Phật đều nói chân tướng, nhưng Liên Trì nói kiểu này càng khiến cho chúng ta dễ cảnh giác hơn, càng có thể nhận rõ sự thật, có nghĩa là Ngài nói thọ mạng của con người giảm thiểu hằng ngày. Trong bài kệ cảnh tỉnh của Phổ Hiền Bồ Tát có câu: *"Như thiểu thủy ngư, tư hữu hà lạc"* (Như cá thiếu nước, há có vui chi), đúng vậy đấy! Giả sử quý vị có thọ mạng là một trăm năm, tính từ ngày được sanh ra, sống mỗi ngày tức là [thọ mạng] giảm bớt một ngày; sống một năm là [thọ mạng] giảm bớt một tuổi. Bọn người thế gian chúng ta mê hoặc, điên đảo, [sống đến] bảy mươi, tám mươi, còn muốn làm lễ mừng thọ, còn muốn chúc mừng, chúc mừng thọ mạng của quý vị mỗi ngày một giảm thiểu, chẳng phải là ý nghĩa ấy hay sao? Người thế gian điên đảo, điên đảo ở chỗ này. Thọ mạng chẳng thể tăng trưởng, giảm thiểu từng ngày một! Dùng bốn chữ *"thôi niên giảm thọ"* (năm tháng giục giã tuổi thọ suy giảm) hết sức hay, đó là chân tướng của đời sống con người. Thọ mạng của kẻ bình phàm đều do nghiệp lực khống chế, là nghiệp báo. Thân thể của chúng ta là thân nghiệp báo. Do vậy, kẻ xem tướng đoán mạng, [nếu có khả năng] xem tướng rất chuẩn xác, xác thực là sẽ có thể dự đoán, chẳng phải là gạt người! Thọ mạng do nghiệp lực của chính mình làm chủ tể. Do vậy,

chính mình cũng có thể biến đổi nó, chẳng phải là không thể biến đổi. Đức Phật dạy chúng ta điều này. Phật pháp dạy: Ai nấy đều có vận mạng, nhưng đức Phật chẳng nói theo kiểu Túc Mạng Luận. Đức Phật dạy chính mình có thể sáng tạo vận mạng, chính mình có thể biến đổi nó. Chỉ cần quý vị hiểu lý luận, hiểu phương pháp, xác thực là sẽ có thể sửa đổi nó. Như trong quá khứ, thiền sư Vân Cốc đã dạy ông Viên Liễu Phàm phương pháp sửa đổi cũng rất hữu hiệu. Tiên sinh Viên Liễu Phàm đã viết lại sự thật về chuyện sửa đổi vận mạng của chính mình, mọi người đều biết [tác phẩm ấy]. Người thành tựu như tiên sinh Liễu Phàm chẳng biết là bao nhiêu, [nhưng họ] chẳng viết ra, chẳng công bố, cho nên quý vị không biết. Những người ấy đã sửa đổi thù thắng hơn và có thành tựu cao hơn tiên sinh Liễu Phàm cũng rất nhiều.

"Sắc tâm liên trì" (Sắc và tâm là duy trì lẫn nhau liên tục), Sắc là thân này. Thân thể là vật chất. Tinh thần ở trong thân thể thì thân thể này còn sống. Tinh thần lìa khỏi, thân thể liền mục nát. Do vậy, có thể biết: Sắc thân chịu sự điều khiển và chi phối của tâm lý. Nếu quý vị có thể quan sát đến chỗ này, quý vị đã có mức độ [lãnh hội] khá sâu. Sau đấy, nhất định là quý vị sẽ nghĩ: Do thiện niệm, thân thể của chúng ta khỏe mạnh. Do một ác niệm, thân thể sẽ có bệnh tật. Nếu là thanh tịnh niệm, thân thể này có thể sống đến một trăm tuổi, có thể giữ mãi tuổi xuân, đều là do đã thấu hiểu đạo lý này. Sự thật xác thực là có tình hình như vậy. Suy nghĩ lung tung, suốt ngày từ sáng đến tối sanh phiền não, gây tạo tham, sân, si, mạn, khiến cho thân thể của chính mình chẳng kham chịu được! Cách suy nghĩ khỏe mạnh nhất là niệm A Di Đà Phật. Vì sao? A Di Đà Phật vô lượng thọ, quý vị niệm A Di Đà Phật, quý vị sẽ là vô lượng thọ. A Di Đà Phật vô lượng quang, kẻ học Khí Công nói trên thân có Khí, Phật pháp gọi nó là Quang. Quý vị niệm A Di Đà Phật sẽ là vô lượng quang. A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, quý vị niệm A Di Đà Phật, tướng của quý vị bèn trang nghiêm. Chân tín, chân nguyện, nhất tâm trì danh, quý vị có thể đạt đến viên mãn rốt ráo. Kẻ chẳng thể tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, [tức là] chẳng có phước báo. Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, *"Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Do vậy, có thể biết: Người có thể tín, có thể nguyện, chịu niệm Phật, đều là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên.

(Sao) Liên trì giả.

(鈔)連持者。

*(**Sao**: Duy trì lẫn nhau liên tục).*

"Trì" (持) là gìn giữ, *"liên"* (連) là liên tục.

(Sao) Y nghiệp sở dẫn đệ bát thức chủng.

(Diễn) Đệ bát thức, tức Lê Da bổn thức. Chủng thị chủng tử, vị bổn thức trung thân sanh tự quả, công năng sai biệt giả. Thích vân: Thân sanh tự quả giả, tùng tự chủng tử thân sanh hiện hành quả cố. Công năng sai biệt giả, hiển thử chủng tử phi nhất chủng cố. Nhiên thử chủng tử, dữ đệ bát thức, cập sở sanh quả, bất nhất, bất dị. Thể thị bổn thức, quả thị hiện hành. Thức thể vọng chủng vi dụng. Hiện quả vọng chủng vi nhân. Cố thử tam pháp, lý ưng bất nhất, bất dị dã. Tông Kính vân: "Bổn thức thị Thể, chủng tử thị Dụng, chủng tử thị nhân, sở sanh thị quả. Thử tam lý ưng bất nhất, bất dị". Y nghiệp sở dẫn giả, vị tùy túc nhân lực sanh thiện ác đẳng, công năng quyết định phương thành chủng tử dã.

(鈔)依業所引第八識種。

(演)第八識。即黎耶本識。種是種子。謂本識中親生自果。功能差別者。釋云。親生自果者。從自種子親生現行果故。功能差別者。顯此種子非一種故。然此種子。與第八識。及所生果。不一不異。體是本識。果是現行。識體望種為用。現果望種為因。故此三法。理應不一不異也。宗鏡云。本識是體。種子是用。種子是因。所生是果。此三理應不一不異。依業所引者。謂隨宿因力生善惡等。功能決定方成種子也。

*(**Sao**: Nương theo nghiệp dẫn khởi các chủng tử trong thức thứ tám.*

***Diễn**: Thức thứ tám chính là A Lại Da Thức. "Chủng" là chủng tử, ý nói từ trong bổn thức đích thân sanh ra cái quả, có công năng sai khác. Giải rằng: "Đích thân sanh ra cái quả" [nghĩa là] từ chủng tử, đích thân sanh cái quả hiện hành. "Công năng sai khác": Chỉ rõ những chủng tử ấy không chỉ là một loại. Nhưng chủng tử ấy, thức thứ tám, và cái quả được sanh chẳng một, chẳng khác. Thể là bổn thức, quả là hiện hành. Đối với cái Thể của thức thì chủng tử hư vọng là Dụng, đối với cái*

quả hiện hành thì chủng tử hư vọng là Nhân. Do vậy, ba pháp xét theo Lý thì phải là chẳng một, chẳng khác. Sách Tông Kính Lục viết: "Bổn thức là Thể, chủng tử là Dụng, chủng tử là nhân, cái được sanh là quả. Ba thứ ấy theo Lý phải là chẳng một, chẳng khác". "Nương theo nghiệp mà dẫn khởi", nghĩa là do sức của túc nhân mà sanh ra thiện, ác v.v... công năng quyết định mới thành chủng tử).

Người thế gian gọi *"đệ bát thức"* là *"linh hồn"*. Thật ra, gọi nó là *"linh hồn"* là sai lầm, vì sao? Vì nó chẳng linh. Nếu nó linh, nó làm sao có thể chịu đến đầu thai trong ba ác đạo? Nó đến đầu thai trong ba ác đạo, có thể thấy là nó chẳng linh! Nhà Phật nói là mê hoặc, điên đảo, [gọi nó là] *"mê hồn"* là đúng, [gọi nó là] *"linh hồn"* là sai lầm, Khổng lão phu tử gọi nó là *"du hồn"* (遊魂: cái hồn bềnh bồng trôi nổi). Nói kiểu này rất chánh xác, vì tốc độ của nó hết sức to lớn. Đại thiên thế giới này là phạm vi hoạt động của du hồn. Trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Khổng Tử bảo: *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* (Tinh khí là vật, cái hồn bồng bềnh biến đổi), cách quan sát này hoàn toàn giống như kinh Phật đã nói. *"Tinh khí vi vật"* là giải thích nguồn gốc của vật chất. Đối với vật chất, tuy hiện thời đã phát hiện được những hạt rất nhỏ, những hạt ấy do đâu mà có? Khổng phu tử nói *"tinh khí vi vật"*, có nghĩa là từ tinh khí biến hiện. Phật pháp nói Tướng Phần do Kiến Phần biến hiện, *"y nghiệp sở dẫn đệ bát thức chủng"* (nương theo nghiệp, dẫn khởi chủng tử trong thức thứ tám), *"chủng"* (種) là chủng tử (hạt giống, mầm mống), *"đệ bát thức chủng"* là chủng tử được chứa đựng trong A Lại Da Thức.

(Sao) Ngoại Sắc nội tâm, hỗ tương liên thuộc.

(鈔)外色內心，互相連屬。

*(**Sao**: Sắc bên ngoài, tâm bên trong liên quan, lệ thuộc lẫn nhau).*

"Bên ngoài" là vật chất, tức là cái thân thể này, nhục thân này. "Bên trong" là tâm, tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, liên tiếp với nhau.

(Sao) Tức tức, noãn, thức, tam, tương trì bất tán, thị vi Mạng Căn.

(Diễn) Ngoại sắc tức tức, noãn, thuộc đệ bát thân Tướng Phần, nội tâm tức đệ bát hiện hành thức, thuộc đệ bát Kiến Phần. Do chủng

tử nghiệp lực, thử tam tương trì bất tán, danh Mạng Căn bất đoạn.

(鈔)即息煖識三，相持不散，是為命根。

(演)外色即息煖。屬第八親相分。內心即第八現行識。屬第八見分。由種子業力。此三相持不散。名命根不斷。

*(**Sao**: Tức là ba thứ gồm hơi thở, độ ấm và thức duy trì lẫn nhau, chẳng tan hoại thì là Mạng Căn.*

***Diễn**: Ngoại sắc chính là hơi thở và độ ấm, thuộc về Tướng Phần của đích thân thức thứ tám. Nội tâm chính là thức thứ tám hiện hành, thuộc về Kiến Phần của thức thứ tám. Do nghiệp lực của chủng tử mà ba thứ ấy (hơi thở, độ ấm và thức) duy trì lẫn nhau, chẳng tan hoại, bèn gọi là Mạng Căn chẳng đoạn).*

Điều này gọi là Mạng Căn hoặc Thọ Mạng. *"Tức"* (息) là hô hấp, *"noãn"* (煖) là độ ấm, tức nhiệt độ cơ thể. Thức (識) là tâm. Ba thứ ấy kết hợp với nhục thân thành một Thể, *"tương trì"* (duy trì lẫn nhau), giữ gìn lẫn nhau, chẳng tách rời. Đó gọi là Mạng Căn.

(Sao) Nhất bất liên trì, Mạng Căn tức đoạn, cố dĩ vi Thể.

(Diễn) Nhất bất tương trì, hoặc noãn khí ly thân, hoặc xuất nhập tức đoạn, hoặc Kiến Phần ly thể, danh Mạng Căn đoạn dã.

(鈔)一不連持，命根即斷，故以為體。

(演)一不相持。或煖氣離身。或出入息斷。或見分離體。名命根斷也。

*(**Sao**: Nếu một thứ [trong ba thứ, tức hơi thở, sức ấm và thức] chẳng duy trì liên tục, Mạng Căn liền đoạn, nên coi chúng là Thể.*

***Diễn**: Một thứ chẳng duy trì: Hoặc là hơi ấm lìa thân thể, hoặc ngừng hô hấp, hoặc Kiến Phần lìa thân, thì gọi là Mạng Căn chấm dứt).*

Trong ba thứ này, hễ chẳng có hô hấp, người bèn chết. Chẳng có hô hấp, nhất định là độ ấm chẳng còn. Người đã chết, thân thể lạnh ngắt. Độ ấm chẳng còn, thức đã lìa khỏi. Trong ba thứ này, trước hết là hô hấp ngưng dứt, tiếp theo đó, chẳng có độ ấm, thức lìa khỏi cuối cùng. Phật pháp nói: Sau khi người đã chết, sau khi đã tắt hơi tám tiếng đồng hồ, thức của người ấy mới rời khỏi. Nói cách khác, trong tám tiếng đồng hồ

sau khi ngừng thở, người ấy vẫn có cảm giác. Nếu chúng ta động vào họ, họ sẽ cảm thấy đau khổ. Hễ đau khổ, sẽ dễ dẫn đến sân hận. Do dấy lên một niệm sân hận ấy, người ấy sẽ đọa trong địa ngục, hoặc đọa trong ác đạo. Do vậy, đức Phật cảnh cáo chúng ta: "Đối với người chết, trong vòng tám tiếng đồng hồ, đừng động đến họ" là do nguyên nhân này.

"Thức" đến trước, tức là khi đầu thai thì nó đến trước; khi ra đi, thì nó rời đi cuối cùng. Duy Thức Luận nói: *"Lai tiên, khứ hậu, tác chủ công"* (Đến trước, đi sau, làm ông chủ). Tâm là chủ, thân chẳng phải là chủ. Tâm là chủ, [sanh mạng của một cá nhân] lấy nó làm Thể. Thể của Mạng Căn là A Lại Da Thức, tức là thức thứ tám. *"Đầu thai"* là thức đi đầu thai. Nhục thân đúng là giống như quần áo, chúng ta dùng đã lâu, quá cũ kỹ, có thể bỏ đi, thay đổi một bộ mới. Thức là chính mình, nó có thể thay đổi thân thể, [giống như] do quần áo đã rách, bèn thay đổi một bộ quần áo mới. Bỏ thân, thọ thân giống hệt như cởi quần áo [cũ ra] để thay quần áo [mới]. Nếu chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch sự thật này, sẽ chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi đối với sanh tử. Có ai quần áo đã cũ, bảo quý vị thay đổi quần áo liền sợ hãi, kinh hoảng? Chẳng có. Chỉ có trẻ nít vô tri, bảo nó thay quần áo, nó vừa khóc vừa quấy, chẳng chịu thay đổi, chỉ có loại người đó, chứ người bình thường sẽ chẳng như vậy!

(Sao) Thôi niên giảm thọ giả, đương thử giảm kiếp, bất mãn bách niên.

(鈔)摧年減壽者，當此減劫，不滿百年。

*(**Sao**: "Năm tháng giục giã tuổi thọ suy giảm": Đang trong thời giảm kiếp, [tuổi thọ] chẳng đủ trăm năm).*

Chẳng đủ trăm năm, thông thường, có thể sống đến bảy mươi tuổi khá khó khăn! Hiện thời, nói là y dược phát triển, kéo dài tuổi thọ của loài người, quý vị cảm thấy nói kiểu đó là thật hay giả? Giả trất, chẳng thật! Thọ mạng dài chính là biệt báo của cá nhân. Người ta do đời trước tu phước, đời trước tu vô úy bố thí, nên được quả báo khỏe mạnh, sống lâu. Y dược chỉ có thể chữa bệnh, chẳng thể chữa mạng. Chắc chắn là y dược không thể kéo dài thọ mạng của quý vị được. Thọ mạng xác thực là do đời trước tu được, chẳng phải do công lao của y dược.

(Sao) Nhi phục bào mạt, phong đăng.

(鈔)而復泡沫風燈。

*(**Sao**: Lại còn như bọt nước, đèn trước gió).*

"Bọt nước, đèn trước gió" đều rất ngắn ngủi, tạm bợ, rất [dễ gặp phải] nguy hiểm [đến nỗi mất mạng dễ dàng]. Thắp một ngọn nến đặt trước cơn gió lớn, chẳng biết sẽ tắt lụi lúc nào. Đấy là tỷ dụ.

(Sao) Sát-na bất trụ, vưu vi đoản xúc.

(鈔)剎那不住，尤為短促。

*(**Sao**: Trong khoảng sát-na bèn chẳng tồn tại, càng là ngắn ngủi).*

Chúng ta nhìn từ toàn thể để xét tuổi thọ bình quân, [sẽ thấy] tuổi thọ con người chẳng dài. Xét theo biệt nghiệp, có khá nhiều người trường thọ. Xét theo cộng nghiệp, thọ mạng bình quân của chúng sanh xác thực là mỗi năm một thấp hơn, đang trong thời giảm kiếp mà!

(Sao) Cố vân Trược dã.

(鈔)故云濁也。

*(**Sao**: Cho nên nói là Trược).*

Gọi là Mạng Trược. Thọ mạng ngắn ngủi, lại còn có thiên tai nhân họa.

(Sao) Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân dân thọ mạng, đồng Phật vô lượng, phi Mạng Trược cố.

(鈔)反顯極樂國中，人民壽命，同佛無量，非命濁故。

*(**Sao**: Nêu bật tương phản: Trong cõi Cực Lạc, nhân dân thọ mạng vô lượng giống như Phật, chẳng phải là Mạng Trược).*

Tương phản, chúng ta xem Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Thế giới Tây Phương thù thắng nhất, đặc biệt nhất. Cõi ấy là một thế giới bình đẳng thật sự. Con người có thọ mạng hoàn toàn giống như đức Phật. Trong thế giới Tây Phương, chẳng có cơ cấu chánh phủ, cũng chẳng có các chánh đảng (政黨: đảng phái chánh trị) hằng ngày đấu đá với nhau. Người trong thế giới Tây Phương đông đảo, hoàn cảnh cư trụ đẹp đẽ, tốt lành. Kinh dạy rất rõ ràng: Thế

giới Tây Phương có đường sá, nhưng chẳng có tên đường, cũng chẳng có số nhà. Nay chúng tôi suy nghĩ, có thể là sau bao nhiêu năm nữa, thế giới này cũng chẳng cần đường sá, mà cũng chẳng cần biển số nữa. Vì sao? Tiến nhập thời đại điện toán. Trong tương lai, máy điện toán sẽ nối liền mỗi gia đình trên thế giới. Quý vị muốn tìm ai, ở trong nhà nhấn một nút, trên màn ảnh của máy computer bèn hiện hình ảnh. Quý vị muốn đến thăm bè bạn, chẳng cần đến nhà họ, đối trước máy computer bèn có thể trò chuyện. Nhưng chúng ta phải dùng máy móc, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần dùng máy móc, hoàn toàn dùng sức mạnh của ý niệm trong tâm là có thể biến hiện ngay trước mặt. Đường sá cần tên gọi để làm chi nữa? Cần biển số để làm gì? Đó mới là hạnh phúc thật sự, vui sướng thật sự, chẳng giống như trong thế giới này. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 278

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm tám mươi ba:

(Sớ) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn, nhược Lăng Nghiêm sở vân: Hoặc phối tam tế, lục thô, hoặc phối Ngũ Ấm, nghĩa diệc bất dị.

(Diễn) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn giả, vị thượng văn sở giải Ngũ Trược, thả nhất vãng tựu quả biên thuyết, phi nhược Lăng Nghiêm sở thuyết, thông hồ nhân quả dã. Hoặc phối tam tế giả, thị chư sư dĩ tam tế, lục thô thích Ngũ Trược dã, hoặc phối Ngũ Ấm, thị Cô Sơn ước Ngũ Ấm vọng tưởng vi Ngũ Trược dã. Nghĩa diệc bất dị giả, vị pháp tướng tuy bất đồng, nhi nghĩa lý tắc vô biệt dã.

(疏)此之五濁，且據果言，若楞嚴所云：或配三細六粗，或配五陰，義亦不異。

(演)此之五濁。且據果言者。謂上文所解五濁。且一往就果邊說。非若楞嚴所說。通乎因果也。或配三細者。是諸師以三細六粗釋五濁也。或配五陰。是孤山。約五陰妄想為五濁也。義亦不異者。謂法相雖不同。而義理則無別也。

*(**Sớ**: Năm món Trược ấy là nói theo quả. Nếu theo như kinh Lăng Nghiêm đã nói, thì hoặc là phối ứng với ba tế tướng, sáu thô tướng, hoặc phối ứng với Ngũ Ấm, nhưng ý nghĩa cũng chẳng khác.*

***Diễn**: "Năm món trược ấy là nói theo quả", nghĩa là Ngũ Trược như đã giải thích trong đoạn văn trên đây chính là một mực dựa theo phía quả để nói, chẳng dung thông cả nhân lẫn quả như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói. "Hoặc phối ứng với ba tế tướng" là các Sư dùng ba tế tướng và sáu thô tướng để giải thích Ngũ Trược. "Hoặc phối ứng với Ngũ Ấm" là như ngài Cô Sơn coi vọng tưởng thuộc Ngũ Ấm là Ngũ Trược. "Nghĩa cũng chẳng khác" ý nói: Pháp tướng tuy khác nhau, nghĩa lý chẳng sai khác).*

Câu này nhằm tổng kết *"Ngũ Trược ác thế"* đã nói trong phần trước. *"Trược ác"* là nói theo quả; hễ có quả, nhất định là có nguyên nhân. Đức Phật thuyết kinh, có khi thiên trọng nơi tạo nhân, có lúc chú trọng nói đến quả báo. Như trong đoạn này là nói về quả báo, cũng có khi là nhân và quả đều nói. Do tình hình ấy, chúng ta có thể thấu hiểu rõ ràng: Đức Phật thuyết pháp là ứng theo căn cơ để nói, Ngài xem xét [căn cơ] của đại chúng tham dự pháp hội khi ấy. Nói đến nhân, chúng ta sẽ nghĩ đến quả báo; nói đến quả, cũng giống như vậy, chúng ta cũng biết nhân duyên nào tạo thành quả báo ấy. Nhất là trong thời đại hiện tại, đối với quả báo trược ác, chẳng cần phải nêu cặn kẽ như đức Phật đã nói trong kinh, gần như mỗi người chúng ta đều có cảm xúc rất sâu đậm. Hiện thời, y báo của chúng ta chẳng tốt đẹp, hoàn cảnh sống chẳng tốt đẹp. Chẳng cần nói là so với thời cổ, chỉ so với ba mươi năm trước. Ba mươi năm trước, hoàn cảnh sống của chúng ta xác thực là vẫn rất đẹp đẽ, đại chúng trong xã hội cũng rất tốt lành. Tuy chưa thể nói là "chân thiện mỹ đạt đến tiêu chuẩn rất cao", nhưng vẫn còn có một chút ý nghĩa. Trong hoàn cảnh sống hiện tại, có thể nói là đã chẳng tìm được mảy may nào. Tuy điều kiện vật chất ưu việt hơn trước kia, của cải gia tăng, nhưng hoàn cảnh sống của chúng ta thua kém quá khứ rất xa. Tục ngữ Trung Hoa thường nói: *"Giàu mà chẳng vui"*. Đâm ra, thời thời khắc khắc bận tâm, lo lắng, chẳng có cảm giác an toàn. Điều này thuộc về quả báo, tức là cõi đời trược ác.

Nhân duyên của sự trược ác là do thiên tai ư? Là do tai nạn tự nhiên ư? Hiện thời, xác thực là có lắm kẻ tưởng là do thiên tai, là tự nhiên, sức người chẳng có cách nào chống chọi. Các nhà khoa học và triết gia đều nói theo kiểu này, mọi người tin theo, cho là thật, nghĩ cách

nói ấy là chánh xác. Trọn chẳng biết trong kinh, đức Phật đã dạy: Hoàn cảnh sống của chúng ta tốt hay xấu tùy thuộc lòng người thiện hay ác mà chuyển biến. Lòng người thiện hay ác chính là nguyên do khiến cho hoàn cảnh xã hội tốt hay xấu. Kinh cũng thường dạy: *"Y báo chuyển theo chánh báo"*. Chánh báo ở đây chính là lòng người thiện hay ác, còn y báo là hoàn cảnh tốt hay xấu. Chỉ có đức Phật nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Chúng ta thấy người hiện thời tạo cái nhân gì? Cũng có nghĩa là thông thường họ nghĩ tưởng những gì, nói những gì, làm những gì, chúng ta sẽ biết quả báo trong tương lai như thế nào. Đức Phật bảo: Hết thảy ác nhân và ác duyên đều phát sanh từ Tam Độc. Kiến Trược, Phiền Não Trược là nhân, Kiếp Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược thuộc về quả báo. Chúng ta thấy người hiện thời kiến giải sai lầm mỗi ngày một sâu hơn, phiền não ngày một tăng trưởng, một mực như vậy, quả báo trong tương lai sẽ càng đáng sợ hơn hiện thời!

Người trên thế gian hiện thời truy cầu của cải, truy cầu quyền lực, địa vị, truy cầu hưởng thụ. Truy cầu mù quáng là tạo tội nghiệp. Những thứ ấy có thể cầu hay không? Có thể chứ! Đức Phật đã nói rất minh bạch: *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Cầu của cải, được của cải; chẳng có gì không cầu được! Cầu thì phải đúng lý, đúng pháp, phải biết mối quan hệ giữa nhân, duyên và quả. Cầu như vậy là cầu chánh đáng, sẽ cầu được quả báo tốt đẹp, cũng là như chúng ta thường nói: *"Cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn"*. Đó là do đúng lý, đúng pháp mà cầu được. Nếu cứ cầu mù quáng, chắc chắn chẳng đạt được hạnh phúc. Hạnh phúc còn chẳng có, thì mỹ mãn càng chẳng cần phải bàn đến nữa! Kẻ chẳng học Phật không biết, chứ đối với người học Phật, hãy nên hiểu rành mạch, rõ ràng.

Nói theo kinh Lăng Nghiêm, Ngũ Trược có thể *"phối tam tế, lục thô"* (phối ứng với ba tế tướng và sáu thô tướng), cũng có thể *"phối Ngũ Ấm"* (phối ứng với Ngũ Ấm), Ngũ Ấm là Ngũ Uẩn. Do vậy, có thể biết: Phật pháp xác thực là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*. Phật pháp viên dung, thông đạt, chẳng có chướng ngại, tỏ rõ pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp.

(Sao) Phối tam tế đẳng giả, dĩ Kiếp Trược phối Nghiệp Tướng, vị vô minh sơ khởi, tánh toại hồn trược cố.

(Diễn) Tam tế đẳng giả, Khởi Tín Luận vân: "Bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm. Y bất giác cố, sanh tam chủng tướng: Nhất giả Vô Minh Nghiệp Tướng, dĩ y

bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi Nghiệp. Giác tắc bất động, động tắc hữu khổ, quả bất ly nhân cố. Nhị giả Năng Kiến Tướng, dĩ y động, cố năng kiến, bất động tắc vô kiến. Tam giả Cảnh Giới Tướng, dĩ y năng kiến cố, cảnh giới vọng hiện. Ly kiến, tắc vô cảnh giới". Dĩ hữu cảnh giới duyên cố, phục sanh lục chủng tướng: Nhất giả Trí Tướng, y ư cảnh giới tâm khởi phân biệt, ái dữ bất ái cố. Nhị giả Tương Tục Tướng, y ư Trí cố, sanh kỳ khổ lạc giác, tâm khởi niệm tương ứng bất đoạn cố. Tam giả Chấp Thủ Tướng, y ư tương tục duyên niệm cảnh giới, trụ trì khổ lạc, tâm khởi trước cố. Tứ giả Kế Danh Tự Tướng, y ư vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng cố. Ngũ giả Khởi Nghiệp Tướng, y ư danh tự, tầm danh thủ trước, tạo chủng chủng nghiệp cố. Lục giả Nghiệp Hệ Khổ Tướng, dĩ y nghiệp thọ báo, bất tự tại cố. Dĩ Kiếp Trược phối Nghiệp Tướng giả. Kiếp giả, thời dã. Tâm tánh bổn tịnh, do vô minh sơ động thời tức hồn trược. Cố viết Kiếp Trược. Kim Nghiệp Tướng diệc nhiên, vô minh sơ khởi, thành Nghiệp Tướng cố.

(鈔)配三細等者，以劫濁配業相，謂無明初起，性遂渾濁故。

(演)三細等者。起信論云。不如實知真如法一故。不覺心起而有其念。依不覺故。生三種相。一者無明業相。以依不覺故心動。說名為業。覺則不動。動則有苦。果不離因故。二者能見相。以依動故能見。不動則無見。三者境界相。以依能見故境界妄現。離見則無境界。以有境界緣故。復生六種相。一者智相。依於境界心起分別。愛與不愛故。二者相續相。依於智故。生其苦樂覺心起念相應不斷故。三者執取相。依於相續緣念境界。住持苦樂。心起著故。四者計名字相。依於妄執。分別假名言相故。五者起業相。依於名字。尋名取著。造種種業故。六者業繫苦相。以依業受報。不自在故。以劫濁配業相者。劫者時也。心性本淨。由無明初動時即渾濁。故曰劫濁。今業相亦然。無明初起成業相故。

*(**Sao**: "Phối ứng với ba tế tướng": Đem Kiếp Trược phối ứng với Nghiệp Tướng, có nghĩa là vô minh vừa mới khởi lên, tánh bèn bị vẩn đục.*

***Diễn**: "Ba tế tướng v.v…": Khởi Tín Luận nói: "Chẳng đúng như thật biết pháp Chân Như là một, cái tâm bất giác dấy lên bèn có niệm. Nương vào sự bất giác ấy, sanh ra ba thứ tướng. Một là Vô Minh Nghiệp Tướng, do nương vào bất giác nên tâm động, nên gọi tên là Nghiệp. Hễ giác, sẽ chẳng động. Hễ động, sẽ có khổ, quả chẳng lìa nhân vậy. Hai là Năng Kiến Tướng, do nương vào động nên có thấy. Chẳng động, sẽ không thấy. Ba là Cảnh Giới Tướng, do nương vào cái có thể thấy (Năng Kiến) mà hư vọng hiện ra cảnh giới. Lìa cái thấy, sẽ chẳng có cảnh giới. Do có cảnh giới để duyên vào, lại sanh ra sáu thứ tướng. Một là Trí Tướng, [nghĩa là] nương vào cảnh giới mà tâm dấy lên sự phân biệt yêu thích và chẳng yêu thích. Hai là Tương Tục Tướng, do nương vào trí, bèn sanh cái tâm nhận biết khổ, lạc, dấy lên ý niệm tương ứng chẳng ngừng. Ba là Chấp Thủ Tướng, nương vào sự duyên niệm cảnh giới liên tục mà duy trì khổ hay vui, tâm dấy lên sự đắm trước. Bốn là Kế Danh Tự Tướng, nương vào chấp trước hư vọng, mà phân biệt tướng ngôn ngữ giả danh. Năm là Khởi Nghiệp Tướng, nương vào danh tự, theo đuổi cái danh, nắm giữ, chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp. Sáu là Nghiệp Hệ Khổ Tướng, do nương theo nghiệp mà thọ báo, chẳng tự tại". "Đem Kiếp Trược phối hợp với Nghiệp Tướng": Kiếp là Thời. Tâm tánh vốn tịnh, do vô minh dấy động lúc ban sơ, [tâm tánh] bèn vẩn đục, nên gọi là Kiếp Trược. Nay Nghiệp Tướng cũng thế, lúc vô minh vừa mới dấy động bèn trở thành Nghiệp Tướng).*

Phần chú giải đã chú thích rất tỉ mỉ, ở đây, tôi chỉ nói đại ý. *"Nghiệp"* là tạo tác, khởi tâm động niệm là sự tạo tác nơi ý, ngôn ngữ là sự tạo tác nơi miệng, nhất cử nhất động nơi thân thể là sự tạo tác nơi thân nghiệp. Đó gọi là sự tạo tác nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý. Ba nghiệp tạo tác bèn có lầm lỗi, lầm lỗi là gì vậy? Nói cách khác, sẽ là chẳng tương ứng với Tánh Đức. Tương ứng với Chân Như bản tánh, sẽ chẳng có lầm lỗi, chúng ta gọi loại tạo tác đó là *"tịnh nghiệp"*, tức là nghiệp thanh tịnh. Vì sao? Nó chẳng có quả báo trong tam giới, lục đạo, cho đến quả báo trong mười pháp giới đều chẳng có, đức Phật bất đắc dĩ gọi nó là Nhất Chân pháp giới, như Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc về Nhất Chân pháp giới. Hết thảy đại chúng trong ấy, từ A Di Đà Phật cho đến tất cả những người vãng sanh thế giới Tây Phương, tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và tạo tác của họ đều thuận theo Chân Như bản tánh. Vì thế gọi là *"tịnh nghiệp"*. Nay chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều trái nghịch, tương phản Chân Như bản tánh, bèn có lầm lỗi trong

ấy. Đã có lầm lỗi, cái nhân là bất thiện, sẽ ảnh hưởng đến hoàn cảnh y báo. Đó gọi là Kiếp Trược.

Hai câu kế tiếp trong lời chú giải hết sức hay, đơn giản, mà trọng yếu, ngắn gọn. *"Vô minh sơ khởi"* (Vô minh vừa mới dấy lên). Vấn đề phát sanh ở chỗ này. Vô minh là gì? Đối với vũ trụ và nhân sinh bèn mê hoặc, chẳng liễu giải. Giáo dục trong Phật pháp, nói thật ra, chỉ nhằm dạy chúng ta một chuyện: Dạy chúng ta nhận thức, thông hiểu vũ trụ và nhân sinh. Như vậy thì sẽ chẳng đến nỗi vô minh. Vũ trụ là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nhân sinh là chính con người. Nói cách khác, mục tiêu cao nhất của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta nhận rõ chính mình, nhận rõ hoàn cảnh sống; chỉ là như thế mà thôi. Nội dung của cả một bộ Đại Tạng Kinh là nói về chuyện này. Quý vị thật sự nhận thức rõ ràng, minh bạch, bèn phá trừ vô minh, chẳng có vô minh nữa. Chẳng có vô minh thì sẽ giống như chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát chẳng giống chúng ta, phàm phu có vô minh, chư Phật, Bồ Tát chẳng có vô minh, các Ngài điều gì cũng hiểu rõ. Vô minh là chẳng hiểu rõ: Chẳng hiểu rõ chính mình; đối với hoàn cảnh sống, cũng chẳng hiểu rõ. Như thế thì sẽ khiến cho Chân Như tự tánh vốn thanh tịnh, dường như [trở thành] chẳng thanh tịnh, bị vẩn đục. Thứ gì vẩn đục nó? Chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sanh ra những lời lẽ và hành vi trái nghịch tự tánh, những thứ ấy khiến cho tự tánh bị vẩn đục.

Cách nói ấy khiến cho các đồng tu sơ học vẫn thấy rất khó lý giải. Chúng tôi lại nói đơn giản hơn đôi chút, lại nói thô thiển, dễ hiểu hơn một chút, vì chẳng thể không biết những chuyện này. Ví như chúng ta tâm tâm niệm niệm mong cầu của cải, thấy người khác phát tài, sẽ tự nhiên hâm mộ, nghĩ ta cũng phải nên có của cải. Của cải do đâu mà có? Tuyệt đối chẳng phải là do kẻ ấy có năng lực. [Nếu nghĩ] người ấy rất có khả năng, vận may rất tốt, quý vị đã thấy sai mất rồi, đã thấy lệch lạc mất rồi! Nguyên nhân thật sự là trong đời quá khứ, người ấy tu tài bố thí, đó là cái nhân. Đời này, người ấy hoặc là buôn bán, hoặc làm thợ. Đó là duyên. Người ấy mua một tờ vé số, trúng giải độc đắc; đó là duyên. Cái nhân thật sự để phát tài là tài bố thí trong quá khứ; nhân và duyên gặp gỡ, quả báo hiện tiền. Chuyện là như thế đó. Vì thế, nếu chúng ta muốn có của cải, quý vị hãy tu tài bố thí. Quý vị bố thí càng nhiều, đạt được càng nhiều. Chỉ tu tài bố thí, đã phát tài; nếu chẳng vận dụng thích đáng, quý vị cũng bị hại thảm lắm. Vận dụng như thế nào? Đó là trí huệ. Đức Phật dạy người ta phước huệ song tu, chẳng thể lệch về một bên. Nếu lệch

sang một bên, thà thiên trọng huệ, chớ nên thiên trọng tài. Vì có tài mà chẳng có huệ, sẽ tạo nghiệp, sẽ bị đọa lạc. Có huệ mà chẳng có tài, chẳng sao cả! Mức độ tệ nhất là cuộc sống kham khổ đôi chút, chẳng đến nỗi tạo tội nghiệp, chẳng đến nỗi đọa trong tam đồ. Do vậy, có thể biết: Huệ quan trọng hơn phước.

Chúng ta nhìn rộng ra xã hội hiện thời, thấy điều gì? Thấy mọi người đang tạo nhân. Người Đài Loan đứng đầu thế giới về tài bố thí. Ai nấy đều có thể bỏ ra tiền tài, ai nấy đều thích xả tài. Trong tương lai, của cải ở nơi đây sẽ còn hưng vượng hơn hiện thời. Mọi người tu nhân, sau này, nhất định có quả báo. Nhưng ở trong ấy, chẳng thể nói là không có vấn đề. Vấn đề gì vậy? Rất nhiều người chẳng thể phân biệt tà, chánh! Tuy tu tài, nhưng chẳng tu nơi chánh pháp, mà tu nơi tà đạo. Những kẻ ấy tuy có của cải, chúng sẽ đem lại rất nhiều nỗi khó chịu. Vì thế, phải phân định rõ tà và chánh, có phải là phước điền thật sự hay không? Những gì là phước điền chánh pháp? Những gì chẳng phải là phước điền chánh pháp? Chúng ta phải phân biệt rõ ràng. Chỉ có chánh pháp thì mới có thể đem lại an định, phồn vinh cho xã hội, mang lại hạnh phúc thật sự cho hết thảy đại chúng. Nhân duyên của trí huệ là phải hành pháp bố thí. Nay chúng ta thấy một điều hết sức đau đầu; có thể nói là một trào lưu thời đại, ai cũng chẳng thể nào ngăn cản được! Trào lưu gì vậy? Bảo vệ quyền tài sản trí huệ; quả báo là gì? Ngu si. Bảo hộ quyền tài sản trí huệ là không chịu hành pháp bố thí, do pháp bố thí thì mới tăng trưởng trí huệ. Nay họ rất thông minh, rất có tư tưởng, có kiến giải, viết rất nhiều bộ sách hay, phía sau ghi: *"Giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu trách nhiệm"*. Chuyển sang đời sau, họ sẽ là kẻ ngu si, vì sao? Chẳng thể hành pháp bố thí. Chẳng thể bố thí pháp, sẽ mắc quả báo ngu si!

Trong kinh Di Đà, đối với mười sáu vị tôn giả [được kể tên] trong phần đầu, ngài Châu Lợi Bàn Đà Già hết sức ngu si. Đức Phật dạy tôn giả hai câu kệ, dạy Ngài thuộc câu trước thì câu sau chẳng biết. Dạy câu sau, Ngài quên khuấy câu trước. Đức Phật bảo mọi người: Đời trước, tôn giả là một vị Tam Tạng pháp sư, pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt. Vì sao chuyển thế bèn biến thành ngu si dường ấy? Keo kiệt pháp! Ngài dạy người khác mà chẳng chịu dạy hoàn toàn, chính mình còn giấu diếm đôi chút. Nay chúng ta đối với quyền tài sản trí huệ, phía sau [có ghi] *"Giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu trách nhiệm"*, chính là tự mình giữ riêng đôi chút, quả báo trong vị lai sẽ như ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, như vậy thì mới là đáng thương. Do vậy, chuyện

này chính là trào lưu hình thành trong thế giới hiện thời, chẳng có cách nào ngăn chặn, đúng như thầy Lý đã nói, chư Phật, Bồ Tát, thần tiên đều chẳng cứu được. Sanh lộ duy nhất của chúng ta là *"thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ"*. Vì mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều hành pháp bố thí, tuyệt đối chẳng có *"giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu"*. Đó là vì cái nhỏ nhặt mà đánh mất cái lớn lao. Những phần tử trí thức chỉ tham cầu một tí lợi ích rất nhỏ trước mắt, chẳng biết đã tạo thành khó khăn to lớn cho xã hội, chính mình trong tương lai sẽ bị đọa lạc, thật sự là chẳng thể kham suy tưởng được. Tầm nhìn của chúng ta hướng ra xa, sẽ liễu giải chân tướng sự thật này.

Vô úy bố thí bèn đạt được quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Vô úy là gì? Chúng ta thời thời khắc khắc, nơi nơi chốn chốn, đều có thể nghĩ đến sự an toàn và hạnh phúc của đại chúng trong xã hội, tận tâm tận lực giúp đỡ, hiệp trợ người khác. Những điều ấy đều thuộc loại vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, sống lâu. Chúng ta dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi để tu tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, quý vị đạt được quả báo tự nhiên là hết sức mỹ mãn. Hạnh phúc mỹ mãn là do tu được, người chẳng học Phật không hiểu rõ đạo lý này. Người học Phật mà chẳng thấu triệt, sẽ chẳng tin tưởng lời Phật dạy, chính là như kinh này đã nói: *"Thiện căn, phước đức, nhân duyên ít ỏi"*, chẳng nhiều! Kẻ ấy tuy tiếp xúc Phật pháp, nghe đức Phật giáo huấn, nhưng chẳng thể tin tưởng, chẳng thể làm theo, [dẫu] nghe mà giống như chẳng nghe, hết sức đáng tiếc!

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trược phối Chuyển Tướng, Hiện Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trược phối Chuyển Hiện giả. Kiến giả năng kiến, sở kiến dã. Tiền Nghiệp Tướng Năng Sở vị phân, thứ thành Chuyển Hiện. Tuy vô phân biệt, Năng Sở uyển nhiên, tâm cảnh cụ túc. Cố dĩ Kiến Trược phối Chuyển Hiện.

(鈔)次以見濁配轉相，現相。

(演)次以見濁配轉現者。見者能見所見也。前業相能所未分。次成轉現。雖無分別。能所宛然。心境具足。故以見濁配轉現。

(***Sao***: *Kế đó, phối ứng Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện Tướng.*

Diễn: *"Kế đó, phối ứng Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện*

Tướng": Kiến là năng kiến (chủ thể trông thấy) và sở kiến (đối tượng được thấy). Đối với Nghiệp Tướng trong phần trước, Năng và Sở chưa phân, kế đó, trở thành Chuyển Tướng và Hiện Tướng. Tuy chẳng có phân biệt, nhưng Năng và Sở rành rành, tâm và cảnh trọn đủ. Vì thế phối hợp Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện Tướng).

Đây là ba tế tướng. Tướng thứ nhất trong ba tế tướng là Nghiệp Tướng, Nghiệp là động. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Một niệm bất giác bèn có vô minh"*. Bất giác là động, điều gì động? Tâm đã động. Tâm động như thế nào? Khởi niệm. Chư vị phải biết: Tâm khởi niệm là vô minh, chẳng khởi niệm cũng là vô minh. Càng nói, chúng ta càng khó hiểu. Vì sao nói động và chẳng động đều là vô minh? Khi chẳng động, bến nước (ý nói tâm thủy) của quý vị bị vẩn đục, chẳng thanh tịnh. Hễ động, sẽ cuộn sóng. Tuy nó bất động, giống như đắc Định, Tứ Thiền, Bát Định, A La Hán đắc Cửu Thứ Đệ Định, công phu định lực càng sâu, [thế nhưng] A La Hán chẳng có trí huệ. Vì sao? Tâm thủy của họ chẳng thanh tịnh. Nếu định đạt đến một mức độ kha khá, tâm thủy đã trong, chẳng có vô minh, Thiền Tông gọi chuyện này là *"minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ"*, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai đều thông đạt, đều hiểu rõ, đó mới là phá vô minh. Nếu không, Định cũng là vô minh, mà chẳng Định cũng vẫn là ở trong vô minh. Chúng ta nhất định phải hiểu: Động cũng là vẩn đục, mà bất động cũng là vẩn đục. Nay chúng ta chẳng niệm Phật, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, chẳng nương cậy A Di Đà Phật, nói thẳng thừng chẳng có cách nào! Bất luận quý vị tu pháp môn nào, [chỉ đơn độc] mong cậy vào sức của chính mình để lìa khỏi vẩn đục, sợ rằng chẳng có một ai có thể làm được!

"Kiến" (見) là phân biệt. Vô minh và nghiệp vẫn chưa có phân biệt, chẳng có chấp trước, chỉ là động. Hễ động, bèn vẩn đục hết sức mỏng nhẹ. Đến đây, do đã có phân biệt, cho nên có Kiến. Sau khi đã có phân biệt, bèn hiện tướng. Khoa học hiện thời đã chia hết thảy các pháp thành hai loại lớn: Một loại là vật chất, loại kia là tinh thần. Phật pháp cũng chia hết thảy các pháp thành hai loại lớn: Một loại là tâm pháp, loại kia là sắc pháp. Chuyển Tướng là tâm pháp, tức là tinh thần, Hiện Tướng là vật chất, là sắc pháp. Tâm và vật có cùng nguồn. Phật pháp nói *"Sắc và Tâm cùng một Thể"*, cùng do một thứ biến hiện, thứ gì vậy? Vô Minh Nghiệp Tướng. Từ Nghiệp Tướng biến hiện, biến hiện ra hai loại là tâm và vật, nay chúng ta nói là tinh thần và vật chất.

(Sao) Thứ dĩ Phiền Não Trược phối Trí, Tương Tục, Chấp Thủ, Kế Danh Tự Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ phiền não phối Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ, Kế Danh giả, phiền não bất xuất ngã pháp nhị chấp. Ngã pháp phục phân câu sanh, phân biệt. Kim Trí vi câu sanh pháp, Tương Tục vi phân biệt pháp, Chấp Thủ vi câu sanh ngã, Danh Tự vi phân biệt ngã, tứ tướng giai thuộc phiền não đạo cố.

(鈔)次以煩惱濁配智、相續、執取、計名字相。

(演)次以煩惱配智相。相續相。執取。計名者。煩惱不出我法二執。我法復分俱生分別。今智為俱生法。相續為分別法。執取為俱生我。名字為分別我。四相皆屬煩惱道故。

*(**Sao**: Kế đến là phối ứng Phiền Não Trược với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng.*

***Diễn**: "Kế đến, đem phiền não phối ứng với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng": Phiền não chẳng ngoài hai thứ chấp là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Ngã Chấp và Pháp Chấp lại chia thành Câu Sanh và Phân Biệt. Nay Trí Tướng là Câu Sanh Pháp Chấp, Tương Tục Tướng là Phân Biệt Pháp Chấp, Chấp Thủ Tướng là Câu Sanh Ngã Chấp, Danh Tự là Phân Biệt Ngã Chấp. Bốn tướng đều thuộc về phiền não).*

Từ đây trở đi là sáu thô tướng. Trong phần trước là ba tế tướng, ở đây là sáu thô tướng. Trong thô tướng có chấp trước; trong tế tướng chẳng có chấp trước, chúng có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Ở đây là có chấp trước, tức là có Trí. Tâm Kinh nói *"vô trí mà cũng vô đắc"*, *"vô trí"* là đoạn hết sáu thô tướng. Tự cho chính mình là có Trí, hỏng rồi! Quý vị đọa trong sáu thô tướng, là phàm phu thứ thiệt, chẳng phải là thánh nhân. Tương Tục (相續) là phân biệt, chấp trước chẳng gián đoạn, niệm niệm tiếp nối. Chấp Thủ: Chấp (執) là chấp trước, Thủ (取) là chiếm hữu, nay chúng ta nói là *"dục vọng chiếm hữu"*. Dục vọng chiếm hữu do đâu mà có? Do Chấp Thủ Tướng mà ra. Kế Danh Tự Tướng là đối với hết thảy vạn pháp đều đặt cho chúng một cái tên. Danh là giả danh, chẳng thật. Lão Tử đã nói: *"Danh khả danh, phi thường danh"* (Cái tên mà gọi được thì chẳng phải là cái tên thường hằng), Ngài biết danh là giả, chẳng thật, chớ nên chấp trước. Chẳng liễu giải sự thật này,

chấp trước kiên cố đối với tướng danh tự, cũng sẽ tạo ra khá nhiều tội nghiệp, nguyên nhân là do cứ ngỡ danh tự là chân thật, chẳng biết là [danh tự của mọi pháp] đều là những cái tên giả đặt.

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Khởi Nghiệp Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ chúng sanh phối Khởi Nghiệp Tướng giả, chúng sanh giả, chúng pháp tương sanh, diệc xứ xứ thọ sanh, cố viết chúng sanh. Dĩ do tạo thiện ác bất động đẳng nghiệp, phương cảm chúng pháp, xứ xứ thọ sanh cố.

(鈔)次以眾生濁配起業相。

(演)次以眾生配起業相者。眾生者。眾法相生。亦處處受生。故曰眾生。以由造善惡不動等業。方感眾法。處處受生故。

*(**Sao**: Kế đó, đem Chúng Sanh Trược phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng.*

***Diễn**: "Kế đó, đem chúng sanh phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng": Chúng sanh là do các pháp hòa hợp mà sanh, lại cũng thọ sanh các nơi, nên gọi là "chúng sanh". Do tạo các nghiệp thiện, ác, bất động v.v... nên mới cảm vời các pháp, thọ sanh các nơi).*

Hoặc, Nghiệp, Khổ, [các tướng] Trí, Tương Tục, Chấp Thủ, Kế Danh Tự đều thuộc loại mê hoặc. Sau khi đã mê hoặc bèn tạo nghiệp, tức là Khởi Nghiệp Tướng. Sau khi đã tạo nghiệp, bèn có quả báo.

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trược phối Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Mạng Trược phối Nghiệp Hệ Khổ giả, Mạng Trược tức bát thức mạng căn, vi nhất kỳ chúng sanh chi tổng báo chủ, vi nghiệp sở hệ trụ thời quyết định bất đắc giải thoát cố.

(鈔)次以命濁配業繫苦相。

(演)次以命濁配業繫苦者。命濁即八識命根。為一期眾生之總報主。為業所繫住時決定不得解脫故。

*(**Sao**: Kế đó, phối ứng Mạng Trược với Nghiệp Hệ Khổ Tướng.*

***Diễn**: "Kế đó, phối ứng Mạng Trược với Nghiệp Hệ Khổ Tướng", Mạng Trược là tám thức, mạng căn, là cái chủ yếu trong quả báo nói chung của chúng sanh trong một giai đoạn [thọ sanh], khi bị nghiệp ràng buộc thì chắc chắn là chẳng được giải thoát).*

Đây là quả báo. Chúng ta thường nói chuyện này là lục đạo luân hồi. Chúng ta phải biết lục đạo luân hồi vì sao mà có? Ba tế tướng thuyết minh sự hình thành của vũ trụ, [nêu rõ] nguồn gốc của vũ trụ. Sáu thô tướng nhằm chỉ rõ vì sao có lục đạo luân hồi, xác thực là nói rất rành mạch. Ở đây, nhất định phải hiểu: Nhân như thế nào, sẽ có quả như thế ấy. Thiện nhân đắc thiện quả, do ác nhân đắc ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may. Đoạn tiếp theo là phối hợp [Ngũ Trược] tương ứng với Ngũ Ấm. Ngũ Ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

(Sao) Phối Ngũ Ấm giả, dĩ Kiếp Trược phối Sắc Ấm.

(鈔)配五陰者，以劫濁配色陰。

*(**Sao**: Phối ứng với Ngũ Ấm: Đem Kiếp Trược ghép với Sắc Ấm).*

Sắc là vật chất, nay chúng ta nói là thế giới và hoàn cảnh thiên nhiên.

(Sao) Vị không kiến bất phân, vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật, tánh vị hồn trược cố.

(Diễn) Dĩ Kiếp Trược phối Sắc Ấm giả, Lăng Nghiêm vân: "Nhữ kiến hư không, biến thập phương giới, Không Kiến bất phân, hữu Không vô thể. Hữu Kiến vô giác, tương chức vọng thành. Thị đệ nhất trùng danh vi Kiếp Trược". Thử tức thị dĩ Kiếp Trược phối Sắc Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị Không dữ Kiến tương chức, nhi vọng thành Sắc Ấm. Thử tức danh vi Kiếp Trược, khởi bất thị dĩ Kiếp Trược phối Sắc Ấm? Cái Tứ Đại căn trần đồng danh Sắc Ấm, nhi Không Kiến bất phân chi thời, căn trần hồn loạn, phi Kiếp Trược nhi hà? Phân Không, phân Kiến, bổn vô biên bạn. Cố vân Không Kiến bất phân. Dĩ vô thể chi Không, chức vô giác chi Kiến. Dĩ vô giác chi Kiến, chức vô thể chi Không, nãi vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật. Thử trạm viên minh tâm, vi ngoan không sở hồn, nhi thành Kiếp Trược, thị tánh vị hồn trược.

(鈔)謂空見不分，妄見空而兩無其實，性為渾濁故。

(演)以劫濁配色陰者。楞嚴云。汝見虛空。遍十方界。空見不分。有空無體。有見無覺。相織妄成。是第一重名為劫濁。此即是以劫濁配色陰也。以相織妄成。是空與見相織。而妄成色陰。此即名為劫濁。豈不是以劫濁配

色陰。蓋四大根塵同名色陰。而空見不分之時。根塵渾亂。非劫濁而何。分空分見。本無邊畔。故云空見不分。以無體之空。織無覺之見。以無覺之見。織無體之空。乃妄見空而兩無其實。此湛圓明心。為頑空所渾。而成劫濁。是性為渾濁。

(***Sao**: Nghĩa là Không và Kiến chẳng phân, hư vọng thấy có Không, nên cả hai đều chẳng thật, tánh bị vẩn đục vậy.*

***Diễn**: "Đem Kiếp Trược ghép với Sắc Ấm": Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ông thấy hư không trọn khắp các cõi trong mười phương. Do Kiến và Không chẳng tách lìa, chỉ có Không [mà chẳng có Kiến] thì chẳng có Thể, có Kiến [mà chẳng có Không] thì chẳng có Giác. Do Không và Kiến đan xen lẫn nhau, mà hư vọng tạo thành. Đấy là tầng thứ nhất, gọi là Kiếp Trược"[88]. Đấy chính là đem Kiếp Trược phối ứng với Sắc Ấm. "Do chúng đan xen vào nhau mà hư vọng tạo thành" tức là Không và Kiến đan xen vào nhau, hư vọng tạo thành Sắc Ấm. Điều này được gọi là Kiếp Trược. Há chẳng phải là đem Kiếp Trược phối ứng với Sắc Ấm ư? Bởi lẽ, Tứ Đại, Căn, Trần cùng gọi là Sắc Ấm, cho nên khi Không và Kiến chẳng phân, Căn và Trần lẫn lộn, chẳng phải là Kiếp Trược thì là gì? Chia ra Không và Kiến, vốn chẳng ngăn mé, nên nói là "Không và Kiến chẳng phân". Do cái Không chẳng có Thể đan xen với cái Kiến chẳng có Giác, hoặc dùng cái Kiến không có Giác để xen kết với cái*

---

[88] Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa. Pháp sư Viên Anh giảng: *"Nhữ kiến hư không: Nêu lên cái Không để biểu thị Tứ Đại như Địa Đại v.v... nêu lên Kiến để biểu thị năm món như Kiến Tinh (cái thấy trong trẻo, sáng suốt, tinh thuần, tức là tánh Thấy) v.v... Riêng nêu ra Kiến và Không vì hai thứ này đều trọn khắp mười phương thế giới, tướng trạng của chúng liên kết chặt chẽ hư vọng, dễ nhận biết. 'Không Kiến bất phân': Đồng thời cùng trọn khắp, chẳng thể tách rời, chỗ nào là giới hạn của Không? Chỗ nào là giới hạn của Kiến? Hai câu này nói lên cái Thể của Trược. 'Hữu Không vô Thể, hữu Kiến vô Giác': Nếu chỉ có Không mà chẳng có Kiến, thì cái Không sẽ chẳng có cái Thể để được. Bởi lẽ, chẳng có Kiến thì lấy gì để nêu tỏ cái Thể của Không? Nếu chỉ có Kiến mà chẳng có Không, thì Kiến sẽ chẳng có cái được Giác, tức là chẳng có Trần để hiển lộ Căn. 'Tương chức vọng thành': Do Kiến và Không đan xen lẫn nhau, như từng sợi ngang, từng sợi dọc [trong một tấm vải], đan bện chặt chẽ, chẳng tách rời. Kiến và Không đã là như vậy thì Kiến và Sắc cũng vậy. Nhãn Căn đã là như vậy thì các căn khác cũng vậy. Căn và Trần phối ứng với nhau, vẩn đục chân tánh, che lấp diệu minh, nên trở thành cái tướng của Kiếp Trược".*

Không chẳng có Thể, cho nên cả hai thứ Kiến và Không đều là hư vọng, chẳng thật. Cái tâm lắng trong, viên minh ấy bị vẩn đục bởi cái ngoan không (cái Không trơ trơ), nên tạo thành Kiếp Trược, đó là tánh bị vẩn đục).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng Ngũ Trược tỉ mỉ hơn kinh này, vì kinh văn của kinh Lăng Nghiêm dài, trong hội Lăng Nghiêm đều là hàng Bồ Tát có trí huệ cao sâu, sung mãn. Đức Phật nói với các vị Bồ Tát ấy, đương nhiên cách nói chẳng giống như khi nói với chúng ta là những kẻ sơ học. Đối với chúng ta, nói đơn giản là được rồi, chứ đối với những vị ấy, phải nói chi tiết. Để nghiên cứu Lăng Nghiêm, có thể nhập môn từ bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. *"Không Kiến bất phân"*: Không là hư không, Kiến là năng kiến (chủ thể để thấy), hư không là sở kiến (đối tượng được thấy). [Không Kiến bất phân] là Năng và Sở là một, chẳng hai. *"Vọng Kiến Không nhi lưỡng vô kỳ thật"* (Kiến và Không hư vọng, cả hai đều chẳng thật), Không chẳng phải là thật. Không vốn là thật; lìa khỏi Kiến, Không là thật. Hễ có Kiến trong ấy, Không sẽ biến thành Ngoan Không (cái Không trơ trơ, rỗng tuếch), chẳng phải là Chân Không. Hỏng ở chỗ có Kiến. Hiện thời, có ai trong chúng ta chẳng có Kiến? Do vậy, chúng ta đều chẳng thể thành Phật. Nếu chúng ta chẳng có Ngã Kiến, chúc mừng quý vị, nếu quý vị chẳng phải là Phật, thì đại khái cũng thuộc hàng Pháp Thân đại sĩ, hoặc hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Hễ gặp vấn đề bèn *"cách nhìn của ta là như thế nào?"* Kết quả, *"cách nhìn của ta"* chính là Kiến, tức là quý vị có Kiến. *"Cách nghĩ của ta như thế nào?"* chính là phiền não, tức Phiền Não Chướng, chính là Phiền Não Trược trong Ngũ Trược. Kiến giải của ta như thế nào? Cách nhìn của ta như thế nào? Quý vị liền vướng vào Kiến Trược. Lời đức Phật dạy xác thực là chân tướng sự thật. Chúng sanh mê như thế nào, đức Phật hiểu rõ ràng, rành rẽ. Bản thân chúng ta hồ đồ, năng kiến đã chẳng thật, đương nhiên là sở kiến càng hư vọng, nhưng chúng ta chấp trước, ngỡ là thật sự có năng kiến và sở kiến.

"Tánh vị hồn trược" (Tánh bị vẩn đục), tâm tánh vốn sẵn thanh tịnh bèn mê, chẳng trông thấy. Cái mê ấy phiền toái lắm, càng mê càng sâu hơn. Thứ này rất đáng ghét. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu: Trong đời này, nếu chúng ta chẳng thể vãng sanh, quả báo trong đời sau chắc chắn sẽ thua kém đời này, sẽ chẳng thể tốt đẹp bằng đời này. Dẫu quý vị rất thích tu phước, tu bố thí, nhưng quý vị

chẳng biết tu huệ. Có phước mà chẳng có huệ, quá nguy hiểm! Nhà Phật nói *"tam thế oán"*, đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc, đọa trong tam đồ, chính là vì chẳng nghiêm túc tu huệ, chuyên môn tu phước.

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm giả, Lăng Nghiêm vân: "Nhữ thân hiện đoàn Tứ Đại vi Thể, kiến, văn, giác, tri, ung linh lưu ngại, thủy, hỏa, phong, thổ, toàn linh giác tri, tương chức vọng thành. Thị đệ nhị trùng, danh vi Kiến Trược". Thử tức thị dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị lục căn dữ Tứ Đại tương chức, nhi vọng thành Thọ Ấm. Dĩ kỳ kiến cảnh lãnh nạp, hồn trược chân tánh, tức danh Kiến Trược, khởi bất thị dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm?

(鈔)次以見濁配受陰。

(演)次以見濁配受陰者。楞嚴云。汝身現摶四大為體。見聞覺知壅令留礙。水火風土旋令覺知。相織妄成。是第二重名為見濁。此即是以見濁配受陰也。以相織妄成。是六根與四大相織。而妄成受陰。以其見境領納。渾濁真性。即名見濁。豈不是以見濁配受陰。

*(**Sao**: Kế đó, đem Kiến Trược ghép tương ứng với Thọ Ấm.*

***Diễn**: "Kế đó, ghép Kiến Trược tương ứng với Thọ Ấm": Kinh Lăng Nghiêm nói: "Thân ông nay do gom góp Tứ Đại làm Thể. Thấy, nghe, hay, biết do bị ngăn lấp mà trở thành chướng ngại, nước, lửa, gió, đất bị chuyển thành có hay biết, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ hai, gọi là Kiến Trược"[89]. Đấy chính là đem Kiến Trược phối ứng*

[89] Pháp sư Viên Anh giảng: *"Nhữ thân hiện đoàn, Tứ Đại vi Thể: Hai câu này nói tới cái Thể của Kiến Trược. Nghĩa là cái thân hiện tại của các ông do gom góp Tứ Đại giả hợp, dùng chúng làm tự Thể. Đã có thân tướng, bèn có sáu căn. Do từ một cái tinh minh (chân tánh bổn tâm) chia ra, mà thành thấy, nghe, hay, biết v.v... lục tinh (sáu thứ tinh minh, tức chân tánh khởi tác dụng qua đặc tánh của sáu căn). Vốn là một tinh minh, do bị Tứ Đại đất, nước, gió, lửa ngăn ngại, bèn trở thành sáu căn, chia thành sáu thứ hòa hợp. Vốn chẳng bị ngăn ngại, mà thành có ngăn ngại. Mắt chỉ có thể thấy, cho đến thức chỉ có thể biết. Tứ Đại đất, nước, gió, lửa vốn là vật vô tri, có thể chuyển biến thành giác tri. 'Toàn' (旋) là xoay chuyển, tức là chúng bị lục tinh xoay chuyển, chuyển cái chẳng có giác tri thành có giác tri. 'Đan xen hư vọng*

với Thọ Ấm. "Đan xen hư vọng mà thành" tức là sáu căn và Tứ Đại đan quyện vào nhau, hư vọng tạo thành Thọ Ấm. Do nó thấy cảnh bèn lãnh nạp, khiến cho chân tánh bị vẩn đục, nên gọi là Kiến Trược. Há chẳng phải là đem Kiến Trược phối ứng với Thọ Ấm ư?)

Trong Ngũ Uẩn, Sắc pháp nói khá đơn giản, chỉ có một điều, còn Tâm pháp nói khá cặn kẽ, bao gồm Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói Tâm pháp tỉ mỉ, chính là vì đức Phật nói với kẻ mê Sắc nhẹ, mê tâm nặng nề. Kiến được nói ở đây chính là "thành kiến" như chúng ta thường gọi, tức là quan niệm chủ quan. Kẻ có thành kiến, có quan niệm chủ quan, người có quan niệm rất nặng nề thì sự cảm nhận của người ấy cũng đặc biệt nhạy bén.

"Thọ" là gì? Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, kẻ ấy cảm nhận rất dễ dàng. Năm thứ cảm nhận ấy cũng chẳng thật. Từ khóa học dành cho sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp của Đài Trung Liên Xã, [thầy Lý] đã biên soạn Thập Tứ Giảng Biểu, [trong ấy], bài giảng thứ tư [nói về đề tài] *"quán Thọ là khổ". "Thọ"* trong ấy là thuần túy nói về Thọ của lục đạo phàm phu, thật sự khổ! Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả: Khổ là Khổ Khổ, Lạc là Hoại Khổ, lạc chẳng thật. Vì sao? Lạc chẳng lâu dài, Khổ là dài lâu, Lạc là tạm thời, Ưu là lâu dài, Hỷ là ngắn ngủi, tạm bợ. Đời người sống trong ưu khổ, hoạn nạn, phải giác ngộ điều này. Đời này của chúng ta là như thế, phải biết là đời đời kiếp kiếp đều là như vậy. Đời sau còn mong làm người nữa hay chăng? Vẫn mong luân hồi trong lục đạo hay chăng? Lục đạo luân hồi giống như một con ốc vít, một mực vặn xuống, chẳng thể vặn lên trên được. Do đó, mỗi đời sau sẽ kém hơn đời trước, đời sau khổ hơn đời trước. Nếu quý vị hỏi: "Vì sao thầy nói chắc nịch như vậy, mỗi đời sau sẽ khổ hơn đời trước?" Thật ra, đạo lý này rất đơn giản. Chỉ cần quý vị tự nghiêm túc suy nghĩ, phản tỉnh. Chúng ta từ sáng đến tối, từ ngày đầu năm cho đến Ba Mươi tháng Chạp, khởi tâm động niệm nghĩ tưởng những gì? Chúng ta mở miệng bèn nói gì? Chúng ta làm những gì? Quý vị biết ngay. Ba nghiệp chúng ta tạo thiện nhiều hay làm ác nhiều? Nếu ba nghiệp tạo ác nhiều hơn thiện, đời sau chẳng bằng đời này! Nếu như ba nghiệp của chúng ta tạo thiện nhiều hơn ác, đời sau

---

mà thành': Tri và vô tri, đan kết chặt chẽ với nhau, cũng như từng sợi ngang, sợi dọc [trong một tấm vải], đan bện chặt chẽ, chẳng tách rời, nhiễu loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng Kiến Trược, tổng cộng là sáu mươi hai món Kiến, lấy Thân Kiến làm đầu".

nhất định tốt đẹp hơn đời này. Tiêu chuẩn của thiện ác là ở chỗ nào? Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, đó là thiện. Lợi ích chính mình, lợi ích gia đình của ta, đó là ác. Vì thế, phàm đối với chuyện gì, nếu ý niệm đầu tiên là suy xét coi nó có lợi ích cho chính mình hay không; đó là đại ác, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Phải học theo Phật, Bồ Tát, khởi tâm động niệm bèn nghĩ tới hết thảy chúng sanh, chẳng nghĩ tới chính mình. Hiện thời, có mấy ai khởi tâm động niệm bèn nghĩ tới hết thảy chúng sanh, nghĩ đến đại chúng trong xã hội, chẳng nghĩ tới chính mình? Một người làm, đó là biệt nghiệp, biệt báo; mọi người cùng nhau tạo tác, sẽ là cộng nghiệp, cộng báo. Chuyện này phiền phức to tát.

(Sao) Thứ dĩ Phiền Não Trược phối Tưởng Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Phiền Não Trược phối Tưởng Ấm giả, kinh vân: "Hựu nhữ tâm trung ức thức, tụng tập, tánh phát tri kiến dung hiện lục trần. Ly trần vô tướng, ly giác vô tánh, tương chức vọng thành. Thị đệ tam trùng, danh Phiền Não Trược". Thử tức thị dĩ Phiền Não Trược phối Tưởng Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dữ lục trần tương chức, nhi vọng thành Tưởng Ấm. Ký thủ trước sở lãnh, tắc nhiễu loạn thậm tiền. Ký hồn chân tánh, tức danh Phiền Não Trược, khởi bất thị dĩ phiền não phối Tưởng Ấm?

(鈔)次以煩惱濁配想陰。

(演)次以煩惱濁配想陰者。經云。又汝心中憶識誦習。性發知見容現六塵。離塵無相。離覺無性。相織妄成。是第三重名煩惱濁。此即是以煩惱濁配想陰也。以相織妄成。是知見與六塵相織。而妄成想陰。既取著所領。則擾亂甚前。既渾真性即名煩惱濁。豈不是以煩惱配想陰。

*(**Sao**: Kế đó, đem Phiền Não Trược ghép với Tưởng Ấm.*

***Diễn**: "Kế đó, đem Phiền Não Trược ghép với Tưởng Ấm": Kinh nói: "Lại do trong tâm ông nhớ tưởng, nhận biết, ôn luyện, tánh bèn dấy lên tri kiến hòa nhập sáu trần. Lìa trần thì không có tướng, lìa giác thì không có tánh, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ ba gọi là Phiền Não Trược"*[90]*. Đấy chính là đem Phiền Não Trược phối ứng với*

[90] Pháp sư Viên Anh giảng: *"Hựu nhữ tâm trung, ức thức, tụng tập, ý nói: Trong cái tâm sáu thức vọng tưởng, nghĩ nhớ cảnh duyên quá khứ, nhớ kỹ chẳng quên. Nhận*

Tưởng Ấm. "Do đan xen hư vọng mà thành", tức là tri kiến và lục trần đan quyện vào nhau, hư vọng tạo thành Tưởng Ấm. Do chấp trước những gì đã tiếp nhận, nên nó quấy nhiễu chân tánh mạnh hơn [những thứ Trược] trước đó. Do nó vẩn đục chân tánh, nên gọi là Phiền Não Trược. Há chẳng phải là đã ghép phối ứng Phiền Não Trược với Tưởng Ấm ư?)

Đây cũng là chỉ rõ: Phiền não sanh từ vọng tưởng. Quý vị chẳng dấy vọng tưởng, lấy đâu ra phiền não? Phiền não là gì? Quá nhiều! Vô lượng vô biên. Đức Phật thuyết pháp, đã quy nạp phiền não thành hai mươi sáu loại, giống như hai mươi sáu món phiền não được nói trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Trong hai mươi sáu món ấy, có sáu món được gọi là Căn Bản Phiền Não[91], những món khác được gọi là Tùy Phiền Não. Trong Tùy Phiền Não, có Đại Tùy Phiền Não, Trung Tùy Phiền Não, và Tiểu Tùy Phiền Não[92], tổng cộng hai mươi món. Đấy là

---

biết, nắm giữ cảnh được duyên (sở duyên cảnh) trong hiện tại, đắm nhiễm chẳng bỏ, ôn luyện cảnh vị lai để chuẩn bị tính toán. Hai câu này nêu ra cái Thể của Phiền Não Trược. 'Tánh phát tri kiến, dung hiện lục trần': Tánh chính là cái tánh có thể tưởng của sáu thức, nương vào sáu căn, phát khởi sáu thứ vọng tưởng thấy, nghe, ngửi, nếm, hay, biết. Năm thứ đầu là đồng thời ý thức, vì sanh khởi cùng một lúc với năm thức. Còn Biết là độc đầu ý thức (chẳng cùng sanh khởi với năm thức kia). Nêu ra hai chữ Tri Kiến là đã bao gồm cả sáu thức. 'Dung' là do tưởng tướng trạng của sáu trần, mà hiện ra có sáu trần cảnh. 'Ly trần vô tướng, ly giác vô tánh': Nếu sáu thức lìa khỏi cảnh giới sáu trần, thì các trần để cho thức duyên vào đã mất, cái thức có tác dụng duyên theo các trần ấy cũng bị mất đi. Vì thế, chẳng có thức tướng để có thể được. Nếu sáu trần lìa khỏi vọng giác của sáu thức, thì chủ thể để chấp giữ chẳng sanh, đối tượng được chấp giữ cũng là không, chẳng có tánh của trần nữa. 'Tương chức vọng thành': Vọng giác và vọng trần đan xen lẫn nhau, cũng như sợi ngang và sợi dọc, đan bện chặt chẽ, chẳng tách rời. Vì thế, duyên trần tưởng niệm, tham luyến chẳng ngưng nghỉ, tạo thành tướng của Phiền Não Trược".

[91] Căn Bản Phiền Não là tham, sân, si, mạn, nghi và bất chánh kiến. Bất Chánh Kiến thật ra bao gồm năm loại lợi sử (tức Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến).

[92] Đại Tùy Phiền Não gồm Bất Tín, Giải Đãi, Hôn Trầm, Điệu Cử (lao chao), Phóng Dật (buông lung), Thất Niệm (không giữ được chánh niệm), Tán Loạn và Oa Tri (hiểu biết lệch lạc, tà vạy).

Trung Tùy Phiền Não gồm: Vô Tàm và Vô Quý (Tàm và Quý đều là hổ thẹn, Tàm là tự thẹn, Quý là hổ thẹn đối với người khác).

Tiểu Tùy Phiền Não gồm: Phẫn, Hận, Não, Phú (giấu diếm), Cuống (dối trá), Siểm (dua nịnh), Kiêu, Hại, Tật (ganh ghét), Xan (keo kiệt).

hai mươi loại lớn. Lại quy nạp, sẽ là tham, sân, si trong Căn Bản Phiền Não, những món này được gọi là Tam Độc. Những thứ này độc địa nhất, chẳng có gì độc địa hơn. Bất cứ độc dược nào trong thế gian cũng đều chẳng thể sánh bằng ba điều này, thua kém quá xa, đơn giản là chẳng thể sánh bằng. Nay chúng ta đều đang trúng độc, lại còn trúng độc rất sâu. Vì thế, tiếp nhận Phật pháp khá khó khăn.

Phật pháp là pháp thanh tịnh, chắc chắn là tương phản với Tam Độc. Cổ đức tỷ dụ: Phật pháp là đề-hồ, đề-hồ là thức uống ngon nhất. Chúng ta dùng một cái chén để tiếp nhận đề-hồ. Cái chén ấy vốn để đựng thuốc độc. Thuốc độc chưa rửa sạch, đổ đề-hồ vào đó, đề-hồ cũng biến thành độc dược. Chuyện này ví như trạng huống học Phật của chúng ta trong hiện thời. Chúng ta đã tiếp nhận Phật pháp, nhưng đem chứa nó trong đồ đựng Tam Độc. Vì thế, Phật pháp vào trong tâm chúng ta bèn biến chất. Nó vốn là thanh lương, là vô thượng pháp bảo, tiến nhập cái tâm của chúng ta cũng biến thành Tam Độc. Có những kẻ càng học Phật, phiền não càng nặng nề. Hãy nên biết điều này, vì đồ chứa của họ chẳng sạch sẽ.

Vì thế, tu học Phật pháp thì học khởi đầu từ đâu? Học khởi đầu từ đoạn phiền não. Tứ Hoằng Thệ Nguyện dạy chúng ta trình tự tu học chẳng thể đảo loạn, chẳng thể điên đảo. Nhập Phật môn, điều thứ nhất là khuyên quý vị phát nguyện. Vì sao? Nguyện là động lực tu học, nó có thể thúc đẩy quý vị vĩnh viễn tinh tấn chẳng biếng nhác. Quý vị chẳng có nguyện lực, sẽ mệt mỏi, chán nản, sẽ thoái chuyển. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, điều này là động lực. Vì sao quý vị chịu nghiêm túc nỗ lực tu học, chẳng sợ hết thảy khó khăn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển? Do nguyện lực này thôi thúc quý vị.

Học bắt đầu từ nơi đâu? Học khởi đầu từ đoạn phiền não, *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Sau khi đã đoạn phiền não, mới có thể học pháp môn. Chẳng đoạn phiền não, chẳng thể học pháp môn. Từ xưa tới nay, tổ tổ tương truyền, đều dạy quý vị thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, nhằm mục đích nào? Nhằm đoạn phiền não. Nói cách khác, chỉ có một môn thì mới có thể tu tâm thanh tịnh. Quý vị có phiền não, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Dùng một môn để tu cái tâm thanh tịnh, bất luận tông phái nào hay pháp môn nào đều chẳng thể trái nghịch nguyên tắc này. Nguyên tắc này xuất phát từ Tứ Hoằng Thệ Nguyện, cho đến khi phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, khi ấy bèn có thể "*pháp*

môn vô lượng thệ nguyện học”.

Kinh Hoa Nghiêm là một tấm gương tốt nhất [về chuyện “thâm nhập một môn”]. Thiện Tài đồng tử và chư đại Bồ Tát đã nêu gương và biểu diễn cho chúng ta thấy. Thiện Tài đồng tử ở trong hội của Văn Thù Bồ Tát, so với năm mươi ba lần tham học, hội ấy được gọi là *“bổn hội”* (hội gốc). Thiện Tài đồng tử tham phỏng Văn Thù Bồ Tát, thâm nhập một môn, đoạn phiền não. Phiền não đã đoạn, trí huệ mở mang, Văn Thù Bồ Tát cho Ngài đi tham học, đó gọi là *“năm mươi ba lần tham học”*. Tham học chính là *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*. Chẳng đoạn phiền não, chẳng có tư cách tham học. Đã đoạn phiền não, trí huệ hiện tiền; khi ấy, bèn có tư cách tham học. Tham học chẳng đơn giản, chẳng phải là ai nấy hễ học Phật bèn có thể tham học, chẳng có lẽ ấy! Đây là nói rõ tầm quan trọng của việc đoạn phiền não, cũng như [nói rõ] phiền não đối với chuyện chướng ngại minh tâm kiến tánh có mức độ to lớn dường nào!

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm giả, kinh vân: “Hựu nhữ triêu tịch sanh diệt bất đình, tri kiến mỗi dục lưu ư thế gian, nghiệp vận mỗi thường thiên ư quốc độ, tương chức vọng thành. Thị đệ tứ trùng, danh Chúng Sanh Trược”. Thử tức thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dữ nghiệp vận tương chức, nhi vọng thành Hành Ấm, nhi khứ lưu giả hợp, hồn trược chân tánh, tức danh Chúng Sanh Trược, khởi bất thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm?

(鈔)次以眾生濁配行陰。

(演)次以眾生濁配行陰者。經云。又汝朝夕生滅不停。知見每欲留於世間。業運每常遷於國土。相織妄成。是第四重名眾生濁。此即是以眾生濁配行陰也。以相織妄成。是知見與業運相織。而妄成行陰。而去留假合。渾濁真性。即名眾生濁。豈不是以眾生濁配行陰。

*(**Sao**: Kế đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ấm.*

***Diễn**: “Kế đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ấm”: Kinh nói: “Ông lại sáng tối sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thường mong ở trong thế gian, nghiệp vận thường đổi dời trong cõi nước, đan xen hư*

vọng mà thành. Đó là tầng thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trược"[93]*. Đây chính là đem Chúng Sanh Trược phối ứng với Hành Ấm. "Do đan xen hư vọng mà thành" tức là tri kiến và nghiệp vận đan xen, hư vọng tạo thành Hành Ấm, nhưng bỏ, giữ, giả hợp, vẩn đục chân tánh, bèn gọi là Chúng Sanh Trược. Há chẳng phải là dùng Chúng Sanh Trược phối ứng với Hành Ấm ư?)*

"Hành" ở đây là tạo tác, Hành (行) là hành vi. Trong Phật pháp, thường nói là "tu hành". Đối với Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chẳng nói tu Sắc, tu Tưởng, hoặc tu Thọ. Hằng ngày nói đến "tu hành", chính là nhằm nói rõ: Trong năm loại lớn ấy, Hành hết sức trọng yếu. Nói với ai? Nói với bọn phàm phu chúng ta! Nói cách khác, hành vi của bọn phàm phu chúng ta chẳng kiểm điểm nhất, dễ phạm lỗi nhất. Vì thế, đức Phật đặc biệt đổ công dốc sức nơi chữ này, dạy quý vị phải tu hành. Đương nhiên là chúng ta hiểu rõ: Trong năm chữ ấy, tùy tiện nói một chữ, thảy đều bao gồm toàn bộ. Hễ nói "tu hành" thì bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng trước đó, và bao gồm Thức sau đó.

Đây là nói với hàng phàm phu, hành trì chẳng thể không kiểm điểm. Đức Phật yêu cầu chúng ta phải nghiêm trì giới luật. Nghiêm trì giới luật là nói phối ứng với Hành Ấm. Tư tưởng, lời nói, hành vi tạo tác, khởi tâm động niệm của chúng ta đều phải tương ứng với giáo huấn trong kinh điển. Nói cách khác, giáo huấn trong kinh điển là tiêu chuẩn để chúng ta tu hành. Tuy chúng ta tu Tịnh Độ, tin tưởng Tịnh Độ, yêu thích Tịnh Độ, chúng ta có thể tiếp nhận, cũng nguyện sanh Tịnh Độ, nay vẫn chưa mong vãng sanh! [Nếu như] hiện tại đã mong vãng sanh, vậy thì đơn giản lắm! Một câu Phật hiệu A Di Đà Phật là được rồi, những thứ khác đều chẳng cần thiết. Vì hiện thời quý vị chẳng mong vãng sanh, cho nên tôi mới khuyên quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ.

---

[93] Pháp sư Viên Anh giảng: *"Tri kiến thường mong ở trong thế gian: Do phàm phu không ai chẳng là tham sống, sợ chết. Vì thế, nương vào cái tri kiến từ Ngã Chấp, thường muốn ở mãi trong thế gian. Đã tròn một trăm tuổi, vẫn mong sống đến một trăm hai mươi tuổi. Đấy là nói theo cái tâm. Hiềm rằng Hành Ấm dời chuyển khít khao, nghiệp vận thường thúc đẩy, chẳng có chút tự do nào, bỏ mạng chỗ này, sanh sang chỗ kia, cõi nước đổi dời. Đó là nói theo cái thân. 'Đan xen mà hư vọng tạo thành': Thân hư vọng, tâm hư vọng, thường đổi dời mà muốn giữ mãi, đan xen lẫn nhau, cũng như từng sợi ngang, sợi dọc, đan bện chặt chẽ, chẳng tách lìa, nhiễu loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng của Chúng Sanh Trược".*

Quý vị phải hiểu đạo lý này! Hiện thời, [đã là] thật sự mong vãng sanh thì chẳng cần niệm kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu là được rồi.

Hiện thời, chẳng mong vãng sanh, vẫn còn lưu luyến thế giới này; do vậy, mới bảo quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ. Đọc kinh Vô Lượng Thọ nhằm dụng ý gì? Vun bồi cơ sở Giới, Định, Huệ của quý vị, khiến cho Tam Học Giới, Định, Huệ của quý vị tăng trưởng hằng ngày. Kinh niệm rất thuộc, nhớ kỹ từng câu rất minh bạch, trong cuộc sống, đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, sẽ nghĩ trong kinh đức Phật đã nói như thế nào? Ta khởi ý niệm, ý niệm ấy có nên dấy lên hay chăng? Ta nói lời này, lời ấy có nên nói hay chăng? Ta có một tiêu chuẩn, tiêu chuẩn ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là A Di Đà Phật, chúng ta dùng A Di Đà Phật làm tiêu chuẩn để tu hành, như vậy thì trong tương lai, sẽ vãng sanh dễ dàng. Vì sao? Tâm nguyện giải hạnh của chúng ta tương ứng với A Di Đà Phật, há có lẽ nào chẳng vãng sanh? Không chỉ là được vãng sanh, mà phẩm vị còn nhất định rất cao. Đấy là mục đích của việc đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ.

Một bộ kinh sẽ chuyên chú dễ dàng, chuyên tâm niệm, tâm sẽ được thanh tịnh, có thể đoạn phiền não! Phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng cần đoạn, tự nhiên chúng sẽ giảm nhẹ, dùng phương pháp này để đạt tới *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Từ trên cơ sở này, đặt vững *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Trong một đời này, chúng ta chẳng có thời gian để tu học hết thảy các pháp môn, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, y báo và chánh báo ở bên đó đều đạt tới mức viên mãn rốt ráo. Vì thế, vô lượng vô biên pháp môn đều được hoàn thành trong hội của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Chúng ta thực hiện hai nguyện đầu của Tứ Hoằng Thệ Nguyện trong hiện thời, đối với hai nguyện sau là "tu pháp môn, thành Phật đạo", đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lại thực hiện. Như vậy thì sẽ ổn thỏa, thích đáng.

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trược phối Thức Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Mạng Trược phối Thức Ấm giả, kinh vân: "Nhữ đẳng kiến văn nguyên vô dị tánh, chúng trần cách việt, vô trạng dị sanh. Tánh trung tương tri, dụng trung tương bối, đồng dị thất chuẩn, tương chức vọng thành. Thị đệ ngũ trùng, danh vi Mạng Trược". Thử tức thị dĩ Mạng Trược phối Thức Ấm dã, dĩ tương chức vọng thành, thị nhất đồng, nhất dị, như kinh vĩ mật chức, nhi thành Thức Ấm. Nhi

thức trụ mạng tồn, thức khứ mạng tạ, hồn trược chân tánh, tức danh Mạng Trược, khởi bất thị dĩ Mạng Trược phối Thức Ấm?

(鈔)次以命濁配識陰。

(演)次以命濁配識陰者。經云。汝等見聞元無異性。眾塵隔越無狀異生。性中相知。用中相背。同異失準。相織妄成。是第五重名為命濁。此即是以命濁配識陰也。以相織妄成。是一同一異。如經緯密織。而成識陰。而識住命存。識去命謝。渾濁真性。即名命濁。豈不是以命濁配識陰。

(***Sao***: *Kế đó, đem Mạng Trược ghép với Thức Ấm.*

Diễn: *"Kế đó, đem Mạng Trược ghép với Thức Ấm": Kinh nói: "Cái Thấy và cái Nghe của các ông vốn chẳng khác tánh, do các trần cách biệt mà không gì chẳng dường như là khác tánh. Luận theo tánh thì biết là [tánh của sáu căn] thông tỏ lẫn nhau [nên là tương đồng], xét theo Dụng thì chúng trái nghịch nhau, đồng và dị mất chuẩn định, đan xen hư vọng mà thành. Đấy là tầng thứ năm gọi là Mạng Trược"*[94]*. Đây chính là đem Mạng Trược phối hợp với Thức Ấm. "Do đan xen hư vọng*

---

[94] Pháp sư Viên Anh giảng: *"Món Trược này nương vào Thức Ấm, tức là nói đến thức thứ tám. Thức thứ bảy thuộc về Hành Ấm, thức thứ sáu thuộc về Tưởng Ấm. Bởi lẽ, xét theo phía chúng sanh, thức thứ tám là 'đến trước, đi sau, làm ông chủ'. Thọ mạng và thức thức tám có mối quan hệ liên đới. Người sống mà thức thứ tám chưa lìa khỏi thì thọ mạng chưa tận. Thức thứ tám rời khỏi thân thể, thọ mạng liền chấm dứt. Vì thế, Mạng Trược nương vào Thức Ấm. 'Cái Thấy và cái Nghe của ông tánh vốn chẳng khác': Cái Thấy, Nghe, Hay, Biết của các ông chính là Kiến Tinh, Văn Tinh v.v... nơi các căn, chẳng phải là sự thấy nghe từ sáu thức. Chúng vốn là một Thể, chẳng phải là khác tánh. 'Các trần cách biệt': 'Các trần' chỉ sáu trần sáng, tối, động, tĩnh v.v... Các căn hòa hợp với Trần, mỗi mỗi đều mở bày. Do vậy, cách lìa Nhất Thể, trở thành lục tinh (sáu cái trong suốt, tinh túy), không gì chẳng dường như là khác tánh. Nhưng xét theo tánh để luận, sáu tác dụng vốn là cùng một Thể, là chuyện trong cùng một nhà. Tri giác thông tỏ lẫn nhau, là tương đồng, chẳng khác. Nếu xét theo Dụng để luận định, một Thể đã trở thành sáu tác dụng, không gì là chẳng có đây kia, chống trái lẫn nhau, tức là sai khác, chẳng đồng. 'Đồng và dị mất chuẩn định', 'đan xen mà hư vọng tạo thành': Đối với chuẩn định thì đồng chẳng phải là nhất định đồng, mà dị thì chẳng phải là nhất định dị. Vì thế nói là 'đồng và dị mất chuẩn định'. Một đồng, một dị, đan quyện vào nhau, cũng như sợi ngang xen lẫn sợi dọc, đan bện chặt chẽ chẳng tách rời, nhiễu loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng của Mạng Trược".*

tạo thành": Một đồng, một dị, như sợi dọc và sợi ngang đan bện chặt chẽ, tạo thành Thức Ấm. Thức trụ, mạng còn; thức rời đi, mạng mất. Vẩn đục chân tánh, nên gọi là Mạng Trược. Há chẳng phải là đem Mạng Trước phối ứng với Thức Ấm ư?)

Chúng ta là hữu tình chúng sanh, nói theo cách hiện thời thì là "động vật". Con người thuộc loại động vật, thọ mạng của động vật do Thức [quyết định]. Người thế gian gọi Thức là "tinh thần", dân gian Trung Hoa gọi Thức là "linh hồn". Linh hồn lìa khỏi thân thể, thân thể này sẽ là xác chết. Thời gian tồn tại [của thân xác sau khi thức đã rời khỏi] rất ngắn ngủi, chừng mấy giờ hoặc một, hai ngày liền mục nát, còn có mùi thối! Con người có thể sống là do linh hồn ở trong nhục thể. Phật giáo chẳng gọi nó là "linh hồn", mà gọi là Thức. Kinh nói là *"thức thần"*, Duy Thức nói nó chính là thức thứ tám, tức A Lại Da Thức. Nó *"đến trước, đi sau"*, đầu thai thì nó đến đầu tiên. Đến lúc chết, nó đi cuối cùng. Người đã chết, đã ngừng hô hấp, nhưng trên người còn có độ ấm, chứng tỏ A Lại Da Thức chưa rời đi. Nếu thức hoàn toàn rời khỏi, chẳng còn có độ ấm nữa. Đức Phật bảo chúng ta, sanh tử là đại sự trong đời người! Sau khi một người đã tắt hơi, nói thông thường, trong vòng tám tiếng đồng hồ, thức thần của người ấy hoàn toàn chưa lìa khỏi. Nói cách khác, nếu quý vị đụng chạm, sờ mó người ấy, tuy người ấy chẳng thể nói năng, vẫn nhận biết rõ ràng, rành mạch. Vì thức bao gồm tám thức, [các thức nơi] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều lìa khỏi, [nhưng A Lại Da Thức vẫn còn]. Nói cách khác, [các thức khác] thảy đều chẳng khởi tác dụng, thức thứ tám là A Lại Da vẫn khởi tác dụng. Thông thường là sau tám tiếng đồng hồ, thức sẽ lìa khỏi, lúc ấy mới là thật sự đã chết. Các sách Sức Chung Tu Tri (những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) và Sức Chung Tân Lương (hướng dẫn về sự giúp đỡ dành cho người lâm chung), đã căn cứ trên những điều được dạy trong kinh luận nhà Phật mà giảng giải chuyện này rất rõ ràng, chớ nên không biết. Quý vị hiểu rõ, sẽ có thể giúp đỡ người ấy. Sau khi người ấy đã chết, sẽ sanh đến chỗ tốt đẹp, chớ nên chướng ngại, gây khó khăn cho người ấy. Nếu khiến cho người ấy sân hận, khiến cho người ấy tham luyến; nói cách khác, quý vị giúp người ấy vào trong ba ác đạo. Quý vị tạo cái nhân ác đó, trong tương lai cũng phải hứng chịu quả báo ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta tạo nhân, bất luận hữu ý hay vô ý, đều phải lãnh nhận quả báo, chẳng thể nói "vô ý thì sẽ không hứng chịu quả báo", chẳng có lẽ ấy!

"Mạng", nói thông thường là thọ mạng. Thọ mạng dài hay ngắn cũng là có nhất định, phải biết điều này. Ai định sẵn [thọ mạng] cho quý vị? Chính là những nghiệp thiện ác trong đời quá khứ quyết định, chẳng phải do vua Diêm La quyết định, cũng chẳng phải do Thượng Đế định đoạt, càng chẳng dính dáng gì đến Phật, Bồ Tát, hoàn toàn là tự làm, tự chịu. Cùng một đạo lý như vậy, vận mạng đã do sự tạo tác của chính mình mà định sẵn, đương nhiên là chính mình có thể sửa đổi. Tự làm thì nhất định là tự chịu, người khác chẳng thể giúp đỡ quý vị sửa đổi. Nếu người khác có thể giúp quý vị sửa chữa; hiện thời, chúng ta chẳng cần học Phật nữa! Chư Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, nhất định là sẽ sửa đổi rất tốt đẹp cho chúng ta. Nếu các Ngài chẳng thay chúng ta sửa chữa, [tức là] các Ngài chẳng từ bi. Vì vậy, Phật, Bồ Tát cũng chẳng có sức mạnh để sửa đổi cho chúng ta.

Chư vị hiểu đạo lý này, đối với những gã thầy bói xem tướng đoán mạng bình phàm trong xã hội đòi phê bát tự, đòi sửa đổi vận mạng cho quý vị, quý vị biết ngay là giả trất, chẳng thật! Nếu hắn thật sự có thể sửa đổi vận mạng, sao hắn không sửa đổi cho chính mình? Vì thế, người học Phật đầu óc phải tỉnh táo, đừng bị kẻ khác lừa gạt. Chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta, chỉ là nói rõ ràng chân tướng sự thật này, ngõ hầu bản thân chúng ta hiểu nên làm như thế nào. Liễu Phàm Tứ Huấn là một tấm gương tốt lành trong chuyện sửa đổi vận mạng. Chư vị hãy xem cho nhiều, đọc cho nhiều, sẽ hiểu rõ. Bất quá, cách sửa đổi của cư sĩ Liễu Phàm rất nhọc nhằn, là phương cách rất ngốc nghếch, chẳng phải là một phương pháp thông minh và rất nhanh chóng. Có cách nào thông minh, nhanh lẹ hơn hay không? Có chứ! Có [phương pháp để trong] một niệm mà từ phàm phu bèn thành Phật, tiên sinh Liễu Phàm làm sao có thể sánh bằng được, thua kém quá xa! Trong Phật pháp thường nói đến phương pháp này, đức Phật thường khuyên *"phát nguyện"*. Nếu nguyện lực của quý vị vượt trỗi nghiệp lực, nghiệp lực của quý vị chẳng khởi tác dụng, dùng nguyện lực thay thế [nghiệp lực] thì chính là *"thừa nguyện tái lai"*.

Chúng ta chẳng sửa đổi vận mạng được, là do đạo lý nào? Tuy chúng ta cũng phát nguyện, nguyện lực của chúng ta nhỏ bé, nghiệp lực to lớn. So sánh hai đằng, nghiệp lực áp đảo nguyện lực, nguyện lực chẳng khởi tác dụng, vẫn nghe theo sự chi phối của nghiệp lực. Nếu nguyện lực của chúng ta thật sự thanh tịnh, kiên cố, nguyện lực vượt trội nghiệp lực, nghiệp lực chẳng khởi tác dụng, nguyện lực khởi tác dụng.

Vì thế, sẽ là thừa nguyện tái lai. Không nhất định là sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thả chiếc bè Từ trở lại, cũng đúng là như thế, nhưng ngay trong hiện tiền, khi tâm niệm của ta vừa chuyển, nguyện lực của ta thật sự vượt trỗi nghiệp lực, ngay trong một niệm hiện tại, đã là *"thừa nguyện tái lai"*. Thừa nguyện tái lai thì thọ mạng dài hay ngắn tự tại, ở trong thế gian, muốn trụ bao nhiêu năm, bèn trụ bấy nhiêu năm, mong ra đi lúc nào, bèn đi lúc ấy. Đó gọi là *"liễu sanh tử, đắc đại tự tại"*. Chúng ta làm được chuyện này, chẳng phải là không làm được, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Bộ kinh luận nào, pháp môn nào giảng chuyện này thấu triệt nhất, viên mãn nhất? Kinh A Di Đà.

Trong hết thảy các kinh, kinh A Di Đà bậc nhất. Trong hết thảy danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát, A Di Đà bậc nhất! Do vậy, nếu thật sự hiểu rõ, thật sự lý giải ý nghĩa của kinh, thật sự tin tưởng, y giáo phụng hành, mỗi cá nhân trong hiện tiền đều có thể dùng nguyện lực để chuyển đổi nghiệp lực, xác thực là đắc đại tự tại. Vì thế, trong hết thảy các pháp, đối với chuyện khó nhất, ngay cả vận mạng mà còn chuyển được, thì đối với những chuyện vặt vãnh khác, lẽ nào chẳng chuyển được? Thứ gì cũng đều chuyển được. Vấn đề sanh tử người ấy còn giải quyết được, thì những chuyện cùng quẫn, hanh thông, phú quý trong thế gian này sẽ đều là chuyện nhỏ nhặt như lông gà, vỏ tỏi, chẳng có chuyện gì không viên mãn! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 279

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm tám mươi sáu.

(Sao) Ngôn bất dị giả, tiền nhất thuyết, tâm vô sơ tướng, tắc siêu Kiếp Trược, nãi chí vô Nghiệp Hệ Khổ, tắc siêu Mạng Trược, thị đoạn vô minh đẳng, danh Ngũ Trược đắc Bồ Đề dã. Hậu nhất thuyết, Sắc Ấm phá, tắc siêu Kiếp Trược, nãi chí Thức Ấm phá, tắc siêu Mạng Trược, thị phá Ngũ Ấm đẳng, danh Ngũ Trược đắc Bồ Đề dã. Vị thuyết thiểu thù, nhi nghĩa tắc đại đồng dã.

(Diễn) Vị thuyết sảo thù, nhi nghĩa tắc đại đồng giả, ly cửu tướng vô Ngũ Ấm, ly Ngũ Ấm vô cửu tướng, danh thù nhi thể nhất dã.

(鈔)言不異者，前一說，心無初相，則超劫濁，乃至無業繫苦，則超命濁，是斷無明等，名五濁得菩提也。後

一說，色陰破，則超劫濁，乃至識陰破，則超命濁，是破五陰等，名五濁得菩提也。為說少殊，而義則大同也。

(演)為說稍殊。而義則大同者。離九相無五陰。離五陰無九相。名殊而體一也。

*(**Sao**: Nói là "chẳng khác": Thuyết trước (tức thuyết phối hợp ba tế tướng và sáu thô tướng với Ngũ Trược), tâm không có tướng ban đầu bèn vượt thoát Kiếp Trược, cho đến chẳng có Nghiệp Hệ Khổ Tướng bèn vượt thoát Mạng Trược, đấy là đoạn những thứ như vô minh v.v... gọi là "từ trong Ngũ Trược đắc Bồ Đề". Đối với thuyết sau, phá Sắc Ấm bèn vượt thoát Kiếp Trược, cho đến phá Thức Ấm bèn vượt thoát Mạng Trược, đó là do phá Ngũ Ấm bèn nói là "từ trong Ngũ Trược đắc Bồ Đề". [Hai cách] nói sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa hầu như tương đồng.*

***Diễn**: "Nói sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa hầu như tương đồng": Lìa chín tướng (ba tế tướng và sáu thô tướng) chẳng có Ngũ Ấm, lìa Ngũ Ấm chẳng có chín tướng, danh tướng tuy sai khác, nhưng Thể là một).*

Đoạn này nhằm giải thích câu *"hoặc phối tam tế, lục thô, hoặc phối Ngũ Ấm, nghĩa diệc bất dị"* (hoặc là phối ứng với ba tế tướng và sáu thô tướng, hoặc là phối ứng với Ngũ Ấm, ý nghĩa cũng chẳng khác) trong lời Sớ. *"Tiền nhất thuyết"* (thuyết trước) chính là [giải thích Ngũ Trược theo] ba tế tướng như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói, *"hậu nhất thuyết"* là phối ứng [Ngũ Trược] với Ngũ Ấm. Ba tế tướng và sáu thô tướng là huyễn giác, trong Chân Như bản tánh và cái tâm thanh tịnh, quyết định chẳng có những thứ ấy! Khoa học hiện thời đã khá tiến bộ, theo như các nhà khoa học quan sát, họ nhận thấy: Về căn bản, vật chất chẳng tồn tại. Các hiện tượng được sanh ra như thế nào? Đó là một loại dao động, [vật chất] là một hiện tượng dao động. Pháp Tướng Duy Thức nói: *"Một niệm bất giác"*, một niệm bất giác là dao động. Hễ bất giác bèn động, giác thì bất động. Do từ một niệm bất giác, mới có các hiện tượng ba tế tướng và sáu thô tướng phát sanh.

"Tâm vô sơ tướng" (Tâm không có tướng ban đầu): *"Tâm"* [ở đây] là chân tâm. Chân tâm chẳng có đầu hay cuối, cũng có nghĩa là "chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai", chẳng có các hiện tượng ấy. Kinh Kim Cang có nói: *"Mịch tam tâm bất khả đắc"* (Tìm ba tâm chẳng thể

được). Nó chẳng có trước sau; chẳng có trước sau bèn vượt thoát thời gian, *"tắc siêu Kiếp Trược"* (bèn vượt thoát Kiếp Trược). *"Kiếp"* là thời gian và không gian, [*"siêu Kiếp Trược"*] là đã vượt thoát [thời gian lẫn không gian]. *"Nãi chí vô Nghiệp Hệ Khổ"* (Cho đến chẳng có Nghiệp Hệ Khổ), Nghiệp Hệ Khổ (nỗi khổ gắn chặt với nghiệp) là quả báo, tức là điều cuối cùng trong sáu thô tướng. Hễ nói đến một mình Nghiệp Tướng, hoặc nói đến một mình Nghiệp Hệ Khổ, chính là đã bao gồm ba tế tướng và sáu thô tướng. *"Nãi chí"* (乃至) là từ ngữ diễn tả sự tỉnh lược, *"tắc siêu Mạng Trược"* (bèn vượt thoát Mạng Trược). Phải thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, nhà Thiền nói là *"đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"*, đã thấy chân tướng sự thật này. Kẻ chẳng có công phu như chúng ta vẫn sống trong thế gian huyễn hóa, dẫu cho các nhà khoa học hiện thời đã nói: *"Không gian là vô hạn chiều"*. Con người sống trong không gian ba chiều hoặc bốn chiều, cho đến năm chiều, sáu chiều, cho đến vô hạn chiều, toàn là huyễn hóa, đều chẳng chân thật. Chỉ cần không gian có số chiều hạn lượng, sẽ chẳng phải là thật, đều thuộc trong phạm vi của ba tế tướng và sáu thô tướng. Vượt thoát phạm vi ấy, sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. Các nhà khoa học hiện thời vẫn chưa phát hiện, cách nhìn và cách nói của họ vẫn chưa có ý vị của Nhất Chân pháp giới, nhưng đã khá khả quan.

"Đoạn vô minh" là *"Ngũ Trược đắc Bồ Đề"* (Từ trong Ngũ Trược mà đắc Bồ Đề), có thể thấy Ngũ Trược và Bồ Đề chỉ là do một niệm giác hay mê mà sanh ra hai thứ cảnh giới bất đồng. Giác là Bồ Đề, mê là Ngũ Trược. Thuyết sau và thuyết trước có ý nghĩa tương đồng, [chỉ là] cách nói khác nhau. Thuyết trước nói theo ba tế tướng và sáu thô tướng, thuyết sau nói theo Ngũ Ấm. Ba tế tướng và sáu thô tướng là nói rõ: Sau khi chúng ta đã mê chân tánh, bèn biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới; những lý luận, sự thật và quá trình ấy được nói rất cặn kẽ! [Luận định theo] Ngũ Ấm thì chỉ là nói về hiện tượng, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chẳng nói sâu sắc, rõ ràng như ba tế tướng và sáu thô tướng. Nếu phá Ngũ Ấm thì cũng gọi là Bồ Đề. Phá Ngũ Ấm bằng cách nào? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy rất cặn kẽ!

(Sớ) Quán Kinh vân: "Trược ác bất thiện, ngũ khổ sở bức". Kim bất ngôn ngũ khổ giả, văn tỉnh dã.

(Diễn) Trược ác bất thiện giả, Trược giả Ngũ Trược, bất thiện

tức thập bất thiện. Ngũ khổ vị ngũ đạo phi lạc cố.

(疏)觀經云：濁惡不善，五苦所逼。今不言五苦者，文省也。

(演)濁惡不善者。濁者五濁。不善即十不善。五苦謂五道非樂故。

*(**Sớ**: Quán Kinh nói: "Trược ác, bất thiện, bị năm nỗi khổ bức bách". Nay chẳng nói đến năm nỗi khổ, tức là kinh văn tỉnh lược vậy.*

***Diễn**: "Trược ác bất thiện": Trược là Ngũ Trược, bất thiện chính là mười điều chẳng lành. Năm nỗi khổ có nghĩa là năm đường đều chẳng vui sướng).*

Nếu muốn nói cặn kẽ, thật sự là chẳng thể nói trọn hết được! Vì thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp cho đại chúng, đều phải luôn nêu ra những điều trọng yếu, cương lãnh, nhằm dạy chúng ta *"từ một suy ra ba"*. Người nói đỡ tốn công sức, mà người nghe cũng có chỗ lãnh ngộ, có chỗ hội nhập. Ở đây, [lời Sao] đã nêu lên hai câu *"trược ác bất thiện, ngũ khổ sở bức"* (trược ác, bất thiện, bị năm nỗi khổ bức bách) trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Hai câu ấy đúng là "bằng một lời đã nói toạc tướng trạng của thế gian trong thời kỳ Mạt Pháp". Các thứ thọ dụng trong cuộc sống của chúng ta trên thế gian này trong hiện thời xác thực là như Quán Kinh đã nói!

(Sao) Ngũ Khổ giả, Sớ vân: "Ngũ đạo chi khổ, hoặc Ngũ Thống, Ngũ Thiêu, Ngũ Ác đẳng, tường cụ Đại Bổn". Tư bất phồn lục, dĩ trược tất hữu khổ. Cử trược cai khổ, cố viết văn tỉnh.

(Diễn) Ngũ đạo chi khổ giả, địa ngục thiêu chử khổ, ngạ quỷ cơ hư khổ, súc sanh đồ cát khổ, nhân gian bát chủng khổ, thiên thượng ngũ suy khổ. Thử sơ dĩ ngũ đạo phi lạc, thích ngũ khổ dã. Hoặc Ngũ Thống, Ngũ Thiêu, Ngũ Ác đẳng giả, Ngũ Ác vị sát sanh, thâu đạo, tà dâm, vọng ngữ, ẩm tửu. Ngũ Thống tức Ngũ Ác chi hiện tại hoa báo. Ngũ Thiêu tức Ngũ Ác chi tam đồ quả báo. Thử thứ dĩ ngũ tội chiêu báo, thích ngũ khổ dã.

(鈔)五苦者，疏云：五道之苦，或五痛五燒五惡等。詳具大本，茲不繁錄，以濁必有苦，舉濁該苦，故曰文省。

(演)五道之苦者。地獄燒煮苦。餓鬼飢虛苦。畜生屠割苦。人間八種苦。天上五衰苦。此初以五道非樂。釋五苦也。或五痛五燒五惡等者。五惡謂殺生。偷盜。邪婬。妄語。飲酒。五痛即五惡之現在花報。五燒即五惡之三塗果報。此次以五罪招報。釋五苦也。

*(**Sao**: Năm nỗi khổ, giải rằng: Nỗi khổ trong năm đường, hoặc là năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt, năm điều ác v.v... được nói tường tận trong kinh Đại Bổn. Ở đây, do rườm rà, chẳng sao lục. Bởi lẽ, do Trược bèn có Khổ. Nêu lên Trược để bao hàm Khổ; vì thế, nói là "văn tỉnh lược".*

***Diễn**: "Nỗi khổ trong năm đường": Địa ngục khổ vì bị đốt nấu, ngạ quỷ khổ vì đói khát, súc sanh khổ vì bị mổ chặt, nhân gian có tám nỗi khổ, cõi trời khổ vì năm tướng suy. Đây chính là trước hết, dùng [sự thật] năm đường đều chẳng vui để giải thích năm nỗi khổ. Còn như năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt, năm điều ác v.v... Năm điều ác chính là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Năm điều đau đớn chính là hoa báo của năm điều ác trong hiện tại. Năm điều thiêu đốt là quả báo của năm điều ác trong tam đồ. Đây là kế đó, dùng chuyện "do năm tội mà chiêu cảm báo" để giải thích năm nỗi khổ).*

"Tỉnh" (省) là tỉnh lược. Nay các đồng học đọc đoạn văn tự này, phải nên có ấn tượng khá sâu đậm. Vì chúng tôi đã từng giảng bản chú sớ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Thiện Đạo đại sư, và đối với bộ Diệu Tông Sao của Thiên Thai Trí Giả đại sư, tuy chúng tôi chẳng giảng toàn bộ, nhưng đã giảng bản tiết lục bộ Diệu Tông Sao của pháp sư Đế Nhàn, [cho nên các đồng tu] cũng rất quen thuộc đối với những phần văn tự này. Ngũ Thống là hoa báo, tức là các nỗi đau khổ mà chúng ta phải chịu trong hiện tiền. Vì sao nói là Ngũ Thống? Do năm loại nhân lớn mà cảm vời năm loại quả báo lớn này. Ngũ Thiêu là quả báo. Nói theo Phật pháp, Ngũ Thống là hoa báo, trước nở hoa, sau kết quả. Ý nghĩa này cũng nhằm bảo cho chúng ta biết rõ ràng: Hoa báo là báo trong hiện đời, quả báo là trong đời sau. Đời sau là khổ báo trong tam đồ. Đặc biệt dùng chữ Thiêu (燒), nói thật ra, Thiêu là quả báo trong địa ngục. Bất luận địa ngục thuộc loại hình nào cũng đều là một vùng biển lửa.

Ngũ Ác là nhân. Ngũ Ác là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Chư vị phải hiểu: Những điều này tương phản với Ngũ Giới.

Người gây tạo năm thứ ác ấy, bèn cảm vời quả báo Ngũ Thống và Ngũ Thiêu. Người thế gian chẳng biết chân tướng sự thật này, chẳng biết lợi hại. Nay gây tạo năm thứ ác nghiệp ấy, người ta trong khi tạo tác, trọn chẳng nghĩ năm thứ ấy là ác nghiệp, cứ nghĩ năm thứ ấy là bình thường. Đó chính là mê hoặc, điên đảo. Tâm tạo tác hết sức sôi nổi, hết sức mạnh mẽ, cảm vời quả báo cũng hết sức rõ rệt. Đối với những quả báo ấy, nếu đầu óc chúng ta hơi tỉnh táo một chút, sẽ có thể thấy được, vì quả báo ấy quá nhanh chóng. Nhanh chóng nhất là chưa đầy một năm, hai năm, ba năm, năm năm, Ngũ Thống và Ngũ Thiêu hiện tiền, chúng ta thường có thể thấy được. Đương nhiên là thông thường đối với những người học Phật, do đã được Phật pháp un đúc, tâm địa khá thiện lương, đối với hết thảy tạo tác, đều biết thâu liễm, chúng ta chẳng thể nói là không có Ngũ Thống và Ngũ Thiêu, nhưng nhẹ ít hơn kẻ bình phàm. Thế nhưng chư vị phải hiểu: Những thứ ấy vẫn gây chướng đạo. Nói theo con đường của chúng ta trong hiện thời, chúng chính là chướng ngại cho việc mong cầu vãng sanh Tịnh Độ.

Trong kinh luận, các vị tổ sư đại đức đều dạy chúng ta: Thật sự vãng sanh thì điểm then chốt chính là một sát-na lâm chung; trong sát-na ấy, tâm địa phải sáng suốt, rõ ràng. Nhất tâm bất loạn là công phu [phải tu tập] trong thường nhật thì tới sát-na lâm chung, tâm sẽ chẳng điên đảo. Kinh Di Đà nói *"tâm chẳng điên đảo"* là nói lúc lâm chung. Một niệm khi lâm chung chẳng điên đảo, quyết định được vãng sanh. Chúng ta thấy mấy ai có thể giữ cho đầu óc rất sáng suốt, tỉnh táo, chẳng mê hoặc tí nào khi lâm chung? Đó là đại phước báo. Cổ nhân nói Ngũ Phước[95], phước thứ năm là chết an lành. Cái gọi là *"chết an lành"* chính là tỉnh táo, sáng suốt. Người như vậy, dẫu không niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh, cũng chẳng bị đọa trong ác đạo. Phải biết: Đọa vào ba ác đạo là hồ đồ, mờ mịt đi vào, chẳng phải là tỉnh táo, sáng suốt mà đi vào đó. Tỉnh táo, sáng suốt, chắc chắn sẽ ở trong hai đường trời, người; quý vị có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vãng sanh. Chúng ta biết đạo lý này, biết chân tướng sự thật này, đối với lợi, hại, được, mất, từ ngày nay trở đi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, phải nghiêm trì giới luật.

---

[95] Ngũ Phước được nói trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư (kinh Thư) bao gồm: Thọ, Phú (giàu có), Khang Ninh (mạnh khỏe), du hảo đức (ưa chuộng đức hạnh), khảo mạng chung (chết an lành, chẳng bị chết ngang trái, chết đột ngột, hoặc chết vì tai nạn, thiên tai).

Ngũ Giới là giới căn bản, chẳng cần tham nhiều[96]. Giữ gìn tốt đẹp năm điều ấy, chẳng có ai không vãng sanh. Đấy là cổ đức đã rủ lòng giáo huấn chúng ta *"trì giới niệm Phật"*. Thật sự làm được năm điều ấy, sẽ hữu ích to tát đối với chuyện vãng sanh. Nếu chẳng thể thọ trì năm điều ấy, dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, chúng (Ngũ Ác) sẽ gây chướng ngại, chẳng thể nắm chắc vãng sanh. Nghiêm trì giới luật thì mới thật sự nắm chắc vãng sanh.

(Sớ) Thử Ngũ Trược xứ, năng tự lập giả, diệc dĩ tiển hỹ, đắc thành Chánh Giác, ninh bất nan hồ? Thị vi đệ nhất trùng nan sự, minh tự lợi công đức bất khả tư nghị.

(疏)此五濁處，能自立者，亦已鮮矣，得成正覺，寧不難乎？是為第一重難事，明自利功德不可思議。

*(**Sớ**: Người ở trong Ngũ Trược mà có thể tự lập cũng đã là hiếm hoi lắm. Được thành Chánh Giác, há chẳng khó khăn ư? Đây là sự khó thuộc tầng thứ nhất, nói rõ: Công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn).*

Người ở trong đời ác Ngũ Trược mà có thể tự lập, chẳng dễ dàng! *"Tiển"* (鮮) là ít ỏi. Liên Trì đại sư bảo người như vậy đã là thiểu số. So sánh thời đại của Liên Trì đại sư và chúng ta trong hiện thời, sự trược ác của thời chúng ta vượt xa thời Ngài không chỉ gấp trăm lần. Do vậy có thể biết: Trong xã hội hiện thời, người có thể tự lập [hiếm hoi] như lông phượng, sừng lân, quá đỗi khó khăn!

(Sao) Tự lập giả, ngũ trược ác thế, nhân sanh kỳ trung, ngoại tắc thời thế chi sở bức não, nội tắc hoặc chướng chi sở oanh triền.

(鈔)自立者，五濁惡世，人生其中，外則時勢之所逼惱，內則惑障之所縈纏。

*(**Sao**: "Tự lập": Người sanh trong đời ác Ngũ Trược, ngoài thì bị thời thế bức bách khổ não, trong thì bị Hoặc chướng quấn trói).*

---

[96] Do các giới đều là mở rộng của Ngũ Giới, nên hễ trì Ngũ Giới tốt đẹp, sẽ là trì trọn vẹn các giới. Do hiện thời, có rất nhiều người thích thọ giới thật nhiều, nhất là một số Phật tử coi chuyện thọ Bồ Tát Giới hay Thập Thiện như một thành tích để khoe khoang, gặp nhau, cứ thường hỏi: "Anh (chị) đã thọ Bồ Tát Giới hay chưa? Tôi thọ giới Bồ Tát đã lâu lắm rồi".

Thời cổ, nói kinh này khó lắm, vì sự trược ác [trong thuở ấy] nhẹ hơn chúng ta trong hiện thời rất nhiều, chẳng dễ cảm nhận cho lắm. Thông thường, họ cảm thấy xã hội rất an ổn, phong tục, tình người rất thuần hậu, cuộc sống xác thực là hạnh phúc mỹ mãn. Hiện thời chẳng phải vậy, dẫu giàu có, chúng ta thấy khá nhiều kẻ giàu có mà chẳng sung sướng. Dẫu địa vị rất cao, địa vị cao mà vẫn bị người khác nhục mạ, đúng là khổ chẳng thể nói nổi! Chúng ta sống trong hoàn cảnh này, thời thế bên ngoài bức bách, não hại chúng ta. Trong ấy, lại có hoàn cảnh nhân sự (các mối quan hệ giữa con người với nhau), Phật pháp thường nói là *"oán tắng hội"* (怨憎會: oán ghét mà cứ phải gặp gỡ). Chẳng phải là oan gia, không gặp gỡ! Cho đến thân tình như cha con, anh em, hiện thời đều ít thấy! Vì của cải, vì quyền lực, địa vị, mà cốt nhục tương tàn rất nhiều! Chẳng phải là thời cổ không có [những chuyện ấy], nhưng rất ít, hiện thời quá nhiều! Người hiện thời, [mối quan hệ] giữa con người với nhau là quan hệ lợi hại. Hôm nay, anh có lợi cho tôi, hai ta là bạn bè tốt; ngày mai, anh chẳng có lợi ích gì cho tôi nữa, gặp mặt bèn [làm như] không quen biết, coi như kẻ xa lạ. Đó là sự bức não trong hoàn cảnh nhân sự.

Hoàn cảnh vật chất cũng chẳng phải là ngoại lệ. Hiện thời, trên toàn thể địa cầu, hết thảy vạn vật đều bị ô nhiễm khá nghiêm trọng. Chúng ta sống trong thế gian, chẳng thể không ăn, chẳng thể không mặc quần áo, chẳng thể không uống nước; những thứ chúng ta uống, ăn thảy đều bị ô nhiễm, những thứ mặc trên thân đều có tác dụng phụ. Sự bức não nơi hoàn cảnh vật chất đã đạt tới trạng huống hết sức nghiêm trọng, có mấy ai giác ngộ? Mấy ai hiểu rõ?

"Nội tắc Hoặc chướng" (Bên trong thì là Hoặc chướng). *"Hoặc"* (惑) là mê hoặc, [tức là] đối với chân tướng sự thật, tiền nhân hậu quả chẳng biết một điều nào! Một mực mù quáng theo đuổi, nẩy sanh khá nhiều chướng ngại. Trong Phật pháp gọi những chướng ngại đó là Nhị Chướng hoặc Tam Chướng. Nhị Chướng hoặc Tam Chướng là nói quy nạp. Trong thì có mê hoặc, có chướng ngại, bên ngoài có những ác duyên. Đấy là hoàn cảnh sống của thân thể chúng ta trong hiện thời.

(Sao) Huống hồ thân thuộc Tứ Sanh.

(Diễn) Thân thuộc Tứ Sanh giả, noãn nhân tưởng sanh, thai nhân tình hữu, thấp dĩ hợp cảm, hóa dĩ ly ứng. Tình tưởng hợp ly cánh tương biến dịch. Sở hữu thọ nghiệp trục kỳ phi trầm.

(鈔)況乎身屬四生。

(演)身屬四生者。卵因想生。胎因情有。濕以合感。化以離應。情想合離更相變易。所有受業逐其飛沈。

*(**Sao**: Huống hồ thân thuộc Tứ Sanh.*

***Diễn**: "Thân thuộc Tứ Sanh": Nhân của Noãn Sanh là do Tưởng sanh ra, nhân của Thai Sanh là do có Tình, Thấp Sanh là do hợp mà cảm vời, Hóa Sanh là do ly mà ứng. Do Tình, Tưởng, Hợp, Ly mà biến đổi, tất cả đều do thọ nghiệp mà thăng trầm).*

Tứ Sanh là thai, noãn, thấp, hóa, tức là nói tới các hình thức sanh nở của hết thảy các hữu tình chúng sanh, có thể chia thành bốn loại lớn. Thân thể của chúng ta thuộc về Thai Sanh trong bốn loại lớn đó.

(Sao) Mạng tồn hô hấp.

(鈔)命存呼吸。

*(**Sao**: Sanh mạng tồn tại trong hơi thở).*

Câu này nhằm nói mạng của chúng ta hết sức mong manh, yếu đuối, hoàn toàn chẳng kiên cố.

(Sao) Thị dĩ dục khiết thiên ô, cầu thăng phản trụy.

(鈔)是以欲潔偏汙，求升反墜。

*(**Sao**: Do vậy, muốn thanh khiết mà lại thành ô uế, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống).*

"Khiết" (潔) là thanh tịnh. Chúng ta rất mong thanh tịnh, kết quả là như thế nào? Ô nhiễm càng sâu. Chúng ta mong mỏi vượt lên cao, kết quả ngược ngạo là đọa lạc. Mong muốn là một chuyện, kết quả lại là một chuyện khác, nguyên nhân ở chỗ nào? Chính là do *"Hoặc chướng"* như trong phần trước đã nói, chẳng biết hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi mối quan hệ nhân quả. Tạo tác ác nhân mà mong được thiện quả, há có lẽ ấy? Chắc chắn là chẳng thể đạt được! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều là Ngũ Ác, hy vọng chính mình được hạnh phúc, vui sướng, gia đình mỹ mãn, xã hội hòa hài, đó là điều chúng ta mong cầu, cầu kiểu nào cũng chẳng cầu được! Dùng đủ mọi phương pháp, thủ đoạn, cho đến [luồn lách những kẽ hở trong] pháp

luật, đều chẳng đạt được. Nếu kẻ ấy liễu giải chân tướng sự thật, thực hiện từ nơi nhân duyên, sẽ có thể đạt được quả báo ấy. Hãy nên cầu theo cách nào? Đoạn ác, tu thiện, trì giới, niệm Phật, sẽ thật sự cải thiện được. Chúng ta muốn thanh khiết bèn được thanh khiết, cầu thăng tiến bèn thăng tiến, phải đổ công dốc sức từ chỗ này thì mới được.

(Sao) Năng ư thử trung, phân biệt thiện ác, trì giới, tu phước, tự lập ư nhân thiên chi vị giả, tiển hỹ!

(鈔)能於此中，分別善惡，持戒修福，自立於人天之位者，鮮矣。

*(**Sao**: Có thể ở trong ấy, phân biệt thiện ác, trì giới, tu phước, tự lập nơi địa vị trong cõi trời người, hiếm lắm thay!)*

Thiểu số! Chúng ta học Phật, thành tựu thấp nhất là đời sau chẳng đọa trong ba ác đạo, coi như quý vị suốt một đời này chẳng uổng công học Phật! Học Phật suốt cả một đời này, đời sau vẫn phải đọa trong ba ác đạo để thọ báo, quý vị đã uổng công học Phật pháp mất rồi, đã học sai bét mất rồi! Nhưng chúng ta quan sát kỹ lưỡng người học Phật trong thế gian này, người đi sai đường đông lắm, vẫn chẳng phải là thiểu số. Chuyện này rất đáng sợ! Chúng ta chẳng cần bận tâm dòm ngó người khác, hãy thường hồi quang phản chiếu để suy xét chính mình, đấy mới là thật sự có thọ dụng. Dò xét người khác thì có liên quan gì đến mình? Người ta thanh tịnh, đáng thăng lên cao hơn, hay đáng đọa xuống thấp hơn, chẳng có mảy may nào liên quan tới mình, điều khẩn yếu là phải tu sửa chính mình! Trong tu hành, điều quan trọng nhất là quý vị có năng lực *"phân biệt thiện ác"*, đấy là trí huệ. Liễu Phàm Tứ Huấn đã dạy chúng ta: "Sự có thật và giả". Chúng ta nói đến Thiện thì Thiện có chân và giả, có thiên (lệch lạc) và viên (viên mãn), có lớn và nhỏ, có bán (một phần) và mãn (trọn vẹn), nói rất nhiều. Quý vị đọc kỹ [sẽ thấy] rất thú vị! Chúng ta học Phật là học theo chân Phật hay học theo giả Phật? Chúng ta học Phật là học theo bán Phật hay học theo mãn Phật? Chớ nên không biết! Tức là ở chỗ này, bèn phân biệt thiện ác, đó là trí huệ.

"Trì giới, tu phước", mà nếu quý vị chẳng biện định thiện ác, giới do quý vị đã trì chắc chắn chẳng phải là thanh tịnh giới, phước do quý vị đã tu chưa chắc đã là phước báo chân thật. Gieo phước điền, quý vị gieo nơi đất lắm cát, hoặc gieo trên tảng đá, chẳng có thâu hoạch. Quý vị chẳng tìm thấy, chẳng trông thấy phước điền phì nhiêu nhất! Trì giới lẫn

tu phước đều phải có huệ; chẳng có huệ, sẽ không được. Do vậy, có năng lực phân biệt thiện ác, [sau đấy] nghiêm túc trì giới, tu phước, người ấy quyết định có thể giữ vững thân người, đời sau sẽ hưởng phước trong hai đường nhân thiên. Đó là *"tự lập ư nhân thiên chi vị"* (tự lập nơi địa vị nhân thiên), [người như vậy] ít ỏi, chẳng nhiều cho mấy!

Đúng như thuở ấy, đức Thế Tôn ngự tại vườn Cấp Cô Độc. Khi [các cư sĩ] xây cất nhà cửa trong Cấp Cô Độc Viên, đức Phật trông thấy một tổ kiến trên mặt đất, bèn mỉm cười. Các đệ tử bèn hỏi: "Đức Phật cười chuyện gì? Vì sao phải cười chúng nó?" Đức Phật đáp: "Những con kiến này đọa làm thân kiến mãi cho đến nay đã trải qua bảy đức Phật nhập diệt, chúng nó vẫn làm thân kiến". Nói thông thường, [thời gian để] một vị Phật [xuất thế] là ba A-tăng-kỳ kiếp, đã trải qua bảy vị Phật, tức là [trong suốt] hai mươi mốt A-tăng-kỳ kiếp, chúng nó vẫn chưa lìa khỏi thân kiến. Do chúng nó ngu si, chẳng phải là kiến có thọ mạng dài như thế, mà là chết đi, lại đầu thai làm thân kiến trong cái tổ ấy.

Chuyện này cho thấy: Quyết định chớ nên đi vào ác đạo! Đọa ác đạo dễ dàng, thoát khỏi ác đạo hết sức gian nan. Thọ mạng trong đường ngạ quỷ hoặc địa ngục còn dài hơn [thọ mạng trong súc sanh đạo]. Hỏi đến [tình trạng của] loài người, sau khi đã đánh mất thân người thì tỷ lệ lại được làm thân người sẽ là như thế nào? Đức Phật bốc một nhúm đất trên mặt đất, rồi vẩy đi, trong kẽ móng tay còn dính chút đất, đức Phật dùng ngay chuyện ấy để làm tỷ dụ: Đời sau vẫn có thể được làm thân người, giống như chút đất dính nơi móng tay, cho thấy tỷ lệ của cơ duyên ấy quá nhỏ!

Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, sau đấy, lại tự nghĩ đến mình: Từ sáng đến tối chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ tưởng những gì? Chúng ta niệm gì? Chúng ta có thể niệm Ngũ Giới, Thập Thiện, có thể nghĩ lợi ích chúng sanh, đó là ý niệm nhân thiên. Chúng ta niệm tham, sân, si, niệm tổn người lợi mình, đó là ý niệm của ba ác đạo. Cứ so sánh mà xem, ý niệm nào nhiều? Ý niệm nào có sức mạnh to lớn? Đời sau, bản thân chúng ta sẽ đi về đâu, bèn biết rõ ràng, rành mạch, chẳng cần phải hỏi ai khác!

Kinh Đại Thừa thường dạy chúng ta: *"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*, tưởng gì biến nấy! Mười pháp giới đều do tâm tưởng biến hiện. Thập Lục Quán Kinh khuyên chúng ta tưởng Phật, tưởng Phật bèn thành Phật. *"Tưởng"* (想) là trong tâm (心) thật sự có tướng (相). Trong văn tự Trung Hoa, *"tưởng"* (想) là trong tâm có tướng, Niệm (念) là cái

tâm hiện tại. Chúng ta có thể tưởng niệm A Di Đà Phật, há lẽ nào chẳng sanh về Tịnh Độ? Có thể tưởng niệm A Di Đà Phật, đó là người có phước báo to bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, vì chẳng bao lâu nữa, người ấy sẽ thành Phật.

(Sao) Năng ư thử trung, thâm cụ vô thường, tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, tự lập ư Thanh Văn, Duyên Giác chi vị giả, ức hựu tiển hỹ.

(鈔)能於此中，深懼無常，修四諦十二因緣，自立於聲聞緣覺之位者，抑又鮮矣。

*(**Sao**: Có thể ở trong ấy, sợ hãi vô thường sâu xa, tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, tự lập nơi địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, lại càng hiếm hoi hơn nữa).*

Trong điều trước, đã được làm thân người mà chẳng đánh mất thân người, đã là rất khó. Đoạn thứ hai lại cao hơn đoạn trước một tầng. Đời sau, vẫn được hưởng quả báo trong cõi nhân thiên, thọ mạng của nhân thiên chẳng dài, có khổ, có lạc, chẳng phải là "không có khổ, thuần vui". Có khổ, có lạc, đời sau vẫn phải sống cuộc đời như vậy ư? Vẫn phải hứng chịu những khổ nạn ư? Hứng chịu suốt một đời này vẫn chưa đủ ư? Nếu có sự giác ngộ ấy, người ấy nhất định sẽ nghĩ: "Ta phải lìa khỏi lục đạo". Cách nghĩ ấy thông minh, chánh xác. Lìa khỏi lục đạo, *"thâm cụ vô thường"* (sợ hãi vô thường sâu xa), *"vô thường"* là sanh tử. Trong lục đạo, luôn luôn có sanh tử, chỉ là thọ mạng dài hay ngắn khác nhau mà thôi. Mọi người đừng tưởng thọ mạng trong cõi trời dài lâu! Thọ mạng của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên là tám vạn đại kiếp, bọn phàm phu chúng ta thoạt nhìn, ngỡ là con số thiên văn, chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng chư vị phải hiểu rõ một sự thật: Thọ mạng của loài người chúng ta dài tới một trăm năm, những con phù du sống trên mặt nước từ lúc sanh ra cho đến khi chết đi chỉ có bảy, tám tiếng đồng hồ. Phù du nhìn thọ mạng một trăm năm của con người, há chẳng phải là giống như loài người chúng ta nhìn [thọ mạng] của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên ư? Từ tỷ dụ ấy, quý vị bèn liễu giải trạng huống sự thật: Tuổi thọ dài lâu trên cõi trời chẳng đáng để hâm mộ! Loài phù du thấy con người trường thọ, chẳng khác chúng ta thấy cõi trời trường thọ! Tuy nói là dài, chúng ta vẫn có cảm giác là một sát-na đã trôi qua, cuộc sống trôi qua quá nhanh. Nhất định phải giác ngộ: *"Sanh tử đáng sợ, vô thường nhanh*

chóng"! Nhất tâm nhất ý liễu sanh tử, thoát tam giới, tam giới là lục đạo. Cầu thoát lìa lục đạo luân hồi, làm như thế nào? *"Tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên"*, đó là phương pháp liễu sanh tử, thoát tam giới được dạy trong giáo pháp Tiểu Thừa. Có sự giác ngộ như vậy, người tu học nghiêm túc như vậy, *"ức hựu tiển hỹ"* (lại càng ít hơn), càng ít hơn so với loại trước!

(Sao) Nãi ư thử trung, vĩnh đoạn vô minh, cao siêu tam giới, nhi đắc ư Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, thị tắc đồng cư hỏa trạch, độc ngự bảo xa, cộng nịch ái hà, trác đăng bỉ ngạn. Khởi phi nhẫn nhân sở bất năng nhẫn, hành nhân sở bất năng hành, thử chi vị nan, thử chi vị tự lợi công đức bất khả tư nghị dã!

(鈔)乃於此中，永斷無明，高超三界，而得於無上正等菩提，是則同居火宅，獨馭寶車，共溺愛河，卓登彼岸。豈非忍人所不能忍，行人所不能行，此之謂難，此之謂自利功德不可思議也。

*(**Sao**: Cho đến ở trong ấy, vĩnh viễn đoạn vô minh, vượt thoát tam giới cao tột, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tức là cùng sống trong nhà lửa, mà riêng ngự xe báu, cùng chìm đắm trong sông Ái, riêng mình lên bờ kia. Há chẳng phải là nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành. Chuyện ấy gọi là Khó, điều này được gọi là công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn).*

Điều này so với điều trước càng khó hơn. Đây là trí huệ cao, kiến giải thấu triệt, biết thoát khỏi tam giới vẫn chưa phải là rốt ráo. Thật sự rốt ráo là gì? Phải *"vĩnh đoạn vô minh"* (vĩnh viễn đoạn trừ vô minh). Vĩnh viễn đoạn trừ vô minh là gì? Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai thảy đều hiểu rõ, thứ gì cũng đều chẳng mê, đó gọi là *"đoạn vô minh"*. Vô minh là chẳng hiểu rõ; đoạn vô minh là thảy đều hiểu rõ ràng, đều hiểu rành rẽ, trí huệ ấy mới được coi là viên mãn. *"Cao siêu tam giới"*: Chẳng phải là vượt thoát bình thường, mà là vượt thoát ở cấp độ cao. Đó là chuyện của Phật, Bồ Tát. *"Nhi đắc ư Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề"* (Mà đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề), câu này nói theo cách hiện thời, sẽ là "đạt trí huệ rốt ráo viên mãn, chẳng có gì không biết, chẳng có gì không hiểu rõ". Người có tâm nhìn như

vậy, có chí hướng như vậy, được gọi là "căn tánh Đại Thừa", hoặc "căn tánh Bồ Tát", họ học Bồ Tát đạo.

"Thị tắc đồng cư hỏa trạch" (Tức là cùng ở trong nhà lửa), nghĩa là ở cùng một chỗ với chúng ta trong hiện tại. Cõi này là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thuộc đời ác Ngũ Trược. Chúng ta tuy sống chung với nhau, nhưng tâm và hạnh của chúng ta rốt ráo bất đồng. Suy nghĩ trong tâm phàm phu là vì tư lợi, tham, sân, si, mạn, trong tâm Bồ Tát là thanh tịnh, quang minh, lợi ích chúng sanh rộng rãi. Đó là kiến giải và tư tưởng của các Ngài chẳng giống lũ phàm phu chúng ta, ví như *"độc ngự bảo xa"* (riêng ngự xe báu) vậy.

Tiếp đó, lại có một tỷ dụ, *"cộng nịch ái hà"* (cùng chìm đắm trong sông Ái), Ái ở đây là tham, tức tham ái. Kinh Lăng Nghiêm có nói: *"Tham tương ứng với nước"*. Vì thế, người ta khi tham ăn, bèn chảy nước miếng. Sân tương ứng với lửa, nên khi nổi giận thì mặt đỏ bừng, giống như bị lửa đốt, phát nóng! *"Ái hà"* là tham dục. Trong tham ái, người ấy có thể buông bỏ, chẳng tham, *"trác đăng bỉ ngạn"* (riêng lên bờ kia). *"Khởi phi nhẫn nhân sở bất năng nhẫn"* (Há chẳng phải là có thể nhẫn những điều người khác chẳng thể nhẫn), người khác chẳng thể nhẫn tham, sân, si! Bồ Tát thấy rõ ràng, thấy minh bạch, có chí nguyện to lớn, có mục tiêu và phương hướng chánh xác. Kẻ khác tham, Ngài chẳng tham. Kẻ khác sân hận, Ngài không sân hận, nhẫn được những điều kẻ khác chẳng thể nhẫn. Người thế gian mong muốn tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu ngũ dục, lục trần, Bồ Tát thảy đều buông bỏ, trọn chẳng tiêm nhiễm. *"Hành nhân sở bất năng hành"* (Làm được những điều người khác chẳng thể hành): Người thế gian chẳng muốn làm, Bồ Tát thực hiện hằng ngày, nghiêm túc, nỗ lực, tinh tấn thực hiện. Bồ Tát làm gì? Đối với chính mình, bèn tu cái tâm thanh tịnh; đối với người khác, bèn đại từ đại bi, tận tâm tận lực giúp đỡ chúng sanh, chẳng mong được báo đáp. Người thế gian giúp đỡ người khác sẽ mong cầu được báo đáp, Bồ Tát chẳng cầu báo đáp. Đó là *"hành nhân sở bất năng hành"*. Khó lắm! *"Thử chi vị tự lợi công đức bất khả tư nghị"* (Điều này được gọi là công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn), ở đây nói đến ba tầng [của sự khó khăn].

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh Thỉ Giác minh hồ Bổn Giác, thị ngã tán chư Phật nghĩa. Bổn Giác minh hồ Thỉ Giác, thị chư Phật tán ngã nghĩa.

(Diễn) Thỉ Giác minh hồ Bổn Giác đẳng giả, chư Phật cửu thành thị Bổn Giác nghĩa. Thích Ca kim thành thị Thỉ Giác nghĩa. Thỉ Giác tại triền viết Bổn. Bổn Giác xuất triền viết Thỉ. Thỉ Bổn bất nhị, thị Phật Phật hỗ tán nghĩa.

(疏)稱理，則自性始覺冥乎本覺，是我讚諸佛義；本覺冥乎始覺，是諸佛讚我義。

(演)始覺冥乎本覺等者。諸佛久成是本覺義。釋迦今成是始覺義。始覺在纏曰本。本覺出纏曰始。始本不二。是佛佛互讚義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì Thỉ Giác trong tự tánh ngầm hợp Bổn Giác chính là ý nghĩa "ta tán thán chư Phật", Bổn Giác ngầm hợp Thỉ Giác là ý nghĩa "chư Phật tán thán ta".*

***Diễn**: "Thỉ Giác ngầm hợp Bổn Giác": Chư Phật thành Phật đã lâu chính là ý nghĩa Bổn Giác. Phật Thích Ca nay mới thành Phật chính là ý nghĩa Thỉ Giác. Thỉ Giác ẩn trong phiền trược, nên gọi là Bổn. Bổn Giác thoát khỏi phiền trược, nên gọi là Thỉ. Thỉ và Bổn chẳng hai, đấy chính là ý nghĩa chư Phật tán thán lẫn nhau).*

Chư Phật thành Phật đã lâu là ý nghĩa của Bổn Giác. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện "hiện tại mới thành Chánh Giác", đó chính là ý nghĩa Thỉ Giác. Thỉ Giác và Bổn Giác là một, Thỉ Giác và Bổn Giác chẳng hai. Đó là *"tán Phật"* hiểu theo phương diện xứng tánh. Cùng một đạo lý như vậy, Bổn Giác ngầm hợp Thỉ Giác chính là ý nghĩa chư Phật tán thán Phật Thích Ca.

(Sớ) Tự tánh Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường Tịch, thị Thích Ca Mâu Ni nghĩa.

(Diễn) Thích Ca nãi đại bi lợi sanh thị Chiếu nghĩa, Mâu Ni nãi đại trí minh Lý thị Tịch nghĩa. Tịch Chiếu đồng thời, thị Năng Nhân Tịch Mặc nghĩa.

(疏)自性寂而常照，照而常寂，是釋迦牟尼義。

(演)釋迦乃大悲利生是照義。牟尼乃大智冥理是寂義。寂照同時。是能仁寂默義。

*(**Sớ**: Tự tánh Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, là ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni.*

***Diễn**: Thích Ca chính là ý nghĩa Chiếu, tức là đại bi lợi lạc chúng sanh. Mâu Ni chính là ý nghĩa Tịch, tức là đại trí ngầm hợp Lý. Tịch và Chiếu đồng thời, chính là ý nghĩa của Năng Nhân Tịch Mặc).*

Thích Ca Mâu Ni là danh hiệu của đức Bổn Sư. Chúng ta biết chư Phật, Bồ Tát chẳng có danh hiệu, danh hiệu là do tùy thuận chúng sanh mà kiến lập. Danh hiệu là tông chỉ và cương lãnh của sự giáo hóa chúng sanh. Trong thế gian này, trong khu vực này, đối với chúng sanh trong thời đại này, căn bệnh lớn nhất là thiếu khuyết tâm từ bi. Vì thế, trong sự dạy học, đức Phật dùng chữ Thích Ca. Thích Ca (Śakya) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Năng Nhân (能仁), tức là nhân từ, dạy chúng ta đối đãi với hết thảy chúng sanh phải dùng lòng nhân từ. Kế đó, do tâm của chúng sanh trong thời đại này chẳng thanh tịnh, cho nên dùng danh hiệu Mâu Ni. Mâu Ni (Muni) có nghĩa là Tịch Mặc (寂默). Nói đơn giản, Tịch Mặc chính là tâm thanh tịnh. Có thể thấy: Danh hiệu chính là tông chỉ giáo học của lão nhân gia trong thời này, chốn này, dạy chúng ta đối với người khác phải từ bi, đối với chính mình phải thanh tịnh. Đó chính là ý nghĩa của danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sớ) Tự tánh nhiễm nhi bất nhiễm, bất nhiễm nhi nhiễm, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa.

(Diễn) Ngũ Trược thị nhiễm nghĩa, Bồ Đề thị bất nhiễm nghĩa. Tùy duyên bất nhiễm, bất nhiễm tùy duyên, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa.

(疏)自性染而不染，不染而染，是五濁菩提義。

(演)五濁是染義。菩提是不染義。隨緣不染。不染隨緣。是五濁菩提義。

*(**Sớ**: Tự tánh nhiễm mà bất nhiễm, bất nhiễm mà nhiễm, chính là ý nghĩa của Ngũ Trược và Bồ Đề.*

***Diễn**: Ngũ Trược có ý nghĩa là nhiễm, Bồ Đề có ý nghĩa chẳng nhiễm. Tùy duyên mà chẳng nhiễm, tuy chẳng nhiễm mà vẫn tùy duyên, đó là ý nghĩa của Ngũ Trược và Bồ Đề).*

Tự tánh có thật sự bị ô nhiễm hay chăng? Chẳng có! Xác thực là chẳng có! Thành Phật chẳng ô nhiễm, nay chúng ta biến thành chúng sanh, tự tánh của chúng ta cũng chẳng bị ô nhiễm. Đó gọi là *"nơi Phật*

chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm", chẳng giảm thiểu chút nào! Nhiễm chẳng phải là thật. Nay chúng ta thấy nhiễm là có thật, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta [nhiễm] chẳng phải là thật sự có. Chẳng phải là thật sự có, chuyện này là như thế nào? Kinh điển thường nói Diệu Hữu. Diệu Hữu là *"có mà chẳng phải là có, chẳng phải là có mà có"*, đó mới gọi là Diệu! "Có" là khi chúng ta dấy lên một vọng niệm bèn có; niệm mà được gọi là "vọng niệm", có thể thấy nó chẳng phải là thật. Tưởng gọi là "vọng tưởng" thì nó chẳng phải là thật. Phía trước [những chữ ấy] đều thêm vào một chữ Vọng, nhằm chỉ rõ rành rành: Tưởng là vọng tưởng, niệm là vọng niệm, động là vọng động, từ trong hư vọng sanh ra những hiện tượng ấy. Vì thế, dường như là bị ô nhiễm, trên thực tế là bất nhiễm. Bản tánh bất nhiễm, nay thấy dường như bị ô nhiễm. Đó là ý nghĩa Ngũ Trược và Bồ Đề. Trược là [nhìn theo] phương diện nhiễm, Bồ Đề là [xét theo] phương diện bất nhiễm. Bát Nhã Tâm Kinh nói: *"Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*, đối với ý nghĩa này, đã hiểu rõ triệt để, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không.

(Sao) Nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên, tắc Thỉ Bổn bất nhị.

(Diễn) Nhân cai quả hải đẳng giả, nhân cai quả hải: Thỉ tức Bổn dã. Quả triệt nhân nguyên: Bổn tức Thỉ dã.

(鈔)因該果海，果徹因源，則始本不二。

(演)因該果海等者。因該果海。始即本也。果徹因源。本即始也。

*(**Sao**: Nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân chính là Thỉ Giác và Bổn Giác chẳng hai.*

***Diễn**: "Nhân trùm biển quả" v.v...: Nhân trùm biển quả: Thỉ Giác chính là Bổn Giác. Quả tột nguồn nhân: Bổn Giác chính là Thỉ Giác).*

Hai câu này là tổng cương lãnh. Ứng dụng vào hết thảy các pháp môn, bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, chúng đều là tiêu chuẩn, đều chẳng có mảy may sai lầm. Trong nhân có quả, trong quả có nhân. Khi chúng ta thọ báo, đó là tạo nhân, tạo nhân mà cũng đồng thời thọ báo. Ngũ Ác là tạo nhân, Ngũ Thống là hoa báo. Hoa báo là ngay trong khi quý vị đang tạo nhân bèn thọ quả báo. Ngũ Thiêu là quả báo càng nghiêm trọng hơn trong tương lai, nhưng trong quả báo Ngũ Thiêu, người ấy lại đang tạo nhân. Nhân quả luôn đan quyện vào nhau, chẳng

thể tách bạch rõ ràng, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Tu hành chứng quả thành Phật, Thỉ Giác là nhân, Bổn Giác là quả. Thỉ Giác hợp với Bổn Giác, trong Thỉ Giác có Bổn Giác, trong Bổn Giác cũng có Thỉ Giác. Vì thế, *"Thỉ Bổn bất nhị"* (Thỉ Giác và Bổn Giác chẳng hai).

(Sao) Dụng bất ly Thể, Thể bất ly Dụng.

(Diễn) Dụng bất ly Thể, Năng Nhân tức Tịch Mặc. Thể bất ly Dụng, Tịch Mặc tức Năng Nhân.

(鈔)用不離體，體不離用。

(演)用不離體。能仁即寂默。體不離用。寂默即能仁。

*(**Sao**: Dụng chẳng lìa Thể, Thể chẳng lìa Dụng.*

***Diễn**: Dụng chẳng lìa Thể, Năng Nhân tức là Tịch Mặc. Thể chẳng lìa Dụng, Tịch Mặc chính là Năng Nhân).*

Hai câu này nhằm giải thích đại ý trong đức hiệu của đức Thế Tôn. Tâm thanh tịnh là Thể, đại từ bi là Dụng. Thích Ca là đại từ bi, Mâu Ni là tâm thanh tịnh, có Thể và có Dụng. *"Dụng bất ly Thể"*: Đại từ bi xuất sanh từ cái tâm thanh tịnh. Vì thế, lòng từ bi ấy được gọi là Đại, Đại là gì? Bình đẳng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có điều kiện. Khi nó đang khởi tác dụng, chẳng có hết thảy phân biệt, chấp trước, tâm thanh tịnh hoàn toàn hiển lộ. Từ tâm đại từ bi, hiển thị tâm thanh tịnh; từ tâm thanh tịnh sanh ra tâm đại từ bi. Thể và Dụng là một, chẳng hai. Vì thế, Thể và Dụng giúp đỡ lẫn nhau thành tựu, chúng ta phải hiểu chuyện này. Tu cái tâm thanh tịnh của ta như thế nào? Đại từ bi. Tu đại từ bi như thế nào? Tâm thanh tịnh.

(Sao) Tắc tịch chiếu đồng thời, bất nhiễm nhi nhiễm, nan khả liễu tri, thị Bồ Đề trầm mai Ngũ Trược.

(鈔)則寂照同時。不染而染，難可了知，是菩提沉埋五濁。

*(**Sao**: Do vậy Tịch và Chiếu đồng thời. Chẳng nhiễm mà nhiễm, khó thể biết rõ, đó chính là Bồ Đề chôn vùi trong Ngũ Trược).*

Chư Phật Như Lai *"Tịch Chiếu đồng thời"*. Tâm phàm phu, thậm chí là ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng là Tịch Chiếu đồng thời.

Vốn là bất nhiễm, vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên *"bất nhiễm mà nhiễm"*. Lý ở trong ấy quá sâu, Sự quá phức tạp, quá nhiều, cho nên *"nan khả liễu tri"* (khó thể biết rõ). *"Thị Bồ Đề trầm mai Ngũ Trược"* (Là Bồ Đề chôn vùi trong Ngũ Trược), chân tánh lưu chuyển trong ngũ đạo (ngũ đạo chính là lục đạo), [đoạn này] cũng nhằm nói rõ vì sao [chúng sanh sẵn có Bồ Đề mà] biến thành chúng sanh trong lục đạo.

(Sao) Nhiễm nhi bất nhiễm, nan khả liễu tri, thị Ngũ Trược độc lộ Bồ Đề.

(鈔)染而不染，難可了知，是五濁獨露菩提。

*(**Sao**: Nhiễm mà chẳng nhiễm, khó thể biết rõ, chính là Ngũ Trược riêng hiển lộ Bồ Đề).*

"Nhiễm nhi bất nhiễm" (Nhiễm mà chẳng nhiễm) là nói: Đối với người tu hành thì cũng là *"nan khả liễu tri"* (khó thể biết rõ). Lý và Sự đều hết sức sâu rộng. Người Tiểu Thừa đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát tam giới luân hồi. Đại Thừa Bồ Tát phá vô minh, hiển lộ Pháp Thân, mãi cho đến khi viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Những lý ấy đều hết sức sâu xa, Sự hết sức rắc rối, phức tạp. *"Thị Ngũ Trược độc lộ Bồ Đề"* (Là trong Ngũ Trược, riêng hiển lộ Bồ Đề), La Hán và Bồ Tát vẫn chưa thành Phật viên mãn, nhưng ở trong Ngũ Trược, các Ngài giác ngộ, nên ở trong nhiễm mà chẳng nhiễm. Giống như kinh Hoa Nghiêm đã sánh ví: Ví như hoa sen, không chỉ là chẳng bị bùn lầy ô nhiễm, mà ngay cả nước cũng chẳng nhiễm. Hoa sen nở phía trên mặt nước. Đức Phật thường dùng chuyện này làm tỷ dụ. Bùn đất ví như lục phàm pháp giới, nước ví như tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở trên mặt nước, tức là vượt khỏi tứ thánh lục phàm. Đó là gì? Bất đắc dĩ, lại đặt cho nó một cái tên là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới vượt lên trên mười pháp giới! Chư vị hiểu sự thật này, sẽ hiểu [vì sao] trong Thiền Tông thường nói: *"Ma đến phải chém, Phật đến cũng phải chém"*. Vì sao Phật đến mà cũng phải chém? Phật là mười pháp giới, phải hướng thượng *"vô Phật, vô chúng sanh"*, đó mới là pháp giới Nhất Chân bình đẳng. "Một" mới là thật, có thể thấy mười chẳng phải là thật. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải hiểu minh bạch điều này.

Đối với Phật, tông Thiên Thai nói Tứ Giáo, tức là có bốn loại Phật:

Tạng Phật, Thông Phật, Biệt Phật, Viên Phật. Chỉ có Viên Phật thuộc về Nhất Chân pháp giới, ba quả vị Phật khác đều là Phật trong mười pháp giới, chẳng phải là chân Phật! Tông Hiền Thủ nói Ngũ Giáo (Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên), nói cách khác là năm loại Phật, ngoài Viên Phật ra, những quả vị Phật khác cũng chẳng phải là chân Phật! *"Thành Phật"* là thành Phật loại nào? Chẳng thể không hiểu rõ ràng! Muốn thành chân Phật, tức là [thành] chân Phật trong Nhất Chân pháp giới, thưa cùng chư vị, chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể thật sự chứng đắc rốt ráo viên mãn Phật. Vì sao biết? Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được chuyện này. Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát là trợ thủ đắc lực của Tỳ Lô Giá Na Phật, là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài vẫn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới; thế giới Cực Lạc cũng là Nhất Chân pháp giới. Các Ngài phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới để thành Phật. Các Ngài chẳng thể thành Phật trong hội của Tỳ Lô Giá Na Phật, mà đến thành Phật trong hội của Di Đà Như Lai. Điều này nói rõ: Thành Phật trong hội của Tỳ Lô Giá Na Phật khó khăn! Đến chỗ của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thành Phật dễ dàng, rất nhanh chóng! Người ta bèn qua đó. Ngay cả hai vị đại Bồ Tát ấy mà còn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi như thế nào? Chúng ta phải nên suy nghĩ cho nhiều, có còn phải đến đó hay chăng? Chẳng muốn đến đó, đúng là như xưa kia thầy Lý đã nói: *"Phi ngu tức cuồng"* (Chẳng phải là ngu thì tức là cuồng). Nói cách khác, đầu óc bất bình thường! Người bình thường thấy hiện tượng này, nghe kinh điển này, quyết định cầu vãng sanh.

(Sao) Cố tri thử Phật, bỉ Phật, đồng quy Tịch Chiếu chi tự tâm.

(Diễn) Cố tri hạ, ký vân Thỉ Bổn nhị giác, vi thử Phật, bỉ Phật, tịch chiếu tự tâm, vi Thích Ca Mâu Ni. Bất độc thử Phật thị tịch chiếu tự tâm. Thử Phật, bỉ Phật đồng quy tịch chiếu tự tâm. Thỉ Giác, Bổn Giác, tức Tịch Chiếu chi Thể cố.

(鈔)故知此佛彼佛，同歸寂照之自心。

(演)故知下。既云始本二覺。為此佛彼佛。寂照自心。為釋迦牟尼。不獨此佛是寂照自心。此佛彼佛同歸寂照自心。始覺本覺。即寂照之體故。

(***Sao***: *Vì thế biết vị Phật này và vị Phật kia (mười phương Phật),*

đều quy vào tự tâm Tịch Chiếu.

***Diễn**: Từ chữ "vì thế biết" trở đi, đã nói đến hai thứ giác là Bổn Giác và Thỉ Giác, đấy chính là vị Phật này, vị Phật kia. [Còn nói đến chuyện] tịch chiếu tự tâm thì chẳng riêng Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật này độc chiếu tự tâm, mà là vị Phật này và các vị Phật kia đều cùng quy vào tự tâm Tịch Chiếu, do Thỉ Giác và Bổn Giác chính là cái Thể của Tịch Chiếu vậy).*

Không chỉ là *"thử Phật, bỉ Phật"*, *"thử Phật"* là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, *"bỉ Phật"* là mười phương thế giới hết thảy chư Phật. Nói thật ra, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, có ai chẳng phải là *"đồng quy tịch chiếu chi tự tâm"*? Đều là như vậy. Chỉ là cái tâm Tịch Chiếu của phàm phu bị che phủ bởi một tầng chướng ngại. Nói theo Phật pháp, chướng ngại ấy chính là Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng, hai loại chướng ngại to lớn. Vốn là Tịch Chiếu, bị hai thứ chướng ngại ấy che trùm, dường như là bị ô nhiễm, trên thực tế là chẳng nhiễm. Chư Phật Như Lai chỉ là phá trừ hai thứ chướng ngại ấy mà thôi, khiến cho tự tâm Tịch Chiếu hoàn toàn hiển lộ.

(Sao) Phiền não, Bồ Đề, bất xuất ngộ mê chi nhất niệm.

(Diễn) Ký vân bất nhiễm nhi nhiễm, thị Bồ Đề Ngũ Trược nghĩa. Nhiễm nhi bất nhiễm, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa, tắc phiền não, Bồ Đề bất xuất ngộ mê nhất niệm.

(鈔)煩惱菩提，不出悟迷之一念。

(演)既云不染而染。是菩提五濁義。染而不染。是五濁菩提義。則煩惱菩提不出悟迷一念。

*(**Sao**: Phiền não, Bồ Đề, chẳng ra ngoài một niệm ngộ hay mê.*

***Diễn**: Đã nói là "bất nhiễm mà nhiễm" là ý nghĩa của Ngũ Trược trong Bồ Đề, "nhiễm mà chẳng nhiễm" là ý nghĩa Bồ Đề trong Ngũ Trược. Vì vậy, phiền não và Bồ Đề chẳng ra ngoài một niệm ngộ hay mê).*

"Phiền não" là mê, Bồ Đề là giác. Nói cách khác, bất giác bèn mê, chẳng mê bèn giác, chúng là một Thể, hai khía cạnh mà thôi. Do vậy, nói *"mê và ngộ chẳng hai, phiền não tức Bồ Đề"*, có ý nghĩa như vậy đó. Thể là một, nhưng Dụng khác nhau, [tức là] tác dụng chẳng giống nhau. Tác dụng của Giác là bình thường, tác dụng của Mê là sai lầm. Tác dụng

của Giác là chư Phật, Bồ Tát phổ độ chúng sanh trong chín pháp giới. Tác dụng của Mê là hứng chịu những quả báo sanh tử luân hồi trong tam đồ lục đạo. Câu này cũng nhằm nói rõ sự bất đồng giữa phàm và thánh: Giác ngộ là thánh nhân, bất giác là phàm phu. Vì thế, có phiền não thì là phàm phu. Chuyển phiền não thành Bồ Đề, thì gọi là *"chuyển phàm thành thánh"*, chúng ta thường nói là *"phá mê khai ngộ"*.

(Sao) Bổn Sư tức ngã, ngã tức Bồ Đề, cập đắc Bồ Đề, thật vô sở đắc.

(Diễn) Ký thử Phật, bỉ Phật đồng quy tự tâm, phiền não Bồ Đề bất ly nhất niệm, tắc Bổn Sư tức ngã, ngã tức Bồ Đề. Ký ngã tức Bồ Đề, tức đắc Bồ Đề, thục vi năng đắc, thục vi sở đắc da?

(鈔)本師即我，我即菩提，及得菩提，實無所得。

(演)既此佛彼佛同歸自心。煩惱菩提不離一念。則本師即我。我即菩提。既我即菩提。則得菩提。孰為能得。孰為所得耶。

*(**Sao**: Bổn Sư chính là ta, ta chính là Bồ Đề, và đắc Bồ Đề chính là thật sự không có gì để đắc.*

***Diễn**: Đã là vị Phật này và các vị Phật kia đều quy vào tự tâm, [cho nên] phiền não và Bồ Đề chẳng lìa một niệm. Do đó, Bổn Sư chính là ta, ta chính là Bồ Đề. Ta đã là Bồ Đề, bèn đắc Bồ Đề. Cái nào là năng đắc (chủ thể chứng đắc), cái nào là sở đắc (đối tượng được chứng đắc) vậy thay?)*

Trong phần cuối, Tâm Kinh đã hoàn toàn phơi bày chân tướng, *"vô trí mà cũng vô đắc"*, đấy mới là chân tướng của sự thật. Ở đây nói là *"thật vô sở đắc"* (thật sự chẳng có gì để đạt được). Pháp Đại Thừa thường nói: *"Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói điều này. Ở đây, mọi người phải đặc biệt lưu ý. *"Bổn Sư tức ngã, ngã tức Bồ Đề"*, chớ nên chỉ học theo hai câu ấy, sẽ biến thành cuồng huệ, cuồng vọng. Xét theo Lý thì [thật sự] là như vậy, nhưng nơi Sự, chúng ta vẫn còn thua kém một khoảng cách rất xa.

Nói theo Lý, chẳng sai! Thích Ca Mâu Ni Phật là ta, A Di Đà Phật cũng là ta, Tỳ Lô Giá Na Phật cũng là ta. Nơi Sự, chúng ta là phàm phu sanh tử, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, là Phật, Bồ Tát ở chỗ nào? Thua

kém rất xa! Ở đây, lại phải biết: Lý là một chuyện, Sự lại là một chuyện khác nữa! Lý và Sự chẳng tương ứng. Tương ứng thì tốt quá rồi, chúng ta có thành tựu, chứng quả. Phải như thế nào thì mới có thể tương ứng? Kinh này dạy chúng ta phương pháp thù thắng nhất, phương pháp xảo diệu nhất: *"Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ"*. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hai câu ấy bèn tương ứng. Chẳng thể thật sự tiến vào Tây Phương, hai câu ấy sẽ là nói theo Lý, chẳng mảy may dính dáng đến Sự. Phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch điều này! Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 280

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm tám mươi chín:

(Kinh) Vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.

(經)為諸眾生。說是一切世間難信之法。

*(**Kinh**: Vì các chúng sanh nói pháp này mà hết thảy thế gian khó tin).*

Chúng ta xem Liên Trì đại sư khai thị:

(Sớ) Tiền thị nhân trung nan sự, kim thị nan sự trung chi nan sự dã.

(疏)前是人中難事，今是難事中之難事也。

*(**Sớ**: Trong phần trước là nói đến chuyện khó trong loài người, còn đây là nói đến chuyện khó khăn nhất trong các chuyện khó).*

Trong phần trước là nói đến những nỗi khó khăn trong việc đức Phật tu hành chứng quả nhằm đời ác Ngũ Trược. Tiếp theo đây, đức Phật lại nói rõ sự khó khăn trong việc hoằng pháp lợi sanh thuở Ngũ Trược ác thế, nhất là [hoằng dương] pháp môn Tịnh Tông.

(Sớ) Lương diêu Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết thế gian chi sở nan tín.

(疏)良繇淨土法門，一切世間之所難信。

*(**Sớ**: Ấy là vì pháp môn Tịnh Độ là pháp khó tin trong hết thảy các thế gian).*

Chúng ta phải đọc câu này nhiều lần, ghi nhớ kỹ càng; sau đấy, chúng ta tự hành, hóa độ người khác, khuyên họ tu Tịnh Độ, nếu gặp những chướng nạn, tâm chúng ta sẽ bình lặng. Không phải là chỉ trong thế gian này, pháp môn này là pháp khó tin, mà là trong *"nhất thiết thế gian"* (hết thảy các thế gian). Nói cách khác, trong mười phương hết thảy các cõi Phật, chư Phật Như Lai khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tuyệt đối chẳng dễ dàng hơn Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên nhủ chúng ta. Pháp khó tin này gần như là pháp khó tin chung cho trọn khắp pháp giới. Chúng ta thường nói điều này là *"cộng nghiệp sở cảm"* (do nghiệp chung cảm vời), chẳng phải là cộng nghiệp trên địa cầu này, [chẳng phải] là cộng nghiệp [của riêng] thế giới Sa Bà, mà là cộng nghiệp của mười phương ba đời hết thảy các cõi Phật. Nếu chẳng khó, há chẳng phải là mọi người thảy đều thành Phật, há còn có tam đồ lục đạo nữa ư? Có thể thấy nỗi khó khăn này là thật, chẳng giả!

(Sớ) Phật ư ác thế đắc đạo.

(疏)佛於惡世得道。

*(**Sớ**: Đức Phật đắc đạo trong đời ác).*

Đây là đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(Sớ) Phục ư ác thế thuyết thử pháp, dĩ độ chúng sanh, hựu nan trung nan dã.

(疏)復於惡世說此法，以度眾生，又難中難也。

*(**Sớ**: Lại còn nói pháp này trong đời ác để độ chúng sanh, đó là điều khó nhất trong các điều khó).*

Nói pháp môn *"niệm Phật thành Phật"* này để độ chúng sanh là điều khó nhất trong các điều khó.

(Sớ) Thị vi đệ nhị trùng nan sự, minh lợi tha công đức bất khả tư nghị.

(疏)是為第二重難事，明利他功德不可思議。

*(**Sớ**: Đây là tầng khó khăn thứ hai, nói rõ công đức lợi tha chẳng thể nghĩ bàn).*

Trong phần trước, đã nói rõ công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn. Trong đoạn này, giảng rõ: *"Công đức lợi tha chẳng thể nghĩ bàn"*. Nếu chúng ta thật sự thấy thấu suốt, thấy thấu triệt đạo lý và chân tướng sự thật này, tín tâm và nguyện tâm của chúng ta đối với sự tu hành trong Tịnh Tông tự nhiên tăng trưởng, biết nhân duyên này thù thắng khôn sánh, rất khó gặp gỡ. Bài kệ Khai Kinh có câu *"trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ"*. Cư sĩ Bành Tế Thanh bảo là *"một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*. Nay chúng ta nghiễm nhiên gặp gỡ, may mắn ngần nào! Trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào thù thắng, chẳng có chuyện nào đáng coi là may mắn hơn được! Trong sự may mắn ấy, làm thế nào để nắm vững cơ hội này hòng thành tựu viên mãn ngay trong một đời này, thì mới là chẳng cô phụ dịp gặp gỡ hiếm có khó gặp này, chẳng cô phụ nỗi khổ tâm thuyết pháp truyền đạo của chư Phật, tổ sư. Điều này cũng có nghĩa là công đức tự lợi và lợi tha chẳng thể nghĩ bàn, nay chúng ta đã đạt được.

(Sao) Ngôn nan tín giả, cử lược hữu thập.

(鈔)言難信者，略舉有十。

*(**Sao**: Nói đến "khó tin", nêu ra đại lược gồm mười điều).*

"Khó tin", nói khái quát, bèn có mười điều.

(Sao) Kim cư uế độ, tập cửu tâm an, sạ văn bỉ quốc thanh tịnh trang nghiêm, nghi vô thử sự, nan tín nhất dã.

(鈔)今居穢土，習久心安，乍聞彼國清淨莊嚴，疑無此事，難信一也。

*(**Sao**: Nay sống trong cõi uế, do lâu ngày quen thói, tâm bèn cam chịu, chợt nghe nói cõi ấy thanh tịnh, trang nghiêm, bèn ngờ vực "chẳng có chuyện ấy". Đó là điều khó tin thứ nhất).*

Đây là chuyện khó tin thứ nhất. Chúng ta sống nhằm đời ác, nhưng [kể từ khi] chúng ta sanh ra, do luôn sống trong đời ác, đã dưỡng thành thói quen, đối với những hoàn cảnh trước mắt đã rất quen thuộc, rất thích ứng, chẳng cảm thấy cõi đời là trược ác. Đặc biệt là những kẻ

trẻ tuổi trong hiện thời, chưa hề trải qua cuộc sống khổ nạn trong Đệ Nhị Thế Chiến xưa kia, [nghe nói tới những nỗi khổ nạn ấy] giống như nghe chuyện cổ tích, nghe người ta nói mà vẫn nửa tin nửa ngờ: "Há có chuyện ấy? Cũng có lẽ những người lớn tuổi đã đặt chuyện lừa gạt chúng ta". Trên thực tế, từ vô lượng kiếp tới nay, chúng ta đã thoạt vào, thoạt ra, luân hồi trong lục đạo trược ác. Đúng là *"tập cửu"* (習久), *"tập"* (習) là tập quán. Chúng ta chấp nhận hoàn cảnh trược ác, về căn bản là chẳng có ý nghĩ thoát lìa. Chợt nghe đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới *"thanh tịnh, trang nghiêm"*, nghe đức Phật nói kiểu ấy, bèn sanh khởi ngờ vực: "Há có thế giới ấy? Có phải là một cõi lý tưởng của người ta hay không? Thật sự có chuyện ấy hay không?" Chẳng thể tiếp nhận, cho là cách nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phù hợp hiện thực! Đây là điều khó tin thứ nhất. Thật ra, xác thực là Tây Phương Cực Lạc thế giới tồn tại, là chuyện chân thật. Chẳng tin tưởng thế giới Cực Lạc, chẳng mong cầu sanh, người ấy mới là thật sự coi nhẹ hiện thực. Tầm mắt quan sát hiện thực của kẻ đó quá ngắn ngủi, chỉ thấy hiện thực trong hoàn cảnh cư trụ hiện tại; hễ vượt ra ngoài một chút, sẽ chẳng thấy nữa!

(Sao) Túng tín bỉ quốc, hựu nghi thập phương Phật sát giai khả vãng sanh, hà tất định sanh Cực Lạc? Nan tín nhị dã.

(鈔)縱信彼國，又疑十方佛剎皆可往生，何必定生極樂？難信二也。

*(**Sao**: Dẫu tin tưởng cõi ấy, lại nghi mười phương cõi Phật đều có thể vãng sanh, cớ gì cứ nhất định sanh về Cực Lạc? Đó là điều khó tin thứ hai vậy).*

Trong Phật môn có lắm kẻ như vậy đấy! Họ nghe kinh Phật, khóa tối mỗi ngày vẫn niệm kinh A Di Đà, nhưng chẳng mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Chúng ta thường thấy có kẻ phát nguyện cầu sanh về Di Lặc Tịnh Độ, có người phát nguyện cầu sanh về Dược Sư Tịnh Độ, có người phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ của Tỳ Lô Giá Na Phật, rất nhiều! [Họ bắt bẻ]: Hết thảy chư Phật đều có Tịnh Độ, cần gì phải sanh về thế giới Cực Lạc? Đây là điều khó tin thứ hai!

(Sao) Túng tín đương sanh, hựu nghi Sa Bà chi khứ Cực Lạc thập vạn ức sát, vân hà cực viễn nhi đắc vãng bỉ? Nan tín tam dã.

(鈔)縱信當生，又疑娑婆之去極樂，十萬億剎，云何極遠而得往彼？難信三也。

*(**Sao**: Dẫu tin là sẽ sanh về [Cực Lạc], nhưng lại nghi Sa Bà cách Cực Lạc đến mười ức cõi nước, lẽ nào lại có thể sanh về nơi hết sức xa xôi ngần ấy cho được? Đó là điều khó tin thứ ba).*

Nghe nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới này mười vạn ức cõi Phật. Chúng ta biết một cõi Phật là một đại thiên thế giới. Trong quá khứ, có người nói: Một đại thiên thế giới là một hệ Ngân Hà như chúng ta hay nói trong hiện thời, một hệ Ngân Hà thì đã là quá lớn rồi. Các nhà khoa học hiện thời chẳng có cách nào phát hiện Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Ngoài mười vạn ức hệ Ngân Hà, khoa học kỹ thuật hiện thời chưa đạt đến, quá xa xôi! Đó là cách nói trước kia. Theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, một hệ Ngân Hà thật ra là một đơn vị thế giới, một đại thiên thế giới có bao nhiêu đơn vị thế giới? Có mười ức, tức là nói rõ: Mười ức hệ Ngân Hà mới là một đại thiên thế giới, trong ấy, lại còn cách xa mười vạn ức đại thiên thế giới [mới tới cõi Cực Lạc], lại càng chẳng thể nghĩ bàn, đã xa xôi lại càng xa xôi hơn. [Có những kẻ] nghe nói vậy bèn sợ hãi, tới khi nào thì mới có thể tới đó? Huống chi trong vũ trụ chẳng có ngằn mé, hễ góc độ sai lệch đôi chút, chẳng biết sẽ lầm lạc đến nơi nào? Tuy tin tưởng, vẫn chẳng dám phát nguyện vãng sanh. Đó là điều khó tin thứ ba.

(Sao) Túng tín bất viễn, hựu nghi bác địa phàm phu tội chướng thâm trọng, vân hà cự đắc vãng sanh bỉ quốc, nan tín tứ dã.

(鈔)縱信不遠，又疑博地凡夫罪障深重，云何遽得往生彼國，難信四也。

*(**Sao**: Dẫu tin là chẳng xa, lại nghi [chính mình là] hạng phàm phu sát đất, tội chướng sâu nặng, làm sao có thể liền được vãng sanh cõi ấy. Đó là điều khó tin thứ tư).*

Đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hàng Bồ Tát tu hạnh Phổ Hiền, ngẫm lại bản thân, nghiệp chướng sâu nặng, có thể nào ở cùng một chỗ với Bồ Tát cho được? Chính mình hình thành mặc cảm tự ty rất nặng, cảm thấy chẳng xứng với những vị Bồ Tát ấy. Do vậy, chẳng dám phát nguyện vãng sanh. Đó là điều khó tin thứ tư.

(Sao) Túng tín đắc sanh, hựu nghi sanh thử Tịnh Độ, tất hữu kỳ diệu pháp môn, đa chủng công hạnh. Vân hà đản trì danh hiệu, toại đắc vãng sanh? Nan tín ngũ dã.

(鈔)縱信得生，又疑生此淨土，必有奇妙法門，多種功行。云何但持名號，遂得往生？難信五也。

*(**Sao**: Dẫu tin là được vãng sanh, lại nghi: Để sanh về cõi Tịnh Độ ấy, ắt phải có pháp môn kỳ diệu, nhiều thứ công hạnh. Lẽ đâu chỉ trì danh hiệu, bèn được vãng sanh? Đó là điều khó tin thứ năm vậy).*

Chúng ta cũng thường gặp kẻ như vậy. Họ chẳng tin "do một câu danh hiệu bèn có thể vãng sanh, chẳng tin niệm một bộ kinh bèn có thể vãng sanh", cho rằng: Nhất định là phải học rất nhiều pháp môn, đọc tụng rất nhiều kinh điển thì mới có thể vãng sanh. Kẻ ấy trọn chẳng biết chính mình đã nghĩ sai bét, học pháp môn cho lắm, đọc tụng kinh điển cho nhiều, tâm lực bị phân tán, chẳng thể đắc Niệm Phật tam-muội, chẳng thể thành tựu nhất tâm bất loạn, đâm ra chẳng thể vãng sanh! Đó là điều khó tin thứ năm.

(Sao) Túng tín trì danh, hựu nghi trì thử danh hiệu, tất tu đa lịch niên kiếp, nãi khắc thành tựu, vân hà nhất nhật, thất nhật, tiện đắc sanh bỉ? Nan tín lục dã.

(鈔)縱信持名，又疑持此名號必須多歷年劫乃克成就，云何一日七日便得生彼？難信六也。

*(**Sao**: Dẫu tin tưởng trì danh, lại nghi trì danh hiệu ấy, ắt phải trải qua nhiều kiếp thì mới có thể thành tựu, lẽ đâu do một ngày hoặc bảy ngày [trì danh], bèn được sanh về cõi ấy? Đó là điều khó tin thứ sáu vậy).*

Nói thật ra, đối với khá nhiều điều khó tin chẳng thể trách móc những kẻ ấy; trong đây, xác thực là có đạo lý rất sâu. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã dạy: Phàm những kẻ có thể nghe pháp môn này mà hoan hỷ, tin nhận, chẳng phải là phàm nhân, mà là do thiện căn trong vô lượng kiếp trong đời quá khứ đã chín muồi. Trong đời quá khứ, chẳng vun bồi thiện căn, dẫu được tiếp xúc, nhất định là có lắm nỗi khó tin ngần ấy. Nếu chúng ta tiếp xúc pháp môn này, xét thấy chính mình cũng có lắm nỗi khó tin dường ấy, chính mình phải phản tỉnh: Trong đời

quá khứ, chúng ta đã vun bồi chẳng đủ thiện căn. Chẳng đủ thì trong đời này có thể bổ cứu. Tuy chẳng đủ, vẫn còn sai kém đôi chút, vậy thì trong một đời này phải càng thêm nỗ lực một phen, thiện căn, phước đức, nhân duyên bèn đầy đủ, bèn trọn vẹn. Nhất định là phải cậy vào đời này gặp gỡ thiện hữu, gặp được thiện duyên, giúp chúng ta kiến lập tín tâm, giúp chúng ta tăng trưởng tín tâm. Đó là điều tất yếu.

Chúng ta nhất định phải tin tưởng lời đức Phật giáo huấn trong kinh. Kinh đã nói rành mạch, rõ ràng: Từ một ngày cho đến bảy ngày có thể thành tựu. Chúng ta lại xem những chuyện được ghi chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, từ một ngày cho đến bảy ngày vẫn có người thật sự thành tựu, chứng tỏ lời Phật dạy trong kinh chẳng sai. Họ có thể thành tựu, vì sao ta chẳng thể thành tựu? Nay chúng ta đọc kinh Phật, đức Phật chẳng tại thế, đọc kinh Phật giống như nghe đức Phật giáo huấn, ngôn giáo đấy! Những người niệm Phật trong đời sau, từ một ngày cho đến bảy ngày bèn vãng sanh, đó là *"thân giáo"*. Họ nêu gương cho chúng ta thấy, xác thực là biết trước lúc ra đi, không bệnh tật mà mất. Họ chẳng sanh bệnh, biết khi nào sẽ ra đi, trước khi ra đi mấy phút, vẫn làm lụng như thường lệ, thời gian đã tới, [bèn bảo người chung quanh] "ta phải đi". Tiêu sái như thế đó, tự tại như thế đó! Đấy là thân giáo. Chúng ta nghe được, thấy được, lẽ nào vẫn chẳng tin tưởng ư? Vẫn chẳng tin, đúng là chẳng có cách nào hết, đúng là chẳng có thiện căn! Đối với lời khai thị của lão pháp sư Đàm Hư trong kỳ Phật Thất tại Hương Cảng, chúng ta đã nghe hiểu, thật sự tin tưởng, đời này quyết định được vãng sanh. Lão hòa thượng kể cho chúng ta nghe những câu chuyện vãng sanh, thật sự có những người ấy, thật sự có những chuyện ấy.

(Sao) Túng tín thất nhật đắc sanh, hựu nghi thất thú thọ sanh, bất ly thai, noãn, thấp, hóa, vân hà bỉ quốc tất thị liên hoa hóa sanh? Nan tín thất dã.

(鈔)縱信七日得生，又疑七趣受生，不離胎卵濕化，云何彼國悉是蓮華化生？難信七也。

*(**Sao**: Dẫu tin bảy ngày bèn được vãng sanh, lại nghi chuyện thọ sanh trong bảy đường, chẳng ngoài [các phương cách] thai, noãn, thấp, hóa, cớ sao cõi ấy ắt là hóa sanh trong hoa sen? Đó là điều khó tin thứ bảy).*

"Thất thú" (七趣: bảy đường) là như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói phàm phu thuộc trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Tam giới có thể chia thành lục đạo, nhưng có lúc, đức Phật nói là ngũ thú (*"ngũ thú"* (五趣) là năm đường), [tức là] chẳng nhắc tới A Tu La đạo. Đối với A Tu La, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng: Trừ địa ngục ra, trong bốn đường khác, đều có A Tu La. Cõi trời có A Tu La, nhân gian có A Tu La, trong súc sanh có A Tu La, trong ngạ quỷ có A Tu La. A Tu La trong quỷ đạo, chúng ta thường nói là chúng hại người, hết sức độc ác, tàn nhẫn. Ngạ quỷ chính là A Tu La trong quỷ đạo. Thuộc trong đường nào, sẽ nói gom vào đường đó, chẳng nói đơn độc. Nếu nói *"lục đạo"* thì [hễ nói đến] A Tu La đạo, chính là chuyên nói về A Tu La trong thiên đạo. Do vậy, ngũ đạo và lục đạo có cùng một ý nghĩa.

"Thất thú" là bảy đường, vì sao lại có thêm một đường? Thêm một đường là tiên nhân, nói những kẻ ấy thành một loại riêng. Thật ra, tiên nhân có thiên tiên, trong nhân gian có tiên nhân, trong súc sanh có tiên nhân. Súc sanh tu luyện [thành tiên], hồ tiên (hồ ly tinh) là tiên nhân trong súc sanh đạo. Chúng cũng có thần thông, cũng có thể biến hóa, [nói *"thất thú"* là] nói tiên đạo thành một đường riêng lẻ. Nói "lục đạo" thì tiên thuộc về đường nào, bèn nói gộp trong đường ấy, không nói đơn độc. Vì thế, nói là ngũ thú, lục đạo, hay thất thú, chính là gộp vào hay tách ra khác nhau, chứ nội dung chẳng khác gì nhau!

"Thất thú thọ sanh", từ cõi trời, nhân gian, cho đến ba ác đạo là nơi thọ sanh của hữu tình chúng sanh, chúng ta nói thông tục là *"đầu thai"*. *"Bất ly thai, noãn, thấp, hóa"* (Chẳng lìa các cách thọ sanh bằng thai, trứng, sanh nơi ẩm ướt, hóa sanh), đó là bốn cách sanh nở. Có loài sanh nở bằng bào thai, bằng đẻ trứng, thấp sanh, hay hóa sanh. Đấy là hiện tượng trong thế giới này, chúng ta đã quen rồi. Kẻ ấy hoài nghi: Vì sao tất cả những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ Đẳng Giác Bồ Tát cho đến chúng sanh trong địa ngục, hễ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới đều bình đẳng, thảy đều là hóa sanh trong hoa sen? Người bình phàm cứ nghĩ bất bình đẳng là đúng; hễ bình đẳng, liền [cảm thấy] quái lạ. Bồ Tát đã tu trong thời gian vô lượng kiếp, chúng ta khắp thân tội nghiệp, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao có thể bình đẳng với các Ngài cho được? Đấy là vì họ chẳng hiểu rõ đạo lý trong ấy. Vì thế, hễ đối với chuyện gì, nhất định là phải hiểu rất rõ ràng, rất thấu triệt, thì chúng ta sẽ chẳng có nghi hoặc, tín tâm mới có thể sanh khởi.

Nguyện được kiến lập từ tín. Chẳng có lòng tin chân thật, quyết định là chẳng thể phát nguyện. Đấy là điều khó tin thứ bảy.

(Sao) Túng tín liên sanh, hựu nghi sơ tâm nhập đạo, đa thiệp thoái duyên, vân hà nhất sanh bỉ quốc, tiện đắc Bất Thoái? Nan tín bát dã.

(鈔)縱信蓮生，又疑初心入道，多涉退緣，云何一生彼國便得不退？難信八也。

*(**Sao**: Dẫu tin hóa sanh trong hoa sen, lại nghi kẻ sơ tâm nhập đạo, sẽ vướng mắc nhiều duyên thoái chuyển, làm sao vừa sanh về cõi ấy liền đắc Bất Thoái cho được? Đó là điều khó tin thứ tám).*

"Sơ tâm nhập đạo", đối với chân tướng sự thật, tợ hồ đã hiểu mà chẳng hiểu, chẳng thật sự hiểu rõ thấu triệt. Tâm kẻ ấy bị cảnh giới xoay chuyển, vẫn hoài nghi, bất định, lúc tiến, lúc lùi. Đây là một nhân tố quan trọng nhất khiến cho phàm phu học đạo rất khó thành công, tiến ít, lùi nhiều, tiến chậm chạp, lùi nhanh chóng, thành tựu hết sức gian nan. Hiện tượng này phổ biến trong thế gian. Nếu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng bị thoái chuyển. Điều này rất khó khiến cho kẻ khác tin tưởng. Thật ra, những vấn đề nghi hoặc khó tin ấy, nói thật thà, [là do] người ấy chẳng đọc kỹ kinh Vô Lượng Thọ và Tịnh Độ Ngũ Kinh, câu trả lời đều ở ngay trong đó. Thật sự niệm thuần thục, nghi vấn sẽ hoàn toàn chẳng còn nữa! Vì sao sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bất thoái? Kinh đã dạy rất rõ ràng, quý vị sanh về nơi đó, những người ở chung quanh quý vị toàn là *"chư thượng thiện nhân"*. Đó là nhân tố thứ nhất thật sự khiến cho chẳng thoái chuyển. Chúng ta bị thoái chuyển là vì bị hoàn cảnh ảnh hưởng, tâm chuyển theo cảnh. Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới thù thắng nhất. Hằng ngày, quý vị luôn bầu bạn cùng hàng Đẳng Giác Bồ Tát, có còn bị thoái chuyển hay chăng? Hiện thời, vây quanh chúng ta toàn là yêu ma, quỷ quái, dẫn dụ, mê hoặc chúng ta khởi tham, sân, si, mạn, cho nên mới bị thoái chuyển. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vây quanh chúng ta là chư thượng thiện nhân, giúp đỡ chúng ta thành tựu đạo nghiệp. Đấy là một nhân duyên không thoái chuyển trọng yếu nhất.

Nhân duyên thứ hai, chúng ta ở trong thế gian này, do ăn, mặc, ở, đi lại chẳng dễ dàng, cứ phải bươn bả vì cơm áo, bị hoàn cảnh bức bách, [cho nên] dễ dàng thoái chuyển. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có

những chuyện ấy, ai nấy đều có cuộc sống vật chất đại tự tại. Kinh đã nói rất rõ ràng, *"nghĩ đến áo bèn được áo, nghĩ ăn bèn được ăn"*. Hoàn cảnh sống của quý vị là "hết thảy thuận lòng mong muốn; nghĩ tới cảnh giới gì, cảnh giới ấy bèn hiện tiền". Làm sao quý vị có duyên thoái chuyển cho được? Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhân duyên thoái đọa đã tiêu mất! Đấy chính là nhân tố thật sự khiến cho chẳng thoái chuyển.

(Sao) Túng tín bất thoái, hựu nghi thử thị tiếp dẫn độn cơ chúng sanh, thượng trí lợi căn, bất tất sanh bỉ, nan tín cửu dã.

(鈔)縱信不退，又疑此是接引鈍機眾生，上智利根不必生彼，難信九也。

*(**Sao**: Dẫu tin tưởng bất thoái, lại nghi pháp này là để tiếp dẫn chúng sanh căn cơ ngu độn, chứ bậc thượng trí lợi căn chẳng cần phải sanh về đó. Đó là điều khó tin thứ chín).*

Đây là điều khó tin thứ chín, chúng ta cũng thường thấy chuyện này. Có những kẻ thông minh, lanh lợi coi rẻ Tịnh Độ, cho rằng: "Đức Phật dùng Tịnh Độ để tiếp dẫn những bà cụ già chẳng có kiến thức. Chúng ta là những kẻ có học vấn, có trí huệ, thượng căn, lợi trí, chẳng nên học pháp môn dành cho hạng hạ căn này!" Họ rẻ rúng [Tịnh Độ], học Thiền, học Giáo, học Mật, nghĩ những pháp môn ấy là sở học của bậc thượng thượng căn. Đúng là họ chẳng hiểu! Căn tánh và trí huệ của họ có thể sánh bằng Văn Thù, Phổ Hiền hay chăng? Văn Thù và Phổ Hiền còn cầu sanh thế giới Cực Lạc, còn mong thấy A Di Đà Phật, [kẻ khinh rẻ Tịnh Độ] há chẳng phải là cuồng vọng ư?

(Sao) Túng tín lợi căn diệc sanh, hựu nghi tha kinh, hoặc thuyết hữu Phật, hoặc thuyết vô Phật, hoặc hữu Tịnh Độ, hoặc vô Tịnh Độ, hồ nghi bất quyết, nan tín thập dã.

(鈔)縱信利根亦生，又疑他經，或說有佛、或說無佛，或有淨土、或無淨土，狐疑不決，難信十也。

*(**Sao**: Dẫu tin lợi căn cũng vãng sanh, lại ngờ kinh khác nói có Phật, hoặc nói chẳng có Phật, hoặc là nói có Tịnh Độ, hoặc là chẳng có Tịnh Độ, [cho nên] hồ nghi, chẳng quyết đoán. Đó là điều khó tin thứ mười).*

Loại người này quá nửa là chẳng thân cận minh sư, chẳng có thiện tri thức thật sự chỉ dẫn. Họ nghe rất nhiều, xem rất nhiều, đầu óc đã rối tinh rối mù! Cho nên nghi vấn đối với Phật pháp đặc biệt nhiều, tạo thành chướng ngại rất lớn. Không chỉ là chẳng thể thành tựu nơi Tịnh Độ, mà bất luận tu pháp môn nào, thảy đều chẳng đạt được thành tựu.

(Diễn) Thập chủng nan tín, đại ước bất xuất cuồng ngu nhị bệnh.

(演)十種難信，大約不出狂愚二病。

*(**Diễn**: Mười thứ khó tin, nói đại lược chẳng ra ngoài hai căn bệnh cuồng và ngu).*

Thầy Lý thường nói: *"Chẳng mong cầu sanh Tịnh Độ, chẳng phải là ngu thì chính là cuồng".*

(Diễn) Tiền bát hệ ngu giả cao thôi thánh cảnh cố bất tín.

(演)前八係愚者高推聖境故不信。

*(**Diễn**: Tám loại trước là do kẻ ngu đề cao thánh cảnh cho nên chẳng tin).*

Kẻ ngu si chẳng dám tin tưởng.

(Diễn) Đệ cửu hệ cuồng giả miệt thị Tây Phương, cố bất tín. Đệ thập song kiêm nhị giả, dĩ ngu giả văn lý chi vô, cố nghi bất tín. Cuồng giả văn sự chi hữu, cố nghi bất tín.

(演)第九係狂者蔑視西方故不信。第十雙兼二者，以愚者聞理之無，故疑不信；狂者聞事之有，故疑不信。

*(**Diễn**: Loại thứ chín là hạng người ngông cuồng miệt thị Tây Phương, nên chẳng tin tưởng. Loại thứ mười là kiêm cả hai, bởi kẻ ngu do nghe cái Không nơi Lý bèn nghi ngờ chẳng tin, kẻ cuồng do nghe cái Có nơi mặt Sự bèn nghi ngờ chẳng tin).*

Đã ngu lại cuồng, chẳng có cách nào! Hai loại người này gặp pháp môn này cũng như chẳng gặp, kinh Phật thường gọi họ là *"kẻ đáng thương xót".*

(Sao) Cố nan tín nhi viết "nhất thiết thế gian", thị bất đản ác

đạo nan tín, nhi nhân thiên do hoặc nghi chi.

(鈔)故難信而曰一切世間，是不但惡道難信，而人天猶或疑之。

*(**Sao**: Vì thế, khó tin mà nói là "hết thảy thế gian" là vì không chỉ là [chúng sanh trong] ác đạo khó tin, mà trời người vẫn còn nghi ngờ).*

"Ác đạo" là nói tới ba ác đạo, ngu si; đức Phật vì họ nói pháp môn này, thật sự là quá khó khăn! *"Nhân thiên"* thông minh hơn ba ác đạo, có một chút trí huệ, đức Phật vì hàng nhân thiên tuyên dạy pháp môn này, người tin tưởng vẫn là thiểu số!

(Sao) Bất đản ngu mê nan tín, nhi hiền trí do hoặc nghi chi.

(鈔)不但愚迷難信，而賢智猶或疑之。

*(**Sao**: Không chỉ là kẻ ngu mê khó tin, mà bậc hiền trí hãy còn ngờ vực).*

Trong hai đường nhân thiên, kẻ ngu si chẳng dễ dàng tiếp nhận cho lắm. Có không ít những người thông minh, tài nghệ rất cao, vẫn khó tin tưởng pháp môn này, cũng rất khó tiếp nhận.

(Sao) Bất đặc sơ cơ nan tín, nhi cửu tu do hoặc nghi chi.

(鈔)不特初機難信，而久修猶或疑之。

*(**Sao**: Không chỉ là kẻ sơ cơ khó tin, mà kẻ tu lâu hãy còn ngờ vực).*

Người mới học Phật chẳng dễ dàng tiếp nhận, nhưng người học Phật suốt cả một đời vẫn chẳng thể tiếp nhận! Bất luận là tại gia hay xuất gia, kẻ tu học pháp môn khác bèn chẳng tin "niệm Phật có thể sanh về Tịnh Độ".

(Sao) Bất đặc phàm phu nan tín, nhi Nhị Thừa do hoặc nghi chi. Cố viết "nhất thiết thế gian nan tín chi pháp".

(鈔)不特凡夫難信，而二乘猶或疑之。故曰一切世間難信之法。

*(**Sao**: Không chỉ riêng phàm phu khó tin, mà hàng Nhị Thừa hãy còn chẳng tin. Vì thế, nói là "pháp mà hết thảy thế gian khó tin").*

Nhị Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, bao gồm Quyền Giáo Bồ Tát.

(Sao) Kim ư thử thế diễn thuyết thử pháp, thị do nhập lõa hình chi quốc, tuyên thị oai nghi, đối sanh manh chi nhân, chỉ trần hắc bạch, thử chi vị nan.

(鈔)今於此世演說此法，是猶入裸形之國宣示威儀，對生盲之人指陳黑白，此之謂難。

*(**Sao**: Nay ở trong đời này, diễn thuyết pháp này, ví như vào cõi nước của kẻ lõa lồ mà tuyên dạy oai nghi, đối với kẻ mù từ thuở lọt lòng mà chỉ bày đen trắng. Điều này được gọi là khó khăn).*

Ở đây, đại sư nêu ra hai tỷ dụ, [nhằm hình dung] mức độ khó khăn giống như trong hai tỷ dụ đã nói:

1) Ví như đối với những người sống trong vùng đất lạc hậu, thân thể chẳng mặc quần áo, [họ tụ lại] ở đó vừa la hét vừa ca hát, những người dân lạc hậu ấy chẳng có giáo dục, chẳng có văn hóa, quý vị ở chỗ đó, nói với họ về chuyện lễ tiết, nói đến oai nghi, họ nghe xong ngơ ngác. Làm sao họ có thể nghe hiểu cho được? Đức Phật vì chúng ta tuyên nói Tây Phương Tịnh Độ, giống như ở trong vùng chưa khai hóa mà nói đến những nơi khác có nền văn minh bậc cao trên thế giới, trước nay họ chưa từng thấy, mà cũng chưa hề nghe nói tới, làm sao họ có thể tin tưởng cho được?

2) *"Đối sanh manh chi nhân chỉ trần hắc bạch"* (Đối với kẻ mù từ thuở lọt lòng mà chỉ bày đen trắng), *"sanh manh"* (生盲) là sanh ra đã mù. Quý vị nói với họ đây là đen, kia là trắng, họ chẳng có cách nào hiểu được, vì họ chẳng có kinh nghiệm ấy, chưa hề thấy qua!

(Sao) Thử chi vị lợi tha công đức bất khả tư nghị dã.

(鈔)此之謂利他功德不可思議也。

*(**Sao**: Đấy là nói công đức lợi tha chẳng thể nghĩ bàn vậy).*

Đức Phật vì hết thảy chúng sanh tuyên nói pháp môn này, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nói hết thảy các pháp, thì nói pháp môn Tịnh Tông khó tin nhất. Đối với pháp khó tin mà phải nói khiến cho người ta tin tưởng, chẳng phải là một chuyện đơn giản!

(Sớ) Hựu Pháp Hoa, Kim Cang giai vân nan tín, dữ thử đồng ý.

(疏)又法華金剛皆云難信，與此同意。

*(**Sớ**: Lại nữa, kinh Pháp Hoa và Kim Cang đều nói là khó tin, có cùng ý nghĩa với điều này).*

Trong kinh Pháp Hoa và Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, đức Phật cũng nói đến pháp khó tin, ý nghĩa rất giống với ở đây.

(Sao) Pháp Hoa vân: "Dục linh chúng sanh, giai đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp". Hựu vân: "Thử kinh nan văn, tín thọ diệc nan".

(Diễn) Dục linh chúng sanh, giai đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp giả, thị Văn Thù cáo Di Lặc chi từ, vị: Tứ thập niên tiền sở thuyết, thừa thị tam thừa, tánh hữu ngũ tánh, nhân giai dị tín. Nhược thuyết tam thừa thị nhất thừa, ngũ tánh thị nhất tánh, nhân sở nan tín. Tầm thường đản thuyết "duy Phật nhất nhân độc đắc Chánh Giác", kim viết "Tiểu Thừa La Hán giai đương tác Phật", nhân sở nan tín. Tầm thường đản thuyết "tu hành tam kỳ, phương thỉ thành Phật", kim viết "tức tâm thị Phật", nhân sở nan tín. Kim dục thuyết thử nan tín chi pháp, dục linh chúng sanh đắc tri "tức tâm tức Phật, vô nhị, vô tam" chi chỉ, cố hiện tư thụy nhĩ.

(鈔)法華云：欲令眾生，皆得聞知一切世間難信之法。又云：此經難聞，信受亦難。

(演)欲令眾生。皆得聞知一切世間難信之法者。是文殊告彌勒之辭。謂四十年前所說。乘是三乘。性有五性。人皆易信。若說三乘是一乘。五性是一性。人所難信。尋常但說唯佛一人獨得正覺。今曰小乘羅漢皆當作佛。人所難信。尋常但說修行三祇方始成佛。今曰即心是佛。人所難信。今欲說此難信之法。欲令眾生得知即心即佛。無二無三之旨。故現斯瑞耳。

*(**Sao**: Kinh Pháp Hoa nói: "Muốn khiến cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thảy thế gian khó tin". Lại nói: "Kinh này khó nghe, tin nhận cũng khó".*

***Diễn**: "Muốn khiến cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thảy thế gian khó tin": Chính là như lời ngài Văn Thù đã bảo ngài*

Di Lặc rằng: - Đối với những pháp đã nói trong bốn mươi năm trước, 'thừa' là ba thừa, tánh thì có năm tánh, ai nấy đều dễ tin tưởng. Nếu nói "ba thừa là một thừa, năm tánh là một tánh", người ta sẽ khó tin. Thông thường, chỉ nói "một mình đức Phật đắc Chánh Giác", nay nói "Tiểu Thừa La Hán đều sẽ thành Phật", người ta khó tin. Thông thường, chỉ nói "tu hành ba A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật", nay nói "tâm này chính là Phật", người ta khó tin. Nay muốn nói pháp khó tin này, muốn khiến cho chúng sanh được biết đến tông chỉ 'cái tâm này chính là Phật, chẳng có hai thừa, hoặc ba thừa', vì thế, hiện tướng lành này).

"Pháp mà hết thảy thế gian khó tin" được nói trong kinh Pháp Hoa chính là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Đấy là một bộ đại kinh của Nhất Thừa Viên Giáo, cũng rất khó thể khiến cho hết thảy chúng sanh nghe xong bèn có thể tin tưởng, tiếp nhận. Đó là pháp khó tin. *"Hựu vân: Thử kinh nan văn"* (Lại nói: "Kinh này khó được nghe"), chữ *"thử kinh"* cũng chỉ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, vì chúng sanh khó tin, nên đức Phật ít nói. Nói ra, mọi người chẳng tin tưởng, cần gì phải nói? Cơ hội nghe pháp cũng rất ít, tin tưởng, thọ trì cũng rất khó.

Pháp môn Tịnh Tông này khó tin, vì sao đức Phật phải tuyên giảng nhiều lần? Tình hình khác nhau. Kinh Pháp Hoa nhằm uyển chuyển, mềm mỏng khuyên dụ chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; kinh này (kinh Di Đà) nhằm trực tiếp, thẳng thừng khuyên dạy chúng ta vãng sanh, mà bộ kinh này xác thực là pháp môn bậc nhất để độ hết thảy chúng sanh, đúng là vô thượng diệu pháp. Vì thế, bất luận quý vị tin hay chẳng tin, đức Phật đều nói cho quý vị. Dẫu chẳng tin, cũng đã gieo chủng tử Kim Cang trong A Lại Da Thức của quý vị. Vì thế, đức Phật nói nhiều lần, tuyên thuyết nhiều lượt. Các vị Bồ Tát, tổ sư đại đức làm theo đức Phật, cũng tuyên dương, phổ biến mạnh mẽ.

Ở Tân Trúc[97], có một vị xuất gia phát tâm chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nghe nói đã giảng mười một lần. Thầy ấy giảng một bộ kinh, mỗi ngày giảng một giờ, giảng hằng ngày, khó có lắm! Vị ấy đúng là đáng cho người khác tôn kính! Thâm nhập một môn, chẳng có ai không thành tựu! Theo sách vở ghi chép, các vị đại đức thuở trước, có vị

[97] Tân Trúc là một thành phố ở Đông Bắc Đài Loan, có tên gọi thân mật là Phong Thành do có rất nhiều gió, thuộc huyện Tân Trúc. Tại Tân Trúc, có trường đại học quốc lập Thanh Hoa nổi tiếng. Khu Tân Trúc Khoa Học Công Nghiệp Viên tập trung hơn 400 công ty kỹ thuật cao cấp, chiếm đến 10% tổng sản lượng quốc gia.

chuyên môn giảng kinh A Di Đà, suốt đời giảng hai ba trăm lượt, đi khắp nơi tuyên giảng. Cận đại, chúng ta xem Niệm Phật Luận do lão pháp sư Đàm Hư giảng. Pháp sư có một đồ đệ quy y tại gia, tên là Trịnh Tích Tân, vốn làm nghề buôn bán. Về sau, khi đã học Phật, học hiểu kinh Di Đà, chẳng buôn bán nữa, chuyên môn đi giảng kinh A Di Đà. Xưa kia, tại vùng quê ở Đại Lục, chẳng có người giảng kinh, ông ta chỉ cần chỗ nào có người quen biết bèn đến đó. Ba người nghe cũng được, năm người nghe cũng được, chuyên môn giảng kinh A Di Đà. Về sau, ông ta vãng sanh, biết trước lúc mất, ngồi ra đi, tiêu sái, tự tại như vậy đó. Vì thế, học điều gì, bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian, thâm nhập một môn là đúng. Nếu quý vị không buông xuống được, điều này cũng muốn học, pháp kia cũng muốn học, suốt một đời này, quý vị chẳng thể thành tựu. Dẫu có thành tựu, cũng là loàng xoàng!

(Sao) Kim Cang Bát Nhã vân: "Văn thuyết thử kinh, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi, bất tín", nhi dĩ bất kinh, bất bố, bất úy, vi hy hữu. Bất kinh đẳng tức năng tín dã.

(鈔)金剛般若云：聞說此經，心即狂亂，狐疑不信，而以不驚不怖不畏為希有。不驚等即能信也。

*(**Sao**: Kim Cang Bát Nhã nói: "Nghe nói kinh này, tâm liền cuồng loạn, hồ nghi, chẳng tin", tức là coi kẻ chẳng kinh ngạc, chẳng sợ sệt, chẳng hoảng hốt là hy hữu. "Chẳng kinh ngạc v.v..." là có thể tin tưởng vậy).*

Có thể nghe nói Bát Nhã rất sâu mà chẳng kinh ngạc, chẳng sợ hãi, đó là có tín tâm. Nếu chẳng có tín tâm, nghe xong, nhất định là sẽ lắc đầu, "há có cách nói kiểu ấy!" Nhất định là sẽ phản đối, đưa ra lời chống đối. Vì thế, [nghe kinh Bát Nhã mà chẳng kinh sợ], hết sức khó có!

(Sao) Kim kinh nan tín, đồng ư nhị kinh, hề khả khinh dã.

(鈔)今經難信，同於二經，奚可輕也。

*(**Sao**: Kinh này khó tin giống như hai kinh ấy, há nên khinh rẻ ư?)*

Kinh Di Đà khó tin, tuyệt đối chẳng kém kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang.

(Diễn) Thử kinh nan văn, tín thọ diệc nan. Thị Pháp Sư phẩm,

Phật cáo Dược Vương chi từ.

(演)此經難聞。信受亦難。是法師品。佛告藥王之辭。

*(**Diễn**: "Kinh này khó nghe, tin nhận cũng khó": Chính là lời đức Phật bảo Dược Vương Bồ Tát trong phẩm Pháp Sư).*

Chính là phần kinh văn trong phẩm Pháp Sư của kinh Pháp Hoa. [Trong phẩm ấy], đức Phật bảo Dược Vương Bồ Tát [như vậy].

(Diễn) Cái dĩ hành Bồ Tát đạo giả, đắc kiến, văn, độc, tụng thị kinh, nãi năng thiện hành Bồ Tát chi đạo, cầu Phật đạo giả. Nhược kiến, nhược văn thị Pháp Hoa kinh, văn dĩ tín, giải, thọ trì giả, đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

(演)蓋以行菩薩道者。得見聞讀誦是經。乃能善行菩薩之道。求佛道者。若見若聞是法華經。聞已信解受持者。得近阿耨多羅三藐三菩提故。

*(**Diễn**: Ấy là vì người hành Bồ Tát đạo mà được thấy, nghe, đọc tụng kinh này, thì chính là người khéo hành đạo Bồ Tát, là người cầu Phật đạo. Nếu ai thấy, nghe kinh Pháp Hoa này, nghe xong bèn tin, hiểu, thọ trì, sẽ được gần Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Cái gọi là *"hành Bồ Tát đạo"*, nói theo cách hiện thời, sẽ là: Chúng ta sống theo cách sống của Bồ Tát thì gọi là *"hành Bồ Tát đạo"*. Tôi lại nói rõ chuyện này hơn một chút, tức là sống cuộc đời "giác chứ không mê", có ý nghĩa này. Phải như thế nào thì mới có thể thực hiện được? Phải đọc kinh, phải cầu hiểu. Nếu áp dụng giáo huấn trong kinh vào cuộc sống hằng ngày, cuộc sống của chúng ta sẽ chẳng khác gì Bồ Tát, sẽ là cuộc sống của bậc giác ngộ. Trong hội Pháp Hoa, đức Phật bảo Dược Vương Bồ Tát nương theo kinh Pháp Hoa, nay chúng ta nói là nương theo kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ. Do đó, phải đọc kinh, phải cầu hiểu, phải hội quy đạo lý trong kinh về tự tánh, phải biến những giáo huấn trong kinh thành hành vi xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đó là *"hành Bồ Tát đạo"*, là sống cuộc đời Bồ Tát.

(Diễn) Văn thuyết thử kinh, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi, bất tín

giả.

(演)聞說此經。心即狂亂狐疑不信者。

*(**Diễn**: "Kẻ nghe nói kinh này, tâm bèn cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin").*

Kinh Kim Cang Bát Nhã nói như vậy.

(Diễn) Thử kinh phi Đại Thừa căn khí, bất năng trì tụng, sở cảm công đức, phi thường nhân khả văn. Văn tất hồ nghi bất tín, cái thử kinh chi nghĩa thú, dữ kỳ quả báo bất khả tư nghị cố dã.

(演)此經非大乘根器不能持誦。所感功德。非常人可聞。聞必狐疑不信。蓋此經之義趣。與其果報不可思議故也。

*(**Diễn**: Kinh này nếu chẳng phải là căn khí Đại Thừa, sẽ chẳng thể trì tụng. Công đức cảm vời [do hành trì kinh này] chẳng phải là kẻ tầm thường có thể nghe được. Họ nghe xong, ắt sẽ hồ nghi, chẳng tin. Ấy là vì nghĩa thú trong kinh ấy cũng như quả báo của kinh ấy đều chẳng thể nghĩ bàn).*

Đối với chuyện này, trong bộ sách Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã nói thấu triệt nhất. Từ xưa tới nay, người giảng kinh chẳng muốn giảng kinh Bát Nhã, sợ mọi người nghe xong, chẳng nghe hiểu ý nghĩa chân chánh, hiểu lầm ý nghĩa, tổn hại quá lớn! Cư sĩ Giang Vị Nông nói: "Chớ nên vì mắc nghẹn mà bỏ ăn, vậy thì phải làm sao? Nhất định là phải giảng thấu triệt, giảng minh bạch, đừng nói sao khiến cho người ta nghe xong sẽ nẩy sanh kiến giải cong vạy, nẩy sanh hiểu lầm, phải tránh những chuyện đó". Do vậy, bộ [Kim Cang Kinh] Giảng Nghĩa [của ông Giang Vị Nông] cũng giải thích rất rõ ràng. Người căn tánh Đại Thừa, hễ nêu lên một góc, họ bèn biết ba góc kia. Đó gọi là *"nghe một, biết mười"*, nói theo Phật pháp, sẽ là *"nghe một, ngộ cả ngàn"*. Vì thế, người ấy nghe xong bèn ngộ, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ. Người hiện thời coi suy nghĩ loạn xạ là khai ngộ, sai lầm mất rồi!

Chư vị phải hiểu, *"ngộ"* là chẳng thông qua phân biệt, chẳng thông qua nghiên cứu, suy tư. Đó là ngộ. Trong tâm bỗng dưng sáng suốt, bỗng dưng hiểu rõ, đó là khai ngộ. Nếu nghe xong, chúng ta còn phải suy nghĩ đôi chút, càng nghĩ càng hỏng bét, càng nghĩ càng trật lất,

những thứ ấy chẳng thể suy tưởng được. *"Mở miệng bèn trật, động niệm đã sai"*. Vì thế, gọi là *"chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn"*, chẳng thể nghiên cứu, thảo luận. Đó là Phật pháp ở mức độ cao. Phật pháp ở mức độ trung hạ bèn có thể thảo luận, có thể tư duy.

Đối tượng của Phật pháp bậc cao là Pháp Thân đại sĩ, chúng ta thường nói là *"bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ"*. Kinh Kim Cang là sở học của các vị Pháp Thân đại sĩ. Tiêu chuẩn của các Ngài, người phá tứ tướng là đối tượng của kinh Kim Cang: *"Nếu có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng phải là Bồ Tát"*, kẻ như thế chẳng phải là đối tượng của kinh Kim Cang. Đối tượng của kinh Kim Cang tối thiểu là phải phá tứ tướng. Vì thế, quý vị vừa nghe, vừa đọc, bèn có thể khai ngộ. Thuở ấy, Lục Tổ đại sư bán củi, ngẫu nhiên nghe có một người niệm kinh Kim Cang, Ngài đứng bên cạnh nghe, bèn khai ngộ. Vì sao? Ngài chẳng có tứ tướng; do đó, Ngài có thể khai ngộ. Chúng ta niệm hằng ngày, niệm suốt một đời, vẫn chẳng khai ngộ, do nguyên nhân nào? Chấp trước tứ tướng kiên cố. Chẳng khai ngộ, vừa đọc kinh vừa suy nghĩ loạn xạ, kẻ ấy suy đoán ý nghĩa chân thật của Như Lai, há lẽ nào hiểu được ý nghĩa chân thật của Như Lai? Bởi lẽ, tông chỉ và nghĩa thú của kinh chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Dĩ bất kinh, bất bố, bất úy, vi hy hữu giả. Đại Thừa chi pháp, bổn tự nan tín, nan giải, phi Đại Thừa căn khí, tốt văn thị pháp, vị miễn kinh ngạc, nghi, phạ, úy cụ. Năng văn thị pháp, nhi bất úy cụ giả, thật vi hy hữu.

(演)以不驚不怖不畏為希有者。大乘之法。本自難信難解。非大乘根器。卒聞是法。未免驚愕疑怕畏懼。能聞是法。而不畏懼者。實為希有。

*(**Diễn**: "Coi kẻ chẳng kinh ngạc, chẳng sợ sệt, chẳng hoảng hốt là hy hữu": Pháp Đại Thừa vốn là khó tin, khó hiểu, chẳng phải là căn khí Đại Thừa, bỗng nghe pháp này, chưa tránh khỏi kinh ngạc, ngờ vực, sợ hãi, hoảng hốt. Có thể nghe pháp này mà chẳng kinh sợ, đúng là hiếm có).*

"Tốt văn thị pháp" nghĩa là đột nhiên nghe pháp môn này. Kinh Kim Cang được lưu hành phổ biến nhất tại Trung Hoa. Người Hoa nghe niệm kinh Kim Cang dường như chẳng có ai sợ hãi. Đó có phải là nghe rồi đều có thể tin hay không? Chưa chắc! Vì sao họ chẳng sợ hãi? Vì họ

chẳng hiểu ý nghĩa. Nếu thật sự giảng cho họ một lượt, họ nghe xong sẽ kinh hoảng!

(Sớ) Vấn: Ký vân nan tín, tắc thuyết vi cưỡng quát, hà dĩ thuyết vi? Đáp: Chung dĩ Phật thuyết, hữu tín giả cố.

(疏)問：既云難信，則說為強聒，何以說為？答：終以佛說，有信者故。

*(**Sớ**: Hỏi: Đã nói là khó tin, vậy thì nói ra sẽ là gượng ép lải nhải, cớ gì phải nói? Đáp: Trọn là vì đức Phật nói ra, sẽ có kẻ tin).*

Đã là khó tin như thế, vậy thì quý vị nói ra, chẳng phải là quá miễn cưỡng ư? *"Cưỡng quát"* (強聒) có nghĩa là quá miễn cưỡng. Đã là miễn cưỡng, lại cần gì phải nói? Lời hỏi có ý nghĩa này. Lời đáp cũng rất hay. *"Chung dĩ Phật thuyết, hữu tín giả cố"* (Trọn là vì đức Phật nói ra, sẽ có kẻ tin). Tuy đại đa số mọi người chẳng tin, hãy còn có một ít người có thể tin. Dẫu là có một người có thể tin, vẫn phải nên nói. Vì người ấy có thể vãng sanh, bất thoái, thành Phật ngay trong một đời. Đấy là nhân duyên hy hữu. Không thể vì rất nhiều người không tin tưởng, mà cũng buông bỏ người ấy, đó là sai lầm! *"Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân"* (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Thuở đức Thế Tôn tại thế, trong pháp hội giảng kinh có nhiều người đến nghe ngần ấy, người thật sự đắc độ là thiểu số, người đến góp phần náo nhiệt chứ chẳng thể đắc độ không ít! Tới thời kỳ Mạt Pháp, người nghe kinh đông đảo, người thật sự đắc độ, có lẽ là một hoặc hai người! Chuyện này là sự thật. Tỏ rõ ý nghĩa *"đại từ đại bi, chẳng bỏ một ai"* như nhà Phật đã nói. [Hễ có] một người có thể tin thì phải nên nói.

(Sao) Nhân thuyết hữu tín giả.

(鈔)因說有信者。

*(**Sao**: Do nói mà có người tin).*

Nói thì nhất định là có kẻ tin tưởng. Ở đây, chúng tôi giảng pháp khó tin này, trong giảng đường chẳng có một người tin tưởng, chẳng sao hết! Chúng ta truyền bá băng thâu hình này, cũng có lẽ sẽ có người khác nghe xong bèn tin tưởng. Người do nghe thuyết pháp từ băng thâu hình mà quay lại, thật sự tin tưởng niệm Phật, sanh về Tịnh Độ, tại Đài Loan,

tại Đại Lục, tại Hoa Kỳ, tại Đông Nam Á, khắp nơi đều có. Do vậy, nhất định phải nói kinh này. Nói cặn kẽ thì nhất định là sẽ có người tin tưởng.

(Sao) Thử chi diệu pháp, nhược Như Lai tằng bất văn tuyên, tắc vạn cổ vĩnh đồng trường dạ, chung vô hữu nhân niệm Phật cầu sanh. Cố thán kỳ nan tín giả.

(鈔)此之妙法，若如來曾不聞宣，則萬古永同長夜，終無有人念佛求生，故歎其難信者。

*(**Sao**: Diệu pháp này, nếu đức Như Lai chưa từng nói ra, ắt muôn đời vĩnh viễn giống như đêm dài, trọn chẳng có người nào niệm Phật cầu vãng sanh. Vì thế, than là "khó tin" vậy).*

Tuy khó tin, đức Phật vẫn nói, lại còn tuyên nói nhiều lượt. Nếu đức Phật chẳng nói, chẳng người nào có thể biết đến pháp môn thù thắng như vậy, mà cũng sẽ chẳng có ai tu hành thành tựu ngay trong một đời. Đó là lòng đại từ đại bi của đức Phật.

(Sao) Kiến bất tín giả chi tự khí, năng tín giả chi hữu duyên.

(鈔)見不信者之自棄，能信者之有緣。

*(**Sao**: Kẻ thấy pháp môn này mà chẳng tin, tức là tự mình ruồng rẫy chính mình; kẻ có thể tin, tức là người hữu duyên).*

Nghe pháp này mà chẳng tin tưởng, tức là chính mình bỏ lỡ cơ hội thành Phật trong một đời này, quá đáng tiếc! *"Năng tín giả chi hữu duyên"* (Người có thể tin tưởng là kẻ hữu duyên): Kẻ có thể tin tưởng, bèn vãng sanh, bất thoái, thành Phật ngay trong một đời này, người ấy có duyên. Hai câu này có ý nghĩa rất sâu. Càng khẩn yếu hơn nữa là chúng ta phải thường dùng hai câu này để kiểm điểm chính mình: Chúng ta rốt cuộc có tin tưởng hay không? Có lẽ quý vị sẽ nói: "Tôi tin chứ!" Tôi lại hỏi: Quý vị có tin thật sự hay không? Tin thật sự tức là buông xuống vạn duyên! Nay quý vị trong tâm còn có khá nhiều phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, ưu lự, vướng mắc, lòng tin của quý vị chẳng phải là chân tín! Nếu quý vị thật sự tin Tây Phương là thế giới Cực Lạc, tuy quý vị chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã nhiễm khí phận của Cực Lạc. Quý vị có thể cảm nhận cuộc sống hiện thời hết sức mỹ mãn, hết sức vui sướng hay chăng? Có thể cảm nhận điều ấy, có sự thọ dụng ấy, quý vị đã hưởng được khí phận của thế giới Cực Lạc.

Nếu quý vị còn có rất nhiều phiền não, ưu lự, vậy thì quý vị niệm Phật, nói cách khác, một tí lợi ích cũng chẳng đạt được, do nguyên nhân gì? Chẳng tin! Nếu chúng ta chia lòng tin thành mười phần, chúng ta chỉ có một phần hoặc hai phần, sức mạnh của lòng tin ấy quá mỏng yếu, chẳng có tác dụng. Đạt được năm sáu phần tín tâm, quý vị sẽ rất vui sướng, sẽ được thọ dụng. Quý vị có tám chín phần tín tâm, quyết định vãng sanh, chẳng còn nghi hoặc mảy may! Tín nguyện niệm Phật, công phu ở ngay trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Còn có một hình tượng rất rõ rệt, quý vị có thể thấy ngay trong cuộc sống hằng ngày: Người thật sự niệm Phật, thân tâm vui sướng, thân thể nhất định khỏe mạnh, tướng mạo nhất định viên mãn. Tướng mạo mỗi năm một dễ coi hơn, vì sao? Tâm thanh tịnh, bèn được Tam Bảo gia trì. Cả ba kinh đều nói mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai hộ niệm, gia trì. Chỉ có chân tín, tiếp nối khí phận, thì chúng ta sẽ thật sự đạt được sức gia trì ấy, chẳng có chướng ngại, hoàn toàn đạt được. Thể chất bèn biến hóa, biến đổi thể chất, biến đổi tướng mạo, tự nhiên là người ấy sẽ khác hẳn.

Người tu hành mà càng tu, thân thể càng kém, tướng mạo càng biến thành xấu xí hơn, có vấn đề to lớn đấy nhé! Từ chỗ này, có thể thấy được công phu của người tu hành. Chúng ta chẳng cần xem xét ai khác, hãy thường soi gương xem xét chính mình, xét coi chính mình mỗi năm sau so với năm trước có tiến bộ hay không. Mỗi năm sau so với năm trước, công phu của chính mình có đắc lực hay không? Điều này rất quan trọng. Vì thế, *"bất tín giả chi tự khí, năng tín giả chi hữu duyên"* (kẻ chẳng tin là tự ruồng rẫy chính mình, kẻ có thể tin là hữu duyên). "Chẳng tin" và "có thể tin" cũng chẳng phải là nói đến ai khác, đều là nói về chính mình.

(Sao) Linh nhất thiết chúng sanh bi thương tuyệt phần, nhi hân hạnh đắc văn cố.

(鈔)令一切眾生悲傷絕分，而欣幸得聞故。

*(**Sao**: [Nói ra pháp khó tin] nhằm khiến cho hết thảy chúng sanh buồn tủi, [tiếc mình] chẳng có phần, [còn kẻ nghe rồi có thể tin tưởng sẽ] vui mừng được may mắn nghe nói).*

Kẻ không tin, tự ruồng rẫy chính mình, đối với pháp môn thù thắng như vậy, pháp môn thành tựu trong một đời, hết sức đáng tiếc, kẻ ấy chẳng có phần! Chẳng có phần không vì ai khác chướng ngại kẻ ấy,

mà là do chính kẻ ấy tự chướng ngại mình! Người có thể tin tưởng, hữu duyên, hết sức hoan hỷ, mừng rỡ chính mình hữu duyên nghe pháp môn này. Pháp môn này chính là cơ duyên vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, viên thành Phật đạo ngay trong một đời này, người ấy đã đạt được.

(Sao) Kim chi tín Tịnh Độ giả, giai nhân Phật thuyết nhi phát khởi dã.

(鈔)今之信淨土者，皆因佛說而發起也。

*(**Sao**: Kẻ tin Tịnh Độ trong hiện thời, đều là do đức Phật đã nói khiến cho [tín tâm của kẻ ấy] được phát khởi).*

Kể từ thời Thích Ca Phật, mãi cho đến hiện thời, cho đến mai sau, có người thấy pháp môn này, đọc kinh điển này, nghe kinh điển này, xét đến nguồn cội, đều là do ân đức của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thoạt đầu, lão nhân gia đã vì chúng ta tuyên nói, nay chúng ta đời đời truyền thừa, đạt được lợi ích. Trong các đồng tu, có mấy vị có khả năng ngoại ngữ rất khá, hãy làm sao để có thể dịch pháp môn này sang văn tự ngoại quốc để giúp đỡ những chúng sanh trong các nước khác cũng có thể nghe chánh pháp, cũng có thể tin nhận phụng hành. Công đức ấy đúng là vô lượng vô biên.

(Sao) Tuy kim bất tín, nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng cố.

(鈔)雖今不信，一歷耳根永為道種故。

*(**Sao**: Tuy nay chẳng tin, một phen lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo).*

Mấy câu này đúng là đã nói trọn hết, chẳng thể không tuyên dương pháp môn này. Vì sao? *"Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng"*, đời này người ấy chẳng tin, trong tương lai sẽ tin tưởng, vì đã có chủng tử này tồn tại. Hôm nay, chúng tôi nói đến chỗ này.

Tập 281

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm chín mươi hai:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh bất khả thấu bạc, thị nan tín pháp nghĩa.

(Sao) Đương tri tự tánh, bất khả dĩ hữu tâm cầu, bất khả dĩ vô tâm đắc, bất khả dĩ ngữ ngôn tạo, bất khả dĩ tịch mặc thông.

(Diễn) Bất khả dĩ hữu tâm cầu đẳng giả, tự tánh phi hữu, hữu tâm tắc đọa tăng ích chấp. Tự tánh phi vô, vô tâm tắc đọa tổn giảm chấp. Tự tánh ly ngôn thuyết tướng, ngữ ngôn tắc đọa vọng tưởng. Tự tánh ly tâm duyên tướng, tịch mặc tắc đọa vô ký.

(疏)稱理，則自性不可湊泊，是難信法義。

(鈔)當知自性，不可以有心求，不可以無心得，不可以語言造，不可以寂默通。

(演)不可以有心求等者。自性非有。有心則墮增益執。自性非無。無心則墮損減執。自性離言說相。語言則墮妄想。自性離心緣相。寂默則墮無記。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh chẳng thể dò lường là ý nghĩa "pháp khó tin".*

***Sao**: Hãy nên biết: Tự tánh chẳng thể dùng hữu tâm để cầu, chẳng thể dùng vô tâm để đắc, chẳng thể dùng ngôn ngữ để tạo, chẳng thể dùng lặng lẽ để thông.*

***Diễn**: "Chẳng thể dùng hữu tâm để cầu" v.v...: Tự tánh chẳng phải là có, hữu tâm bèn đọa vào chấp trước Tăng Ích. Vô tâm bèn đọa vào chấp trước Tổn Giảm. Tự tánh lìa tướng ngôn thuyết, nói năng bèn đọa vào vọng tưởng. Tự tánh lìa tướng tâm duyên, lặng thinh bèn đọa vào vô ký).*

Bốn câu này nhằm giải thích ý nghĩa của chữ *"thấu bạc"* (湊泊). Đối với *"tự tánh"*, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dùng chữ *"pháp nhĩ tự nhiên"* (pháp vốn tự nhiên là như vậy) để hình dung nó. Trên thực tế, về căn bản, chẳng có cách nào hình dung được. Đối với chuyện chẳng có cách nào để hình dung được, đức Phật đã dùng pháp phương tiện khá gần với chân tướng sự thật để chỉ dẫn cho chúng ta. Đó là chỗ khó tin trong Phật pháp, đặc biệt là trong pháp Đại Thừa. Vì tự tánh không chỉ là chẳng thể biểu đạt bằng ngôn ngữ, bởi ngôn ngữ có phạm vi, có giới hạn; tư duy và tưởng tượng cũng là có phạm vi, có giới hạn. Giới hạn ấy, dựa theo cách nói của tông Duy Thức thì cũng sẽ biện định rất dễ dàng, rất rõ rệt: [Ngôn ngữ và tư tưởng] thuộc vào A Lại Da Thức. Đó chính là giới hạn của nó. Trong A Lại Da Thức, [tông Duy Thức] nói có ba tế tướng và sáu thô tướng. Nếu vượt ra ngoài giới hạn ấy,

sẽ chẳng có cách nào [để diễn đạt, hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự, hoặc tư duy, suy tưởng được], chuyện này được gọi là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*.

Hết thảy Đại Thừa liễu nghĩa đều nói về Chân Như bản tánh, đều vượt ngoài giới hạn của A Lại Da. Kinh Di Đà là kinh Đại Thừa của các kinh Đại Thừa, là liễu nghĩa của liễu nghĩa, đương nhiên là khó tin. Tuy kinh toàn nói về sự tướng, nhưng Sự nương theo Lý để nói, Lý quá sâu, khó lường; do vậy, những Sự ấy đều vượt ngoài tầm hiểu biết của kẻ bình phàm! Không chỉ là lục đạo phàm phu chẳng có phương pháp nào để dò lường, mà Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng dễ gì tin tưởng được! Vì sao? Họ chẳng kiến tánh. Pháp môn này, Phổ Hiền Bồ Tát tuyên dương trong thế giới Hoa Tạng sẽ dễ dàng. Vì sao? Vì các vị Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng đều là bậc minh tâm kiến tánh, Ngài dùng mười đại nguyện vương dẫn họ về Cực Lạc chẳng khó! Chư Phật, Bồ Tát ở trong lục đạo của mười phương thế giới vì chúng sanh thuyết pháp này, thật sự là *"pháp khó tin"*.

Bốn câu giải thích này hết sức hay. *"Bất khả dĩ hữu tâm cầu"* (Chẳng thể dùng hữu tâm để cầu). Hữu tâm thì tâm ấy là vọng niệm, là vọng tưởng; mà cũng chẳng thể dùng *"vô tâm"*. Vô tâm chẳng đạt được, [bởi lẽ], vô tâm là vô minh. Quý vị khởi tâm động niệm là vọng tưởng, không khởi tâm động niệm là vô minh. Khi ấy, xin hỏi quý vị làm như thế nào? Xác thực là chúng ta chẳng có cách nào hết!

Phải biết: Phương pháp Niệm Phật của Tịnh Tông là pháp môn mầu nhiệm tuyệt vời. Chúng ta chí thành cung kính niệm câu A Di Đà Phật, quý vị nói là hữu tâm hay vô tâm? Hiện thời, người niệm Phật rất đông, các đồng tu đang hiện diện ai nấy đều niệm Phật, đại khái là niệm đã lâu; vì sao chẳng có ai đắc Niệm Phật tam-muội? Nếu nói nông cạn hơn một chút, vì sao chẳng được thọ dụng? Đó là vì quý vị niệm Phật chẳng đúng pháp, chẳng biết dụng tâm. Quý vị dùng hữu tâm để niệm, sẽ chẳng đắc Niệm Phật tam-muội. Quý vị dùng vô tâm để niệm, cũng chẳng đắc Niệm Phật tam-muội. Then chốt ở ngay chỗ này! Hữu tâm là vọng tưởng, vô tâm là vô minh. Dùng vọng tưởng, hoặc dùng vô minh để cầu Niệm Phật tam-muội, chắc chắn là chẳng cầu được! Cầu nhất tâm bất loạn cũng chẳng cầu được! Nhưng chư vị phải hiểu: Cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà dùng hữu tâm để cầu thì có thể cầu được; đấy là chỗ thuận tiện của pháp môn này.

Hữu tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào cõi

Phàm Thánh Đồng Cư, hoặc cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ cõi Thật Báo thì không được. Cõi Thật Báo thì phải phù hợp tiêu chuẩn này: "Chẳng thể là hữu tâm, mà cũng chẳng thể là vô tâm". Đó là cõi Thật Báo. Chúng ta hữu tâm cầu, quyết định được vãng sanh. Vô tâm cầu, quyết định chẳng vãng sanh. Chư vị phải hiểu: Quý vị chẳng mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng có phần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới! Tịnh Tông và các tông phái khác phân định sự khó dễ ở ngay chỗ này. Vì chúng ta dùng hữu tâm cầu, sẽ có thể vãng sanh; trong những tông phái khác, hễ dùng hữu tâm, sẽ chẳng thể chứng quả, mà dùng vô tâm, cũng chẳng thể chứng quả! Mới biết các pháp môn khác khó hơn pháp môn này quá nhiều!

Pháp môn này của chúng ta là *"tin khó, hành dễ"*. Thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, phát nguyện là hữu tâm, mong muốn vãng sanh, đúng là *"vạn người tu, vạn người đến"*. Chúng ta niệm câu Phật hiệu, thành khẩn niệm, thật thà niệm, chớ nên xen tạp vọng tưởng. Có những kẻ niệm Phật, trong khi niệm Phật còn có ý niệm *"ta cầu nhất tâm bất loạn"*, đó là vọng tưởng, quý vị chẳng thể nào đắc nhất tâm bất loạn. Trong niệm Phật mà xen tạp vọng tưởng, làm sao có thể đắc nhất tâm bất loạn cho được? Nhất tâm bất loạn là nguyện vọng của ta, ta có nguyện ấy, chớ nên có tâm. Tâm và nguyện phải phân định rõ rệt. Ta có nguyện, ta mong cầu đắc nhất tâm, nhưng trong khi niệm Phật, chớ nên có vọng tâm ấy, chớ nên có ý niệm cầu đắc nhất tâm. Hễ xen tạp ý niệm ấy vào đó, Phật hiệu của chúng ta sẽ chẳng thuần, trong ấy có xen tạp. Niệm đến mức công phu thuần thục, tự nhiên nhất tâm hiện tiền. Công phu đã đạt, nó tự nhiên hiện tiền. Công phu chưa đạt mà dấy vọng tưởng, chỉ có hại, chẳng thể thành tựu. Vì vậy, hãy thật thà niệm, thành khẩn niệm, cung kính niệm, đó là đúng.

Trong tâm có câu Phật hiệu, hết thảy các tạp niệm, phân biệt, chấp trước khác đều chẳng có. Dùng một niệm để trừ hết thảy vọng niệm và tạp tưởng, phương pháp này rất mầu nhiệm, có thể làm cho vọng niệm chẳng sanh. Câu Phật hiệu rành mạch, rõ ràng, niệm bốn chữ cũng thế, mà niệm sáu chữ cũng thế, rành mạch, rõ ràng, chẳng đọa trong vô minh. Do vậy, nó cũng chẳng phải là vô tâm, mà cũng chẳng phải là hữu tâm. Trong ấy, hễ có tạp niệm, có vọng tưởng, thì là hữu tâm. Bốn chữ hoặc sáu chữ ấy rành mạch, rõ ràng, phân minh, nên chẳng phải là vô tâm. Điều ấy được gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa của hàng Đại Thừa Bồ Tát. Niệm Phật phải biết niệm! Sử dụng công phu ấy thuần thục, dần dần

[niệm Phật] sẽ hòa lẫn với cuộc sống, chúng ta mặc quần áo, ăn cơm, đãi người, tiếp vật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, hết thảy cảnh giới, đều chẳng phải là hữu tâm, mà cũng chẳng phải là vô tâm, đều trụ trong Trung Đạo, đều là tương ứng, hoàn toàn là công phu, là cảnh giới. Hai câu này nói về sự dụng tâm.

Hai câu tiếp đó nói về sự dụng công:

1) *"Bất khả dĩ ngữ ngôn tạo"* (Chẳng thể dùng ngôn ngữ để tạo): Chẳng có cách nào dùng ngôn ngữ để diễn tả rõ ràng, hoặc nói minh bạch. Ngôn ngữ và văn tự đều có phạm vi, đều có giới hạn. Đại Thừa, [đặc biệt là] nghĩa thú viên mãn của Nhất Thừa vượt ngoài ngôn ngữ, văn tự. Chẳng thể vứt bỏ ngôn ngữ, văn tự, nhưng ý ở ngoài lời, có nghĩa là quý vị phải biết nghe. Nếu quý vị chỉ nghe ngôn ngữ, chỉ thấy văn tự, sai mất rồi, đã chết cứng nơi câu văn, chẳng thể khai ngộ. Người có thể khai ngộ phải hiểu âm thanh ở ngoài dây đàn, phải hiểu ý ở ngoài lời, như vậy thì quý vị mới có ngộ xứ. Vì thế, lìa khỏi ngôn ngữ, văn tự chẳng được, mà chấp trước ngôn ngữ, văn tự cũng chẳng được! Câu này nói về Giáo Hạ sử dụng ngôn ngữ, văn tự; văn tự là kinh điển, giảng kinh thuyết pháp là ngôn ngữ. *"Tử tại cú hạ"* (Chết ngắc trong câu văn) là [chấp trước] chết cứng nơi Giáo Hạ, chẳng thể minh tâm kiến tánh.

2) *"Bất khả dĩ tịch mặc thông"* (Chẳng thể dùng vắng lặng để thông) là chuyên nói về Thiền Tông. Thiền Tông hoàn toàn đổ công dốc sức nơi Thiền Định, chẳng cần đến ngôn ngữ, văn tự, có được hay không? Chẳng được! Dẫu công phu định lực đã đạt tới Tứ Thiền, Bát Định, vẫn chẳng thể kiến tánh. Dẫu lên cao hơn một bậc là Cửu Thứ Đệ Định, đã có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi, vẫn chẳng thể kiến tánh! Vì sao chẳng thể kiến tánh? Vì họ vẫn còn chấp trước có Thiền Định. Chỉ cần có mảy may vọng tưởng, chấp trước, tâm tánh đều bị chướng ngại! Do vậy, trong pháp môn Đại Thừa, sử dụng phương pháp, nói trắng ra, đều chỉ nhằm phá chấp trước mà thôi.

(Sao) Ly tứ cú, tuyệt bách phi.

(鈔)離四句，絕百非。

*(**Sao**: Lìa bốn câu, tuyệt bách phi).*

Đức Phật dạy *"tứ cú, bách phi"*. *"Tứ cú, bách phi"* bao gồm trọn khắp hết thảy vọng tưởng, chấp trước. Đức Phật nêu một thí dụ: Không là một câu, Có là một câu, "cũng Có cũng Không" là một câu, "chẳng

phải là Có, chẳng phải là Không" là một câu. Đó gọi là Tứ Cú. Từ bốn câu ấy, lại suy diễn, biến hóa thành một trăm câu[98]. Đức Phật nêu ra thí dụ ấy, thí dụ ấy bao gồm hết thảy các vọng tưởng, chấp trước của chúng sanh, đều chẳng ra ngoài nguyên tắc ấy. Tứ Cú và Bách Phi thảy đều lìa khỏi, quý vị đã đoạn hết vọng tưởng, chấp trước, tâm tánh tự nhiên hiển hiện, há có mong cầu? Chẳng phải cầu! Tự nhiên hiển hiện. Nhưng chúng ta nghe đức Phật nói đạo lý này, [sẽ cảm thấy] dường như là quá đơn giản. Trên thực tế, chúng ta chẳng có cách nào làm được, nguyên nhân là vì đối với Tứ Cú, Bách Phi, từ vô thỉ kiếp tới nay, chúng ta đã dưỡng thành thói quen cứng chắc, chẳng thể phá được, muốn lìa mà chẳng lìa được, muốn đoạn mà đoạn chẳng nổi! Khởi tâm động niệm luôn rớt vào Tứ Cú và Bách Phi. Để có thể hiểu rõ chân tướng sự thật này, khá khó khăn! Có thể thật sự lìa khỏi, đoạn hết, há dễ dàng ư? Trong giáo pháp Đại Thừa, người có thể thật sự lìa khỏi, đoạn hết, chính là từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, cũng là như chúng ta thường nói: *"Đã đoạn phiền não, phá vô minh, chứng một phần Pháp Thân"* thì mới là *"ly tứ cú, tuyệt bách phi"*. Chỉ cần Tứ Cú, Bách Phi tồn tại, quý vị chẳng có cách nào phá vô minh, chẳng có cách nào chứng đắc chân tánh.

(Sao) Không lý tài hoa, ba tâm đạp nguyệt, vô nhữ thố thủ túc xứ.

(鈔)空裡栽華，波心踏月，無汝措手足處。

*(**Sao**: Trồng hoa trên hư không, đạp trăng giữa sóng, chẳng có chỗ để cho ông đặt tay, cất chân).*

Đây là tỷ dụ. *"Không lý tài hoa"* (Trồng hoa trong hư không), hoa phải trồng trên đất, hoặc trồng trong chậu hoa, ở giữa hư không làm sao trồng hoa cho được? *"Ba tâm đạp nguyệt"* (Đạp trăng giữa sóng): Ban đêm bóng trăng soi trên mặt nước, quý vị đạp trăng giữa sóng. Những điều này đều nhằm nói lên sự khó khăn, chẳng dễ gì làm được. *"Vô nhữ*

---

[98] Bách phi: Thông thường, Bách Phi được giải thích như sau, đối với Tứ Cú, mỗi câu lại bao gồm Tứ Cú, nên bốn lần bốn hợp thành mười sáu câu. Mười sáu câu ấy phối hợp với ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) thành 16x3=48 câu. Bốn mươi tám câu ấy, mỗi câu ấy lại phối hợp với vị khởi (chưa dấy lên) và dĩ khởi (đã dấy lên), cho nên 48x2=96 câu, cộng với Tứ Cú ban đầu, thành một trăm câu. Do các quan điểm chấp trước ấy đều là vọng huyễn, so đo hư vọng, cho nên gọi chung là Bách Phi.

thố thủ túc xứ" (Không có chỗ cho ông cất tay, đặt chân), tỷ dụ tâm tánh khó thể lý giải, khó thể chứng đắc.

(Sao) Thị cố Linh Sơn thượng đức, chung thành bại Bắc chi khiên. Hán địa Kim Cang, thỉ hữu diệt Nam chi tưởng.

(鈔)是故靈山上德，終成敗北之愆；漢地金剛，始有滅南之想。

*(**Sao**: Vì thế, bậc thượng đức trong hội Linh Sơn, rốt cuộc mắc lỗi thảm bại, bậc Kim Cang đất Hán, thoạt đầu mong diệt trừ [Thiền phái] phương Nam).*

Đây là nêu ra hai câu chuyện để chứng minh. *"Linh Sơn thượng đức"* là nói tới hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu.

(Diễn) Linh Sơn thượng đức, chung thành bại Bắc giả, Linh Sơn hội thượng, ngũ thiên thoái tịch.

(演)靈山上德，終成敗北者，靈山會上五千退席。

*(**Diễn**: "Bậc thượng đức trong hội Linh Sơn rốt cuộc thảm bại": Trong hội Linh Sơn, năm ngàn người rời khỏi pháp hội).*

Đây là những người theo Thích Ca Mâu Ni Phật học Tiểu Thừa đã rất nhiều năm, nghe đức Phật giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, họ nghe xong, chẳng thể lý giải, cho là đức Phật thuyết pháp trái với lẽ thường. *"Ngũ thiên thoái tịch"* tức là năm ngàn người bỏ về, chẳng nghe nữa!

(Diễn) Cập Hoa Nghiêm hội thượng bất kiến Xá Na chi bối. Bại Bắc giả, quân chiến bại viết Bắc.

(演)及華嚴會上不見舍那之輩。敗北者。軍戰敗曰北。

*(**Diễn**: Cùng những kẻ trong hội Hoa Nghiêm chẳng thấy Phật Lô Xá Na. "Bại Bắc": Đánh nhau thua trận thì gọi là Bắc).*

Tỷ dụ chuyện này là *"bại Bắc"*. Vì sao? Chẳng thể kiến tánh. Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa, là do thấy một nhóm học trò căn tánh đã dần dần chín muồi, Ngài bèn vì họ mà nói. Kẻ căn tánh chẳng chín muồi,

chẳng thể tiếp nhận, chẳng chịu tin tưởng, bèn rút lui, chẳng nghe nữa. Điều này ví như đánh giặc, những kẻ ấy đánh thua trận, bèn rút lui!

(Diễn) Hán địa Kim Cang, thỉ dục diệt Nam giả, Đức Sơn hiệu Châu Kim Cang, bất tín Nam Tông đơn truyền trực chỉ chi thuyết, tác Thanh Long Sao, kính vãng Nam phương, dục diệt Nam Tông. Lộ phùng bà tử mại điểm tâm, bà tử vấn vân: "Sở đảm giả hà vật?" Đáp viết: "Kim Cang Kinh Thanh Long Sao". Viết: "Kim Cang kinh vân: Tam tâm bất khả đắc, tôn giả dục điểm hà tâm?" Sơn vô đối, chí Long Đàm vãng phục khấu kích, hoảng nhiên đại ngộ, nãi viết: "Cùng chư huyền biện, nhược nhất hào trí ư thái hư, kiệt thế xu cơ, tự nhất trích đầu ư cự hác", nãi phần Thanh Long Sao vân.

(演)漢地金剛，始欲滅南者，德山號周金剛，不信南宗單傳直指之說，作青龍鈔，徑往南方，欲滅南宗。路逢婆子賣點心。婆子問云。所擔者何物。答曰。金剛經青龍鈔。曰。金剛經云。三心不可得。尊者欲點何心。山無對。至龍潭往復叩擊。恍然大悟。乃曰窮諸玄辯。若一毫置於太虛。竭世樞機。似一滴投於巨壑。乃焚青龍鈔云。

*(**Diễn**: "Kim Cang đất Hán, thoạt đầu mong diệt [Thiền phái ở] phương Nam". Ngài Đức Sơn[99] [Tuyên Giám] hiệu là Châu Kim Cang, chẳng tin thuyết "đơn truyền trực chỉ" của Nam Tông, soạn bộ Thanh Long Sao, đi về phương Nam, toan diệt trừ Nam Tông. Trên đường, gặp bà lão bán điểm tâm, bà lão hỏi: "Ngài gánh vật gì vậy?" Sư đáp: "Kim Cang Kinh Thanh Long Sao". Bà cụ nói: "Kinh Kim Cang nói: Ba tâm chẳng thể được, tôn giả muốn điểm cái tâm nào?" Đức Sơn chẳng đáp được. Đến chỗ ngài Long Đàm [Sùng Tín], thưa hỏi qua lại, bỗng dưng đại ngộ, bèn nói: "Tột cùng các lẽ biện luận huyền diệu, ví như đặt một*

[99] Vị này có pháp hiệu đầy đủ là Đức Sơn Tuyên Giám (782-865), người xứ Giản Châu, họ Châu. Xuất gia từ bé, chuyên nghiên cứu Luật Tông, sau học Thiền theo Bắc Tông. Khi nghe nói về thiền phái Nam Tông của tổ Huệ Năng, Sư cho đó là lý lẽ của bọn cuồng huệ, phá hoại thánh giáo, nên đi về phương Nam, toan biện bác, chiết phục họ. Sau khi được bà lão chỉ điểm, Sư dẹp hết tâm ngạo mạn, đến tham học với thiền sư Long Đàm Sùng Tín ở quận Phong Dương, ngộ đạo. Về sau, Sư dạy Thiền chuyên dùng gậy đánh để giúp học trò khai ngộ nên trong nhà Thiền có từ ngữ *"Đức Sơn bổng"* (gậy Đức Sơn).

sợi lông trong vũ trụ. Cạn hết lẽ trọng yếu trong cõi đời, dường như gieo một giọt nước vào trong con suối lớn". Sư bèn đốt bộ Thanh Long Sao).

Tổ Đạt Ma đến Trung Hoa truyền pháp Thiền, *"đơn truyền trực chỉ"*. Tông chỉ nhà Thiền là chẳng nương theo câu chữ trong kinh luận, chỉ truyền tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Lục Tổ Huệ Năng hoằng pháp tại Hoàng Mai (Giang Nam), gọi là Nam Tông. Thiền sư Đức Sơn, có hiệu là Châu Kim Cang, vì họ ngoài đời là Châu, Đức Sơn là pháp danh. Ngài Đức Sơn là chuyên gia về kinh Kim Cang, suốt đời chuyên đổ công dốc sức nơi kinh Kim Cang. Ngài rất bực tức đối với sự truyền thừa của Thiền Tông, bèn soạn chú giải cho kinh Kim Cang, đặt tên là Thanh Long Sao. Khi đó, kinh và chú giải đều là chép tay. Sư chú giải rất tỉ mỉ, phân lượng rất lớn. Vì thế, khi đi đường phải gánh cả một gánh, một đầu là hành lý, đầu kia là trước tác của Sư, chuẩn bị mang bộ chú giải ấy đến biện luận với những bậc đại đức trong Thiền Tông. Đi đường, đói bụng, khéo sao gặp một bà cụ bán điểm tâm, cách đạo tràng Thiền Tông chẳng xa. Sư liền mua điểm tâm của cụ. Bà cụ hỏi Sư: "Gánh vật gì đấy?" Sư bảo: "Chú giải kinh Kim Cang, Thanh Long Sớ Sao". Bà cụ nghe xong, đáp: "Tôi có một nghi vấn trong kinh Kim Cang. Nếu thầy đáp được, tôi sẽ cúng dường thầy đồ điểm tâm. Thầy chẳng đáp được, dẫu có tiền, tôi cũng không bán". Sư nói: "Được lắm! Ta là chuyên gia về kinh Kim Cang, bà cứ hỏi đi". Bà cụ liền hỏi: "Kinh Kim Cang nói 'ba tâm chẳng thể được', xin hỏi pháp sư, thầy điểm cái tâm nào?" Sư cứng họng, đã bị bắt bí. Sư suy nghĩ, pháp sư của Nam Tông rất giỏi, ngay cả bà lão này mà ta còn chẳng đối phó được, ta còn dám đi nữa chăng? Bèn chẳng dám đi, đem đốt sạch bộ Thanh Long Sao, chỉ dùng thân phận học trò để đến tham học [với ngài Long Đàm]. [Dùng chữ] *"Hán địa Kim Cang"* vì Sư là người Trung Hoa, là người Hán. Châu Kim Cang có ý tưởng diệt trừ Nam Tông!

(Sao) Năng tín thị pháp, khởi bất nan tai?
(鈔)能信是法，豈不難哉。
*(**Sao**: Có thể tin pháp này, há chẳng khó ư?)*

Có thể tin tưởng, quả thật chẳng dễ dàng! Đây là nói rõ *"nan tín"* nhìn từ quan điểm xứng tánh, xác thực là khó khăn. Sự khó khăn này đúng là có đạo lý của nó!

Tam, tổng kết nan sự.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư Ngũ Trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

三、總結難事 。

(經)舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。

(Ba, tổng kết sự khó.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Hãy nên biết ta ở trong đời ác Ngũ Trược, làm chuyện khó này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật là do niệm Phật mà thành Phật. Ngài nói điều này trong bộ Di Đà Kinh Yếu Giải. Đối với cách nói ấy, từ xưa, các vị đại đức chưa hề nói Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật là do niệm Phật mà thành Phật. Ngẫu Ích đại sư là người đầu tiên nói lời ấy, Ngài dựa vào đâu để nói? Chính là dựa vào câu kinh văn này để nói. Lời ấy do chính Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Xá Lợi Phất, chính Ngài tự nói. *"Hành thử nan sự"* (Làm chuyện khó này) chính là niệm Phật, tín nguyện trì danh là chuyện khó khăn. *"Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"* là thành Phật. Nếu Ngẫu Ích đại sư chẳng chỉ ra, chúng ta niệm kinh Di Đà hằng ngày, sẽ hàm hồ, lơ mơ, loáng thoáng lướt qua, chưa từng chú ý hai câu kinh văn trọng yếu như thế đó! Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm Phật mà thành Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật chẳng khác Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài đến cuối cùng thành Phật đều là do pháp môn Niệm Phật này mà thành tựu. Hiểu đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, chúng ta mới hiểu vì sao trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền cũng phải cầu nguyện vãng sanh Tịnh Độ, là do đạo lý này. Vì thế, hết thảy chư Phật Như Lai tới cuối cùng thành Phật đều là do niệm Phật thành Phật. Nếu Ngẫu Ích đại sư không nói, xác thực là chúng ta khó lòng phát hiện. Được người sáng suốt chỉ điểm, bèn xem lại kỹ càng, [sẽ nhận thấy tổ Ngẫu Ích] chẳng sai, có lý!

(Kinh) Vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp.

(經)為一切世間說此難信之法。

*(**Kinh**: Vì hết thảy thế gian nói pháp khó tin này).*

"Pháp khó tin này" chính là pháp *"niệm Phật thành Phật"*.

(Kinh) Thị vi thậm nan.

(經)是為甚難。

*(**Kinh**: Đó là rất khó).*

Câu này là tổng kết hai điều khó trước đó: Tự mình thành Phật là khó, vì chúng sanh nói pháp thành Phật là khó. Chúng ta xem chú giải:

(Sớ) Thuật chư Phật ngữ, trùng vi thân minh, kiến thử nhị nan, cổ Phật bất hư vị tán từ, kim Phật phi lạm ưng mỹ dự. Thật ngữ, thật hạnh, lưỡng tương phù hợp, vạn đại chúng sanh, đương đế tín nhi vật nghi, cảm ân nhi vô dĩ giả dã, khả vị phản phúc đinh ninh, bà tâm đại thiết hỹ.

(疏)述諸佛語，重為申明。見此二難，古佛不虛為讚辭，今佛非濫膺美譽，實語實行，兩相符合，萬代眾生，當諦信而勿疑，感恩而無已者也，可謂反覆叮嚀，婆心大切矣。

*(**Sớ**: Thuật lời chư Phật, nói rõ ràng lần nữa, hòng thấy hai sự khó khăn ấy. Cổ Phật chẳng thốt lời tán thán hư dối, vị Phật hiện thời chẳng lạm nhận tiếng khen. Lời thật, hạnh thật, hai đằng đều phù hợp, chúng sanh muôn đời, hãy nên tin chắc, đừng nghi, cảm ân đức khôn cùng, đáng bảo là "dặn đi, dặn lại, lòng từ bi đau đáu thiết tha tột bậc!")*

Liên Trì đại sư nói mấy câu này hết sức khẩn thiết. *"Cổ Phật"*: Trong bản kinh này, ta đã thấy trong phần trước, sáu phương chư Phật ca ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật, đúng là chân thật, chẳng dối. *"Kim Phật"* là Thích Ca Mâu Ni Phật, tức đức Bổn Sư của chúng ta, Ngài có thể đảm đương lời ca ngợi của hết thảy chư Phật, nhận lãnh [những lời khen ngợi ấy] chẳng hổ thẹn. Lời tán thán của chư Phật Như Lai là chân thật ngữ, Thích Ca Mâu Ni Phật tự hành, hóa độ người khác là chân thật hạnh. *"Thật ngữ, thật hạnh, lưỡng tương phù hợp"* (Thật ngữ, thật hạnh, hai đằng phù hợp).

Tiếp theo đó, Liên Trì đại sư khuyên lơn, khích lệ chúng ta, *"vạn đại chúng sanh"* (chúng sanh muôn đời), không chỉ là khi ấy! Pháp môn này truyền đến đời sau, hy vọng các đồng tu đời sau có duyên gặp gỡ, ngàn muôn phần đừng hoài nghi, nhất định là phải thật sự tin tưởng, phải cảm kích ơn Phật. Cảm ơn chư Phật, đương nhiên chúng ta cũng cảm

kích ân đức của Liên Trì đại sư. Vì đối với bộ kinh này, nói thật ra, nếu chúng ta chẳng được Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư chỉ dẫn, dẫu chúng ta niệm như thế nào, cũng chẳng có cách nào liễu giải nghĩa lý sâu thẳm trong kinh. Chúng ta chẳng nhìn ra, những điều này do hai vị tổ sư đại đức chỉ dẫn chúng ta.

"Phản phúc đinh ninh, bà tâm đại thiết" (Dặn đi dặn lại, tâm đau đáu thiết tha tột bậc), *"bà tâm"* (婆心) là tâm từ bi. Người đã già, biết thời gian của chính mình chẳng còn được mấy, cho nên lòng yêu thương đối với thế hệ sau phát xuất từ chân tâm, chẳng giống như khi còn trẻ! Thuở trẻ thì hãy còn hư tình giả ý, lúc tuổi già, [nhận biết] đời này của ta sắp hết, sắp lìa khỏi thế gian này; vì thế, lòng yêu thương đối với những người trẻ tuổi thuộc thế hệ sau xuất phát từ lòng chân thành. Thông thường, để hình dung lòng từ bi chân thật, chúng ta đều gọi là *"bà tâm"*, tức là lòng từ bi chân thật của bà cụ già, dùng điều này để tỷ dụ [lòng đại từ bi của] chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức.

(Sao) Đắc đạo chi nan, kỳ nan hữu nhị.

(鈔)得道之難，其難有二。

*(**Sao**: Đối với sự khó khăn trong việc đắc đạo, có hai nỗi khó khăn).*

Hai điều khó, một là *"đắc"*, tức là thành Phật khó khăn, điều kia là thuyết pháp khó khăn. Thành Phật khó khăn lại có hai điều.

(Sao) Nhất vị thiện thế đắc đạo, vị túc vi nan, kim ư ác thế.

(鈔)一謂善世得道，未足為難，今於惡世。

*(**Sao**: Một là đắc đạo trong cõi đời thiện lương, chưa đáng gọi là khó, nay trong đời ác [mà đắc đạo thì mới là khó]).*

Điều này là khó. Nay chúng ta học Phật, có thể buông xuống vạn duyên, được sanh về Tịnh Độ. Thưa cùng chư vị, hiện thời, bày ra trước mặt chúng ta hai loại trạng huống: Một loại là vãng sanh, loại kia thì tuy niệm Phật mà chẳng thể vãng sanh. Đây là sự thật, giống như xưa kia, cụ Lý Bỉnh Nam đã nói: *"Người niệm Phật trong hiện thời, một vạn người niệm Phật, có thể vãng sanh đại khái là dăm ba người mà thôi"*. Tuyệt đại đa số chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân ở chỗ nào? *"Ác thế"*. Quý vị ở trong đời ác, chính mình chẳng thể độc lập, làm chủ, bị cảnh giới

xoay chuyển, niệm Phật kiểu đó sẽ chẳng thể vãng sanh. Có thể vãng sanh thì thưa cùng chư vị, công phu của quý vị bèn có thành tựu cao hơn những người đã vãng sanh trong quá khứ. Vì sao? Trong quá khứ, những người đó có hoàn cảnh tốt hơn nhiều, chẳng có lắm nỗi ác duyên dường ấy. Nếu những người ấy ở trong hoàn cảnh giống hệt như hiện thời, họ sẽ chẳng thể vãng sanh. Chuyện này chẳng giả tí nào! Trong hoàn cảnh này, chúng ta có thể vãng sanh, công phu bèn vượt trỗi cổ nhân, đây là sự thật. Như trong phần trước đã nói, làm thế nào để có thể tự lập tự cường trong đời ác Ngũ Trược, chẳng bị ngoại cảnh quấy nhiễu, nhất tâm hướng về đạo? Đạo ấy chính là đại đạo để vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đó là công phu chân thật. Đây là chỗ khó khăn thứ nhất.

Người niệm Phật trong hiện thời chẳng thể vãng sanh, chúng ta chẳng thể trách họ được! Hoàn cảnh bên ngoài đích xác là chướng ngại quá lớn. Xác thực là chẳng phải hạng người tầm thường, lơ mơ mà có thể chống chọi nổi! Trong thì có phiền não tập khí, ngoài thì có ác duyên. Ác duyên ấy bao gồm hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất. Hoàn cảnh vật chất là ngũ dục, lục trần dụ dỗ, mê hoặc; đối với hoàn cảnh nhân sự thì thân thích bằng hữu kết giao của quý vị chẳng học Phật, họ tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, lôi quý vị đi theo. Quý vị mong học Phật, họ chẳng để cho quý vị thành tựu. Quý vị mong liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật, làm tổ ngay trong một đời này, họ khăng khăng kéo quý vị vào trong ba ác đạo, khiến cho quý vị hưởng thụ thế giới phồn hoa này. Một phen hảo ý của họ, hậu quả chẳng kham tưởng tượng nổi! Hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất chẳng tốt đẹp, bất lợi cho sự tu hành, ở trong ấy mà thành tựu chẳng dễ dàng đâu nhé!

(Sao) Nhị vị ác thế đắc đạo, nhi đắc tiểu quả, do vị vi nan, kim đắc Vô Thượng Bồ Đề, thị dĩ nan dã.

(鈔)二謂惡世得道，而得小果，猶未為難；今得無上菩提，是以難也。

*(**Sao**: Hai là đắc đạo trong đời ác, mà đắc tiểu quả thì vẫn chưa phải là khó. Nay đắc Vô Thượng Bồ Đề, chính là khó khăn vậy).*

Tiểu quả, tiểu thiện là đời sau đắc thiện báo trong cõi nhân thiên, có chuyện này. Trong xã hội, chúng ta thấy những người tâm địa rất thiện lương, tận tâm tận lực thực hiện sự nghiệp từ thiện nhằm giúp đỡ xã hội, cứu vớt người nghèo khổ. Đó là tiểu quả nhân thiên, chúng ta

thường có thể trông thấy. Nếu tiến cao hơn, cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Có thể nghiêm trì giới luật, thân tâm thanh tịnh, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn mấy phẩm mà thôi, chưa đoạn sạch sành sanh! Đã đoạn hết sạch, người ấy bèn chứng quả. Trong thời kỳ Mạt Pháp, đã chẳng còn thấy có người chứng quả nữa! Nói cách khác, có thể đoạn mấy phẩm phiền não, nhưng chưa đoạn hết sạch thì thọ mạng của người ấy đã chấm dứt, do chuyện này, hết sức khó thành tựu! Còn trong pháp môn này, vãng sanh bèn bất thoái, viên mãn thành Phật, xác thực là khó nhất trong các điều khó! Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa cùng chư vị, tuy hết thảy Phật pháp Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều chưa hề học, sẽ tự nhiên thông đạt. Nếu quý vị hỏi "vì sao thông đạt" ư? Chúng tôi xin thưa: Chúng ta vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là chẳng minh tâm kiến tánh, vì sao cũng thông đạt? Ở trong ấy:

1) Nguyên nhân thứ nhất là được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Đọc phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đã biết [chuyện ấy].

2) Thứ hai, tuy trong đời này ta chưa từng học, đời trước ta đã học. Trước đời trước, còn có đời trước nữa. Những gì đã học trong vô lượng kiếp quá khứ, nay đều có thể nhớ lại, đều hiểu. Do Phật lực gia trì, những gì đã tu hành trong vô lượng kiếp thảy đều có thể hiện tiền, nay đều được thọ dụng. Nguyên nhân là như vậy đó!

(Sao) Thuyết pháp chi nan, kỳ nan diệc nhị.

(鈔)說法之難，其難亦二。

*(**Sao**: Thuyết pháp khó khăn, sự khó khăn ấy cũng gồm có hai điều).*

Thuyết pháp khó khăn cũng có hai loại.

(Sao) Nhất vị thiện thế thuyết pháp, vị túc vi nan, kim ư ác thế.

(鈔)一謂善世說法，未足為難，今於惡世。

*(**Sao**: Một là thuyết pháp trong đời tốt lành, chưa đủ coi là khó khăn, nay trong đời ác).*

Hiện thời, chúng ta thấu hiểu rất sâu điều này. Trong xã hội vào thời cổ, dẫu là người chẳng đi học, không biết chữ, cũng đã tiếp nhận sự

giáo huấn về luân lý và đạo đức, do phong tục tập quán của xã hội đã dưỡng thành một quan niệm về luân thường đạo đức cho người từ thuở bé. Tuy chẳng học hành, không biết chữ, người ấy biết hiếu thuận với cha mẹ, biết nhường nhịn, yêu thương anh em, xử sự, đãi người, tiếp vật đều biết chừng mực. Hiện thời, nhìn từ bề ngoài, [sẽ thấy là] giáo dục phổ cập, gần như mỗi cá nhân đều được tiếp nhận sự giáo dục, nhưng chẳng có quan niệm luân thường, thiên hạ đại loạn, nguyên nhân ở chỗ nào? Trong nền giáo dục xưa kia, tông chỉ giáo dục là dạy chúng ta làm người như thế nào. Nền giáo dục hiện thời chẳng dạy quý vị làm người như thế nào, mà là dạy quý vị kỹ thuật, làm cách nào để kiếm tiền trong xã hội, là nền giáo dục chú trọng hiệu quả và lợi ích bất kể thủ đoạn. Giáo dục xưa kia được gọi là nền giáo dục thánh hiền, nhằm mục đích dạy quý vị làm thánh nhân, làm hiền nhân. Chẳng giống như hiện thời, mục tiêu của giáo dục hiện thời chẳng nhằm dạy quý vị làm thánh hiền, khác hẳn! Thánh hiền được kiến lập trên cơ sở làm người. Vì thế, người thuở trước biết hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy. Học trò hiện thời phê bình thầy, làm thầy khó lắm! Với tâm thái như thế, thầy còn có thể dạy học trò hay chăng? Có còn mong muốn dạy học trò hay không? Sư đạo chẳng có, nói cách khác, chẳng biết làm người như thế nào, chẳng có ai dạy! Mong cho xã hội chẳng loạn, chẳng thể nào được! Do đó, ở trong xã hội này mà nói pháp môn thành Phật, thành Bồ Tát, quá khó khăn! Ai chịu tin tưởng? Phàm nhân mong lợi ích ngay trước mắt; hễ hơi xa xôi một chút, chừng mấy tháng sau, hoặc một hai năm sau [mới thấy lợi ích], họ chẳng muốn! Họ mong đạt được lợi ích ngay lập tức. Vì thế, họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng.

(Sao) Nhị vị ác thế thuyết pháp, nhi thuyết kỳ dị tín giả, do vị vi nan, kim thuyết nan tín chi pháp, thị dĩ nan dã.

(鈔)二謂惡世說法，而說其易信者，猶未為難；今說難信之法，是以難也。

*(**Sao**: Hai là thuyết pháp trong đời ác, mà thuyết những pháp dễ tin thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói pháp khó tin thì mới là khó khăn vậy).*

"Dễ tin" là gì? [Chính là những pháp môn] mà người ta có thể tư duy, tưởng tượng được, vẫn có thể miễn cưỡng tiếp nhận, [người ta nghe những pháp ấy xong] suy nghĩ: [Pháp này] cũng khá, còn có lý. Còn như

pháp môn này, *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*, làm sao người ấy có thể tin tưởng cho được? Muốn cho người ấy tiếp nhận, quá khó!

Dưới đây, Liên Trì đại sư nêu ra bốn tỷ dụ. Ngài dùng những tỷ dụ nông cạn, dễ thấy, để chúng ta biết hai chỗ khó khăn trong việc tự hành và hóa độ người khác của Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sao) Lược vi tứ dụ, đệ nhất dụ giả, thí như hữu nhân, thân nhập đại hải, phục thừa phá châu, phục ngộ nghịch phong, phục xung cự lãng, phục trị la sát, ngư vương, độc long, nguy tại khoảnh khắc.

(鈔)略為四喻，第一喻者，譬如有人，身入大海，復乘破舟，復遇逆風，復衝巨浪，復值羅剎魚王毒龍，危在頃刻。

*(**Sao**: Nêu đại lược bốn tỷ dụ. Tỷ dụ thứ nhất, ví như có người vào trong biển cả, lại ngồi thuyền rách, lại gặp gió ngược, lại trúng sóng to, lại gặp la-sát, ngư vương, rồng độc, nguy ngập trong khoảnh khắc).*

Có người ngồi chiếc thuyền rách nát trên biển, gặp phải gió to, sóng cả, gặp trúng la-sát[100], cá lớn, rồng độc, hết sức nguy hiểm.

(Sao) Nhi năng ư trung, an ổn đắc độ, thị chi vị nan.

(鈔)而能於中，安穩得渡，是之謂難。

*(**Sao**: Mà có thể ở trong ấy, yên ổn đến tận bờ, đó gọi là khó).*

Chiếc thuyền rách nát ấy có thể bình an vượt biển, khó lắm! Tỷ dụ này hình dung sự khó khăn của việc tự độ.

(Sao) Bất đản tự độ, tinh độ chư nhân, trí chi bỉ ngạn, thị nan trung nan.

(鈔)不但自渡，併渡諸人，置之彼岸，是難中難。

*(**Sao**: Không chỉ là tự mình vượt thoát, mà còn giúp người khác vượt thoát đến nơi bờ kia, là sự khó nhất trong các sự khó).*

---

[100] La-sát (Rākṣasa) là một loại quỷ dữ, thích ăn thịt người. Nam la-sát thân hình xấu ác, to lớn, hung dữ, răng nhọn, móng tay sắc như vuốt chim ưng, mắt đỏ, tóc đỏ, thích uống máu người. La-sát nữ xinh đẹp, thường dụ dỗ đàn ông háo sắc để ăn thịt.

Không chỉ là chính mình có thể vượt qua, mà còn thấy những người khác trên thuyền gặp nạn, người ấy còn có thể giúp đỡ người khác. Đây là tỷ dụ sự khó khăn trong thuyết pháp.

(Sao) Đại hải, phá châu, nghịch phong, cự lãng, cập la-sát đẳng, thử dụ Ngũ Trược.

(鈔)大海、破舟、逆風、巨浪，及羅剎等，此喻五濁。

*(**Sao**: Biển cả, thuyền rách, gió ngược, sóng lớn, và la-sát v.v... ví như Ngũ Trược).*

Tỷ dụ Ngũ Trược.

(Sao) Tự độ, dụ đắc đạo.

(鈔)自渡，喻得道。

*(**Sao**: Tự độ ví như đắc đạo).*

Thành Phật.

(Sao) Độ nhân, dụ thuyết pháp dã.

(鈔)渡人，喻說法也。

*(**Sao**: Độ người khác, ví như thuyết pháp).*

Chúng ta suy nghĩ trạng huống này, [sẽ thấy] chuyện khó khăn dường ấy!

(Sao) Đệ nhị dụ giả, thí như hữu nhân, thân ly trọng bệnh, phục xử phong lộ, phục phạp ẩm thực, phục tao điệt phác, phục trị dung y, ngộ tấn dược nhĩ, nguy tại khoảnh khắc.

(鈔)第二喻者，譬如有人，身罹重病，復處風露，復乏飲食，復遭跌撲，復值庸醫，誤進藥餌，危在頃刻。

*(**Sao**: Tỷ dụ thứ hai, ví như có người thân mắc bệnh nặng, lại ở chỗ gió sương, lại ăn uống thiếu thốn, lại bị vấp ngã, lại gặp thầy thuốc dở, uống lầm thuốc men, nguy ngập trong khoảnh khắc).*

Đã bị bệnh nặng, lại nằm ở chỗ trống trải, hứng chịu đủ thứ gió

máy, lạnh lẽo, lại chẳng có thức ăn đồ uống, chịu đói khát, lại bị vấp ngã, lại gặp thầy thuốc chẩn đoán sai lầm, lại uống lầm thuốc, bệnh tình nguy ngập, sắp chết đến nơi rất nhanh!

(Sao) Nhi năng ư trung, điều lý thuyên an, thị chi vị nan.

(鈔)而能於中，調理痊安，是之謂難。

*(**Sao**: Mà có thể ở trong ấy, chữa trị thuyên giảm, lành bệnh, đó gọi là khó khăn).*

Trong trạng huống ấy, người ấy có thể nghiễm nhiên chuyển biến tốt đẹp, có thể khôi phục, chuyện này chẳng dễ dàng, khó lắm!

(Sao) Bất đản tự liệu, tinh dư bệnh giả, giai sử bình phục, thị nan trung nan.

(鈔)不但自療，併餘病者，皆使平復，是難中難。

*(**Sao**: Không chỉ tự chữa lành, mà còn khiến cho những bệnh nhân khác đều được bình phục, đó gọi là "chuyện khó nhất trong những chuyện khó").*

Bệnh nặng, ở nơi gió máy, thiếu ăn khát uống, té ngã, gặp thầy thuốc dốt, uống lầm thuốc thang, ví như đời ác Ngũ Trược. Chính mình chữa lành, tỷ dụ [người ấy] đã thành Phật, lại còn giúp đỡ người khác, tỷ dụ thuyết pháp quả thật chẳng dễ dàng!

(Sao) Đệ tam dụ giả, thí như hữu nhân, thân tại linh ngữ, phục ưng sở thát, phục hệ già nữu, phục nhiễm tật dịch, phục bị giam áp, tương lâm tru lục, nguy tại khoảnh khắc.

(鈔)第三喻者，譬如有人，身在囹圄，復膺楚撻，復繫枷杻，復染疾疫，復被監押，將臨誅戮，危在頃刻。

*(**Sao**: Tỷ dụ thứ ba, ví như có người thân trong tù ngục, lại bị đánh đập, lại bị gông cùm trói buộc, lại mắc bệnh dịch, lại bị giam cầm, sắp bị chém giết, nguy ngập trong khoảnh khắc).*

Có người bị nhốt trong lao ngục, chẳng được tự do, *"sở thát"* (楚撻) là đánh đập, *"già nữu"* (枷杻) là cùm chân, còng tay, thân thể còn nhiễm bệnh, lại bị phán tội tử hình, mạng nguy ngập trong sớm tối.

(Sao) Nhi năng ư trung, hốt nhiên giải thoát, thị chi vị nan.

(鈔)而能於中，忽然解脫，是之謂難。

*(**Sao**: Mà có thể ở trong ấy, bỗng dưng giải thoát, đó gọi là khó khăn).*

Trong lúc tánh mạng hiểm nghèo, bỗng được đại xá, có thể thoát khỏi nhà tù, khó lắm! Rất khó khăn!

(Sao) Bất đản tự thoát, tinh chư tội nhân, tất đắc miễn ly, thị nan trung nan.

(鈔)不但自脫，併諸罪人，悉得免離，是難中難。

*(**Sao**: Không chỉ là tự mình thoát khỏi, lại còn cùng các tội nhân đều được thoát lìa, đó là chuyện khó nhất trong các sự khó).*

Điều này tỷ dụ sự thuyết pháp.

(Sao) Đệ tứ dụ giả, thí như hữu nhân, thân đọa tỉnh trung, phục ngộ độc xà, phục khốn kinh cức, phục yêm hàn thủy, phục trị ác nhân phao trịch thổ thạch, nguy tại khoảnh khắc.

(鈔)第四喻者，譬如有人，身墮井中，復遇毒蛇，復困荊棘，復淹寒水，復值惡人抛擲土石，危在頃刻。

*(**Sao**: Tỷ dụ thứ tư, ví như có người, thân rơi xuống giếng, lại gặp rắn độc, lại bị vướng mắc trong gai góc, lại bị ngập trong nước lạnh, lại gặp kẻ ác quăng ném đất, đá, nguy ngập trong khoảnh khắc).*

Người ấy rơi xuống giếng, đáy giếng có rắn độc, lại có những loài thực vật gai góc, nước giếng lạnh buốt, lại gặp kẻ ác ném đá xuống giếng.

(Sao) Nhi năng ư trung, đằng dược nhi xuất, thị chi vị nan.

(鈔)而能於中，騰躍而出，是之謂難。

*(**Sao**: Mà có thể ở trong ấy, nhảy vọt lên thoát ra, đó gọi là khó khăn).*

Trong trạng huống đó, người ấy có thể thoát khỏi giếng, khó lắm. Những thứ như rắn độc v.v… nhằm sánh ví đời ác Ngũ Trược. *"Đằng dược nhi xuất"* (Nhảy vọt lên thoát ra), tỷ dụ sự khó khăn khi chính

mình thành Phật!

(Sao) Bất đản tự xuất, tinh dư đồng đọa, câu thời thượng thăng, thị nan trung nan.

(鈔)不但自出，併餘同墮，俱時上升，是難中難。

*(**Sao**: Không chỉ là tự thoát ra, mà còn khiến cho những kẻ cùng té trong giếng cùng lúc được vọt lên trên, đó là chuyện khó nhất trong những sự khó).*

Đây là tỷ dụ thuyết pháp khó khăn.

(Sao) Ngũ Trược đẳng dụ, nghĩa thuyết đồng thượng.

(鈔)五濁等喻，義說同上。

*(**Sao**: Các tỷ dụ về Ngũ Trược, nói lên ý nghĩa giống như trong phần trước).*

Trong ba đoạn sau, ý nghĩa về Ngũ Trược hoàn toàn giống như đã nói trong đoạn thứ nhất, chúng ta đọc xong, sẽ tự nhiên suy ra được, cho nên tỉnh lược.

(Sao) Thử chi tứ dụ.

(鈔)此之四喻。

*(**Sao**: Bốn tỷ dụ này).*

Bốn tỷ dụ được nói trên đây.

(Sao) Lược dụ Thích Ca nhị chủng nan sự, minh thiển dị hiểu.

(鈔)略喻釋迦二種難事，明淺易曉。

*(**Sao**: Nhằm sánh ví sơ lược rõ ràng, gần gũi, dễ hiểu hai chuyện khó khăn của Phật Thích Ca).*

Từ tỷ dụ, chúng ta có thể tưởng tượng trạng huống khó khăn ấy. Trong đời ác Ngũ Trược, đức Thế Tôn thị hiện thành Phật, vì hết thảy chúng sanh nói pháp môn vãng sanh Tịnh Độ, khó khăn như trong các tỷ dụ trên đây [đã diễn tả]. Nói theo thực tế, chỉ có khó hơn, chẳng hề thua kém!

(Sao) Sử tri Như Lai bất đạn cù lao, bị lịch gian khổ, vị ngã đẳng cố, hành nan trung nan, nhất chí ư thử.

(鈔)使知如來不憚劬勞，備歷艱苦，為我等故，行難中難，一至於此。

*(**Sao**: Khiến cho [người nghe] biết Như Lai chẳng sợ nhọc nhằn, trải đủ mọi nỗi gian khổ, vì bọn chúng ta hành chuyện khó nhất trong các chuyện khó đến mức như thế).*

Chúng ta chỉ có thật sự liễu giải, thật sự hiểu rõ thì đối với Phật mới cảm ơn đội đức. Phật có ân đức sâu nặng đối với chúng ta, xác thực là vượt trỗi cha mẹ. Những nỗi gian nan, khốn khổ ấy, cha mẹ của chúng ta chẳng làm được, nhưng Phật, Bồ Tát có thể làm được!

(Sao) Văn tư nan giả, giai ưng hỷ bi giao tập.

(鈔)聞斯難者，皆應喜悲交集。

*(**Sao**: Kẻ nghe những nỗi khó khăn ấy, hãy đều nên vui buồn xen lẫn).*

Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, nhất định sẽ xuất hiện thái độ ấy. *"Hỷ"* (喜) là hoan hỷ. Hoan hỷ vì đời này chúng ta hữu duyên đọc bộ kinh điển này, hữu duyên nghe pháp môn này. Phạm vi của Bi rộng lớn:

1) Một là cảm kích Phật, Tổ đã chịu đựng hết muôn vàn cay đắng, khổ sở, thành tựu Phật đạo, nói kinh điển. Đó là các Ngài vì độ chúng ta [mà làm như thế].

2) Lịch đại tổ sư đại đức đời đời truyền thừa, cũng là vì độ chúng ta.

3) Thứ ba là xót xa chính mình trong đời quá khứ chẳng có trí huệ. Đã từng nghe pháp môn này mà chẳng thể tín, chẳng thể phát nguyện, chẳng thể tu hành, đến nỗi luống uổng! Lại thương xót hết thảy chúng sanh đang ở trong tình hình giống hệt ta trong quá khứ. Hiện thời, pháp môn này đang được phổ biến, tuyên dương. Họ nghe xong chẳng tin, hoặc tin, nhưng chẳng phát nguyện, hoặc phát nguyện, nhưng không chịu niệm Phật!

(Sao) Cảm cực hô hào, thanh chấn tam thiên đại thiên thế giới, dũng mãnh tinh tấn, tư báo Phật ân.

(鈔)感極呼號，聲震三千大千世界，勇猛精進，思報佛恩。

*(**Sao**: Cảm kích cùng cực, bèn hô hào, tiếng vang rền tam thiên đại thiên thế giới, dũng mãnh, tinh tấn, nghĩ báo ơn Phật).*

Người thật sự đã hiểu, thật sự minh bạch, bèn có biểu hiện tự nhiên là như vậy. Nếu chẳng thể hiện cảm tình ấy, nói cách khác, đối với kinh điển này, kẻ ấy vẫn chưa hiểu rõ, chẳng thấu triệt. Vì sao? Vẫn chai lì y như cũ. Thật sự hiểu rõ, liễu giải, [sẽ là] *"bi hỷ giao tập, dũng mãnh, tinh tấn"* (buồn vui chen lẫn, dũng mãnh, tinh tấn). Nhất định là có thái độ ấy, chẳng cần kẻ khác khuyên lơn, khích lệ, dặn dò. Báo ân Phật như thế nào? Báo ân tổ sư như thế nào? Ở đây, đại sư đã bảo cho chúng ta biết. Câu này hết sức quan trọng. Khá nhiều đệ tử Phật, nay đã biết pháp môn này, chiếu theo pháp môn này để tu học, đạt được đôi chút lợi ích, đều mong báo ân Phật, mà chẳng biết cách báo đáp như thế nào.

(Sao) Dục báo Phật ân, bất việt nhị sự: Nhất giả tự lợi, nhị giả lợi nhân.

(鈔)欲報佛恩，不越二事：一者自利，二者利人。

*(**Sao**: Muốn báo ân Phật, chẳng ngoài hai sự: Một là tự lợi, hai là lợi lạc người khác).*

Quý vị ghi nhớ nguyên tắc này thì là đúng. Thật sự báo ân Phật, phải tự lợi, lợi tha. Nay chúng ta thật sự chẳng có trí huệ. Tự lợi là gì, lợi tha là gì, chẳng hiểu rõ ràng! Coi tự hại là tự lợi, coi hại người là lợi tha. Đó là ngu si!

(Sao) Tự lợi giả, ư thử ác thế, lực hành thử đạo, nhân đắc vãng sanh, diệc vân vi nan.

(鈔)自利者，於此惡世，力行此道，因得往生，亦云為難。

*(**Sao**: Tự lợi là trong đời ác này, tận lực hành đạo này; do vậy, được vãng sanh, [chuyện này] cũng gọi là khó khăn).*

Tự lợi là gì? *"Lực hành thử đạo"* (Tận lực hành đạo này), nỗ lực tu học pháp môn này. Đối với pháp môn này, trong kinh, đức Phật đã

dạy ba điều kiện: Tín, Nguyện, Trì Danh. Chúng ta phải tin sâu, phải thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong mười hai thời (suốt ngày từ sáng đến tối), trong tâm chỉ chuyên chú câu Phật hiệu này, quý vị quyết định được vãng sanh. Khó lắm! Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống. Chẳng chịu buông xuống, khó lắm! Quý vị chẳng thể thành tựu.

Đối với buông xuống, chư vị chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Chẳng phải là nói "buông xuống nơi Sự". Sự cố nhiên là có chướng ngại, nhưng chướng ngại chẳng lớn. Trong tâm phải buông xuống, điều này quan trọng! Rất nhiều người xuống tóc xuất gia, đã buông xuống nơi mặt Sự, nhưng sau khi xuất gia, càng lắm chuyện phiền toái hơn thuở tại gia. Buông xuống ở chỗ nào? Đức Phật dạy chúng ta hãy buông xuống từ trong tâm, quyết định chẳng dính mắc, đó là đúng. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, hết thảy cảnh giới, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, chuyện gì cũng đều chẳng ghim giữ trong tâm. Đó là tự lợi, là chuyên niệm. Vì thế, chuyên niệm chẳng phải là nơi đằng miệng. Miệng suốt ngày từ sáng đến tối niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, trong tâm còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có chuyện vướng mắc trong bụng dạ, niệm Phật kiểu đó chẳng thể vãng sanh. Cổ đức thường nói: *"Gào toạc cổ họng vẫn uổng công"*, chẳng thể vãng sanh. Trong tâm thật sự có [A Di Đà Phật], người ấy chẳng niệm mà vẫn có thể vãng sanh, vì niệm kiểu ấy là tâm niệm, chẳng phải là khẩu niệm, trong tâm người ấy thật sự có Phật.

Có một cư sĩ hỏi tôi: "Phải niệm Phật như thế nào thì mới có thể đắc lực?" Ông ta niệm vài năm, cảm thấy công phu chẳng đắc lực. Tôi bèn bảo ông ta: "Hãy buông xuống! Chẳng buông xuống thì làm sao công phu đắc lực cho được? Không buông xuống, niệm Phật còn có xen tạp". Ông ta nói: "Thưa sư phụ! Điều gì con cũng có thể buông xuống, chứ không thể buông mấy đứa cháu xuống được!" Tôi nói: "Vậy là chẳng có cách nào hết!" Tôi bảo ông ta: "Ông hãy đổi cái tâm vương vấn con cháu thành [vương vấn] A Di Đà Phật, ông sẽ nhất định vãng sanh". Chư vị ngẫm lại xem, ông ta chẳng thể lải nhải "cháu nội, cháu nội", chẳng thể nói như vậy suốt ngày từ sáng đến tối. Ông ta chẳng niệm, nhưng trong tâm thật sự có. Miệng suốt ngày từ sáng đến tối niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"* mà trong tâm chẳng có, vô dụng! Trong tâm có, nơi miệng chẳng có, hữu dụng! Điều này hết sức trọng yếu.

Niệm Phật là trong tâm thật sự có A Di Đà Phật. Niệm kinh là

trong tâm thật sự có kinh Vô Lượng Thọ, chẳng phải là có kinh Vô Lượng Thọ ngoài miệng, có kiểu đó vô dụng! Phải là có trong tâm thì mới hữu dụng. Đây là nói tự lợi như thế nào, vãng sanh như thế nào. Đối với chuyện trong thế gian, hãy tùy duyên. Trông thấy chuyện tốt, gật đầu, rất hoan hỷ; thấy chuyện xấu, cũng gật đầu hoan hỷ, tuyệt đối chẳng vướng mắc trong tâm. Đương nhiên là đệ tử Phật phải có trách nhiệm *"quy quá, khuyến thiện"* (uốn nắn điều sai lệch, khuyên hành thiện). Gặp kẻ làm chuyện xấu, khuyên kẻ ấy mấy câu. Kẻ ấy nghe lời, tốt lắm; chẳng nghe lời, coi như xong chuyện, chẳng cần phải so đo nữa, chớ nên ghim chuyện ấy trong lòng. Đó là đúng. Trong tâm nhất định phải vương vấn A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *"nhất hướng chuyên niệm"* (một mực chuyên niệm), kinh Di Đà nói *"nhất tâm bất loạn"*, Quán Kinh nói *"nhất tâm hệ niệm"*, có thể thấy: Trong tâm có Phật thì chính là thật sự niệm Phật.

(Sao) Lợi nhân giả, ư thử ác thế, phục khuyến chư nhân, cộng hành thử đạo, đồng đắc vãng sanh, thị tắc diệc vân nan trung nan dã.

(鈔)利人者，於此惡世，復勸諸人，共行此道，同得往生，是則亦云難中難也。

*(**Sao**: "Lợi người": Trong đời ác này, lại khuyên mọi người cùng hành đạo này để cùng được vãng sanh, đấy cũng gọi là "khó nhất trong các sự khó").*

Lợi tha như thế nào? Lợi ích chúng sanh, chư vị phải biết: Những pháp môn khác lợi ích nhỏ nhoi, chỉ có thể gieo một chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức mà thôi. Trong một đời này, nếu muốn vượt thoát tam giới lục đạo luân hồi, nếu mong bất thoái thành Phật, nói thật thà, chỉ có pháp môn Niệm Phật. [Pháp này] ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, được gọi là *"môn dư đại đạo"* (đại đạo ở ngoài các pháp môn). Trừ pháp này ra, chẳng có pháp môn thứ hai, quý vị muốn tìm pháp môn thứ hai để có thể thành tựu, sai mất rồi!

Nay chúng ta nếu muốn giúp đỡ và lợi ích người khác, tôi nhất định phải giới thiệu pháp môn bậc nhất với quý vị, pháp môn này quyết định hữu hiệu. Nếu tôi nói với quý vị các pháp môn khác, [tu tập] những pháp môn ấy chắc chắn là chẳng thể thành tựu, làm sao tôi chẳng có lỗi với quý vị? Có thể nào chẳng có lỗi đối với Phật, Bồ Tát? Phật, Bồ Tát đối với chúng ta có ân đức như vậy, chúng ta đối với người khác bèn

khấu trừ mấy phần, tức là chẳng tương ứng với tâm nguyện của Phật. Lại còn có kẻ cố ý đến làm phiền, đến gây khó dễ. Có kẻ nói: "Các vị chỉ đề xướng pháp môn Niệm Phật, chỉ đề xướng kinh A Di Đà, [chẳng phải là] Phật pháp thảy đều bị diệt sạch trong tay quý vị ư?" Họ nói [thoạt nghe] cũng rất có lý. Thật ra, đấy là thiên kiến. Pháp môn này, nhất định là người thiện căn, phước đức, nhân duyên đã chín muồi [thì mới có thể tiếp nhận, hành trì]. Nói cách khác, pháp môn này để độ người sẽ thành Phật. Quý vị chẳng thuộc dạng người thành Phật, đối với pháp môn này, quý vị chỉ gieo thiện căn, chẳng thể thành tựu! Trong một đời này, quý vị xác thực là có tư cách thành Phật, pháp môn này sẽ khởi tác dụng đối với quý vị.

Vì thế, chúng ta biết: Hết thảy các pháp môn đều nhằm vun bồi thiện căn, phước đức cho chúng sanh, còn pháp môn này dành cho người có hết thảy thiện căn, phước đức, nhân duyên đã chín muồi, quyết định đắc độ trong một đời này. Do vậy, pháp môn này là pháp môn vô thượng, là pháp môn bậc nhất. Chúng ta dùng pháp môn này để khuyên người khác, người ta thiện căn chín muồi, bèn tạo duyên cho người ấy, quá tốt đẹp! Người ấy bèn thành tựu. Dẫu người ấy chẳng thể tiếp nhận, cũng gọi là *"một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo"*, gieo duyên thù thắng của thế giới Tây Phương trong tám thức điền. Đó là vô lượng công đức. Đời sau, hoặc nhiều đời, nhiều kiếp sau nữa, chủng tử ấy nhất định sẽ chín muồi, người ấy nhất định sẽ do chủng tử ấy mà đắc độ. Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Trong tỷ dụ này, đại sư đã vì chúng ta nói rõ nỗi khó khăn trong việc thành đạo và thuyết pháp của đức Thế Tôn. Chúng ta báo ân, chỉ có tự lợi và lợi tha; đấy mới là thật sự báo ân. Hôm nay, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 282

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm chín mươi lăm:

(Sớ) Hựu Pháp Hoa cực tán thuyết kinh chi nan, diệc đồng thử ý.

(Sao) Pháp Hoa cực tán giả, vị tận thuyết dư kinh, thủ trịch Tu Di, túc động đại thiên, giai vị vi nan, năng ư ác thế, thuyết Pháp Hoa kinh, thị tắc vi nan. Kim kinh nan thuyết, diệc phục như thị.

(Diễn) Vị tận thuyết dư kinh, thủ trịch Tu Di, túc động đại thiên đẳng giả, thị Đa Bảo phẩm, Như Lai phổ cáo đại chúng chi từ. Tận thuyết dư kinh như Hằng hà sa, cố thị nan sự, nhiên giai xứng cơ chi đàm, nhân diệc dị tín, bất túc vi nan. Nhược dĩ thủ chưởng tiếp Tu Di, nhi trịch phương ngoại, hựu dĩ túc chỉ động đại thiên, nhi trịch tha quốc, tuy giai nan sự, nhiên hữu thần thông đạo lực giả, tức năng vi chi, do vị vi nan.

(疏)又法華極讚說經之難，亦同此意。

(鈔)法華極讚者，謂盡說餘經，手擲須彌，足動大千，皆未為難，能於惡世說法華經是則為難，今經難說亦復如是。

(演)謂盡說餘經。手擲須彌。足動大千等者。是多寶品。如來普告大眾之辭。盡說餘經如恆河沙。固是難事。然皆稱機之談。人亦易信。不足為難。若以手掌接須彌而擲方外。又以足指動大千而擲他國。雖皆難事。然有神通道力者。即能為之。猶未為難。

*(**Sớ**: Lại nữa, kinh Pháp Hoa tán thán tột bậc sự khó khăn do nói kinh là cũng có cùng ý nghĩa này.*

***Sao**: "Kinh Pháp Hoa tột bậc tán thán", nghĩa là: Nói trọn hết các kinh khác, tay quăng núi Tu Di, chân đạp rúng động đại thiên thế giới, đều chưa phải là khó. Có thể ở trong đời ác nói kinh Pháp Hoa mới là khó. Nay kinh này khó nói, cũng giống như thế.*

***Diễn**: "Nghĩa là nói trọn hết các kinh khác, tay quăng Tu Di, chân động đại thiên v.v..." chính là lời đức Như Lai bảo khắp đại chúng trong phẩm Đa Bảo. Nói trọn hết các kinh khác số nhiều như cát sông Hằng, cố nhiên là chuyện khó khăn, nhưng đều là bàn luận xứng hợp căn cơ, người ta cũng dễ tin, chẳng đáng coi là khó! Nếu dùng bàn tay đỡ lấy núi Tu Di, quăng ra ngoài phương khác. Lại dùng ngón chân lay động đại thiên, đá văng nó sang cõi nước khác, tuy đều là chuyện khó khăn, nhưng kẻ có thần thông đạo lực bèn có thể làm được, vẫn chưa phải là khó).*

Kinh Pháp Hoa có một đoạn nói như vậy. *"Tận thuyết dư kinh"* (Nói trọn hết các kinh khác), *"dư kinh"* (餘經) là những kinh điển khác, cũng là trừ kinh Pháp Hoa ra. Kinh Pháp Hoa đến tột cùng nói điều gì?

Nói đến sự thành tựu Phật quả viên mãn, cũng có nghĩa là nói một bộ kinh thành Phật, khó lắm! Nếu là dạy kẻ khác làm Bồ Tát, làm A La Hán, hoặc đạt được phước báo trong cõi nhân thiên, kinh luận như vậy hết sức nhiều, chẳng khó! Chỉ riêng kinh nói về đạo [tu hành] thành Phật thì khó.

Hai câu kế đó là tỷ dụ, *"thủ trịch Tu Di"* (tay quăng núi Tu Di). Núi Tu Di là một quả núi lớn nhất trong thế gian này, chúng ta giống như ném bóng rổ, cầm quả núi ấy trên tay quăng qua, ném lại. Đây là nêu tỷ dụ, chuyện ấy chẳng đáng coi là khó khăn. Nói thật ra, đó là chuyện chẳng thể nào có được! *"Túc động đại thiên"* (Chân lay động đại thiên thế giới): Tam thiên đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Chân chúng ta đạp lên đại thiên thế giới, có thể khiến cho toàn thể đại thiên thế giới đều chấn động. Đấy cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hình dung tột bậc chuyện ấy đều chẳng phải là chuyện khó khăn! Chỉ riêng trong đời ác nói kinh Pháp Hoa, hoặc những kinh thuộc cùng loại với kinh Pháp Hoa, *"thị tắc vi nan"* (thì là khó khăn). Kinh này và kinh Pháp Hoa thuộc cùng một loại, đều là kinh giảng giải về pháp viên thành Phật đạo.

(Diễn) Duy ư ác thế tuyên thuyết thử kinh, tối vi nan sự.

(演)唯於惡世宣說此經，最為難事。

*(**Diễn**: Chỉ có trong đời ác, tuyên nói kinh này là chuyện khó nhất).*

Khó ở chỗ nào?

(Diễn) Nhân bất tín cố, sanh oán tật cố, chiêu mạ lỵ cố, gia trượng mộc cố, nhược vô đại nguyện, sanh thoái khuất cố.

(演)人不信故，生怨嫉故，招罵詈故，加杖木故，若無大願生退屈故。

*(**Diễn**: Do người ta chẳng tin, bèn sanh lòng oán ghét, ganh tỵ, [người nói kinh] chuốc lấy tiếng chửi bới, bị đánh đập. Nếu chẳng có đại nguyện, sẽ sanh lòng thoái khuất).*

Quý vị nói kinh này cho họ nghe, người ta không chỉ là chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, mà còn oán hận. Nghe xong, tâm họ bực bội, lại còn ganh tỵ, còn chửi bới quý vị. *"Trượng mộc"* (杖木) là họ còn

đánh đập quý vị. Nếu chẳng có đại nguyện chân thật, nghe [nói những nỗi gian nan như vậy] xong, cũng rất dễ ngã lòng.

(Diễn) Kim kinh nan thuyết diệc phục như thị giả, chúng sanh ngã mạn tâm cao, vô minh kiên hậu, bất khẳng tín thọ, đa sanh oán tật, diệc do thị dã.

(演)今經難說亦復如是者，眾生我慢心高，無明堅厚，不肯信受，多生怨嫉，亦猶是也。

*(**Diễn**: Kinh này khó nói cũng giống như vậy, chúng sanh tâm ngã mạn cao ngất, vô minh dầy chắc, chẳng chịu tin nhận, sanh lắm nỗi oán hận, ganh tỵ, cũng giống như vậy đấy).*

"Chúng sanh ngạo mạn tâm cao, vô minh kiên hậu" (Chúng sanh tâm ngã mạn cao ngất, vô minh dầy chắc): Chúng ta thấy trong xã hội hiện tiền, đại sư nói hai câu ấy xác thực là đã miêu tả hết sức chánh xác. *"Bất khẳng tín thọ, đa sanh oán tật"* (Chẳng chịu tin nhận, sanh lắm nỗi oán ghét, ganh tỵ): Trạng huống hoàn toàn giống như kinh Pháp Hoa đã nói trong phần trước.

(Sớ) Phục hữu nhị nghĩa.

(疏)復有二義。

*(**Sớ**: Lại có hai ý nghĩa).*

Còn có hai ý nghĩa.

(Sớ) Tiền nan phản hiển Cực Lạc đắc đạo vi dị, hậu nan phản hiển Cực Lạc thuyết pháp vi dị.

(疏)前難反顯極樂得道為易，後難反顯極樂說法為易。

*(**Sớ**: Chuyện khó thứ nhất nêu bật sự tương phản: Trong Cực Lạc, đắc đạo dễ dàng. Điều khó sau đó nêu bật sự tương phản: Trong Cực Lạc, thuyết pháp dễ dàng).*

"Tiền nan": Trong phần trước đã nói, đức Thế Tôn thành Phật và thuyết pháp trong thế gian này khó khăn. Ngược lại, ta thấy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật dễ dàng. Văn Thù, Phổ Hiền, bốn

mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đều bằng lòng cầu sanh Tịnh Độ. Đạo lý ở chỗ nào? Thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới dễ dàng, thuyết pháp dễ dàng.

(Sao) Đắc đạo dị giả, Bà Sa Luận vị niệm Phật vãng sanh, thừa Phật nguyện lực, vi dị hành đạo.

(鈔)得道易者，婆沙論謂念佛往生，乘佛願力，為易行道。

*(**Sao** "Đắc đạo dễ dàng": Tỳ Bà Sa Luận bảo niệm Phật vãng sanh, nương cậy nguyện lực của Phật là "đạo dễ hành").*

Thành tựu rất dễ dàng. Chúng ta đọc phần bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ, [sẽ thấy] nguyện nào cũng đều nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh chứng đắc viên mãn Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời. Đó là bổn nguyện công đức của A Di Đà Phật. Chúng ta niệm Phật vãng sanh chính là nương nhờ nguyện lực của Phật, mà cũng là do A Di Đà Phật gia trì, giúp đỡ, khiến cho chúng ta rất dễ chứng đắc Phật quả. Đó gọi là *"dị hành đạo"* (đạo dễ hành).

(Sao) Ngũ Trược ác thế, gian ư tu tấn, vi nan hành đạo cố.

(鈔)五濁惡世，艱於修進，為難行道故。

*(**Sao**: Đời ác Ngũ Trược khó thể tấn tu, là "đạo khó hành").*

Thế giới hiện thời trược ác tột bậc. Chúng ta trong thì có phiền não, có tập khí, rất khó đoạn trừ; bên ngoài bèn có ngũ dục, lục trần dụ dỗ, mê hoặc, rất khó bài trừ. Trong có phiền não, ngoài có dụ hoặc, đạo nghiệp rất khó thành tựu. Một vạn người tu hành, khó có được đôi ba người thành tựu; nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng có cách nào bài trừ phiền não và sự dụ dỗ, mê hoặc. Chẳng thể chống nổi sự dẫn dụ, mê hoặc của phiền não. Vì thế, tu hành thường bị thất bại. Kế đó, nói về sự khó dễ trong thuyết pháp. Trong Tây Phương Cực Lạc, thuyết pháp dễ dàng.

(Sao) Thuyết pháp dị giả, bỉ quốc chư thượng thiện nhân.

(鈔)說法易者，彼國諸上善人。

*(**Sao**: Thuyết pháp dễ dàng: Các vị thượng thiện nhân trong cõi ấy).*

Nếu chẳng phải là bậc thượng thiện, sẽ chẳng thể vãng sanh. Kinh chẳng lập giới hạn đối với hai chữ *"thượng thiện"*, nhưng cổ đại đức bảo: Thượng thiện là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, vì trên Pháp Vân Địa (Thập Địa) Bồ Tát còn có Đẳng Giác, chẳng thể coi [Thập Địa Bồ Tát] là tối thượng. Tối thượng trong hàng Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, lên cao hơn nữa là thành Phật, chẳng tính. Vì thế, cách nói ấy cũng thông suốt.

Đối với *"thượng thiện"*, tôi có cách nhìn khác biệt. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói *"Tịnh nghiệp tam phước"*, điều thứ nhất là nhân thiên thiện, điều thứ hai là Nhị Thừa thiện, điều thứ ba là Bồ Tát thiện. Nếu chúng ta chia ba điều ấy thành ba cấp thượng, trung, hạ, thì Bồ Tát thiện là thượng thiện. Tôi nói theo kiểu này, chúng ta đều có phần. Nếu giải thích là Đẳng Giác, chúng ta chẳng có phần! Tôi nói kiểu này có tương ứng hay không? Tôi nghĩ cũng có thể là tương ứng, vì kinh nói như vậy. Do vậy có thể biết: Chúng ta phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ắt cần phải thực hiện từ Tam Phước trong Quán Kinh. Do vậy, chẳng phải là thượng thiện, chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Từ chương Hạ Phẩm Hạ Sanh của Quán Kinh, chúng ta thấy kẻ phạm Ngũ Nghịch Thập Ác trong thế gian, lâm chung một niệm quay đầu, đều có thể vãng sanh. Chư vị phải biết: Người ấy một niệm quay đầu, chính là chân thật sám hối, bèn trọn đủ thượng thiện. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Tục ngữ trong thế gian có câu: *"Lãng tử hồi đầu kim bất hoán"* (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Người ấy quay đầu, sẽ là người tốt chánh cống, chẳng phải là người xấu. Thật sự quay đầu, hết sức đáng quý. Do vậy, người ấy có thể vãng sanh. Chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định phải tu thượng thiện. *"Thượng thiện"* chính là đối với mười một câu thuộc phần Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Quán Kinh, phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện.

(Sao) Huệ thâm, chướng thiển.

(鈔)慧深障淺。

*(**Sao**: Huệ sâu, chướng cạn).*

Các vị thượng thiện nhân trong cõi ấy, trí huệ sâu xa, nghiệp chướng cạn mỏng.

(Sao) Chí ý điều nhu.

(鈔)志意調柔。
*(**Sao**: Điều phục chí ý nhu hòa).*

"Chí" (志) là chí nguyện, chí hướng, *"ý"* (意) là tâm ý, tình tự. Người ta chí hướng kiên định, tình tự cũng ổn định, biểu lộ sự ôn nhu. *"Điều"* (調) là điều lý (調理: sửa sang, điều phục, sắp xếp), tánh tình hòa thuận, ôn nhu.

(Sao) Phong thụ, điểu âm, tất tư giải ngộ.
(鈔)風樹鳥音，悉資解悟。
*(**Sao**: Gió rung cây, tiếng chim hót, đều cậy vào đó mà giải ngộ).*

[Âm thanh của] gió luồn qua cây, [tiếng] nước chảy trong thế giới Tây Phương đều là vô tình thuyết pháp; các loài chim là hữu tình thuyết pháp. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những gì mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe, đều là âm thanh thuyết pháp; những thứ ấy đều giúp chúng ta khai ngộ. *"Giải ngộ"* [ở đây] là khai ngộ. Tuy trong lục căn, chỉ nói hai thứ là Nhãn Căn và Nhĩ Căn; trên thực tế, sáu căn tiếp xúc sáu loại cảnh giới bên ngoài, toàn bộ đều là âm thanh thuyết pháp. Vì sao [nhân dân trong] thế giới Tây Phương bất thoái chuyển, đạo lý ở ngay chỗ này. Chẳng như chúng ta, chúng ta ở trong thế gian này, cơ hội sáu căn tiếp xúc Phật pháp ít ỏi, thời gian rất ngắn. Thời gian tiếp xúc dụ dỗ, mê hoặc từ ngoại giới lâu dài, chúng có sức mạnh rất lớn, đạo tâm chẳng chống cự nổi tình dục, thường bị đọa lạc, thất bại.

Trong thế giới Tây Phương, căn bản là chẳng tiếp xúc tình dục. Những gì sáu căn được tiếp xúc toàn là Phật pháp. Hơn nữa, kỹ xảo thuyết pháp của Phật, Bồ Tát hết sức cao minh. Nếu hằng ngày [chư Phật, Bồ Tát] ngồi giảng trên tòa, [thính chúng] nghe ở dưới, nghe lâu bèn chán mệt. Cách thuyết pháp trong thế giới Tây Phương đã thăng hoa đến cảnh giới nghệ thuật cao nhất, có ca, có múa, có động, có tĩnh, điều hòa khéo léo như vậy, chắc chắn là quý vị chẳng chán ngán, mệt mỏi. Quý vị sẽ thật sự cảm thấy cuộc sống hạnh phúc, sung sướng. Trong hạnh phúc, vui sướng, thành tựu viên mãn Phật pháp, đoạn phiền não, khai trí huệ, chứng Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế, chẳng khó khăn!

(Sao) Phi tỷ thử độ.
(鈔)非比此土。

*(**Sao**: Chẳng như cõi này).*

Không giống như thế gian này của chúng ta.

(Sao) Cang cường, nan phục.

(Diễn) Cang cường nan phục giả, Pháp Hoa vân: "Thị Sa Bà quốc trung, nhân đa tệ ác, hoài tăng thượng mạn, công đức thiển bạc, sân trược siểm khúc, tâm bất thật cố". Tịnh Danh vân: "Thử độ chúng sanh, cang cường nan hóa. Cố Phật vị thuyết cang cường chi ngữ, nhi điều phục chi. Ngôn thị địa ngục, thị ngạ quỷ, thị súc sanh. Nãi chí vân: Thí như tượng mã, lung lệ bất điều, gia chư sở độc, nhiên hậu điều phục. Như thị cang cường nan hóa chúng sanh, cố dĩ nhất thiết khổ thiết chi ngôn, nãi khả nhập luật.

(鈔)剛強難伏。

(演)剛強難伏者。法華云。是娑婆國中人多弊惡。懷增上慢。功德淺薄。嗔濁諂曲。心不實故。淨名云。此土眾生剛強難化。故佛為說剛強之語。而調伏之。言是地獄。是餓鬼。是畜生。乃至云。譬如象馬。儱悷不調。加諸楚毒。然後調伏。如是剛強難化眾生。故以一切苦切之言。乃可入律。

*(**Sao**: Ương ngạnh, khó hàng phục.*

***Diễn**: "Ương ngạnh, khó hàng phục": Kinh Pháp Hoa nói: "Người trong cõi Sa Bà này, đa số là tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức nông cạn, mỏng manh, sân trược, dua vạy, tâm chẳng chân thật". Kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật) nói: "Chúng sanh trong cõi này ương ngạnh, khó giáo hóa. Vì thế, đức Phật nói lời cứng cỏi để điều phục họ". Nói tới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cho đến nói: Ví như voi, ngựa, hung hăng chẳng thuần, bèn dùng roi vọt, sau đấy, chúng nó sẽ thuần phục. Chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa như thế; do vậy, bèn dùng những lời lẽ nặng nề, gắt gao [để điều phục] thì họ mới có thể tuân thủ luật nghi được).*

Căn tánh của chúng sanh trong thế gian này ương ngạnh, khó giáo hóa.

(Sao) Cố cử nan, hiển dị.

(鈔)故舉難顯易。

*(**Sao**: Do vậy, nêu ra điều khó, để tỏ lộ chuyện dễ).*

Nói rõ: Trong thế gian này, chúng ta tu hành chứng quả, thuyết pháp khó khăn, tương phản rõ rệt với Tây Phương Cực Lạc thế giới, những chuyện ấy đều dễ dàng.

(Sao) Chánh thị Cực Lạc quyết nghi cầu dã.

(鈔)正示極樂決宜求也。

*(**Sao**: Chỉ dạy thẳng thừng: Quyết định là phải nên cầu sanh Cực Lạc).*

Dụng ý thật sự của những lời lẽ ấy là nhằm khiến cho chúng ta biết: Nhất định phải vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định phải lập vững chí hướng ấy, chúng ta sẽ chẳng phí uổng một đời này. Cuộc sống trong đời này sẽ rất có ý nghĩa, rất có giá trị. Nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói thật ra, nhất định sẽ phí uổng đời này! Điều này đáng để chúng ta cảnh giác cao độ.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh tâm cảnh song dung, thị hành thử nhị nan nghĩa.

(Diễn) Tâm cảnh song dung thị hành thử nhị nan nghĩa giả, đắc đạo nãi triệt ngộ nội tâm.

(疏)稱理，則自性心境雙融，是行此二難義。

(演)心境雙融是行此二難義者，得道乃徹悟內心。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tâm và cảnh trong tự tánh dung hội lẫn nhau. Đó chính là ý nghĩa "hành hai sự khó".*

***Diễn**: "Tâm cảnh dung hội lẫn nhau là ý nghĩa của hành hai sự khó": Đắc đạo bèn ngộ thấu triệt nội tâm).*

Đắc đạo là gì? Đắc đạo gì thế? Nói *"đắc đạo"* chính là triệt ngộ nội tâm. Nội tâm là tâm tánh, là chân tâm bản tánh của chính mình. Đã hiểu rõ tâm tánh, bèn gọi là *"đắc đạo"*. Người tu hành hiểu tâm tánh có thứ lớp cạn sâu khác nhau. Do vậy, đắc đạo có sai biệt, có danh xưng cạn hay sâu khác nhau, [chẳng hạn như] đắc A La Hán đạo, đắc Bích Chi Phật đạo, đắc Bồ Tát đạo, đắc Phật đạo, đều gọi là *"đắc đạo"*. Tiểu

Thừa A La Hán còn có Tứ Quả, Tứ Hướng. Danh xưng trong Tiểu Thừa [gọi những quả vị này] là Tứ Song Bát Bối (四雙八輩: bốn cặp hợp thành tám bậc). Sơ Quả Hướng và Sơ Quả là một cặp, Nhị Quả Hướng và Nhị Quả lại là một cặp, cho đến Tứ Quả Hướng và Tứ Quả. Càng chia tỉ mỉ hơn, Bồ Tát chia thành năm mươi mốt đẳng cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, lại còn thêm Đẳng Giác, [cộng chung là] năm mươi mốt địa vị. Những quả vị ấy đều gọi là *"đắc đạo"*.

Trong pháp Đại Thừa, tức Viên Giáo Đại Thừa, đoạn Kiến Hoặc là địa vị Sơ Tín Bồ Tát. Đoạn Kiến Hoặc bèn chứng quả, chứng quả gì? Trong năm mươi mốt địa vị, địa vị đầu tiên là Sơ Tín vị Bồ Tát. Chúng ta đừng nên xem nhẹ Ngài. Vì sao? Chứng đắc địa vị Sơ Tín, đối với ba thứ Bất Thoái như kinh đã nói, Ngài đã chứng đắc Vị Bất Thoái. Tuy Ngài vẫn chưa thể thoát ly tam giới luân hồi, vẫn ở trong lục đạo, quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, sẽ chẳng thoái chuyển, chẳng thoái đọa trong ba ác đạo. Ngài ở trong hai đường trời, người tiếp tục nỗ lực tu hành, chẳng phải ở trong nhân đạo, bèn ở trong thiên đạo, chẳng đọa vào tam đồ, nên gọi là Vị Bất Thoái Bồ Tát. Vì thế, đối với *"đắc đạo"*, chúng ta phải hiểu rõ, hiểu rành mạch, đạo ấy ở trong Phật pháp.

Ngoài Phật pháp, có rất nhiều lũ ngoại đạo cũng nói đến *"đắc đạo"*. Thành thần, hoặc thành tiên, họ đều bảo là đắc đạo, hoàn toàn khác với định nghĩa được nói trong Phật pháp. Họ nói *"đắc đạo"* là đạt được một quả vị, đắc một địa vị. Còn trong Phật pháp, [đắc đạo] là nói tới mức độ thấu hiểu tâm tánh; sự đắc đạo ấy khó khăn. Đắc đạo là trừ khử chướng ngại. Nếu chẳng đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, đối với pháp Đại Thừa, chúng ta sẽ chẳng thể chứng đắc Sơ Tín vị Bồ Tát!

(Diễn) Thuyết pháp nãi hóa tha ngoại cảnh cố.

(演)說法乃化他外境故。

*(**Diễn**: Thuyết pháp chính là hóa độ người khác, thuộc về ngoại cảnh).*

"Đắc đạo" là tự tu, là chuyện của chính mình. *"Thuyết pháp"* là chuyện đối với người khác. Đương nhiên thuyết pháp và đắc đạo đều chẳng dễ dàng. Bản thân quý vị chẳng đắc đạo, quý vị lấy gì để dạy người khác? Trong thời đại hiện tại, dân chủ tự do, cởi mở, bất cứ ai cũng đều có thể lên giảng đài giảng kinh, thuyết pháp, ngôn luận tự do,

xuất bản tự do. Trước kia, chẳng thể được! Trước đời Thanh, nếu quý vị chẳng thật sự khai ngộ, chẳng thật sự chứng quả, sẽ chẳng có tư cách thuyết pháp. Nói thật ra, chính mình cũng chẳng dám thuyết pháp. Tất cả các trước tác đều phải qua sự thẩm tra của quốc gia, xét thấy kiến giải của quý vị xác thực chẳng sai lầm, [quý vị] đúng là một người hữu tu, khai ngộ, thì mới có thể lưu thông. Nếu không, chẳng thể tùy tiện ra sách, chẳng thể tùy tiện thuyết pháp, có tiêu chuẩn trong ấy. Hiện thời, dân chủ tự do rộng mở, chẳng có tiêu chuẩn!

Thuyết pháp là lợi ích chúng sanh, nhất định là chính mình phải có thành tựu. Nếu đặt tiêu chuẩn là đắc đạo, chỉ sợ trên thế gian này, chẳng có ai thuyết pháp! Hiện thời, thuyết pháp khó lắm! Làm như thế nào? Bất đắc dĩ dùng cách thức kém hơn: Chính mình chẳng đắc đạo, cổ nhân đã đắc đạo. Liên Trì đại sư đắc đạo, pháp sư Cổ Đức cũng đắc đạo, ta chẳng đắc đạo, mà cũng chẳng khai ngộ, ta bèn giảng giải, giới thiệu những trước tác của những vị đã đắc đạo khai ngộ. Cũng có nghĩa là ở đây, tôi thưa trình cùng quý vị đồng tu những điều tâm đắc nông cạn, dễ hiểu do đọc những trước tác của các Ngài, để mọi người dùng làm tham khảo. Nay năng lực của chúng tôi chỉ có thể làm được đến đó. Có rất nhiều người hỏi tôi: "Thưa pháp sư! Thầy đã giảng kinh nhiều năm như vậy, sao không viết mấy cuốn sách?" Quý vị hãy nghĩ xem, tôi có thể viết sách gì? Tu hành chẳng khai ngộ, chẳng chứng quả, làm sao có thể ra sách cho được? Chẳng thể nào! Khổng lão phu tử suốt một đời khiêm hư, *"thuật nhi bất tác"* (thuật lại, chẳng sáng tác), Ngài [tự khiêm, nói chính mình] chẳng có trước tác, toàn là thuật lại những điều của người khác. Nay chúng tôi chẳng phải là khiêm hư; hiện thời, chúng tôi xác thực là chẳng có năng lực sáng tác. Truyền thuật chú sớ của cổ nhân là đã hết sức khó có rồi!

(Diễn) Tâm giả đắc đạo nghĩa, cảnh giả thuyết pháp nghĩa.
(演)心者得道義，境者說法義。
*(**Diễn**: Tâm nghĩa là đắc đạo, cảnh nghĩa là thuyết pháp).*

Minh tâm kiến tánh có nghĩa là *"đắc đạo". "Tâm"* tức là chân tâm bản tánh, chính là ý nghĩa *"đắc đạo". "Cảnh"*: Công phu của chính chúng ta đã đạt đến một cảnh giới nào đó, quý vị mới có thể nói ra, mới có thể thấu hiểu. Bản thân chúng ta chẳng có công phu thật chứng, nhưng đọc sách của cổ nhân, có thể lãnh hội mấy phần, đó cũng là cảnh

giới tương tự. Sự lãnh ngộ cảnh giới hoàn toàn tỷ lệ thuận với sự hiểu rõ tâm địa. Quý vị nghe băng thâu âm của tôi trong quá khứ, sẽ thấy ý nghĩa hiện thời viên mãn hơn, sâu sắc hơn những gì đã nói trước kia. Cùng là một bộ kinh này, cùng là một bản [chú sớ], tôi giảng lần này là lần thứ ba, giảng lần này xác thực là viên dung hơn lần trước nhiều. Do nguyên nhân gì vậy? Xác thực là tôi chẳng giữ lại mảy may! Trong lần giảng trước, tuy [những ý nghĩa ấy tồn tại] trong văn bản này, nhưng tôi chẳng nhìn ra! Giảng lần này viên mãn hơn lần trước, do lần này phát hiện những ý nghĩa thâm diệu trong ấy. Phát hiện như thế nào? Năm nay tâm thanh tịnh hơn năm trước đôi chút. Tâm chẳng thanh tịnh, sách bày ngay trước mặt, giống như kẻ mù mở banh mắt mà chẳng thấy ý nghĩa! Tâm càng thanh tịnh, càng chân thành, quý vị xem thứ gì, đều thấy càng sâu, càng rộng hơn. Công phu của chúng ta mỗi năm một tiến bộ, cảnh giới mỗi năm cũng khác hẳn. Do vậy, *"cảnh"* có ý nghĩa là thuyết pháp.

(Diễn) Kim tánh trung tâm cảnh song dung, thị nhị nan tịnh vận nghĩa.

(演)今性中心境雙融是二難並運義。

*(**Diễn**: Nay tâm và cảnh trong tánh cùng dung hội, chính là ý nghĩa "hai thứ khó khăn cùng được vận dụng").*

Tâm và cảnh trong bản tánh cùng dung hội, đó là hai ý nghĩa đắc đạo và thuyết pháp, vì kiến tánh khó khăn. Ngược lại, thuyết pháp cũng chẳng dễ dàng.

(Sao) Tâm trục cảnh sanh, tâm thể bổn tịch, tắc vô sở đắc giả, danh đắc Bồ Đề. Cảnh tùy tâm hiện, cảnh thể tự không, tắc vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.

(Diễn) Tâm trục đẳng giả, tâm trục cảnh sanh, tắc tâm vô tự tánh, tâm thể bổn tịch dã. Đắc đạo nãi triệt ngộ nội tâm. Kim tâm thể bổn tịch, tắc vô sở đắc giả, danh đắc Bồ Đề. Cảnh tùy tâm hiện, tắc cảnh vô tự tánh, cảnh thể tự không dã. Thuyết pháp nãi hóa tha ngoại cảnh. Kim cảnh thể tự không, tắc vô pháp khả thuyết giả, thị danh thuyết pháp.

(鈔)心逐境生，心體本寂，則無所得者，名得菩提。境隨心現，境體自空，則無法可說，是名說法。

(演)心逐等者。心逐境生。則心無自性。心體本寂也。得道乃徹悟內心。今心體本寂。則無所得者。名得菩提。境隨心現。則境無自性。境體自空也。說法乃化他外境。今境體自空。則無法可說者。是名說法。

*(**Sao**: Tâm thuận theo cảnh mà sanh, bản thể của tâm vốn vắng lặng, nên chẳng có gì để đắc thì gọi là "đắc Bồ Đề". Cảnh thuận theo tâm mà hiện, bản thể của cảnh vốn là Không, nên chẳng có pháp gì để có thể nói, bèn gọi là "thuyết pháp".*

***Diễn**: "Tâm thuận theo cảnh v.v...": Tâm thuận theo cảnh mà sanh, tức là tâm chẳng có tự tánh. Bản thể của tâm vốn là Tịch. Đắc đạo bèn triệt ngộ tự tâm. Nay bản thể của cái tâm vốn là Tịch, nên không có gì để đắc, bèn gọi là "đắc Bồ Đề". Cảnh thuận theo tâm mà hiện, nên cảnh chẳng có tự tánh. Bản thể của cảnh vốn là Không. Thuyết pháp chính là hóa độ người khác, thuộc về ngoại cảnh. Nay bản thể của cảnh là Không, nên chẳng có pháp nào để có thể nói, bèn gọi là thuyết pháp).*

Ý nghĩa này được nói rất sâu! Trong pháp Đại Thừa, nó được diễn tả là *"nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói"*. Quý vị hiểu rõ ràng ý nghĩa đoạn này, sẽ hiểu ý nghĩa của hai câu ấy. *"Tâm trục cảnh sanh"*: Tâm chính là tám tâm, tám thức như trong Duy Thức đã nói. Nếu chẳng có cảnh giới hiện tiền, nó sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Do vậy, nó là *"cảnh sanh"* (do cảnh mà sanh khởi). Có lẽ sẽ có đồng tu nói: "Đêm ngủ, mắt nhắm tịt, chẳng có cảnh giới, vì sao vẫn nằm mộng?" Trong khi ngủ, vẫn có cảnh giới, chẳng có cảnh giới thuộc về năm trần bên ngoài [mà thôi]. Cảnh có sáu loại, [tức là] Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc bên ngoài chẳng có, quý vị chẳng khởi cái tâm ấy, chẳng động niệm ấy; nhưng đối với Pháp ở trong ý thức, quý vị chẳng có cách nào khống chế. Cảnh ấy lại sanh khởi, hễ nó sanh khởi bèn nằm mộng. Lục căn đối ứng sáu cảnh, chúng ta ngủ thì năm căn trước chẳng khởi tác dụng, năm cảnh trước cũng chẳng khởi tác dụng, nhưng Ý Căn đối ứng pháp cảnh bèn nằm mộng, ngày đêm đều chẳng ngưng ngớt. Do vậy, tâm theo cảnh mà sanh.

Nhưng *"tâm thể bổn tịch"* (bản thể của tâm vốn là Tịch), chân tâm bản tánh là *"tâm thể"* (bản thể của tâm) thanh tịnh, tịch diệt, xác thực là chẳng nhiễm mảy trần, giống như Lục Tổ đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, nơi nào nhuốm bụi bặm"*. Đó là nói về chân tâm, bản tánh, ở

đây nói là *"tâm thể bổn tịch"*. Nói theo tâm thể, nó là *"vô sở đắc"* (không có gì để có thể đạt được). Bát Nhã Tâm Kinh đến cuối cùng, bèn nói *"vô trí mà cũng vô đắc"*, đó là nói về tâm thể. Nếu nói về tác dụng của tâm, sẽ là *"hữu trí mà cũng hữu đắc"*. Nói theo Thể, bèn là *"vô trí mà cũng vô đắc". "Vô sở đắc giả, danh đắc Bồ Đề"* (Do chẳng có gì để đạt được, gọi là đắc Bồ Đề). Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành chứng quả, đắc Vô Thượng Bồ Đề, đấy là do chúng ta nói, chứ trong cảnh giới của chính Ngài, sẽ là *"vô trí mà cũng vô đắc"*, Ngài nhập cảnh giới ấy. Chúng ta gọi [cảnh giới ấy] là Vô Thượng Bồ Đề, đắc Vô Thượng Phật quả. Đó gọi là *"đắc Bồ Đề"*.

"Cảnh tùy tâm hiện" (Cảnh theo tâm hiện), cảnh do đâu mà có? Cảnh do tâm biến hiện. Duy Thức Luận nói *"vô minh bất giác sanh tam tế"*: Ba tế tướng, thứ nhất là Nghiệp Tướng, thứ hai là Chuyển Tướng, thứ ba là Cảnh Giới Tướng. Nghiệp là động; hễ động, bèn khởi biến hóa. Chuyển Tướng còn gọi là Kiến Phần, hễ động bèn là "có biết, có cảm thấy". Từ "có biết, có cảm thấy", biến hiện ra Hiện Tướng. Hiện Tướng được gọi là Cảnh Giới Tướng. Đấy là ba tế tướng. Từ ba tế tướng, lại diễn biến, lại phát triển, trở thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Vì thế, cảnh do tâm hiện. Cảnh Giới Tướng trong ba tế tướng cũng do tâm biến hiện.

"Cảnh thể tự không" (Bản thể của cảnh vốn là Không): Bản thể của tâm vốn vắng lặng, bản thể của cảnh vốn là Không, hoàn toàn có cùng một ý nghĩa. Tâm và cảnh có cùng căn nguyên phát sanh, [căn nguyên ấy chính là] Chân Như bản tánh. Tâm và cảnh có cùng nguồn, Kiến Phần và Tướng Phần có cùng một Tự Chứng Phần[101]. Do đó, tinh thần có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến hóa thành tinh thần. Chúng có thể biến thành lẫn nhau, vì sao? Vì có cùng một nguồn! Khoa học hiện thời vẫn chưa thể đạt tới cảnh giới này. Khoa học hiện thời có thể chuyển biến năng lượng và vật chất, điều đó chỉ thuộc về Cảnh Giới

---

[101] Tướng Phần (相分): Đối tượng được nhận thức của Thức, nên còn gọi là Sở Thủ Phần (所取分), tức là đối tượng được nhận biết của Tâm Vương, thuộc về Sắc pháp.
Kiến Phần (見分): Chính là chủ thể có tác dụng nhận biết Tướng Phần (thường được diễn tả bằng từ ngữ Chiếu Tri, 照知), còn gọi là Năng Thủ Phần (能取分). Tướng Phần bao gồm Tâm pháp, tức là tám tâm vương và năm mươi mốt tâm sở.
Tự Chứng Phần (自證分): Chính là bản thể của Kiến Phần.
Chứng Tự Chứng Phần (證自證分): Chính là trí huệ Bát Nhã trong bản tánh.

Tướng, vẫn chưa có năng lực chuyển biến tinh thần thành vật chất. Nếu đạt tới cảnh giới ấy, đúng là *"tùy tâm sở dục"* (thuận lòng mong muốn).

Tây Phương Cực Lạc thế giới đã đạt tới cảnh giới ấy. Do đó, quý vị nghĩ tới y phục, y phục là vật chất, khi quý vị động một niệm ấy, y phục ưa thích đã khoác trên thân. Tây Phương Cực Lạc thế giới đã đạt tới tiêu chuẩn ấy, có thể vận dụng tâm năng (năng lực của cái tâm) để biến hóa thành vật chất. Chẳng ưa thích, nó lập tức chẳng còn nữa. Vật chất quy hoàn tâm năng, chẳng còn nữa! Khoa học kỹ thuật trong thế giới Tây Phương đã đạt tới mức viên mãn thật sự, viên mãn đến mức mỗi cá nhân đều có thể thọ dụng, hoàn toàn chẳng phải là một nhóm nhỏ các nhà khoa học [mới có thể hưởng thụ]. Ai nấy đều có thể [sử dụng], ai nấy đều sử dụng rất tự tại. Do vậy, trong cuộc sống của họ, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào!

Bản thể của cảnh là Không, bản thể của cảnh là chân tâm, là bản tánh. *"Tắc vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp"* (Cho nên chẳng có pháp nào để có thể nói, bèn gọi là thuyết pháp). Há có pháp nào để có thể nói? Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, thuyết pháp bốn mươi chín năm, đức Phật bảo Ngài chẳng nói một chữ. Nếu có ai nói đức Phật thuyết pháp, đó là báng Phật! Xác thực là đức Phật chẳng thuyết pháp, đấy là nói theo tâm và cảnh. Xác thực là đức Phật vô trí mà cũng vô đắc, càng không có gì để nói. Chúng ta nói đức Phật đắc đạo, hoặc nói đức Phật thuyết pháp, hoàn toàn là nói theo tướng, chẳng phải là nói theo tánh thể.

(Sao) Tâm ngoại vô cảnh, cảnh ngoại vô tâm.

(Diễn) Nội tâm ngoại cảnh, hỗ đoạt lưỡng vong, tự giác, giác tha, nhị giác câu mẫn hỹ.

(鈔)心外無境，境外無心。

(演)內心外境。互奪兩亡。自覺覺他。二覺俱泯矣。

*(**Sao**: Ngoài tâm chẳng có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm.*

***Diễn**: Nội tâm, ngoại cảnh, đoạt lẫn nhau, nên cả hai cùng mất. Tự giác, giác tha, hai giác đều cùng mất).*

Tâm và cảnh là một, chẳng hai. Chướng ngại lớn nhất của chúng ta trong hiện thời là chẳng thể minh tâm, chẳng thể kiến tánh, chẳng thể đắc đạo, chẳng thể chứng quả, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta nhìn hết thảy các pháp đều thấy thành hai phần: Tâm chẳng phải là cảnh, cảnh

chẳng phải là tâm, tánh chẳng phải là tướng, tướng chẳng phải là tánh. Đối với hết thảy các pháp, chấp trước kiên cố, đức Phật bảo đó là vọng tưởng, chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc"*. Chúng ta vọng tưởng kiên cố, chấp trước kiên cố, chẳng biết hết thảy các pháp sanh từ cùng một căn nguyên. Trong hết thảy các pháp, quyết định là chẳng có chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm hiển thị Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhưng chư vị nhất định phải hiểu: Vô chướng ngại thật sự chính là *"ngoài tâm chẳng có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm"* thì mới là vô ngại. Nếu tâm và cảnh là hai phần, chắc chắn là có chướng ngại.

Pháp giới thật sự vô chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Xác thực là từ bậc Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo trở lên bèn nhập cảnh giới ấy. Tại Trung Hoa, Lục Tổ Huệ Năng đã nhập cảnh giới ấy. Những kẻ chẳng cùng hàng với ngài Huệ Năng thì vẫn là chỗ nào cũng đều bị chướng ngại. Tuy trên sự thật, chúng ta chẳng làm được, nhưng chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Hiểu rõ đạo lý này thì có lợi ích gì? Bụng dạ của chúng ta có thể rộng mở, chẳng đến nỗi chấp trước như vậy, chẳng đến nỗi hẹp hòi dường ấy. Nói cách khác, có thể giúp chúng ta sớm khai ngộ, có lợi ích ấy!

(Sao) Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

(鈔)自覺覺他，覺行圓滿。

*(**Sao**: Tự giác, giác ngộ người khác, giác hạnh viên mãn).*

Ắt cần phải đạt tới mức tâm và cảnh dung hội lẫn nhau thì mới là giác hạnh viên mãn. Nếu tâm và cảnh chẳng dung nhập, vẫn là hai chuyện, vẫn là đối lập, chúng ta chẳng thể đạt tới cảnh giới *"tự giác, giác tha viên mãn"*.

Tam, lưu thông phần.

(Kinh) Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng.

三、流通分 。

(經)佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。

(Ba là phần Lưu Thông.

***Kinh**: Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị tỳ-kheo, hết thảy thế gian, trời, người, A Tu La v.v…)*

Trong phần Lưu Thông, chia thành hai đoạn, mấy câu kinh văn này là một đoạn. Đoạn này là *"trùng cử thính chúng"* (重舉聽眾: nhắc lại thành phần thính chúng). Thuở ấy, khi đức Phật tuyên giảng kinh A Di Đà, trong phần khai kinh, tức Tự Phần, đã giới thiệu cùng chư vị về đại chúng dự hội, có những vị nào tham gia. Sau khi giảng kinh xong, lại đề cập cùng chúng ta, trong phần đề cập, có bổ sung đôi chút. Tuy trong phần trước chẳng nói, nhưng đến chỗ này, hết thảy đều nói viên mãn thì phải là *"nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng"*, bổ sung thiên long bát bộ [trong hàng thính chúng nghe pháp].

(Sớ) Pháp tất lưu thông, dĩ Phật thuyết pháp, vị phổ độ chúng sanh cố.

(疏)法必流通，以佛說法，為普度眾生故。

*(**Sớ**: Pháp ắt phải được lưu thông, do đức Phật thuyết pháp nhằm phổ độ chúng sanh).*

Trong câu này, Liên Trì đại sư giảng rõ phần Lưu Thông, [nêu rõ] ý nghĩa của Lưu Thông. Mục đích của Phật pháp là quảng lợi chúng sanh, tức là lợi ích đại chúng rộng khắp. Chữ *"chúng sanh"* bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới. Trong hội này, có Văn Thù Bồ Tát, có Di Lặc Bồ Tát, đương nhiên còn có nhiều vị đại Bồ Tát, nhưng chẳng nêu tên. Có Bồ Tát pháp giới, có A La Hán, tỉnh lược Duyên Giác. Trong pháp hội ấy, có chúng Bồ Tát, có chúng Duyên Giác, có chúng Thanh Văn, có lục đạo chúng sanh. *"Nhất thiết thiên, nhân, A Tu La"* là nói đến lục đạo chúng sanh.

Có thể thấy đức Phật thuyết pháp, chúng sanh trong chín pháp giới hữu duyên với pháp hội kinh điển ấy đều góp mặt, đều đến tham dự pháp hội ấy, đều đắc lợi ích. Do vậy, đức Phật thuyết pháp nhằm phổ độ chúng sanh. Nếu Phật pháp chẳng lưu thông, sẽ hoàn toàn mâu thuẫn với tông chỉ và nguyện vọng thuyết pháp của đức Phật. Chính mình đạt được lợi ích nơi Phật pháp, mà chướng ngại kẻ khác, chẳng để cho người khác cũng đạt được [lợi ích ấy], người ấy có thể thành Phật hay không, có thể thành Bồ Tát hay không? Quyết định là chẳng thể, vì sao? Vì tự tư tự lợi, chẳng chịu làm lợi cho kẻ khác, đó là đại chướng ngại, có thể thấy là

chính người ấy tự chướng ngại chính mình. Không chỉ là chướng ngại đắc đạo, ngay cả khai ngộ cũng chẳng thể. Không chỉ là chẳng thể khai ngộ, mà xem chú giải của cổ nhân, kẻ ấy cũng chẳng hiểu. Vì sao? Tâm lượng quá nhỏ, tâm địa chẳng thanh tịnh. Xem chú giải không hiểu, kinh văn lại càng chẳng cần phải nói nữa! Người ấy có thể đạt được gì? Nói thật ra, ngay cả da lông (ý nói bề ngoài) của Phật pháp kẻ ấy đều chẳng đạt được. Những gì kẻ đó đạt được chỉ là tro bụi dính ngoài da lông! Đại khái là có thể đạt được những thứ ấy! Vì sao? Bụi đất ô nhiễm cái tâm thanh tịnh của kẻ ấy, đúng vậy đó! Đối với pháp, chỉ cần là lợi ích chúng sanh, chúng ta nhất định tận tâm tận lực lưu thông. Nói theo cách hiện thời, phải phổ biến giới thiệu, "lăng-xê" cùng đại chúng, tận tâm tận lực thực hiện. Đó gọi là Lưu Thông. Giúp đỡ chư Phật, giúp đỡ hết thảy tổ sư đại đức phổ độ chúng sanh. Chuyện này khẩn yếu!

(Sớ) Phục liệt chúng giả, kinh sơ minh chúng thính pháp, kinh chung minh chúng thọ pháp dã.

(疏)復列眾者，經初明眾聽法，經終明眾受法也。

*(**Sớ**: Lại liệt kê đại chúng: Đầu kinh là nói về đại chúng nghe pháp, cuối kinh là nói rõ đại chúng tiếp nhận pháp).*

Khởi đầu kinh điển này, trong Tự Phần có nói tới đại chúng nghe kinh, bảo cho chúng ta biết: Người nghe kinh đông đảo ngần ấy. Sau khi đã nghe kinh xong, lại trần thuật đại chúng sau khi nghe đức Phật thuyết pháp đã đạt được lợi ích như thế nào. Liệt kê [những lợi ích ấy] nhằm tạo tác dụng khơi gợi, khích lệ. Họ nghe kinh xong đạt được lợi ích, chúng ta nghe xong có đạt được lợi ích hay không?

(Sớ) Độc cử Thân Tử giả, dĩ đương cơ cố.

(疏)獨舉身子者，以當機故。

*(**Sớ**: Chỉ nêu tên mình ngài Xá Lợi Phất, vì Ngài là bậc đương cơ).*

Phần cuối kinh được tổng kết khá đơn giản, chỉ nói *"Xá Lợi Phất cập chư tỳ-kheo"* (Xá Lợi Phất và các tỳ-kheo).

(Sớ) Bất ngôn Bồ Tát giả, nhiếp tỳ-kheo trung cố. A Tu La giả, thử vân Phi Thiên. Đẳng giả, đẳng bát bộ lục đạo dã.

(疏)不言菩薩者，攝比丘中故。阿修羅者，此云非

天。等者，等八部六道也。

*(**Sớ**: Chẳng nói tới Bồ Tát vì Bồ Tát được gộp trong tỳ-kheo. A Tu La, cõi này dịch là Phi Thiên, "đẳng" là nói tám bộ, lục đạo).*

Chúng sanh thuộc chín pháp giới đều bao gồm trong ấy.

(Sao) Lưu Thông giả, Quang Minh Sớ vân.

(鈔)流通者，光明疏云。

*(**Sao**: Lưu Thông: Quang Minh Sớ nói).*

Trong chú giải kinh Kim Quang Minh[102] có nói.

(Sao) Lưu giả, hạ chú, Thông giả, bất ủng.

(鈔)流者下澍，通者不壅。

*(**Sao**: Lưu là rót xuống, Thông là chẳng bế tắc).*

"Lưu" (流): Giống như nước, nước chảy xuôi. *"Thông"* (通) là chẳng có trở ngại, chẳng có chướng ngại.

(Sao) Hựu Khuê Phong vân.

(鈔)又圭峰云。

*(**Sao**: Ngài Khuê Phong lại nói).*

Ngài Khuê Phong [Tông Mật] là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, là học trò của Thanh Lương đại sư.

(Sao) Đô vô nhân truyền tắc bất lưu.

(鈔)都無人傳則不流。

*(**Sao**: Chẳng có người truyền thừa, sẽ chẳng lưu thông).*

---

[102] Bộ chú giải này có tên gọi đầy đủ là Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh Sớ do ngài Huệ Chiểu (?-714) soạn vào đời Đường, căn cứ theo bản dịch kinh Kim Quang Minh của ngài Nghĩa Tịnh. Lập luận trong bản chú giải chủ yếu dựa theo lập trường Tam Thừa và Ngũ Tánh của Pháp Tướng Tông để luận định, nhấn mạnh tính chất hộ quốc của kinh này giống như kinh Nhân Vương Hộ Quốc vậy.

Nếu Phật pháp chẳng có ai truyền, pháp ấy sẽ chẳng thể truyền bá, chẳng thể lưu lại cho thế hệ kế tiếp.

(Sao) Lưu giả bất trụ.
(鈔)流者不住。
*(**Sao**: Lưu là chẳng trụ [một chỗ]).*

"Lưu" (流) có nghĩa là chẳng ngừng. Pháp ấy phải được tuyên dương ra ngoài, chớ để nó ngưng dứt!

(Sao) Truyền chi ngộ chướng tắc bất thông.
(鈔)傳之遇障則不通。
*(**Sao**: Truyền mà gặp phải chướng ngại, ắt chẳng thông suốt).*

Chúng ta truyền pháp, tuyên truyền gặp phải chướng ngại, nên chẳng thông suốt!

(Sao) Thông giả, bất tắc.
(鈔)通者不塞。
*(**Sao**: Thông là chẳng tắc nghẽn).*

"Bất tắc" (不塞) là chẳng bị trở ngại, chính là thông đạt vô ngại, đã thông suốt. Vào thời cổ, có thể nói là cổ đức đã tận tâm tận lực lưu truyền Phật pháp. Cách Bắc Kinh hơn hai giờ lái xe là Phòng Sơn, trước kia chẳng lâu, đã phát hiện thạch kinh tại đó, tức là kinh Phật được khắc trên các phiến đá, khắc toàn bộ Đại Tạng Kinh. Thạch kinh được khắc kể từ đời Đường, khắc mãi cho đến thời đại Liêu - Kim sau triều đại Nam Tống, gần như là gần đến thời nhà Nguyên mới hoàn tất. Tổng cộng khắc suốt bốn trăm năm. Đương nhiên là sử dụng nhân công rất đông, tổng cộng có mấy chục vạn phiến đá được khắc. Mỗi phiến đá còn to rộng hơn cây cột này một chút, khắc chữ cả hai mặt. Cổ nhân dùng phương pháp ấy để lưu truyền kinh Phật cho hậu thế, chỉ sợ kinh điển bị thất truyền. Khổ sở dụng tâm, siêng năng ra sức, chúng ta trông thấy chẳng thể không cảm kích. Nay chúng ta có thể dùng computer để sắp chữ, in lại một bản Đại Tạng Kinh mới, có thể lưu thông trên toàn thế giới. Đấy chính là công tác ắt phải thực hiện của hàng đệ tử Phật chúng

ta trong hiện thời khi đọc đến chữ Lưu Thông.

(Sao) Phổ độ giả, lưu thông thập phương, dĩ cập tam thế, phi cẩn vị nhất xứ, nhất thời chi chúng sanh dã.

(鈔)普度者，流通十方，以及三世，非僅為一處一時之眾生也。

*(**Sao**: Phổ độ là lưu thông mười phương cho đến ba đời, chẳng phải chỉ là vì chúng sanh trong một chỗ, một thời).*

Câu này rất trọng yếu. Nếu vì một thời, vì một nơi, người ta cũng chẳng cần phải khắc Đại Tạng Kinh trên bia đá. Vì mười phương ba đời hết thảy chúng sanh mà suy nghĩ, đấy là nói đến lưu thông Phật pháp thật sự. Hôm nay, chúng tôi nói đến chỗ này.

Tập 283

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm chín mươi bảy:

(Sao) Đương cơ giả, dĩ nan tín chi pháp, duy Trí năng tín, cố thỉ chung thủ cử Xá Lợi Phất dã.

(鈔)當機者，以難信之法，唯智能信，故始終首舉舍利弗也。

*(**Sao**: "Đương cơ": Do pháp khó tin, chỉ có trí thì mới có thể tin tưởng. Vì thế, từ đầu đến cuối nêu tên ngài Xá Lợi Phất trước hết).*

Câu này nhằm giải thích câu *"độc cử Thân Tử giả, dĩ đương cơ cố"* (nêu một mình ngài Xá Lợi Phất vì Ngài là bậc đương cơ) trong lời Sớ. Đức Phật thuyết pháp nhất định là có thính chúng căn cơ đã chín muồi. Cũng có nghĩa là trình độ và căn tánh của họ hết sức khế hợp pháp môn này. Họ nghe xong, sẽ có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể lý giải, có thể nương theo phương pháp này để tu học. Hạng thính chúng ấy được gọi là *"đương cơ giả"* (bậc đương cơ). Pháp môn Tịnh Tông, nhất là kinh A Di Đà, trong hết thảy các kinh, chính là pháp môn trực tiếp chỉ dạy chúng ta thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Vì thế, thính chúng khế hợp pháp môn này chẳng nhiều, hết sức hiếm có, cũng ứng

với *"pháp khó tin"* như trong phần trước đã nói. Kinh Di Đà được gọi là Tiểu Bổn, kinh Vô Lượng Thọ được gọi là Đại Bổn, hai bộ kinh này thuộc cùng một bộ, có nội dung hoàn toàn như nhau. Đại Bổn nói cặn kẽ. Trong kinh Đại Bổn, đức Phật dạy: Đương cơ của pháp môn này chỉ có hai loại người:

1) Một loại là bậc thượng căn chân thật, tức là người có trí huệ nhất. Họ nghe xong, chẳng hoài nghi, sẽ nghe hiểu, sẽ nghe thông suốt. Hạng người này sẽ được lợi ích. Như tôn giả Xá Lợi Phất, ngài Xá Lợi Phất là vị trí huệ bậc nhất trong các đệ tử Tiểu Thừa. Vì vậy, kinh này từ đầu tới cuối, đức Thế Tôn đều gọi ngài Xá Lợi Phất, chẳng gọi người khác. Giáo học Phật pháp hết sức coi trọng sự biểu thị pháp. Ngài Xá Lợi Phất biểu thị người có trí huệ chân thật. Gọi ngài Xá Lợi Phất, tức là gọi hết thảy những người có trí huệ. Họ nghe giảng sẽ chẳng có vấn đề gì, họ sẽ nghe hiểu.

2) Loại người thứ hai là những người trọn đủ thiện căn, họ cũng thích hợp. Tuy trí huệ chưa chắc nhạy bén, nhưng họ có thiện căn; thiện căn chẳng phải là đạt được trong một đời. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy: Đó là [thiện căn] do tích lũy đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp trong quá khứ, chín muồi trong một đời này. Tuy họ chẳng có trí huệ, mà cũng chẳng thông minh. Thậm chí chưa từng học hành, không biết chữ, nhưng họ nghe nói đến A Di Đà Phật, bèn có thể sanh tâm hoan hỷ, tin tưởng, chẳng hoài nghi. Họ cũng chẳng hỏi "có ý nghĩa là gì", họ chịu tin, chịu niệm, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Tới khi mạng chung, thường là họ có thể đứng vãng sanh, hoặc ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất. Đó là thiện căn thành tựu. Đúng như điều kiện vãng sanh đã nói trong kinh này: *"Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên [mà được sanh về cõi ấy]"*; họ là thiện căn, phước đức, nhân duyên thảy đều trọn đủ. Hạng người này là bậc đương cơ.

Vừa mở đầu kinh, đức Phật kể ra mười sáu vị đệ tử Thanh Văn, ngài Xá Lợi Phất đứng đầu, ngài Mục Kiền Liên thứ hai. Mười lăm vị kể từ ngài Mục Kiền Liên trở đi đều là những người có thiện căn và phước đức chín muồi. Ngài Xá Lợi Phất biểu thị trí huệ thành tựu viên mãn. Trí huệ của chúng ta chẳng sánh bằng ngài Xá Lợi Phất. [Tuy chúng ta] chẳng phải là loại đương cơ thứ nhất, ngẫm ra, chúng ta có thể đảm đương làm loại đương cơ thứ hai. Vì sao? Chúng ta nghe kinh này xong, có thể sanh tâm hoan hỷ, cũng có thể nghe hiểu rõ ràng, thật sự phát nguyện cầu sanh, cho nên phải là loại đương cơ thứ hai. Hai loại ấy đều

khó có, đáng quý, đều là vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi ngay trong một đời này. Chư vị hiểu luân hồi là khổ! Từ vô lượng kiếp đến nay, sanh tử, lưu chuyển trong ấy, chịu hết mọi nỗi khổ, chẳng có cách nào vượt thoát. Đời này gặp gỡ pháp môn này, thật sự có thể tin, có thể nguyện, chuyên tu, chắc chắn sẽ vượt thoát. Cơ hội này chẳng phải là *"trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ"*, mà còn là khó khăn hơn nữa. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói: *"Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*. Câu nói ấy đã hình dung vận may của chúng ta, *"hiếm có, khó gặp"*, [thế mà] nay chúng ta đã gặp gỡ.

(Sao) Nhiếp tỳ-kheo trung giả.

(鈔)攝比丘中者。

*(**Sao**: Bao gồm trong hàng tỳ-kheo).*

Khi kết thúc kinh này, chẳng nói đến các vị Bồ Tát, Bồ Tát đã được gộp trong số các vị tỳ-kheo.

(Sao) Bồ Tát tuy bất thường tùy Như Lai, nhiên dữ chư tỳ-kheo đồng vi hiền thánh đẳng lữ cố.

(鈔)菩薩雖不常隨如來，然與諸比丘同為賢聖等侶故。

*(**Sao**: Tuy Bồ Tát chẳng thường theo Như Lai, nhưng các Ngài cùng với các tỳ-kheo đều là bạn hiền thánh).*

Bồ Tát là học trò Đại Thừa, còn Thanh Văn là học trò Tiểu Thừa của đức Phật. Hàng Tiểu Thừa khá bảo thủ, Đại Thừa Bồ Tát cởi mở hơn. Kẻ bảo thủ chẳng nỡ rời khỏi thầy, quanh năm đi theo thầy. Thầy đến nơi đâu, bèn theo đến đó, biến thành Thường Tùy Chúng của đức Phật. Những học trò cởi mở, thường là sau một giai đoạn theo học với đức Phật, bèn vui lòng giúp thầy đến nơi khác tiếp dẫn đại chúng, giúp thầy hoằng hóa. Đó là bậc Đại Thừa Bồ Tát. Tâm lợi tha của Bồ Tát thiết tha hơn hàng Tiểu Thừa, nhưng các Ngài đều là học trò của đức Phật. Nói đến chúng tỳ-kheo thì trong ấy cũng có thể bao gồm hàng Bồ Tát.

(Sao) Hựu Bồ Tát Chân Tục song dung, tùy loại ứng cơ, diệc khả thế gian trung nhiếp cố.

(Diễn) Bồ Tát Chân Tục song dung, tùy loại ứng cơ giả, phàm

phu trước Tục bất thông Chân, Nhị Thừa đam Chân bất thiệp Tục, như từ lục đảm bản, các chấp nhất biên. Bồ Tát tắc Chân Tục song dung, bất trệ sanh tử, bất trụ Niết Bàn cố, hoặc hiện Nhị Thừa đồng Chân, hoặc hiện lục phàm đồng Tục, tùy loại ứng cơ, bất độc tỳ-kheo trung nhiếp dã.

(鈔)又菩薩真俗雙融，隨類應機，亦可世間中攝故。

(演)菩薩真俗雙融。隨類應機者。凡夫著俗不通真。二乘耽真不涉俗。如徐六擔板。各執一邊。菩薩則真俗雙融。不滯生死。不住涅槃故。或現二乘同真。或現六凡同俗。隨類應機。不獨比丘中攝也。

*(**Sao**: Lại nữa, Bồ Tát Chân và Tục cùng dung hội, tùy theo từng loài mà ứng với căn cơ của họ, nên cũng có thể nhiếp trong thế gian.*

***Diễn**: "Bồ Tát Chân và Tục cùng dung hội, tùy theo từng loài mà ứng với căn cơ của họ": Phàm phu chấp Tục, chẳng thông hiểu Chân. Nhị Thừa đắm chấp nơi Chân, chẳng dính líu Tục, [cả hai loại người ấy đều] như kẻ vác tấm ván gỗ chỉ thấy một bề, mỗi loại đều chấp vào một bên. Bồ Tát thì Chân và Tục đều dung hội, chẳng vướng mắc sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, hoặc hiện cùng trụ vào Chân như Nhị Thừa, hoặc hiện cùng ở trong cõi Tục như phàm phu trong lục đạo, tùy thuận từng loài, ứng theo căn cơ của họ, chẳng phải chỉ là bao gồm trong hàng tỳ-kheo).*

Tỳ-kheo nhất định là người xuất gia, [bao gồm] tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni. Bồ Tát không nhất định là xuất gia. Thị hiện tại Trung Hoa, ở Đại Lục có tứ đại danh sơn là đạo tràng của bốn vị đại Bồ Tát. Trong bốn vị Bồ Tát ấy, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng xuất gia, ba vị Bồ Tát kia đều mang hình tướng tại gia. Do vậy, có thể biết: Trong các vị Bồ Tát, hàng tại gia Bồ Tát đông đảo, Bồ Tát mang hình tướng xuất gia ít ỏi. Nói cách khác, Bồ Tát cũng có thể gộp trong đại chúng trời, người, vì các Ngài thị hiện tướng tại gia. Kinh gọi hàng tại gia đệ tử là ưu-bà-tắc và ưu-bà-di. Do đó, Bồ Tát cũng có thể gộp trong hàng ưu-bà-tắc hoặc ưu-bà-di, thân phận chẳng nhất định, chẳng nhất định là thân phận xuất gia hay tại gia.

(Sao) Nhất thiết thế gian, sở cai giả chúng, nhi độc cử thiên, nhân, A Tu La giả, dĩ minh tu thử pháp môn, thiện đạo chúng sanh, tỷ

chi dư đạo, vi cư đa cố.

(鈔)一切世間，所該者眾，而獨舉天人阿修羅者，以明修此法門，善道眾生，比之餘道，為居多故。

*(**Sao**: "Hết thảy thế gian" bao gồm các loại chúng sanh rất đông, nhưng chỉ kể thiên, nhân, A Tu La, nhằm nói rõ chúng sanh tu pháp môn này thuộc về thiện đạo chiếm đa số so với những đường khác).*

Kinh nói *"nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La"*, *"nhất thiết thế gian"* là nói tổng quát, *"thiên, nhân, A Tu La"* là nói riêng biệt. Nếu nói riêng biệt [từng loại chúng sanh], phạm vi của từng loài riêng biệt quá rộng, chẳng nói trọn hết được! Chỉ đành đối với *"hết thảy thế gian"* nêu ra mấy trường hợp tiêu biểu mà thôi! Những loài được nêu ra là *"thiên, nhân, A Tu La"*. *"Nhất thiết thế gian"* thật ra bao gồm mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Phật, Phật mà cũng được coi là hữu tình chúng sanh ư? Có thể nói như thế! Nói theo tông Thiên Thai, có bốn loại Phật. Trừ Viên Giáo ra, tức là ngoài vị Phật rốt ráo viên mãn ấy ra, ba loại Phật thuộc Tạng Giáo, Thông Giáo, và Biệt Giáo trên thực tế đều là Bồ Tát. Trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông bảo: *"Chư Phật"* được nói trong kinh Kim Cang là từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, đều gọi là *"chư Phật"*. Thiền Tông nói: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. *"Kiến tánh thành Phật"* là chân Phật, chẳng phải là giả Phật, nhưng vị ấy chưa phải là một vị Phật rốt ráo, mà là Tạng Giáo Phật, hoặc Thông Giáo Phật. Vị ấy vừa mới kiến tánh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, là Sơ Trụ Bồ Tát minh tâm kiến tánh trong Viên Giáo. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt tầng cấp [Bồ Tát] ấy đều là Phật, hễ kiến tánh đều là đã thành Phật. Do đó, những vị Phật ấy đều là Phật trong mười pháp giới, chẳng phải là đã đạt đến địa vị Phật viên mãn rốt ráo. Viên mãn rốt ráo Phật ở ngoài mười pháp giới, chúng ta gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới. Do đó, mười pháp giới chẳng thật, Nhất Chân là thật. Đó là nói về *"nhất thiết thế gian"*.

"Độc cử thiên, nhân, A Tu La" (Chỉ nêu ra trời, người, A Tu La), đấy là thuyết pháp *"ứng cơ"* (應機: tương ứng căn cơ). Nay chúng ta ở trong lục đạo, chưa thoát khỏi lục đạo, chẳng có năng lực đạt tới tứ thánh pháp giới. Đức Phật thuyết pháp trong nhân gian, đương nhiên đối tượng chủ yếu sẽ là chúng ta. Loài người, chư thiên, A Tu La là ba thiện đạo trong lục đạo. Ba thiện đạo dễ độ hơn ba ác đạo rất nhiều. Đức Phật độ

chúng sanh trong ác đạo chẳng dễ dàng. Địa ngục quá khổ, ngạ quỷ nghiệp chướng quá nặng, súc sanh quá ngu si. Do đó, giảng kinh, thuyết pháp cho họ, muốn cho họ lãnh ngộ, xác thực là một chuyện rất khó. Người và trời thông minh hơn, dễ lãnh ngộ hơn. *"Thiên, nhân, A Tu La"* là ba thiện đạo. *"Thiện đạo chúng sanh, tỷ chi dư đạo, vi cư đa cố"* (Chúng sanh trong thiện đạo chiếm đa số so với những đường khác), chỉ rõ: Đức Phật dạy mọi người, dạy hết thảy thế gian pháp môn Tịnh Tông, nhưng thật sự có thể tiếp nhận, có thể tu học vãng sanh, thì chúng sanh trong ba thiện đạo chiếm đa số. Do vậy, có thể biết: Tịnh Tông không chỉ lưu thông rộng rãi trong nhân gian, mà ngay trên cõi trời, cũng lấy pháp này làm chủ yếu. Chư thiên có thể vượt thoát lục đạo, có thể thành tựu trong một đời, cũng cậy vào pháp môn Niệm Phật. Vì thế, [pháp môn này] được tuyên dương phổ biến trên cõi trời và trong nhân gian. Ở đây, *"A Tu La"* là nói tới A Tu La trong thiên đạo.

(Sao) Phi Thiên giả, Tu La phú lạc đồng thiên, vô thiên hạnh cố. Tường hữu tứ chủng, tư bất phồn cử. Tiền liệt chúng trung, vô kỳ danh giả, nhiếp ư thiên nhân, cập đại chúng cố.

(鈔)非天者，修羅富樂同天，無天行故。詳有四種，茲不繁舉。前列眾中無其名者，攝於天人及大眾故。

*(**Sao**: "Phi Thiên (chẳng phải trời)": Do Tu La giàu có, sung sướng giống hệt như chư thiên, nhưng chẳng có hạnh của chư thiên, [nên gọi là Phi Thiên]. Nói tường tận thì có bốn loại, ở đây, do ngại rườm rà, nên chẳng nêu ra. Trong phần liệt kê thính chúng ở đầu kinh, chẳng kể A Tu La, vì đã gộp họ vào thiên, nhân và đại chúng).*

Đây là đặc biệt giới thiệu đơn giản về A Tu La (Asura). A Tu La phú quý và hưởng thụ hoàn toàn giống như chư thiên. *"Vô thiên hạnh cố"* [nghĩa là] họ chẳng có đức hạnh của chư thiên. Chư thiên tâm địa rất từ bi, rất nhu hòa, nhưng bụng dạ A Tu La hết sức hẹp hòi, ganh tỵ, ngạo mạn. Lại còn thường là rất tàn khốc, tâm sân hận rất nặng nề. Vì sao họ sanh lên cõi trời? Họ có phước cõi trời, có phước báo to ngần ấy, cho nên sanh lên cõi trời hưởng phước.

Đức Phật dạy chúng ta: Trong nhân hạnh của mười pháp giới, đức Phật bảo, nhân của chư thiên là tu thượng phẩm Thập Thiện và tu Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả, Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng, Xả vô lượng, thì khi sanh thiên, bèn có đức hạnh

của chư thiên. A Tu La chỉ tu phước mà chẳng tu đức. Họ cũng tu thượng phẩm Thập Thiện, nhưng họ ganh tỵ, hiếu thắng, ngạo mạn. Họ có thể làm chuyện tốt, nhưng họ cầu danh. Ví như chúng ta thấy trong xã hội này, có những kẻ làm chuyện tốt, nhưng chẳng thể đoạn tập khí, nhất định phải cầm đầu. Ví như bỏ tiền để làm chuyện tốt, người ta bỏ ra một vạn, ta liền bỏ ra hai vạn, ta nhất định phải hơn kẻ khác. Đã hiếu thắng, lại còn ganh tỵ, [trông thấy] người khác làm chuyện tốt, kẻ ấy nhất định phải vượt trỗi người khác, chẳng thể phục người khác. Quả báo của hạng người ấy quá nửa là trong Tu La đạo.

A Tu La có bốn loại:

1) Một là sanh từ trứng, thuộc về quỷ đạo.

2) Hai là sanh bằng bào thai, thuộc về nhân đạo.

3) Ba là do biến hóa, thuộc về thiên đạo.

4) Bốn là do hơi ẩm ướt mà có, thuộc về súc sanh đạo.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nói:

1) Bậc thượng sanh thiên, là Thiên A Tu La.

2) Bậc trung là trong nhân gian, tức A Tu La thuộc về loài người, giống như Hy Đặc Lặc (Hitler), Sử Đạt Lâm (Stalin), hoặc quân phiệt Nhật Bản, phước báo chẳng khác đế vương trong nhân gian, nhưng hết sức tàn khốc, tâm sân hận rất nặng!

3) [Bậc hạ thì như] rắn độc, thú dữ, tánh tình rất hung tợn, chính là A Tu La trong loài súc sanh. Trong quỷ đạo cũng có A Tu La, chúng ta thường nói là ngạ quỷ.

Cũng có quỷ thiện lương. Theo ghi chép trong Liêu Trai Chí Dị, Tử Bất Ngữ[103], hoặc Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký[104], có rất nhiều con

---

[103] Sách Tử Bất Ngữ còn có tên là Tân Tề Hài, là một loại tiểu thuyết bút ký do Viên Mai viết vào đời Thanh, gồm có hai mươi bốn quyển. Về sau lại có tục bản gồm mười quyển nữa. Sách hoàn thành vào năm Càn Long 53 (1788). Tên sách dựa theo một câu nói của Khổng Tử trong Luận Ngữ: *"Tử bất ngữ, quái lực, bột loạn, thần quỷ"* (Khổng Tử chẳng nói những chuyện kỳ dị, bạo lực, bạo loạn, quỷ thần). Đúng như tên gọi, sách sưu tập những câu chuyện kỳ quái cũng như các hiện tượng kỳ lạ mà tác giả có dịp chứng kiến, hoặc do các quan lại địa phương trình báo.

[104] Tương tự, Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký cũng thuộc loại đoản thiên bút ký ghi chép những chuyện kỳ quái dưới đời Thanh. Sách do Kỷ Hiểu Lam (Kỷ Quân) viết từ năm Càn Long 54 (1789) cho đến năm Gia Khánh thứ ba (1798). Sách này được Phật môn Trung Hoa đánh giá cao hơn bộ Tử Bất Ngữ vì sưu tập nhiều câu chuyện liên quan đến nhân quả báo ứng, có tác dụng khuyến thiện trừng ác rất tốt. Phạm vi câu chuyện lại rộng hơn Tử Bất Ngữ, ngoài những vùng đất thông thường tại Trung Hoa, sách còn chép cả những câu chuyện tại vùng biên cương như Ô Lỗ Tề Mộc

quỷ rất tốt. Kinh thường nói đến lục đạo, chính là [đối với A Tu La trong các đường] nhân đạo, súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo đều chẳng nói tới, [bởi lẽ] nhân A Tu La gộp trong loài người, súc sanh A Tu La gộp trong súc sanh đạo, chỉ riêng Thiên A Tu La là tách ra. Vì thế, Tu La được nói trong lục đạo chính là Thiên A Tu La, coi như là thiện đạo.

(Sao) Vấn: Tu La chí vi hung ngoan, hà năng chấp trì thánh hiệu?

(鈔)問：修羅至為凶頑，何能執持聖號。

*(**Sao**: Hỏi: Tu La hết sức hung bạo, ương ngạnh, làm sao có thể chấp trì thánh hiệu cho được?)*

Xác thực là Tu La ganh tỵ, ngạo mạn, có tâm sân hận rất nặng, tâm báo thù rất mạnh. Đó là đặc tánh của loài Tu La, hạng người như vậy lẽ nào chịu niệm Phật cho được? Lẽ nào họ sẽ chịu phát nguyện cầu vãng sanh?

(Sao) Đáp: Quỷ súc thượng giải quy y, Tu La khởi bất tín thọ? Bất văn Thế Chủ Diệu Nghiêm phẩm, chư Tu La đẳng, các đắc giải thoát môn hồ?

(鈔)答：鬼畜尚解歸依，修羅豈不信受？不聞世主妙嚴品，諸修羅等，各得解脫門乎。

*(**Sao**: Đáp: Quỷ và súc sanh còn biết quy y, lẽ nào Tu La chẳng tin nhận? Chẳng nghe trong phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm [của kinh Hoa Nghiêm], các loài như Tu La v.v... ai nấy đều đắc các môn giải thoát ư?)*

Ác nhân tuy nhiều, nhưng ác nhân có thể quay đầu [hướng thiện] cũng chẳng ít! Do vậy, thuở đức Phật giảng kinh, thuyết pháp trên cõi trời, hoặc trong nhân gian, có lúc A Tu La cũng đến nghe, bị cảm động sâu đậm, sửa lỗi, đổi mới rất nhiều! Trong tám bộ quỷ thần của Phật môn, trong các vị thần hộ pháp còn có A Tu La. Đó là những người đã quy y Phật pháp, bằng lòng làm hộ pháp cho đức Phật. Làm hộ pháp cho đức Phật, quý vị ngẫm xem: Họ có niệm Phật hay không? Nhất định là họ sẽ niệm Phật, nhất định là sẽ cầu sanh Tịnh Độ. Hết thảy ác quỷ, ác

---

(Urumqi), Y Ninh (tên gọi tiếng Hán của thành phố Ghulja vùng Tân Cương), Điền Kiềm (Quý Châu), hoặc những vùng đất rất xa như Nam Dương (Indonesia)…

thần, cho đến loài súc sanh, đều biết quy y, quy y Tam Bảo, biết tu hành, thường là cũng có rất nhiều người đạt thành tựu.

Đối với những người như vậy, nếu chúng ta truy cứu nguyên nhân, sẽ chẳng khó lý giải. Trong đời trước, A Tu La chưa chắc là A Tu La. Trong đời quá khứ, họ đã đời đời kiếp kiếp ở trong cõi trời, người, huân tập thiện căn cũng rất sâu dầy, bất quá là do một niệm tâm sân khuể, bèn đọa vào A Tu La đạo. Chuyện là như vậy đó. Nói chung, những kẻ ở trong ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh mà có thể đắc độ, đều là do trong đời quá khứ, đã tu học có cơ sở Phật pháp rất sâu trong cõi trời, người. Khi thiện căn phát hiện, do chẳng được làm thân người, đang làm thân súc sanh, hoặc làm thân ngạ quỷ, trong khi mang những thân ấy, thiện căn phát hiện. Phật, Bồ Tát từ bi, *"trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai"*. Bất luận quý vị đang đọa trong đường nào, chỉ cần quý vị có một niệm hướng thiện, tức là thiện căn hiện tiền, Phật, Bồ Tát nhất định đến độ quý vị, chẳng bỏ sót một ai! Một niệm thiện tâm dấy động bèn có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát lập tức ứng hiện. Chuyện là như thế đó!

(Sao) Kim xử nhân luân, mạo nhiên vô tín giả, lương khả quái dã.

(鈔)今處人倫，邈然無信者，良可怪也。

*(**Sao**: Nay được làm thân người, lại coi rẻ, chẳng tin, thật là đáng trách).*

Đây là lời cảm thán của Liên Trì đại sư. Nay chúng ta được làm thân người, được làm người đúng là chẳng dễ dàng! *"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*. Chúng ta xem những điều được ghi chép trong bút ký hoặc tiểu thuyết của cổ nhân, có nhiều câu chuyện chân thật, chẳng phải là hư cấu. Trong bút ký hoặc tiểu thuyết, thường nhắc đến *"hồ tiên"*. Hồ ly (cáo) là súc sanh, rất thông minh, biết tu hành. Nếu nó muốn tu luyện cái thân súc sanh thành thân người, phải tu năm trăm năm. Hồ ly thấy loài người chúng ta vừa đầu thai bèn có thân người, chúng nó hết sức hâm mộ! Súc sanh đạo biết: Sau khi đã được thân người thì mới có thể tu hành chứng quả. Nay chúng ta đã được làm thân người, lại ngược ngạo chẳng biết tu hành, quá đáng tiếc! *"Mạo nhiên bất tín"* (Coi thường, chẳng tin), chúng ta hoàn toàn chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng pháp môn này, rất kỳ quái, *"lương khả trách dã"* (đúng là đáng

trách)! Thật ra, chuyện này cũng có nguyên nhân, [tức là] nghiệp chướng và nghiệp lực đã chướng ngại Tín Căn của chúng ta.

Nghiệp hết sức phức tạp, chủng loại quá nhiều! Đức Phật thuyết pháp đã quy nạp nghiệp lực quá nhiều và phức tạp thành hai loại lớn: Một loại là Phiền Não Chướng, loại kia là Sở Tri Chướng.

1) Sở Tri Chướng là gì? Nay chúng ta thường gọi nó là *"thành kiến"*, thành kiến quá sâu! Vừa nghe nói tới tôn giáo, [liền vơ đũa cả nắm], tôn giáo đều là mê tín. Căn bản là chẳng hề nghiên cứu, [dùng ngay] một câu "mê tín" để gạt phắt. Đấy là Sở Tri Chướng, tức là một thứ thành kiến rất sâu!

2) Loại kia là phiền não. Tâm kẻ ấy buồn phiền, lắm vọng tưởng, lắm tạp niệm, nghe [giảng pháp môn Tịnh Độ] chẳng thể lọt tai được!

Nói chung, chẳng ngoài hai loại chướng ngại lớn ấy, khiến cho tín tâm của chúng ta bị ngăn ngại. Có những người suốt đời chẳng tin, đến khi lâm chung bèn tin tưởng, chính là vì tới khi ấy, chướng ngại nhẹ bớt, người ấy có thể tiếp nhận. Đối với những kẻ có nghiệp chướng ấy, chúng ta phải có trí huệ quan sát, phải có lòng nhẫn nại chờ đợi. Chớ nên nóng ruột, hễ có duyên, kẻ ấy sẽ quay đầu. Chuyện này đòi hỏi chúng ta phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo để giúp đỡ những người ấy, khiến cho người ấy dần dần thông hiểu, lý giải, sẽ lại bắt đầu khẳng định Phật pháp, biết là trong quá khứ đã nhìn sai, đã hiểu lầm!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh cứu cánh viên mãn, thị Phật thuyết kinh dĩ nghĩa.

(Diễn) Cứu cánh viên mãn, thị thuyết kinh dĩ giả, nhược ngôn Như Lai tương bãi pháp tọa, vi thuyết kinh dĩ, thử văn tự giáo kinh, phi tự tánh chân kinh dã. Tự tánh chân kinh, tắc thủ vĩ viên chiếu, vô khiếm, vô dư, vị triệu đương cơ, thuyết pháp dĩ cánh.

(疏)稱理，則自性究竟圓滿，是佛說經已義。

(演)究竟圓滿。是說經已者。若言如來將罷法座。為說經已。此文字教經。非自性真經也。自性真經。則首尾圓照。無欠無餘。未召當機說法已竟。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh rốt ráo viên mãn chính là ý nghĩa "Phật đã nói kinh xong".*

***Diễn**: "Rốt ráo viên mãn chính là nói kinh đã xong": Nếu nói đức Như Lai sắp giải tán pháp hội là "nói kinh đã xong", đấy là dạy kinh*

theo phương diện văn tự, chẳng phải là chân kinh trong tự tánh. Chân kinh trong tự tánh thì đầu đuôi chiếu soi trọn vẹn lẫn nhau, chẳng thiếu, chẳng thừa, chưa vời kẻ đương cơ đến mà đã thuyết pháp xong xuôi).

"Dĩ" (已) là đã nói viên mãn, nói xong xuôi. Tự tánh rốt ráo viên mãn chính là ý nghĩa *"Phật thuyết kinh dĩ"* (đức Phật nói kinh xong xuôi).

(Sớ) Tự tánh châu biến hàm dung, thị nhất thiết thế gian nghĩa.

(Diễn) Châu biến hàm dung nhất thiết thế gian nghĩa giả, nhược vân thiên long bát bộ vi nhất thiết thế gian, thử hữu tình thế gian, phi chánh giác thế gian dã. Chánh giác thế gian, phàm thánh cai la, thiên túc, vạn túc, vị kích kiền chùy, nhân thiên tất tập.

(疏)自性周遍含容，是一切世間義。

(演)周遍含容一切世間義者。若云天龍八部。為一切世間。此有情世間。非正覺世間也。正覺世間。凡聖該羅千足萬足。未擊犍槌人天畢集。

*(**Sớ**: Tự tánh bao hàm trọn khắp, chính là ý nghĩa của "hết thảy thế gian".*

***Diễn**: "Bao hàm trọn khắp là ý nghĩa hết thảy thế gian": Nếu bảo trời, rồng, tám bộ là hết thảy thế gian, đấy chính là hữu tình thế gian, chẳng phải là chánh giác thế gian. Chánh giác thế gian thì phàm thánh bao trùm, ngàn phần, vạn phần trọn vẹn, chưa đánh kiền chùy mà trời, người đã nhóm họp đông đủ).*

"Nhất thiết thế gian" cũng chính là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới như trong Phật pháp thường nói. Mười pháp giới rốt cuộc ở chỗ nào? Có phải là thuộc trong thời gian và không gian như chúng ta hay nói trong hiện thời hay chăng? Nếu bảo là thời gian và không gian như hiện thời hay nói, [mười pháp giới sẽ] nhất định thuộc trong thế giới Sa Bà này (thế giới Sa Bà là một đại thiên thế giới. Trong một đại thiên thế giới có mười ức đơn vị thế giới, cũng chính là mười ức hệ Ngân Hà. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở về phía Tây của thế giới Sa Bà, cách xa nhau mười vạn ức đại thiên thế giới). Đấy là cách nghĩ của chúng ta. Cách nghĩ ấy tuyệt đối chẳng chánh xác. Nói thật ra, nay chúng ta nói đến thời gian và không gian vô tận, đều là [những cảm

nhận] xuất hiện trong không gian ba chiều (chiều dài, chiều rộng, chiều cao). Tối đa là không gian bốn chiều như ông Ái Nhân Tư Thản (Einstein) đã nói, tức là kể thêm thời gian [thành chiều thứ tư], chúng ta sống trong ấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn không gian chúng ta đang sống. Nó là một không gian khác, chúng ta nói là không gian năm chiều, không gian sáu chiều, không gian bảy chiều, không gian tám chiều, cho đến không gian vô hạn chiều. Rốt cuộc, Tây Phương Cực Lạc thế giới có bao nhiêu chiều? Chúng ta chẳng biết! Đấy là hoán chuyển không gian.

Nói thật ra, trong khi chúng ta tỉnh táo thì là một không gian, khi nằm mộng thì cảnh trong mộng lại là một không gian khác nữa. Thời gian và không gian trong cảnh mộng chắc chắn chẳng giống như thời gian và không gian trong khi chúng ta đang tỉnh táo. Đối với *"nhất thiết thế gian"*, dùng ngay chuyện này để giải thích, mọi người sẽ dễ hiểu, mới biết tự tánh đúng là bao dung trọn khắp. Tự tánh có thể biến hiện không gian vô hạn chiều. Đó chính là phạm vi hoạt động của chính chúng ta. Phạm vi ấy quá lớn, rộng lớn không có ngằn mé. Đó là ý nghĩa của *"nhất thiết thế gian"*. Dưới đây, Ngài lại giải thích hai ý nghĩa *"cứu cánh"* và *"châu biến"*.

(Sao) Cứu cánh, tắc thủ vĩ viên chiếu, vô khiếm, vô dư.

(鈔)究竟，則首尾圓照，無欠無餘。

*(**Sao**: "Rốt ráo" là đầu đuôi chiếu soi trọn vẹn lẫn nhau, chẳng thiếu, chẳng thừa).*

Kinh Phật thường nói cảnh giới này là chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới là chân thật, thực tại. *"Chẳng thể nghĩ"* là không có cách nào tưởng tượng. *"Chẳng thể bàn"*: *"Bàn"* là nghị luận. Chắc chắn là quý vị cũng không thể thốt lên lời nào! Quý vị nói thì chỉ có thể nói phần nào, chứ chẳng có cách nào nói toàn thể. Quý vị nghĩ thì cũng chỉ là vài phần của nó. Nói cách khác, ngôn ngữ và tư tưởng đều có phạm vi, đều có ngằn hạn, mà Thể và Dụng của tâm tánh chẳng có chừng hạn. Toan dùng sự tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ có ngằn hạn để liễu giải Thể và Dụng của tâm tánh chẳng có phạm vi thì sẽ chẳng thể được. Chuyện này chỉ có thể thật chứng. Quý vị đã chứng đắc, vẫn là chẳng nói nên lời y như cũ, nhưng xác thực là đã nhập cảnh giới này. Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã chứng đắc một phần. Đó là ít phần, chưa thể chứng đắc

viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn thiếu một phần thì mới có thể viên mãn.

Từ hết thảy các kinh Đại Thừa, chúng ta đã thấy: Bồ Tát tu chứng gian nan, vất vả! Do đó, Văn Thù và Phổ Hiền còn phải phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, còn mong thân cận A Di Đà Phật. Vì sao? Trong thế giới Cực Lạc, viên chứng dễ dàng. Trong thế giới Hoa Tạng, viên chứng khó khăn lắm! Vì Văn Thù và Phổ Hiền là đệ tử của Hoa Tạng thế giới Tỳ Lô Giá Na Phật, nếu viên thành Phật quả trong thế giới Hoa Tạng dễ dàng giống hệt như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các Ngài lại cần gì phải cầu sanh Tịnh Độ? Các Ngài mong mỏi cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta bèn hiểu: Nhất định là do Hoa Tạng khó khăn, Tịnh Độ dễ dàng, các Ngài mới chịu đi. Các Ngài vãng sanh, thầy các Ngài là Tỳ Lô Giá Na Phật còn rất tán thành, chẳng ngăn trở, chứng tỏ: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành một vị Phật viên mãn rốt ráo dễ dàng!

Nay chúng ta hy vọng trong lúc còn sống cũng giống như Văn Thù và Phổ Hiền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, Văn Thù, Phổ Hiền sẽ cùng A Di Đà Phật mở đại hội hoan nghênh. Khi phát biểu, Văn Thù và Phổ Hiền nhất định sẽ bội phục quý vị năm vóc sát đất. Vì sao? Các Ngài tu vô lượng kiếp, đến được thế giới Hoa Tạng, cuối cùng mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đi vòng một quãng to như thế, chịu lắm nỗi khổ ngần ấy. Quý vị quá may mắn, làm sao mà ngay trong phút chốc bèn tới đó, lẽ đâu các Ngài chẳng bội phục cho được? Thật sự bội phục! Chư vị phải đọc thông thuộc kinh Đại Thừa. Đọc kinh Đại Thừa nhiều, quý vị mới biết sự thù thắng của Tây Phương. Tất cả hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào không tán thán, chẳng có vị Phật nào không khuyên kẻ khác niệm Phật vãng sanh. Chẳng có vị Bồ Tát nào cuối cùng không trở về Cực Lạc. Quý vị ắt phải đọc nhiều, quan sát tỉ mỉ thì mới hiểu rõ, mới chẳng hoài nghi.

(Sao) Châu biến, tắc phàm thánh cai la, thiên túc, vạn túc.

(鈔)周遍，則凡聖該羅，千足萬足。

*(**Sao**: "Trọn khắp" là bao trùm phàm thánh, muôn ngàn trọn vẹn).*

"Phàm" là lục phàm, *"thánh"* là tứ thánh. *"Cai la"* (該羅: bao trùm): chẳng phải là tứ thánh lục phàm trong một tam thiên đại thiên thế

giới, mà là hết thảy thế gian, hết thảy các cõi Phật trong tận hư không, khắp pháp giới. Đích xác là vô lượng vô biên, viên mãn trọn đủ, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào! Từ hai câu này, chúng ta liền thấu hiểu Tánh Đức rốt ráo viên mãn. Tánh Đức là bản năng (năng lực sẵn có) của chính mình. Hư không pháp giới đều do tự tánh biến hiện. Người đã kiến tánh, đối với sự chuyển biến không gian bèn tự tại. Kẻ chưa kiến tánh, chẳng có cách nào vượt thoát không gian. Hễ kiến tánh, sẽ vượt thoát.

(Sao) Như thị kinh giả, vị hô Thân Tử, dĩ tất toàn văn.

(鈔)如是經者，未呼身子，已畢全文。

*(**Sao**: "Kinh như thế": Chưa gọi ngài Xá Lợi Phất, toàn bộ kinh văn đã nói xong).*

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật. Thích Ca Mâu Ni Phật tuy chẳng nói một câu nào, chẳng cần gọi ngài Xá Lợi Phất, đức Phật đã nói kinh viên mãn, cần gì phải có sự viên mãn nơi hình thức nữa? Vì sao? Viên mãn trong mỗi niệm, chẳng có niệm nào không viên mãn. Há cần phải chờ tới khi gọi ngài Xá Lợi Phất thì mới viên mãn ư? Ý nghĩa này hết sức sâu. Kế đó, Ngài lại nêu hai tỷ dụ. Từ tỷ dụ, chúng ta sẽ có ấn tượng càng sâu đậm hơn, nhưng phải chú tâm lãnh hội.

(Sao) Hựu hà đãi Diệu Thủ bạch chùy, Song Lâm phủ xích.

(鈔)又何待妙首白槌，雙林撫尺。

*(**Sao**: Há lại còn đợi ngài Diệu Thủ thỉnh chuông, xướng bạch, ngài Song Lâm vỗ xích[105]).*

---

[105] Xích (尺) là một khối gỗ nhỏ, thường làm bằng gỗ cứng, dùng để vỗ xuống bàn tạo tiếng động, gây chú ý. Do nó là một khối gỗ nhỏ, hình hộp chữ nhật, có thể nắm gọn trong bàn tay, nên còn gọi là *"thủ xích"*. Trong Phật môn, nó thường được để trơn, hoặc có khắc chữ Hồng (Hum) bằng tiếng Phạn, hay khắc ba chữ Phạn *"Án Á Hồng"* trên lưng. Các loại xích dùng trong các pháp hội Trai Đàn Chẩn Tế, Thủy Lục, hoặc Diệm Khẩu đôi khi được sơn son thếp vàng, có khắc hoa văn chung quanh. Trước khi dùng, vị chủ pháp phải niệm mật chú, quán tưởng gia trì để tẩy tịnh. Trong khi đó, Xích dùng để tuyên pháp ngữ trong giảng đường hoặc pháp hội thông thường sẽ không được sơn phết hoặc khắc vẽ cầu kỳ, thường là nhỏ hơn loại xích dùng trong Trai Đàn một tí. Trong các công đường phủ huyện, khi thẩm án, nhằm tạo hiệu quả oai nghiêm và nhanh chóng ổn định quần chúng, vị quan ngồi xử án cũng có một khối xích lớn hơn loại dùng trong Phật môn, khi gõ xuống bàn sẽ tạo

Hai câu này là hai điển cố, tức chuyện cũ. *"Chùy"* (槌) là kiền chùy (揵槌)[106]. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, người gõ chuông là ngài Diệu Thủ. Diệu Thủ là Văn Thù Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát làm duy-na.

(Diễn) Diệu Thủ bạch chùy giả, Thế Tôn nhất nhật thăng tòa, Văn Thù bạch chùy vân: "Đế quán Pháp Vương pháp, Pháp Vương pháp như thị". Thế Tôn tiện hạ tòa.

(演)妙首白槌者，世尊一日升座，文殊白槌云：諦觀法王法，法王法如是。世尊便下座。

*(**Diễn**: "Diệu Thủ bạch chùy": Một ngày nọ, đức Thế Tôn thăng tòa. Ngài Văn Thù thỉnh chuông, xướng: "Hãy quán kỹ pháp của đấng Pháp Vương, pháp của đấng Pháp Vương như thế đó". Đức Thế Tôn liền bước xuống khỏi tòa).*

Có một hôm, Văn Thù Bồ Tát cao hứng, biểu diễn một phen. Đức Phật bước lên giảng đài, sắp thuyết pháp cùng mọi người. Đức Phật lên tòa, ngồi xuống. Văn Thù Bồ Tát liền thỉnh một tiếng chuông, nói hai câu sau đây: *"Hãy quán kỹ pháp của đấng Pháp Vương, pháp của đấng Pháp Vương là như thế"*. Thích Ca Mâu Ni Phật liền bước xuống, đã thuyết pháp xong. Đức Phật chẳng nói, mọi người cũng chẳng nghe. Đức Phật chẳng nói, mà đã nói viên mãn, nói viên mãn rốt ráo. Mọi người chẳng nghe, mà đã nghe viên mãn.

Nói theo phía chúng ta, phương thức ấy khiến cho chúng ta ngơ ngác! Đối với người minh tâm kiến tánh, như trong phần trước đã nói Xứng Lý, xác thực là *"chẳng nói mà nói"*. Có nói thì chỉ có thể nói một vài phần, hạn cuộc! Chẳng nói bèn viên mãn. Có nghe thì quý vị cũng nghe cục bộ, nghe được chút ít. Không nghe chính là nghe viên mãn! Đấy mới là viên mãn rốt ráo! Đại Trí Văn Thù Bồ Tát thông hiểu, Ngài gõ chuông để nhắc nhở đại chúng. Đấy chính là *"không nói mà là thật*

---

nên âm thanh vang dội, khiến cho công chúng kinh sợ, im thin thít. Do vậy, khối gỗ ấy còn được gọi là Tỉnh Mộc, Hướng Mộc, hoặc Kinh Đường Mộc (những tên gọi này đều nhằm diễn tả hiệu quả của tiếng vang to mạnh đột ngột khiến quần chúng hoảng hồn, im bặt, không dám hó hé).

[106] Kiền chùy (có thuyết nói là phiên âm từ tiếng Phạn cổ) là từ ngữ dùng để chỉ chung các loại pháp khí dùng để gõ đánh làm hiệu lệnh như chuông, trống, mõ, bang (mõ dài hình con cá), linh, khánh v.v…

sự nói, không nghe mà là thật sự nghe", nhưng đối với lũ phàm phu chúng ta, cách ấy vô dụng. Đức Phật dạy chúng ta học bằng cách ấy sẽ chẳng được! Trình độ của chúng ta quá kém cỏi, đấy là cách dạy học cao cấp nhất. Thời cổ, pháp sư thăng tòa giảng kinh. Sau khi đã giảng kinh xong, bèn vỗ xích một cái, vị duy-na ở phía dưới, sau khi gõ chuông một tiếng, bèn bạch hai câu ấy: *"Đế quán Pháp Vương pháp, Pháp Vương pháp như thị"*. Hiện thời, nghi thức giảng kinh như vậy chẳng còn nữa.

(Diễn) Song Lâm phủ xích, Lương Vũ Đế thỉnh Phó đại sĩ giảng Kim Cang kinh, đại sĩ thượng tòa, phủ xích nhất hạ. Đế ngạc nhiên, Chí Công vấn vân: "Bệ hạ hoàn hội phủ?" Đế viết: "Bất hội!" Chí Công vân: "Đại sĩ giảng kinh cánh".

(演)雙林撫尺，梁武帝請傅大士講金剛經，大士上座撫尺一下，帝愕然，誌公問云：陛下還會否？帝曰不會。誌公云：大士講經竟。

*(**Diễn**: "Song Lâm vỗ xích": Lương Vũ Đế thỉnh Phó đại sĩ*[107] *giảng kinh Kim Cang, đại sĩ lên tòa, vỗ xích một cái. Vua ngạc nhiên, Chí Công hỏi: "Bệ hạ vẫn chưa hiểu ư?" Vua nói: "Không hiểu". Chí Công bảo: "Đại sĩ đã giảng kinh xong").*

Sau khi Phó đại sĩ thăng tòa, Ngài vỗ phủ xích lên bàn một cái rồi bước xuống tòa. Lương Vũ Đế chẳng hiểu, chẳng biết đầu cua, tai nheo ra sao: "Trẫm mời ông ta giảng kinh Kim Cang, cớ sao vừa lên đài, gõ bàn một cái rồi đi xuống vậy?" Ngài Bảo Chí Công ở bên cạnh thông hiểu, người khác chẳng hiểu! Bảo Chí Công bèn hỏi Lương Vũ Đế: "Bệ

[107] Phó đại sĩ (497-569), tên thật là Phó Hấp, tự Huyền Phong, hiệu là Thiện Huệ đại sĩ, là người huyện Nghĩa Ô, Vụ Châu, sống vào thời Nam Bắc Triều. Ngài cùng với tổ Đạt Ma và Bảo Chí Công được người đời gọi là Lương Đại Tam Đại Sĩ (ba vị đại sĩ đời Lương). Ngài còn có các mỹ hiệu Hành Ngư đại sĩ, Song Lâm đại sĩ, Đông Dương đại sĩ, Ô Thương cư sĩ. Theo Tục Cao Tăng Truyện, Ngài thị hiện thân phận cư sĩ, mưu sinh bằng nghề đánh cá, ẩn cư tại núi Vân Hoàng, tự xưng là Song Lâm Thụ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện Huệ đại sĩ, chứng đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, tuyên dương tín ngưỡng Di Lặc, có nhiều sự tích thần dị. Nghe danh, Lương Vũ Đế vời Ngài đến hỏi đạo, qua một phen vấn đáp, vua hết sức tôn trọng, kính mến. Vua đã vì Ngài sáng lập chùa Song Lâm. Cách giảng kinh của Ngài độc đáo, chứa đầy Thiền cơ. Vì thế, hai vị Bảo Chí Công và Phó đại sĩ được coi là người dọn đường cho tổ Đạt Ma hoằng dương Thiền pháp tại Trung Hoa.

hạ có hiểu hay không?" Lương Vũ Đế đáp: "Chẳng hiểu". Bảo Chí Công nói: "Phó đại sĩ đã giảng kinh Kim Cang xong rồi!"

(Sao) Nhiên hậu danh vi thuyết pháp cánh dã.

(鈔)然後名為說法竟也。

*(**Sao**: Sau đấy mới gọi là thuyết pháp đã xong).*

Ngài Văn Thù biểu diễn một phen, Phó đại sĩ biểu diễn một phen, Liên Trì đại sư thuyết: "Dư thừa quá! Chẳng cần biểu diễn, thuyết pháp đã xong, cần gì phải đợi đến lượt biểu diễn ấy?" Do vậy, hiểu điều gì? Tự tánh rốt ráo viên mãn, rốt ráo không chỉ là thuyết pháp đã xong, mà là hết thảy đều là đại viên mãn, chẳng có pháp nào không viên mãn. Nói viên mãn, nghe viên mãn, tín viên mãn, giải viên mãn, tu viên mãn, chứng viên mãn, chẳng có gì không viên mãn. Đó gọi là *"đại viên mãn"*. Cần gì nói năng? Cần gì biểu diễn? Đều chẳng cần, đã xứng tánh, đã đạt đến viên mãn rốt ráo!

(Sao) Thị cố thăng đường, nhập thất, đại chúng vô tăng, cổ tịch, chung trầm, nhân thiên bất giảm.

(鈔)是故升堂入室，大眾無增；鼓寂鐘沉，人天不減。

*(**Sao**: Do vậy, thăng đường, nhập thất, đại chúng chẳng tăng, trống lặng, chuông im, trời người chẳng giảm).*

Chúng ta thường đọc Tâm Kinh, đọc thấy câu *"bất tăng, bất giảm"*, bất tăng, bất giảm là nói về Tánh Đức viên mãn trong bản tánh. Có tăng, có giảm, sẽ chẳng viên mãn. Vì sao? "Có tăng, có giảm" là hai pháp. Lục Tổ nói: *"Hai pháp chẳng phải là Phật pháp"*. Phật pháp là pháp bất nhị. Có sanh, có diệt, sanh diệt là hai pháp; có thường, có đoạn, thường đoạn là hai pháp; có chân, có vọng, chân vọng là hai pháp. *"Hai"* là pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp; *"một"* mới là Phật pháp. Trong *"một"* bèn hoàn toàn bao quát viên dung, đó là Phật pháp, hiển thị tự tánh rốt ráo viên mãn. Nơi sự tướng, người thật sự biết dụng công *"lịch sự luyện tâm"* (trải qua sự việc để luyện tâm trong cuộc sống hằng ngày), *"lịch"* (歷) là trải qua, trải qua sự tướng để luyện tâm, luyện cái tâm gì? Luyện chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm,

không động niệm, luyện chuyện này. Thật sự luyện thành, tự tánh hiển lộ viên mãn, hiểu rành mạch, rõ ràng cảnh giới bên ngoài, chiếu kiến! Trong thì chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, người ấy thật sự hạnh phúc, thật sự tự tại. Vì sao? Người ấy chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự.

Tất cả hết thảy phiền não do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước mà có. Vì sao bảo quý vị đừng phân biệt, đừng chấp trước? Kinh Kim Cang nói rất hay: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Phân biệt là sai, chấp trước cũng là trật, vọng tưởng cũng sai luôn. Chỉ cần khởi tâm động niệm thì đều sai lầm. Trong cảnh giới, chỉ cần quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là đúng, hoàn toàn đúng! Chỗ khác biệt giữa chư Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở ngay chỗ này. Trong hết thảy các thọ dụng, tâm các Ngài thanh tịnh, bình đẳng. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng, giác là thứ gì cũng đều hiểu rõ. Chẳng có gì không hiểu rõ. Không chỉ là hiểu rõ hiện tiền, mà còn hiểu rõ quá khứ, hiểu rõ vị lai, hết thảy đều hiểu rõ. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử là học gì? Là *"lịch sự luyện tâm"*. Bất luận cảnh giới nào, hoàn cảnh nhân sự lẫn hoàn cảnh vật chất đều trải nghiệm; luyện chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước trong ấy. Đó là thật sự dụng công.

(Kinh) Văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.
(Sao) Hoan hỷ giả, khánh sở văn cố.
(經)聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。
(疏)歡喜者，慶所聞故。
*(**Kinh**: Nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tin nhận, làm lễ rời đi.*
***Sớ**: Hoan hỷ là vui mừng với những điều được nghe).*

Đây là đại pháp bậc nhất, rất sâu, vô thượng, cơ hội được nghe chẳng nhiều. Người ấy đã gặp nhân duyên hết sức hy hữu, mừng rỡ may mắn dường ấy. Do vậy, nghe nói bèn hoan hỷ, đúng là vô lượng hoan hỷ.

(Sớ) Tín thọ giả, lãnh sở văn cố.
(疏)信受者，領所聞故。
*(**Sớ**: "Tin nhận" là nhận lãnh những điều đã nghe).*

"Tín" (信) là nghe xong tin tưởng, chẳng hoài nghi; *"thọ"* (受) là tiếp nhận. Những điều đức Phật đã nói, ta đều tin tưởng, ta đều có thể tiếp nhận.

(Sớ) Tác lễ giả, trọng sở văn cố.

(疏)作禮者，重所聞故。

*(**Sớ**: "Làm lễ": Tôn trọng những điều đã nghe).*

Tôn sư trọng đạo. Vì sao tôn kính thầy dường ấy? Vì trọng đạo, thầy truyền dạy đạo cho chúng ta. Chúng ta trọng đạo, biểu lộ lòng cảm ơn thầy.

(Sớ) Khứ giả, văn dĩ tắc thoái nhi tu trì dã, diệc tiền tam tư lương cập Tam Huệ dã.

(疏)去者，聞已則退而修持也，亦前三資糧及三慧也。

*(**Sớ**: "Rời đi": Nghe xong bèn lui về tu trì, cũng là ba tư lương và Tam Huệ đã nói trong phần trước).*

"Khứ" (去) chẳng phải là rời khỏi giảng đường là hết chuyện, là đã xong. Phải nghiêm túc tu hành. Tam Tư Lương là Tín, Nguyện, Hạnh. Tam Huệ là Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, những thứ ấy thảy đều trọn đủ.

(Sao) Khánh sở văn giả, đa kiếp phiêu linh, chánh dĩ vị văn thử pháp, kim tri trì danh vãng sanh, khả vị trầm kha chẩm tịch, hốt ngộ thần phương, cửu khách tha hương, sạ văn gia tín, hân hạnh bất thắng, cố vân khánh dã.

(鈔)慶所聞者，多劫飄零，正以未聞此法，今知持名往生，可謂沈疴枕席，忽遇神方，久客他鄉，乍聞家信，欣幸不勝，故云慶也。

*(**Sao**: "Mừng vui vì những điều đã được nghe": Nhiều kiếp lênh đênh, chính vì chưa được nghe pháp này, nay biết trì danh vãng sanh, có thể nói là đang mắc bệnh trầm trọng, nằm bẹp trên giường, chợt gặp toa thuốc thần diệu, lưu lạc đất khách lâu ngày, chợt được nghe tin nhà, mừng rỡ khôn cùng. Vì thế nói là "vui mừng").*

Đối với mấy câu này, nếu có ai đã từng gặp gỡ [cảnh ngộ giống như] trong tỷ dụ, sẽ thấu hiểu phần nào ý vị ấy. Nếu không, vẫn là rất khó lãnh hội. Ba câu đầu [trong đoạn Sao trên đây] là lời chân thật ngữ. *"Đa kiếp"* là vô lượng kiếp, *"phiêu linh"* (飄零: lênh đênh, trôi giạt) là sanh tử luân hồi, lưu lạc trong lục đạo, chúng ta hiện thời đúng là như vậy. Chính mình lắng lòng suy nghĩ đôi chút, nay chúng ta ở trong thế gian này, xác thực là không nơi nương tựa, hễ một hơi thở ra, chẳng hít vào được, sẽ là sang đời sau. Đức Phật dạy: *"Nhân mạng tại hô hấp chi gian"* (Mạng người ở trong hơi thở). Bất cứ ai ở trong tam giới cũng đều chẳng có bảo đảm, đều không có nơi nương cậy, bị nghiệp lực dắt dẫn. Cái thân trong tam giới lục đạo là thân nghiệp báo. Tạo thiện nghiệp, đắc thiện quả, ba thiện đạo gọi là thiện quả. Tạo tác ác nghiệp, sẽ mắc ác báo. Ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, được gọi là "ác báo".

Nghiệp có hai loại:

1) Ví như nay mọi người đều biết [cái nghiệp khiến cho] chúng ta được làm thân người, đến đầu thai trong nhân đạo, được gọi là Dẫn Nghiệp (引業). Nó dẫn dắt quý vị đến đầu thai trong nhân gian, nghiệp này của chúng ta giống nhau, cho nên [ai nấy] đều được làm thân người.

2) Tuy được làm thân người, chúng ta thọ dụng khác nhau, trạng huống thân thể khác nhau, điều kiện sống khác nhau, thọ mạng dài hay ngắn khác nhau; đó gọi là Mãn Nghiệp (滿業). Người thế gian truy cầu phú quý, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, những điều này đều thuộc về quả báo của Mãn Nghiệp.

Người biết cầu sẽ cầu được; người chẳng biết cầu, sẽ cầu chẳng được! Người biết cầu bèn cầu nơi nhân, ta gieo nhân, sau này sẽ có quả báo. Kẻ chẳng biết cầu, bèn cầu nơi quả, làm sao có thể thành tựu cho được?

Đức Phật dạy chúng ta: Người tu Tài Bố Thí được quả báo giàu có, tu Pháp Bố Thí được thông minh, trí huệ, tu Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Đức Phật đã vì chúng ta chỉ ra nhân duyên của ba loại quả báo ấy; nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, có thể lý giải, tu từ nơi đó, sẽ đạt được quả báo. Trong ba đại cương lãnh do đức Phật đã giảng ấy, [nhân duyên] trong ấy còn hết sức phức tạp, quả báo đạt được cũng rất phức tạp. Những điều ấy đều đòi hỏi phải có trí huệ cao độ thì mới có thể phân biệt. Tối thiểu là phải giống như phương pháp do thiền sư Vân Cốc đã dạy ông Viên Liễu Phàm, [phương pháp ấy] có chép trong Liễu Phàm Tứ Huấn! Nếu chư vị muốn đạt được phước báo hiện tiền trong

nhân gian, đọc Liễu Phàm Tứ Huấn là đủ rồi, nó có thể thỏa mãn nguyện vọng của quý vị. Nhưng quý vị nhất định phải đọc thông thuộc, thấu triệt sách ấy, thật sự lý giải, quý vị mới biết tu. Vì sao? Ví như tu bố thí, ta mong tu phước, tu phú quý, đến đâu để bố thí? Đối tượng để bố thí là gì? Nếu đối với kẻ ác làm ác, ta bố thí rất nhiều tiền của giúp đỡ kẻ đó làm ác, quý vị còn có thể mong đạt được quả báo tốt lành ư? Chẳng thể nào! Kẻ đó làm ma vương, quý vị sẽ làm ma con, ma cháu. Kẻ đó đọa trong địa ngục A Tỳ, quý vị đọa trong biên địa ngục[108], vì tội của quý vị nhẹ hơn kẻ ấy đôi chút. Đó gọi là *"đui dẫn mù"*, thảy đều phải rơi vào hố lửa.

Do vậy, có thể biết, chúng ta mong bố thí tu phước, nhất định phải phân biệt: Đó có phải là phước điền thật sự hay không? Chúng ta muốn làm chuyện tốt, đó có phải là chuyện tốt thật sự hay không? Nhìn bề ngoài là chuyện tốt, trên thực tế, chưa chắc! Tình hình như vậy rất nhiều. Nhất là trong xã hội hiện thời, kẻ giả mạo đông lắm, quý vị nhất định phải có năng lực phân biệt. Phước điền ấy rốt cuộc là thật hay giả? Nếu chẳng có năng lực phân biệt, nói thật ra, cứ ở nhà, thật thà niệm Phật, chắc chắn sẽ chẳng tạo tội nghiệp. Trí huệ chưa khai, hãy đọc kinh, tu cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh bèn khai trí huệ. Đọc kinh, niệm Phật nhằm tu cái tâm thanh tịnh. Huống hồ kinh dạy: *"Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh"*, mục tiêu cuối cùng của chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định phải đạt được trong một đời này. Vì thế, nhiều kiếp trôi giạt, người thật sự học Phật, chẳng cầu phú quý trong nhân gian, vì chuyện ấy chẳng phải là thứ tốt đẹp, tuyệt đối chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Do vậy, phú quý, thông minh, cho đến khỏe mạnh, sống lâu, thảy đều chẳng mong mỏi, ta chỉ cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ chẳng nghe pháp môn này, cho nên hứng chịu những thứ khổ báo ấy trong luân hồi. Nay nghe, biết *"trì danh vãng sanh"*, biết phương pháp ấy có thể giúp ta vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, quý vị nói xem: Hoan hỷ quá chừng! Còn có chuyện gì đáng hoan hỷ hơn chuyện này? Nay cho quý vị làm đại tổng thống của cả thế giới, cũng chẳng hoan hỷ bằng chuyện này! Vì có được điều đó (làm đại tổng thống) thì vẫn phải sanh tử, vẫn phải luân hồi, còn do chuyện này, sẽ thật sự vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi, xác thực là chẳng có chuyện gì trong thế gian có thể sánh bằng chuyện này (trì danh vãng sanh), quá ư may mắn! Tiếp đó là hai tỷ dụ:

---

[108] Biên địa ngục: Các địa ngục ở ngoài địa ngục A Tỳ.

1) Tỷ dụ thứ nhất, giống như kẻ mắc bệnh, bệnh rất nặng. Trong lúc nguy ngập, bỗng có được tiên đan, có thể lành bệnh, hồi phục như cũ. Bệnh nặng mà được cứu giúp là chuyện hoan hỷ.

2) Tỷ dụ thứ hai, *"cửu khách tha hương"* (lưu lạc nơi đất khách đã lâu), giống như chúng ta hiện thời có thể qua lại đôi bờ[109]. Trong quá khứ, tin tức giữa đôi bờ chẳng thông. Chúng tôi đến Đài Loan, tôi cùng người nhà đã ba mươi sáu năm chẳng có tin tức, bỗng nhiên nhận được một bức thư từ quê nhà, hoan hỷ lắm thay! *"Hân hạnh bất thắng"* (Mừng rỡ khôn cùng), vui sướng, mừng rỡ.

Đó chính là ý nghĩa *"khánh sở văn"* (mừng vui vì những điều được nghe). Chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ đôi chút: Thật ra, hai tỷ dụ ấy chẳng có cách nào so sánh với tình hình nghe kinh này, chỉ có thể sánh ví phảng phất. Ở đất khách lâu ngày, vài chục năm không gặp gỡ, làm sao có thể sánh bằng nhiều kiếp luân hồi? Chẳng thể so sánh được! Vô lượng kiếp luân hồi, nay được cứu giúp, phải trân quý chuyện này. Vì thế, người thật sự liễu giải sự thật này, sẽ quý trọng nhân duyên này, sẽ hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập, đạt được lợi ích thù thắng khôn sánh. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 284

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm:

(Sao) Lãnh sở văn giả, tín chi bất nghi, thọ chi phất thất, như phụng vương sắc, như tuân phụ mạng, cố vân lãnh dã.

(鈔)領所聞者，信之不疑，受之弗失，如奉王敕，如遵父命，故云領也。

*(**Sao**: "Nhận lãnh điều đã nghe": Tin tưởng chẳng nghi, nhận lấy chẳng để mất, như tuân phụng sắc chỉ của vua, như tuân phụng mạng lệnh của cha, nên nói là "lãnh").*

"Lãnh" (領) là lãnh nạp (領納); nói theo cách hiện thời, sẽ là *"tiếp nhận, nhận lãnh"*. Tuy chúng ta hết sức mừng rỡ do được nghe pháp môn này trong đời này, nhưng nếu nghe pháp môn này xong mà chẳng

[109] Lưỡng Ngạn: Chỉ Đài Loan và Trung Hoa Đại Lục.

thể tiếp nhận, đấy cũng là *"nghe mà như không nghe"*, chẳng khác gì không nghe. Do vậy, tiếp nhận hết sức quan trọng. Tu học pháp môn này, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta, *"tịnh niệm tiếp nối"*, chẳng hoài nghi, không xen tạp, đó là *"tịnh niệm"*. [Tịnh niệm] tiếp nối chẳng ngừng, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đó gọi là *"tương kế"* (相繼: tiếp nối), chính là bí quyết trọng yếu trong Niệm Phật. Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: *"Tín chi bất nghi"* (Tin mà chẳng nghi ngờ). Đối với lời dạy của đức Thế Tôn, cũng như lời dạy của hết thảy chư Phật, chúng ta tin tưởng sâu xa, chẳng nghi ngờ.

"Thọ chi phất thất" (Tiếp nhận, chẳng để mất), chúng ta đã tiếp nhận, hoàn toàn tiếp nhận, quyết định chẳng để mất đi. "Mất đi" là gì? Quên bẵng là mất đi. Tịnh niệm chẳng thể liên tục, đứt đoạn, đó là "mất đi"! Trong Phật pháp, chúng ta gọi chuyện này là *"thất niệm"* (失念), [nghĩa là] đánh mất ý niệm, quên bẵng. Thông thường, [chư tổ, chư đại đức] dạy chúng ta niệm Phật, mỗi ngày phải có số lượng nhất định, đều nhằm thuận tiện cho kẻ sơ học. Kẻ sơ học vọng tưởng, phiền não quá nhiều, bất tri, bất giác, chúng bèn dấy lên hiện hành. Do vậy, có thể biết, trong A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử của vọng tưởng và phiền não hết sức nhiều. Sức lực của chúng cũng mạnh mẽ, vì chúng có thể hiện tiền bất cứ lúc nào. Chủng tử niệm Phật ít ỏi, sức mạnh yếu ớt, cho nên niệm niệm bèn quên tuốt! Còn có rất nhiều kẻ tay lần tràng hạt, niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, niệm chẳng được bao lâu, quên bẵng A Di Đà Phật, tay vẫn lần tràng hạt thoăn thoắt, nhưng Phật hiệu chẳng còn nữa, kẻ ấy lại dấy lên vọng tưởng. Lúc mới học, thường có [tình trạng ấy], đó là *"thất niệm"*, chứng tỏ sức mạnh của Phật hiệu rất yếu. Chủng tử Phật hiệu chẳng nhiều, sẽ chẳng thể chống lại phiền não, vọng tưởng. Chúng ta phải luyện tập chẳng gián đoạn; vì thế, mỗi ngày phải ấn định niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, nhất định là chẳng thể gián đoạn. Đấy là vun bồi.

Cổ nhân nói: *"Đổi chỗ sống sít thành chỗ chín nhừ, đổi chỗ chín nhừ thành chỗ sống sít"*. *"Sống sít"* là xa lạ. Đối với chúng ta, Phật hiệu rất xa lạ, còn phiền não tập khí lại rất quen thuộc, rất dễ hiện tiền. Thay đổi hai điều ấy một phen, dần dần phiền não tập khí sẽ trở thành xa lạ, Phật hiệu dần dần niệm thuần thục, công phu bèn thành tựu. Chúng ta thường nói *"công phu thành phiến"*, thật sự đảo ngược giữa hai đằng chín và sống, công phu sẽ thành phiến.

Nhưng trong xã hội hiện thời, có khá nhiều đồng tu công việc bận

rộn, gia đình cũng bận tít mù, mỗi ngày phải ấn định bao nhiêu câu Phật hiệu, có thể nói là hết sức khó khăn cho họ. Nói thật ra, đối với kẻ sơ học, để có thể chuyển biến giữa sống và chín, nếu mỗi ngày niệm ít hơn một vạn câu Phật hiệu, [sẽ chuyển biến] rất khó khăn. Nói chung phải là từ một vạn tiếng trở lên! Niệm dăm ba năm mới có thể dần dần chuyển biến được. Đối với kẻ sơ học, điều này khá khó khăn, nhất là đối với những người trẻ tuổi trong hiện thời. Tôi dạy đồng tu cách Thập Niệm, cách Thập Niệm đích xác là có thể giúp chúng ta chuyển sống thành chín. Pháp Thập Niệm tốn ít thời gian, mỗi lần niệm chỉ cần một phút, nhưng một ngày chẳng thể ít hơn chín lượt niệm. Cứ cách hai, ba tiếng đồng hồ, bèn niệm một lần. Niệm theo kiểu ấy trong dăm ba năm, sẽ biến thành thói quen, [sức mạnh của thói quen] hết sức mạnh mẽ. Do vậy, có thể biết: Đây là cách niệm Phật chẳng gián đoạn, mỗi ngày chín lần, mỗi lần chẳng gián đoạn, đó là *"tiếp nối"*, cũng phù hợp ý nghĩa *"tịnh niệm tương kế"*. Tuy chúng ta niệm Phật mười tiếng, mười câu Phật hiệu ấy thanh tịnh, xác thực chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có phiền não, chẳng có tạp niệm. Mười câu, câu nọ tiếp nối câu kia, cứ hai ba tiếng đồng hồ lại niệm tiếp mười tiếng, dùng phương pháp này. Phương pháp này tương ứng với nguyên tắc do Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy. Đối với thế hệ hiện tại mà nói thì ai nấy đều có thể làm được. Có thể niệm từ chín lần trở lên, đương nhiên là càng tốt hơn, nhưng chẳng thể ít hơn chín lần được! Đương nhiên là niệm càng nhiều càng hay, mỗi lần là một phút. Chư vị thường xuyên dùng phương pháp này tức là đã *"thọ"* (tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ). *"Phất thất"* (弗失) là không mất. Chúng ta phải tiếp nhận, phải nghiêm túc tu học.

Tiếp đó là hai tỷ dụ:

1) *"Sắc"* (敕) là mệnh lệnh của đế vương, chẳng có ai không tuân theo.

2) *"Như tuân phụ mạng"* (Như tuân mệnh lệnh của cha): Trong gia đình, cha lớn nhất, lời cha nói nhất định phải vâng theo, vâng theo có ý nghĩa *"lãnh nhận"*.

Dùng chuyện này để tỷ dụ: Chúng ta đối với giáo huấn của đức Phật phải vâng phục, phải hoàn toàn tiếp nhận.

(Sao) Trọng sở văn giả, trung tâm cảm kích, ngũ thể kiều cần, như mông chí cực chi ân, bái tạ vô dĩ, cố vân trọng dã.

(鈔)重所聞者 ， 中心感激 ， 五體翹勤 ， 如蒙至極之

恩，拜謝無已，故云重也。

*(**Sao**: "Tôn trọng điều được nghe": Trong tâm cảm kích, năm vóc ân cần thiết tha ngưỡng vọng, như được đội ân tột bậc, lạy tạ không ngơi, nên nói là "trọng").*

"Trọng" (重) là tôn trọng. Tâm tôn trọng sanh từ nơi đâu? Sanh từ lòng cảm ơn. Nếu đức Thế Tôn chẳng nói ra pháp môn này, nói trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta làm sao hiểu được? Đấy là ân đức vô tận của đức Phật đối với chúng ta. Chúng ta do được đức Phật giới thiệu, biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, do giáo huấn của đức Phật, bèn biết phải nên tu hành như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tây Phương. Từ vô lượng kiếp tới nay, chúng ta ở trong lục đạo chịu đựng nỗi khổ sanh tử luân hồi, chẳng có lúc thoát ra, nay gặp gỡ kinh điển này, gặp gỡ pháp môn này, lẽ nào chẳng hoan hỷ? Lẽ đâu chẳng cảm kích? Coi như nay chúng ta đã tìm được một con đường để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vĩnh viễn đoạn dứt sanh tử, tìm ra đường lối ấy. Vì thế, cái tâm cảm ơn tự nhiên sanh khởi. Do cảm ơn, sẽ tôn trọng pháp môn này. Đó là *"trọng sở văn"*.

(Sao) Tu trì giả, cổ nhân tấn nhi văn đạo ư sư, thoái nhi tu đạo ư kỷ, phi như kim nhân nhập nhĩ xuất khẩu dã.

(鈔)修持者，古人進而聞道於師，退而修道於己，非如今人入耳出口也。

*(**Sao**: "Tu trì": Cổ nhân tiến [vào giảng tòa] để nghe đạo nơi thầy, [nghe xong] lui về bèn tự mình tu đạo, chẳng như người hiện thời, nghe lọt vào tai bèn thoát ra đằng miệng).*

Nhằm giải thích chữ *"nhi khứ"* (而去) [trong chánh kinh, tức là câu] *"tác lễ nhi khứ". "Tác lễ"* (作禮: làm lễ) [nhằm biểu thị] lòng tôn trọng đối với điều đã được nghe, *"nhi khứ"* là tu hành. Người thời cổ chân tu, thật hành. *"Tấn nhi văn đạo ư sư"* (Tiến vào, bèn nghe đạo nơi thầy): Họ đến tham học, cầu thiện tri thức dạy bảo. Nghe xong, trở về bèn làm theo, thật sự thực hiện, thật sự tu hành, chẳng giả! *"Phi như kim nhân"* (Chẳng như người hiện thời), chữ *"kim nhân"* (今人) chỉ người sống vào đời Minh. Người đời Minh mà còn có nỗi tệ hại ấy, nghe thiện tri thức thuyết pháp, nghe xong, họ chẳng hành, chỉ biết nói suông. Vì

thế bảo là *"nhập nhĩ xuất khẩu"* (入耳出口: lọt vào tai, thoát ra đằng miệng). *"Nhập nhĩ xuất khẩu"* là nghe lỏm, nói mò, nghe nói như thế nào bèn nhắc lại như thế ấy, chẳng có công phu tu hành thật sự. Chẳng như cổ nhân, cổ nhân là chính mình tu hành, thật sự có tâm đắc thì mới nói. Chẳng trải qua sự tu trì thật sự, họ chẳng nói. Phải khảo nghiệm, chứng minh giáo huấn ấy là chân thật, chính mình thật sự được thọ dụng rồi mới vui vẻ giới thiệu cùng người khác. Chúng ta thấy câu này, nghĩ lại chúng ta trong hiện thời, toàn là lọt vào tai, thốt ra miệng!

(Sao) Tam tư lương giả, như thượng văn nhi tín, tức Tín Tư; tín nhi thọ tức Nguyện Tư; thọ nhi khứ tức Hành Tư dã.

(鈔)三資糧者，如上聞而信，即信資；信而受，即願資；受而去，即行資也。

*(**Sao**: "Ba tư lương": Như trong phần trên, nghe xong tin tưởng là tư lương Tín; tin rồi tiếp nhận chính là tư lương Nguyện; tiếp nhận rồi hành trì tức là tư lương Hạnh vậy).*

"Tam tư lương" là ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh. *"Văn nhi tín"* (Nghe rồi tin) là Tín Tư. *"Tín nhi thọ"* (Tin rồi tiếp nhận), Thọ là Nguyện. Người chẳng có nguyện, làm sao có thể tiếp nhận cho được? *"Thọ nhi khứ"* (tiếp nhận rồi hành trì), *"khứ"* là thật sự làm, thật sự hành. Nói theo cách hiện thời, *"tư lương"* là ba điều kiện để vãng sanh Tịnh Độ. Ba điều kiện ấy thảy đều trọn đủ. *"Tư lương"* (資糧) là tỷ dụ, trước kia đi xa, rất nhiều chỗ hẻo lánh chẳng có lữ quán (nhà trọ, khách sạn), nhất định phải mang theo lương khô. Khoác theo một túi gạo, hoặc đem theo lương khô, mang theo những thứ để ăn thì gọi là Lương (糧); Tư (資) là giắt theo mình một ít tiền, làm chi phí đi lại. Hiện thời thuận tiện, nhiều khách sạn, không chỉ là chẳng cần mang theo lương khô, mà tiền cũng chẳng phải đem theo. Một cái thẻ tín dụng là có thể du hành khắp cả thế giới.

(Sao) Tam Huệ giả, văn tức Văn Huệ; hoan hỷ tín thọ giả, tức Tư Huệ; khứ nhi tu trì giả, tức Tu Huệ giả.

(鈔)三慧者，聞即聞慧；歡喜信受者，即思慧；去而修持者，即修慧也。

*(**Sao**: Tam Huệ: Nghe là Văn Huệ; hoan hỷ tin nhận là Tư Huệ; rời đi tu trì là Tu Huệ).*

"Tam Huệ": Bồ Tát tu tập Tam Huệ Văn, Tư, Tu. Có thể thấy là qua mấy câu trong phần Lưu Thông này, ý nghĩa tam tư lương Tín, Nguyện, Hạnh và tam huệ Văn, Tư, Tu đều viên mãn, trọn đủ.

(Sớ) Hựu thử hoan hỷ, diệc cụ thanh tịnh tam nghĩa, như Quán Sớ trung thuyết.

(Sao) Tam nghĩa giả, Quán Kinh Sớ vị: "Nhất năng thuyết nhân thanh tịnh, nhị sở thuyết pháp thanh tịnh, tam y pháp đắc quả thanh tịnh. Cụ thử tam nghĩa, cố hoan hỷ".

(疏)又此歡喜，亦具清淨三義，如觀疏中說。

(鈔)三義者，觀經疏謂：一能說人清淨，二所說法清淨，三依法得果清淨。具此三義，故歡喜。

*(**Sớ**: Sự hoan hỷ ấy lại có ba ý nghĩa thanh tịnh, như trong Quán Kinh Sớ đã nói.*

***Sao**: "Ba nghĩa": Quán Kinh Sớ viết: "Một là người thuyết pháp thanh tịnh, hai là pháp được thuyết thanh tịnh, ba là nương vào đó [tu tập] sẽ đắc quả thanh tịnh". Do có ba nghĩa ấy nên hoan hỷ).*

Cuối bộ Quán Kinh Sớ Sao, Thiện Đạo đại sư bảo *"hoan hỷ"* có ba ý nghĩa thanh tịnh. Do vậy, người ấy (người nghe pháp môn này) có thể sanh tâm hoan hỷ.

(Sao) Kim trì danh vãng sanh, nãi Phật sở thuyết, Phật thị Nhất Thiết Trí nhân, phi tứ nhân đẳng dã, tắc nhân thanh tịnh. Ngộ như thị nhân, ninh bất hoan hỷ?

(鈔)今持名往生，乃佛所說，佛是一切智人，非四人等也，則人清淨。遇如是人，寧不歡喜。

*(**Sao**: Nay pháp trì danh vãng sanh do đức Phật nói. Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, chẳng phải là bốn hạng người, cho nên Ngài là bậc thanh tịnh. Gặp được người như vậy, há chẳng hoan hỷ ư?)*

Đây là lời giải thích cho sự thanh tịnh thứ nhất. Trong kinh, đức Phật đã dạy, kinh Phật có năm hạng người nói: Thứ nhất là đức Phật tự tuyên nói, thứ hai là đệ tử Phật nói, thứ ba là do tiên nhân thuyết, thứ tư là do chư thiên nói, thứ năm là do hóa nhân nói. Nhưng trừ đức Phật ra, những kinh do người khác nói đều phải được Phật ấn chứng, tức là đức Phật đồng ý thì kinh ấy mới được [coi là kinh Phật thật sự].

Đức Phật không hiện diện thì tìm ai để chứng minh? Kinh Đại Thừa và Tiểu Thừa đều nói đến Pháp Ấn. Kinh nào khế hợp Pháp Ấn, sẽ coi là được đức Phật thừa nhận, giống như do chính đức Phật nói. Kinh Tiểu Thừa là ba Pháp Ấn: *"Vô thường, vô ngã, Niết Bàn"*. Nghĩa lý trong những điều do họ nói nhất định phải khế hợp ba nguyên tắc ấy [thì mới được thừa nhận là kinh]. Kinh Đại Thừa chỉ có một Pháp Ấn là Thật Tướng. Những điều người ấy nói xác thực là *"Thật Tướng của các pháp"*, thì cũng như là do chính đức Phật đã nói.

Trong năm hạng người ấy, trừ đức Phật ra, bốn loại người thuyết pháp kia đều chẳng thanh tịnh. Đức Phật mới là bậc thanh tịnh cùng cực, tâm Phật thanh tịnh, thân Phật thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, [đó chính là] *"người nói thanh tịnh"*! Kinh này do đức Phật đích thân tự nói, lẽ nào chúng ta chẳng hoan hỷ? Chẳng phải là do người khác nói thay Ngài!

(Sao) Trì danh vãng sanh, tức chứng tam-muội, thị Viên Đốn giáo, phi quyền pháp dã, tắc pháp thanh tịnh. Văn như thị pháp, ninh bất hoan hỷ?

(鈔)持名往生，即證三昧，是圓頓教，非權法也，則法清淨。聞如是法，寧不歡喜。

*(**Sao**: "Trì danh vãng sanh bèn chứng tam-muội" chính là giáo pháp Viên Đốn, chẳng phải là quyền pháp, cho nên là pháp thanh tịnh. Nghe pháp như thế, há chẳng hoan hỷ ư?)*

Pháp môn này chẳng giống những pháp môn Đại Thừa khác. Pháp môn này rất đơn giản, rất dễ dàng, rất ổn thỏa, thích đáng, lại rất nhanh chóng. Vì thế, nó thuộc về Viên Giáo, *"viên"* là viên mãn, chẳng có khiếm khuyết. Nếu chư vị đồng tu đọc lời khai thị về Niệm Phật của Liên Trì đại sư, sẽ biết pháp môn này đúng là viên mãn rốt ráo. *"Đốn"* (頓) là nhanh chóng, đốn siêu. Bồ Tát tu hành có năm mươi mốt giai cấp, pháp môn này chẳng có giai cấp, thuộc về Đốn Giáo. *"Tức chứng tam-muội"*: Thiền Tông gọi tam-muội là *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*, tông này gọi là Niệm Phật tam-muội. Trong kinh, đức Phật thường bảo: *"Niệm Phật tam-muội, tam-muội trung vương"* (Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội), là tam-muội rốt ráo viên mãn, cũng chính là Lý nhất tâm bất loạn trong các loại nhất tâm bất loạn như đã được nói trong bản kinh này. *"Trì danh vãng sanh"* bèn chứng, quý vị nói xem: Có mau chóng lắm hay không? Đấy là *"pháp thanh tịnh"*.

Tu học pháp môn khác phải trải qua nhiều năm, nhiều kiếp, chứng đắc rất khó khăn! Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn muốn chứng đắc A La Hán còn phải bảy lần qua lại trong cõi nhân gian hoặc cõi trời, thọ mạng trong nhân gian ngắn ngủi, thọ mạng trong cõi trời dài lâu, tính toán thời gian toàn là những con số thiên văn, há có pháp nào mau chóng như thế ư? Có pháp nào viên mãn như pháp này? Do vậy, so sánh hết thảy các pháp, pháp môn Niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật là bậc nhất, thanh tịnh tột bậc, chẳng có gì thanh tịnh hơn được. Nghe pháp như thế, há lẽ nào chẳng hoan hỷ? Pháp môn này là pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo, chúng ta gặp được, đương nhiên là hoan hỷ, hoan hỷ khôn sánh!

(Sao) Trì danh vãng sanh, tức bất thoái chuyển, trực chí thành Phật, phi tiểu quả dã, tắc quả thanh tịnh. Chứng như thị quả, ninh bất hoan hỷ?

(鈔)持名往生，即不退轉，直至成佛，非小果也，則果清淨。證如是果，寧不歡喜。

*(**Sao**: Trì danh vãng sanh tức là bất thoái chuyển, mãi cho đến khi thành Phật, chẳng phải là tiểu quả, tức là quả thanh tịnh. Chứng quả như vậy, há chẳng hoan hỷ ư?)*

"Tiểu quả" là A La Hán, Bích Chi Phật. Nay do pháp môn này, chúng ta quyết định vãng sanh trong một đời, sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời, viên chứng ba món Bất Thoái, trong một đời bèn chứng đắc Phật Quả rốt ráo viên mãn. Quả báo thanh tịnh, trong các pháp môn khác cũng chẳng tìm thấy. Lấy kinh Hoa Nghiêm để nói, Nhất Chân pháp giới của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng sánh bằng sự thanh tịnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao có thể nói như vậy? Nếu thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật còn thanh tịnh hơn thế giới Tây Phương, Văn Thù và Phổ Hiền lại cần gì phải phát nguyện vãng sanh? Văn Thù và Phổ Hiền là Hậu Bổ Phật của Tỳ Lô Giá Na Phật, các Ngài đều phải phát nguyện cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này khiến cho chúng ta suy ra: Thế giới Tây Phương nhất định là phải thanh tịnh hơn thế giới Hoa Tạng. Quả báo thanh tịnh!

Những lời lẽ này là do Thiện Đạo đại sư khi chú giải đoạn kinh văn *"hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ"* trong kinh Quán Vô Lượng Thọ đã

nói. Liên Trì đại sư áp dụng những lời ấy vào kinh Di Đà hết sức thích đáng. Quán Kinh cũng là một kinh trong ba kinh Tịnh Độ, đều nhằm chuyên môn giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyên môn khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Hựu thử hoan hỷ, diệc thông thâm thiển, các tùy sở đắc.

(疏)又此歡喜，亦通深淺，各隨所得。

*(**Sớ**: Lại nữa, hoan hỷ cũng bao gồm mức độ cạn và sâu, tùy theo mỗi người mà đạt được).*

Căn tánh của mỗi chúng sanh khác nhau, [cho nên] họ nghe pháp, sẽ đạt được lợi ích cạn hay sâu khác nhau. Người thiện căn dầy, sau khi nghe, bèn thật sự tin tưởng, thật sự hành, chẳng bao lâu bèn chứng đắc Niệm Phật tam-muội. Đó là lợi ích bậc thượng. Người căn tánh bậc trung, nghe xong cũng hoan hỷ, cũng tu hành. Tuy tu hành, chẳng thể chuyên tâm, nên đạt được lợi ích nông cạn. Người hạ căn tuy nghe kinh cũng có thể sanh tâm hoan hỷ, miệng suốt ngày niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, trong tâm dấy vọng tưởng. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn trong thế gian này, thứ gì cũng đều chẳng buông xuống, chỉ gieo thiện căn mà thôi, vãng sanh trong một đời này rất khó khăn! Chẳng phải là kinh có cạn hay sâu, mà là do người nghe căn tánh khác nhau, cho nên đạt được [lợi ích] cạn hay sâu sai khác!

(Sao) Thâm thiển giả, như Hoa Nghiêm Sơ Địa, danh Hoan Hỷ Địa, văn trung cụ nhị thập hoan hỷ, nhất, đương đắc thập cú, như sở vị niệm chư Phật cố sanh hoan hỷ, niệm chư pháp cố sanh hoan hỷ đẳng.

(Diễn) Niệm chư Phật, niệm chư pháp giả, chư Phật vị cứu cánh lý, tức sở vị bình đẳng Pháp Thân biến nhất thiết xứ dã. Chư pháp vị cứu cánh trí, tức sở vị viên mãn bí mật tạng. Vô lượng diệu pháp môn dã. Sơ Địa chứng biến mãn Pháp Thân, dữ diệu giác pháp lưu thủy tiếp. Cố năng niệm chư Phật pháp, sanh đại hoan hỷ dã.

(鈔)深淺者，如華嚴初地，名歡喜地，文中具二十歡喜，一、當得十句，如所謂念諸佛故生歡喜，念諸法故生歡喜等。

(演)念諸佛念諸法者 。諸佛謂究竟理 。即所謂平等法

身遍一切處也。諸法謂究竟智。即所謂圓滿祕密藏。無量妙法門也。初地證遍滿法身。與妙覺法流水接。故能念諸佛法。生大歡喜也。

*(**Sao**: "Cạn hay sâu": Như trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ Địa được gọi là Hoan Hỷ Địa, trong phần kinh văn ấy có nói hai mươi điều hoan hỷ. Một là mười câu "sẽ được", như là: Vì niệm chư Phật nên sanh hoan hỷ, vì niệm chư pháp nên sanh hoan hỷ.*

***Diễn**: "Niệm chư Phật, niệm chư pháp": "Chư Phật" là nói tới Lý rốt ráo, tức là như thường nói "Pháp Thân bình đẳng trọn khắp hết thảy mọi nơi". "Chư pháp" là nói tới Trí rốt ráo, tức là như thường nói "viên mãn bí mật tạng", tức vô lượng pháp môn mầu nhiệm. Sơ Địa chứng Pháp Thân trọn khắp, tiếp xúc dòng nước pháp diệu giác. Vì thế, có thể niệm chư Phật, bèn sanh ra niềm hoan hỷ to lớn).*

Đoạn văn này ở trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, quyển bốn mươi tư, trang ba mươi mốt.

(Sao) Kim văn thử kinh giả, tự khánh ngã diệc đương lai đắc như A Di Đà Phật, ngã diệc đương lai đắc A Di Đà Phật như thị diệu pháp dã.

(鈔)今聞此經者，自慶我亦當來得如阿彌陀佛，我亦當來得阿彌陀佛如是妙法也。

*(**Sao**: Nay người nghe kinh này, cũng tự mừng rỡ trong tương lai ta cũng sẽ được như A Di Đà Phật, trong tương lai ta cũng đắc diệu pháp như A Di Đà Phật).*

Chúng ta đọc kinh này, nghe xong kinh này, có cảm xúc ấy hay chăng? Có thể có cảm tưởng như vậy, tức là hơi có đôi chút tâm đắc, có mấy phần tương ứng, chính mình hết sức mừng rỡ, [cảm thấy] may mắn. Không chỉ là sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ giống như A Di Đà Phật, mà ngay trong hiện tại đã giống. "*Tu hành*", nói thông tục, sẽ là biến đổi cái tâm, biến cái tâm phàm phu của chúng ta thành tâm Phật. Chiếu theo giáo huấn trong kinh điển để chuyển biến quan niệm của chúng ta. Quan niệm là tư tưởng, kiến giải, chúng ta nói là "cách nhìn, cách nghĩ". "*Quan*" (觀) là cách nhìn, "*niệm*" (念) là cách nghĩ. Đối với những chỗ khác biệt giữa cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta và Phật,

nhất định phải vứt bỏ quan niệm của chính mình, tiếp nhận quan niệm của Phật, đó là *"chuyển phàm thành thánh"*; nhưng tiêu chuẩn sau đây chính là tiêu chuẩn bậc nhất, tức là A Di Đà Phật! Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật là *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật). Chúng ta dùng A Di Đà Phật làm tiêu chuẩn, làm khuôn mẫu để tu học, phải nhào nặn chúng ta sao cho giống A Di Đà Phật như đúc! Đấy chính là *"tự khánh ngã diệc đương lai đắc như A Di Đà Phật"* (tự mừng trong tương lai cũng như A Di Đà Phật), giống như A Di Đà Phật. *"Ngã diệc đương lai đắc A Di Đà Phật như thị diệu pháp"* (Trong tương lai, ta cũng đắc diệu pháp như A Di Đà Phật), *"diệu pháp"* là kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà chính là tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chúng ta. Cùng Phật dung hợp thành một Thể, dung hợp với kinh thành một Thể, lẽ nào chẳng hoan hỷ?

(Sao) Nhị, hiện đắc thập cú, sở vị chuyển ly nhất thiết thế gian cảnh giới, cố sanh hoan hỷ, thân cận nhất thiết Phật, cố sanh hoan hỷ đẳng. Kim văn thử kinh giả, hiện đắc chuyển ly Sa Bà ngũ trược cảnh giới, hiện đắc vãng sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà cập chư Phật dã. Thử hoan hỷ thuộc địa vị trung.

(Diễn) Chuyển ly nhất thiết cảnh giới cố sanh hoan hỷ giả, Sơ Địa Bồ Tát chứng tam vô tánh, vĩnh ly nhân chấp, bất trước ngoại cảnh, pháp chấp phân biệt diệc bất hiện hành. Cố vân: Chuyển ly nhất thiết thế gian cảnh giới. Thân cận nhất thiết Phật cố sanh hoan hỷ giả, Sơ Địa đắc vô phân biệt tâm, dữ chư Phật trí dụng tương ứng, duy y pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân Như, diệt vô minh cố. Cố vân "cận nhất thiết Phật". Hựu thử địa Bồ Tát, ư nhất niệm khoảnh, năng chí thập phương vô dư thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, cố vân "thân cận nhất thiết Phật".

(鈔)二、現得十句，所謂轉離一切世間境界故生歡喜，親近一切佛故生歡喜等。今聞此經者，現得轉離娑婆五濁境界，現得往生淨土親近彌陀及諸佛也。此歡喜屬地位中。

(演)轉離一切境界故生歡喜者。初地菩薩證三無性。永離人執。不著外境，法執分別亦不現行。故云。轉離一切世間境界。親近一切佛故生歡喜者。初地得無分別心。

與諸佛智用相應。唯依法力自然修行。熏習真如滅無明故。故云近一切佛。又此地菩薩。於一念頃。能至十方無餘世界。供養諸佛。請轉法輪。故云親近一切佛。

*(**Sao**: Hai là mười câu "đắc trong hiện tại", nghĩa là: Do chuyển biến, lìa khỏi hết thảy cảnh giới thế gian, nên sanh hoan hỷ, thân cận hết thảy Phật nên sanh hoan hỷ v.v... Nay người nghe kinh này, nay đã chuyển biến, lìa khỏi cảnh giới Ngũ Trược chốn Sa Bà, ngay trong hiện tại, được vãng sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà và chư Phật. Đấy là sự hoan hỷ thuộc trong địa vị [Sơ Địa].*

***Diễn**: "Chuyển biến, lìa khỏi hết thảy cảnh giới nên sanh hoan hỷ": Sơ Địa Bồ Tát chứng ba vô tánh[110], vĩnh viễn lìa khỏi nhân chấp (ngã chấp), chẳng chấp trước ngoại cảnh. Pháp Chấp phân biệt cũng chẳng hiện hành. Vì thế nói là "chuyển biến, lìa khỏi hết thảy cảnh giới thế gian". "Thân cận hết thảy chư Phật nên sanh hoan hỷ": Sơ Địa đắc tâm vô phân biệt, tương ứng với Trí và Dụng của chư Phật, chỉ nương theo pháp lực mà tự nhiên tu hành, huân tập Chân Như, diệt vô minh. Vì thế nói là "thân cận hết thảy Phật". Lại nữa, Bồ Tát thuộc địa vị này, trong khoảng một niệm, có thể đến các thế giới trong mười phương chẳng sót cõi nào, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân. Vì thế nói là "thân cận hết thảy chư Phật").*

"Địa" [ở đây] là Hoan Hỷ Địa. Nói cách khác, nay chúng ta có được bộ kinh này, thật sự có thể tin tưởng, thật sự có thể tiếp nhận, thật sự có thể y giáo phụng hành, niềm hoan hỷ ấy gần giống như niềm hoan hỷ của Sơ Địa Bồ Tát, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn!

---

[110] Tam vô tánh: Chính là từ ba phương diện để quan sát hết thảy các pháp, bất cứ pháp nào cũng đều có đủ ba tánh. Nhằm phá chấp trước quan niệm về ba tánh, đức Phật lại nói ra ba vô tánh, tức là:
1) Tướng vô tánh: Nhằm đối trị Biến Kế Khởi Chấp Tánh, giảng rõ hết thảy các hiện tượng vốn là hư vọng, chẳng có thật tánh.
2) Sanh vô tánh: Nhằm đối trị Y Tha Khởi Tánh, hết thảy các pháp đều do duyên tụ mà sanh, duyên tán là diệt, hoàn toàn chẳng phải là thật sự diệt. Sanh và diệt là hiện tượng huyễn vọng, chớ nên chấp trước, chẳng cần phân biệt.
3) Thắng nghĩa vô tánh: Thắng Nghĩa là chân thật nghĩa, cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế, là tánh đức thuần thiện, thuần tịnh. Hễ tâm ta dấy lên một niệm, Đệ Nhất Nghĩa Đế sẽ biến thành A Lại Da Thức, đó gọi là mê hay ngộ chỉ trong một niệm.

(Sao) Nhi Sơ Hạnh diệc danh Hoan Hỷ, Sơ Trụ văn trung diệc vân hoạch vô biên hoan hỷ đẳng, cố vân thâm thiển.

(Diễn) Sơ Hạnh diệc danh Hoan Hỷ giả, thử vị Bồ Tát đa hành Thí Độ, nội ngoại nhất thiết tất giai huệ thí. Kiến cầu khất giả, tâm đại hoan hỷ: "Ngã đắc thiện lợi". Bỉ thọ thí giả, diệc phục hoan hỷ cố. Sơ Trụ diệc vân hoạch vô biên hoan hỷ giả, dĩ Sơ Trụ Bồ Tát, tín tri nhất thiết pháp, tùng bổn dĩ lai tự Niết Bàn cố. Hựu thử vị năng bát tướng thành đạo, tự giác, giác tha, cố hoạch vô biên hoan hỷ.

(鈔)而初行亦名歡喜，初住文中亦云獲無邊歡喜等，故云深淺。

(演)初行亦名歡喜者。此位菩薩多行施度。內外一切悉皆惠施。見求乞者心大歡喜。我得善利。彼受施者。亦復歡喜故。初住亦云獲無邊歡喜者。以初住菩薩。信知一切法。從本以來自涅槃故。又此位能八相成道。自覺覺他。故獲無邊歡喜。

*(**Sao**: Nhưng Sơ Hạnh cũng gọi là Hoan Hỷ. Trong phần kinh văn giảng về địa vị Sơ Trụ cũng nói "đạt được vô biên hoan hỷ" v.v... Vì thế nói là "cạn hay sâu".*

***Diễn**: Sơ Hạnh cũng gọi là Hoan Hỷ, Bồ Tát thuộc địa vị này phần nhiều hành Bố Thí Ba La Mật, hết thảy trong ngoài đều có thể bố thí. Thấy người đến cầu xin, tâm hết sức hoan hỷ: "Ta được điều lợi tốt lành". Người được bố thí cũng hoan hỷ. "Sơ Trụ cũng nói là đạt được vô biên hoan hỷ": Do Sơ Trụ Bồ Tát tin biết hết thảy các pháp vốn sẵn là Niết Bàn. Địa vị này lại có thể thị hiện tám tướng thành đạo, tự giác, giác tha, cho nên đạt được vô biên hoan hỷ).*

Sơ Địa Bồ Tát sâu hơn Sơ Hạnh Bồ Tát quá nhiều! Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, địa vị của các Ngài sai khác nhiều ngần ấy, nên sự hoan hỷ có [mức độ] cạn hay sâu khác biệt! Trong các đồng tu chúng ta, cũng có sự sai biệt rất rõ rệt, giữa người thật sự khế nhập và kẻ chẳng khế nhập có sự bất đồng rất lớn!

(Sao) Nhược thiển chi hựu thiển chi, tắc tùy kỳ phân lượng, diệc đắc pháp hỷ chi lạc nhi dĩ.

(Diễn) Tùy kỳ phân lượng, đắc pháp hỷ giả. Sơ tâm hạ phàm, bất năng nhập Lý trị Hoặc, cập dữ sanh thiện. Văn thế giới tất-đàn,

diệc đắc hoan hỷ ích dã.

(鈔)若淺之又淺之，則隨其分量，亦得法喜之樂而已。

(演)隨其分量得法喜者。初心下凡。不能入理治惑。及與生善。聞世界悉檀。亦得歡喜益也。

*(**Sao**: Nếu xét theo mức độ đã nông cạn lại càng nông cạn hơn nữa, thì tùy theo trình độ mà cũng đắc niềm vui pháp hỷ đó thôi!*

***Diễn**: "Tùy theo trình độ mà đắc pháp hỷ": Sơ tâm, phàm phu hạ căn, chẳng thể nhập Lý để đối trị phiền não thì cũng được lợi ích sanh thiện, do nghe [pháp môn này] bèn đối với thế giới tất-đàn, cũng được lợi ích hoan hỷ).*

"Thiển chi hựu thiển" là nói bọn phàm phu chúng ta. Trong Luận Ngữ, câu nói đầu tiên của Khổng lão phu tử là *"học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ"* (học rồi luôn tập luyện, há cũng chẳng vui sao). *"Duyệt"* (悅) là hoan hỷ, sự hoan hỷ sanh khởi từ nội tâm. Hoan hỷ nhất định là do *"học nhi thời tập chi"*. *"Học"*: Nay chúng ta nghe kinh chính là học, sau khi đã nghe xong bèn làm theo; làm theo chính là *"tập"* (習). Nếu Văn, Tư, Tu chẳng ăn khớp, sẽ chẳng có tác dụng. Văn (聞) là tiếp nhận, Tư (思) là hiểu rõ, ta vừa tiếp nhận, bèn hiểu rõ. Đã hiểu rõ bèn lập tức phụng hành (tức là Tu), làm theo thì mới có thể đạt được *"pháp hỷ"*.

(Sớ) Hựu kết quy tín thọ giả, tùng thỉ chí chung, Tín vi căn bản cố.

(疏)又結歸信受者，從始至終，信為根本故。

*(**Sớ**: Lại nữa, quy kết vào Tín Thọ vì từ đầu đến cuối, Tín là căn bản).*

Câu đầu tiên mở đầu kinh văn là *"như thị ngã văn"*, đấy là Tín Thành Tựu. Vừa mở đầu bèn từ Tín nhập môn, đó gọi là *"Tín là nguồn đạo, mẹ công đức"*. Tín là cội nguồn để nhập đạo, phải có Tín thì mới có thể nhập môn. Có Tín thì mới có thể sanh ra chánh giải, mới có thể đắc chánh hạnh. Kinh văn đến khi kết thúc, lại quy kết vào *"tín thọ"*. Đấy là chỉ rõ: Tu học trong Phật pháp từ đầu tới cuối, Tín là căn bản.

(Sao) Thỉ chung giả, thủ tiêu như thị, nãi tín thuận chi từ, kim

phục mạt ngôn tín thọ, tắc tri nhân tín sanh nguyện, nhân nguyện khởi hạnh.

(鈔)始終者，首標如是，乃信順之辭，今復末言信受，則知因信生願，因願起行。

*(**Sao**: "Từ đầu tới cuối": Khởi đầu đã nêu ra như thế, chính là lời lẽ tín thuận, nay đến phần cuối lại nói đến "tín thọ", bèn biết là do Tín bèn sanh Nguyện, do Nguyện mà khởi Hạnh).*

Quý vị không tin, lấy đâu ra Nguyện? Nguyện lực mạnh hay yếu, hoàn toàn tỷ lệ thuận với tín tâm của quý vị. Quý vị tin sâu, nguyện của quý vị bèn sâu. Quý vị tin nông cạn, nguyện của quý vị cũng cạn. Cổ đức dạy người khác *"tin sâu, nguyện thiết"*, nhất định được vãng sanh. Đối với thâm tín, chúng ta cũng hết sức mong thâm tín, nhưng niềm tin ấy chẳng thể sanh khởi, nguyên nhân là ở chỗ nào? Đối với hai thế giới (Sa Bà và Cực Lạc), nhận thức chẳng rõ ràng, chẳng thấu triệt. [Vậy thì phải] làm như thế nào? Đọc kinh, đọc nhiều, nghĩ nhiều, đọc thuần, nghĩ sâu, chúng ta sẽ dần dần hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ trạng huống của hai thế giới. Càng hiểu rõ, tín tâm của quý vị càng sâu. Càng hiểu rõ, nguyện tâm càng tha thiết.

Phàm là những kẻ tín nguyện hời hợt, nông nổi, đều là do chẳng quan sát, hiểu rõ Sa Bà và Cực Lạc. Vì thế, tin sâu và nguyện thiết của chúng ta phải được vun bồi bằng đọc nhuần, nghĩ sâu. Đọc những kinh nào? Dốc sức nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, kinh phải đọc thông thuộc. Phải đọc những bản chú giải các kinh ấy của các vị tổ sư đại đức thời cổ cho nhiều, vì đôi khi trong kinh có những ý nghĩa chúng ta vẫn chưa thể xem hiểu được! Chẳng hạn như kinh Di Đà rất đơn giản, chúng ta niệm một biến chừng mấy phút đã xong, Liên Trì đại sư giới thiệu, chúng ta mới biết trong ấy có lắm ý nghĩa ngần ấy! Nếu Ngài chẳng giới thiệu, chúng ta có thể nghĩ tới hay không? Chẳng nghĩ tới! Vì thế, nhất định phải đọc chú giải của cổ đại đức, giúp chúng ta nhận thức, hiểu rõ, tín nguyện mới có thể sanh khởi. Do nguyện bèn khởi hạnh, quý vị thật sự mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đương nhiên là quý vị sẽ niệm Phật, quý vị sẽ thật sự niệm. Thật sự niệm là trong tâm thật sự có A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, những tạp niệm khác thảy đều buông xuống, "tịnh niệm tiếp nối" tự nhiên đạt được. Sau khi công phu đã thuần thục, sẽ gọi là *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, đó là thật sự niệm. *"Vô niệm"* là miệng chẳng niệm Phật, mà *"niệm"* là trong tâm thật sự có [Phật].

Có một vị lão cư sĩ bảo tôi: "Niệm Phật đã vài năm, công phu chẳng đắc lực, vọng tưởng, tạp niệm vẫn còn rất nhiều, làm như thế nào?" Tôi liền khuyên cụ: "Phải buông xuống hết thảy". Cụ đáp: "Sư phụ ơi! Chuyện gì tôi cũng đều có thể buông xuống, nhưng chỉ có đứa cháu nội là chẳng thể bỏ được!" Tôi nói: "Cụ đổi đứa cháu thành A Di Đà Phật thì sẽ thành công". Chư vị ngẫm xem, cụ có niệm "cháu" hay không? Cụ chẳng thể suốt ngày từ sáng đến tối niệm "cháu nội, cháu nội", chẳng niệm, nhưng trong lòng thật sự có. Bất luận lúc nào, bất luận ở nơi đâu, niệm thứ nhất của cụ là nghĩ tới đứa cháu, đó gọi là *"vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm"*.

Do vậy, niệm Phật, lúc mới học Phật thì phải là miệng niệm, miệng niệm khiến cho Phật hiệu khắc sâu trong tâm. Trong tâm đã thật sự có, thì miệng niệm hay không, chẳng sao cả! Quan trọng nhất là trong tâm thật sự có! Trong tâm chẳng có, có suông đằng miệng, miệng có, tâm không, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cổ nhân bảo: *"Gào toác cổ họng vẫn uổng công"*, chẳng thể vãng sanh! Trong tâm thật sự có, miệng chẳng niệm, tới lúc đó, Phật Như Lai tiếp dẫn y hệt. Vì sao? Người ấy thật sự niệm. Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Niệm Phật là *"kim tâm"*, [tức là] cái tâm hiện tại, tâm là Phật! Trong tâm thật sự có A Di Đà Phật, đó là thật sự niệm. Người mới học mỗi ngày phải niệm mấy vạn câu Phật hiệu, nhằm in Phật hiệu vào tâm, nhưng in khó lắm! Nguyên nhân của sự khó khăn là do chẳng hiểu rõ chân tướng của hai thế giới. Đã thật sự hiểu thì sẽ chẳng khó! Khó ở chỗ [làm thế nào để] thông hiểu, khó ở chỗ [làm thế nào để] hiểu rõ! Hành thật sự chẳng khó! Phật pháp là *"biết khó, hành dễ"*, hành chẳng khó, biết quá khó! Tuy hành dễ, nhưng hành chẳng nổi, là do chẳng biết đầy đủ, trở thành chướng ngại, trí huệ chẳng đạt được, cho nên mới có Phiền Não Chướng, có Sở Tri Chướng, chướng ngại nguyện và hạnh. Chuyện là như thế đó.

(Sao) Tùng sơ phát tâm, thứ đắc vãng sanh, cứu cánh thành Phật, giai tư tín lực, cố vân thỉ chung tín vi căn bản.

(鈔)從初發心，次得往生，究竟成佛，皆資信力，故云始終信為根本。

*(**Sao**: Từ sơ phát tâm, kế đến là được vãng sanh, rốt ráo thành Phật, đều cậy vào tín lực. Vì thế nói "từ đầu đến cuối, Tín là căn bản").*

Sức mạnh của Tín quá lớn. Chúng ta cậy vào tín tâm thanh tịnh

kiên cố mà được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn do tín tâm thanh tịnh kiên cố ấy mà viên chứng ba món Bất Thoái, mãi cho đến khi thành Phật. Sau khi đã thành Phật, vẫn do tín tâm thanh tịnh kiên cố ấy mà đến mười phương thế giới, chuyên môn khuyên hết thảy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tự hành và hóa độ người khác đều do tín tâm thanh tịnh kiên cố ấy, tín tâm ấy chẳng thể nghĩ bàn! *"Cố vân thỉ chung, Tín vi căn bản"* (Vì thế nói từ đầu đến cuối, Tín là căn bản).

(Sớ) Đại Bổn kết kinh, bị trần chúng sanh hoạch ích, long thiên giáng tường, kim bất ngôn giả, văn tỉnh dã.

(疏)大本結經，備陳眾生獲益，龍天降祥，今不言者，文省也。

*(**Sớ**: Kinh Đại Bổn khi kết thúc, nói tỉ mỉ chúng sanh đạt được lợi ích [như thế nào], trời, rồng giáng hiện điềm lành, nay [kinh Di Đà] chẳng nói là do kinh văn tỉnh lược vậy).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Khi kết thúc kinh, có nói rõ chúng sanh nghe kinh đạt được lợi ích, các thứ điềm lành, nói rất tỉ mỉ. Kinh Di Đà tuy trong văn tự chẳng nói, tỉnh lược, nhưng ý nghĩa trọn đủ. Ở đây, Liên Trì đại sư nói bổ sung:

(Sao) Đại Bổn vân: "Phật thuyết thử kinh dĩ, vô lượng chúng sanh, phát Vô Thượng Chánh Giác tâm".

(鈔)大本云：佛說此經已，無量眾生，發無上正覺心。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn nói: "Đức Phật nói kinh này xong, vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Giác").*

Đây là điều thứ nhất, là lợi ích nông cạn nhất do nghe kinh. Ở đây, xác thực là có mức độ cạn hay sâu khác biệt. Nông cạn thì phát tâm, giác ngộ. Mức độ thấp nhất là biết: Ngoài thế giới Sa Bà, còn có một thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp hơn thế giới của chúng ta. Tâm mong mỏi cõi đó, phát cái tâm ấy, đấy chính là tâm thật sự giác ngộ.

(Sao) Vạn nhị thiên na-do-tha nhân, đắc Pháp Nhãn Tịnh.

(鈔)萬二千那由他人，得法眼淨。

*(**Sao**: Một vạn hai ngàn na-do-tha người đắc Pháp Nhãn Tịnh).*

Được lợi ích sâu hơn hạng trước một tí. Phát tâm Chánh Giác là địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo, *"đắc Pháp Nhãn Tịnh"* là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Đại Thừa.

(Sao) Nhị thập nhị ức chư thiên, nhân dân, đắc A Na Hàm quả.

(鈔)二十二億諸天人民，得阿那含果。

*(**Sao**: Hai mươi hai ức chư thiên, nhân dân, đắc quả A Na Hàm).*

Đây là Tam Quả trong Tiểu Thừa, là địa vị Đệ Lục Tín trong Viên Giáo.

(Sao) Bát thập vạn tỳ-kheo, lậu tận ý giải.

(鈔)八十萬比丘，漏盡意解。

*(**Sao**: Tám mươi vạn tỳ-kheo, lậu tận ý giải).*

"Lậu tận ý giải" là Tứ Quả A La Hán, là địa vị Thất Tín trong Viên Giáo.

(Sao) Tứ thập ức Bồ Tát, đắc Bất Thoái Chuyển.

(Diễn) Đắc Bất Thoái Chuyển giả, Bất Thoái hữu tam: Phá Kiến Tư danh Vị Bất Thoái, phá Trần Sa danh Hạnh Bất Thoái, phá vô minh danh Niệm Bất Thoái, kim tứ thập ức Bồ Tát sở đắc, diệc các tùy kỳ phân lượng dã.

(鈔)四十億菩薩，得不退轉。

(演)得不退轉者。不退有三。破見思名位不退。破塵沙名行不退。破無明名念不退。今四十億菩薩所得。亦各隨其分量也。

*(**Sao**: Bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái Chuyển.*

***Diễn**: "Đắc Bất Thoái Chuyển": Bất Thoái có ba loại: Phá Kiến Tư thì gọi là Vị Bất Thoái, phá Trần Sa thì gọi là Hạnh Bất Thoái, phá vô minh gọi là Niệm Bất Thoái. Nay bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái thì cũng là tùy theo trình độ của mỗi vị vậy).*

Bất thoái chuyển là viên chứng ba món Bất Thoái.

(Sao) Tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động.

(Diễn) Lục chủng chấn động giả, động, khởi, dũng, chấn, hống, kích dã. Tam chủng thị hình, tam chủng thị thanh. Ư hình thanh trung, các cử kỳ nhất, cố ngôn chấn động dã. Dao bá bất an chi vị Động. Tự hạ thăng cao chi vị Khởi. Hốt nhiên đằng cử chi vị Dũng. Ẩn ẩn xuất thanh chi vị Chấn. Hùng thanh mãnh liệt chi vị Hống. Phanh khái phát hưởng chi vị Kích. Cộng hữu thập bát tướng, nhất phương động vị chi Động. Tứ phương tề động danh Biến Động. Bát phương tề động viết Phổ Biến Động, dư ngũ diệc nhiên. Hựu trực động vi Động, tứ thiên hạ động vi Biến Động, đại thiên giới động vi Đẳng Biến Động, hạ ngũ diệc nhiên.

(鈔)三千大千世界六種震動。

(演)六種震動者；動起涌震吼擊也。三種是形。三種是聲。於形聲中各舉其一。故言震動也。搖播不安之謂動。自下升高之謂起。忽然騰舉之謂涌。隱隱出聲之謂震。雄聲猛烈之謂吼。砰磕發響之謂擊。共有十八相。一方動謂之動。四方齊動名遍動。八方齊動曰普遍動。餘五亦然。又直動為動。四天下動為遍動。大千界動為等遍動。下五亦然。

*(**Sao**: Tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động.*

***Diễn**: Sáu thứ chấn động là động, khởi, dũng, chấn, hống, kích. Ba loại nói về hình tướng, ba loại nói về âm thanh. Do trong hình tướng và âm thanh, mỗi thứ nêu ra một loại, nên nói là "chấn động". Rung lắc chẳng yên là Động. Từ dưới dâng lên cao là Khởi. Đột nhiên vọt lên cao là Dũng. Vang ra âm thanh ngầm dưới đất là Chấn. Âm thanh vang dội, mãnh liệt là Hống. Phát ra tiếng vang nứt vỡ, răng rắc là Kích. Có tất cả mười tám tướng: Một phương động gọi là Động. Bốn phương cùng động gọi là Biến Động. Tám phương cùng động gọi là Phổ Biến Động. Năm thứ kia cũng như vậy. Lại động ở ngay một chỗ thì là Động, tứ thiên hạ đều động là Biến Động, đại thiên thế giới cùng động thì gọi là Đẳng Biến Động, năm loại sau cũng vậy).*

Đây là thụy tướng (瑞相: tướng tốt lành) cảm ứng. Nói theo Phật

pháp, y báo chuyển theo chánh báo, nhiều người nghe kinh đắc quả báo thù thắng như vậy, tự nhiên cũng có thụy tướng biến hiện, cảm vời tam thiên đại thiên thế giới chấn động.

(Sao) Đại quang phổ chiếu thập phương quốc độ, bách thiên âm nhạc tự nhiên nhi tác.

(鈔)大光普照十方國土，百千音樂自然而作。

*(**Sao**: Quang minh to lớn chiếu khắp mười phương cõi nước, trăm ngàn loại âm nhạc tự nhiên trỗi lên).*

Nhạc trời vang rền không trung.

(Sao) Vô lượng diệu hoa, phân phân nhi giáng.

(鈔)無量妙華，芬芬而降。

*(**Sao**: Vô lượng hoa mầu nhiệm, phấp phới rơi xuống).*

Đây là không trung tuôn mưa hoa. Đại địa chấn động, thiên nhạc vang trời, trời tuôn hoa mầu nhiệm, có thụy tướng nhiều ngần ấy!

(Sao) Nãi chí A Ca Nị Trá Thiên, giai tác chủng chủng vi diệu cúng dường.

(鈔)乃至阿迦膩吒天，皆作種種微妙供養。

*(**Sao**: Cho đến tận trời Sắc Cứu Cánh đều biến ra các thứ cúng dường vi diệu).*

Đây là Sắc Cứu Cánh Thiên, tức cõi trời cao nhất trong thiên giới đến cúng dường. Đại địa chấn động, sự chấn động ấy chẳng phải là động đất, mà là tỷ dụ. *"Địa"* tỷ dụ tâm địa. Nhiều người tu hành chứng quả ngần ấy, chúng sanh trên đại địa sau khi nghe xong, trong tâm đều bị cảm động. Có ý nghĩa ấy, chẳng phải là nói đất thật sự chấn động.

(Sao) Hựu vân: Nhị thập ngũ ức chúng sanh, đắc Bất Thoái Nhẫn.

(Diễn) Bất Thoái Nhẫn, tức Nhu Thuận Nhẫn dã, vị tại Viên Thập Tín. Thử ước Tịnh Độ tam pháp nhẫn thuyết. Nhược ước giáo đạo thuyết, Thông Giáo tam pháp nhẫn, thử Bất Thoái Nhẫn, diệc tức thị Nhu Thuận Nhẫn. Dĩ thử nhẫn thuộc tánh địa. Tánh địa phương

đắc Bất Thoái cố. Biệt Giáo ngũ nhẫn, tắc thử Bất Thoái Nhẫn, tức thị Tín Nhẫn. Dĩ Tín Nhẫn thuộc Thập Trụ. Thập Trụ dĩ đắc Bất Thoái cố. Viên Giáo tứ nhẫn, thử Bất Thoái Nhẫn diệc tức thị Thuận Nhẫn, nhi Viên Thất Tín chánh thuộc Bất Thoái cố.

(鈔)又云：二十五億眾生，得不退忍。

(演)不退忍。即柔順忍也。位在圓十信。此約淨土三法忍說。若約教道說。通教三法忍。此不退忍。亦即是柔順忍。以此忍屬性地。性地方得不退故。別教五忍。則此不退忍。即是信忍。以信忍屬十住。十住已得不退故。圓教四忍。此不退忍亦即是順忍。而圓七信正屬不退故。

*(**Sao**: Lại nói: Hai mươi lăm ức chúng sanh đắc Bất Thoái Nhẫn.*

***Diễn**: Bất Thoái Nhẫn tức là Nhu Thuận Nhẫn, thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Đây là nói theo ba pháp nhẫn trong Tịnh Độ. Nếu nói theo Giáo Hạ, xét theo ba pháp nhẫn của Thông Giáo, Bất Thoái Nhẫn ở đây cũng chính là Nhu Thuận Nhẫn, vì loại Nhẫn này thuộc về Tánh địa. Đạt đến Tánh địa thì mới đắc Bất Thoái. Xét theo năm pháp nhẫn của Biệt Giáo thì pháp Bất Thoái Nhẫn này chính là Tín Nhẫn, do Tín Nhẫn thuộc về Thập Trụ, Thập Trụ đã đắc Bất Thoái. Xét theo bốn pháp Nhẫn của Viên Giáo, pháp Bất Thoái Nhẫn này cũng chính là Thuận Nhẫn. Thất Tín của Viên Giáo đã thuộc về địa vị Bất Thoái).*

Bất Thoái Nhẫn là Nhu Thuận Nhẫn, tức là Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Thập Tín trong Viên Giáo.

(Sao) Tứ vạn ức na-do-tha chúng sanh, ư Vô Thượng Bồ Đề, vị tằng phát ý, kim thỉ sơ phát, chủng chư thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc thế giới, giai đương vãng sanh, các ư dị phương, thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm.

(Diễn) Vị tằng phát ý, kim thỉ sơ phát, diệc tức thị Viên Sơ Tín, hoặc thị Viên Sơ Trụ. Dĩ hạ văn hữu thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm cố.

(鈔)四萬億那由他眾生，於無上菩提未曾發意，今始初發，種諸善根，願生極樂世界，皆當往生，各於異方，次第成佛，同名妙音。

(演)未曾發意。今始初發。亦即是圓初信。或是圓初

住。以下文有次第成佛。同名妙音故。

*(**Sao**: Bốn vạn ức na-do-tha chúng sanh chưa từng phát ý nơi Vô Thượng Bồ Đề, nay mới bắt đầu phát, gieo các thiện căn, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ đều vãng sanh. Mỗi người sẽ ở các phương khác, lần lượt thành Phật, cùng có tên là Diệu Âm.*

***Diễn**: "Chưa từng phát ý, nay mới bắt đầu phát" cũng chính là Sơ Tín của Viên Giáo, hoặc là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, phần kinh văn sau đó có nói họ sẽ lần lượt thành Phật, cùng có danh hiệu là Diệu Âm).*

Hiện thời có nhiều người xin quy y, chúng tôi đều đặt pháp danh là Diệu Âm, chính là [dựa theo ý kinh văn] ở chỗ này, tức là phần cuối của kinh Vô Lượng Thọ. Trong thế giới này, có *"bốn vạn ức na-do-tha chúng sanh, chưa từng phát ý nơi Vô Thượng Bồ Đề"*, chẳng phát tâm, đã nghe kinh này rồi mới phát tâm. Sơ phát tâm bèn nương theo đạo lý và phương pháp trong kinh điển để tu hành, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký những người ấy *"giai đương vãng sanh"* (sẽ đều vãng sanh). Pháp môn này đúng là *"vạn người tu, vạn người đến"*, nhưng trong ấy có một câu hết sức quan trọng, mọi người ngàn muôn phần đừng nên sơ sót. [Nếu sơ sót], trong tương lai chẳng thể vãng sanh, chẳng thể trách Thích Ca Mâu Ni Phật nói sai. Đức Phật chẳng nói sai, mà là do bản thân quý vị hiểu sai ý Ngài. Quý vị tự chịu trách nhiệm, chẳng phải do Phật. Câu ấy ở chỗ nào? *"Chủng chư thiện căn"* (Gieo các thiện căn). Quý vị có làm được hay không? *"Nguyện sanh Cực Lạc"*, quý vị có thật sự phát nguyện hay không? Then chốt ở ngay nơi tám chữ ấy. Quả nhiên thật sự chịu *"chủng chư thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc"*, chẳng có một ai không vãng sanh!

Thiện căn là gì? Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, mười đại nguyện vương, đấy là thiện căn. Thật sự hành, thật sự làm, chính là *"chủng chư thiện căn"*. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có một ai không vãng sanh! Đối với Tam Phước, Lục Hòa, chỉ cần quý vị làm được hai hạng mục ấy, bảo đảm vãng sanh! Có thể thực hiện Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện, phẩm vị bèn cao. Có thể tu mười đại nguyện vương, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định là [sanh trong] cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trọn đủ Tam Phước và Lục Hòa, quyết định được sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Đấy là bảo cho mọi người biết phương pháp gieo thiện căn cụ thể. Đức

Phật thọ ký chúng ta quyết định vãng sanh, Phật chẳng nói dối.

Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai sẽ quyết định thành Phật tại thế giới Tây Phương ngay trong một đời. Sau khi đã thành Phật, mười phương thế giới, nơi nào hữu duyên cùng quý vị, quý vị có thể đến chỗ ấy, dùng thân Phật để hóa độ chúng sanh, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: *"Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp"*. Đã thành Phật thì danh hiệu của đức Phật sẽ là Diệu Âm. Diệu Âm có ý nghĩa gì? Trong sáu phương Phật, vị Phật thứ năm ở phương Đông tên là Diệu Âm; Diệu Âm chính là một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, âm thanh ấy mầu nhiệm! Bản thân chúng ta sẽ thành vị Phật Diệu Âm ấy, trong tương lai, vẫn dùng phương pháp này để độ chúng sanh. Vì thế, gọi là Diệu Âm Như Lai. Trong tương lai, đều có danh hiệu là Diệu Âm Như Lai, nay dùng Diệu Âm để đặt tên cho cư sĩ, nhằm nêu tỏ: *"Thảy đều dùng Diệu Âm"*. Vì thế, pháp danh Diệu Âm trong điệp quy y do đây mà có.

(Sao) Bát vạn ức na-do-tha chúng sanh, đắc thọ ký Pháp Nhẫn.

(Diễn) Đắc thọ ký Pháp Nhẫn, thị Viên Sơ Trụ, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn quang minh cố, hoặc thị Bát Địa, thị danh chân Vô Sanh Pháp Nhẫn cố.

(鈔)八萬億那由他眾生，得授記法忍。

(演)得授記法忍。是圓初住。得無生法忍光明故。或是八地。是名真無生法忍故。

*(**Sao**: Tám vạn ức na-do-tha chúng sanh, đắc thọ ký Pháp Nhẫn.*

***Diễn**: "Đắc thọ ký Pháp Nhẫn" là Sơ Trụ trong Viên Giáo, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn quang minh, hoặc là Bát Địa bèn gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn thật sự).*

"Đắc thọ ký Pháp Nhẫn" có hai ý nghĩa: Một là Sơ Trụ trong Viên Giáo, hai là Bát Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn chân thật. Kinh Nhân Vương bảo: Vô Sanh Pháp Nhẫn là sở chứng của Thất Địa, Bát Địa, và Cửu Địa Bồ Tát. Thất Địa Bồ Tát là hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa Bồ Tát là thượng phẩm. Có thể thấy *"đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn"* tiêu chuẩn rất cao.

(Sớ) Hựu Đại Bổn Chúc Lụy trì kinh công đức, kim trì thử kinh, diệc đương như thị.

(Diễn) Chúc lụy giả, vị tương thử pháp môn, chúc ư nhữ, lụy nhữ tuyên truyền dã. Cổ đức vân: Nhĩ nhược bất thị thử đẳng nhân, tự nhiên bất lai ương cập nhĩ chi ý. Hựu chúc giả, thị Như Lai kim khẩu phó chúc, linh bỉ lưu thông. Lụy giả, kim Bồ Tát huyền hệ ư tâm, vĩnh vô vong thất dã.

(疏)又大本囑累持經功德，今持此經亦當如是。

(疏)囑累者。謂將此法門。囑於汝。累汝宣傳也。古德云。你若不是此等人。自然不來央及你之意。又囑者。是如來金口付囑。令彼流通。累者。今菩薩懸係於心。永無忘失也。

*(**Sớ**: Lại nữa, trong phần Chúc Lụy của kinh Đại Bổn có nói công đức trì kinh, nay trì kinh này cũng sẽ có [công đức giống hệt] như thế.*

***Diễn**: Chúc Lụy nghĩa là đem pháp môn này dặn dò các ông, làm phiền các ông hãy tuyên truyền. Cổ đức nói: "Nếu ngươi chẳng phải là hạng người như vậy, tự nhiên chẳng có ý nghĩ làm phiền đến ngươi". Lại nữa, Chúc là miệng vàng của đức Như Lai căn dặn, khiến cho pháp ấy được lưu thông. "Lụy" là nay Bồ Tát canh cánh bên lòng, vĩnh viễn chẳng để quên mất).*

Mọi người thật sự niệm rất thuộc kinh Vô Lượng Thọ, sẽ biết công đức thọ trì chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Di Đà văn tự ít, nói đơn giản; thật ra, nội dung, cảnh giới, và công đức hoàn toàn giống hệt, chẳng khác gì cả! Do đó, đối với chuyện trì kinh, Đại Bổn hay Tiểu Bổn đều tốt đẹp như nhau. Vì sao tôi phải đề xướng Đại Bổn? Vì Đại Bổn nói cặn kẽ, Tiểu Bổn nói đơn giản. Từ Tiểu Bổn, quý vị chẳng xem thấy công đức lợi ích chân thật, nhưng xem Đại Bổn, sẽ thấy rõ ràng. Bảo quý vị đọc thuần thuộc Đại Bổn là do đạo lý này. Đọc thuần thuộc Đại Bổn sẽ khiến cho quý vị hiểu rõ trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, khiến cho quý vị phát sanh tín tâm thanh tịnh kiên định.

Tới khi quý vị tín nguyện đã thành tựu, quý vị nói: "Đại Bổn dài quá. Ta thọ trì, thọ trì là tu hành; tu hành càng đơn giản, càng hay", quý vị có thể chẳng cần đọc Đại Bổn, đọc Tiểu Bổn là được rồi. Vì thế, đối với sự tu trì, Tiểu Bổn là tốt nhất, đơn giản, dễ hiểu, dễ thọ trì. Đại Bổn giúp quý vị kiến lập tín tâm, kiến lập nguyện tâm. Tín nguyện đã thật sự thành tựu, chẳng có mảy may hoài nghi nào, chẳng có mảy may vọng tưởng nào, nhất tâm nhất ý chỉ cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới,

Tiểu Bổn cũng chẳng cần niệm, một câu A Di Đà Phật bèn thành công. Công phu thật sự là ở nơi Phật hiệu, chư vị nhất định phải hiểu rõ điều này. Chân tín, thiết nguyện, thật thà niệm Phật. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". "Nhiếp trọn sáu căn"* là hết thảy đều buông xuống, hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, một câu A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng bỏ. Đó là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối".*

(Sao) Đại Bổn Phật cáo Di Lặc, kim thử pháp môn, phó chúc ư nhữ, ư đại chúng trung, vị tha khai thị, đương linh thư, tả, chấp trì, ư thử kinh trung, sanh đạo sư tưởng.

(Diễn) Vị tha khai thị, đương linh thư tả chấp trì giả, Pháp Hoa khai ngũ chủng pháp sư, nhất thọ trì, tín lực viết Thọ, niệm lực viết Trì, tức kim chấp trì thị dã. Nhị độc, tam tụng, đối văn viết Độc, bất vong viết Tụng. Thử nhị diệc nhiếp tại kim chấp trì trung. Tứ giải thuyết, tuyên truyền viết Giải Thuyết, tức kim vị tha khai thị, thị dã. Ngũ thư tả, tức kim thư tả thị dã.

(鈔)大本佛告彌勒，今此法門，付囑於汝，於大眾中，為他開示，當令書寫執持，於此經中，生導師想。

(演)為他開示當令書寫執持者。法華開五種法師。一受持。信力曰受。念力曰持。即今執持是也。二讀。三誦。對文曰讀。不忘曰誦。此二亦攝在今執持中。四解說。宣傳曰解說。即今為他開示是也。五書寫。即今書寫是也。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, đức Phật bảo Di Lặc: "Nay pháp môn này giao phó cho ông. Ông hãy ở trong đại chúng khai thị cho họ, khiến cho họ viết, chép, chấp trì, đối với kinh này coi như là đạo sư".*

***Diễn**: "Vì họ khai thị, khiến cho họ viết, chép, chấp trì", kinh Pháp Hoa đề ra năm loại pháp sư. Một là Thọ Trì, Tín Lực là Thọ, Niệm Lực là Trì, chính là "chấp trì" trong đoạn kinh văn này. Hai là Độc. Ba là Tụng. Đối trước kinh văn [đọc ra tiếng] là Độc, [không cần kinh văn, mà có thể đọc làu làu] chẳng quên là Tụng. Hai loại này cũng thuộc về "chấp trì" nói trong phần kinh văn này. Bốn là Giải Thuyết, tuyên truyền là Giải Thuyết, tức là "khai thị" trong phần kinh văn trên đây. Năm là "biên chép", tức là "biên chép" trong phần kinh văn này).*

Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đức Phật phó chúc pháp môn này cho Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là đương lai hạ sanh Phật, là vị Phật thứ năm trong Hiền Kiếp, có thể thấy pháp môn này được Phật Phật tương truyền! Đem kinh này và pháp môn này truyền trao Di Lặc Bồ Tát, trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát thị hiện thành Phật, quý vị ngẫm xem, Ngài có giảng kinh này hay không? Nhất định là sẽ nhiều lần tuyên giảng, phổ biến, khuyên người ta niệm Phật vãng sanh, giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật, đó là đạo lý nhất định. Thích Ca Mâu Ni Phật dặn dò, giao phó Ngài: *"Ư đại chúng trung, vị tha khai thị"* (Ở trong đại chúng, khai thị cho họ), *"đương linh thư tả"* (hãy khiến cho họ biên chép), *"thư tả"* (書寫: biên chép) là lưu thông, *"chấp trì"* (執持) là y giáo phụng hành. *"Ư thử kinh trung, sanh đạo sư tưởng"* (Đối với kinh này, coi như là đạo sư). Đạo sư (導師: người hướng dẫn, người chỉ lối) là Phật, dẫn dắt chúng ta thoát lìa lục đạo luân hồi, hướng dẫn chúng ta vượt biển khổ tam giới, sẽ viên thành Phật đạo trong một đời, kinh này là đạo sư.

(Sao) Hựu vân: Vô lượng ức chư Bồ Tát giai tất cầu thử vi diệu pháp môn.

(鈔)又云：無量億諸菩薩皆悉求此微妙法門。

*(**Sao**: Lại nói: "Vô lượng ức chư Bồ Tát thảy đều cầu pháp môn vi diệu này").*

"Nhi bất khả đắc" (而不可得: mà chẳng thể được), kinh văn đã tỉnh lược [câu này]. Chuyện này là thật, những vị Bồ Tát ấy có biết bộ kinh này hay không? Chẳng biết! Chẳng biết thì làm sao mà cầu cho được? Trong tâm các Bồ Tát mong cầu, có phương pháp nào khiến cho ta có thể thành Phật ngay trong một đời thì hay quá! Trọn chẳng biết tới bộ kinh này, chỉ vì các Ngài chẳng có duyên, chẳng được nghe, chẳng gặp gỡ! Duyên của chúng ta sâu hơn các Ngài, nên gặp gỡ, có thể thấy là phải nên trân quý.

(Sao) Vật vi Phật giáo, nhi khí xả chi.

(鈔)勿違佛教，而棄捨之。

*(**Sao**: Chớ trái lời Phật dạy mà vứt bỏ).*

Ở đây, đức Phật phó chúc chúng ta ngàn muôn phần đừng trái

nghịch giáo huấn của đức Phật, khinh thường, coi rẻ pháp môn này. [Nếu khinh dễ, bỏ lỡ pháp môn này] thì đúng là quá đáng tiếc!

(Sao) Đương linh nhữ đẳng, luân một trường dạ, bị chúng nguy khổ.

(鈔)當令汝等，淪沒長夜，備眾危苦。

*(**Sao**: Sẽ khiến cho các ông chìm đắm trong đêm dài, chịu đủ mọi nỗi nguy hiểm, khổ sở).*

Nếu quý vị chẳng nghe lời giáo huấn này, buông bỏ pháp môn này, trong tương lai, nhất định sẽ luân hồi nhiều kiếp dài lâu, chịu khổ vô tận.

(Sao) Thị cố, ngã kim vi đại chúc lụy.

(鈔)是故我今為大囑累。

*(**Sao**: Do vậy, nay ta phó chúc tha thiết).*

Đây là sự phó chúc to lớn nhất, giống như cha mẹ qua đời, để lại di chúc cho con cái, là sự phó chúc trọng yếu nhất, khẩn yếu nhất, lớn lao nhất. [Đức Phật] đem pháp môn này và kinh điển này truyền cho Di Lặc Bồ Tát, mong Di Lặc Bồ Tát sẽ hoằng dương phổ biến.

(Sao) Kim kinh bất ngôn, giai văn tỉnh cố.

(鈔)今經不言，皆文省故。

*(**Sao**: Kinh này chẳng nói [những điều ấy] đều là do kinh văn tỉnh lược).*

Trong kinh này, chẳng có đoạn văn ấy, nhưng ý nghĩa viên mãn, kinh văn tỉnh lược. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 285

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ bốn:

(Sớ) Hựu Đại Bổn cập Pháp Diệt kinh, giai ngôn pháp diệt chi nhật, độc lưu thử kinh. Cố tri thử kinh, tổng trì Mạt Pháp, như Hoa Nghiêm Luận trung thuyết.

(疏)又大本及法滅經，皆言法滅之日，獨留此經，故知此經，總持末法，如華嚴論中說。

*(**Sớ**: Lại nữa, Đại Bổn và kinh Pháp Diệt đều nói khi pháp diệt, riêng lưu lại kinh này. Vì thế biết kinh này tổng trì Mạt Pháp, như trong Hoa Nghiêm Luận đã nói).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Pháp Diệt Kinh còn gọi là Pháp Diệt Tận Kinh, phân lượng chẳng dài, nói rõ hiện tượng suy diệt của Phật pháp. Trong Pháp Diệt Tận Kinh, nói theo cách hiện thời, chính là đức Phật đã tiên đoán. Những lời tiên đoán có khi là do suy luận Toán Học, chẳng hạn như bộ Hoàng Cực Kinh[111] xa xưa của Trung Hoa. Nói theo Phật pháp, điều này thuộc loại Tỷ Lượng (比量)[112], tánh chánh xác của nó chẳng thể đạt tới một trăm phần trăm. Đương nhiên là cũng có độ tin cậy kha khá, nhưng chẳng phải là tuyệt đối. Chỉ riêng lời tiên đoán của đức Phật chắc chắn là chánh xác, vì đức Phật dùng Hiện Lượng (現量) để quan sát. Đức Phật là ngũ nhãn viên minh, quá khứ, hiện tại, tương lai, Ngài đều đích thân trông thấy, chẳng phải là suy đoán. Trong Pháp Diệt Kinh, đức Phật nói kinh Lăng Nghiêm diệt đầu tiên, kinh diệt cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. *"Pháp diệt chi nhật, độc lưu thử kinh"* (Khi pháp diệt hết, riêng lưu lại kinh này), *"thử kinh"* (kinh này) chính là kinh Vô Lượng Thọ. Vào lúc pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn ở trong thế gian này một trăm năm. Sau một trăm năm ấy, Phật pháp hoàn toàn diệt mất.

Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt

---

[111] Hoàng Cực Kinh có tên gọi đầy đủ là Hoàng Cực Kinh Thế Thư do Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết) viết vào đời Tống. Nội dung bao gồm những tiên đoán suy diễn dựa theo Dịch Số, nhất là do chiêm nghiệm Hà Đồ Lạc Thư, đồng thời trình bày những quan điểm triết học, xã hội được diễn giải theo Dịch Lý của chính Thiệu Ung. Ông quan niệm các diễn biến lịch sử sẽ xảy theo chu kỳ và đề ra khái niệm *"nguyên, hội, vận, thế"*, cứ hết một Nguyên lịch sử sẽ tái diễn. Theo đó, cứ ba mươi năm là một Thế, mười hai Thế là một Vận, ba mươi Vận là một Hội, mười hai Hội là một Nguyên. Như vậy một Nguyên là 12x30x12x30=129.600 năm. Cũng từ khái niệm này, Đạo giáo diễn dịch thành các khái niệm Thượng Nguyên, Trung Nguyên, Hạ Nguyên, rồi dẫn đến khái niệm Hạ Nguyên Mạt Thế, thế giới tận diệt trong các giáo phái Bạch Liên Giáo, Trai Giáo, Minh Lý, Minh Sư, hoặc Nhất Quán Đạo sau này.

[112] Tỷ Lượng là sự nhận biết, phán đoán các hiện tượng dựa trên sự hiểu biết, kiến thức tích lũy của chính mình.

Pháp một vạn năm. Thật ra, Phật pháp há có *"vận"* để nói ư? *"Vận"* hoàn toàn là do chúng sanh. Nếu chúng sanh ai nấy đều có thể tu đức, tích thiện, hảo vận bèn lâu dài. Mọi người đều chẳng biết tu thiện, tạo nhiều ác nghiệp, kiếp vận tốt đẹp bèn ngắn ngủi, [tức là] thời gian tốt đẹp bèn ngắn ngủi. Vì thế, [thời gian tồn tại của] Phật pháp là nói theo phía chúng sanh, chẳng phải là nói theo phía Phật hay nói theo pháp.

Câu kế tiếp mới là trung tâm của tiểu đoạn này. *"Cố tri thử kinh, tổng trì Mạt Pháp"* (Vì thế, biết kinh này tổng trì thời Mạt Pháp), câu này hết sức trọng yếu. Mạt Pháp [kéo dài] một vạn năm. Trong một vạn năm ấy, hết thảy chúng sanh nếu muốn *"đương sanh thành tựu"*, [nghĩa là thành tựu] ngay trong một đời này, nói *"thành tựu"* chính là quyết định vượt thoát lục đạo luân hồi. Đó là thành tựu nhỏ bé. Nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo, sẽ không kể là thành tựu. Viên mãn thành Phật là đại thành tựu. Trong pháp môn này, có thể nói là hai thứ thành tựu ấy đều đạt tới rốt ráo viên mãn. Do vậy, thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta gặp gỡ kinh này mà có thể tin, nhận, phụng hành, sẽ là bậc đương cơ trong thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn. Chuyện này đáng khiến cho chính mình vui mừng, hân hạnh!

(Sao) Đại Bổn vân: "Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi, đặc lưu thử kinh bách tuế, chúng sanh đắc ngộ, vô bất đắc độ".

(鈔)大本云：當來之世，經道滅盡，我以慈悲，特留此經百歲，眾生得遇，無不得度。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn nói: "Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm, chúng sanh được gặp gỡ, không ai chẳng đắc độ").*

"Đương lai chi thế": Kể từ sau khi đức Thế Tôn diệt độ đều gọi *"đương lai chi thế"*. *"Kinh đạo diệt tận"* là nói tới lúc pháp vận kết thúc sau khi đức Phật đã diệt độ, cũng có nghĩa là đúng một vạn hai ngàn năm sau ngày đức Phật diệt độ. [Kể từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại mới hơn ba ngàn năm. Do vậy, pháp vận của đức Phật hãy còn chín ngàn năm nữa.

"Kinh đạo diệt tận", *"kinh"* (經) là kinh điển, trong thế gian này chẳng còn kinh điển nữa, *"đạo"* (道) là người tu hành, [khi ấy], chẳng có người tu đạo. Đó là *"diệt tận"*, và con người khổ sở chẳng thể diễn tả được!

Chư vị phải hiểu: Phật pháp là quang minh của hết thảy chúng sanh. Kinh Phật thường dùng đèn sáng để tỷ dụ. Một tia sáng trong chốn tối tăm là nói tới Phật pháp, nhất là Phật pháp trong Tịnh Độ Tông, thật sự hết sức đáng quý, hết sức khó có. Trong khi kinh đạo diệt tận, do bi nguyện của đức Phật, do Phật lực gia trì chúng sanh, khiến cho bộ kinh này vẫn có thể tồn tại thêm một trăm năm nữa. Trong khi ấy, nếu chúng sanh gặp kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà, nghe Phật hiệu A Di Đà Phật, *"vô bất đắc độ"* (chẳng ai không đắc độ). Trong Đại Kinh có nói cặn kẽ, khi gặp gỡ nhân duyên này, nếu chúng ta nhất tâm nhất ý cầu nguyện vãng sanh, quyết định được Phật tiếp dẫn. Nếu nguyện cầu phước báo trong đường trời, người, đương nhiên là cũng có thể được như nguyện. Vì thế, không ai chẳng đắc độ.

(Sao) Nhược hữu chúng sanh, ư thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, vị nhân diễn thuyết, lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền, kinh tu du gian, tức sanh bỉ sát.

(鈔)若有眾生，於此經典，書寫供養，受持讀誦，為人演說，臨命終時，佛與聖眾，現其人前，經須臾間，即生彼剎。

*(**Sao**: Nếu có chúng sanh, đối với kinh điển này, biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, khi lâm chung, Phật và thánh chúng hiện trước người ấy, trong khoảnh khắc, liền sanh sang cõi kia).*

Đoạn này cũng là kinh văn [trong kinh Vô Lượng Thọ]. Đoạn kinh văn này rất trọng yếu. Khá nhiều đồng tu thường đến hỏi: "Chúng tôi phải tu học như thế nào thì trong tương lai mới nắm chắc vãng sanh?" Ở chỗ này, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Chỉ cần chúng ta y giáo phụng hành, quyết định được vãng sanh. Mấy chuyện được nói ở đây chính là những gì [chúng ta cần phải] tu tập trong cuộc sống hằng ngày:

1) *"Ư thử kinh điển"* (Đối với kinh điển này): Câu này khẩn yếu, dạy chúng ta chuyên tu, [tức là] chuyên tu kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng bộ. Vì thế, Liên Trì đại sư [gọi hai kinh ấy] là Đại Bổn và Tiểu Bổn. Kinh Vô Lượng Thọ nói tỉ mỉ, kinh Di Đà nói đơn giản, ngắn gọn. Chỉ là văn tự có dài hay ngắn, cách nói có chi tiết hay đại lược, chứ nội dung hoàn

toàn như nhau. Đây là dạy chúng ta chuyên tu, dụng công chuyên nhất nơi một bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ đương nhiên là thuận tiện; nói thật ra, kinh Di Đà quá giản lược. Kẻ sơ học thường chẳng thấy được nghĩa lý thâm diệu trong bộ kinh [Di Đà] này. Cho đến khi Liên Trì đại sư viết Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư viết Yếu Giải, chúng ta mới biết kinh Di Đà có nội dung hết sức phong phú. Đọc bộ Sớ Sao này, kèm thêm Diễn Nghĩa, nói thật ra, [mới biết nội dung của kinh này] trọn chẳng kém Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Thật sự là quá thù thắng! Chúng ta nhất tâm nhất ý suốt một đời này, học một bộ kinh điển, quyết định thành công. Học một bộ kinh điển, thưa cùng chư vị, tốt đẹp ở chỗ nào? Tam Học Giới, Định, Huệ quý vị thảy đều trọn đủ. Giới học: Trì giới là vâng giữ pháp tắc, giữ gìn quy củ. Đức Phật rát lòng buốt miệng khuyên bảo, chỉ dạy chúng ta, nói *"ư thử kinh điển"*, chúng ta thật sự tiếp nhận, hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành. Đó là trì giới, là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ lời dạy bảo của đức Phật. Chuyên học một bộ kinh, cái tâm đã định, bèn có Định học. Chúng ta học quá nhiều, quá tạp, rất khó đạt được tâm thanh tịnh. Pháp môn này và kinh điển này được hết thảy chư Phật tán thán, hết thảy chư Phật hoằng dương, hết thảy Bồ Tát lưu truyền. Chúng ta cũng có thể chọn lựa pháp môn này, đó là trí huệ cao độ, tuyệt đối chẳng phải là trí huệ nhỏ bé. Vì thế, quý vị quyết định chọn lựa kinh điển này và pháp môn này, đó chính là Tam Học Giới, Định, Huệ thảy đều trọn đủ.

2) Sau khi đã chọn lựa chắc chắn; ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta mấy cương lãnh tu học. Điều thứ nhất là *"thư tả, cúng dường"* (biên chép, cúng dường). Chúng ta thấy bốn chữ ấy, liền biết pháp môn này là Đại Thừa, chứ Tiểu Thừa chẳng có khí thế to tát ấy. *"Thư tả"* (書寫) là lưu thông bộ kinh điển này. Thời kỳ Mạt Pháp lâu dài, từ nay trở về sau, hãy còn có thời gian chín ngàn năm nữa. Trong chín ngàn năm ấy, chúng sanh đều phải cậy vào pháp môn này để đắc độ. Nếu pháp môn này chẳng thể phổ biến, hoằng dương, thì nói cách khác, hết thảy chúng sanh thành tựu hoặc đắc độ trong một đời sẽ hết sức khó khăn! Có thể nói là chẳng có gì để hy vọng! Do vậy, *"thư tả"* hết sức trọng yếu. Thời cổ, để lưu thông kinh điển, phải cậy vào chép tay. Nay chúng ta ấn loát kinh điển để lưu thông, bèn có ý nghĩa *"thư tả"*. Lưu thông càng nhiều càng hay. Tu học Phật pháp, mọi người đều biết: Phải tu phước, tu huệ. Phước huệ song tu, chẳng thể lệch vào một bên. Tuy chúng ta niệm Phật rất tốt đẹp, mà nếu chẳng có phước báo, khi lâm chung còn bị đau bệnh, sẽ tạo

thành chướng ngại cho sự vãng sanh. Tu phước thì loại phước báo nào là chân thật, đáng tin cậy? Ở đây, đức Phật dạy chúng ta biên chép, cúng dường. Tiếp đó, còn có câu nữa là *"vị nhân diễn thuyết"* (vì người khác diễn nói). Hai câu này đều dạy chúng ta tu phước báo chân thật. *"Thọ trì, độc tụng"* (Thọ trì, đọc, tụng) là tu Huệ. Phước huệ song tu! Do đó, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực hoằng truyền bộ kinh điển này, tận tâm tận lực thực hiện, giới thiệu với hết thảy mọi người, đề cao, quảng bá pháp môn này cùng đại chúng. Đó là *"thư tả, cúng dường"*. Chúng ta giới thiệu, ban tặng kinh điển, pháp môn cho người khác, đấy là Tài Bố Thí, mà cũng thuộc về Pháp Bố Thí. Nếu đối phương tiếp nhận, sanh tâm hoan hỷ, y giáo phụng hành, chẳng sợ hãi sanh tử, sẽ là Vô Úy Bố Thí. Do vậy, *"thư tả, cúng dường"* thì ba thứ bố thí thảy đều trọn đủ.

3) Trong nguyện Quảng Tu Cúng Dường của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm có nói: *"Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối"* (Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng). Vì ba loại cúng dường thí tài, thí pháp, thí vô úy, chẳng có cách nào đạt tới viên mãn, tùy thuộc phước đức và nhân duyên của chính mình, tùy thuộc cơ duyên của chúng sanh, chẳng thể đạt đến viên mãn. Pháp cúng dường của Phổ Hiền Bồ Tát là viên mãn. Kinh nêu lên bảy thí dụ. Thứ nhất là *"như thuyết tu hành cúng dường"* (dùng sự tu hành đúng theo lời dạy để cúng dường), tức là y giáo phụng hành. Đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta bèn nghiêm túc nỗ lực thực hiện [đúng như thế ấy]. Những gì đức Phật dạy chúng ta chớ nên làm, chúng ta bèn quyết định chớ nên làm! Hết thảy đều có thể vâng theo giáo huấn của đức Phật, đấy là cúng dường chân chánh. Điều này hết sức quan trọng. Nói cách khác, nhất định phải biến giáo huấn của đức Phật thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta thì mới đạt được thọ dụng chân thật nơi Phật pháp. Nhất là trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói khá nhiều, nói cặn kẽ, chúng ta thọ dụng cả đời chẳng hết. Tuy kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, vẫn trọn đủ Tam Học Giới, Định, Huệ. Trong bản hội tập của Hạ lão cư sĩ, từ phẩm ba mươi hai cho đến phẩm ba mươi bảy thuộc về Giới Học. Thật sự có thể làm được [những điều Phật dạy trong các phẩm ấy] thì chính là trì giới niệm Phật. Vì lẽ đó, chúng tôi dùng đoạn kinh ấy để làm khóa tụng hằng ngày. Buổi sáng niệm bốn mươi tám nguyện, buổi tối niệm đoạn giới luật này. Nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh: Có phải là những gì đức Phật đã nói chúng ta đều làm được hay không? Đó là tu hành. Tu hành tuyệt đối chẳng phải là mỗi ngày niệm

mấy bộ kinh. Niệm mấy bộ kinh vô dụng! Miệng có, tâm không! Đọc kinh phải hiểu ý nghĩa, phải vâng theo giáo huấn trong kinh điển để sửa đổi hành vi của chúng ta, như vậy thì sẽ đạt được lợi ích thật sự. Điều này hết sức trọng yếu. Chúng ta cúng dường Tam Bảo, cúng dường chúng sanh, cúng dường tự tánh. Đó là nói đến pháp cúng dường.

4) *"Thọ trì độc tụng", "thọ"* (受) là hoàn toàn tiếp nhận. Những lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói, đã dạy, chúng ta thảy đều tiếp nhận. *"Trì"* (持) là gìn giữ. Trọn hết thọ mạng y giáo phụng hành thì gọi là *"bảo trì". "Độc tụng"* (Đọc tụng), nói thật ra là thân cận Phật, Bồ Tát. Ta đọc tụng hằng ngày, tức là hằng ngày ở cùng một chỗ với Phật, Bồ Tát. *"Độc"* (讀): Đối trước kinh bổn [để đọc] thì gọi là Độc, *"tụng"* (誦) là đọc thuộc lòng. Niệm rất thuộc, chẳng cần kinh bổn, vẫn có thể niệm chẳng sai một chữ nào [thì gọi là Tụng]. Đọc tụng là tu hành. Nếu quý vị biết dụng tâm, công đức [đọc tụng] sẽ là vô lượng vô biên. Kẻ mới học dùng phương pháp đọc tụng để tu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là tâm thanh tịnh. Niệm kinh thì phải thật thà niệm. Niệm bộ kinh này từ đầu đến cuối, chớ nên niệm quá nhanh, chớ nên chạy đua với thời gian, mà cũng chớ nên niệm quá chậm. Niệm từng chữ phân minh, từng câu rõ ràng. Miệng niệm ra tiếng, nghe lọt vào tai. Dùng phương pháp này để đọc kinh. Đọc kinh nhằm nhiếp tâm. Đại Thế Chí Bồ Tát nói *"nhiếp trọn sáu căn"*, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để nhiếp trọn sáu căn. Khi đọc, chớ nên mong hiểu nghĩa, chớ nên suy tưởng ý nghĩa trong kinh, chớ nên nghiên cứu, chớ nên phân biệt kinh. Khi đọc kinh bèn chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm; đọc kinh như vậy là tu Định. Đọc rành mạch, rõ ràng, chính là tu Huệ. Huệ ấy chính là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã nói *"Bát Nhã vô tri"*, vô tri là Căn Bản Trí, tu thứ này. Vì thế, [đọc kinh] là hoàn thành Giới, Định, Huệ một lượt. Nếu chúng ta đọc một tiếng đồng hồ, cung kính niệm một tiếng đồng hồ, tức là tu Giới, Định, Huệ một tiếng đồng hồ. Đó là thật sự tu hành. Chớ nên coi [đọc kinh] như đọc sách thế gian, [nếu giống như đọc sách thế gian] thì sai mất rồi, quý vị chẳng có Tam Học. Đấy là cách đọc của kẻ sơ học. Đọc đến khi chính mình đã rất quen thuộc, có thể đọc thuộc lòng, cái tâm nhất định sẽ đạt đến mức độ thanh tịnh kha khá. Đọc nhiều, đọc hằng ngày, tu tâm thanh tịnh hằng ngày. Đừng nói là [phải tu] nhiều thời gian, mỗi ngày có thể tu một tiếng đồng hồ là đã hết sức khó có. Tu hằng ngày, tu dăm ba năm, tâm tình đều định. Tới khi ấy, sự đọc tụng của chúng ta bèn tiến nhập giai đoạn thứ hai. Khi đọc trong giai đoạn thứ hai sẽ chẳng giống như

đọc tụng trong giai đoạn trước. Đọc trong giai đoạn trước nhằm tu Giới, Định, Huệ, tu Căn Bản Trí. Sau khi đã có Căn Bản Trí, ta vẫn đọc tụng, đọc tụng nhằm tu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là gì? Không gì chẳng biết. Cách tu như thế nào? Cổ đại đức dạy chúng ta, *"tùy văn nhập quán"*, [nghĩa là] khiến cho thân tâm của chính chúng ta hoàn toàn kết hợp với cảnh giới trong kinh văn, hoàn toàn hòa quyện thành cảnh giới trong kinh. Như thế là đã cao, biến thành gì? Kinh là chính mình, chính mình biến thành kinh Vô Lượng Thọ. Chư vị ngẫm xem, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Ví như chúng tôi nêu thí dụ: Đối với bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện biến thành bổn nguyện của chính mình, chẳng phải là bổn nguyện của A Di Đà Phật nữa! Nay chúng ta niệm là niệm bổn nguyện của A Di Đà Phật, chẳng phải là bổn nguyện của chúng ta! Sau khi niệm đã lâu, [nguyện ấy] cũng từ trong tự tâm phát xuất, hoàn toàn có cùng nguyện, cùng giải, cùng hạnh như đức Phật đã phát, khiến cho tâm nguyện giải hạnh của ta và A Di Đà Phật hoàn toàn tương đồng. Nói cách khác, khi ấy, chính mình thật sự là hóa thân của A Di Đà Phật, chẳng hai, chẳng khác A Di Đà Phật. Đó là phương pháp đọc tụng thứ hai; nhưng chư vị phải hiểu: [Đọc tụng] có thứ tự. Nhất định là cầu Căn Bản Trí trước đã; sau đấy, mới có thể đạt được Hậu Đắc Trí. Chẳng có cơ sở Căn Bản Trí, tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng chân thành, bất bình đẳng, chẳng từ bi, sẽ chẳng có cách nào tiến nhập giai đoạn thứ hai! Vì thế, đọc tụng hết sức trọng yếu. Đọc tụng là tu hành.

5) *"Vị nhân diễn thuyết"* (Vì người khác diễn nói): Chúng ta hồi hướng, thường niệm *"thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"* (trên đền bốn ân trọng, dưới cứu khổ ba đường). Đối với chuyện này, cũng chớ nên hằng ngày nói suông. Nói suông quá nhiều mà chính mình cũng phải thẹn thùng! Như thế nào thì mới có thể thực hiện được? Phải vì người khác diễn nói. *"Diễn nói"* không nhất định là phải giảng một bộ kinh. Giảng một bộ kinh từ đầu đến cuối cho người khác nghe phải tùy thuộc duyên phận. Như trong kinh Kim Cang nói *"vì người khác nói bốn câu kệ"*, công đức ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối, gặp gỡ những ai, bất luận là gặp người nào, đều có thể khuyên họ niệm Phật, đều nói với họ mấy câu Phật pháp, những câu Phật pháp ấy tuyệt đối chẳng lìa khỏi kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh Di Đà thì là đúng, hoàn toàn tương ứng. Vì sao chỉ nói bộ kinh này, chẳng nói những kinh khác? Chư vị phải biết: Nếu chẳng nói kinh này, mà nói những kinh điển khác, quý vị có lỗi với chúng sanh. Nay

chúng ta đã hiểu rõ: "Chỉ có bộ kinh này thì mới có thể đắc độ trong một đời này. [Tu học] những kinh khác, chẳng thể đắc độ ngay trong một đời!" Chỉ riêng bộ kinh này là có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đắc độ ngay trong một đời. Chỗ thù thắng của kinh này là *"đới nghiệp vãng sanh"*, cho nên kinh này hữu ích nhất đối với chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Chúng ta không giới thiệu kinh điển này, mà giới thiệu những kinh điển khác, há có thể nào chẳng có lỗi với người ta ư? Trừ phi bản thân chúng ta chẳng biết thì chẳng thể trách móc được; chứ chính mình đã biết thứ tốt đẹp nhất, mà chẳng giới thiệu với người khác, giới thiệu với họ thứ kém hơn, [tức là] hy vọng ta thành tựu, các ngươi chẳng cần thành tựu! Đó là keo tiếc pháp, ôm tấm lòng không tốt. Vì thế, nhất định phải vì người khác diễn nói pháp môn bậc nhất.

Kinh dạy năm loại cương lãnh tu hành cụ thể: *"Thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, vị nhân diễn thuyết"* (Biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói). Các đồng tu Tịnh Độ chúng ta phải coi năm chuyện ấy là công việc trọng yếu nhất trong cả một đời, những công việc khác đều là kèm thêm! Thậm chí, sự nghiệp làm ăn kiếm sống cũng là chuyện kèm theo, năm thứ ấy mới là chuyện chánh yếu của chúng ta. Đó là đúng. *"Lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền, kinh tu du gian, tức sanh bỉ quốc"* (Khi lâm chung, Phật và thánh chúng hiện trước người ấy, trong khoảnh khắc, liền sanh về cõi ấy), mấy câu này chính là lời bảo đảm của đức Phật. Đó là giấy bảo đảm. Chỉ cần quý vị thực hiện năm chuyện trước đó, quý vị chẳng cần phải hoài nghi, cũng chẳng cần phải hỏi han, khi lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn. *"Tu du"* (須臾: khoảnh khắc) là hết sức nhanh chóng. Tuy thế giới Tây Phương cách chúng ta mười vạn ức cõi nước, chỉ trong một cái khảy ngón tay là đã đến nơi. Đại Kinh dạy như vậy đó!

(Sao) Pháp Diệt Kinh vân: "Nhĩ thời, Thủ Lăng Nghiêm kinh tiên diệt, dĩ thứ chư kinh, tất giai diệt tận, độc lưu Vô Lượng Thọ kinh, độ chư chúng sanh".

(鈔)法滅經云：爾時首楞嚴經先滅，以次諸經，悉皆滅盡，獨留無量壽經，度諸眾生。

*(**Sao**: Kinh Pháp Diệt Tận nói: "Khi ấy, kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước hết, sau đó đến các kinh khác thảy đều diệt hết, riêng lưu lại kinh Vô Lượng Thọ để độ các chúng sanh").*

Đây là một đoạn kinh văn trong kinh Pháp Diệt Tận, có ý nghĩa gần giống như kinh Đại Bổn.

(Sao) Hoa Nghiêm Luận vân: "Chánh pháp diệt thời, dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vi giáo lý lưu chuyển chi nhân".

(Diễn) Dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vi giáo lý lưu chuyển chi nhân giả, thử đồng Dịch quái chi Càn nguyên nghĩa dã. Cái thế gian xuất thế gian, sơ vô nhị lý. Thế gian pháp, tắc thỉ tự Càn nguyên tư thỉ, Trinh đức thâu tàng, vi tương lai phát dục chi cơ. Xuất thế gian pháp, tắc thỉ tự Hoa Nghiêm sơ đàm, chung chí Di Đà hậu diệt, vi hậu kiếp lưu truyền chi bổn. Phi Càn trinh, tắc thế gian chi sanh cơ tận diệt. Phi Di Đà, tắc xuất thế chi huệ mạng giai tàn. Tắc thử kinh, thử lý, vi chư Phật tương truyền huệ mạng, vi chúng sanh xuất thế chi bổn nguyên, kỳ quan hệ khởi tiểu nhân duyên da?

(鈔)華嚴論云：正法滅時，以總持持餘尊法，為教理流轉之因。

(演)以總持持餘尊法。為教理流轉之因者。此同易卦之乾元義也。蓋世間出世間。初無二理。世間法。則始自乾元資始。貞德收藏。為將來發育之機。出世間法。則始自華嚴初談。終至彌陀後滅。為後劫流傳之本。非乾貞則世間之生機盡滅。非彌陀則出世之慧命皆殘。則此經此理。為諸佛相傳慧命。為眾生出世之本源。其關係豈小因緣耶。

*(**Sao**: Hoa Nghiêm Luận nói: "Khi chánh pháp diệt, do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển".*

***Diễn**: "Do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển": Điều này giống như ý nghĩa Nguyên của quẻ Càn trong kinh Dịch[113]. Ấy là vì*

[113] Để giải thích quẻ Thuần Càn (純乾), phần Quái Từ của kinh Dịch đã dùng bốn chữ *"nguyên, hanh, lợi, trinh"* để hình dung. Theo Khổng Dĩnh Đạt, Nguyên (元) nghĩa là khởi đầu, Hanh (亨) là thông suốt, Lợi (利) là hòa hợp, Trinh (貞) là ngay thẳng, bền vững. Nói rộng hơn, phẩm đức của Càn là có tánh chất Thuần Dương, tự nhiên có thể dùng dương khí sanh khởi vạn vật, nó thông suốt, khiến cho vạn vật hài

pháp thế gian và xuất thế gian, thoạt đầu chẳng phải là hai lý. Pháp thế gian thì khởi đầu từ [đức tánh] Nguyên của Càn giúp sức phát khởi, đức Trinh [có tánh chất] thâu tàng, tạo thành động lực sanh trưởng trong tương lai. Pháp xuất thế gian thì bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên, đến cuối là kinh Di Đà diệt sau cùng, đó là cái gốc để lưu truyền cho đời sau. Chẳng do đức Trinh của quẻ Càn thì động lực sanh thành trong thế gian bị tận diệt. Chẳng do Phật Di Đà thì huệ mạng xuất thế đều mất. Vì thế, kinh này, lý này chính là huệ mạng được chư Phật truyền thừa, là cội nguồn để chúng sanh xuất thế. Mối quan hệ ấy há có phải là nhân duyên nhỏ nhặt ư?)

Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật trong thế gian này, bộ kinh được Ngài giảng đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm là lúc đức Phật mới thành đạo, ngồi dưới cội Bồ Đề, nói trong Định. Tiểu Thừa chẳng thừa nhận Đại Thừa Phật pháp, đức Phật giảng trong Định, ai biết? Kẻ bình phàm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tĩnh tọa dưới cội cây, ngồi đó một mình, chẳng biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định, còn có vô lượng vô số Bồ Tát vây quanh nghe pháp, phàm phu cũng chẳng thấy một vị nào! [Do đó], người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, bảo: *"Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói"*. Hàng Tiểu Thừa hoàn toàn nói theo sự tướng.

Kinh Hoa Nghiêm là đức Phật đã đem cảnh giới do Ngài đích thân chứng đắc nói ra, thật sự là đại cương của toàn thể Phật pháp. Nói theo cách hiện thời, sẽ là *"Phật học khái luận"*. Hết thảy các kinh được nói trong bốn mươi chín năm sau đó đều chẳng thể vượt ra ngoài phạm vi của Hoa Nghiêm. Trong Đại Thừa Phật pháp, Hoa Nghiêm được tôn xưng là *"căn bản pháp luân"*, [nghĩa là] hết thảy các kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây to: Hoa Nghiêm là cội rễ, thân chánh, hết thảy các kinh khác là cành, lá, hoa, quả, đều từ căn bản ấy sanh ra. Nhưng Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"* thì Hoa Nghiêm mới viên mãn. Vì thế, kết thúc chung cục của Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm được viên mãn nơi thế giới Tây Phương. Chúng ta dùng hình ảnh thu nhỏ này để nhìn toàn thể Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, [sẽ thấy pháp vận] một vạn hai ngàn năm xác thực là khởi đầu từ Hoa Nghiêm cho đến cuối

---

hòa (được diễn tả bằng chữ Lợi), lại có thể khiến cho vạn vật sanh trưởng đúng lẽ (Hanh), tồn tại bền vững (Trinh).

cùng khi pháp diệt hết. Trong một trăm năm cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ chính là hình ảnh thu gọn của Hoa Nghiêm. Do kinh Hoa Nghiêm tổng trì hết thảy Phật pháp, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ cũng tổng trì hết thảy Phật pháp.

Vào đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: *"Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bổn Hoa Nghiêm. Bát Thập Hoa Nghiêm chính là Đại Bổn. Kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm"*. Hai bộ kinh này quán triệt tổng trì từ đầu đến cuối hết thảy các pháp môn. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, hoàn toàn do kinh Vô Lượng Thọ tổng trì. Ý nghĩa trong ấy hết sức sâu rộng, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu, tham cứu; sau đấy, quý vị mới có thể tin tưởng, mới có thể khẳng định, sẽ đạt được công đức và lợi ích to lớn, mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

(Sao) Kim vị chư kinh tất diệt, thử kinh độc tồn, niệm Phật nhất môn, quảng độ quần phẩm, tắc chư kinh dĩ diệt nhi bất diệt, tức thị dĩ nhất tồn dư, lưu chuyển vô tận, chánh Tổng Trì chi vị dã.

(鈔)今謂諸經悉滅，此經獨存，念佛一門，廣度群品，則諸經已滅而不滅，即是以一存餘，流轉無盡，正總持之謂也。

*(**Sao**: Nay nói các kinh đều diệt, riêng kinh này hãy còn. Pháp môn Niệm Phật rộng độ các phẩm, cho nên các kinh đã diệt mà chẳng diệt, tức là do còn sót lại một kinh lưu chuyển vô tận, nên gọi đó là Tổng Trì vậy).*

Ở đây, ý nghĩa *"Tổng Trì"* đã được hiển thị hết sức rõ ràng cho chúng ta thấy. Kinh Hoa Nghiêm thường nói: *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*, rốt cuộc *"một"* là nói đến điều gì? *"Một"* chẳng phải là chuyên nhất (một điều gì đó hoặc một pháp nào đó chuyên biệt). Nếu chuyên nhất thì chẳng viên dung, chẳng phải là pháp giới *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"* của Hoa Nghiêm. *"Một"* là bất cứ pháp nào, pháp nào cũng đều có thể tổng trì hết thảy các pháp. Đấy mới là nghĩa thú chân chánh của Hoa Nghiêm. Ở đây, dường như là tổ sư chuyên chỉ kinh Vô Lượng Thọ, chẳng phải là bất cứ một pháp nào, chuyện này lại nên nói như thế nào đây? Chính là vì khế cơ. Nói theo Lý, tám vạn bốn ngàn pháp môn, do bất cứ pháp môn nào cũng đều có thể thành đạo quả vô thượng. Bởi lẽ, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, *"bất cứ một pháp nào"* chính là nói theo Lý. *"Chuyên nhất"* là nói theo Sự. Xét theo

Sự, căn tánh của chúng sanh khác nhau, đặc biệt là đại đa số chúng sanh đều là hạng phàm phu sát đất, nghiệp chướng sâu nặng. Đối với họ, khá nhiều pháp môn rất khó khăn, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ bản thân họ có nghiệp chướng.

Hằng ngày, chúng ta niệm bài kệ hồi hướng: *"Nguyện tiêu tam chướng chư phiền não"* (Nguyện tiêu các phiền não thuộc về Tam Chướng). Chỉ là nguyện, có thể tiêu được hay không? Chẳng tiêu được chút nào! Không chỉ là chẳng tiêu, mà Tam Chướng hằng ngày còn tăng trưởng! Tam Chướng là mê hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, [nói gọn lại sẽ là] Hoặc, Nghiệp, Khổ, sự thật ấy bày ra trước mặt chúng ta. Nay tuy gặp gỡ pháp môn vô thượng, pháp môn bậc nhất, tức là pháp môn Niệm Phật, nhưng vừa niệm A Di Đà Phật, vừa dấy vọng tưởng, quý vị mới biết khó khăn lắm thay! Khó hay dễ tuyệt đối chẳng phải là nói theo phía pháp môn, mà là nói theo căn tánh của chúng sanh. Vì chúng sanh nghiệp chướng tập khí hết sức sâu nặng, nhất định phải tìm một pháp môn vừa dễ dàng, vừa ổn thỏa, lại [thành tựu] rất nhanh chóng, thì mới có thể thích hợp với những kẻ nghiệp chướng tập khí sâu nặng trong hiện thời. Nếu chẳng phải là một pháp môn như vậy, hết thảy bọn chúng sanh chúng ta mong đắc độ trong một đời, khó lắm! Trong điều kiện ấy, đức Thế Tôn và chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đều chỉ điểm pháp môn này là thích hợp. Do đó, đức Phật chẳng lưu lại kinh điển nào khác, chỉ lưu lại kinh Vô Lượng Thọ. Xét theo thần lực của đức Phật, pháp của ta đã diệt hết, ta riêng lưu lại kinh Lăng Nghiêm một trăm năm có được hay không? Đương nhiên là có thể, đức Phật xác thực là có năng lực ấy, nhưng đối với chúng sanh, kinh ấy quá khó khăn, chẳng thích hợp. Chúng ta phải hiểu đạo lý này: Đức Phật riêng lưu lại kinh Vô Lượng Thọ, chẳng lưu lại những kinh khác là do *"ứng cơ thuyết pháp"*.

(Sao) Nhất thiết chúng sanh, ưng đương tôn trọng, cung kính, tín thọ, phụng hành, kinh sở tại xứ, như Phật kiến tại.

(鈔)一切眾生，應當尊重恭敬，信受奉行，經所在處，如佛見在。

*(**Sao**: Hết thảy chúng sanh, hãy nên tôn trọng, cung kính, tin nhận, phụng hành. Kinh ở chỗ nào, [chỗ đó] như có Phật hiện diện).*

Thời cổ, chữ Kiến (見) và Hiện (現) dùng lẫn cho nhau, [đều có nghĩa là] *"hiện tại"*. Nếu kinh điển được lưu thông nhiều, thì nói cách

khác, Vô Lượng Thọ Phật sẽ nhiều, mọi người sẽ có nhiều cơ hội gặp gỡ. Ai nấy đều có thể đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, ai nấy đều có thể tuân theo giáo huấn trong kinh để tu hành, có thể chuyển biến kiếp nạn, xã hội có thể an định. Nay chúng ta biết xã hội loạn lạc, không chỉ là Đài Loan loạn lạc, mà toàn thể thế giới đều loạn. Để có thể tiêu trừ hiện tượng này, giảm thấp kiếp vận, chỉ có cách đề xướng pháp môn này. Đầu đời Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh đã viết trong bộ Quán Kinh Trực Chỉ: *"Kiếp nạn trong thế gian, tất cả các kinh pháp đều chẳng thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một câu chân ngôn sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật này là có thể tiêu trừ hết thảy các kiếp nạn"*. Ngài nói kiểu này khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong Phật môn có kiểu nói: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*. Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Kinh chẳng tiêu nghiệp chướng được, chú cũng chẳng thể tiêu nghiệp chướng, Phật hiệu có thể tiêu! Vì thế, nhất định phải khuyên kẻ khác niệm Phật, nhất định phải nỗ lực làm cho hết thảy chúng sanh đều có cơ duyên tiếp xúc pháp môn Tịnh Tông, đều biết ưu điểm của pháp Niệm Phật, đều biết niệm Phật thì mới hòng tiêu tai miễn nạn.

Người hiện thời công việc bận rộn, thời đại càng về sau, do khoa học kỹ thuật phát triển lại càng bận bịu, há có thời gian niệm Phật? Chẳng niệm lại không được! Phải làm như thế nào để có thể đạt tới tiêu chuẩn *"tịnh niệm tiếp nối"*? Vì thế, hết sức khó khăn! Gần đây, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm, niệm chín lần mỗi ngày, hết sức thích hợp với thời đại này. Một ngày chín lượt công khóa, chẳng thể thiếu một khóa nào, mỗi lượt công khóa chỉ cần một phút, cho nên có thể làm được! Khi đi làm, nếu ngồi nơi bàn làm việc, còn chưa bắt đầu làm việc, trước hết, thân tâm hãy buông xuống hết thảy, chắp tay niệm mười câu A Di Đà Phật, một lần công khóa đã viên mãn. Niệm xong mười câu A Di Đà Phật rồi mới bắt đầu lo liệu công việc trong một ngày. Khi tan tầm, làm xong việc, dọn dẹp xong, lại chắp tay niệm mười câu A Di Đà Phật. Tôi dạy người ta sáng sớm thức dạy bèn niệm một lượt, khi ăn điểm tâm bèn niệm một lượt, buổi sáng vào làm việc và lúc nghỉ trưa bèn niệm một lượt. Khi ăn cơm buổi trưa niệm một lượt, buổi chiều vào làm tiếp và lúc tan tầm, mỗi lúc niệm một lượt, ăn cơm tối lại niệm một lượt nữa, buổi tối đi ngủ niệm một lượt nữa. Mỗi ngày chín lượt, mỗi lượt một phút, phương pháp này thực dụng, thích hợp cho người hiện thời tu hành. Lại còn hết sức có hiệu quả, vì trong một phút ấy, xác thực là *"tịnh niệm tiếp*

nối". Nếu thời gian niệm [trong mỗi lần công khóa khá] dài, chẳng tránh khỏi dấy vọng tưởng, tâm chẳng thanh tịnh. Do mười niệm ấy, nhiếp tâm dễ dàng, thời gian ngắn ngủi, *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*. Mười câu Phật hiệu nối tiếp nhau, xác thực là chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng, đúng là *"tịnh niệm tiếp nối"*. Sau hai ba giờ, lại niệm một lượt nữa. Mỗi ngày thật sự niệm chín lượt chẳng thiếu, ba tháng sẽ khác hẳn, quý vị sẽ cảm nhận được. Đây là một phương pháp đề ra cho người hiện thời. Nhất định phải tôn trọng, phải cung kính kinh giáo, phải tin nhận, phụng hành. Biết kinh điển ở chỗ nào, chỗ ấy chính là nơi Phật ngự. Giống như tôi vừa mới nói với mọi người hai phương pháp đọc tụng, một là để tu Căn Bản Trí, hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ một lượt. Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì quý vị. Cách kia để tu Hậu Đắc Trí, tâm và cảnh giao hòa, sự cảm ứng của chư Phật bèn hết sức rõ rệt.

(Sao) Vấn: Độc lưu thử kinh, thử kinh cái chỉ Đại Bổn.

(鈔)問：獨留此經，此經蓋指大本。

*(**Sao**: Hỏi: Riêng lưu lại kinh này, "kinh này" là nói tới Đại Bổn).*

"Riêng lưu lại kinh này", "*kinh này*" là kinh Vô Lượng Thọ, ăn nhằm gì tới kinh A Di Đà?

(Sao) Đáp: Tiền bất vân hồ, văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, tường ngôn chi tắc Đại Bổn, lược ngôn chi tắc kim kinh nhĩ, phi hữu nhị dã.

(鈔)答：前不云乎，文有繁簡，義無勝劣，詳言之則大本，略言之則今經耳，非有二也。

*(**Sao**: Đáp: Chẳng phải là trong những phần trước đã nói rồi đó sao? Kinh văn có rườm rà hay đơn giản, nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém. Nói tường tận thì là Đại Bổn, nói đại lược thì là kinh này, [ý nghĩa trong hai kinh] chẳng hề sai khác).*

Kinh Vô Lượng Thọ và bộ kinh này là cùng một bộ.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ nghĩa. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhi khứ nghĩa.

(Diễn) Tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ giả, nhược vân văn pháp nhi hỷ, lãnh pháp nhi thọ, thị vi ngoại tùy cảnh giới sở thiên, phi

chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh cụ hữu quá Hằng sa đẳng phiền não chi nghĩa, thị chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhi khứ nghĩa giả, nhược vân kiều cần nhi lễ, thoái tịch nhi khứ, thị vi vọng duyên phong lực nhi chuyển, phi chân tác lễ nhi khứ dã. Tự tánh vô trụ, liễu vô căn bản, thị chân tác lễ nhi khứ dã.

(疏)稱理，則自性無惱，是歡喜信受義；自性無住，是作禮而去義。

(演)自性無惱。是歡喜信受者。若云聞法而喜。領法而受。是為外隨境界所遷。非真歡喜信受也。自性具有過恒沙等煩惱之義。是真歡喜信受也。自性無住。是作禮而去義者。若云翹勤而禮。退席而去。是為妄緣風力而轉。非真作禮而去也。自性無住了無根本。是真作禮而去也。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh chẳng có phiền não là ý nghĩa "hoan hỷ tin nhận". Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa "làm lễ rời đi".*

***Diễn**: "Tự tánh chẳng có phiền não là ý nghĩa hoan hỷ, tin nhận": Nếu bảo nghe pháp vui mừng [là Hỷ], lãnh nhận là Thọ, tức là bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng phải là hoan hỷ tín thọ thật sự. Tự tánh có ý nghĩa trọn đủ các phiền não nhiều hơn số cát trong sông Hằng, đó là hồi hướng tín thọ thật sự. "Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa làm lễ, rời đi": Nếu bảo kính cẩn, trân trọng là Lễ, rời khỏi chỗ ngồi là Khứ, đó là bị xoay chuyển bởi sức gió vọng duyên, chẳng phải là "làm lễ, rời đi" thật sự. Tự tánh vô trụ, trọn chẳng có căn bản chính là "làm lễ, rời đi" thật sự).*

Cuối mỗi đoạn kinh văn, đại sư đều có một đoạn bàn luận xứng tánh, thể lệ này rất ít thấy trong các bản chú giải của cổ đức. Cuối bản chú giải, Ngài kèm thêm chú Vãng Sanh. Đó là Hiển Mật viên dung. Có [phần luận định] xứng tánh, tức là *"Tông Giáo viên dung, Tánh Tướng viên dung"*.

(Sao) Phiền não bổn tịch, hoan hỷ diệc không, tắc khổ độ thùy phi lạc độ.

(鈔)煩惱本寂，歡喜亦空，則苦土誰非樂土。

*(**Sao**: Phiền não vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng rỗng không, có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc).*

Chân Như bản tánh, chẳng lập một pháp. Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói rất hay: *"Vốn chẳng có một vật"*. Phiền não là một vật, hoan hỷ cũng là một vật, vốn chẳng có! Há có uế độ, há có lạc độ ư? Đây là nhìn từ chân tâm bản tánh.

(Sao) Lai thật vô lai, khứ diệc hà khứ, tắc vãng sanh tất cánh vô sanh.

(鈔)來實無來，去亦何去，則往生畢竟無生。

*(**Sao**: Đi thì thật sự chẳng đi, đến thì cũng chẳng đến nơi đâu, nên vãng sanh mà rốt cuộc vô sanh).*

Cổ nhân có [Tịnh Độ] Sanh Vô Sanh Luận, trong ấy có nói *"Sanh thì quyết định sanh, mà đi thì thật sự chẳng đi"*. Kẻ học Phật nông cạn, nghe những lời ấy bèn nẩy sanh khá nhiều nỗi nghi hoặc, ta có còn nên tu học pháp môn này hay chăng? Rốt cuộc trong tương lai có thể vãng sanh hay không? Nhất định phải hiểu rõ ràng. Trong ấy có Lý, có Sự; sau khi Lý và Sự đã viên dung, mới biết tâm tánh của chúng ta trọn khắp mười phương pháp giới. Uế độ của Phật Thích Ca là do tâm tánh của chúng ta biến hiện, Di Đà Tịnh Độ vẫn do tâm tánh của chúng ta biến hiện. Lìa khỏi tâm tánh này, ở đâu có Thích Ca? Ở đâu có Di Đà? Thảy đều ở trong một tự tánh, há có đến, đi? Há có tịnh, uế? Đều chẳng có. Nói theo tánh thể, thì là thanh tịnh, là như nhau, vạn pháp đều như một, chẳng có một pháp nào không Như. Nói theo sự tướng, nói theo tác dụng, bèn có sai biệt.

Chúng ta quyết định phải vãng sanh, nhất định phải lìa uế độ, giữ lấy Tịnh Độ. Biết Thể, sẽ giúp cho quý vị khai ngộ, có thể giúp quý vị lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước. Tốt đẹp ở chỗ này, tốc độ thành tựu viên mãn Bồ Đề mau chóng! Nếu chấp trước "nhất định là có tịnh, uế", chẳng biết tâm và cảnh như một, tự và tha bất nhị, hoàn toàn chấp trước nơi sự tướng, tu chứng sẽ rất khó khăn. Giống như năm mươi mốt tầng cấp Bồ Tát, hoặc Tứ Quả, Tứ Hướng của Tiểu Thừa là do chấp trước mà có, nếu lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, bèn thuộc vào Đốn Giáo, đốn siêu, chẳng vướng mắc nơi các tầng cấp.

(Sao) Dĩ thử vô sanh, sanh bỉ quốc độ, phi sanh bỉ độ, thật sanh hồ tự tâm dã. Nhiên hậu vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm, độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác, thị chân hoan hỷ, thị chân tín thọ, thị danh chân pháp tác lễ Như Lai.

(Diễn) Phiền não bổn tịch giả, thượng vân vô não thị hỷ nghĩa, thượng hữu hỷ tại. Hỷ phi lạc độ dã. Kim tắc phiền não bổn tịch, hoan hỷ diệc không, tắc khổ độ thùy phi lạc độ. Thượng vân vô trụ thị khứ nghĩa, thượng hữu khứ tại, khứ phi vãng sanh dã. Kim tắc lai thật vô lai, khứ diệc hà khứ, tắc vãng sanh tất cánh vô sanh. Dĩ hữu sanh, sanh bỉ độ giả, thị sanh bỉ độ, phi sanh tự tâm dã. Dĩ vô sanh, sanh bỉ độ giả, phi sanh bỉ độ, thật sanh tự tâm dã. Nhiên hậu vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm. Thử thượng bất phụ hoằng pháp chi chủ. Độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác. Thử hạ bất phụ thọ chúc chi nhân.

(鈔)以此無生，生彼國土，非生彼土，實生乎自心也。然後無問自說，世尊免付空談，獨任當機，身子不孤重託，是真歡喜，是真信受，是名真法作禮如來。

(演)煩惱本寂者。上云無惱是喜義。尚有喜在。喜非樂土也。今則煩惱本寂。歡喜亦空。則苦土誰非樂土。上云無住是去義。尚有去在。去非往生也。今則來實無來。去亦何去。則往生畢竟無生。以有生生彼土者。是生彼土。非生自心也。以無生生彼土者。非生彼土。實生自心也。然後無問自說。世尊免付空談。此上不負弘法之主。獨任當機身子不孤重託。此下不負受囑之人。

*(**Sao**: "Dùng vô sanh để sanh vào cõi nước ấy": Chẳng sanh vào cõi ấy, mà thật ra là sanh trong tự tâm. Sau đấy, chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nỗi [gặp cảnh] giao phó, bàn luận suông. Một mình gánh lấy trách nhiệm làm bậc đương cơ, ngài Xá Lợi Phất chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đó là chân hoan hỷ, chân tín thọ, chân pháp lễ kính Như Lai.*

***Diễn**: "Phiền não vốn vắng lặng": Trong phần trên có nói "vô não" là ý nghĩa của Hỷ, [tức là] vẫn còn có Hỷ, Hỷ thì chẳng phải là cõi vui sướng. Nay phiền não vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng là không, nên có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc? Trong phần trước có nói "vô trụ là Khứ", [tức là] vẫn có Khứ tồn tại, Khứ thì chẳng phải là vãng sanh. Nay thì thật sự chẳng đến, đi cũng chẳng về đâu, cho nên vãng sanh rốt ráo là vô sanh. Dùng "có sanh" để sanh vào cõi ấy, tức là sanh trong cõi ấy, chẳng sanh trong tự tâm! Dùng vô sanh để sanh vào cõi ấy thì chẳng phải là sanh trong cõi ấy, mà thật sự là sanh trong tự tâm. Sau đấy,*

chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nỗi gặp cảnh giao phó, bàn luận suông. Đó là trên thì chẳng cô phụ đấng hoằng pháp. Một mình gánh lấy trách nhiệm đương cơ, Thân Tử chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đấy là dưới thì chẳng cô phụ bậc nhận lãnh lời phó chúc).

Sách Diễn Nghĩa có chú giải mấy câu này, tuy văn tự dùng để chú giải không nhiều, nhưng ý nghĩa rất rõ ràng. Kinh này kể từ lúc khai kinh cho tới nay, những lời lẽ bàn luận xứng tánh đã được nói rất nhiều. Đối với đạo lý *"tự tánh duy tâm"*, dẫu chẳng hiểu rõ mười phần, cũng chẳng đến nỗi xa lạ. Đoạn này chính là đoạn khai thị cuối cùng [cho phần chánh kinh], *"sanh hồ tự tâm"* (sanh trong tự tâm) là *"tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*. Đấy là nói theo Lý. *"Nhiên hậu vô vấn tự thuyết"* (Sau đấy, chẳng có ai hỏi mà tự nói), chính là lòng từ bi triệt để, là lòng đại từ bi viên mãn trong tâm tánh tự nhiên lưu lộ, còn cần phải có người đến thưa hỏi hay chăng? Tự nhiên lưu lộ. Chúng ta cũng phải học theo đức Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng cần đợi người khác hỏi chúng ta, chúng ta sẽ chủ động giới thiệu A Di Đà Phật với họ. Người có trí huệ, có thiện căn, sẽ tự nhiên tiếp nhận.

"Đương cơ" là tôn giả Xá Lợi Phất. Chữ Xá Lợi Phất (Śāriputra) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Tử (身子). Ngài đại diện cho mọi người chúng ta. Trong kinh, đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, chính là gọi bậc đương cơ. Đối với pháp môn này và kinh điển này, chúng ta có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành, bản thân chúng ta là bậc đương cơ của bản kinh này. Chúng ta tôn ngài Xá Lợi Phất làm đại biểu, cho nên đức Phật gọi Ngài nhằm dạy chúng ta. Đó là *"chân hoan hỷ, chân tín thọ"*, đấy là *"tác lễ Như Lai"* chân chánh, là lễ kính đức Phật.

(Sao) Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, lánh cầu tự tánh, khả vị đương độ nhi vấn tân, đối đăng nhi mịch hỏa giả hỹ.

(Diễn) Tuy nhiên, Lý phi Sự ngoại, Tánh tức Tướng biên. Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, biệt cầu tự tánh, thị đương độ vấn tân, đối đăng mịch hỏa hỹ. Cố viết: "Bất thức bỉ quan tân, cách giang do vấn thiệp, tảo tri đăng thị hỏa, phạn thục dĩ đa thời".

(鈔)若其外極樂九蓮之土，別說唯心，捨彌陀萬德之

名，另求自性，可謂當渡而問津，對燈而覓火者矣。

(演)雖然。理非事外。性即相邊。若其外極樂九蓮之土。別說唯心。捨彌陀萬德之名。別求自性。是當渡問津。對燈覓火矣。故曰不識彼關津。隔江猶問涉。早知燈是火。飯熟已多時。

(***Sao***: *Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà riêng nói duy tâm, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh nào khác, có thể nói là đã vượt lên bờ mà còn hỏi bến, đối trước đèn mà tìm lửa vậy.*

Diễn: *Tuy nhiên, Lý chẳng ở ngoài Sự, Tánh ở ngay bên Tướng. Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà nói tới một cái duy tâm nào khác, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh khác, chính là đã vượt sông mà còn hỏi bến đò, đối trước đèn mà đi tìm lửa! Vì thế nói: "Do chẳng biết cửa ải, bến sông trọng yếu, cho nên đã qua khỏi sông mà vẫn hỏi chuyện lặn lội, đã sớm biết đèn chính là lửa, cơm đã chín từ lâu!")*

Câu này nói đến những kẻ mê chấp, chẳng hiểu Phật pháp, tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới ở ngoài tâm tánh, chẳng bằng lòng tiếp nhận pháp môn này. Ngỡ ngoài kinh Vô Lượng Thọ, ngoài A Di Đà Phật ra, còn có Chân Như tự tánh [khác biệt]. Thưa cùng chư vị, lời lẽ ấy dường như đúng, thật ra là sai, rất có thể sẽ khiến cho kẻ khác mê hoặc! Cớ sao nói là dường như đúng mà thật ra là sai? Ví như [ở trong] biển cả, chúng ta lấy một chén nước từ biển cả. Đấy là nước biển, chẳng sai! Chúng ta lìa khỏi chỗ này, tìm một chỗ khác [trong biển] để lấy, vẫn có thể lấy được nước biển. Đó là đa sự! Đều là như nhau, chẳng biết "có chỗ nào không phải là biển" [cần gì phải bỏ nơi này, tìm nơi kia]! Quý vị bảo nơi đây chẳng phải [là biển], đến bên kia để tìm cầu thì bên kia chắc chắn cũng chẳng phải. Một thứ đã là [Chân Như tự tánh], thì hết thảy đều là [Chân Như tự tánh]. Một thứ đã chẳng phải thì hết thảy đều chẳng phải. Chẳng thể nói cái này là đúng, cái kia là sai, chẳng có [chuyện đó]. Hiểu đạo lý này, tâm chúng ta bèn định, tín tâm sẽ chẳng bị mê hoặc, nguyện vọng cầu được vãng sanh chẳng bị dao động bởi các thứ ngôn thuyết của kẻ khác.

Kế đó là hai tỷ dụ: *"Đương độ nhi vấn tân"*, [nghĩa là] vượt sông, đã đến bến rồi mà còn hỏi: "Chúng ta sẽ từ chỗ nào ngồi thuyền để vượt qua?" [Thắc mắc] quá thừa! *"Đối đăng nhi mịch hỏa"*: Đèn thuở xưa giống như đèn cầy vậy. Đèn chính là lửa, đối trước đèn đi tìm lửa,

có thể suy ra mà biết kẻ ấy ngốc nghếch dường nào! Dùng hai tỷ dụ ấy để chỉ rõ ý nghĩa được nói trong đại kinh, *"một tức là nhiều, nhiều tức là một, Tánh và Tướng như nhau, Lý Sự bất nhị"*. Chúng ta phải tìm một phương pháp tu hành khế cơ nhất, thích hợp nhất, thâm nhập một môn. Hễ đạt được một pháp ấy thì tất cả hết thảy các pháp đều đạt được.

Hôm nay, giảng đến chỗ này, [phần giảng giải về chánh] kinh đã viên mãn. Phần sau là chú. Chú vốn chẳng thuộc vào kinh, Liên Trì đại sư đặc biệt đem chú Vãng Sanh ghép vào sau kinh này, nhằm dạy chúng ta: Hiển Mật bất nhị, Hiển Mật viên dung. Một câu A Di Đà Phật, không chỉ là kinh A Di Đà, hoặc kinh Vô Lượng Thọ, mà còn là Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Chú. Một câu A Di Đà Phật là chú, chẳng cần phải hỏi là kinh hay là chú, cứ nắm chắc sáu chữ hồng danh, quý vị sẽ thành tựu. Dụng ý của lão nhân gia ở ngay chỗ này. Hôm nay, tôi giảng tới đây.

Tập 286

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ bảy:

Tam, kết thích chú ý.

(Chú) Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni.

三結釋咒意。

(咒**)**拔一切業障根本得生淨土陀羅尼。

(Ba, là kết luận bằng giải thích ý nghĩa của bài chú.

Chú*: Đà La Ni để dẹp trừ căn bản của hết thảy các nghiệp chướng, được sanh về Tịnh Độ).*

Trong phần chú giải, Liên Trì đại sư đã bảo:

(Sớ) Thích chú ý giả.

(疏**)**釋咒意者。

*(**Sớ**: Giải thích ý nghĩa của bài chú).*

Giải thích chú Vãng Sanh. Chú vốn chẳng thuộc vào kinh Di Đà, nhưng chú Vãng Sanh cũng là dùng Mật pháp để chuyên tu Tịnh Độ.

Liên Trì đại sư ghép chú này vào kinh là có dụng ý đặc biệt. Trong Sớ Sao, sau mỗi đoạn, chúng ta đều thấy phần Xứng Lý. Lý chính là cách giảng giải tâm tánh theo Thiền Tông. Xứng Lý là bàn luận xứng tánh, thuộc về Thiền Tông. Do vậy, phương thức chú giải của Ngài là *"Thiền Tịnh bất nhị"*. Cuối bản chú giải lại thêm vào chú Vãng Sanh, mang ý nghĩa *"Hiển Mật bất nhị"*. Do vậy, mới thấy Tịnh Tông thật sự viên dung khôn sánh. Từ xưa đến nay, rất nhiều bản chú giải chẳng theo thể lệ này. Vì thế, đây là một phen khổ tâm của Liên Trì đại sư lão nhân gia, không gì chẳng nhằm mong mỏi chúng ta ai nấy đều có thể tin hiểu, ai nấy đều có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là đại sự! Một lòng đau đáu, chân thật từ bi!

(Sớ) Dĩ chú phụ kinh, kinh đắc chú nhi di hiển, dĩ kinh tiên chú, chú đắc kinh nhi dũ linh, giao tương vi dụng, ưng kết thích dã.

(疏)以咒附經，經得咒而彌顯，以經先咒，咒得經而愈靈，交相為用，應結釋也。

*(**Sớ**: Dùng chú ghép vào kinh, kinh nhờ chú mà càng thêm rõ rệt. Do đặt kinh trước chú, chú nhờ kinh mà càng linh, sử dụng xen lẫn với nhau, cho nên phải giải thích thần chú để kết thúc [bản chú giải này]).*

"Dĩ chú phụ kinh" [nghĩa là] trước hết là giảng kinh, sau đấy, kèm thêm chú, chú ở phía sau kinh. *"Kinh đắc chú nhi di hiển"* (Kinh nhờ chú mà càng thêm rõ rệt), câu này nên nói như thế nào? Chúng ta ắt cần phải biết: Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp là ứng theo căn cơ để nói. Nếu đức Phật nói với hàng sơ cơ (người mới học), đức Phật sẽ nói rất rõ ràng, rất đơn giản, hoàn toàn chẳng khó hiểu, khiến cho kẻ sơ cơ có thể tiếp nhận. Người căn khí to lớn, thông minh, trí huệ, có sức lãnh ngộ rất mạnh, đức Phật sẽ thuyết pháp khá thâm nhập. Nay chúng ta thấy đích xác là khá sâu, thường là chúng ta thấy rất khó lý giải, rất khó hiểu. Thông thường, khi nói đại kinh, trên thực tế, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy: Còn có những vị quỷ thần, thiên long bát bộ cũng tham dự pháp hội ấy. Đức Phật nói với chúng ta là hiển thuyết! Phải dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói thì chúng ta mới nghe hiểu. Những vị quỷ thần đều có Ngũ Thông; do vậy, hàng quỷ thần đều có thể hiểu ngôn ngữ nhân gian. Họ cũng hết sức thích nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp. Trong một bộ kinh, sau khi đã giảng viên mãn, đức Phật thường dùng chú. Chú ngữ hoàn toàn chẳng phải là tiếng Ấn Độ, mà cũng chẳng phải

là tiếng Phạn. Trên thực tế, chú ngữ là ngôn ngữ của quỷ thần. Đức Phật nói mấy câu ấy, nhằm nói với những quỷ thần đến tham gia pháp hội, dùng ngôn ngữ của họ để nói mấy câu. Nói theo phía họ, [những câu ấy] hết sức thân thiết, có ý nghĩa này. Nội dung đã nói [trong mấy câu "chú" ấy] chính là cương lãnh trong kinh. Vì thế, chú chính là mật thuyết của kinh, kinh là hiển thuyết của chú, nội dung thật ra như nhau. Một đằng nói rất tỉ mỉ, một đằng là nêu ra cương lãnh, giống như giảng mấy đề mục, có ý nghĩa như thế đó. Mật chú trong kinh Phật bèn trở thành một loại thể lệ đặc biệt, trong văn học thông thường của Ấn Độ chẳng có.

Quỷ thần đối với những kẻ bình phàm như chúng ta mà nói thì có cảm ứng. Thiện thần có cảm ứng với con người, mà tà thần, ác quỷ cũng có cảm ứng với loài người. Trong ấy có cát, hung, họa, phước sai khác rất lớn. Sự cảm ứng ấy có phải là do niệm chú bèn có cảm ứng hay không? Niệm chú là một phương thức, nhưng chẳng phải là chủ yếu nhất. Điều chủ yếu, nói theo cách hiện thời, sẽ là *"tâm điện cảm ứng"*, còn ở Trung Hoa, vào thời cổ thì nói là *"thành tắc linh"*, [nghĩa là] chí thành sẽ linh. Trong cái lòng Thành ấy, rốt cuộc là thiện hay ác chẳng nhất định! Chỉ nói đến "thành" thì trong Thành chẳng có thiện hay ác, nhưng trên cơ sở lòng Thành, nguyện cầu của chúng sanh có thiện hay ác! Có người tâm địa rất từ bi, cầu thiện phước cho hết thảy chúng sanh. Cái tâm ấy là thiện lương. Có kẻ cầu quỷ thần chỉ nhằm cầu lợi ích cho chính mình, chẳng sợ tổn hại kẻ khác. Cái tâm ấy chẳng lành. Do vậy, lòng Thành có thể cảm chư Phật, Bồ Tát, mà cũng có thể cảm hết thảy thiện thần, cũng có thể cảm hết thảy ác thần. Sau khi đã cảm, trong sự nguyện cầu ấy bèn có thiện hay ác, có cát, hung, họa, phước. Chúng ta chớ nên chẳng biết điều này!

Kinh và chú hợp lại, cũng như là nói *"Hiển Mật viên dung"*. Vì thế, nghĩa thú của kinh phi thường *"minh hiển"*. *"Hiển"* là hiển lộ. Tuy nói như vậy cũng chẳng phải là nói sai, nhưng muốn thật sự nhằm hiển lộ ý nghĩa của kinh, mà nếu tâm chúng ta chẳng thành, sẽ chẳng thể hiển lộ được! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Câu *"nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"* trong bài kệ khai kinh phải giải thích như thế nào? Chỉ là dùng suy nghĩ để hiểu, chẳng có cách nào đạt được. Chúng ta đọc nhiều, nghiên cứu nhiều, tư duy nhiều, có thể hiểu nổi hay chăng? Chẳng thể hiểu! Do nguyên nhân gì? Ngôn ngữ của Phật và hết thảy các kinh do đức Phật đã nói đều là từ trong chân tâm tự tánh tự nhiên lưu lộ, chẳng thêm vào mảy may phân biệt, tưởng tượng nào. Chúng ta dùng cái tâm

phân biệt, dùng cái tâm suy xét, làm sao có thể thấu hiểu nghĩa chân thật cho được? Dụng tâm chẳng tương ứng! Giống như nguồn nước, nguồn nước của người ta là nước trong, nguồn nước của chúng ta là nguồn đục. Nước đục mong liễu giải nước trong, chảy vào nước trong, nước trong cũng biến thành đục. Nay chúng ta hiểu sai ý nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu cong quẹo nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng thể thật sự lý giải. Mong thật sự lý giải, dùng phương pháp gì? Tâm thanh tịnh. Phật tâm là thanh tịnh, tâm chúng ta cũng là thanh tịnh thì được, quý vị bèn lý giải, bèn thông hiểu ý nghĩa của Như Lai. Tâm giống như Phật tâm, giải giống như Phật giải, thì mới có thể tương ứng. Nói tóm gọn một câu, nhất định phải tu Định.

Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông, nửa trước dạy chúng ta ba đại cương lãnh của tu hành: *"Thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Đối với ba đại cương lãnh, chúng ta chỉ cần nắm được một điều là được rồi. Thí dụ như chúng ta tu tâm thanh tịnh, tâm đã thanh tịnh, đương nhiên là bình đẳng. Tâm chẳng bình đẳng, tuyệt đối chẳng thể thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chẳng thể nào giác. Ba điều ấy tuy một mà ba, tuy ba mà một. Dụng công từ bình đẳng cũng được, mà dụng công từ giác cũng được, nhưng đối với hàng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng như chúng ta mà nói, dụng công từ cái tâm thanh tịnh sẽ thuận tiện hơn, dễ dàng hơn.

Tôi khuyên dạy mọi người: Nhập Phật môn, trước hết hãy đọc một bộ kinh suốt ba năm, hết thảy những thứ khác đều buông xuống. Vì sao phải làm như vậy? Nhằm tu cái tâm thanh tịnh. Niệm một bộ kinh, tâm dễ dàng thanh tịnh. Quý vị niệm nhiều, xem nhiều [bộ kinh khác nhau], tự nhiên sẽ suy nghĩ loạn xạ. Nói cách khác, lợi ích gì quý vị cũng đều chẳng đạt được! Phật môn nói tới công đức: *"Công"* (功) là công phu, *"đức"* (德) là đạt được cái tâm thanh tịnh, đạt được tâm bình đẳng, khai trí huệ. Giác là khai trí huệ. Trong tâm quý vị có lắm nỗi vọng tưởng, chấp trước, phân biệt ngần ấy, dẫu tu hành siêng khổ cách mấy, vẫn là phiền não một đống to đùng! Vọng tưởng một đống to kềnh! Hoàn toàn chẳng có trí huệ! Đó là "tu uổng công", nói thật ra, sẽ là "tu hành chẳng đắc pháp".

Đối với kẻ chẳng mong tu hành thật sự, chúng ta thấy họ bèn cười cho xong chuyện. Đối với kẻ thật sự muốn tu, họ đến gặp ta, ta sẽ dạy họ phương pháp. Hôm nay có mấy người bạn đến gặp tôi, trong đó, có một vị là Phật tử học Mật, cũng học chẳng ít năm, kể với tôi: "Vọng tưởng

quá nhiều, phiền não quá nhiều, mong đè nén, nhưng chẳng đè nén được! Niệm chú cũng không được, niệm Phật cũng không được, xem kinh cũng không được. Nói huych toẹt là chẳng biết làm sao!" Tôi cười cho qua chuyện. Người ấy chẳng phải là chân tâm! Đến chỗ tôi, thấy cuốn sách này cũng thích, thấy tác phẩm kia cũng thích. Người ấy thích quá nhiều thứ! Thứ gì cũng đều chẳng buông xuống được. Đó chẳng phải là người chân tu. Người thật sự tu hành, không chỉ là hết thảy trong thế gian này đều buông xuống, [ngay cả] Phật pháp cũng phải buông xuống. Chọn một bộ kinh, thâm nhập một môn, từ một bộ kinh mà thành tựu Giới, Định, Huệ, thành tựu Căn Bản Trí. Đã đạt được Căn Bản Trí, sau đấy mới cầu giải. *"Giải"* ấy sẽ là chánh giải, chẳng trở thành hiểu cong quẹo, chẳng hiểu sai be bét! Quý vị chẳng có Căn Bản Trí, nói cách khác, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Đừng nói là quý vị xem kinh bèn hiểu cong vạy, mà quý vị đến nghe giảng cũng nghe hiểu sai bét ý nghĩa của tôi! Ngay cả ý nghĩa do tôi nói mà kẻ ấy còn hiểu sai, làm sao kẻ ấy chẳng hiểu sai be bét ý nghĩa của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức cho được? Có thể thấy: Mấu chốt là ở chỗ dụng tâm.

Nếu muốn *"kinh đắc chú nhi di hiển"* (kinh nhờ có chú mà càng thêm rõ rệt), chúng ta nhất định phải tu học đúng pháp, phải tu cái tâm thanh tịnh chân thật. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Trong khá nhiều kinh luận, đức Phật đã giảng về tâm hạnh của mười pháp giới. Mười pháp giới dùng cái tâm gì? Tâm Phật là *"thanh tịnh, bình đẳng"*. Chúng ta mong học Phật, mong tu Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp môn để phàm phu trực tiếp thành Phật. Chúng ta đọc kinh, niệm Phật, nhằm mục tiêu niệm cho ra sự *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* nơi chính mình. Thanh tịnh, bình đẳng, giác vốn sẵn có, chẳng phải là do bên ngoài mà có, nó là chân tâm, là bản tánh. Tâm Bồ Tát là Lục Độ. Bồ Tát tuyệt đối chẳng có chính mình, sẽ không nghĩ tới "có chính mình". Nếu nghĩ "có chính mình", kẻ ấy chắc chắn chẳng phải là Bồ Tát. Kinh Kim Cang dạy: *"Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức chẳng phải là Bồ Tát"*, nói rất minh bạch. Bồ Tát quyết định chẳng có chính mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới hết thảy chúng sanh.

Bồ Tát nhập thế, tiếp xúc đại chúng, nhất định là phù hợp nguyên tắc Lục Độ. *"Bố thí, trì giới"*, trì giới là vâng giữ pháp tắc. Bồ Tát nhất định sẽ tuân theo quy củ, nhất định sẽ nương theo phương pháp chánh xác để giáo hóa chúng sanh, chẳng bày ra những trò mới mẻ, lạ lùng! *"Nhẫn nhục"*: Quyết định có lòng kiên nhẫn. Nhẫn nhục độ sân khuể,

nuôi dưỡng tâm từ bi, chẳng oán hận, chẳng báo thù. *"Tinh tấn"*, Tấn (進) là tiến bộ. Hằng ngày cầu tiến bộ. Tinh (精) là thuần, chẳng tạp, quyết định biểu hiện bằng thâm nhập một môn. Vì người ấy muốn dạy người khác, chính mình phải nêu gương, dạy kẻ khác tu một môn, mà chính mình tu rất nhiều môn, người khác nhìn vào sẽ dấy lòng ngờ vực. Thiền Định: Trong chẳng sanh phiền não, ngoài chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc. *"Bát Nhã"* là lý trí, nay chúng ta nói là lý tánh. Người ấy chẳng dấy động cảm tình, hết sức tỉnh táo, bình tĩnh, thấy hết thảy Sự Lý rõ ràng, rành rẽ. Bồ Tát quyết định phù hợp sáu nguyên tắc ấy.

Người thật sự tu hành, tâm biến đổi, tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn, ngày một từ bi hơn, ngày càng tăng trưởng trí huệ, phiền não nhẹ bớt. Trí huệ tăng trưởng, tướng mạo ngày càng viên mãn hơn, ngày càng tươi sáng hơn. Tướng chuyển theo tâm. Từ dung mạo và oai nghi của người ấy, có thể nhìn ra [những điều đó], chẳng phải là giả vờ, mà là tự nhiên. Nếu thấy người tu hành khoe là tu hành rất khá, mà thấy kẻ ấy mặt mũi tối om, oai nghi thiếu trang nhã, bèn biết: Dẫu người ấy hết sức dụng công, cũng là đã đi lạc đường, tu hành chẳng đúng pháp! Nếu thật sự khế nhập Phật pháp, xác thực là "phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui", sẽ ngày càng vui sướng hơn, mỗi năm một vui sướng hơn! Đó là người ấy thật sự đạt được pháp hỷ, công phu đắc lực. Nếu học Phật mà ngày càng khổ não hơn, hãy khéo kiểm điểm, phản tỉnh! Chẳng phải là Phật pháp sai lầm, mà là chính mình đã phạm sai lầm.

"Dĩ kinh tiên chú": Trước là giảng kinh, sau lại nói chú. Đức Phật thuyết pháp trong nhân gian, đương nhiên là trước hết phải quan tâm đến loài người, sau đó mới chiếu cố quỷ thần. Trong nhân gian, [đức Phật thuyết pháp là] vì loài người mà thuyết pháp, quỷ thần tới nghe ké, là kẻ kèm theo. Nếu đức Phật thuyết pháp trên cõi trời, sẽ lấy chư thiên làm [đối tượng] chủ yếu.

"Chú đắc kinh nhi dũ linh" (Chú nhờ vào kinh mà càng linh). Chúng ta đọc kinh có hai cách đọc, [nhằm đạt tới] hai loại mục đích:

1) Loại thứ nhất là chúng ta cầu Căn Bản Trí. Đọc theo kiểu này là cung kính, mở quyển kinh ra, từ *"như thị ngã văn"* một mực niệm đến chữ cuối cùng là *"tín thọ phụng hành"*, chẳng đọc sai chữ nào, từng chữ rõ ràng, chẳng cần mong hiểu, cứ cung kính niệm, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có hoài nghi. Đọc kinh kiểu đó là tu Định, tu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là như kinh Bát Nhã đã nói: *"Bát Nhã vô tri"*. Chúng ta tu vô tri. Nếu khi đọc kinh, ngẫm nghĩ

câu này nghĩa là gì, đoạn kia giải thích như thế nào, hỏng mất rồi. Mục đích đọc kinh đã bị phá hỏng, quý vị coi kinh điển như sách thế gian để đọc, chẳng đạt được hiệu quả. Vì chúng ta đọc kinh nhằm tu Định. Đọc một tiếng đồng hồ là tu Định một tiếng đồng hồ. Phương pháp để tu Định rất nhiều. Chẳng hạn như Thiền Tông là tĩnh tọa quán tâm, hoặc tham thoại đầu, Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh. Tịnh Độ Tông có khi dùng đọc kinh, có khi dùng niệm Phật. Mật Tông trì chú, đều là những phương pháp để tu Căn Bản Trí. Phương pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. *"Pháp"* (法) là phương pháp, *"môn"* là *"môn kính"* (門徑: đường nẻo, cửa ngõ), thảy đều là tu Định. Chúng ta chỉ cần chọn lấy một hoặc hai thứ, rất thích hợp với cách sống của chính mình trong hiện thời, chúng ta tu tập rất thuận tiện thì được rồi. Đọc kinh là tu Định, chẳng khác gì người ta tĩnh tọa trong Thiền đường, quyết định chớ nên có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, [hễ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] thì sai mất rồi! Chúng ta đọc trong hai tiếng đồng hồ tức là tu hai tiếng đồng hồ. Đó là phương pháp thứ nhất.

2) Phương pháp thứ hai, thâm nhập sâu hơn một tầng, chính là *"tùy văn nhập quán"*. Ắt cần phải là đã đắc Căn Bản Trí, đã đắc Định thì mới có năng lực này. Chẳng đắc Định, chẳng có năng lực này! Đã đắc Định, sẽ có năng lực dung hợp lý luận và cảnh giới do đức Phật đã giảng trong kinh với cái tâm của chính mình thành một Thể. Đọc kinh Di Đà, bèn đạt đến thế giới Cực Lạc, y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương cùng với thân tâm của chính mình dung hợp thành một khối. Cảnh giới ấy cao lắm, lợi ích hết sức to tát.

"Chú đắc kinh nhi dũ linh" (Chú nhờ có kinh mà càng linh): Chú là mật thuyết, kinh là hiển thuyết. Bất luận là kinh hay chú, thảy đều dung hợp với tâm và cảnh của chính mình thành một khối. Đấy là công phu chân thật. Tâm nguyện giải hạnh chẳng khác A Di Đà Phật, hoàn toàn dung hợp thành một khối. Đó là cách đọc thứ hai.

Hiện thời, chỉ sợ là đại đa số chúng ta cả hai cách đọc ấy đều chẳng có. Vì thế, quý vị học rất lâu, công phu chẳng đắc lực. Nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng biết dụng tâm, áp dụng sai phương pháp. Quý vị hãy nghe kinh, nghe một thời gian lâu dài. Mỗi lần nghe kinh đều nhằm nhắc nhở quý vị một lần, huân tập một lần. Có thể thấy là sức mạnh của phiền não tập khí quá lớn, một chút huân tập yếu ớt của chúng ta chẳng thể chống nổi! Cảnh giới vừa hiện tiền, ngay lập tức mê muội. Không chỉ là mê trong cảnh giới bình thường, đang trong khi đọc kinh cũng mê

luôn, đang niệm Phật cũng mê, chuyện này khó lắm! Đại sư nói *"giao tương vi dụng"* tức là kinh và chú cùng phối hợp. Ý nghĩa này hết sức hay!

(Sớ) Thử chú tường kiến Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện.

(疏)此咒詳見不思議神力傳。

*(**Sớ**: Xem chi tiết về chú này trong Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện).*

Đây là nêu ra xuất xứ của chú Vãng Sanh. Nó chẳng ở trong kinh Di Đà, mà cũng chẳng ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong ba kinh Tịnh Độ đều chẳng có chú này. Nó xuất phát từ bộ sách Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện[114].

(Sớ) Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh, cố dĩ Bạt Nghiệp Chướng Sanh Tịnh Độ vi danh.

(疏)持此咒者，滅罪往生，故以拔業障生淨土為名。

*(**Sớ**: Người trì chú này sẽ được diệt tội, vãng sanh. Vì thế, lấy Bạt Nghiệp Chướng Sanh Tịnh Độ làm tên).*

Đức Phật nói rất rõ ràng, rất minh bạch: Nếu chuyên tu pháp môn này, chuyên trì chú Vãng Sanh, xác thực là có thể diệt tội, xác thực là có thể được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Trong Ngũ Kinh Độc Bản của chúng ta có bao gồm cả chú này. Có lẽ chư vị đã xem thấy, kinh nói rất rõ ràng: Niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, sẽ cảm được A Di Đà Phật hiện tiền. Trong quá khứ, tại đạo tràng của chúng ta, lão cư sĩ Trương Linh, bài hát Tổng Thống Kỷ Niệm Ca[115] do cụ viết lời. Hai vợ

---

[114] Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập 12, kinh văn số 368 mang tựa đề Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Thần Chú có chú thích *"xuất tự Tiểu Vô Lượng Thọ Kinh"*. Như vậy có lẽ là ngoài hai bản kinh Di Đà như chúng ta biết, hãy còn có một bản kinh Di Đà nữa, trong ấy, đức Phật nói chú này, nhưng bản kinh thứ ba này đã bị thất truyền.

[115] Sau khi Tưởng Giới Thạch (tên thật là Tưởng Trung Chánh, tên hồi bé là Thụy Nguyên, tự là Giới Thạch), mất vào ngày 05 tháng 04 năm 1975, bộ Giáo Dục Đài Loan đã mở cuộc thi sáng tác ca khúc kỷ niệm ông dành cho các học sinh trung học hát trong các buổi lễ. Cuối cùng ca khúc được chọn có phần nhạc do Lý Trung Hòa viết, lời ca do Trương Linh viết. Sau khi Lý Đăng Huy lên làm Tổng Thống, bài hát này không còn được lưu hành trong nhà trường nữa, nhưng vẫn được sử dụng trong các buổi lễ của Quốc Dân Đảng.

chồng cụ hằng ngày đều tới nghe tôi giảng kinh. Cụ thấy câu *"niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, sẽ cảm được Phật hiện tiền"*, bèn nghiêm túc niệm mỗi ngày. Niệm đủ ba mươi vạn lần xong, cụ đến nói với tôi: "Pháp sư ơi! Chẳng linh! Đức Phật chẳng hiện tiền, cảm ứng gì cũng chẳng có". Đấy là tạo tội rất nặng. Vì sao? Báng pháp! Chẳng phải là chú không linh, mà là do quý vị [trì niệm] chẳng đúng pháp.

Quý vị niệm chú này, trước hết phải hỏi có diệt tội hay không? Tội là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não; đó là tội. Suốt ngày từ sáng đến tối miệng luôn niệm chú ngữ, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng sanh, tội bèn diệt. [Trì tụng] ba mươi vạn biến chú Vãng Sanh phải mất một thời gian khá dài. Trong thời gian dài ngần ấy, quý vị chẳng khởi một vọng niệm, kinh nói là *"nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo"* thì mới hữu dụng, mới có cảm ứng. Vừa niệm chú Vãng Sanh, vừa dấy vọng tưởng, làm sao được? Đó là chẳng đúng pháp. Chư vị nhất định phải biết chỗ then chốt này. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Hai câu ấy nói rất hay, không chỉ là bí quyết tu hành của Tịnh Độ, mà bất luận tông phái nào, pháp môn nào, cũng đều chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Lìa khỏi nguyên tắc này, trái nghịch nguyên tắc này, tu học bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu!

Vô lượng pháp môn, đặc biệt là pháp môn Đại Thừa, mục đích là minh tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Tông chính là minh tâm kiến tánh, sử dụng danh từ chẳng giống Thiền Tông, nhưng cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Họ nói *"đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật"*, chúng ta nói *"Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm"*, đó chính là kiến tánh thành Phật. Có thể thấy nguyên lý giống nhau, nhất định phải làm được *"tịnh niệm tiếp nối"*, *"tịnh"* là tâm

---

Trương Linh (1919-1979), tên tự là Kiếm Phân, hiệu Vô Tranh Cư Sĩ, người huyện Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam. Ông từng giữ chức vụ Phó Kinh Lý trong Ngân Hàng Đài Loan, và dạy học tại các trường đại học Đông Ngô và Minh Truyền. Ông khéo viết câu đối nên có mỹ hiệu là Liễn Vương (vua câu đối), đã từng phát nguyện cúng dường các chùa một vạn câu đối. Tuy rất có tiếng tăm trong giới Phật giáo vì viết nhiều, giảng diễn nhiều, niềm tin của ông không được tinh thuần, vẫn mang nặng tính cách trình diễn, phô trương. Vào năm 1972, khi vợ mất, cụ đã từng nhờ đồng cốt cầu cơ để nói chuyện với linh hồn vợ, sau đó, soạn tác phẩm Tiên Thất Sanh Tây Ký (ký sự vãng sanh Tây Phương của bà vợ quá cố) nhằm gián tiếp khoe khoang chính mình đã tụng chú Vãng Sanh đến ba mươi vạn biến, cũng như khẳng định bà vợ đã vãng sanh.

thanh tịnh. Lục Tổ của Thiền Tông có nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Trong tâm quý vị chẳng có một vật nào, cái tâm ấy chính là tâm thanh tịnh hiện tiền. Nếu quý vị hiểu lầm, trong tâm thứ gì cũng chẳng có, *"thứ gì cũng chẳng có"* chính là vô minh! Ngỡ vô minh là *"vốn chẳng có một vật"*, lại phạm sai lầm mất rồi! Chớ nên có mảy may hiểu lầm!

Tâm Phật thanh tịnh, xác thực là chẳng có ý niệm. Tuy Phật chẳng có ý niệm, nhưng Ngài chẳng có gì không hiểu rõ, đó gọi là *"tịch tịch tinh tinh"* (寂寂惺惺). *"Tịch"* là thanh tịnh, tịch diệt, *"tinh"* (惺) là chiếu soi rành mạch, chẳng có gì không hiểu rõ. Đấy mới là chân tâm. *"Tịch"* là chẳng rơi vào vọng tưởng, chẳng có vọng tưởng. *"Tinh"* là chẳng rơi vào vô minh. Chẳng rớt vào hai bên, đó là chân tâm. Bọn phàm phu chúng ta rất tệ, chẳng đọa vào bên vọng tưởng, bèn đọa vào bên vô minh. Đấy chính là nhân tố khiến cho công phu tu hành của chúng ta rất khó có thành tựu. Chúng ta đọc kinh chính là chiếu theo nguyên lý này để chọn lựa phương pháp tu hành. Ví như chúng ta niệm kinh Di Đà, kinh Di Đà chẳng dài. Chúng ta đọc kinh, đọc từng chữ phân minh, từng câu rành rẽ, chẳng rơi vào vô minh. Khi đọc kinh, chẳng có một tạp niệm, chẳng có một vọng tưởng, tâm địa thanh tịnh, tịch diệt, phương pháp ấy đã sử dụng đúng. Vì thế, đọc kinh chớ nên có phân biệt, chớ nên có vọng tưởng, chớ nên suy nghĩ ý nghĩa trong kinh. Điều này rất trọng yếu!

Đọc kinh là thật sự tu hành, là thật sự cúng dường. Còn có những kẻ mê hoặc, điên đảo, ngỡ ta đọc kinh là đọc cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát thấy ta rất ngoan ngoãn, sẽ phù hộ ta. Ta hằng ngày niệm kinh cho Ngài nghe. Đấy là hồ đồ, sai lầm quá đỗi! Kinh do Phật, Bồ Tát nói, các Ngài còn phải nghe những thứ ấy hay sao? Các Ngài mới chẳng cần nghe! Vì thế, đây là một phương pháp tu hành hết sức hay, [thế mà] chúng ta chẳng biết dùng phương pháp này, hiểu sai phương pháp, cho nên hiệu quả đạt được thường là tương phản!

Vì thế, để diệt tội, phải hiểu tội là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não là tội. Thật sự có hiệu quả là những thứ ấy bớt đi: Ít vọng tưởng, phiền não nhẹ bớt, đó là hiện tượng tội tiêu diệt. Sau khi niệm ba mươi vạn biến chú Vãng Sanh, tâm xác thực đạt tới mức độ khá thanh tịnh, chúng tôi thường nói: "Dẫu chẳng thể đạt đến nhất tâm bất loạn, tối thiểu cũng là công phu thành phiến". Có công phu ấy, chắc chắn được vãng sanh. Kinh nói chẳng sai, nhưng chính mình chẳng biết dụng công. Hôm nay niệm một ngàn lần chú Vãng Sanh, ghi xuống, hôm nay ta niệm một ngàn lần, ngày mai ta phải niệm hai ngàn lần. Quý vị thấy:

Niệm kiểu đó, trong tâm xen tạp vọng tưởng nhiều ngần ấy, xen tạp dục vọng nhiều ngần ấy, nhất là cái tâm cầu cảm ứng, tâm cầu thần thông tha thiết dường ấy. Kể ra người ấy còn may lắm, chưa gặp phải yêu ma, quỷ quái! Phàm những kẻ cầu thần thông, cầu cảm ứng, đều rất dễ bị ma nhiễu loạn, bị yêu ma quỷ quái tới lừa phỉnh! Diệt tội, vãng sanh, chú thật sự có công hiệu ấy, có công đức ấy!

(Sớ) Đà-la-ni giả, thử vân tổng trì dã.

(疏)陀羅尼者，此云總持也。

*(**Sớ**: Đà La Ni cõi này dịch là Tổng Trì).*

"Đà La Ni" (Dhāraṇī) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Tổng Trì: *"Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa"* (Bao gồm hết các pháp, trì hết thảy các nghĩa), cũng chính là *"cương lãnh"* như chúng ta nói trong hiện thời. [Tổng trì] là cương lãnh của Phật pháp.

(Sao) Nghiệp chướng giả, phàm chướng hữu tam, nhất Phiền Não Chướng, nhị Nghiệp Chướng, tam Báo Chướng.

(鈔)業障者，凡障有三，一煩惱障，二業障，三報障。

*(**Sao**: Nghiệp chướng: Phàm là chướng thì có ba: Một là Phiền Não Chướng, hai là Nghiệp Chướng, ba là Báo Chướng).*

Các đồng tu học Phật, nhất định phải hiểu rõ nghiệp chướng là gì? *"Chướng"* (障) là chướng ngại, chướng ngại gì vậy? Chướng ngại chân tâm, chướng ngại bản tánh. Chướng này cũng rất nghiêm trọng. Chướng là gì? Nghiệp là chướng. Nghiệp là gì? Nghiệp là sự nghiệp. Kẻ nào chẳng thích tạo sự nghiệp? Hy vọng sự nghiệp của chính mình càng to càng tốt. Sự nghiệp càng to, chướng cũng lớn, phiền não cũng lớn. Đời người ngày càng rất đáng thương! Hễ vào trường học hành thì nhà trường cho bài tập, phải làm xong bài tập[116]. Kể từ nhập học bèn bắt đầu

---

[116] Vở bài tập được gọi là *"tác nghiệp bạ"* (作業簿), làm bài tập bèn gọi là *"tác nghiệp"* (作業). Hòa Thượng chơi chữ ở chỗ này, thuở nhỏ đi học phải làm bài tập là "tác nghiệp", bước chân vào xã hội, do công việc, do các mối quan hệ, do mưu sinh v.v… tạo nghiệp vô biên, đều là *"tác nghiệp"*. Vì thế mới nói là một mực tác nghiệp đến chết vẫn chưa xong.

làm bài tập, làm mãi cho đến chết vẫn làm không xong. Đó là tạo nghiệp. Con người vì sao chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi? Chính là vì họ đã tạo nghiệp chưa hề gián đoạn, dốc hết tánh mạng để tạo. Tạo thiện nghiệp, đầu thai trong ba thiện đạo; tạo ác nghiệp, thọ báo trong ba ác đạo, luân hồi trong lục đạo. Ngày nào chúng ta có thể chẳng tạo nghiệp, vậy là tốt.

Chiều nay còn có mấy đồng tu đến gặp tôi, họ đến đây lần đầu, [trong số ấy], có vị xuất gia lão tỳ-kheo-ni, rất phát tâm, chính mình ăn tiêu dè sẻn để đi khắp nơi, giúp người khác dựng chùa, bỏ tiền, ra sức. Bà ta cũng đã tám mươi bốn tuổi rồi. Tôi khuyên bà ta niệm Phật, chớ nên tạo nghiệp ấy nữa. Dựng chùa là tạo nghiệp ư? Quý vị hãy nghĩ xem có phải là tạo nghiệp hay không? Đài Loan có quá nhiều chùa, không cần dựng thêm nữa. Điều khẩn yếu là phải niệm Phật cầu vãng sanh! Không chỉ là chớ nên tạo ác nghiệp, mà thiện nghiệp cũng chớ nên tạo! Vì quý vị tạo tác, nói thật ra, dẫu tạo tác mà tâm địa vẫn thanh tịnh, thì chính là bậc Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm phu. Vào thời cổ, tại Trung Hoa, các đạo tràng được kiến lập, thưa cùng chư vị, chẳng phải là do phàm phu tạo dựng, mà đều là do Phật, Bồ Tát, A La Hán hóa thân kiến tạo. Phàm phu là tạo nghiệp, làm sao có thể thoát khỏi tam giới cho được? Làm sao có thể liễu sanh tử cho được? Chư Phật, Bồ Tát *"làm mà không làm, không làm mà làm"*, các Ngài đến tạo lợi ích cho chúng sanh, đến giúp đỡ chúng sanh. Do vậy, [tạo dựng đạo tràng] đều do Phật, Bồ Tát ứng hóa mà đến. Nay bản thân chúng ta là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai! Học theo sự nghiệp của Phật, Bồ Tát, chúng ta sẽ hỏng bét!

Vị lão tỳ-kheo-ni ấy đã tám mươi bốn tuổi, tu hành hết sức nghiêm túc, buổi sáng vẫn thức dậy rất sớm. Chính mình còn làm duy-na, âm thanh xướng tụng vẫn còn sang sảng, đúng là khó có. Hôm nay, tôi gặp bà ta rất hoan hỷ, tám mươi mấy tuổi mà có thân thể khỏe mạnh dường ấy, rất khó có! Bà ta bảo tôi: Nhất tâm mong cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng cháu của bà chẳng ít, chẳng buông xuống được, vẫn bận lòng vì đứa này, lo lắng cho đứa nọ. Còn có đứa ở ngoại quốc, thường hỏi thăm tình hình hiện tại ra sao. Trong tâm vướng mắc những chuyện ấy. Hôm nay, tôi bảo bà ta: "Đó là nghiệp chướng, toàn là ma, là ma chướng, khiến cho bà chẳng thể vãng sanh!" Bà ta hỏi: "Làm như thế nào?" [Tôi đáp]: "Hãy buông xuống, chẳng cần lo cho chúng nó. Bà hãy nhất tâm, nhất ý niệm Phật cầu về Tây Phương Cực

Lạc thế giới". [Bà ta than]: "Chẳng bỏ con cháu được". Tôi nói: "Bà tới thế giới Tây Phương thì bà là Bồ Tát. Con cháu của Bồ Tát sẽ được Bồ Tát chiếu cố, sẽ có thần hộ pháp che chở, chiếu cố chu đáo hơn bà nhiều lắm! Nếu bà chẳng thể vãng sanh, sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Con cháu bà ai cũng chẳng chiếu cố được, mà chính bà cũng chẳng có cách nào cả!" Hôm nay, bà ta nghe hiểu rồi, rất hoan hỷ rời đi. Tôi nói toàn lời thật với bà ta! Vì thế, [nghiệp chướng chính là do] đã nghĩ sai, đã làm sai. Há có quyến thuộc của vị Phật, Bồ Tát nào mà chẳng có ai chiếu cố? Chẳng có lẽ ấy! Kẻ tạo tội nghiệp cực nặng, còn có thần hộ pháp chiếu cố. Nhà Phật thường nói: *"Một đứa con thành Phật, tổ tiên chín đời sanh lên trời"*, toàn là lời thật, chẳng phải là gạt người! Quý vị mong thật sự chiếu cố người nhà, quyến thuộc của chính mình, biện pháp tốt đẹp duy nhất là nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, gặp A Di Đà Phật, chuyện gì cũng đều được giải quyết! Nếu quý vị chẳng thể sanh về Tịnh Độ, những vấn đề của quý vị sẽ tuyệt đối chẳng phải là tưởng tượng, quý vị phải hao tâm tổn trí giải quyết. Học Phật phải có trí huệ.

Nghiệp chướng có ba loại lớn. Nói thật ra, nghiệp chướng vô lượng vô biên. Ba loại lớn ấy chính là Hoặc, Nghiệp, Khổ như kinh thường nói. *"Hoặc"* (惑) là mê hoặc, *"Nghiệp"* (業) là tạo tác, *"Khổ"* (苦) là thọ báo. Tam Chướng là Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng và Báo Chướng. Đối với phiền não, chúng ta không nói những cái nhỏ nhiệm, mà nói những phiền não thô. Phiền não nhỏ nhiệm rất khó hiểu! Phiền não thô là hai mươi sáu loại phiền não được nói trong Bách Pháp Minh Môn Luận, [bao gồm] sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não. Hai mươi sáu phiền não ấy tạo thành lục đạo luân hồi. Nếu hai mươi sáu món phiền não ấy đều đoạn, chẳng còn nữa, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có! Đừng nói quý vị phải thoát ra như thế nào, tới khi đó, lục đạo luân hồi cũng tìm chẳng thấy! Vì thế, cái có thể tạo ra lục đạo luân hồi chính là hai mươi sáu món phiền não ấy. Do đó, phiền não là chướng; trong có phiền não, bên ngoài bèn tạo tác. Đọc bài kệ sám hối trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, [ta thấy] tạo những gì? Thân, ngữ, ý. Động tác nơi thân thể là tạo tác; nơi miệng là ngôn ngữ, nơi ý là ý niệm. Khởi tâm động niệm là ý đang tạo nghiệp, nói năng là khẩu đang tạo nghiệp, động tác nơi thân thể là thân tạo nghiệp. Phiền não biểu hiện, tỏ lộ qua thân, ngữ, ý nghiệp, khởi tác dụng. Thân, ngữ, ý là công cụ để phiền não tạo nghiệp, chúng ta phải biết điều này. Chúng ta thời thời khắc khắc phải cảnh giác, nương theo những điều đức Phật răn dạy,

chẳng tạo ác nghiệp, đó là tốt.

Đã có tạo tác, sau đó, nhất định là có quả báo. Thiện nhân sẽ có thiện quả, tức ba thiện đạo. Ác nhân nhất định có ác báo, là tam đồ, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều chẳng có cách nào lìa thoát luân hồi, đều trôi lăn trong lục đạo. Lại còn mỗi đời sau thua kém đời trước. Ở trong lục đạo, giống như con ốc một mực xoáy xuống dưới, càng ngày càng thấp hơn, chẳng thể vặn lên trên. Do nguyên nhân nào? Chúng ta tạo ác nghiệp nhiều hơn thiện nghiệp, từ đời này sang đời kia tích lũy lại, càng chìm đắm sâu hơn, chẳng thể nổi lên trên! Đối với sự thật này, chỉ cần chúng ta lắng lòng suy nghĩ đôi chút, suy ngẫm, chẳng cần nghĩ ngợi xa xôi, chỉ nghĩ mỗi ngày từ sáng đến tối, ta khởi tâm động niệm, dấy lên bao nhiêu thiện niệm? Dấy lên bao nhiêu ác niệm? Quý vị biết ngay! Thiện niệm là gì? Ác niệm là gì? Vì hết thảy chúng sanh, vì đại chúng trong xã hội mà tạo lợi ích thì chính là thiện niệm. Vì chính mình, vì cá nhân, vì gia đình ta, đó là ác niệm. Quý vị khởi lên ý niệm, rốt cuộc ý niệm nào nhiều? Ý niệm vì chính mình nhiều, nói cách khác, quý vị ngày càng đọa xuống, chẳng phải là nổi lên trên! Điều này cho thấy lục đạo luân hồi đáng sợ, thật sự đáng sợ! Chúng ta ở trong lục đạo mỗi đời một kém hơn, mỗi đời một khổ hơn. Đó là chân tướng sự thật, chẳng thể nào không biết!

(Sao) Kim ngôn Nghiệp Chướng.

(鈔)今言業障。

*(**Sao**: Nay nói đến Nghiệp Chướng).*

Rõ ràng là Tam Chướng, Ngài chẳng nói *"bạt trừ Tam Chướng, sanh Tịnh Độ"*, chỉ nói *"bạt trừ Nghiệp Chướng"*.

(Sao) Tắc trung nhiếp tiền hậu.

(鈔)則中攝前後。

*(**Sao**: Vì cái chướng chính giữa bao gồm chướng trước và sau nó).*

Trong Tam Chướng, Nghiệp Chướng ở chính giữa. Chẳng có phiền não, sẽ không thể tạo nghiệp. Chẳng tạo nghiệp, sẽ chẳng có báo. Do vậy, Nghiệp Chướng ở chính giữa, liên quan đến [hai loại] chướng trước và sau nó. Nói theo nhân, duyên, quả, thì nghiệp là nhân, báo là quả, phiền não là duyên. Cái liên quan mật thiết với quả báo thì gọi là

Nhân, cái liên quan gián tiếp bèn gọi là Duyên. Quan hệ giữa nghiệp và quả báo mật thiết nhất, chứ phiền não còn cách biệt một tầng. Giống như cha con, cha là nhân, ông nội là duyên, xa hơn một chút! Đối với Tam Chướng, nói đến Nghiệp Chướng là hợp lý nhất.

(Sao) Phiền não giả nghiệp chi nhân, báo giả nghiệp chi quả dã. Nghiệp tất hữu nhân, nghiệp tất chiêu quả, cố nhiếp nhị chướng.

(鈔)煩惱者業之因，報者業之果也，業必有因，業必招果，故攝二障。

*(**Sao**: Phiền não là nhân của nghiệp, báo là quả của nghiệp. Nghiệp ắt có nhân, nghiệp ắt chuốc lấy quả. Vì thế, Nghiệp Chướng bao gồm hai thứ chướng kia).*

Nói một mình Nghiệp Chướng là đã bao gồm phiền não trước đó và quả báo sau đó.

(Sao) Trừ chướng quý trừ kỳ bổn, như căn tuyệt bất sanh nha. Nha bất sanh, tắc chi, diệp, hoa, quả tất bất sanh cố.

(鈔)除障貴除其本，如根絕不生芽，芽不生，則枝葉華果悉不生故。

*(**Sao**: Trừ chướng quý ở chỗ trừ tận gốc, như rễ đã đứt chẳng thể nẩy mầm. Mầm chẳng nẩy thì cành, lá, hoa, quả ắt chẳng sanh nữa).*

"Trừ chướng": Có kẻ trừ nơi cành lá, có người trừ nơi cội rễ, tùy thuộc căn tánh của mỗi người. Bậc thượng thượng căn, hàng lợi căn, biết tu từ căn bản, biết đổ công dốc sức từ căn bản. Kẻ căn cơ trung hạ chẳng hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng có cách nào tu từ căn bản. Đức Phật bèn dạy họ tu từ nơi cành lá. Ví như chúng ta thấy một cái cây, chúng ta chẳng muốn cái cây ấy. Người thông minh trừ tận gốc rễ, đào rễ lên, cây đã được bỏ đi rồi. Người ngốc nghếch bèn vặt từng chiếc lá, sau đó, xén từng cành, từng nhánh, cuối cùng mới dần dần trừ tận gốc rễ cây ấy. Quý vị nói xem: [Có phải là] tốn lắm công sức, tốn nhiều thời gian hay không? Trong Phật pháp gọi chuyện này là *"tiệm tu"*. Tiệm tu là dùng phương pháp này, đổ công dốc sức nơi cành, lá.

Phương pháp tu hành ở mức độ cao là đổ công dốc sức nơi căn bản. Thiền là từ căn bản. Thiền có hai hệ phái lớn: Thần Tú và Huệ

Năng đại sư. Đối tượng tiếp dẫn của Thần Tú đại sư là người căn tánh Đại Thừa, vẫn là từ cành, nhánh. Lục Tổ Huệ Năng đại sư tu tập từ căn bản, Ngài tiếp dẫn bậc thượng thượng căn. Tịnh Độ Tông là tu từ căn bản, phải biết điều này. Mật Tông có kẻ tu từ căn bản, mà cũng có kẻ tu từ cành, lá, cho nên thành tựu khác nhau. Tịnh Tông thì bất luận thuộc loại căn tánh nào, thảy đều là tu từ căn bản. Vì sao? Một câu A Di Đà Phật là căn bản của căn bản; bậc thượng căn dùng phương pháp này, kẻ hạ căn cũng dùng phương pháp này. Văn Thù, Phổ Hiền dùng phương pháp này; chúng sanh trong địa ngục A Tỳ cũng dùng phương pháp này. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, có thể nói là về Lý thì có, nơi Sự chẳng có! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ bèn biết: Nơi Sự là bình đẳng. Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, bình đẳng nơi Sự. Trong thế giới này, mỗi người cao hay thấp khác nhau, tướng mạo cũng không giống nhau. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vóc dáng như nhau, tướng mạo hoàn toàn như nhau, đều như A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng chuyện này rành mạch, rõ ràng.

Thế giới ấy gọi là thế giới bình đẳng, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm là sự bất bình đẳng nơi lý luận, trên sự thật là bình đẳng. Vì sao bình đẳng nơi Sự? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói thật thà, chúng ta đới nghiệp vãng sanh, chẳng đoạn phiền não, làm sao có thể bình đẳng cho được? Quyết định là chẳng thể bình đẳng, nhưng do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì [mà bình đẳng], chuyện này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, trong mười phương hết thảy các cõi Phật đều chẳng có chuyện này. Chúng ta gặp gỡ pháp môn này, nhất định phải trân quý. Nếu đời này bỏ lỡ, mong sau này lại được gặp gỡ, đó là chuyện hết sức khó có, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Do đó, trừ chướng phải trừ tận gốc.

(Sao) Kim thử chú trì chi, tắc phiền não bất khởi, thị bạt nghiệp chướng căn bản dã.

(鈔)今此咒持之，則煩惱不起，是拔業障根本也。

*(**Sao**: Nay trì chú này, phiền não chẳng khởi, đó chính là dẹp trừ căn bản của nghiệp chướng vậy).*

Trì chú, quý vị phải hiểu: Nếu chú này thật sự dằn ép vọng tưởng, tạp niệm của chính mình, thì gọi là *"trì chú"*. Đó là công phu đắc lực.

Nếu vừa niệm chú Vãng Sanh, vừa dấy vọng tưởng, đừng nói là ba mươi vạn lần, dẫu ba trăm vạn lần, hoặc ba ngàn vạn lần cũng đều vô dụng. Cổ nhân bảo: *"Gào toác cổ họng vẫn uổng công"*. Vô dụng! Vì sao? Quý vị trì chẳng đúng pháp, chẳng biết dụng tâm! Tu học trong Phật pháp, bất luận pháp môn nào, bất luận tông phái nào, điều khẩn yếu nhất là biết dụng tâm, điều này rất trọng yếu! Chẳng biết dụng tâm, bắt chước hình thức, đó là chẳng sát thực tế, chẳng thể thành tựu. [Bởi lẽ], chỉ có bề ngoài, chẳng có nội dung thực tế! Phật pháp nhấn mạnh thực chất, nói thật ra, hoàn toàn chẳng coi trọng bề ngoài!

(Sao) Như truyện ngôn.
(鈔)如傳言。
*(**Sao**: Như trong truyện có nói).*

Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện đã nói.

(Sao) Nhật dạ các trì tam thất biến.
(鈔)日夜各持三七遍。
*(**Sao**: Ngày đêm đều trì hai mươi mốt lần).*

"Tam thất" là hai mươi mốt lần.

(Sao) Diệt Ngũ Nghịch báng pháp đẳng tội, thị dã.
(鈔)滅五逆謗法等罪，是也。
*(**Sao**: "Diệt các tội như Ngũ Nghịch, báng pháp" v.v... là như vậy đó).*

Thường có những đồng học thấy những câu này, trong tâm sanh ngờ vực. Chú Vãng Sanh chẳng dài, mỗi ngày buổi sáng niệm hai mươi mốt lần, buổi tối niệm hai mươi mốt lần, chẳng khó! Tội Ngũ Nghịch, báng pháp cực nặng, đọa trong địa ngục A Tỳ, làm như vậy mà có thể diệt tội ư? Có thật hay chăng? Quý vị nói thử xem: Thật hay giả? Quý vị có thể thử xem. Cư sĩ Trương Linh niệm ba mươi vạn lần, chẳng có hiệu quả! Đức Phật nói chẳng sai! Tôi vẫn nói một câu: "Chúng ta hiểu sai bét ý nghĩa chân thật của Như Lai".

Đối với khóa tụng sáng tối, tôi cũng đã nói rất nhiều lượt. Dụng ý của khóa tụng sáng tối nhằm nhắc nhở chúng ta: Ngày hôm nay, chúng

ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, phải tuân thủ giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Sáng sớm là nhắc nhở, khóa tối là phản tỉnh. Ngày hôm nay, ta đã làm được chỗ nào, chỗ nào chẳng làm được. Làm được thì phải tiếp tục gìn giữ. Chẳng làm được, ngày mai phải sửa đổi. Đấy mới gọi là "tu tập công khóa sáng tối". Chẳng phải là buổi sáng niệm kinh chú một lần cho Phật, Bồ Tát nghe, buổi tối lại niệm một lần nữa cho các Ngài nghe, căn bản là chẳng liên quan gì tới ngôn ngữ, tạo tác, tư tưởng và hành vi của bản thân chúng ta! Tụng niệm công khóa sáng tối kiểu đó, nói thật ra là có tội lỗi. Tội lỗi gì vậy? Buổi sáng lừa Phật, Bồ Tát một lần; buổi tối lừa lần nữa. Hằng ngày lừa gạt Phật, Bồ Tát, tội lỗi ấy nặng nề!

Nếu quý vị hiểu rõ ý nghĩa này, biết thực hiện công khóa sáng tối như vậy, buổi sáng niệm hai mươi mốt biến Vãng Sanh Chú đến mức thân tâm thanh tịnh, phải gìn giữ sự thanh tịnh ấy suốt cả ngày. Chẳng phải là niệm xong bèn hết chuyện. Đó mới gọi là *"trì chú Vãng Sanh"*. Quý vị đã học mà chẳng thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, học kiểu đó vô dụng, phải học sao cho có thể áp dụng được. Khóa tối lại niệm hai mươi mốt lần, đêm nằm mộng chẳng điên đảo. Ngày đêm thân tâm thanh tịnh, ba mươi vạn lần như vậy, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Lẽ đâu người ấy chẳng tiêu tội nghiệp? Do vậy, chẳng phải là Ngài (đức Phật) [dạy] sai, mà là do chúng ta hiểu sai bét ý nghĩa. [Cứ tưởng bở] "buổi sáng niệm hai mươi mốt lần, buổi tối cứ niệm hai mươi mốt lần là đủ rồi, dẫu tạo tác tội Ngũ Nghịch báng pháp cũng chẳng sao cả! Do ta niệm hai mươi mốt lần chú Vãng Sanh, tội ấy sẽ tiêu tan!" Sai lầm quá đỗi! Đó là đại tà kiến.

Kinh chú và Phật hiệu xác thực là có công đức và oai thần chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, người tu hành chúng ta đều hiểu sai ý nghĩa, toàn làm theo hình thức, làm bề ngoài, chẳng nghiêm túc và đổ công dốc sức nơi tâm địa trên thực tế. Nếu thật sự dụng công nơi tâm địa, nói thật ra, sẽ thâu hoạch chẳng có cách nào hình dung được! Do vậy, lợi ích chân thật trong Phật pháp chẳng phải là đạt được trong tương lai, mà là đạt được ngay trong hiện tại! Quý vị hoàn toàn chuyển biến cảnh giới, tuyệt đối chẳng giống như trong quá khứ khi chưa học Phật, mà cũng chẳng giống hết thảy mọi người trong thế gian này; xác thực là đã khế nhập cảnh giới ứng hóa trên thế gian của Phật, Bồ Tát. Ở trong thế gian này, hòa quang đồng trần với mọi người, du hý thần thông, sung sướng khôn sánh! Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, sung sướng lắm!

Đó là sự hưởng thụ chân thật. Quý vị chẳng nhập cảnh giới, sẽ chẳng đạt được lợi ích ấy, mà cũng chẳng đạt được niềm hoan hỷ ấy. Do đó, đọc kinh, niệm chú Vãng Sanh, hay niệm danh hiệu A Di Đà Phật đều được, [nghĩa là] đều có thể đạt tới cảnh giới ấy, tức là quý vị phải biết dụng công, tu hành đúng lý, đúng pháp. Phải hiểu lý luận và đạo lý được nói trong kinh điển, phải tương ứng với Lý. Chúng ta phải hiểu rõ những phương pháp đã dạy trong kinh điển, phải thực hiện được, phải tương ứng với pháp, quý vị mới có thể đạt được lợi ích và công đức chân thật trong Phật pháp.

(Sao) Đắc sanh Tịnh Độ giả, luân hồi Sa Bà, giai diêu nghiệp chướng.

(鈔)得生淨土者，輪迴娑婆，皆繇業障。

*(**Sao**: "Được sanh về Tịnh Độ": Luân hồi Sa Bà, đều do nghiệp chướng).*

Hiểu cái nhân sanh tử luân hồi ở chỗ nào? *"Nhân"* (因) là tạo nghiệp. Vì sao có thể tạo nghiệp? Vì có phiền não. Tạo nghiệp, sau đấy mới có quả báo luân hồi trong lục đạo. Nếu nghiệp chướng đã không còn, đương nhiên là phiền não cũng chẳng có. Phiền não vẫn còn, chắc chắn là nghiệp chướng chẳng rỗng không! Vì thế, để tiêu nghiệp chướng, nhất định là phải đoạn phiền não. Phiền não đã đoạn, nhất định là sẽ tiêu nghiệp chướng.

(Sao) Nghiệp chướng ký không, uế độ chủng diệt.

(鈔)業障既空，穢土種滅。

*(**Sao**: Nghiệp chướng đã rỗng không, hạt giống của uế độ bèn diệt).*

"Uế độ" là lục đạo luân hồi. Chủng tử lục đạo luân hồi chẳng có, cái nhân của lục đạo luân hồi chẳng có, đương nhiên là hiện tượng của quả báo lục đạo luân hồi chẳng có. Vĩnh Gia đại sư nói: *"Giác hậu, không không vô đại thiên"* (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). *"Đại thiên"* là lục đạo.

(Sao) Tùy nguyện vãng sanh.

(鈔)隨願往生。

*(**Sao**: Tùy nguyện vãng sanh).*

Vãng sanh nhất định là thuận theo nguyện vọng của chính mình, mong nhất định đạt tới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Cố đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.
(鈔)故得生阿彌陀佛極樂國土。
*(**Sao**: Vì thế, được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).*

Đây là nói nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ, nhất định được vãng sanh. Chư vị phải ghi nhớ, ở đây là nói theo Mật Chú, nhưng những điều được dạy trong phần kinh văn trước đó cũng tuân theo nguyên tắc này. Vì thế, chúng ta niệm Phật có thể vãng sanh hay không? Niệm Phật, nghiệp chướng đã tiêu trừ thì mới có thể vãng sanh. Đối với chuyện *"đới nghiệp vãng sanh"*, cổ đại đức đã giải thích rất rõ ràng. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao cũng giảng rất rõ ràng: Mang theo nghiệp quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tại. Trong quá khứ, do chẳng học Phật, nên không biết. Đã tạo nghiệp vẫn có thể tha thứ, quý vị có thể mang theo được. Đã học Phật, biết đó là chuyện xấu mà vẫn cứ làm, chẳng thể chấp nhận được, mà cũng chẳng thể mang theo nghiệp ấy được! Chỉ có thể mang theo nghiệp cũ, chẳng thể mang theo nghiệp mới. Chư vị nhất định phải biết điều này.

Đấy là chỗ thù thắng của pháp môn này so với hết thảy các pháp môn khác. Nói thật ra, trong những pháp môn khác, ngay cả nghiệp quá khứ cũng chẳng thể mang theo. Nhất định là phải tiêu trừ sạch sành sanh thì mới có thể thoát khỏi tam giới. A La Hán thoát khỏi tam giới, Tứ Quả A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, cũng có nghĩa là hai mươi sáu loại phiền não được nói trong Bách Pháp Minh Môn thảy đều đoạn tận, Ngài mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Do Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não đều chưa phá, cho nên Ngài chưa thể kiến tánh. Đối với pháp môn này, chúng ta chẳng cần đoạn hết Kiến Tư phiền não, chỉ cần đoạn trừ hiện hành là được rồi. Hiện hành là gì? Nay chẳng phát khởi, thế là được rồi! Chứ nay vừa niệm Phật, vừa phát tác [những phiền não], vô dụng! Chư vị phải ghi nhớ điều này, quyết định chẳng để cho [các phiền não] dấy lên hiện tiền. Hiện thời, nhất định là phải tu thân tâm thanh tịnh. Chuyện này rất khẩn yếu, nó chính là mấu chốt khiến cho chúng ta trong một đời này niệm Phật có thể vãng sanh hay không?

(Sao) Tổng trì giả, tổng thống nhiếp trì, cánh vô di thất, tức chú chi biệt danh dã.

(鈔)總持者，總統攝持，更無遺失，即咒之別名也。

*(**Sao**: "Tổng trì": Bao gồm, duy trì hết thảy, trọn chẳng để sót mất. Đấy chính là tên gọi khác của Chú).*

Chú còn gọi là Tổng Trì. Đấy chính là ý nghĩa của chữ Đà La Ni.

(Sao) Truyện danh Bất Tư Nghị Thần Lực giả, tức kinh danh Bất Tư Nghị Công Đức dã.

(鈔)傳名不思議神力者，即經名不思議功德也。

*(**Sao**: Truyện có tên là Bất Tư Nghị Thần Lực, tức là nói đến trong danh hiệu của kinh có chữ "công đức chẳng thể nghĩ bàn").*

Kinh này (kinh Di Đà) là Bất Tư Nghị Công Đức Kinh, nên chú Vãng Sanh cũng là Bất Tư Nghị Thần Lực Chú.

(Sao) Trì chú, trì danh, tức đắc vãng sanh, cố đồng danh Bất Tư Nghị.

(鈔)持咒持名，即得往生，故同名不思議。

*(**Sao**: Trì chú hay trì danh bèn được vãng sanh, nên cùng gọi là Bất Tư Nghị).*

Chú, nói thật ra, là mật thuyết của kinh, có thể nói là tông chỉ và nghĩa thú hoàn toàn giống như kinh. Hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này.

Tập 287

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ tám:

Tống Nguyên Gia Thiên Trúc Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La dịch.

宋元嘉天竺三藏求那跋陀羅譯。

(Đời Tống, trong niên hiệu Nguyên Gia, Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La người xứ Thiên Trúc dịch).

Trong kinh Phật, điều này được gọi là *"nhân đề"* (人題). Vì kinh Phật do đức Thế Tôn giảng tại Ấn Độ trong thuở ấy; về sau, các đệ tử của Ngài dùng văn tự ghi chép lại, trở thành kinh điển. Những bản ghi chép nguyên thủy đều dùng tiếng Phạn (Sankrit) để viết. Tiếng Phạn là cổ văn Ấn Độ. Sau khi được truyền đến Trung Hoa, nhất định là phải dịch sang tiếng Hán thì mới có thể lưu thông tại Trung Hoa. Do vậy, mỗi bộ kinh đều có *"phiên dịch nhân đề"*, [tức là] do người nào phiên dịch. Ở chỗ này, chúng ta ắt cần phải hiểu: Phiên dịch kinh Phật là công sức trước tác tập thể, chẳng phải do một người nào đó phiên dịch. Phật pháp truyền đến Trung Hoa là do chính quyền Trung Hoa vời thỉnh. Vào thời cổ, đế vương sai đặc sứ sang Tây Vực thỉnh vời cao tăng đại đức đến Trung Hoa. Vì thế, sau khi các Ngài đã tới Trung Hoa, bèn được đãi ngộ cao nhất bằng phương cách lễ ngộ. Đế vương Trung Hoa dùng lễ quốc sư đối với các vị ấy, [tức là coi các Ngài là] *"thầy của đế vương"*. Dùng lễ nghi ấy để tiếp đãi, hết sức long trọng. Vì đế vương tôn trọng hàng xuất gia như vậy, tục ngữ thường nói là *"thượng hành, hạ hiệu"* (trên hành, dưới làm theo), thần dân thấy đế vương tôn trọng người xuất gia dường ấy, dân chúng và quan viên văn võ bèn đặc biệt tôn trọng [người xuất gia]. Do đó, tại Trung Hoa, Phật giáo có địa vị rất cao tột!

Phiên dịch kinh điển có tổ chức, giống như hội đồng phiên dịch do quốc gia thành lập trong hiện thời. Đã thế, tổ chức ấy khá to lớn, dùng tài lực của quốc gia và nhân lực toàn quốc để duy trì. Gần như các vị chuyên gia ngữ văn, những học giả thế gian và xuất thế gian thuở ấy đều tham gia công tác phiên dịch. Nhưng tựa đề kinh chỉ ghi tên một vị, vị ấy chính là "chủ tịch" của viện dịch kinh, giống như hiệu trưởng trong một trường học, dùng vị ấy làm đại biểu. Đừng nên nghĩ bộ kinh này chỉ do [một mình] Ngài phiên dịch, mà là do dịch trường của Ngài phiên dịch, [hiểu như vậy] là đúng. Sử truyện ghi chép khá cặn kẽ dịch trường của La Thập đại sư, kinh Di Đà do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch. Dịch trường của La Thập đại sư có hơn bốn trăm người, có thể thấy là biên chế của cơ cấu ấy khá to lớn. Dịch trường của Huyền Trang đại sư đời Đường quy mô còn to hơn nữa, có hơn sáu trăm người!

Nhìn lại chúng ta trong hiện thời. Hiện thời vì giao thông phát triển, thông tin phát triển, gần như toàn thể địa cầu biến thành một khu vực. Chỗ nào phát sanh một tí sự việc, chúng ta lập tức biết ngay. Địa cầu thu nhỏ, mối quan hệ giữa con người với nhau, mối quan hệ giữa các quốc gia trở nên ngày càng mật thiết. Mối quan hệ giữa nước này với

nước kia đúng là giống như xóm giềng. Nếu muốn thật sự đạt tới thế giới hòa bình, cùng tồn tại phát triển, chỉ có cách trao đổi văn hóa thì mới có thể kiến lập một nhận thức chung, mà cũng là [hình thành] một quan niệm cộng đồng. Dựa trên quan niệm ấy thì mới có thể đạt tới sự tồn tại phát triển chung, đối xử hòa thuận với nhau. Nếu không chú trọng phương diện này, thế giới loạn lạc, chúng sanh khổ sở là chuyện chắc chắn chẳng thể tránh khỏi! Xét theo nền văn hóa của toàn thể thế giới, Phật giáo là một mắt xích rất trọng yếu. Kinh điển trên thế giới hiện thời, có kinh điển bằng tiếng Hán hoàn chỉnh, kinh điển bằng tiếng Tây Tạng; đối với kinh điển Tiểu Thừa, trừ Hán văn ra, còn có [kinh điển chép bằng] tiếng Ba Lợi (Pāḷi, tiếng Nam Phạn). Kinh điển bằng tiếng Nhật là dịch từ tiếng Hán, chỉ dịch một phần.

Hiện thời, Phật giáo thuận theo thời đại to lớn này mà truyền sang phương Tây, truyền bá đến mỗi quốc gia, mỗi khu vực trên thế giới. Công tác dịch kinh là một vấn đề to lớn trọng yếu nhất trong hiện thời! Làm thế nào để dịch từ tiếng Hán, từ tiếng Tây Tạng, hoặc tiếng Ba Lợi sang văn tự của các nước khác trên thế giới? Trong nhiều năm qua, cũng có người thực hiện công tác này, nhưng hiệu quả của công tác phiên dịch ấy đều có vấn đề. Thí dụ như lão cư sĩ Trầm Gia Trinh[117] ở Nữu Ước,

[117] Trầm Gia Trinh (1913-2007), sanh ở Hàng Châu, quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Cụ là một doanh nhân rất thành công tại Trung Hoa và Mỹ, đồng thời là một đại cư sĩ Phật giáo, đã có công lao to lớn trong việc truyền bá Phật giáo tại vùng Nữu Ước. Năm 1937, cụ tốt nghiệp trường đại học giao thông Thượng Hải về ngành điện cơ, làm việc trong Tư Nguyên Ủy Viên Hội (ủy hội Tài Nguyên) của chánh quyền Quốc Dân Đảng. Cụ được chánh quyền Dân Quốc giao phó công tác làm đại diện liên lạc với công ty Siemens của Đức tại Berlin để mua sắm thiết bị. Sau khi trở về nước, cụ đảm nhiệm chức vụ công trình sư tại công xưởng điện Trung Ương ở Côn Minh (Vân Nam). Do đầu óc thực tiễn và tháo vát, cụ đã thành lập nhiều công ty cá nhân rất thành công, đồng thời có đủ tiền để bảo trợ giáo sư Tạ Dục Tấn nghiên cứu chế thành công thuốc trị bạch hầu tại Trung Hoa. Năm 1950, do sang Ấn Độ, quen biết giáo sư Trương Trừng Cơ, hai người trở thành bạn tâm giao và tích cực cộng tác với nhau trong việc hoằng dương Phật pháp. Năm 1952, cụ dời gia đình sang Luân Đôn, sau đó di cư sang Mỹ. Khi đến Mỹ, toàn bộ tài sản tích lũy trước đó đã bị tiêu mất trong thời chiến tranh Quốc Cộng tại Hoa Lục, cả gia đình phải sống chen chúc trong một căn apartment nhỏ hẹp. Không nản lòng, cụ mày mò tìm cách chế tạo tủ kem và các máy móc làm kem. Sau đó, thành lập công ty Tín Dụng Đại Tây Dương, thành công ký kết thương vụ thuyền vận tải với Thổ Nhĩ Kỳ, bắt đầu kinh doanh ngành vận chuyển. Nhận lời mời của Roger Kyes (phó tổng giám đốc hãng General Motors thời ấy), cụ cùng với bạn hữu thành lập công ty vận chuyển, thành công ký kết thương vụ chuyên chuyển dầu cho Đài Loan. Cụ thành lập liên

Hoa Kỳ, hết sức nhiệt tâm hoằng dương Phật pháp, đã thỉnh không ít người làm công tác dịch kinh điển từ tiếng Hán sang tiếng Anh, phiên dịch rất nhiều. Tôi ở Nữu Ước, lão nhân gia bảo tôi: "Những bản dịch ấy chẳng thể xuất bản, nguyên nhân ở chỗ nào?" Người phiên dịch tiếng Hán lẫn tiếng Anh đều thông thạo, nhưng thiếu sự tu dưỡng kha khá nơi Phật pháp, chỉ dựa theo mặt chữ để dịch, nên ý nghĩa chẳng đúng! Đây là một nan đề rất lớn! Do đó, tại dịch trường xưa kia, vì sao có khá nhiều người tham gia? Mọi người cùng nhau nghiên cứu, thảo luận; mỗi chữ, mỗi câu đều phải cân nhắc. Nếu dùng phương pháp phiên dịch tập thể như thời cổ, vấn đề này có thể giải quyết. Hiện thời, dịch kinh do cá nhân thực hiện, mỗi cá nhân có thành kiến của chính mình. Đó là điều then chốt khiến cho bản dịch chẳng thể lưu thông khắp nơi! [Bản dịch] đã được đại chúng nghiên cứu, thảo luận, sẽ là khách quan, sai lầm được giảm thiểu đến mức độ thấp nhất.

Đối với vấn đề này, tôi nêu ra một ý kiến nho nhỏ cùng Trầm lão cư sĩ: Nếu lại có cơ hội phiên dịch, thí dụ như quý vị dịch kinh Kim Cang, quý vị nhất định phải thăm dò, hiện tại trên thế giới, bất cứ nơi nào thuộc quốc gia nào, hễ có vị pháp sư đại đức nào thật sự nghiên cứu, tu học kinh Kim Cang, hãy mời vị ấy đến giảng. Tất cả các nhân viên tham dự dịch kinh đều đến nghe, nghe vị ấy giảng cặn kẽ. Người phiên dịch dụng tâm để nghe, hễ có câu hỏi nào, bèn thưa hỏi, cốt sao đối với ý nghĩa trong kinh thảy đều lý giải thông suốt, chẳng có mảy may chướng ngại nào. Sau đấy, chọn ra mấy người dịch nháp, viết lại bản dịch của họ. Sau đấy, lại dùng bản dịch nháp để các nhân viên tham gia dịch kinh nghiên cứu, thảo luận, cũng giống như xưa kia, từng chữ, từng câu [đều

---

tiếp nhiều công ty, nổi tiếng nhất là công ty vận chuyển GATC của Hoa Kỳ, trở thành nhà đại tư bản. Tuy rất thành công trong kinh doanh, kể từ năm 1960, cụ vẫn dành nhiều thời gian để vận động và xúc tiến thành lập Mỹ Quốc Phật Giáo Hội, Thế Giới Tôn Giáo Nghiên Cứu Viện, và Dịch Kinh Viện. Năm 1965, cụ và vợ cùng đứng tên mua đứt một tòa cao ốc lớn ở Nữu Ước, quyên tặng cho hội Phật giáo Mỹ Quốc để tạo lập chùa Đại Trang Nghiêm. Trước đó, ba vị pháp sư Nhân Tuấn, Thánh Nghiêm và Mẫn Trí đã xướng suất ý tưởng lập tự viện tại Nữu Ước, nhưng mãi cho đến khi được vợ chồng cụ quyên tặng tòa cao ốc, xúc tiến các thủ tục pháp lý, cũng như bảo trợ tài chánh, chùa Đại Trang Nghiêm mới xây dựng thành công. Cụ đã tiên phong trong việc computer hóa các tài liệu kinh điển Phật giáo, cũng như dùng CD để bảo tồn hình chụp các văn bản quý. Cụ đã hợp tác với pháp sư Ấn Thuận thành lập Dịch Kinh Viện tại Phước Nghiêm Tinh Xá, dịch kinh Đại Bảo Tích sang tiếng Anh và xuất bản tại Nữu Ước.

được cân nhắc kỹ lưỡng], khiến cho văn lẫn nghĩa đều có thể đạt tới mức độ rất chánh xác, chẳng đến nỗi hiểu lầm. Phiên dịch như vậy, tôi tin tưởng là lưu thông ở phương Tây sẽ chẳng thành vấn đề.

Dịch kinh tuyệt đối chẳng phải là một người có thể làm được, tuyệt đối chẳng phải là một hai người, hoặc dăm ba người mà có thể làm được, chẳng được! Vẫn phải là như trước kia, dịch trường gồm mấy trăm người. Đó là [cách thực hiện] cao minh nhất! Do vậy, người Hoa có phước báo lắm! Phương pháp dịch kinh hết sức nghiêm cẩn. Những người tham dự cũng đều là bậc có đạo đức, có học vấn, đối với văn tự của hai nước và Phật pháp đều có sự tu dưỡng kha khá. Kiến lập dịch trường như vậy, dịch kinh điển từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, sẽ phiên dịch thật sự tốt đẹp.

Trước kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ có lần thảo luận với tôi về chuyện phiên dịch kinh luận, chúng tôi có đề cập một hiện tượng rất kỳ quái. Kinh điển từ Ấn Độ bằng tiếng Phạn truyền sang Trung Hoa với một số lượng lớn, sau khi được dịch thành tiếng Hán, nguyên văn đã đi đâu cả rồi? Kinh điển tiếng Phạn nhiều dường ấy, nghiễm nhiên chẳng bảo lưu, gần như bị thất truyền tại Trung Hoa. Phương tiên sinh có một phỏng đoán, lời phỏng đoán của cụ cũng rất có lý. Cụ nói: *"Người Hoa hết sức tự hào, cho rằng: Kinh Phật do chúng ta phiên dịch, không chỉ là bảo tồn viên mãn ý nghĩa, chẳng đánh mất ý nghĩa gốc. Xét theo văn tự, lại còn bóng bảy, đẹp đẽ hơn [bản gốc bằng] tiếng Phạn. Tiếng Hán có thể thay thế trực tiếp tiếng Phạn; chẳng cần đến kinh điển tiếng Phạn nữa"*. Đó là kiến giải của Phương tiên sinh, chúng tôi nghe cụ nói cũng cảm thấy hết sức có lý. Xác thực là kinh điển tiếng Hán đã được phiên dịch tốt đẹp.

"Nhân đề" (人題) là [tên của] người chủ trì dịch trường. Dịch trường lần này là do tôn giả Cầu Na Bạt Đà La làm chủ tịch dịch trường. *"Tống"* (宋) là triều đại. Triều đại Tống này thuộc thời Nam Bắc Triều, tức các triều đại Tống, Tề, Lương, Trần. Lưu Dụ[118] kiến lập chánh quyền, xưng là Tống, thủ đô là Nam Kinh hiện thời, niên đại của vương triều này từ năm 420 cho đến 479 Công Nguyên. Nguyên Gia (元嘉) là niên hiệu. *"Thiên Trúc"* là Ấn Độ, là quê hương của pháp sư. *"Tam Tạng"* là học vị của Ngài, Ngài thông đạt Tam Tạng kinh, luật, luận. Vào thời cổ,

[118] Ở đây, trong nguyên bản, người ghi lại lời giảng đã chép sai chỗ này! Người sáng lập nhà Lưu Tống là Lưu Dụ (劉裕), không phải là Lưu Dự (劉豫).

nếu chẳng phải là Tam Tạng pháp sư, chẳng có tư cách chủ trì dịch trường. Cầu Na Bạt Đà La là tên Ngài.

(Sớ) Tống giả, Nam Bắc triều quốc danh. Nguyên Gia giả, niên hiệu. Thiên Trúc giả, Tây Vực quốc danh. Cầu Na Bạt Đà La, thử vân Công Đức Hiền.

(疏)宋者，南北朝國名。元嘉者，年號。天竺者，西域國名。求那跋陀羅，此云功德賢。

*(**Sớ**: Tống là tên nước thời Nam Bắc Triều. Nguyên Gia là niên hiệu. Thiên Trúc là tên một nước ở Tây Vực. Cầu Na Bạt Đà La cõi này dịch là Công Đức Hiền).*

Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra)[119] là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Công Đức Hiền, tên Ngài bao hàm ý nghĩa này.

(Sao) Tống ngôn Nam Bắc giả, thời phương Nam Bắc phân vương.

(鈔)宋言南北者，時方南北分王。

*(**Sao**: Đối với nhà Tống mà nói là Nam Bắc, vì thời điểm và nơi chốn khi ấy nhằm đúng thời kỳ đất nước chia thành các vương triều Nam và Bắc khác nhau).*

Thời đó là chính là thời đại Nam Bắc Triều[120] nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa, nhằm thời đại Ngũ Hồ Loạn Hoa.

---

[119] Cầu Na Bạt Đà La (394-468) là một vị pháp sư Đại Thừa xuất thân từ vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha). Sư thuộc dòng Bà La Môn, do đọc Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận bèn quy y Phật pháp. Ngài tinh thông giáo nghĩa Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Do Ngài hoằng dương Đại Thừa, nên còn có mỹ hiệu là Ma Ha Diễn (Đại Thừa). Ngài đã từng sang tận Tích Lan để học pháp. Ngài đến Trung Hoa năm 435 cùng với pháp sư Cầu Na Bạt Ma (Gunavarma). Cả hai vị đều được Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) dùng lễ quốc sư đối đãi. Ngài dịch rất nhiều bản kinh, trong đó nổi tiếng nhất là kinh Lăng Già, và do vậy, Ngài được tôn xưng là thỉ tổ của những vị giảng sư về kinh Lăng Già. Tổ Bồ Đề Đạt Ma là học trò của Ngài. Ngoài kinh Lăng Già, một bộ kinh khác do Ngài dịch đặc biệt được người học Giáo tại Trung Hoa hâm mộ, nghiên cứu và chú sớ khá nhiều là bộ Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh.

[120] Nam Bắc Triều là thời kỳ lịch sử phức tạp nhất trong lịch sử Trung Hoa kéo dài từ năm 420 đến năm 589, kể từ khi Lưu Dụ soán ngôi nhà Đông Tấn, lập ra nhà

(Sao) Tống vương Giang Nam, vị Lưu Tống dã.
(鈔)宋王江南，謂劉宋也。
*(**Sao**: Nhà Tống làm vua ở Giang Nam, gọi là Lưu Tống).*

"Vương" có nghĩa là thống trị, nghĩa là triều đại ấy thống trị vùng Giang Nam[121]. Triều đại Tống do Lưu Dụ[122] sáng lập, truyền được tất cả tám đời, tổng cộng là năm mươi chín năm.

Tống, cho đến khi nhà Tùy diệt nhà Trần của Nam Triều vào năm 589. Do Trung Hoa lúc ấy bị chia thành hai triều đại song song giữa hai miền Nam và Bắc nên gọi là Nam Bắc Triều. Nam Triều bao gồm bốn triều đại Tống (do Lưu Dụ sáng lập), Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Lương (do Tiêu Diễn sáng lập), Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập) nối tiếp nhau. Bắc Triều bao gồm Bắc Ngụy (do Thác Bạt Khuê sáng lập, còn gọi là nhà Nguyên Ngụy), Đông Ngụy (do Nguyên Thiện Kiến (chắt của Thác Bạt Khuê) sáng lập. Thật ra, nhà vua là con rối trong tay quyền thần Cao Hoan), Tây Ngụy (do Nguyên Bảo Cự sáng lập, thật ra cũng là một con rối khác do quyền thần Vũ Văn Thái điều khiển. Cả hai nhà Ngụy này đều do Bắc Ngụy tách ra), Bắc Tề (do Cao Dương sáng lập) và Bắc Châu (do Vũ Văn Giác sáng lập) lần lượt cai trị miền Hoa Bắc. Nói cách khác, Tề và Châu chính là hai nước Đông Ngụy và Tây Ngụy bị quyền thần soán vị rồi đổi tên. Thật ra, Ngũ Hồ Loạn Hoa là giai đoạn trước thời kỳ này, khi các dân tộc ngoài biên cương vào Trung Hoa sáng lập ra mười sáu nước lớn nhỏ, Sử gọi chung là thời Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Trong các triều đại thời Nam Bắc Triều, các dòng họ Thác Bạt (đến đời vua Ngụy Hiến Văn Đế (Thác Bạt Hoành) bèn đổi họ Thác Bạt thành Nguyên), Vũ Văn, và Cao đều thuộc sắc tộc Tiên Ty.

[121] Giang Nam là từ ngữ chỉ chung miền Nam Trung Hoa kể từ bờ Nam của Trường Giang (sông Dương Tử), đôi khi còn được gọi không chánh xác là Mân Việt (tuy Mân Việt chỉ là một phần của Giang Nam). Nói chung, từ ngữ Giang Nam chỉ các tỉnh Nam Trung Hoa, chủ yếu là phần lãnh thổ thuộc trung và hạ lưu Trường Giang, bao gồm phía Nam tỉnh Giang Tô, Chiết Giang, phía Nam tỉnh An Huy, Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phước Kiến, không kể các tỉnh Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây. Hiểu theo nghĩa rất hẹp, Giang Nam chỉ bao gồm phía Nam tỉnh Giang Tô, phía Bắc Chiết Giang và phía Nam sông Hoàn, tức là vùng lưu vực sử dụng tiếng Ngô, bao gồm Tô Châu, Thường Châu, Tùng Giang, Gia Hưng, Hồ Châu, Hàng Châu, Thiệu Hưng, Ninh Ba, Huy Châu v.v… Trong thời Nam Bắc Triều, lãnh thổ nhà Lưu Tống rộng nhất, phía Bắc đến tận bờ Nam của Hoàng Hà, phía Tây đến rặng Tuyết Sơn của Tứ Xuyên, phía Nam bao gồm Quảng Đông, Vân Nam, Quảng Tây, Bắc Bộ Việt Nam (đến tận ranh giới nước Lâm Ấp).

[122] Lưu Dụ (363-422), tự là Đức Dư, biệt danh Đức Hưng, tiểu tự là Ký Nô, người huyện Bành Thành. Để tăng oai thế, ông tự xưng là cháu đời thứ hai mươi hai của Sở Vương (Lưu Giao, em ruột Hán Cao Tổ Lưu Bang). Tuy gia cảnh bần hàn, học thức rất kém, chỉ biết đọc nhấp nhem vài chữ, nhưng Lưu Dụ là người thông minh, quả

(Sao) Nguyên Gia giả, Văn Đế Nguyên Gia mạt niên dã.
(鈔)元嘉者，文帝元嘉末年也。
*(**Sao**: Nguyên Gia: Nói tới những năm cuối trong niên hiệu Nguyên Gia thời Văn Đế).*

Văn Đế[123] là vua đời thứ hai của nhà Lưu Tống. Trong vương triều ấy, Văn Đế là nhà cai trị sáng suốt nhất, xã hội cũng hết sức an định. Cả triều đại chỉ tồn tại năm mươi chín năm, Văn Đế làm hoàng đế tới ba mươi năm.

(Sao) Thiên Trúc, nhất vân Thân Độc.
(鈔)天竺，一云身毒。
*(**Sao**: Thiên Trúc còn gọi là Thân Độc).*

"Thân Độc"[124] nay nói là Ấn Độ, âm đọc cũng rất tương cận, đều là phiên âm.

(Sao) Hữu Ngũ Thiên Trúc, giai Tây Vực dã.
(鈔)有五天竺，皆西域也。

---

quyết. Ông đầu quân dưới trướng của tướng Tôn Vô Chung, lập nhiều công lao, dễ dàng chiếm được lòng tin cậy của tướng nhà Tấn là Lưu Kính Tuyên, lần lượt thăng tiến rất nhanh. Cuối cùng trở thành quyền thần của nhà Đông Tấn, nhất là khi giúp vua Tấn diệt phản thần Hoàn Huyền. Do tham vọng, ông tìm cách giết chết Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông), đưa em trai Tấn An Đế (Tư Mã Đức Văn) lên ngôi, tức Tấn Cung Đế, để dễ bề khống chế. Cuối cùng, năm 420, ông ép Cung Đế nhường ngôi cho mình làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là Tống, đặt niên hiệu là Vĩnh Sơ, nhưng Lưu Dụ chỉ làm vua được hai năm thì mất.

[123] Tống Văn Đế (407-453) làm vua từ năm 424 đến năm 453, tên thật là Lưu Nghĩa Long, tên hồi bé là Xa Nhi, là con trai thứ ba của Tống Vũ Đế (Lưu Dụ). Ông được tôn lên làm vua sau khi Tống Thiếu Đế (Lưu Nghĩa Phù, con trưởng của Lưu Dụ) bị bá quan phế truất.

[124] Thân Độc là phiên âm của Sindhu (tức sông Indus hiện thời); đó là tên cổ bằng tiếng Phạn của Ấn Độ. Do thời cổ, chữ Độc và Trúc đọc gần giống nhau, nên thường viết trại chữ Thân Độc thành Thiên Trúc. Cổ thư đôi khi phiên âm chữ này thành Hiền Đậu, Quyên Đốc, hoặc Kiền Đốc do mô phỏng chữ Hindu là cách đọc trại âm chữ Sindhu thành Hinduš của người Ba Tư. Tới khi người Hy Lạp xâm chiếm Ấn Độ, họ lại đọc trại chữ Hindu lần nữa thành chữ Indos, và cư dân bản xứ cũng chấp nhận cách gọi này. Từ đó mới hình thành tên gọi India khi người Anh biến Ấn Độ thành thuộc địa.

*(**Sao**: Có năm xứ Thiên Trúc đều thuộc về Tây Vực).*

Thời đó, [cổ nhân nói Ấn Độ] ở phía Tây Trung Hoa, nay chúng ta biết Ấn Độ nằm ở phía Tây Nam Trung Hoa. Vì sao nói là phương Tây? Vì giao thông thuở đó đều là theo phương Tây mà đi, sau khi đã đến Thông Lãnh[125] bèn đi theo phương Nam, sẽ đến được Ấn Độ. Tây Vực (西域) thuở ấy chính là một giải Tân Cương[126] và A Phú Hãn (Afghanistan) hiện thời.

(Sao) Bạt Đà bác thông Tam Tạng, vưu chuyên Đại Thừa, hiệu Ma Ha Diễn.

(鈔)跋陀博通三藏，尤專大乘，號摩訶衍。

*(**Sao**: Ngài Cầu Na Bạt Đà La thông hiểu rộng rãi Tam Tạng, nhất là chuyên tinh Đại Thừa, có hiệu là Ma Ha Diễn).*

Đây là nói *"đức học"* (đức hạnh và học vấn) của vị pháp sư này. *"Đức"* (德) là sự tu trì của Ngài, *"học"* (學) là Ngài có một nền học thức

---

[125] Thông Lãnh chính là vùng cao nguyên thuộc bổn địa Pamir. Đây là một nơi bắt buộc phải đi qua khi từ Trung Hoa sang Ấn Độ vào thời cổ. Theo cổ thư, do vùng cao nguyên này trồng nhiều hành nên gọi là Thông Lãnh (蔥嶺: rặng củ hành). Pamir là vùng núi phát xuất sơn mạch chính của nhiều rặng núi nổi tiếng tại châu Á như Hy Mã Lạp Sơn, Hưng Đô Khố Thập Sơn (Hindu Kush), Thiên Sơn, Côn Luân Sơn, Khách Lạt Côn Luân Sơn (Karakoram) v.v… nên được gọi là *"xương sống của châu Á"* hoặc *"mái nhà thế giới"*. Vùng này hiện thời chủ yếu thuộc tỉnh Gorno Badakhshan của nước Tajikistan (Çumhurii Toçikiston, còn phiên âm là Tháp Cát Khắc Tư Thản), một phần thuộc về nước Kyrgyzstan (Cát Nhĩ Cát Tư), A Phú Hãn, và một phần thuộc vùng Tân Cương của Trung Hoa.

[126] Tân Cương có tên gọi chính thức hiện thời là Tân Cương Duy Ngô Nhĩ Tự Trị Khu (Xinjiang Uyghur Autonomous Region), bao gồm toàn bộ vùng đất gọi là East Turkestan (Đông Đột Quyết) thời cổ. Đây là một tỉnh nằm ở phía Tây Bắc Trung Hoa, thủ phủ là Ô Lỗ Mục Tề (Ürümqi), có diện tích chiếm đến một phần sáu lãnh thổ Trung Hoa. Tỉnh này chính là địa bàn của nhiều vương triều cổ, thường gọi chung là Tây Vực, như Nhục Chi, Lâu Lan (Nhu Nhiên, Thiện Thiện), Nhược Khương, Ô Xá, Tây Dạ, Tử Hợp, Tiểu Uyển, Tinh Tuyệt, Thả Mạt, Vu Điền, Nhung Lô, Cừ Lặc, Quy Tư, Sớ Lặc, Úy Đầu, Cao Xương v.v… Tên gọi Tân Cương được đặt ra khi vua Càn Long sai tướng dẹp tan các cuộc nổi dậy của dân Hồi và Mông Cổ, sát nhập vùng đất này vào bản đồ của đế quốc Đại Thanh. Chính quyền Hoa Lục gọi vùng này là Duy Ngô Nhĩ Tự Trị Khu vì người Uighur (Duy Ngô Nhĩ) chiếm đa số ở vùng này.

hết sức uyên bác. Tam Tạng kinh điển đều thông đạt. Đối với Đại Thừa, Ngài có bản lãnh đặc biệt sâu xa. *"Ma Ha Diễn"* (Mahāyāna) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Đại Thừa.

(Sao) Thần dị phi nhất, bị tải truyện ký, khủng phồn bất tự.

(鈔)神異非一，備載傳記，恐繁不敘。

*(**Sao**: Sự thần dị của Ngài chẳng phải chỉ có một, có chép đầy đủ trong truyện ký, do sợ rườm rà nên chẳng thuật).*

Trong Cao Tăng Truyện có truyện ký của Ngài. Ở đây, chẳng rườm lời! *"Thần dị phi nhất"*: Ngài có thần thông, người hiện thời gọi là "công năng đặc dị". Trong Thần Tăng Truyện, cũng có truyện ký của Ngài. Tại Trung Hoa, từ bộ Cao Tăng Truyện, đối với những vị có biểu hiện thần thông rõ rệt, người đời sau bèn gom [truyện ký của] những vị ấy vào một chỗ, [soạn thành sách] gọi là Thần Tăng Truyện.

(Sao) Nhất bổn Đà hạ vô La tự.

(鈔)一本陀下無羅字。

*(**Sao**: Có bản [chép tên người dịch chú Vãng Sanh] sau chữ Đà chẳng có chữ La).*

[Tức là] Cầu Na Bạt Đà. Chú Vãng Sanh có hai phiên bản, có bản ghi là do ngài Cầu Na Bạt Đà La phiên dịch, bản kia ghi là ngài Cầu Na Bạt Đà phiên dịch. Rốt cuộc là vị nào? Chẳng biết rõ. Vì sao? Hai vị ấy sống cùng một thời đại. Rốt cuộc là vị nào chủ trì dịch trường này, rất khó khảo cứu để đoán định.

(Sao) Hoặc nghi thị Cầu Na Bạt Ma, dĩ nhị sư đồng thời cố, vị thẩm hà sở dịch dã!

(鈔)或疑是求那跋摩，以二師同時故，未審何所譯也。

*(**Sao**: Có người nghi là ngài Cầu Na Bạt Ma[127], do hai vị sống đồng thời, chưa thể thẩm định là do vị nào dịch).*

---

[127] Ngài Cầu Na Bạt Ma (Gunavarman, 367-431), Hán dịch là Công Đức Khải, là người xứ Kế Tân, thuộc dòng dõi hoàng tộc, thông minh, mẫn tiệp. Năm mười bốn tuổi, Sư đã nổi danh tài hoa xuất chúng, nhưng đức hạnh hết sức nghiêm cẩn. Từ bé,

"Thẩm" (審) là thẩm định, [*"vị thẩm"* là] chẳng có cách nào xác định là vị nào. Hai vị đều là cao tăng từ Ấn Độ đến Trung Hoa hoằng pháp trong thuở ấy. Đây là giới thiệu người phiên dịch.

Dưới đây là chánh văn của chú Vãng Sanh. Chú Vãng Sanh có tất cả mười bốn câu. Mỗi vị đồng tu đều niệm chú rất thuộc, nhưng niệm như thế nào để tương ứng, đó là một vấn đề! Chú chẳng thể dịch nghĩa, vì đó là mật ngữ của đức Phật, [cũng có những bài chú] có thể dịch nghĩa, chẳng phải là hoàn toàn không có ý nghĩa. Chẳng dịch, cứ dùng tâm cung kính để thọ trì, dễ dàng đạt được lợi ích. Vì những phương pháp được sử dụng để tu học trong Phật pháp, không gì chẳng nhằm xóa sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, [hễ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước xóa sạch thì] mục đích đã đạt được. Chẳng có ý nghĩa, vậy thì quý vị chẳng dấy vọng tưởng, cứ thật thà niệm! Dễ nhiếp tâm, dễ nhập Định. Nếu có ý nghĩa, người ấy (người niệm chú) vừa niệm vừa dấy vọng tưởng; đâm ra, chẳng dễ gì nhập Định!

---

mẹ của Sư thích ăn thịt rừng, Sư can gián: "Phàm những thứ có sanh mạng, không loài nào chẳng ham sống. Tàn hại sanh mạng không phải là phẩm đức của người có lòng nhân". Bà mẹ tức giận, quát: "Nếu đắc tội với thần linh, tao sẽ chịu tội thay cho mày!" Sư nín lặng. Một hôm, do chiên nấu, dầu văng lên tay, Sư bị bỏng, bèn bảo mẹ: "Mẹ hãy thay con chịu đựng nỗi đau khổ này", bà mẹ nạt: "Đau khổ trên thân mày, tao chịu thay sao được?" Sư bèn đáp: "Nỗi khổ nhỏ trước mắt mà còn chẳng chịu thay được, huống hồ nỗi khổ trong tam đồ?" Bà mẹ nghe nói, giật mình, tỉnh ngộ, từ đó thôi sát sanh. Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia, thọ giới, tinh thông chín bộ kinh, đặc biệt là Tứ A Hàm. Sư chuộng Luật, tinh tường luật điển, đồng thời tinh thông Thiền pháp. Năm Sư ba mươi tuổi, quốc vương qua đời, không có người kế tự, quần thần suy cử Sư lên ngôi. Ba lượt thỉnh cầu Sư đều từ chối. Để khỏi bị ép lên ngôi, Sư trốn sang nước Sư Tử, hoằng dương Phật pháp nơi đó. Sau đấy, Sư lại sang Java hoằng pháp, được quốc vương nước ấy sùng mộ. Khi vua đánh trận bị thương, Sư tụng chú vào nước sai người đem rửa vết thương, thương tích bèn lành. Sau đó, Sư đáp ứng lời thỉnh cầu đi truyền pháp các nơi, ngồi thuyền của thương nhân Trúc Nan Đề, thuận gió đến Quảng Châu. Tống Văn Đế nghe tin, cấp tốc sai người thỉnh Sư lên Kiến Khang (Nam Kinh). Trên đường, đi qua núi Hổ Thị, thấy hình thế giống núi Kỳ Xà Quật, Sư bèn xin vua đổi tên núi thành Linh Thứu Sơn, lập chùa tại đó. Khi Sư trụ nơi đó, lập Thiền Thất cách chùa chính mấy dặm. Gõ chuông tại chùa chính, trong Thiền Thất chẳng thể nghe tiếng, nhưng hễ gõ chuông đều thấy Sư đến. Có lần mưa giông dữ dội, Sư đến mà thân mình chẳng ướt chút nào. Có lần đường sá lầy lội, thảo hài của Sư vẫn chẳng nhuốm bẩn chút nào. Ngài dịch các bộ kinh luận như Bồ Tát Thiện Giới, Tạp Tâm Kinh, Tứ Phần Yết Ma, Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Luận Lược, Ưu Bà Tắc Nhị Thập Nhị Giới v.v… cũng như giảng giải kinh Pháp Hoa và phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm.

Đối với sự tu hành, cổ nhân bảo: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú"*, vì sao? Kinh có ý nghĩa, vừa niệm, vừa dấy vọng tưởng, chẳng bằng niệm chú! Chú chẳng có ý nghĩa. Chú chẳng có ý nghĩa thì niệm càng dài càng tốt! Như chú Vãng Sanh chẳng sánh bằng chú Đại Bi, chú Đại Bi chẳng sánh bằng chú Lăng Nghiêm. Chú dài, quý vị chẳng thể niệm sai; từng câu, từng chữ đều chẳng thể niệm sai. Khi niệm, chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm; đấy là công đức. Lâu ngày chầy tháng, tâm quý vị sẽ dần dần định, dần dần đạt tới thanh tịnh. Dùng phương pháp này để đạt tới mục tiêu tâm địa thanh tịnh, có ý nghĩa như thế đó. Lại nói: *"Niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*, đúng như vậy đấy! Công đức của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn!

Rốt cuộc niệm loại nào mới là tốt? Những điều cổ nhân đã nói chính là nguyên tắc, chẳng thể bao gồm căn tánh của hết thảy chúng sanh. Có những người đọc kinh bèn dễ nhiếp tâm hơn. Có người niệm chú dễ nhiếp tâm hơn. Có những người niệm Phật hiệu bèn dễ nhiếp tâm. Căn tánh của mỗi người khác nhau! Bản thân chúng ta chọn lựa pháp môn nào, tự mình nhất định phải biết căn tánh của chính mình. Nếu không biết, có thể thí nghiệm đọc kinh, đọc chú, hay niệm Phật một giai đoạn, dùng thời gian đôi ba tháng để thí nghiệm sẽ biết ngay. Phương pháp nào dễ nhiếp tâm, cũng như dễ thâu hồi cái tâm, thì phương pháp ấy đối với chính mình có hiệu quả, có lợi ích, có thể kiên trì dùng phương pháp ấy. Một mực sử dụng cho đến khi chính mình thật sự đạt tới mức tâm địa thanh tịnh.

Tâm thanh tịnh hiện tiền chính là tam-muội hiện tiền. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Chánh Thọ (正受), nghĩa là sự hưởng thụ chánh đáng. Sự hưởng thụ chánh đáng chính là sự hưởng thụ khỏe khoắn, thanh tịnh, tự tại. Đó là niềm vui thật sự! Đạt đến mức tâm địa thanh tịnh, tự tại, tự nhiên sanh khởi trí huệ. Đó gọi là *"do Giới sanh Định, do Định khai Huệ"*. Tâm thanh tịnh là Định. Tôi dựa theo lời giải thích của cổ đức để giới thiệu đại lược ý nghĩa của bài chú này cùng quý vị.

(Kinh) Nam-mô.
(經)南無。
*(**Kinh**: Namo).*

"Nam-mô" có nghĩa là cung kính, lễ kính, quy y, quy mạng. Âm đọc cổ của chữ Nam-mô là Nã-ma[128].

(Kinh) A di đa bà dạ.
(經)阿彌多婆夜。
*(**Kinh**: Amitābhāya).*

"A di đa bà dạ" là A Di Đà Phật.

(Kinh) Đá tha già đa dạ.
(經)哆他伽多夜。
*(**Kinh**: Tathāgatāya).*

Câu này dịch là Như Lai. Nói gộp lại sẽ là *"quy y A Di Đà Như Lai"*. *"A di đa bà dạ"* dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Trên thực tế, *"vô lượng"* bao gồm hết thảy các thứ vô lượng.

(Kinh) Đá địa dạ tha.
(經)哆地夜他。
*(**Kinh**: Tadyathā).*

Trong rất nhiều bài chú có câu *"đát điệt tha"* (怛經他), hoàn toàn giống như câu này. Âm tiếng Phạn như nhau, phiên âm khác nhau. *"Đá địa dạ tha"* dịch sang tiếng Hán sẽ là *"tức thuyết chú viết"* (liền nói chú rằng). Vì thế, những câu trước đó là Phật hiệu, từ câu thứ tư cho đến câu mười bốn mới là chú ngữ.

(Kinh) A di rị đô bà tỳ.
(經)阿彌唎都婆毗。
*(**Kinh**: Amṛtod-bhave).*

---

[128] Đây chỉ là diễn tả ý nghĩa 'phải đọc chữ "南無" thành Nam-mô', chứ không phải nhìn vào mặt chữ rồi đọc theo âm Quan Thoại hiện thời thành Nán-wú (tức Nam-vô). Chữ *"Nã Ma"* (拿摩) có âm đọc là Ná-mó gần giống chữ Nam-mô. Do nhìn theo mặt chữ, có người đã giải thích quàng xiên "nam-vô A Di Đà Phật" là nước Nam không có Phật A Di Đà!

"A di rị đô" (Amṛtod) là vô lượng, *"bà tỳ"* (bhave) là quang minh. Câu này là danh hiệu Vô Lượng Quang. Danh hiệu của A Di Đà Phật là Vô Lượng Quang.

(Kinh) A di rị đá.
(經)阿彌唎哆。
*(**Kinh**: Amṛta).*

Có nghĩa là vô lượng.

(Kinh) Tất đam bà tỳ.
(經)悉耽婆毗。
*(**Kinh**: Siddhaṃ-bhave).*

"Tất đam" (Siddhaṃ) dịch sang tiếng Hán là Nhất Thiết Nghĩa Thành (一切義成). *"Nghĩa"* (義) là nghĩa lý, *"thành"* (成) là thành tựu, [tức là] hết thảy nghĩa lý thành tựu viên mãn. *"Bà tỳ"* có nghĩa là quang minh. Có thể thấy những chú ngữ này đều nhằm tán thán vô lượng quang thọ của A Di Đà Phật, hết thảy đều vô lượng, đều có ý nghĩa này.

(Kinh) A di rị đá.
(經)阿彌唎哆。
*(**Kinh**: Amṛta).*

Có cùng ý nghĩa như trong câu trước, đều là ca ngợi Vô Lượng Thọ Phật.

(Kinh) Tỳ ca lan đế.
(經)毗迦蘭帝。
*(**Kinh**: Vikrānte).*

Câu này bao hàm nhiều nghĩa, nghĩa thứ nhất là *"vô ngại hành"*. Phật và các vị đại Bồ Tát độ hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*, chứa đựng ý nghĩa này. Nó có ý nghĩa *"phương tiện"*, phương tiện thiện xảo, phổ độ chúng sanh.

(Kinh) A di rị đá.
(經)阿彌唎哆。
*(**Kinh**: Amṛta).*

Vô lượng.

(Kinh) Tỳ ca lan đa.
(經)毗迦蘭多。
*(**Kinh**: Vikrānta).*

Có ý nghĩa *"Chân Như bất thoái"*. Hết thảy chúng sanh hễ sanh về thế giới Tây Phương bèn viên chứng ba món Bất Thoái, có ý nghĩa này.

(Kinh) Già di nị.
(經)迦彌膩。
*(**Kinh**: Gāmine).*

"Già di nị" (Gāmine) là thế giới Cực Lạc, là Di Đà Tịnh Độ, là cõi An Dưỡng.

(Kinh) Già già na.
(經)伽伽那。
*(**Kinh**: Gagana).*

"Già già na" là tỷ dụ, là tán thán, có ý nghĩa là hư không, hoặc như chúng ta nói là thiên giới, hoặc thiên đạo trong lục đạo, cao cao tại thượng, rộng lớn vô biên. Có ý nghĩa ấy.

(Kinh) Chỉ đa ca lệ.
(經)枳多迦隸。
*(**Kinh**: Kīrta-kare).*

Câu này cũng bao hàm nhiều nghĩa, có ý nghĩa *"đế vãng"* (諦往). *"Đế"* (諦) là chân thật, chỉ rõ hết thảy chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là chân thật nhất. *"Đế"* là đế thật (諦實), [tức là]

chân thật, [*"đế vãng"* là] đi theo con đường ấy sẽ chân thật. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Còn có một ý nghĩa là *"nguyện khứ"* (nguyện đi [về cõi Cực Lạc]), hết sức hoan hỷ mong cầu vãng sanh.

(Kinh) Sa bà ha.
(經)娑婆訶。
*(**Kinh**: Svāhā).*

Cuối tất cả hết thảy các bài chú đều có câu này, dịch sang tiếng Hán là "viên mãn nhanh chóng", mang ý nghĩa chúc nguyện, hy vọng nguyện của chúng ta sớm có ngày thành tựu, sớm có ngày viên mãn. Đối với mười bốn câu, cổ đại đức đã nói đại ý của chú ngữ. Ý nghĩa ấy, quý vị liễu giải thì rất tốt, chẳng liễu giải cũng không sao. Chẳng liễu giải thì cứ thật thà niệm. Nếu liễu giải, chúng ta niệm chú này có thể tùy văn nhập quán, niệm đến câu nào, cảnh giới ấy bèn có thể hiện tiền. Hai hàng kế đó thuộc về kinh, đây là kinh văn thuộc thể loại trường hàng, nói rõ năm loại lợi ích do trì chú.

(Kinh) Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân.
(經)若有善男子。善女人。
*(**Kinh**: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân).*

Trong kinh điển Đại Thừa, hễ khai thị cho chúng ta, đức Phật đều nói *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*. Vì sao? Rốt cuộc, trì chú có thể đạt được năm thứ lợi ích hay không, then chốt ở ngay chữ Thiện này! Trì chú, có người thật sự chiếu theo điều được nói trong kinh điển này, niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, chẳng có hiệu quả! Người ấy hãy suy nghĩ: Đức Phật nói *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"* niệm ba mươi vạn lần mới hữu hiệu! Chúng ta có phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân hay không? Then chốt ở chỗ này. Tiêu chuẩn thiện là ở chỗ nào? Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói *"Tịnh nghiệp Tam Phước"*. Cổ đại đức nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là Đại Thừa của Đại Thừa, là Nhất Thừa của Nhất Thừa, là pháp môn chí cao vô thượng, tâm chẳng tốt lành thì làm sao có thể vãng sanh cho được? Đối với Tịnh nghiệp Tam Phước, tối thiểu là phải trọn đủ phước thứ nhất, sẽ đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu đối với Tam Phước, một phước cũng

chẳng có, chúng ta suốt một đời này niệm Phật siêng tu, chỉ có thể nói là kết một thiện duyên với Tây Phương Cực Lạc thế giới, rất khó vãng sanh ngay trong một đời này. Vì sao? Chẳng phù hợp tiêu chuẩn do đức Phật đã dạy. Tiêu chuẩn ấy chính là *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*.

Điều thiện tối thiểu là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"*. Nếu như cả bốn câu ấy đều chẳng làm được, quý vị niệm kinh, niệm chú, niệm Phật, sẽ đều là kết duyên với Phật, chứ mong vãng sanh trong một đời này rất khó. Làm được cả bốn câu trong điều thiện thứ nhất, sẽ có phần trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu lại có thể làm được điều thiện thứ hai, *"thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*, đại khái là cũng có thể có phần trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị bèn cao. Nếu có thể ba điều thiện đều đầy đủ, *"phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*, thưa cùng chư vị, [sẽ là] thượng thượng phẩm vãng sanh. Có thể thấy chữ này (chữ Thiện) là then chốt, thường là chúng ta sơ sót, khinh thường xem lướt qua. Tới khi niệm mấy trăm lần, mấy chục vạn lần, chẳng có hiệu quả, vẫn trách móc kinh này chẳng linh, cứ trách móc đức Phật nói dối, chẳng đáng tin cậy. Đó là báng Phật, báng Pháp, làm thế nào được nữa! Kẻ đó chẳng tự trách mình, mà chê trách kinh điển, chê trách Phật, Bồ Tát. Nói thật ra, Phật, Bồ Tát đã bảo rõ ràng cùng chúng ta. Chính mình hãy tự ngẫm xem bản thân chúng ta có hội đủ tiêu chuẩn thiện ấy hay không? Các Ngài nói *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*, ta có phần hay không? Điều này quan trọng lắm! Do vậy, chẳng thể không nhấn mạnh tỉ mỉ Tịnh nghiệp Tam Phước, quý vị mới thật sự hiểu rõ. Đối với *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*, *"hiếu"* là gì? *"Dưỡng"* như thế nào? Trong ấy là một môn học vấn to tát. Đó là đại căn, đại bản của Phật pháp. Trọn đủ điều kiện như vậy, đó chính là tiêu chuẩn trong Phật môn, người ấy hoàn toàn phù hợp là thiện nam tử, thiện nữ nhân, chọn lựa pháp môn này, dùng phương pháp này để tu.

(Kinh) Năng tụng thử chú giả, A Di Đà Phật thường trụ kỳ đảnh.

(經)能誦此咒者。阿彌陀佛常住其頂。

*(**Kinh**: Người có thể tụng chú này, A Di Đà Phật thường ở trên đỉnh đầu người ấy).*

Đây là lợi ích thứ nhất, A Di Đà Phật thường ở trên đỉnh đầu của quý vị. Đó là được bổn nguyện và oai thần của Phật ngấm ngầm gia trì.

Vì Phật ở trên đỉnh đầu, quý vị chẳng thấy, nhưng Ngài thật sự ở trên đỉnh đầu quý vị, thật sự gia hộ, gia trì quý vị. Chư vị phải hiểu: Chúng ta tu Tịnh nghiệp cầu vãng sanh, cơ hội này đúng là khó có, nhất định phải khiến cho chính mình trở thành pháp khí. *"Pháp khí"*, nói theo cách hiện thời, [sẽ là] nhất định phải đầy đủ những điều kiện mà đức Phật đã yêu cầu. Chúng ta thảy đều đầy đủ [những điều kiện ấy] thì mới có tư cách tiếp nhận pháp môn này.

Điều kiện gì vậy? Chính là Tịnh nghiệp Tam Phước. Trong Quán Kinh, đoạn kinh văn này trọng yếu lắm! Phu nhân Vi Đề Hy đích thân trông thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn phát khởi tâm ngưỡng mộ, mong mỏi vô hạn, mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo: "Tu phương pháp gì để có thể vãng sanh?" Trước khi đức Phật dạy bà ta phương pháp tu hành, bèn trước hết dạy bà Tịnh nghiệp Tam Phước. Nói xong, lại căn dặn bà ta: Ba điều kiện ấy *"chính là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật"*. Câu nói này quan trọng lắm! Quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả hết thảy chư Phật tu hành thành Phật, đều lấy những điều này làm cơ sở. Chẳng có cơ sở này, chắc chắn là chẳng thể thành tựu. Thật sự mong tu tập, thật sự mong thành tựu trong một đời này, chẳng thể không chú ý, chẳng thể không nghiêm túc tu tập. Lợi ích thứ hai...

(Kinh) Nhật dạ ủng hộ.

(經)日夜擁護。

*(**Kinh**: Ngày đêm ủng hộ).*

Ban ngày, buổi tối, A Di Đà Phật, chư Phật, Bồ Tát, và hộ pháp thiện thần đều ủng hộ, đều che chở quý vị. Vì sao? Vì quý vị là học trò thật sự của A Di Đà Phật. Câu đầu tiên, *"nam-mô a di đa bà dạ"*, chính là ta quy y A Di Đà Phật, là học trò thật sự của A Di Đà Phật. Nay chúng ta niệm câu này, A Di Đà Phật chẳng thừa nhận! Chẳng phải là học trò thật sự. Vì sao? Vì chúng ta không đủ tư cách, người ta có tư cách ấy vì họ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, còn chúng ta đối với Tam Phước chẳng làm được điều nào! Hễ làm được, quý vị là quy y thật sự, mới là học trò thật sự của A Di Đà Phật. Là học trò của A Di Đà Phật, hết thảy chư Phật đều tôn trọng quý vị; há có lẽ nào Bồ Tát, thiện thần chẳng ủng hộ? Lợi ích thứ ba:

(Kinh) Vô linh oán gia nhi đắc kỳ tiện.

(經)無令怨家而得其便。

*(**Kinh**: Chẳng để cho oán gia có dịp quấy nhiễu).*

"Oán gia" là nói tới oán gia trái chủ trong đời quá khứ. Vì quý vị có Phật, Bồ Tát gia hộ, có hộ pháp thiện thần ủng hộ, oán gia trái chủ trong nhiều đời chẳng có cách nào tiếp cận quý vị. Chuyện này tốt đẹp ở chỗ nào? Trong quá trình tu hành, quý vị thuận buồm xuôi gió, chẳng có ma chướng. *"Oán gia nhi đắc kỳ tiện"* (Oán gia có dịp quấy nhiễu) chính là ma chướng. [Thông thường, trong khi tu hành], ma chướng nhiều lắm, chắc chắn là quý vị chẳng thể tránh khỏi ma chướng, nguyên nhân ở chỗ nào? Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã kết oán với chẳng biết bao nhiêu chúng sanh! Nhất là ăn thịt của chúng sanh. Ăn thịt chúng sanh là kết thâm cừu đại hận với chúng nó! Trong kinh Phật đã dạy rất rõ ràng: Ăn nửa cân thịt của chúng, trong tương lai, phải đền tám lạng! Thiếu nợ phải trả tiền, thiếu mạng phải đền mạng. Đời này chẳng trả, đời sau nhất định phải đền. Nếu quý vị nghĩ đến những chuyện nhân quả báo ứng ấy, [sẽ cảm thấy] quá đáng sợ! Trước kia chẳng hiểu, làm những chuyện ác, nay đã hiểu rõ, quyết định chẳng tạo nữa! Chẳng kết oán cùng bất luận kẻ nào, chẳng có tơ hào tranh chấp nợ nần cùng bất cứ ai. Trả nợ sạch sành sanh, trên đường Bồ Đề chúng ta mới ít gặp chướng ngại! Đã biết điều này, còn những món nợ trong đời quá khứ, chẳng biết! Làm như thế nào đây? Chúng ta hãy đem hết thảy công đức tu học của chính mình hồi hướng cho họ hòng bù nợ! *"Nguyện dĩ thử công đức, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"* (Nguyện đem công đức này, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường), đó là bù nợ, trả nợ. Quý vị đừng nên quấy nhiễu tôi, để tôi tu hành thành tựu, lợi ích thảy đều của quý vị. Ý nghĩa trọng yếu nhất của hồi hướng là ở chỗ này. Bản thân quý vị có công đức ấy, Phật, Bồ Tát gia trì, che chở quý vị càng thuận tiện, càng dễ dàng! Đối với chuyện này, chư vị đọc kỹ càng kinh Địa Tạng sẽ hiểu. Loại lợi ích thứ tư:

(Kinh) Hiện thế thường đắc an ổn.

(經)現世常得安穩。

*(**Kinh**: Trong đời hiện tại, thường được an ổn).*

Trong thế gian hiện thời, quý vị thường được *"an ổn"*, chúng ta nói thông thường] sẽ là *"bình an"*. Dẫu gặp đại tai, đại nạn, quý vị vẫn

có thể yên ổn vượt qua, chẳng hứng chịu những nỗi khổ sở vì tai nạn. Điều này có nghĩa là cộng nghiệp và biệt nghiệp khác nhau. Người chẳng học Phật không hiểu điều này, chứ người có đôi chút tu trì, hơi biết đôi chút kinh luận Phật pháp, đại khái là ít nhiều gì cũng có thể lãnh hội đôi chút!

Do đó, tôi thường nhắc nhở các đồng tu: Tu trì, đọc kinh, niệm Phật, đoạn ác, tu thiện, hết sức trọng yếu. Vì sao? Nay chúng ta đang sống trong đời loạn; trong tương lai, rốt cuộc loạn đến nỗi nào, ai cũng đều chẳng dám tiên đoán! Lại còn chẳng phải là loạn ở một nơi nào, mà là toàn thể thế giới đều loạn. Điều gì là an toàn nhất? Có phước, có đức là an toàn nhất, thật đấy! Quý vị có của cải, *"tài vi ngũ gia cộng hữu"* (của cải do năm nhà cùng sở hữu). Dẫu giàu có đến mấy, có thể là một ngày nào đó, sẽ mất sạch sành sanh! Xưa nay, những trường hợp giống như vậy quá nhiều, [tài sản] chẳng phải là của quý vị! Quyền thế và địa vị đều là giả trất. Chẳng có gì thật sự bảo đảm, [chẳng có gì] là chỗ dựa thật sự vững chắc. Kho báu vững chắc để nương cậy là mọi người hãy tích đức, có phước, có đức. Tuy trên thân quý vị chẳng có [của cải gì], nhưng quý vị đến nơi nào, người ta vừa trông thấy quý vị bèn sanh tâm hoan hỷ, cung kính, chăm sóc quý vị. Đó là có phước. Người ấy có thể vượt qua tai nạn, *"hiện thế thường đắc an ổn"* (thường được an ổn trong đời này).

Trong câu này, [có ý nói] quý vị tụng chú bèn được Phật lực gia trì, nhưng quý vị có sự tu trì làm cơ sở, có đức hạnh ấy, tức là một chữ Thiện. Quý vị chính là *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*, là một người thật sự tu Tịnh nghiệp Tam Phước, thuộc hạng thiện nhân. Vì thế, sẽ được hết thảy chư thiên, thiện thần gia hộ. Đó là thật. Trong các buổi giảng, tôi thường nhắc nhở các đồng tu: Hiện thời, trong xã hội, quý vị có địa vị, có quyền thế, có của cải, những thứ ấy tạm thời hiện hữu trước mắt quý vị trong chốc lát, chứ quý vị chẳng [thật sự] đạt được! Nói cách khác, quý vị tạm thời có quyền phân xử, chẳng phải là vĩnh hằng, [nghĩa là] tạm thời có quyền để chi phối nó, ta dùng nó tốt đẹp, dùng làm việc thiện, tích lũy công đức. Nếu ta sử dụng chẳng ổn thỏa, thích đáng, thì sẽ tạo tác tội nghiệp, phải hiểu đạo lý này. Đời người hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, huống chi *"trên đường tới suối vàng, không phân biệt già trẻ"*, một hơi thở ra chẳng hít vào được, sẽ là đời sau. Vì thế, điều gì cũng phải xem nhẹ, đều phải buông xuống, tận tâm, tận lực vì xã hội, vì đại chúng tạo phước, đừng nghĩ tới chính mình, đừng nghĩ tới gia đình mình.

Quý vị thật sự tích đức, tu phước, gia đình của quý vị tự nhiên được Phật, Bồ Tát chiếu cố, có hộ pháp thiện thần chiếu cố, chu đáo hơn chính mình chiếu cố nhiều lắm, chính mình chẳng chiếu cố được! Thật sự là chỉ có cầu Phật, Bồ Tát, cầu thần hộ pháp tới chiếu cố, mới là đáng tin cậy. Phải nghĩ thông suốt đạo lý này! Sự thật bày ra trước mắt chúng ta, hãy chú tâm quan sát, khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật, sau đấy, mới hiểu bản thân chúng ta phải nên thực hiện như thế nào, cũng là phải nên biết tu như thế nào. Như vậy thì sẽ không phạm sai lầm. Đó là nói quý vị đạt được quả báo thù thắng trong hiện tiền. Thù thắng nhất là khi lâm chung:

(Kinh) Lâm mạng chung thời, nhậm vận vãng sanh.
(經)臨命終時。任運往生。
*(**Kinh**: Khi lâm chung, tùy ý vãng sanh).*

Trong ấy, có sự thù thắng khôn sánh là *"nhậm vận", "nhậm vận"* (任運) là tự tại. Hễ ngã bệnh sẽ chẳng tự tại, chẳng biết sẽ ra đi lúc nào cũng là chẳng tự tại. Chính mình biết sẽ ra đi khi nào, chẳng ngã bệnh, đứng mất, hoặc ngồi mất, chúng ta đã thấy, đã nghe, xác thực là có [những trường hợp như vậy]! Điểm này chẳng giả tí nào, đó mới là chẳng luống uổng một đời này. Một đời này của chúng ta thật sự có ý nghĩa, thật sự có giá trị. Người ta có thể [vãng sanh tự tại], vì sao ta chẳng thể?

Năm xưa, lão cư sĩ Lý Tế Hoa thuộc Đài Bắc Niệm Phật Đoàn, là học trò của Ấn Quang đại sư. Lão nhân gia đã tám mươi mấy tuổi mới vãng sanh. Cụ biết trước lúc vãng sanh hai tháng; vì thế, vào ngày nghỉ cuối tuần, cụ đến thăm các bạn cũ để từ biệt, gặp mặt lần cuối. Hôm cụ vãng sanh, vì các con đều ở Mỹ, [chỉ có] hai vợ chồng già sống tại Đài Loan, [hai cụ] ngồi xe ba bánh đến Niệm Phật Đoàn tham gia cộng tu. Ngồi trên xe ba bánh, cụ bảo vợ: "Tôi sắp vãng sanh, bà trơ trọi một mình có cảm thấy tịch mịch hay không?" Thật ra, bà cụ cũng không biết chồng sẽ vãng sanh hôm đó. Bà cụ là một Phật tử kiền thành, [bèn đáp]: "Ông có thể vãng sanh, quá tốt đẹp! Chẳng cần phải bận tâm vì tôi", tức là cũng như bà vợ đã đồng ý. Họ cộng tu giống như đả Phật Thất thông thường, bất quá là [thời gian niệm Phật chừng] một nén hương. Trong thời gian một nén hương ấy, có khai thị nửa tiếng đồng hồ. Giảng khai thị là do các vị lão cư sĩ luân phiên giảng. Hôm đó, đến phiên Ngụy lão

cư sĩ, cụ đổi phiên với vị lão cư sĩ ấy. Lão nhân gia lên bục giảng, bèn giảng đến một tiếng rưỡi, giảng hết sức cao hứng, hết sức hoan hỷ, rát lòng buốt miệng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Giảng xong, cụ hướng về mọi người cáo từ: "Tôi phải về nhà". Người khác tưởng cụ đã ngoài tám mươi, giảng một tiếng rưỡi bèn mệt mỏi, muốn về nhà! Không ngờ, cụ bước xuống bục giảng, cạnh giảng đường có một phòng khách nhỏ, cụ ngồi xuống sofa bèn vãng sanh. Tiêu sái lắm, tự tại lắm! Trước lúc vãng sanh, giảng đến một tiếng rưỡi, tùy ý vãng sanh, sanh tử tự tại. Học Phật kiểu đó mới là học Phật chẳng uổng công!

Là quyến thuộc của Bồ Tát, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Bồ Tát, thật sự là Bồ Tát. Lại còn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, kinh Di Đà nói *"đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát"*. A Bệ Bạt Trí tuyệt diệu thay! A Bệ Bạt Trí là Bồ Tát đã viên chứng ba món Bất Thoái, địa vị ấy cao lắm! Đó là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Kẻ bình phàm nếu muốn tự mình tu đến địa vị ấy, thấp nhất trong các địa vị thuộc A Bệ Bạt Trí là Thất Địa Bồ Tát. Nói theo Biệt Giáo, cũng phải tu trọn hai A-tăng-kỳ đại kiếp thì mới có thể đạt tới địa vị này. Quý vị thấy đó: Trong Tịnh Tông, tu hành một đời bèn thành tựu. Vì thế, pháp môn này đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Đó là điều lợi ích thứ năm.

Chư vị hãy đặc biệt ghi nhớ, then chốt là chữ Thiện, tiêu chuẩn ở chỗ này. Thiện nam tử, thiện nữ nhân thì mới có thể đạt được năm thứ lợi ích ấy. Cùng một đạo lý như vậy, quý vị [thật sự là] thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì kinh A Di Đà, hoặc trì thánh hiệu Di Đà, đều có thể đạt được lợi ích y hệt! Hoàn toàn chẳng phải là chỉ có niệm chú Vãng Sanh thì mới có năm thứ lợi ích ấy! Chẳng phải vậy! Đọc kinh hay niệm Phật thảy đều đạt được! Điều kiện then chốt là chữ Thiện. Đối với Tịnh nghiệp Tam Phước, quý vị có thể thực hiện Tam Phước thảy đều viên mãn, sẽ là thượng thượng phẩm.

(Sớ) Chư bổn cú độc sảo dị, kim y cổ bổn, thần chú bất phiên, bất tất cưỡng thích.

(疏)諸本句讀稍異，今依古本，神咒不翻，不必強釋。

*(**Sớ**: Cách chấm câu trong các phiên bản hơi khác nhau. Nay tôi chiếu theo văn bản cổ [để chấm câu]. Thần chú chẳng phiên dịch, chẳng cần phải gượng ép giải thích).*

Kinh Phật từ thời Nam Bắc Triều được phiên dịch và lưu truyền cho tới hiện thời đã là một ngàn sáu trăm năm. Trải qua các đời sao chép, lưu thông, chuyện chép sai, chép sót chẳng thể tránh khỏi! Trong các văn bản cổ, thường phát hiện có vấn đề này. Do vậy, có rất nhiều phiên bản khác nhau, mặt chữ trong ấy sai khác, câu văn hoặc nhiều, hoặc ít. Đối với chuyện *"cú độc"* (句讀: chấm câu) càng nhiều vấn đề, *"cú độc"* chính là thêm dấu chấm câu, vì cổ thư không chấm câu, toàn là do người đọc tự mình ngắt câu. Có người chấm câu sai, đem câu trên đọc liền một mạch với câu dưới. Tình hình điên đảo ấy cũng rất nhiều.

(Sao) Chư bổn bất đồng giả, như "Nam-mô a di đa bà dạ", nhất bổn tác "Nam-mô a di đa bà dạ đa", dĩ thứ cú Đa tự liên thuộc thượng cú, cố vân "sảo dị".

(鈔)諸本不同者，如南無阿彌多婆夜，一本作南無阿彌多婆夜多，以次句多字連屬上句，故云稍異。

*(**Sao**: "Các phiên bản bất đồng": Như đối với câu "Nam-mô a di đa bà dạ", một bản khác ghi là "Nam-mô a di đa bà dạ đa", tức là đã ghép chữ Đa thuộc câu sau vào câu trước. Vì thế nói là "hơi khác").*

Như câu đầu tiên của chú Vãng Sanh, có bản khác chấm câu chẳng giống như bản này. Sau chữ *"đa bà dạ"*, họ ghép chữ Đa vốn thuộc câu dưới vào câu trên để chấm câu. Phiên bản khác nhau, làm như thế nào? Do đây là chú, chẳng có cách nào lý giải, phương pháp duy nhất là tìm nhiều văn bản, đối chiếu những văn bản bất đồng với nhau, văn bản nào được sử dụng nhiều hơn, chúng ta bèn chọn lấy bản ấy. Nếu là kinh văn, chúng ta có thể suy nghĩ ý nghĩa, [để xét xem] chấm câu kiểu nào thì ý nghĩa sẽ viên mãn hơn, dễ nói hơn, minh bạch hơn, chúng ta bèn chọn lấy bản ấy.

(Sao) Kim bất tất khổ cứu thị phi, đản y nhất bổn.

(鈔)今不必苦究是非，但依一本。

*(**Sao**: Nay chẳng cần vất vả tìm tòi đúng sai, chỉ y theo một phiên bản).*

Đại sư đề nghị: Chẳng cần phải nhọc sức truy cứu, chỉ cần chọn lựa một bản tốt đẹp. Chúng ta thường gọi bản như vậy là *"thiện bổn"* (善

本), có nghĩa là "phiên bản tốt lành". Như đối với bản này, nhất định là Liên Trì đại sư lão nhân gia đã xem khá nhiều văn bản. Ở đây, Ngài ghép chú ngữ vào phía sau kinh, cách chấm câu này đã được chính Liên Trì đại sư thẩm tra. Chúng ta nương theo bản này của đại sư; đó cũng là một phương pháp tốt đẹp.

(Sao) Chí tâm tụng trì, tự thành lợi ích.
(鈔)至心誦持，自成利益。
*(**Sao**: Chí tâm tụng trì, tự thành tựu lợi ích).*

"Chí tâm" là thành tâm, thành tâm thành ý niệm, tự nhiên có thể đạt được lợi ích. Nhưng ở đây, quý vị ngàn muôn phần phải ghi nhớ, *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*. Đó là một tiêu chuẩn cơ bản, bất luận như thế nào, chúng ta phải nâng cao phẩm đức của chính mình lên tới tiêu chuẩn này. Chúng ta chẳng có cách nào thực hiện Tam Phước, mức độ thấp nhất chúng ta phải tăng [phẩm đức của chính mình] lên tới phước thứ nhất; bất luận như thế nào, phải làm được phước thứ nhất. Nhưng ở đây, nhất định phải nghiêm túc nhấn mạnh [Tam Phước] rất cặn kẽ. Nếu không, quý vị sẽ nẩy sanh hiểu lầm. Chẳng hạn như *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*, hằng ngày cung kính cha mẹ, chăm sóc chuyện ăn uống và các nhu cầu cần thiết trong cuộc sống của họ, đó có phải là hiếu dưỡng hay không? Chẳng phải! Không đủ! [Nếu] chấm điểm về sự hiếu dưỡng, [làm kiểu đó] tối đa được hai mươi điểm, chẳng đạt! Vậy thì phải dưỡng như thế nào? Dưỡng cái tâm, dưỡng cái chí của cha mẹ. Cha mẹ hằng ngày canh cánh lo cho con cái, thời thời khắc khắc nghĩ đến con. Kẻ chẳng làm cha mẹ, sẽ không hiểu được! Anh em bất hòa, cha mẹ bận lòng, đó là bất hiếu. Học hành chẳng dụng công, đi thi chẳng đỗ đạt, cha mẹ lại lo phiền, bất hiếu! Làm việc bên ngoài chẳng tận hết trách nhiệm, chẳng nghiêm túc, bị cấp trên xử phạt, cha mẹ lo lắng, bất hiếu! Quý vị mới biết hiếu dưỡng có phạm vi hết sức rộng lớn, chẳng phải chỉ là chăm lo cái ăn, cái uống, và nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày [là đủ]! Làm thế nào để cha mẹ đỡ nặng lòng, làm sao khiến cho cha mẹ tâm tình vui sướng, đấy mới là trọn hết một chút lòng hiếu. Những chuyện này nhất định phải được nhấn mạnh cặn kẽ.

Trong thế gian, thật sự làm một người có phẩm đức tốt đẹp, học hành, tu dưỡng tốt đẹp, đối đãi với người khác hòa thuận, đối với công việc bèn nghiêm túc, trọn hết trách nhiệm, được đại chúng trong xã hội

khen ngợi, cha mẹ mới hoan hỷ. Đấy mới là trọn hết một chút lòng hiếu. Làm càn, làm quấy khiến cho người ta phê bình, khiến cho người ta khinh dễ, trong tâm cha mẹ lắm nỗi khổ sở, đấy chẳng phải là hiếu thuận. Mức độ thấp nhất là quý vị phải làm được bốn câu trong phước thứ nhất, phải đạt đến mức độ phù hợp tiêu chuẩn này, sau đấy mới là thiện nam tử, thiện nữ nhân thật sự. Vì đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi ấy là chỗ các vị thượng thiện nhân nhóm họp, chúng ta một tí phước cũng chẳng có, sẽ cách biệt, chẳng hòa nhập với họ được! Họ là thượng thiện, chúng ta cũng chẳng khác bậc thượng thiện cho mấy thì mới được! Chẳng thể không có một tí thiện nào! *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân"* ở chỗ này hết sức trọng yếu. Chí tâm tụng trì, tự thành tựu lợi ích. Hôm nay, tôi giảng tới chỗ này!

Tập 288

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ chín:

(Sao) Hựu hữu vị "Nam-mô a di đà đa bà dạ", thử vân "quy mạng Vô Lượng Thọ".

(鈔)又有謂南無阿彌陀多婆夜，此云皈命無量壽。

*(**Sao**: Lại có bản chép là "nam-mô a di đà đa bà dạ", cõi này dịch là "quy mạng Vô Lượng Thọ").*

Chú ngữ là tiếng Phạn phiên âm, có nghĩa là *"quy mạng Vô Lượng Thọ Phật"*, tức là *"quy mạng A Di Đà Phật"*. *"Quy mạng"* (皈命) cũng có nghĩa là *"quy y"*.

(Sao) Đa tha già đa dạ, tức "đa tha a già độ", thử vân Như Lai.

(鈔)多他伽多夜，即多他阿伽度，此云如來。

*(**Sao**: "Đa tha già đa dạ" (Tathāgatāya) tức "đa tha a già độ", cõi này dịch là Như Lai).*

Phiên âm có đôi chút sai khác, nguyên văn tiếng Phạn như nhau, người dịch khác nhau, đạo tràng dịch kinh cũng khác nhau, danh từ, thuật ngữ chẳng có tiêu chuẩn thống nhất. Câu này dịch sang tiếng Hán là Như Lai.

(Sao) "Đá địa dạ tha", tân dịch vân "tha đích dã thát", cựu vân "đát điệt tha". Điệt, âm điệt, tức địa dạ nhị hợp dã. Thử vân "tức thuyết chú viết", tự hậu phương thị mật ngữ.

(鈔)哆地夜他，新譯云他的也揵，舊云怛絰他。絰，音迭，即地夜二合也。此云即說咒曰。自後方是密語。

*(**Sao**: "Đá địa dạ tha" (Tadyathā): Phiên âm theo lối tân dịch là "tha đích dã thát", cựu dịch là "đát điệt tha". Chữ Điệt (絰) đọc là Điệt (迭), tức là Địa và Dạ đọc dính lại, cõi này dịch là "liền nói chú rằng", từ đấy trở đi là mật ngữ).*

[Nguyên văn] tiếng Phạn vẫn là cùng một chữ. Một chữ mà có vài cách phiên âm khác nhau, do người phiên dịch phiên âm khác nhau, nhưng ý nghĩa đều như nhau. Sau chữ *"đá địa dạ tha"* tức là từ *"a di rị đô bà tỳ"* trở về sau chính là mật chú. Do vậy có thể biết: Trong mười bốn câu chú ngữ, ba câu đầu là hiển thuyết, những câu sau đó mới là mật chú.

(Sao) Nhiên thần chú tùng cổ bất phiên, lược hữu ngũ ý.

(鈔)然神咒從古不翻，略有五意。

*(**Sao**: Nhưng thần chú từ xưa chẳng dịch, nói đại lược thì có năm ý).*

Có năm ý nghĩa [khiến cho] cổ nhân chẳng dịch chú ngữ, chỉ phiên âm, không dịch ý nghĩa. Trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói với quý vị ý nghĩa của mỗi câu. Thật ra, chú này vẫn có ý nghĩa, trọn chẳng phải là hoàn toàn không có ý nghĩa[129]. Chú ngữ hoàn toàn chẳng có ý nghĩa cũng có, loại này vẫn chiếm số lượng rất lớn trong các mật chú.

(Sao) Nhất, như vương mật chỉ, vật vọng tuyên truyền, đản nghi khâm phụng cố.

(鈔)一、如王密旨，勿妄宣傳，但宜欽奉故。

---

[129] Theo các cổ đức, chú luôn có ý nghĩa, nhưng ý nghĩa ấy quá súc tích, quá sâu xa, chẳng thể diễn tả bằng ngôn ngữ được, vượt ngoài tầm hiểu biết và cảnh giới của phàm phu. Lama Govinda từng nói: Nếu giải thích tỉ mỉ từng ý nghĩa trong một chữ Aum thì dù có nói cả đời vẫn không thể trọn hết.

*(**Sao**: Một là như mật chỉ của vua, chớ tuyên truyền bừa bãi, chỉ nên kính cẩn phụng hành).*

Giống như ý chỉ bí mật của đế vương xưa kia, quý vị chỉ chiếu theo đó mà làm, chẳng cần hỏi han ý nghĩa như thế nào, cứ y giáo phụng hành là được rồi. Thần chú giống như mật chỉ của Như Lai, chẳng cần hỏi ý nghĩa là gì, chỉ cần thật thà niệm, tam mật tương ứng là được rồi!

(Sao) Nhị, hoặc nhất ngữ quảng hàm đa nghĩa, như Tiên Đà Bà cố.

(Diễn) Tiên Đà Bà giả, thị Phạn ngữ, hữu diêm, thủy, mã, khí, tứ danh. Duy hữu trí thần nãi năng biện thức, như vương thực thời, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu diêm. Như vương tẩy quán, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu thủy. Như vương tác chúng vụ thời, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu khí. Như vương xuất du, sách Tiên Đà Bà, tắc tri yếu mã.

(鈔)二、或一語廣含多義，如僊陀婆故。

(演)仙陀婆者。是梵語。有鹽水馬器四名。惟有智臣乃能辨識。如王食時。呼仙陀婆。則知要鹽。如王洗盥。呼仙陀婆。則知要水。如王作眾務時。呼仙陀婆。則知要器。如王出游。索仙陀婆。則知要馬。

*(**Sao**: Hai là một chữ bao hàm rộng rãi nhiều nghĩa, như Tiên Đà Bà.*

***Diễn**: Tiên Đà Bà là tiếng Phạn, tương ứng với tên gọi của bốn thứ là muối, nước, ngựa và vật dụng, chỉ có kẻ bầy tôi có trí mới có thể phân biệt. Như khi vua ăn, gọi Tiên Đà Bà, biết là cần muối. Như vua tắm gội, kêu Tiên Đà Bà, liền biết là cần nước. Như vua làm các việc, gọi Tiên Đà Bà, liền biết là vua cần vật dụng. Như vua xuất du, đòi Tiên Đà Bà, biết là muốn có ngựa).*

Tiên Đà Bà (Saindhava) là tiếng Phạn. Trong chữ này bao hàm rất nhiều ý nghĩa, trong phần chú giải sau đó có nói. Trong tình huống nào, nói chữ này thì có ý nghĩa là gì. Tình hình đó không phải chỉ là trong tiếng Phạn mới có, trong ngôn ngữ của Trung Hoa cũng có. Muốn thật sự hiểu rõ ý nghĩa, không chỉ là phải xét xem âm đọc như thế nào, chữ

Hán có rất nhiều chữ *"phá âm"*[130], mà còn phải xét xem sự biểu lộ qua ngữ khí thì mới thật sự suy lường ý nghĩa của nó.

(Sao) Tam, hoặc thử phương sở vô, như Diêm Phù Đề cố.

(鈔)三、或此方所無，如閻浮提故。

*(**Sao**: Ba, hoặc là do phương này không có, như Diêm Phù Đề*[131] *vậy).*

Ở Ấn Độ có, tại Trung Hoa chẳng có. Thí dụ như Trung Hoa là xứ ôn đới, Ấn Độ là nhiệt đới, trong miền nhiệt đới có khá nhiều loại động thực vật mà Trung Hoa chẳng có.

(Sao) Tứ, hoặc thuận cổ văn, như A Nậu Bồ Đề cố.

(鈔)四、或順古文，如阿耨菩提故。

*(**Sao**: Bốn là thuận theo cổ văn như A Nậu Bồ Đề).*

Thuận theo lệ cổ không dịch. Chữ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề có thể phiên dịch, nhưng do thời cổ chẳng dịch, mà dùng cách phiên âm, sau đấy mới giải thích thêm.

---

[130] *"Phá âm tự"* (破音字) chính là những chữ khi để phân biệt những ý nghĩa khác nhau, phải đọc khác nhau. Thí dụ phổ biến thường được nêu ra để minh họa chữ Phá Âm là chữ "不". Nó có các âm đọc là Bất, Phầu, Phủ, Phi và Phu tùy theo ngữ cảnh. Chẳng hạn khi dùng với ý nghĩa trợ từ nêu nghi vấn, phải đọc là Phủ, như trong kinh Kim Cang, đức Phật hỏi tôn giả Tu Bồ Đề: *"Tu Bồ Đề! Ư nhữ ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?"* (須菩提!於意云何?可以身相見如來不?: này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao, có thể dùng thân tướng để thấy Như Lai hay chăng?). Dùng chữ này với ý nghĩa phủ định thì đọc là Bất như "bất sanh, bất diệt". Khi dùng với ý nghĩa mô tả trạng thái lưỡng lự thì đọc là Phầu như *"đương phục như thử phầu?"* (當復如此不: sẽ lại như thế hay chăng?). Một âm nữa là Phi khi diễn tả ý nghĩa to lớn (theo Thiều Chửu), như *"phi hiển tai Văn Vương mưu"* (不顯哉文王謀: mưu lược của Văn Vương to lớn rõ rệt thay!) Tuy thế, có tác giả giải thích chữ "不" trong trường hợp này không có nghĩa gì, chỉ là trợ từ làm tăng ngữ khí cho câu nói mạnh mẽ hơn. Âm cuối cùng là Phu, có nghĩa là cuống hoa, như kinh Thi có câu: *"Thường lệ chi hoa, ngạc phu vĩ vĩ"* (常棣之華，鄂不韡韡: hoa cây thường lệ, cuống, đài rạng rỡ).

[131] Diêm Phù Đề (Jambud) là một loại cây. Theo thần thoại Ấn Độ, chính giữa thế giới này, có một vùng rừng toàn là cây Diêm Phù, lá cây rụng xuống biến thành một loại vàng rất quý gọi là vàng Diêm Phù Đàn. Địa cầu này được gọi tên theo loài cây ấy, tức Diêm Phù Đề Châu.

(Sao) Ngũ, hoặc tôn trọng, phi Đường ngôn khả đối, như Bát Nhã cố.

(鈔)五、或尊重，非唐言可對，如般若故。

*(**Sao**: Năm là hoặc do tôn trọng, chẳng có tiếng Hán tương ứng để diễn tả trọn vẹn ý nghĩa, như chữ Bát Nhã).*

Đây là thuộc loại *"tôn trọng chẳng dịch"*.

(Sao) Nhất vân: Diệc khả cưỡng phiên.

(鈔)一云：亦可強翻。

*(**Sao**: Có người nói: Cũng có thể miễn cưỡng phiên dịch).*

"Nhất vân" là lại có một cách nói khác nữa, chú cũng có thể miễn cưỡng dịch ra.

(Sao) Ký vị chi cưỡng, hạt nhược dĩ chi.

(鈔)既謂之強，曷若已之。

*(**Sao**: Đã nói là miễn cưỡng, cần gì phải làm vậy?)*

Nếu đã miễn cưỡng, cần gì phải làm? Chúng ta biết: Dài nhất trong các bài thần chú là thần chú Lăng Nghiêm trích từ kinh Lăng Nghiêm. Từ xưa đến nay, kinh Lăng Nghiêm đã có hơn một trăm vị chú giải, mỗi vị chú giải đều chẳng dịch nghĩa chú Lăng Nghiêm, chỉ giới thiệu đơn giản, khái lược. Chỉ riêng pháp sư Từ Vân Quán Đảnh đời Thanh là dịch nghĩa thần chú Lăng Nghiêm. Cổ nhân có vị dịch nghĩa thần chú, có vị không dịch. Không dịch vẫn chiếm đa số.

(Sớ) Kinh chú tương liên, chánh Hiển Mật viên thông nghĩa.

(疏)經咒相聯，正顯密圓通義。

*(**Sớ**: Kinh và chú liên quan với nhau, chính là ý nghĩa Hiển Mật viên thông).*

Chú Vãng Sanh không thuộc về bộ kinh này, vì sao ghép vào đây? Liên Trì đại sư muốn dạy chúng ta: Hiển và Mật là viên dung, thông đạt, chẳng có chướng ngại. Kinh là chú hiển thuyết, chú là kinh mật thuyết, phương thức biểu đạt khác nhau, nội dung chẳng hai, chẳng khác. Nội

dung của phần dịch nghĩa chú Vãng Sanh xác thực là nhằm dạy chúng ta hãy niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, chỉ thú giống hệt như kinh Di Đà. Đại sư làm cách này, đúng là khổ tâm tốn sức! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề tánh tình bất định, thay đổi thất thường, nay thích điều này, mai ưa điều khác, niệm Phật chẳng thật thà. Thấy kẻ khác tham Thiền, bèn mong tĩnh tọa tham Thiền. Thấy người ta học Mật, cũng muốn niệm chú, tu học như vậy sẽ chẳng thành tựu! Không chỉ là niệm Phật chẳng tốt đẹp, mà bất luận tu học pháp môn nào, cũng đều chẳng thể học tốt đẹp được! Đại sư làm cách này, không gì chẳng nhằm dạy chúng ta khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Sau mỗi đoạn Sớ Sao, đều có phần đàm luận xứng tánh. Phần xứng tánh ấy thuộc về Thiền Tông, nhằm bảo rõ với chúng ta: Có đoạn nào, câu nào trong kinh Di Đà chẳng phải là thượng thượng Thiền? Chẳng cần phải tu Thiền nữa. Chẳng phải là quý vị đã học Mật rồi đó ư? Chú Vãng Sanh là vô thượng mật chú; ở đây, chúng ta cũng có chú ấy. Vì thế, chỉ là một dụng ý, một mục tiêu, nhằm dạy chúng ta nhận biết rõ ràng hết thảy các pháp môn, thật thà niệm Phật. Thật thà niệm Phật, chẳng có ai không thành tựu! Cổ đức bảo pháp môn này là *"vạn người tu, vạn người đến"* chẳng giả!

(Sao) Tường trần bỉ quốc, y chánh trang nghiêm, tín, hạnh, nguyện môn, như kinh sở minh, thị chi vị Hiển.

(鈔)詳陳彼國，依正莊嚴，信行願門，如經所明，是之謂顯。

*(**Sao**: Nói cặn kẽ y báo và chánh báo trang nghiêm trong ấy, các môn Tín, Hạnh, Nguyện được giảng rõ trong kinh, đó gọi là Hiển).*

"Trần" là trần thuyết (陳說: tường thuật, giải thích), nói rõ tường tận, cặn kẽ trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Y"* (依) là trạng huống nơi hoàn cảnh sống. *"Chánh"* (正) là nói đến A Di Đà Phật, cũng như trạng huống tu học tại Tây Phương của những người từ mười phương vãng sanh đến thế giới Tây Phương, đều nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Nhất là chúng ta hợp ba kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh Di Đà lại để xem, sẽ mười phần liễu giải trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ có thật sự liễu giải, thật sự hiểu rõ, tín tâm của chúng ta mới sanh khởi. Tín tâm chẳng thể sanh khởi chính là vì chẳng hiểu rõ trạng huống trong Tây Phương cho mấy.

Nghe nói [cõi ấy] tốt đẹp, rốt cuộc là thật hay giả? Kẻ ấy ôm nỗi nghi hoặc, tín tâm chẳng thanh tịnh. Nhất định là phải hiểu rõ ràng, nhất định phải hiểu minh bạch, tín tâm bèn thanh tịnh.

Có tín tâm, có nguyện vọng mạnh mẽ, nguyện sanh về Tịnh Độ, nguyện thấy Di Đà. Nguyện này hết sức trọng yếu, có Tín, có Nguyện thì mới thật sự chịu làm, đó là có Hạnh. Hạnh là dùng niệm Phật làm Chánh Hạnh. Kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai tới phẩm ba mươi bảy dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, trì giới niệm Phật, đó là Trợ Hạnh. Tam Phước và [nhân hạnh của] chín phẩm trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng thuộc loại Trợ Hạnh. Chánh Trợ song tu, quyết định được vãng sanh. Kinh đã nói rõ ràng về Tín, Nguyện, Hạnh cho chúng ta. Đó gọi là Hiển Giáo, hết sức rõ rệt.

(Sao) Tuân Phật bí sắc, đản trì thử chú, tức đắc vãng sanh, thị chi vị Mật.

(鈔)遵佛祕敕，但持此咒，即得往生，是之謂密。

*(**Sao**: Tuân theo sắc lệnh bí mật của đức Phật, chỉ trì chú này, liền được vãng sanh, đó gọi là Mật).*

Trong Mật, điều kiện trọng yếu nhất là tín tâm tuyệt đối, tuyệt đối chẳng thể có mảy may nghi hoặc nào! Trong Hiển Giáo, có nghi hoặc vẫn chẳng sao, kinh giáo có thể giúp quý vị giải quyết [nỗi nghi hoặc ấy]. Trong Mật Giáo mà có nghi hoặc thì không được rồi, quyết định chẳng thể thành tựu, phải là có tín tâm tuyệt đối. Vì sao? Trong chú chẳng có giải thích, đức Phật nói như thế nào, quý vị bèn thật thà trì chú, dùng phương pháp này.

"Đản trì thử chú, tức đắc vãng sanh" (Chỉ trì chú này, liền được vãng sanh), giống như trong kinh đã nói: Quý vị có thể trì chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, chắc chắn được vãng sanh. Từ xưa đến nay, xác thực là có không ít người thấy kinh dạy như vậy, họ cũng niệm, sau khi đã niệm đủ ba mươi vạn lần, chẳng có hiệu quả! Do nguyên nhân gì? Kẻ ấy chẳng có tín tâm tuyệt đối, vừa niệm vừa hoài nghi, làm thử xem, ba mươi vạn lần rốt cuộc là giả hay thật? Kẻ ấy chẳng có chân tâm, dùng cái tâm "thử xem" để niệm chú, niệm ba mươi vạn lần, hay ba trăm vạn lần cũng chẳng được! Khuyết điểm là do cái tâm "thử xem". Thử xem có linh hay không, kết quả là chẳng linh. Do đó, cái tâm trì chú chớ nên giả dối, chớ nên [dùng cái tâm] thăm dò, chớ nên dùng cái tâm suy đoán.

Người trì chú, nói tới thật thà, chúng ta thường nói *"thật thà niệm Phật"*, còn phải thật thà hơn người niệm Phật thì mới được. Hễ có mảy may chẳng thật thà, ba mươi vạn lần đều là niệm uổng công, chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này. Chẳng phải là chú không linh!

Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, ông ta (Viên Liễu Phàm) đã nêu tỷ dụ "vẽ bùa, niệm chú". Biết vẽ bùa, sẽ vẽ được một đạo bùa linh ứng; chẳng biết cách vẽ bùa, sẽ bị quỷ thần chê cười. Bùa vẽ như thế nào sẽ linh? *"Thành tắc linh"* (Có lòng thành, ắt linh thiêng). Tiêu chuẩn của Thành là gì? Trong Độc Thư Bút Ký (bút ký đọc sách), ông Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ Thành như sau: *"Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành"*. Trong tâm chẳng có ý niệm nào, đó là Thành. Trong tâm có một niệm thì chẳng thành. Kẻ vẽ bùa ấy, lúc bình thời phải luyện tập, luyện rất thuần thuộc; đối với mỗi đạo bùa, hễ hạ bút liền vẽ một mạch. Không thông thuộc, vẽ tới chỗ nào đó rồi lại dấy lên ý niệm suy nghĩ trong chốc lát [phải vẽ tiếp như thế nào, đạo bùa ấy] sẽ chẳng linh. Người ấy hạ bút liền vẽ một mạch thì sẽ vẽ đạo bùa ấy thành công. Chẳng có một vọng niệm nào, đạo bùa ấy sẽ linh. Hễ dấy lên một vọng niệm, sẽ chẳng linh. Do đó, chẳng biết vẽ bùa, sẽ bị quỷ thần cười cợt. "Chẳng biết vẽ bùa" là khi vẽ bùa có xen lẫn ý niệm trong ấy.

Cùng một đạo lý như vậy, niệm chú có người niệm linh ứng, có người niệm chú, âm đọc cũng chẳng sai một chữ nào, thế mà chẳng linh! Cùng một đạo lý: Hễ thành sẽ linh. Chư vị phải biết: Chú càng dài càng khó, vì thời gian dài, dễ dấy lên vọng tưởng. Hễ vọng tưởng nẩy sanh, chú ấy sẽ không linh. Vì thế, cổ nhân nói: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*. Trong bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng có một vọng tưởng thì được, rất dễ dàng làm được, [cho nên niệm Phật sẽ] linh! Vì thế, tôi khuyên mọi người dùng pháp Thập Niệm để tu trì, đối với mười câu A Di Đà Phật, thời gian chỉ cần một phút, nhiếp tâm dễ dàng. Trong mười câu Phật hiệu, chẳng có một vọng niệm, thời gian công khóa tuy ngắn ngủi, nhưng linh ứng. Quý vị niệm Phật, mỗi ngày niệm mấy ngàn câu, mấy vạn câu, trong ấy có vọng tưởng, có tạp niệm, sẽ chẳng linh! Vì thế, đối với cách Thập Niệm này, quý vị hãy thật sự khéo niệm, chừng một, hai tuần, sẽ cảm nhận hiệu quả. Do nguyên nhân nào? Đạo lý ở ngay chỗ này! Thời gian ngắn ngủi, dễ nhiếp tâm, phù hợp *"tịnh niệm tiếp nối"*, phù hợp *"nhiếp trọn sáu căn"*, phù hợp tiêu chuẩn ấy. Vì thế, hiệu quả hết sức rõ rệt. Trì chú, niệm Phật, phải hiểu bí quyết trọng yếu ở trong ấy.

(Sao) Hiển giả, hiển thử mật dã; mật giả, mật thử hiển dã.

(鈔)顯者，顯此密也；密者，密此顯也。

*(**Sao**: Hiển là hiển lộ bí mật này, Mật là ẩn mật hiển pháp này).*

Hiển Mật viên dung là cùng một chuyện, một phương pháp, đức Phật dùng hai phương thức bất đồng để biểu đạt: Một đằng là hiển thuyết, một đằng là mật thuyết.

(Sao) Kiêm trì tắc song mỹ tất cụ, đơn cử diệc giao nhiếp bất di, cố viết Viên Thông.

(鈔)兼持則雙美畢具，單舉亦交攝不遺，故曰圓通。

*(**Sao**: Trì cả hai ắt đẹp đẽ, trọn vẹn cả đôi đường, chỉ nêu riêng một pháp thì pháp này dung nhiếp pháp kia chẳng sót. Vì thế nói là Viên Thông).*

"Kiêm trì": Nay chúng ta đều chọn dùng phương pháp này. Niệm xong kinh Di Đà bèn niệm ba biến chú Vãng Sanh, có Hiển, có Mật. Đó gọi là *"kiêm trì"*. Đấy là *"song mỹ"*, *"tất cụ"*, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào! *"Đơn cử"* là chỉ niệm kinh, hoặc chỉ niệm chú cũng đều được! Niệm kinh là Hiển, trong Hiển có Mật. Tuy chẳng niệm chú, nhưng mật nghĩa đều ở trong kinh. Chỉ trì chú Vãng Sanh cũng được, tuy là Mật, hiển kinh cũng ở trong mật nghĩa. Vì Mật là Mật của Hiển, Hiển là Hiển của Mật. Do vậy, quý vị chỉ trì một loại, ý nghĩa vẫn là viên mãn. Đó mới gọi là Viên Thông.

Viên Thông là từ ngữ trong kinh Lăng Nghiêm. Trong Hoa Nghiêm, câu này được gọi là Vô Ngại. Vô ngại bèn viên thông; có chướng ngại sẽ chẳng thông, sẽ chẳng viên. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư nói là *"tứ vô chướng ngại pháp giới"*, Viên Thông là pháp giới vô chướng ngại. Pháp giới vô chướng ngại là cảnh giới sở chứng của Như Lai và các vị đại Bồ Tát. *"Đại Bồ Tát"* là bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Viên Giáo, [nói Viên Thông] là nói tới [cảnh giới] sở chứng của các Ngài. Kinh Hoa Nghiêm nói *"Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Kinh Lăng Nghiêm dùng hai chữ Viên Thông để nói trọn hết.

(Sớ) Tuy vân giao nhiếp, nhi chuyên trì danh hiệu, do thắng trì chú, diệc thắng dư chú, diệc thắng nhất thiết chư dư công đức.

(疏)雖云交攝，而專持名號，猶勝持咒，亦勝餘咒，亦勝一切諸餘功德。

*(**Sớ**: Tuy nói là "nhiếp lẫn nhau", nhưng chuyên trì danh hiệu vẫn thù thắng hơn trì chú [Vãng Sanh], mà cũng thù thắng hơn các chú khác, cũng thù thắng hơn hết thảy các công đức).*

Trong đoạn khai thị này, nói thật ra, nếu Liên Trì đại sư chẳng giảng cho chúng ta rõ ràng, minh bạch như vậy, thật sự là chúng ta chẳng biết danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta cũng thường nghe, cũng thường thấy trong chú sớ của các vị tổ sư nói kiểu này, rốt cuộc là chẳng thể nghĩ bàn như thế nào, chẳng biết! Trong đoạn này, Liên Trì đại sư đã nêu bày chẳng thể nghĩ bàn như thế nào, chẳng thể nghĩ bàn đến mức độ nào, đúng là khó có! Chúng ta có thể gặp gỡ, thật sự là có đại phước báo. Từng câu dưới đây đều nhằm giải thích [vì sao chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đặc biệt ca ngợi pháp trì danh].

(Sao) Thiên tán trì danh dã.

(鈔)偏讚持名也。

*(**Sao**: Đặc biệt ca ngợi trì danh).*

"Tán" là tán thán (讚歎). Trong tất cả hết thảy các pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức đặc biệt tán thán *"trì danh"*, lại còn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, đạo lý ở chỗ nào? Rốt cuộc vì sao phải tán thán như vậy?

(Sao) Dĩ chú vân: "Tụng tam thập vạn biến, tắc kiến A Di Đà Phật".

(鈔)以咒云：誦三十萬遍，則見阿彌陀佛。

*(**Sao**: Do trong kinh văn giảng về chú Vãng Sanh đã nói: "Tụng ba mươi vạn lần, sẽ thấy A Di Đà Phật").*

Chú Vãng Sanh phải niệm ba mươi vạn lần thì mới thấy A Di Đà Phật.

(Sao) Nhi trì danh, tắc nhất nhật nhất tâm, tức Phật hiện tiền cố.

(鈔)而持名，則一日一心，即佛現前故。

*(**Sao**: Nhưng trì danh thì một ngày nhất tâm, Phật bèn hiện tiền).*

Chú Vãng Sanh chẳng bằng Phật hiệu; đối với Phật hiệu, chí tâm xưng danh một ngày, một đêm, A Di Đà Phật bèn hiện tiền, bèn đắc nhất tâm bất loạn. Chú Vãng Sanh còn phải niệm ba mươi vạn lần, Phật mới hiện tiền, chứng tỏ chú chẳng bằng Phật hiệu. Liên Trì đại sư nói lời này chẳng phải là nói tùy tiện, mà đều là có kinh điển để làm căn cứ. Niệm ba mươi vạn lần chú Vãng Sanh phải tốn thời gian rất dài. Niệm câu Phật hiệu này một ngày một đêm vượt trỗi ba mươi vạn lần chú Vãng Sanh. Đó là chỗ thua kém của chú Vãng Sanh.

(Sao) Hựu chú vân: "Trú dạ lục thời, các tụng tam thất biến, năng diệt Ngũ Nghịch đẳng tội, nhi trì danh, tắc chí tâm niệm Phật nhất thanh, tức diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội cố.

(鈔)又咒云：晝夜六時，各誦三七遍，能滅五逆等罪。而持名，則至心念佛一聲，即滅八十億劫生死重罪故。

*(**Sao**: Chú lại nói: Ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi mốt lần, có thể diệt các tội như Ngũ Nghịch v.v... Nhưng trì danh thì chí tâm niệm Phật một tiếng liền diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử).*

Niệm chú Vãng Sanh còn phải *"trú dạ lục thời, các tụng tam thất biến"* (ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi mốt biến), *"tam thất"* là hai mươi mốt biến. *"Trú dạ lục thời"* (Ngày đêm sáu thời), mỗi thời niệm hai mươi mốt lần, một ngày đêm niệm sáu lượt. Ngày ba thời: Sơ nhật phần niệm một lần, trung nhật phần niệm một lần, hậu nhật phần niệm một lần. Ban đêm cũng thế, sơ dạ phần niệm một lần, trung dạ phần niệm một lần, hậu dạ phần niệm một lần, thì mới *"năng diệt Ngũ Nghịch đẳng tội"* (có thể diệt tội như Ngũ Nghịch v.v…). *"Trì danh"* là thành tâm niệm một câu A Di Đà Phật liền *"diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội"* (diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử). Chú chẳng bằng Phật hiệu, trong kinh đức Phật có nói điều này. Có người không niệm Phật mà muốn niệm chú, có cách nào? Chẳng có cách nào hết! Chúng ta chỉ đành nói là mỗi người có nhân duyên riêng.

Trong ấy, điều then chốt là Thành, tức chân thành. Đó là nhân. Phật hiện tiền, diệt tội Ngũ Nghịch, đó là quả. Trong ấy còn có duyên.

Nếu chẳng có duyên, quả chẳng thể hiện tiền. Chúng ta mỗi ngày không chỉ niệm một câu Phật hiệu, [thế mà] Phật cũng chẳng hiện tiền. Do duyên cớ gì? Đương nhiên, điều thứ nhất là do cái nhân chẳng chánh đáng, duyên khuyết thiếu. Duyên là gì? Kinh nói *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*, đó là duyên. Chúng ta thật sự là thiện nam tử, thiện nữ nhân, lại có thành tâm, sẽ linh. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật đã giảng về tiêu chuẩn thiện rất rõ ràng, rất minh bạch, chính là Tịnh nghiệp Tam Phước. Đấy là tiêu chuẩn của thiện. Phải thật sự làm được điều thiện nhân thiên, tức là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"*, phải thật sự làm được! Hằng ngày niệm Phật suông [không tu điều phước thứ nhất trong Tịnh nghiệp Tam Phước] sẽ vô dụng, chẳng được coi là *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"*, phải làm được! Đó là nhân thiên thiện. Nhị Thừa thiện thì còn phải thêm ba điều, *"thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*, sẽ là thiện nam tử, thiện nữ nhân theo Tiểu Thừa.

Pháp môn này và kinh điển này là pháp của Đại Thừa Bồ Tát. Không chỉ là pháp Đại Thừa, cổ đại đức dạy chúng ta: Pháp môn này là Đại Thừa của Đại Thừa, là Nhất Thừa của Nhất Thừa, là pháp môn vô thượng chân thật bậc nhất. Tiêu chuẩn thiện của nó càng cao hơn; vì thế, còn phải thêm vào: *"Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*. Những điều này chúng ta đều làm được, dùng cái tâm chân thành để niệm câu Phật hiệu, xác thực là niệm một tiếng Phật hiệu *"diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử"*, vãng sanh Tịnh Độ sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh.

Có những người thoạt trông dường như rất ngu si, như người đồ đệ làm thợ vá nồi của pháp sư Đế Nhàn. Ông ta chẳng biết chữ, chẳng có kiến thức, trung niên xuất gia. Lão pháp sư dạy ông ta niệm một câu A Di Đà Phật. Người ta niệm ba năm, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Ông ta chưa từng học Tam Phước, cớ sao có thể vãng sanh thù thắng như vậy? Nói thật ra, đối với mười một điều trong Tam Phước, ông ta thảy đều làm được, thảy đều trọn đủ, nhưng quý vị hỏi ông ta, ông ta sẽ chẳng thốt nên lời, không biết! Đó là người như cổ nhân đã bảo *"ngu không ai bằng"*. Tuy ông ta ngu ngơ, điều gì cũng chẳng biết, nhưng chúng ta chẳng bằng ông ta! Ông ta tâm địa thanh tịnh, thiện lương, so sánh từng điều trong tiêu chuẩn ấy, ông ta thảy đều trọn đủ. Nghe lời thầy, [vì thế] *"phụng sự sư trưởng"* ông ta làm được. Thầy dạy ông ta làm như thế nào, ông ta giảm bớt một chút cũng chẳng có, cứ thật thà

làm theo, vâng theo một trăm phần trăm, thứ gì cũng làm được, cho nên duyên của ông ta đầy đủ. Tâm địa chân thành, trừ câu A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có, nhân đầy đủ! Ông ta nhân duyên đầy đủ, quả báo hiện tiền, quả báo thù thắng khôn sánh. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Nếu không, chúng ta sẽ cảm thấy: Sao mà có người niệm thì linh, có kẻ niệm chẳng linh? Rốt cuộc người niệm linh ứng thì có phải là người đó rất may mắn hay không? Có phải là người ấy rất hên hay không? Chẳng phải vậy! Mảy may vận hên cũng chẳng có! Vì thế, sau khi đã hiểu rõ lý luận và chân tướng sự thật, chúng ta bèn biết phải tu như thế nào! Do đó, Tam Phước hết sức trọng yếu. Đấy là nói niệm danh hiệu A Di Đà Phật mạnh mẽ hơn niệm chú Vãng Sanh.

(Sao) Nhị, thắng dư chú giả.

(鈔)二、勝餘咒者。

*(**Sao**: Hai là thù thắng hơn các chú khác).*

"Dư chú" là những chú khác. Hết thảy các chú do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, kể cả chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm, chú Chuẩn Đề v.v… đều chẳng sánh bằng danh hiệu A Di Đà Phật.

(Sao) Chuyên trì danh hiệu, tức đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú.

(鈔)專持名號，即大神咒、大明咒、無上咒、無等等咒。

*(**Sao**: Chuyên trì danh hiệu, chính là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, chú không có gì sánh bằng).*

Danh hiệu A Di Đà Phật là *"đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, chú không có gì sánh bằng"*, vì sao?

(Sao) Dĩ thập niệm tiện đắc vãng sanh, nhất sanh tiện đắc bất thoái, oai linh bất trắc, tư danh đại thần.

(鈔)以十念便得往生，一生便得不退，威靈不測，斯名大神。

*(**Sao**: Do mười niệm bèn được vãng sanh, trong một đời bèn đắc Bất Thoái, oai linh chẳng lường được, nên gọi là "đại thần").*

Nhìn từ những ý nghĩa được bao hàm trong danh tự thì sáu chữ hồng danh chẳng thẹn gọi là "đại thần chú"! *"Thập niệm vãng sanh"* là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. Nguyện thứ mười tám nói: Kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung gặp thiện hữu khuyên người ấy niệm Phật, do một niệm hoặc mười niệm bèn có thể vãng sanh. Chú nào có thể sánh bằng một câu Phật hiệu? Dẫu các thần chú khác cũng có năng lực ấy, nhưng *"nhất sanh tiện đắc Bất Thoái"* (trong một đời bèn đắc Bất Thoái), đại khái là chẳng thể tìm thấy trong các chú khác. Sanh về thế giới Tây Phương, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái, điều này chẳng thể tìm thấy trong tất cả hết thảy các thần chú. Đây là nói rõ ràng, nói minh bạch cùng chúng ta: *"Trì chú chẳng bằng niệm Phật"*.

Bao nhiêu kẻ mê đắm nơi thần chú, chẳng biết danh hiệu có công đức thù thắng, chẳng nhận biết giá trị, chẳng nhận thức! Thật sự nhận biết rõ ràng, nhận biết minh bạch, thật sự là chẳng dễ dàng! Chẳng phải là người có đại phước đức, đại thiện căn, đại nhân duyên, làm sao quý vị có thể hiểu rõ cho được? Kinh Di Đà chẳng dài, Sớ Sao chẳng ngắn. Giảng bộ Sớ Sao to như vậy một lượt, khá khó khăn! Thiện căn, phước đức, và nhân duyên chẳng phải là ai nấy đều trọn đủ, họ làm sao hiểu nổi? Chẳng hiểu sự thù thắng của danh hiệu. *"Oai linh bất trắc"* (Oai linh chẳng lường), [nói tới sự] oai đức linh cảm là nói tới mười niệm vãng sanh, bất thoái ngay trong một đời. Đó là đại thần chú.

(Sao) Dư khả lệ tri cố.

(鈔)餘可例知故。

*(**Sao**: Đối với những điều khác, cứ phỏng theo đó suy ra sẽ biết).*

Những điều khác, đại sư tỉnh lược. Trong phần tiểu chú, pháp sư Cổ Đức có bổ sung.

(Diễn) Dư khả lệ tri giả, nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, kiến tự tánh, đại minh chú dã.

(演)餘可例知者，一心不亂，斷無明見自性，大明咒也。

*(**Diễn**: "Những điều khác cứ phỏng theo đó, suy ra mà biết": Nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, thấy tự tánh, tức là đại minh chú).*

"Minh" là minh tâm kiến tánh. Chư vị hãy lắng lòng suy nghĩ cặn kẽ. Nếu trong quá khứ hoặc hiện tại, quý vị học Mật đôi chút, Thượng Sư Nhân Ba Thiết (Rinpoche) dạy quý vị mấy bài chú, quý vị cũng thọ trì hằng ngày, sáng tối đều niệm chú, có phải là tâm quý vị ngày càng sáng suốt hơn hay chăng? Nếu chúng ta càng niệm, tâm càng hồ đồ, càng niệm càng phiền não, càng niệm càng vô tri, chú ấy chẳng linh, xác thực là chẳng bằng một câu danh hiệu!

Để thành tựu công đức nơi danh hiệu, bí quyết trọng yếu là chuyên tinh. Danh hiệu dễ trì, nó rất ngắn, [niệm] câu ấy dễ dàng, nên gọi là *"dị hành đạo"* (易行道: đạo dễ hành). So sánh các thứ khác với Phật hiệu, chúng đều gọi là *"đạo khó hành"*, chẳng dễ dàng như cách này. *"Dị"* (易) là gì? Dễ dàng nhiếp tâm. Cũng có nghĩa là khi chúng ta luyện tập, niệm Phật là thực hiện công phu, trì chú cũng là luyện công phu, đọc kinh cũng là đang hành công phu. Điều khẩn yếu nhất trong luyện tập công phu là nhiếp tâm. Nhiếp tâm là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: *"Nhiếp trọn sáu căn"*. Chúng ta có thể nhiếp hay không, đó là vấn đề! Càng đơn giản, ngắn gọn, càng tinh yếu, càng dễ nhiếp tâm. Chư vị nhất định phải hiểu: Nói Lý thì phải tỉ mỉ, càng cặn kẽ càng tốt. Chúng ta phải thật sự hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch; tu hành thì càng đơn giản càng hay, đơn giản mới là dễ dàng. Hành chớ nên phức tạp, chớ nên rất khó, chớ nên ham nhiều!

Một câu Phật hiệu đúng là phải thật thà niệm. Thật sự thật thà niệm, dẫu quý vị chẳng thể đắc nhất tâm bất loạn, quyết định là công phu thành phiến chẳng có vấn đề gì! Nếu quý vị đắc công phu thành phiến, trước mắt sẽ có đại thọ dụng, đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp. Rốt cuộc công phu thành phiến có ưu điểm gì? Có những lợi ích gì?

1) Thứ nhất là phiền não nhẹ nhàng. Phiền não chưa đoạn; hễ đoạn được, sẽ là nhất tâm bất loạn. Chưa đoạn, nhưng nhẹ bớt, chẳng nặng nề như trước kia.

2) Thứ hai, vọng niệm bớt đi. Có vọng niệm, nhưng chẳng nhiều như trước kia.

3) Thứ ba, trí huệ tăng trưởng, người bỗng dưng thông minh. Trước kia, đối với người, đối với sự, đối với vật, đều hồ đồ, mờ mịt, nay bèn hiểu rõ, chẳng hồ đồ.

4) Thứ tư, pháp hỷ sung mãn. Bất luận khi nào, bất luận nơi nào, trong tâm hoan hỷ, pháp hỷ. Pháp hỷ chính là chất dinh dưỡng thù thắng nhất mà chúng ta nhấn mạnh trong đạo lý dưỡng sanh, nó thật sự có thể

khiến cho quý vị giữ mãi vẻ thanh xuân, chẳng già, chẳng bệnh.

Thật sự có thể đạt được, đạt được công phu thành phiến, tiền đồ lại còn là một bầu quang minh. Phàm phu rất đáng thương, chẳng biết sanh từ đâu đến, chết không biết đi về đâu? Hồ đồ, mờ mịt đến, hồ đồ, mờ mịt mà đi. Đáng thương! Quý vị đạt được công phu thành phiến, bèn hiểu rõ ràng, minh bạch, tiền đồ là một bầu quang minh, làm sao có thể giống [như cũ] được? Đại minh chú đấy nhé! Dẫu trong một đời này, chúng ta chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn xác thực là chẳng dễ dàng, nó là công phu bậc cao, nhưng công phu thành phiến thì chúng ta nhất định có thể đạt được. Đến khi chúng ta vãng sanh, Phật đến tiếp dẫn. Phật quang vừa chiếu, ngay lập tức, một chút công phu thành phiến của chúng ta được nâng lên thành nhất tâm bất loạn. Đó là do Phật lực gia trì. Nếu chúng ta đắc Sự nhất tâm bất loạn, Phật quang vừa chiếu bèn nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. La Thập đại sư phiên dịch bộ kinh này, dịch thành *"nhất tâm bất loạn"*, hoàn toàn chẳng dịch sai! Nhưng phải hiểu: Trong kinh điển bằng tiếng Phạn, chẳng nói ý nghĩa *"nhất tâm bất loạn"*, bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi là *"nhất tâm hệ niệm"*, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Nhưng nhất tâm bất loạn, xác thực là khi vãng sanh, do Phật lực gia trì, khiến cho công phu của quý vị tăng cao hơn. Vì thế, cũng chẳng thể nói Ngài dịch theo ý nghĩa ấy là dịch sai. Do *"đoạn vô minh, thấy tự tánh"*, nên câu A Di Đà Phật chính là đại minh chú.

(Diễn) Vãng sanh bỉ quốc, cứu cánh thành Phật, vô thượng chú dã.

(演)往生彼國究竟成佛，無上咒也。

(***Diễn***: *Vãng sanh cõi ấy, rốt ráo thành Phật là vô thượng chú).*

Sở dĩ mật chú có thể hấp dẫn người khác là vì nó đề xướng *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này), cho nên mọi người đều như ong vỡ tổ kéo đến! Thành Phật ngay trong một đời là thành Phật gì vậy? Thật sự tu thành công trong Mật Tông, chiếu theo Mật pháp để thật sự tu hành, thành Phật ngay trong một đời, chính là thành Tạng Giáo Phật, tương đương với A La Hán của Tiểu Thừa, còn cách biệt Đại Thừa Bồ Tát một khoảng to lớn, chẳng phải là một vị Phật viên mãn rốt ráo. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã giảng chuyện này rất nhiều. Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát ở Tây Phương tái

lai, làm sao có thể sai lầm cho được? Thành Phật há dễ dàng như vậy sao? Chẳng có chuyện may mắn đâu nhé!

Để thành Phật, phải phá Trần Sa phiền não, phải đoạn Vô Minh phiền não. Nói cách khác, bất luận quý vị dùng công phu gì, bất luận tu học pháp môn nào, nếu chẳng đoạn phiền não, chắc chắn là chẳng thể chứng quả. Nếu có kẻ nào bảo "chẳng đoạn phiền não, vẫn có thể chứng quả", đó là gạt người, chẳng có lẽ ấy! Chẳng đoạn phiền não, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*. Pháp môn này cũng nói rành mạch: Chỉ mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành. Đừng nghĩ [đã là] đới nghiệp vãng sanh, [vậy thì] cứ liều mạng tạo nghiệp, chẳng sao hết, trong tương lai vẫn có thể vãng sanh. [Nghĩ như vậy], quý vị đã lầm lẫn quá đỗi. Mang theo nghiệp cũ, chẳng phải là mang theo nghiệp mới. *"Đới"* (帶) là mang theo nghiệp quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tại, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi, vì sao họ chẳng thể vãng sanh? Họ đã hiểu lầm *"đới nghiệp"*, cứ nghĩ hiện tiền tạo nghiệp vẫn có thể mang theo, sai mất rồi!

Chúng ta tham Thiền, hoặc là học Giáo, hoặc là trì chú, đều phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể thành tựu. Nay chúng ta hãy suy ngẫm, có thể đoạn Kiến Tư phiền não hay không? Không chỉ là đoạn, mà đè nén nó còn chẳng được, quý vị còn có hy vọng thành tựu hay chăng? Mọi người phải hiểu rõ lý này, biết chân tướng sự thật, mới biết chuyện này thật khó! Đừng nói là chúng ta gặp khó khăn, [ngay cả] A La Hán cũng gặp khó khăn, Bồ Tát cũng khó khăn. Nói thật thà, ngay như Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát cũng đều lắc đầu, khó lắm! Khó thì làm như thế nào? Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vài hôm trước, có người kể với tôi, đạo tràng nọ trong quá khứ niệm A Di Đà Phật, nay chẳng niệm A Di Đà Phật, đổi thành niệm Tỳ Lô Giá Na Phật. Tôi nói: "Niệm Tỳ Lô Giá Na Phật cũng tốt! Thật sự có thể đến chỗ Tỳ Lô Giá Na Phật, Văn Thù và Phổ Hiền lại khuyên họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ". Vấn đề là họ có thể đến chỗ Tỳ Lô Giá Na Phật hay không? Đây là một vấn đề lớn. Hàng phục phiền não chẳng được, quý vị còn mong đến đó (đến thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật) hay chăng? Phải thật sự đề cao cảnh giác chuyện này. Sáng tối, khi thức dậy vào buổi sáng, trước khi đi ngủ vào buổi tối, hãy suy nghĩ cho nhiều: Thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn của chúng ta, chẳng có thứ nào có thể buông xuống được! Nói cách khác,

ngay cả niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mà còn có chướng ngại, huống hồ [tu tập] những pháp môn khác? Đó gọi là "tâm chẳng thanh tịnh". Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Nay chúng ta nói theo thực tại: Mục tiêu bậc nhất, mục tiêu duy nhất của chúng ta chỉ có mục tiêu này. Hễ có thể làm thông suốt điều này, bèn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những điều khác đều chẳng cần nghĩ tới! Đối với những điều khác, quý vị nghĩ xem, nói thật thà, đều là vọng tưởng! Nếu quý vị chẳng tin, hãy suy nghĩ cặn kẽ: Quý vị có buông thị phi, nhân ngã xuống được chưa? Tiếng tăm, lợi dưỡng, quý vị có buông xuống hay không? Tham, sân, si, mạn, quý vị đã buông xuống hay chưa? Nếu những thứ ấy thảy đều chẳng buông xuống, chẳng phải là quý vị đang si tưởng, đang dấy vọng tưởng ư? Ngoại trừ thật thà niệm Phật, còn có con đường nào để có thể đi được nữa? Thật sự nghĩ thông suốt, suy nghĩ rành rẽ, sẽ buông xuống vạn duyên. Đó là thật sự nghĩ thông suốt, thật sự nghĩ minh bạch.

Vào lúc tuổi già, Liên Trì đại sư bảo: *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ"*, đã nghĩ thông suốt! Nghĩ thông suốt, các pháp môn khác đều chẳng được, mà cũng chẳng thể thành tựu, các vị muốn gì, bèn nhường cho quý vị điều ấy. Lão nhân gia lúc tuổi già, một câu A Di Đà Phật, một quyển kinh A Di Đà. Đấy là người thật sự nghĩ thông suốt, thật sự giác ngộ, Ngài mới làm như thế. Nếu còn thấy phải học, phải tu những kinh luận, pháp môn khác, tức là trong tâm còn so đo, người ấy vẫn chưa nghĩ thông suốt, vẫn chưa hiểu rõ ràng. Nếu người ấy thật sự hiểu rõ, thật sự nghĩ thông suốt, nhất định sẽ giống như Liên Trì đại sư, nhất định giống như Văn Thù và Phổ Hiền. Vì thế, cầu sanh Tịnh Độ là mục tiêu duy nhất của chúng ta. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn bảo đảm! A Di Đà Phật là ông chủ lớn của công ty bảo hiểm, [chúng ta] quyết định thành Phật ngay trong một đời. *"Thành Phật"* ở đây chính là thành một vị Phật viên mãn rốt ráo, *"tức thân thành Phật"* của Mật Tông chẳng thể sánh bằng! Do vậy, một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"* xác thực là *"vô thượng chú"*, làm sao có thể coi thường cho được?

(Diễn) Chứng Vô Sanh Nhẫn, hồi nhập Sa Bà, phổ độ chúng sanh, vô đẳng đẳng chú dã.

(演)證無生忍，回入娑婆，普度眾生，無等等咒也。

*(**Diễn**: Chứng Vô Sanh Nhẫn, quay trở lại Sa Bà, phổ độ chúng sanh, chính là chú không có gì sánh bằng).*

"Vô đẳng đẳng", thưa cùng chư vị, chính là vô thượng của vô thượng. *"Vô thượng"* thì há còn có gì hòng sánh bằng nó ư? Chẳng có gì có thể sánh bằng nó thì mới là vô thượng của vô thượng. Chẳng có gì bình đẳng với nó, chẳng có gì ngang hàng với nó. Vì sao? *"Chứng Vô Sanh Nhẫn"*. Khi nào sẽ chứng Vô Sanh Nhẫn? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng Vô Sanh Nhẫn, trong tất cả hết thảy các kinh luận và pháp môn đều chẳng có điều này. Vì chiếu theo pháp môn và kinh luận bình thường để nói, Vô Sanh Nhẫn [tối thiểu] là sở chứng của Thất Địa Bồ Tát, [hay nói chi tiết hơn] sẽ là [sở chứng của] Thất Địa, Bát Địa, và Cửu Địa. Thất Địa Bồ Tát là hạ phẩm Vô Sanh Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa là thượng phẩm. Lên cao hơn nữa là Tịch Diệt Nhẫn. Thập Địa Bồ Tát là hạ phẩm Tịch Diệt, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm, Phật là thượng phẩm. Vì sao chúng ta hễ được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát? Kinh Di Đà có nói, mà kinh Vô Lượng Thọ cũng là nói như thế. Sanh về thế giới Tây Phương chính là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. A Bệ Bạt Trí là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát. Đây chẳng phải là do chúng ta tu được, mà là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì quý vị, khiến cho quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông, đạo lực và trí huệ của quý vị bằng với Thất Địa Bồ Tát; do Phật lực gia trì, chẳng phải là chính mình có! Chẳng phải do chính mình tu được, điều này chẳng dễ hiểu!

Ví như quý vị tốt số, đầu thai vào gia đình phú quý, cha quý vị đại phú, đại quý. Khi quý vị đi học, chính mình chẳng kiếm ra tiền, nhưng hoàn cảnh sống tốt đẹp nhất, ra khỏi cửa đi xe tốt nhất. Những thứ đó là của cha quý vị, chẳng phải là của quý vị, có ý nghĩa như thế đó. Chúng ta tới cõi ấy, tất cả hết thảy sự hưởng thụ đều là hưởng thụ từ A Di Đà Phật, có ý nghĩa như thế ấy! Đợi đến khi chính mình đã đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa Hoặc, đoạn Vô Minh, vô minh còn phải đoạn hơn ba mươi phẩm, [lần lượt chứng đắc các địa vị] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Khi đã đạt đến Thất Địa, tức là đã đoạn ba mươi bảy phẩm vô minh, khi ấy, [sự hưởng thụ] là của chính quý vị. Khi quý vị chưa đạt đến mức độ ấy, [hết thảy thọ dụng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] là do Phật lực gia trì. Cũng giống như khi chính bản thân quý vị đã có năng lực, làm việc trong xã hội, cũng có thể kiếm tiền, hết thảy những gì quý vị thọ dụng là của chính mình, chẳng phải dựa dẫm vào cha nữa! Khi quý vị chẳng có năng lực ấy, hoàn toàn dựa dẫm cha, bèn có lợi ích như thế đó. Trong các thế giới chư Phật khác, chẳng có sự tốt

đẹp này. Do vậy, [nếu ở trong các thế giới khác], quý vị đang trong giai đoạn tu học sẽ rất khổ sở, chẳng thể hưởng thụ tốt đẹp dường ấy! Vì vậy, sự thù thắng của thế giới Tây Phương chẳng có bất cứ thế giới Phật nào có thể sánh bằng! Chúng ta ắt phải hiểu điều này thì tín tâm của chúng ta mới thanh tịnh, mới kiên định, nguyện lực mới thật sự khẩn thiết. Chẳng thể không đến cõi ấy! Đây là nói đến sự thù thắng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đồng thời đều đạt được, đạt được ngay trong một đời!

"Hồi nhập Sa Bà": Chúng sanh trong thế giới này sở dĩ chẳng thể thoát khỏi tam giới là do tình quá nặng, bị tình làm hại. Tình nặng nề, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Đã xuất gia mà vẫn còn vương vấn tục gia, đó là sai lầm lớn nhất! Những nỗi vướng mắc, lo âu ấy đều là *"dấy vọng tưởng"*. Đối với thân nhân, đối với con cháu của quý vị, quý vị có thể giúp đỡ hay không? Giúp chẳng được, chỉ lo lắng suông! Thật sự mong giúp đỡ họ, hãy bảo họ thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thật sự thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người ta vừa thấy bèn nói: "Đó là quyến thuộc của Bồ Tát". Chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần chiếu cố, còn chu đáo hơn chính mình chiếu cố! Há có quyến thuộc của Bồ Tát chẳng được hộ pháp thiện thần chiếu cố? Chẳng có chuyện ấy! Đó là thật sự chiếu cố. [Chính mình] chẳng chiếu cố [người thân] mà thật ra có khá nhiều Phật, Bồ Tát, thiện thần chiếu cố. Bản thân chúng ta một lòng một dạ nghĩ tới họ (người nhà, quyến thuộc), Phật, Bồ Tát cũng chẳng chiếu cố, mà thiện thần cũng chẳng chiếu cố. Không chỉ là chẳng chiếu cố họ, mà ngay cả bản thân ta cũng chẳng có ai chiếu cố. Đó mới là thua thiệt to tát! Kẻ ngu trong thế gian rất nhiều, chẳng hiểu chân tướng sự thật này, thật sự đáng thương!

Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, được sự gia trì thù thắng khôn sánh của A Di Đà Phật, quý vị có thể lập tức trở lại thế giới Sa Bà; khi đó, quý vị có thể chiếu cố người nhà, quyến thuộc. *"Hồi nhập Sa Bà"*, câu này nhằm đặc biệt nói với những chúng sanh nặng tình với thế giới Sa Bà. Thật ra, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tâm khai ý giải, tức là *"đại triệt đại ngộ"* như Thiền Tông thường nói, tâm lượng sẽ khác hẳn hiện tại. Tầm nhìn mở rộng đến hư không pháp giới, nguyên lai, trong mười phương thế giới có khá nhiều người nhà, quyến thuộc của ta, chẳng phải [chỉ vỏn vẹn] mấy người ở chỗ này, quý vị có thể đồng thời giúp đỡ họ.

"Hồi nhập Sa Bà": Trở về thì có lìa khỏi A Di Đà Phật hay không? Chẳng lìa khỏi! A Di Đà Phật ở ngay cạnh quý vị. Thế giới Sa Bà cũng

có quý vị, quý vị hóa thân tới đó. Đến thế giới Tây Phương bèn có năng lực hóa thân trăm ngàn ức giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, tự tại lắm! Trong mười phương thế giới, đối với những người quý vị quen biết, có quan hệ, hoặc là người nhà, quyến thuộc của quý vị, quý vị đều có thể hóa ra vô lượng vô biên thân, đáng nên dùng thân gì để đắc độ [bèn hiện thân ấy], giống hệt như Quán Thế Âm Bồ Tát *"phổ độ chúng sanh"*. Do vậy, câu danh hiệu này là *"vô đẳng đẳng chú"*, quý vị phải nên tin tưởng. Vì lẽ đó, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Sau khi chúng ta đọc đoạn này, mới hiểu: Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Vấn: Chuẩn Đề công đức chí quảng, chí đại, như hà đản trì Phật danh nhi năng thắng bỉ?

(鈔)問：準提功德至廣至大，如何但持佛名而能勝彼。

*(**Sao**: Hỏi: Chú Chuẩn Đề có công đức tột bậc rộng lớn, cớ sao chỉ trì danh hiệu Phật mà có thể trỗi vượt chú ấy?)*

Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, người trì chú Chuẩn Đề rất đông. Quý vị thấy thiền sư Vân Cốc dạy cư sĩ Liễu Phàm, chẳng dạy ông ta niệm Phật, mà dạy ông ta niệm chú Chuẩn Đề. Nêu ra một câu hỏi như thế, vì sao danh hiệu cũng có thể trỗi vượt thần chú Chuẩn Đề?

(Sao) Đáp: Chuẩn Đề nhân địa Bồ Tát, Di Đà quả vị Như Lai, trì Chuẩn Đề ký hữu thần công, niệm Di Đà ninh vô diệu ứng?

(鈔)答：準提因地菩薩，彌陀果位如來，持準提既有神功，念彌陀寧無妙應。

*(**Sao**: Đáp: Chuẩn Đề là Bồ Tát còn đang tu nhân, Di Đà là quả vị Như Lai. Trì chú Chuẩn Đề đã có công đức thần diệu, há lẽ nào Di Đà chẳng có cảm ứng mầu nhiệm?)*

Lời đáp rất hay. Chuẩn Đề Bồ Tát[132] thuộc về Mật Tông. Chuẩn Đề Bồ Tát trong Mật Tông là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, là Bồ Tát còn đang tu nhân, chẳng phải là quả địa Phật.

---

[132] Chuẩn Đề Bồ Tát (Cundhi, thường được dịch là Thanh Tịnh hoặc Minh Giác. Tên Ngài còn được phiên âm là Chuẩn Nê, Tôn Nê, hoặc Tôn Na, nhưng danh xưng Chuẩn Đề phổ biến nhất). Ngài còn có danh xưng Thiên Nhân Trượng Phu Quán

(Sao) Thị cố kinh vân: Trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh hiệu, bất như nhất xưng Quán Thế Âm Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng.

(鈔)是故經云：持六十二億恒河沙菩薩名號，不如一稱觀世音菩薩，其福正等。

*(**Sao**: Vì thế, kinh nói: "Trì danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, chẳng bằng xưng danh hiệu Quán Thế Âm một tiếng, hai phước ấy như nhau").*

Danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Niệm một câu Quán Thế Âm bằng niệm danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa các vị Bồ Tát bình phàm.

(Sao) Hựu vân: Trì vô lượng vô số Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, bất như nhất xưng Địa Tạng Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng, huống Như Lai hồ?

(鈔)又云：持無量無數觀世音菩薩名號，不如一稱地藏菩薩，其福正等，況如來乎。

*(**Sao**: Lại nói: "Trì vô lượng vô số danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Địa Tạng Bồ Tát, hai phước ấy bằng nhau", huống hồ [xưng danh] Như Lai ư?)*

Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu v.v… mật hiệu là Tối Thắng Kim Cang, hoặc Hàng Phục Kim Cang, là một trong sáu tôn Quán Âm chánh yếu của Đông Mật (Thánh Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm và Như Ý Luân Quán Âm). Ngài là bộ mẫu của Liên Hoa Bộ, xuất sanh bảy câu-chi (bảy ức) đức Thế Tôn, nên còn có danh xưng là Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề. Ngài được tạc tượng dưới nhiều hình thức, từ hai tay, bốn tay, cho đến mười tám tay, nhưng hình tượng được thờ phổ biến nhất là mười tám tay (biểu thị mười tám pháp bất cộng). Ngoại trừ hai tay kết ấn Chuẩn Đề đặt trước ngực, các tay còn lại lần lượt cầm các món pháp khí hoặc kết ấn, nếu kể từ dưới lên, bên phải sẽ là kết ấn Thí Vô Úy, trí huệ kiếm, xâu chuỗi, thiên diệu quả (quả báu cõi trời), phủ việt (búa lệnh), thiết câu (móc sắt), kim cang xử, tràng hoa báu. Bên trái lần lượt là tràng báu Như Ý, hoa sen, tháo bình (bình xối để rửa tay), dây quyến sách (thòng lọng), pháp luân, pháp loa (ốc, tù và), hiền bình, rương kinh Bát Nhã. Mỗi món pháp khí đều có ý nghĩa biểu pháp. Chẳng hạn, thiên diệu quả có đến một vạn hạt, biểu thị chủng tử của vạn hạnh thiện pháp thành tựu viên mãn, phủ việt biểu thị sự chẻ tan, phá trừ hết thảy vô minh, chướng ngại, phiền não. Dây quyến sách trói bắt các ác ma, biểu thị sự hàng phục các tâm thái tham, sân, si, mạn của chúng sanh v.v…

Quý vị niệm A Di Đà Phật thì danh hiệu của mười phương ba đời hết thảy chư Phật và danh hiệu của hết thảy Bồ Tát đều được bao gồm trọn hết, chẳng cần dấy vọng tưởng nữa! Niệm một danh hiệu này chính là [tất cả các danh hiệu] thảy đều niệm hết, chẳng sót một [danh hiệu] nào! Quý vị niệm danh hiệu khác thì niệm danh hiệu này, bèn sót danh hiệu kia, bỏ sót quá ư là nhiều! Vì thế, đấy mới là thật sự hiểu rõ danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta gặp gỡ pháp môn này, biết chân tướng sự thật này, đó gọi là thật sự *"đáng mừng rỡ"*.

Đoạn thứ ba tiếp theo đây là *"trì danh hiệu A Di Đà Phật vượt trỗi hết thảy các pháp môn khác"*. Hôm nay, tôi giảng tới chỗ này.

Tập 289

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm mười một.

(Sao) Tam, diệc thắng chư dư công đức giả, lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhi chuyên trì danh hiệu, tắc chủng chủng công đức, nhiếp vô bất tận, dĩ bất xuất nhất tâm cố, như tiền văn trung quảng thuyết.

(鈔)三、亦勝諸餘功德者，六度萬行，法門無量，而專持名號，則種種功德，攝無不盡，以不出一心故，如前文中廣說。

*(**Sao**: Ba, cũng thù thắng hơn các công đức khác. Lục Độ, vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhưng chuyên trì danh hiệu thì các thứ công đức đều được nhiếp trọn chẳng hết, do chẳng ra ngoài nhất tâm, như trong phần kinh văn trước đã nói rộng rãi).*

Đây là Liên Trì đại sư đã chỉ ra cho chúng ta biết chỗ thù thắng chẳng sánh bằng thứ ba của pháp môn Niệm Phật. Trong phần trước đã nói: Điều thù thắng thứ nhất là niệm Phật thù thắng hơn trì chú Vãng Sanh; điều thù thắng thứ hai là nói rõ niệm Phật còn thù thắng hơn trì hết thảy các thần chú, tức là hết thảy các thần chú đều chẳng sánh bằng [danh hiệu Phật]. Nay trong đoạn thứ ba này, đại sư dạy chúng ta: Danh hiệu A Di Đà Phật siêu thắng vô lượng vô biên pháp môn. Không chỉ là các loại pháp môn do Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều chẳng sánh bằng công đức và lợi ích của một câu

thánh hiệu A Di Đà Phật, mà cho đến vô lượng vô biên pháp môn do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã vì hết thảy chúng sanh tuyên thuyết cũng chẳng thể vượt ra ngoài sáu chữ hồng danh này. Vì thế, một câu Phật hiệu thật sự là pháp môn đại tổng trì của hết thảy chư Phật trong tận hư không khắp pháp giới. Khi chúng ta đã [học tập] viên mãn Di Đà Sớ Sao, [do Sớ Sao] đã hiển thị công đức của danh hiệu chẳng còn sót, thật sự giãi bày trọn hết, chúng ta mới nhận biết pháp môn này rõ ràng, mới thật sự hiểu lợi ích do trì danh niệm Phật.

"Lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng", hai câu này bao quát trọn hết tất cả hết thảy các pháp môn, Đại Thừa bao gồm Tiểu Thừa. Lục Độ là tổng cương lãnh của toàn thể pháp Đại Thừa. *"Pháp môn vô lượng"*, vô lượng vô biên pháp môn, Lục Độ vạn hạnh của Bồ Tát bao gồm trọn hết. *"Chuyên trì danh hiệu"*, *"danh hiệu"* là nói về danh tự A Di Đà Phật. Hãy chú trọng một chữ Chuyên, chữ này hết sức trọng yếu. Nay chúng ta chẳng đạt được các thứ lợi ích và công đức của Niệm Phật, vấn đề là đối với chữ Chuyên, chúng ta làm chẳng đủ, thậm chí còn chưa hề làm! Chỉ cần lắng lòng phản tỉnh một phen, sẽ biết điều này, [sẽ nhận thấy: Chẳng đạt được lợi ích và công đức do trì danh] cũng là do *"xen tạp"* như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói. Chúng ta niệm Phật xen tạp quá nhiều thứ, xen tạp vô lượng vô biên pháp thế gian. Vướng mắc, bận tâm là xen tạp, còn xen tạp khá nhiều Phật pháp! Vì thế, công đức và lợi ích của việc trì danh chẳng thể hiển lộ được!

Nếu chúng ta có thể chuyên, bỏ sạch hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chuyên trì danh hiệu, công đức và lợi ích ấy sẽ hết sức rõ rệt. Lại còn trong một thời gian rất ngắn, đã thấy hiệu quả. Ngắn đến mức độ nào? Trong kinh này, đức Phật đã nói: *"Hoặc một ngày, hoặc hai ngày"*, tối đa là bảy ngày liền thấy hiệu quả. Nếu quý vị hỏi: "Thật ư? Có thể ư?" Xác thực là thật, xác thực là có thể. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta đã thấy những tấm gương như vậy, đã thấy sự thật ấy. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ, chớ nên không phản tỉnh sâu xa, vì "xen tạp" và "chẳng chuyên" đã gây tổn hại quá nghiêm trọng.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luân hồi sanh tử trong lục đạo, chẳng thể thoát lìa. Trong cái nhìn của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta thật sự đáng gọi là *"kẻ đáng thương xót"*, mê mẩn trong tam giới lục đạo. Tam giới lục đạo giống như mê cung, đích xác là thời thời khắc khắc mong thoát ra, nhưng chẳng tìm thấy cửa nẻo hoặc đường lối, vĩnh viễn xoay

chuyển trong ấy. Tuy đức Phật đã nói rõ ràng, nói minh bạch, nếu quý vị mong thoát ra, hãy là *"một môn, chuyên tinh"*. Chúng ta nghe lời này đã nhiều, cũng thấy quá nhiều, nhưng chưa hề thực hiện! Nghe nhiều, xem nhiều, mà vẫn giống y hệt như cũ, chẳng khởi tác dụng, chính mình nhất định phải nghiêm túc thực hiện!

Vào thời cổ, chúng ta thấy những gương rõ rệt nhất, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện đều có ghi chép [những tấm gương ấy]. Pháp sư Oánh Kha đời Tống niệm Phật ba ngày bèn vãng sanh, *"nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật"*, chẳng sai! Ba ngày bèn thành công, có thể thấy kinh nói *"từ một ngày cho đến bảy ngày"* chẳng phải là gạt người. Đó là thật sự buông xuống, triệt để buông xuống, nhất tâm chuyên niệm. Thông thường, kẻ bình phàm niệm Phật, từ truyện ký, chúng ta thấy từ nửa năm đến ba năm đại khái đều thành tựu. Vì vậy, trong quá khứ, đã từng có người hỏi tôi, vì họ đọc Vãng Sanh Truyện, [nhận thấy] những người niệm Phật nói chung là niệm ba năm đều vãng sanh, bèn nói: "Cớ sao lại khéo phù hợp như vậy? Chẳng lẽ là họ niệm Phật ba năm, thọ mạng đã hết ư?" Chẳng thể nào có chuyện phù hợp vừa khéo như vậy được! [Họ chất vấn]: "Chẳng có chuyện phù hợp khéo léo như vậy, cớ sao niệm ba năm đều vãng sanh cả rồi?" [Thật ra], do ba năm công phu đã thành tựu, những người ấy có thể vãng sanh. Họ cũng có thể chẳng vãng sanh [ngay lập tức như thế], chúng ta nghĩ: "Hễ có thể chưa vãng sanh, bèn chẳng ra đi". Người ta là hễ có thể vãng sanh, bèn vãng sanh ngay lập tức. Vì sao? Hai thế giới chẳng thể sánh tầy! [Đối với người thật sự niệm Phật], chẳng thể vãng sanh thì đành chịu, chứ thật sự có cách đi gặp Phật [lẽ nào bỏ lỡ cơ hội]. Đối với sự thù thắng trang nghiêm do sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng cần nói chi khác, chỉ nói một chuyện thôi: Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị có năng lực trăm ngàn ức hóa thân, tự tại lắm! Quý vị có năng lực ấy. Do vậy, người ta công phu thành tựu bèn đi ngay lập tức, chẳng muốn trì hoãn thêm một giờ, một khắc nào trong thế giới này!

Phàm những kẻ vẫn chẳng muốn ra đi cho lắm, [nguyên do là vì] vẫn mê hoặc, điên đảo y hệt như cũ, không nỡ lìa khỏi hoàn cảnh xấu ác này, vẫn muốn ở trong cái vò nhuộm để được nhuộm màu thêm vài ngày nữa! Đó là tình huống thật sự của người niệm Phật chẳng có công phu xác thực thành tựu. Đã thành tựu mà vẫn chưa ra đi, vẫn ở lại trong thế gian này, đó là do bi tâm đặc biệt của người ấy. Vì sao có thể vãng sanh mà chưa vãng sanh? Người ấy phải ở lại đây để độ chúng sanh, giúp đỡ

người khác, tiếp dẫn đại chúng. Nhưng tiếp dẫn đại chúng thì phải có duyên, có người thành tựu nào mà chẳng có tâm từ bi? Người đã thành tựu, chính mình có thể vãng sanh, cớ sao chẳng mang thêm mấy người đi vãng sanh? Do chẳng có duyên! Duyên là gì? Tôi khuyên quý vị, quý vị chịu nghe, đó là "có duyên". Tôi khuyên quý vị, quý vị không tin tưởng, tức là chẳng có duyên. Chẳng có duyên thì vãng sanh, chẳng có lý do gì để ở trong thế gian này nữa! Hễ có duyên, người ấy có lý do để ở trong thế gian này thêm mấy năm nữa. Có duyên thì nhất định phải ở lâu hơn. Chẳng có duyên, bèn sớm có ngày gặp Phật, bèn sớm có ngày đến thế giới Tây Phương, thân cận A Di Đà Phật.

Do vậy, hễ chuyên thì chuyên tinh sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta chẳng thể chuyên, tức là chẳng triệt để buông xuống. Chẳng thể triệt để buông xuống là vì còn chưa thể thấy thấu suốt. Nói cách khác, còn chưa hiểu rõ tình huống nơi hai thế giới. Nếu chúng ta hiểu triệt để, rành mạch thế giới Tây Phương và thế giới Sa Bà, sẽ khác hẳn. Triệt để hiểu rõ, quyết định chẳng nhiễm hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Quý vị đã hoàn toàn chứng thực lời đức Phật dạy trong kinh Kim Cang. Đức Phật nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", "hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Quý vị còn có gì chẳng thể buông xuống? Hai câu ấy không chỉ là nói về pháp thế gian, Phật pháp cũng là hư vọng! Kinh Kim Cang chẳng nói: *"Phàm tất cả pháp đều là hư vọng, ngoại trừ Phật pháp"*, chẳng nói kiểu ấy. Hết thảy Phật pháp do đức Phật đã giảng trong thế gian cũng là pháp hữu vi. Vì thế, pháp thế gian và xuất thế gian thảy đều phải buông xuống. Sau khi đã buông xuống, chân tâm hiển lộ. Hễ còn mảy may chưa thể buông xuống, sẽ là chướng ngại, toàn là phiền phức. Chướng ngại gì vậy? Chướng ngại tự tánh, chướng ngại bổn tâm. Học Phật thì mục đích cuối cùng và nguyện vọng lớn nhất là thành Phật. Thành Phật là gì? Minh tâm kiến tánh, tâm tánh hiển lộ viên mãn thì là Phật, là vị Phật rốt ráo viên mãn, hiển lộ viên mãn rốt ráo, trong ấy chẳng có mảy may chướng ngại!

Đại Thừa Phật pháp thường nói: *"Chỉ cần trừ vọng, chẳng cần cầu chân"*. Ý niệm cầu Chân vẫn là vọng niệm, cho nên chẳng cần cầu. Chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, đó là nguyện. Trong công phu hằng ngày, chúng ta chẳng có ý niệm này, thật thà niệm một câu Phật hiệu đến cùng, vì sao quý vị niệm? Niệm để cầu sanh Tịnh Độ! Đừng nên vừa niệm, vừa mong cầu sanh Tịnh Độ. Vừa niệm vừa có chướng ngại trong ấy, cái tâm đó rất khó thanh tịnh. Chúng ta nói là công phu rất khó thành phiến,

chẳng dễ gì đắc nhất tâm bất loạn. Do vậy, phải phân biệt rành rẽ giữa Nguyện và Cầu. Có nguyện, chẳng có cầu, tâm bèn thanh tịnh. Trong Đại Thừa, bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật và nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ Tát thường được quy nạp thành Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng nguyện, là cương lãnh trong đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Có nguyện, chớ nên có cầu, như vậy thì mới có thể thật sự thực hiện lời Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy: *"Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*. Hằng thuận và tùy hỷ đều là tâm thanh tịnh, tùy duyên chứ chẳng phan duyên. Phan duyên là đã khởi tâm động niệm. Tùy duyên thì chẳng khởi tâm, không động niệm, tự nhiên thành tựu.

"Chủng chủng công đức, nhiếp vô bất tận" (Các thứ công đức nhiếp trọn chẳng sót): Các thứ công đức, không chỉ là công đức của vô lượng các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Trên thực tế, nó bao gồm công đức của hết thảy chư Phật Như Lai. Vì sao? *"Dĩ bất xuất nhất tâm cố"* (Do chẳng ra ngoài nhất tâm). Câu này có ý nghĩa rất sâu, lại rất chân thật. Do vậy, mọi người đừng nghĩ: Công đức tu học của chính mình quá ít, đến ngày nào thì mới có thể thành tựu? Thật vậy! Nếu chúng ta đắc nhất tâm, công đức của quý vị là vô lượng vô biên. Vì sao là vô lượng vô biên? Hết thảy chư Phật Như Lai là nhất tâm, quý vị cũng là nhất tâm. Tâm quý vị và tâm hết thảy chư Phật là một cái tâm, quyết định chẳng có phân biệt, chẳng có giới hạn. Quý vị ngẫm xem: Công đức do hết thảy chư Phật đã tu từ vô lượng kiếp đến nay đều biến thành công đức của chính mình. Chuyện là như vậy đó!

Nhưng quý vị phải biết, nếu quý vị đã mê, mê đến tận cùng, tâm của kẻ mê và tâm ta là cùng một cái tâm, tất cả tội nghiệp do kẻ mê gây tạo đều biến thành tội nghiệp của ta. Chư vị ngẫm xem, có phải là đạo lý này hay chăng? Có phải là sự thật này hay chăng? Trong kinh Đại Thừa đã dạy: *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*. Ý nghĩa này sâu rộng lắm! Đó là chân tướng sự thật. Do đó, chúng sanh mới có cộng nghiệp. Quý vị đã giác ngộ, dần dần buông bỏ mê hoặc, ngộ tánh mỗi ngày tăng thêm, quý vị quay đầu, tức là trong cộng nghiệp xuất hiện biệt nghiệp, đạo lý là như thế đó. Do vậy, mê hay ngộ là then chốt thật sự, là then chốt của khổ hay lạc, là then chốt của thăng hay đọa, là then chốt của thánh hay phàm; chúng ta nhất định phải hiểu điều này.

Trong tất cả hết thảy các pháp, quý vị có thể chọn lựa pháp môn Niệm Phật, trong hết thảy các kinh, quý vị chọn lựa kinh A Di Đà. Đó là

thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, rốt ráo giác ngộ, chư Phật Như Lai đều tán thán. Nếu quý vị chẳng tin, hãy xem kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Phu nhân Vi Đề Hy ở trong thế gian này hứng chịu khổ sở, gặp phải tai nạn, mong cầu giải thoát, cầu cứu Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dạy bà ta, chỉ đem tình trạng trong hết thảy các cõi Phật triển hiện cho bà ta trông thấy, giống như chúng ta xem TV trong hiện thời vậy. Đức Phật dùng thần lực, biến hiện các cõi Phật trước mặt để bà ta có thể trông thấy. Sau khi đã xem trọn hết, bà ta chọn lựa thế giới Cực Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật hoan hỷ, vui mừng, bà chọn chẳng sai tí nào! Một vị Phật hoan hỷ, hết thảy chư Phật đều hoan hỷ. Một vị Phật đã tán thán, hết thảy chư Phật đều tán thán, đã chọn lựa đúng rồi! Một niệm giác thật sự chẳng thể nghĩ bàn, thật sự tuyệt diệu. Vì đã luân hồi vô lượng kiếp, đời này quý vị đã chọn đúng pháp môn, quyết định vượt thoát. Lại còn thành Phật viên mãn ngay trong một đời, khó có ngần ấy, thù thắng ngần ấy! Bất cứ pháp môn nào, dẫu quý vị chọn một pháp môn mà quý vị có đủ năng lực để tu học, chẳng thể thành Phật ngay trong một đời. Chư vị ắt phải hiểu điều này!

Mật Tông nói *"nhất sanh thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này) chính là thành Tạng Giáo Phật. Năng lực của vị Phật ấy chẳng khác A La Hán cho mấy! Mọi người đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, [sẽ thấy] Ấn Quang đại sư đã giảng rất rõ ràng. Tổ Ấn Quang là Tây Phương Đại Thế Chí Bồ Tát hóa thân, lời lão nhân gia nói chính là lời Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ. Chúng ta đọc Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm, [sẽ thấy] Ngài thật sự chuyên, chuyên tới cùng cực. Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, Ngài dùng phương pháp gì? Chính là một câu A Di Đà Phật, chuyên đến mức cùng cực. Chúng ta còn phải niệm kinh A Di Đà, Ngài thì ngay cả kinh A Di Đà cũng chẳng cần, chỉ là một câu A Di Đà Phật, từ sơ phát tâm cho đến khi thành Vô Thượng Đạo. Sau khi đã thành Vô Thượng Đạo, đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, Ngài vẫn dùng pháp môn này để tự hành, hóa độ người khác, vĩnh viễn không thay đổi! Từ hết thảy các kinh, chúng ta đã thấy: Lão nhân gia xác thực đúng là bậc nhất. Chuyện này đáng để chúng ta học tập theo, đáng cho chúng ta bắt chước. Chúng ta gặp gỡ bậc thiện tri thức như vậy mà nếu vẫn chẳng tin tưởng, đúng là ngu si đến cùng cực, đúng là Nhất Xiển Đề như kinh đã nói. Nhất Xiển Đề là chẳng có thiện căn. Gặp gỡ bậc đại thiện tri thức như vậy mà vẫn chẳng thể tin nhận, phụng hành!

Do đó, phải hiểu: Ở đây, đã nêu ra lý thuyết căn bản, [tức là] nhất tâm! Nhất tâm bao hàm nghĩa lý sâu rộng vô tận. Chúng ta và Phật có cùng một tâm; chúng ta cùng hết thảy chúng sanh là một tâm. Chúng ta và địa ngục A Tỳ cũng là một tâm. Nhân, duyên, quả của mười pháp giới chẳng có thứ gì không trọn đủ. Quả báo nào sẽ dấy lên hiện hành, xác thực là chẳng phải do người khác quyết định, mà là do chính mình. Tùy thuộc chính quý vị chọn lựa như thế nào. Sự chọn lựa ấy là duyên, nhân bèn được viên mãn. Ở đây, đại sư chẳng nói cặn kẽ ý nghĩa này, nhưng trong các phần trước đã nói quá nhiều.

Hôm nay chúng tôi hết sức hoan hỷ, Sớ Sao giảng lần này là lần thứ ba. Chúng tôi bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 73 (1984), năm nay là năm Dân Quốc 83 (1994) mới viên mãn. Nói thật ra, hoàn toàn chẳng phải là thật sự giảng Sớ Sao mất mười năm, mà là trong mười năm ấy, cứ gián đoạn rồi lại tiếp tục. Thời gian chúng tôi ở trong nước rất ít, thời gian ở ngoại quốc rất dài. Trong thời gian ấy, chúng tôi đã giảng xen lẫn kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh, giảng những kinh luận khác, cuối cùng đến hôm nay, chúng tôi giảng Sớ Sao lần thứ ba viên mãn. Tuy nửa bộ sau chẳng nói cặn kẽ, nếu giảng cặn kẽ, tôi nghĩ có thể giảng đến bốn trăm buổi, nay chúng tôi thấy là hai trăm tám mươi chín buổi giảng, tốt lắm! Giảng lần thứ hai, chúng tôi có băng thâu âm, giảng tới ba trăm ba mươi sáu buổi. Lần thứ ba, đối với nửa bộ sau, tuy chẳng nói cặn kẽ, nhưng kinh nghĩa và tinh hoa đều được nêu ra. Người hiện thời thích tinh giản, chẳng thích rườm rà, cho nên cũng hết sức phù hợp nguyện vọng của mọi người, càng tinh giản càng tốt. Chúng tôi rút gọn thời gian, toàn bộ trọng điểm yếu nghĩa của kinh đều nắm được, đều giữ vững. Trong đoạn khai thị tiếp theo, chúng ta đọc xong, chẳng có ai không cảm động. Liên Trì đại sư đặt niềm kỳ vọng nơi chúng ta, rát miệng buốt lòng khuyên dạy, có thể nào chẳng cảm kích ư?

(Sao) Nguyện tịnh nghiệp đệ tử, chuyên kỳ tín, bất nhị kỳ tâm.

(鈔)願淨業弟子，專其信，不二其心。

*(**Sao**: Nguyện hàng đệ tử tu tập Tịnh Nghiệp, hãy chuyên nhất tín tâm, chớ có hai lòng).*

Tu Tịnh nghiệp có thể thành tựu trong một đời hay không; đây là then chốt: Phải *"chuyên kỳ tín"* (lòng tin chuyên nhất), chớ nên tam tâm nhị ý. Có thể chuyên tín, chuyên nguyện, tự nhiên buông xuống vạn

duyên. Sáng nay, có một vài vị lão bằng hữu đến gặp tôi, hỏi tôi có viết nhật ký hay không, hỏi tôi có đem sự tích tu học và hoằng pháp ghi lại hay chăng, để trong tương lai lưu lại một bộ truyện ký cho người đời sau. Tôi bảo họ: Tôi chẳng có nhật ký, mà cũng chẳng có bút ký. Bất cứ khi nào giảng kinh, giảng xong đều chẳng biết đến nữa. Không chỉ là giảng kinh xong bèn chẳng biết, mà tôi bước xuống bục giảng, cũng không biết là trong một tiếng rưỡi trên bục giảng đã nói những gì! Nhớ những thứ ấy để làm gì? *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, những thứ hư vọng mà còn phải nghiêm túc ghi lại, chúng ta mong đạt công phu thành phiến sẽ khó lắm! Nhưng người thế gian ưa chuộng chuyện này! Do ưa thích chuyện này, nên chẳng ra khỏi tam giới, chẳng vượt thoát luân hồi, chỗ nào cũng chấp trước, mong mỏi biểu hiện thành tích. Chúng ta có thành tích nào? Trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, đó là thành tích. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh, tâm địa sạch làu. Đó là thành tích. Nay tôi nghe nói có chẳng ít người chép lại băng thâu âm của tôi, còn có một số người phát tâm chỉnh lý để trong tương lai in thành sách. Đó là chuyện của họ, chẳng liên can gì đến tôi. Chúng ta phải là tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, sớm có ngày thấy A Di Đà Phật. Trừ chuyện này ra, thế gian này chẳng có gì đáng cho chúng ta mong muốn, chẳng có gì để chúng ta mong cầu.

(Sao) Như kinh vân: "Thiết hữu nhất pháp, quá ư Niết Bàn, diệc sở bất cố".

(鈔)如經云：設有一法，過於涅槃，亦所不顧。

*(**Sao**: Như kinh nói: "Giả sử có một pháp, vượt trỗi Niết Bàn, cũng chẳng đoái hoài").*

Đây là kinh nêu ra một tỷ dụ. Niết Bàn là Phật quả viên mãn rốt ráo. Kinh nói giả thiết, đức Phật nói nếu còn có một pháp môn còn thù thắng hơn cực quả của Như Lai, chúng ta nghe xong sẽ như thế nào? Chúng ta nghe xong vẫn chẳng cần! Chuyên đến mức độ này! Hiện thời, lũ bình phàm chúng ta sai sót ở chỗ này! Người ta bảo quý vị: "Còn có pháp hay hơn pháp Niệm Phật, thành tựu còn nhanh chóng hơn niệm Phật". Tâm bị động ngay lập tức, chẳng cần A Di Đà Phật nữa, theo kẻ đó học pháp môn khác! Gió thổi, cỏ rạp, tín tâm dao động như vậy; kẻ tu học kiểu đó, bất luận tu học pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu. Do vậy, quyết định chẳng lay động. Đức Phật đến khuyên quý vị, Thích

Ca Mâu Ni Phật đến trước mặt quý vị khuyên bảo: "Ta còn có một pháp môn hay hơn pháp môn niệm A Di Đà Phật", chúng ta nghe xong bèn như thế nào? "Cám ơn Thích Ca Mâu Ni Phật, con nay niệm A Di Đà Phật đến cùng, chẳng mong đổi sang pháp môn khác". Phải có tín tâm như vậy thì mới có thể thành công.

(Sao) Thiền Tông tri thức, hữu giáo nhân đản trì thoại đầu, nhất thiết bất tác.

(鈔)禪宗知識，有教人但持話頭，一切不作。

*(**Sao**: Bậc tri thức trong Thiền Tông có vị dạy người khác chỉ giữ câu thoại đầu, chẳng làm hết thảy những chuyện khác).*

Vị đại đức Thiền Tông như vậy chính là thiện tri thức chân chánh. Ngài *"giáo nhân đản trì thoại đầu"* (dạy người khác chỉ trì câu thoại đầu). Các vị phải xem rõ chữ này. Thiền Tông là "tham" thoại đầu; ở đây, chẳng phải là Tham, mà là Trì. *"Trì thoại đầu"* là gì? *"Thoại đầu"* [ở đây] là A Di Đà Phật, *"trì thoại đầu"* là trì danh niệm Phật. Thoại đầu chẳng cần tham, cứ chăm chỉ trì là được rồi. Quý vị thấy chữ chủ yếu [trong câu nói trên đây] là Trì, quý vị thấy chữ ấy rất có ý vị![133] Chẳng cần tham cứu, cứ thật thà niệm Phật là được rồi! Đấy chính là gọi người tham Thiền quay về, bảo họ hãy thật thà niệm Phật. *"Đản trì thoại đầu"* là thật thà niệm Phật. *"Nhất thiết bất tác"*: Chẳng cần tham cứu nữa, chẳng cần tham Thiền, cứ thật thà niệm Phật sẽ thành tựu.

(Sao) Cố tri nguyên nghiệp dư môn giả, thượng đương cải tu Niệm Phật.

(鈔)故知原業餘門者，尚當改修念佛。

*(**Sao**: Vì thế biết kẻ vốn chuyên tu tập các môn khác hãy còn nên đổi sang tu Niệm Phật).*

Đây là nói rõ những vị đại đức thật sự, những vị giác ngộ chân chánh, thật sự hiểu rõ. Nói thật ra, chỉ có một môn này là có thể thành tựu ngay trong một đời. Những pháp môn khác tuy tu tập, chỉ là gieo

---

[133] Trong tu học, người hành Thiền thường được dạy "tham thoại đầu", nhưng ở đây lại nói bậc tri thức trong Thiền Tông dạy hành giả "trì thoại đầu" tức là niệm Phật, nói cách khác, nhà Thiền vẫn dạy hành nhân niệm Phật.

thiện căn mà thôi, mong liễu sanh tử, thoát tam giới ngay trong một đời này sẽ chẳng thể được! Đó gọi là thiện tri thức thật sự. Trước kia, quý vị tham Thiền, niệm chú, trì giới, hay học Giáo, toàn bộ đều khuyên quý vị hãy quay về thật thà niệm Phật, buông xuống những gì đã học trong quá khứ.

"Nguyên nghiệp dư môn giả" (Kẻ vốn chuyên tu tập những pháp môn khác), *"nghiệp"* (業) là tu học. Vốn tu học những pháp môn khác đều *"cải tu Niệm Phật"* (đổi sang tu Niệm Phật). Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ta thấy chuyện này rất nhiều, các vị tổ sư trong Tịnh Tông cũng thị hiện như vậy. Quý vị thấy Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là bậc đại đức trong Thiền Tông, Ngài từ Thiền Tông quay lại chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ, biến thành tổ sư của Tịnh Độ Tông, là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông. Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận, không biết Ngài là vị nào? Từ truyện ký của Ngài, chúng ta thấy Ngài từ tông Thiên Thai quay lại. Ngài học Thiên Thai, đến tuổi già, chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ. Lão nhân gia viết Di Đà Kinh Yếu Giải, cuối sách có một bài Bạt ngắn, trần thuật quá trình Ngài viết Yếu Giải, viết xong trong chín ngày! Tổ Ấn Quang tán thán: *"Dẫu cổ Phật tái lai để viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn tác phẩm này được!"* Đấy là tán thán đến tột đỉnh. Chúng ta biết tổ Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như vậy, Ngẫu Ích đại sư là người nào? Chúng tôi suy đoán: Nếu chẳng phải là A Di Đà Phật, nhất định là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, chẳng thể giải thích hay như vậy! Ý nghĩa trong kinh Di Đà đều được Ngài chỉ ra, chú giải hoàn toàn chẳng dài, đơn giản, trọng yếu, ngắn gọn, thế mà ý nghĩa của từng câu, từng chữ trong kinh đều được chỉ ra, xác thực là chẳng dễ dàng! Vì thế, chúng tôi nói: Trong các bản chú giải kinh Di Đà qua các thời đại, Yếu Giải xác thực là bậc nhất.

Liên Trì đại sư là thầy của Ngẫu Ích đại sư, nhưng Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư chẳng hề gặp mặt. Ngài Ngẫu Ích kính ngưỡng, hâm mộ tổ Liên Trì. Ngẫu Ích đại sư tu học pháp môn Tịnh Độ, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, Tổ đọc sách của Liên Trì đại sư, tự mình phát nguyện làm học trò của Liên Trì đại sư, làm tư thục đệ tử. Có thể thấy là Ngài ngưỡng mộ Liên Trì đại sư, nhất định là Ngài đọc rất nhuần nhuyễn Sớ Sao và Diễn Nghĩa, tuyệt đối không chỉ là đọc một lần. Vì thế, Ngài tán thán Sớ Sao *"rộng lớn, tinh vi, sâu xa"*. Đúng như vậy đó! Khuyên người khác hồi tâm chuyển ý, chuyên tin Tịnh Tông, chuyên tu Tịnh

Tông thì Sớ Sao hay lắm, Sớ Sao giảng giải mọi khía cạnh. Nếu đã tin tưởng Tịnh Độ, hy vọng quyết định được vãng sanh ngay trong một đời này, Yếu Giải hay lắm. Sách Yếu Giải đơn giản, trọng yếu, ngắn gọn, giúp quý vị quyết định được vãng sanh ngay trong một đời này. Đó là chỗ khác biệt giữa Sớ Sao và Yếu Giải.

(Sao) Hà huống nguyên niệm Phật nhân, nãi biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng, tâm hoài nhị lộ, chí bất quy nhất, vân hà tam-muội, nhi đắc thành tựu?

(鈔)何況原念佛人，乃變其所守，而復他尚，心懷二路，志不歸一，云何三昧，而得成就？

*(**Sao**: Huống hồ kẻ vốn niệm Phật, lại thay đổi điều vâng giữ, lại noi theo pháp khác, lòng ôm ấp hai nẻo, chí chẳng quy nhất, làm sao thành tựu tam-muội cho được?)*

Mấy câu ở đây đã [vạch ra] điều đáng kiêng dè nhất của người niệm Phật. Vì sao niệm Phật chẳng thể đắc công phu thành phiến? Vì sao chẳng thể đạt được cái tâm thanh tịnh? Vì sao chẳng thể vãng sanh? Ở đây, đại sư bằng một lời đã nói toạc ra. Chúng ta phải thường ghi nhớ trong tâm, phải thường dùng điều này để phản tỉnh, kiểm điểm. Nếu chúng ta phạm phải khuyết điểm này, niệm Phật sẽ chẳng có hy vọng vãng sanh! Người ta học pháp môn khác, đến cuối cùng còn buông xuống, quay về chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta vốn niệm A Di Đà Phật, nghe người khác nói nhăng nhít mấy câu, bèn vứt bỏ chuyện niệm Phật của chính mình để hành pháp môn khác. Sai mất rồi! Lầm lẫn quá đỗi! Đó là *"tâm hoài nhị lộ, chí bất quy nhất"* (tâm ôm ấp hai đường, chí chẳng quy nhất). Huống hồ người hiện thời không chỉ là *"tâm hoài nhị lộ"*! Trong tâm có đến mười con đường, tám con đường, trăm con đường, ngàn con đường, [là chuyện] thường thấy, "hai con đường" kể ra còn khá lắm! Nhưng quý vị phải hiểu, hai con đường thì cũng chẳng thể thành tựu, huống chi nhiều? Điều này nhằm nói rõ: Nếu chúng ta thật sự mong vãng sanh trong một đời này, thật sự mong vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, nhất định là phải y giáo phụng hành.

Còn có một hạng người ăn nói thoạt nghe cũng rất có đạo lý, họ nói như thế nào? Họ nói như thế này: "Người niệm Phật đúng là chẳng có một tí cảm tình nào! Người nhà, quyến thuộc, con cái đều chẳng cần đến. Cứ nhất tâm niệm A Di Đà Phật vãng sanh, quá ích kỷ, quá lạnh

lùng, tàn khốc!" Nghe ra cũng rất có đạo lý, thật ra là "dường như đúng, nhưng hoàn toàn sai bét!" Chúng ta ở trong tam giới lục đạo bị nghiệp lực làm chủ tể, bản thân còn khó giữ gìn, quý vị có thể giữ nổi người nhà, quyến thuộc, con cháu hay không? Quý vị có thể chiếu cố họ được chăng? Oan uổng dụng tâm, chẳng có năng lực! Quý vị thường ghim trong lòng, bất quá là một đống phiền não to đùng mà thôi, chắc chắn là chẳng thể giải quyết vấn đề. Do đó, cách nghĩ và cách nhìn của họ đã sai bét, chẳng thấy sự thật!

Chuyên tâm niệm Phật, nhất tâm cầu vãng sanh, từ nhà quý vị nẩy sanh một vị Bồ Tát, hoặc sanh ra một vị Phật, trong Phật môn thường nói *"một đứa con thành Phật, tổ tiên chín đời sanh lên trời"*. Do vậy, người nhà, quyến thuộc của quý vị được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, có long thiên thiện thần chiếu cố. Bản thân chúng ta mong chiếu cố họ, chẳng thể chiếu cố nổi! Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp thật sự có thể chiếu cố, người thế gian không hiểu điều này. Người thế gian ngu si, chẳng trông thấy! Chúng ta thường nghe những lời ấy, trong tâm hiểu rõ, chẳng bị họ lay động. Họ chỉ thấy một mặt, chẳng thấy mặt khác. Một người tu hành có thành tựu, cả nhà, cả họ sẽ được hưởng phước của người ấy. Từ xưa đến nay, nếu chư vị quan sát cặn kẽ, sẽ thấy đấy là sự thật, quý vị đều có thể chính mắt trông thấy.

Chúng tôi nêu ra một thí dụ nông cạn, dễ hiểu nhất. Trong Niệm Phật Luận, Đàm Hư đại sư có nói tới chuyện vãng sanh của vị nữ cư sĩ họ Trương thuộc chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo. Bà ta có hai đứa con nhỏ, đứa lớn mới mười tuổi, đứa nhỏ đương nhiên càng bé hơn. Bà có chồng, cuộc sống hết sức kham khổ. Vào thời đó, chồng bà là phu kéo xe, làm việc ở bến tàu. Mỗi ngày nhọc nhằn kiếm được một chút tiền để cả nhà sống qua một ngày. Ngày nào chẳng đi làm, ngày ấy chẳng có cơm ăn. Sống cuộc đời khổ sở như vậy. Bà ta học Phật, tham dự hội Niệm Phật ở chùa Trạm Sơn, mỗi tuần đều đến tham dự. Gia cảnh nghèo khổ như vậy, trong Niệm Phật Đường, đương nhiên cũng chẳng có ai coi trọng bà ta. Bà làm tạp vụ trong Niệm Phật Đường, rửa chén trong nhà bếp, làm việc này. Quý vị thấy bà ta niệm Phật thành công, vãng sanh tự tại lắm, tiêu sái lắm! Biết trước lúc mất, ngồi vãng sanh. Trước khi vãng sanh mấy tiếng đồng hồ, còn dặn dò chồng, giao phó mấy đứa con thơ. Bà ta vãng sanh, thật sự buông xuống. Con còn thơ bé dường ấy mà vãng sanh, có phải là nhẫn tâm hay không? Bà ta ra đi như thế, vãng sanh trong tình hình ấy, các vị ngẫm xem, các đồng tu thuộc Niệm Phật Đường tại chùa

Trạm Sơn có ai chẳng chiếu cố các con của bà? Con bà ta ngay lập tức có phước báo, đó gọi là thật sự chiếu cố. Thấy mẹ của mấy đứa trẻ ấy niệm Phật thành tựu như vậy, chẳng có một ai không hoan hỷ, chẳng có ai không tận tâm tận lực giúp đỡ, chiếu cố bà ta. Đấy là thật sự thông minh, thật sự có trí huệ, thật sự có thể chiếu cố gia đình, chiếu cố con cái. Vì thế, chí hướng chuyên nhất hết sức trọng yếu. Chí chẳng chuyên nhất, tam tâm nhị ý, chẳng thể thành tựu Niệm Phật tam-muội.

"Niệm Phật tam-muội" là nói chung; Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn, và công phu thành phiến, đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Trong Niệm Phật tam-muội, công phu có cạn hay sâu sai khác. Nông cạn nhất là công phu thành phiến; có thể niệm đến thành phiến, chắc chắn vãng sanh, nắm chắc vãng sanh. Theo như chúng tôi thấy, rất nhiều người biết trước lúc mất, ra đi rất tự tại, lìa thoát [Sa Bà] rất tiêu sái, đứng mất, ngồi mất. Nếu quý vị hỏi: Rốt cuộc họ niệm đến mức độ công phu nào? Chín mươi chín phần trăm là công phu thành phiến. Công phu thành phiến loại giỏi, nếu chúng ta chia công phu thành phiến thành chín phẩm, ba phẩm thượng có thể đạt tới sanh tử tự tại. *"Tự tại"* là muốn đi khi nào bèn vãng sanh khi ấy, muốn trụ thêm trong thế gian này bao nhiêu năm nữa, quyết định chẳng bị trở ngại. Chuyện này chẳng phải là đã đạt nhất tâm bất loạn; [đã đạt] nhất tâm bất loạn thì đương nhiên là càng tự tại. Công phu thành phiến bèn có thể đạt tới cảnh giới này, cho thấy mỗi người chúng ta đều có thể làm được chuyện này. Nếu nói "nhất tâm bất loạn" thì chẳng phải là mỗi người chúng ta đều có thể làm được. Công phu thành phiến thì ai nấy đều có thể làm được. Đó gọi là *"vạn người tu, vạn người đến"*. Nếu chẳng chiếu theo phương pháp này, chúng ta nửa tin, nửa ngờ, có lúc niệm Phật, có lúc trì chú, có khi lại tu những pháp môn khác, suốt một đời này chỉ gieo một tí thiện căn nơi Phật môn, chẳng thể khởi tác dụng.

(Sao) Trực chí vô thường, không vô sở hoạch.

(鈔)直至無常，空無所獲。

*(**Sao**: Thẳng cho đến khi vô thường, trắng tay, chẳng đạt được gì).*

"Vô thường" là đến ngày chết. Mãi cho đến lúc chết, quý vị chẳng đạt được gì! Nói cách khác, cuộc đời quý vị vẫn bị nghiệp lực chi phối y như cũ. Sanh tử có mạng, đại hạn xảy đến, vẫn y như cũ lưu chuyển theo nghiệp lực. Đó gọi là *"không vô sở hoạch"* (trắng tay, chẳng đạt được gì).

(Sao) Võng tư kỷ quá, phản khởi báng ngôn. Ô hô mậu tai!

(鈔)罔思己過，反起謗言，嗚呼謬哉。

*(**Sao**: Chẳng nghĩ đến lỗi mình, ngược ngạo thốt lời phỉ báng. Ôi chao, lầm lạc thay!)*

Đại sư cảm thán, người niệm Phật ấy đến lúc lâm chung, vua Diêm La sai tiểu quỷ đến bắt, người ấy vẫn chẳng phục, vẫn báng bổ Phật: "Các ngươi coi đó! Ta suốt đời làm chuyện tốt, luôn niệm Phật, [thế mà] chẳng thể vãng sanh, vẫn phải đến chầu Diêm Vương. Phật lừa ta, kinh pháp chẳng linh", báng Phật, báng Pháp! Kẻ ấy chẳng biết chính mình tu học chẳng đúng lý, đúng pháp, tạo thành khuyết điểm, vẫn cứ báng Phật, báng Pháp, tội càng thêm tội!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh không, thị bạt nghiệp chướng nghĩa; tự tánh hữu, thị đà la ni nghĩa; tự tánh bất hữu bất không, thị sanh Tịnh Độ nghĩa.

(Diễn) Tự tánh Không, tức Không Như Lai Tạng. Sở vị "nhất không, nhất thiết không". Vô Giả, vô Trung, vô bất không dã. Tự tánh Hữu, tức bất không Như Lai Tạng. Sở vị "nhất giả, nhất thiết giả". Vô Không, vô Trung, vô bất Giả dã. Tự tánh bất hữu, bất không, tức không bất không Như Lai Tạng. Sở vị "nhất trung, nhất thiết trung". Vô Không, vô Giả, vô bất Trung dã.

(疏)稱理，則自性空，是拔業障義；自性有，是陀羅尼義；自性不有不空，是生淨土義。

(演)自性空。即空如來藏。所謂一空一切空。無假無中無不空也。自性有。即不空如來藏。所謂一假一切假。無空無中無不假也。自性不有不空。即空不空如來藏。所謂一中一切中。無空無假無不中也。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh Không là ý nghĩa dẹp trừ nghiệp chướng, tự tánh Hữu là ý nghĩa đà la ni. Tự tánh chẳng Có, chẳng Không là ý nghĩa sanh Tịnh Độ.*

***Diễn**: Tự Tánh Không, tức Như Lai Tạng cũng là Không. Đó gọi là "một thứ là Không, hết thảy đều là Không". Chẳng có Giả và chẳng có Trung thì cũng chẳng có cái "chẳng phải là Không". Tự Tánh Hữu tức là Như Lai Tạng chẳng phải là Không. Đó gọi là "một thứ là Giả,*

hết thảy đều là Giả". Chẳng có Không và chẳng có Trung thì cũng chẳng có "chẳng phải là Giả". Tự Tánh chẳng Có, chẳng Không, chính là Như Lai Tạng không mà chẳng không, đó gọi là "một thứ là Trung, hết thảy đều là Trung". Chẳng có Không, chẳng có Giả thì chẳng có "không phải là Trung").

Mấy câu này nói hết sức viên mãn. Tự tánh xác thực là Không. Nói cách khác, trong Chân Như bản tánh, lấy đâu ra nghiệp chướng? Có thể thấy là nghiệp chướng vốn là Vô. Vốn là vô, nhất định là có thể dẹp trừ, nhất định là có thể đoạn sạch. Tự tánh là Có thì quyết định có thể chứng đắc. Đà la ni là Tổng Trì, pháp môn Đại Tổng Trì của hết thảy chư Phật Như Lai là gì? Chính là câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, chúng ta quyết định có thể chứng đắc. Không là nói theo Thể, Có là nói theo Tướng; "chẳng phải Có, chẳng phải Không" là nói theo Dụng. Nói theo Dụng, há có lẽ nào chẳng sanh Tịnh Độ? Đoạn Sao dưới đây đã dùng ý nghĩa của Thiền Tông để nói.

(Sao) Mịch tâm liễu bất khả đắc, nhất thiết nghiệp chướng, thùy vi căn bản?

(Diễn) Mịch tâm liễu bất khả đắc giả, Nhị Tổ tham Sơ Tổ, thời đương long Đông, tích tuyết chí tất, kiên lập bất động. Sơ Tổ vấn dục cầu hà sự? Nhị Tổ viết: "Khất sư vị ngã an tâm". Sơ Tổ viết: "Tương tâm lai, vị nhữ an". Nhị Tổ vân: "Mịch tâm liễu bất khả đắc". Cái dĩ đắc tâm không, dĩ đáo giác tâm sơ khởi, tâm vô sơ tướng địa vị dã.

(鈔)覓心了不可得，一切業障，誰為根本？

(演)覓心了不可得者。二祖參初祖。時當隆冬。積雪至膝。堅立不動。初祖問欲求何事。二祖曰。乞師為我安心。初祖曰。將心來為汝安。二祖云。覓心了不可得。蓋已得心空。已到覺心初起。心無初相地位也。

*(**Sao**: Tìm tâm trọn chẳng thể được, căn bản của hết thảy nghiệp chướng là gì?*

***Diễn**: "Tìm tâm trọn chẳng thể được": Nhị Tổ tham yết Sơ Tổ, nhằm lúc trời đang giữa Đông, tuyết ngập đến gối, [Nhị Tổ] đứng vững, bất động. Sơ Tổ hỏi: "Muốn cầu chuyện gì?" Nhị Tổ thưa: "Xin thầy an cái tâm cho con". Sơ Tổ bảo: "Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an cho ông". Nhị Tổ thưa: "Tìm tâm trọn chẳng thể được". Do vậy đã được*

tâm không, đã đạt đến địa vị giác tâm mới dấy lên, tâm chẳng có tướng ban đầu).

"Tâm" chính là ba tâm như kinh Kim Cang đã nói, tức là quá khứ tâm, hiện tại tâm và vị lai tâm. *"Tam tâm bất khả đắc"* (Ba tâm trọn chẳng thể được), lấy đâu ra nghiệp chướng? Thật vậy! Nay vì sao có nghiệp chướng? Quý vị hiểu lầm, dấy vọng tưởng trong ấy, cứ ngỡ ba tâm thật sự có thể đạt được, tưởng ba tâm thật sự có! Đó chính là mê hoặc, điên đảo, tạo thành nghiệp chướng. Ba tâm xác thực là chẳng có. Do vậy có thể biết: Nghiệp chướng giống như mây trôi, chẳng phải là thực tại. Nhưng khi quý vị mê, nó khởi tác dụng, mây trôi thật sự che khuất mặt trời, xác thực là đã mê mờ bản tánh. Một niệm giác, nghiệp chướng bèn rỗng không, nghiệp chướng chẳng còn nữa. Một niệm mê, nghiệp chướng bèn hiện tiền. Chân tâm tự tánh, một niệm giác, chân tâm tự tánh là có. Một niệm mê, chân tâm tự tánh vẫn có, nó chẳng thuộc về mê hay ngộ. Nghiệp chướng thuộc về mê ngộ, khi mê thì có, lúc ngộ chẳng có. Vì thế, nó là giả, chẳng phải là thật. Ở đây, đại sư hỏi một câu: Gì là căn bản?

(Sao) Tức tâm vô sở bất cụ, nhất thiết công đức, hà phất tổng trì?

(Diễn) Tức tâm vô sở bất cụ giả, sở vị tự thể hữu đại trí huệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố. Tự tánh thanh tịnh nghĩa cố, thường lạc ngã tịnh nghĩa cố, thanh lương bất biến tự tại nghĩa cố, cụ túc như thị quá ư Hằng sa bất tư nghị Phật pháp, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiểu nghĩa cố, danh vi Pháp Thân Như Lai chi Tạng dã.

(鈔)即心無所不具，一切功德，何弗總持？

(演)即心無所不具者。所謂自體有大智慧光明義故。遍照法界義故。真實識知義故。自性清淨義故。常樂我淨義故。清涼不變自在義故。具足如是過於恒沙不思議佛法。乃至滿足無有所少義故。名為法身如來之藏也。

*(**Sao**: Tâm không gì chẳng trọn đủ, hết thảy công đức có gì chẳng được tổng trì?*

***Diễn**: "Tâm không gì chẳng trọn đủ" nghĩa là nói tới ý nghĩa tự thể có quang minh đại trí huệ, ý nghĩa chiếu khắp pháp giới, ý nghĩa chân thật hay biết, ý nghĩa tự tánh thanh tịnh, ý nghĩa thường, lạc, ngã,*

tịnh, ý nghĩa trong mát, chẳng biến đổi, tự tại, có chẳng thể nghĩ bàn Phật pháp vượt trỗi số cát trong sông Hằng như thế, cho đến trọn đủ, chẳng có nghĩa nào thiếu sót. Đó gọi là Pháp Thân Như Lai Tạng).

Đây là nói tự tánh chẳng có hình tướng. Khi nó khởi tác dụng, bèn có thể hiện hết thảy tướng. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do chân tâm bản tánh biến hiện. Các nhà khoa học hiện thời nói rất hay: Hết thảy các tướng đều là hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động là chẳng thật, là giả, giống như kinh Kim Cang đã nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, ý nghĩa hết sức gần gũi. Các nhà khoa học đã nhìn thấy chân tướng sự thật này, [các tướng] là giả, chẳng thật, về căn bản là chẳng tồn tại. Vì thế, tướng là huyễn hóa, là huyễn tướng, chẳng phải là chân tướng. Mười pháp giới là do mức độ mê hay ngộ sai biệt khác nhau mà biến hiện cảnh giới bất đồng. Mê ít, ngộ nhiều, bèn hiện ra tứ thánh pháp giới. Mê nhiều, giác ít, bèn hiện ra lục phàm pháp giới. Hoàn toàn là mê, chẳng giác thì là A Tỳ địa ngục pháp giới. *"Tức tâm vô sở bất cụ"* (Tâm không gì chẳng trọn đủ): Bổn tâm vốn sẵn trọn đủ mười pháp giới, do mê hay ngộ mà hiện. *"Nhất thiết công đức"*: Trên từ chư Phật cho tới dưới là ác đạo chúng sanh đều được bao gồm. Đó là Tổng Trì.

(Sao) Đương tổng trì nhi bất lập tiêm trần.
(鈔)當總持而不立纖塵。
*(**Sao**: Trong tổng trì chẳng lập một mảy trần).*

Điểm này chính là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong sự tu dưỡng của chúng ta, vì chúng ta hiểu sự thật là *"Tướng có, Thể không"*. Thể là Không, Tâm Kinh bảo là Sắc Không, *"Sắc hữu, Tánh không"* (Sắc có, Tánh không). Do vậy, có thể thọ dụng, chứ chẳng thể chiếm hữu, cũng có nghĩa là "chớ nên chấp trước". Thọ dụng: Chư Phật, Bồ Tát thọ dụng rất tự tại! Do chẳng có chấp trước, cho nên các Ngài tự tại. Nay chúng ta đối với sự thọ dụng bèn khởi chấp trước, khuyết điểm ở chỗ chấp trước, chẳng phải là nói thọ dụng [có khuyết điểm]. Có thể thọ dụng, cái đáng sợ là chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc"*. Có thể thấy: Chớ nên có vọng tưởng, chớ nên có chấp trước. Vậy thì trong mười pháp giới, quý vị sẽ thọ dụng

tự tại, giống như chư Phật, Bồ Tát du hý thần thông trong chín pháp giới, rộng độ chúng sanh.

(Sao) Hữu thị tức Không chi hữu.
(鈔)有是即空之有。
*(**Sao**: Hữu là cái Có chính là Không).*

Hữu là Không.

(Sao) Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp.
(鈔)無根本而出生萬法。
*(**Sao**: Chẳng có căn bản mà sanh ra vạn pháp).*

Chẳng có căn bản. Hết thảy vạn pháp *"pháp nhĩ tự nhiên"* (pháp tự nhiên là như vậy) biến hiện ra, chẳng cần phải truy cứu. Truy cứu chẳng ra! Chỉ có từ trong cảnh Định rất sâu, vừa nhìn bèn hiểu rõ ngay, tuyệt đối chẳng phải là do nghiên cứu, thăm dò mà có thể lần mò tìm được chân tướng. Làm như vậy, vĩnh viễn chẳng tìm thấy chân tướng. Nhất định là phải từ công phu định lực, tâm thanh tịnh, cảnh giới ấy bèn hiển lộ rành mạch, rõ ràng!

(Sao) Không thị tức Hữu chi không.
(鈔)空是即有之空。
*(**Sao**: Không là cái Không chính là Có).*

"Không" chẳng phải là Ngoan Không (cái Không trơ trơ). Không chẳng phải là Vô, chẳng phải là thứ gì cũng đều chẳng có, mà là *"tức Hữu chi Không"* (cái Không chính là Có).

(Sao) Tức Hữu tắc Bất Không, tức Không tắc Bất Hữu, Bất Không Bất Hữu, duy thị nhất tâm, bất việt nhất tâm, thị danh Tịnh Độ.

(Diễn) Đương tổng trì nhi bất lập tiêm trần giả, Diệu Hữu tức thị Chân Không dã. Cố Hữu thị tức Không chi hữu. Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp giả. Chân Không tức thị Diệu Hữu dã. Cố Không thị tức Hữu chi không. Tức Hữu tắc Bất Không, thị như thật Bất Không dã. Tức Không tắc Bất Hữu, thị như thật Không dã. Nhi như thật Bất Không, dữ như thật Không, bất ly nhất Chân Như tâm, nhi

nhất Chân Như tâm, chánh thị Tịch Quang Tịnh Độ. Cố viết duy thị nhất tâm, thị danh Tịnh Độ.

(鈔)即有則不空，即空則不有，不空不有，惟是一心，不越一心，是名淨土。

(演)當總持而不立纖塵者。妙有即是真空也。故有是即空之有。無根本而出生萬法者。真空即是妙有也。故空是即有之空。即有則不空。是如實不空也。即空則不有。是如實空也。而如實不空。與如實空。不離一真如心。而一真如心。正是寂光淨土。故曰唯是一心。是名淨土。

*(**Sao**: Tức là Có thì chẳng phải là Không, chính là Không thì chẳng phải Có, chẳng phải Có, chẳng phải Không, chỉ là nhất tâm, chẳng ra ngoài nhất tâm, bèn gọi là Tịnh Độ.*

***Diễn**: "Trong tổng trì chẳng lập mảy trần": Diệu Hữu chính là Chân Không. Vì thế, Hữu chính là "cái Hữu tức là Không". "Vô căn bản mà xuất sanh vạn pháp": Chân Không chính là Diệu Hữu. Vì thế, Không chính là "cái Không tức là Có". "Hữu chính là chẳng Không" là như thật Bất Không. "Không chính là chẳng Có" là như thật Không. Nhưng Như Thật Bất Không và Như Thật Không đều chẳng lìa khỏi một tâm Chân Như, cái tâm Chân Như chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Vì thế nói "chỉ là nhất tâm, gọi là Tịnh Độ").*

Trưởng giả Duy Ma bảo chúng ta: *"Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh"*. Đoạn này có thể dùng để giải thích câu kinh văn ấy, [tức câu] *"tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh"* là gì, ý nghĩa bèn hết sức viên mãn. Chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, lập tức đối với chính mình và hoàn cảnh sống của chính mình, quan niệm ngay lập tức thay đổi. "*Quan*" là cách nhìn, *"niệm"* là cách nghĩ. Cách nhìn và cách nghĩ của chúng ta ngay lập tức thay đổi, bèn nhập Phật tri Phật kiến. Cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta hoàn toàn tương đồng với Phật và các vị đại Bồ Tát, đó gọi là *"nhập Phật tri kiến"*. Chớ nên xem nhẹ kinh Di Đà, cảnh giới cao nhất của Thiền Tông là *"nhập Phật tri kiến"*. Kinh Pháp Hoa nói rõ ràng hơn: *"Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến"* (Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật), chẳng thuận tiện như kinh Di Đà. Chẳng dễ dàng như câu Phật hiệu! Đối với câu Phật hiệu này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*. Hễ tâm khai, bèn nhập Phật tri kiến.

Ba hàng cuối của lời Sao văn tự không nhiều, nghĩa lý đúng là rốt ráo viên mãn, càng đọc càng có ý vị, càng thấu hiểu, càng chân thật, có thể giúp chúng ta thành tựu Niệm Phật tam-muội trong một thời gian ngắn ngủi. Vì thế, ba hàng này cần phải đọc mấy lượt, tham cứu tường tận. Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa giảng lần thứ ba đến đây đã viên mãn, cảm ơn chư vị đồng tu.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa
Trọn Bộ

(Hoàn thành cảo bản ngày 24 tháng 05 năm 2015)
Tái giảo duyệt lần thứ nhất ngày 16 tháng 12 năm 2015

"Hoan nghênh ấn tống - công đức vô lượng"

Thay lời tri ân và hồi hướng

Kể từ khi khởi sự chuyển ngữ phần thứ nhất của bài giảng này vào tháng 11 năm 2011, đến nay đã gần bốn năm, chúng con mới chuyển ngữ xong bộ Di Đà Sớ Sao Diễn Nghĩa này tuy nguyên tác chỉ gồm 289 buổi giảng. Trong gần suốt bốn năm ấy, các liên hữu Minh Tiến, Đức Phong, Huệ Trang, Trịnh Lộc, và Vạn Từ đã không tiếc công phí sức giảo duyệt, góp ý sửa chữa, nhất là sư huynh Đức Phong đã tốn rất nhiều công sức trình bày, ấn tống và lưu thông. Cũng xin chân thành cảm tạ những đạo hữu gần xa đã khích lệ chúng con có đủ quyết tâm thực hiện công việc này. Nhìn lại bản dịch, chúng con hết sức hổ thẹn vì thế học lẫn đạo học đều quá kém cỏi, không thể chuyển ngữ lưu loát, mạch lạc, nêu bật văn phong trang trọng, ưu nhã của Tổ, chẳng thể diễn giải trong sáng, rõ ràng những diệu nghĩa do Tổ chỉ dạy, cũng như chẳng thể hiện được phong cách giảng giải rất độc đáo của Hòa Thượng Tịnh Không. Do sự ngu độn của chính mình, chẳng biết đã có bao nhiêu ý nghĩa đã bị hiểu lầm, dịch sai, đến nỗi hoàn toàn tương phản với ý tổ, ý thầy. Chắc chắn là công chẳng được mấy, tội lỗi vô biên. Chúng con chân thành sám hối, ngưỡng mong sẽ có bậc cao minh thương xót phủ chính. Nhất là khi đọc đến phần cuối của bài giảng, Hòa Thượng có nói việc phiên dịch kinh sách không chỉ là một vài người có thể thực hiện được, càng thêm hổ thẹn, đau xót muôn phần. Chỉ xuất phát từ lòng tham pháp, tiếc pháp, mong muốn chia sẻ phần nào pháp nhũ mà chúng con liều lĩnh làm chuyện quá phận này. Chỉ mong dịch phẩm thô vụng này có thể giúp đỡ các đồng tu lãnh hội phần nào diệu nghĩa Tịnh Độ và dốc lòng trân quý bảo điển A Di Đà Kinh. Nếu việc làm liều lĩnh, quá phận này có chút công đức nào, đều xin hồi hướng về thầy, tổ, quá khứ hiện tại sư trưởng, phụ mẫu, lịch đại tổ tiên, các vị thiện hữu Đức Phong, Minh Tiến, Huệ Trang, Trịnh Lộc, Vạn Từ, các đồng tu niệm Phật khắp mười phương pháp giới, hết thảy hữu tình chúng sanh đều cùng được ân triêm Phật quang, phiền não tiêu trừ, cùng hội ngộ nơi An Dưỡng Quốc.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu, hòa-nam bái bạch.